BÌNH GIẢNG LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 6 (pgs 574-679)

Michael D. Robbins

TCF 567- 574: S6S1

27 September – 11 October 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

2. The Laws of Thought.

There are three great laws, that we might term the fundamental laws of the cosmos, of that greater system (recognised by all astronomers), of which we form a part, and **seven laws inherent in the solar system.**

1. It is always difficult to know exactly what Master DK means by "cosmos". Sometimes it seems as if He is speaking of our relatively 'local' cosmic system. At other times, He seems to suggest "all stars and starry systems".

The wheel of the universe, or the sumtotal of all stars and starry systems. (TCF 1085)

2. In any case, the term "cosmos" *always* refers to that which lies beyond our solar system.

27 Tháng Chín – 11 Tháng Mười 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

2. Các Định luật của Tư tưởng.

Có ba định luật lớn, mà chúng ta có thể gọi là những định luật căn bản của vũ trụ, của hệ thống lớn hơn ấy (được mọi nhà thiên văn học công nhận), mà chúng ta tạo thành một phần trong đó, và **bảy định luật cố hữu trong hệ mặt trời.**

1. Luôn luôn khó biết chính xác Chân sư DK muốn nói gì qua từ "vũ trụ". Đôi khi dường như Ngài đang nói về hệ thống vũ trụ tương đối 'địa phương' của chúng ta. Vào những lúc khác, dường như Ngài gợi ý "mọi ngôi sao và các hệ sao".

Bánh xe của vũ trụ, hay tổng thể của mọi ngôi sao và các hệ sao. (TCF 1085)

2. Dù sao đi nữa, thuật ngữ "vũ trụ" *luôn luôn* chỉ về điều nằm vượt ra ngoài hệ mặt trời của chúng ta.

3. In any case the three cosmic laws usually referenced are:

a. The Law of Synthesis

b. The Law of Attraction

c. The Law of Economy

These seven we might consider secondary laws, though, from the standpoint of humanity, they appear as major ones.

4. It is only natural that, from the human standpoint, these systemic laws be considered major laws. They are applicable to all planets in our solar system and, as human beings, we have not even attained planetary consciousness.

a. Three Cosmic Laws. The first of the cosmic laws is the *Law of Synthesis.* It is almost impossible for those of us who have not the buddhic faculty in any way developed, to comprehend the scope of this law.

5. We are to understand that the buddhic plane is the first of the synthetic planes. The planet Neptune rules the buddhic plane and it is a planet of synthesis, eliminating boundaries and fusing all things together.

6. Saturn, Neptune and Uranus are the "three synthesizing planets", but the highest sub-plane of the mental plane (associated in part with Saturn) is not yet considered a plane of synthesis, though it is a plane of encompassing abstract comprehension.

3. Dù sao đi nữa, ba định luật vũ trụ thường được nhắc đến là:

a. Định luật Tổng Hợp

b. Định luật Hấp Dẫn

c. Định luật Tiết Kiệm

Bảy định luật này chúng ta có thể xem là những định luật thứ yếu, dù rằng, từ quan điểm của nhân loại, chúng xuất hiện như những định luật chính yếu.

4. Từ quan điểm con người, việc xem các định luật hệ thống này là những định luật chính yếu là điều hoàn toàn tự nhiên. Chúng áp dụng cho mọi hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta và, với tư cách là những con người, chúng ta thậm chí còn chưa đạt đến tâm thức hành tinh.

a. Ba Định luật Vũ trụ. Định luật đầu tiên trong các định luật vũ trụ là *Định luật Tổng Hợp.* Đối với những người trong chúng ta chưa phát triển năng lực Bồ đề theo bất cứ cách nào, thì gần như không thể hiểu được phạm vi của định luật này.

5. Chúng ta phải hiểu rằng cõi Bồ đề là cõi đầu tiên trong các cõi tổng hợp. Hành tinh Sao Hải Vương cai quản cõi Bồ đề và đó là một hành tinh của tổng hợp, xóa bỏ các ranh giới và dung hợp mọi sự lại với nhau.

6. Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương là "ba hành tinh tổng hợp", nhưng cõi phụ cao nhất của cõi trí (liên hệ phần nào với Sao Thổ) vẫn chưa được xem là một cõi tổng hợp, dù nó là một cõi của sự thấu hiểu trừu tượng bao quát.

It is the law that demonstrates the fact that all things—abstract and concrete—exist as one;

Đó là định luật chứng minh sự kiện rằng mọi sự—trừu tượng và cụ thể—đều hiện hữu như một;

7. "Let the group know that life is one and naught can ever take or touch that life."

7. "Hãy để nhóm biết rằng sự sống là một và không gì có thể lấy đi hay chạm đến sự sống ấy."

8. "Let the group know there are no other selves."

8. "Hãy để nhóm biết rằng không có những bản ngã nào khác."

it is the law governing the thought form of **that One of the cosmic Logoi** [Page 568] **in Whose consciousness both our system, and our greater centre, have a part.**

đó là định luật chi phối hình tư tưởng của **Đấng ấy trong các Cosmic Logoi** [Page 568] **trong tâm thức của Ngài, cả hệ thống của chúng ta lẫn trung tâm lớn hơn của chúng ta đều có một phần.**

9. Our system is our own solar system.

9. Hệ thống của chúng ta là chính hệ mặt trời của chúng ta.

10. Our "greater centre" is the Cosmic Logos in Whom our Solar Logos is as a chakra.

10. "Trung tâm lớn hơn" của chúng ta là Cosmic Logos mà trong Ngài, Thái dương Thượng đế của chúng ta giống như một luân xa.

11. The Cosmic Logos here referred to is the One About Whom Naught May Be Said—a Deity for Whom constellations and their Logoi are as chakras. We may remember that on Chart Vehicle (TCF 344), the terms "Cosmic Logoi" and "Solar Logoi" are subject to a 'magnitude blind'. These terms as used on that Chart designate Entities much larger than the terms usually designate.

11. Cosmic Logos được nói đến ở đây là Đấng Bất Khả Tư Nghị—một Thượng đế mà đối với Ngài, các chòm sao và các Logoi của chúng giống như các luân xa. Chúng ta có thể nhớ rằng trên Biểu Đồ Vehicle (TCF 344), các thuật ngữ "Cosmic Logoi" và "Solar Logoi" chịu một sự 'mù về cấp độ lớn'. Các thuật ngữ này như được dùng trên biểu đồ ấy chỉ định những Thực Thể lớn hơn rất nhiều so với điều mà các thuật ngữ ấy thường chỉ định.

12. The only way that this hypothesis might *not* be true is if the phrase "our greater centre" refers to the star Sirius, but this seems less likely.

12. Cách duy nhất mà giả thuyết này có thể *không* đúng là nếu cụm từ "trung tâm lớn hơn của chúng ta" ám chỉ ngôi sao Sirius, nhưng điều này dường như ít có khả năng hơn.

13. If the Cosmic Logos here referenced is indeed our One About Whom Naught May Be Said, then it is a different kind of Cosmic Logos than is referenced on TCF 293; it is *one order higher* than the Cosmic Logos tabulated on that page.

13. Nếu Cosmic Logos được nhắc đến ở đây quả thực là Đấng Bất Khả Tư Nghị của chúng ta, thì đó là một loại Cosmic Logos khác với loại được nhắc đến ở TCF 293; nó *cao hơn một bậc* so với Cosmic Logos được liệt kê trên trang đó.

14. It may seem that we are giving excessive attention to terminology, but if we are not careful we will misinterpret greatly because we will have fallen into a 'magnitude blind' and not have realized it.

14. Có thể dường như chúng ta đang dành quá nhiều chú ý cho thuật ngữ, nhưng nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ diễn giải sai rất nhiều vì đã rơi vào một sự 'mù về cấp độ lớn' mà không nhận ra điều đó.

It [the Law of Synthesis] is a unit of His thought, a thought form in its entirety, a concrete whole, and not the differentiated process that we feel our evolving system to be.

Nó [Định luật Tổng Hợp] là một đơn vị trong tư tưởng của Ngài, một hình tư tưởng trong tính toàn vẹn của nó, một toàn thể cụ thể, chứ không phải tiến trình biến phân mà chúng ta cảm thấy hệ thống đang tiến hoá của mình là như vậy.

15. DK still seems to be speaking of the Law of Synthesis, calling it, apparently a "unit" in the thought of the One About Whom Naught May Be Said (here deemed a "Cosmic Logos" even though it is really a 'Super-Cosmic Logos'.

15. DK dường như vẫn đang nói về Định luật Tổng Hợp, rõ ràng gọi nó là một "đơn vị" trong tư tưởng của Đấng Bất Khả Tư Nghị (ở đây được xem là một "Cosmic Logos" dù thật ra đó là một 'Super-Cosmic Logos'.

16. This law is a very subtle thoughtform; **all laws are the expression of the will of some greater Entity, and that will is expressed in thought**. That thought, however, is not at all concrete as are most thoughtforms we consider.

16. Định luật này là một hình tư tưởng rất vi tế; **mọi định luật đều là biểu hiện của ý chí của một Thực Thể lớn hơn nào đó, và ý chí ấy được biểu hiện trong tư tưởng**. Tuy nhiên, tư tưởng ấy hoàn toàn không cụ thể như phần lớn các hình tư tưởng mà chúng ta thường xét đến.

17. In fact, **this "unit of His thought' would, perhaps, be better designated as an *idea* which is a higher 'Form', in the sense that Plato designated the "Forms"** (i.e., Archetypes).

17. Thật ra, **"đơn vị trong tư tưởng của Ngài" này có lẽ sẽ được gọi đúng hơn là một *ý tưởng* vốn là một 'Hình tướng' cao hơn, theo nghĩa mà Plato đã gọi các "Forms"** (tức là các Nguyên mẫu).

18. We note that this "whole" is not a conceptual whole but a "concrete" whole—

18. Chúng ta lưu ý rằng "toàn thể" này không phải là một toàn thể khái niệm mà là

its wholeness is utterly real and leaves no room for any real differentiation. Differentiation there appears to be, but it cannot violate the factual, concrete wholeness of the Great Whole.

một toàn thể "cụ thể"—tính toàn vẹn của nó hoàn toàn thực hữu và không để chỗ cho bất kỳ sự biến phân thực sự nào. Dường như có biến phân, nhưng điều đó không thể vi phạm tính toàn vẹn thực tế, cụ thể của Toàn Thể Vĩ Đại.

It is the sumtotal, the centre and the periphery, and the circle of manifestation regarded as a unit.

Nó là tổng thể, là trung tâm và chu vi, và là vòng tròn biểu hiện được nhìn như một đơn vị.

19. The Law of Synthesis applies to the sumtotal, including the center and the periphery and the two, together, regarded as one.

19. Định luật Tổng Hợp áp dụng cho tổng thể, bao gồm trung tâm và chu vi, và cả hai cùng nhau được nhìn như một.

20. When a consciousness is under the impression of the Law of Synthesis, all difference is hidden, all form is blotted out.

20. Khi một tâm thức ở dưới ấn tượng của Định luật Tổng Hợp, mọi khác biệt đều bị che khuất, mọi hình tướng đều bị xóa mờ.

The second law is the *Law of Attraction and Repulsion*.

Định luật thứ hai là *Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi*.

21. The Law of Attraction is the second *cosmic* law.

21. Định luật Hấp Dẫn là định luật *vũ trụ* thứ hai.

22. This great law operates on many different levels, from macrocosmic to microcosmic to microscopic.

22. Định luật lớn này vận hành trên nhiều cấp độ khác nhau, từ đại thiên địa đến tiểu thiên địa đến vi mô.

Fundamentally, the law describes the **compelling** force of attraction that holds our solar system to the Sirian;

Về căn bản, định luật này mô tả **mãnh lực** hấp dẫn có tính cưỡng bách giữ hệ mặt trời của chúng ta gắn với hệ Sirian;

23. Just as there is a great attraction existing between our solar system and the Sirian solar system, so we may infer a similar attraction (though of far reduced intensity) between our planet the Earth and the planet Venus.

23. Cũng như có một lực hấp dẫn lớn tồn tại giữa hệ mặt trời của chúng ta và hệ mặt trời Sirian, chúng ta có thể suy ra một lực hấp dẫn tương tự (dù cường độ giảm đi rất nhiều) giữa hành tinh Trái Đất của chúng ta và hành tinh Sao Kim.

24. We have to remember that both Logoi, our Logos, Sol, and the Logos of the star Sirius are strongly conditioned by the second ray—our Logos in His soul and personality and the Sirian Logos (hypothetically) in His personality and *major* monadic Ray.

24. Chúng ta phải nhớ rằng cả hai Logoi, Logos của chúng ta là Sol, và Logos của ngôi sao Sirius, đều bị tác động mạnh bởi cung hai—Logos của chúng ta trong linh hồn và phàm ngã của Ngài, còn Sirian Logos (theo giả thuyết) trong phàm ngã và cung chân thần *chính yếu* của Ngài.

25. We notice the word "compelling"; it would seem that for the units engaged, the Law of Attraction is very hard to escape.

25. Chúng ta lưu ý từ "cưỡng bách"; dường như đối với các đơn vị có liên hệ, Định luật Hấp Dẫn rất khó thoát khỏi.

26. Some theorists have suggested that Sirius (A and B) should be considered a kind of ajna center in the Cosmic Logos Who contains both Sirius and Sol. Given the proposed fifth ray soul of Sirius and a monadic ray which renders fitting His appellation as "The Cosmic Christ", there is reason for this suggestion.

26. Một số nhà lý thuyết đã gợi ý rằng Sirius (A và B) nên được xem như một loại trung tâm ajna trong Cosmic Logos bao hàm cả Sirius lẫn Sol. Với cung linh hồn cung năm được giả định của Sirius và một cung chân thần khiến danh xưng "Đức Christ Vũ Trụ" của Ngài trở nên thích hợp, có lý do cho gợi ý này.

27. But it is not the *only* suggestion and there is good reason also to consider Sirius as the head center of that particular Cosmic Logos.

27. Nhưng đó không phải là gợi ý *duy nhất* và cũng có lý do chính đáng để xem Sirius là trung tâm đầu của Cosmic Logos đặc thù ấy.

28. We note that the Law of Attraction does not hold our Sun as a body revolving around the Sirian system, but only holds our solar system *to* the Sirian. This is a distinction from the 'orbital compulsions' listed immediately below.

28. Chúng ta lưu ý rằng Định luật Hấp Dẫn không giữ Mặt Trời của chúng ta như một thể quay quanh hệ Sirian, mà chỉ giữ hệ mặt trời của chúng ta *gắn với* hệ Sirian. Đây là một sự phân biệt với những 'cưỡng bách quỹ đạo' được liệt kê ngay bên dưới.

that holds our planets revolving around our central unit, the sun; that **holds the lesser systems of atomic and molecular matter circulating around a centre in the planet**; and that holds the matter of all physical plane bodies, and that of the subtle bodies co-ordinated around their microcosmic centre.

định luật ấy giữ cho các hành tinh của chúng ta quay quanh đơn vị trung tâm của chúng ta là mặt trời; định luật ấy **giữ cho các hệ thống nhỏ hơn của vật chất nguyên tử và phân tử lưu chuyển quanh một trung tâm trong hành tinh**; và giữ cho vật chất của mọi thể trên cõi hồng trần, cũng như của các thể vi tế, được phối hợp quanh trung tâm tiểu thiên địa của chúng.

29. How are we told that Law of Attraction operates:

29. Chúng ta được cho biết Định luật Hấp Dẫn vận hành như thế nào:

a. It holds our system to the Sirian system

a. Nó giữ hệ thống của chúng ta gắn với hệ Sirian

b. It holds our planets revolving around the sun

b. Nó giữ cho các hành tinh của chúng ta quay quanh mặt trời

c. It holds lesser systems of atomic and molecular matter circulating around a center in the planet

c. Nó giữ cho các hệ thống nhỏ hơn của vật chất nguyên tử và phân tử lưu chuyển quanh một trung tâm trong hành tinh

d. It holds all matter of all physical plane bodies and subtle bodies "coordinated" around their microcosmic center. Note here, we are not speaking of revolution, but of 'held coordination'

d. Nó giữ cho mọi vật chất của mọi thể trên cõi hồng trần và các thể vi tế được "phối hợp" quanh trung tâm tiểu thiên địa của chúng. Lưu ý ở đây, chúng ta không nói đến sự quay vòng, mà là 'sự phối hợp được duy trì'

30. Careful reading reveals that the Law of Attraction operates in at least three ways:

30. Đọc kỹ cho thấy Định luật Hấp Dẫn vận hành theo ít nhất ba cách:

a. It holds *to*

a. Nó giữ *gắn với*

b. It promotes revolution

b. Nó thúc đẩy sự quay vòng

c. It holds in coordination

c. Nó giữ trong sự phối hợp

31. It is obvious how carefully the Tibetan is choosing His words. Casual reading will miss the subtle differences.

31. Rõ ràng Chân sư Tây Tạng đã chọn từ ngữ của Ngài cẩn thận đến mức nào. Đọc qua loa sẽ bỏ lỡ những khác biệt vi tế.

32. If the Law of Attraction were not operative, orbits could not be maintained. Were the law to cease, revolving bodies (apparently in orbit) would fly off at a tangent.

32. Nếu Định luật Hấp Dẫn không vận hành, các quỹ đạo không thể được duy trì. Nếu định luật ấy ngừng hoạt động, các thể đang quay (dường như ở trong quỹ đạo) sẽ văng ra theo tiếp tuyến.

33. There is the implication that within the planet a center exists around which all

33. Có một hàm ý rằng bên trong hành tinh tồn tại một trung tâm mà quanh đó mọi vật

atomic and molecular matter circulates. We could consider this center the center of a spherical plane or sub-plane, however, if atomic and molecular matter is *locked in a form* (and is not free planar or sub-planar matter) would it still circulate around this center, or only when released into the "reservoir" through the death of the form?

chất nguyên tử và phân tử đều lưu chuyển. Chúng ta có thể xem trung tâm này là trung tâm của một cõi hay cõi phụ hình cầu; tuy nhiên, nếu vật chất nguyên tử và phân tử *bị khóa trong một hình tướng* (và không phải là vật chất tự do của cõi hay cõi phụ), thì nó vẫn sẽ lưu chuyển quanh trung tâm này, hay chỉ khi được giải phóng vào "hồ chứa" qua cái chết của hình tướng?

34. When DK speaks of "physical plane bodies" does He speak of the many kinds of physical plane bodies on our planet (for each incarnated entity has a physical plane body), or does He suggest that within the same entity there are a number of physical plane bodies corresponding to the sub-planes of the physical-etheric plane?

34. Khi DK nói về "các thể trên cõi hồng trần", Ngài có nói về nhiều loại thể trên cõi hồng trần trên hành tinh chúng ta (vì mỗi thực thể đang lâm phàm đều có một thể trên cõi hồng trần), hay Ngài gợi ý rằng trong cùng một thực thể có một số thể trên cõi hồng trần tương ứng với các cõi phụ của cõi hồng trần-dĩ thái?

35. Is the "microcosmic center" here referenced the permanent atom which is the controlling point within each of these physical and subtle bodies?

35. "Trung tâm tiểu thiên địa" được nhắc đến ở đây có phải là nguyên tử trường tồn, vốn là điểm kiểm soát bên trong mỗi thể hồng trần và vi tế này không?

The third law is the *Law of Economy,* and is the law which adjusts all that concerns the material and spiritual evolution of the cosmos to the best possible advantage and with the least expenditure of force.

Định luật thứ ba là *Định luật Tiết Kiệm,* và là định luật điều chỉnh mọi điều liên quan đến sự tiến hoá vật chất và tinh thần của vũ trụ sao cho đạt lợi ích tốt nhất có thể và với sự tiêu hao mãnh lực ít nhất.

36. We see and understand that the Law of Economy does not concern only the material evolution but is an *intelligent* law adjusting the *two* poles of divinity to each other.

36. Chúng ta thấy và hiểu rằng Định luật Tiết Kiệm không chỉ liên quan đến sự tiến hoá vật chất mà còn là một định luật *thông tuệ* điều chỉnh *hai* cực của thiên tính với nhau.

37. The Law of Economy works on behalf of the Divine Purpose; the forces adjusted are adjusted to best possible advantage with respect to the Divine Purpose.

37. Định luật Tiết Kiệm hoạt động vì Thiên Ý; các mãnh lực được điều chỉnh sao cho đạt lợi ích tốt nhất có thể đối với Thiên Ý.

38. Under the Law of Economy waste is eschewed so that there will be no dearth of

38. Dưới Định luật Tiết Kiệm, sự lãng phí bị tránh bỏ để không có sự thiếu hụt năng

energy with which to accomplish the objectives of the E/entity concerned.

lượng dùng để hoàn thành các mục tiêu của Thực Thể/thực thể liên hệ.

It makes perfect each **atom of time**, and each eternal period, and carries all onward, and upward, and *through,* with the least possible effort, with the proper adjustment of equilibrium, and with the necessary rate of rhythm.

Nó làm hoàn hảo mỗi **nguyên tử thời gian**, và mỗi thời kỳ vĩnh cửu, và mang mọi sự tiến lên phía trước, đi lên cao, và *xuyên qua,* với nỗ lực ít nhất có thể, với sự điều chỉnh quân bình thích đáng, và với nhịp điệu cần thiết.

39. Here, again, is a powerfully occult section of text.

39. Ở đây, một lần nữa, là một đoạn văn có tính huyền bí học rất mạnh.

40. We shall see that Master DK is speaking in the language of quantum mechanics, seeing time as 'quantized'. The suggestion is that time (within the entirety of the Great Universe) is not infinitely divisible.

40. Chúng ta sẽ thấy rằng Chân sư DK đang nói bằng ngôn ngữ của cơ học lượng tử, nhìn thời gian như được 'lượng tử hóa'. Hàm ý là thời gian (trong toàn thể Đại Vũ Trụ) không thể phân chia vô hạn.

41. Another name for an "atom of time" is an "ultimate particle-event" (cf. *Infinitization of Selfhood*).

41. Một tên gọi khác của "nguyên tử thời gian" là một "biến cố-hạt tối hậu" (xem *Infinitization of Selfhood*).

42. What does it mean that an "atom of time" or an "eternal period" will be made perfect? May it be that all relationships to be perfected within the unit of time are, in fact, perfected—i.e., brought into archetypal relationship?

42. Việc một "nguyên tử thời gian" hay một "thời kỳ vĩnh cửu" sẽ được làm cho hoàn hảo có nghĩa là gì? Có thể chăng mọi tương quan cần được hoàn thiện trong đơn vị thời gian ấy thật sự được hoàn thiện—tức là được đưa vào tương quan nguyên mẫu?

43. The three motions of which we are told are "onward", "upward" and "through".

43. Ba chuyển động mà chúng ta được cho biết là "tiến lên phía trước", "đi lên cao" và "xuyên qua".

a. "Onward" signifies progressive participation in progressive unfoldments of the Purpose-intended pattern.

a. "Tiến lên phía trước" biểu thị sự tham dự ngày càng tăng vào những sự khai mở tiến bộ của mô hình do Mục Đích dự định.

b. "Upward" signifies the increase of frequency which signals every *evolutionary* process.

b. "Đi lên cao" biểu thị sự gia tăng tần số, điều báo hiệu mọi tiến trình *thăng thượng tiến hoá.*

c. “Through” signifies the penetration of ring-pass-nots—a process admitting to ever higher dimensions in which expression becomes newly possible.

c. “Xuyên qua” biểu thị sự xuyên thủng các vòng-giới-hạn—một tiến trình cho phép đi vào những chiều kích ngày càng cao hơn, trong đó sự biểu hiện trở nên mới mẻ khả hữu.

44. The Law of Economy is closely related to the third ray sign, Libra. As all progresses “onward”, “upward” and “through”, no long-enduring violation of equilibrium is permitted; otherwise the correct manifestation of ‘Purpose-through-Plan’ is compromised.

44. Định luật Tiết Kiệm liên hệ chặt chẽ với dấu hiệu cung ba là Thiên Bình. Khi mọi sự tiến “lên phía trước”, “đi lên cao” và “xuyên qua”, không một sự vi phạm quân bình kéo dài nào được cho phép; nếu không, sự biểu hiện đúng đắn của ‘Mục Đích-thông-qua-Thiên Cơ’ sẽ bị tổn hại.

45. Right adjustment between all variables is achieved when they uphold the intended rhythm in relation to each other. When the proper cycles are ‘relationally sustained’ then equilibrium and harmony prevail.

45. Sự điều chỉnh đúng đắn giữa mọi biến số đạt được khi chúng duy trì nhịp điệu dự định trong tương quan với nhau. Khi các chu kỳ thích hợp được ‘duy trì trong tương quan’ thì quân bình và hài hòa ngự trị.

46. All frequencies are based on rhythmic action. Rhythm-as-frequency determines quality. Quality is born of rhythmic interplay.

46. Mọi tần số đều dựa trên hoạt động có nhịp điệu. Nhịp điệu-như-tần số quyết định phẩm tính. Phẩm tính sinh ra từ sự tương tác có nhịp điệu.

47. The Law of Economy, rightly executed, creates and upholds the intended ‘quality of the moment’. As moments change, quality changes as well. Quality arises through the nature of relationship, and thus the nature of relationship is dependent upon the rhythmic interplay of the ‘engaged constituents’.

47. Định luật Tiết Kiệm, khi được thực thi đúng đắn, tạo ra và duy trì ‘phẩm tính của khoảnh khắc’ như đã được dự định. Khi các khoảnh khắc thay đổi, phẩm tính cũng thay đổi. Phẩm tính phát sinh qua bản chất của tương quan, và do đó bản chất của tương quan phụ thuộc vào sự tương tác có nhịp điệu của các ‘thành phần tham dự’.

Unevenness of rhythm is really an illusion of time, and does not exist in the cosmic centre. We need to ponder on this, for it holds the secret of peace, and we need to grasp the significance of that word *through*, for it describes the next racial expansion of consciousness, and has an occult meaning.

Sự không đều của nhịp điệu thật ra là một ảo tưởng của thời gian, và không tồn tại trong trung tâm vũ trụ. Chúng ta cần chiêm ngưỡng điều này, vì nó nắm giữ bí mật của hòa bình, và chúng ta cần nắm bắt thâm nghĩa của từ *xuyên qua*, vì nó mô tả sự mở rộng tâm thức tiếp theo của nhân loại, và có một ý nghĩa huyền bí.

48. In the “cosmic center” all proceeds according to rhythms dictated by the Divine Will of the Entity Who works through that cosmic center. At that center all proceeds in concordance.

48. Trong “trung tâm vũ trụ”, mọi sự diễn tiến theo những nhịp điệu do Ý Chí thiêng liêng của Thực Thể đang hoạt động qua trung tâm vũ trụ ấy quy định. Tại trung tâm đó, mọi sự diễn tiến trong sự hòa điệu.

49. There are a number of ever-greater, ever-receding cosmic centers in each of which the “unevenness of rhythm” is more and more reduced.

49. Có một số trung tâm vũ trụ ngày càng lớn hơn, ngày càng lùi xa hơn, trong mỗi trung tâm ấy “sự không đều của nhịp điệu” ngày càng được giảm bớt.

50. For practical purposes and from a planetary perspective, Shamballa can be considered such a center; at least it is a center of “peace” and, so, some of the unevenness of rhythm must be reduced.

50. Vì mục đích thực tiễn và từ góc nhìn hành tinh, Shamballa có thể được xem là một trung tâm như vậy; ít nhất đó là một trung tâm của “hòa bình”, và do đó một phần sự không đều của nhịp điệu hẳn phải được giảm bớt.

51. Many diverse rhythms are noticed by consciousness. Is diversity what DK means by “unevenness”? Or does He mean fluctuations within a frequency which *should be sustained* according to the Plan?

51. Tâm thức nhận thấy nhiều nhịp điệu đa dạng. Sự đa dạng có phải là điều DK muốn nói bằng “sự không đều” không? Hay Ngài muốn nói đến những dao động bên trong một tần số mà theo Thiên Cơ *đáng lẽ phải được duy trì*?

52. Emanation proceeds through diversification of rhythm (all rhythms being divisions of the one Great Breath).

52. Sự phát xạ tiến hành qua sự đa dạng hóa nhịp điệu (mọi nhịp điệu đều là những phân chia của một Hơi Thở Vĩ Đại duy nhất).

53. Diversified though the rhythm of ‘descending entities’ may be, we can presume that the Plan (as conceived at the cosmic center) does not intend to produce aberrant fluctuations which are as disturbing to the Divine Harmony. Archetypal relationships do not fluctuate unpredictably.

53. Dù nhịp điệu của các ‘thực thể giáng hạ’ có đa dạng đến đâu, chúng ta vẫn có thể giả định rằng Thiên Cơ (như được quan niệm tại trung tâm vũ trụ) không nhằm tạo ra những dao động lệch chuẩn gây xáo trộn cho Hài Hòa thiêng liêng. Các tương quan nguyên mẫu không dao động một cách bất định.

54. The thought about “peace” is difficult to penetrate. May we say that “peace” is based upon the establishing of divinely intended rhythms? Rhythms are frequencies and

54. Tư tưởng về “hòa bình” thật khó thâm nhập. Chúng ta có thể nói rằng “hòa bình” dựa trên việc thiết lập những nhịp điệu do thiêng liêng dự định không? Nhịp điệu là các

frequencies brought into relationship produce either discord or harmony.

tần số, và các tần số khi được đưa vào tương quan sẽ tạo ra hoặc bất hòa hoặc hài hòa.

55. The rhythm which prevails at the cosmic center when achieved by units hitherto subjected to diversified 'outer' rhythms may indicate the 'finding' of peace.

55. Nhịp điệu ngự trị tại trung tâm vũ trụ, khi được đạt đến bởi những đơn vị trước đây chịu những nhịp điệu 'bên ngoài' đa dạng, có thể biểu thị sự 'tìm thấy' hòa bình.

56. With respect to the word "through", it is as if the illusions of time and space will be penetrated. The Perceiver will use a new type of consciousness which will penetrate or negate the seemingly impenetrable barriers presented to the Perceiver by our presently limited state of consciousness. We know that forms as they *seem* are not *really* as they *seem.* The possibility exists to penetrate this 'seeming' and arrive at a truer understanding of that which substands the appearance of form. That which substands the 'world of appearances' will be presented to a more sensitive consciousness.

56. Đối với từ "xuyên qua", dường như các ảo tưởng của thời gian và không gian sẽ bị xuyên thủng. Đấng Tri Giác sẽ sử dụng một loại tâm thức mới, loại tâm thức sẽ xuyên thủng hoặc phủ nhận những rào cản dường như không thể xuyên thủng mà trạng thái tâm thức hiện nay còn giới hạn của chúng ta trình ra cho Đấng Tri Giác. Chúng ta biết rằng các hình tướng như chúng *dường như* không *thật sự* là như chúng *dường như.* Khả năng xuyên thủng cái 'dường như' này và đi đến một sự thấu hiểu chân thực hơn về điều nâng đỡ sắc tướng của hình tướng là có thật. Điều nâng đỡ 'thế giới của các sắc tướng' sẽ được trình bày cho một tâm thức nhạy bén hơn.

57. DK seems to be suggesting that there is a form of consciousness developing which will negate the *apparent solidity* of matter. We will be able, by seeing *through* to see *within.*

57. DK dường như đang gợi ý rằng có một hình thức tâm thức đang phát triển, hình thức này sẽ phủ nhận *tính rắn chắc biểu kiến* của vật chất. Chúng ta sẽ có thể, bằng cách nhìn *xuyên qua*, để nhìn *vào bên trong.*

58. This type of possible penetration 'through' the illusion of matter is dealt with in the *Secret Doctrine.*

58. Loại khả năng xuyên thấu 'xuyên qua' ảo tưởng của vật chất này được bàn đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

In the nomenclature of these laws much is lost, **for it is well nigh impossible to resolve abstractions into the terms of speech,** and not lose the inner sense in the process.

Trong danh xưng của các định luật này, nhiều điều bị mất đi, **vì gần như không thể chuyển các trừu tượng thành những thuật ngữ của ngôn ngữ,** mà không làm mất ý nghĩa bên trong trong tiến trình ấy.

59. This is a very important statement. We are likely to have much confidence in the

59. Đây là một phát biểu rất quan trọng. Chúng ta có thể rất tin tưởng vào giá trị của

value of such high sounding names as: the Law of Synthesis, the Law of Attraction; the Law of Economy. From the Tibetan's perspective, however, these names are deficient. Abstractions have a perceivable reality all their own (perceivable, at last, to a high Initiate)—a reality which cannot be captured by combinations of lower sounds.

những tên gọi nghe rất cao siêu như: Định luật Tổng Hợp, Định luật Hấp Dẫn, Định luật Tiết Kiệm. Tuy nhiên, từ góc nhìn của Chân sư Tây Tạng, những tên gọi này còn thiếu sót. Các trừu tượng có một thực tại khả tri riêng của chúng (rốt cuộc có thể được tri giác bởi một điểm đạo đồ cao cấp)—một thực tại không thể được nắm bắt bằng những tổ hợp của các âm thanh thấp hơn.

60. What is necessary is to observe at first hand the internal processes indicated by these three laws. Only then will the speech indicating them become truly meaningful.

60. Điều cần thiết là trước hết phải quan sát trực tiếp các tiến trình nội tại được ba định luật này chỉ ra. Chỉ khi đó ngôn ngữ biểu thị chúng mới trở nên thật sự có ý nghĩa.

In these laws we again have the threefold idea demonstrated, and the correspondence, as might be expected, holds good.

Trong các định luật này, một lần nữa chúng ta có ý tưởng tam phân được chứng minh, và sự tương ứng, như có thể chờ đợi, vẫn hoàn toàn đúng.

[Page 569]

[Page 569]

The Law of SynthesisThe Will Aspect1st Aspect.

Định luật Tổng HợpPhương diện Ý ChíPhương diện 1.

The Law of AttractionThe Love Aspect2nd Aspect.

Định luật Hấp DẫnPhương diện Bác áiPhương diện 2.

The Law of EconomyThe Activity Aspect3rd Aspect.

Định luật Tiết KiệmPhương diện Hoạt ĐộngPhương diện 3.

61. These are the standard correspondences with which we are very familiar.

61. Đây là những tương ứng tiêu chuẩn mà chúng ta rất quen thuộc.

62. We might ask: "If *synthesis* is of the *will aspect,* can it be said that it pertains to Spirit—Spirit being the *essence* which is even greater than will?"

62. Chúng ta có thể hỏi: "Nếu *tổng hợp* thuộc về *phương diện ý chí,* thì có thể nói rằng nó liên quan đến Tinh thần—Tinh thần là *bản chất cốt yếu* còn lớn hơn cả ý chí chăng?"

63. We might return to the idea that laws express the will of great Entities, and that

63. Chúng ta có thể trở lại với ý tưởng rằng các định luật biểu hiện ý chí của những Thực Thể vĩ đại, và ý chí ấy được thể hiện trong

will is embodied in a thoughtform which, sustained, becomes the law.

b. Seven Systemic Laws.—Subsidiary to the three major laws, we find the seven laws of our solar system. Again we find the law of analogy elucidating, and the three becoming the seven as elsewhere in the logoic scheme.

64. We note in the enumeration of these laws (cosmic and systemic) that the three exist independently and 'above' the seven. It has been questioned by some theorists whether the greater three are somehow incorporated in the seven.

65. It is quite clear, here, that the greater three are independent of the lesser seven; however, the first three of the lesser seven are, no doubt, allied to the great three.

66. This would mean that:

a. The Law of Synthesis would correlate with the Law of Vibration

b. The Law of Attraction would correlate with the Law of Cohesion

c. The Law of Economy would correlate with the Law of Disintegration

67. Justifications can be offered for these correlations. The second correlation is easy to see, as the second ray is so obviously present in cohesion. With regard to the "Law of Vibration", it is uniformity of vibration which determines synthesis. Complementarity of vibration determines unity. The term "unity" is sometimes meant

một hình tư tưởng mà khi được duy trì sẽ trở thành định luật.

b. Bảy Định luật Hệ thống.—Phụ thuộc vào ba định luật chính yếu, chúng ta tìm thấy bảy định luật của hệ mặt trời chúng ta. Một lần nữa, chúng ta thấy định luật tương đồng làm sáng tỏ, và bộ ba trở thành bộ bảy như ở những nơi khác trong hệ hành tinh logoic.

64. Chúng ta lưu ý trong việc liệt kê các định luật này (vũ trụ và hệ thống) rằng bộ ba tồn tại độc lập và 'ở trên' bộ bảy. Một số nhà lý thuyết đã đặt câu hỏi liệu bộ ba lớn hơn có bằng cách nào đó được bao hàm trong bộ bảy hay không.

65. Ở đây khá rõ rằng bộ ba lớn hơn độc lập với bộ bảy nhỏ hơn; tuy nhiên, ba định luật đầu tiên của bộ bảy nhỏ hơn hẳn nhiên có liên hệ với bộ ba lớn.

66. Điều này có nghĩa là:

a. Định luật Tổng Hợp sẽ tương quan với Định luật Rung Động

b. Định luật Hấp Dẫn sẽ tương quan với Định luật Cố Kết

c. Định luật Tiết Kiệm sẽ tương quan với Định luật Tan Rã

67. Có thể đưa ra những biện minh cho các tương quan này. Tương quan thứ hai dễ thấy, vì cung hai hiện diện quá rõ trong sự cố kết. Đối với "Định luật Rung Động", chính tính đồng nhất của rung động quyết định sự tổng hợp. Tính bổ sung của rung động quyết định sự hợp nhất. Thuật ngữ "hợp nhất" đôi khi được dùng để chỉ "nhất thể tính" cũng như thuật ngữ "tổng hợp".

to indicate “oneness” just as is the term “synthesis”.

68. The original three become the seven in this way:

a. The first of the greater three reflects itself directly as the first of the lesser seven.

b. The second of the greater three reflects itself directly as the second of the lesser seven.

c. The third of the greater three reflects itself directly as the third of the lesser seven.

d. The first and second of the lesser seven combine to produce the fourth in the series of seven.

e. The first and third of the lesser seven combine to produce the fifth in the series of seven.

f. The second and third of the lesser seven combine to produce the sixth in the series of seven. (Some theorists might reverse the processes which produced the lesser fourth and sixth relating the fourth to the combination of the second and third, and the sixth to the combination of the first and second.

g. The first, second and third of the lesser seven combine (is it in equal measure?) to produce the seventh in the series of seven.

68. Bộ ba nguyên thủy trở thành bộ bảy theo cách này:

a. Định luật thứ nhất của bộ ba lớn hơn phản chiếu trực tiếp thành định luật thứ nhất của bộ bảy nhỏ hơn.

b. Định luật thứ hai của bộ ba lớn hơn phản chiếu trực tiếp thành định luật thứ hai của bộ bảy nhỏ hơn.

c. Định luật thứ ba của bộ ba lớn hơn phản chiếu trực tiếp thành định luật thứ ba của bộ bảy nhỏ hơn.

d. Định luật thứ nhất và thứ hai của bộ bảy nhỏ hơn kết hợp để tạo ra định luật thứ tư trong chuỗi bảy.

e. Định luật thứ nhất và thứ ba của bộ bảy nhỏ hơn kết hợp để tạo ra định luật thứ năm trong chuỗi bảy.

f. Định luật thứ hai và thứ ba của bộ bảy nhỏ hơn kết hợp để tạo ra định luật thứ sáu trong chuỗi bảy. (Một số nhà lý thuyết có thể đảo ngược các tiến trình đã tạo ra định luật thứ tư và thứ sáu của bộ nhỏ hơn, liên hệ định luật thứ tư với sự kết hợp của định luật thứ hai và thứ ba, và định luật thứ sáu với sự kết hợp của định luật thứ nhất và thứ hai.

g. Định luật thứ nhất, thứ hai và thứ ba của bộ bảy nhỏ hơn kết hợp (có phải với tỷ lệ ngang nhau không?) để tạo ra định luật thứ bảy trong chuỗi bảy.

In each of these seven laws we find an interesting correlation with the seven planes. They are:

1. The Law of Vibration, the basis of manifestation, starting on the first plane. This is the atomic law of the system, in the same sense that on each of our planes the first subplane is the atomic plane.

54. The Law of Vibration rules that sub-plane whereon the keynote or measure for any sevenfold system of planes is set. Of course, each sub-plane has its keynote as well, and in this way is responsive to the Law of Vibration

55. The frequency of atomic sub-plane matter on each plane determines the frequencies of all molecular combinations of such matter—i.e., the matter or the lower six sub-planes.

56. We can correlate the Law of Vibration especially with the planet Vulcan which, through impact resulting in 'displacement of center', sets all matter vibrating.

57. From another perspective, the planet Uranus can be correlated with this law. Let us remember that Aquarius, ruled exoterically by Uranus, is the sign in which the "significance of cycles is mastered and understood by the initiate" (EA 141). Cycles and vibrations are synonymous.

58. The Law of Vibration relates to the essential nature of any entity *before* it has entered into combination with other entities.

Trong mỗi một trong bảy định luật này, chúng ta tìm thấy một sự tương quan thú vị với bảy cõi. Chúng là:

1. Định luật Rung Động, nền tảng của biểu hiện, bắt đầu trên cõi thứ nhất. Đây là định luật nguyên tử của hệ thống, theo cùng ý nghĩa mà trên mỗi cõi của chúng ta, cõi phụ thứ nhất là cõi nguyên tử.

54. Định luật Rung Động cai quản cõi phụ mà trên đó chủ âm hay thước đo cho bất kỳ hệ thống cõi thất phân nào được thiết lập. Dĩ nhiên, mỗi cõi phụ cũng có chủ âm của nó, và theo cách này đáp ứng với Định luật Rung Động

55. Tần số của vật chất cõi phụ nguyên tử trên mỗi cõi quyết định các tần số của mọi tổ hợp phân tử của loại vật chất ấy—tức là vật chất của sáu cõi phụ thấp hơn.

56. Chúng ta có thể tương quan Định luật Rung Động đặc biệt với hành tinh Vulcan, hành tinh mà qua tác động gây nên 'sự dịch chuyển trung tâm', làm cho mọi vật chất rung động.

57. Từ một góc nhìn khác, hành tinh Sao Thiên Vương có thể được tương quan với định luật này. Hãy nhớ rằng Bảo Bình, được Sao Thiên Vương cai quản theo ngoại môn, là dấu hiệu mà trong đó "thâm nghĩa của các chu kỳ được điểm đạo đồ làm chủ và thấu hiểu" (EA 141). Chu kỳ và rung động là đồng nghĩa.

58. Định luật Rung Động liên hệ với bản chất cốt yếu của bất kỳ thực thể nào *trước khi* nó đi vào sự kết hợp với các thực thể khác.

2. The law of Cohesion. On the second plane cohesion is first apparent.

69. This means that on the first plane it is not apparent. This suggests to us that (from the perspective of the systemic planes) the Sea of Fire does not demonstrate cohesion—at least cohesion as we know it. And yet, three great Logoi find Their three principal spheres of manifestation there.

It is the first molecular plane of the system, and is the home of the Monad. Divine coherency is demonstrated.

59. The Monad generically expresses a combination of the first and second rays. It is the *first* aspect of man but demonstrates on the *second* plane (which numerologically is conditioned by the *second* ray). (If the sixth ray were produced by a combination of the first and second rays, a significant relationship would be indicated—the first and second rays in relation to the sixth plane, counting from below. (Parenthetically, there are probably ways of deriving the fourth, fifth and sixth rays from unequal combinations of the first, second and third rays, with one of the major rays in the major position, a second of the major rays in the middle position and a third in the least position. The seventh ray would arise from a combination of all the Rays of Aspect taken in equal measure.)

2. Định luật Cố Kết. Trên cõi thứ hai, sự cố kết lần đầu tiên trở nên hiển nhiên.

69. Điều này có nghĩa là trên cõi thứ nhất nó không hiển nhiên. Điều này gợi cho chúng ta rằng (từ góc nhìn của các cõi hệ thống) Biển Lửa không biểu lộ sự cố kết—ít nhất là sự cố kết như chúng ta biết. Tuy nhiên, ba Logoi vĩ đại lại tìm thấy ba khối cầu biểu hiện chính yếu của Các Ngài ở đó.

Đây là cõi phân tử thứ nhất của hệ, và là nơi cư ngụ của chân thần. Sự cố kết thiêng liêngđược biểu lộ.

59. Chân thần, một cách tổng quát, biểu lộ một sự kết hợp của cung một và cung hai. Nó là *phương diện thứ nhất* của con người nhưng biểu lộ trên cõi *thứ hai* (vốn về mặt số học được tác động bởi cung *hai*). (Nếu cung sáu được tạo ra bởi một sự kết hợp của cung một và cung hai, thì một mối liên hệ có ý nghĩa sẽ được chỉ ra—cung một và cung hai trong liên hệ với cõi thứ sáu, tính từ dưới lên. (Nói ngoài lề, có lẽ có những cách để suy ra cung bốn, cung năm và cung sáu từ những sự kết hợp không đồng đều của cung một, cung hai và cung ba, với một trong các cung chính ở vị trí chính yếu, một cung chính thứ hai ở vị trí trung gian và cung thứ ba ở vị trí ít quan trọng nhất. Cung bảy sẽ phát sinh từ một sự kết hợp của tất cả Các Cung Trạng Thái được lấy theo tỷ lệ bằng nhau.)

Rays of Attribute	Derivation
Ray Four	Most: Ray Two Middle: Ray Three Least: Ray One

Ray Five	Most: Ray Three Middle: Ray One Least: Ray Two
Ray Six	Most: Ray One Middle: Ray Two Least: Ray Three
Ray Seven	All Three Rays Equal in Combination

60. The Monad is that factor of coherency which sustains the integration of all vehicles through which the Divine Jiva manifests on its lengthy pilgrimage into the five lower worlds and back.

60. Chân thần là nhân tố cố kết duy trì sự tích hợp của mọi vận cụ mà qua đó Divine Jiva biểu lộ trong cuộc hành hương dài lâu của nó vào năm cõi thấp và quay trở lại.

61. The matter of the second plane (being molecular) is produced by aggregation from the matter of the first plane.

61. Vật chất của cõi thứ hai (vì là phân tử) được tạo ra bằng sự kết tụ từ vật chất của cõi thứ nhất.

62. Because the Monad is composed of molecular matter, the Monad (usually considered as essential Spirit plus the vehicle through which it manifests) is a 'divisible' entity.

62. Bởi vì chân thần được cấu thành từ vật chất phân tử, nên chân thần (thường được xem là Tinh thần cốt tuỷ cộng với vận cụ mà qua đó nó biểu lộ) là một thực thể "có thể phân chia".

63. The Monad as *Pure Spirit Essence* is not divisible.

63. Chân thần như *Tinh Tuý Tinh Thần Thuần Khiết* thì không thể phân chia.

64. As far as the cosmic physical plane is concerned, the seven rays make their appearance on the monadic plane. We might say that only the three Rays of Aspect condition the plane of adi.

64. Xét theo cõi hồng trần vũ trụ, bảy cung xuất hiện trên cõi chân thần. Chúng ta có thể nói rằng chỉ có ba Các Cung Trạng Thái tác động lên cõi adi.

65. Seven Sounds appear on the monadic plane, and these sounds hold in coherency all which they condition. With the seven Sounds, seven fundamental qualities have

65. Bảy Âm Thanh xuất hiện trên cõi chân thần, và những âm thanh này giữ cho mọi điều mà chúng tác động được cố kết. Cùng với bảy Âm Thanh, bảy phẩm tính căn bản

appeared and seven “Forms” in the Platonic sense.

đã xuất hiện và bảy “Hình Tướng” theo nghĩa Plato.

66. With the appearance of the Monad we have the appearance of the ‘spherical life’ of the unit of life. Functioning under the Law of Attraction, the Monad sustains the coherency of the sphere through which it expresses.

66. Với sự xuất hiện của chân thần, chúng ta có sự xuất hiện của “sự sống hình cầu” của đơn vị sự sống. Hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn, chân thần duy trì sự cố kết của khối cầu mà qua đó nó biểu lộ.

67. It would seem that the Law of Synthesis applies to the Monad but, in a manner more fundamental, it is the Law of Attraction that most applies.

67. Có vẻ như Định luật Tổng Hợp áp dụng cho chân thần nhưng, theo một cách căn bản hơn, chính Định luật Hấp Dẫn là định luật áp dụng nhiều nhất.

68. It is clear that the planet Jupiter relates to the Law of Coherence as it manifests on the monadic plane. Of the synthesizing planets, Neptune must also be considered (especially since its Monad expresses on the second ray). The coherency of Venus expresses primarily on lower planes—the higher mental plane being its especial focus for man.

68. Rõ ràng là hành tinh Sao Mộc liên hệ với Định luật Cố Kết khi nó biểu lộ trên cõi chân thần. Trong các hành tinh tổng hợp, Sao Hải Vương cũng phải được xét đến (đặc biệt vì chân thần của nó biểu lộ trên cung hai). Sự cố kết của Sao Kim biểu lộ chủ yếu trên các cõi thấp hơn—đặc biệt lấy Cõi thượng trí làm tiêu điểm đối với con người.

3. The Law of Disintegration. On the third plane comes the final casting-off, the ultimate shedding of the sheaths, of the fivefold superman.

3. Định luật Phân Rã. Trên cõi thứ ba diễn ra sự vứt bỏ sau cùng, sự lột bỏ tối hậu các lớp vỏ của siêu nhân ngũ phân.

70. We are speaking of the ‘rising life’ and the manner in which it attains liberation.

70. Chúng ta đang nói về “sự sống đi lên” và cách thức nó đạt đến giải thoát.

71. Just as at the third initiation the initiate begins his liberation into the life of the spiritual triad, so at the sixth initiation, the initiate (focussed on the atmic plane) casts off all sheaths that pertain to all planes lower than the monadic, including the atmic plane.

71. Cũng như ở lần điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ bắt đầu sự giải thoát của y vào sự sống của Tam nguyên tinh thần, thì ở lần điểm đạo thứ sáu, điểm đạo đồ (được tập trung trên cõi atma) vứt bỏ mọi lớp vỏ thuộc về tất cả các cõi thấp hơn cõi chân thần, kể cả cõi atma.

72. The Master of the Wisdom is the "fivefold superman". He is not yet the Chohan or unencumbered Monad.

72. Chân sư Minh triết là "siêu nhân ngũ phân". Ngài chưa phải là Chohan hay chân thần không còn vướng bận.

73. We are gathering that, utilizing the Law of Disintegration, the Master applies the forces of disintegration to all His lower sheaths including, ultimately, the atmic sheath.

73. Chúng ta hiểu rằng, khi sử dụng Định luật Phân Rã, Chân sư áp dụng các lực phân rã lên tất cả các lớp vỏ thấp của Ngài, kể cả cuối cùng là lớp vỏ atma.

74. Whether there is a correspondence to the causal body to be found on the higher three levels of the atmic plane is seriously debated by some.

74. Việc có hay không một tương ứng với thể nguyên nhân được tìm thấy trên ba cấp độ cao hơn của cõi atma là điều đang được một số người tranh luận nghiêm túc.

75. Saturn, in its first ray aspect contributes to this disintegration. We know Saturn to be a planet impulsing the processes of separation and detachment.

75. Sao Thổ, trong phương diện cung một của nó, góp phần vào sự phân rã này. Chúng ta biết Sao Thổ là một hành tinh thúc đẩy các tiến trình phân ly và tách rời.

A Chohan of the sixth Initiation discards all the sheaths beneath the monadic vehicle, from the atmic to the physical.

Một Chohan của lần điểm đạo thứ sáu loại bỏ mọi lớp vỏ bên dưới vận cụ chân thần, từ cõi atma xuống đến cõi hồng trần.

69. Master DK says it directly. It would seem that Jupiter would attract the Jiva (still immersed in the lower five worlds) towards the world of the Monad and that Saturn would contribute to the necessary severing from the fivefold Brahmic Worlds..

69. Chân sư DK nói điều đó một cách trực tiếp. Có vẻ như Sao Mộc sẽ hút Jiva (vẫn còn chìm trong năm cõi thấp) về phía thế giới của chân thần và Sao Thổ sẽ góp phần vào sự cắt đứt cần thiết khỏi các Thế Giới Brahma ngũ phân.

70. The planet Vulcan has its place in relation to the atmic plane, for Vulcan and the Sun are one (as is repeatedly shown in relation to the veiling process—cf. EA 50). The Sun of Brahma shines forth on the atmic plane, but this Sun too, must be destroyed in favor of the 'Greater Sun' which the Monad represents—the 'Sun of Vishnu'.

70. Hành tinh Vulcan có vị trí của nó trong liên hệ với cõi atma, vì Vulcan và Mặt Trời là một (như được chỉ ra nhiều lần liên quan đến tiến trình che phủ—xem EA 50). Mặt Trời của Brahma chiếu sáng trên cõi atma, nhưng Mặt Trời này cũng phải bị hủy diệt để nhường chỗ cho "Mặt Trời Vĩ Đại hơn" mà chân thần tượng trưng—"Mặt Trời của Vishnu".

4. The Law of Magnetic Control holds sway paramountly on the buddhic plane, **and in the development of the control of this law lies hid the control of the personality by the Monad via the egoic body.**

71. We see (as might be expected) that the Seven Systemic Laws are apportioned, one each, to the plane which corresponds to their number. Thus, the fourth systemic law accords with the fourth systemic plane—the buddhic.

72. Ultimately, it is the Monad which must control the personality. We often think that it is the soul/Solar Angel which controls the personality (and this is initially true), but the soul consciousness (plus the presence of the Solar Angel) is the agent of the Monad.

73. We must not forget that, in terms of essence and fundamental consciousness—the soul *is* the Monad (in extension/attenuation) and the personality *is* the Monad (in even greater extension/attenuation).

74. Neptune, Jupiter and Mercury—all rulers of the buddhic plane—are agents of this Law of Magnetic Control.

75. From another perspective, Venus must necessarily be involved. Venus, although the ruler of the higher mental plane, must necessarily be related to the buddhic plane because the Logos of Venus has accomplished much in relation to the development and expression of buddhi. Venus is working on the sixth sub-plane of the cosmic astral plane (sixth from below) and that sixth cosmic astral sub-plane is

4. Định luật Kiểm Soát Từ Tính ngự trị một cách tối thượng trên cõi Bồ đề, **và trong sự phát triển của việc kiểm soát định luật này ẩn giấu sự kiểm soát phàm ngã bởi chân thần thông qua thể chân ngã.**

71. Chúng ta thấy (đúng như có thể dự đoán) rằng Bảy Định luật Hệ thống được phân chia, mỗi định luật một cõi, cho cõi tương ứng với số của nó. Vì vậy, định luật hệ thống thứ tư tương ứng với cõi hệ thống thứ tư—cõi Bồ đề.

72. Cuối cùng, chính chân thần phải kiểm soát phàm ngã. Chúng ta thường nghĩ rằng linh hồn/Thái dương Thiên Thần kiểm soát phàm ngã (và điều này lúc đầu là đúng), nhưng tâm thức linh hồn (cộng với sự hiện diện của Thái dương Thiên Thần) là tác nhân của chân thần.

73. Chúng ta không được quên rằng, xét theo bản chất cốt tuỷ và tâm thức căn bản—linh hồn *là* chân thần (trong sự mở rộng/làm loãng) và phàm ngã *là* chân thần (trong sự mở rộng/làm loãng còn lớn hơn nữa).

74. Sao Hải Vương, Sao Mộc và Sao Thủy—tất cả đều là các chủ tinh của cõi Bồ đề—là những tác nhân của Định luật Kiểm Soát Từ Tính này.

75. Từ một góc nhìn khác, Sao Kim nhất thiết cũng phải được bao gồm. Sao Kim, dù là chủ tinh của Cõi thượng trí, nhất thiết phải liên hệ với cõi Bồ đề vì Thượng đế của Sao Kim đã thành tựu nhiều điều liên quan đến sự phát triển và biểu lộ của Bồ đề. Sao Kim đang hoạt động trên cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ (thứ sáu tính từ dưới lên) và cõi phụ cảm dục vũ trụ thứ sáu ấy liên hệ với *nguyên khí thứ sáu* là Bồ đề.

related to the *sixth principal* which is buddhi.

76. Mercury contributes to magnetic control through transmission of higher substance/ consciousness into lower.

76. Sao Thủy góp phần vào sự kiểm soát từ tính thông qua việc truyền dẫn chất liệu/ tâm thức cao hơn vào cái thấp hơn.

77. Jupiter holds the human being's solar consciousness coherent; Jupiter promotes the perception of unity.

77. Sao Mộc giữ cho tâm thức thái dương của con người được cố kết; Sao Mộc thúc đẩy sự tri nhận về hợp nhất.

78. Neptune invokes the conscious of the soul-infused personality towards transcendence.

78. Sao Hải Vương khẩn cầu tâm thức của phàm ngã được linh hồn thấm nhuần hướng tới sự siêu việt.

79. Venus is a true magnet and, once a degree of soul infusion is reached. always draws personality consciousness away from its material preoccupations.

79. Sao Kim là một nam châm đích thực và, một khi đạt đến một mức độ được linh hồn thấm nhuần nào đó, luôn luôn kéo tâm thức phàm ngã ra khỏi những bận tâm vật chất của nó.

80. The idea here is that the Monad would use the energy of these planets, via the buddhic plane and via the egoic lotus, to magnetically control the personality.

80. Ý tưởng ở đây là chân thần sẽ sử dụng năng lượng của các hành tinh này, thông qua cõi Bồ đề và thông qua Hoa Sen Chân Ngã, để kiểm soát phàm ngã bằng từ tính.

81. We would have the magnetism of the Monad and egoic lotus drawing the attention of the personality consciousness away from strictly personal concerns.

81. Chúng ta sẽ có từ lực của chân thần và Hoa Sen Chân Ngã lôi kéo sự chú ý của tâm thức phàm ngã ra khỏi những mối quan tâm thuần túy cá nhân.

82. The third aspect would be controlled by the second—all this reinforced by spiritual will supporting and substanding buddhi. The Monad we have often been told is atma-buddhi.

82. Phương diện thứ ba sẽ được phương diện thứ hai kiểm soát—tất cả điều này được củng cố bởi ý chí tinh thần nâng đỡ và làm nền cho Bồ đề. Chúng ta thường được bảo rằng chân thần là atma-buddhi.

5. The Law of Fixation demonstrates principally on the mental plane and has a close connection with manas, the fifth principle. The mind controls and stabilises, and coherency is the result.

5. Định luật Cố Định biểu lộ chủ yếu trên cõi trí và có liên hệ mật thiết với manas, nguyên khí thứ năm. Trí tuệ kiểm soát và ổn định, và kết quả là sự cố kết.

83. We cannot help but notice that the factor of *coherency* is related to both the Law of Cohesion and the Law of Fixation.

83. Chúng ta không thể không nhận thấy rằng nhân tố *cố kết* có liên hệ với cả Định luật Cố Kết lẫn Định luật Cố Định.

84. Solar fire (as an expression of the energy of the Solar Logos) does express both on the monadic plane and on the fifth, or mental plane.

84. Lửa Thái dương (như một biểu hiện của năng lượng của Thái dương Thượng đế) quả thực biểu lộ cả trên cõi chân thần lẫn trên cõi thứ năm, hay cõi trí.

He [Lord Agni] shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh. (TCF 521)

Ngài [Lord Agni] biểu lộ như lửa thái dương trên cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như 'Lửa ma sát' trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. (TCF 521)

85. Through the Solar Angel, solar fire is expressed on the higher mental plane.

85. Thông qua Thái dương Thiên Thần, lửa thái dương được biểu lộ trên Cõi thượng trí.

86. Venus rules the higher mental plane and, through the expression of the highly focused fifth ray, contributes greatly to the fixation, control and stabilization that is to be achieved.

86. Sao Kim cai quản Cõi thượng trí và, thông qua sự biểu lộ của cung năm được tập trung cao độ, góp phần rất lớn vào sự cố định, kiểm soát và ổn định cần phải đạt được.

87. Saturn relates to the lower mental plane and is also involved in the steadying of thoughtforms, ensuring that they are created "according to plan"—for the spiritually-inclined person, the *Divine* Plan.

87. Sao Thổ liên hệ với cõi hạ trí và cũng tham gia vào việc làm vững các hình tư tưởng, bảo đảm rằng chúng được tạo ra "theo đúng mô hình"—đối với người có khuynh hướng tinh thần, đó là Thiên Cơ *thiêng liêng*.

88. The mind has *holding* power when used correctly, for it is an agent of the *will,* with its definite power to hold. Two planets of initiation (Venus and Saturn, the rulers of Capricorn, the paramount sign of initiation) contribute to this holding power—Venus inducing the holding of the center and Saturn defining boundaries within which the holding occurs.

88. Trí tuệ có năng lực *giữ vững* khi được sử dụng đúng cách, vì nó là một tác nhân của *ý chí,* với năng lực giữ vững xác định của nó. Hai hành tinh của điểm đạo (Sao Kim và Sao Thổ, các chủ tinh của Ma Kết, dấu hiệu tối thượng của điểm đạo) góp phần vào năng lực giữ vững này—Sao Kim tạo ra việc giữ vững trung tâm và Sao Thổ xác định những ranh giới trong đó việc giữ vững diễn ra.

6. The Law of Love is the law of the astral plane. It aims at the transmutation of the

6. Định luật Tình thương là định luật của cõi cảm dục. Nó nhắm đến sự chuyển hoá bản

desire nature, and links it up with the **greater magnetism of the love aspect on the buddhic plane**.

chất dục vọng, và nối kết nó với **từ lực lớn hơn của phương diện bác ái trên cõi Bồ đề**.

89. The Law of Love provides an astral-buddhic link—desire linked with buddhi.

89. Định luật Tình thương cung cấp một liên kết cảm dục-Bồ đề—dục vọng được nối kết với Bồ đề.

90. Both Venus and Neptune are involved with the transmutation of desire into love. The line might be as follows: from the refinement of desire under Neptune and its elevation into aspiration; to the magnetism of Venus on the higher mental plane; to the release of the divine love nature through buddhi, again ruled by Neptune.

90. Cả Sao Kim lẫn Sao Hải Vương đều liên quan đến sự chuyển hoá dục vọng thành tình thương. Tuyến đường có thể như sau: từ sự tinh luyện dục vọng dưới Sao Hải Vương và sự nâng nó lên thành khát vọng; đến từ lực của Sao Kim trên Cõi thượng trí; đến sự giải phóng bản chất bác ái thiêng liêng thông qua Bồ đề, một lần nữa do Sao Hải Vương cai quản.

91. We can gather from what is said that the buddhic plane is *highly* magnetic. The magnetism of desire is small compared to the magnetism of Divine Love.

91. Từ những gì được nói ra, chúng ta có thể hiểu rằng cõi Bồ đề có từ lực *rất* mạnh. Từ lực của dục vọng là nhỏ bé so với từ lực của Tình thương thiêng liêng.

92. The two primary rulers of the astral plane are Mars and Neptune. This law has little to do with the non-sacred planet, Mars.

92. Hai chủ tinh chính của cõi cảm dục là Sao Hỏa và Sao Hải Vương. Định luật này ít liên quan đến hành tinh không thiêng liêng là Sao Hỏa.

93. Both Venus and Neptune are considered planets of refinement and transmutation.

93. Cả Sao Kim lẫn Sao Hải Vương đều được xem là những hành tinh của sự tinh luyện và chuyển hoá.

94. The name of this law points to the desirable objective—that *love* should prevail on the astral plane, which now it does not. This will require that the link between the astral and buddhic planes be strengthened and consistently cultivated.

94. Tên gọi của định luật này chỉ ra mục tiêu đáng mong muốn—rằng *tình thương* nên ngự trị trên cõi cảm dục, điều mà hiện nay chưa xảy ra. Điều này sẽ đòi hỏi mối liên kết giữa cõi cảm dục và cõi Bồ đề phải được tăng cường và được vun bồi một cách nhất quán.

7. The Law of Sacrifice and Death is the controlling factor on the physical plane. **The destruction of the form**, in order that the

7. Định luật Hi sinh và Tử vong là nhân tố kiểm soát trên cõi hồng trần. **Sự hủy diệt hình tướng**, để sự sống đang tiến hoá có thể

evolving life may progress, is one of the fundamental methods in evolution.

95. This law, it seems, relates directly to the Manu's Department on the first ray. It is He that sustains the physical forms which must be sustained and discards those that are obstructive to the Divine Plan.

96. Uranus is correlated with the Creative Hierarchy which focuses on the seventh or lowest plane, but the influence of both Saturn and Vulcan are also to be felt.

97. We are told of Saturn: "Saturn breaks up existing conditions by the force of its energy impact..." (EA 442).

98. Although less of the "destroyer aspect" is expressed through Vulcan than through Pluto, yet there is the potential for destruction in the Vulcanian "hammer". The shattering blow is certainly Vulcanian in nature.

The Intermediate Law of Karma.—There is also an intermediate law, which is the synthetic law of the system [Page 570] of Sirius.

99. Shall we consider this a "cosmic" law? The three cosmic laws hitherto discussed related either to the One About Whom Naught May Be Said or to the Cosmic Logos in Whom our solar system is a part, or perhaps to both.

100. The system of Sirius (if here the *star* Sirius is meant) is a lesser system than either that of the One About Whom Naught May Be Said (really a Super-Cosmic Logos) or the system of the Cosmic Logos Who includes

tiến bộ, là một trong những phương pháp căn bản của tiến hoá.

95. Có vẻ như định luật này liên hệ trực tiếp với Ban của Đức Manu trên cung một. Chính Ngài duy trì những hình tướng hồng trần phải được duy trì và loại bỏ những hình tướng cản trở Thiên Cơ.

96. Sao Thiên Vương tương quan với Huyền Giai Sáng Tạo tập trung trên cõi thứ bảy hay thấp nhất, nhưng ảnh hưởng của cả Sao Thổ lẫn Vulcan cũng đều được cảm nhận.

97. Chúng ta được nói về Sao Thổ: "Sao Thổ phá vỡ các điều kiện hiện có bằng lực của sự va chạm năng lượng của nó..." (EA 442).

98. Mặc dù "phương diện hủy diệt" được biểu lộ qua Vulcan ít hơn qua Sao Diêm Vương, tuy vậy vẫn có tiềm năng hủy diệt trong "chiếc búa" của Vulcan. Đòn giáng tan vỡ chắc chắn mang bản chất Vulcan.

Định luật Trung Gian của Nghiệp Quả.—Cũng có một định luật trung gian, là định luật tổng hợp của hệ thống [Page 570] Sirius.

99. Chúng ta có nên xem đây là một định luật "vũ trụ" không? Ba định luật vũ trụ đã được bàn đến cho đến nay liên hệ hoặc với Đấng Bất Khả Tư Nghị hoặc với Cosmic Logos mà trong Ngài hệ mặt trời của chúng ta là một phần, hoặc có lẽ với cả hai.

100. Hệ thống Sirius (nếu ở đây muốn nói đến *ngôi sao* Sirius) là một hệ thống nhỏ hơn hệ thống của Đấng Bất Khả Tư Nghị (thực ra là một Super-Cosmic Logos) hoặc hệ thống của Cosmic Logos Đấng bao gồm hệ mặt trời

our solar system and solar system of which the star Sirius is the center.

This law is called by the **generic term, the Law of Karma**, and really predicates the effect the Sirian system has on our solar system.

101. There might be a more specific name for this law.

102. We must pause to acknowledge that the system of our Cosmic Logos, sometimes called the Seven Solar Systems of Which Ours is One, is sometimes also called the "Sirian System"—really the '*Greater* Sirian System'.

103. The important thing to notice is that the Law of Karma, as we experience it in our solar system, due to the effect of the Sirian system upon our own.

Each of the two systems, as regards its internal economy, is independent in time and space, or (in other words), in manifestation.

104. This sentence makes it seem that we are indeed speaking of solar systems (systems in which one sun {or perhaps two} is the center of the system) and not of one solar system and one greater cosmic logoic system.

của chúng ta và hệ mặt trời mà ngôi sao Sirius là trung tâm.

Định luật này được gọi bằng **thuật ngữ tổng quát là Định luật Nghiệp Quả**, và thực sự xác định hiệu quả mà hệ thống Sirius có trên hệ mặt trời của chúng ta.

101. Có thể có một tên gọi đặc thù hơn cho định luật này.

102. Chúng ta phải dừng lại để thừa nhận rằng hệ thống của Cosmic Logos của chúng ta, đôi khi được gọi là Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một, đôi khi cũng được gọi là "Hệ Sirius"—thực ra là "Hệ Sirius *Vĩ Đại hơn*".

103. Điều quan trọng cần lưu ý là Định luật Nghiệp Quả, như chúng ta trải nghiệm nó trong hệ mặt trời của mình, là do hiệu quả của hệ thống Sirius tác động lên hệ của chúng ta.

Mỗi một trong hai hệ thống, xét về cơ cấu nội tại của nó, đều độc lập trong thời gian và không gian, hay nói cách khác, trong biểu hiện.

104. Câu này khiến có vẻ như quả thực chúng ta đang nói về các hệ mặt trời (những hệ trong đó một mặt trời {hoặc có lẽ hai} là trung tâm của hệ) chứ không phải về một hệ mặt trời và một hệ thống logoi vũ trụ lớn hơn.

105. The two systems, though interdependent, function in many respects independently of each other. DK is speaking of the third aspect under the Law of Economy as causing independence and suggesting the second aspect as the cause of interdependency.

105. Hai hệ thống này, dù phụ thuộc lẫn nhau, vẫn hoạt động độc lập với nhau trên nhiều phương diện. Chân sư DK đang nói về phương diện thứ ba dưới Định luật Tiết Kiệm như nguyên nhân gây ra tính độc lập và gợi ý phương diện thứ hai như nguyên nhân của sự phụ thuộc lẫn nhau.

We have practically no effect on our parent system, the reflex action is so slight as to be negligible, but very definite effects are felt in our system through causes arising in Sirius.

Chúng ta hầu như không có tác động nào lên hệ thống mẹ của chúng ta, phản ứng ngược quá nhỏ đến mức có thể bỏ qua, nhưng những hiệu quả rất xác định lại được cảm nhận trong hệ của chúng ta thông qua những nguyên nhân phát sinh trong Sirius.

106. Why is the system of the star Sirius called "our parent system". Is the star Sirius in some astronomical way the "parent" of our solar system, or is the term "parent" used to indicate the relative seniority of the Logos of the star Sirius? Or is the 'Greater Sirian System of Seven Suns' indicated—the system of a Cosmic Logos Who, indeed, could be considered the "parent" of our system and the parent of the Sirian *solar system* as well.

106. Tại sao hệ thống của ngôi sao Sirius lại được gọi là "hệ thống mẹ của chúng ta"? Có phải ngôi sao Sirius theo một cách thiên văn nào đó là "cha mẹ" của hệ mặt trời chúng ta, hay từ "mẹ" được dùng để chỉ tính cao niên tương đối của Logos của ngôi sao Sirius? Hay là "Hệ Sirius Vĩ Đại hơn gồm Bảy Mặt Trời" được hàm ý—hệ thống của một Cosmic Logos mà quả thực có thể được xem là "cha mẹ" của hệ chúng ta và cũng là cha mẹ của cả *hệ mặt trời* Sirius nữa.

107. The parallel in which Sirius is to our Sun as Venus is to our Earth breaks down here, because whereas Earth has had a powerful effect upon Venus, our Sun (Sol) has only a very slight effect on Sirius.

107. Sự song hành trong đó Sirius đối với Mặt Trời của chúng ta cũng như Sao Kim đối với Trái Đất bị phá vỡ ở đây, bởi vì trong khi Trái Đất đã có một tác động mạnh mẽ lên Sao Kim, thì Mặt Trời của chúng ta (Sol) chỉ có một tác động rất nhỏ lên Sirius.

108. If by Sirius were meant the 'Greater Sirian System of Seven Suns', we could easily understand the negligible effect of our Sun upon Sirius. But it is more likely that we are talking of the Sirian *solar system* (not a constellation) and, even so, the effect of our solar system upon that greater solar system appears to be negligible.

108. Nếu Sirius được hiểu là "Hệ Sirius Vĩ Đại hơn gồm Bảy Mặt Trời", chúng ta có thể dễ dàng hiểu được tác động không đáng kể của Mặt Trời chúng ta lên Sirius. Nhưng có nhiều khả năng là chúng ta đang nói về *hệ mặt trời* Sirius (không phải một chòm sao) và, ngay cả như vậy, tác động của hệ mặt trời chúng ta lên hệ mặt trời lớn hơn ấy dường như vẫn không đáng kể.

These causes, when experienced as effects, are called by us the Law of Karma, and at the beginning they started systemic Karma which, once in effect, constitutes that which is called Karma in our occult and oriental literature.

Những nguyên nhân này, khi được trải nghiệm như các hiệu quả, được chúng ta gọi là Định luật Nghiệp Quả, và lúc khởi đầu chúng đã khởi động nghiệp quả hệ thống mà, một khi đã có hiệu lực, cấu thành điều được gọi là nghiệp quả trong văn liệu huyền bí và phương Đông của chúng ta.

109. DK is attempting to sharpen our understanding of karma by establish its origin—at least as far as our solar system is concerned.

109. Chân sư DK đang cố gắng làm sắc bén sự hiểu biết của chúng ta về nghiệp quả bằng cách xác lập nguồn gốc của nó—ít nhất là trong chừng mực liên quan đến hệ mặt trời của chúng ta.

110. Sirian influences as experienced in our solar system are loosely called "karma". From this we understand that the Sirian influence seeks to bring all forms of life into right and balanced relationship.

110. Những ảnh hưởng Sirius như được trải nghiệm trong hệ mặt trời của chúng ta được gọi một cách lỏng là "nghiệp quả". Từ đó chúng ta hiểu rằng ảnh hưởng Sirius tìm cách đưa mọi hình thức sự sống vào mối liên hệ đúng đắn và quân bình.

111. The following triangle of energy transmission would seem necessary in light of the foregoing: Sirius—Libra—Sol.

111. Tam giác truyền dẫn năng lượng sau đây dường như là cần thiết dưới ánh sáng của những điều vừa nói: Sirius—Thiên Bình—Sol.

112. Libra is the sign of karma and equilibrium, closely related to the task of the Lords of Karma.

112. Thiên Bình là dấu hiệu của nghiệp quả và quân bình, liên hệ mật thiết với công việc của các Đấng Nghiệp Quả.

113. It may be that Libra is really a much greater center than Sirius. Probably the triangle should be expressed: Libra-Sirius-Sol. Libra, after all, is a constellation and so the Deity Who expresses through it is a 'Lord of a Constellation'. The Deities expressing through Sirius or Sol are simply 'Lords of Individual Stars'. Libra is also one of the twelve petals in the heart within the head center of the One About Whom Naught May Be Said. This give it and every zodiacal constellation a very high spiritual status.

113. Có thể Thiên Bình thực sự là một trung tâm lớn hơn Sirius rất nhiều. Có lẽ tam giác nên được biểu đạt là: Thiên Bình-Sirius-Sol. Xét cho cùng, Thiên Bình là một chòm sao và vì thế Thượng đế biểu lộ qua nó là một 'Chúa Tể của một Chòm Sao'. Các Thượng đế biểu lộ qua Sirius hay Sol chỉ đơn giản là 'Chúa Tể của các Ngôi Sao Cá Biệt'. Thiên Bình cũng là một trong mười hai cánh hoa trong tim bên trong trung tâm đầu của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Điều này mang lại cho nó và cho mọi chòm sao hoàng đạo một địa vị tinh thần rất cao.

114. It becomes clear that everything we experience as planetary or individual karma begins under Sirian impulsion at the beginning of the solar system. From solar systemic karma all lesser forms of karma within the solar system derive.

114. Rõ ràng là mọi điều chúng ta trải nghiệm như nghiệp quả hành tinh hay cá nhân đều bắt đầu dưới sự thúc đẩy của Sirius vào lúc khởi đầu của hệ mặt trời. Từ nghiệp quả hệ mặt trời, mọi hình thức nghiệp quả nhỏ hơn bên trong hệ mặt trời đều phát sinh.

The Lipika Lords of our system, the systemic Lords of Karma, are under the rule of a greater corresponding Lord on Sirius.

Các Lipika Lords của hệ chúng ta, các Đấng Nghiệp Quả của hệ thống, ở dưới sự cai quản của một Đấng tương ứng cao hơn trên Sirius.

115. It has to be established whether the Lipika Lords of our system actually hail, originally, from Sirius.

115. Cần phải xác lập xem các Lipika Lords của hệ chúng ta có thực sự nguyên thủy xuất thân từ Sirius hay không.

116. In any case, if there are three such Lipika Lords assigned to our system, They are directed by a "greater corresponding Lord on Sirius".

116. Dù sao đi nữa, nếu có ba Lipika Lords như vậy được phân công cho hệ của chúng ta, thì Các Ngài được chỉ đạo bởi một "Đấng tương ứng cao hơn trên Sirius".

117. It is, however, clear that there is more than one Guiding Intelligence on Sirius responsible for the direction of the Lipika Lords:

117. Tuy nhiên, rõ ràng là có nhiều hơn một Trí Tuệ Hướng Dẫn trên Sirius chịu trách nhiệm chỉ đạo các Lipika Lords:

A hint may here be given to the earnest student; in the threefold Ego (the lives who form the central bud, the lives of the petals,

Một gợi ý có thể được đưa ra ở đây cho đạo sinh tha thiết; trong Chân ngã tam phân (các sự sống tạo thành nụ trung tâm, các sự sống

and the triple group of lives who form the three permanent atoms) is seen a correspondence to the three groups of Lipika Lords who are the karmic cause of solar manifestation, and who control its periodic manifestation. These three groups are related to Their guiding Intelligences on Sirius. (TCF 1033)

118. Sirius, thus, through various categories of Lipika Lords (greater and lesser) directs the karmic process as it affects our solar system.

We have therefore:

1. The three cosmic laws of Synthesis, Attraction and Economy.

2. The Sirian law of Karma.

3. The seven laws of the solar system.

119. The Tibetan has given us a ranking of these various laws—cosmic and systemic.

120. The Sirian Law of Karma is neither entirely cosmic nor is it systemic. It is an extra-systemic law, because it originates outsider our solar system altogether, but does not originate in a Lord of a Constellation whereas the three cosmic laws do—either in a Cosmic Logos or a 'Super-Cosmic Logos"—with the latter possibility being more reasonable, in my opinion.

121. The number of laws discussed is, therefore, eleven. Eleven, we have been told, is the "number of the initiate".

của các cánh hoa, và nhóm tam phân các sự sống tạo thành ba Nguyên tử trường tồn) có thể thấy một sự tương ứng với ba nhóm Lipika Lords là nguyên nhân nghiệp quả của biểu hiện thái dương, và là những Đấng kiểm soát biểu hiện chu kỳ của nó. Ba nhóm này có liên hệ với các Trí Tuệ hướng dẫn của Các Ngài trên Sirius. (TCF 1033)

118. Như vậy, Sirius, thông qua nhiều loại Lipika Lords khác nhau (lớn hơn và nhỏ hơn), chỉ đạo tiến trình nghiệp quả khi nó tác động đến hệ mặt trời của chúng ta.

Vì vậy chúng ta có:

1. Ba định luật vũ trụ là Tổng Hợp, Hấp Dẫn và Tiết Kiệm.

2. Định luật Nghiệp Quả của Sirius.

3. Bảy định luật của hệ mặt trời.

119. Chân sư Tây Tạng đã cho chúng ta một sự xếp hạng các định luật khác nhau này—vũ trụ và hệ thống.

120. Định luật Nghiệp Quả của Sirius không hoàn toàn là vũ trụ cũng không phải là hệ thống. Nó là một định luật ngoài-hệ-thống, vì nó phát sinh hoàn toàn từ bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta, nhưng không phát sinh trong một Chúa Tể của một Chòm Sao như ba định luật vũ trụ—mà phát sinh hoặc trong một Cosmic Logos hoặc một "Super-Cosmic Logos"—trong đó khả năng sau, theo ý kiến của tôi, là hợp lý hơn.

121. Vì vậy, số lượng các định luật được bàn đến là mười một. Chúng ta đã được bảo rằng mười một là "con số của điểm đạo đồ".

As we have been told, our seven major vibrations are the vibrations of the lowest cosmic plane; there is our habitat.

Như chúng ta đã được bảo, bảy rung động chính yếu của chúng ta là những rung động của cõi vũ trụ thấp nhất; đó là nơi cư ngụ của chúng ta.

122. This is the cosmic physical plane.

122. Đây là cõi hồng trần vũ trụ.

123. Our seven major vibrations are the vibration of the seven solar planes.

123. Bảy rung động chính yếu của chúng ta là rung động của bảy cõi thái dương.

124. These vibrations or planes are major to us because they are the only one accessible to us, even though accessibility demands of us every spiritual effort of which we are presently capable.

124. Những rung động hay cõi này là chính yếu đối với chúng ta vì chúng là những cõi duy nhất có thể tiếp cận được đối với chúng ta, dù sự tiếp cận ấy đòi hỏi nơi chúng ta mọi nỗ lực tinh thần mà hiện nay chúng ta có khả năng thực hiện.

125. These planes are as spirillae of the cosmic physical permanent atom.

125. Những cõi này giống như các loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần vũ trụ.

Our Logos Himself, the heart of His system, is on the cosmic astral plane; he is polarised there.

Chính Thượng đế của chúng ta, trái tim của hệ của Ngài, ở trên cõi cảm dục vũ trụ; Ngài phân cực ở đó.

126. It may be that our Solar Logos is primarily focussed on the astral plane but He is beginning to coordinate His buddhic vehicle, which means that He will be able to demonstrate through an astral-buddhic connection.

126. Có thể Thái dương Thượng đế của chúng ta chủ yếu được tập trung trên cõi cảm dục nhưng Ngài đang bắt đầu phối hợp vận cụ Bồ đề của Ngài, điều đó có nghĩa là Ngài sẽ có thể biểu lộ thông qua một liên kết cảm dục-Bồ đề.

127. Our Solar Logos is presently the "heart of His system" because He expresses paramountly the second ray and is focussed astrally.

127. Hiện nay Thái dương Thượng đế của chúng ta là "trái tim của hệ của Ngài" vì Ngài biểu lộ tối thượng cung hai và được tập trung trên cõi cảm dục.

128. But, of course, He more than the *heart*: He is the point within the triangle, the Being Who uses head, heart and throat.

128. Nhưng dĩ nhiên, Ngài còn hơn cả *trái tim*: Ngài là điểm bên trong tam giác, Đấng sử dụng đầu, tim và cổ họng.

Our solar Logos, being a Logos of the fourth order, will begin to co-ordinate His cosmic

Thái dương Thượng đế của chúng ta, là một Thượng đế thuộc đẳng cấp thứ tư, sẽ bắt đầu

buddhic body, and as He develops cosmic mind He will gradually achieve, by the aid of that mind, the ability to touch the cosmic buddhic plane. (TCF 115)

phối hợp thể Bồ đề vũ trụ của Ngài, và khi Ngài phát triển trí tuệ vũ trụ, Ngài sẽ dần dần đạt được, nhờ sự trợ giúp của trí tuệ ấy, khả năng chạm đến cõi Bồ đề vũ trụ. (TCF 115)

129. We note how the Solar Logos is to touch the buddhic plane. In His method is suggested a method for us as well.

129. Chúng ta lưu ý cách Thái dương Thượng đế sẽ chạm đến cõi Bồ đề. Trong phương pháp của Ngài cũng gợi ra một phương pháp cho chúng ta.

130. Here are a few references which substantiate the astral-buddhic nature of our Solar Logos:

130. Dưới đây là một vài trích dẫn xác nhận bản chất cảm dục-Bồ đề của Thái dương Thượng đế của chúng ta:

we need to remember that, in this astral-buddhic solar system, wherein love and wisdom are being brought into objectivity, the bulk of the monads are on the love-wisdom ray. (TCF 176)

chúng ta cần nhớ rằng, trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề này, nơi bác ái và minh triết đang được đưa vào tính khách quan, phần lớn các chân thần thuộc về cung Bác Ái – Minh Triết. (TCF 176)

Touch. In taking up the subject of the second sense, that of touch, we must note that this sense is preeminently the sense of very great importance in this, the second, solar system —a system of astral-buddhic consciousness. (TCF 193)

Xúc giác. Khi đề cập đến chủ đề giác quan thứ hai, tức xúc giác, chúng ta phải lưu ý rằng giác quan này nổi bật là giác quan có tầm quan trọng rất lớn trong hệ mặt trời thứ hai này—một hệ của tâm thức cảm dục-Bồ đề. (TCF 193)

This being the solar system of love-wisdom, or of astral buddhic development, the fourth Path includes the larger number of the sons of men. (TCF 1243)

Vì đây là hệ mặt trời của bác ái-minh triết, hay của sự phát triển cảm dục-Bồ đề, nên Con Đường thứ tư bao gồm số lượng lớn hơn các người con của nhân loại. (TCF 1243)

Just as the units of the fourth Creative Hierarchy, the human, are evolving through the use of physical bodies, but are polarised at this time in their astral vehicles, so we have seen that the objective solar system forms the physical body of the Logos, though His polarity is in His astral body. **It is significant that in this greater manvantara, the Logos is to take the fourth cosmic Initiation.**

Cũng như các đơn vị của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức nhân loại, đang tiến hoá thông qua việc sử dụng các thể xác, nhưng hiện nay lại phân cực trong các vận cụ cảm dục của họ, thì chúng ta đã thấy rằng hệ mặt trời khách quan tạo thành thể xác của Thượng đế, mặc dù sự phân cực của Ngài ở trong thể cảm dục của Ngài. **Điều có ý nghĩa là trong đại giai kỳ sinh hóa này, Thượng đế sẽ nhận cuộc Điểm Đạo vũ trụ thứ tư.**

131. The parallel between the human unit and the Solar Logos is close. Because man, in general, is focussed in his astral body, he experiences much difficulty and stress. From a systemic perspective, the same may be said of our Solar Logos, though it is difficult for us to perceived the nature of such difficulty and stress. Probably much of it is focussed in relation to our Earth-scheme.

131. Sự song hành giữa đơn vị nhân loại và Thái dương Thượng đế là rất gần gũi. Bởi vì con người, nói chung, được tập trung trong thể cảm dục của mình, y trải nghiệm nhiều khó khăn và căng thẳng. Từ góc độ hệ thống, điều tương tự có thể được nói về Thái dương Thượng đế của chúng ta, dù đối với chúng ta thật khó tri nhận bản chất của những khó khăn và căng thẳng ấy. Có lẽ phần lớn điều đó được tập trung trong liên hệ với hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta.

132. Here we are told that in the "greater manvantara", the mahamanvantara, the Solar Logos is to take the "fourth cosmic Initiation". This is not simply the fourth initiation in the series of nine initiations in which He is presently engaged (cf. TCF 384). Rather, it is the fourth in a series of *greater* initiations which have a *systemic* significance rather than a *scheme* significance.

132. Ở đây chúng ta được bảo rằng trong "đại giai kỳ sinh hóa", tức mahamanvantara, Thái dương Thượng đế sẽ nhận "cuộc Điểm Đạo vũ trụ thứ tư". Đây không chỉ đơn giản là lần điểm đạo thứ tư trong chuỗi chín lần điểm đạo mà hiện nay Ngài đang tham dự (xem TCF 384). Đúng hơn, đó là lần thứ tư trong một chuỗi các cuộc điểm đạo *lớn hơn* có ý nghĩa *hệ thống* hơn là ý nghĩa *hệ hành tinh*.

133. We must note that there are references which suggest that the Solar Logos may take the *fifth* cosmic initiation.

133. Chúng ta phải lưu ý rằng có những tham chiếu gợi ý rằng Thái dương Thượng đế có thể nhận cuộc điểm đạo vũ trụ *thứ năm*.

The 5th Mahamanvantara (or solar system)The solar Logos achieves His fifth major Initiation. (TCF 605)

Đại giai kỳ sinh hóa thứ 5 (hay hệ mặt trời)Thái dương Thượng đế đạt đến cuộc Điểm Đạo lớn thứ năm của Ngài. (TCF 605)

134. Obviously, there is no way we human beings can decide which it *will* be.

134. Hiển nhiên, không có cách nào để chúng ta là những con người có thể quyết định điều đó *sẽ* là gì.

This achieved, our Logos has triumphed, and measured up to the sixth cosmic Initiation [in the next solar system], just as He should measure up in this system to the fourth. (TCF 590)

Khi điều này đạt được, Thượng đế của chúng ta đã chiến thắng, và đã vươn tới cuộc điểm đạo vũ trụ thứ sáu [in the next solar system], cũng như Ngài phải vươn tới cuộc điểm đạo thứ tư trong hệ này. (TCF 590)

135. The implications for our Earth are considerable as Earth is, from certain respects, a base of the spine center in the solar system.

135. Những hàm ý đối với Trái Đất của chúng ta là rất lớn vì Trái Đất, xét trên một số phương diện, là một trung tâm đáy cột sống trong hệ mặt trời.

136. We note that the Tibetan does not use the word "mahamanvantara". Instead, He uses "greater manvantara" to mean an occult century. In general, the word "manvantara" can be used generically, and so we must be watchful regarding the use of this word. It seems to be rather 'elastic' and can be used to indicate widely different time periods.

136. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng không dùng từ "mahamanvantara". Thay vào đó, Ngài dùng "đại giai kỳ sinh hóa" để chỉ một thế kỷ huyền bí. Nói chung, từ "manvantara" có thể được dùng theo nghĩa tổng quát, và vì vậy chúng ta phải thận trọng đối với cách dùng từ này. Nó dường như khá "co giãn" và có thể được dùng để chỉ những khoảng thời gian rất khác nhau.

A hint which may enlighten lies in the correspondence which exists between this statement and the [Page 571] fourth root-race development, and this, the fourth or astral round.[81]

Một gợi ý có thể soi sáng nằm trong sự tương ứng tồn tại giữa phát biểu này và sự phát triển của giống dân gốc thứ tư, và cuộc tuần hoàn này, tức [Page 571] cuộc tuần hoàn thứ tư hay cảm dục.81

FOOTNOTE:

CHÚ THÍCH:

81: The present Round, which is the fourth, is the one in which desire, or response to contact and sensation is being brought to its fullest expression. In the next round, the fifth, the fifth principle of mind, or manas, will reach fruition.

81: Cuộc tuần hoàn hiện nay, là cuộc tuần hoàn thứ tư, là cuộc tuần hoàn trong đó dục vọng, hay sự đáp ứng với tiếp xúc và cảm giác, đang được đưa đến chỗ biểu lộ đầy đủ nhất. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, cuộc tuần hoàn thứ năm, nguyên khí thứ năm của trí tuệ, hay manas, sẽ đạt đến sự viên mãn.

137. It is significant that the number *four* is associated with the astral plane and astral development. This being the case, we could consider the first and second rounds pre-physical.

137. Điều có ý nghĩa là con số *bốn* gắn liền với cõi cảm dục và sự phát triển cảm dục. Nếu đúng như vậy, chúng ta có thể xem cuộc tuần hoàn thứ nhất và thứ hai là tiền-hồng-trần.

138. The astral plane is the plane of interplay between dual forces. In Rule VII from TWM, below, the "plane whereon the vital power must be sought" is the astral

138. Cõi cảm dục là cõi của sự tương tác giữa các mãnh lực kép. Trong Quy luật VII từ Luận về Chánh Thuật dưới đây, "cõi nơi quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm" là

plane and it has "dual forces"—representing the interplay between the pairs of opposites.

cõi cảm dục và nó có "các mãnh lực kép"—biểu thị sự tương tác giữa các cặp đối cực.

RULE VII. The **dual forces** on the plane whereon the vital power must be sought, are seen; the two paths face the Solar Angel; the poles vibrate. A choice confronts the one who meditates. (TCF 1013)

QUY LUẬT VII. Các **mãnh lực kép** của cõi mà trên đó quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy; hai con đường đối diện với Thái Dương Thiên Thần; các cực rung động. Một sự lựa chọn đối mặt với người đang tham thiền. (TCF 1013)

The system of the Sirian Logos is on the cosmic mental plane, and in a subtle way, incomprehensible to us, our Logos, with His system, **forms a part of a still greater Logos.**

Hệ thống của Thượng đế Sirius ở trên cõi trí tuệ vũ trụ, và theo một cách vi tế, không thể hiểu được đối với chúng ta, Thượng đế của chúng ta, cùng với hệ thống của Ngài, **tạo thành một phần của một Thượng đế còn vĩ đại hơn nữa.**

139. This is a critically important statement for the understanding of 'local' cosmology.

139. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng để thấu hiểu vũ trụ học "địa phương".

140. The statement immediately above probably means the following: that our Solar Logos, along with the Logos Who expresses through the star Sirius, are both members of the same Cosmic Logos—a Logos in which They are as chakras.

140. Phát biểu ngay bên trên có lẽ có nghĩa như sau: rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta, cùng với Thượng đế biểu lộ qua ngôi sao Sirius, đều là thành viên của cùng một Thượng đế Vũ Trụ—một Thượng đế trong đó Các Ngài như những luân xa.

141. Another meaning is possible but it is more remote.

141. Một ý nghĩa khác cũng có thể có, nhưng xa hơn.

142. The wording above is perhaps ambiguous. The interpretation which seems to make the most sense is to regard "with His system" as referring to the *Sirian* Logos. This would mean that our Logos *along with* the system of the Sirian Logos are part of a still greater system.

142. Cách diễn đạt bên trên có lẽ mơ hồ. Cách giải thích dường như hợp lý nhất là xem "cùng với hệ thống của Ngài" là chỉ đến Thượng đế *Sirius*. Điều này có nghĩa là Thượng đế của chúng ta, *cùng với* hệ thống của Thượng đế Sirius, là một phần của một hệ thống còn lớn hơn nữa.

143. If the meaning of the sentence is as suggested, the Tibetan is a *master of revelatory ambiguity.*

143. Nếu ý nghĩa của câu là như được gợi ý, thì Chân sư Tây Tạng là một *bậc thầy của sự mơ hồ mặc khải.*

144. There is reason to suspect that Cosmic Logoi are focussed on the cosmic buddhic plane.

144. Có lý do để nghi ngờ rằng các Thượng đế Vũ Trụ được tập trung trên cõi Bồ đề vũ trụ.

145. The fact that the Sirian Logos (meaning the Logos Who expresses principally through the star Sirius) is on the cosmic mental plane distinguishes Him from our Solar Logos Who is focussed on the cosmic astral plane.

145. Sự kiện rằng Thượng đế Sirius (nghĩa là Thượng đế biểu lộ chủ yếu qua ngôi sao Sirius) ở trên cõi trí tuệ vũ trụ phân biệt Ngài với Thái dương Thượng đế của chúng ta, Đấng được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ.

146. This means that the Sirian Logos in relation to our Logos is relatively higher than Venus is in relation to Earth, because *both* Venus and the Earth are focussed on the cosmic astral plane—though Venus is focussed one sub-plane higher.

146. Điều này có nghĩa là Thượng đế Sirius, trong tương quan với Thượng đế của chúng ta, tương đối cao hơn Sao Kim trong tương quan với Trái Đất, bởi vì *cả hai* Sao Kim và Trái Đất đều được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ—dù Sao Kim được tập trung cao hơn một cõi phụ.

This does not involve loss of identity, though the matter is too abstruse to express more adequately.

Điều này không bao hàm sự mất bản sắc, dù vấn đề này quá thâm áo để có thể diễn đạt đầy đủ hơn.

147. Participation in the energy system of a greater Entity does not involve a loss of identity on the part of the lesser entities who, thus, participate.

147. Sự tham dự vào hệ thống năng lượng của một Thực Thể lớn hơn không bao hàm sự mất bản sắc nơi các thực thể nhỏ hơn, những thực thể nhờ đó mà tham dự.

148. Our Logos and the Logos of Sirius may serve as chakras within a Cosmic Logos, but do not, thereby, lose their identity.

148. Thượng đế của chúng ta và Thượng đế của Sirius có thể phụng sự như những luân xa bên trong một Thượng đế Vũ Trụ, nhưng vì thế mà không mất bản sắc của Các Ngài.

149. The basic principle is this: absorption does not indicate loss of differentiation.

149. Nguyên lý căn bản là thế này: sự hấp thu không chỉ ra sự mất biến phân.

It is in this analogy that the basic idea can be found of all teaching given out about the Grand Heavenly Man.

Chính trong phép loại suy này có thể tìm thấy ý tưởng căn bản của mọi giáo huấn được truyền ra về Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

150. The Grand Heavenly Man, we remember, is a Solar Logos.

150. Chúng ta nhớ rằng Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại là một Thái dương Thượng đế.

151. We also remember from an earlier Tabulation (TCF 565), that the Grand Heavenly Man is called the "Personality" of the Solar Logos.

151. Chúng ta cũng nhớ từ một Bảng Liệt Kê trước đó (TCF 565), rằng Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại được gọi là "Phàm ngã" của Thái dương Thượng đế.

The whole conception of these laws is bound up in this idea. We have the three laws of the cosmic higher planes, holding in a synthesis of beauty the greater and the lesser system.

Toàn bộ quan niệm về các định luật này gắn liền với ý tưởng này. Chúng ta có ba định luật của các cõi cao vũ trụ, giữ trong một tổng hợp mỹ lệ hệ thống lớn hơn và hệ thống nhỏ hơn.

152. This is a vitally important statement as it moves in the direction of indicating the origin of the three cosmic laws—the Law of Synthesis, the Law of Attraction and the Law of Economy.

152. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng vì nó tiến theo hướng chỉ ra nguồn gốc của ba định luật vũ trụ—Định luật Tổng Hợp, Định luật Hấp Dẫn và Định luật Tiết Kiệm.

153. Does the phrase "the cosmic higher planes" mean the three *highest* cosmic planes, or the cosmic monadic plane, the cosmic atmic plane and the cosmic buddhic plane? If so there would be some correspondential problems, as, while the cosmic monadic plane could be associated with the cosmic Law of Synthesis, the cosmic atmic plane is not easily associated with the cosmic Law of Attraction and the cosmic buddhic plane with the Law of Economy.

153. Cụm từ "các cõi cao vũ trụ" có nghĩa là ba cõi vũ trụ *cao nhất*, hay là cõi chân thần vũ trụ, cõi atma vũ trụ và cõi Bồ đề vũ trụ? Nếu vậy sẽ có một số vấn đề tương ứng, vì trong khi cõi chân thần vũ trụ có thể được liên kết với Định luật Tổng Hợp vũ trụ, thì cõi atma vũ trụ không dễ liên kết với Định luật Hấp Dẫn vũ trụ và cõi Bồ đề vũ trụ với Định luật Tiết Kiệm.

154. If the three higher cosmic planes are meant (cosmic logoic, cosmic monadic and cosmic atmic) what about the cosmic buddhic? What law pertains to it? Certainly an aspect of the cosmic Law of Attraction would seem to fit.

154. Nếu ba cõi vũ trụ cao hơn được ngụ ý (cõi logoic vũ trụ, cõi chân thần vũ trụ và cõi atma vũ trụ) thì còn cõi Bồ đề vũ trụ thì sao? Định luật nào thuộc về nó? Chắc chắn một phương diện của Định luật Hấp Dẫn vũ trụ dường như thích hợp.

155. One could think that the intermediate Law of Karma would be an appropriate fit for the cosmic buddhic plane, but in the

155. Người ta có thể nghĩ rằng Định luật Nghiệp Quả trung gian sẽ là một sự phù hợp thích đáng cho cõi Bồ đề vũ trụ, nhưng trong

section of text immediately below, it is assigned to the higher sub-planes of the cosmic mental plane.

đoạn văn ngay bên dưới, nó được gán cho các cõi phụ cao hơn của cõi trí tuệ vũ trụ.

156. Yet if the cosmic Law of Karma is really "intermediate", it cannot be denied that the cosmic buddhic plane is the *intermediate* cosmic plane. Further if Venus has a strong buddhic expression, the analogy would suggest that Sirius (its higher cosmic correspondence) also has a strong buddhic expression.

156. Tuy nhiên nếu Định luật Nghiệp Quả vũ trụ thật sự là "trung gian", thì không thể phủ nhận rằng cõi Bồ đề vũ trụ là cõi vũ trụ *trung gian*. Hơn nữa nếu Sao Kim có một biểu hiện Bồ đề mạnh, thì phép loại suy sẽ gợi ý rằng Sirius (tương ứng vũ trụ cao hơn của nó) cũng có một biểu hiện Bồ đề mạnh.

157. The destination of our Solar Logos is the cosmic buddhic plane; to what extent is the Logos of Sirius en rapport with that plane?

157. Đích đến của Thái dương Thượng đế của chúng ta là cõi Bồ đề vũ trụ; Thượng đế của Sirius có mức độ tương thông nào với cõi đó?

158. Further, the Solar Angels though focally active on the higher mental plane (systemically considered) are bearers of buddhic energy. We can apply this analogy to the higher Solar Angels on cosmic planes —those engaged with our Solar Logos and perhaps with the Logos of Sirius.

158. Hơn nữa, các Thái dương Thiên Thần tuy hoạt động tiêu điểm trên cõi thượng trí (xét theo hệ thống) nhưng là những vị mang năng lượng Bồ đề. Chúng ta có thể áp dụng phép loại suy này cho các Thái dương Thiên Thần cao hơn trên các cõi vũ trụ—những vị đang tham dự với Thái dương Thượng đế của chúng ta và có lẽ với Thượng đế của Sirius.

Next we have the great law of Sirius, the Law of Karma, **on the third subplane of the cosmic mental plane**, which law really controls our Logos, and His actions, in the same way as the ego—in due course of evolution—controls the human personality.

Tiếp theo chúng ta có định luật vĩ đại của Sirius, Định luật Nghiệp Quả, **trên cõi phụ thứ ba của cõi trí tuệ vũ trụ**, định luật thật sự kiểm soát Thượng đế của chúng ta, và các hành động của Ngài, theo cùng cách như chân ngã—đến đúng tiến trình tiến hoá—kiểm soát phàm ngã con người.

159. We note that the great Law of Karma which emanates from Sirius is focussed on the *third* sub-plane of the cosmic mental plane. This is significant as the causal body of *our* Planetary Logos is focussed there. The causal body of the Solar Logos (the Logos which is controlled by the Sirian Law of Karma) is not on the third sub-planes of the

159. Chúng ta lưu ý rằng Định luật Nghiệp Quả vĩ đại phát xuất từ Sirius được tập trung trên cõi phụ *thứ ba* của cõi trí tuệ vũ trụ. Điều này có ý nghĩa vì thể nguyên nhân của Hành Tinh Thượng Đế *của chúng ta* được tập trung ở đó. Thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế (Thượng đế bị kiểm soát bởi Định luật Nghiệp Quả Sirius) không ở

cosmic higher mental plane—it is on the *first* sub-plane.

160. It can be concluded, therefore, that our planetary scheme is *especially* subject to this Sirian law, and, thus, the conditions of suffering to be found here—and also, the great promise for the future.

161. In the section of text above, the Sirian Logos working through the Law of Karma is likened to the human ego on the higher mental plane (controlling the human personality). The solar system of our Solar Logos thus becomes, analogically, as kind of 'personality' in relation to the Sirian Logos Who serves, analogically, as the soul.

162. Of course we will not fall into the trap of saying that the Sirian Logos *is* the soul of our Solar Logos. Each E/entity has *its own* soul—even though all souls are One Soul!

We need to remember that, under the Law of Correspondences, we shall have a relationship in the Cosmos, similar to that existing in the microcosm between the ego and the personality. The suggestion holds much that we might consider with benefit.

163. Just as the ego on the higher mental plane trains its personality, so does the Sirian Logos train our Solar Logos (who is still very much working through His personality).

164. Of the Sirian Logos we could say—He is more soul-infused (in the cosmic sense) than in our Logos.

trên các cõi phụ thứ ba của cõi thượng trí vũ trụ—nó ở trên cõi phụ *thứ nhất*.

160. Vì vậy có thể kết luận rằng hệ hành tinh của chúng ta *đặc biệt* chịu sự chi phối của định luật Sirius này, và do đó, những điều kiện đau khổ được tìm thấy ở đây—và cả lời hứa lớn lao cho tương lai.

161. Trong đoạn văn bên trên, Thượng đế Sirius hoạt động qua Định luật Nghiệp Quả được ví với chân ngã con người trên cõi thượng trí (kiểm soát phàm ngã con người). Do đó, hệ mặt trời của Thái dương Thượng đế của chúng ta trở thành, theo phép loại suy, như một loại "phàm ngã" trong tương quan với Thượng đế Sirius, Đấng phụng sự, theo phép loại suy, như linh hồn.

162. Dĩ nhiên chúng ta sẽ không rơi vào cái bẫy nói rằng Thượng đế Sirius *là* linh hồn của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Mỗi Thực thể/thực thể đều có linh hồn *riêng của mình*—dù mọi linh hồn đều là Một Linh Hồn!

Chúng ta cần nhớ rằng, dưới định luật tương ứng, chúng ta sẽ có một mối liên hệ trong Vũ trụ, tương tự như mối liên hệ tồn tại trong tiểu thiên địa giữa chân ngã và phàm ngã. Gợi ý này chứa đựng nhiều điều mà chúng ta có thể suy xét một cách hữu ích.

163. Cũng như chân ngã trên cõi thượng trí huấn luyện phàm ngã của nó, thì Thượng đế Sirius cũng huấn luyện Thái dương Thượng đế của chúng ta (Đấng vẫn còn đang hoạt động rất nhiều qua phàm ngã của Ngài).

164. Về Thượng đế Sirius, chúng ta có thể nói—Ngài được linh hồn thấm nhuần nhiều hơn (theo nghĩa vũ trụ) so với Thượng đế của chúng ta.

We must not, however, carry the analogy too far; as we have not yet evolved to where we have planetary consciousness, still less systemic, how can we really expect even to conceive of the A B C of cosmic truth?

Tuy nhiên, chúng ta không được đẩy phép loại suy đi quá xa; vì chúng ta chưa tiến hoá đến mức có tâm thức hành tinh, càng chưa nói đến tâm thức hệ thống, thì làm sao chúng ta có thể thực sự mong đợi ngay cả việc quan niệm được ABC của chân lý vũ trụ?

165. There are three categories of knowledge:

165. Có ba loại tri thức:

a. Planetary

a. Hành tinh

b. Systemic

b. Hệ thống

c. Cosmic

c. Vũ trụ

166. The Logos expressing through the star Sirius both *is* and *is not* a Cosmic Logos. A true Cosmic Logos expresses through a sevenfold constellation of seven Solar Logoi. The Logos of the star Sirius does not. Yet it is relatively "cosmic" when compared to our Solar Logos, and perhaps mediates much cosmic influence to our solar system.

166. Thượng đế biểu lộ qua ngôi sao Sirius vừa *là* vừa *không là* một Thượng đế Vũ Trụ. Một Thượng đế Vũ Trụ đích thực biểu lộ qua một chòm sao thất phân gồm bảy Thái dương Thượng đế. Thượng đế của ngôi sao Sirius thì không. Tuy nhiên, Ngài tương đối "vũ trụ" khi so với Thái dương Thượng đế của chúng ta, và có lẽ trung gian nhiều ảnh hưởng vũ trụ đến hệ mặt trời của chúng ta.

167. For all its relative grandeur, the star Sirius is still a *dwarf* star.

167. Dù có sự vĩ đại tương đối của nó, ngôi sao Sirius vẫn là một ngôi sao *lùn*.

168. DK is telling us that, in studying these matters, we are working with the inconceivable—i.e., with that which human beings cannot conceive.

168. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng, khi nghiên cứu những vấn đề này, chúng ta đang làm việc với điều không thể quan niệm được—tức là với điều mà con người không thể quan niệm.

Just broad hints, wide conceptions, and generalities, are as yet possible. **Of one thing we can be sure, and that is that identity *ever remains.***

Hiện nay chỉ có thể có những gợi ý rộng, những quan niệm bao quát, và những khái quát. **Có một điều chúng ta có thể chắc chắn, và đó là bản sắc *luôn luôn còn mãi.***

169. This is a profoundly important statement. The question is: "Is there really

more than One Identity in this entire Universe?"

169. Đây là một phát biểu cực kỳ sâu sắc và quan trọng. Câu hỏi là: "Thật sự có hơn Một Bản Sắc trong toàn thể Vũ trụ này chăng?"

170. If the answer to this question is "No", then we can be sure that the Identity of the 'Recurrent *One*' ever remains, but that the identity of the lesser emanated E/entities (which may remain more or less throughout the duration of a given cosmos) do *not* remain from cosmos to cosmos (i.e., from Universe to Universe).

170. Nếu câu trả lời cho câu hỏi này là "Không", thì chúng ta có thể chắc chắn rằng Bản Sắc của 'Đấng *Duy Nhất* Tái Diễn' luôn còn mãi, nhưng bản sắc của các Thực thể/ thực thể được phát xạ nhỏ hơn (có thể tồn tại ít nhiều trong suốt thời gian của một vũ trụ nhất định) thì *không* còn mãi từ vũ trụ này sang vũ trụ khác (tức là từ Vũ trụ này sang Vũ trụ khác).

171. For practical purposes, it would seem that within a cosmos, the identity of emanated E/entities ever remains, but since such identities are none other than the One Identity, there is a point of identity-dissolution at which point only the One Identity remains—the sum of its many emanated identities and yet, always more.

171. Vì những mục đích thực tiễn, dường như trong một vũ trụ, bản sắc của các Thực thể/thực thể được phát xạ luôn còn mãi, nhưng vì những bản sắc như thế không gì khác hơn là Một Bản Sắc, nên có một điểm tan biến bản sắc mà tại điểm đó chỉ còn Một Bản Sắc—tổng số của nhiều bản sắc được phát xạ của nó và tuy vậy, luôn luôn còn hơn thế nữa.

Let me explain by illustration:

Hãy để tôi giải thích bằng minh họa:

Each one of us, in due process of evolution, forms part of one of the Heavenly Men, Who Themselves form the [Page 572] seven centres in that greater Heavenly Man, the Logos. Yet, though we are merged with the whole, we do not lose our identity, but **forever** remain separated units of consciousness, though one with all that lives or is.

Mỗi người trong chúng ta, theo đúng tiến trình tiến hoá, tạo thành một phần của một trong các Đấng Thiên Nhân, mà chính Các Ngài tạo thành [Page 572] bảy trung tâm trong Đấng Thiên Nhân lớn hơn ấy, tức Thượng đế. Tuy nhiên, dù chúng ta được hòa nhập vào toàn thể, chúng ta không mất bản sắc của mình, mà **mãi mãi** vẫn là những đơn vị tâm thức tách biệt, dù là một với tất cả những gì sống hay hiện hữu.

172. This is the great paradox. We are "one with all that lives or is" and yet "forever remain separated units of consciousness".

172. Đây là nghịch lý lớn lao. Chúng ta "là một với tất cả những gì sống hay hiện hữu" và tuy vậy "mãi mãi vẫn là những đơn vị tâm thức tách biệt".

173. We must be careful about the interpretation of the word "forever"; I assume it to mean—'throughout the duration of a single cosmos'.

173. Chúng ta phải cẩn trọng về cách giải thích từ "mãi mãi"; tôi giả định nó có nghĩa là—'trong suốt thời gian tồn tại của một vũ trụ đơn nhất'.

174. It seems clear that behind and within all these "separated units of consciousness" is but *One Consciousness*.

174. Dường như rõ ràng rằng đằng sau và bên trong tất cả những "đơn vị tâm thức tách biệt" này chỉ có *Một Tâm Thức*.

In like manner our Logos loses not His identity, even though He forms part of the Consciousness of the Logos of Sirius. In His turn, the **Sirian Logos** forms one of the seven Grand Heavenly Men, who are the centres in the body of ONE OF WHOM NOUGHT MAY BE SAID.

Tương tự như vậy, Thượng đế của chúng ta không mất bản sắc của Ngài, dù Ngài tạo thành một phần của Tâm Thức của Thượng đế của Sirius. Đến lượt mình, **Thượng đế Sirius** tạo thành một trong bảy Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, là những trung tâm trong thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

175. The utmost caution is needed here. We can understand the general principle brought forward—the amalgamation of a unit in a greater whole does not result in the loss of identity of the unit amalgamated.

175. Ở đây cần sự thận trọng tối đa. Chúng ta có thể hiểu nguyên lý tổng quát được nêu ra—sự hòa nhập của một đơn vị vào một toàn thể lớn hơn không dẫn đến sự mất bản sắc của đơn vị được hòa nhập.

176. What do we mean by the "Sirian Logos"? If we mean the Logos that expresses through the star Sirius, then that Being called here, "ONE OF WHOM NAUGHT MAY BE SAID" is a *Cosmic* Logos whose major centers are seven Grand Heavenly Men.

176. Chúng ta muốn nói gì bởi "Thượng đế Sirius"? Nếu chúng ta muốn nói Thượng đế biểu lộ qua ngôi sao Sirius, thì Đấng ở đây được gọi là "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ" là một Thượng đế *Vũ Trụ* mà các trung tâm chính của Ngài là bảy Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

177. However, our Solar Logos, too, is a Grand Heavenly Man, and so the Sirian Logos and our Logos are *both* centres is the Being Who in this reference is called ONE OF WHOM NAUGHT MAY BE SAID.

177. Tuy nhiên, Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng là một Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, và vì vậy Thượng đế Sirius và Thượng đế của chúng ta *đều* là những trung tâm trong Đấng mà trong chỗ dẫn chiếu này được gọi là ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

178. There is also the possibility, however, that by the term "Sirian Logos" (as distinct from the "Logos of Sirius") is meant that *Cosmic* Logos in Whom the Logos of the star Sirius forms a part. In this case the ONE OF

178. Tuy nhiên, cũng có khả năng rằng bởi thuật ngữ "Thượng đế Sirius" (phân biệt với "Thượng đế của Sirius") người ta muốn nói đến Thượng đế *Vũ Trụ* mà trong Ngài, Thượng đế của ngôi sao Sirius tạo thành một

WHOM NAUGHT MAY BE SAID would be a *Super-Cosmic* Logos Who would have Cosmic Logoi for His chakras.

phần. Trong trường hợp này, ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ sẽ là một Thượng đế *Siêu-Vũ-Trụ* mà các Thượng đế Vũ Trụ sẽ là những luân xa của Ngài.

179. The major problems rests with the name to be attached to the Lord of the Seven Solar Systems of Which Ours is One. Are we to call this Lord the "Sirian Logos", since Sirius may well be the most prominent star within this constellation? If we do call the Lord of the seven systems the "Sirian Logos" we must differentiate Him from the Logos of the *star* Sirius (Who would be only one chakra within the "Sirian Logos").

179. Vấn đề chính nằm ở tên gọi được gắn cho Chúa Tể của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một. Chúng ta có nên gọi Chúa Tể này là "Thượng đế Sirius", vì Sirius rất có thể là ngôi sao nổi bật nhất trong chòm sao này chăng? Nếu chúng ta gọi Chúa Tể của bảy hệ là "Thượng đế Sirius" thì chúng ta phải phân biệt Ngài với Thượng đế của ngôi *sao* Sirius (Đấng sẽ chỉ là một luân xa bên trong "Thượng đế Sirius").

The Laws and the Planes.—We might, while studying the seven laws of the solar system, take them plane by plane, showing certain things—three in all:

Các Định luật và Các Cõi.—Trong khi nghiên cứu bảy định luật của hệ mặt trời, chúng ta có thể xét chúng theo từng cõi, chỉ ra một số điều—tổng cộng là ba:

1. We might study their effect as they demonstrate on the path of involution.

1. Chúng ta có thể nghiên cứu tác động của chúng khi chúng biểu lộ trên con đường giáng hạ tiến hoá.

180. The "path of involution" is the first part of the cycle of the Second Logos.

180. "Con đường giáng hạ tiến hoá" là phần đầu của chu kỳ của Thượng đế thứ hai.

2. As they manifest on the path of evolution, or return.

2. Khi chúng biểu hiện trên con đường tiến hoá, hay Con Đường Trở Về.

181. This is the second part of the cycle of the Second Logos. The First Logos also becomes involved upon the path of evolution when the point of the individualization of animal man is reached.

181. Đây là phần thứ hai của chu kỳ của Thượng đế thứ hai. Thượng đế thứ nhất cũng trở nên liên hệ trên con đường tiến hoá khi đạt đến điểm biệt ngã hóa của người thú.

3. We might also touch on the laws as they affect the human and deva organisms that evolve by means of them.

3. Chúng ta cũng có thể đề cập đến các định luật khi chúng ảnh hưởng đến các cơ thể người và thiên thần tiến hoá bằng phương tiện của chúng.

182. We are told that the evolution of the human and deva organisms depends upon the seven systemic laws.

182. Chúng ta được cho biết rằng sự tiến hoá của các cơ thể người và thiên thần tùy thuộc vào bảy định luật hệ thống.

183. The key thing to understand is that law is a great protective mechanism, promoting and guarding the evolutionary process.

183. Điều then chốt cần thấu hiểu là định luật là một bộ máy bảo vệ vĩ đại, thúc đẩy và gìn giữ tiến trình tiến hoá.

As we do this, we shall gradually get a broad general idea of how this system of ours (the thought-form of the Logos), was gradually built up, how it is controlled and held together, and how numerous and intricate are the interrelations.

Khi làm điều này, chúng ta sẽ dần dần có được một ý niệm tổng quát rộng lớn về cách hệ thống của chúng ta (hình tư tưởng của Thượng đế) đã được xây dựng dần dần như thế nào, nó được kiểm soát và giữ lại với nhau ra sao, và các mối tương quan nhiều vô số và phức tạp đến mức nào.

184. We should pause to note how DK views our solar system: it is “the thought-form of the Logos”.

184. Chúng ta nên dừng lại để lưu ý Chân sư DK nhìn hệ mặt trời của chúng ta như thế nào: nó là “hình tư tưởng của Thượng đế”.

185. Usually when the solar system if referenced we are speaking of the etheric-physical nature of the Solar Logos, which can easily be understood as a logoic thought-form. It would seem, as well, that the astral and mental natures of the Logos should *also* be considered aspects of the logoic thought-form even though not included in the logoic solar system as usually considered.

185. Thông thường khi hệ mặt trời được nhắc đến, chúng ta đang nói về bản chất dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế, điều có thể dễ dàng được hiểu như một hình tư tưởng logoic. Dường như, bản chất cảm dục và trí tuệ của Thượng đế *cũng* nên được xem là các phương diện của hình tư tưởng logoic dù không được bao gồm trong hệ mặt trời logoic như thường được hiểu.

186. With respect to the solar system we are going to study:

186. Đối với hệ mặt trời mà chúng ta sẽ nghiên cứu:

a. How it was built up

a. Nó đã được xây dựng như thế nào

b. How it is controlled and held together

b. Nó được kiểm soát và giữ lại với nhau như thế nào

c. The numerous and intricate relations within it

c. Những mối liên hệ nhiều vô số và phức tạp bên trong nó

Certain fundamental hypotheses are assumed, which must form the background for all we would say. We must assume first that a Builder, or some Creative Mind, is working to bring about an ordered production, and is seeking to manifest through a demonstrable objective. The objective universe is but the product of some subjective mind.

Một số giả thuyết nền tảng được giả định, và chúng phải tạo thành bối cảnh cho mọi điều chúng ta muốn nói. Trước hết chúng ta phải giả định rằng một đấng kiến tạo, hay một Trí Tuệ Sáng Tạo nào đó, đang hoạt động để tạo ra một sản phẩm có trật tự, và đang tìm cách biểu lộ qua một mục tiêu khách quan có thể chứng minh được. Vũ trụ khách quan chỉ là sản phẩm của một trí tuệ chủ quan nào đó.

187. From our studies we have determined that this "Creative Mind" or "subjective mind" is defined as "Manas". An I/ intelligence is behind and within every objective creation.

187. Từ các nghiên cứu của mình, chúng ta đã xác định rằng "Trí Tuệ Sáng Tạo" hay "trí tuệ chủ quan" này được định nghĩa là "Manas". Một trí năng đứng đằng sau và bên trong mọi sáng tạo khách quan.

Next we must posit that the material for the building of **this universe** lay ready to the hand of the Builder, and that **this material itself is the fruit of some previous system,** all that is left of some past consummated product.

Tiếp theo chúng ta phải đặt định rằng chất liệu để xây dựng **vũ trụ này** đã sẵn trong tay đấng kiến tạo, và rằng **chính chất liệu này là thành quả của một hệ thống trước đó,** tất cả những gì còn lại của một sản phẩm quá khứ đã hoàn tất.

188. DK is telling us that the structures of our present solar system were built upon 'materials' inherited from the earlier solar system.

188. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng các cấu trúc của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta được xây dựng trên những "chất liệu" thừa hưởng từ hệ mặt trời trước.

189. He seems to call our present solar system a "universe". We can see that if the "universe" as here mentioned were the Grand Totality, the statement would not make sense because the entire Grand Totality (the Universe) would be built up of material from some previous solar system! So, obviously, the term "universe" means something far more circumscribed—in fact, a solar system.

189. Dường như Ngài gọi hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là một "vũ trụ". Chúng ta có thể thấy rằng nếu "vũ trụ" như được nhắc đến ở đây là Tổng Thể Vĩ Đại, thì phát biểu ấy sẽ không có nghĩa, bởi vì toàn bộ Tổng Thể Vĩ Đại (Vũ trụ) sẽ được xây dựng bằng chất liệu từ một hệ mặt trời trước nào đó! Vì vậy, hiển nhiên thuật ngữ "vũ trụ" có nghĩa gì đó bị giới hạn hơn nhiều—thật ra là một hệ mặt trời.

190. The "Builder" is that great manasic 'Intelligence' Who builds the system through the powers of manas.

190. "Đấng kiến tạo" là 'Trí Tuệ' manas vĩ đại xây dựng hệ thống qua các quyền năng của manas.

Given, therefore, the Builder and the material, we must next accede [Page 573] to the proposition that this Builder proceeds with His building under some definite laws that guide His choice of material, that control the form that He erects, and that indicate to Him the process to be followed in the consummating of His idea.

Vì vậy, khi đã có đấng kiến tạo và chất liệu, tiếp theo chúng ta phải chấp nhận [Page 573] mệnh đề rằng đấng kiến tạo này tiến hành việc xây dựng của Ngài dưới những định luật xác định nào đó, những định luật hướng dẫn sự lựa chọn chất liệu của Ngài, kiểm soát hình tướng mà Ngài dựng nên, và chỉ cho Ngài tiến trình phải theo để hoàn tất ý tưởng của Ngài.

191. Let us tabulate how the Builder (in this case the Solar Logos) proceeds. He proceeds under definite laws and these laws do the following:

191. Chúng ta hãy lập bảng cách đấng kiến tạo (trong trường hợp này là Thái dương Thượng đế) tiến hành. Ngài tiến hành dưới những định luật xác định và những định luật này làm những điều sau:

a. They guide His choice of material

a. Chúng hướng dẫn sự lựa chọn chất liệu của Ngài

b. They control the form He erects

b. Chúng kiểm soát hình tướng Ngài dựng nên

c. They indicate the process to be followed in consummating His idea.

c. Chúng chỉ ra tiến trình phải theo để hoàn tất ý tưởng của Ngài.

192. We gather the important point that systemic law determines the workings of 'Universal Process'

192. Chúng ta rút ra điểm quan trọng rằng định luật hệ thống quyết định sự vận hành của 'Tiến Trình Vũ Trụ'

We must not forget that **three great symbols stand, in the mind of the Logos, for each of His three systems,** that the whole exists for Him as a concrete thought-form, for He is learning to manipulate the matter of the cosmic mental plane on concrete levels, in the same way that man is working on the laws of thought, and on the building of thought-forms.

Chúng ta không được quên rằng **ba biểu tượng vĩ đại đứng, trong trí tuệ của Thượng đế, cho mỗi một trong ba hệ thống của Ngài,** rằng toàn thể tồn tại đối với Ngài như một hình tư tưởng cụ thể, vì Ngài đang học cách thao tác vật chất của cõi trí tuệ vũ trụ trên các cấp độ cụ thể, theo cùng cách con người đang làm việc trên các định luật của tư tưởng, và trên việc xây dựng các hình tư tưởng.

193. Chúng ta nhớ rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa phân cực trí tuệ,

193. We recall that our Solar Logos is not yet mentally polarized, but He *is* working in cosmic mental substance.

nhưng Ngài *đang* hoạt động trong chất liệu trí tuệ vũ trụ.

194. The symbol for each solar system must be of the utmost importance as it indicates, overall, the Archetype and quality of that system. All the Planetary Logoi must align with this symbol in the administration of their planetary systems.

194. Biểu tượng cho mỗi hệ mặt trời hẳn phải có tầm quan trọng tối đa vì nó chỉ ra, trên tổng thể, Nguyên mẫu và phẩm tính của hệ thống ấy. Tất cả các Hành Tinh Thượng Đế phải chỉnh hợp với biểu tượng này trong việc quản trị các hệ hành tinh của Các Ngài.

195. Each solar system is a 'universal conception' (using the word "universe" here as it applies to a solar system).

195. Mỗi hệ mặt trời là một 'quan niệm vũ trụ' (dùng từ "vũ trụ" ở đây theo nghĩa áp dụng cho một hệ mặt trời).

196. The solar system(s) in their three major aspects are literally the *Creation* of 'God-the-Solar Logos'.

196. Hệ mặt trời trong ba phương diện chính của nó theo nghĩa đen là *Sáng Tạo* của 'Thượng đế-Thái dương Thượng đế'.

It is impossible to do more than sense the symbols of the systems past and present. Perhaps if we could visualise a swastika of ten arms revolving at right angles, of a radiant green colour, all the ten arms emanating from a central blazing sun, we might have some idea of the thought-form that formed the basis of System I, the activity system.

Không thể làm gì hơn ngoài việc cảm nhận các biểu tượng của những hệ thống quá khứ và hiện tại. Có lẽ nếu chúng ta có thể hình dung một chữ vạn mười cánh quay vuông góc, có màu xanh lục rực sáng, cả mười cánh phát ra từ một mặt trời rực cháy ở trung tâm, chúng ta có thể có một ý niệm nào đó về hình tư tưởng đã tạo thành nền tảng của Hệ I, hệ thống hoạt động.

197. This is an amazingly evocative idea. Let us detail the proposed symbol for System I (or at least for the first *major* solar system in a series, probably, of six).

197. Đây là một ý tưởng gợi lên đáng kinh ngạc. Chúng ta hãy trình bày chi tiết biểu tượng được đề nghị cho Hệ I (hay ít nhất cho hệ mặt trời *chính* đầu tiên trong một chuỗi, có lẽ, gồm sáu hệ).

a. The swastika has *ten* arms. Five is a number of Brahma and ten is double this amount. The number ten relates this symbol to Capricorn, a Brahmic sign ruled by Saturn, the planet of Brahma.

a. Chữ vạn có *mười* cánh. Năm là một con số của Brahma và mười là gấp đôi số đó. Số mười liên hệ biểu tượng này với Ma Kết, một dấu hiệu Brahma do Thổ Tinh cai quản, hành tinh của Brahma.

b. The arms of the swastika revolve at right angles. The right angle or square (in astrology) signifies constructiveness in mater and suggests the lower quaternary which was brought to a high point in the previous solar system.

b. Các cánh của chữ vạn quay vuông góc. Góc vuông hay hình vuông (trong chiêm tinh học) biểu thị tính kiến tạo trong vật chất và gợi ý bộ tứ thấp đã được đưa đến một điểm cao trong hệ mặt trời trước.

c. The arms are of a radiant *green* color

c. Các cánh có màu *xanh lục* rực sáng

d. All ten arms radiate from a central blazing sun

d. Cả mười cánh đều phát xạ từ một mặt trời rực cháy ở trung tâm

e. We are not told the color of this sun.

e. Chúng ta không được cho biết màu của mặt trời này.

198. It seems clear that there are ten potencies which are to be associated with System I.

198. Dường như rõ ràng rằng có mười tiềm lực được liên kết với Hệ I.

199. It is also interesting that there were 100 billion units in the one dominant evolution of that system.

199. Cũng thật thú vị khi có 100 tỷ đơn vị trong sự tiến hoá thống trị duy nhất của hệ thống ấy.

1. In the first solar system there was one dominant evolution, and it consisted of one hundred thousand million monads.

1. Trong hệ mặt trời thứ nhất có một sự tiến hoá thống trị, và nó gồm một trăm ngàn triệu chân thần.

2. In the present system, the second, there are two dominant evolutions, the human and the deva; there are—as earlier stated—sixty thousand million human monads. Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand million. This elucidates my statement anent this being a feminine system.

2. Trong hệ thống hiện tại, hệ thứ hai, có hai sự tiến hoá thống trị, nhân loại và thiên thần; có—như đã nói trước đó—sáu mươi ngàn triệu chân thần nhân loại. Cộng thêm vào đó sự tiến hoá nữ tính của các thiên thần, gồm 140 ngàn triệu, và các bạn có đủ hai trăm ngàn triệu cần thiết. Điều này làm sáng tỏ phát biểu của tôi liên quan đến việc đây là một hệ thống nữ tính.

3. In the third solar system, the total number in evolution will be the needed three hundred thousand million that perfection requires of the threefold Logos. (EH 109-110)

3. Trong hệ mặt trời thứ ba, tổng số đang tiến hoá sẽ là ba trăm ngàn triệu cần thiết mà Thượng đế tam phân đòi hỏi nơi sự hoàn hảo. (EH 109-110)

The basic thought-form for the second system embodies the green swastika of the first manifestation, and adds to it concentric and interlaced circles in blue, in groups of three, linked by one large circle. Both symbols are, of course, in the higher dimensions. The symbol for the next system is unknown.

Hình tư tưởng căn bản cho hệ thống thứ hai bao hàm chữ vạn xanh lục của biểu hiện thứ nhất, và thêm vào đó những vòng tròn đồng tâm và đan xen màu xanh lam, theo từng nhóm ba, được nối kết bởi một vòng tròn lớn. Dĩ nhiên, cả hai biểu tượng đều ở trong các chiều cao hơn. Biểu tượng cho hệ thống kế tiếp thì chưa được biết.

200. We note that there is continuity between the first and second solar system—the color green is preserved.

200. Chúng ta lưu ý rằng có sự liên tục giữa hệ mặt trời thứ nhất và thứ hai—màu xanh lục được giữ lại.

201. However, the colour, blue, characterizing the second solar system emerges.

201. Tuy nhiên, màu xanh lam, đặc trưng cho hệ mặt trời thứ hai, xuất hiện.

202. The blue-green planet, the Earth, suggests the transition from major System I to major System II.

202. Hành tinh xanh lam-xanh lục, Trái Đất, gợi ý sự chuyển tiếp từ Hệ I chính sang Hệ II chính.

203. One wonders how circles can be both “concentric” and “interlaced”. Also we are not told how many groups of three circles there are. Are there perhaps three groups or three, indicating the nine initiations which are to be taken in this solar system? The Solar Logos seems to take at least six cosmic initiations (but, this, over a span of more than one solar system), and nine lesser initiations, perhaps within this solar system.

203. Người ta tự hỏi làm sao các vòng tròn có thể vừa “đồng tâm” vừa “đan xen”. Ngoài ra chúng ta cũng không được cho biết có bao nhiêu nhóm ba vòng tròn. Có lẽ có ba nhóm ba chăng, chỉ ra chín lần điểm đạo sẽ được tiếp nhận trong hệ mặt trời này? Thái dương Thượng đế dường như tiếp nhận ít nhất sáu điểm đạo vũ trụ (nhưng điều này trải qua hơn một hệ mặt trời), và chín điểm đạo nhỏ hơn, có lẽ trong hệ mặt trời này.

204. From the perspective of the cosmic planes, the circle is an important symbol of the second ray in all its fulness. Circles first

204. Từ quan điểm của các cõi vũ trụ, vòng tròn là một biểu tượng quan trọng của cung hai trong toàn bộ sự viên mãn của nó. Các

appear on the monadic plane which is ruled in large part by the number, two.

vòng tròn lần đầu xuất hiện trên cõi chân thần, cõi được cai quản phần lớn bởi số hai.

205. It is interesting that our solar system (the second major system) is, in a way, a blue-green solar system just as our planet, Earth, is a blue-green planet. There is a hint here concerning the karma of our planet and its relation to the karma of our solar system.

205. Thật thú vị khi hệ mặt trời của chúng ta (hệ thống chính thứ hai) theo một cách nào đó là một hệ mặt trời xanh lam-xanh lục, cũng như hành tinh của chúng ta, Trái Đất, là một hành tinh xanh lam-xanh lục. Ở đây có một gợi ý liên quan đến nghiệp quả của hành tinh chúng ta và mối liên hệ của nó với nghiệp quả của hệ mặt trời chúng ta.

After grasping and conceding these three basic ideas, we can now proceed to the working out of the laws of the system on the seven planes, remembering always that these seven laws hold good on the numerically corresponding subplane on each plane.

Sau khi nắm bắt và chấp nhận ba ý tưởng căn bản này, giờ đây chúng ta có thể tiến tới việc triển khai các định luật của hệ thống trên bảy cõi, luôn luôn nhớ rằng bảy định luật này có hiệu lực trên cõi phụ tương ứng về số trên mỗi cõi.

206. Always the three must be established before attempting to interpret the seven (which are derivative of the three).

206. Luôn luôn phải xác lập ba trước khi cố gắng giải thích bảy (vốn phát sinh từ ba).

207. We are informed that the seven systemic laws apply not only to the seven sub-planes of the cosmic physical plane, but to the seven sub-planes of *any* of the systemic planes. Realizing this allows us to understand and to work on a scale closer to the scope of our normal lives.

207. Chúng ta được cho biết rằng bảy định luật hệ thống không chỉ áp dụng cho bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, mà còn cho bảy cõi phụ của *bất kỳ* cõi nào trong các cõi hệ thống. Nhận ra điều này cho phép chúng ta thấu hiểu và làm việc trên một quy mô gần hơn với phạm vi đời sống bình thường của chúng ta.

208. The adaptation of the laws to sub-planes will be more concrete and of smaller scope than the application of the laws to entire, systemic planes.

208. Sự thích ứng của các định luật với các cõi phụ sẽ cụ thể hơn và có phạm vi nhỏ hơn việc áp dụng các định luật cho toàn bộ các cõi hệ thống.

Let me briefly illustrate:

Hãy để tôi minh họa ngắn gọn:

The fourth law, Magnetic Control, for instance, holds sway on the fourth subplane of each plane, in the fourth round, and in the

Chẳng hạn, định luật thứ tư, Kiểm Soát Từ Tính, ngự trị trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi, trong cuộc tuần hoàn thứ tư, và đặc biệt

fourth root-race specially. We shall then have the correspondence as follows:

trong giống dân gốc thứ tư. Khi đó chúng ta sẽ có sự tương ứng như sau:

[Page 574]

[Page 574]

4th LawMagnetic Control.

Định luật thứ 4Kiểm Soát Từ Tính.

4th RayHarmony or beauty.

Cung thứ 4Hài hòa hay mỹ lệ.

4th PlaneThe buddhic.

Cõi thứ 4Cõi Bồ đề.

4th SubplaneBuddhic Magnetic Control. [Page 574]

Cõi phụ thứ 4Kiểm Soát Từ Tính Bồ đề. [Page 574]

4th Round**Dense Physical Magnetism,** controlling sex manifestation on the physical plane, and inspired by astral desire, the reflection of the buddhic.

Cuộc tuần hoàn thứ 4**Từ tính hồng trần đậm đặc,** kiểm soát biểu hiện tính dục trên cõi hồng trần, và được cảm hứng bởi dục vọng cảm dục, sự phản chiếu của cõi Bồ đề.

4th Root-RaceThe Atlantean, in which the above qualities specially demonstrated.

Giống dân gốc thứ tưGiống dân Atlantis, trong đó các phẩm tính trên được biểu lộ đặc biệt.

209. The "Law of Magnetic Control" is wielded from the buddhi plane.

209. "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" được vận dụng từ cõi Bồ đề.

210. The fourth sub-plane of the mental plane is not mentioned, but will be important. The integrated personality focused on this fourth sub-plane and responsive to the soul (and through the soul, to buddhi) is the plane from which the fourfold personality is deliberately and mentally controlled.

210. Cõi phụ thứ tư của cõi trí không được đề cập đến, nhưng sẽ là điều quan trọng. Phàm ngã tích hợp, tập trung trên cõi phụ thứ tư này và đáp ứng với linh hồn (và qua linh hồn, với Bồ đề), là cõi từ đó phàm ngã tứ phân được kiểm soát một cách có chủ ý và bằng trí tuệ.

211. If this control is to eventuate, the personality must be responsive to the soul on the higher mental plane as it expresses buddhi.

211. Nếu sự kiểm soát này muốn thành tựu, phàm ngã phải đáp ứng với linh hồn trên Cõi thượng trí khi nó biểu lộ Bồ đề.

212. We note that the fourth sub-plane of the fourth plane is especially responsive to

212. Chúng ta lưu ý rằng cõi phụ thứ tư của cõi thứ tư đặc biệt đáp ứng với Định luật

the Law of Magnetic Control. What will happen if we factor in the subtle 'sense' of "intuition" as it relates especially to the fourth sub-plane of the buddhic plane? When the *fourfold* personality is responding to the *fourth* law, the Law of Magnetic Control, may it be that the intuition is released into the personality consciousness via the mental unit on the *fourth* sub-plane of the mental plane?

Kiểm Soát Từ Tính. Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta đưa vào yếu tố "cảm thức" vi tế của "trực giác" khi nó liên hệ đặc biệt đến cõi phụ thứ tư của cõi Bồ đề? Khi *phàm ngã tứ phân* đáp ứng với định luật *thứ tư*, Định luật Kiểm Soát Từ Tính, có thể nào trực giác được giải phóng vào tâm thức phàm ngã qua đơn vị hạ trí trên cõi phụ *thứ tư* của cõi trí chăng?

213. We gather than "Dense Physical Magnetism" is the physical correspondence of buddhic magnetism. Desire is a lower form of love, and physical man responds to desire through sexual attraction.

213. Chúng ta hiểu rằng "Từ tính Hồng trần Đậm đặc" là sự tương ứng hồng trần của từ tính Bồ đề. Dục vọng là một hình thức thấp của bác ái, và con người hồng trần đáp ứng với dục vọng qua sức hấp dẫn tính dục.

214. We gather that by building the antahkarana under fourth ray Mercury, a link can be established between the mental unit on the fourth sub-plane of the mental plane and the power of intuition as it is focussed on the fourth sub-plane of the buddhic plane.

214. Chúng ta hiểu rằng bằng cách xây dựng antahkarana dưới Sao Thủy cung bốn, có thể thiết lập một liên kết giữa đơn vị hạ trí trên cõi phụ thứ tư của cõi trí và quyền năng của trực giác khi nó được tập trung trên cõi phụ thứ tư của cõi Bồ đề.

TCF 574 - 586: S6S2

11 October – 26 October 2007

11 tháng 10 – 26 tháng 10 năm 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng

presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. Now we address the Laws of the Planes:

1. Giờ đây chúng ta bàn đến các Định luật của các Cõi:

1. The Law of Vibration.--This is the law of the first plane, and it governs all the atomic subplanes of each plane.

1. Định luật Rung động.--Đây là định luật của cõi thứ nhất, và nó chi phối mọi cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi.

2. We hypothesize this law to function under Vulcan and, to a degree, Uranus. Both are planets which strongly express the first ray.

2. Chúng ta giả định định luật này hoạt động dưới Vulcan và, ở một mức độ nào đó, dưới Sao Thiên Vương. Cả hai đều là những hành tinh biểu lộ mạnh mẽ cung một.

It marks the beginning of the work of the Logos, the first setting in motion of mulaprakriti.

Nó đánh dấu sự khởi đầu công việc của Thượng đế, sự khởi động đầu tiên của mulaprakriti.

3. This is the action of the Third Logos at the first outpouring.

3. Đây là hoạt động của Thượng đế thứ ba trong lần tuôn đổ thứ nhất.

4. The Law of Vibration is a law through which mulaprakriti is differentiated into diverse types of matter. Differing movements of the Third Logos (Fohat) 'within' mulaprakriti *are* the diverse types of matter.

4. Định luật Rung động là một định luật qua đó mulaprakriti được biến phân thành những loại vật chất khác nhau. Những chuyển động khác nhau của Thượng đế thứ ba (Fohat) "bên trong" mulaprakriti *chính là* những loại vật chất khác nhau ấy.

5. In a way, matter is motion. From another perspective, matter is the vacuity caused by motion.

5. Theo một cách nào đó, vật chất là chuyển động. Theo một góc nhìn khác, vật chất là khoảng trống do chuyển động gây ra.

On each plane the vibration of the atomic subplane sets in motion the matter of that plane. It is the key measure.

Trên mỗi cõi, rung động của cõi phụ nguyên tử làm cho vật chất của cõi ấy chuyển động. Đó là thước đo chủ âm.

6. We need to understand the keynote or key frequency of each plane (and sub-plane).

6. Chúng ta cần thấu hiểu chủ âm hay tần số chủ đạo của mỗi cõi (và cõi phụ).

7. As on sub-planes lower than the atomic there may be different combinations of

7. Vì trên các cõi phụ thấp hơn cõi nguyên tử có thể có những tổ hợp khác nhau của vật

atomic sub-plane matter (i.e., different molecules), the units of matter of each sub-plane will not be uniform in their vibration, but each plane or sub-plane will, nevertheless, have its keynote.

chất cõi phụ nguyên tử (tức là những phân tử khác nhau), nên các đơn vị vật chất của mỗi cõi phụ sẽ không đồng nhất trong rung động của chúng, nhưng dầu vậy mỗi cõi hay cõi phụ vẫn sẽ có chủ âm của nó.

We might sum up the significance of this law in the words, “light” or “fire.”

Chúng ta có thể tóm lược thâm nghĩa của định luật này trong những từ “ánh sáng” hay “lửa”.

8. The Law of Vibration is the law ruling the “Sea of Fire” and the sub-plane correspondence to the “Sea of Fire” on each of the systemic planes.

8. Định luật Rung động là định luật cai quản “Biển Lửa” và sự tương ứng cõi phụ với “Biển Lửa” trên mỗi cõi của hệ thống.

It is the law of fire;

Đó là định luật của lửa;

9. Vulcan is the major planet closest to the sun. Its color is occultly red or red-orange. It is related to all fiery processes within the solar system.

9. Vulcan là hành tinh chính ở gần mặt trời nhất. Màu sắc của nó, theo huyền bí học, là đỏ hoặc đỏ-cam. Nó liên hệ với mọi tiến trình rực lửa trong hệ mặt trời.

it governs the transmutation of differentiated colours back to their synthesis.

nó chi phối sự chuyển hoá các màu sắc đã biến phân trở lại sự tổng hợp của chúng.

10. Here is where the energy of the planet Uranus has application. Uranus is, paramountly, the *alchemical* planet and governs the transmutative process-the “passage across from one state of being to another through the agency of fire”.

10. Đây là nơi năng lượng của hành tinh Sao Thiên Vương có ứng dụng. Sao Thiên Vương, trên hết, là hành tinh *luyện kim* và cai quản tiến trình chuyển hoá—“sự vượt qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái khác qua tác nhân của lửa”.

11. Uranus (an *essentially first* ray planet) is also the planet of ‘occult synthesis’.

11. Sao Thiên Vương (một hành tinh *về bản chất thuộc cung một*) cũng là hành tinh của ‘tổng hợp huyền bí học’.

12. The color synthesizing the colors in our solar system is indigo blue. Uranus can be associated with electric blue. Uranus has an important connection with the blue ray of Love-Wisdom as it appears in the following

12. Màu sắc tổng hợp các màu trong hệ mặt trời của chúng ta là xanh chàm. Sao Thiên Vương có thể được liên kết với màu xanh điện. Sao Thiên Vương có một liên hệ quan trọng với cung xanh của Bác Ái – Minh Triết như nó xuất hiện trong sự chỉnh hợp cung

second ray alignment: Sirius—Pisces—Uranus—Hierarchy—Heart—Solar Plexus.

hai sau đây: Sirius—Song Ngư—Sao Thiên Vương—Thánh Đoàn—Tim—Tùng thái dương.

13. When differentiated vibrations all return to a common frequency or measure, then homogeneity or complete synthesis prevails.

13. Khi các rung động đã biến phân đều trở về một tần số hay thước đo chung, thì tính đồng nhất hay sự tổng hợp hoàn toàn sẽ ngự trị.

It controls the breaking up of the One into the seven, and then the reabsorption back into the One.

Nó kiểm soát sự phân tách Đấng Duy Nhất thành bảy, rồi sự tái hấp thu trở lại vào Đấng Duy Nhất.

14. We notice the term "breaking" which suggest first ray action.

14. Chúng ta lưu ý thuật ngữ "phân tách", điều này gợi ý hoạt động của cung một.

15. When we speak of "reabsorption back into the One" the action of the synthesizing planets is suggested.

15. Khi chúng ta nói về "sự tái hấp thu trở lại vào Đấng Duy Nhất", thì hoạt động của các hành tinh tổng hợp được gợi ra.

16. It must not be forgotten that Saturn is a correspondence to the physical permanent atom of the cosmic physical plane (cf. TCF 406). Saturn is a planet of differentiation (as well as being absorptive of the Brahma aspect). We cannot dispose of Saturn when we look at how the Law of Vibration functions. Saturn also has a strong first ray component.

16. Không được quên rằng Sao Thổ là một sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của cõi hồng trần vũ trụ (x. TCF 406). Sao Thổ là một hành tinh của sự biến phân (đồng thời cũng hấp thu phương diện Brahma). Chúng ta không thể gạt bỏ Sao Thổ khi xem xét cách Định luật Rung động hoạt động. Sao Thổ cũng có một thành phần cung một mạnh mẽ.

17. Through the stabilizing influence of Saturn, a frequency established is sustained.

17. Qua ảnh hưởng ổn định của Sao Thổ, một tần số đã được thiết lập sẽ được duy trì.

It is really the basic law of evolution, which necessitates involution.

Đó thực sự là định luật căn bản của tiến hoá, định luật này đòi hỏi giáng hạ tiến hoá.

18. Evolution proceeds through the gradual and ordered heightening of vibration. Involution proceeds through the gradual and ordered lessening of vibration.

18. Tiến hoá diễn ra qua sự nâng cao rung động dần dần và có trật tự. Giáng hạ tiến hoá diễn ra qua sự hạ thấp rung động dần dần và có trật tự.

It is analogous to the first movement the Logos made to express Himself through this solar system.

Nó tương tự với chuyển động đầu tiên mà Thượng đế đã thực hiện để biểu lộ Chính Ngài qua hệ mặt trời này.

19. Vulcan is always associated with 'first impulsion'—the "hammer blow" which sets all into motion.

19. Vulcan luôn gắn liền với 'xung lực đầu tiên'—"nhát búa" khiến mọi sự chuyển động.

20. The Sun is exalted in Aries. We could say that the Sun in Aries always veils Uranus, but from a certain perspective, it also veils fiery, impelling Vulcan.

20. Mặt Trời được tôn vinh trong Bạch Dương. Chúng ta có thể nói rằng Mặt Trời trong Bạch Dương luôn che phủ Sao Thiên Vương, nhưng từ một góc nhìn nào đó, nó cũng che phủ Vulcan rực lửa và thúc đẩy.

He uttered the Sound, a threefold Sound, one sound for each of His three systems, and started a ripple on the ocean of space.

Ngài đã xướng Âm Thanh, một Âm Thanh tam phân, một âm cho mỗi hệ trong ba hệ của Ngài, và khởi lên một gợn sóng trên đại dương không gian.

21. Vibration originates in sound. The Great Singer is naturally associated with Taurus (the sign which rules the throat center of all beings). Significantly, Taurus is ruled by Vulcan.

21. Rung động phát sinh trong âm thanh. Đấng Đại Ca Sĩ dĩ nhiên được liên kết với Kim Ngưu (dấu hiệu hoàng đạo cai quản trung tâm cổ họng của mọi hữu thể). Điều đáng chú ý là Kim Ngưu do Vulcan cai quản.

22. This section of texts presents the Creative Process somewhat from the perspective of the "Eternal Now". The "threefold Sound" is uttered at once, so it seems or, at least, in one utterance.

22. Phần văn bản này trình bày Tiến Trình Sáng Tạo phần nào từ góc nhìn của "Hiện Tại Vĩnh Cửu". "Âm Thanh tam phân" được xướng lên cùng một lúc, dường như là vậy, hoặc ít nhất trong một lần phát âm.

23. The "ocean of space" can be considered the "Ocean of Matter".

23. "Đại dương không gian" có thể được xem là "Đại Dương Vật Chất".

24. The *impact* of the uttered Sound (the sung Sound) is equivalent to the hammer blow of Vulcan.

24. *Tác động* của Âm Thanh được xướng lên (Âm Thanh được hát lên) tương đương với nhát búa của Vulcan.

25. It is as if the Vishnu aspect (the "Singer") sends Fohat forth—Fohat vibrating to the tones of the Singer. Fohat's differentiated vibrations/oscillatory movements are the

25. Dường như phương diện Vishnu ("Ca Sĩ") phóng Fohat ra—Fohat rung động theo các âm điệu của Ca Sĩ. Những rung động/chuyển động dao động đã biến phân của Fohat là

"holes" dug in space. In this case "space" is mulaprakriti—whether utterly undifferentiated mulaprakriti which is Mulaprakriti, or that which is differentiated but (with respect to the system to be created) is minimally differentiated and thus serves the role of "root matter" for that particular system.

những "lỗ hổng" được đào trong không gian. Trong trường hợp này "không gian" là mulaprakriti—dù là mulaprakriti hoàn toàn chưa biến phân, tức Mulaprakriti, hay cái đã biến phân nhưng (xét theo hệ sẽ được tạo ra) chỉ biến phân ở mức tối thiểu và do đó giữ vai trò "vật chất gốc" cho hệ đặc thù ấy.

26. It is not yet clear whether all systems are generated from undifferentiated Mulaprakriti, or whether such undifferentiated matter exists only at the very beginning of the entire cosmic process.

26. Hiện chưa rõ liệu mọi hệ đều được phát sinh từ Mulaprakriti chưa biến phân, hay loại vật chất chưa biến phân như thế chỉ tồn tại vào lúc khởi đầu của toàn bộ tiến trình vũ trụ.

The Sound grows in volume as time progresses, and when it has reached its full volume, when it is fully completed, **it forms one of the notes in the major cosmic chord.**

Âm Thanh lớn dần về âm lượng theo thời gian, và khi nó đạt đến âm lượng trọn vẹn, khi nó hoàn toàn viên mãn, **nó tạo thành một trong những nốt của hợp âm vũ trụ lớn.**

27. Presumably the note which the Sound is sounding is the same note from the outset. What differs over time is the intensity of volume.

27. Có lẽ nốt mà Âm Thanh đang phát ra vẫn là cùng một nốt ngay từ đầu. Điều khác biệt theo thời gian là cường độ âm lượng.

28. The phrase "major cosmic chord" is important. DK may mean one of the following:

28. Cụm từ "hợp âm vũ trụ lớn" là điều quan trọng. Chân sư DK có thể muốn nói một trong những điều sau:

a. That the chord is *important* and, hence, "major"

a. Rằng hợp âm ấy *quan trọng* và do đó là "lớn"

b. That the chord is (in musical terminology) *major* rather than *minor.* This would mean that the chord was sounding in a major key—i.e., it possesses a major third rather than a minor third.

b. Rằng hợp âm ấy, theo thuật ngữ âm nhạc, là *trưởng* chứ không phải *thứ.* Điều này có nghĩa là hợp âm ấy vang lên ở điệu trưởng—tức là nó có quãng ba trưởng thay vì quãng ba thứ.

c. From another perspective, a "major cosmic chord" may be created by when seven great Sounds peal forth from seven

c. Từ một góc nhìn khác, một "hợp âm vũ trụ lớn" có thể được tạo ra khi bảy Âm Thanh Vĩ Đại vang dội từ bảy hệ mặt trời liên minh.

allied solar systems. This is the cosmic and not the systemic perspective.

Đây là góc nhìn vũ trụ chứ không phải góc nhìn hệ thống.

29. Within our solar system, it appears that the note related to each systemic law and, thus, to each plane, is one of the notes of this major intra-systemic chord. This would mean that the note to be sounded when all seven laws are 'sounding' has seven notes and, therefore, is no ordinary triad, no ordinary musical chord.

29. Trong hệ mặt trời của chúng ta, dường như nốt liên hệ với mỗi định luật của hệ thống và do đó với mỗi cõi, là một trong những nốt của hợp âm lớn nội-hệ thống này. Điều này có nghĩa là nốt sẽ được phát ra khi cả bảy định luật đều đang 'vang lên' có bảy nốt và vì thế không phải là một tam nguyên tinh thần thông thường, không phải một hợp âm âm nhạc thông thường.

30. Until we know more it would probably be best to interpret the words "major cosmic chord" as 'important cosmic cord', perhaps involving seven solar systems and also, eventually, a reflection of the cosmic chord through seven systemic laws and the seven planes of the cosmic physical plane.

30. Cho đến khi chúng ta biết nhiều hơn, có lẽ tốt nhất nên diễn giải các từ "hợp âm vũ trụ lớn" như là 'dây hợp âm vũ trụ quan trọng', có lẽ liên quan đến bảy hệ mặt trời và cuối cùng cũng là một phản chiếu của hợp âm vũ trụ qua bảy định luật của hệ thống và bảy cõi của cõi hồng trần vũ trụ.

31. A little thought will reveal to us that this major cosmic chord is very much "in the making" and is not sounding yet sounding at its full volume. Our Solar Logos is far from being fully developed.

31. Chỉ cần suy nghĩ một chút sẽ cho chúng ta thấy rằng hợp âm vũ trụ lớn này vẫn còn rất nhiều "đang được hình thành" và chưa vang lên với âm lượng trọn vẹn. Thái dương Thượng đế của chúng ta còn rất xa mới phát triển hoàn toàn.

32. If the chord involves other solar systems, our Solar Logos must reach the point at which His *note* in the sevenfold whole is properly tuned to the other notes and sounding at the correct volume, with the correct timbre and quality.

32. Nếu hợp âm ấy liên quan đến các hệ mặt trời khác, thì Thái dương Thượng đế của chúng ta phải đạt đến điểm mà *nốt* của Ngài trong toàn thể thất phân được chỉnh đúng với các nốt khác và vang lên với âm lượng đúng, với âm sắc và phẩm tính đúng.

Each note has six subtones, which, with the first, make the seven;

Mỗi nốt có sáu phụ âm, cùng với nốt thứ nhất tạo thành bảy;

33. This statement applies to the cosmic physical plane and also to each of the sevenfold sub-planes of the cosmic physical plane—i.e., the sevenfold solar or systemic planes.

33. Mệnh đề này áp dụng cho cõi hồng trần vũ trụ và cũng áp dụng cho mỗi cõi phụ thất phân của cõi hồng trần vũ trụ—tức là bảy cõi thái dương hay cõi của hệ thống.

34. Always the one will be surrounded by the six others equal to the one. Depending upon the systemic plane concerned, that central one will represent one of the seven rays and that one of the planets which most represents that ray.

34. Luôn luôn một nốt sẽ được bao quanh bởi sáu nốt khác ngang bằng với nó. Tùy theo cõi của hệ thống được xét, nốt trung tâm ấy sẽ đại diện cho một trong bảy cung và cho hành tinh đại diện nhiều nhất cho cung ấy.

35. There is an incredible order in this whole process of differentiation.

35. Có một trật tự đáng kinh ngạc trong toàn bộ tiến trình biến phân này.

the Law of Vibration, therefore, comprises eighteen lesser vibrations and three major, making the twenty-one of our three systems.

do đó, Định luật Rung động bao gồm mười tám rung động nhỏ hơn và ba rung động lớn, thành hai mươi mốt của ba hệ chúng ta.

36. One way of arriving at the composite number of our three systems (i.e., the number twenty-one) is to consider:

36. Một cách để đi đến con số tổng hợp của ba hệ chúng ta (tức là số hai mươi mốt) là xét:

a. Five as the number of Brahma, Ruler of the first major solar system

a. Năm là số của Brahma, Đấng cai quản hệ mặt trời lớn thứ nhất

b. Seven as the number of Vishnu, Ruler of the second major solar system

b. Bảy là số của Vishnu, Đấng cai quản hệ mặt trời lớn thứ hai

c. Nine as the number of Shiva, Rules of the third major solar system

c. Chín là số của Shiva, Đấng cai quản hệ mặt trời lớn thứ ba

37. Another way is as follows: for each solar system there is one keynote vibrating or sounding forth on the logoic plane—the atomic plane of the system. All the notes of the other six lower planes are considered sub-tones or lesser notes.

37. Một cách khác như sau: đối với mỗi hệ mặt trời có một chủ âm rung động hay vang lên trên cõi logoic—cõi nguyên tử của hệ. Tất cả các nốt của sáu cõi thấp hơn khác được xem là các phụ âm hay các nốt nhỏ hơn.

38. This will provide us with all twenty-one vibrations for the three solar systems—the major vibration on the atomic plane of each sevenfold system, and the six vibration of the six subsidiary planes of each sevenfold system.

38. Điều này sẽ cho chúng ta đủ cả hai mươi mốt rung động của ba hệ mặt trời—rung động lớn trên cõi nguyên tử của mỗi hệ thất phân, và sáu rung động của sáu cõi phụ thuộc của mỗi hệ thất phân.

39. It may be questioned whether the planar structure of each of the three major solar systems, is identical—i.e., sevenfold. DK seems to hint that it is, but one also things of a sequence of fivefold, sevenfold and ninefold structures.

39. Có thể đặt câu hỏi liệu cấu trúc cõi của mỗi một trong ba hệ mặt trời lớn có đồng nhất hay không—tức là thất phân. Chân sư DK dường như gợi ý là có, nhưng người ta cũng nghĩ đến một chuỗi cấu trúc ngũ phân, thất phân và cửu phân.

40. If we look at the numbers eighteen plus three, we will also see the eighteen lower sub-planes and the three higher sub-planes of the higher mental plane.

40. Nếu chúng ta nhìn vào các số mười tám cộng ba, chúng ta cũng sẽ thấy mười tám cõi phụ thấp hơn và ba cõi phụ cao hơn của Cõi thượng trí.

41. We may infer that each of the three sub-planes of the higher mental plane sounds a note correlating with one of the lower three systemic planes:

41. Chúng ta có thể suy ra rằng mỗi một trong ba cõi phụ của Cõi thượng trí phát ra một nốt tương ứng với một trong ba cõi thấp của hệ thống:

a. The first and highest sub-plane correlating with the entire mental plane

a. Cõi phụ thứ nhất và cao nhất tương ứng với toàn bộ cõi trí

b. The second sub-plane of the higher mental plane correlating with the entire astral plane

b. Cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí tương ứng với toàn bộ cõi cảm dục

c. The third sub-plane correlating with the etheric-physical plane

c. Cõi phụ thứ ba tương ứng với cõi dĩ thái-hồng trần

42. The perspective advanced here, however, suggests that the atomic sub-plane sets the note for its subsidiary six sub-planes.

42. Tuy nhiên, góc nhìn được nêu ra ở đây gợi ý rằng cõi phụ nguyên tử đặt ra nốt cho sáu cõi phụ phụ thuộc của nó.

a. The highest mental sub-plane setting the note for the entire systemic mental plane—higher and lower

a. Cõi phụ trí tuệ cao nhất đặt ra nốt cho toàn bộ cõi trí của hệ thống—cao và thấp

b. The highest astral sub-plane setting the note for the entire systemic astral plane

b. Cõi phụ cảm dục cao nhất đặt ra nốt cho toàn bộ cõi cảm dục của hệ thống

c. The highest etheric sub-plane setting the note for the entire etheric-physical plane.

c. Cõi phụ dĩ thái cao nhất đặt ra nốt cho toàn bộ cõi dĩ thái-hồng trần.

Two multiplied by nine (2x9), makes the necessary eighteen, which is the key number of our love system.

Hai nhân với chín (2x9), tạo thành mười tám cần thiết, là con số chủ chốt của hệ bác ái của chúng ta.

43. Eighteen is, in a way, the number of the Moon. In ancient India the Brahman's lineage was considered lunar. They were the great *teachers* and thus represented the second ray.

43. Mười tám, theo một cách nào đó, là con số của Mặt Trăng. Ở Ấn Độ cổ đại, dòng dõi của người Bà-la-môn được xem là thuộc về Mặt Trăng. Họ là những *huấn sư* vĩ đại và do đó đại diện cho cung hai.

44. Nine always represents completion, and the nine multiplied by the two correlates with the *second* major system, yields eighteen.

44. Chín luôn luôn tượng trưng cho sự hoàn tất, và chín nhân với hai, tương ứng với hệ lớn *thứ hai*, cho ra mười tám.

45. From this perspective, nine would be the number of the first major solar system: we would have *1* x 9. Eighteen would be the number of the second major solar system; we would have *2* x 9. Twenty-seven would be the number of the third major solar system: we would have *3* x 9.

45. Từ góc nhìn này, chín sẽ là con số của hệ mặt trời lớn thứ nhất: chúng ta sẽ có *1* x 9. Mười tám sẽ là con số của hệ mặt trời lớn thứ hai; chúng ta sẽ có *2* x 9. Hai mươi bảy sẽ là con số của hệ mặt trời lớn thứ ba: chúng ta sẽ có *3* x 9.

46. The two together might suggest combining a ninefold series of physical initiations and a ninefold series of astral initiations.

46. Hai số ấy cùng nhau có thể gợi ý việc kết hợp một chuỗi cửu phân các điểm đạo hồng trần và một chuỗi cửu phân các điểm đạo cảm dục.

47. To get to the deepest root of why eighteen should be the "key number of our love system" more pondering will be required.

47. Để đi đến căn nguyên sâu xa nhất của lý do vì sao mười tám phải là "con số chủ chốt của hệ bác ái của chúng ta", sẽ cần suy ngẫm thêm nữa.

Twenty-seven holds hid the mystery of the third system.

Hai mươi bảy che giấu huyền nhiệm của hệ thứ ba.

44. If this is the case, then nine must be the key number of the first solar system.

44. Nếu đúng như vậy, thì chín hẳn phải là con số chủ chốt của hệ mặt trời thứ nhất.

45. We have three sets of key numbers for these three systems:

45. Chúng ta có ba bộ con số chủ chốt cho ba hệ này:

	Key Numbers	Key Numbers	Key Numbers
First Solar System	3	5	9
Second Solar System	2	7	18
Third Solar System	1	9	27

46. In these calculations, it is important to remember that nine is an important number relating to *consciousness*, for nine is the number of initiatory steps in consciousness, just as seven suggests the structural phases of the form.

46. Trong các phép tính này, điều quan trọng là phải nhớ rằng chín là một con số quan trọng liên hệ với *tâm thức*, vì chín là số của các bước điểm đạo trong tâm thức, cũng như bảy gợi ý các giai đoạn cấu trúc của hình tướng.

On the path of involution, the seven great Breaths or Sounds **drove to** the atomic subplane of each plane, and [Page 575] there the basic vibration repeated in its own little world the method of logoic vibration, giving rise itself to six subsidiary breaths.

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, bảy Hơi Thở Vĩ Đại hay Âm Thanh **đã thúc đẩy đến** cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi, và [Page 575] tại đó rung động căn bản đã lặp lại trong tiểu thế giới riêng của nó phương pháp rung động logoic, tự nó làm phát sinh sáu hơi thở phụ thuộc.

47. “Breaths” are “Sounds”. This suggests the fusion of the first and second aspects. The “Breath” is always associated with the first aspect. The Sound can be associated equally with the first, second or third divine aspects.

47. “Hơi thở” là “Âm Thanh”. Điều này gợi ý sự dung hợp của phương diện thứ nhất và thứ hai. “Hơi thở” luôn luôn được liên kết với phương diện thứ nhất. Âm Thanh có thể được liên kết ngang nhau với phương diện thiêng liêng thứ nhất, thứ hai hoặc thứ ba.

48. It would seem that Fohat is operating under the impulsion of the “seven great Breaths of Sounds”. We remember that Vishnu is the Divine Singer, and so Fohat responds to Vishnu.

48. Dường như Fohat đang hoạt động dưới xung lực của “bảy Hơi Thở Vĩ Đại của Âm Thanh”. Chúng ta nhớ rằng Vishnu là Đấng Ca Sĩ Thiêng Liêng, và vì thế Fohat đáp ứng với Vishnu.

49. Fohat sets into motion only the atomic sub-plane of each systemic plane. Yet how did the six subsidiary systemic planes arise,

49. Fohat chỉ làm cho cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống chuyển động. Tuy nhiên, sáu cõi hệ thống phụ thuộc đã phát sinh như thế nào, vì chúng là các cõi phụ của cõi cao

for they are sub-planes of the highest of the systemic planes—or are they?

50. Perhaps Fohat carries seven fundamental vibrations and when encountering Mulaprakriti creates seven vibratory domains, six of which are subsidiary to the first. These seven would be created simultaneously, and would not have to be chained together—the second awaiting the first, the third awaiting the second, etc.

51. When we read the words "drove to", we sense a first ray process in motion—a first ray impulsion within the realm of third ray Fohat.

It will be remembered that the first great outpouring from the Logos vivified universal substance and caused every atom of matter within the "ring-pass-not" of His system to vibrate in seven different measures of vibration. [The work of logoic Fohat] [Fohat only differentiates matter on the atomic sub-planes] The second outpouring caused molecular combinations, thus forming the six subplanes below the atomic on each plane, and produced form. (EP I 168)

52. From what is stated in the reference above, it would seem that Fohat created directly from Mulaprakriti the seven differentiated vibrations. It is not that the lower six had to be created by molecular combination from the vibrations of the first systemic plane.

53. And yet, if *Occult Chemistry* is to be credited as accurate, the matter of the atomic sub-planes of each of the lower six systemic planes is all *relatively* molecular—i.e., in a state of combination when

nhất trong các cõi hệ thống—hay có phải vậy không?

50. Có lẽ Fohat mang theo bảy rung động căn bản và khi gặp Mulaprakriti thì tạo ra bảy miền rung động, trong đó sáu miền phụ thuộc miền thứ nhất. Bảy miền này sẽ được tạo ra đồng thời, và không cần phải được xâu chuỗi với nhau—miền thứ hai chờ miền thứ nhất, miền thứ ba chờ miền thứ hai, v.v.

51. Khi chúng ta đọc các từ "đã thúc đẩy đến", chúng ta cảm nhận một tiến trình cung một đang vận động—một xung lực cung một trong phạm vi của Fohat cung ba.

Cần lưu ý rằng lần tuôn đổ lớn thứ nhất từ Thượng đế đã tiếp sinh lực cho chất liệu vũ trụ và khiến mọi nguyên tử vật chất bên trong "vòng-giới-hạn" của hệ Ngài rung động theo bảy thước đo rung động khác nhau. [Công việc của Fohat Thượng đế] [Fohat chỉ biến phân vật chất trên các cõi phụ nguyên tử] Lần tuôn đổ thứ hai gây ra các tổ hợp phân tử, nhờ đó hình thành sáu cõi phụ bên dưới cõi nguyên tử trên mỗi cõi, và tạo ra hình tướng. (EP I 168)

52. Từ điều được nêu trong tham chiếu trên, dường như Fohat đã trực tiếp tạo ra từ Mulaprakriti bảy rung động đã biến phân. Không phải là sáu rung động thấp hơn phải được tạo ra bằng tổ hợp phân tử từ các rung động của cõi hệ thống thứ nhất.

53. Tuy nhiên, nếu *Hóa Học Huyền Bí* được xem là chính xác, thì vật chất của các cõi phụ nguyên tử của mỗi một trong sáu cõi hệ thống thấp hơn đều *tương đối* có tính phân

compared to the matter of the first systemic sub-plane.

54. It would seem, then, that Fohat (when working to create the six lower atomic sub-planes) creates atomic sub-plane matter which is (when compared with the matter of the first systemic sub-plane) *molecular* matter. This must be further investigated.

55. In a way, *all forms* are molecular if they have any combined parts whatsoever. So the term "molecular" is a relative term.

We get the same correspondence here as we did in the matter of the Rays, for we shall find that the lines of vibration are 1-2-4-6. Logically this would be so, for involution is negative, receptive, and corresponds to the feminine pole, just as the abstract rays were 2-4-6. This truth requires meditation, and an attempt to think abstractly; it is linked to the fact that the whole second system is receptive and feminine; it concerns the evolution of consciousness of the psyche.

56. Involution is a process of form-building. The second ray is the form-builder and rays four and six are derivative of ray two. Yet, ray one must set the whole process in motion.

57. Within the second solar system there is cultivated the power to respond sensitively to the forms built until the perceiving consciousness within the form is not only detected, but realized to be the same consciousness as the perceiving consciousness.

tử—tức là ở trong trạng thái kết hợp khi so với vật chất của cõi phụ hệ thống thứ nhất.

54. Vậy thì dường như Fohat (khi hoạt động để tạo ra sáu cõi phụ nguyên tử thấp hơn) tạo ra vật chất cõi phụ nguyên tử mà (khi so với vật chất của cõi phụ hệ thống thứ nhất) là vật chất *phân tử*. Điều này cần được khảo cứu thêm.

55. Theo một cách nào đó, *mọi hình tướng* đều là phân tử nếu chúng có bất kỳ bộ phận kết hợp nào. Vì vậy thuật ngữ "phân tử" là một thuật ngữ tương đối.

Ở đây chúng ta có cùng một sự tương ứng như trong vấn đề các cung, vì chúng ta sẽ thấy rằng các đường rung động là 1-2-4-6. Điều này về mặt logic là như vậy, vì giáng hạ tiến hoá là âm, tiếp nhận, và tương ứng với cực nữ tính, cũng như các cung trừu tượng là 2-4-6. Chân lý này đòi hỏi sự tham thiền, và một nỗ lực suy nghĩ một cách trừu tượng; nó liên kết với sự kiện rằng toàn bộ hệ thứ hai là tiếp nhận và nữ tính; nó liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức của tâm linh.

56. Giáng hạ tiến hoá là một tiến trình xây dựng hình tướng. Cung hai là cung xây dựng hình tướng và cung bốn cùng cung sáu là những cung phát sinh từ cung hai. Tuy nhiên, cung một phải khởi động toàn bộ tiến trình.

57. Trong hệ mặt trời thứ hai, quyền năng đáp ứng một cách nhạy bén với các hình tướng được xây dựng được vun bồi cho đến khi tâm thức tri giác bên trong hình tướng không những được phát hiện mà còn được chứng nghiệm là cùng một tâm thức với tâm thức đang tri giác.

58. We appear then to be speaking of the relations between laws one, two, four and six and planes one, two, four and six.

58. Như vậy dường như chúng ta đang nói đến các mối liên hệ giữa các định luật một, hai, bốn và sáu với các cõi một, hai, bốn và sáu.

59. The deva kingdom is feminine. The encounter of the deva and human kingdom occurs especially on planes six, four and two.

59. Giới thiên thần là nữ tính. Sự gặp gỡ của giới thiên thần và giới nhân loại xảy ra đặc biệt trên các cõi sáu, bốn và hai.

60. We might say that on the path of involution the power of the devas predominate and the forms through which consciousness functions are built.

60. Chúng ta có thể nói rằng trên con đường giáng hạ tiến hoá, quyền năng của các thiên thần chiếm ưu thế và các hình tướng qua đó tâm thức hoạt động được xây dựng.

61. On the path of evolution, and especially after individualization, the emphasis is upon achieving freedom from the forms which the devas (or form-builders) have built. The path of initiation is said to be ruled by the first and seventh rays—hard-line rays.

61. Trên con đường tiến hoá, và đặc biệt sau biệt ngã hóa, trọng tâm là đạt được sự giải thoát khỏi các hình tướng mà các thiên thần (hay các đấng kiến tạo hình tướng) đã xây dựng. Con Đường Điểm Đạo được nói là do cung một và cung bảy cai quản—những cung cứng rắn.

On the path of evolution this law controls the positive aspect of the process.

Trên con đường tiến hoá, định luật này kiểm soát phương diện dương của tiến trình.

62. The "positive aspect of the process" is the process of liberation from form.

62. "Phương diện dương của tiến trình" là tiến trình giải thoát khỏi hình tướng.

63. Vulcan is a builder and related to the second aspect and the Heart of the Sun, but He is also one who destroys and shatters, liberating the 'condensed light' of matter into the blinding light—the "Greatest Light".

63. Vulcan là một đấng kiến tạo và liên hệ với phương diện thứ hai cùng Trái Tim của Mặt Trời, nhưng Ngài cũng là Đấng hủy diệt và đập tan, giải phóng 'ánh sáng cô đặc' của vật chất vào ánh sáng chói lòa—"Ánh Sáng Vĩ Đại Nhất".

64. When St. Paul begin the third initiation process, he was struck by a Vulcanian energy.

64. Khi Thánh Paul bắt đầu tiến trình lần điểm đạo thứ ba, ông đã bị một năng lượng Vulcan tác động.

65. At the fourth initiation the revealed "Jewel in the Lotus" become destructive in relation to the causal body. Vulcan is the

65. Ở lần điểm đạo thứ tư, "Bảo Châu trong Hoa Sen" được mặc khải trở nên có tính hủy diệt đối với thể nguyên nhân. Vulcan là chủ

generic ruler of all *jewels* and is closely associated with the "Jewel in the Lotus".

tinh tổng quát của mọi *bảo châu* và có liên hệ mật thiết với "Bảo Châu trong Hoa Sen".

All is rhythm and movement, and **when all that evolves on each plane attains the vibration of the atomic subplane**, then the goal is reached.

Mọi sự đều là nhịp điệu và chuyển động, và **khi mọi sự tiến hoá trên mỗi cõi đạt đến rung động của cõi phụ nguyên tử**, thì mục tiêu được đạt đến.

66. At first, and through the processes of involution, differentiation arises on each of the solar planes. The measure of the atomic sub-plane of each systemic plane is a certain frequency and the measures of the six subsidiary sub-planes are correlated harmoniously with that foundational frequency.

66. Thoạt tiên, và thông qua các tiến trình giáng hạ tiến hoá, sự biến phân phát sinh trên mỗi cõi của thái dương. Mức độ của cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi trong hệ là một tần số nhất định, và các mức độ của sáu cõi phụ thứ yếu được tương quan hài hòa với tần số nền tảng ấy.

67. But eventually sub-plane matter is elevated, its frequency increasing, until, on any given plane, only sub-plane matter of the atomic frequency remains.

67. Nhưng rốt cuộc vật chất cõi phụ được nâng lên, tần số của nó gia tăng, cho đến khi, trên bất kỳ cõi nào, chỉ còn lại vật chất cõi phụ có tần số nguyên tử.

68. This we have learned in connection with the vehicles of the human being during the initiation process as follows:

68. Điều này chúng ta đã học được liên quan đến các vận cụ của con người trong tiến trình điểm đạo như sau:

Again, the four initiations, prior to that of the adept, mark respectively the attainment of certain proportions of atomic matter in the bodies—for instance, at the first initiation one-fourth atomic matter, at the second one-half atomic matter, at the third three-quarters atomic matter, and so on to the completion. Since buddhi is the unifying principle (or the welder of all), at the fifth initiation the adept lets the lower vehicles go, and stands in his buddhic sheath. He creates thence his body of manifestation. (IHS 16-17) [We note that it is the Adept who lets the lower vehicles go. What of the Arhat? At the fourth initiation does he not also let the lower vehicles go?]

Một lần nữa, bốn lần điểm đạo, trước lần điểm đạo của chân sư, lần lượt đánh dấu việc đạt được những tỉ lệ nhất định của vật chất nguyên tử trong các thể—thí dụ, ở lần điểm đạo thứ nhất là một phần tư vật chất nguyên tử, ở lần điểm đạo thứ hai là một nửa vật chất nguyên tử, ở lần điểm đạo thứ ba là ba phần tư vật chất nguyên tử, và cứ thế cho đến hoàn tất. Vì Bồ đề là nguyên khí hợp nhất (hay là tác nhân hàn gắn mọi sự), nên ở lần điểm đạo thứ năm chân sư buông bỏ các vận cụ thấp và đứng trong vỏ bọc Bồ đề của Ngài. Từ đó Ngài tạo ra thể biểu hiện của mình. (IHS 16-17) [Chúng ta lưu ý rằng chính chân sư buông bỏ các vận cụ thấp. Còn vị A La Hán thì sao? Ở lần điểm đạo thứ tư y

chẳng phải cũng buông bỏ các vận cụ thấp sao?]

69. If this is true for the microcosm, it must also be true for the macrocosm.

69. Nếu điều này đúng đối với tiểu thiên địa, thì nó cũng hẳn phải đúng đối với đại thiên địa.

70. That which combines eventually returns to the state of simplicity, the uncombined state.

70. Điều kết hợp lại rốt cuộc quay về trạng thái đơn giản, trạng thái không kết hợp.

71. When, on each systemic plane, there is once again only atomic sub-plane matter, then the evolutionary goal is reached. It is not expected that this happens simultaneously on all systemic planes.

71. Khi trên mỗi cõi trong hệ, một lần nữa chỉ còn vật chất cõi phụ nguyên tử, thì mục tiêu tiến hoá được đạt đến. Không thể chờ đợi điều này xảy ra đồng thời trên mọi cõi trong hệ.

72. There may be a tendency for matter of the lower systemic planes to return to atomic condition somewhat sooner than matter of higher systemic planes. Certainly, triadal development occurs much later than development within the lower three worlds, do the return to the uncombined state on the higher planes and sub-planes occurs later.

72. Có thể có khuynh hướng để vật chất của các cõi thấp trong hệ trở về trạng thái nguyên tử sớm hơn đôi chút so với vật chất của các cõi cao hơn trong hệ. Chắc chắn, sự phát triển của Tam nguyên tinh thần xảy ra muộn hơn nhiều so với sự phát triển trong ba cõi thấp, nên sự trở về trạng thái không kết hợp trên các cõi và cõi phụ cao hơn cũng xảy ra muộn hơn.

When, therefore, we have achieved the first main vibrations, and have perfected vehicles **for all evolutions** (not merely the human), of fivefold atomic subplane matter, then we have completed the round of evolution for this system.

Vì vậy, khi chúng ta đã đạt được các rung động chính đầu tiên, và đã hoàn thiện các vận cụ **cho mọi cuộc tiến hoá** (không chỉ riêng nhân loại), bằng vật chất cõi phụ nguyên tử ngũ phân, thì chúng ta đã hoàn tất chu kỳ tiến hoá cho hệ này.

73. DK is speaking of the completion of the development of the solar system. We note that it is not enough to humanity to complete *its* evolution; all kingdoms must also complete theirs.

73. Chân sư DK đang nói về sự hoàn tất sự phát triển của hệ mặt trời. Chúng ta lưu ý rằng nhân loại hoàn tất tiến hoá của *mình* thôi thì chưa đủ; mọi giới cũng phải hoàn tất tiến hoá của chúng.

74. The "round of evolution" is not a *conventional* round—a chain round, a

74. "Chu kỳ tiến hoá" không phải là một cuộc tuần hoàn *thông thường*—một cuộc tuần hoàn của dãy, một cuộc tuần hoàn của hệ

scheme-round or a systemic round (of which we may also presume there to be seven).

hành tinh hay một cuộc tuần hoàn của hệ thống (mà chúng ta cũng có thể giả định là có bảy).

75. Rather the "round of evolution" suggests the going forth of the Solar Logoic Jiva (from the logoic causal body and functioning as the logoic soul-in-incarnation), just as the human Jiva (fulfilling its role as soul-in-incarnation) goes forth from and returns to the higher mental plane in a single incarnational cycle.

75. Đúng hơn, "chu kỳ tiến hoá" gợi ý sự xuất phát của Jiva Thượng đế Thái dương (từ thể nguyên nhân của Thượng đế và hoạt động như linh hồn đang nhập thể của Thượng đế), cũng như Jiva con người (hoàn thành vai trò của mình như linh hồn đang nhập thể) xuất phát từ cõi thượng trí và quay trở về đó trong một chu kỳ nhập thể đơn nhất.

76. There are other evolutions than the human in the developmental system of the Solar Logos, and they, too must attain to the vibratory level of the "first main vibrations".

76. Ngoài cuộc tiến hoá nhân loại còn có những cuộc tiến hoá khác trong hệ thống phát triển của Thái dương Thượng đế, và chúng cũng phải đạt đến cấp độ rung động của "những rung động chính đầu tiên".

77. We realize that the first and principal vibration of the solar system lies beyond man's expression as a Monad on the second solar plane—the monadic plane. It is the first systemic plane ruled by the Leo Creative Hierarchy which is especially the agent of the Solar Logos on the cosmic physical plane.

77. Chúng ta nhận ra rằng rung động đầu tiên và chủ yếu của hệ mặt trời vượt quá sự biểu hiện của con người như một chân thần trên cõi thái dương thứ hai—cõi chân thần. Đó là cõi thứ nhất trong hệ do Huyền Giai Sáng Tạo Sư Tử cai quản, vốn đặc biệt là tác nhân của Thái dương Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ.

In the coming system we shall add the next two vibrations that complete the scale, and our Logos will then have completed His building.

Trong hệ sắp tới, chúng ta sẽ thêm vào hai rung động kế tiếp để hoàn tất thang âm, và khi đó Thượng đế của chúng ta sẽ hoàn tất công trình kiến tạo của Ngài.

78. In this solar system our number is *seven.* From one perspective, two vibrations yet remain, talking us to the number of completion, nine.

78. Trong hệ mặt trời này, con số của chúng ta là *bảy.* Từ một góc nhìn, vẫn còn hai rung động nữa, đưa chúng ta đến con số hoàn tất là chín.

79. We have moved from the five of the previous solar system into the seven of this solar system. It can be inferred that nine will be a very important number in the next solar system (even though, as the number of

79. Chúng ta đã chuyển từ số năm của hệ mặt trời trước sang số bảy của hệ mặt trời này. Có thể suy ra rằng số chín sẽ là một con số rất quan trọng trong hệ mặt trời kế tiếp

consciousness and of initiation, it is important in all of the three).

(dù với tư cách là con số của tâm thức và của điểm đạo, nó quan trọng trong cả ba hệ).

80. Already the nine of consciousness is important in this system.

80. Ngay trong hệ này, số chín của tâm thức đã là quan trọng.

81. How shall there be seven solar systems, which (so we are told there will be)? Shall six be counted together as a seventh? This is a method of counting often used by DK.

81. Làm sao lại có bảy hệ mặt trời, mà (như chúng ta được bảo) sẽ có? Phải chăng sáu được tính chung thành một thứ bảy? Đây là một phương pháp đếm mà Chân sư DK thường dùng.

It must be remembered that the possible cosmic streams of energy available for use in our solar system are seven in number, of which three are major. These three vary during vast and incalculable cycles. (TCF 1182)

Phải ghi nhớ rằng các dòng năng lượng vũ trụ khả hữu có thể dùng trong hệ mặt trời của chúng ta là bảy về số lượng, trong đó có ba dòng là chính. Ba dòng này biến đổi trong những chu kỳ mênh mông và không thể tính được. (TCF 1182)

Manas is the united faculty of four of the Heavenly Men, synthesised through a fifth Heavenly Man on the third plane of the system. These five Heavenly Men were the logoic embodiment in an earlier system and achieved the fullness of manasic life. Their synthetic life is that which is primarily understood when we speak of Brahma, that cosmic Entity Who is the sum-total of logoic active intelligence. (TCF 336)

Manas là năng lực hợp nhất của bốn Đấng Thiên Nhân, được tổng hợp qua một Đấng Thiên Nhân thứ năm trên cõi thứ ba của hệ. Năm Đấng Thiên Nhân này là hiện thân Thượng đế trong một hệ trước kia và đã đạt đến sự viên mãn của sự sống manas. Sự sống tổng hợp của Các Ngài là điều chủ yếu được hiểu đến khi chúng ta nói về Brahma, Thực Thể vũ trụ là tổng thể của trí tuệ hoạt động của Thượng đế. (TCF 336)

The fourth Creative Hierarchy, that of the human Monads, **has to learn to vibrate positively,** but the devas proceed along the line of least resistance;

Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức Huyền Giai của các chân thần nhân loại, **phải học cách rung động một cách tích cực,** nhưng các thiên thần tiến bước theo con đường ít trở ngại nhất;

82. Humanity is closely connected with Vulcan. The lives on Vulcan become "fiery stones" whereas the lives on Earth become "living stones".

82. Nhân loại có liên hệ mật thiết với Vulcan. Các sự sống trên Vulcan trở thành "những hòn đá lửa" trong khi các sự sống trên Trái Đất trở thành "những hòn đá sống".

83. The "human monads" have to shatter the devic ring-pass-nots in which they are

83. Các "chân thần nhân loại" phải phá vỡ các vòng-giới-hạn thiên thần mà chúng bị

enclosed. Some degree of first ray energy will be required for this action. There is something at the root of the human kingdom which is strongly first ray in nature as it evolves through the destruction of form.

bao kín trong đó. Một mức độ năng lượng cung một nào đó sẽ cần thiết cho hành động này. Có điều gì đó ở tận gốc của giới nhân loại mang bản chất cung một rất mạnh, vì nó tiến hoá thông qua sự hủy diệt hình tướng.

they remain negative, taking the line of acquiescence, of falling in with the law.

chúng vẫn giữ tính tiêu cực, đi theo đường lối thuận phục, thuận theo định luật.

84. The devas obey the law. They adapt themselves to the law (thus acting according to the third ray). They acquiesce to the law (thus acting according to the second ray).

84. Các thiên thần tuân theo định luật. Chúng thích nghi với định luật (do đó hành động theo cung ba). Chúng thuận phục định luật (do đó hành động theo cung hai).

Only the human Monads, and only in the three worlds, follow the positive line, and by resistance, struggle, battle and strife learn the lesson of divine acquiescence.

Chỉ các chân thần nhân loại, và chỉ trong ba cõi giới, mới đi theo đường lối tích cực, và bằng sự kháng cự, đấu tranh, chiến đấu và xung đột mà học bài học về sự thuận phục thiêng liêng.

85. This is quite an amazing line of development. The devas instinctively know and understand adaptation and acquiescence to the Divine Law.

85. Đây quả là một đường phát triển đáng kinh ngạc. Các thiên thần theo bản năng biết và thấu hiểu sự thích nghi và thuận phục đối với Định luật Thiêng liêng.

86. Human Monads are ‘rebels’ and begin in a state which is anything but acquiescent. Through conflict they learn the “divine acquiescence” is best.

86. Các chân thần nhân loại là những “kẻ phản nghịch” và khởi đầu trong một trạng thái hoàn toàn không thuận phục. Qua xung đột, chúng học rằng “sự thuận phục thiêng liêng” là tốt nhất.

87. We have been told that the psychology of our Planetary Logos is that of a ‘Divine Rebel’; human beings a ‘monadic cells’ in certain of His centres, seem to inherit that psychology.

87. Chúng ta đã được bảo rằng tâm lý học của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là của một “Đấng Phản Nghịch Thiêng Liêng”; con người, với tư cách là những “tế bào chân thần” trong một số trung tâm của Ngài, dường như thừa hưởng tâm lý ấy.

88. The fourth ray (which characterizes humanity) is a *warring* ray and the struggle-filled method of human development reveals this.

88. Cung bốn (vốn đặc trưng cho nhân loại) là một cung *chiến đấu* và phương pháp phát triển đầy đấu tranh của nhân loại cho thấy điều này.

89. The human Creative Hierarchy is ruled by the sign Scorpio, a fourth ray sign with the first ray latent; it is paramountly a sign of struggle.

89. Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại được dấu hiệu hoàng đạo Hổ Cáp cai quản, một dấu hiệu cung bốn với cung một tiềm ẩn; đó chủ yếu là một dấu hiệu của đấu tranh.

Yet, owing to the increase of friction through that very struggle, **they progress with a relatively greater rapidity than the devas.** They have need to do this, for they have lost ground to make up.

Tuy nhiên, do sự gia tăng ma sát qua chính cuộc đấu tranh ấy, **họ tiến bộ với một tốc độ tương đối nhanh hơn các thiên thần.** Họ cần phải làm như vậy, vì họ có phần tụt hậu cần bù đắp.

90. This is a very important revelation. We are told that the fourth ray man may make very rapid progress (or very little):

90. Đây là một mặc khải rất quan trọng. Chúng ta được bảo rằng con người cung bốn có thể tiến bộ rất nhanh (hoặc rất ít):

These contrasting forces in the nature make life one perpetual warfare and unrest for the fourth ray man; **the friction and the experience gained thereby may produce very rapid evolution,** but the man may as easily become a ne'er-do-well as a hero. (EP I 206)

Những mãnh lực tương phản này trong bản chất làm cho đời sống trở thành một cuộc chiến tranh và bất an liên miên đối với người cung bốn; **ma sát và kinh nghiệm nhờ đó mà có thể tạo ra sự tiến hoá rất nhanh,** nhưng con người cũng có thể dễ dàng trở thành một kẻ vô dụng như trở thành một anh hùng. (EP I 206)

91. When we hear of “friction” we must suspect that there is much of Mars in the psychology of the human being, and indeed, Mars is one of the planets closest in proximity (and development) to the Earth.

91. Khi nghe nói đến “ma sát”, chúng ta phải ngờ rằng có nhiều ảnh hưởng của Sao Hỏa trong tâm lý của con người, và quả thật, Sao Hỏa là một trong những hành tinh gần Trái Đất nhất về khoảng cách (và về sự phát triển).

92. We see that what is true of the individual human being is considered true for the entire race. They progress more rapidly than the devas, but they must because of the Moon-chain disaster which set them back.

92. Chúng ta thấy rằng điều đúng với cá nhân con người cũng được xem là đúng với toàn thể nhân loại. Họ tiến bộ nhanh hơn các thiên thần, nhưng họ phải như vậy vì tai họa của Dãy Mặt Trăng đã làm họ thụt lùi.

93. It can be questioned whether or not the devas expressing on the Moon-chain at that time were not also set back?

93. Có thể đặt câu hỏi rằng liệu các thiên thần biểu hiện trên Dãy Mặt Trăng vào thời đó có bị thụt lùi hay không?

94. Perhaps man was also set-back during the great wars of Atlantis when the Dark Brotherhood apparently was victorious.

94. Có lẽ con người cũng đã bị thụt lùi trong những cuộc đại chiến của Atlantis khi Huynh đệ Đoàn bóng tối dường như đã chiến thắng.

95. DK seems to say that humanity is behind the devas in its development; if these is the case, we have two parallel kingdoms but there is uneven development between them. Perhaps humanity (at the present time) has more to learn from the devas than the devas from humanity.

95. Chân sư DK dường như nói rằng nhân loại đi sau các thiên thần trong sự phát triển của mình; nếu đúng như vậy, chúng ta có hai giới song song nhưng có sự phát triển không đồng đều giữa chúng. Có lẽ nhân loại (vào thời điểm hiện nay) có nhiều điều phải học từ các thiên thần hơn là các thiên thần học từ nhân loại.

The Law of Vibration is **the law of progress, of movement and of rotation.**

Định luật Rung động là **định luật của tiến bộ, của chuyển động và của sự quay.**

96. Three factors are involved with the Law of Vibration:

96. Có ba yếu tố liên quan đến Định luật Rung động:

a. Progress

a. Tiến bộ

b. Movement

b. Chuyển động

c. Rotation

c. Sự quay

97. Impulsion creates spheres and spheres rotate.

97. Xung lực tạo ra các khối cầu và các khối cầu quay.

On the seventh or lowest plane, the vibration is slow, clogged and lethargic from the [Page 576] standpoint of the first, and it is in learning to vibrate or to rotate more rapidly, that we mount the path of return.

Trên cõi thứ bảy hay thấp nhất, rungđộng thì chậm, tắc nghẽn và trì trệ theo [Page 576] quan điểm của cõi thứ nhất, và chính trong việc học cách rung động hay quay nhanh hơn mà chúng ta leo lên Con Đường Trở Về.

98. Rotation through a cyclic period *is* a vibration. A cycle of vibration is, in many

98. Sự quay qua một chu kỳ *là* một rung động. Một chu kỳ rung động, trên nhiều

respects, a cycle of rotation. A complete vibration is one complete cycle. A complete rotation is one complete cycle.

phương diện, là một chu kỳ quay. Một rung động hoàn chỉnh là một chu kỳ hoàn chỉnh. Một sự quay hoàn chỉnh là một chu kỳ hoàn chỉnh.

99. The progress is from tamas, through rajas to sattva.

99. Sự tiến bộ là từ tamas, qua rajas đến sattva.

100. Slow, lethargic vibration must give way to rapid and delicately adjusted vibration.

100. Rung động chậm chạp, trì trệ phải nhường chỗ cho rung động nhanh và được điều chỉnh tinh tế.

It involves, therefore necessarily, the building in of finer matter into the vehicles, both deva and human.

Vì vậy, điều đó tất yếu bao hàm việc xây dựng vật chất tinh tế hơn vào trong các vận cụ, cả thiên thần lẫn con người.

101. Increase of vibratory frequency is, of course, facilitated by refinement.

101. Dĩ nhiên, sự gia tăng tần số rung động được tạo điều kiện bởi sự tinh luyện.

102. We can see how the Sacred Word (promoting expulsion of unsuitable matter) and the kundalini process promoting the same, will each work to bring the Law of Vibration into greater demonstration.

102. Chúng ta có thể thấy Linh từ Thiêng liêng (thúc đẩy sự trục xuất vật chất không thích hợp) và tiến trình kundalini thúc đẩy điều tương tự, mỗi bên sẽ hoạt động để đưa Định luật Rung động vào biểu hiện lớn hơn.

103. The use of the OM is one of the key vibrations for promoting the appropriate frequency for every plane and sub-plane.

103. Việc sử dụng OM là một trong những rung động chủ chốt để thúc đẩy tần số thích hợp cho mọi cõi và cõi phụ.

In this second system, on the five planes of human evolution, we have the five vehicles —physical, astral, mental, buddhic and atmic—which **have all to be purified, rarefied, intensified and refined.**

Trong hệ thứ hai này, trên năm cõi của tiến hoá nhân loại, chúng ta có năm vận cụ—thể xác, thể cảm dục, thể trí, Bồ đề và atma—mà **tất cả đều phải được thanh lọc, làm loãng, tăng cường và tinh luyện.**

104. In the second solar system, the Monad and its essence on the first sub-plane, work through the five—inherited, in a way, from the past solar system.

104. Trong hệ mặt trời thứ hai, chân thần và tinh túy của nó trên cõi phụ thứ nhất hoạt động thông qua năm vận cụ—được thừa hưởng, theo một nghĩa nào đó, từ hệ mặt trời trước.

105. The Tibetan seems to be making a distinction between the following four words:

a. Purified

b. Rarefied

c. Intensified

d. Refined

105. Chân sư Tây Tạng dường như đang phân biệt giữa bốn từ sau đây:

a. Được thanh lọc

b. Được làm loãng

c. Được tăng cường

d. Được tinh luyện

106. The distinctions between these terms are subtle and would repay pondering.

106. Sự phân biệt giữa các thuật ngữ này rất tinh tế và đáng để suy ngẫm.

107. Purification suggests the application of fire. Rarefaction suggests etherealization. Intensification suggests an increase in amplitude of vibration and perhaps in frequency as well. Refinement suggests delicate and harmonious interplay.

107. Sự thanh lọc gợi ý việc áp dụng lửa. Sự làm loãng gợi ý sự dĩ thái hóa. Sự tăng cường gợi ý sự gia tăng biên độ rung động và có lẽ cả tần số nữa. Sự tinh luyện gợi ý sự tương tác tinh tế và hài hòa.

108. All does not yet vibrate to the correct measure. Many impurities, crudities and laxities stand in the way of the possibility of creating the finished product through the application of this law—which is both the beginning and the end.

108. Mọi sự vẫn chưa rung động theo đúng mức độ. Nhiều tạp chất, thô trược và lỏng lẻo cản trở khả năng tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh thông qua việc áp dụng định luật này —định luật vừa là khởi đầu vừa là kết thúc.

109. We realize that there are other vehicles as well as the five mentioned which must also be purified or raised to their highest possible state of vibration—the causal vehicle and the vehicle of the abstract mind.

109. Chúng ta nhận ra rằng ngoài năm vận cụ đã nêu còn có những vận cụ khác cũng phải được thanh lọc hoặc nâng lên trạng thái rung động cao nhất có thể của chúng—vận cụ nguyên nhân và vận cụ của trí trừu tượng.

In the two lowest [vehicles], the physical and the astral, only matter of the five higher subplanes, of their respective planes, is to be found, for the two lowest subplanes are too

Trong hai [vận cụ] thấp nhất, thể xác và thể cảm dục, chỉ tìm thấy vật chất của năm cõi phụ cao hơn thuộc các cõi tương ứng của chúng, vì hai cõi phụ thấp nhất quá thấp đối

low for deva or human bodies; they were dominated in the first system.

110. It is important to realize that we do not have matter of the two lowest sub-planes *in our bodies*, nor do the devas.

111. We might simply accept this statement at face value until we realize that dense physical matter, and matter in its liquid state are not considered part of our physical body! Yet we act as if these states of matter are very much part of our body—in fact, the greater part.

112. While we cannot explore the astral plane in the same way, by analogy we might presume that we 'carry with us' matter of the two lowest sub-planes which, for all its proximity, is not really to be considered part of our astral vehicle.

113. We do, however, *encounter* this lower sub-plane matter all the time. Certainly this is seen on the physical plane.

114. It can be imagined that it is undesirable to contact matter of the two lowest astral sub-planes. Perhaps these lowest astral vibrations represent the 'astral hell worlds'.

115. It would seem necessary constantly to distinguish our emotional vibration from such base (shall we say, "inhuman") vibrations.

116. What would happen if the astral body of a human somehow contracted matter of

với các thể thiên thần hay con người; chúng đã bị chi phối trong hệ thứ nhất.

110. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng chúng ta không có vật chất của hai cõi phụ thấp nhất *trong các thể của mình*, và các thiên thần cũng vậy.

111. Chúng ta có thể đơn giản chấp nhận phát biểu này theo nghĩa bề mặt cho đến khi nhận ra rằng vật chất hồng trần đậm đặc, và vật chất ở trạng thái lỏng của nó, không được xem là một phần của thể xác chúng ta! Tuy vậy chúng ta hành động như thể các trạng thái vật chất này thật sự là phần rất lớn của thể mình—thực ra là phần lớn hơn cả.

112. Dù chúng ta không thể khảo sát cõi cảm dục theo cùng cách ấy, nhưng theo định luật tương đồng, chúng ta có thể giả định rằng mình "mang theo" vật chất của hai cõi phụ thấp nhất mà, dù rất gần gũi, thực ra không nên được xem là một phần của vận cụ cảm dục của chúng ta.

113. Tuy nhiên, chúng ta vẫn *gặp phải* vật chất cõi phụ thấp này mọi lúc. Chắc chắn điều này được thấy trên cõi hồng trần.

114. Có thể hình dung rằng việc tiếp xúc với vật chất của hai cõi phụ cảm dục thấp nhất là điều không mong muốn. Có lẽ những rung động cảm dục thấp nhất này tượng trưng cho các "thế giới địa ngục cảm dục".

115. Dường như cần phải luôn luôn phân biệt rung động cảm xúc của chúng ta với những rung động thấp kém như thế (có thể nói là "phi nhân tính").

116. Điều gì sẽ xảy ra nếu thể cảm dục của một con người bằng cách nào đó co hút vật

the lower sub-planes? Would this indicate a very base individual? Someone in danger of significant retrogression? Little is said about the matter.

chất của các cõi phụ thấp hơn? Điều này có cho thấy một cá nhân rất thấp kém không? Một người đang đối diện nguy cơ thoái hóa đáng kể chăng? Rất ít điều được nói về vấn đề này.

117. It is interesting, however, that this type of matter was active in the vehicles of those who lived in the previous solar system where it was dominated.

117. Tuy nhiên, điều thú vị là loại vật chất này đã hoạt động trong các vận cụ của những ai sống trong hệ mặt trời trước, nơi nó đã bị chi phối.

The mental body is the first in which we find matter of all the subplanes. The aim of evolution for us is love dominated by intelligence—or intelligence dominated by love, for the interaction will be complete.

Thể trí là thể đầu tiên trong đó chúng ta tìm thấy vật chất của mọi cõi phụ. Mục tiêu tiến hoá đối với chúng ta là bác ái được trí tuệ chi phối—hay trí tuệ được bác ái chi phối, vì sự tương tác sẽ hoàn toàn trọn vẹn.

118. Love dominated by intelligence signifies a preliminary developmental stage in line with the expression of the first solar system.

118. Bác ái được trí tuệ chi phối biểu thị một giai đoạn phát triển sơ khởi phù hợp với sự biểu hiện của hệ mặt trời thứ nhất.

119. Intelligence dominated by love signifies the goal of our present solar system.

119. Trí tuệ được bác ái chi phối biểu thị mục tiêu của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

The human race came into the chain at a point where it naturally took bodies of the fifth astral and physical subplanes, and we can see here an analogy to the coming into the fourth root-race of the more advanced Egos.

Nhân loại đi vào dãy tại một điểm mà ở đó một cách tự nhiên nó tiếp nhận các thể của cõi phụ cảm dục và hồng trần thứ năm, và ở đây chúng ta có thể thấy một sự tương đồng với việc các Chân ngã tiến bộ hơn đi vào giống dân gốc thứ tư.

120. How shall we describe this coming in of the “human race”? Was not the human race ‘created’ in the fourth round of this chain by a process of individualization? Perhaps this is what DK means by coming into the chain.

120. Chúng ta sẽ mô tả việc “nhân loại” đi vào này như thế nào? Chẳng phải nhân loại đã được “tạo ra” trong cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy này bằng một tiến trình biệt ngã hóa sao? Có lẽ đó là điều Chân sư DK muốn nói khi nói đến việc đi vào dãy.

121. We might infer that the animal man from whom the human race was created had bodies of courser astral material reflecting

121. Chúng ta có thể suy ra rằng người thú, từ đó nhân loại được tạo ra, có các thể bằng

the astral condition in the previous solar system.

chất liệu cảm dục thô hơn, phản ánh trạng thái cảm dục trong hệ mặt trời trước.

122. The process of individualization involves the number *five* and so at individualization the fifth sub-plane of physical and astral planes are appropriated by the presence in animal man of the spark provided by the Solar Angel.

122. Tiến trình biệt ngã hóa liên quan đến con số *năm* và vì vậy khi biệt ngã hóa, cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần và cõi cảm dục được chiếm dụng nhờ sự hiện diện trong người thú của tia lửa do Thái dương Thiên Thần cung cấp.

123. Already individualized man from the Moon-chain came into the Earth-chain during the fourth root race (probably during the third subrace, which corresponds to the emphasis on the number *three* during the third or Moon-chain).

123. Con người đã được biệt ngã hóa từ Dãy Mặt Trăng đi vào Dãy Địa Cầu trong giống dân gốc thứ tư (có lẽ trong giống dân phụ thứ ba, tương ứng với sự nhấn mạnh vào con số *ba* trong dãy thứ ba hay Dãy Mặt Trăng).

124. These mental types gravitated towards matter of the fifth astral and physical sub-planes. Such matter is of the third sub-plane (counting from below, upward) and correlates with the Moon-chain emphasis upon the number three. Numerical affinity determines such relations.

124. Những loại hình trí tuệ này hấp dẫn về phía vật chất của cõi phụ cảm dục và hồng trần thứ năm. Loại vật chất ấy thuộc cõi phụ thứ ba (đếm từ dưới lên) và tương quan với sự nhấn mạnh của Dãy Mặt Trăng vào con số ba. Sự tương hợp số học quyết định những mối liên hệ như thế.

2. The Law of Cohesion.—This is one of the branch laws of the cosmic Law of Attraction.

2. Định luật Cố Kết.—Đây là một trong những định luật nhánh của Định luật Hấp Dẫn vũ trụ.

125. The cosmic Law of Attraction and the systemic Law of Cohesion are both, obviously, ruled by the second ray of Love-Wisdom

125. Định luật Hấp Dẫn vũ trụ và Định luật Cố Kết của hệ đều hiển nhiên được cung hai Bác Ái – Minh Triết cai quản

It is interesting to notice how this law [the Law of Attraction] demonstrates in this Love-System in a threefold manner:

Thật thú vị khi lưu ý cách định luật này [Định luật Hấp Dẫn] biểu hiện trong Hệ Bác Ái này theo một cách tam phân:

126. Sometimes our system is called *love* system and sometimes a *love-wisdom* system. It is not called, purely and simply a *wisdom* system.

126. Đôi khi hệ của chúng ta được gọi là hệ *bác ái* và đôi khi là hệ *bác ái-minh triết*. Nó không được gọi, một cách thuần túy và đơn giản, là một hệ *minh triết*.

On the plane of the Monad, as the law of cohesion, the law of birth, if we might use that term, resulting in the appearance of the Monads in their seven groups. Love the source, and the Monad of love, the result.

Trên cõi của chân thần, như định luật cố kết, định luật sinh ra, nếu chúng ta có thể dùng thuật ngữ ấy, dẫn đến sự xuất hiện của các chân thần trong bảy nhóm của chúng. Bác ái là nguồn, và chân thần của bác ái là kết quả.

127. It is very interesting to hear the Tibetan calling the "law of cohesion" the "law of birth".

127. Thật rất thú vị khi nghe Chân sư Tây Tạng gọi "định luật cố kết" là "định luật sinh ra".

128. In a way, 'Form' is born on the monadic plane. Fittingly (and a point that was not yet revealed when this section of TCF was written) the sign Virgo (the sign so closely allied to gestation and subsequent birth) rules the monadic plane.

128. Theo một nghĩa nào đó, "Hình tướng" được sinh ra trên cõi chân thần. Thật thích hợp (và đây là một điểm chưa được mặc khải khi phần này của Luận về Lửa Vũ Trụ được viết) rằng dấu hiệu hoàng đạo Xử Nữ (dấu hiệu gắn bó mật thiết với sự thai nghén và sự sinh ra tiếp theo) cai quản cõi chân thần.

129. There are seven groups of Monads (all responding to a different sound within the One Sound conditioning all life on the cosmic physical plane).

129. Có bảy nhóm chân thần (tất cả đều đáp ứng với một âm điệu khác nhau bên trong Âm Thanh Duy Nhất đang tác động lên mọi sự sống trên cõi hồng trần vũ trụ).

130. The seven groups of Monads correlate with the fact that the Creative Hierarchy of Greater Builders (Who are the progenitors of the Monads) are the *seventh* Creative Hierarchy.

130. Bảy nhóm chân thần tương quan với sự kiện rằng Huyền Giai Sáng Tạo của các đấng đại kiến tạo (Đấng là các vị sinh thành của các chân thần) là Huyền Giai Sáng Tạo thứ *bảy*.

131. Love is an energy which induces sphericity. The monadic plane is a plane of essential love. We could call it a plane of 'loving will'.

131. Bác ái là một năng lượng tạo ra tính hình cầu. Cõi chân thần là một cõi của bác ái cốt yếu. Chúng ta có thể gọi đó là một cõi của "ý chí yêu thương".

132. Although the Monad represents the first aspect within man, that aspect is deeply imbedded in a field of solar love.

132. Mặc dù chân thần tượng trưng cho phương diện thứ nhất trong con người, phương diện ấy lại được cắm sâu trong một trường bác ái thái dương.

133. It might also be profitable to think of birth as a process of "sphere creation". Thus we can associate birth with Jupiter (the

133. Cũng có thể hữu ích khi nghĩ về sự sinh ra như một tiến trình "tạo khối cầu". Như vậy chúng ta có thể liên kết sự sinh ra với Sao

planet of sphericity) and the hierarchical ruler of Jupiter (the sign ruling the monadic plane).

Mộc (hành tinh của tính hình cầu) và chủ tinh huyền giai của Sao Mộc (dấu hiệu cai quản cõi chân thần).

On the plane of buddhi, as the law of magnetic control.

Trên cõi Bồ đề, như định luật kiểm soát từ tính.

134. On the buddhic plane the Law of Attraction manifests as the Law of Magnetic Control, which we have briefly discussed in a foregoing section.

134. Trên cõi Bồ đề, Định luật Hấp Dẫn biểu hiện thành định luật Kiểm Soát Từ Tính, mà chúng ta đã bàn ngắn gọn trong một phần trước.

It shows itself as the love-wisdom aspect, irradiating the ego, and eventually gathering to itself the essence of all experience, garnered, via the Ego, through the personality lives,

Nó biểu lộ như phương diện bác ái-minh triết, chiếu rọi chân ngã, và rốt cuộc thu hút về cho chính nó tinh túy của mọi kinh nghiệm, được thu hoạch, qua chân ngã, thông qua các kiếp sống phàm ngã,

135. We notice that the Monad was discussed in terms of "Love"—the "Monads of Love", but when the discussion turns to buddhi, the factor of *wisdom* enters, for buddhi *means* "wisdom".

135. Chúng ta lưu ý rằng chân thần đã được bàn đến theo thuật ngữ "Bác ái"—"các Chân thần của Bác ái", nhưng khi cuộc bàn luận chuyển sang buddhi, yếu tố *minh triết* xuất hiện, vì buddhi *có nghĩa là* "minh triết".

136. There are two functions of this "love-wisdom aspect":

136. Có hai chức năng của "phương diện bác ái-minh triết" này:

a. It irradiates the ego

a. Nó chiếu rọi chân ngã

b. It garners the essence of all experience via the "Ego"

b. Nó thu góp tinh túy của mọi kinh nghiệm thông qua "Chân ngã"

137. Is there any reason why the term "ego" is given in lower case early in the sentence and in upper case ("Ego") later?

137. Có lý do nào khiến thuật ngữ "ego" được viết thường ở đầu câu và viết hoa ("Ego") về sau không?

138. While the term "Ego" can mean "spiritual triad", and when it does so, will usually be capitalized, there does not appear any compelling reason why these two terms should have different capitalization—at least in this context.

138. Dù thuật ngữ "Ego" có thể có nghĩa là "Tam Nguyên Tinh Thần", và khi mang nghĩa đó thì thường được viết hoa, dường như không có lý do thuyết phục nào khiến hai thuật ngữ này phải có cách viết hoa khác nhau—ít nhất là trong ngữ cảnh này.

139. It does seem that the term “ego” (in lower case) means, in this instance, the E/ego on the higher mental plane.

140. We see that although the E/ego is on the higher mental plane it is very much the vehicle for buddhi conveyed via the Law of Magnetic Control.

141. The fact that experience is garnered or gathered *via* the “Ego” suggests that the “Ego” here really does mean the egoic lotus on the higher mental plane and not the spiritual triad. At least the first garnering or gathering occurs for millions of years before the later transference in the spiritual triad of all that which has been alchemically gathered.

142. The magnetism of buddhi stimulates the in-gathering process which the egoic lotus stimulates in relation to the personality.

143. The bottom line is that the *energy of buddhi is fundamental to the functioning of the egoic lotus* on the higher mental plane—or the ‘E/ego’ as it is variously called.

and controlled throughout from the plane of buddhi.

144. Magnetic control is the control by *buddhi* of lower spheres. The second law of the soul, the Law of Magnetic Impulse, is also fundamentally buddhic and ruled by the second ray. Since that law is related to Libra, we have another good case for relating Libra to the second ray.

139. Quả thật có vẻ như thuật ngữ “ego” (viết thường), trong trường hợp này, có nghĩa là E/ego trên Cõi thượng trí.

140. Chúng ta thấy rằng mặc dù E/ego ở trên Cõi thượng trí, nó vẫn rất rõ ràng là vận cụ của buddhi được truyền đạt qua Định luật Xung Động Từ Tính.

141. Sự kiện rằng kinh nghiệm được thu góp hay gom lại *thông qua* “Chân ngã” cho thấy rằng “Chân ngã” ở đây thực sự có nghĩa là Hoa Sen Chân Ngã trên Cõi thượng trí chứ không phải Tam Nguyên Tinh Thần. Ít nhất thì sự thu góp hay gom lại đầu tiên diễn ra trong hàng triệu năm trước khi có sự chuyển dịch về sau vào Tam Nguyên Tinh Thần của tất cả những gì đã được thu thập một cách luyện kim.

142. Từ điện của buddhi kích thích tiến trình thu gom mà Hoa Sen Chân Ngã kích thích trong mối liên hệ với phàm ngã.

143. Kết luận cốt yếu là *năng lượng của buddhi là nền tảng đối với sự vận hành của Hoa Sen Chân Ngã* trên Cõi thượng trí—hay ‘E/ego’ như nó được gọi theo nhiều cách khác nhau.

và được kiểm soát xuyên suốt từ cõi buddhi.

144. Kiểm soát từ tính là sự kiểm soát của *buddhi* đối với các khối cầu thấp hơn. Định luật thứ hai của linh hồn, Định luật Xung Động Từ Tính, cũng về căn bản là thuộc buddhi và được cung hai cai quản. Vì định luật đó liên hệ với Libra, chúng ta có thêm một trường hợp tốt nữa để liên hệ Libra với cung hai.

145. We could pause to ask ourselves to what extent we find our lives influenced by and/or controlled by buddhi?

145. Chúng ta có thể dừng lại để tự hỏi mình rằng đời sống của chúng ta chịu ảnh hưởng và/hoặc được buddhi kiểm soát đến mức nào?

146. We remember that the Law of Attraction is fundamentally behind all such control.

146. Chúng ta nhớ rằng Định luật Hấp Dẫn về căn bản đứng sau mọi sự kiểm soát như thế.

Magnetism, and the capacity to show love, are occultly synonymous.

Từ điện, và năng lực biểu lộ bác ái, về mặt huyền bí là đồng nghĩa.

147. This is a very practical statement. If we wish to be magnetic we must become more *adept* at showing love. Love is the great magnet.

147. Đây là một phát biểu rất thực tiễn. Nếu chúng ta muốn có từ tính, chúng ta phải trở nên *thiện xảo hơn* trong việc biểu lộ bác ái. Bác ái là nam châm vĩ đại.

148. We note that these two are "occultly" synonymous, which means that they are not synonymous in any *obvious* way.

148. Chúng ta lưu ý rằng hai điều này "về mặt huyền bí" là đồng nghĩa, điều đó có nghĩa là chúng không đồng nghĩa theo bất kỳ cách nào *hiển nhiên*.

On the astral plane, as love demonstrating through the [Page 577] personality.

Trên cõi cảm dục, như bác ái biểu lộ qua [Page 577] phàm ngã.

149. Personality love is primarily *astral* in nature. The solar plexus center is ruled by Mars (and Neptune in a higher sense). The solar plexus is the organ which expresses astral energy within the personality. Mars is the planet associated with *every* level of the personality.

149. Bác ái của phàm ngã chủ yếu có bản chất *cảm dục*. Trung tâm tùng thái dương được Sao Hỏa cai quản (và Sao Hải Vương theo nghĩa cao hơn). Tùng thái dương là cơ quan biểu lộ năng lượng cảm dục bên trong phàm ngã. Sao Hỏa là hành tinh gắn liền với *mọi* cấp độ của phàm ngã.

150. The Law of Attraction expressing on the monadic plane demonstrates as that aspect of solar fire we call "electric fire". We have no *pure* electric fire demonstrating in this solar system.

150. Định luật Hấp Dẫn biểu lộ trên cõi chân thần cho thấy như phương diện của lửa thái dương mà chúng ta gọi là "Lửa Điện". Chúng ta không có *Lửa Điện* thuần túy nào biểu lộ trong hệ mặt trời này.

151. The Law of Attraction expressing itself on the buddhic plane (and, thence, through the egoic lotus on the higher mental plane)

151. Định luật Hấp Dẫn tự biểu lộ trên cõi Bồ đề (và từ đó qua Hoa Sen Chân Ngã trên Cõi thượng trí) là phương diện thái dương

is the solar aspect of the greater solar fire. The buddhic energy represents (as far as the cosmic physical plane is concerned) a particularly strong expression of solar fire.

của Lửa Thái dương lớn hơn. Năng lượng Bồ đề biểu trưng (xét theo cõi hồng trần vũ trụ) cho một biểu lộ đặc biệt mạnh mẽ của Lửa Thái dương.

152. The Law of Attraction expressing itself on the astral plane demonstrates through personality love, which is the fire-by-friction expression of the greater solar fire.

152. Định luật Hấp Dẫn tự biểu lộ trên cõi cảm dục cho thấy qua bác ái của phàm ngã, vốn là biểu lộ lửa ma sát của Lửa Thái dương lớn hơn.

153. Personality love is a force which does 'bring together', but it is personalities which are brought together—and physical bodies.

153. Bác ái của phàm ngã là một mãnh lực quả thực có "mang lại sự tụ hội", nhưng điều được mang lại cùng nhau là các phàm ngã—và các thể xác.

All branches of the law of attraction, demonstrating in this system, show themselves as a force that ingathers, that tends to coherence, that results in adhesion, and leads to absorption. All these terms are needed to give a general idea of the basic quality of this law.

Mọi nhánh của định luật hấp dẫn, biểu lộ trong hệ này, đều cho thấy mình như một mãnh lực thu gom, có khuynh hướng đi đến cố kết, tạo ra sự bám dính, và dẫn đến sự hấp thụ. Tất cả những thuật ngữ này đều cần thiết để đưa ra một ý niệm tổng quát về phẩm tính căn bản của định luật này.

154. Let us tabulate the manner in which the Law of Attraction manifests in this solar system. The suggestion is that it could and probably does manifest in different ways in other systems. The Law of Attraction in this solar system manifests as:

154. Hãy lập bảng cách thức mà Định luật Hấp Dẫn biểu lộ trong hệ mặt trời này. Hàm ý ở đây là nó có thể, và có lẽ thực sự, biểu lộ theo những cách khác trong các hệ khác. Định luật Hấp Dẫn trong hệ mặt trời này biểu lộ như:

a. A force that ingatheres

a. Một mãnh lực thu gom

b. A force that tends to coherence

b. Một mãnh lực có khuynh hướng đi đến cố kết

c. A force that results in adhesion

c. Một mãnh lực tạo ra sự bám dính

d. A force that leads to absorption

d. Một mãnh lực dẫn đến sự hấp thụ

155. When Master DK is so specific in the use of words, the invite careful pondering.

155. Khi Chân sư DK dùng từ ngữ một cách đặc biệt chính xác như vậy, điều đó mời gọi sự suy ngẫm cẩn trọng.

a. Ingathering draws all towards a center

b. Coherence is the process of holding together

c. Adhesion is the process 'sticking to' (usually to the surface)

d. Absorption is more than gathering to or towards a center. It represents the disappearance of that which is gathered into that which gathers.

This law is one of the most important of the systemic laws,

156. It is now clear that DK is speaking of the Law of Cohesion (a *systemic* law) and not the Law of Attraction (which is a *cosmic* law).

157. Certainly it is important because it is so resonant with the ray and principal law (the Law of Attraction) of this system.

if it is permissible to differentiate at all; we might term it **the law of coalescence.**

158. We must exert some caution with the faculty of discrimination. We tend to view these systemic laws as somewhat separate from each other, but they are all interpenetrating and should only be differentiated carefully—as aspects of one whole.

159. An alternative name given for the Law of Cohesion is the "law of coalescence". This terms suggests a blending and merging together. In coalescence, boundaries seem to

a. Sự thu gom kéo mọi sự về một trung tâm

b. Sự cố kết là tiến trình giữ cho gắn kết với nhau

c. Sự bám dính là tiến trình 'dính vào' (thường là vào bề mặt)

d. Sự hấp thụ còn hơn cả việc được gom về hay hướng về một trung tâm. Nó biểu thị sự biến mất của cái được gom vào trong cái đang gom.

Định luật này là một trong những định luật hệ thống quan trọng nhất,

156. Giờ đây rõ ràng rằng Chân sư DK đang nói về Định luật Cố Kết (một định luật *hệ thống*) chứ không phải Định luật Hấp Dẫn (vốn là một định luật *vũ trụ*).

157. Chắc chắn nó quan trọng vì nó cộng hưởng rất mạnh với cung và định luật chính yếu (Định luật Hấp Dẫn) của hệ này.

nếu quả thật được phép phân biệt như thế; chúng ta có thể gọi nó là **định luật của sự hợp nhất.**

158. Chúng ta phải hết sức thận trọng với năng lực phân biện. Chúng ta có khuynh hướng xem các định luật hệ thống này như phần nào tách biệt nhau, nhưng tất cả chúng đều xuyên thấm lẫn nhau và chỉ nên được phân biệt một cách cẩn trọng—như các phương diện của một toàn thể duy nhất.

159. Một tên gọi thay thế được đưa ra cho Định luật Cố Kết là "định luật của sự hợp nhất". Thuật ngữ này gợi ý một sự hòa trộn và dung nhập với nhau. Trong sự hợp nhất, các ranh giới dường như biến mất. Một loại

disappear. A kind of 'gelling' takes place. Differences disappear in the growing unity.

'đông kết' diễn ra. Các khác biệt biến mất trong sự hợp nhất đang lớn dần.

On the path of involution it controls the primal gathering together of molecular matter, beneath the atomic subplane.

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nó kiểm soát sự tụ họp nguyên sơ của vật chất phân tử, bên dưới cõi phụ nguyên tử.

160. We recall the thought suggested that even matter on *atomic* sub-planes below the logoic atomic sub-plane is, in a sense, *molecular.* When more than one come together for mutual functioning, a molecule exists.

160. Chúng ta nhớ lại ý tưởng đã được gợi ra rằng ngay cả vật chất trên các cõi phụ *nguyên tử* bên dưới cõi phụ nguyên tử logoic, theo một nghĩa nào đó, cũng là *phân tử.* Khi nhiều hơn một đơn vị cùng đến với nhau để hoạt động hỗ tương, một phân tử hiện hữu.

161. Atoms on the atomic levels of the six lower systemic planes are composites of the highest form of atomic matter on the highest sub-plane of the highest systemic plane.

161. Các nguyên tử trên các cấp độ nguyên tử của sáu cõi hệ thống thấp hơn là những hợp thể của dạng vật chất nguyên tử cao nhất trên cõi phụ cao nhất của cõi hệ thống cao nhất.

162. A reasonable question might be asked: "Is the atomic matter of the first sub-plane of the systemic monadic plane (for instance) more complex that the sub-plane matter of the six lower sub-planes of the systemic logoic plane? According the principles laid out in *Occult Chemistry* it would seem that it must be, and yet, Fohat made the matter of the first sub-plane of the monadic plane during the original first outpouring. Did Fohat in doing this, take into consideration that there would be complex molecular matter of the six lower sub-planes of the logoic plane positioned 'above' the first sub-plane matter of the monadic plane?

162. Một câu hỏi hợp lý có thể được nêu ra: "Chẳng hạn, vật chất nguyên tử của cõi phụ thứ nhất của cõi chân thần hệ thống có phức tạp hơn vật chất cõi phụ của sáu cõi phụ thấp hơn của cõi logoic hệ thống không? Theo các nguyên lý được trình bày trong *Hóa Học Huyền Bí* thì dường như là phải như vậy, thế nhưng Fohat đã tạo ra vật chất của cõi phụ thứ nhất của cõi chân thần trong lần tuôn đổ đầu tiên nguyên thủy. Khi làm như vậy, Fohat có tính đến việc sẽ có vật chất phân tử phức tạp của sáu cõi phụ thấp hơn của cõi logoic được đặt 'ở trên' vật chất cõi phụ thứ nhất của cõi chân thần không?

163. The point is an abstruse one. It has to do with the problem that molecular matter is said to be formed only on the second sub-plane of any plane, and increasingly below the second sub-plane. Yet, the matter of the *atomic* sub-plane of the second, third, fourth, fifth, sixth and seventh planes must

163. Điểm này rất thâm áo. Nó liên quan đến vấn đề rằng vật chất phân tử được nói là chỉ hình thành trên cõi phụ thứ hai của bất kỳ cõi nào, và ngày càng nhiều hơn bên dưới cõi phụ thứ hai. Tuy nhiên, vật chất của cõi phụ *nguyên tử* của các cõi thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy hẳn phải

be more complex (and hence more molecular) than the matter of the sub-planes of the systemic plane above 'it'.

164. So something does not stand to reason and the assertions in this regard to be found in *Occult Chemistry* must be carefully investigated to see whether contradictions do not exist between it and what DK says about the formation of molecular matter compared to the formation, by Fohat, of atomic sub-plane matter.

165. Returning form this digression, when DK uses the word "primal" He seems to suggest the *first* gathering together of molecular matter on second sub-planes. There are obviously successive gatherings together on still lower sub-planes than the second.

166. Under the Law of Cohesion or of Coalescence, the complexity of aggregations increases according to the Plan. But the first gathering on the second sub-plane sets the tone for all subsequent gatherings into still greater complexity.

It is the basis of the attractive quality that sets in motion the molecules and draws them into the needed aggregations.

167. An important idea is here offered: attraction sets in motion. In a way, Love moves the planets and the stars. This the great poet Dante affirmed.

168. That which is attracted *moves* towards that which attracts. That which is repelled *moves* away from that which repels.

phức tạp hơn (và do đó mang tính phân tử hơn) so với vật chất của các cõi phụ của cõi hệ thống nằm 'bên trên' nó.

164. Vì vậy có điều gì đó không hợp lý, và những khẳng định về phương diện này được tìm thấy trong *Hóa Học Huyền Bí* phải được khảo sát cẩn thận để xem liệu có tồn tại những mâu thuẫn giữa tác phẩm ấy và điều Chân sư DK nói về sự hình thành vật chất phân tử so với sự hình thành, bởi Fohat, của vật chất cõi phụ nguyên tử hay không.

165. Trở lại sau sự lạc đề này, khi Chân sư DK dùng từ "nguyên sơ", Ngài dường như muốn gợi ý sự tụ họp *đầu tiên* của vật chất phân tử trên các cõi phụ thứ hai. Hiển nhiên có những sự tụ họp kế tiếp trên các cõi phụ còn thấp hơn cõi phụ thứ hai.

166. Dưới Định luật Cố Kết hay Định luật Hợp Nhất, độ phức tạp của các tập hợp gia tăng theo Thiên Cơ. Nhưng sự tụ họp đầu tiên trên cõi phụ thứ hai đặt ra âm điệu cho mọi sự tụ họp tiếp theo vào những mức độ phức tạp còn lớn hơn.

Nó là nền tảng của phẩm tính hấp dẫn, phẩm tính này làm cho các phân tử chuyển động và kéo chúng vào những tập hợp cần thiết.

167. Ở đây một ý tưởng quan trọng được nêu ra: hấp dẫn làm phát sinh chuyển động. Theo một cách nào đó, Bác ái làm chuyển động các hành tinh và các ngôi sao. Đại thi hào Dante đã khẳng định điều này.

168. Cái gì bị hấp dẫn thì *chuyển động* về phía cái hấp dẫn nó. Cái gì bị đẩy lùi thì *chuyển động* ra xa cái đẩy lùi nó.

169. We can see or feel this law working out in human society and also among those who are more spiritually inclined and seek cohesion on planes higher than the planes of personality.

169. Chúng ta có thể thấy hoặc cảm nhận định luật này đang vận hành trong xã hội loài người và cả giữa những người có khuynh hướng tinh thần hơn và tìm kiếm sự cố kết trên những cõi cao hơn các cõi của phàm ngã.

It is the measure of the subplanes.

Nó là thước đo của các cõi phụ.

170. The number *two* is the musical number because all music is based on ratio, and twoness is necessitated if ratio is to be produced.

170. Con số *hai* là con số âm nhạc vì mọi âm nhạc đều dựa trên tỉ lệ, và tính hai mặt là điều cần thiết nếu tỉ lệ được tạo ra.

171. According to the 'sounding gatherings' on the second sub-plane, so will the measure defining vibratory movement on still lower sub-planes be determined.

171. Theo những 'sự tụ họp có âm vang' trên cõi phụ thứ hai, thước đo xác định chuyển động rung động trên các cõi phụ còn thấp hơn sẽ được quyết định như vậy.

172. The Monad *sounds* through the akasha, and all that is 'lower' sounds (or later, attempts to sound) in accordance.

172. Chân thần *xướng* qua akasha, và mọi thứ 'thấp hơn' đều xướng (hoặc về sau cố gắng xướng) cho phù hợp.

The atomic subplane sets the rate of vibration;

Cõi phụ nguyên tử ấn định tốc độ rung động;

173. This is the 'reference frequency' for the entire plane.

173. Đây là 'tần số quy chiếu' cho toàn bộ cõi đó.

174. In this *setting* of vibration the fixative influence of Vulcan can be sensed.

174. Trong sự *ấn định* rung động này, có thể cảm nhận được ảnh hưởng cố định hóa của Vulcan.

175. The phrase “sets the rate of vibration” is obviously being differentiated fire of mind “set the measure”. The term “measure” seems to suggest a cyclic rhythm of a composite, spherical entity. Rate of vibration is found on the first sub-plane but not “measure”. A measure in music is a recurrent pattern of beats and usually involves more than one note.

the Law of Cohesion might be said to fix the colouring of each plane.

176. The first sub-plane has a quality analogous to synthetic, white light.

177. Color and differentiation (into seven qualities) enters with the second sub-plane. The seven qualities of the seven ‘monadic Forms’ are the seven principal colorings which determine all subsequent combinations of color.

178. In the following, we will use the term “Form” in the Platonic sense of “Archetype”.

179. One “Form” on the second sub-plane must reflect the quality of the first sub-plane.

180. One Form on the second sub-plane is correlated principally with that very sub-plane—the second.

181. All the other Forms set the coloration for the five lower planes and for the sub-planes of those five lower planes.

182. Since there are *seven* Forms, one of them would have to have reference to the

175. Cụm từ “ấn định tốc độ rung động” hiển nhiên đang được phân biệt với “lửa của trí tuệ ấn định thước đo”. Thuật ngữ “thước đo” dường như gợi ý một nhịp điệu chu kỳ của một thực thể hợp thể, hình cầu. Tốc độ rung động được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất nhưng không phải “thước đo”. Một ô nhịp trong âm nhạc là một mô hình nhịp lặp lại và thường bao gồm nhiều hơn một nốt.

Định luật Cố Kết có thể được nói là ấn định sắc thái của mỗi cõi.

176. Cõi phụ thứ nhất có một phẩm tính tương tự như ánh sáng trắng tổng hợp.

177. Màu sắc và sự biến phân (thành bảy phẩm tính) xuất hiện cùng với cõi phụ thứ hai. Bảy phẩm tính của bảy ‘Hình Tướng’ chân thần là bảy sắc thái chính yếu quyết định mọi sự kết hợp màu sắc về sau.

178. Trong phần sau, chúng ta sẽ dùng thuật ngữ “Hình Tướng” theo nghĩa Plato là “Nguyên mẫu”.

179. Một “Hình Tướng” trên cõi phụ thứ hai phải phản ánh phẩm tính của cõi phụ thứ nhất.

180. Một Hình Tướng trên cõi phụ thứ hai tương quan chủ yếu với chính cõi phụ ấy—cõi phụ thứ hai.

181. Tất cả các Hình Tướng khác ấn định sắc thái cho năm cõi thấp hơn và cho các cõi phụ của năm cõi thấp hơn ấy.

182. Vì có *bảy* Hình Tướng, một trong số đó hẳn phải liên hệ với cõi phụ cao nhất, tuy

highest sub-plane, and yet it would not seem correct that its color should be *white.*

183. There is much interwoven complexity in all this. The general idea is all we can grasp. In other places DK has discussed the blending and merging of colors. It is a very orderly process but its intricacy makes it rather inapprehensible.

184. Coloring is always a *veiling.* With the second law—the Law of Cohesion, veiling beings. From a philosophical point of view, consciousness veils pure being. Consciousness implies the presence of another. Pure being (by its very nature) suggests the One and Only.

It is the same thing in other words. We need always to remember in discussing these abstract fundamentals that words but dim the meaning, and serve <u>but as suggestions and not as elucidations</u>.

185. Setting and fixing are synonymous terms.

186. Suggestions are as "hints". DK is telling us that as much as He might like to elucidate definitively, He is limited by the very nature of words.

<u>In manifestation the cosmic Law of Attraction controls all these subsidiary laws,</u>

187. This is an important point. The second cosmic law (the Law of Attraction) controls the *seven* systemic laws. Always we shall see the two and seven in accord. We have

nhiên dường như không đúng nếu màu của nó là *trắng.*

183. Có rất nhiều sự phức tạp đan xen trong tất cả điều này. Ý tưởng tổng quát là tất cả những gì chúng ta có thể nắm bắt. Ở những nơi khác Chân sư DK đã bàn về sự hòa trộn và dung nhập của các màu sắc. Đó là một tiến trình rất có trật tự nhưng sự tinh vi của nó khiến nó khá khó lĩnh hội.

184. Sắc thái hóa luôn luôn là một sự *che phủ.* Với định luật thứ hai—Định luật Cố Kết, sự che phủ bắt đầu. Từ quan điểm triết học, tâm thức che phủ bản thể thuần túy. Tâm thức hàm ý sự hiện diện của một cái khác. Bản thể thuần túy (do chính bản chất của nó) gợi ý Đấng Duy Nhất và Duy Nhất mà thôi.

Đó cũng là cùng một điều nhưng bằng những lời khác. Chúng ta luôn cần nhớ khi bàn về những nền tảng trừu tượng này rằng ngôn từ chỉ làm mờ ý nghĩa, và <u>chỉ đóng vai trò như những gợi ý chứ không phải những sự làm sáng tỏ</u>.

185. "Ấn định" và "cố định" là những thuật ngữ đồng nghĩa.

186. Các gợi ý giống như "ám chỉ". Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng dù Ngài có thể muốn làm sáng tỏ một cách dứt khoát đến đâu, Ngài vẫn bị giới hạn bởi chính bản chất của ngôn từ.

<u>Trong biểu hiện, Định luật Hấp Dẫn vũ trụ kiểm soát tất cả các định luật phụ thuộc này,</u>

187. Đây là một điểm quan trọng. Định luật vũ trụ thứ hai (Định luật Hấp Dẫn) kiểm soát *bảy* định luật hệ thống. Chúng ta sẽ luôn thấy số hai và số bảy hòa hợp với nhau.

already seen that the number seven is particularly the number for this second solar system.

Chúng ta đã thấy rằng số bảy đặc biệt là con số của hệ mặt trời thứ hai này.

188. In many ways, these seven systemic laws relate to the form—form building and form destruction. They correlate with both the attractive and repulsive energies of the Law of Attraction (and Repulsion—not to be forgotten).

188. Theo nhiều cách, bảy định luật hệ thống này liên hệ với hình tướng—sự kiến tạo hình tướng và sự hủy diệt hình tướng. Chúng tương quan với cả các năng lượng hấp dẫn lẫn đẩy lùi của Định luật Hấp Dẫn (và Đẩy Lùi—không nên quên).

just as the Law of Synthesis governs pralaya and obscuration,

cũng như Định luật Tổng Hợp chi phối pralaya và sự che khuất,

189. We can, when sufficiently advanced, detect the synthesis underlying all, but the Law of Synthesis does not really come into obtrusive expression until the "end times" arrive.

189. Khi đủ tiến hóa, chúng ta có thể nhận ra sự tổng hợp nằm bên dưới mọi sự, nhưng Định luật Tổng Hợp thực sự không đi vào biểu lộ nổi bật cho đến khi "thời kỳ kết thúc" đến.

190. The next solar system will be especially expressive of the Law of Synthesis. It may also be the solar system which sees the *end* of a six-phrased process of solar systemic development.

190. Hệ mặt trời kế tiếp sẽ đặc biệt biểu lộ Định luật Tổng Hợp. Nó cũng có thể là hệ mặt trời chứng kiến *sự kết thúc* của một tiến trình phát triển hệ mặt trời gồm sáu giai đoạn.

191. We must always bear in mind DK's statement that there are really seven solar systems. Finding the way to count this is important.

191. Chúng ta phải luôn ghi nhớ phát biểu của Chân sư DK rằng thực ra có bảy hệ mặt trời. Tìm ra cách đếm điều này là điều quan trọng.

and the law of Economy deals with the general **working out,** along the line of least resistance, of the logoic scheme.

và Định luật Tiết Kiệm đề cập đến sự **vận hành tổng quát,** theo con đường ít trở ngại nhất, của hệ hành tinh logoic.

192. The Law of Economy works in an *outward* direction—from higher planes towards the lower. It is a law of manifestation, wisely using available energy to promote the divinely-intended manifestation.

192. Định luật Tiết Kiệm vận hành theo hướng *ra ngoài*—từ các cõi cao xuống các cõi thấp. Đây là một định luật của biểu hiện, sử dụng một cách khôn ngoan năng lượng sẵn có để thúc đẩy sự biểu hiện do thiêng liêng chủ định.

193. We are entering the period of a great "working out". We call it the "Externalization of the Hierarchy".

193. Chúng ta đang bước vào thời kỳ của một sự "vận hành" lớn lao. Chúng ta gọi đó là "Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn".

194. We might also relate the Law of Economy to a 'working in', as the manifested Divine Idea seeks to adapt itself for the sake of re-amalgamation with its source.

194. Chúng ta cũng có thể liên hệ Định luật Tiết Kiệm với một 'sự vận hành vào trong', khi Ý Tưởng thiêng liêng đã biểu hiện tìm cách tự thích nghi vì mục đích tái hòa nhập với nguồn cội của nó.

During manifestation we have most to do with the Law of Attraction, and it will be found, on study, that each subsidiary law is but a differentiation of that law.

Trong biểu hiện, chúng ta liên hệ nhiều nhất với Định luật Hấp Dẫn, và qua nghiên cứu sẽ thấy rằng mỗi định luật phụ thuộc chỉ là một sự biến phân của định luật ấy.

195. It will be our task to find the way in which each of the seven systemic laws is related to the Law of Attraction. This is a *study* in itself and requires much careful pondering.

195. Nhiệm vụ của chúng ta sẽ là tìm ra cách mà mỗi một trong bảy định luật hệ thống liên hệ với Định luật Hấp Dẫn. Đây tự nó là một *nghiên cứu* và đòi hỏi nhiều suy ngẫm cẩn trọng.

196. For at least three of the laws directly keyed to the second ray or complementary rays, the relationship will be easy to discern. Seeing the relationship between the Law of Attraction and the other four laws, manifesting on the hard-line rays might be more challenging.

196. Đối với ít nhất ba định luật trực tiếp được khóa vào cung hai hoặc các cung bổ sung, mối liên hệ sẽ dễ nhận ra. Việc thấy được mối liên hệ giữa Định luật Hấp Dẫn và bốn định luật kia, biểu lộ trên các cung tuyến cứng, có thể sẽ khó hơn.

197. Two are laws relating to disintegration, death and sacrifice. Of course, that which aggregates must de-aggregate, and so we can certainly see the relation of laws three and seven to the form.

197. Hai trong số đó là các định luật liên hệ với sự tan rã, cái chết và sự hi sinh. Dĩ nhiên, cái gì kết tụ thì phải giải kết tụ, và vì thế chúng ta chắc chắn có thể thấy mối liên hệ của định luật ba và bảy với hình tướng.

198. Law five deals with fixation and stabilization of the form.

198. Định luật năm đề cập đến sự cố định và ổn định hóa của hình tướng.

199. Law one provide the sine qua non—that without which form cannot exist—namely vibration.

199. Định luật một cung cấp điều kiện tiên quyết tuyệt đối—điều mà thiếu nó hình tướng không thể tồn tại—đó là rung động.

200. Much more study will be required.

200. Sẽ cần nhiều nghiên cứu hơn nữa.

This second law of the system governs specially the second plane, and the second subplane on each plane.

Định luật thứ hai của hệ này đặc biệt chi phối cõi thứ hai, và cõi phụ thứ hai trên mỗi cõi.

201. The numerology holds good.

201. Số học huyền bí ở đây hoàn toàn đúng.

202. This second law (the Law of Cohesion) relates to the functioning of the heart center as the first Law of Vibration relates to the functioning of the head center.

202. Định luật thứ hai này (Định luật Cố Kết) liên hệ với sự vận hành của trung tâm tim cũng như Định luật Rung Động thứ nhất liên hệ với sự vận hành của trung tâm đầu.

It might be interesting to work this out and trace the underlying correspondence, bearing in mind always that all that can be done is to point out certain things, and indicate lines of thought that may lead, if pursued, to illumination.

Có lẽ sẽ thú vị nếu triển khai điều này và truy tìm sự tương ứng nền tảng, luôn ghi nhớ rằng tất cả những gì có thể làm chỉ là chỉ ra một số điều và nêu lên những đường lối tư tưởng mà, nếu được theo đuổi, có thể dẫn đến sự soi sáng.

203. We must be satisfied with the thought that DK is simply offering us indications which can be followed by means of careful study—hopefully producing illumination.

203. Chúng ta phải hài lòng với ý nghĩ rằng Chân sư DK chỉ đơn giản đưa ra cho chúng ta những chỉ dẫn có thể được theo đuổi bằng sự nghiên cứu cẩn trọng—hy vọng sẽ tạo ra sự soi sáng.

204. We can correlate the laws, the planes, the planets, the rays and arrive at illuminating correlations. It would be an elaborate task and, perhaps, will be pursued in the future schools of meditation.

204. Chúng ta có thể tương quan các định luật, các cõi, các hành tinh, các cung và đi đến những tương quan soi sáng. Đó sẽ là một công việc công phu và có lẽ sẽ được theo đuổi trong các trường tham thiền tương lai.

Ray Two and Law Two are closely allied, and it is [Page 578] interesting to realise that it is on the second subplane of the monadic plane that the **majority** of the Monads have their habitat;

Cung hai và Định luật hai liên hệ rất mật thiết, và thật thú vị khi chứng nghiệm rằng [Page 578] chính trên cõi phụ thứ hai của cõi chân thần mà **đa số** các Chân thần cư ngụ;

205. According to the ray of the Monad so will be the sub-plane of the monadic plane whereon that Monad focuses or has its "habitat".

205. Tùy theo cung của chân thần mà sẽ có cõi phụ của cõi chân thần, nơi chân thần ấy tập trung hoặc có "nơi cư ngụ" của mình.

206. DK is speaking of the majority of Monads in this second solar system.

206. Chân sư DK đang nói về đa số các chân thần trong hệ mặt trời thứ hai này.

there are a few Monads of power or will on the atomic subplane, but their numbers are not many, and they simply form a nucleus in evolutionary preparation for System III, the power system.

có một số ít chân thần quyền lực hay ý chí ở cõi phụ nguyên tử, nhưng số lượng của họ không nhiều, và họ chỉ đơn giản tạo thành một hạt nhân đang chuẩn bị tiến hoá cho Hệ III, hệ quyền lực.

207. Approximately one twelfth of the Monads in this second major solar system are Monad of Power.

207. Xấp xỉ một phần mười hai các chân thần trong hệ mặt trời lớn thứ hai này là các chân thần Quyền Lực.

208. The day for the expression of first ray Monads has not yet arrived. They do exist in our solar system and upon the planet, Earth. One of the chelas in DK's groups was definitely told he/she was a first ray Monad. Hints were given concerning two other chelas who, as well, were almost certainly first ray Monads. But the opportunity for full expression of this type will exist more in the next solar system (ruled by the first ray from the personality perspective of our Solar Logos) rather than in this system.

208. Ngày để các chân thần cung một biểu lộ vẫn chưa đến. Chúng quả thực hiện hữu trong hệ mặt trời của chúng ta và trên hành tinh Trái Đất. Một trong các đệ tử trong những nhóm của Chân sư DK đã được nói rõ rằng y là một chân thần cung một. Những gợi ý cũng đã được đưa ra liên quan đến hai đệ tử khác, mà cũng gần như chắc chắn là các chân thần cung một. Nhưng cơ hội để loại này biểu lộ trọn vẹn sẽ hiện hữu nhiều hơn trong hệ mặt trời kế tiếp (được cai quản bởi cung một từ góc độ phàm ngã của Thái dương Thượng đế của chúng ta) hơn là trong hệ này.

The majority of the Monads are on the second subplane and they are the Monads of love;

Đa số các chân thần ở trên cõi phụ thứ hai, và họ là các chân thần bác ái;

209. This hold good fro the system more than for our planet, per se.

209. Điều này đúng với hệ mặt trời hơn là với chính hành tinh của chúng ta.

on the third subplane can be found quite a number of the Monads of activity, but

trên cõi phụ thứ ba có thể tìm thấy khá nhiều chân thần hoạt động, nhưng về số

numerically not as many as the Monads of love. They are the failures of System I.

210. We see the phrase "quite a number" and we wish to know:

a. Does this mean that all the Monads of Activity are to be found on the third sub-plane of the monadic plane and that there are "quite a number" of these Monads.

b. Or, does it mean that "quite a number" of the Monads of Activity (but not *all* of them) are found focussed on sub-plane three of the monadic plane.

211. Here we have a very significant statement: "They are the failures of System I." Either all or great numbers of third ray Monads (of which there are large numbers incarnating on our Earth) are the "failures of System I".

212. What does it mean to be a "failure"? One way of understanding this is that they had not completed their evolution as human beings when System I came to an end.

213. There are Monads on the first ray presently expressing in this solar system. They (or, at least, large numbers of them) will not complete their evolution in this system and must do so in the next. They will be known as the "failures" of System II.

214. Much depends upon the 'time of entry' into our system or any system. Given that the majority of first ray Monads in our Earth-scheme entered later than the other monadic groupings, and given that the 'love-bias' in our system works against their full expression, it is only natural that they (or at

lượng thì không nhiều bằng các chân thần bác ái. Họ là những kẻ thất bại của Hệ I.

210. Chúng ta thấy cụm từ "khá nhiều" và muốn biết:

a. Điều này có nghĩa là tất cả các chân thần Hoạt Động đều được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba của cõi chân thần và rằng có "khá nhiều" chân thần như thế hay không.

b. Hay điều đó có nghĩa là "khá nhiều" chân thần Hoạt Động (nhưng không phải *tất cả* họ) được tìm thấy đang tập trung trên cõi phụ thứ ba của cõi chân thần.

211. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất có thâm nghĩa: "Họ là những kẻ thất bại của Hệ I." Hoặc tất cả hoặc số lượng lớn các chân thần cung ba (mà có rất nhiều đang lâm phàm trên Trái Đất của chúng ta) là những "kẻ thất bại của Hệ I".

212. "Thất bại" có nghĩa là gì? Một cách để hiểu điều này là họ đã chưa hoàn tất tiến hoá của mình với tư cách con người khi Hệ I đi đến chấm dứt.

213. Hiện nay có những chân thần trên cung một đang biểu lộ trong hệ mặt trời này. Họ (hoặc ít nhất là số lượng lớn trong họ) sẽ không hoàn tất tiến hoá của mình trong hệ này và phải làm như vậy trong hệ kế tiếp. Họ sẽ được biết đến như những "kẻ thất bại" của Hệ II.

214. Nhiều điều tùy thuộc vào "thời điểm đi vào" hệ của chúng ta hay bất kỳ hệ nào. Nếu đa số các chân thần cung một trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta đi vào muộn hơn các nhóm chân thần khác, và nếu thiên hướng bác ái trong hệ của chúng ta chống lại sự biểu lộ trọn vẹn của họ, thì việc họ (hoặc

least most of them) would not complete their development under present systemic circumstances.

ít nhất phần lớn họ) sẽ không hoàn tất sự phát triển của mình trong các hoàn cảnh hệ thống hiện tại là điều hoàn toàn tự nhiên.

215. Some Monads of Power entered in the Moon-chain (which would, in fact, give them sufficient time to complete their development in this solar system.

215. Một số chân thần Quyền Lực đã đi vào trong Dãy Mặt Trăng (điều này thực ra sẽ cho họ đủ thời gian để hoàn tất sự phát triển của mình trong hệ mặt trời này).

216. It may also be the case that Monads of Power also individualized in the previous solar system (we are not told), but if this were the case, there would definitely be sufficient time for them to complete their development in our solar system.

216. Cũng có thể là các chân thần Quyền Lực cũng đã biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước (chúng ta không được cho biết), nhưng nếu đúng như vậy, chắc chắn sẽ có đủ thời gian để họ hoàn tất sự phát triển của mình trong hệ mặt trời của chúng ta.

There is a direct channel, as we know, between the atomic subplane on each plane.

Như chúng ta biết, có một kênh trực tiếp giữa cõi phụ nguyên tử trên mỗi cõi.

217. This is largely a question of resonance. It conduces to the rapid transmission of force from sub-plane to sub-plane.

217. Điều này phần lớn là vấn đề cộng hưởng. Nó dẫn đến sự truyền mãnh lực nhanh chóng từ cõi phụ này sang cõi phụ khác.

218. How does this channel work and on what numbers is it based? This question cannot be answered by us at this time, and the answer will not be give to us at this time? However, we can be sure that the matter of the atomic level of the logoic plane vibrates more rapidly that the matter or the atomic level of the monadic plane. We may also reasonably gather that the atomic matter of the monadic plane is in some manner more aggregated than the atomic matter of the logoic plane. These are technicalities but upon their right understanding is based an accurate understanding of how the creative process proceeds.

218. Kênh này vận hành như thế nào và nó dựa trên những con số nào? Hiện nay chúng ta không thể trả lời câu hỏi này, và câu trả lời cũng sẽ không được trao cho chúng ta vào lúc này. Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn rằng chất liệu của cấp độ nguyên tử của cõi logoic rung động nhanh hơn chất liệu của cấp độ nguyên tử của cõi chân thần. Chúng ta cũng có thể suy ra một cách hợp lý rằng vật chất nguyên tử của cõi chân thần, theo một cách nào đó, được kết tụ nhiều hơn vật chất nguyên tử của cõi logoic. Đây là những chi tiết kỹ thuật, nhưng trên sự thấu hiểu đúng đắn về chúng được đặt nền tảng cho một sự thấu hiểu chính xác về cách tiến trình sáng tạo diễn ra.

This is more or less true of each subplane and its corresponding higher subplane numerically,

Điều này ít nhiều đúng với mỗi cõi phụ và cõi phụ cao hơn tương ứng của nó về mặt số học,

219. Thus the second sub-plane on the etheric level (the sub-atomic plane) is in direct alignment with the sub-atomic plane on the astral plane and on the second sub-plane of the higher mental plane—and so forth.

219. Do đó, cõi phụ thứ hai trên cấp độ dĩ thái (cõi hạ nguyên tử) chỉnh hợp trực tiếp với cõi hạ nguyên tử trên cõi cảm dục và với cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí—và cứ thế tiếp tục.

220. One should study the siddhis which pertain to the various sub-planes of the cosmic physical plane (twenty seven senses and their extensions are given). The accumulated correspondences will be revealing. Lines of possible development will also be indicated.

220. Người ta nên nghiên cứu các siddhi liên quan đến các cõi phụ khác nhau của cõi hồng trần vũ trụ (hai mươi bảy giác quan và các phần mở rộng của chúng đã được nêu ra). Những tương ứng được tích lũy sẽ làm lộ rõ nhiều điều. Các đường phát triển khả dĩ cũng sẽ được chỉ ra.

221. For instance, a disciple who develops the creative imagination relation to astral sub-plane two, may be placing himself in line to develop response to group vibration on mental sub-plane two.

221. Chẳng hạn, một đệ tử phát triển Sự tưởng tượng sáng tạo liên hệ với cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục có thể đang đặt mình vào đường để phát triển sự đáp ứng với rung động nhóm trên cõi phụ thứ hai của cõi trí.

222. Or the disciple who develops discrimination on mental sub-plane four may be placing himself in line to more easily develop intuition on buddhic sub-plane four or "perfection" on atmic sub-plane four.

222. Hoặc đệ tử phát triển sự phân biện trên cõi phụ thứ tư của cõi trí có thể đang đặt mình vào đường để dễ dàng hơn phát triển trực giác trên cõi phụ thứ tư của cõi Bồ đề hoặc "sự toàn hảo" trên cõi phụ thứ tư của cõi atma.

223. The Law of Economy requires that we develop an understanding of the lines of least resistance.

223. Định luật Tiết Kiệm đòi hỏi chúng ta phải phát triển sự thấu hiểu về những con đường ít trở ngại nhất.

and there is, therefore, a direct and quite expansive channel between the second subplane on all planes, **enabling the Monads of love to link up with peculiar facility with all their vehicles when composed of second subplane matter.**

và vì vậy, có một kênh trực tiếp và khá rộng mở giữa cõi phụ thứ hai trên mọi cõi, **giúp các chân thần bác ái liên kết với tất cả các hiện thể của họ một cách đặc biệt dễ dàng khi các hiện thể ấy được cấu thành bằng chất liệu cõi phụ thứ hai.**

224. One would expect a "quite expansive channel" given that Jupiter expresses the second ray and Jupiter expands all that it touches.

224. Người ta sẽ mong đợi một "kênh khá rộng mở", vì Sao Mộc biểu lộ cung hai và Sao Mộc mở rộng mọi thứ mà nó chạm đến.

225. We see that DK is always offering hints for those who have eyes to see. May we, in increasing measure, number ourselves among them!

225. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK luôn đưa ra những gợi ý cho những ai có mắt để thấy. Mong sao chúng ta ngày càng được kể vào số đó!

226. A channel is created from the Monad of love on the second sub-plane of the monadic plane to the buddhic plane (probably via the second sub-plane), through the egoic lotus of the initiate focussed on the second sub-plane of the mental plane (and especially through the petals keyed to the second ray), thence through the second sub-plane of the astral plane (given to imagination—hence the usefulness of imagination in inducing such flows) and thence to and through the second sub-plane of the physical plane, the etheric sub-atomic sub-plane.

226. Một kênh được tạo ra từ chân thần bác ái trên cõi phụ thứ hai của cõi chân thần đến cõi Bồ đề (có lẽ qua cõi phụ thứ hai), xuyên qua Hoa Sen Chân Ngã của điểm đạo đồ đang tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí (và đặc biệt qua các cánh hoa được khóa theo cung hai), rồi từ đó qua cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục (dành cho sự tưởng tượng—do đó sự hữu ích của sự tưởng tượng trong việc tạo ra những dòng chảy như thế) và từ đó đến và xuyên qua cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần, tức cõi phụ hạ nguyên tử dĩ thái.

227. The point about imagination is important as it can stimulate this second-sub-plane linking.

227. Điểm liên quan đến sự tưởng tượng là quan trọng vì nó có thể kích thích sự liên kết cõi phụ thứ hai này.

228. If are a Monad of Love we should do all we can to develop second sub-plane matter in our vehicles; a more facilitated linking with thereby occur. It would seem that this would tend to happen at the third initiation.

228. Nếu chúng ta là một chân thần Bác Ái, chúng ta nên làm mọi điều có thể để phát triển chất liệu cõi phụ thứ hai trong các hiện thể của mình; nhờ đó sẽ xảy ra một sự liên kết được tạo điều kiện dễ dàng hơn. Có vẻ như điều này sẽ có khuynh hướng xảy ra vào lần điểm đạo thứ ba.

229. If we are a Monad of Intelligence, the linking to the Monad would be via third sub-plane matter, and this, perhaps, could occur *before* the third initiation.

229. Nếu chúng ta là một chân thần Trí Tuệ, sự liên kết với chân thần sẽ thông qua chất liệu cõi phụ thứ ba, và điều này, có lẽ, có thể xảy ra *trước* lần điểm đạo thứ ba.

230. Monads of Power could be reached with greater facility once the fourth initiation was taken, because, by that time all matter in the lower vehicles would be atomic matter.

230. Các chân thần Quyền Lực có thể được tiếp cận dễ dàng hơn một khi lần điểm đạo thứ tư đã được tiếp nhận, bởi vì vào lúc đó mọi vật chất trong các hiện thể thấp đều sẽ là vật chất nguyên tử.

231. Some interesting lines of thought and practice could be developed using these indications.

231. Một số đường suy tưởng và thực hành thú vị có thể được phát triển bằng cách sử dụng những chỉ dẫn này.

232. Each of us has to develop the best way of 'reaching' the monadic vibration. It will not be the same alignment for all.

232. Mỗi chúng ta phải phát triển cách tốt nhất để "vươn tới" rung động chân thần. Sự chỉnh hợp ấy sẽ không giống nhau cho tất cả mọi người.

233. For the Monad of Love part of the linkage is as follows:

233. Đối với chân thần Bác Ái, một phần của sự liên kết như sau:

a. From the Monad to the love petals of the egoic lotus.

a. Từ chân thần đến các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã.

b. From these love petals to the astral vehicle, energising all astral matter found in the equipment of the phenomenal man. "The spirit of God moves upon the face of the waters "

b. Từ các cánh hoa bác ái này đến hiện thể cảm dục, tiếp sinh lực cho toàn bộ vật chất cảm dục được tìm thấy trong bộ máy của con người hiện tượng. "Tinh thần của Thượng đế chuyển động trên mặt nước"

c. From thence to the solar plexus centre.

c. Từ đó đến trung tâm tùng thái dương.

d. From that centre to the heart centre. The needed duality connected with the astral body thus appears. We have here also a correspondence to the descent of the fire of the will to the base of the spine with its subsequent raising, along the spinal column, to the head. (EP II 388)

d. Từ trung tâm đó đến trung tâm tim. Nhị nguyên tính cần thiết liên hệ với thể cảm dục do đó xuất hiện. Ở đây chúng ta cũng có một tương ứng với sự giáng xuống của lửa ý chí đến đáy cột sống cùng với sự nâng lên tiếp theo của nó, dọc theo cột sống, đến đầu. (EP II 388)

234. A linkage for the third ray disciple (probably one that has a third ray soul but, *perhaps*, one for whom the third ray Monad is becoming expressive) is as follows:

234. Một sự liên kết dành cho đệ tử cung ba (có lẽ là người có cung linh hồn cung ba nhưng, *có lẽ*, là người mà chân thần cung ba đang trở nên biểu lộ) như sau:

a. From the will aspect of the monadic life to that level of consciousness and of energy which we call that of the higher mind.

a. Từ phương diện ý chí của sự sống chân thần đến cấp độ tâm thức và năng lượng mà chúng ta gọi là cấp độ của thượng trí.

b. From the higher mind to the knowledge petals of the egoic lotus.

b. Từ thượng trí đến các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã.

c. From these vortexes of force to the lower or concrete mind—that in which the average intelligent man familiarly works—to the throat centre and from thence immediately to the sacral centre (the centre of physical plane creation or reproduction). From there it is raised again to the throat centre where the creative physical urge is transmuted into artistic or literary creation in some form or another, and later still into the power to create groups or organisations which will express some idea or some thought which emanates from the Mind of God, and which demands immediate precipitation upon earth. (EP II 390)

c. Từ các xoáy lực này đến hạ trí hay trí cụ thể—nơi mà con người thông minh trung bình thường làm việc—đến trung tâm cổ họng và từ đó ngay lập tức đến trung tâm xương cùng (trung tâm của sự sáng tạo hay sinh sản trên cõi hồng trần). Từ đó nó lại được nâng lên trung tâm cổ họng, nơi thôi thúc sáng tạo hồng trần được chuyển hoá thành sáng tạo nghệ thuật hay văn chương dưới hình thức này hay hình thức khác, và về sau nữa thành quyền năng tạo ra các nhóm hay tổ chức sẽ biểu lộ một ý tưởng hay một tư tưởng nào đó phát xuất từ Trí của Thượng đế, và đòi hỏi phải được ngưng tụ ngay trên trần thế. (EP II 390)

235. The same can be studied in these pages in relation to the first ray disciples. The alignments given in EP II are not entirely complete, but they certain suggests the different lines of energy descent for disciples on the three major rays (soul and/or monadic) and the information given can be useful in promoting the efficacy of these alignments.

235. Điều tương tự có thể được nghiên cứu trong những trang này liên hệ với các đệ tử cung một. Những sự chỉnh hợp được nêu trong EP II không hoàn toàn đầy đủ, nhưng chúng chắc chắn gợi ý các đường giáng xuống khác nhau của năng lượng đối với các đệ tử trên ba cung chính (cung linh hồn và/hoặc cung chân thần), và thông tin được đưa ra có thể hữu ích trong việc thúc đẩy hiệu quả của những sự chỉnh hợp này.

After initiation, the causal body is found on the second subplane of the mental plane, and monadic control then commences.

Sau điểm đạo, thể nguyên nhân được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai của cõi trí, và khi ấy sự kiểm soát của chân thần bắt đầu.

236. The initiation reference here is almost certainly the first "planetary", not solar, initiation, because the Monad involves itself with the soul nature from that time forward. The monadic control here

236. Sự quy chiếu đến điểm đạo ở đây gần như chắc chắn là lần điểm đạo "hành tinh" thứ nhất, chứ không phải thái dương, bởi vì từ thời điểm đó trở đi chân thần tự mình dấn vào bản chất linh hồn. Sự kiểm soát của chân

discussed is not yet part of the conscious life of the disciple.

237. We are told that even "advanced man" can have a causal body focussed on the second sub-plane of the mental plane. The term "advanced man" can cover a broad range of development, but it is sometimes used to reference those who are not yet even aspirants but who have developed much intelligence and capability. If the causal body for "advanced man" can be on the second sub-plane of the mental plane, then the initiation we are discussing is certainly the first.

238. Since the Monad (regardless of its ray or its monadic sub-plane focus) is focused on the *second* solar or systemic plane, there is a natural line of resonance between it and the causal body focussed on the *second* sub-plane of the mental plane. The movement to the second sub-plane of the mental plane by an E/ego of *any* ray, will facilitate contact with the Monad.

239. The degree of resonance would be less for first and third ray Monads and more for second ray Monads.

The Monads of love return (after life in the three worlds and the attainment of the goal) to their originating second subplane, that being also the goal for the monads of activity who have to develop the love aspect.

240. In this solar system, it appears that the "monads of activity" have also to achieve a focus on the second sub-plane of the monadic plane.

thần được bàn đến ở đây vẫn chưa là một phần của đời sống hữu thức của đệ tử.

237. Chúng ta được cho biết rằng ngay cả "con người tiến bộ" cũng có thể có thể nguyên nhân tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí. Thuật ngữ "con người tiến bộ" có thể bao trùm một phạm vi phát triển rộng, nhưng đôi khi nó được dùng để chỉ những người thậm chí chưa phải là người chí nguyện nhưng đã phát triển nhiều trí tuệ và năng lực. Nếu thể nguyên nhân của "con người tiến bộ" có thể ở trên cõi phụ thứ hai của cõi trí, thì điểm đạo mà chúng ta đang bàn đến chắc chắn là lần thứ nhất.

238. Vì chân thần (bất kể cung của nó hay sự tập trung cõi phụ chân thần của nó) được tập trung trên cõi thái dương hay cõi hệ thống *thứ hai*, nên có một đường cộng hưởng tự nhiên giữa nó và thể nguyên nhân đang tập trung trên cõi phụ *thứ hai* của cõi trí. Sự chuyển đến cõi phụ thứ hai của cõi trí bởi một chân ngã thuộc *bất kỳ* cung nào sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp xúc với chân thần.

239. Mức độ cộng hưởng sẽ ít hơn đối với các chân thần cung một và cung ba, và nhiều hơn đối với các chân thần cung hai.

Các chân thần bác ái trở về (sau đời sống trong ba cõi giới và sự đạt đến mục tiêu) với cõi phụ thứ hai nguyên thủy của mình, đó cũng là mục tiêu dành cho các chân thần hoạt động, những vị phải phát triển phương diện bác ái.

240. Trong hệ mặt trời này, dường như các "chân thần hoạt động" cũng phải đạt được sự tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi chân thần.

241. This will probably not mean changing the ray of their Monad (which "remains the same throughout the aeon".

241. Điều này có lẽ sẽ không có nghĩa là thay đổi cung của chân thần họ (vốn "vẫn giữ nguyên suốt đại kiếp").

Forget not, the primary ray of the Monad continues through the aeon. It changes not. (TWM 111)

Đừng quên, cung chính của chân thần tiếp tục suốt đại kiếp. Nó không thay đổi. (TWM 111)

242. Probably it will require the achievement of a second monadic sub-ray focus with the life/consciousness of the primary monadic third ray. This does not necessarily mean that the soul ray must be the second. The soul ray is *a* monadic sub-ray but not the *only* one. There is a monadic subray which expresses itself *on the monadic plane.* These thoughts are developed in my book, "On the Monad".

242. Có lẽ điều đó sẽ đòi hỏi phải đạt được một sự tập trung cung phụ chân thần thứ hai với sự sống/tâm thức của cung ba chân thần chính. Điều này không nhất thiết có nghĩa là cung linh hồn phải là cung hai. Cung linh hồn là *một* cung phụ chân thần nhưng không phải là cung *duy nhất.* Có một cung phụ chân thần tự biểu lộ *trên cõi chân thần.* Những tư tưởng này được triển khai trong cuốn sách của tôi, "On the Monad".

243. The influence of this second ray solar system must make its conditioning impact upon 'Monads of Intelligence', drawing forth their capacity to love and express love.

243. Ảnh hưởng của hệ mặt trời cung hai này hẳn phải tạo ra tác động định hình của nó lên các "chân thần Trí Tuệ", khơi dậy năng lực yêu thương và biểu lộ tình thương của họ.

244. We might ask if third ray Monads *can* focus themselves on the second sub-plane of the monadic plane? If this is possible, are *some* third ray Monads already focussed there (for instance, the Buddha)? How does the sub-ray of the Monad contributing to the refocussing of a third ray Monad upon the second plane? These are technical matters of great interest but beyond our capacity.

244. Chúng ta có thể hỏi liệu các chân thần cung ba *có thể* tự tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi chân thần hay không? Nếu điều này là có thể, thì có phải *một số* chân thần cung ba đã tập trung ở đó rồi chăng (chẳng hạn, Đức Phật)? Cung phụ của chân thần góp phần như thế nào vào việc tái tập trung một chân thần cung ba lên cõi thứ hai? Đây là những vấn đề kỹ thuật rất đáng quan tâm nhưng vượt quá khả năng của chúng ta.

245. The one thing Monads of Intelligence *can* do to facilitate this process of refocussing is to *love more.*

245. Điều duy nhất mà các chân thần Trí Tuệ *có thể* làm để tạo điều kiện cho tiến trình tái tập trung này là *yêu thương nhiều hơn.*

In the five worlds of human evolution both groups of Monads have to **control** atomic and molecular matter as well and this is

Trong năm thế giới của tiến hoá nhân loại, cả hai nhóm chân thần đều phải **kiểm soát** cả vật chất nguyên tử lẫn phân tử, và điều

done by the utilisation to the full (as full as may be possible in this second system), of the will or power aspect.

này được thực hiện bằng cách sử dụng đến mức trọn vẹn (trọn vẹn nhất có thể trong hệ thứ hai này) phương diện ý chí hay quyền lực.

246. Third ray Monads must develop love and both types of Monads (those on the third and second rays) must develop *will* (to the extent possible in this solar system—which is not a *great* extent, relatively).

246. Các chân thần cung ba phải phát triển bác ái và cả hai loại chân thần (những vị trên cung ba và cung hai) đều phải phát triển *ý chí* (trong mức độ có thể trong hệ mặt trời này—một mức độ không *lớn* lắm, xét tương đối).

247. Atomic matter, being matter of the first plane or sub-plane, is directly correlated with the first ray and with will. If atomic matter is to be controlled, the will is definitely necessary.

247. Vật chất nguyên tử, là vật chất của cõi hay cõi phụ thứ nhất, có tương quan trực tiếp với cung một và với ý chí. Nếu vật chất nguyên tử phải được kiểm soát, thì ý chí chắc chắn là cần thiết.

248. But, in general, this is true for the control of *all* types of matter—i.e., molecular matter.

248. Nhưng nói chung, điều này đúng đối với việc kiểm soát *mọi* loại vật chất—tức là vật chất phân tử.

249. Monads of all types are to gain control in the five Brahmic worlds of superhuman and human evolution.

249. Các chân thần thuộc mọi loại đều phải đạt được sự kiểm soát trong năm thế giới Brahma của tiến hoá siêu nhân và nhân loại.

The "Kingdom of God suffereth violence and the violent take it by force," or by Will or power. It is not Will, as we shall know it in the final system but it is Will as known in this system, and it has to be utilised to the uttermost by the evolving Monad in his struggle to control each atomic subplane.

"Thiên Giới phải chịu bạo lực và những kẻ bạo liệt chiếm lấy nó bằng sức mạnh," hay bằng ý chí hoặc quyền lực. Đó không phải là Ý Chí như chúng ta sẽ biết trong hệ cuối cùng, nhưng là ý chí như được biết trong hệ này, và nó phải được chân thần đang tiến hoá sử dụng đến mức tối đa trong cuộc đấu tranh của y để kiểm soát từng cõi phụ nguyên tử.

250. Here we have a saying associated particularly with the Master Hilarion when He was St. Paul. Why is this reference here? Perhaps because we are speaking of Monads in general and their need to control the matter of the lower thirty-five sub-planes,

250. Ở đây chúng ta có một câu nói đặc biệt gắn với Chân sư Hilarion khi Ngài là Thánh Paul. Tại sao lại có sự quy chiếu này ở đây? Có lẽ vì chúng ta đang nói về các chân thần nói chung và nhu cầu của họ phải kiểm soát vật chất của ba mươi lăm cõi phụ thấp,

but *perhaps* because we are about to discuss *first ray* Monads.

nhưng *có lẽ* cũng vì chúng ta sắp bàn đến các chân thần *cung một*.

The Monads of power have [Page 579] a much greater struggle, and hence the fact so often apparent that people on what we term the power Ray, have so often a hard time, and are so frequently unlovable.

Các chân thần quyền lực có [Page 579] một cuộc đấu tranh lớn hơn nhiều, và do đó có sự kiện thường thấy rằng những người thuộc điều chúng ta gọi là cung quyền lực thường gặp rất nhiều khó khăn, và thường rất khó mến.

251. We note that even when speaking of Monads, DK uses the word "people". He does this also in connection with fifth ray Monads when speaking of the Path of Magnetic Work.

251. Chúng ta lưu ý rằng ngay cả khi nói về các chân thần, Chân sư DK vẫn dùng từ "những người". Ngài cũng làm như vậy liên hệ với các chân thần cung năm khi nói về Con đường Công Tác Từ Tính.

A large number of fifth ray people, those who have the Ray of Concrete Knowledge for their monadic ray, pass to this line of endeavour. (IHS 187)

Một số lượng lớn những người cung năm, những người có Cung Tri Thức Cụ Thể là cung chân thần của mình, đi vào đường nỗ lực này. (IHS 187)

252. In this section on first ray Monads, it is reasonably possible to believe that DK is, indeed, speaking of St. Paul. So much of Paul's dynamic, driving behavior suggests this possibility as does the tone of His very militant book, "Light on the Path", which begins with much emphasis on the words "kill" and "kill out".

252. Trong phần này về các chân thần cung một, có thể tin một cách hợp lý rằng Chân sư DK quả thực đang nói về Thánh Paul. Quá nhiều nơi trong hành vi năng động, mãnh liệt của Paul gợi ra khả năng này, cũng như giọng điệu rất chiến đấu trong cuốn sách của Ngài, "Ánh sáng trên Đường Đạo", mở đầu với sự nhấn mạnh mạnh mẽ vào các từ "giết" và "diệt trừ".

They have to build in on all the six planes the love aspect, which is not prominent in their development.

Họ phải xây dựng vào trên cả sáu cõi phương diện bác ái, vốn không nổi trội trong sự phát triển của họ.

253. They need the energy of the building ray—the second ray. The second ray solar system endows them, eventually, with love, or rather, succeeds in drawing into expression the love which is inherent in *all* monadic types (though not present in equal measure).

253. Họ cần năng lượng của cung kiến tạo—cung hai. Hệ mặt trời cung hai cuối cùng ban cho họ bác ái, hay đúng hơn, thành công trong việc kéo vào biểu lộ tình thương vốn tiềm ẩn trong *mọi* loại chân thần (dù không hiện diện với mức độ ngang nhau).

A hint has been given us as to the approximate figures governing the Monads:

254. Exact figures are only for initiates of higher degree than will be the average reader of this book.

35 Thousand million Monads of love

20 Thousand million Monads of activity

5 Thousand million Monads of power

making a total of sixty thousand million human Monads.

255. We have not been speaking only of activities within the confines of our planetary scheme. Rather, we have been speaking of the solar system in general.

256. It, therefore, seems that these figures apply to the solar system as a whole rather than to our planet or to any one planet.

257. The figure seems rather too small—in fact, quite a bit too small. This is a puzzle to solve.

258. The following figures show that the sixty thousand million indeed refer to our solar system and not to our planet:

1. In the first solar system there was one dominant evolution, and it consisted of one hundred thousand million monads.

2. **In the present system, the second, there are two dominant evolutions, the human**

Một gợi ý đã được trao cho chúng ta về các con số xấp xỉ chi phối các chân thần:

254. Các con số chính xác chỉ dành cho các điểm đạo đồ ở cấp cao hơn độc giả trung bình của cuốn sách này.

35 nghìn triệu chân thần bác ái

20 nghìn triệu chân thần hoạt động

5 nghìn triệu chân thần quyền lực

tạo thành tổng cộng sáu mươi nghìn triệu chân thần nhân loại.

255. Chúng ta không chỉ nói về các hoạt động trong phạm vi giới hạn của hệ hành tinh của chúng ta. Đúng hơn, chúng ta đang nói về hệ mặt trời nói chung.

256. Do đó, dường như các con số này áp dụng cho toàn bộ hệ mặt trời hơn là cho hành tinh của chúng ta hay cho bất kỳ hành tinh riêng lẻ nào.

257. Con số này dường như quá nhỏ—thực ra là nhỏ hơn khá nhiều. Đây là một điều bí ẩn cần giải quyết.

258. Những con số sau đây cho thấy rằng sáu mươi nghìn triệu quả thực quy chiếu đến hệ mặt trời của chúng ta chứ không phải hành tinh của chúng ta:

1. Trong hệ mặt trời thứ nhất có một tiến hoá trội vượt, và nó gồm một trăm nghìn triệu chân thần.

2. **Trong hệ hiện tại, hệ thứ hai, có hai tiến hoá trội vượt, nhân loại và thiên thần; có—**

and the deva; there are—as earlier stated—sixty thousand million human monads. Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand million. This elucidates my statement anent this being a feminine system.

như đã nói trước đó—sáu mươi nghìn triệu chân thần nhân loại. Cộng thêm vào đó tiến hoá nữ tính của các thiên thần, gồm 140 nghìn triệu, và các bạn có đủ hai trăm nghìn triệu cần thiết. Điều này làm sáng tỏ phát biểu của tôi liên quan đến việc đây là một hệ nữ tính.

[Page 110]

[Page 110]

3. In the third solar system, the total number in evolution will be the needed three hundred thousand million that perfection requires of the threefold Logos. (EH 109-110)

3. Trong hệ mặt trời thứ ba, tổng số đang tiến hoá sẽ là ba trăm nghìn triệu cần thiết mà sự toàn hảo đòi hỏi nơi Thượng đế tam phân. (EH 109-110)

259. The number of human or deva Monads to be found on any of the planets is certainly a secret of initiation.

259. Số lượng các chân thần nhân loại hay thiên thần được tìm thấy trên bất kỳ hành tinh nào chắc chắn là một bí mật của điểm đạo.

260. What, really, is the monadic population of the Earth? Earlier (when reading was less carefully performed) it was supposed to be sixty billion Monads, but, clearly, the sixty billion figure is meant to relate to the entire solar system.

260. Thực sự thì dân số chân thần của Trái Đất là bao nhiêu? Trước đây (khi việc đọc được thực hiện kém cẩn thận hơn) người ta cho rằng đó là sáu mươi tỷ chân thần, nhưng rõ ràng con số sáu mươi tỷ được dùng để chỉ toàn bộ hệ mặt trời.

The Monads of power, though in manifestation, are as yet very rare in incarnation.

Các chân thần quyền lực, dù đang biểu hiện, vẫn còn rất hiếm khi lâm phàm.

261. We must differentiate between "manifestation" and "incarnation". Monads upon the higher planes are in "manifestation" but only those who take physical-etheric vehicles are in incarnation.

261. Chúng ta phải phân biệt giữa "biểu hiện" và "lâm phàm". Các chân thần trên các cõi cao đang ở trong "biểu hiện", nhưng chỉ những vị mang các hiện thể hồng trần-dĩ thái mới đang lâm phàm.

262. DK speaks of a rare first ray cycle in Biblical times which resulted in great violence. May it be assumed that a greater

262. Chân sư DK nói về một chu kỳ cung một hiếm hoi trong thời Kinh Thánh đã dẫn đến bạo lực lớn. Có thể giả định rằng vào thời

number of first ray Monads were in incarnation at that time?

đó có số lượng lớn hơn các chân thần cung một đang lâm phàm chăng?

The true first ray personality who works in response to this Shamballa influence will have the ultimate good of the group deeply enshrined in his consciousness and heart; he will think in terms of the whole and not in terms of the part. That is the thing which he will endeavour to impress upon the racial consciousness. This may lead at times to ruthlessness and cruelty if the personality of the individual is not yet controlled by soul impulse. Such cases can frequently be seen. An instance of this can be noted in the history of the Jews as found in the Old Testament. When the first ray was in control and passing through one of its rare cycles of activity we read that they butchered and slaughtered all their enemies — men, women and children, [16] putting them to the sword. The sword is ever the symbol of the first ray force just as the pen is of the second ray influence. (DON 15-15)

Phàm ngã cung một đích thực, hoạt động để đáp ứng ảnh hưởng Shamballa này, sẽ có thiện ích tối hậu của nhóm được khắc sâu trong tâm thức và trái tim của y; y sẽ suy nghĩ theo toàn thể chứ không theo bộ phận. Đó là điều mà y sẽ cố gắng ghi khắc lên tâm thức của nhân loại. Điều này đôi khi có thể dẫn đến sự tàn nhẫn và độc ác nếu phàm ngã của cá nhân ấy chưa được xung lực linh hồn kiểm soát. Những trường hợp như thế thường có thể được thấy. Một ví dụ về điều này có thể được ghi nhận trong lịch sử người Do Thái như được tìm thấy trong Cựu Ước. Khi cung một nắm quyền kiểm soát và đi qua một trong những chu kỳ hoạt động hiếm hoi của nó, chúng ta đọc thấy rằng họ đã tàn sát và giết sạch mọi kẻ thù của mình — những người nam và nữ và trẻ em, [16] dùng gươm mà giết họ. Thanh gươm luôn là biểu tượng của mãnh lực cung một cũng như cây bút là biểu tượng của ảnh hưởng cung hai. (DON 15-15)

263. When speaking of the rarity of first ray Monads in incarnation, DK could also be suggesting that considerable numbers of such Monads are between incarnational soul-cycles.

263. Khi nói về sự hiếm hoi của các chân thần cung một đang lâm phàm, Chân sư DK cũng có thể đang gợi ý rằng số lượng đáng kể các chân thần như thế đang ở giữa các chu kỳ linh hồn nhập thể.

They came in, in large numbers, at the close of the moon chain, and will come in again in full numerical strength in the last two rounds of the present chain.

Họ đã đi vào, với số lượng lớn, vào lúc kết thúc dãy Mặt Trăng, và sẽ lại đi vào với đầy đủ sức mạnh số lượng trong hai cuộc tuần hoàn cuối của dãy hiện tại.

264. This piece of information must be combined with other statements concerning the great number of first ray Monads who individualized in early Atlantean days.

264. Mẩu thông tin này phải được kết hợp với những phát biểu khác liên quan đến số lượng lớn các chân thần cung một đã biệt ngã hóa trong những ngày đầu Atlantis.

1. That egos of all types individualised upon the moon chain, but that the egos of active

1. Rằng các chân ngã thuộc mọi loại đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng, nhưng các chân

intelligence constituted 75% of the total, the remaining 25% being divided between the other two.

ngã của trí tuệ hoạt động chiếm 75% tổng số, còn 25% còn lại được chia giữa hai loại kia.

2. That in Lemurian times, the egos of love-wisdom preponderated, and in their turn constituted 75%, with the remaining 25% being the egos of active intelligence. Very few indeed, practically a negligible number, individualised along the line of power or will at that time.

2. Rằng trong thời Lemuria, các chân ngã của Bác Ái – Minh Triết chiếm ưu thế, và đến lượt mình chiếm 75%, còn 25% còn lại là các chân ngã của trí tuệ hoạt động. Quả thực có rất ít, thực tế là một số lượng không đáng kể, đã biệt ngã hóa theo đường quyền lực hay ý chí vào thời đó.

3. There was a very large influx of individualising egos in early Atlantean days and they were practically all of the power-will type. It might be stated that 80% of those who entered human evolution at that time were egos who were expressing the will aspect of deity, and that the remaining 20% were along the line of love-wisdom. (EP II 211)

3. Đã có một làn sóng tràn vào rất lớn của các chân ngã biệt ngã hóa trong những ngày đầu Atlantis và hầu như tất cả đều thuộc loại quyền năng-ý chí. Có thể nói rằng 80% những người bước vào tiến hoá nhân loại vào thời đó là các chân ngã đang biểu lộ phương diện ý chí của Thượng đế, và 20% còn lại thuộc theo đường bác ái–minh triết. (EP II 211)

265. When DK uses the word "egos" in this context, He must necessarily mean *Monads*, as the ray of the causal body can never be the first, second or third at the time that individualization occurs; always it must be the fourth, fifth, sixth or seventh.

265. Khi Chân sư DK dùng từ "egos" trong ngữ cảnh này, tất yếu Ngài phải muốn nói đến *các chân thần*, vì cung của thể nguyên nhân không bao giờ có thể là cung một, hai hay ba vào lúc sự biệt ngã hóa xảy ra; nó luôn luôn phải là cung bốn, năm, sáu hoặc bảy.

266. So if the first, second and third rays are discussed, these numbers must apply to the *monadic* ray.

266. Vì vậy nếu các cung một, hai và ba được bàn đến, thì các con số này phải áp dụng cho cung *chân thần*.

During these earlier periods all human beings were conditioned by the four Rays of Attribute; both as souls and as incarnated persons they were upon one of these four rays. (R&I 560)

Trong các thời kỳ sớm hơn này, mọi con người đều bị tác động bởi bốn Các Cung Thuộc Tính; cả với tư cách linh hồn lẫn với tư cách những con người đang lâm phàm, họ đều ở trên một trong bốn cung này. (R&I 560)

We might now briefly trace the correspondence in the second round and the second root-race, showing how the Law of

Giờ đây chúng ta có thể vắn tắt truy nguyên sự tương ứng trong cuộc tuần hoàn thứ hai và giống dân gốc thứ hai, cho thấy Định luật

Cohesion was specially active at these periods.

Cố Kết đã hoạt động đặc biệt như thế nào trong các thời kỳ này.

267. We are speaking of times before the individualization of animal man occurred in our chain.

267. Chúng ta đang nói về những thời kỳ trước khi sự biệt ngã hóa của người thú xảy ra trong dãy của chúng ta.

A condition of nebulosity of a pronouncedly volatile condition, marked the first round and race.

Một trạng thái tinh vân có tính chất cực kỳ dễ bay hơi đã đánh dấu cuộc tuần hoàn thứ nhất và nhân loại thứ nhất.

268. We think of the "fire mist" and of fiery conditions suggestive of the influence of Vulcan. There is a correspondence with the "Sea of Fire".

268. Chúng ta nghĩ đến "sương lửa" và những điều kiện rực lửa gợi ý ảnh hưởng của Vulcan. Có một sự tương ứng với "Biển Lửa".

Movement, and the accompaniment of heat, is their distinguishing quality, much as in System I,

Chuyển động, và sự đi kèm của nhiệt, là phẩm tính phân biệt của chúng, cũng như trong Hệ thống I,

269. DK is speaking of the nature of the first race of the early human beings of the first root race.

269. Chân sư DK đang nói về bản chất của nhân loại thứ nhất của những con người sơ khai trong giống dân gốc thứ nhất.

270. Movement suggests the third ray and heat suggests fire by friction.

270. Chuyển động gợi ý cung ba và nhiệt gợi ý Lửa ma sát.

271. There would naturally be a connection between the first system, the first race and the first plane—the "Sea of Fire".

271. Đương nhiên sẽ có một mối liên hệ giữa hệ thống thứ nhất, nhân loại thứ nhất và cõi thứ nhất—"Biển Lửa".

272. In a way, however, it is the *third* aspect of divinity which is being discussed and third aspect qualities of motion are found in relation to the first round and the first race.

272. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, chính phương diện *thứ ba* của thiên tính đang được bàn đến, và các phẩm tính chuyển động của phương diện thứ ba được tìm thấy trong liên hệ với cuộc tuần hoàn thứ nhất và nhân loại thứ nhất.

273. The developmental progression is often as follows: three, two, one.

273. Tiến trình phát triển thường như sau: ba, hai, một.

but in the second round, and also in the second race, a definite cohesion is noticeable, and form is more clearly recognisable in outline.

nhưng trong cuộc tuần hoàn thứ hai, và cả trong nhân loại thứ hai, một sự cố kết rõ rệt có thể nhận thấy, và hình tướng được nhận ra rõ ràng hơn về đường nét.

274. The suggestion is, that in the first race, the form of 'man' was not so very recognizable in outline. Can we think of it as a body more devic than human?

274. Điều được gợi ý là, trong nhân loại thứ nhất, hình tướng của "con người" chưa thật sự dễ nhận ra về đường nét. Chúng ta có thể nghĩ về nó như một thể mang tính thiên thần hơn là nhân loại chăng?

275. The second ray (the form-builder) always causes coherence and cohesion.

275. Cung hai (đấng kiến tạo hình tướng) luôn luôn gây ra sự kết hợp và cố kết.

276. We note how these various systemic laws are being used to shed light on planetary history and the history of humanity.

276. Chúng ta lưu ý cách các định luật hệ thống khác nhau này đang được dùng để soi sáng lịch sử hành tinh và lịch sử nhân loại.

Cohesion is also plainly to be seen as the distinguishing feature of our present system, the second.

Sự cố kết cũng được thấy rõ là đặc điểm phân biệt của hệ thống hiện tại của chúng ta, hệ thống thứ hai.

277. We have correspondences between the second system, the second round, the second root race and the second law of the system.

277. Chúng ta có những sự tương ứng giữa hệ thống thứ hai, cuộc tuần hoàn thứ hai, giống dân gốc thứ hai và định luật thứ hai của hệ thống.

278. We can wonder whether in major System I, cohesion was to be seen as now it is? Perhaps the *movement* was great but the cohesion of forms less pronounced.

278. Chúng ta có thể tự hỏi liệu trong Hệ thống I lớn lao, sự cố kết có được thấy như hiện nay không? Có lẽ *chuyển động* rất lớn nhưng sự cố kết của các hình tướng thì kém rõ rệt hơn.

It is the aim of all things to unite; approximation, unification, a simultaneous attraction between two or more is ever to be seen as a governing principle,

Mục tiêu của mọi sự vật là hợp nhất; sự xích lại gần, sự hợp nhất, một lực hút đồng thời giữa hai hay nhiều hơn, luôn luôn được thấy như một nguyên lý chi phối,

279. These are the key themes relating to our solar system:

279. Đây là những chủ đề then chốt liên hệ đến hệ mặt trời của chúng ta:

a. Union

b. Approximation

c. Unification

d. Simultaneous attraction

280. Our solar system expresses itself through a great 'coming together' of all apparently separated units. This is, as we can see, a profoundly second ray dynamic.

whether we look at the sex problem, or whether it demonstrates in business organisation, in scientific development, in manufacture, or in politics.

281. All these lines of endeavor (though a number of them are not qualified by the first ray, per se) are responsive to the great Second Ray and promote its objectives.

Well might we say that the At-one-ment of the many separated is the keynote of our system.

282. "At-one-ment" is a great *buddhic* dynamic. Our solar system is one in which the process of harmonization through love is functioning.

283. When we remember that our solar system is a system of the *fourth order* and that the process of "At-one-ment" is particularly related to the fourth ray, we have an important correlation.

One more suggestion may be given: [Page 580]

a. Hợp nhất

b. Xích lại gần

c. Nhất thể hóa

d. Lực hút đồng thời

280. Hệ mặt trời của chúng ta tự biểu lộ qua một sự "đến cùng nhau" vĩ đại của mọi đơn vị có vẻ tách biệt. Như chúng ta có thể thấy, đây là một động lực cung hai hết sức sâu xa.

dù chúng ta nhìn vào vấn đề tính dục, hay dù nó biểu lộ trong tổ chức kinh doanh, trong phát triển khoa học, trong sản xuất, hay trong chính trị.

281. Tất cả những đường lối nỗ lực này (dù một số trong đó không được cung một định tính, chính chúng) đều đáp ứng với cung hai vĩ đại và thúc đẩy các mục tiêu của cung này.

Chúng ta hoàn toàn có thể nói rằng sự Nhất Thể Hóa của nhiều cái bị tách rời là chủ âm của hệ thống chúng ta.

282. "Nhất Thể Hóa" là một động lực *Bồ đề* vĩ đại. Hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thống trong đó tiến trình hài hòa hóa qua bác ái đang vận hành.

283. Khi chúng ta nhớ rằng hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thống thuộc *bậc thứ tư* và rằng tiến trình "Nhất Thể Hóa" đặc biệt liên hệ với cung bốn, thì chúng ta có một sự tương quan quan trọng.

Có thể đưa ra thêm một gợi ý nữa: [Page 580]

On the path of involution this law governs the gathering together and the segregation of matter;

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, định luật này chi phối sự tập hợp lại và sự phân ly của vật chất;

284. Matter is drawn together according to affinity. This naturally means that some matter is magnetically rejected—hence segregation.

284. Vật chất được hút lại với nhau theo sự tương hợp. Điều này đương nhiên có nghĩa là một số vật chất bị từ chối về mặt từ tính—do đó có sự phân ly.

285. According to the Law of Attraction and Repulsion units of matter *cohere* with other, similar units of matter and not with those which are dissimilar.

285. Theo Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, các đơn vị vật chất *cố kết* với các đơn vị vật chất khác tương tự, chứ không với những đơn vị dị biệt.

286. On the Path of Evolution a greater mixing, blending and harmonizing occurs

286. Trên Con Đường Tiến Hóa, một sự pha trộn, hòa nhập và hài hòa hóa lớn hơn xảy ra

on the evolutionary path it controls the building of forms.

trên con đường tiến hoá, nó chi phối việc kiến tạo các hình tướng.

287. This activity of the "Law of Cohesion" is more easily understood than the first, the first part of the second outpouring occurred so very long ago.

287. Hoạt động này của "Định luật Cố Kết" dễ hiểu hơn hoạt động thứ nhất, vì phần đầu tiên của lần tuôn đổ thứ hai đã xảy ra từ rất lâu rồi.

288. The forms built under the "Law of Cohesion" are to reflect the Heavenly Archetypes.

288. Các hình tướng được xây dựng dưới "Định luật Cố Kết" là để phản chiếu các Nguyên Mẫu Thiên Thượng.

It has been stated that the matter of the lowest subplane forms the basis of a new plane; therefore we have on the atomic subplane **a point where merging takes place**, which makes it a plane of synthesis, just as in the same way the first or logoic plane is the plane of synthesis for this system. There takes place the merging of evolution into an inconceivably higher state.

Đã có lời nói rằng vật chất của cõi phụ thấp nhất tạo thành nền tảng của một cõi mới; do đó chúng ta có trên cõi phụ nguyên tử **một điểm nơi sự hòa nhập diễn ra**, điều này khiến nó trở thành một cõi tổng hợp, cũng như theo cùng cách đó cõi thứ nhất hay cõi logoic là cõi tổng hợp cho hệ thống này. Tại đó diễn ra sự hòa nhập của tiến hoá vào một trạng thái cao hơn không thể nghĩ bàn.

289. Here DK is speaking of synthesis and ascent.

289. Ở đây Chân sư DK đang nói về tổng hợp và thăng lên.

290. The first ray is the paramount 'Ray of Synthesis' and the first or atomic sub-plane of any system of seven such planes is the plane on which synthesis occurs.

290. Cung một là "Cung Tổng Hợp" tối thượng và cõi phụ thứ nhất hay cõi phụ nguyên tử của bất kỳ hệ thống nào gồm bảy cõi như thế là cõi trên đó sự tổng hợp xảy ra.

291. The energies of the first sub-plane gather into themselves lower energies and prepare a merging into new and higher energy dimensions.

291. Các năng lượng của cõi phụ thứ nhất thu hút vào chính chúng các năng lượng thấp hơn và chuẩn bị cho một sự hòa nhập vào những chiều kích năng lượng mới và cao hơn.

292. The "head" becomes the "foot". The peak becomes the base and basis.

292. "Đầu" trở thành "chân". Đỉnh trở thành nền và cơ sở.

293. Uranus is associated with the lowest of our Creative Hierarchy's, but also is a planet of 'occult translation'—of liberation into higher vibratory dimensions. This occurs through alchemization and transmutation.

293. Uranus được liên kết với Huyền Giai Sáng Tạo thấp nhất của chúng ta, nhưng cũng là một hành tinh của "sự chuyển dịch huyền bí"—của sự giải thoát vào những chiều kích rung động cao hơn. Điều này xảy ra qua thuật luyện kim và sự chuyển hoá.

294. To summarize the astrological associations:

294. Tóm tắt các liên hệ chiêm tinh:

a. The first systemic law, the Law of Vibration is associated with Vulcan, Saturn and Uranus

a. Định luật hệ thống thứ nhất, Định luật Rung Động, được liên kết với Vulcan, Saturn và Uranus

b. The second systemic law, the Law of Cohesion is associated particularly with Jupiter and Neptune to a degree (dissolving barriers which prevent cohesion). Venus is also a planet of the second ray (in certain of its aspects) and a factor promoting cohesion.

b. Định luật hệ thống thứ hai, Định luật Cố Kết, đặc biệt liên kết với Jupiter và ở một mức độ nào đó với Neptune (làm tan biến những rào cản ngăn trở sự cố kết). Venus cũng là một hành tinh của cung hai (trong một số phương diện của nó) và là một yếu tố thúc đẩy sự cố kết.

3. The Law of Disintegration.—This is the law that governs the destruction of the form in order that the indwelling life may shine forth in fullness.

3. Định luật Phân Giải.—Đây là định luật chi phối sự hủy diệt hình tướng để sự sống ngự bên trong có thể chiếu rạng trọn vẹn.

295. The Law of Disintegration is a law of the atmic plane.

296. It is a law involving destruction and thus is allied with the first ray as well as the third (which one would expect, since it pertains to the third plane—the atmic).

297. The third plane expresses both the third and the first rays.

298. Saturn, the ruler of the third plane expresses both the third and the first rays.

299. As has been hinted, there may be an energy- structure or vehicle on the higher atmic plane which is a higher correspondence to the causal body. If there is such a vehicle, its destruction will lead to a full shining forth *upon the monadic plane.*

300. Usually, when we speak of the destruction of the form to promote the shining forth, we speak of the destruction of the causal body. In relation to this law there seems to be a higher form of destruction which leads to an even greater shining forth of the Monad liberated from the encumbrances of the five lower planes.

It is another aspect of the Law of Cohesion—the reverse side (if one might so express it), and is just as much a part of the divine plan as that of attraction.

295. Định luật Phân Giải là một định luật của cõi atma.

296. Đó là một định luật bao hàm sự hủy diệt và vì thế liên kết với cung một cũng như cung ba (điều này có thể chờ đợi được, vì nó thuộc về cõi thứ ba—cõi atma).

297. Cõi thứ ba biểu lộ cả cung ba lẫn cung một.

298. Saturn, chủ tinh của cõi thứ ba, biểu lộ cả cung ba lẫn cung một.

299. Như đã được gợi ý, có thể có một cấu trúc năng lượng hay vận cụ trên cõi atma cao hơn, là một sự tương ứng cao hơn với thể nguyên nhân. Nếu có một vận cụ như thế, sự hủy diệt của nó sẽ dẫn đến một sự chiếu rạng trọn vẹn *trên cõi chân thần.*

300. Thông thường, khi chúng ta nói về sự hủy diệt hình tướng để thúc đẩy sự chiếu rạng, chúng ta nói về sự hủy diệt thể nguyên nhân. Trong liên hệ với định luật này, dường như có một hình thức hủy diệt cao hơn dẫn đến một sự chiếu rạng còn lớn hơn nữa của Chân thần được giải thoát khỏi những gánh nặng của năm cõi thấp.

Đó là một phương diện khác của Định luật Cố Kết—mặt trái của nó (nếu có thể diễn tả như vậy), và cũng là một phần của Thiên Cơ chẳng kém gì lực hấp dẫn.

301. This would be the time to remember that the Law of Repulse (the fourth Law of the Soul) is an aspect of the Law of Attraction and Repulsion. In this case repulsion serves the energy of love, just as the "Law of Disintegration" serves the "Law of Cohesion".

301. Đây là lúc cần nhớ rằng Định luật Đẩy Lùi (Định luật thứ tư của linh hồn) là một phương diện của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Trong trường hợp này, sự đẩy lùi phụng sự năng lượng bác ái, cũng như "Định luật Phân Giải" phụng sự "Định luật Cố Kết".

302. The "Law of Disintegration" is related to the third aspect. Again we see the third aspect being treated as if it were an aspect of the second aspect. This must be especially so in our solar system.

302. "Định luật Phân Giải" liên hệ với phương diện thứ ba. Một lần nữa chúng ta thấy phương diện thứ ba được xử lý như thể nó là một phương diện của phương diện thứ hai. Điều này hẳn đặc biệt đúng trong hệ mặt trời của chúng ta.

303. From this same perspective, the Primordial Ray is an *aspect* of the Divine Ray —again in *this* solar system.

303. Từ cùng quan điểm này, Cung Nguyên Sơ là một *phương diện* của Cung Thiêng Liêng—một lần nữa trong *hệ mặt trời* này.

It is one of the laws that ends with the solar system, for the great laws of attraction, cohesion and love last on into that which is to come.

Đó là một trong những định luật chấm dứt cùng với hệ mặt trời, vì các định luật vĩ đại của hấp dẫn, cố kết và bác ái còn kéo dài vào điều sẽ đến.

304. We remember that occultly, the solar system is *material.* It concerns the etheric-physical plane cosmically considered—i.e., the cosmic ethers and cosmic physical sub-planes.

304. Chúng ta nhớ rằng, theo huyền bí học, hệ mặt trời là *vật chất.* Nó liên quan đến cõi dĩ thái-hồng trần khi được xét theo vũ trụ—tức là các dĩ thái vũ trụ và các cõi phụ hồng trần vũ trụ.

305. The "Law of Disintegration" which relates to the atmic plane and hence to Brahma, and hence to all things material, will naturally not apply when that which is material is disintegrated.

305. "Định luật Phân Giải" liên hệ với cõi atma và do đó với Brahma, và do đó với mọi sự vật vật chất, đương nhiên sẽ không còn áp dụng khi cái vốn là vật chất đã bị phân giải.

306. DK speaks of the continuance of the cosmic Law of Attraction and of the systemic Laws of Cohesion and Love.

306. Chân sư DK nói về sự tiếp diễn của Định luật Hấp Dẫn vũ trụ và của các Định luật Cố Kết và Bác Ái của hệ thống.

307. Even though the Law of Love pertains to the sixth or astral plane, it is sufficiently

307. Dù Định luật Bác Ái thuộc về cõi thứ sáu hay cõi cảm dục, nó vẫn cộng hưởng đủ

resonant with the higher laws (of Attraction and Cohesion) to persist after the disintegration of the form.

với các định luật cao hơn (Hấp Dẫn và Cố Kết) để tồn tại sau sự phân giải của hình tướng.

308. In some manner, however, the "Law of Disintegration" must persist, as there will be an atmic sub-plane of the cosmic astral plane upon which an analogical disintegration of forms must occur.

308. Tuy nhiên, theo một cách nào đó, "Định luật Phân Giải" hẳn phải tiếp tục tồn tại, vì sẽ có một cõi phụ atma của cõi cảm dục vũ trụ, trên đó một sự phân giải tương đồng của các hình tướng phải xảy ra.

The Law of Disintegration has its correspondence in cosmic law, but it is almost incomprehensible to us. The Law of Economy holds the key to this law.

Định luật Phân Giải có sự tương ứng của nó trong định luật vũ trụ, nhưng điều đó hầu như không thể hiểu nổi đối với chúng ta. Định luật Tiết Kiệm nắm giữ chìa khóa của định luật này.

309. The Law of Economy is a *cosmic* law. DK seems to be telling us that it is the cosmic Law of Economy which holds the key to the "Law of Disintegration".

309. Định luật Tiết Kiệm là một định luật *vũ trụ*. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng chính Định luật Tiết Kiệm vũ trụ nắm giữ chìa khóa của "Định luật Phân Giải".

310. We were thinking that a cosmic correspondence of the "Law of Disintegration" must exist on the cosmic astral and cosmic mental planes, and so on, and DK seems to be hinting at this.

310. Chúng ta đã nghĩ rằng một sự tương ứng vũ trụ của "Định luật Phân Giải" hẳn phải tồn tại trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ, v.v., và Chân sư DK dường như đang gợi ý điều này.

311. That which is "cosmic" (in terms of how that word in used in this teaching) begins on the cosmic astral plane and ascends therefrom.

311. Cái gì là "vũ trụ" (xét theo cách từ này được dùng trong giáo huấn này) bắt đầu trên cõi cảm dục vũ trụ và từ đó đi lên.

312. Forms express energy but also are impedimentary to the ideal flow of energy and the ideal patterning of energies. The destruction of forms (at the right time and 'place') ultimately *saves energy.* All depends upon the needs of the system in which the forms are found. Thus, the correlation of the "Law of Disintegration" with the Law of Economy.

312. Các hình tướng biểu lộ năng lượng nhưng cũng cản trở dòng chảy lý tưởng của năng lượng và sự định hình lý tưởng của các năng lượng. Sự hủy diệt các hình tướng (đúng lúc và đúng "chỗ") rốt cuộc *tiết kiệm năng lượng.* Tất cả đều tùy thuộc vào nhu cầu của hệ thống trong đó các hình tướng được tìm thấy. Do đó, có sự tương quan của "Định luật Phân Giải" với Định luật Tiết Kiệm.

313. If we think of the third sub-plane of the mental plane, we shall see that disintegration begins there; the knowledge petals of the egoic lotus begin their disintegration as the third initiation is taken.

313. Nếu chúng ta nghĩ đến cõi phụ thứ ba của cõi trí, chúng ta sẽ thấy rằng sự phân giải bắt đầu ở đó; các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã bắt đầu phân giải khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận.

Therefore at the third initiation one of these Kumaras transmits to the causal body of the initiate that energy which destroys third subplane matter, and thus brings about part of the destruction of the vehicle; (IHS 108)

Do đó vào lần điểm đạo thứ ba, một trong các Kumara này truyền đến thể nguyên nhân của điểm đạo đồ năng lượng hủy diệt vật chất cõi phụ thứ ba, và như thế gây ra một phần sự hủy diệt của vận cụ; (IHS 108)

When the Monad has circled through all disintegrating forms, and has achieved the sixth Initiation,

Khi Chân thần đã đi vòng qua mọi hình tướng đang phân giải, và đã đạt đến lần Điểm đạo thứ sáu,

314. Here we are speaking of the disintegration of the triadal forms as well, including the atmic.

314. Ở đây chúng ta cũng đang nói về sự phân giải của các hình tướng tam nguyên tinh thần, kể cả hình tướng atma.

315. The forms have their cycles of waxing and waning and, thus, it can be said that the Monad circles through these forms.

315. Các hình tướng có những chu kỳ tăng trưởng và suy giảm của chúng, và vì thế có thể nói rằng Chân thần đi vòng qua các hình tướng này.

316. It is life and consciousness which—at the Jiva (the emanated Monad)—circulate through the forms. Thus, for man, wherever his life and consciousness are to be found, there the Monad is also.

316. Chính sự sống và tâm thức—ở Jiva (Chân thần đã phát xạ)—tuần hoàn qua các hình tướng. Vì vậy, đối với con người, ở đâu sự sống và tâm thức của y được tìm thấy, ở đó Chân thần cũng hiện diện.

317. It would seem that the third sub-plane of the third systemic plane (the atmic plane) is the special focus of this third law. We might then ask, “What has the siddhi called ‘All Knowledge’ to do with this law>“

317. Dường như cõi phụ thứ ba của cõi hệ thống thứ ba (cõi atma) là tiêu điểm đặc biệt của định luật thứ ba này. Khi đó chúng ta có thể hỏi, “siddhi gọi là ‘Toàn Tri’ có liên quan gì đến định luật này?”

318. A Monad is liberated from all forms found on the lower five planes—unless He chooses to incarnate for specific purposes.

318. Một Chân thần được giải thoát khỏi mọi hình tướng được tìm thấy trên năm cõi thấp—trừ khi Ngài chọn lâm phàm vì những mục đích đặc biệt.

it is resolved into its primal monadic source, and the five lesser sheaths are destroyed.

nó được phân giải vào nguồn chân thần nguyên sơ của nó, và năm lớp vỏ thấp hơn bị hủy diệt.

319. The great cycle of evolution—the great "pilgrimage"—is completed.

319. Chu kỳ lớn của tiến hoá—cuộc "hành hương" vĩ đại—được hoàn tất.

320. What is resolved into its primal monadic source? It is the "jiva" that is thus resolved—that aspect of the Monad which has "gone forth".

320. Cái gì được phân giải vào nguồn chân thần nguyên sơ của nó? Chính "jiva" được phân giải như thế—phương diện của Chân thần đã "phát ra".

321. The Monad has both 'gone forth' and *not* gone forth. This is a mystery which the image of the lighting of lesser candles from the flame of a great candle can solve.

321. Chân thần vừa đã "phát ra" vừa *không* phát ra. Đây là một huyền nhiệm mà hình ảnh thắp sáng những ngọn nến nhỏ hơn từ ngọn lửa của một cây nến lớn có thể giải đáp.

Later on the Monads themselves are synthesised, not disintegrated.

Về sau chính các Chân thần được tổng hợp, chứ không bị phângiải.

322. The essence of the Monad is pure life or being. It cannot be destroyed. Its vehicle upon the second sub-plane of the cosmic physical plane can, however, be destroyed and a new vehicle assumed.

322. Tinh túy của Chân thần là sự sống hay bản thể thuần túy. Nó không thể bị hủy diệt. Tuy nhiên, vận cụ của nó trên cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ có thể bị hủy diệt và một vận cụ mới được đảm nhận.

This law controls only from the third plane, and ceases action in this particular fashion when the third plane is transcended.

Định luật này chỉ chi phối từ cõi thứ ba, và chấm dứt hoạt động theo cách đặc thù này khi cõi thứ ba được vượt qua.

323. This is a Brahmic law. It does not pertain to the two planes of abstraction of the cosmic physical plane. It is a law which has resonance to the energies of the previous solar system.

323. Đây là một định luật Brahmic. Nó không liên quan đến hai cõi trừu tượng của cõi hồng trần vũ trụ. Đó là một định luật có sự cộng hưởng với các năng lượng của hệ mặt trời trước.

324. When concentration upon the second and first planes begins (the planes of abstraction for our solar system), then this particular mode of expression of this law is left behind. Note that it is not the entire law that is left behind. The "Law of

324. Khi sự tập trung vào cõi thứ hai và cõi thứ nhất bắt đầu (các cõi trừu tượng đối với hệ mặt trời của chúng ta), thì phương thức biểu lộ đặc thù này của định luật bị bỏ lại phía sau. Lưu ý rằng không phải toàn bộ định luật bị bỏ lại phía sau. "Định luật Phân

Disintegration" continues to function but not "in this particular fashion". DK has already referred to a higher "cosmic" correspondence of this law.

Giải" vẫn tiếp tục hoạt động nhưng không còn "theo cách đặc thù này". Chân sư DK đã nói đến một sự tương ứng "vũ trụ" cao hơn của định luật này.

325. We realize that there must be higher cosmic correspondences, for causal bodies on the cosmic mental plane must also be disintegrated and who knows about structures upon the cosmic atmic plane.

325. Chúng ta nhận ra rằng hẳn phải có những sự tương ứng vũ trụ cao hơn, vì các thể nguyên nhân trên cõi trí vũ trụ cũng phải bị phân giải, và ai biết được về những cấu trúc trên cõi atma vũ trụ.

This law is one of the most difficult for the race to understand. Some of its workings (those on the path of evolution), can be seen and somewhat comprehended, but on the path of involution, or of construction, the working out of the law is not so apparent to the superficial observer.

Định luật này là một trong những định luật khó nhất để nhân loại thấuhiểu. Một số hoạt động của nó (những hoạt động trên con đường tiến hoá) có thể được thấy và phần nào được hiểu, nhưng trên con đường giáng hạ tiến hoá, hay con đường kiến tạo, sự vận hành của định luật không hiển nhiên lắm đối với nhà quan sát hời hợt.

326. We can only agree with this. On the path of involution there arises a destruction of the consciousness of unity and of the wide participatory awareness of oneness characteristic of the Monad.

326. Chúng ta chỉ có thể đồng ý với điều này. Trên con đường giáng hạ tiến hoá, xuất hiện một sự hủy diệt tâm thức hợp nhất và sự nhận biết rộng lớn có tính tham dự về nhất thể vốn là đặc trưng của Chân thần.

327. On the Path of Involution, ever-denser forms are being constructed and this construction equates with a destruction of that which was experienced on higher planes.

327. Trên Con Đường Giáng Hạ Tiến Hoá, những hình tướng ngày càng đậm đặc đang được kiến tạo, và sự kiến tạo này tương đương với sự hủy diệt cái đã được kinh nghiệm trên các cõi cao hơn.

328. One of the reasons why this law is difficult for humanity to understand is the human bias against destruction, even though the Spirit in man is supposed to progress through the destruction of form. Fundamentally, destruction is foreign to this second ray solar system.

328. Một trong những lý do khiến định luật này khó được nhân loại thấu hiểu là thiên kiến của con người chống lại sự hủy diệt, dù Tinh thần trong con người được cho là tiến bộ qua sự hủy diệt hình tướng. Về căn bản, sự hủy diệt là điều xa lạ với hệ mặt trời cung hai này.

On the path of involution it controls the process of the [Page 581] breaking up of group souls;

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, nó chi phối tiến trình [Page 581] phá vỡ các hồn nhóm;

329. This process leads towards individualization.

329. Tiến trình này dẫn đến sự biệt ngã hóa.

330. The planet Saturn (planet of division) is involved in this "breaking up". Ray three, we remember is the "Divine Separator" and the third ray is naturally correlated with this third law.

330. Hành tinh Saturn (hành tinh của sự phân chia) có liên quan đến sự "phá vỡ" này. Cung ba, như chúng ta nhớ, là "Đấng Phân Ly Thiêng Liêng" và cung ba đương nhiên tương quan với định luật thứ ba này.

331. The primitive group must be broken up if there is to be what we might call a 'reduction towards one'. The individual is, initially, a *one* and not a *many.*

331. Nhóm nguyên thủy phải bị phá vỡ nếu muốn có điều mà chúng ta có thể gọi là một "sự quy giảm về một". Cá nhân, lúc ban đầu, là *một* chứ không phải *nhiều.*

it governs the periods when the permanent triads are transferred from one form to another;

nó chi phối những giai đoạn khi các tam nguyên trường tồn được chuyển từ hình tướng này sang hình tướng khác;

332. The permanent triads are a combination of the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit. They are not all active in every kingdom. In the mineral kingdom only the physical permanent atom is active. In the vegetable kingdom only the physical permanent atom and an incipient activation of the astral permanent atom are active. When there is entry into the mental kingdom, the mental unit begins its slow emergence. The physical and astral permanent atom are, however, active.

332. Các tam nguyên trường tồn là sự kết hợp của nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí. Chúng không phải tất cả đều hoạt động trong mọi giới. Trong giới kim thạch chỉ nguyên tử trường tồn hồng trần là hoạt động. Trong giới thực vật chỉ nguyên tử trường tồn hồng trần và một sự hoạt hóa chớm nở của nguyên tử trường tồn cảm dục là hoạt động. Khi có sự đi vào giới trí tuệ, đơn vị hạ trí bắt đầu xuất hiện chậm chạp. Tuy nhiên, nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục vẫn hoạt động.

"A Group-soul is a collection of permanent Triads in a triple envelope of monadic essence. The permanent Triads are a reflection upon the lower planes of the spiritual Triads on the higher. (Note TCF 335)

"Một Hồn nhóm là một tập hợp các Tam nguyên trường tồn trong một bao bọc tam phân của tinh chất chân thần. Các Tam nguyên trường tồn là một sự phản chiếu trên các cõi thấp của các Tam Nguyên Tinh Thần ở các cõi cao. (Ghi chú TCF 335)

333. Let us remember that "monadic essence" refers to the matte of the first sub-plane. Elemental essence refers to matter of the lower sub-planes.

333. Chúng ta hãy nhớ rằng "tinh chất chân thần" chỉ vật chất của cõi phụ thứ nhất. Tinh chất hành khí chỉ vật chất của các cõi phụ thấp hơn.

334. However, a "permanent Triad" contains the mental unit also, and this unit cannot exist in monadic essence but only in elemental essence.

334. Tuy nhiên, một "Tam nguyên trường tồn" còn chứa cả đơn vị hạ trí, và đơn vị này không thể tồn tại trong tinh chất chân thần mà chỉ trong tinh chất hành khí.

Monadic Essence, the matter of the atomic (or highest) subplane of each plane. Elemental Essence, the matter of the six subplanes which are non atomic. It is molecular matter. (TCF Foot Note 2, 75)

Tinh Chất Chân Thần, vật chất của cõi phụ nguyên tử (hay cao nhất) của mỗi cõi. Tinh Chất Hành Khí, vật chất của sáu cõi phụ không phải nguyên tử. Đó là vật chất phân tử. (TCF Chú thích 2, 75)

it works through the great world cataclysms, and we need to remember that it governs, not only the physical plane catastrophes (as we erroneously term them), but the corresponding cataclysms on the astral plane, and the lower levels of the mental plane.

nó hoạt động qua những đại biến động thế giới, và chúng ta cần nhớ rằng nó chi phối không chỉ những thảm họa cõi hồng trần (như chúng ta gọi một cách sai lầm), mà cả những biến động tương ứng trên cõi cảm dục, và các cấp độ thấp của cõi trí.

335. This is a good reminder of how little we know about destructive dynamics on these subtle planes. When great forms of thought on the mental plane are destroyed, we may infer that the "Law of Disintegration" is involved.

335. Đây là một lời nhắc nhở tốt về việc chúng ta biết ít đến mức nào về các động lực hủy diệt trên những cõi vi tế này. Khi những hình tư tưởng lớn trên cõi trí bị phá hủy, chúng ta có thể suy ra rằng "Định luật Phân Rã" có liên quan.

336. We can imagine that the Manu's Department wields this law intelligently and effectively.

336. Chúng ta có thể hình dung rằng ban của Đức Manu vận dụng định luật này một cách thông minh và hữu hiệu.

337. When looking at the first three systemic laws, it is possible to number them from above to below or from below to above. Both the Manu and Mahachohan can be seen as related to the first and third laws, for there is much activity (ray three) in relation

337. Khi xem xét ba định luật hệ thống đầu tiên, có thể đánh số chúng từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên. Cả Đức Manu lẫn Đức Mahachohan đều có thể được xem là liên hệ với định luật thứ nhất và thứ ba, vì có nhiều hoạt động (cung ba) liên quan đến

to the first law and must destruction (ray one) in relation to the third.

338. It would be interesting to understand the relation of the Agnichaitans in relation to the "Law of Disintegration".

339. DK is telling us that certain great physical upheavals are not really catastrophes but are occurring for their own planetary purposes. Man cannot judge from his own limited point of view and in terms of his own physical comfort—or, even, physical survival

It governs physical plane disruptions, especially those affecting the mineral world;

340. This would be the time to associate not only Saturn with this law, but again Vulcan and Uranus. Vulcan (a planet directly associated with the mineral world) is the ruler of spiritual will, which carried out Purpose regardless of the effect upon (obstructive) forms. Uranus brings the sudden and destructive intrusion of the Archetype—destructive renovation.

341. We remember also that Vulcan and Saturn are both rulers of Earth-signs—Taurus/Virgo and Capricorn respectively. Thus the association with *physical* disruptions.

it controls the disintegration, on the astral plane, of thought-forms;

định luật thứ nhất và nhiều sự hủy diệt (cung một) liên quan đến định luật thứ ba.

338. Sẽ là điều thú vị nếu thấu hiểu mối liên hệ của các Agnichaitan đối với "Định luật Phân Rã".

339. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng một số biến động hồng trần lớn thực ra không phải là những thảm họa mà đang xảy ra vì những mục đích hành tinh riêng của chúng. Con người không thể phán đoán từ quan điểm hạn hẹp của mình và theo mức độ tiện nghi hồng trần của riêng mình—hay thậm chí, sự sống còn hồng trần của mình

Nó chi phối những xáo trộn trên cõi hồng trần, đặc biệt là những xáo trộn ảnh hưởng đến giới kim thạch;

340. Đây là lúc nên liên kết không chỉ Sao Thổ với định luật này, mà còn một lần nữa cả Vulcan và Sao Thiên Vương. Vulcan (một hành tinh liên hệ trực tiếp với giới kim thạch) là chủ tinh của ý chí tinh thần, vốn thực hiện Thiên Ý bất kể tác động lên các hình tướng (cản trở) ra sao. Sao Thiên Vương mang đến sự xâm nhập đột ngột và có tính hủy diệt của nguyên mẫu—một sự cải tạo có tính hủy diệt.

341. Chúng ta cũng nhớ rằng Vulcan và Sao Thổ đều là chủ tinh của các dấu hiệu hành thổ—Kim Ngưu/Xử Nữ và Ma Kết theo thứ tự. Vì vậy có sự liên hệ với những xáo trộn *hồng trần*.

nó kiểm soát sự phân rã, trên cõi cảm dục, của các hình tư tưởng;

342. These are not strictly *thought*forms, but thought-desire forms—kama-manasic forms.

342. Đây không hẳn là các hình *tư tưởng*, mà là các hình tư tưởng-dục vọng—các hình trí-cảm.

343. There comes a time when old forms of desire reinforced by concrete thoughts which serve such desire, must be destroyed.

343. Sẽ đến lúc những hình tướng dục vọng cũ được củng cố bởi các tư tưởng cụ thể phục vụ cho dục vọng ấy phải bị phá hủy.

it dissolves the astral vehicle when left behind, and the mental likewise.

nó làm tan rã thể cảm dục khi thể này bị bỏ lại phía sau, và thể trí cũng vậy.

344. After the process of death, consciousness 'spends time' focussed in the astral and mental worlds, but abandons, eventually, the vehicles which make this possible.

344. Sau tiến trình chết, tâm thức "trải qua một thời gian" tập trung trong các thế giới cảm dục và trí tuệ, nhưng cuối cùng từ bỏ các vận cụ khiến điều này trở nên khả hữu.

345. In general, astral vehicles should not be preserved after the departure of the indweller and neither should mental vehicles. And incredible inner clutter and confusion would result. So such destruction is beneficent. A little thought will show the relation of the "Law of Disintegration" to the Law of Economy.

345. Nói chung, các thể cảm dục không nên được duy trì sau khi kẻ ngụ bên trong đã rời đi, và các thể trí cũng không nên như vậy. Nếu không, sẽ dẫn đến một sự bừa bộn và hỗn loạn nội tại khó tin. Vì vậy sự phá hủy như thế là có lợi. Chỉ cần suy nghĩ một chút sẽ thấy mối liên hệ của "Định luật Phân Rã" với Định luật Tiết Kiệm.

The dissipation of the etheric double is the result of its working.

Sự tiêu tan của bản sao dĩ thái là kết quả của hoạt động của nó.

346. So all of the abandoned personality vehicles are destroyed by the forces of the "Law of Disintegration". This destruction returns constituent matter to its original condition of dissociated activity. We often hear of a "return of the reservoir of life".

346. Vì vậy tất cả các vận cụ phàm ngã bị bỏ lại đều bị phá hủy bởi các lực của "Định luật Phân Rã". Sự phá hủy này đưa vật chất cấu thành trở về trạng thái nguyên thủy của hoạt động phân ly. Chúng ta thường nghe nói đến "sự trở về kho chứa của sự sống".

Again we can correlate this law with that of Attraction, for the two interact upon each other.

Một lần nữa, chúng ta có thể liên hệ định luật này với định luật Hấp Dẫn, vì hai định luật tác động qua lại lẫn nhau.

347. As attraction and repulsion work in relation to each other…

This law breaks up the forms, and the Law of Attraction draws back to primal sources the material of those forms, prior to rebuilding them anew.

348. This is an important (and disintegrative aspect) of the Law of Attraction—the restoration of the elements of the disintegrated forms to the appropriate inner 'reservoirs'.

349. Perhaps the Law of Attraction operates after the fourth initiation when the debris of the causal body hovers in higher mental 'space' following its destruction (probably in accordance with the "Law of Disintegration").

350. The Law of Attraction would magnetically differentiate the destroyed elements and draw like elements together, returning them to appropriate inner 'reservoirs'

On the path of evolution the effects of this law are well known, not only in the destruction of the discarded vehicles touched upon above, **but in the breaking up of the forms in which great ideals are embodied,**—

351. We read of the "Formula of Death" to which we may, in part, relate the "Law of Disintegration":

Formula Six is sometimes called "the word of death." It negates the destructive effect of the death process which is going on all the

347. Khi hấp dẫn và đẩy lùi hoạt động trong mối liên hệ với nhau…

Định luật này phá vỡ các hình tướng, và Định luật Hấp Dẫn kéo vật chất của những hình tướng ấy trở về các nguồn cội nguyên sơ trước khi xây dựng lại chúng theo cách mới.

348. Đây là một phương diện quan trọng (và có tính phân rã) của Định luật Hấp Dẫn—sự hoàn trả các nguyên tố của những hình tướng đã phân rã về những "kho chứa" nội tại thích hợp.

349. Có lẽ Định luật Hấp Dẫn hoạt động sau lần điểm đạo thứ tư khi các mảnh vụn của thể nguyên nhân lơ lửng trong "không gian" thượng trí sau khi nó bị phá hủy (có lẽ phù hợp với "Định luật Phân Rã").

350. Định luật Hấp Dẫn sẽ biến phân một cách từ tính các yếu tố đã bị phá hủy và kéo các yếu tố đồng loại lại với nhau, đưa chúng trở về những "kho chứa" nội tại thích hợp

Trên đường tiến hoá, các tác động của định luật này đã được biết rõ, không chỉ trong sự phá hủy các vận cụ bị loại bỏ đã được đề cập ở trên, **mà còn trong sự phá vỡ những hình tướng mà trong đó các lý tưởng lớn được thể hiện,**—

351. Chúng ta đọc về "Công Thức của Cái Chết" mà với nó chúng ta có thể, phần nào, liên hệ "Định luật Phân Rã":

Công Thức Sáu đôi khi được gọi là "linh từ của cái chết". Nó phủ nhận tác động hủy diệt của tiến trình chết vốn luôn luôn diễn ra bên

time within the mechanism of the disciple or initiate. The death proceeds with its needed work, but it is *not* destructive in effect. This formula has never been given out before to disciples, but can now be known because the Piscean Age is one in which at last the power of physical death is definitely broken and the signature of the Resurrection is revealed. In this esoteric negation of death are the deeply hidden and impressive causes of the two stages of the world war (1914-1945), and in this formula lies the significance lying behind the "fight for freedom" of the peoples of the world. It is sometimes called "the formula of liberation." (DINA II 249)

trong bộ máy của đệ tử hay điểm đạo đồ. Cái chết tiếp tục công việc cần thiết của nó, nhưng về tác động thì *không* có tính hủy diệt. Công thức này trước đây chưa bao giờ được truyền ra cho các đệ tử, nhưng nay có thể được biết đến vì Kỷ Nguyên Song Ngư là một kỷ nguyên trong đó rốt cuộc quyền lực của cái chết hồng trần đã bị phá vỡ một cách dứt khoát và dấu ấn của sự Phục Sinh được mặc khải. Trong sự phủ định huyền bí này đối với cái chết có những nguyên nhân sâu kín và đầy ấn tượng của hai giai đoạn của cuộc thế chiến (1914-1945), và chính trong công thức này có thâm nghĩa nằm sau "cuộc chiến vì tự do" của các dân tộc trên thế giới. Đôi khi nó được gọi là "công thức giải thoát". (DINA II 249)

Formula VI... Concerns Death. The constructive work of the Destroyer aspect. The "passing" of zodiacal and other cycles. (DINA II 345)

Công Thức VI... Liên quan đến Cái Chết. Công việc kiến tạo của phương diện Hủy Diệt. Sự "qua đi" của các chu kỳ hoàng đạo và các chu kỳ khác. (DINA II 345)

352. It is clear that the "Law of Disintegration" is intended to destroy the form so that the *life* may be affirmed and liberated.

352. Rõ ràng "Định luật Phân Rã" nhằm phá hủy hình tướng để *sự sống* có thể được khẳng định và giải phóng.

the forms of political control, the forms in which nature itself evolves, apart from those in which individual consciousness manifests, the great religious thought-forms, the philanthropic concepts and all the forms which science, art, and religion take at any one particular time. All eventually break under the working of this law.

các hình thức kiểm soát chính trị, các hình tướng mà trong đó bản chất tự tiến hoá, tách biệt với những hình tướng mà trong đó tâm thức cá nhân biểu lộ, các hình tư tưởng tôn giáo lớn, các khái niệm từ thiện và mọi hình tướng mà khoa học, nghệ thuật và tôn giáo mang lấy vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào. Tất cả cuối cùng đều tan vỡ dưới tác động của định luật này.

353. What types of forms are to be destroyed:

353. Những loại hình tướng nào sẽ bị phá hủy:

a. Forms of political control

a. Các hình thức kiểm soát chính trị

b. Forms which nature evolves

c. Great religious thought-forms

d. Philanthropic concepts

e. Forms of science

f. Forms of art

g. Forms of religion

354. It is not fitting that any form shall last in perpetuity. "Time then and form agree. Being and time do not agree". (Formula III)

355. The factor of *breaking* is another reason why this law should be associated with Uranus which often shatters that which it touches.

Its workings are more apparent to the average human mind in its manifestations at this time on the physical plane.

356. The average human mind is focussed almost entire on the physical plane and on the process of physical plane death and destruction.

357. One thinks of this law in relation to the so-called "Word of Death" (or 'Mantram of Death') which the soul speaks to disengage from physical incarnation. Words come from the throat center and the throat center is found on this *third* sub-plane of the etheric aspect of the various planes. The throat center is involved in the death process and is related to this law. When thinking of

b. Các hình tướng mà bản chất tiến hoá

c. Các hình tư tưởng tôn giáo lớn

d. Các khái niệm từ thiện

e. Các hình tướng của khoa học

f. Các hình tướng của nghệ thuật

g. Các hình tướng của tôn giáo

354. Không thích hợp để bất kỳ hình tướng nào tồn tại vĩnh viễn. "Khi ấy thời gian và hình tướng đồng thuận. Bản thể và thời gian không đồng thuận". (Công Thức III)

355. Yếu tố *phá vỡ* là một lý do khác khiến định luật này nên được liên kết với Sao Thiên Vương, hành tinh thường làm tan vỡ điều gì nó chạm tới.

Hoạt động của nó hiện nay biểu lộ rõ ràng hơn đối với trí tuệ trung bình của con người trong các biểu hiện của nó trên cõi hồng trần.

356. Trí tuệ trung bình của con người hầu như hoàn toàn tập trung trên cõi hồng trần và vào tiến trình chết và hủy diệt trên cõi hồng trần.

357. Người ta nghĩ đến định luật này trong liên hệ với cái gọi là "Linh từ của Cái Chết" (hay 'Mantram của Cái Chết') mà linh hồn phát ra để tách khỏi sự nhập thể hồng trần. Các linh từ phát ra từ trung tâm cổ họng, và trung tâm cổ họng được tìm thấy trên cõi phụ *thứ ba* này của phương diện dĩ thái của các cõi khác nhau. Trung tâm cổ họng có liên quan đến tiến trình chết và liên hệ với định

the "Word of Death" and the throat center, we have a natural correlation to the third systemic plane from whence the "Law of Disintegration" originates.

luật này. Khi suy nghĩ về "Linh từ của Cái Chết" và trung tâm cổ họng, chúng ta có một sự tương quan tự nhiên với cõi hệ thống thứ ba, từ đó "Định luật Phân Rã" phát sinh.

We can trace the connection between the atmic and the physical plane (demonstrating on the lower plane as the law of sacrifice and death), but its effect can be seen on all the five planes as well.

Chúng ta có thể truy ra mối liên hệ giữa cõi atma và cõi hồng trần (biểu hiện trên cõi thấp như định luật hi sinh và chết), nhưng tác động của nó cũng có thể được thấy trên cả năm cõi.

358. Within the fivefold World of Brahma, we are looking at the extreme planar positions—the law which manifests on the first of the Brahmic planes—the "Law of Disintegration"—and on the lowest or fifth or the five Brahmic planes, the "Law of Sacrifice and Death". One can easily see the relationship.

358. Trong Thế Giới Brahma ngũ phân, chúng ta đang nhìn vào các vị trí cực điểm của các cõi—định luật biểu lộ trên cõi thứ nhất trong các cõi Brahma—"Định luật Phân Rã"—và trên cõi thấp nhất hay cõi thứ năm trong năm cõi Brahma, "Định luật Hi Sinh và Chết". Người ta có thể dễ dàng thấy mối liên hệ.

359. On the third sub-plane of the cosmic physical plane, the disintegration occurs of the sake of the liberation of life. On the lowest sub-plane, the incarnated soul in subjected to the death of consciousness within the lowest forms and the sacrifice of the consciousness of the higher worlds. There are other meanings as well.

359. Trên cõi phụ thứ ba của cõi hồng trần vũ trụ, sự phân rã xảy ra vì mục đích giải phóng sự sống. Trên cõi phụ thấp nhất, linh hồn nhập thể phải chịu cái chết của tâm thức trong những hình tướng thấp nhất và sự hi sinh của tâm thức về các thế giới cao hơn. Còn có những ý nghĩa khác nữa.

360. Let us also look for signs of the "Law of Disintegration" on all the five Brahmic planes, and especially in relation to the third level of each of these planes.

360. Chúng ta cũng hãy tìm những dấu hiệu của "Định luật Phân Rã" trên cả năm cõi Brahma, và đặc biệt trong liên hệ với cấp độ thứ ba của mỗi cõi này.

It is the law that destroys the final sheath that separates the perfected Jiva.

Đó là định luật phá hủy lớp vỏ cuối cùng ngăn cách Jiva đã hoàn thiện.

361. What is this "final sheath"? It cannot be the causal body. It must be something higher—a vehicle, perhaps, found on the atmic plane and which separates from the full glory of monadic life.

361. "Lớp vỏ cuối cùng" này là gì? Nó không thể là thể nguyên nhân. Nó hẳn phải là một cái gì cao hơn—có lẽ là một vận cụ được tìm thấy trên cõi atma và ngăn cách với vinh quang trọn vẹn của sự sống chân thần.

362. The “perfected Jiva” is separated from the Monad.

It has not yet been fully brought out [Page 582] (for the law of correspondences has been little studied,

363. This means that we would have detected the likelihood of this separating sheath if we had studied the Law of Correspondences more carefully.

nor is it readily apparent) **that on the third subplane of each plane this law works in a special manner, causing a very definite breaking-up of something that is tending to separation.**

364. This is largely a Saturnian function.

365. We remember what has been said about Saturn:

1. Saturn, through which energy flows from Leo, via Shamballa, to Humanity, governs two decanates in Capricorn. Hence its extreme potency today in the triangle of Humanity. **Saturn breaks up existing conditions by the force of its energy impact,** thus enabling the influence of Mercury to be more fully expressed. The vision can then be intuitively perceived when obstructions have been removed. (EA 442)

366. Saturn, apparently a planet of Separation, in fact breaks up that which tends towards separation.

362. “Jiva đã hoàn thiện” bị ngăn cách khỏi chân thần.

Điều này vẫn chưa được trình bày đầy đủ [Page 582] (vì định luật tương ứng ít được nghiên cứu,

363. Điều này có nghĩa là chúng ta hẳn đã nhận ra khả năng tồn tại của lớp vỏ ngăn cách này nếu chúng ta nghiên cứu Định luật Tương Ứng cẩn thận hơn.

và điều đó cũng không dễ thấy) **rằng trên cõi phụ thứ ba của mỗi cõi, định luật này hoạt động theo một cách đặc biệt, gây ra sự tan rã rất xác định của một cái gì đó đang có xu hướng tạo ra sự ngăn cách.**

364. Đây phần lớn là một chức năng của Sao Thổ.

365. Chúng ta nhớ điều đã được nói về Sao Thổ:

1. Sao Thổ, qua đó năng lượng chảy từ Sư Tử, qua Shamballa, đến Nhân Loại, cai quản hai thập độ trong Ma Kết. Vì thế ngày nay nó có uy lực cực lớn trong tam giác của Nhân Loại. **Sao Thổ phá vỡ các điều kiện hiện hữu bằng lực tác động của năng lượng nó,** nhờ đó làm cho ảnh hưởng của Sao Thủy được biểu lộ đầy đủ hơn. Khi các chướng ngại đã được loại bỏ, linh thị khi ấy có thể được trực giác nhận biết. (EA 442)

366. Sao Thổ, bề ngoài là một hành tinh của Sự Ngăn Cách, nhưng thực ra lại phá vỡ điều gì có xu hướng dẫn đến sự ngăn cách.

367. That which is disintegrated is that which is impedimentary.

367. Điều bị phân rã là điều có tính cản trở.

368. We must search on all third sub-planes for that which tends towards separation and which must be broken up.

368. Chúng ta phải tìm kiếm trên mọi cõi phụ thứ ba điều gì có xu hướng dẫn đến sự ngăn cách và phải bị phá vỡ.

a. Between the third and second systemic ether

a. Giữa dĩ thái hệ thống thứ ba và thứ hai

b. Between the astral plane on which clairvoyance is to be found and the second sub-plane on which imagination is expressed

b. Giữa cõi cảm dục nơi có thông nhãn và cõi phụ thứ hai nơi sự tưởng tượng được biểu lộ

c. Between the third and second sub-plane of the mental plane

c. Giữa cõi phụ thứ ba và thứ hai của cõi trí

d. Between the third sub-plane of the buddhic plane whereon is expressed idealism and the second sub-plane whereon is expressed something still higher

d. Giữa cõi phụ thứ ba của cõi Bồ đề nơi chủ nghĩa lý tưởng được biểu lộ và cõi phụ thứ hai nơi một điều gì đó còn cao hơn được biểu lộ

e. Between the third sub-plane of the atmic plane whereon is expressed “all knowledge” and something still higher. All knowledge pertains to the third aspect and on the second sub-plane something relating directly to the Monad (and which transcends knowledge) will be found.

e. Giữa cõi phụ thứ ba của cõi atma nơi “mọi tri thức” được biểu lộ và một điều gì đó còn cao hơn. Mọi tri thức thuộc về phương diện thứ ba, và trên cõi phụ thứ hai sẽ tìm thấy một điều gì đó liên hệ trực tiếp với chân thần (và vượt lên trên tri thức).

f. These researches will (as regards the higher planes) take us into realms which can only be penetrated by intuitive minds greater than our own.

f. Những nghiên cứu này (xét về các cõi cao) sẽ đưa chúng ta vào những lĩnh vực chỉ có thể được thâm nhập bởi những trí tuệ trực giác lớn hơn trí tuệ của chúng ta.

369. The perfected personality is related to the third sub-plane and it must be ‘broken up’ or at least reconditioned before it is possible to become soul-infused.

369. Phàm ngã tích hợp có liên hệ với cõi phụ thứ ba và nó phải được ‘phá vỡ’ hoặc ít nhất được tác động lại trước khi có thể trở thành phàm ngã được linh hồn thấm nhuần.

Like all that works in the system, the process is slow; the work of disintegration begins on the third subplane, and is finished on the second,

Giống như mọi điều hoạt động trong hệ thống, tiến trình này chậm chạp; công việc phân rã bắt đầu trên cõi phụ thứ ba, và hoàn tất trên cõi phụ thứ hai,

370. This is definitely true in relation to the destruction of the causal body.

370. Điều này chắc chắn đúng trong liên hệ với sự phá hủy thể nguyên nhân.

Therefore at the third initiation one of these Kumaras transmits to the causal body of the initiate that energy which destroys third subplane matter, and thus brings about part of the destruction of the vehicle; (IHS 108)

Vì vậy vào lần điểm đạo thứ ba, một trong các Kumara này truyền đến thể nguyên nhân của điểm đạo đồ năng lượng phá hủy vật chất cõi phụ thứ ba ấy, và như thế gây ra một phần sự phá hủy của vận cụ; (IHS 108)

371. This quotation tells us about the destruction of third subplane matter which begins at the third initiation. Psychologically, knowledge is being superseded by intuition.

371. Đoạn trích này cho chúng ta biết về sự phá hủy vật chất cõi phụ thứ ba bắt đầu vào lần điểm đạo thứ ba. Về mặt tâm lý học, tri thức đang được trực giác thay thế.

when the Law of Disintegration comes under the influence of the Law of Cohesion, the disintegration having effected that which makes cohesion possible.

khi Định luật Phân Rã chịu ảnh hưởng của Định luật Cố Kết, thì sự phân rã đã thực hiện điều khiến cho sự cố kết trở nên khả hữu.

372. If impediments are disintegrated, then cohesion can supervene.

372. Nếu các chướng ngại bị phân rã, thì sự cố kết có thể tiếp theo.

373. Criticism, for instance, destroys, but paves the way for unitive experience. The idea is that destruction precedes amalgamation, if the destruction is of that which prevents amalgamation.

373. Chẳng hạn, sự chỉ trích phá hủy, nhưng mở đường cho kinh nghiệm hợp nhất. Ý tưởng ở đây là sự hủy diệt đi trước sự hòa nhập, nếu điều bị hủy diệt là điều ngăn cản sự hòa nhập.

374. The law relating to the third aspect is meant to come under the control of a law representing the second aspect.

374. Định luật liên hệ với phương diện thứ ba được dự định sẽ nằm dưới sự kiểm soát của một định luật đại diện cho phương diện thứ hai.

We can see an illustration of this on the mental plane. The causal body of the average man is on the third subplane, and as

Chúng ta có thể thấy một minh họa cho điều này trên cõi trí. Thể nguyên nhân của người trung bình nằm trên cõi phụ thứ ba, và khi

a man becomes fit for the merging into the Triad, that causal body has to be discarded and done away with.

một người trở nên thích hợp để hòa nhập vào Tam nguyên tinh thần, thể nguyên nhân ấy phải bị loại bỏ và xóa bỏ.

375. The process of "merging into the Triad" is discussed in Rule XI for Disciples and Initiates. "Let the group together transfer the fire within the 'Jewel in the Lotus' into the Triad, and let them find the Word which will carry out this task."

375. Tiến trình "hòa nhập vào Tam nguyên tinh thần" được bàn đến trong Quy luật XI dành cho Đệ tử và Điểm đạo đồ. "Hãy để nhóm cùng nhau chuyển dịch ngọn lửa bên trong 'Viên Ngọc trong Hoa Sen' vào Tam nguyên tinh thần, và hãy để họ tìm ra Quyền năng từ sẽ thực hiện nhiệm vụ này."

376. Some disintegration on the third sub-plane of the mental plane must occur before the inner man is fit to be liberated for this merging.

376. Một sự phân rã nào đó trên cõi phụ thứ ba của cõi trí phải xảy ra trước khi con người bên trong thích hợp để được giải phóng cho sự hòa nhập này.

377. But, let us remember that the destruction is not completed on the third sub-plane of the mental plane but, apparently, on the second.

377. Nhưng, chúng ta hãy nhớ rằng sự phá hủy không hoàn tất trên cõi phụ thứ ba của cõi trí mà dường như trên cõi phụ thứ hai.

the work of disintegration begins on the third subplane, and is finished on the second

công việc phân rã bắt đầu trên cõi phụ thứ ba, và hoàn tất trên cõi phụ thứ hai

378. DK is hinting that a significant destructive, reconditioning occurs in relation to the causal body as it makes prepares for a transition from the third sub-plane of the mental plane to the second. One would think that a significant stimulation of the love tier of petals would be effected.

378. Chân sư DK đang gợi ý rằng một sự hủy diệt và tác động lại đáng kể xảy ra liên quan đến thể nguyên nhân khi nó chuẩn bị cho một sự chuyển tiếp từ cõi phụ thứ ba của cõi trí sang cõi phụ thứ hai. Người ta sẽ nghĩ rằng một sự kích thích đáng kể đối với tầng cánh hoa bác ái sẽ được thực hiện.

Under the Law of Sacrifice and Death, the disintegration is begun on the third level and is consummated on the second, when the man merges with the Triad, preparatory to the final merging with the Monad.

Dưới Định luật Hi Sinh và Chết, sự phân rã bắt đầu trên cấp độ thứ ba và được hoàn tất trên cấp độ thứ hai, khi con người hòa nhập với Tam nguyên tinh thần, chuẩn bị cho sự hòa nhập cuối cùng với chân thần.

379. Here we see the "Law of Sacrifice and Death" operating on a plane higher than the one to which it is usually assigned (namely the seventh).

379. Ở đây chúng ta thấy "Định luật Hi Sinh và Chết" hoạt động trên một cõi cao hơn cõi mà nó thường được gán cho (tức là cõi thứ bảy).

380. These two laws—of Disintegration and of Sacrifice and Death—correlate with each other.

380. Hai định luật này—Phân Rã và Hi Sinh và Chết—tương quan với nhau.

381. We are given a threefold sequence:

381. Chúng ta được cho một trình tự tam phân:

a. Destruction of the causal body beginning on the third sub-plane and completed on the second

a. Sự phá hủy thể nguyên nhân bắt đầu trên cõi phụ thứ ba và hoàn tất trên cõi phụ thứ hai

b. The merging of the essence of the causal body/egoic lotus with the spiritual triad

b. Sự hòa nhập tinh túy của thể nguyên nhân/hoa sen chân ngã với Tam Nguyên Tinh Thần

c. The final merging (of the essence of the Triad) with the Monad.

c. Sự hòa nhập cuối cùng (của tinh túy Tam nguyên tinh thần) với chân thần.

382. A general principle emerges: the form must be destroyed if there is to be merging of consciousness within the field of love.

382. Một nguyên lý tổng quát xuất hiện: hình tướng phải bị phá hủy nếu muốn có sự hòa nhập của tâm thức trong trường bác ái.

Another illustration of the same thing can be found on the physical plane. **When a man has reached the point where he can sense and see the fourth ether, he is ready for the burning away of the etheric web, which has its location midway between the third and second subplane matter which composes his physical body.**

Một minh họa khác cho cùng điều ấy có thể được tìm thấy trên cõi hồng trần. **Khi một người đã đạt đến điểm mà y có thể cảm nhận và thấy dĩ thái thứ tư, y đã sẵn sàng cho sự đốt cháy mạng dĩ thái, vốn nằm ở khoảng giữa vật chất cõi phụ thứ ba và thứ hai cấu thành thể xác của y.**

383. This is a vitally important statement. We have seen that the "Law of Disintegration" works on the third sub-plane and in relation to the second. The position of the etheric web correlates with this.

383. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng. Chúng ta đã thấy rằng "Định luật Phân Rã" hoạt động trên cõi phụ thứ ba và trong liên hệ với cõi phụ thứ hai. Vị trí của mạng dĩ thái tương ứng với điều này.

384. The third and fourth ethers are *exoteric.* The second and first ethers are *esoteric*. Between them is that which must be disintegrated by the energies which work under the "Law of Disintegration".

384. Dĩ thái thứ ba và thứ tư là *ngoại môn.* Dĩ thái thứ hai và thứ nhất là *nội môn*. Giữa chúng là cái phải bị phân rã bởi các năng lượng hoạt động dưới "Định luật Phân Rã".

385. The midway position is most interesting. The web is to be found then, *within* the third ether at the point corresponding to a point upon the third level of the mental plane—whereon most human beings have the focus of their causal body.

385. Vị trí ở giữa này rất đáng chú ý. Khi ấy mạng được tìm thấy *bên trong* dĩ thái thứ ba tại điểm tương ứng với một điểm trên cấp độ thứ ba của cõi trí—nơi phần lớn con người có điểm tập trung của thể nguyên nhân.

386. Once the web is burned through, the consciousness of the disciple is admitted (relatively) into the worlds of abstraction.

386. Một khi mạng bị đốt thủng, tâm thức của đệ tử được thừa nhận (một cách tương đối) vào các thế giới của trí trừu tượng.

387. The "Law of Disintegration" works to admit the consciousness into a greater sense of the group and of the whole. It ends a necessary period of individualistic isolation.

387. "Định luật Phân Rã" hoạt động để đưa tâm thức vào một ý thức lớn hơn về nhóm và về toàn thể. Nó chấm dứt một giai đoạn cô lập cá nhân chủ nghĩa cần thiết.

388. The burning of the web is like a graduation from preoccupation with the energies of the first solar system (and Moon-chain) into increasing contact with the energies of the second solar system).

388. Sự đốt cháy mạng giống như một sự tốt nghiệp khỏi sự bận tâm với các năng lượng của hệ mặt trời thứ nhất (và Dãy Mặt Trăng) để đi vào sự tiếp xúc ngày càng tăng với các năng lượng của hệ mặt trời thứ hai).

When this disintegration is effected, the man merges with his astral vehicle, establishing a consequent continuity of consciousness.

Khi sự phân rã này được thực hiện, con người hòa nhập với thể cảm dục của mình, nhờ đó thiết lập sự liên tục của tâm thức.

389. In the movement from focus within the etheric throat center to focus within the etheric heart, the ability to merge with the astral vehicle is accomplished.

389. Trong sự chuyển động từ điểm tập trung bên trong trung tâm cổ họng dĩ thái sang điểm tập trung bên trong tim dĩ thái, khả năng hòa nhập với thể cảm dục được hoàn thành.

390. The potential for continuity of consciousness exists when the focus of the causal body changes from the third to the

390. Tiềm năng cho sự liên tục của tâm thức tồn tại khi điểm tập trung của thể nguyên nhân chuyển từ cõi phụ thứ ba sang cõi phụ

second sub-plane of the mental plane—this process being accompanied by the burning of the etheric web.

thứ hai của cõi trí—tiến trình này đi kèm với sự đốt cháy mạng dĩ thái.

391. The matter of the substance and position of the etheric web or webs is not, however, entirely simple.

391. Tuy nhiên, vấn đề về chất liệu và vị trí của mạng hay các mạng dĩ thái không hoàn toàn đơn giản.

392. Some chakras are said to be on the fourth sub-plane, one on the third, one on the second and one on the first. If the etheric web is only found between the third and second ether, what does this say of the relation of the etheric web to each of the chakras. Do some chakras like the heart and head lie *beyond* the etheric web? Can the throat chakra lie on either side of the web? Is the etheric web even in association with the lesser four chakras since each of them is found in the fourth ether whereas the etheric web is found between the third and the second?

392. Một số luân xa được nói là nằm trên cõi phụ thứ tư, một luân xa trên cõi phụ thứ ba, một trên cõi phụ thứ hai và một trên cõi phụ thứ nhất. Nếu mạng dĩ thái chỉ được tìm thấy giữa dĩ thái thứ ba và thứ hai, thì điều này nói gì về mối liên hệ của mạng dĩ thái với từng luân xa? Có phải một số luân xa như tim và đầu nằm *vượt ra ngoài* mạng dĩ thái không? Luân xa cổ họng có thể nằm ở một trong hai phía của mạng không? Liệu mạng dĩ thái có thật sự liên hệ với bốn luân xa thấp hơn hay không, vì mỗi luân xa trong số đó được tìm thấy trong dĩ thái thứ tư trong khi mạng dĩ thái lại được tìm thấy giữa dĩ thái thứ ba và thứ hai?

393. We can gather that when soul consciousness is becoming a reality in the personality life, the fourth ether will be sensed or seen and the etheric web will begin to burn.

393. Chúng ta có thể suy ra rằng khi tâm thức linh hồn đang trở thành một thực tại trong đời sống phàm ngã, dĩ thái thứ tư sẽ được cảm nhận hoặc nhìn thấy và mạng dĩ thái sẽ bắt đầu cháy.

This correspondence, and this disintegration, can be traced on each plane, **till finally on the atmic level on its third subplane comes the final disintegration, which results in a merging with the monadic consciousness.**

Sự tương ứng này, và sự phân rã này, có thể được truy ra trên mỗi cõi, **cho đến cuối cùng trên cấp độ atma, trên cõi phụ thứ ba của nó, xảy ra sự phân rã cuối cùng, dẫn đến sự hòa nhập với tâm thức chân thần.**

394. We notice that this atmic burning occurs *on* the third sub-plane of the atmic plane and not at the border between the third sub-plane and the second sub-plane. This idea of "on" and not "between" is important for locating the etheric web and

394. Chúng ta lưu ý rằng sự đốt cháy atma này xảy ra *trên* cõi phụ thứ ba của cõi atma chứ không phải ở ranh giới giữa cõi phụ thứ ba và cõi phụ thứ hai. Ý niệm "trên" chứ không phải "giữa" này rất quan trọng để xác

the correspondence so the etheric web on the various planes.

395. We may, therefore, propose that there is an atmic web midway between the third and second sub-plane of the atmic plane. Its burning brings about a liberation into monadic life just as the disintegration upon the third sub-plane of the mental plane brings about a merging into fuller soul consciousness and a burning of the web on the etheric planes brings about a merging into astral consciousness.

396. Monadic consciousness reaches (by resonance) especially the second sub-plane of the monadic plane and when the web or barrier on the third sub-plane is burnt through, access to the second sub-plane becomes possible.

397. The general principle to be gathered is that a web or barrier always separates the three and the two and must be negated through the process of burning.

The third Ray, that of adaptability or activity, has a close connection with this law. It is through activity (or the adaptation of matter to need), that the form comes into being;

398. We see that through its adaptability the third ray is closely related to form-building.

399. The third ray provides the activity which helps build the form but not the cohesive magnetism which holds it together.

through activity it is employed, and through that very adaptation it becomes a perfect

định vị trí của mạng dĩ thái và sự tương ứng với mạng dĩ thái trên các cõi khác nhau.

395. Vì vậy, chúng ta có thể đề xuất rằng có một mạng atma ở khoảng giữa cõi phụ thứ ba và thứ hai của cõi atma. Sự đốt cháy của nó đem lại sự giải phóng vào sự sống chân thần, cũng như sự phân rã trên cõi phụ thứ ba của cõi trí đem lại sự hòa nhập vào tâm thức linh hồn đầy đủ hơn, và sự đốt cháy mạng trên các cõi dĩ thái đem lại sự hòa nhập vào tâm thức cảm dục.

396. Tâm thức chân thần vươn tới (bằng cộng hưởng) đặc biệt là cõi phụ thứ hai của cõi chân thần, và khi mạng hay rào chắn trên cõi phụ thứ ba bị đốt thủng, sự tiếp cận đến cõi phụ thứ hai trở nên khả hữu.

397. Nguyên lý tổng quát cần rút ra là một mạng hay rào chắn luôn luôn ngăn cách bộ ba và bộ hai, và phải bị phủ nhận qua tiến trình đốt cháy.

Cung ba, cung của tính thích ứng hay hoạt động, có một mối liên hệ chặt chẽ với định luật này. Chính nhờ hoạt động (hay sự thích ứng của vật chất với nhu cầu), mà hình tướng đi vào hiện hữu;

398. Chúng ta thấy rằng nhờ tính thích nghi của mình, cung ba có liên hệ mật thiết với việc xây dựng hình tướng.

399. Cung ba cung cấp hoạt động giúp xây dựng hình tướng, nhưng không cung cấp từ điện cố kết giữ nó lại với nhau.

Thông qua hoạt động, nó được sử dụng, và thông qua chính sự thích nghi đó, nó trở thành một hình tướng hoàn hảo, [Page 583]

form, [Page 583] and at the moment of perfection loses its usefulness;

và vào lúc đạt đến sự hoàn hảo, nó mất đi tính hữu dụng;

400. Perfection is the harbinger of destruction. The third ray aids in the achievement of this perfection but the fourth ray (the "Corrector of the Form") is also closely involved.

400. Sự hoàn hảo là điềm báo của sự hủy diệt. Cung ba trợ giúp trong việc đạt đến sự hoàn hảo này, nhưng cung bốn ("Đấng Điều Chỉnh Hình Tướng") cũng có liên hệ mật thiết.

401. To go 'beyond' the possible relative perfection would be a violation of the Law of Economy, of which the third ray is the representative.

401. Đi "vượt quá" sự hoàn hảo tương đối khả hữu sẽ là một sự vi phạm Định luật Tiết Kiệm, mà cung ba là đại diện.

402. Again, a the third ray loses its usefulness at a certain point, just as the law conditioned by the third ray, the "Law of Disintegration" lost its usefulness at a certain point. Once perfection is reached, there is no more need for adaptation.

402. Một lần nữa, cung ba mất đi tính hữu dụng ở một điểm nào đó, cũng như định luật được cung ba điều kiện hóa, "Định luật Phân Rã", đã mất đi tính hữu dụng ở một điểm nào đó. Một khi sự hoàn hảo đã đạt được, không còn cần đến sự thích nghi nữa.

it crystallises, breaks, and the evolving life escapes to find for itself new forms of greater capacity and adequacy.

Nó kết tinh, vỡ tan, và sự sống đang tiến hoá thoát ra để tự tìm cho mình những hình tướng mới có năng lực và sự thích đáng lớn hơn.

403. This, as we have studied, is the climax of the transmutative process. All of alchemy leads to this breaking and escaped of volatile essence.

403. Như chúng ta đã nghiên cứu, đây là đỉnh điểm của tiến trình chuyển hoá. Toàn bộ thuật luyện kim đều dẫn đến sự vỡ tan này và sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi.

It is so in the life of the reincarnating Ego; it is so in the rounds and races of humanity; it is so in the solar system; it is so in all cosmic processes.

Điều này đúng trong đời sống của chân ngã tái sinh; đúng trong các cuộc tuần hoàn và các nhân loại của nhân loại; đúng trong hệ mặt trời; đúng trong mọi tiến trình vũ trụ.

404. DK generalizes and tells of the liberating destruction which is applicable to all levels of being once adaptation has brought about the relative perfection possible.

404. Chân sư DK khái quát hóa và nói về sự hủy diệt giải phóng, điều áp dụng cho mọi cấp độ hiện hữu một khi sự thích nghi đã mang lại sự hoàn hảo tương đối khả hữu.

405. *Absolute* perfection is not yet possible (and perhaps never will be) but one must know the degree of perfection or completion that can be adaptively achieved, and not attempt to move beyond it, which would be certain to mar it.

405. Sự hoàn hảo *tuyệt đối* chưa thể có được (và có lẽ sẽ không bao giờ có), nhưng người ta phải biết mức độ hoàn hảo hay hoàn tất nào có thể đạt được bằng sự thích nghi, và không cố vượt quá nó, vì điều đó chắc chắn sẽ làm hỏng nó.

In the third chain, the moon chain, we have an interesting related fact. On the moon chain the point of attainment for the individual was the arhat or fourth Initiation,—the initiation which marks the final breaking with the three worlds, and the disintegration of the egoic body.

Trong dãy thứ ba, Dãy Mặt Trăng, chúng ta có một sự kiện liên hệ thú vị. Trên Dãy Mặt Trăng, điểm thành tựu của cá nhân là arhat hay lần điểm đạo thứ tư,—lần điểm đạo đánh dấu sự đoạn tuyệt cuối cùng với ba cõi giới, và sự phân rã của thể chân ngã.

406. On the Moon-chain, the initiates of that sphere could not yet achieve the fifth initiation—the first truly Sirian initiation.

406. Trên Dãy Mặt Trăng, các điểm đạo đồ của khối cầu đó khi ấy vẫn chưa thể đạt đến lần điểm đạo thứ năm—lần điểm đạo đầu tiên thực sự thuộc Sirius.

407. It is interesting that the Buddha (on the Moon-chain) was said to have encountered the necessity of waiting for His incarnation on the Earth-chain before the *third* initiation was possible for Him. Can we reconcile these thoughts when, we learn here that the fourth or Arhat initiation was actually available on the Moon-chain.

407. Điều thú vị là Đức Phật (trên Dãy Mặt Trăng) được nói là đã gặp phải sự cần thiết phải chờ đến lần lâm phàm của Ngài trên Dãy Địa Cầu trước khi lần điểm đạo thứ *ba* trở nên khả hữu đối với Ngài. Liệu chúng ta có thể dung hòa những ý này khi ở đây chúng ta biết rằng lần điểm đạo thứ tư hay Arhat thực sự đã có sẵn trên Dãy Mặt Trăng.

As you know, the first human being out of that "centre which we call the race of men" to achieve this point was the Christ; in that first great demonstration of His point of attainment (through the medium of what was then a new type of initiation) the Christ was joined by the Buddha. **The Buddha had attained this same point prior to the creation of our planetary life, but conditions for taking the third initiation were not then available,** and He and the Christ took the initiation together. At this initiation, and since then for all initiates of that degree of attainment, They stood in the

Như bạn biết, con người đầu tiên xuất thân từ "trung tâm mà chúng ta gọi là nhân loại" đạt đến điểm này là Đức Christ; trong cuộc biểu lộ vĩ đại đầu tiên ấy về điểm thành tựu của Ngài (qua trung gian của điều khi ấy là một loại điểm đạo mới), Đức Christ đã được Đức Phật cùng tham dự. **Đức Phật đã đạt đến cùng điểm này trước khi sự sống hành tinh của chúng ta được tạo thành, nhưng khi ấy chưa có những điều kiện để thọ lần điểm đạo thứ ba,** và Ngài cùng Đức Christ đã thọ điểm đạo ấy chung với nhau. Trong lần điểm đạo này, và từ đó về sau đối với mọi điểm đạo đồ đạt đến cấp độ thành tựu ấy, Các

Presence of the One Initiator, the Lord of the World, and not in the Presence of the Initiate Who was then Head of the Hierarchy. This third initiation was taken in a fourth ray Ashram, the Ray of Harmony through Conflict. (R&I 385-386)

Ngài đứng trước Sự Hiện Diện của Đấng Điểm đạo Duy Nhất, Đức Chúa Tể Thế Giới, chứ không đứng trước Sự Hiện Diện của Điểm đạo đồ khi ấy là Đầu của Thánh Đoàn. Lần điểm đạo thứ ba này được thọ trong một ashram cung bốn, Cung của Hài Hòa qua Xung Đột. (R&I 385-386)

408. Even if the Arhat initiation had been available on the Moon-chain there is no telling whether, when the Buddha was ready to take the third initiation, it was available. Conditions may have changed.

408. Ngay cả nếu lần điểm đạo Arhat đã có sẵn trên Dãy Mặt Trăng, cũng không thể biết được liệu khi Đức Phật sẵn sàng thọ lần điểm đạo thứ ba, nó có còn sẵn hay không. Các điều kiện có thể đã thay đổi.

At the end of the third root-race came the first of the great cataclysms that broke the race form, and inaugurated a new one, for it was the first definitely human race as we now know it.

Vào cuối giống dân gốc thứ ba đã xảy ra trận đại biến động đầu tiên phá vỡ hình tướng của giống dân ấy và khai mở một giống dân mới, vì đó là giống dân đầu tiên rõ rệt là nhân loại như chúng ta hiện biết.

409. These were said to be in the nature of volcanic events. Perhaps floods were also present. (See Phillip Lindsay's *Hidden History of Humanity* for the proper chronology and many important details.)

409. Những biến động này được nói là có bản chất núi lửa. Có lẽ lũ lụt cũng hiện diện. (Xem *Hidden History of Humanity* của Phillip Lindsay để biết niên đại thích hợp và nhiều chi tiết quan trọng.)

The analogy will be found to hold good no matter from what angle the subject may be studied. In the third subrace a correspondence can be traced, though it is not yet apparent to the circumscribed vision which characterises most of us.

Sự tương đồng sẽ được thấy là đúng bất kể đề tài được nghiên cứu từ góc độ nào. Trong giống dân phụ thứ ba, có thể truy ra một sự tương ứng, dù điều đó chưa rõ ràng đối với tầm nhìn hạn hẹp vốn đặc trưng cho hầu hết chúng ta.

410. This was the subrace that preceded the Celtic subrace.

410. Đây là giống dân phụ đi trước giống dân phụ Celt.

411. The principle stands forth: wherever there is a high attainment in relation to the number *three*, a liberating destruction is immanent.

411. Nguyên lý nổi bật lên: ở đâu có một thành tựu cao liên hệ với con số *ba*, ở đó một sự hủy diệt giải phóng đang cận kề.

412. One wonders about the fate of those who came from the third chain, the Moon-

412. Người ta tự hỏi về số phận của những ai đến từ dãy thứ ba, Dãy Mặt Trăng, và cả

chain, and also about those who came from the first solar system strongly conditioned by the third ray.

những ai đến từ hệ mặt trời thứ nhất vốn chịu sự tác động mạnh của cung ba.

Close proximity to an effect often veils a cause.

Sự gần gũi quá mức với một hiệu quả thường che khuất nguyên nhân.

413. Distance and perspective are needed for comprehension.

413. Cần có khoảng cách và viễn cảnh để thấu hiểu.

414. Destruction comes in conditions ruled by the third aspect so that a liberation into the second aspect can occur.

414. Sự hủy diệt đến trong những điều kiện do phương diện thứ ba cai quản để một sự giải thoát vào phương diện thứ hai có thể xảy ra.

4. The law of Magnetic Control.[82]

*4. định luật Kiểm Soát Từ Tính.*82

—This law is the basic law controlling the Spiritual Triad.

—Định luật này là định luật căn bản kiểm soát Tam Nguyên Tinh Thần.

415. We note that this law is the basic law for the entire spiritual triad and not only for the buddhic plane.

415. Chúng ta lưu ý rằng định luật này là định luật căn bản cho toàn bộ tam nguyên tinh thần chứ không chỉ riêng cõi Bồ đề.

FOOTNOTE: [82]:

FOOTNOTE: 82:

Note the correspondence that can be traced here. On the second plane we have the Law of Cohesion—love. On the second plane of the manifesting Triad, the Law of Magnetic Control—love. Again lower down on the second plane of the Personality, the Law of Love. The accuracy of the analogy is quite interesting, and provides room for speculation.

Hãy lưu ý sự tương ứng có thể được truy ra ở đây. Trên cõi thứ hai chúng ta có Định luật Cố Kết—bác ái. Trên cõi thứ hai của Tam nguyên đang biểu lộ, định luật Kiểm Soát Từ Tính—bác ái. Rồi thấp hơn nữa, trên cõi thứ hai của phàm ngã, là Định luật Bác Ái. Sự chính xác của phép tương đồng này thật khá thú vị, và mở ra chỗ cho sự suy đoán.

416. While the spiritual triad has three foci, the law pertaining to the buddhic plane is considered the *basic* law. This probably means that the higher mental plane is too 'low' to be considered basic to the triad and the atmic plane too 'high'.

416. Trong khi tam nguyên tinh thần có ba tiêu điểm, định luật thuộc về cõi Bồ đề được xem là định luật *căn bản*. Điều này có lẽ có nghĩa rằng Cõi thượng trí quá "thấp" để được xem là căn bản đối với tam nguyên, còn cõi atma thì quá "cao".

417. A connection is traced between the "Law of Cohesion" on the monadic plane, the "Law of Magnetic Control" on the second plane of the triad (which is the buddhic plane) and the "Law of Love" on the astral plane—the second plane of the personality.

417. Một mối liên hệ được truy ra giữa "Định luật Cố Kết" trên cõi chân thần, "định luật Kiểm Soát Từ Tính" trên cõi thứ hai của tam nguyên (tức cõi Bồ đề) và "Định luật Bác Ái" trên cõi cảm dục—cõi thứ hai của phàm ngã.

418. The threefold alignment suggested is particularly potent at the second initiation.

418. Sự chỉnh hợp tam phân được gợi ý này đặc biệt mạnh mẽ ở lần điểm đạo thứ hai.

419. If we factor into this the energy of the second level of the egoic lotus, we have a fourfold alignment.

419. Nếu chúng ta đưa vào đây năng lượng của cấp độ thứ hai của hoa sen chân ngã, chúng ta sẽ có một sự chỉnh hợp tứ phân.

Through this law, the force of evolution drives the Ego to progress through the cycle of reincarnation back to union with his kind.

Thông qua định luật này, mãnh lực tiến hoá thúc đẩy chân ngã tiến bộ qua chu kỳ tái sinh để trở về hợp nhất với đồng loại của y.

420. Who is the Ego in this context? Are we speaking of the Solar Angel, Who after millions of years of concentrated sacrifice, achieves liberation at the fourth initiation and, at that point, perhaps, achieves also "union with his kind"? But then, the Solar Angel is of such an advanced consciousness that it *always* has union with its kind.

420. Chân ngã ở đây là ai? Chúng ta có đang nói về Thái dương Thiên Thần, Đấng sau hàng triệu năm hi sinh tập trung, đạt được sự giải thoát ở lần điểm đạo thứ tư và, có lẽ vào lúc đó, cũng đạt được "sự hợp nhất với đồng loại của y" hay không? Nhưng khi ấy, Thái dương Thiên Thần có một tâm thức cao siêu đến mức nó *luôn luôn* hợp nhất với đồng loại của mình.

421. Or are we speaking of the inauguration of the process of individualization which is a definite limitation upon the human Monad/soul (remember that soul means consciousness and is possessed by the Monad/Triad in their states of awareness)—a limitation gradually overcome through the power of love-wisdom, bringing about, eventually, *group consciousness* and thus union with all other egos.

421. Hay chúng ta đang nói về sự khai mở của tiến trình biệt ngã hóa, vốn là một sự giới hạn rõ rệt đặt lên chân thần/linh hồn nhân loại (hãy nhớ rằng linh hồn có nghĩa là tâm thức và được chân thần/Tam nguyên tinh thần sở hữu trong các trạng thái nhận biết của chúng)—một sự giới hạn dần dần được vượt qua nhờ quyền năng của Bác Ái – Minh Triết, cuối cùng mang lại *tâm thức nhóm* và do đó là sự hợp nhất với mọi chân ngã khác.

422. In this section of text, the "Ego" seems to represent human consciousness upon the

422. Trong phần văn bản này, "chân ngã" dường như tượng trưng cho tâm thức nhân

higher mental plane as that consciousness is subjected to the limitations of the lower three worlds.

loại trên Cõi thượng trí khi tâm thức ấy chịu các giới hạn của ba cõi thấp.

423. Upon the higher mental plane and at the dawn of individualization, the Monad/Triad-become-Ego, has an appreciated union with its kind on the higher mental plane. The human soul (returning to higher mental plane consciousness after millions of years of evolution) again achieves consciousness union with its kind, recognizing the egoic group, groups and affiliations on those planes.

423. Trên Cõi thượng trí và vào buổi bình minh của sự biệt ngã hóa, chân thần/Tam nguyên tinh thần-trở-thành-chân ngã có một sự hợp nhất được nhận biết với đồng loại của nó trên Cõi thượng trí. Linh hồn nhân loại (trở về tâm thức Cõi thượng trí sau hàng triệu năm tiến hoá) lại đạt được sự hợp nhất tâm thức với đồng loại của mình, nhận ra nhóm chân ngã, các nhóm và các liên hệ trên những cõi ấy.

424. In a way, "union with his kind" *always* exists on the higher planes, but the immerse soul-in-incarnation forget this union.

424. Theo một nghĩa nào đó, "sự hợp nhất với đồng loại của y" *luôn luôn* tồn tại trên các cõi cao, nhưng linh hồn đang nhập thể chìm đắm lại quên mất sự hợp nhất này.

Through separation he finds himself,

Thông qua sự phân ly, y tìm thấy chính mình,

425. This *finding* of oneself is induced by the energy of Leo and the fifth ray at individualization. The incarnated consciousness is impressed with its apparent 'separateness' from all other consciousnesses. Because of the perceived separation, the center, the 'I'-perception, is increasingly emphasized.

425. Sự *tìm thấy* chính mình này được gây ra bởi năng lượng của Sư Tử và cung năm trong tiến trình biệt ngã hóa. Tâm thức nhập thể bị in dấu bởi tính "tách biệt" biểu kiến của nó khỏi mọi tâm thức khác. Vì sự tách biệt được cảm nhận ấy, trung tâm, cảm nhận về "Tôi", ngày càng được nhấn mạnh.

426. We can see that we are definitely talking about the 'Ego-as-soul-in-incarnation'.

426. Chúng ta có thể thấy rằng rõ ràng ở đây chúng ta đang nói về "chân ngã-như-linh hồn-đang-nhập-thể".

and then—driven by the indwelling buddhic or Christ principle—transcends himself, and finds himself again in all selves.

và rồi—được thúc đẩy bởi nguyên khí Bồ đề hay Christ nội tại—vượt lên chính mình, và lại tìm thấy chính mình trong mọi bản ngã.

427. We are discussing the two levels of Leo:

427. Chúng ta đang bàn đến hai cấp độ của Sư Tử:

a. With "I Am" the incarnated human soul "finds himself"

b. With "I Am That" the incarnated human soul "finds himself again in all selves". "Naught is but me."

This law holds the evolving lower self in a **coherent** form. It controls the Ego in the causal body, in the same way that the Logos controls the Monad on the second plane.

428. Here we have an important analogy. The "Law of Magnetic Control" is analogous to the "Law of Cohesion" and, being the *fourth* law, contributes to the cohesion of the fourfold personality.

429. This law is to the "Ego in the causal body" what the Logos is to the Monad the second plane. But are we speaking of the Solar Logos (usually simply called the "Logos", or the Planetary Logos)?

430. In any case, DK is saying that the "Logos" holds the *Monad* in coherent form on the second plane.

431. We see that those laws which have a strong basis in the Law of Attraction contribute to a general condition of cohesion.

It is the law of the buddhic plane; the [Page 584] **Master is one Who can function on the buddhic levels, and Who has magnetic control in the three worlds.**

432. There is no question that an Initiate of the fifth initiation, a Master, has achieved a

a. Với "Ta Là", linh hồn nhân loại nhập thể "tìm thấy chính mình"

b. Với "Ta Là Cái Đó", linh hồn nhân loại nhập thể "lại tìm thấy chính mình trong mọi bản ngã". "Không gì ngoài ta."

Định luật này giữ phàm ngã đang tiến hoá trong một hình tướng **cố kết**. Nó kiểm soát chân ngã trong thể nguyên nhân, cũng như Thượng đế kiểm soát chân thần trên cõi thứ hai.

428. Ở đây chúng ta có một phép tương đồng quan trọng. "định luật Kiểm Soát Từ Tính" tương tự với "Định luật Cố Kết" và, là định luật thứ *tư*, góp phần vào sự cố kết của phàm ngã tứ phân.

429. Định luật này đối với "chân ngã trong thể nguyên nhân" cũng như Thượng đế đối với chân thần trên cõi thứ hai. Nhưng chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế (thường được gọi đơn giản là "Thượng đế"), hay Hành Tinh Thượng Đế?

430. Dù sao đi nữa, Chân sư DK đang nói rằng "Thượng đế" giữ chân *thần* trong hình tướng cố kết trên cõi thứ hai.

431. Chúng ta thấy rằng những định luật có nền tảng mạnh trong Định luật Hấp Dẫn góp phần tạo nên một trạng thái cố kết tổng quát.

Đó là định luật của cõi Bồ đề; Chân sư là Đấng [Page 584] **có thể hoạt động trên các cấp độ Bồ đề, và có sự kiểm soát từ tính trong ba cõi giới.**

432. Không nghi ngờ gì rằng một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ năm, một Chân sư,

kind of atmic focus, but perhaps His fuller functioning is found on the buddhic levels.

đã đạt được một loại tiêu điểm atma, nhưng có lẽ hoạt động đầy đủ hơn của Ngài được tìm thấy trên các cấp độ Bồ đề.

433. The quotation below also demonstrates that the Master works in relation to the buddhic plane, whereas the Chohan and Chohan of the seventh degree work in relation to the atmic plane.

433. Đoạn trích dưới đây cũng cho thấy rằng Chân sư hoạt động trong liên hệ với cõi Bồ đề, trong khi Chohan và Chohan của cấp độ thứ bảy hoạt động trong liên hệ với cõi atma.

At the final two initiations, which **set a man free from the three worlds and enable him to function in the logoic body of vitality** and to wield the force which animates that logoic vehicle, the initiate becomes the five-pointed star, and it descends upon him, merges in him, and he is seen at its very centre. This descent is brought about through the action of the Initiator, wielding the Rod of Power, and puts a man in touch with the centre in the Body of the planetary Logos of which he is a part; this is consciously effected. The two initiations, called the sixth and seventh, take place on the atmic plane; [implying that the fifth initiation takes place on the buddhic plane] the five-pointed star "blazes forth from within itself" as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters into the Flame. (TCF 696-697)

Trong hai lần điểm đạo cuối cùng, là những lần [implying that the fifth initiation takes place on the buddhic plane] giải thoát con người khỏi ba cõi giới và làm cho y có thể hoạt động trong thể sinh lực logoic và vận dụng mãnh lực làm sinh động vận cụ logoic ấy, điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, và nó giáng xuống trên y, hòa nhập vào y, và y được thấy ở chính trung tâm của nó. Sự giáng xuống này được mang lại nhờ tác động của Đấng Điểm đạo, vận dụng Thần Trượng Điểm đạo, và đặt con người vào tiếp xúc với trung tâm trong Thể của Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó; điều này được thực hiện một cách hữu thức. Hai lần điểm đạo, được gọi là lần thứ sáu và thứ bảy, diễn ra trên cõi atma; ngôi sao năm cánh "bừng cháy từ bên trong chính nó" như cụm từ thần bí đã nói, và trở thành ngôi sao bảy cánh; nó giáng xuống trên con người và y đi vào Ngọn Lửa. (TCF 696-697)

434. The Master has magnetic control in the three worlds and so does the Solar Angel.

434. Chân sư có sự kiểm soát từ tính trong ba cõi giới và Thái dương Thiên Thần cũng vậy.

435. We can ask about ourselves: "To what degree am I able to magnetically wield the solar fire of the soul in the three lower worlds?"

435. Chúng ta có thể tự hỏi về chính mình: "Tôi có thể vận dụng bằng từ tính Lửa Thái dương của linh hồn trong ba cõi thấp đến mức độ nào?"

The lower is always controlled from above, and the effect the buddhic levels have on the

Cái thấp luôn luôn được kiểm soát từ trên xuống, và ảnh hưởng mà các cấp độ Bồ đề tác động lên ba cõi thấp là tối quan trọng, dù

three lower is paramount, though that is scarcely yet conceded by our thinkers.

436. DK points the way to the future. Man is to achieve magnetic control and focus primarily on the buddhic plane. The 'position' of the fourth Creative Hierarchy on the buddhic plane reveals this. (cf. EA 35)

437. Our entire system of initiation exists for the purpose of bringing the buddhic energy into the lower three worlds. Thus, the third aspect is infused by the second.

It is the Law of Love, in the three worlds, that holds all together, and that draws all upward.

438. It would appear that the "Law of Love" serves to render the personality coherent and direct personality desire "upward" in aspiration.

It is the demonstration, in the Triad, of the Law of Attraction.

439. Within the personality triad the "Law of Love" is the demonstration of the Law of Attraction. Within the spiritual triad the "Law of Magnetic Control" is the same demonstration on a higher turn of the spiral.

On the path of involution this law works with the permanent atoms in the causal body.

440. We have been noting that all these laws have an evolutionary *and* involutionary interpretation.

441. The permanent atoms are the *controlling* factors in each of the three lower

điều đó hầu như chưa được các nhà tư tưởng của chúng ta thừa nhận.

436. Chân sư DK chỉ ra con đường cho tương lai. Con người phải đạt được sự kiểm soát từ tính và tập trung chủ yếu trên cõi Bồ đề. "Vị trí" của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư trên cõi Bồ đề cho thấy điều này. (x. EA 35)

437. Toàn bộ hệ thống điểm đạo của chúng ta tồn tại nhằm mục đích đưa năng lượng Bồ đề vào ba cõi thấp. Như vậy, phương diện thứ ba được phương diện thứ hai thấm nhuần.

Chính Định luật Bác Ái, trong ba cõi giới, giữ mọi sự lại với nhau và kéo mọi sự đi lên trên.

438. Có vẻ như "Định luật Bác Ái" phục vụ để làm cho phàm ngã trở nên cố kết và hướng dục vọng của phàm ngã "đi lên trên" trong khát vọng.

Đó là sự biểu lộ, trong Tam nguyên tinh thần, của Định luật Hấp Dẫn.

439. Trong tam nguyên phàm ngã, "Định luật Bác Ái" là sự biểu lộ của Định luật Hấp Dẫn. Trong tam nguyên tinh thần, "định luật Kiểm Soát Từ Tính" là cùng một sự biểu lộ ấy trên một vòng xoắn cao hơn.

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, định luật này hoạt động với các Nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân.

440. Chúng ta đã lưu ý rằng tất cả những định luật này đều có cách diễn giải theo tiến hoá *và* giáng hạ tiến hoá.

441. Các Nguyên tử trường tồn là những yếu tố *kiểm soát* trong mỗi một trong ba hiện thể

vehicles. We have been speaking about how control is exerted.

442. Through the permanent atoms, the Ego controls its lower threefold personality expression. However, it is the "Law of Magnetic Control" that controls the Ego—as we have just read.

It is the buddhic principle, and its relation with the lower permanent atom of the Triad is the mainspring of the life of the Ego.

443. The lowest permanent atom of the spiritual triad is that point of focus upon which the Ego in the causal body (the egoic lotus) is built (cf. EP I 169)—the manasic permanent atom.

444. If we look for what sustains the vitality of the Ego, we must look to the combination of the buddhic principal as it affects the manasic permanent atom.

445. The egoic lotus is very much a combination of manasic and buddhic energies.

On the path of descent it has much to do with the placing of the permanent atoms, but this matter is very abstruse, and the time has not yet come for further elucidation.

446. What may DK mean by the "placing of the permanent atoms"? Naturally the question will arise: "in what" and "in relation to what"?

447. Perhaps we may say that vehicles must be appropriated on the "path of descent" and

thấp. Chúng ta đã nói về cách sự kiểm soát được thực thi.

442. Thông qua các Nguyên tử trường tồn, chân ngã kiểm soát biểu lộ phàm ngã tam phân thấp của nó. Tuy nhiên, như chúng ta vừa đọc, chính "định luật Kiểm Soát Từ Tính" kiểm soát chân ngã.

Đó là nguyên khí Bồ đề, và mối liên hệ của nó với nguyên tử trường tồn thấp hơn của Tam nguyên tinh thần là động lực chính của đời sống chân ngã.

443. Nguyên tử trường tồn thấp nhất của tam nguyên tinh thần là điểm tập trung mà trên đó chân ngã trong thể nguyên nhân (hoa sen chân ngã) được xây dựng (x. EP I 169)—nguyên tử trường tồn manas.

444. Nếu chúng ta tìm điều duy trì sinh lực của chân ngã, chúng ta phải nhìn vào sự kết hợp của nguyên khí Bồ đề khi nó tác động lên nguyên tử trường tồn manas.

445. Hoa sen chân ngã phần lớn là một sự kết hợp của các năng lượng manas và Bồ đề.

Trên con đường giáng xuống, nó có liên hệ rất nhiều với việc định vị các Nguyên tử trường tồn, nhưng vấn đề này rất trừu tượng, và thời điểm để giải minh thêm vẫn chưa đến.

446. Chân sư DK có thể muốn nói gì qua "việc định vị các Nguyên tử trường tồn"? Tự nhiên câu hỏi sẽ nảy sinh: "trong cái gì" và "trong liên hệ với cái gì"?

447. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng các hiện thể phải được chiếm dụng trên "con đường giáng xuống", và sự chiếm dụng này đòi hỏi

this appropriation requires a certain "placing" within the vibratory fields from which the vehicles are to be appropriated.

một sự "định vị" nào đó trong các trường rung động mà từ đó các hiện thể sẽ được chiếm dụng.

448. If the "Law of Magnetic Control" is operative in the first part of the second outpouring, it is operative long before there is any individualization or egoic lotus. With regard to the "placing of the permanent atoms" we may be speaking of their "placing" within the lower kingdoms through which they are to manifest when the turn is made and the path of evolution begins.

448. Nếu "định luật Kiểm Soát Từ Tính" hoạt động trong phần đầu của lần tuôn đổ thứ hai, thì nó hoạt động từ rất lâu trước khi có bất kỳ sự biệt ngã hóa hay hoa sen chân ngã nào. Liên quan đến "việc định vị các Nguyên tử trường tồn", có thể chúng ta đang nói đến sự "định vị" của chúng trong các giới thấp mà qua đó chúng sẽ biểu lộ khi bước ngoặt được thực hiện và con đường tiến hoá bắt đầu.

449. Permanent atoms may hold their 'place' as a result of magnetism.

449. Các Nguyên tử trường tồn có thể giữ "vị trí" của chúng như là kết quả của từ điện.

At the third outpouring, (in which the fourth kingdom, the human, was formed),

Trong lần tuôn đổ thứ ba, (trong đó giới thứ tư, giới nhân loại, được hình thành),

450. The third outpouring was the first outpouring to involve the first aspect of divinity. Perhaps we little realize how much the Monad is involved in the individualization process.

450. Lần tuôn đổ thứ ba là lần tuôn đổ đầu tiên có liên quan đến phương diện thứ nhất của thiên tính. Có lẽ chúng ta ít nhận ra chân thần liên hệ nhiều đến mức nào trong tiến trình biệt ngã hóa.

451. Leo, the Monad and individualization are all related in the process of making animal man, man.

451. Sư Tử, chân thần và sự biệt ngã hóa đều liên hệ với nhau trong tiến trình biến người thú thành con người.

it was this Law of Magnetic Control that effected the juncture of astro-animal man, and the descending Monad, using the spark of mind as the method of at-one-ment.

chính định luật Kiểm Soát Từ Tính này đã tạo nên sự nối kết giữa người thú cảm dục và chân thần giáng xuống, sử dụng tia lửa trí tuệ như phương pháp hợp nhất.

452. This is really an amazingly informative little sentence. The type of animal man who was individualized in Lemuria as "astro-animal man" indicating that he had a well-developed astral nature (at least as that astral nature was related to strictly physical

452. Đây thực sự là một câu ngắn đáng kinh ngạc về mức độ giàu thông tin. Loại người thú được biệt ngã hóa ở Lemuria là "người thú cảm dục", cho thấy y có bản chất cảm dục phát triển tốt (ít nhất là trong chừng mực bản chất cảm dục ấy liên hệ với các vấn

plane matters). The development of the astral vehicle as a quasi-independent field came later in Atlantis.

453. We may judge that the Solar Angel was working under the "Law of Magnetic Control" as it utilized the spark of mind (really, an aspect of itself) to achieve the at-one-ment of the Monad and astro-animal man. The law used the "spark".

454. The "Law of Magnetic Control" is a law of *at-one-ment.*

455. Animal man was at-one-ed with his higher triad through the use of the spark of mind, even if that at-one-ment was a deeply recessed event, far from the perception of the consciousness of the newly-made individual.

Again we can see how it works. The monadic plane, the buddhic plane, and the astral plane are all three closely allied, and we find there the line of least resistance.

456. Here we have the essence of the 2-4-6 line of energy relation which is constantly brought forward in this teaching. It represents true subjectivity—the life-consciousness within the form. It is the *mystic* line rather than the *occult* line.

Hence the facility with which the mystic contacts the buddhic and even higher planes.

457. DK is hinting that the mystic can contact not only the buddhic plane but the monadic as well.

để thuần túy của cõi hồng trần). Sự phát triển của hiện thể cảm dục như một trường gần như độc lập đến sau này ở Atlantis.

453. Chúng ta có thể phán đoán rằng Thái dương Thiên Thần đã hoạt động dưới "định luật Kiểm Soát Từ Tính" khi nó sử dụng tia lửa trí tuệ (thực ra là một phương diện của chính nó) để đạt được sự hợp nhất giữa chân thần và người thú cảm dục. Định luật đã sử dụng "tia lửa" ấy.

454. "định luật Kiểm Soát Từ Tính" là một định luật của *sự hợp nhất.*

455. Người thú đã được hợp nhất với tam nguyên cao của y thông qua việc sử dụng tia lửa trí tuệ, cho dù sự hợp nhất ấy là một biến cố bị lùi sâu, xa khỏi sự nhận biết của tâm thức nơi cá nhân vừa mới được tạo thành.

Một lần nữa chúng ta có thể thấy nó hoạt động như thế nào. Cõi chân thần, cõi Bồ đề và cõi cảm dục cả ba đều liên minh chặt chẽ, và ở đó chúng ta tìm thấy con đường ít trở ngại nhất.

456. Ở đây chúng ta có tinh túy của tuyến liên hệ năng lượng 2-4-6 vốn liên tục được nêu bật trong giáo huấn này. Nó tượng trưng cho tính chủ quan đích thực—sự sống-tâm thức bên trong hình tướng. Đó là tuyến *thần bí* hơn là tuyến *huyền bí học*.

Do đó có sự dễ dàng mà nhà thần bí tiếp xúc với cõi Bồ đề và thậm chí cả các cõi cao hơn.

457. Chân sư DK đang gợi ý rằng nhà thần bí có thể tiếp xúc không chỉ cõi Bồ đề mà cả cõi chân thần nữa.

The lines of least resistance in the three systems are:

Các tuyến ít trở ngại nhất trong ba hệ là:

System

Hệ

I. Physical, mental, and atmic. The atmic was the highest point of achievement in that system.

I. Hồng trần, trí tuệ và atma. Atma là điểm thành tựu cao nhất trong hệ ấy.

458. And what was the highest degree of initiation possible in that system? We are probably not capable of assessing this. The following, however, shows us that the possible degree of attainment was not low. Was it Mastership?

458. Và cấp độ điểm đạo cao nhất khả hữu trong hệ ấy là gì? Có lẽ chúng ta không đủ khả năng để đánh giá điều này. Tuy nhiên, điều sau đây cho chúng ta thấy rằng cấp độ thành tựu khả hữu không hề thấp. Có phải là Chân sư quả không?

Certain of the sons of men, a nucleus who reached a very high initiation in a previous solar system, formed an esoteric group around the Logos when He decided upon further progress. (TCF 1265)

Một số những người con của nhân loại, một hạt nhân đã đạt đến một điểm đạo rất cao trong một hệ mặt trời trước, đã hình thành một nhóm huyền bí quanh Thượng đế khi Ngài quyết định tiến bộ thêm nữa. (TCF 1265)

II. Astral, buddhic and monadic.

II. Cảm dục, Bồ đề và chân thần.

III. Mental, atmic and logoic.

III. Trí tuệ, atma và logoic.

459. We can see the ascending pattern. It has sometimes been said that the monadic plane will be the (individual) foundation for the next solar system, but here we see that the mental plane is represented.

459. Chúng ta có thể thấy mô hình đi lên. Đôi khi người ta đã nói rằng cõi chân thần sẽ là nền tảng (cá nhân) cho hệ mặt trời kế tiếp, nhưng ở đây chúng ta thấy cõi trí tuệ được nêu ra.

Equally so in the next solar system, individualisation (if such an inadequate term may be applied to a state of consciousness inconceivable even to an initiate of the third Initiation) will not be possible until the second or sixth stage of Pleroma. **Consciousness will blaze forth then on the Monadic plane, and it will be the plane of individualisation.** All states of

Tương tự như vậy trong hệ mặt trời kế tiếp, sự biệt ngã hóa (nếu một thuật ngữ không đầy đủ như thế có thể được áp dụng cho một trạng thái tâm thức không thể nghĩ bàn ngay cả đối với một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ ba) sẽ không thể có cho đến giai đoạn thứ hai hay thứ sáu của Pleroma. **Khi ấy tâm thức sẽ bừng cháy trên cõi chân thần, và đó sẽ là cõi của sự biệt ngã hóa.**

consciousness below that high level will be to the Logos what the consciousness of the three worlds is to Him now. Just as the physical body of man is not a principle, so all planes at this time below the fourth cosmic ether are not considered by the Logos to be a principle. (TCF 688)

Mọi trạng thái tâm thức dưới cấp độ cao ấy sẽ đối với Thượng đế cũng như tâm thức của ba cõi giới đối với Ngài hiện nay. Cũng như thể xác của con người không phải là một nguyên khí, thì vào lúc này mọi cõi dưới dĩ thái vũ trụ thứ tư cũng không được Thượng đế xem là một nguyên khí. (TCF 688)

460. We definitely live in a buddhic solar system, in which the soft-line of energy is the line of least resistance.

460. Chúng ta chắc chắn đang sống trong một hệ mặt trời Bồ đề, trong đó tuyến mềm của năng lượng là con đường ít trở ngại nhất.

461. Even though the atmic, buddhic and manasic planes will not be considered principles, they will exist and will have their processes which will be part of the processes of the third solar system.

461. Dù các cõi atma, Bồ đề và manas sẽ không được xem là các nguyên khí, chúng vẫn sẽ tồn tại và sẽ có các tiến trình của chúng, là một phần trong các tiến trình của hệ mặt trời thứ ba.

Note the correspondence therefore to be seen between the fourth kingdom and the working of this, the fourth law. It is of vital moment in this fourth chain.

Vì vậy, hãy lưu ý sự tương ứng có thể thấy giữa giới thứ tư và sự vận hành của định luật thứ tư này. Điều này có tầm quan trọng thiết yếu trong dãy thứ tư.

462. Human beings who, at length in this solar system are to work from the buddhic plane, must wield the "Law of Magnetic Control". They are, thus, to become, in fairly large numbers, Masters of the Wisdom, reflecting the possibility that the Solar Logos will possibly achieve His fifth cosmic initiation in this system.

462. Những con người rốt cuộc trong hệ mặt trời này sẽ hoạt động từ cõi Bồ đề, phải vận dụng "Định luật Kiểm Soát Từ Tính". Do đó, với số lượng khá lớn, họ sẽ trở thành các Chân sư Minh triết, phản ánh khả năng rằng Thái dương Thượng đế có thể sẽ đạt tới lần điểm đạo vũ trụ thứ năm của Ngài trong hệ này.

As regards human evolution, this fourth law is of prime importance at this time. The aim of human endeavour [Page 585] is both to be controlled by this law, and likewise to wield it in service.

Xét về tiến hoá nhân loại, định luật thứ tư này có tầm quan trọng hàng đầu vào lúc này. Mục tiêu của nỗ lực nhân loại t [Page 585] vừa là được định luật này kiểm soát, vừa là vận dụng nó trong phụng sự.

463. If we are ever to wield this law in service we must first learn to be controlled by it. Following the Laws of the Soul would be a good first step in the process of acquiescing to this law.

463. Nếu chúng ta muốn có ngày vận dụng định luật này trong phụng sự, trước hết chúng ta phải học cách được nó kiểm soát. Đi theo các Định luật của Linh hồn sẽ là một

bước đầu tốt trong tiến trình thuận phục định luật này.

It is the law whereby sex expression, as we know it, is transmuted and elevated;

Đó là định luật nhờ đó sự biểu hiện tính dục, như chúng ta biết, được chuyển hoá và nâng cao;

464. The urge to physical union becomes the urge to soul union.

464. Thúc đẩy hướng tới sự kết hợp thể xác trở thành thúc đẩy hướng tới sự hợp nhất linh hồn.

sex is only the physical plane demonstration of the Law of Attraction; it is the working out of that law in the human kingdom, and in all the lower kingdoms, too.

tính dục chỉ là sự biểu hiện trên cõi hồng trần của Định luật Hấp Dẫn; đó là sự triển khai của định luật ấy trong giới nhân loại, và cả trong mọi giới thấp nữa.

465. Sex expression is very much related to the "Law of Love" on the astral plane. Love expressed through the personality form brings personality forms together—foundationally on the physical plane through sex.

465. Sự biểu hiện tính dục có liên hệ rất nhiều với "Định luật Bác Ái" trên cõi cảm dục. Tình thương được biểu lộ qua hình tướng phàm ngã đưa các hình tướng phàm ngã đến với nhau—về căn bản trên cõi hồng trần thông qua tính dục.

The love of all that breathes, and the attraction that works out in service, is the same thing as demonstrated in the Triad.

Tình thương đối với mọi loài hô hấp, và lực hấp dẫnđược triển khai trong phụng sự, cũng chính là điều được biểu lộ trong Tam nguyên tinh thần.

466. The Law of Attraction expressing as the "Law of Magnetic Control" demonstrates in the spiritual triad as the beautiful attitude expressed immediately above. This is the full expression of buddhi:

466. Định luật Hấp Dẫn biểu lộ thành "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" được chứng tỏ trong Tam Nguyên Tinh Thần như thái độ đẹp đẽ vừa được nêu ngay trên. Đây là sự biểu lộ trọn vẹn của Bồ đề:

a. The love of all that breathes

a. Tình thương đối với mọi loài hô hấp

b. Attraction that works out in service

b. Lực hấp dẫn được triển khai trong phụng sự

Sex expression, the coming together of two, becomes transmuted into the coming together of many for acts of service, which

Sự biểu hiện tính dục, sự đến với nhau của hai người, được chuyển hoá thành sự đến với nhau của nhiều người để thực hiện các hành

will give birth to new ideals, and to a new race—the spiritual.

vi phụng sự, điều sẽ sinh ra những lý tưởng mới, và một nhân loại mới—nhân loại tinh thần.

467. We clearly see the nature of the elevation of sex expression—how joy is multiplied on the buddhic plane under the "Law of Magnetic Control" through the coming together of many for acts of service and not just the coming together of two (either for pleasure or for an act of procreative service to the race).

467. Chúng ta thấy rõ bản chất của sự nâng cao biểu hiện tính dục—niềm vui được nhân lên như thế nào trên cõi Bồ đề dưới "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" thông qua sự đến với nhau của nhiều người để thực hiện các hành vi phụng sự chứ không chỉ là sự đến với nhau của hai người (hoặc vì khoái lạc hoặc vì một hành vi phụng sự sinh sản cho nhân loại).

468. We are also speaking of ideals related to Aquarianism. Aquarius is a sign which rules the "coming together of many for acts of service".

468. Chúng ta cũng đang nói đến những lý tưởng liên hệ với Bảo Bình tính. Bảo Bình là một dấu hiệu cai quản "sự đến với nhau của nhiều người để thực hiện các hành vi phụng sự".

469. Probably during the Age of Aquarius there will be a greater expression of the "Law of Magnetic Control" than is now possible and group idealism and group creativity will be much in evidence.

469. Có lẽ trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ có sự biểu lộ lớn hơn của "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" so với điều hiện nay có thể có, và chủ nghĩa lý tưởng nhóm cùng tính sáng tạo nhóm sẽ được biểu lộ rất rõ.

470. This is much different from 'personal, romantic idealism' and the coming together of personalities for purposes of procreativity.

470. Điều này rất khác với 'chủ nghĩa lý tưởng lãng mạn cá nhân' và sự đến với nhau của các phàm ngã vì mục đích sinh sản.

Here I might point out a numerical fact that may be of interest in connection with the fourth hierarchy. This human hierarchy is the fourth, as we know, yet if we count the five hierarchies that have passed on, it is in reality the ninth.

Ở đây tôi có thể chỉ ra một sự kiện số học có thể đáng quan tâm liên quan đến huyền giai thứ tư. Huyền giai nhân loại này là thứ tư, như chúng ta biết, nhưng nếu tính năm huyền giai đã đi qua, thì trên thực tế nó là thứ chín.

471. This point has been emphasized. The numbers for the Fourth Creative Hierarchy are 9.4.4. (cf. EA 35)

471. Điểm này đã được nhấn mạnh. Các con số của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư là 9.4.4. (xem EA 35)

Nine is the number of initiation, the number of the adept, and of the man who functions in his buddhic vehicle.

Chín là con số của điểm đạo, con số của chân sư, và của con người hoạt động trong vận cụ Bồ đề của mình.

472. We may be familiar with the idea that nine is the number of initiation, but why should it be the "number of the adept"? Eleven, we are told, is the number of the initiate.

472. Chúng ta có thể quen thuộc với ý tưởng rằng chín là con số của điểm đạo, nhưng tại sao nó lại là "con số của chân sư"? Chúng ta được bảo rằng mười một là con số của điểm đạo đồ.

473. The buddhic vehicle is on the ninth plane counting 'downwards' from the third sub-plane of the cosmic astral plane.

473. Vận cụ Bồ đề ở trên cõi thứ chín nếu đếm 'đi xuống' từ cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục vũ trụ.

474. One who has passed through nine initiations is certainly higher than an "adept" as we usually consider the meaning of that term, yet even such a very high Initiate is an "Adept" from a higher point of view.

474. Người đã đi qua chín lần điểm đạo chắc chắn cao hơn một "chân sư" theo cách chúng ta thường hiểu thuật ngữ ấy, tuy nhiên ngay cả một Điểm đạo đồ rất cao như thế vẫn là một "Chân sư" từ một quan điểm cao hơn.

475. Nine is the number of consciousness and seven, of form. On the buddhic plane, consciousness is fulfilled and man as adept is fulfilled.

475. Chín là con số của tâm thức và bảy là con số của hình tướng. Trên cõi Bồ đề, tâm thức được hoàn tất và con người với tư cách chân sư cũng được hoàn tất.

476. The "adept" is the Master and the Master, we have been told, is One Who functions fully through His buddhic vehicle. These are some ways to think about what is stated.

476. "Chân sư" là Chân sư, và Chân sư, như chúng ta đã được bảo, là Đấng hoạt động trọn vẹn qua vận cụ Bồ đề của Ngài. Đó là một vài cách để suy nghĩ về điều được phát biểu.

477. From another perspective, nine is the number of the third ray (the "Ray of Adaptability"), hence, perhaps, its association with the Adept (One Whose level of adaptability to the requirements of the three lower worlds is masterful).

477. Từ một góc nhìn khác, chín là con số của cung ba ("Cung của sự Thích Ứng"), do đó có lẽ nó liên hệ với Chân sư (Đấng có mức độ thích ứng với các đòi hỏi của ba cõi thấp một cách bậc thầy).

The fourth Ray also operates in close connection with the fourth Law. It is the Ray of Harmony or Beauty—Harmony

Cung bốn cũng hoạt động trong liên hệ mật thiết với Định luật thứ tư. Đó là Cung của Hài Hòa hay Mỹ Lệ—Hài hòa thông qua kiểm

through control, that control entailing the knowledge of wisdom.

478. How is harmony achieved—through *control.* The right kind of control entails wisdom. We see that the kind of control to be exerted through the "Law of Magnetic Control" is made possible by the *wisdom* to be gathered from the buddhic plane—the plane of wisdom.

479. If there is to be real harmony, there must be both control and wisdom—in fact, wise control. Harmony is achieved through the application of the "Law of Magnetic Control".

It is the harmony of similarity;

480. On the buddhic plane, that which all things have in common is perceived and is emphasized in acts of harmonization.

it is the equilibrising of all through the realisation of the laws of magnetism that produce the co-ordination of the many diverse into the one homogeneous;

481. Hamonization entails the equilibrizing of all. How is this achieved? Through the realization of the laws of magnetism. This realization helps to produce the co-ordination of the many diverse into the one homogeneous.

482. From another perspective, "Two Merge With One"—"Two" standing for all diversity and "One", standing for the Oneness which ever exists.

483. There is much active intelligence required in acts of harmonization. We

soát, mà sự kiểm soát ấy bao hàm tri thức về minh triết.

478. Hài hòa được đạt tới như thế nào—thông qua *kiểm soát.* Loại kiểm soát đúng đắn bao hàm minh triết. Chúng ta thấy rằng loại kiểm soát sẽ được vận dụng thông qua "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" được làm cho khả hữu nhờ *minh triết* được thu nhận từ cõi Bồ đề—cõi của minh triết.

479. Nếu phải có hài hòa thực sự, thì phải có cả kiểm soát lẫn minh triết—thật ra là sự kiểm soát minh triết. Hài hòa được đạt tới thông qua việc áp dụng "Định luật Kiểm Soát Từ Tính".

Đó là sự hài hòa của tính tương đồng;

480. Trên cõi Bồ đề, điều mà mọi sự vật đều có chung được tri giác và được nhấn mạnh trong các hành vi hài hòa hóa.

đó là sự quân bình hóa mọi sự thông qua sự chứng nghiệm các định luật của từ điện, vốn tạo ra sự phối hợp của nhiều điều dị biệt thành một thể đồng nhất;

481. Sự hài hòa hóa bao hàm sự quân bình hóa mọi sự. Điều này được thực hiện như thế nào? Thông qua sự chứng nghiệm các định luật của từ điện. Sự chứng nghiệm này giúp tạo ra sự phối hợp của nhiều điều dị biệt thành một thể đồng nhất.

482. Từ một góc nhìn khác, "Hai Hợp Nhất Với Một"—"Hai" tượng trưng cho mọi dị biệt và "Một" tượng trưng cho Nhất Thể vốn luôn hiện hữu.

483. Có rất nhiều trí tuệ hoạt động cần thiết trong các hành vi hài hòa hóa. Chúng ta nhớ rằng Cung Bốn của Hài Hòa qua Xung Đột là

remember that the Fourth Ray of Harmony through Conflict is a Ray subsidiary to the great Ray of Creative Intelligence.

một cung phụ thuộc vào đại Cung của Trí Tuệ Sáng Tạo.

484. We find also, the power of the harmonizing sign Libra suggested in the process of equilibrizing.

484. Chúng ta cũng thấy quyền năng của dấu hiệu hài hòa Thiên Bình được gợi ý trong tiến trình quân bình hóa.

485. We begin to see that a type of homogeneity is to be achieved on the buddhic plane—the Plane of Harmony.

485. Chúng ta bắt đầu thấy rằng một loại đồng nhất tính sẽ được đạt tới trên cõi Bồ đề —Cõi của Hài Hòa.

magnetism governs the synthesis of the many aspects into a form of unity.

từ điện chi phối sự tổng hợp của nhiều phương diện thành một hình thức hợp nhất.

486. We see the close relation existing between the fourth ray and the second—between the "Law of Magnetic Control" and the "Law of Cohesion" (which expresses the Will-to-Unify).

486. Chúng ta thấy mối liên hệ mật thiết hiện hữu giữa cung bốn và cung hai—giữa "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" và "Định luật Cố Kết" (định luật biểu lộ Ý Chí-hướng Hợp Nhất).

487. We are alerted to the thought that "unity" may have a number of forms. It can be safely said that different forms of unity are achieved on each of the levels of the cosmic etheric plane.

487. Chúng ta được gợi mở tới ý nghĩ rằng "hợp nhất" có thể có một số hình thức. Có thể nói một cách chắc chắn rằng những hình thức hợp nhất khác nhau được đạt tới trên mỗi cấp độ của cõi dĩ thái vũ trụ.

This harmony is reached through the fifth plane, and the fifth Ray of Concrete Knowledge acts as a step to the fourth, **for many who work on the fifth Ray pass eventually to the fourth.**

Sự hài hòa này đạt được thông qua cõi thứ năm, và cung năm của Tri Thức Cụ Thể hoạt động như một bước tiến tới cung bốn, **vì nhiều người hoạt động trên cung năm rốt cuộc chuyển sang cung bốn.**

488. This is a very interesting statement. The new way of aligning with the plane of harmonization—the buddhic plane—is through the meditation of the illumined mind.

488. Đây là một phát biểu rất thú vị. Con đường mới để chỉnh hợp với cõi hài hòa hóa —cõi Bồ đề—là thông qua tham thiền của trí tuệ được soi sáng.

489. The astral approach to harmonization is not sufficient, even though the astral and buddhic planes are numerically resonant.

489. Cách tiếp cận cảm dục đối với sự hài hòa hóa là không đủ, dù cho cõi cảm dục và cõi Bồ đề có sự cộng hưởng về mặt số học. Trí tuệ tham thiền, được soi sáng phải được

The meditative, illumined mind must be involved is the achieved harmony is to endure. Knowledge of the laws of harmony requires the mind.

tham dự nếu sự hài hòa đạt được muốn bền vững. Tri thức về các định luật của hài hòa đòi hỏi trí tuệ.

490. Five passes to four; the concrete mental focus of man passes through higher mental focus on its way to buddhic focus.

490. Năm chuyển sang bốn; sự tập trung trí tuệ cụ thể của con người đi qua sự tập trung thượng trí trên đường tiến tới sự tập trung Bồ đề.

491. What does it mean that "many who work on the fifth Ray pass eventually to the fourth"? Is DK speaking of personalities and personality rays. Such a passage from a cycle of many incarnations upon the fifth ray as the predominant personality ray, to cycles wherein the fourth ray is more prominent as the ray conditioning the personality is certainly possible. We know little of the patterns of personality cycles over the long period of incarnated, human life.

491. Điều đó có nghĩa gì khi nói rằng "nhiều người hoạt động trên cung năm rốt cuộc chuyển sang cung bốn"? Có phải Chân sư DK đang nói về các phàm ngã và các cung phàm ngã chăng. Một sự chuyển dịch như vậy từ một chu kỳ nhiều kiếp sống trên cung năm như cung phàm ngã trội vượt, sang những chu kỳ trong đó cung bốn nổi bật hơn như cung tác động lên phàm ngã, chắc chắn là có thể. Chúng ta biết rất ít về các mô hình của những chu kỳ phàm ngã trong suốt thời kỳ dài của đời sống nhân loại đang lâm phàm.

492. However, might DK be speaking of still higher levels of the human energy system?

492. Tuy nhiên, liệu Chân sư DK có thể đang nói về những cấp độ còn cao hơn của hệ thống năng lượng con người không?

493. If so, it will be necessary to consider that fifth ray souls do not (at least usually) pass to the fourth ray. If, however, the sub-ray of the Monad is the fifth (with a focus, perhaps, on the fifth sub-plane of the monadic plane) then there might be a passing to a fourth sub-ray of the Monad (located, perhaps, upon the fourth sub-plane of the monadic plane). About this we cannot be sure. Until further knowledge is available, we will simply have to take the statement at face value.

493. Nếu vậy, cần phải xét rằng các linh hồn cung năm không chuyển sang cung bốn (ít nhất thường là như vậy). Tuy nhiên, nếu cung phụ của chân thần là cung năm (có lẽ với một sự tập trung trên cõi phụ thứ năm của cõi chân thần) thì có thể có một sự chuyển sang cung phụ thứ tư của chân thần (có lẽ nằm trên cõi phụ thứ tư của cõi chân thần). Về điều này chúng ta không thể chắc chắn. Cho đến khi có thêm tri thức, chúng ta đơn giản sẽ phải chấp nhận phát biểu ấy theo nghĩa bề mặt của nó.

494. The idea of the passage from the fifth ray to the fourth ray does, however, describe the progress of mankind which is presently focussed within its fifth ray personality and

494. Tuy nhiên, ý tưởng về sự chuyển từ cung năm sang cung bốn quả thực mô tả sự tiến bộ của nhân loại, hiện đang tập trung trong cung phàm ngã cung năm của mình và

will one day be focussed in its fourth ray soul.

một ngày kia sẽ tập trung trong cung linh hồn cung bốn của mình.

In this system the fifth Ray is of paramount importance in the development of all egos.

Trong hệ này, cung năm có tầm quan trọng tối cao trong sự phát triển của mọi chân ngã.

495. Egos develop upon the fifth systemic plane (the mental plane) and are substanded by the members of the Fifth Creative Hierarchy.

495. Các chân ngã phát triển trên cõi hệ thống thứ năm (cõi trí) và được các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm nâng đỡ.

496. We are speaking of the transference from manas to buddhi.

496. Chúng ta đang nói về sự chuyển dịch từ manas sang Bồ đề.

Each must pass some time on it before definitely remaining on his monadic Ray.

Mỗi người phải trải qua một thời gian trên đó trước khi dứt khoát an trụ trên cung chân thần của mình.

497. This also is a fascinating statement. It seems, in this instance, at least, that we are speaking of the personality level, for not all can be fifth ray souls, yet all can and will express through fifth ray personalities or fifth ray minds.

497. Đây cũng là một phát biểu hấp dẫn. Dường như, ít nhất trong trường hợp này, chúng ta đang nói về cấp độ phàm ngã, vì không phải tất cả đều có thể là linh hồn cung năm, nhưng tất cả đều có thể và sẽ biểu lộ qua các phàm ngã cung năm hoặc các trí tuệ cung năm.

498. It might be said that the fifth systemic law, the "Law of Fixation" contributes to that focus upon the higher mental plane which makes it possible for a man to remain focussed on his monadic Ray.

498. Có thể nói rằng định luật hệ thống thứ năm, "Định luật Cố Định", góp phần vào sự tập trung ấy trên Cõi thượng trí, điều làm cho con người có thể an trụ trên cung chân thần của mình.

499. The simple way to think of this is that well-established soul focus is required before stable monadic focus is possible. One must express stably as a soul before it is possible to express as a Monad.

499. Cách đơn giản để nghĩ về điều này là: cần có sự tập trung linh hồn được thiết lập vững chắc trước khi có thể có sự tập trung chân thần ổn định. Người ta phải biểu lộ ổn định như một linh hồn trước khi có thể biểu lộ như một chân thần.

In many incarnations much time is spent on the fifth subplane of each plane, which is governed principally by the fifth Ray.

Trong nhiều kiếp sống, nhiều thời gian được trải qua trên cõi phụ thứ năm của mỗi cõi, cõi này được chi phối chủ yếu bởi cung năm.

500. The fifth sub-plane of each plane is not governed *completely* by the fifth ray but "principally" so.

500. Cõi phụ thứ năm của mỗi cõi không bị chi phối *hoàn toàn* bởi cung năm mà chỉ "chủ yếu" như vậy.

501. The fifth sub-plane of each plane is also governed by the third ray. Much depends upon the order of our counting the sub-planes.

501. Cõi phụ thứ năm của mỗi cõi cũng được chi phối bởi cung ba. Nhiều điều tùy thuộc vào thứ tự chúng ta đếm các cõi phụ.

502. So that knowledge may grow, time is spent on the fifth sub-plane. Knowledge must precede the descent of intuition; the acquisition of facts must precede a synthetic approach to those facts (as will occur under buddhi and the fourth ray).

502. Để tri thức có thể tăng trưởng, thời gian được trải qua trên cõi phụ thứ năm. Tri thức phải đi trước sự giáng xuống của trực giác; sự thu nhận các sự kiện phải đi trước một cách tiếp cận tổng hợp đối với các sự kiện ấy (như sẽ xảy ra dưới Bồ đề và cung bốn).

All pass [Page 586] **then on the fourth subplane governed by the fourth Ray, and in this particular period of the fourth round in the fourth chain, more time is spent on the fourth subplane by evolving Egos than on any other.**

Tất cả đều đi qua [Page 586] **rồi đến cõi phụ thứ tư do cung bốn chi phối, và trong giai đoạn đặc biệt này của cuộc tuần hoàn thứ tư trong dãy thứ tư, các Chân ngã đang tiến hoá dành nhiều thời gian trên cõi phụ thứ tư hơn bất kỳ cõi nào khác.**

503. Though much time is spent on the *fifth* sub-plane of every plane, even *more* time is spent on the fourth—due to the numerical emphasis of the number four in this fourth round and fourth chain.

503. Dù nhiều thời gian được trải qua trên cõi phụ *thứ năm* của mọi cõi, thì còn *nhiều hơn* thời gian được trải qua trên cõi phụ thứ tư—do sự nhấn mạnh về số học của số bốn trong cuộc tuần hoàn thứ tư và dãy thứ tư này.

504. On the fourth sub-plane, many factors are harmonized and brought into unitive interplay. Our planet is a very difficult sphere and much time is need in which to pursue the process of "Harmony through Conflict".

504. Trên cõi phụ thứ tư, nhiều yếu tố được hài hòa hóa và được đưa vào sự tương tác hợp nhất. Hành tinh của chúng ta là một khối cầu rất khó khăn và cần nhiều thời gian để theo đuổi tiến trình "Hài Hòa qua Xung Đột".

505. When we speak of spending time on the fourth sub-plane, we can be speaking of all three fourth sub-planes to be found within the personality:

505. Khi nói đến việc trải qua thời gian trên cõi phụ thứ tư, chúng ta có thể đang nói đến cả ba cõi phụ thứ tư được tìm thấy trong phàm ngã:

a. The fourth ether

b. The fourth sub-plane of the astral plane

c. The fourth sub-plane of the mental plane where discrimination is learned.

Many come into incarnation directly on to this plane, and it is here that they begin to think harmoniously.

506. The implication is that it is possible to change sub-planes during a particular life—for instance, moving from the fifth to the fourth.

507. DK has said how important is the fourth ray mind to His work. It can be presumed that those with a fourth ray mind are focussing principally on the fourth sub-plane of the mental plane.

a. Cõi dĩ thái thứ tư

b. Cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục

c. Cõi phụ thứ tư của cõi trí, nơi sự phân biện được học hỏi.

Nhiều người đi vào lâm phàm trực tiếp trên cõi này, và chính ở đây họ bắt đầu suy nghĩ một cách hài hòa.

506. Hàm ý ở đây là có thể thay đổi các cõi phụ trong một đời sống nhất định—chẳng hạn, chuyển từ cõi phụ thứ năm sang cõi phụ thứ tư.

507. Chân sư DK đã nói công việc của Ngài cần trí tuệ cung bốn đến mức nào. Có thể giả định rằng những người có trí tuệ cung bốn đang tập trung chủ yếu trên cõi phụ thứ tư của cõi trí.

TCF 586 - 600: S6S3

26 October – 10 November 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

26 tháng 10 – 10 tháng 11 năm 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình giải này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

The Laws in the Three Worlds.—We will now take up and briefly study the three most important laws affecting the evolving human being, as he lives his life in the three worlds. These laws are:

1. The Law of Fixation.

2. The Law of Love.

3. The Law of Sacrifice and Death.

1. We are to gather that the first four laws studied in the previous section—

a. The "Law of Vibration"

b. The "Law of Cohesion"

c. The "Law of Disintegration"

d. The "Law of Magnetic Control"

relating primarily to the logoic, monadic, atmic and buddhic planes respectively, do not affect the human being as he lives his life in the three worlds.

2. The systemic laws now under discussion relate to the three lower planes of the lower three worlds whereon the average human being is focussed.

These laws are all dominated and controlled eventually by the three higher laws in the system—the Laws of Magnetic Control, of Disintegration, and of Cohesion.

3. We note that the "Law of Vibration" is not mentioned as a law controlling one of the

Các Định luật trong ba cõi giới.—Bây giờ chúng ta sẽ đề cập và nghiên cứu ngắn gọn ba định luật quan trọng nhất ảnh hưởng đến con người đang tiến hoá, khi y sống cuộc đời mình trong ba cõi giới. Những định luật này là:

1. Định luật của Cố Định.

2. Định luật của Bác Ái.

3. Định luật của Hi Sinh và Tử Vong.

1. Chúng ta phải hiểu rằng bốn định luật đầu tiên đã được nghiên cứu trong phần trước—

a. "Định luật Rung Động"

b. "Định luật Cố Kết"

c. "Định luật Tan Rã"

d. "Định luật Kiểm Soát Từ Tính"

liên hệ chủ yếu lần lượt với các cõi logoic, chân thần, atma và Bồ đề, không ảnh hưởng đến con người khi y sống cuộc đời mình trong ba cõi giới.

2. Các định luật hệ thống hiện đang được bàn đến liên hệ với ba cõi thấp của ba cõi thấp, nơi con người trung bình tập trung.

Rốt cuộc, tất cả các định luật này đều bị ba định luật cao hơn trong hệ chi phối và kiểm soát—các Định luật của Kiểm Soát Từ Tính, của Tan Rã, và của Cố Kết.

3. Chúng ta lưu ý rằng "Định luật Rung Động" không được nhắc đến như một định

lower three laws. even though it is the highest of the laws of the solar system.

luật kiểm soát một trong ba định luật thấp hơn, mặc dù nó là định luật cao nhất trong các định luật của hệ mặt trời.

4. It is evident that the laws mentioned (Magnetic Control, Disintegration and Cohesion) are not *all* of the three higher laws in the system. The "Law of Vibration" is missing and it is the highest of the laws of the solar system.

4. Rõ ràng là các định luật được nêu ra (Kiểm Soát Từ Tính, Tan Rã và Cố Kết) không phải là *toàn bộ* ba định luật cao hơn trong hệ. "Định luật Rung Động" vắng mặt và đó là định luật cao nhất trong các định luật của hệ mặt trời.

5. Can we compare the three lower with the three higher laws here mentioned?

5. Liệu chúng ta có thể so sánh ba định luật thấp hơn với ba định luật cao hơn được nêu ở đây không?

6. The "Law of Magnetic Control", we were told, directly affects the Ego functioning through the causal body. Will this mean that it will control the "Law of Fixation"?

6. Chúng ta đã được bảo rằng "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" trực tiếp ảnh hưởng đến chân ngã hoạt động qua thể nguyên nhân. Điều này có nghĩa là nó sẽ kiểm soát "Định luật Cố Định" chăng?

On the plane of buddhi, as the law of magnetic control. It shows itself as the love-wisdom aspect, irradiating the ego, and eventually gathering to itself the essence of all experience, garnered, via the Ego, through the personality lives, and controlled throughout from the plane of buddhi. (TCF 576)

Trên cõi Bồ đề, như định luật kiểm soát từ tính. Nó biểu lộ như phương diện bác ái-minh triết, chiếu rọi chân ngã, và rốt cuộc thu hút về cho chính nó tinh chất của mọi kinh nghiệm, được tích lũy, qua chân ngã, thông qua các đời sống phàm ngã, và được kiểm soát xuyên suốt từ cõi Bồ đề. (TCF 576)

7. We have already, seen, however that along the 2-4-6 line, the "Law of Magnetic Control" could be linked to the "Law of Love".

7. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng theo tuyến 2-4-6, "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" có thể được liên kết với "Định luật Bác Ái".

8. We have also seen that there is a direct connection between the "Law of Disintegration" and the "Law of Sacrifice and Death".

8. Chúng ta cũng đã thấy rằng có một liên hệ trực tiếp giữa "Định luật Tan Rã" và "Định luật Hi Sinh và Tử Vong".

We can trace the connection between the atmic and the physical plane (demonstrating on the lower plane as the law of sacrifice and death)... (TCF 581)

Chúng ta có thể truy ra mối liên hệ giữa cõi atma và cõi hồng trần (biểu lộ trên cõi thấp như định luật hi sinh và tử vong)... (TCF 581)

This law links itself to the third law, that of Disintegration following the connection that always exists between the atmic and the physical plane. (TCF 596)

Định luật này tự liên kết với định luật thứ ba, tức định luật Tan Rã, theo mối liên hệ luôn tồn tại giữa cõi atma và cõi hồng trần. (TCF 596)

9. This might leave the "Law of Cohesion" to be paired with the "Law of Love".

9. Điều này có thể để lại "Định luật Cố Kết" được ghép cặp với "Định luật Bác Ái".

10. If what is here suggested is true, the method of pairing is not symmetrical.

10. Nếu điều được gợi ý ở đây là đúng, thì phương pháp ghép cặp không đối xứng.

There is a direct connection between these seven laws and the seven Rays or Vibrations, and if we study the correspondence we shall recognise the fact that the first law, that of Vibration, is the controlling law of the six, **demonstrating through the second law, that of Cohesion,** just as the solar Logos is at this time manifesting Himself through His second aspect in this the second solar system.

Có một liên hệ trực tiếp giữa bảy định luật này và bảy cung hay các Rung Động, và nếu chúng ta nghiên cứu sự tươngứng, chúng ta sẽ nhận ra sự kiện rằng định luật thứ nhất, tức định luật Rung Động, là định luật kiểm soát của sáu định luật kia, **biểu lộ qua định luật thứ hai, tức định luật Cố Kết,** cũng như Thái dương Thượng đế vào lúc này đang biểu lộ chính Ngài qua phương diện thứ hai của Ngài trong hệ mặt trời thứ hai này.

11. It is obvious that the seven laws and the seven rays are correlated.

11. Rõ ràng là bảy định luật và bảy cung có tương quan với nhau.

12. It is significant that the "seven Rays" are called "Vibrations". This links the seven rays to the seven fundamental vibrations or frequencies on the atomic sub-plane of each systemic plane.

12. Điều có ý nghĩa là "bảy cung" được gọi là "các Rung Động". Điều này liên kết bảy cung với bảy rung động hay tần số căn bản trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống.

13. DK makes an analogy which connects the Solar Logos with the "Law of Vibration" and the second aspect of the solar system (through which the Solar Logos demonstrates) with the "Law of Cohesion".

13. Chân sư DK đưa ra một phép loại suy nối kết Thái dương Thượng đế với "Định luật Rung Động" và phương diện thứ hai của hệ mặt trời (qua đó Thái dương Thượng đế biểu lộ) với "Định luật Cố Kết".

14. We have seen that the Solar Logos manifests particularly in relation to the first systemic plane (just as the Planetary Logoi manifest primarily through the second systemic plane). Since the "Law of Vibration" correlates with the first systemic plane, a relation exists between it and the power of the Solar Logos.

14. Chúng ta đã thấy rằng Thái dương Thượng đế biểu lộ đặc biệt trong liên hệ với cõi hệ thống thứ nhất (cũng như các Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ chủ yếu qua cõi hệ thống thứ hai). Vì "Định luật Rung Động" tương quan với cõi hệ thống thứ nhất, nên có một mối liên hệ giữa nó và quyền năng của Thái dương Thượng đế.

15. There is a fundamental simplicity operating through the "Law of Vibration"; all other laws are based upon the tempo or frequency of vibration. Both attraction and separation are based on difference in frequency.

15. Có một sự đơn giản căn bản vận hành qua "Định luật Rung Động"; mọi định luật khác đều dựa trên nhịp độ hay tần số rung động. Cả hấp dẫn lẫn phân ly đều dựa trên sự khác biệt về tần số.

The first Ray of Will or Power is the first aspect of the All-self,

Cung một của Ý Chí hay Quyền Năng là phương diện thứ nhất của Đại Ngã,

16. In this context the "All-self" seems to be the Solar Logos, the God of the immediate 'universe' in which we live and move and have our being.

16. Trong ngữ cảnh này, "Đại Ngã" dường như là Thái dương Thượng đế, Thượng đế của 'vũ trụ' trực tiếp mà trong đó chúng ta sống, vận động và tồn tại.

and in the third outpouring, [83] came [Page 587] down to the fifth plane, along with the other monads.

và trong lần tuôn đổ thứ ba, 83 đã đi xuống [Page 587] đến cõi thứ năm, cùng với các chân thần khác.

17. There is a close connection between the first and fifth rays. This is seen in the Tetraktys. It is also understood by the fact that fifth ray egos when refocussing on one of the Rays of Aspect, merge along the first ray line of force and become first ray egos.

17. Có một liên hệ mật thiết giữa cung một và cung năm. Điều này được thấy trong Tetraktys. Điều đó cũng được hiểu qua sự kiện rằng các chân ngã cung năm khi tái tập trung trên một trong Các Cung Trạng Thái, sẽ hợp nhất theo tuyến mãnh lực cung một và trở thành các chân ngã cung một.

18. The first Ray of Will or Power 'descended' to the fifth plane, the mental plane. DK seems to be calling this first ray a 'Monad' because He says the Ray "came down to the fifth plane, along with the other

18. Cung một của Ý Chí hay Quyền Năng đã "giáng xuống" cõi thứ năm, cõi trí. Chân sư DK dường như đang gọi cung một này là một "Monad" vì Ngài nói rằng Cung ấy "đã giáng xuống cõi thứ năm, cùng với các monad

monads". Of course, every E/entity is essentially a Monad.

19. Below is the diagram of "The Three Outpourings"

khác". Dĩ nhiên, mọi E/thực thể về bản chất đều là một Monad.

19. Dưới đây là sơ đồ về "Ba Lần Tuôn Đổ"

CHART II

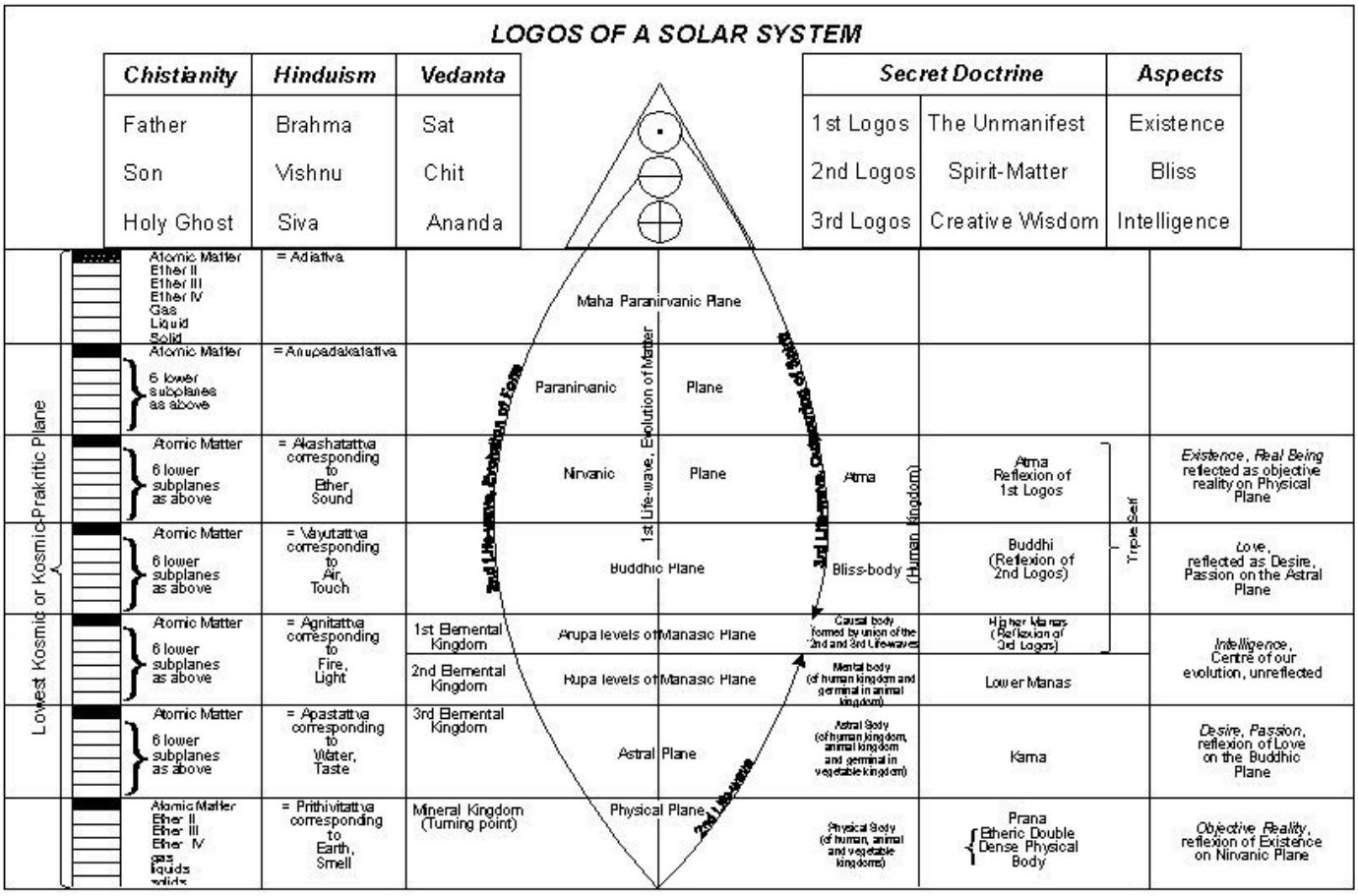

From "The Theosophist" for January, 1900.

FOOTNOTE [83]:

The Three Outpourings. "In the diagram the symbols of the three Aspects (of the Logos) are placed outside of time and space, and only the streams of influence from them descend into our system of planes....

20. Our "system of planes" is considered the seven solar planes of the cosmic physical plane.

FOOTNOTE 83:

Ba Lần Tuôn Đổ. "Trong sơ đồ này, các biểu tượng của ba Phương diện (của Logos) được đặt ra ngoài thời gian và không gian, và chỉ các dòng ảnh hưởng từ các Ngài mới giáng xuống hệ thống các cõi của chúng ta....

20. "Hệ thống các cõi" của chúng ta được xem là bảy cõi thái dương của cõi hồng trần vũ trụ.

21. It is as if DK considers the worlds of time and space to be all that transpires upon the cosmic physical plane.

21. Dường như Chân sư DK xem các thế giới của thời gian và không gian là toàn bộ những gì diễn ra trên cõi hồng trần vũ trụ.

22. The "Kosmic" planes in this diagram are the planes we name as the cosmic physical plane, the cosmic astral plane, the cosmic mental plane, etc.

22. Các cõi "Kosmic" trong sơ đồ này là những cõi mà chúng ta gọi là cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ, cõi trí vũ trụ, v.v.

23. The three symbols for the Three Logoi are "placed outside of time and space" but 'where'? Probably it is possible to trace the origin of these streams of influence to the cosmic monadic plane. This would be a cosmic 'location' far 'above' anything illustrated in the early Theosophical literature.

23. Ba biểu tượng cho Ba Logos được "đặt ra ngoài thời gian và không gian", nhưng ở "đâu"? Có lẽ có thể truy nguyên nguồn gốc của các dòng ảnh hưởng này về cõi chân thần vũ trụ. Đây sẽ là một "vị trí" vũ trụ ở rất "cao" hơn bất cứ điều gì được minh họa trong văn liệu Thông Thiên Học thời kỳ đầu.

They represent in due order what are commonly called the three Persons of the Trinity....

Chúng lần lượt biểu thị điều mà người ta thường gọi là ba Ngôi của Tam Vị....

24. These Three Persons are diagramed in Chart XIII (TCF 1238-1239). There They are seen as subsidiary to the Solar Logos (the "All-self" in this context).

24. Ba Ngôi này được vẽ trong Biểu đồ XIII (TCF 1238-1239). Ở đó, Các Ngài được thấy là phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế (Đấng "Đại Ngã" trong ngữ cảnh này).

It will be seen that from each of them an outpouring of life or force is projected into the planes below.

Cần lưu ý rằng từ mỗi Ngài, một lần tuôn đổ của sự sống hay mãnh lực được phóng chiếu vào các cõi bên dưới.

25. We are speaking of developments which occur strictly in relation to the lowest of the "Kosmic" planes, the cosmic physical plane. Upon these seven solar planes all of humanity's presently conceivable development occurs. Humanity's inconceivable development will take place on planes 'above' the cosmic physical but, then, humanity will not be "humanity", per se.

25. Chúng ta đang nói về những phát triển xảy ra hoàn toàn trong tương quan với cõi thấp nhất của các cõi "Kosmic", tức cõi hồng trần vũ trụ. Trên bảy cõi thái dương này diễn ra toàn bộ sự phát triển mà nhân loại hiện nay có thể hình dung. Sự phát triển mà nhân loại không thể hình dung sẽ diễn ra trên các cõi "cao" hơn cõi hồng trần vũ trụ; nhưng khi đó, nhân loại sẽ không còn là "nhân loại", chính nó nữa.

The first of these in order is the straight line which descends from the third Aspect;

26. This is the descent of Fohat in seven streams of force creating the diversified matter of the atomic sub-planes of the seven solar planes.

the second is that part of the large oval which lies on our left hand—the stream which descends from the second Aspect until it has touched the lowest point in matter, and then rises again up the side on our right hand until it reaches the lower mental level.

27. This is the outgoing and incoming journey of the Vishnu or form-building aspect. The returning or evolutionary part of the oval is, in a way, incomplete. It does not rise beyond the lower mental plane.

It will be noted that in both of these outpourings the divine life becomes darker and more veiled as it descends into matter, until at the lowest point we might almost fail to recognise it as divine life at all; but as it rises again when it has passed its nadir it shows itself somewhat more clearly.

28. This darkening and subsequent lightening after the returning arc is begun is apparently not depicted on this diagram. The assertion, however, makes sense and is commonly credited as true. Perhaps as this diagram appears in *The Christian Creed* the darkening and lightening are depicted.

The third outpouring which descends from the highest aspect of the Logos differs from the others in that it is in no way

Lần tuôn đổ đầu tiên theo thứ tự là đường thẳng đi xuống từ Phương diện thứ ba;

26. Đây là sự giáng xuống của Fohat trong bảy dòng mãnh lực, tạo ra vật chất đa dạng của các cõi phụ nguyên tử thuộc bảy cõi thái dương.

lần thứ hai là phần của hình bầu dục lớn nằm bên tay trái chúng ta—dòng đi xuống từ Phương diện thứ hai cho đến khi chạm điểm thấp nhất trong vật chất, rồi lại đi lên phía bên tay phải cho đến khi đạt tới cấp độ hạ trí.

27. Đây là hành trình đi ra và quay về của phương diện Vishnu hay phương diện kiến tạo hình tướng. Phần quay về hay phần tiến hoá của hình bầu dục, theo một nghĩa nào đó, là chưa hoàn tất. Nó không vươn lên vượt quá cõi hạ trí.

Cần lưu ý rằng trong cả hai lần tuôn đổ này, sự sống thiêng liêng trở nên tối hơn và bị che phủ nhiều hơn khi giáng xuống vật chất, cho đến tại điểm thấp nhất chúng ta gần như không còn nhận ra đó là sự sống thiêng liêng nữa; nhưng khi nó lại đi lên sau khi đã vượt qua điểm cực hạ của mình, nó biểu lộ phần nào rõ ràng hơn.

28. Sự tối đi này và sự sáng lên tiếp theo sau khi cung quay về bắt đầu dường như không được mô tả trong sơ đồ này. Tuy nhiên, khẳng định ấy là hợp lý và thường được công nhận là đúng. Có lẽ khi sơ đồ này xuất hiện trong *Tín Điều Cơ Đốc* thì sự tối đi và sáng lên ấy được mô tả.

Lần tuôn đổ thứ ba giáng xuống từ phương diện cao nhất của Logos khác với các lần kia ở chỗ nó hoàn toàn không bị vật chất

clouded by the matter through which it passes, but retains its virgin purity and splendour untarnished.

29. Another way of saying this is, that in its descent, the splendor of the Monad is uncompromised by the lowering frequencies of the dimensions through which it passes.

It will be noted that this outpouring descends only to the level of the buddhic plane (the fourth plane) and that the link between the two is formed by a triangle in a circle, representing the individual soul of man—the reincarnating ego.

30. It now becomes evident that the diagram of the Three Outpourings available in the text, *A Treatise on Cosmic Fire* is not the same as the one being reference from *The Christian Creed.* No triangle and circle are to be found. However the symbol mentioned suggests the Ego within the causal body and is found on another TCF diagram.

31. The Monad is a *solar* being. It is "that which finds its home within the sun". The lower three solar planes do not contain any principles of the Solar Logos and are considered dense, unprincipled matter. This may be the reason why the third outpouring descends no lower than the buddhic plane.

Here the triangle is contributed by the third outpouring and the circle by the second...."—The Christian Creed, by C. W. Leadbeater, pp. 3

32. The circle is the causal body which is built by the form-building second aspect of divinity. The triangle can be thought of as

mà nó đi qua làm cho mờ đục, mà vẫn giữ nguyên sự tinh khiết trinh nguyên và vẻ huy hoàng không tì vết của nó.

29. Một cách khác để nói điều này là, trong sự giáng xuống của nó, vẻ huy hoàng của Monad không bị tổn hại bởi các tần số thấp hơn của những chiều giới mà nó đi qua.

Cần lưu ý rằng lần tuôn đổ này chỉ giáng xuống đến cấp độ của cõi Bồ đề (cõi thứ tư) và rằng mối liên kết giữa hai bên được tạo thành bởi một tam giác trong một vòng tròn, tượng trưng cho linh hồn cá nhân của con người—chân ngã tái sinh.

30. Giờ đây trở nên hiển nhiên rằng sơ đồ Ba Lần Tuôn Đổ có trong bản văn *Luận về Lửa Vũ Trụ* không giống với sơ đồ đang được dẫn chiếu từ *Tín Điều Cơ Đốc.* Không thấy có tam giác và vòng tròn nào. Tuy nhiên, biểu tượng được nhắc đến gợi ý chân ngã bên trong thể nguyên nhân và được tìm thấy trong một sơ đồ TCF khác.

31. Monad là một hữu thể *thái dương*. Nó là "điều tìm thấy ngôi nhà của mình bên trong mặt trời". Ba cõi thái dương thấp không chứa bất kỳ nguyên khí nào của Thái dương Thượng đế và được xem là vật chất đậm đặc, không có nguyên khí. Đây có thể là lý do vì sao lần tuôn đổ thứ ba không giáng xuống thấp hơn cõi Bồ đề.

Ở đây tam giác được đóng góp bởi lần tuôn đổ thứ ba và vòng tròn bởi lần thứ hai...."—Tín Điều Cơ Đốc, của C. W. Leadbeater, tr. 3

32. Vòng tròn là thể nguyên nhân, được xây dựng bởi phương diện thứ hai của thiên tính, phương diện kiến tạo hình tướng. Tam

the triple Monad represented by the three aspects of the spiritual triad—atma, buddhi and manas. What we call the atmic, buddhic and manasic 'extensions' of the Monad were appropriated during the second outpouring.

giác có thể được xem như Monad tam phân được biểu thị bởi ba phương diện của Tam nguyên tinh thần—atma, buddhi và manas. Điều chúng ta gọi là các "sự mở rộng" atma, Bồ đề và manas của Monad đã được chiếm hữu trong lần tuôn đổ thứ hai.

It was at the time of the second outpouring that each of the divine centres of consciousness put forth a thread of being into an atom of the highest sub-planes of the atmic, the buddhic, and the manasic planes, —atoms destined to be the nuclei of the future bodies, each on its respective plane, the three forming the upper triad so often referred to. (EP I 168)

Chính vào thời kỳ của lần tuôn đổ thứ hai mà mỗi trung tâm tâm thức thiêng liêng đã phóng ra một sợi dây hiện hữu vào một nguyên tử của các cõi phụ cao nhất của các cõi atma, Bồ đề và manas,—những nguyên tử được định sẵn sẽ là các hạt nhân của các thể tương lai, mỗi thể trên cõi tương ứng của nó, cả ba hợp thành tam nguyên thượng thường được nhắc đến. (EP I 168)

33. If the triangle represents the Will, Wisdom and Activity inherent in the Monad, then the triangle is related directly to the third outpouring and not to the second.

33. Nếu tam giác tượng trưng cho Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động vốn nội tại trong Monad, thì tam giác liên hệ trực tiếp với lần tuôn đổ thứ ba chứ không phải lần thứ hai.

34. Not only the causal body but the entire egoic lotus can be related to the form-building second outpouring. Yet it would not have been created in the way it was unless the third outpouring had occurred.

34. Không chỉ thể nguyên nhân mà toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã đều có thể được liên hệ với lần tuôn đổ thứ hai mang tính kiến tạo hình tướng. Tuy nhiên, nó đã không được tạo ra theo cách như thế nếu lần tuôn đổ thứ ba không xảy ra.

A subtle correspondence exists between the monads of Will on the fifth plane, the fifth law, and the fifth Ray.

Có một sự tương ứng vi tế giữa các monad của Ý Chí trên cõi thứ năm, định luật thứ năm và cung thứ năm.

35. The Monads of Will are usually discussed in relation to the first sub-plane of the *monadic* plane. But since there is a close connection between the first and fifth rays (with fifth ray souls refocussing upon the first ray) the fifth ray, fifth law and fifth plane are all reasonably related to the expression of first ray Monads.

35. Các Monad của Ý Chí thường được bàn đến trong liên hệ với cõi phụ thứ nhất của cõi *chân thần*. Nhưng vì có một liên hệ mật thiết giữa cung một và cung năm (với các linh hồn cung năm tái tập trung vào cung một), nên cung năm, định luật thứ năm và cõi thứ năm đều có liên hệ hợp lý với sự biểu lộ của các Monad cung một.

36. The relationship here stated suggests much about the nature of Master Hilarion (once St. Paul), Who is the Chohan upon the fifth ray but Who has, we hypothesize, a powerful first ray behind that fifth ray. We hypothesize that He is a first ray Monad.

36. Mối liên hệ được nêu ở đây gợi ra nhiều điều về bản chất của Chân sư Hilarion (trước kia là Thánh Paul), Đấng là Chohan trên cung năm nhưng theo giả thuyết của chúng ta lại có một cung một mạnh mẽ đứng sau cung năm ấy. Chúng ta giả thuyết rằng Ngài là một Monad cung một.

37. It has yet to be established: "What are these Monads of Will on the fifth plane?" There was a monadic descent to the 'edge' of the fifth plane via the third outpouring, but it seems that *all* types of Monads were involved in that descent and not only Monads of Will or Power.

37. Điều này vẫn còn phải được xác lập: "Các Monad của Ý Chí trên cõi thứ năm này là gì?" Đã có một sự giáng xuống của chân thần đến "rìa" của cõi thứ năm qua lần tuôn đổ thứ ba, nhưng dường như *mọi* loại Monad đều tham dự vào sự giáng xuống ấy chứ không chỉ riêng các Monad của Ý Chí hay Quyền Năng.

38. While DK seems to be indicating a relationship between Monads of Power and the fifth law, the "Law of Fixation", He is not necessarily indicating a relationship between the law of the monadic plane (the "Law of Cohesion") and the Law of Fixation. Yet, we must remember that a distinct and important relationship exists between the two and the five (seen, for instance, in Sirian and Venusian expression). We could say that *fixation* promotes *cohesion,* and that the tendency towards *cohesion* makes *fixation* possible.

38. Trong khi Chân sư DK dường như đang chỉ ra một mối liên hệ giữa các Monad của Quyền Năng và định luật thứ năm, "Định luật Cố Định", Ngài không nhất thiết đang chỉ ra một mối liên hệ giữa định luật của cõi chân thần ("Định luật Cố Kết") và Định luật Cố Định. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng có một mối liên hệ rõ rệt và quan trọng giữa số hai và số năm (được thấy, chẳng hạn, trong biểu hiện của Sirius và Sao Kim). Chúng ta có thể nói rằng *sự cố định* thúc đẩy *sự cố kết,* và rằng khuynh hướng hướng tới *sự cố kết* làm cho *sự cố định* trở nên khả hữu.

39. The relationship between the first and fifth rays is not always used in a benevolent manner. These two rays are particularly representative of the Black Lodge and in a more mundane sense, condition the "industrial-military complex".

39. Mối liên hệ giữa cung một và cung năm không phải lúc nào cũng được sử dụng theo cách từ thiện. Hai cung này đặc biệt tiêu biểu cho Hắc đoàn và, theo nghĩa trần thế hơn, tác động lên "tổ hợp công nghiệp-quân sự".

V. The materialistic forces Planetary sacral centre Fifth Ray aspect Mind

V. Các lực lượng duy vật Trung tâm xương cùng hành tinh Phương diện Cung năm Trí tuệ

The Matter aspect. Conditioning substance. of First Ray Generation (EXH 89)

Phương diện Vật chất. Tác động lên chất liệu. của Cung một Sự sinh sản (EXH 89)

The second Ray or the Love-Wisdom aspect wields a control on the fourth and sixth planes, and dominates the Laws of Cohesion and Magnetic Control, and the astral Law of Love.

Cung hai hay phương diện Bác Ái – Minh Triết nắm quyền kiểm soát trên các cõi thứ tư và thứ sáu, và chi phối Định luật Cố Kết, Định luật Kiểm Soát Từ Tính, và Định luật Bác Ái cảm dục.

40. This is, of course, clear and numerologically necessary.

40. Điều này, dĩ nhiên, là rõ ràng và cần thiết về mặt số học huyền bí.

41. We note here that the "Law of Love" is called the "astral Law of Love". This law, expressing on the astral plane, indicates the possibility and goal that buddhic energy will suffuse that plane changing its character entirely.

41. Ở đây chúng ta lưu ý rằng "Định luật Bác Ái" được gọi là "Định luật Bác Ái cảm dục". Định luật này, biểu lộ trên cõi cảm dục, cho thấy khả năng và mục tiêu rằng năng lượng Bồ đề sẽ thấm nhuần cõi ấy, làm thay đổi hoàn toàn tính chất của nó.

42. Perhaps DK characterizes this law in this way as the idea of the "Law of Love" is much greater than an astral plane expression.

42. Có lẽ Chân sư DK mô tả định luật này theo cách ấy vì ý niệm về "Định luật Bác Ái" lớn lao hơn rất nhiều so với một biểu hiện trên cõi cảm dục.

There is a direct interlinking between the abstract Rays and the laws of the planes where they specially control.

Có một sự liên kết trực tiếp giữa các cung trừu tượng và các định luật của những cõi mà chúng đặc biệt kiểm soát.

43. Although ray one is the principal 'Ray of Abstraction' and ray three is called the "Ray of Abstract Intelligence", it is clear (in this context) that DK is naming rays two, four and six as the "abstract Rays". At least ray six is called the "Ray of Abstract Idealism".

43. Mặc dù cung một là "Cung Trừu Xuất" chính yếu và cung ba được gọi là "Cung của Trí Tuệ Trừu Tượng", rõ ràng là (trong ngữ cảnh này) Chân sư DK đang gọi các cung hai, bốn và sáu là các "cung trừu tượng". Ít nhất cung sáu được gọi là "Cung của Chủ nghĩa Duy tâm Trừu Tượng".

44. The justification for calling these rays "abstract" is that they are most closely related to *subjectivity* rather than to the structure and condition of the form.

44. Lý do để gọi các cung này là "trừu tượng" là vì chúng liên hệ mật thiết nhất với *tính chủ quan* hơn là với cấu trúc và tình trạng của hình tướng.

The third Ray which is the Activity aspect, controls the Laws of Disintegration and of Death, on the third and seventh planes.

Cung ba, là phương diện Hoạt Động, kiểm soát các Định luật Phân Rã và Tử Vong trên các cõi thứ ba và thứ bảy.

45. DK makes the link between the three and the seven—the third law and the seventh law, just as suggested above. Death is a disintegration (at least of the form even though not of the consciousness).

45. Chân sư DK tạo ra mối nối giữa số ba và số bảy—định luật thứ ba và định luật thứ bảy, đúng như đã gợi ý ở trên. Tử vong là một sự phân rã (ít nhất là của hình tướng, dù không phải của tâm thức).

46. Although the seventh ray is directly related to the first, we see that there is an important relationship between the seventh ray and the third. We could wonder why seventh ray egos do not refocus upon the third ray on occasion. Perhaps they do. It was so in Master R.'s Ashram recently (when He moved to the position of Mahachohan (though "by special dispensation").

46. Mặc dù cung bảy liên hệ trực tiếp với cung một, chúng ta thấy rằng có một mối liên hệ quan trọng giữa cung bảy và cung ba. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao các chân ngã cung bảy đôi khi lại không tái tập trung vào cung ba. Có lẽ là có. Điều đó đã xảy ra gần đây trong ashram của Chân sư R. (khi Ngài chuyển sang vị trí Đức Mahachohan, dù là "do đặc ân đặc biệt").

Therefore, it will be apparent to the careful student of the wisdom that:

Do đó, điều sau đây sẽ hiển nhiên đối với đạo sinh cẩn trọng của minh triết:

47. Are we that—"careful" students of the wisdom?"

47. Chúng ta có phải là những đạo sinh "cẩn trọng" của minh triết ấy không?

1. The Power Aspect—Ray 1, Planes 1 and 5, and the Laws of Fixation and Vibration, form one interlocking whole.

1. Phương diện Quyền Năng—Cung 1, các cõi 1 và 5, và các Định luật Cố Định và Rung Động, tạo thành một toàn thể liên kết chặt chẽ.

48. This is certainly clear. However, when DK said the following, He did not include the "Law of Vibration" in the enumeration:

48. Điều này chắc chắn là rõ ràng. Tuy nhiên, khi Chân sư DK nói điều sau đây, Ngài đã không đưa "Định luật Rung Động" vào sự liệt kê:

These laws [i.e., the three laws relating to the three lower planes] are all dominated and controlled eventually by the three higher laws in the system—the Laws of Magnetic Control, of Disintegration, and of Cohesion.

Các định luật này [tức ba định luật liên hệ với ba cõi thấp] rốt cuộc đều bị chi phối và kiểm soát bởi ba định luật cao hơn trong hệ thống—các Định luật Kiểm Soát Từ Tính, Phân Rã, và Cố Kết.

49. Why was the "Law of Vibration" left out of this enumeration? By doing so a very evident symmetry was apparently distorted.

49. Vì sao "Định luật Rung Động" lại bị bỏ ra khỏi sự liệt kê này? Khi làm như vậy, một tính đối xứng rất hiển nhiên dường như đã bị phá vỡ.

50. Yet, the fact that DK left it out, caused us to think about the relationships between the three mentioned higher laws and the three lower laws of Fixation, Love, and Disintegration and Death.

50. Tuy vậy, chính việc Chân sư DK bỏ nó ra đã khiến chúng ta suy nghĩ về các mối liên hệ giữa ba định luật cao hơn được nhắc đến và ba định luật thấp là Cố Định, Bác Ái, và Phân Rã cùng Tử Vong.

2. *The Love Aspect*—Ray 2, Planes 2, 4, 6, and the Laws of Cohesion, Magnetic Control, and of Love, form another unit.

2. *Phương diện Bác Ái*—Cung 2, các cõi 2, 4, 6, và các Định luật Cố Kết, Kiểm Soát Từ Tính, và Bác Ái, tạo thành một đơn vị khác.

51. Again, this is clear and logical.

51. Một lần nữa, điều này rõ ràng và hợp lý.

3. *The Activity Aspect*—Ray 3, Planes 3 and 7, and the Laws of Disintegration, Sacrifice and Death, make still another group.

3. *Phương diện Hoạt Động*—Cung 3, các cõi 3 và 7, và các Định luật Phân Rã, Hi Sinh và Tử Vong, tạo thành một nhóm khác nữa.

52. This, too, is logical and was just discussed.

52. Điều này cũng hợp lý và vừa được bàn đến.

53. When one thinks about how those upon the minor soul rays resolve onto major one, the pattern just offered comes very close to the method of resolution, except that those on ray seven resolve primarily onto ray one and not ray three.

53. Khi suy nghĩ về cách những người thuộc các cung linh hồn phụ quy về một cung chính, mô hình vừa được nêu ra rất gần với phương pháp quy hồi ấy, ngoại trừ việc những người ở cung bảy quy hồi chủ yếu về cung một chứ không phải cung ba.

54. So DK has given us a grouping of the laws—grouping higher laws with the lower laws. In the earlier reference, He mentioned the "Law of Magnetic Control" as a higher law of the system and excluded the "Law of Vibration". In the grouping immediately above He speaks largely in terms of the three aspects and groups the laws according to the aspects to which they are most related. The "Law of Magnetic Control" is no longer

54. Vì vậy Chân sư DK đã cho chúng ta một cách nhóm các định luật—nhóm các định luật cao hơn với các định luật thấp hơn. Trong đoạn dẫn trước đó, Ngài nhắc đến "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" như một định luật cao hơn của hệ thống và loại trừ "Định luật Rung Động". Trong cách nhóm ngay bên trên, Ngài nói phần lớn theo ba phương diện và nhóm các định luật theo những phương diện mà chúng liên hệ mật thiết nhất. "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" không còn được

mentioned as a higher law and the "Law of Vibration" is reintroduced.

nhắc đến như một định luật cao hơn nữa và "Định luật Rung Động" được đưa trở lại.

It is logical for the first Ray only to have control, as yet, on two planes, for the Power Aspect waits for another system in order to demonstrate in full development.

Việc cung một hiện chỉ kiểm soát trên hai cõi là hợp lý, vì Phương diện Quyền Năng chờ một hệ thống khác để biểu lộ trong sự phát triển trọn vẹn.

55. The planes on which the first ray has control appear to be the first or logoic plane and the fifth or mental plane. Yet, let us remember, as stated above, that the "Law of Vibration" demonstrate through the "Law of Cohesion", and thus, through the second plane to which the "Law of Cohesion" is most closely related.

55. Các cõi mà cung một kiểm soát dường như là cõi thứ nhất hay cõi logoic và cõi thứ năm hay cõi trí. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ, như đã nói ở trên, rằng "Định luật Rung Động" biểu lộ qua "Định luật Cố Kết", và do đó qua cõi thứ hai, là cõi mà "Định luật Cố Kết" liên hệ mật thiết nhất.

56. Between the first ray and the fifth ray there is a direct conduit, but we cannot think why it should be considered more direct than the conduit between rays one and seven.

56. Giữa cung một và cung năm có một đường dẫn trực tiếp, nhưng chúng ta không thể nghĩ ra vì sao nó lại được xem là trực tiếp hơn đường dẫn giữa cung một và cung bảy.

Ray two, the synthetic Ray for our system, controls [Page 588] **on three planes; it has the preponderance, for paramountly we are the Monads of Love, and Love is our synthesis.**

Cung hai, Cung tổng hợp của hệ thống chúng ta, kiểm soát [Page 588] **trên ba cõi; nó chiếm ưu thế, vì chủ yếu chúng ta là các Monad của Bác Ái, và Bác Ái là tổng hợp của chúng ta.**

57. Just the vegetable kingdom supports the expression of three rays, whereas the animal and mineral kingdom are only associated with two rays, so the ray most closely associated with the vegetable kingdom (the second ray) "controls on three planes"—the second, fourth and sixth. The rays associated with the second, fourth and sixth planes are the second, fourth and sixth rays —the very ones which express through the vegetable kingdom. Since Venus rules the vegetable kingdom, it must have a close association with these three rays.

57. Chính giới thực vật hỗ trợ sự biểu lộ của ba cung, trong khi giới động vật và giới kim thạch chỉ liên hệ với hai cung. Vì vậy cung liên hệ mật thiết nhất với giới thực vật (cung hai) "kiểm soát trên ba cõi"—cõi thứ hai, thứ tư và thứ sáu. Các cung liên hệ với các cõi thứ hai, thứ tư và thứ sáu là cung hai, cung bốn và cung sáu—chính là những cung biểu lộ qua giới thực vật. Vì Sao Kim cai quản giới thực vật, nên nó hẳn phải có liên hệ mật thiết với ba cung này.

58. How is Master DK identifying when He makes the statement above: "for paramountly we are the Monads of Love…" Is He identifying with humanity in general, or does the term "we" give a hint concerning His own monadic nature?

58. Chân sư DK đang đồng hoá như thế nào khi Ngài đưa ra phát biểu trên: "vì chủ yếu chúng ta là các Monad của Bác Ái…"? Ngài đang đồng hoá với nhân loại nói chung, hay từ "chúng ta" cho một gợi ý nào đó về bản chất chân thần riêng của Ngài?

59. If the Buddha can be a third ray Monad (and this is established by the fact that He is one of nine who can have three separate, simultaneous appearances), then Master DK can certainly be so.

59. Nếu Đức Phật có thể là một Monad cung ba (và điều này được xác lập bởi sự kiện rằng Ngài là một trong chín Đấng có thể có ba sự xuất hiện riêng biệt, đồng thời), thì Chân sư DK chắc chắn cũng có thể như vậy.

60. Yet, in another important reference when He uses the term "we" He seems to be hinting that *He* is not from the first solar system. Through the use of the word "we" in this context is He also hinting something about his own nature?

60. Tuy nhiên, trong một đoạn dẫn quan trọng khác khi Ngài dùng từ "chúng ta", Ngài dường như đang gợi ý rằng *Ngài* không đến từ hệ mặt trời thứ nhất. Qua việc dùng từ "chúng ta" trong ngữ cảnh này, Ngài cũng đang gợi ý điều gì đó về bản chất riêng của mình chăng?

Our earth humanity and the group of human beings who are far more ancient in their origin **than we are**, will form one humanity and then there will be peace on earth. (EXH 77)

Nhân loại địa cầu của chúng ta và nhóm nhân loại có nguồn gốc cổ xưa hơn rất nhiều **so với chúng ta**, sẽ hợp thành một nhân loại duy nhất và khi đó sẽ có hòa bình trên Trái Đất. (EXH 77)

61. In this context DK is definitely speaking of "the previous system" and is stating that He is not from it.

61. Trong ngữ cảnh này, Chân sư DK rõ ràng đang nói về "hệ thống trước" và đang phát biểu rằng Ngài không đến từ đó.

62. Yet, the Monads of Love are found in the majority in *this* solar system, and (in using the word "we" in relation to the Monads of Love) DK may be identifying Himself as a entity from *this* solar system, and not as an entity from the *past* solar system, thus, reinforcing the message of the text reference above.

62. Tuy nhiên, các Monad của Bác Ái được tìm thấy với số lượng đa số trong *hệ mặt trời này*, và (khi dùng từ "chúng ta" trong liên hệ với các Monad của Bác Ái) Chân sư DK có thể đang đồng hoá chính Ngài như một thực thể đến từ *hệ mặt trời này*, chứ không phải như một thực thể đến từ hệ mặt trời *quá khứ*, nhờ đó củng cố thông điệp của đoạn dẫn trên.

63. This seems likely, because if His identification was with the Monads who

63. Điều này có vẻ hợp lý, bởi vì nếu sự đồng hoá của Ngài là với các Monad đi qua hệ

pass through the Earth-scheme, He would have to say, 'we are primarily Monads of Intelligence' for the majority of Monads which pass through the Earth-scheme *are* Monads of Intelligence. (cf. EP II 101) So, He appears to be *thinking in terms of the second solar system* and of the preponderance of Monads in that second system. Nevertheless, there is good reason to believe that His Monad is upon the third ray, identifying Him with Mercury, just as the Buddha is identified with Mercury.

hành tinh Địa Cầu, Ngài hẳn phải nói rằng, "chúng ta chủ yếu là các Monad của Trí Tuệ", vì đa số các Monad đi qua hệ hành tinh Địa Cầu *là* các Monad của Trí Tuệ. (xem EP II 101) Vì vậy, Ngài dường như đang *suy nghĩ theo hệ mặt trời thứ hai* và theo sự áp đảo về số lượng của các Monad trong hệ thống thứ hai ấy. Tuy nhiên, có lý do chính đáng để tin rằng Monad của Ngài thuộc cung ba, đồng hoá Ngài với Sao Thủy, cũng như Đức Phật được đồng hoá với Sao Thủy.

Ray three, the dominant Ray of the system which is past, its synthetic Ray, controls on two planes, and on one that is little understood, for, just as the physical body is not considered a principle, so there is a sphere of activity that is not included in our enumeration, it is past and gone. Some explanation of this lies hid in the occult words, "The Eighth Sphere."

Cung ba, Cung chi phối của hệ thống đã qua, Cung tổng hợp của nó, kiểm soát trên hai cõi, và trên một cõi nữa ít được thấu hiểu, vì cũng như thể xác không được xem là một nguyên khí, nên có một khối cầu hoạt động không được kể vào sự liệt kê của chúng ta; nó đã qua và không còn nữa. Một phần giải thích cho điều này được ẩn giấu trong những lời huyền bí: "Khối Cầu Thứ Tám."

64. We have here a very amazing reference. Planes three and seven are allied, but a kind of 'plane eight' should also be included. If we are discussing the "Eighth Sphere" we have an association with a sphere of activity which existed in the previous solar system but no longer exists in any manner integrated with our own system. Its presence existence is as a 'sphere of retrogression'—a negatively magnetic sub-tone of the tones sounding in our present solar system.

64. Ở đây chúng ta có một đoạn dẫn thật đáng kinh ngạc. Các cõi ba và bảy có liên hệ với nhau, nhưng một loại "cõi thứ tám" cũng nên được bao gồm. Nếu chúng ta đang bàn đến "Khối Cầu Thứ Tám" thì chúng ta có một liên hệ với một khối cầu hoạt động đã tồn tại trong hệ mặt trời trước nhưng không còn tồn tại theo bất kỳ cách nào được tích hợp với hệ thống của chúng ta nữa. Sự hiện hữu hiện nay của nó là như một "khối cầu thoái hóa"—một hạ âm mang từ tính âm của các âm điệu đang vang lên trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

65. Perhaps the dense physical plane (in its three states of solid, liquid and gas) counts as a kind of eighth sphere. It has been stated that the physical matter is directly associated with the third ray rather than the seventh (which is associated with the etheric body).

65. Có lẽ cõi hồng trần đậm đặc (trong ba trạng thái rắn, lỏng và khí của nó) được tính như một loại khối cầu thứ tám. Đã có lời nói rằng vật chất hồng trần liên hệ trực tiếp với cung ba hơn là cung bảy (vốn liên hệ với thể dĩ thái).

66. Of these three lower systemic sub-planes, the very dense and the liquid are the two sub-planes definitely not to be included in the physical nature of man. The gaseous sub-plane has a higher function and can be considered the lowest of the physical sub-planes appropriated by man in the creation of his physical-etheric body.

66. Trong ba cõi phụ hệ thống thấp này, cõi rất đậm đặc và cõi lỏng là hai cõi phụ rõ ràng không được bao gồm trong bản chất hồng trần của con người. Cõi phụ khí có một chức năng cao hơn và có thể được xem là cõi thấp nhất trong các cõi phụ hồng trần được con người chiếm hữu trong việc tạo ra thể xác-dĩ thái của mình.

67. The numbers three and eight are otherwise associated as well. The third Creative Hierarchy (third of the manifested Creative Hierarchies) is also the eighth (counting from the highest of the liberated Creative Hierarchies on the cosmic astral plane). We are told that it is the rejection of the Triads (the name for the Third/Eighth Creative Hierarchy, which precipitates a man into the "eighth sphere". The connection is unmistakable.

67. Các số ba và tám còn liên hệ với nhau theo cách khác nữa. Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba (thứ ba trong các Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện) cũng là thứ tám (nếu tính từ Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát cao nhất trên cõi cảm dục vũ trụ). Chúng ta được cho biết rằng chính sự khước từ các Tam nguyên tinh thần (tên gọi của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Ba/Thứ Tám) đã làm ngưng tụ một con người vào "khối cầu thứ tám". Mối liên hệ này là không thể nhầm lẫn.

68. There is also a sense in which the lower mental planes can become a sphere unto themselves, and that this isolation of the concrete mind into a self-contained, soul-resistant sphere is the worst disaster that can befall a human being. Perhaps, an isolated lower mental vehicle can be called an eighth sphere, of a kind. It could be ruled by the *third* ray, but one cannot see why it should not be more ruled by the lower *fifth* ray.

68. Cũng có một ý nghĩa theo đó các cõi hạ trí có thể trở thành một khối cầu tự thân, và sự cô lập của trí cụ thể thành một khối cầu tự khép kín, kháng cự linh hồn như thế là tai họa tệ hại nhất có thể giáng xuống một con người. Có lẽ một vận cụ hạ trí bị cô lập có thể được gọi là một loại khối cầu thứ tám. Nó có thể bị cai quản bởi cung *ba*, nhưng người ta không thể thấy vì sao nó lại không bị cai quản nhiều hơn bởi cung *năm* thấp.

69. When looking for the "eighth sphere" we simply must remember that there is a plane

69. Khi tìm kiếm "khối cầu thứ tám", chúng ta đơn giản phải nhớ rằng có một cõi "thấp"

'lower' than what we call the physical and it is 'here'. This plane is a kind of *sub-tone* of the seven systemic planes.

hơn điều chúng ta gọi là cõi hồng trần và nó ở "đây". Cõi này là một loại *hạ âm* của bảy cõi hệ thống.

70. It would seem that two conduits to this 'undertone-plane' are the hardened concrete mind and the lower two sub-planes of the systemic physical plane.

70. Dường như có hai đường dẫn tới "cõi hạ âm" này là trí cụ thể đã chai cứng và hai cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần hệ thống.

In regard to the four minor Rays of Harmony, Concrete Science, Devotion and Ceremonial Order, their control exists in degrees on all the planes, but they have their particular emphasis in the evolution of the reincarnating ego in the three worlds at this time.

Liên quan đến bốn cung phụ là Hài Hòa, Khoa Học Cụ Thể, Sùng Tín và Trật Tự Nghi Lễ, sự kiểm soát của chúng hiện hữu theo mức độ trên mọi cõi, nhưng chúng có sự nhấn mạnh đặc biệt của mình trong sự tiến hoá của chân ngã tái sinh trong ba cõi thấp vào lúc này.

71. DK is telling us that each of these rays exerts some degree of control on all the solar planes—at least in relation to sub-planes.

71. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng mỗi cung trong các cung này đều tác động một mức độ kiểm soát nào đó trên mọi cõi thái dương—ít nhất là trong liên hệ với các cõi phụ.

72. The reincarnating ego works through the lower quaternary at this time and the four Rays of Attribute are particularly associated with this quaternary.

72. Chân ngã tái sinh hiện nay hoạt động qua tứ phân thấp, và bốn Các Cung Thuộc Tính đặc biệt liên hệ với tứ phân này.

73. Is the personality threefold or fourfold? If the fourth elemental is counted (the elemental which is the occult sum of the lower three elementals) then the lower personality is *four*fold.

73. Phàm ngã là tam phân hay tứ phân? Nếu hành khí thứ tư được tính đến (hành khí là tổng số huyền bí của ba hành khí thấp), thì phàm ngã thấp là *tứ* phân.

74. We can understand that the fifth, sixth and seventh rays have a natural affinity with the three lower worlds. The fourth ray has a natural affinity with the fourth or buddhic plane, but not with any planes in the three lower worlds—only with sub-planes and with fourfold structures like the personality which is found in the three lower worlds.

74. Chúng ta có thể hiểu rằng các cung năm, sáu và bảy có một ái lực tự nhiên với ba cõi thấp. Cung bốn có một ái lực tự nhiên với cõi thứ tư hay cõi Bồ đề, nhưng không với bất kỳ cõi nào trong ba cõi thấp—chỉ với các cõi phụ và với các cấu trúc tứ phân như phàm ngã vốn được tìm thấy trong ba cõi thấp.

These four Rays control, in a subtle and peculiar manner, the four kingdoms of nature—mineral, vegetable, animal and human—

Bốn cung này kiểm soát, theo một cách vi tế và đặc thù, bốn giới trong thiên nhiên—giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại—

75. We can look at this control in various ways, but let us offer one assignment:

75. Chúng ta có thể xem sự kiểm soát này theo nhiều cách khác nhau, nhưng hãy đưa ra một cách phân định:

a. Ray four—the human kingdom

a. cung bốn—giới nhân loại

b. Ray five—the animal kingdom (as it strives towards knowledge and individualization)

b. cung năm—giới động vật (khi giới này phấn đấu hướng tới tri thức và sự biệt ngã hóa)

c. Ray six—the vegetable kingdom (as it aspires upward towards the sun)

c. cung sáu—giới thực vật (khi giới này vươn lên trên hướng về mặt trời)

d. Ray seven—the mineral kingdom (in its 'frozen', crystalline aspect).

d. cung bảy—giới kim thạch (trong phương diện tinh thể, "đóng băng" của nó).

and at their merging into the three Rays of Aspect (the Activity Ray of the Mahachohan being the synthesiser of the lower four in our planetary scheme) have a correspondence with the merging of man (the product of the three kingdoms and the fourth) into the superman kingdom, the spiritual.

và khi chúng hợp nhất vào ba Các Cung Trạng Thái (Cung Hoạt Động của Đức Mahachohan là đấng tổng hợp của bốn cung thấp trong hệ hành tinh của chúng ta) thì có sự tương ứng với sự hợp nhất của con người (sản phẩm của ba giới và giới thứ tư) vào giới siêu nhân, giới tinh thần.

76. As man (the fourth kingdom) merges into the fifth kingdom (the "Kingdom of Souls"—the "superhuman kingdom") so the four Rays of Attribute merge into the third ray, the "Ray of Brahma" or the "Ray of the Mahachohan".

76. Cũng như con người (giới thứ tư) hợp nhất vào giới thứ năm ("Thiên Giới của các linh hồn"—"giới siêu nhân"), thì bốn Các Cung Thuộc Tính cũng hợp nhất vào cung ba, "Cung Brahma" hay "Cung của Đức Mahachohan".

The fourth Ray and the fourth Kingdom form a point of harmony for the lower three, and all four then pass into the major or upper three.

Cung bốn và giới thứ tư tạo thành một điểm hài hòa cho ba giới thấp, và rồi cả bốn cùng đi vào ba cung chính yếu hay ba cung cao.

77. It is significant that humanity is meant to *harmonize* the lower three kingdoms. Due attention will be given to this task during the Aquarian Age as the seventh ray (the 'ray of ecology') gains in strength.

77. Điều có thâm nghĩa là giới nhân loại được định để *hài hòa hóa* ba giới thấp. Nhiệm vụ này sẽ được đặc biệt chú trọng trong Kỷ Nguyên Bảo Bình khi cung bảy ("cung của sinh thái học") ngày càng mạnh lên.

a. We can understand humanity's responsibility in this regard—a responsibility far from fulfilled.

a. Chúng ta có thể hiểu trách nhiệm của nhân loại trong phương diện này—một trách nhiệm còn lâu mới được hoàn thành.

78. Eventually, all the four lower rays pass into the "upper three". They arose from the "upper three" and, thence, they return.

78. Cuối cùng, cả bốn cung thấp đều đi vào "ba cung cao". Chúng phát sinh từ "ba cung cao" và từ đó, chúng trở về.

This is worthy of our serious thought, and the analogy of the fourth plane will also be apparent.

Điều này rất đáng để chúng ta suy ngẫm nghiêm túc, và sự tương đồng của cõi thứ tư cũng sẽ trở nên hiển nhiên.

79. The fourth plane is the "Plane of Harmony".

79. Cõi thứ tư là "Cõi Hài Hòa".

80. The implication is that the fourth plane will one day absorb the lower three planes.

80. Hàm ý ở đây là một ngày kia cõi thứ tư sẽ hấp thu ba cõi thấp.

For this system, the buddhic plane, the human kingdom, and the fourth Ray of Harmony or Beauty or Synthesis, have a point of correspondence,

Đối với hệ này, cõi Bồ đề, giới nhân loại, và cung bốn của Hài Hòa hay Mỹ Lệ hay Tổng Hợp, có một điểm tươngứng,

81. We note a special name for the fourth ray as a 'Ray of Synthesis'.

81. Chúng ta lưu ý một tên gọi đặc biệt của cung bốn là "Cung Tổng Hợp".

82. In different respects, the first ray, second ray, third ray, fourth ray and seventh ray are *all* 'Rays of Synthesis'. The fifth ray is a 'Ray of Union', which we can see from the Word of Power, "Three Minds Unite".

82. Trong những phương diện khác nhau, cung một, cung hai, cung ba, cung bốn và cung bảy đều *đều* là "Các Cung Tổng Hợp". Cung năm là một "Cung Hợp Nhất", điều mà chúng ta có thể thấy từ Quyền năng từ: "Ba trí hợp nhất".

just as the fourth rootrace is the one in which the synthesis is first observed—the

cũng như giống dân gốc thứ tư là giống dân trong đó sự tổng hợp được quan sát thấy lần

door into the fifth kingdom of Spirit being then opened;

83. If synthesis is first observed in the fourth root race, then analogously, it can be said that synthesis is first observed on the fourth sub-plane (let us say, of the mental plane). We realize rays three, two and one to be synthetic rays and ray four the antechamber to the acknowledged synthesis of the three major rays.

84. In many respects, synthesis begins with the etheric part of any sevenfold plane—yet the lowest level ruled by the seventh ray is also a field of synthesis.

85. On the lower mental plane a kind of synthesis exists which opens the door into the fifth kingdom.

86. We note here that the fifth kingdom is not called the "Kingdom of Souls" but rather the "fifth kingdom of Spirit". This is unusual, however, when the fifth kingdom is entered, the Spirit/Monad does actively engage with the soul on its own plane.

The first faint tremor of the impact of monadic "destiny" (I know not how else to express this concept) makes itself felt, but is registered *only* by the soul of the initiate and on the level of soul consciousness; it is never registered by the man on the physical plane who is taking the first initiation; his brain cannot respond to this high vibration. (R&I 312-313)

đầu tiên—khi ấy cánh cửa đi vào giới thứ năm của tinh thần được mở ra;

83. Nếu sự tổng hợp được quan sát thấy lần đầu trong giống dân gốc thứ tư, thì theo phép tương đồng, có thể nói rằng sự tổng hợp cũng được quan sát thấy lần đầu trên cõi phụ thứ tư (chúng ta hãy nói rằng, của cõi trí). Chúng ta nhận ra cung ba, cung hai và cung một là các cung tổng hợp, còn cung bốn là tiền sảnh dẫn vào sự tổng hợp đã được thừa nhận của ba cung chính yếu.

84. Trong nhiều phương diện, sự tổng hợp bắt đầu với phần dĩ thái của bất kỳ cõi thất phân nào—tuy nhiên, cấp độ thấp nhất do cung bảy cai quản cũng là một trường tổng hợp.

85. Trên cõi hạ trí có một loại tổng hợp tồn tại, mở cánh cửa vào giới thứ năm.

86. Ở đây chúng ta lưu ý rằng giới thứ năm không được gọi là "Thiên Giới của các linh hồn" mà đúng hơn là "giới thứ năm của tinh thần". Điều này là khác thường; tuy nhiên, khi giới thứ năm được bước vào, tinh thần/chân thần thực sự tham gia một cách tích cực với linh hồn trên chính cõi của nó.

Sự rung động mờ nhạt đầu tiên của tác động từ "định mệnh" chân thần (tôi không biết phải diễn đạt khái niệm này cách nào khác) bắt đầu được cảm nhận, nhưng chỉ được ghi nhận *duy nhất* bởi linh hồn của điểm đạo đồ và trên cấp độ tâm thức linh hồn; nó không bao giờ được ghi nhận bởi con người trên cõi hồng trần đang trải qua lần điểm đạo thứ nhất; bộ não của y không thể đáp ứng rung động cao này. (R&I 312-313)

87. Usually, it would be the sixth kingdom which would be called the "kingdom of Spirit".

87. Thông thường, chính giới thứ sáu mới là giới được gọi là "giới của tinh thần".

the fourth rootrace also developed the astral capacity that made contact with the fourth or buddhic level possible.

giống dân gốc thứ tư cũng đã phát triển năng lực cảm dục khiến cho sự tiếp xúc với cấp độ thứ tư hay Bồ đề trở nên khả hữu.

88. The buddhic plane is definitely synthetic compared to the lower planes. There is a channel from the astral plane to the buddhic and, in this astral buddhic solar system, and upon our second ray planet, man developed and cultivated this astral-buddhic link.

88. Cõi Bồ đề rõ ràng có tính tổng hợp khi so với các cõi thấp. Có một kênh nối từ cõi cảm dục đến cõi Bồ đề, và trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề này, trên hành tinh cung hai của chúng ta, con người đã phát triển và vun bồi mối liên kết cảm dục-Bồ đề này.

89. The upshot of this discussion is the acknowledgment that the number *four* indicates *synthesis* and that the fourth ray is a *synthetic* ray and the fourth plane a *synthetic* plane (as are the sub-planes corresponding to the number four).

89. Kết luận của cuộc thảo luận này là sự thừa nhận rằng con số *bốn* biểu thị *sự tổng hợp* và rằng cung bốn là một cung *tổng hợp* và cõi thứ tư là một cõi *tổng hợp* (cũng như các cõi phụ tương ứng với số bốn).

In a subtle way too (I use the word subtle for lack of a better, meaning a statement of actuality that seems an [Page 589] illusion),

Cũng theo một cách tinh tế (tôi dùng từ "tinh tế" vì không có từ nào hay hơn, nghĩa là một phát biểu về thực tại dường như là một [Page 589] ảo tưởng),

90. "Subtle" means that which is true but not easily detected.

90. "Tinh tế" có nghĩa là điều chân thật nhưng không dễ nhận ra.

the three minor Rays, Concrete Science, Devotion and Ceremonial Law, have each a connection with the three kingdoms of nature below the human, and with the three laws of the three lower worlds.

ba cung phụ, Khoa Học Cụ Thể, Sùng Tín và Định Luật Nghi Lễ, mỗi cung đều có một liên hệ với ba giới tự nhiên ở dưới giới nhân loại, và với ba định luật của ba cõi thấp.

91. This again, stands to reason. We have suggested a connection of the three minor rays with the three lower kingdoms and three lower laws.

91. Điều này, một lần nữa, là hợp lý. Chúng ta đã gợi ý một mối liên hệ giữa ba cung phụ với ba giới thấp và ba định luật thấp.

92. There is a definite connection between the mineral kingdom and the physical nature (ruled by the seventh ray), the vegetable kingdom and the astral nature (ruled by the sixth ray) and the mental nature (ruled by the fifth ray—the ray of mind) and the animal kingdom. The deeper objectives of each of these three kingdoms must be understood if the ray connection is to be understood.

92. Có một mối liên hệ xác định giữa giới kim thạch và bản chất hồng trần (do cung bảy cai quản), giữa giới thực vật và bản chất cảm dục (do cung sáu cai quản), và giữa bản chất trí tuệ (do cung năm cai quản—cung của trí tuệ) với giới động vật. Những mục tiêu sâu xa hơn của mỗi một trong ba giới này phải được thấu hiểu nếu muốn hiểu được mối liên hệ về cung.

The Ray of Ceremonial Order has special significance at this time; it controls life in the mineral world, and in the final stages of involutionary life at the point where the upward turn of evolution is made.

Cung của Trật Tự Nghi Lễ có ý nghĩa đặc biệt vào lúc này; nó kiểm soát sự sống trong giới kim thạch, và trong các giai đoạn cuối cùng của sự sống giáng hạ tiến hoá tại điểm mà bước ngoặt đi lên của tiến hoá được thực hiện.

93. DK raises an important point. The 'turn' from involutionary life to evolutionary is mysterious. We understand little if anything of the forms through which involutionary life progresses 'downward'.

93. Chân sư DK nêu lên một điểm quan trọng. "Bước ngoặt" từ sự sống giáng hạ tiến hoá sang thăng thượng tiến hoá là điều huyền nhiệm. Chúng ta hiểu rất ít, nếu có, về những hình tướng mà qua đó sự sống giáng hạ tiến hoá tiến triển "đi xuống".

94. One wonders here if the turn can be described symbolically in the relationship between Saturn and Uranus.

94. Ở đây người ta tự hỏi liệu bước ngoặt ấy có thể được mô tả một cách biểu tượng trong mối quan hệ giữa Sao Thổ và Sao Thiên Vương hay không.

95. The seventh ray is involved in significant *transitions*; certainly the 'moment of the turn' is highly significant in the progress of the Second Logos through the second outpouring.

95. Cung bảy liên quan đến những *chuyển tiếp* quan trọng; chắc chắn "khoảnh khắc của bước ngoặt" có ý nghĩa rất lớn trong sự tiến triển của Đấng Logos thứ hai qua lần tuôn đổ thứ hai.

96. We would imagine that at the "turn" there is a definite 'setting into form' over which the seventh ray would preside.

96. Chúng ta có thể hình dung rằng tại "bước ngoặt" có một sự "định vào hình tướng" rõ rệt mà cung bảy sẽ chủ trì.

Through Ceremonial Order comes the control of the lesser builders, the elemental

Qua Trật Tự Nghi Lễ mà có sự kiểm soát các vị tiểu kiến tạo, các mãnh lực hành khí, điểm

forces, the point of synthesis in the lowest plane of all, the period of transition.

tổng hợp trên cõi thấp nhất trong tất cả, giai đoạn chuyển tiếp.

97. We gather that the elemental forces are to be controlled through ceremonial order. This is also true of higher devas.

97. Chúng ta hiểu rằng các mãnh lực hành khí phải được kiểm soát thông qua trật tự nghi lễ. Điều này cũng đúng đối với các thiên thần cao hơn.

98. May we say that a point of synthesis uniting the elemental forces of the involutionary arc with the devic forces of the evolutionary arc is reached on the seventh plane at the period of the 'turn'?

98. Chúng ta có thể nói rằng một điểm tổng hợp hợp nhất các mãnh lực hành khí của cung giáng hạ tiến hoá với các mãnh lực thiên thần của cung thăng thượng tiến hoá được đạt tới trên cõi thứ bảy vào thời kỳ của "bước ngoặt" chăng?

99. We remember the relationship between the seventh ray and all *transitions.*

99. Chúng ta nhớ mối liên hệ giữa cung bảy và mọi *chuyển tiếp.*

100. We live in a time of great transition right now and the seventh ray is increasingly potent. One wonders whether it is the ray ruling the greater and impending 25,000 year Age of Aquarius as well as the lesser Age of some 2500 years.

100. Hiện nay chúng ta đang sống trong một thời kỳ chuyển tiếp lớn và cung bảy ngày càng mạnh mẽ. Người ta tự hỏi liệu đó có phải là cung cai quản Kỷ Nguyên Bảo Bình lớn lao và sắp đến kéo dài 25.000 năm cũng như kỷ nguyên nhỏ hơn khoảng 2.500 năm hay không.

In all such periods the seventh Ray comes in (as now) the Ray of Law and Order, of accurate arrangement and formation. It is the reflection on the physical plane of the Power and Activity Aspects working in synthesis.

Trong mọi thời kỳ như thế, cung bảy xuất hiện (như hiện nay), Cung của Định luật và Trật tự, của sự sắp xếp chính xác và sự tạo thành chính xác. Nó là sự phản ánh trên cõi hồng trần của các Phương diện Quyền năng và Hoạt động đang vận hành trong tổng hợp.

101. We have here important names for the seven ray:

101. Ở đây chúng ta có những tên gọi quan trọng cho cung bảy:

a. The "Ray of Law and Order"

a. "Cung của Định luật và Trật tự"

b. The ray of accurate arrangement

b. Cung của sự sắp xếp chính xác

c. The ray of accurate formation

c. Cung của sự tạo thành chính xác

102. If we combine rays one and three (and they work in synthesis), then ray seven reflects this combination. Does this suggest that the seventh ray can be derived from the combination of the first and third rays? Usually, the thought has been advanced that the seventh ray is derived from the combination of the first, *second* and third rays.

102. Nếu chúng ta kết hợp cung một và cung ba (và chúng vận hành trong tổng hợp), thì cung bảy phản ánh sự kết hợp này. Điều này có gợi ý rằng cung bảy có thể được phát sinh từ sự kết hợp của cung một và cung ba không? Thông thường, người ta đã đưa ra ý tưởng rằng cung bảy được phát sinh từ sự kết hợp của cung một, *cung hai* và cung ba.

Rays 1, 3, 7, have an interplay, as we know. Ray seven is the appearance in combination of the forces of evolution. **It is the manifestation of Power and Activity on the lowest plane of all.**

Như chúng ta biết, các cung 1, 3, 7 có một sự tương tác. Cung bảy là sắc tướng kết hợp của các mãnh lực của tiến hoá. **Nó là sự biểu hiện của Quyền năng và Hoạt động trên cõi thấp nhất trong tất cả.**

103. We have here further confirmation of the seventh ray as a combination of the first and third.

103. Ở đây chúng ta có thêm sự xác nhận rằng cung bảy là sự kết hợp của cung một và cung ba.

104. What rays represent the "forces of evolution"? The "Will-to-Evolve" is the third ray aspect of Will. Shall the driving force of the first ray be included in the "forces of evolution"? It would seem so. But then, are there *any* ray energies which do not make their contribution to evolution?

104. Những cung nào đại diện cho "các mãnh lực của tiến hoá"? "Ý Chí-hướng Tiến Hoá" là phương diện cung ba của Ý Chí. Liệu động lực thúc đẩy của cung một có nên được bao gồm trong "các mãnh lực của tiến hoá" không? Có vẻ là như vậy. Nhưng rồi, có *bất kỳ* năng lượng cung nào lại không đóng góp phần mình vào tiến hoá chăng?

105. The relation of the seven ray to both the first and third suggests lines of refocus and resolution. We know that seventh ray individuals often refocus on the first ray. Why should they not also refocus upon the third ray? Certain members of Master R.'s Ashram have (with Him) done exactly that.

105. Mối liên hệ của cung bảy với cả cung một lẫn cung ba gợi ra những tuyến tái tập trung và giải quyết. Chúng ta biết rằng những người cung bảy thường tái tập trung vào cung một. Tại sao họ lại không tái tập trung vào cung ba? Một số thành viên của ashram của Chân sư R. đã (cùng với Ngài) làm đúng như vậy.

It is allied to the laws of the third and seventh planes, Disintegration and Death,

Nó liên kết với các định luật của cõi thứ ba và cõi thứ bảy, Sự Phân Giải và Cái Chết,

106. We are being told that the seventh ray is allied to not only the law of the seventh

106. Chúng ta đang được cho biết rằng cung bảy liên kết không chỉ với định luật của cõi

plane (the "Law of Sacrifice and Death") but to the law of the third plane (the "Law of Disintegration").

thứ bảy ("Định luật Hi sinh và Cái Chết") mà còn với định luật của cõi thứ ba ("Định luật Phân Giải").

for all periods of transition are periods of the destruction and building of forms, and the shattering of the old in order that newer and better chalices of life may be constructed.

vì mọi thời kỳ chuyển tiếp đều là những thời kỳ hủy diệt và xây dựng các hình tướng, và phá vỡ cái cũ để những chén thánh mới hơn và tốt đẹp hơn của sự sống có thể được kiến tạo.

107. DK is linking *transition* (during which the seventh ray is always present) with the factor of *destruction and disintegration.* Transition (seventh ray activity) He says, involves destruction and disintegration (hence the relation of the seventh law to the third--the "Law of Disintegration").

107. Chân sư DK đang liên kết *sự chuyển tiếp* (trong đó cung bảy luôn luôn hiện diện) với yếu tố *hủy diệt và phân giải.* Ngài nói rằng chuyển tiếp (hoạt động của cung bảy) bao hàm hủy diệt và phân giải (do đó có mối liên hệ của định luật thứ bảy với định luật thứ ba —"Định luật Phân Giải").

108. When the Ray of the Destroyer brings about human death in the three worlds we sometimes call the process "making one's transition".

108. Khi Cung của Đấng Hủy Diệt mang đến cái chết của con người trong ba cõi giới, đôi khi chúng ta gọi tiến trình ấy là "thực hiện sự chuyển tiếp".

109. Perhaps later there will be methods of making transition without the necessity of disintegration and destruction. Perhaps the dynamic of 'harmonious metamorphosis' will appear, and the alterations necessary for successful transition will be smoothly accomplished.

109. Có lẽ về sau sẽ có những phương pháp thực hiện chuyển tiếp mà không cần đến sự phân giải và hủy diệt. Có lẽ động lực của "biến thái hài hòa" sẽ xuất hiện, và những thay đổi cần thiết cho sự chuyển tiếp thành công sẽ được hoàn thành một cách êm thuận.

The Ray of Devotion has a definite though little known connection with the vegetable kingdom.

Cung Sùng Tín có một liên hệ xác định tuy ít được biết đến với giới thực vật.

110. If we examine the relationship between the vegetable kingdom, the sixth ray and Venus, light may come on this connection.

110. Nếu chúng ta khảo sát mối liên hệ giữa giới thực vật, cung sáu và Sao Kim, ánh sáng có thể được soi rọi lên mối liên hệ này.

We must remember that it is linked to a subsidiary law of the cosmic Law of Attraction.

Chúng ta phải nhớ rằng nó được nối kết với một định luật phụ của Định luật Hấp Dẫn vũ trụ.

111. Just as the second and sixth rays are linked, so the second ray Law of Attraction and the sixth ray "Law of Love" are linked—we remember that it is called the "astral Law of Love".

It is in the vegetable kingdom that we find one of the first and temporary approximations between the evolving human Monad, and the evolving deva Monad.

112. It is interesting that DK view these approximations as approximations between Monads. It is as if the one Monad of the human kingdom approximates with the one Monad of the deva kingdom and that this happens through many encounters between the representatives of those kingdoms.

The two parallel evolutions **touch in that kingdom**, and then **again follow their own paths**, finding their next point of contact on the fourth or buddhic level, **and a final merging on the second.**

113. This is a most important reference concerning the merging of the human and deva kingdoms:

a. They temporarily approximate on the astral plane

b. They have a point of contact on the buddhic level

c. They have a final merging on the monadic level

111. Cũng như cung hai và cung sáu được nối kết với nhau, thì Định luật Hấp Dẫn của cung hai và "Định luật Bác Ái" của cung sáu cũng được nối kết—chúng ta nhớ rằng nó được gọi là "Định luật Bác Ái cảm dục".

Chính trong giới thực vật mà chúng ta tìm thấy một trong những sự tiếp cận đầu tiên và tạm thời giữa chân thần nhân loại đang tiến hoá và chân thần thiên thần đang tiến hoá.

112. Điều thú vị là Chân sư DK xem những sự tiếp cận này như những sự tiếp cận giữa các chân thần. Dường như chân thần duy nhất của giới nhân loại tiếp cận với chân thần duy nhất của giới thiên thần, và điều này xảy ra qua nhiều cuộc gặp gỡ giữa các đại diện của những giới ấy.

Hai cuộc tiến hoá song song **chạm nhau trong giới đó**, rồi **lại tiếp tục đi theo con đường riêng của mình**, tìm thấy điểm tiếp xúc kế tiếp của chúng trên cấp độ thứ tư hay Bồ đề, **và một sự hợp nhất cuối cùng trên cấp độ thứ hai.**

113. Đây là một dẫn chiếu hết sức quan trọng liên quan đến sự hợp nhất của giới nhân loại và giới thiên thần:

a. Chúng tạm thời tiếp cận nhau trên cõi cảm dục

b. Chúng có một điểm tiếp xúc trên cấp độ Bồ đề

c. Chúng có một sự hợp nhất cuối cùng trên cấp độ chân thần

114. Sự tiếp xúc được dẫn ra ở đây giữa các đơn vị thiên thần và nhân loại được gọi là

114. The contact here referenced between deva and human units is called an “alliance” in other references:

Further, the two great evolutions (human and deva) **find their group unity on the buddhic plane,** and portions of both hierarchies **blend and merge** so as to form the body of the divine Hermaphrodite.[24,25] Earlier, at certain fixed points, they may temporarily approximate each [Page 329] other. On the buddhic plane definite and permanent alliance may be seen. (TCF 328-329)

115. This contact on the buddhic plane is also called a “group unity”.

116. Taken together these references supply very important facts about the relationship between humans and devas. As we can see, the two-four-six line is definitely involves in this gradual, merging process.

The concrete Rays have an especial effect on the negative evolution of the devas, who form the feminine aspect of the divine hermaphroditic Man, working along [Page 590] the lines of more positive development. The abstract Rays do a similar work on the positive human hierarchy, tending towards a more receptive attitude. This hierarchy forms the masculine aspect of the divine Hermaphrodite.

117. Here we find an interesting and important contrast. The devas are a feminine evolution and so the concrete (masculine) rays contribute to their positive development. The human hierarchy is already “positive” and so the abstract or

một “liên minh” trong những dẫn chiếu khác:

Hơn nữa, hai cuộc tiến hoá lớn (nhân loại và thiên thần) **tìm thấy sự hợp nhất nhóm của chúng trên cõi Bồ đề,** và những phần của cả hai huyền giai **hòa trộn và hợp nhất** để tạo thành thể của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng.24,25 Trước đó, tại một số điểm cố định, chúng có thể tạm thời tiếp cận nhau [Page 329]. Trên cõi Bồ đề có thể thấy một liên minh xác định và thường tồn. (TCF 328-329)

115. Sự tiếp xúc này trên cõi Bồ đề cũng được gọi là một “sự hợp nhất nhóm”.

116. Xét chung, những dẫn chiếu này cung cấp những sự kiện rất quan trọng về mối quan hệ giữa con người và thiên thần. Như chúng ta có thể thấy, tuyến hai-bốn-sáu rõ ràng có liên quan trong tiến trình hợp nhất dần dần này.

Các cung cụ thể có một tác động đặc biệt lên cuộc tiến hoá âm của các thiên thần, những vị tạo thành phương diện nữ tính của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng, đang hoạt động theo [Page 590] những tuyến phát triển dương tính hơn. Các cung trừu tượng cũng thực hiện một công việc tương tự trên huyền giai nhân loại dương tính, khiến họ nghiêng về một thái độ tiếp nhận hơn. Huyền giai này tạo thành phương diện nam tính của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng.

117. Ở đây chúng ta thấy một sự tương phản thú vị và quan trọng. Các thiên thần là một cuộc tiến hoá nữ tính, vì vậy các cung cụ thể (nam tính) góp phần vào sự phát triển dương tính của họ. Huyền giai nhân loại vốn đã “dương tính”, vì vậy các cung trừu tượng

feminine rays build in them a more receptive attitude.

hay nữ tính xây dựng nơi họ một thái độ tiếp nhận hơn.

118. By "concrete Rays" it is probable that the Tibetan means rays one—three—five--seven. He could of course mean rays five—six—seven, which are "concrete" when compared to the Rays of Aspect.

118. Với "các cung cụ thể", có lẽ Chân sư Tây Tạng muốn nói đến các cung một—ba—năm—bảy. Dĩ nhiên Ngài cũng có thể muốn nói đến các cung năm—sáu—bảy, là những cung "cụ thể" khi so với Các Cung Trạng Thái.

119. By "abstract Rays" He probably means rays two—four—six rather than rays one—two—three (which are Rays of Aspect and, therefore, abstract when compared to the Rays of Attribute).

119. Với "các cung trừu tượng", có lẽ Ngài muốn nói đến các cung hai—bốn—sáu hơn là các cung một—hai—ba (vốn là Các Cung Trạng Thái và do đó là trừu tượng khi so với Các Cung Thuộc Tính).

But at three points on the path of evolution the Monads of Love, working on the abstract qualities, touch the devas of activity working on concrete faculty.

Nhưng tại ba điểm trên con đường tiến hoá, các chân thần của Bác Ái, hoạt động trên các phẩm tính trừu tượng, chạm tới các thiên thần của hoạt động đang làm việc trên năng lực cụ thể.

120. Is DK speaking specifically of the "Monads of Love", i.e., of *second* ray Monads? Or are *all* Monads, because they focus especially on the second systemic plane, to be considered "Monads of Love"?

120. Phải chăng Chân sư DK đang nói riêng về "các chân thần của Bác Ái", tức là các chân thần cung *hai*? Hay là *mọi* chân thần, bởi vì chúng tập trung đặc biệt trên cõi hệ thống thứ hai, đều phải được xem là "các chân thần của Bác Ái"?

121. We may gather that *all* devas are "devas of activity". Devas are to be found on all the rays, but DK seems to be speaking of something that is *common* to them all—i.e., their association with the activity aspect of divinity (an aspect that is at once feminine and masculine).

121. Chúng ta có thể hiểu rằng *mọi* thiên thần đều là "các thiên thần của hoạt động". Thiên thần hiện diện trên mọi cung, nhưng Chân sư DK dường như đang nói đến một điều gì đó *chung* cho tất cả họ—tức là sự liên hệ của họ với phương diện hoạt động của thiên tính (một phương diện vừa nữ tính vừa nam tính).

122. We can see there is much devas and humans have in common and much that differentiates them.

122. Chúng ta có thể thấy có nhiều điều thiên thần và con người có chung với nhau, và cũng có nhiều điều phân biệt họ.

The perfection of the two evolutions marks the point of attainment of the divine Heavenly Man;

123. Since the merging of humans and devas occurs on the monadic plane (and since, consequently, their relationship is not complete until their monadic merging), the "attainment of the divine Heavenly Man" is achieved when both evolutions fuse on the monadic plane—the plane upon which the Heavenly Men focus particularly as various charts in TCF reveal.

124. In short, monadic attainment for both humans and devas signals the attainment of the "divine Heavenly Man".

it is the perfecting of the two major centres, creative activity and love, of the Logos.

125. These two major centers suggest the throat and heart centers of the Heavenly Man. The throat is the center of "creative activity" and the heart is the center of love.

126. Devas can reasonably be associate with the sacral center which must be raised to the throat. Humans are associated not only with the throat center point of the Heavenly Man, but with the solar plexus center of the Grand Heavenly Man—a center which must be raised to the heart.

127. Another way of looking at this is that humanity is meant to become the Spiritual Hierarchy of the planet.

Sự toàn thiện của hai cuộc tiến hoá đánh dấu điểm thành tựu của Đấng Thiên Nhân thiêng liêng;

123. Vì sự hợp nhất của con người và thiên thần xảy ra trên cõi chân thần (và do đó, mối quan hệ của họ chưa hoàn tất cho đến khi có sự hợp nhất chân thần), nên "thành tựu của Đấng Thiên Nhân thiêng liêng" đạt được khi cả hai cuộc tiến hoá dung hợp trên cõi chân thần—cõi mà các Đấng Thiên Nhân đặc biệt tập trung vào, như nhiều biểu đồ trong Luận về Lửa Vũ Trụ cho thấy.

124. Nói ngắn gọn, thành tựu chân thần của cả con người lẫn thiên thần báo hiệu thành tựu của "Đấng Thiên Nhân thiêng liêng".

đó là sự hoàn thiện của hai trung tâm chính yếu, hoạt động sáng tạo và bác ái, của Thượng đế.

125. Hai trung tâm chính yếu này gợi đến trung tâm cổ họng và trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân. Cổ họng là trung tâm của "hoạt động sáng tạo" và tim là trung tâm của bác ái.

126. Có thể hợp lý khi liên hệ các thiên thần với trung tâm xương cùng, trung tâm này phải được nâng lên cổ họng. Con người không chỉ liên hệ với điểm trung tâm cổ họng của Đấng Thiên Nhân, mà còn với trung tâm tùng thái dương của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại—một trung tâm phải được nâng lên tim.

127. Một cách khác để nhìn điều này là nhân loại được định để trở thành Thánh đoàn tinh thần của hành tinh.

128. We note that in one breath DK speaks of the Heavenly Man and in the next of the "Logos". We have to be careful. When He speaks of the "Logos" He generally means Solar Logos. Thus, if so, He has switched His frame of reference from one sentence to the next.

128. Chúng ta lưu ý rằng trong một hơi nói Chân sư DK nói về Đấng Thiên Nhân, và ngay sau đó lại nói về "Thượng đế". Chúng ta phải cẩn thận. Khi Ngài nói về "Thượng đế", nhìn chung Ngài muốn nói đến Thái dương Thượng đế. Nếu vậy, Ngài đã chuyển khung quy chiếu của mình từ câu này sang câu kế tiếp.

129. Whereas humanity represents the throat center of the Heavenly Man, it represents the solar plexus center of the Grand Heavenly Man.

129. Trong khi nhân loại đại diện cho trung tâm cổ họng của Đấng Thiên Nhân, thì nó lại đại diện cho trung tâm tùng thái dương của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

In their lower aspect these centres are known as the centres of generation and the solar plexus, but are transmuted, as evolution proceeds, into the throat and heart centres.

Trong phương diện thấp của chúng, các trung tâm này được biết đến như các trung tâm sinh sản và tùng thái dương, nhưng được chuyển hoá, khi tiến hoá tiếp diễn, thành các trung tâm cổ họng và tim.

130. We seem to be looking at where humans and devas begin, and the point to which they must arrive.

130. Dường như chúng ta đang nhìn vào nơi con người và thiên thần khởi đầu, và điểm mà họ phải đạt tới.

Then, **in a dual synthesis**, they will pass on into the third system, that in which the Power aspect is developed, and the **head centres will be complete.**

Rồi, **trong một sự tổng hợp kép**, họ sẽ đi vào hệ thứ ba, hệ trong đó phương diện Quyền năng được phát triển, và các **trung tâm đầu sẽ hoàn tất.**

131. This seems to suggest that humans and devas will merge in a synthesis. It will be a *dual* synthesis: sacral center and solar plexus; throat center and heart.

131. Điều này dường như gợi ý rằng con người và thiên thần sẽ hợp nhất trong một sự tổng hợp. Đó sẽ là một sự tổng hợp *kép*: trung tâm xương cùng và tùng thái dương; trung tâm cổ họng và tim.

132. Both kingdoms (in a synthesized stated) will pass into the next solar system, which will be based on *synthesis* and not on duality.

132. Cả hai giới (trong trạng thái đã được tổng hợp) sẽ đi vào hệ mặt trời kế tiếp, hệ sẽ dựa trên *sự tổng hợp* chứ không dựa trên nhị nguyên tính.

133. There was but one dominant evolution in the first major solar system. Major

133. Trong hệ mặt trời lớn đầu tiên chỉ có một cuộc tiến hoá trội vượt. Trong hệ mặt

evolutions were divided in the second solar system. Will there be one dominant evolution in the third major system and will that dominant group arise from the dual synthesis here discussed, or will there be a triple evolution? It is too early to tell.

trời lớn thứ hai, các cuộc tiến hoá lớn đã được phân chia. Liệu trong hệ lớn thứ ba sẽ có một cuộc tiến hoá trội vượt duy nhất, và liệu nhóm trội vượt ấy sẽ phát sinh từ sự tổng hợp kép được bàn đến ở đây, hay sẽ có một cuộc tiến hoá tam phân? Còn quá sớm để nói.

This achieved, **our Logos has triumphed, and measured up to the sixth cosmic Initiation, just as He should measure up in this system to the fourth.**

Khi điều này đạt được, **Thượng đế của chúng ta đã toàn thắng, và đã đạt đến lần Điểm đạo vũ trụ thứ sáu, cũng như Ngài phải đạt đến lần điểm đạo thứ tư trong hệ này.**

134. When the power aspect will be developed and the head centers will be complete, the triumph of our Solar Logos will be indicated. This triumph is the "sixth cosmic initiation". It is important that DK specify the word "cosmic" as the Solar Logos is also engaged in taking a series of lesser initiations (nine in all) which are intra-systemic rather than cosmic. (cf. TCF 384)

134. Khi phương diện quyền năng được phát triển và các trung tâm đầu được hoàn tất, chiến thắng của Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ được biểu thị. Chiến thắng này là "lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu". Điều quan trọng là Chân sư DK xác định từ "vũ trụ", vì Thái dương Thượng đế cũng đang tham gia vào một chuỗi những điểm đạo nhỏ hơn (tổng cộng chín lần), thuộc nội hệ chứ không phải vũ trụ. (xem Luận về Lửa Vũ Trụ 384)

135. We see that the sixth cosmic initiation of our Solar Logos looms ahead and cannot be taken in this solar system. The case for the fifth cosmic initiation is ambiguous. Other references indicate that the Logos *will* take it in this solar system, while the present reference tells us that He will "measure up in this system to the fourth". Is it possible that the initiatory possibilities of the Logos are not *completely* determined? During any one human incarnation, for instance, specified initiatory possibilities may be attained or deferred, depending on the exertions of the human being. May it also be so for the Logos?

135. Chúng ta thấy rằng lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu của Thái dương Thượng đế của chúng ta đang hiện ra phía trước và không thể được tiếp nhận trong hệ mặt trời này. Trường hợp của lần điểm đạo vũ trụ thứ năm thì không rõ ràng. Những tham chiếu khác cho biết rằng Thượng đế *sẽ* tiếp nhận nó trong hệ mặt trời này, trong khi tham chiếu hiện tại lại cho chúng ta biết rằng Ngài sẽ "đo lường trong hệ này đến mức thứ tư". Có thể nào những khả năng điểm đạo của Thượng đế không được xác định *hoàn toàn*? Chẳng hạn, trong bất kỳ một kiếp lâm phàm nào của con người, những khả năng điểm đạo nhất định có thể đạt được hoặc bị trì hoãn, tùy theo những nỗ lực của con người. Liệu điều đó cũng có thể đúng đối với Thượng đế chăng?

The Ray of Concrete Science has a peculiar relationship to the animal kingdom, in that it is the Ray that governs the merging of that kingdom into the human.

136. This merging occurs at individualization which is strongly conditioned by the *fifth* ray—the *Fifth* Creative Hierarchy is intimately concerned in the process as is the *fifth* sign, Leo.

The planet, Venus, in her fifth round, gave the impetus which produced the spark of mind in animal man—a fact well known.

137. Whether or not Sanat Kumara and His Kumaras originated *on* Venus (in fact, DK says They did not), it was Venus which gave an important stimulation to the process of individualization which necessitated the coming of Sanat Kumara and His Co-Workers.

138. Venus must have affected certain lives related to the cosmic mental plane, for we are given to understand that the spark of mind is essentially cosmic mental in origin.

It is also the fifth Ray, and has an interesting connection with the fifth Law of Fixation.

139. By numerical resonance or affinity we might expect this.

We might study, too, with profit, the analogy that can be seen between these factors and the fifth root-race, the race of peculiarly strong development of the concrete mind.

Cung của Khoa Học Cụ Thể có một mối liên hệ đặc biệt với giới động vật, ở chỗ đó là cung chi phối sự hòa nhập của giới ấy vào giới nhân loại.

136. Sự hòa nhập này xảy ra vào lúc biệt ngã hóa, vốn được tác động mạnh mẽ bởi cung *năm*—Huyền Giai Sáng Tạo *Thứ Năm* có liên quan mật thiết đến tiến trình này, cũng như dấu hiệu *thứ năm*, Sư Tử.

Hành tinh Sao Kim, trong cuộc tuần hoàn thứ năm của nó, đã tạo ra xung lực sản sinh tia lửa trí tuệ nơi người thú—đó là một sự kiện ai cũng biết.

137. Dù Đức Sanat Kumara và các Kumaras của Ngài có xuất phát *từ* Sao Kim hay không (thực ra, Chân sư DK nói rằng Các Ngài không phải vậy), thì chính Sao Kim đã đem đến một sự kích thích quan trọng cho tiến trình biệt ngã hóa, điều khiến sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara và các Đấng Cộng Tác của Ngài trở nên cần thiết.

138. Sao Kim hẳn đã tác động đến một số sự sống liên hệ với cõi trí vũ trụ, vì chúng ta được cho hiểu rằng tia lửa trí tuệ về bản chất có nguồn gốc từ cõi trí vũ trụ.

Nó cũng là cung năm, và có một mối liên hệ thú vị với Định luật Cố Định thứ năm.

139. Theo sự cộng hưởng hay tương hợp về số học, chúng ta có thể chờ đợi điều này.

Chúng ta cũng có thể nghiên cứu, một cách hữu ích, sự tương đồng có thể thấy giữa các yếu tố này và giống dân gốc thứ năm, giống dân có sự phát triển đặc biệt mạnh mẽ của trí cụ thể.

140. We are to look at the development of the spark of mind, the expression of the fifth ray and the unfolding of the Law of Fixation especially in relation to the fifth root race.

140. Chúng ta cần xem xét sự phát triển của tia lửa trí tuệ, sự biểu lộ của cung năm và sự khai mở của Định luật Cố Định, đặc biệt trong liên hệ với giống dân gốc thứ năm.

141. Nature proceeds in gradual steps. Simultaneity and synthesis indicate climactic developments.

141. Bản chất tiến hành theo những bước dần dần. Tính đồng thời và sự tổng hợp cho thấy những phát triển mang tính cao trào.

The Law of Analogy always holds good.

Định luật tương đồng luôn luôn đúng.

With this as a basis, the **three laws of the personality** become replete with life, and can be summed up in the well-known term, "The Law of Rebirth and Death in the three worlds."

Lấy điều này làm nền tảng, **ba định luật của phàm ngã** trở nên tràn đầy sự sống, và có thể được tóm lại trong thuật ngữ quen thuộc: "Định luật Tái Sinh và Tử Vong trong ba cõi thấp."

142. DK is telling us that the three lower laws are to be considered "laws of the personality". When they work together they result in "The Law of Rebirth and Death in the three worlds".

142. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng ba định luật thấp cần được xem là "các định luật của phàm ngã". Khi chúng cùng hoạt động, chúng dẫn đến "Định luật Tái Sinh và Tử Vong trong ba cõi thấp".

143. If desire (six) turns towards physical form (seven) rather than towards the higher mind (five), then a return to the lowest world (seven) via reincarnation is mandated. This return is impulsed from the plane of mind (five).

143. Nếu dục vọng (sáu) hướng về hình tướng hồng trần (bảy) thay vì hướng về thượng trí (năm), thì sự trở lại thế giới thấp nhất (bảy) qua tái sinh là điều bắt buộc. Sự trở lại này được thúc đẩy từ cõi trí (năm).

The fifth law governs a fixed point in the personality, that of the fifth principle.

Định luật thứ năm chi phối một điểm cố định trong phàm ngã, đó là điểm của nguyên khí thứ năm.

144. The mind can be used as a stabilizing factor to sustain a necessary point of tension.

144. Trí tuệ có thể được dùng như một yếu tố ổn định để duy trì một điểm tập trung nhất tâm cần thiết.

145. When one thinks of a fixed point in the personality which is related to the fifth law and the fifth ray, one thinks of the mental

145. Khi người ta nghĩ đến một điểm cố định trong phàm ngã có liên hệ với định luật thứ năm và cung năm, người ta nghĩ đến đơn vị

unit (as that unit is stimulated by the fifth principle).

146. In considering the relationship between the first and fifth rays, we realize that the first ray is a 'ray of fixity'. It destroys through crystallization. We are well acquainted with the crystallized thoughtforms of the lower concrete mind and how these thoughtforms must be destroyed if they are not to become destructive themselves.

[Page 591]

The Law of Love in the astral body also has its points for consideration. There is a direct link between the astral body (love in the personality), the buddhic vehicle (love in the Triad), and the Monads of Love.

147. By now this is a familiar idea:

a. The astral body—love in the personality

b. The buddhic vehicle—love in the Triad

c. The monadic vehicle—love upon the plane of Sprit (universal love). From this we can see that Aquarius, the sign of "universal love" must, in its own way, be related to the Monad (a *solar* factor even as Aquarius is directly related to the Sun and Leo because it is the sign opposite Leo).

Later on, this will be understood more fully, but it is the main channel for the basic law of the system, Love.

hạ trí (vì đơn vị ấy được kích thích bởi nguyên khí thứ năm).

146. Khi xem xét mối liên hệ giữa cung một và cung năm, chúng ta nhận ra rằng cung một là một 'cung của tính cố định'. Nó hủy diệt qua sự kết tinh. Chúng ta rất quen thuộc với những hình tư tưởng đã kết tinh của hạ trí cụ thể và cách những hình tư tưởng này phải bị hủy diệt nếu chúng không muốn tự trở nên có tính hủy diệt.

[Page 591]

Định luật Bác ái trong thể cảm dục cũng có những điểm cần được xemxét. Có một mối liên kết trực tiếp giữa thể cảm dục (bác ái trong phàm ngã), vận cụ Bồ đề (bác ái trong Tam nguyên tinh thần), và các Chân thần Bác ái.

147. Đến nay đây đã là một ý tưởng quen thuộc:

a. Thể cảm dục—bác ái trong phàm ngã

b. Vận cụ Bồ đề—bác ái trong Tam nguyên tinh thần

c. Vận cụ chân thần—bác ái trên cõi tinh thần (bác ái phổ quát). Từ đây chúng ta có thể thấy rằng Bảo Bình, dấu hiệu của "bác ái phổ quát", hẳn phải, theo cách riêng của nó, có liên hệ với chân thần (một yếu tố *thái dương* cũng như Bảo Bình có liên hệ trực tiếp với Mặt Trời và Sư Tử vì nó là dấu hiệu đối diện với Sư Tử).

Về sau, điều này sẽ được thấuhiểu đầy đủ hơn, nhưng đó là kênh chính cho định luật căn bản của hệ, Bác ái.

148. We are learning about many lines of transmission, but here is the one which is most important for us at this time:

148. Chúng ta đang học về nhiều đường truyền dẫn, nhưng đây là đường quan trọng nhất đối với chúng ta vào lúc này:

a. The Monads of Love

a. Các Chân thần Bác ái

b. Working through the buddhic plane and producing "love in the Triad" which is unitive love

b. Hoạt động qua cõi Bồ đề và tạo ra "bác ái trong Tam nguyên tinh thần", tức là bác ái hợp nhất

c. Working through the astral plane producing "love in the personality" which is love of the form for other forms.

c. Hoạt động qua cõi cảm dục tạo ra "bác ái trong phàm ngã", tức là tình yêu của hình tướng đối với những hình tướng khác.

These three points mark periods of completion, and likewise starting-points for fresh endeavour in the life of the evolving Monad—from the personality to the Triad, from the Triad to the Monad, **from the Monad back again to its source.**

Ba điểm này đánh dấu những giai đoạn hoàn tất, đồng thời cũng là những điểm khởi đầu cho nỗ lực mới trong đời sống của chân thần đang tiến hoá—từ phàm ngã đến Tam nguyên tinh thần, từ Tam nguyên tinh thần đến chân thần, **từ chân thần trở lại nguồn cội của nó.**

149. Consummated personality love awakens a realization of the need for triadal love (a wider love which we can call the "love of God"—really a reflection of the "Love of God").

149. Bác ái của phàm ngã khi được hoàn tất sẽ đánh thức sự chứng nghiệm về nhu cầu đối với bác ái triadal (một bác ái rộng lớn hơn mà chúng ta có thể gọi là "bác ái của Thượng đế"—thực ra là một phản chiếu của "Bác ái của Thượng đế").

150. Consummated triadal love awakens a realization of the need for the 'love of the Spirit'—universal love, the true love of the 'Solar God', our Solar Logos.

150. Bác ái triadal khi được hoàn tất sẽ đánh thức sự chứng nghiệm về nhu cầu đối với 'bác ái của Tinh thần'—bác ái phổ quát, bác ái chân thực của 'Thượng đế Thái dương', Thái dương Thượng đế của chúng ta.

151. We are reminded that the Monad has a "source" and that source is not to be found upon the monadic plane.

151. Chúng ta được nhắc rằng chân thần có một "nguồn cội" và nguồn cội ấy không thể được tìm thấy trên cõi chân thần.

152. If the Monad is "that which finds its home within the sun", then we must consider the Sun (in one of its aspects) as the

152. Nếu chân thần là "điều tìm thấy ngôi nhà của nó trong mặt trời", thì chúng ta phải xem Mặt Trời (trong một phương diện của

"source" of the Monad—at least for practical purposes and within this particular solar system. The real "Source" of the Monad is a profound mystery to be traced back to the fathomless beginning of Cosmos on planes far higher than we can even imagine.

nó) là "nguồn cội" của chân thần—ít nhất là cho những mục đích thực tiễn và trong hệ mặt trời đặc thù này. "Nguồn Cội" thực sự của chân thần là một huyền nhiệm sâu xa, phải được truy nguyên về khởi đầu vô đáy của Vũ trụ trên những cõi cao hơn rất nhiều so với điều chúng ta có thể hình dung.

5. The Law of Fixation.—This is the governing law of the mental plane, finding its greater correspondence in the Law of Karma on cosmic mental levels.

5. Định luật Cố Định.—Đây là định luật chi phối cõi trí, có sự tương ứng lớn hơn của nó trong Định luật Nghiệp Quả trên các cấp độ trí tuệ vũ trụ.

153. If the Law of Karma arises from cosmic mental levels; if it is a Sirian law; and if Sirius is focussed in many respects upon the cosmic mental plane, then the "Law of Fixation" must have a higher cosmic correspondence which relates to Sirius.

153. Nếu Định luật Nghiệp Quả phát sinh từ các cấp độ trí tuệ vũ trụ; nếu đó là một định luật Sirian; và nếu Sirius trong nhiều phương diện được tập trung trên cõi trí vũ trụ, thì "Định luật Cố Định" hẳn phải có một sự tương ứng vũ trụ cao hơn liên hệ với Sirius.

154. The karma for human beings, for instance, is, in any one cycle, largely fixed and determined. This may be one of the effects of the "Law of Fixation".

154. Chẳng hạn, nghiệp quả của con người, trong bất kỳ một chu kỳ nào, phần lớn được cố định và xác định. Đây có thể là một trong những hiệu quả của "Định luật Cố Định".

"As a man thinks, so is he;" according to his thoughts are his desires and acts, and so results the future.

"Con người nghĩ sao, y là vậy;" theo những tư tưởng của y mà dục vọng và hành động của y hình thành, và như thế tương lai được tạo ra.

155. We might also say that "as a man thinks", 'so he becomes'. He becomes objectively what he is subjectively.

155. Chúng ta cũng có thể nói rằng "con người nghĩ sao", 'y trở thành như vậy'. Y trở thành một cách khách quan điều mà y là một cách chủ quan.

He fixes for himself the resultant karma.

Y tự cố định nghiệp quả kết thành cho chính mình.

156. By the persistent fixity of his thoughts he creates a resultant karma. Thought fixates karma.

156. Bằng tính cố định bền bỉ của những tư tưởng của y, y tạo ra một nghiệp quả kết thành. Tư tưởng cố định hóa nghiệp quả.

157. Thoughtforms are structured under the influence of Saturn and Saturn is the most powerful of our systemic Lords of Karma.

157. Các hình tư tưởng được cấu trúc dưới ảnh hưởng của Sao Thổ, và Sao Thổ là vị quyền năng nhất trong các Chúa Tể Nghiệp Quả của hệ chúng ta.

158. A passing thought will not generate that which we call karma, but when one *persists* in a line of thought, it becomes a 'fixed actuality' and results in outer developments which are correlated to the thought.

158. Một tư tưởng thoáng qua sẽ không tạo ra điều mà chúng ta gọi là nghiệp quả, nhưng khi người ta *kiên trì* trong một đường tư tưởng, nó trở thành một 'thực tại cố định' và dẫn đến những phát triển bên ngoài tương ứng với tư tưởng ấy.

The word "Fixation" is chosen for two purposes: **First, because the word implies the capacity of the thinker to *shape* his own destiny**,

Từ "Cố Định" được chọn vì hai mục đích: **Thứ nhất, vì từ này hàm ý năng lực của thức giả trong việc *định hình* vận mệnh của chính mình**,

159. "Fixation" is a Saturnian and Vulcanian word. These are two planets which, indeed, *shape* or formulate destiny.

159. "Cố Định" là một từ mang tính Sao Thổ và Vulcan. Quả thật, đây là hai hành tinh *định hình* hay tạo khuôn vận mệnh.

160. A future intended pattern is *held* through all vicissitudes and the one within *insists that it be.* By insistence is meant the deflection of all other possibilities. Fixing/fixating and holding are, in this case, identical.

160. Một mô hình tương lai đã được dự định được *giữ vững* qua mọi thăng trầm, và đấng bên trong *khăng khăng đòi nó phải là như vậy.* Bởi sự khăng khăng, điều được hàm ý là sự gạt lệch mọi khả năng khác. Trong trường hợp này, cố định/cố định hóa và giữ vững là đồng nhất.

161. Fixed thought shapes destiny.

161. Tư tưởng cố định định hình vận mệnh.

and secondly because the word implies a stabilising idea, for as evolution progresses, the Ego evolves the faculty of forming definite concrete thought-forms, and, **through these stable products, of subduing the fluctuations of the astral body.**

và thứ hai vì từ này hàm ý một ý tưởng ổn định, vì khi tiến hoá tiến triển, chân ngã phát triển năng lực tạo ra những hình tư tưởng cụ thể xác định, và, **thông qua những sản phẩm ổn định này, chế ngự những dao động của thể cảm dục.**

162. Fixation subdues fluctuation. This is another way of saying, symbolically, that the stable 'Sun'/Vulcan subdues the fluctuating 'Moon'.

162. Cố định chế ngự dao động. Đây là một cách khác để nói, theo biểu tượng, rằng 'Mặt Trời'/Vulcan ổn định chế ngự 'Mặt Trăng' dao động.

163. We have, in sum:

a. The *shaping* of destiny through fixation

b. Through fixation, the holding of stabilized thoughts which subdue astral fluctuations and thus lead to intended accomplishment.

This law of the fifth, or mental plane is one of the most important laws with which we have to do **at any time,** and it will find its most complete demonstration in the next, or fifth round.

164. This is a statement with great implications. Not only is this "Law of Fixation" important *now* but it is one of the most important laws to consider "at any time".

165. It would appear that we are still in very early days of understanding the full significance of the law. The next round is the fifth round and, numerically, will be the one in which a much fuller understanding and demonstration of the "Law of Fixation" will be achieved.

166. What kind of 'fixation' will occur in the middle of the fifth round at the "Judgment Day"? May we say that some will be 'fixed' upon the Earth to pursue their further evolution; others will be dispatched elsewhere.

167. We might say that the polarization-in-consciousness of humanity (and, by extension, of the Planetary Logos) will be fixed in relation to the second aspect of

163. Tóm lại, chúng ta có:

a. Sự *định hình* vận mệnh thông qua sự cố định

b. Thông qua sự cố định, việc giữ vững những tư tưởng đã được ổn định, vốn chế ngự những dao động cảm dục và do đó dẫn đến sự thành tựu đã được dự định.

Định luật này của cõi thứ năm, hay cõi trí, là một trong những định luật quan trọng nhất mà chúng ta phải đề cập đến **vào bất cứ lúc nào,** và nó sẽ tìm thấy sự biểu hiện đầy đủ nhất của nó trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, hay cuộc tuần hoàn thứ năm.

164. Đây là một phát biểu có những hàm ý lớn lao. "Định luật Cố Định" này không chỉ quan trọng *hiện nay* mà còn là một trong những định luật quan trọng nhất cần xem xét "vào bất cứ lúc nào".

165. Có vẻ như chúng ta vẫn còn ở những ngày đầu trong việc thấu hiểu đầy đủ thâm nghĩa của định luật này. Cuộc tuần hoàn kế tiếp là cuộc tuần hoàn thứ năm, và về mặt số học, đó sẽ là cuộc tuần hoàn trong đó một sự thấu hiểu và biểu hiện đầy đủ hơn nhiều của "Định luật Cố Định" sẽ đạt được.

166. Loại 'cố định' nào sẽ xảy ra vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm trong "Ngày Phán Xét"? Chúng ta có thể nói rằng một số sẽ được 'cố định' trên Trái Đất để theo đuổi sự tiến hoá tiếp theo của họ; những người khác sẽ được gửi đi nơi khác.

167. Chúng ta có thể nói rằng sự phân cực trong tâm thức của nhân loại (và, theo sự mở rộng, của Đức Hành Tinh Thượng Đế) sẽ được cố định trong liên hệ với phương diện

divinity. Those who have no orientation to that aspect will be 'expelled' for progress elsewhere.

thứ hai của thiên tính. Những ai không có định hướng đối với phương diện ấy sẽ bị 'trục xuất' để tiến bộ ở nơi khác.

In relation to this fourth round the following facts may be gathered about its working:

Trong liên hệ với cuộc tuần hoàn thứ tư này, có thể thu thập những sự kiện sau đây về hoạt động của nó:

It is the law under which the evolving personality builds up, during the course of many lives, the causal body;

Đó là định luật mà dưới đó phàm ngã đang tiến hoá xây dựng thể nguyên nhân trong tiến trình của nhiều kiếp sống;

168. The causal body is upon the higher levels of the fifth plane. As the light of mind grows within the personality it becomes possible to act in such a manner that value may be extracted from personality experience and *fixed* as content within the causal body.

168. Thể nguyên nhân ở trên các cấp độ cao hơn của cõi thứ năm. Khi ánh sáng của trí tuệ tăng trưởng trong phàm ngã, thì việc hành động theo cách sao cho giá trị có thể được rút ra từ kinh nghiệm của phàm ngã và được *cố định* như nội dung bên trong thể nguyên nhân trở nên khả hữu.

it fixes the matter inhering in that body, placed there by the man as the ages slip away, and crystallises it.

nó cố định vật chất vốn nội tại trong thể ấy, được con người đặt vào đó khi các thời đại trôi qua, và kết tinh nó.

169. The "matter…placed there" is the substance which embodies faculty. Fixation is, in this case, an act of construction.

169. "Vật chất… được đặt vào đó" là chất liệu hiện thân cho năng lực. Trong trường hợp này, sự cố định là một hành vi kiến tạo.

170. Considering the relative size of a newly made causal body and a causal body possessed by an experienced unit of consciousness, there is a great contrast, the latter having, in fact, much more "matter" within it.

170. Khi xét đến kích thước tương đối của một thể nguyên nhân mới được tạo thành và một thể nguyên nhân do một đơn vị tâm thức giàu kinh nghiệm sở hữu, có một sự tương phản lớn, vì thể sau thực sự có nhiều "vật chất" hơn bên trong nó.

Before the fourth Initiation the crystallisation is complete, and the inevitable shattering that is the result of crystallisation in all forms, takes place,

Trước lần Điểm Đạo thứ tư, sự kết tinh hoàntất, và sự tan vỡ không thể tránh khỏi, vốn là kết quả của sự kết tinh trong mọi hình tướng, diễn ra,

171. Shall we relate "fixation" and "crystallisation"?

171. Liệu chúng ta có nên liên hệ "cố định" và "kết tinh" chăng?

172. Crystallization is a Vulcanian process, relating fixation to this planet of unbendable will.

setting the [Page 592] indwelling life free for further progress. All forms are but hindrances and limitations, and ultimately must go, but they have their needed place in the development of the race. **Eventually the causal body of the entire race itself disintegrates.**

173. The disintegration of the causal body of the race will mark the period in which the race reaches the point of tension at the fourth great cycle of attainment. The race itself will be an Arhat. Will we be closer to this eventuality when the personality ray of humanity becomes the fourth and its soul ray, the second?

This law governs the crystallisation of all forms prior to their shattering in the process of evolution.

174. So far, of the "Law of Fixation" in relation to man, we may say:

a. It builds up the causal body

b. It fixes matter inhering in the causal body

c. It crystallizes the 'forms of faculty' built into the causal body. When human experience has no more to teach the Arhat, the form of the causal body arrives at a crystallized state ripe for shattering.

172. Sự kết tinh là một tiến trình Vulcan, liên kết sự cố định với hành tinh của ý chí bất khuất này.

giải phóng [Page 592] sự sống nội tại để tiếp tục tiến bộ. Mọi hình tướng chỉ là những chướng ngại và giới hạn, và rốt cuộc đều phải ra đi, nhưng chúng có vị trí cần thiết của chúng trong sự phát triển của nhân loại. **Cuối cùng, chính thể nguyên nhân của toàn thể nhân loại cũng tan rã.**

173. Sự tan rã của thể nguyên nhân của nhân loại sẽ đánh dấu giai đoạn trong đó nhân loại đạt đến điểm tập trung nhất tâm ở đại chu kỳ thành tựu thứ tư. Bản thân nhân loại sẽ là một Arhat. Liệu chúng ta có gần hơn với biến cố này khi cung phàm ngã của nhân loại trở thành cung bốn và cung linh hồn của nó trở thành cung hai chăng?

Định luật này chi phối sự kết tinh của mọi hình tướng trước khi chúng bị tan vỡ trong tiến trình tiến hoá.

174. Cho đến nay, về "Định luật Cố Định" trong liên hệ với con người, chúng ta có thể nói:

a. Nó xây dựng thể nguyên nhân

b. Nó cố định vật chất nội tại trong thể nguyên nhân

c. Nó kết tinh các 'hình tướng của năng lực' được xây dựng vào trong thể nguyên nhân. Khi kinh nghiệm của con người không còn gì để dạy Arhat nữa, hình tướng của thể nguyên nhân đạt đến một trạng thái kết tinh chín muồi để tan vỡ.

175. In governing the crystallizing of all forms prior to shattering, the fifth law works in tandem with the first ray of the destroyer. The fifth ray prepares the way for the act of destruction which comes through the application of the first ray.

175. Trong việc chi phối sự kết tinh của mọi hình tướng trước khi tan vỡ, định luật thứ năm hoạt động song hành với cung một của đấng hủy diệt. Cung năm chuẩn bị con đường cho hành vi hủy diệt đến qua việc áp dụng cung một.

It governs **the time of rebirth,** being one of the subsidiary branches of the Law of Karma.

Nó chi phối **thời điểm tái sinh,** là một trong những nhánh phụ của Định luật Nghiệp Quả.

176. We remember that the Law of Karma is an "Intermediary Law", positioned between the three cosmic laws and the seven systemic laws.

176. Chúng ta nhớ rằng Định luật Nghiệp Quả là một "Định luật Trung gian", được đặt giữa ba định luật vũ trụ và bảy định luật hệ thống.

177. The fifth ray is a highly mathematical ray. The "time of rebirth" is calculated with mathematical precision by the Lords of Karma. All manner of cycles have to be taken into consideration.

177. Cung năm là một cung có tính toán học rất cao. "Thời điểm tái sinh" được các Đấng Nghiệp Quả tính toán với độ chính xác toán học. Mọi loại chu kỳ đều phải được cân nhắc.

178. DK is telling us that the "Law of Fixation" is "one of the subsidiary branches of the Law of Karma".

178. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng "Định luật Cố Định" là "một trong những nhánh phụ của Định luật Nghiệp Quả".

179. Those who are upon the fifth ray take a cosmic Path which leads to "Absolute Sonship" and the possibility of becoming a Lipika Lord. It is, among many other things, a *mathematical* Path.

179. Những ai thuộc cung năm đi theo một Con Đường vũ trụ dẫn đến "Tình Con Tuyệt Đối" và khả năng trở thành một Chúa Tể Lipika. Trong nhiều điều khác, đó là một Con Đường *toán học*.

180. Sirius is the source of the Law of Karma as far as our solar system is concerned. The faculty of manas is highly developed on Sirius; it is great *manasic* star and thus expresses the fifth ray, just as does the "Law of Fixation".

180. Sirius là nguồn của Định luật Nghiệp Quả xét theo hệ mặt trời của chúng ta. Năng lực manas được phát triển rất cao trên Sirius; đó là một ngôi sao *manas* vĩ đại và do đó biểu lộ cung năm, cũng như "Định luật Cố Định" vậy.

Each of the seven subsidiary laws is linked to one of the cosmic laws, **or** with the Sirian Law of Karma.

Mỗi một trong bảy định luật phụ đều được liên kết với một trong các định luật vũ trụ, **hoặc** với Định luật Nghiệp Quả Sirian.

181. This is an important point. Earlier it seemed that each of the seven systemic laws must be linked with one or other of the three cosmic laws. This is true in a way, but here DK offers another option—"or within the Sirian Law of Karma".

181. Đây là một điểm quan trọng. Trước đây dường như mỗi một trong bảy định luật hệ thống đều phải được liên kết với một hay một định luật khác trong ba định luật vũ trụ. Điều này đúng theo một cách nào đó, nhưng ở đây Chân sư DK đưa ra một khả năng khác—"hoặc trong Định luật Nghiệp Quả Sirian".

182. The "Law of Fixation" is definitely linked with the Sirian Law of Karma. I would not be surprised of the "Law of Magnetic Control" is also linked.

182. "Định luật Cố Định" chắc chắn được liên kết với Định luật Nghiệp Quả Sirian. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" cũng được liên kết như vậy.

We need always to remember that the consciousness of the cosmic mental plane is the logoic goal of attainment,

Chúng ta luôn cần nhớ rằng tâm thức của cõi trí vũ trụ là mục tiêu thành tựu của Thượng đế,

183. Our Solar Logos is not yet mentally polarized and is seeking to become so.

183. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa phân cực trí tuệ và đang tìm cách trở nên như vậy.

and that the Sirian Logos is to our solar Logos what the human Ego is to the personality.

và rằng Thượng đế Sirian đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng như chân ngã con người đối với phàm ngã.

184. The Sirian Logos (the Logos of the star Sirius, and perhaps of the small companion star, Sirius B) *is* mentally polarized.

184. Thượng đế Sirian (Thượng đế của ngôi sao Sirius, và có lẽ cả ngôi sao đồng hành nhỏ, Sirius B) *được* phân cực trí tuệ.

185. We have the division—when the polarization is astral, the focus is still personal. When the polarization is mental, the polarization *can* be egoic.

185. Chúng ta có sự phân chia này—khi sự phân cực là cảm dục, tiêu điểm vẫn còn mang tính cá nhân. Khi sự phân cực là trí tuệ, sự phân cực *có thể* là chân ngã.

The Law of Karma, or cosmic Fixation, is the law of the cosmic mental plane, and

Định luật Nghiệp Quả, hay Cố Định vũ trụ, là định luật của cõi trí vũ trụ, và kiểm soát định luật tương ứng trong hệ chúng ta.

controls the corresponding law in our system.

186. Here we have a direct statement confirming what was earlier suggested. Not only is the "Law of Fixation" an aspect of the Sirian Law of Karma but the Sirian Law of Karma *is* a "Law of Fixation"—a *cosmic* "Law of Fixation".

186. Ở đây chúng ta có một phát biểu trực tiếp xác nhận điều đã được gợi ý trước đó. "Định luật Cố Định" không chỉ là một phương diện của Định luật Nghiệp Quả Sirian mà Định luật Nghiệp Quả Sirian *là* một "Định luật Cố Định"—một "Định luật Cố Định" *vũ trụ*.

187. The idea is that each cosmic law has lower correspondences within the system. The systemic "Law of Fixation" is the systemic correspondence to the cosmic "Law of Fixation"—the Sirian Law of Karma.

187. Ý tưởng ở đây là mỗi định luật vũ trụ đều có những sự tương ứng thấp hơn bên trong hệ. "Định luật Cố Định" của hệ là sự tương ứng trong hệ đối với "Định luật Cố Định" vũ trụ—Định luật Nghiệp Quả Sirian.

188. The Solar Angels which attend the human race must have much to do with the systemic "Law of Fixation". There are logoic Solar Angels on the cosmic mental plane, and they probably have much to do with the cosmic "Law of Fixation".

188. Các Thái dương Thiên Thần phụng sự nhân loại hẳn phải có liên hệ rất nhiều với "Định luật Cố Định" của hệ. Có những Thái dương Thiên Thần của Thượng đế trên cõi trí vũ trụ, và có lẽ các Ngài cũng có liên hệ rất nhiều với "Định luật Cố Định" vũ trụ.

A solar Logos uses for His energy centres the planetary schemes, each of which embodies a peculiar type of energy, and each of which, therefore, **vibrates to the key of the logoic solar Angel, of which the human solar Angel is a dim reflection. (TCF 1161)**

Một Thái dương Thượng đế sử dụng các hệ hành tinh làm các trung tâm năng lượng của Ngài, mỗi hệ trong số đó hiện thân cho một loại năng lượng đặc thù, và do đó, mỗi hệ **rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần của Thượng đế, mà Thái dương Thiên Thần con người chỉ là một phản chiếu mờ nhạt. (TCF 1161)**

In the fifth round this law will act as the divider, **temporarily crystallising and fixing into two great classes the human Monads, as they evolve.**

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, định luật này sẽ hoạt động như đấng phân chia, **tạm thời kết tinh và cố định thành hai giai cấp lớn các Chân thần con người khi họ tiến hoá.**

189. The fifth ray expresses itself through the "Law of Cleavages" or of division.

189. Cung năm biểu lộ chính nó qua "Định luật Phân Ly" hay định luật phân chia.

190. Initiation itself is an 'act of fiery fixation'. Electrical Uranus, associated with the Hierophant, and with the first and fifth rays, carries the power of 'electrical fixation'. Perhaps this is what the Rod of Power provides during the initiation ceremony.

190. Bản thân điểm đạo là một 'hành vi cố định bằng lửa'. Sao Thiên Vương điện, được liên kết với Đấng Điểm đạo, và với cung một cùng cung năm, mang quyền năng của 'sự cố định bằng điện'. Có lẽ đây là điều mà Thần Trượng Điểm đạo cung cấp trong nghi thức điểm đạo.

191. The classes which are divided one from another are really classes of human monads. Some of these Monads work through personalities which are "on the Path" and some through personalities which are not—yet.

191. Những giai cấp được phân chia khỏi nhau thực ra là các giai cấp chân thần con người. Một số Chân thần này hoạt động qua những phàm ngã đang ở "trên Con Đường", và một số khác qua những phàm ngã chưa ở đó—ít nhất là hiện chưa.

192. We see that all such division is only temporary, and we may infer that after the period of division, greater unities lie ahead.

192. Chúng ta thấy rằng mọi sự phân chia như thế chỉ là tạm thời, và chúng ta có thể suy ra rằng sau giai đoạn phân chia, những hợp nhất lớn lao hơn đang ở phía trước.

193. When fixation occurs a *law* is in progress. A ring-pass-not is created and one cannot violate the law (first ray) by moving outside the ring-pass-not.

193. Khi sự cố định xảy ra, một *định luật* đang vận hành. Một vòng-giới-hạn được tạo ra và người ta không thể vi phạm định luật ấy (cung một) bằng cách di chuyển ra ngoài vòng-giới-hạn.

194. That which is crystallized cannot move. The fifth ray fixes the consciousness of certain entities within a certain field of experience. The field is set and cannot be breached.

194. Điều đã kết tinh thì không thể chuyển động. cung năm cố định tâm thức của một số thực thể trong một trường kinh nghiệm nhất định. Trường ấy đã được thiết lập và không thể bị vượt qua.

One group then (containing those who will reach the goal), will pass gradually out from under the domination of this law, and will come under the Law of Magnetic Control.

Khi đó, một nhóm (gồm những người sẽ đạt mục tiêu) sẽ dần dần thoát khỏi sự chi phối của định luật này, và sẽ đi vào dưới Định luật Xung Động Từ Tính.

195. These are those who are on their way into the realm of the spiritual triad. They are transferring from the auspices of the fifth law to the auspices of the fourth. They are

195. Đó là những người đang trên đường đi vào cõi của Tam nguyên tinh thần. Họ đang chuyển từ sự bảo trợ của định luật thứ năm sang sự bảo trợ của định luật thứ tư. Họ là

the five becoming the four. From manas they pass to buddhi via buddhi-manas.

năm đang trở thành bốn. Từ manas họ đi sang Bồ đề qua buddhi-manas.

196. Earlier in the text we studied how many fifths or tenths would reach the sixth, fifth or third initiations, or would be in earlier stages of the Path. (cf. TCF 422)

196. Trước đó trong bản văn, chúng ta đã khảo sát bao nhiêu phần năm hay phần mười sẽ đạt đến lần điểm đạo thứ sáu, thứ năm hay thứ ba, hoặc sẽ còn ở những giai đoạn sớm hơn của Con Đường. (xem TCF 422)

The other will remain under the law in a static condition,

Những người khác sẽ vẫn ở dưới định luật này trong một trạng thái tĩnh,

197. Fixation produces stasis.

197. Sự cố định tạo ra sự đình trệ.

until in a later period a fresh opportunity will come;

cho đến khi trong một thời kỳ về sau một cơ hội mới sẽ đến;

198. Will this opportunity come upon the Earth or on another sphere, such as the planet Mars? Or on both at different times?

198. Cơ hội này sẽ đến trên Trái Đất hay trên một khối cầu khác, chẳng hạn như hành tinh Sao Hỏa? Hay trên cả hai vào những thời điểm khác nhau?

199. When this second group goes into temporary pralaya, will the condition be one of stasis? This seems to be the implication.

199. Khi nhóm thứ hai này đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời, liệu trạng thái ấy có phải là một trạng thái đình trệ không? Dường như đó là điều được hàm ý.

old forms will break, and in another mahamanvantara, and in its fifth period, will come the chance for which they will have waited, when they can again swing into the current of evolution and **the imprisoned spirits** may mount again towards their source.

các hình tướng cũ sẽ tan vỡ, và trong một Đại giai kỳ sinh hóa khác, và trong thời kỳ thứ năm của nó, sẽ đến cơ hội mà họ đã chờ đợi, khi họ có thể lại hòa vào dòng tiến hoá và **các tinh thần bị giam hãm** có thể lại vươn lên hướng về cội nguồn của mình.

200. Little has been said of those who at the "Judgment Day" will be sent into pralaya and, thence, transferred to another sphere for development suitable to them.

200. Người ta đã nói rất ít về những ai vào "Ngày Phán Xét" sẽ bị đưa vào giai kỳ qui nguyên và từ đó được chuyển sang một khối cầu khác để phát triển theo cách thích hợp với họ.

201. Will these segregated Monads (two-fifths) have to wait until another solar system to resume their progressive activity, or is the word "mahamanvantara" variously used, sometimes meaning an entire occult century and sometimes a rather shorter span of time.

201. Liệu các Chân thần bị tách riêng này (hai phần năm) sẽ phải chờ đến một hệ mặt trời khác mới tiếp tục hoạt động tiến bộ của mình, hay từ "mahamanvantara" được dùng theo nhiều nghĩa, đôi khi chỉ toàn bộ một đại chu kỳ huyền bí và đôi khi chỉ một khoảng thời gian ngắn hơn khá nhiều.

202. Is it being suggested that the transference of the two-fifths into pralaya and thence, into another sphere, is a retardation and imprisonment, or that opportunity is offered in this transference? When transferred are they somehow removed "from the current of evolution", having only later to return.

202. Có phải ở đây đang gợi ý rằng việc chuyển hai phần năm vào giai kỳ qui nguyên rồi từ đó sang một khối cầu khác là một sự trì hoãn và giam hãm, hay rằng cơ hội được ban cho trong chính sự chuyển dịch này? Khi được chuyển đi, bằng cách nào đó họ có bị đưa ra khỏi "dòng tiến hoá", để rồi chỉ về sau mới phải quay lại hay không.

203. We note the following suggesting that the two-fifths may not go into a condition of stasis. It seems to be suggested that the place to which they are transferred will be a place of nurture.

203. Chúng ta lưu ý điều sau đây, gợi ý rằng hai phần năm ấy có thể không đi vào một trạng thái đình trệ. Dường như nơi họ được chuyển đến sẽ là một nơi nuôi dưỡng.

These two fifths will pass into temporary pralaya, preparatory to their transference to another scheme, as the Earth scheme will no longer provide for them an adequate place of nurture. (TCF 391)

Hai phần năm này sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời, chuẩn bị cho việc được chuyển sang một hệ hành tinh khác, vì hệ hành tinh Địa Cầu sẽ không còn cung cấp cho họ một nơi nuôi dưỡng thích đáng nữa. (TCF 391)

204. It is interesting that only when a designated fifth cycle returns can then again reach the point of opportunity which was presented to them at the "Judgment Day".

204. Điều đáng chú ý là chỉ khi chu kỳ thứ năm được chỉ định quay trở lại thì khi ấy họ mới có thể lại đạt đến điểm cơ hội đã được trình ra cho họ vào "Ngày Phán Xét".

205. That fifth period in another "mahamanvantara" is a kind of fifth round. Will it be a scheme-round (in which case the term "mahamanvantara" will mean a span much less than an occult century) or will it be a 'systemic-round' *through* a solar system and its various planets, in which case the

205. Thời kỳ thứ năm ấy trong một "mahamanvantara" khác là một loại cuộc tuần hoàn thứ năm. Liệu đó sẽ là một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh (trong trường hợp ấy từ "mahamanvantara" sẽ có nghĩa là một khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với một đại chu kỳ huyền bí) hay sẽ là một 'cuộc tuần hoàn hệ thống' *xuyên qua* một hệ mặt

term “mahamanvantara” will mean, exactly, an occult century.

trời và các hành tinh khác nhau của nó, trong trường hợp ấy từ “mahamanvantara” sẽ có nghĩa chính xác là một đại chu kỳ huyền bí.

In an occult sense this law is for us the one with which we are the most intimately concerned.

Theo nghĩa huyền bí, đối với chúng ta đây là định luật mà chúng ta có liên hệ mật thiết nhất.

206. This is so because we are in process of transferring from the fourth kingdom of nature into the fifth.

206. Điều này là như vậy vì chúng ta đang trong tiến trình chuyển từ giới thứ tư của thiên nhiên sang giới thứ năm.

207. The “Law of Fixation” touches on our very humanity and its possible spiritualization.

207. “Định luật Cố Định” chạm đến chính nhân tính của chúng ta và khả năng được tinh thần hóa của nó.

It plays an important part **in the hands of the Lords of Flame,** and is one of Their main factors in controlling the three worlds.

Nó giữ một vai trò quan trọng **trong tay các Đấng Chúa Tể của Lửa,** và là một trong những yếu tố chính của Các Ngài trong việc kiểm soát ba cõi giới.

208. The Solar Angels are really karmic Agents. Since the “Law of Fixation” is really a lesser Law of Karma (which is a greater “Law of Fixation”), we can understand that the Solar Angels would wield it.

208. Các Thái dương Thiên Thần thực sự là những Tác Nhân nghiệp quả. Vì “Định luật Cố Định” thực sự là một Định luật nhỏ của nghiệp quả (mà nghiệp quả là một “Định luật Cố Định” lớn hơn), chúng ta có thể hiểu rằng các Thái dương Thiên Thần sẽ vận dụng nó.

209. We remember also that the “Law of Magnetic Control” is another law by means of which the personality and even the ego in the causal body are controlled—presumably by the Solar Angel (and also by the Monad).

209. Chúng ta cũng nhớ rằng “Định luật Xung Động Từ Tính” là một định luật khác nhờ đó phàm ngã và ngay cả chân ngã trong thể nguyên nhân cũng được kiểm soát—có lẽ bởi Thái dương Thiên Thần (và cũng bởi chân thần).

Note here an interesting fact, that Venus is the sixth planet (esoterically the second), and is in her [Page 593] **fifth round**, and hence is ahead of us along every line.

Hãy lưu ý ở đây một sự kiện thú vị, rằng Sao Kim là hành tinh thứ sáu (một cách huyền bí là thứ hai), và đang ở trong [Page 593] **cuộc tuần hoàn thứ năm** của mình, và vì thế đi trước chúng ta trên mọi phương diện.

210. Venus has a sixth ray Monad (but this is not her "major" monadic ray). To say that Venus is the "sixth planet" correlates with this sixth ray Monad.

210. Sao Kim có một chân thần cung sáu (nhưng đây không phải là cung chân thần "chính yếu" của nó). Nói rằng Sao Kim là "hành tinh thứ sáu" tương ứng với chân thần cung sáu này.

211. To say that Venus is "esoterically the second" correlates with 'her' *major* monadic ray, the second.

211. Nói rằng Sao Kim "một cách huyền bí là thứ hai" tương ứng với cung chân thần *chính yếu* của 'nó', tức cung hai.

212. We remember that in Chart VI of TCF, Venus is shown as the *second* planetary scheme, and in Chart VII as the *second* chain. This is the more occult representation and correlates with 'her' deeply esoteric *second* ray Monad.

212. Chúng ta nhớ rằng trong Biểu đồ VI của TCF, Sao Kim được trình bày là hệ hành tinh thứ *hai*, và trong Biểu đồ VII là dãy thứ *hai*. Đây là cách trình bày huyền bí hơn và tương ứng với chân thần cung *hai* sâu kín của 'nó'.

213. Notice that the term "her" is used in relation to Venus, indicating 'her' temporarily feminine nature, for 'she' is in a feminine incarnation.

213. Hãy lưu ý rằng từ "her" được dùng liên hệ với Sao Kim, cho thấy bản chất nữ tính tạm thời của 'nó', vì 'nó' đang trong một lần lâm phàm nữ tính.

214. The round in which Venus finds herself is a 'planetary round' or a 'scheme round'. It is a round which concerns the entire planetary scheme and not just a *chain* within the scheme.

214. Cuộc tuần hoàn mà Sao Kim đang ở trong đó là một 'cuộc tuần hoàn hành tinh' hay một 'cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh'. Đó là một cuộc tuần hoàn liên quan đến toàn bộ hệ hành tinh chứ không chỉ một *dãy* bên trong hệ hành tinh.

215. We, on the other hand, are the *fourth* planet and are in our *fourth* scheme-round as well as the fourth chain round of the fourth chain. On Earth we have not yet made the transition from the four to the five. And still, in another way, we are preoccupied with the five and have not entered the synthesis which the four makes possible.

215. Ngược lại, chúng ta là hành tinh thứ *tư* và đang ở trong cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ *tư* của mình cũng như cuộc tuần hoàn dãy thứ tư của Dãy Thứ Tư. Trên Trái Đất, chúng ta vẫn chưa thực hiện sự chuyển tiếp từ bốn sang năm. Tuy nhiên, theo một cách khác, chúng ta lại bận tâm với năm và chưa đi vào sự tổng hợp mà bốn làm cho có thể.

This law demonstrates the **static quality of love,** static temporarily, but necessarily so

Định luật này chứng minh **phẩm tính tĩnh của tình thương,** tạm thời là tĩnh, nhưng tất

when viewed from the standpoint of **time, the great deluder**.

yếu là như vậy khi được nhìn từ quan điểm của **thời gian, kẻ đại lừa dối**.

216. We must relate the "Law of Fixation" to experience upon the *Fixed* Cross—the Cross of the Soul.

216. Chúng ta phải liên hệ "Định luật Cố Định" với kinh nghiệm trên Thập Giá *Cố Định*—Thập Giá của Linh hồn.

217. Through the soul we experience 'fixed love' or 'static love'—a type of love which is non-fluctuating.

217. Qua linh hồn, chúng ta kinh nghiệm 'tình thương cố định' hay 'tình thương tĩnh'—một loại tình thương không dao động.

218. Upon the higher mental plane where the "Law of Fixation" also applies, there is experienced one phase of the overcoming of the illusion of time. A more complete overcoming occurs in relation to the buddhic plane at and after the fourth degree.

218. Trên Cõi thượng trí, nơi "Định luật Cố Định" cũng được áp dụng, người ta kinh nghiệm một giai đoạn của việc vượt qua ảo tưởng về thời gian. Một sự vượt qua trọn vẹn hơn xảy ra liên hệ với cõi Bồ đề vào và sau cấp độ thứ tư.

219. Why is *time* called "the great deluder"? "Time then and form agree. Being and Time do not agree." Time veils Being. Saturn veils Uranus (Space, the Heavenly One, and the 'God of Simultaneity').

219. Vì sao *thời gian* được gọi là "kẻ đại lừa dối"? "Khi ấy thời gian và hình tướng đồng thuận. Bản Thể và Thời Gian không đồng thuận." Thời gian che phủ Bản Thể. Sao Thổ che phủ Sao Thiên Vương (Không Gian, Đấng Thiên Nhân, và 'Thượng đế của Tính Đồng Thời').

On the path of involution this law again works with the permanent atoms in the three worlds, with the building in of material around those atoms, in connection with the building devas and the reincarnating Egos.

Trên con đường giáng hạ tiến hoá, định luật này lại hoạt động với các Nguyên tử trường tồn trong ba cõi giới, với việc xây đắp vật chất quanh các nguyên tử ấy, liên hệ với các thiên thần kiến tạo và các chân ngã tái sinh.

220. We see that the "Law of Fixation" is also a *constructive* law. It contributes to the building process before contributing to the process of destruction

220. Chúng ta thấy rằng "Định luật Cố Định" cũng là một định luật *xây dựng*. Nó góp phần vào tiến trình xây dựng trước khi góp phần vào tiến trình hủy diệt

221. Along this line, the fifth ray is not only related to the first but also to the second. In fact, it is closely related to the third. This threefold relationship must be closely

221. Theo đường hướng này, cung năm không chỉ liên hệ với cung một mà còn với cung hai. Thật ra, nó liên hệ mật thiết với cung ba. Mối liên hệ tam phân này phải được

examined when we study the Word of Power, "Three Minds Unite".

222. Presumably the "building in of material around those atoms" means the building of the *vehicles* through which the Ego is to function.

223. This building-in and the building, in general, must be a highly technical and 'karmically mathematical' process, for which the fifth ray is needed.

224. There is much *scientific* knowledge required for work with the permanent atoms. The members so the Fifth Creative Hierarchy (the Solar Angels) have this type of knowledge.

The devas are the mother aspect, the builders of the body, and the reincarnating Jivas are the son aspect; yet the two are but one, and the result is the divine hermaphroditic man. [See page 512.]

225. The Planetary Logos is a Divine Hermaphrodite; so is man on a lesser scale.

226. We are dealing with the mystery of the Mother and the Son. The Jiva is the Son—the solar aspect in man. The Jiva is emanative extension of the monadic "spark". It is sun-like.

227. If any relationship is to be stable, some degree of *fixity* is required. Fixation leads to stabilization and stabilization leads to the perpetuation of relationship. Perpetuated relationships can be equated with perpetuated forms through which man can manifest. Without the "Law of Fixation",

khảo sát kỹ khi chúng ta nghiên cứu Quyền năng từ, "Ba trí hợp nhất".

222. Có lẽ "việc xây đắp vật chất quanh các nguyên tử ấy" có nghĩa là việc xây dựng các *vận cụ* mà qua đó chân ngã sẽ hoạt động.

223. Việc xây đắp này và việc xây dựng nói chung hẳn phải là một tiến trình có tính kỹ thuật rất cao và 'toán học theo nghiệp quả', cần đến cung năm.

224. Cần có rất nhiều tri thức *khoa học* cho công việc với các Nguyên tử trường tồn. Các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm (các Thái dương Thiên Thần) có loại tri thức này.

Các thiên thần là phương diện mẹ, là những đấng kiến tạo của thể, và các Jiva tái sinh là phương diện con; tuy nhiên cả hai chỉ là một, và kết quả là con người lưỡng tính thiêng liêng. [See page 512.]

225. Hành Tinh Thượng Đế là một Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng; con người cũng vậy ở một quy mô nhỏ hơn.

226. Chúng ta đang bàn đến huyền nhiệm của Mẹ và Con. Jiva là Con—phương diện thái dương trong con người. Jiva là sự mở rộng phát xạ của "tia lửa" chân thần. Nó có tính chất như mặt trời.

227. Nếu bất kỳ mối liên hệ nào muốn bền vững, thì cần có một mức độ *cố định* nào đó. Sự cố định dẫn đến sự ổn định và sự ổn định dẫn đến sự kéo dài của mối liên hệ. Những mối liên hệ được kéo dài có thể được xem tương đương với những hình tướng được kéo dài mà qua đó con người có thể biểu hiện. Không có "Định luật Cố Định", con

man would have no stable vehicles through which to manifest.

người sẽ không có những vận cụ ổn định để biểu hiện.

6. The Law of Love.—It is not easy, in this brief digest, to approach the tremendous problem of the place love plays in the evolving scheme of things as understood by three-dimensional man.

6. Định luật Tình thương.—Trong bản tóm lược ngắn này, không dễ để tiếp cận vấn đề to lớn về vai trò mà tình thương giữ trong hệ tiến hoá của vạn vật như được con người ba chiều thấu hiểu.

228. In the higher reaches of our identity we are more than "three dimensional man", and perhaps must repair to those heights in order to understand the true nature of Love.

228. Trong những tầng cao hơn của bản sắc chúng ta, chúng ta còn hơn cả "con người ba chiều", và có lẽ phải vươn lên những tầng cao ấy mới có thể hiểu bản chất đích thực của Tình thương.

A treatise could be written on the subject, and yet leave it unexhausted.

Có thể viết cả một bộ luận về chủ đề này mà vẫn chưa cạn hết.

229. When DK says this, He means exactly what He says.

229. Khi Chân sư DK nói điều này, Ngài có ý đúng như những gì Ngài nói.

230. He can foresee how a subject could be elaborated. His task, in giving us all these writings, is to essentialize His voluminous vision and understanding. It must have been a great act of discrimination to decide what to write about and in what length. Obviously, our capacity to assimilate and the time available to us to assimilate, must have presented Him with a very great challenge.

230. Ngài có thể thấy trước một chủ đề có thể được khai triển như thế nào. Nhiệm vụ của Ngài, khi trao cho chúng ta toàn bộ những trước tác này, là cô đọng tầm nhìn và sự thấu hiểu đồ sộ của Ngài thành phần tinh yếu. Hẳn đó là một hành vi phân biện lớn lao khi quyết định nên viết về điều gì và viết dài đến mức nào. Rõ ràng năng lực đồng hóa của chúng ta và thời gian dành cho chúng ta để đồng hóa hẳn đã đặt trước Ngài một thách thức rất lớn.

Much light comes if we can ponder deeply on the three expressions of Love: Love in the Personality, Love in the Ego, and Love in the Monad.

Rất nhiều ánh sáng sẽ đến nếu chúng ta có thể suy gẫm sâu xa về ba biểu hiện của Tình thương: Tình thương trong Phàm ngã, Tình thương trong Chân ngã, và Tình thương trong Chân thần.

231. These three, and the laws with which they correlate are constantly repeated in the sections of text we have been studying during this and the preceding commentary.

231. Ba điều này, cùng các định luật tương ứng với chúng, liên tục được lặp lại trong những phần bản văn mà chúng ta đã nghiên cứu trong bản luận giải này và bản trước đó.

Love in the Personality gradually develops through the stages of love of self, pure and simple and entirely selfish, to love of family and friends, to love of men and women, until it arrives at the stage of love of humanity or group love consciousness which is the predominant characteristic of the Ego.

Tình thương trong Phàm ngã dần dần phát triển qua các giai đoạn từ tình yêu bản thân, thuần túy và đơn giản, hoàn toàn ích kỷ, đến tình thương gia đình và bạn bè, đến tình thương đối với những người nam và nữ, cho đến khi đạt tới giai đoạn tình thương đối với nhân loại hay tâm thức tình thương nhóm, vốn là đặc tính nổi trội của chân ngã.

232. DK has given us an important developmental sequence. Let us try to *fix* it in mind through tabulation:

232. Chân sư DK đã cho chúng ta một chuỗi phát triển quan trọng. Chúng ta hãy cố *ghi cố định* nó trong trí qua cách liệt kê:

233. Love in the Personality develops in the following sequence:

233. Tình thương trong Phàm ngã phát triển theo trình tự sau:

a. Love of self, pure and simple, and entirely selfish

a. Tình yêu bản thân, thuần túy và đơn giản, hoàn toàn ích kỷ

b. Love of family and friends

b. Tình thương gia đình và bạn bè

c. Love of men and women who are not necessarily family and friends

c. Tình thương đối với những người nam và nữ không nhất thiết là gia đình hay bạn bè

d. Love of humanity in general—group love. This is the kind of love which expresses itself through the Ego.

d. Tình thương đối với nhân loại nói chung—tình thương nhóm. Đây là loại tình thương biểu lộ qua chân ngã.

A Master of Compassion loves, suffers with, and remains with His kind and with His kin.

Một Chúa Tể của Lòng Từ Bi yêu thương, cùng đau khổ với, và ở lại với đồng loại và với những người thân thuộc của Ngài.

234. DK is telling us about the motivation and life process of a Master of Compassion. Perhaps this type of Master is distinguished somewhat from a Master of the Wisdom.

234. Chân sư DK đang nói với chúng ta về động cơ và tiến trình sống của một Chúa Tể của Lòng Từ Bi. Có lẽ loại Chân sư này phần

nào được phân biệt với một Chân sư Minh Triết.

In the hierarchy of our planet the "Lords of Compassion" are numerically greater than the "Masters of the Wisdom." The former must therefore all pass to the sun Sirius there to undergo a tremendous manasic stimulation, for Sirius is the emanating source of manas. There the mystic must go and become what is called "a spark of mahatic electricity." (TCF 1243)

Trong thánh đoàn của hành tinh chúng ta, các "Chúa Tể của Lòng Từ Bi" đông hơn về số lượng so với các "Chân sư Minh Triết." Vì thế, tất cả các Ngài trước hết phải đi đến mặt trời Sirius để chịu một sự kích thích manas to lớn, vì Sirius là nguồn phát xạ của manas. Tại đó nhà thần bí phải đi đến và trở thành điều được gọi là "một tia lửa điện mahatic." (TCF 1243)

235. Let us think of the Christ:

235. Chúng ta hãy nghĩ đến Đức Christ:

a. He loved human beings

a. Ngài yêu thương con người

b. He suffered and suffers with human beings

b. Ngài đã cùng đau khổ và đang cùng đau khổ với con người

c. He remained and remains with human being, to all of whom He feels related.

c. Ngài đã ở lại và đang ở lại với con người, với tất cả những người mà Ngài cảm thấy có liên hệ.

236. The Christ is *both* a "Master of the Wisdom" and a "Lord of Compassion".

236. Đức Christ *vừa là* một "Chân sư Minh Triết" vừa là một "Chúa Tể của Lòng Từ Bi".

Love in the Ego gradually develops from love of humanity into love universal—a love that expresses not only love of humanity, but also love of the deva evolutions in their totality, and of all forms of divine manifestation.

Tình thương trong Chân ngã dần dần phát triển từ tình thương đối với nhân loại thành tình thương phổ quát—một tình thương biểu lộ không chỉ tình thương đối với nhân loại, mà còn tình thương đối với toàn bộ các tiến trình tiến hoá thiên thần, và đối với mọi hình thức biểu hiện thiêng liêng.

237. We now continue with the development of love. When tracing the development of Love in the Personality, we arrived finally at group love. When discussing Love in the Ego, we now begin with group love or love of humanity—a wider form of group love.

237. Giờ đây chúng ta tiếp tục với sự phát triển của tình thương. Khi truy theo sự phát triển của Tình thương trong Phàm ngã, cuối cùng chúng ta đã đi đến tình thương nhóm. Khi bàn về Tình thương trong Chân ngã, giờ đây chúng ta bắt đầu với tình thương nhóm hay tình thương đối với nhân loại—một

hình thức rộng lớn hơn của tình thương nhóm.

238. Love in the Ego develops through the following stages:

238. Tình thương trong Chân ngã phát triển qua các giai đoạn sau:

a. Love of the group

a. Tình thương đối với nhóm

b. Love of humanity

b. Tình thương đối với nhân loại

c. Love universal—including with a love of humanity, the love of the deva evolutions and of all forms of divine manifestation.

c. Tình thương phổ quát—bao gồm, cùng với tình thương đối với nhân loại, tình thương đối với các tiến trình tiến hoá thiên thần và đối với mọi hình thức biểu hiện thiêng liêng.

239. Ever the love becomes more and more inclusive.

239. Tình thương luôn luôn trở nên ngày càng bao gồm hơn.

Love in the Personality is love in the three worlds; love in the Ego is love in the solar system, and all that it contains; whilst love in the Monad demonstrates **a measure of cosmic love**, and embraces much that is outside the solar system altogether.

Tình thương trong Phàm ngã là tình thương trong ba cõi giới; tình thương trong Chân ngã là tình thương trong hệ mặt trời, và trong tất cả những gì nó chứa đựng; còn tình thương trong Chân thần biểu lộ **một mức độ tình thương vũ trụ**, và bao trùm nhiều điều hoàn toàn ở ngoài hệ mặt trời.

240. Here is an excellent comparison:

240. Đây là một sự so sánh rất tuyệt vời:

241. The three vibratory domains compared are:

241. Ba lĩnh vực rung động được so sánh là:

a. The three worlds wherein Love in the Personality prevails

a. Ba cõi giới nơi Tình thương trong Phàm ngã ngự trị

b. The seven world or seven solar planes wherein Love in the solar system prevails

b. Bảy thế giới hay bảy cõi thái dương nơi Tình thương trong hệ mặt trời ngự trị

c. Extra-systemic or Cosmic Love wherein “love in the Monad” prevails.

c. Tình thương ngoài hệ thống hay Tình thương Vũ trụ nơi “tình thương trong Chân thần” ngự trị.

242. The consciousness and love of the Monad reaches beyond even our solar system. Does the Monad begin to relate in love to the Seven Solar Systems of Which Ours is One? Is such love at least Sirian in nature?

242. Tâm thức và tình thương của chân thần vươn ra vượt quá cả hệ mặt trời của chúng ta. Phải chăng chân thần bắt đầu liên hệ trong tình thương với Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó? Phải chăng loại tình thương ấy ít nhất có bản chất Sirius?

243. Or does "love in the Monad" embrace that part of our Solar Logos which lies 'above' our cosmic physical plane—such as the astral nature of the Logos and His mental nature, leading eventually to the Heart of the Sun—His causal nature on the cosmic mental plane.

243. Hay "tình thương trong Chân thần" bao trùm phần ấy của Thái dương Thượng đế của chúng ta nằm 'bên trên' cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta—chẳng hạn như bản chất cảm dục của Thượng đế và bản chất trí tuệ của Ngài, cuối cùng dẫn đến Trái Tim của Mặt Trời—bản chất nguyên nhân của Ngài trên cõi trí vũ trụ.

[Page 594]

[Page 594]

This term "The Law of Love," is after all too generic a term to apply to one law governing one plane, but will have to suffice for the present, as it conveys the type of idea that is needed, to our minds.

Sau cùng, thuật ngữ "Định luật Tình thương" là một thuật ngữ quá tổng quát để áp dụng cho một định luật chi phối một cõi, nhưng hiện tại sẽ phải tạm dùng như vậy, vì nó chuyển tải loại ý tưởng mà trí tuệ chúng ta cần.

244. DK realizes that one cannot confine the great "Law of Love" to one plane alone. It pervades the entire cosmic physical plane and cosmic planes beyond. So it is being used for want of a better term.

244. Chân sư DK nhận ra rằng người ta không thể giới hạn "Định luật Tình thương" vĩ đại vào chỉ một cõi. Nó thấm khắp toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ và cả những cõi vũ trụ cao hơn. Vì vậy nó được dùng do chưa có một thuật ngữ nào tốt hơn.

245. This is why He called it earlier the "astral Law of Love".

245. Đó là lý do vì sao trước đó Ngài gọi nó là "Định luật Tình thương cảm dục".

The Law of Love is in reality but the law of the system in demonstration on all the planes.

Định luật Tình thương thực ra chỉ là định luật của hệ đang biểu lộ trên mọi cõi.

246. Here DK gives a wider definition of the "Law of Love"

246. Ở đây Chân sư DK đưa ra một định nghĩa rộng hơn về "Định luật Tình thương"

247. When we call it the law of the system, we should not confine ourselves to the etheric-physical nature of the Solar Logos, but to other and higher cosmic aspects. Our Logos is a "God of Love" in his astral, mental and higher mental nature as well as in His etheric-physical nature.

247. Khi chúng ta gọi đó là định luật của hệ, chúng ta không nên giới hạn mình vào bản chất dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế, mà phải tính đến các phương diện vũ trụ khác và cao hơn. Thượng đế của chúng ta là một "Thượng đế của Tình thương" trong bản chất cảm dục, trí tuệ và thượng trí của Ngài cũng như trong bản chất dĩ thái-hồng trần của Ngài.

Love was the impelling motive for manifestation, and love it is that keeps all in ordered sequence; love bears all on the path of return to the Father's bosom, and love eventually perfects all that is. It is love that builds the forms that cradle temporarily the inner hidden life, and love is the cause of the disruption of those forms, and their utter shattering, so that the life may further progress. Love manifests on each plane as the urge that drives the evolving Monad onwards to its goal, and love is the key to the deva kingdom, and the reason of the blending of the two kingdoms eventually into the divine Hermaphrodite.

Tình thương là động cơ thúc đẩy sự biểu hiện, và chính tình thương giữ cho mọi sự ở trong trật tự tuần tự; tình thương mang tất cả trên Con Đường Trở Về với lòng Cha, và tình thương cuối cùng làm hoàn thiện mọi điều đang hiện hữu. Chính tình thương xây dựng những hình tướng tạm thời ấp ủ sự sống ẩn kín bên trong, và tình thương là nguyên nhân của sự phá vỡ những hình tướng ấy, và sự tan nát hoàn toàn của chúng, để sự sống có thể tiến xa hơn. Tình thương biểu lộ trên mỗi cõi như sự thôi thúc đẩy chân thần đang tiến hoá tiến về mục tiêu của nó, và tình thương là chìa khóa của giới thiên thần, và là lý do của sự hòa trộn của hai giới cuối cùng thành con người lưỡng tính thiêng liêng.

248. Here is a magnificent paragraph defining the nature of Love.

248. Đây là một đoạn văn tráng lệ định nghĩa bản chất của Tình thương.

249. The Solar Logos *is* Love and so Love must be defined broadly and inclusively:

249. Thái dương Thượng đế *là* Tình thương và vì thế Tình thương phải được định nghĩa một cách rộng rãi và bao gồm:

250. Let us tabulate what we are learning about the nature of Love, for the sake of greater impression:

250. Chúng ta hãy liệt kê điều mình đang học về bản chất của Tình thương, để tạo ấn tượng sâu hơn:

a. Love is the impelling motive for manifestation. Love is archetypal relationship. The Divine Archetype expresses this relationship. That Archetype

a. Tình thương là động cơ thúc đẩy sự biểu hiện. Tình thương là mối liên hệ nguyên mẫu. Nguyên Mẫu Thiêng Liêng biểu lộ mối liên hệ này. Nguyên Mẫu ấy có tính từ tính

is magnetic and draws all units towards such relationship.

và thu hút mọi đơn vị hướng về mối liên hệ như thế.

b. Love keeps all in ordered sequence. Those who belong to each other (through Love) find each other and come and go in ordered cycles. They do not break their magnetic affinity with each other and cycle in and out accordingly.

b. Tình thương giữ cho mọi sự ở trong trật tự tuần tự. Những ai thuộc về nhau (qua Tình thương) sẽ tìm thấy nhau và đến rồi đi theo những chu kỳ có trật tự. Họ không phá vỡ sự tương hợp từ tính với nhau và vì thế tuần hoàn vào rồi ra theo đó.

c. Love bears all on the Path of Return to the Father's Bosom. The Monad in the Father's Bosom is a great Magnet.

c. Tình thương mang tất cả trên Con Đường Trở Về với lòng Cha. Chân thần trong lòng Cha là một Nam Châm vĩ đại.

d. Love eventually perfects all that is. Love orders all into archetypal relationship. Such an ordering leads to perfection.

d. Tình thương cuối cùng làm hoàn thiện mọi điều đang hiện hữu. Tình thương sắp đặt mọi sự vào trong mối liên hệ nguyên mẫu. Sự sắp đặt như thế dẫn đến hoàn thiện.

e. Love builds the forms that temporarily cradle the inner life. Love provides vehicles for the expression of the inner life. Life invites the inner life into expression through form and protects that inner life as it expresses through form.

e. Tình thương xây dựng những hình tướng tạm thời ấp ủ sự sống bên trong. Tình thương cung cấp các vận cụ cho sự biểu lộ của sự sống bên trong. Sự sống mời gọi sự sống bên trong đi vào biểu lộ qua hình tướng và bảo vệ sự sống bên trong ấy khi nó biểu lộ qua hình tướng.

f. Love is the cause of the disruption of such forms so that the inner hidden life may progress. A greater Love attracts the inner life beyond the form created (which, then, must be destroyed). This attraction and destruction recur until the forms created *are* the Archetypal Forms.

f. 44577§Tình thương là nguyên nhân của sự phá vỡ những hình tướng như thế để sự sống ẩn kín bên trong có thể tiến bộ. Một Tình thương lớn hơn thu hút sự sống bên trong vượt ra ngoài hình tướng đã được tạo ra (và khi ấy hình tướng ấy phải bị hủy diệt). Sự thu hút và hủy diệt này tái diễn cho đến khi những hình tướng được tạo ra *là* các Hình Tướng Nguyên Mẫu.

g. Love manifests as the urge that drives the evolving Monad on to its goal. Does Love drive or does it attract? The Monad longs for the return to perfected relationship.

g. Tình thương biểu lộ như sự thôi thúc đẩy chân thần đang tiến hoá hướng đến mục tiêu của nó. Tình thương đẩy đi hay thu hút? Chân thần khao khát sự trở về với mối liên hệ hoàn hảo.

h. Love is the key to the deva kingdom. This kingdom is the great feminine aspect and lovingly offers itself as a vehicle for the expression for the consciousness aspect. When in the "Love", one summons the devas wisely and builds with them wisely. An ordered and beautiful life is the result.

h. Tình thương là chìa khóa của giới thiên thần. Giới này là phương diện nữ tính vĩ đại và đầy yêu thương hiến mình làm vận cụ cho sự biểu lộ của phương diện tâm thức. Khi ở trong "Tình thương", người ta triệu gọi các thiên thần một cách minh triết và cùng họ xây dựng một cách minh triết. Kết quả là một đời sống có trật tự và đẹp đẽ.

i. Love is the reason for the blending of the two kingdoms eventually into the Divine Hermaphrodite. Love insists on completeness and inclusion. The two poles must come together to make the whole. Love brings these poles together—man and deva.

i. Tình thương là lý do cho sự hòa trộn của hai giới để cuối cùng thành Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng. Tình thương đòi hỏi sự toàn vẹn và tính bao gồm. Hai cực phải đến với nhau để tạo nên toàn thể. Tình thương đưa hai cực này đến với nhau—con người và thiên thần.

Love works through the concrete rays in the building of the system, and in the rearing of the structure that shelters the Spirit,

Tình thương hoạt động qua các cung cụ thể trong việc xây dựng hệ thống, và trong việc dựng nên cấu trúc che chở cho tinh thần,

251. How shall we look at the terms "concrete" and "abstract" in this context?

251. Trong ngữ cảnh này, chúng ta nên nhìn các thuật ngữ "cụ thể" và "trừu tượng" như thế nào?

252. Earlier we considered one—three—five—seven concrete, and especially rays five and seven.

252. Trước đó chúng ta đã xét một—ba—năm—bảy là cụ thể, và đặc biệt là cung năm và cung bảy.

253. We considered that the 'mystic line' of two—four—six held the "abstract rays".

253. Chúng ta đã xét rằng "đường thần bí" của hai—bốn—sáu nắm giữ "các cung trừu tượng".

254. We recall, however, that it is also possible to consider rays five, six and seven the "concrete rays" and rays one, two and three the "abstract rays".

254. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng cũng có thể xem các cung năm, sáu và bảy là "các cung cụ thể" và các cung một, hai và ba là "các cung trừu tượng".

and love works through the abstract rays for the full and potent development of that inherent divinity.

và tình thương hoạt động qua các cung trừu tượng để phát triển đầy đủ và mạnh mẽ thiên tính nội tại ấy.

255. Perhaps in this context it would be wise to consider abstract and concrete differently than before, for it is the Rays of Attribute which build the persona and the Rays of Aspect which develop the *Attributes* of divinity so that they can express the Aspect.

255. Có lẽ trong ngữ cảnh này sẽ là khôn ngoan nếu xem trừu tượng và cụ thể theo cách khác trước, vì chính Các Cung Thuộc Tính xây dựng phàm nhân và Các Cung Trạng Thái phát triển các *Thuộc Tính* của thiên tính để chúng có thể biểu lộ Phương diện.

Love demonstrates, through the concrete rays, the **aspects** of divinity, forming the persona that hides the one Self; love demonstrates through the **abstract rays** in developing the **attributes** of divinity, in evolving to fullest measure the kingdom of God within.

Tình thương biểu lộ, qua các cung cụ thể, các **phương diện** của thiên tính, tạo thành phàm nhân che giấu một Bản Ngã duy nhất; tình thương biểu lộ qua các **cung trừu tượng** trong việc phát triển các **thuộc tính** của thiên tính, trong việc tiến hóa đến mức viên mãn nhất thiên giới bên trong.

256. This is beautifully stated. The "aspects of divinity" are definitely expressed by the Rays of Aspect—rays one, two and three. These abstract qualities expressed through the Rays of Aspect develop the "Attributes" of divinity as the "Aspects" express through the "Attributes".

256. Điều này được phát biểu thật đẹp. Các "phương diện của thiên tính" chắc chắn được biểu lộ bởi Các Cung Trạng Thái—cung một, hai và ba. Những phẩm tính trừu tượng này được biểu lộ qua Các Cung Trạng Thái phát triển các "Thuộc Tính" của thiên tính khi các "Phương diện" biểu lộ qua các "Thuộc Tính".

257. But in all fairness, DK has been turning these words "aspects" and "attributes" in various ways, so there is no entirely clear delineation. It seems very likely that there are at least *two* different ways of understanding the words "abstract rays" and "concrete rays".

257. Nhưng công bằng mà nói, Chân sư DK đã xoay chuyển các từ "phương diện" và "thuộc tính" theo nhiều cách khác nhau, nên không có một sự phân định hoàn toàn rõ ràng. Có vẻ rất có thể là có ít nhất *hai* cách khác nhau để hiểu các từ "các cung trừu tượng" và "các cung cụ thể".

258. If one studies the section of text above, one could come to the conclusion that the term "attributes" indicates something *more subjective* than the term "aspects", but clearly Rays of Aspect are the more general, inclusive rays and Rays of Attribute are more specific and more concrete.

258. Nếu nghiên cứu đoạn văn trên, người ta có thể đi đến kết luận rằng thuật ngữ "thuộc tính" chỉ điều gì đó *chủ quan hơn* so với thuật ngữ "phương diện", nhưng rõ ràng Các Cung Trạng Thái là các cung tổng quát hơn, bao gồm hơn, còn Các Cung Thuộc Tính thì đặc thù hơn và cụ thể hơn.

259. We have to follow every sentence closely to see exactly what may evolution meant.

259. Chúng ta phải theo sát từng câu để thấy chính xác tiến hóa có thể được muốn nói là gì.

Love in the concrete rays leads to the path of occultism; love in the abstract rays leads to that of the mystic.

Tình thương trong các cung cụ thể dẫn đến con đường huyền bí học; tình thương trong các cung trừu tượng dẫn đến con đường của nhà thần bí.

260. But now we have the other point of view. The rays on the one—three—five—seven line are definitely the rays which lead to the "path of occultism". They are *not* the rays of the mystic. So if this is what DK means by concrete, then the concrete rays are one, three, five and seven.

260. Nhưng giờ đây chúng ta có quan điểm kia. Các cung trên đường một—ba—năm—bảy chắc chắn là các cung dẫn đến "con đường huyền bí học". Chúng *không* phải là các cung của nhà thần bí. Vì vậy nếu đây là điều Chân sư DK muốn nói bởi cụ thể, thì các cung cụ thể là một, ba, năm và bảy.

261. AND, the rays of the mystic are definitely the two—four—six line. So even though the Rays of Aspect are abstract when compared to the Rays of Attribute, in the context of this particular section of text, we must relate the abstract rays to the mystical line—rays two, four and six.

261. VÀ, các cung của nhà thần bí chắc chắn là đường hai—bốn—sáu. Vì thế dù Các Cung Trạng Thái là trừu tượng khi so với Các Cung Thuộc Tính, trong ngữ cảnh của riêng đoạn văn này, chúng ta phải liên hệ các cung trừu tượng với đường thần bí—các cung hai, bốn và sáu.

Love forms the sheath and inspires the life; love causes the logoic vibration to surge forward, carrying all on its way, and bringing all to perfected manifestation.

Tình thương tạo thành vỏ bọc và truyền cảm hứng cho sự sống; tình thương khiến rung động logoic dâng trào tiến tới, mang tất cả theo đường đi của nó, và đưa tất cả đến sự biểu hiện hoàn hảo.

262. Behind all these rays is the Great Indigo Ray of Love-Wisdom. It is Solar Love which uses all the rays and all the divine aspects.

262. Đằng sau tất cả các cung này là Cung Chàm Vĩ Đại của Bác Ái – Minh Triết. Chính Tình thương Thái dương sử dụng mọi cung và mọi phương diện thiêng liêng.

263. Love uses the occult rays and the mystical rays. Love uses the abstract rays and the concrete rays. Love uses the Rays of Aspect and the Rays of Attribute.

263. Tình thương sử dụng các cung huyền bí học và các cung thần bí. Tình thương sử dụng các cung trừu tượng và các cung cụ thể. Tình thương sử dụng Các Cung Trạng Thái và Các Cung Thuộc Tính.

264. We have two different ways of view ing the concept of concrete and abstract, but whichever is correct (and also if *both* are correct) it is Love that uses these lines of expression.

264. Chúng ta có hai cách khác nhau để nhìn khái niệm cụ thể và trừu tượng, nhưng dù cách nào đúng đi nữa (và cả khi *cả hai* đều đúng) thì chính Tình thương sử dụng các đường biểu lộ này.

In System I, Activity, Desire for Expression, and *the Impulse to Move* was the basic note.

Trong Hệ thống I, Hoạt động, Khát vọng Biểu lộ, và *Xung lực Tiến động* là chủ âm căn bản.

265. Even now those upon the third ray express this "Impulse to Move". Stillness and centeredness, on the other hand, are the natural expression of many upon the second ray.

265. Ngay cả bây giờ những ai thuộc cung ba vẫn biểu lộ "Xung lực Tiến động" này. Mặt khác, sự tĩnh tại và tính định tâm là biểu lộ tự nhiên của nhiều người thuộc cung hai.

266. The "Desire for Expression" is related to the seventh ray "Will-to-Express". The seventh ray, so closely related to the third, was strong in the previous solar system. (cf. EA 605)

266. "Khát vọng Biểu lộ" có liên hệ với "Ý Chí-Biểu Lộ" của cung bảy. Cung bảy, có liên hệ rất mật thiết với cung ba, đã mạnh trong hệ mặt trời trước. (xem EA 605)

267. Virgo, the sign of the zodiac which was powerful in the second half of the previous solar system is hypothesized as having expressed at that time through the third and seventh rays, whereas now it expresses through the second and sixth.

267. Virgo, dấu hiệu hoàng đạo vốn mạnh trong nửa sau của hệ mặt trời trước, được giả thuyết là vào thời đó đã biểu lộ qua cung ba và cung bảy, trong khi hiện nay nó biểu lộ qua cung hai và cung sáu.

268. Or shall we say that at that time the third and seventh rays expressed *through* Virgo and now the second and sixth rays express *through* it?

268. Hay chúng ta nên nói rằng vào thời đó cung ba và cung bảy biểu lộ *qua* Virgo và hiện nay cung hai và cung sáu biểu lộ *qua* nó?

269. There are various sources of rays; some may express through a constellation and some may be expressed *by* a constellations (emitted rather than transmitted as in the first case).

269. Có nhiều nguồn cung khác nhau; một số có thể biểu lộ qua một chòm sao và một số có thể được biểu lộ *bởi* một chòm sao (được phát ra hơn là được truyền dẫn như trong trường hợp thứ nhất).

That activity produced certain results, certain permanent effects, and thus formed the nucleus for the present system.

Hoạt động đó đã tạo ra những kết quả nhất định, những hiệu quả trường tồn nhất định,

và do đó hình thành hạt nhân cho hệ thống hiện tại.

270. These “results” became the basic, “primordial” patterns upon which our present solar system was founded.

270. Những “kết quả” này đã trở thành các mô hình căn bản, “nguyên sơ”, trên đó hệ mặt trời hiện tại của chúng ta được thiết lập.

Ordered Activity is the foundation of this system of ordered [Page 595] Love,

Hoạt Động Có Trật Tự là nền tảng của hệ thống Tình thương có trật tự này, [Page 595]

271. The third and seventh rays combine. It is as if Virgo (the sign so prominent during the later part of the previous system) gave birth to our system, the second major system.

271. Cung ba và cung bảy kết hợp với nhau. Dường như Virgo (dấu hiệu nổi bật đến thế trong phần sau của hệ thống trước) đã sinh ra hệ thống của chúng ta, hệ thống lớn thứ hai.

272. We are also reminded of the nature of a certain One About Whom Naught May Be Said which can be studied in EP I 150, wherein the “active impulse towards organization” is a major quality.

272. Chúng ta cũng được nhắc đến bản chất của một Đấng Bất Khả Tư Nghị nào đó, điều có thể được nghiên cứu trong EP I 150, nơi đó “xung lực tích cực hướng tới tổ chức” là một phẩm tính chủ yếu.

273. A system of “ordered Love” suggests the union of the seventh and second rays. The Monads on the second or seventh plane are an expression of “ordered Love”.

273. Một hệ thống của “Tình thương có trật tự” gợi ý sự hợp nhất của cung bảy và cung hai. Các Chân thần trên cõi thứ hai hoặc cõi thứ bảy là một biểu lộ của “Tình thương có trật tự”.

and leads to system three, wherein ordered Activity, with ordered Love for its impulse, results in ordered loving Power.

và dẫn đến hệ thống ba, trong đó Hoạt động có trật tự, với Tình thương có trật tự làm xung lực của nó, đưa đến Quyền năng yêu thương có trật tự.

274. We must not dismiss ray three as a ray of order. We sometimes think of it as a ray of chaos, but when highly developed all proceeds cyclically and intelligently—at the right time and in the right place. In other words, ray three contributes significantly to the establishing of order. Ray seven is a more concrete expression of ray three just as it is a more concrete expression of ray one. Ray seven is especially related to these two rays.

274. Chúng ta không được gạt cung ba sang một bên như một cung của trật tự. Đôi khi chúng ta nghĩ về nó như một cung của hỗn loạn, nhưng khi phát triển cao thì mọi sự đều tiến hành theo chu kỳ và một cách thông minh—đúng lúc và đúng chỗ. Nói cách khác, cung ba góp phần đáng kể vào việc thiết lập trật tự. Cung bảy là một biểu lộ cụ thể hơn của cung ba cũng như nó là một

biểu lộ cụ thể hơn của cung một. Cung bảy đặc biệt liên hệ với hai cung này.

275. So in the third system there is ordered, loving power—rays three/seven—two—one.

275. Vì vậy trong hệ thống thứ ba có quyền năng yêu thương có trật tự—các cung ba/bảy—hai—một.

276. Each system is built upon the accomplishments of the system preceding.

276. Mỗi hệ thống được xây dựng trên những thành tựu của hệ thống đi trước.

The sixth Ray of devotion and the sixth law of love have a close alliance, and on the sixth plane comes the powerful working out in the lower Triad, the Personality, of the Law of Love.

Cung sáu của sự sùng tín và định luật thứ sáu của tình thương có một sự liên minh mật thiết, và trên cõi thứ sáu diễn ra sự triển khai mạnh mẽ trong Tam nguyên tinh thần thấp, tức Phàm ngã, của Định luật Tình thương.

277. If we learn how to think in terms of 'numerical affinity' we shall begin to understand the "Science of Relations"

277. Nếu chúng ta học cách suy nghĩ theo "sự tương hợp số học", chúng ta sẽ bắt đầu hiểu "Khoa Học về Các Tương Quan"

On the astral plane, the home of the desires, originate those feelings which we call personal love;

Trên cõi cảm dục, quê nhà của các ham muốn, phát sinh những cảm xúc mà chúng ta gọi là tình yêu cá nhân;

278. Personal love is based on "feelings". It is occultly lunar and is not really an expression of the love of the soul—a solar form of love.

278. Tình yêu cá nhân dựa trên "cảm xúc". Về mặt huyền bí, nó thuộc về nguyệt tính và thực ra không phải là một biểu lộ của tình thương của linh hồn—một hình thức tình thương thái dương.

in the lowest type of human being this shows itself as animal passion;

ở loại người thấp nhất điều này biểu lộ thành dục vọng thú tính;

279. In this respect the planet Mars, the sign Libra ("unbalanced fiery passion"—EA 333) and personal love under the "astral Law of Love" go together.

279. Về phương diện này, hành tinh Sao Hỏa, dấu hiệu Libra ("dục vọng lửa mất quân bình"—EA 333) và tình yêu cá nhân dưới "Định luật Tình thương" cảm dục đi cùng nhau.

as evolution proceeds it shows itself as a gradual expansion of the love faculty,

khi tiến hóa tiếp diễn, nó biểu lộ thành sự mở rộng dần dần của năng lực yêu thương,

passing through the stages of love of mate, love of family, love of surrounding associates, to love of one's entire environment; patriotism gives place later to love of humanity, often humanity as exemplified in one of the Great Ones.

đi qua các giai đoạn yêu người bạn đời, yêu gia đình, yêu những người chung quanh, đến yêu toàn bộ môi trường của mình; về sau lòng yêu nước nhường chỗ cho tình yêu nhân loại, thường là nhân loại như được tiêu biểu nơi một trong Các Đấng Cao Cả.

280. A low grade, strictly personal love can develop into something higher.

280. Một tình yêu thấp, hoàn toàn cá nhân có thể phát triển thành điều gì đó cao hơn.

281. Let us trace that development in a tabulation: Passionate personal love can become:

281. Chúng ta hãy truy theo sự phát triển đó trong một bảng liệt kê: Tình yêu cá nhân đầy đam mê có thể trở thành:

a. The gradual expansion of the love faculty

a. Sự mở rộng dần dần của năng lực yêu thương

b. Love of mate and family

b. Tình yêu người bạn đời và gia đình

c. Love of surrounding associates

c. Tình yêu đối với những người chung quanh

d. Love of one's entire environment

d. Tình yêu đối với toàn bộ môi trường của mình

e. Love of one's country—patriotism

e. Tình yêu đất nước mình—lòng yêu nước

f. Love of humanity

f. Tình yêu nhân loại

g. Perhaps we should add love of the Divine Plan and the planet

g. Có lẽ chúng ta nên thêm tình yêu đối với Thiên Cơ và hành tinh

The astral plane is, at the present time, the most important for us, for in desire—not corrected or transmuted—lies the difference between the personal consciousness and that of the Ego.

Hiện nay, cõi cảm dục là cõi quan trọng nhất đối với chúng ta, vì chính trong ham muốn—không được sửa chữa hay chuyển hoá—có sự khác biệt giữa tâm thức cá nhân và tâm thức chân ngã.

282. If we wish to understand the difference between personal consciousness and egoic consciousness, it is in the difference

282. Nếu chúng ta muốn hiểu sự khác biệt giữa tâm thức cá nhân và tâm thức chân ngã, thì nó nằm trong sự khác biệt giữa ham

between uncorrected, untransmuted desire and soul-illumined mentality.

283. Does desire 'look up' or does it 'look down'? This is a fundamental question:

a. In the strictly personal human being, desire looks downward or outward, horizontally

b. In the disciple desire looks 'up'.

c. In the initiate, desire is transmuted into loving-desire and eventually into pure love.

FOOTNOTE [85]:

Why do we consider this matter of the devas of the middle system (as we might call those connected with this system and with buddhi and kamamanas) in our consideration of thought forms? For two reasons: One is that all that is in the solar system is but substance energised from the cosmic mental and astral planes, and built into form through the power of electrical law;

284. We have here the important idea that the solar system is energized from both the cosmic mental plane and the cosmic astral plane.

285. Form is built through "electrical law". "Electrical law" is that which pertains to the cosmic physical plane and is impulsed from the Pleiades.

286. The devas are built into thoughtforms; thus they are considered in this section on thoughtforms.

muốn không được sửa chữa, không được chuyển hoá và trí tuệ được linh hồn soi sáng.

283. Ham muốn "nhìn lên" hay "nhìn xuống"? Đây là một câu hỏi căn bản:

a. Trong con người hoàn toàn cá nhân, ham muốn nhìn xuống hoặc nhìn ra ngoài, theo chiều ngang

b. Trong đệ tử, ham muốn "nhìn lên".

c. Trong điểm đạo đồ, ham muốn được chuyển hoá thành ham muốn-yêu thương và cuối cùng thành tình thương thuần khiết.

CHÚ THÍCH 85:

Tại sao chúng ta lại xét vấn đề các thiên thần của hệ thống giữa (như chúng ta có thể gọi những vị liên hệ với hệ thống này và với buddhi cùng kama-manas) trong khi khảo cứu các hình tư tưởng? Vì hai lý do: Một là tất cả những gì có trong hệ mặt trời chỉ là chất liệu được tiếp năng lượng từ cõi trí vũ trụ và cõi cảm dục vũ trụ, và được xây dựng thành hình tướng qua quyền năng của định luật điện;

284. Ở đây chúng ta có ý tưởng quan trọng rằng hệ mặt trời được tiếp năng lượng từ cả cõi trí vũ trụ lẫn cõi cảm dục vũ trụ.

285. Hình tướng được xây dựng qua "định luật điện". "Định luật điện" là điều thuộc về cõi hồng trần vũ trụ và được thúc đẩy từ Pleiades.

286. Các thiên thần được xây dựng vào trong các hình tư tưởng; vì thế chúng được xét trong phần này về các hình tư tưởng.

all that can be known is but forms ensouled by ideas.

287. This statement simplifies things considerably. Let us think of that which we think we know. Is there anything in this collection of contents of consciousness other than forms ensouled by ideas? Or do we, perhaps, think we contact ideas directly?

Secondly, that in the knowledge of the creative processes of the system, man learns for himself how in time to become a creator.

288. When we study thoughtforms we are studying creativity. Our objective is to become co-creators with the Divine Life. By the study of how forms have been created we will learn how to create forms—presumably those which accord with the Divine Plan.

We might illustrate this by remarking that one of the main functions of the Theosophical movement in all its many branches is to **build a form which can be ensouled, in due time, by the idea of Brotherhood.**

289. We students of AAB are still members of the Theosophical movement even if not of the Theosophical Society.

290. The Tibetan is saying something really important here. Has the failure been complete, or it is still possible to salvage something of the Theosophical thoughtform?

mọi điều có thể được biết chỉ là những hình tướng được phú linh bởi các ý tưởng.

287. Phát biểu này đơn giản hóa mọi sự đáng kể. Hãy nghĩ về điều mà chúng ta tưởng là mình biết. Có điều gì trong tập hợp các nội dung của tâm thức này ngoài những hình tướng được phú linh bởi các ý tưởng không? Hay có lẽ chúng ta nghĩ rằng mình tiếp xúc trực tiếp với các ý tưởng?

Thứ hai, rằng trong sự hiểu biết về các tiến trình sáng tạo của hệ thống, con người tự học cho mình cách để theo thời gian trở thành một đấng sáng tạo.

288. Khi chúng ta nghiên cứu các hình tư tưởng, chúng ta đang nghiên cứu tính sáng tạo. Mục tiêu của chúng ta là trở thành những đồng-sáng tạo viên với Sự sống Thiêng liêng. Qua việc nghiên cứu cách các hình tướng đã được tạo ra, chúng ta sẽ học cách tạo ra các hình tướng—hẳn là những hình tướng phù hợp với Thiên Cơ.

Chúng ta có thể minh họa điều này bằng cách nhận xét rằng một trong những chức năng chính của phong trào Thông Thiên Học trong mọi ngành nhánh của nó là **xây dựng một hình tướng mà đến đúng lúc có thể được phú linh bởi ý tưởng về Tình Huynh Đệ.**

289. Chúng ta, những đạo sinh của AAB, vẫn là thành viên của phong trào Thông Thiên Học dù không thuộc Hội Thông Thiên Học.

290. Chân sư Tây Tạng đang nói một điều thật sự quan trọng ở đây. Sự thất bại đã hoàn toàn chưa, hay vẫn còn có thể cứu vãn điều gì đó của hình tư tưởng Thông Thiên Học?

291. Perhaps we in the AAB movement are beginning to respond to this note of Brotherhood more than hitherto. There is a great "idea of Brotherhood". It is a living Being. We can build utilizing the energy of love and the form will be resonant to the great idea.

291. Có lẽ chúng ta trong phong trào AAB đang bắt đầu đáp ứng với chủ âm Tình Huynh Đệ này nhiều hơn trước đây. Có một "ý tưởng về Tình Huynh Đệ" vĩ đại. Nó là một Hữu thể sống động. Chúng ta có thể xây dựng bằng cách sử dụng năng lượng của tình thương và hình tướng sẽ cộng hưởng với ý tưởng vĩ đại ấy.

292. It is not by accident that the Tibetan begins speaking of Venus in this context, for the true era of Brotherhood will enter during the last third of the Aquarian Age when the planet Venus becomes the decanate ruler that period.

292. Không phải ngẫu nhiên mà Chân sư Tây Tạng bắt đầu nói về Sao Kim trong ngữ cảnh này, vì kỷ nguyên đích thực của Tình Huynh Đệ sẽ đi vào trong một phần ba cuối của Kỷ Nguyên Bảo Bình khi hành tinh Sao Kim trở thành chủ tinh thập độ của giai đoạn đó.

In the sixth Scheme, that of Venus, this can be seen clearly; it is the scheme of love.

Trong hệ hành tinh thứ sáu, tức hệ của Sao Kim, điều này có thể được thấy rõ; đó là hệ của tình thương.

293. Here DK simply uses the number six. Six is the number of the Venusian Monad, though not of its *major* monadic ray.

293. Ở đây Chân sư DK chỉ đơn giản dùng số sáu. Sáu là số của Chân thần Kim tinh, dù không phải của cung chân thần *chính yếu* của nó.

294. In occultism we read so much of the fifth ray in relation to Venus, and yet it is a scheme of *love*. The fifth ray (though related to the second ray) is not exclusively or even (at this time) principally a ray of love. So the love emanating from the Venus-scheme must come from other levels of the Venusian ray nature.

294. Trong huyền bí học chúng ta đọc quá nhiều về cung năm liên hệ với Sao Kim, thế mà đó lại là một hệ của *tình thương*. Cung năm (dù liên hệ với cung hai) không phải chỉ riêng hay thậm chí (vào lúc này) chủ yếu là một cung của tình thương. Vì vậy tình thương phát ra từ hệ Sao Kim hẳn phải đến từ các cấp độ khác của bản chất cung Kim tinh.

Viewed from one angle, the Venusian Scheme is the second, and from another it is the sixth.

Nhìn từ một góc độ, Hệ Kim tinh là thứ hai, và từ một góc độ khác nó là thứ sáu.

295. We have been reviewing this idea. We hypothesize that by travelling in a counter clockwise direction, Venus is encountered as the second scheme and is ruled by its second

295. Chúng ta đã xem xét lại ý tưởng này. Chúng ta giả thuyết rằng khi di chuyển theo chiều ngược kim đồng hồ, Sao Kim được gặp như hệ thứ hai và được cai quản bởi Chân

ray Monad—its hypothesized *major* monadic ray. Traveling in the clockwise direction, Venus is encountered as sixth in order. This it presumably the 'mystical' way of travel.

thần cung hai của nó—cung chân thần *chính yếu* được giả thuyết của nó. Di chuyển theo chiều kim đồng hồ, Sao Kim được gặp ở vị trí thứ sáu. Đây hẳn là cách di chuyển "thần bí".

296. The close connection to Jupiter is understood by the fact that they both share the same scheme numbers—either two or six.

296. Mối liên hệ mật thiết với Sao Mộc được hiểu qua sự kiện rằng cả hai cùng chia sẻ các số hệ giống nhau—hoặc hai hoặc sáu.

It depends upon whether we reason from the circumference to the centre or the reverse.

Điều đó tùy thuộc vào việc chúng ta suy luận từ chu vi đến trung tâm hay ngược lại.

297. To reason from the circumference to the center is a *centripetal* motion and correlates with the centering, ingathering magnetic energy of Venus.

297. Suy luận từ chu vi đến trung tâm là một chuyển động *hướng tâm* và tương quan với năng lượng từ tính quy tâm, thu hút của Sao Kim.

298. If we reason from the center to the periphery, we are following a centrifugal motion more Martian in nature and more exoteric.

298. Nếu chúng ta suy luận từ trung tâm ra chu vi, chúng ta đang theo một chuyển động ly tâm, có bản chất Hỏa tinh hơn và ngoại môn hơn.

299. Centrifugality is equivalent to the out-breathing; centripetality is equivalent to in-breathing.

299. Tính ly tâm tương đương với hơi thở ra; tính hướng tâm tương đương với hơi thở vào.

It is the home of the planetary Logos of the sixth Ray.

Đó là quê nhà của Hành Tinh Thượng Đế cung sáu.

300. Here is one of the most important statements in the book regarding Venus. We are being told that it has a sixth ray Monad. Whenever the "home" of a planet is discussed, the discussion is focussing on the monadic ray of the planet.

300. Đây là một trong những phát biểu quan trọng nhất trong sách liên quan đến Sao Kim. Chúng ta đang được cho biết rằng nó có một chân thần cung sáu. Bất cứ khi nào "quê nhà" của một hành tinh được bàn đến, cuộc thảo luận đều tập trung vào cung chân thần của hành tinh đó.

301. We know from EP I 420 that Uranus has a Monad on the first ray, and we also

301. Chúng ta biết từ EP I 420 rằng Sao Thiên Vương có một chân thần trên cung

know that "Uranus is the home of electric fire" (TCF 1154)

302. When thinking of Venus, from yet another perspective, the number two is more occult than the number six. Six is a number which often (under Martian impulse) leads to the periphery. Two is the number of ingathering representing the deep spiritual intimacy which is only achieve through Divine Love.

303. When Venus relates to the solar logoic solar plexus center, it does so through its sixth ray; when it relates to the solar logoic heart center it does so through its second ray.

304. The monadic ray for Venus is, thus, hypothesized as TWO_{SIX}

This may sound like a contradiction, but it is not so really; we must remember the interlocking, the gradual shifting and changing, that takes place in time on all [Page 596] the Rays.

305. Why is Master DK speaking of "shifting and changing"? May it be that at different times in development of a particular Planetary Logos different rays are emphasized: For instance:

a. At a high stage of development the fifth ray soul of Venus is emphasized

b. At a still higher stage of development its sixth ray Monad is emphasized—this is a Spirit-stage of development

một, và chúng ta cũng biết rằng "Sao Thiên Vương là quê nhà của lửa điện" (TCF 1154)

302. Khi suy nghĩ về Sao Kim, từ một góc nhìn khác nữa, số hai huyền bí hơn số sáu. Sáu là một con số thường (dưới xung lực Hỏa tinh) dẫn ra chu vi. Hai là con số của sự thu hút vào trong, biểu thị sự thân mật tinh thần sâu xa chỉ đạt được qua Tình thương thiêng liêng.

303. Khi Sao Kim liên hệ với trung tâm tùng thái dương của Thái dương Thượng đế, nó làm như vậy qua cung sáu của nó; khi nó liên hệ với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế, nó làm như vậy qua cung hai của nó.

304. Vì vậy, cung chân thần của Sao Kim được giả thuyết là HAISÁU

Điều này có thể nghe như một mâu thuẫn, nhưng thực ra không phải vậy; chúng ta phải nhớ đến sự đan xen, sự chuyển dịch và thay đổi dần dần diễn ra theo thời gian trên mọi [Page 596] cung.

305. Tại sao Chân sư DK lại nói về "chuyển dịch và thay đổi"? Có thể chăng vào những thời điểm khác nhau trong sự phát triển của một Hành Tinh Thượng Đế nhất định, những cung khác nhau được nhấn mạnh: Chẳng hạn:

a. Ở một giai đoạn phát triển cao, linh hồn cung năm của Sao Kim được nhấn mạnh

b. Ở một giai đoạn phát triển còn cao hơn nữa, chân thần cung sáu của nó được nhấn mạnh—đây là một giai đoạn phát triển của tinh thần

c. At the very highest stage of development its *major* monadic ray, the second, is emphasized. We may recall that Venus is hypothesized as possessing a second ray personality as well as second ray Monad.

306. If we pause to reflection upon the relationship of Venus and Earth—a Being with a major second ray Monad and one with a major first ray Monad, something of interest and significance may be revealed concerning this relationship.

In the same way the Earth chain is the third if viewed from one aspect and the fifth viewed from another.

307. Why is DK suddenly speaking of "chains" rather than "schemes"? All the foregoing about Venus related to the scheme level. Now we are speaking of the Earth-*chain*.

308. We do remember, however, that theosophically, the term "chain" sometimes stood for "scheme", probably because the idea of a planetary scheme did not exist (or if it did, was not brought forth in a straightforward manner).

309. When we count planetary schemes in Chart VI of TCF we find that Venus is either the second scheme or the sixth.

310. When we count planetary schemes in the attempt to find the number of the Earth, we find that, beginning with Vulcan, whichever way we go it is *always* the fourth.

311. If we consider the Earth-chain rather than the Earth-scheme, it also turns out to

c. Ở giai đoạn phát triển cao nhất, cung chân thần *chính yếu* của nó, tức cung hai, được nhấn mạnh. Chúng ta có thể nhớ rằng Sao Kim được giả thuyết là có một phàm ngã cung hai cũng như một chân thần cung hai.

306. Nếu chúng ta dừng lại để suy ngẫm về mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất—một Hữu thể với chân thần chính yếu cung hai và một Hữu thể với chân thần chính yếu cung một—thì điều gì đó thú vị và đầy thâm nghĩa có thể được mặc khải về mối liên hệ này.

Cũng theo cách đó, Dãy Địa Cầu là thứ ba nếu nhìn từ một phương diện và là thứ năm nếu nhìn từ một phương diện khác.

307. Tại sao Chân sư DK đột nhiên nói về "các dãy" thay vì "các hệ hành tinh"? Tất cả những điều trên về Sao Kim đều liên hệ đến cấp độ hệ hành tinh. Giờ đây chúng ta đang nói về Dãy *Địa Cầu*.

308. Tuy nhiên, chúng ta quả có nhớ rằng trong Thông Thiên Học, thuật ngữ "dãy" đôi khi được dùng thay cho "hệ hành tinh", có lẽ vì ý tưởng về một hệ hành tinh không tồn tại (hoặc nếu có thì đã không được trình bày một cách trực tiếp).

309. Khi chúng ta đếm các hệ hành tinh trong Biểu đồ VI của TCF, chúng ta thấy rằng Sao Kim hoặc là hệ thứ hai hoặc là hệ thứ sáu.

310. Khi chúng ta đếm các hệ hành tinh trong nỗ lực tìm số của Trái Đất, chúng ta thấy rằng, bắt đầu từ Vulcan, đi theo hướng nào thì nó *luôn luôn* là thứ tư.

be the fourth if we count from the starting point.

311. Nếu chúng ta xét Dãy Địa Cầu thay vì hệ hành tinh Địa Cầu, thì nó cũng hóa ra là thứ tư nếu chúng ta đếm từ điểm khởi đầu.

312. If we think about chains rather than schemes, we can eliminate the two subjective chains (Neptune, the first, and Jupiter the seventh). Then counting backwards, or clockwise (though a strictly clockwise counting is difficult to imagine in the diagrams we are given) we find that Mars and Mercury are counted before the Earth chain which is the third.

312. Nếu chúng ta nghĩ về các dãy thay vì các hệ hành tinh, chúng ta có thể loại bỏ hai dãy chủ quan (Sao Hải Vương, thứ nhất, và Sao Mộc, thứ bảy). Khi đó đếm ngược, hay theo chiều kim đồng hồ (dù một cách đếm hoàn toàn theo chiều kim đồng hồ thật khó hình dung trong các sơ đồ được cho), chúng ta thấy rằng Sao Hỏa và Sao Thủy được đếm trước Dãy Địa Cầu, vốn là thứ ba.

313. Only when we count *schemes* rather than chains, and add the two intra-mercurial planets Adonis (hypothesized) and Vulcan is it possible to arrive at the number five in relation to the Earth-scheme —Adonis, Vulcan, Mercury, Venus, Earth— and in doing so we are changing the order of Mercury from its position as the fifth scheme.

313. Chỉ khi chúng ta đếm các *hệ hành tinh* thay vì các dãy, và thêm hai hành tinh nội Sao Thủy là Adonis (được giả thuyết) và Vulcan, thì mới có thể đi đến số năm liên hệ với hệ hành tinh Địa Cầu—Adonis, Vulcan, Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất—và khi làm như vậy chúng ta đang thay đổi thứ tự của Sao Thủy khỏi vị trí của nó là hệ thứ năm.

314. Counting chains, from the Neptune chain forward—we have the Venus-chain, the Saturn-chain, then the Earth-chain—and that is only four. But if we were to insert the Moon-chain, we would have five.

314. Đếm các dãy, từ Dãy Sao Hải Vương trở đi—chúng ta có Dãy Sao Kim, Dãy Sao Thổ, rồi Dãy Địa Cầu—và như thế chỉ là bốn. Nhưng nếu chúng ta chèn Dãy Mặt Trăng vào, chúng ta sẽ có năm.

315. When the Earth-chain is responding to the personality ray of the Earth, then the three applies. When the response is to the Fifth Creative Hierarchy (under the regime of the second ray), then the five applies.

315. Khi Dãy Địa Cầu đang đáp ứng với cung phàm ngã của Trái Đất, thì số ba được áp dụng. Khi sự đáp ứng là với Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm (dưới chế độ của cung hai), thì số năm được áp dụng.

316. In any case the numbers three and five given by the Tibetan in relation to the Earth-chain or Earth-scheme are challenging and there is no immediate resolution.

316. Trong bất kỳ trường hợp nào, các con số ba và năm do Chân sư Tây Tạng đưa ra liên hệ với Dãy Địa Cầu hay hệ hành tinh Địa Cầu đều đầy thách thức và hiện chưa có lời giải đáp tức thời.

In the sixth chain of each scheme, this sixth law and the sixth Ray have a very important significance, whilst the seventh chain of each scheme is always synthetic—Love and Activity in a perfect balance.

Trong dãy thứ sáu của mỗi hệ hành tinh, định luật thứ sáu này và cung sáu có một thâm nghĩa rất quan trọng, trong khi dãy thứ bảy của mỗi hệ hành tinh luôn luôn có tính tổng hợp—Bác ái và Hoạt động trong một thế quân bình hoàn hảo.

317. It seems clear that the chains exist simultaneously. The sixth chain will be correlated with the sixth principle, the buddhic principle, which is synthetic, but not completely so.

317. Dường như rõ ràng là các Dãy tồn tại đồng thời. Dãy thứ sáu sẽ tương quan với nguyên khí thứ sáu, nguyên khí Bồ đề, vốn có tính tổng hợp, nhưng chưa hoàn toàn như vậy.

318. The sixth chain of our scheme is the Mars-chain. We can see how Mars might be related to the "Law of Love" and the sixth ray. Mars is not, however, related to the higher form of buddhic love.

318. Dãy thứ sáu của hệ hành tinh chúng ta là dãy Sao Hỏa. Chúng ta có thể thấy Sao Hỏa có thể liên hệ thế nào với "Định luật Bác ái" và cung sáu. Tuy nhiên, Sao Hỏa không liên hệ với hình thức cao hơn của bác ái Bồ đề.

319. The seventh chain synthesizes the hard and soft line rays. We are speaking of developments within this second solar system. How it will be in future solar systems we do not know.

319. Dãy thứ bảy tổng hợp các cung theo đường cứng và đường mềm. Chúng ta đang nói về những phát triển bên trong hệ mặt trời thứ hai này. Trong các hệ mặt trời tương lai sẽ như thế nào thì chúng ta không biết.

The same effect can be demonstrated in the sixth Round. In the sixth Round of the present chain of the Earth scheme, the sixth law will demonstrate with great clarity and force, as love shown in brotherhood, love translated or transmuted from the astral to the buddhic.

Cùng một hiệu quả ấy có thể được chứng minh trong cuộc tuần hoàn thứ sáu. Trong cuộc tuần hoàn thứ sáu của dãy hiện tại thuộc hệ hành tinh Địa Cầu, định luật thứ sáu sẽ biểu lộ với sự rõ ràng và mãnh lực lớn lao, như bác ái được thể hiện trong tình huynh đệ, bác ái được chuyển dịch hay chuyển hoá từ cõi cảm dục sang cõi Bồ đề.

320. Here again we see the relationship between Venus, the sixth ray, the sixth round and the demonstration of brotherhood. There can be no demonstration of brotherhood unless the buddhic energy expresses; it cannot be demonstrated through the unredeemed astral vehicle.

320. Ở đây một lần nữa chúng ta thấy mối liên hệ giữa Sao Kim, cung sáu, cuộc tuần hoàn thứ sáu và sự biểu lộ của tình huynh đệ. Không thể có sự biểu lộ tình huynh đệ nếu năng lượng Bồ đề không biểu hiện; điều đó không thể được biểu lộ qua vận cụ cảm dục chưa được cứu chuộc.

321. We must view the *six* from three 'directions' for given its high destiny, it cannot be entirely astral. We view it:

a. As it demonstrates in relation to the astral plane (the sixth from 'above')(and the astral body

b. As it demonstrates in relation to the monadic plane (the sixth from 'bellow') and the monadic vehicle.

c. As it demonstrates in relation to the buddhic plane upon which the sixth principle is found in expression.

So in the sixth rootrace and the sixth subrace a similar analogy will be seen. Out of **the shattered form of the fifth subrace of the fifth root race**, built up under the fifth Ray of Concrete Knowledge, with the aid of the fifth Law of Fixation, **will emerge the sixth subrace of brotherly love—love shown in the realisation of the one life latent in each Son of God.**

322. This is important—even the sixth *subrace* is to be a race of brotherly love. May it be that the last decanate of the Age of Aquarius will see the flourishing of this sixth subrace?

323. Of course, the duration of a subrace is a much longer period than simply the few hundred years required to pass through the last decanate of a sign during a precessional age.

321. Chúng ta phải nhìn số *sáu* từ ba "hướng", vì với định mệnh cao cả của nó, nó không thể hoàn toàn là cảm dục. Chúng ta nhìn nó:

a. Như nó biểu lộ trong liên hệ với cõi cảm dục (thứ sáu tính từ "trên xuống") và thể cảm dục

b. Như nó biểu lộ trong liên hệ với cõi chân thần (thứ sáu tính từ "dưới lên") và vận cụ chân thần.

c. Như nó biểu lộ trong liên hệ với cõi Bồ đề, nơi nguyên khí thứ sáu được tìm thấy đang biểu hiện.

Vì vậy trong giống dân gốc thứ sáu và giống dân phụ thứ sáu cũng sẽ thấy một sự tương đồng tương tự. Từ **hình tướng tan vỡ của giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm**, được xây dựng dưới cung năm của Tri Thức Cụ Thể, với sự trợ giúp của Định luật Cố Định thứ năm, **sẽ xuất hiện giống dân phụ thứ sáu của tình bác ái huynh đệ—bác ái được biểu lộ trong sự chứng nghiệm về một sự sống duy nhất tiềm ẩn trong mỗi Con của Thượng đế.**

322. Điều này rất quan trọng—ngay cả giống dân phụ thứ sáu cũng sẽ là một nhân loại của tình bác ái huynh đệ. Có thể chăng thập độ cuối cùng của Thời Đại Bảo Bình sẽ chứng kiến sự hưng thịnh của giống dân phụ thứ sáu này?

323. Dĩ nhiên, thời lượng của một giống dân phụ dài hơn rất nhiều so với chỉ vài trăm năm cần thiết để đi qua thập độ cuối cùng của một dấu hiệu trong một thời đại tuế sai.

324. We have gathered quite a few sixes together and can do the same with each of the other six numbers. Some examples of sixes are:

a. The sixth systemic law

b. The sixth plane from 'above'

c. The sixth place from 'below'

d. The sixth scheme

e. The sixth scheme round

f. The sixth chain

g. The sixth chain round

h. The sixth globe

i. The sixth root race on our globe

j. The sixth subrace of the fifth root race on our globe

k. The sixth branch-races of the fifth and sixth subraces of the fifth root race on our globe

l. Etc.

325. One thing stands out and will significant for our historical period: the fifth subrace of the fifth root race will be shattered as the sixth subrace of fifth root race emerges. Are we even now at this time of shattering?

324. Chúng ta đã tập hợp khá nhiều số sáu lại với nhau và cũng có thể làm như vậy với từng con số còn lại trong sáu con số kia. Một vài ví dụ về các số sáu là:

a. Định luật hệ thống thứ sáu

b. Cõi thứ sáu tính từ "trên xuống"

c. Vị trí thứ sáu tính từ "dưới lên"

d. Hệ hành tinh thứ sáu

e. Cuộc tuần hoàn thứ sáu của hệ hành tinh

f. Dãy thứ sáu

g. Cuộc tuần hoàn thứ sáu của dãy

h. Bầu hành tinh thứ sáu

i. Giống dân gốc thứ sáu trên bầu hành tinh của chúng ta

j. Giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm trên bầu hành tinh của chúng ta

k. Các giống dân nhánh thứ sáu của giống dân phụ thứ năm và thứ sáu của giống dân gốc thứ năm trên bầu hành tinh của chúng ta

l. Vân vân.

325. Có một điều nổi bật và sẽ có ý nghĩa đối với giai đoạn lịch sử của chúng ta: giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm sẽ bị tan vỡ khi giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm xuất hiện. Phải

chăng ngay lúc này chúng ta đang ở trong thời kỳ tan vỡ ấy?

7. The Law of Sacrifice and Death. This law links itself to the third law, that of Disintegration following **the connection that always exists between the atmic and the physical plane.**

7. Định luật Hi sinh và Tử vong. Định luật này tự nối kết với định luật thứ ba, tức định luật Phân Tán, theo sau **mối liên hệ luôn luôn tồn tại giữa cõi atma và cõi hồng trần.**

326. The atmic is the most material of the first three systemic planes and, hence, its connection with the most material of the seven systemic planes—the etheric-physical plane.

326. Cõi atma là cõi vật chất nhất trong ba cõi hệ thống đầu tiên và vì thế có liên hệ với cõi vật chất nhất trong bảy cõi hệ thống—cõi dĩ thái-hồng trần.

The Law of Disintegration controls **the fivefold destruction of forms** in the five lower worlds, and the Law of Death controls similarly in the three worlds.

Định luật Phân Tán kiểm soát **sự hủy diệt ngũ phân của các hình tướng** trong năm thế giới thấp, và Định luật Tử vong cũng kiểm soát tương tự trong ba cõi giới.

327. The "Law of Disintegration" rules the death process on the atmic plane and on all the four planes which the atmic plane surmounts.

327. "Định luật Phân Tán" cai quản tiến trình tử vong trên cõi atma và trên cả bốn cõi mà cõi atma vượt lên trên.

328. The "Law of Sacrifice and Death" (here called simply the "Law of Death"), although correlated with the lowest or seven systemic plane, seems to pertain to the lower two and a half systemic planes.

328. "Định luật Hi sinh và Tử vong" (ở đây được gọi đơn giản là "Định luật Tử vong"), tuy tương quan với cõi hệ thống thấp nhất hay cõi thứ bảy, dường như liên quan đến hai cõi rưỡi thấp hơn của hệ thống.

329. We must ask: "Is each destruction of forms in each of the lower five lower worlds *fivefold* process?" "Or is the term 'fivefold' used because there are five types of forms to be destroyed—one for each of the five planes from the atmic to the systemic etheric-physical?"

329. Chúng ta phải hỏi: "Phải chăng mỗi sự hủy diệt các hình tướng trong mỗi một của năm thế giới thấp là một tiến trình *ngũ phân*?" "Hay thuật ngữ 'ngũ phân' được dùng vì có năm loại hình tướng phải bị hủy diệt—một loại cho mỗi cõi trong năm cõi từ cõi atma đến cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống?"

330. Certain forms found in the five lower worlds can be understood as fivefold and, when destruction comes, all five aspects of

330. Một số hình tướng được tìm thấy trong năm thế giới thấp có thể được hiểu là ngũ phân, và khi sự hủy diệt đến, cả năm phương

such forms would be destroyed. The causal body is one form which can be interpreted as fivefold, depending on the perspective.

diện của những hình tướng như thế sẽ bị hủy diệt. Thể nguyên nhân là một hình tướng có thể được giải thích là ngũ phân, tùy theo góc nhìn.

331. The fivefold five-pointed star may be considered the symbol of forms which are found within the Brahmic worlds—from the atmic plane to the physical.

331. Ngôi sao năm cánh ngũ phân có thể được xem là biểu tượng của các hình tướng được tìm thấy trong các thế giới Brahma—từ cõi atma đến cõi hồng trần.

It is subsidiary to the third law. The Law of Sacrifice is the Law of Death in the subtle bodies, whilst what we call death is the analogous thing in the physical body.

Nó là phụ thuộc vào định luật thứ ba. Định luật Hi sinh là Định luật Tử vong trong các thể vi tế, trong khi điều chúng ta gọi là tử vong là điều tương tự trong thể xác.

332. This is an extremely illuminating statement. This seventh law with which we are concerned has two nouns associated with it ("sacrifice" and "death") whereas the other laws have only one—vibration, cohesion, disintegration, magnetic control, fixation and love.

332. Đây là một phát biểu cực kỳ soi sáng. Định luật thứ bảy này mà chúng ta đang bàn đến có hai danh từ gắn liền với nó ("hi sinh" và "tử vong"), trong khi các định luật khác chỉ có một—rung động, cố kết, phân tán, kiểm soát từ tính, cố định và bác ái.

333. Death and sacrifice are to be considered synonymous terms. The term "death" has peculiar relation to the outer physical plane. Sacrifice involves the psychology of relinquishment and naturally pertains to the subtle bodies as the indweller learns to detach from them.

333. Tử vong và hi sinh phải được xem là những thuật ngữ đồng nghĩa. Thuật ngữ "tử vong" có mối liên hệ đặc biệt với cõi hồng trần bên ngoài. Hi sinh bao hàm tâm lý học của sự buông bỏ và tự nhiên liên quan đến các thể vi tế khi đấng nội tại học cách tách rời khỏi chúng.

This law governs the gradual disintegration of concrete forms and their sacrifice to the evolving life, and is closely linked in its manifestation with the seventh Ray.

Định luật này chi phối sự phân tán dần dần của các hình tướng cụ thể và sự hi sinh của chúng cho sự sống đang tiến hoá, và trong sự biểu lộ của nó có liên hệ chặt chẽ với cung bảy.

334. It would appear that the concrete forms which are disintegrated and sacrificed belong to the three lower worlds. The lunar life must be at the disposal of the inner, evolving solar life—the inner consciousness/being.

334. Dường như các hình tướng cụ thể bị phân tán và hi sinh thuộc về ba cõi thấp. Sự sống thái âm phải được đặt dưới quyền sử dụng của sự sống thái dương nội tại, đang tiến hoá—tâm thức/hữu thể bên trong.

335. From one perspective, the seventh ray rules all that is 'outer' and 'lower'; it rules especially the form and all formulated relationships which must be sacrificed.

335. Từ một góc nhìn, cung bảy cai quản tất cả những gì là "bên ngoài" và "thấp"; nó đặc biệt cai quản hình tướng và mọi quan hệ đã được định thức, những thứ phải được hi sinh.

This Ray is the one that largely controls, that manipulates, that geometrises and that holds sway over the form side, governing the elemental forces of nature.

Cung này là cung phần lớn kiểm soát, thao tác, hình học hóa và nắm quyền trên phương diện hình tướng, cai quản các mãnh lực hành khí của bản chất.

336. Let us tabulate the manner in which the seventh ray functions:

336. Chúng ta hãy lập bảng cách thức mà cung bảy vận hành:

a. It controls the form side

a. Nó kiểm soát phương diện hình tướng

b. It manipulates the form side

b. Nó thao tác phương diện hình tướng

c. It geometrizes the form side

c. Nó hình học hóa phương diện hình tướng

d. It holds sway over the form side

d. Nó nắm quyền trên phương diện hình tướng

e. In general, it governs the elemental forces of nature.

e. Nói chung, nó cai quản các mãnh lực hành khí của bản chất.

337. The elementals 'have no wings'. The seventh ray rules both the lower lives who have no wings and those higher devas who do. Saturn may be associated with the elementals and Uranus with the winged devas.

337. Các hành khí "không có cánh". Cung bảy cai quản cả những sự sống thấp không có cánh lẫn những thiên thần cao hơn có cánh. Sao Thổ có thể được liên kết với các hành khí và Sao Thiên Vương với các thiên thần có cánh.

338. In its aspect of *control* the seventh ray is much like the first. In its power to manipulate it is like the third ray (and to a degree) the fifth ray. In its ability to geometrize it is similar to the second ray.

338. Trong phương diện *kiểm soát* của nó, cung bảy rất giống cung một. Trong quyền năng thao tác, nó giống cung ba (và ở một mức độ nào đó) cung năm. Trong khả năng hình học hóa, nó tương tự cung hai.

339. From one perspective, the seventh ray is the synthesis of all the rays as they work towards manifestation

339. Từ một góc nhìn, cung bảy là sự tổng hợp của mọi cung khi chúng hoạt động hướng tới sự biểu hiện

The physical plane is the most concrete exemplification of the form side;

Cõi hồng trần là sự nêu gương cụ thể nhất của phương diện hình tướng;

340. Forms, however, exist on subtler planes as well. Physical plane forms are simply the most concrete exemplifications of form.

340. Tuy nhiên, các hình tướng cũng tồn tại trên những cõi vi tế hơn. Các hình tướng cõi hồng trần chỉ đơn giản là những sự nêu gương cụ thể nhất của hình tướng.

it holds the divine life imprisoned or [Page 597] enmeshed at its densest point, and it works at this time in line with the seventh law.

nó giữ sự sống thiêng liêng bị giam hãm hay [Page 597] mắc lưới tại điểm đậm đặc nhất của nó, và vào lúc này nó hoạt động phù hợp với định luật thứ bảy.

341. Physical plane processes contribute to the death and sacrifice of the inner life-consciousness, enveloping it.

341. Các tiến trình cõi hồng trần góp phần vào sự tử vong và hi sinh của sự sống-tâm thức bên trong, bao bọc nó.

342. In one way the seventh ray is a 'ray of imprisonment'. In another way, through alchemical processes, it is a ray of 'transmutative release'.

342. Theo một cách, cung bảy là một "cung của sự giam hãm". Theo một cách khác, thông qua các tiến trình thuật luyện kim, nó là một cung của "sự giải phóng chuyển hoá".

343. The word "enmeshed" presents an important image of 'energy entanglement'. We are bound to the physical plane by many threads of energy and force.

343. Từ "mắc lưới" gợi ra một hình ảnh quan trọng về "sự rối mắc năng lượng". Chúng ta bị ràng buộc vào cõi hồng trần bởi nhiều sợi năng lượng và mãnh lực.

344. Regarding 'enmeshment' the following is significant:

344. Liên quan đến "sự mắc lưới", điều sau đây có ý nghĩa quan trọng:

There is no such thing as concretion in reality; there is only force of different kinds,

Trong thực tại không có cái gọi là sự kết đặc; chỉ có mãnh lực thuộc nhiều loại khác nhau,

and the effect produced on consciousness by their interplay TCF 528-529)

In a mysterious way this law is the reverse side of the first, or the Law of Vibration. It is Vulcan and Neptune in opposition, which is as yet an almost incomprehensible thing for us.

345. This is one of the more occult references in the book. Vulcan is clearly the planet associated with the "Law of Vibration". We do see how the Tibetan constantly invokes astrology to explain various ideas and laws presented in TCF.

346. It is, however, difficult to associate Neptune with the physical plane, though its associations with death and sacrifice are clear. Death signals an escape from a confining environment; sacrifice signals selfless renunciation. Both escape and renunciation are ruled by Neptune.

347. Interestingly, the fifth of the liberated Creative Hierarchies (which has a relationship to the *lowest level* of the cosmic astral plane—its intended field of expression—is ruled by Neptune. Cancer is closely associated with the seventh ray, and this Cancerian Hierarchy will form the seventh ray foundation of the cosmic astral plane.

348. We can consider the relationship as the relinquishment of confining form (Neptune) in order to more fully respond to the measure and frequency required by the "Law of Vibration".

349. Vulcan, in one respect, is a planet of density and concretion; Neptune a planet of refined ethereality. There is a natural

và hiệu quả do sự tương tác của chúng tạo ra trên tâm thức TCF 528-529)

Một cách huyền bí, định luật này là mặt trái của định luật thứ nhất, hay Định luật Rung động. Đó là Vulcan và Neptune ở thế đối vị, điều mà hiện nay đối với chúng ta vẫn gần như không thể hiểu nổi.

345. Đây là một trong những ám chỉ huyền bí hơn trong quyển sách. Vulcan rõ ràng là hành tinh gắn với "Định luật Rung động". Chúng ta quả thật thấy Chân sư Tây Tạng liên tục viện dẫn chiêm tinh học để giải thích nhiều ý tưởng và định luật khác nhau được trình bày trong Luận về Lửa Vũ Trụ.

346. Tuy nhiên, thật khó liên kết Neptune với cõi hồng trần, dù những liên hệ của nó với tử vong và hi sinh thì rõ ràng. Tử vong báo hiệu một sự thoát ra khỏi môi trường giam hãm; hi sinh báo hiệu sự từ bỏ vô ngã. Cả sự thoát ra lẫn sự từ bỏ đều do Neptune cai quản.

347. Điều thú vị là Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm đã được giải thoát (có liên hệ với *cấp độ thấp nhất* của cõi cảm dục vũ trụ—lĩnh vực biểu hiện được dự định của nó) được Neptune cai quản. Cự Giải liên hệ chặt chẽ với cung bảy, và Huyền Giai Cự Giải này sẽ tạo thành nền tảng cung bảy của cõi cảm dục vũ trụ.

348. Chúng ta có thể xem mối liên hệ này là sự từ bỏ hình tướng giam hãm (Neptune) để đáp ứng đầy đủ hơn với mức độ và tần số mà "Định luật Rung động" đòi hỏi.

349. Vulcan, theo một phương diện, là một hành tinh của sự đậm đặc và kết đặc; Neptune là một hành tinh của tính dĩ thái

qualitative opposition between the two of them.

tinh luyện. Giữa hai hành tinh này có một sự đối vị phẩm tính tự nhiên.

350. From another perspective, Vulcan is close to the reality of the Solar Logos and the outer expression of Neptune represents illusion.

350. Từ một góc nhìn khác, Vulcan gần với thực tại của Thái dương Thượng đế và biểu hiện bên ngoài của Neptune tượng trưng cho ảo tưởng.

351. These two planets, however, have something quite in common—their relationship to the Heart of the Sun. Neptune has a second ray Monad and Vulcan is hypothesized as expressing a fourth ray Monad, with a still more essential second ray Monad. The *major* monadic rays of all B/ beings must be either one, two or three.

351. Tuy nhiên, hai hành tinh này có một điểm khá chung—mối liên hệ của chúng với Trái Tim Mặt Trời. Neptune có một chân thần cung hai và Vulcan được giả định là biểu hiện một chân thần cung bốn, với một chân thần cung hai còn cốt yếu hơn nữa. Các cung chân thần *chính yếu* của mọi hữu thể đều phải là một, hai hoặc ba.

The densest form of expression on the physical plane is after all but a form of synthesis; just as the rarest form of expression on the highest plane is but unity or synthesis of a finer kind.

Hình thức biểu hiện đậm đặc nhất trên cõi hồng trần rốt cuộc cũng chỉ là một hình thức tổng hợp; cũng như hình thức biểu hiện hiếm vi nhất trên cõi cao nhất cũng chỉ là sự hợp nhất hay tổng hợp thuộc một loại tinh tế hơn.

352. With respect to synthesis on the highest plane, we might call it a 'disassociated' unity or synthesis of a *fiery* kind, for we are dealing there with the "Sea of Fire".

352. Đối với sự tổng hợp trên cõi cao nhất, chúng ta có thể gọi đó là một sự hợp nhất hay tổng hợp "không liên kết" thuộc loại *lửa*, vì ở đó chúng ta đang xử lý "Biển Lửa".

353. In every synthesis, obstructive separations which prevent all contained units from fusion are eliminated.

353. Trong mọi sự tổng hợp, những sự phân cách cản trở ngăn không cho mọi đơn vị được chứa đựng dung hợp đều bị loại bỏ.

354. Neptune functions in the relationship between desire and form. It is the magnetic property of desire which holds forms together. Thus, desire substands density.

354. Neptune hoạt động trong mối liên hệ giữa dục vọng và hình tướng. Chính đặc tính từ tính của dục vọng giữ các hình tướng lại với nhau. Vì vậy, dục vọng nâng đỡ sự đậm đặc.

355. We must remember that the number six has often been associated with the form. What seven provides is almost the

355. Chúng ta phải nhớ rằng số sáu thường được liên kết với hình tướng. Điều mà số bảy

automatic result of the magnetic holding power of the six.

cung cấp gần như là kết quả tự động của quyền năng giữ chặt bằng từ tính của số sáu.

One is the synthesis of matter, and the other the synthesis of life.

Một là sự tổng hợp của vật chất, và cái kia là sự tổng hợp của sự sống.

356. Thus, are the seven and the one related. The Word of Power for the seventh ray is apt in this context: "The Highest and the Lowest Meet".

356. Như vậy, số bảy và số một có liên hệ với nhau. Quyền năng từ của cung bảy rất thích hợp trong ngữ cảnh này: "Đấng Cao Nhất và Kẻ Thấp Nhất Gặp Nhau".

This law governs the seventh chain in each scheme;

Định luật này cai quản dãy thứ bảy trong mỗi hệ hành tinh;

357. Once the 'turn' is made (of which the fourth chain is the pivotal point), the higher the chain number, the more refined should be its expression.

357. Một khi sự "xoay chuyển" đã được thực hiện (mà dãy thứ tư là điểm bản lề), thì số thứ tự của dãy càng cao, biểu hiện của nó càng phải tinh luyện hơn.

358. When the seventh chain of the scheme is fully developed by the time has come for the death and sacrifice of the lower forms.

358. Khi dãy thứ bảy của hệ hành tinh được phát triển đầy đủ thì thời điểm cho sự tử vong và hi sinh của các hình tướng thấp hơn đã đến.

each chain having achieved the fullest expression possible in the scheme, comes under the Law of Death, and obscuration and disintegration supervenes.

mỗi dãy, sau khi đã đạt được sự biểu hiện đầy đủ nhất có thể trong hệ hành tinh, sẽ chịu dưới Định luật Tử vong, và sự che mờ cùng sự phân tán sẽ tiếp theo sau.

359. We see that this seventh law applies not only to the seventh chain, but to the seventh phase of development in any chain, after which the Law of Death supervenes.

359. Chúng ta thấy rằng định luật thứ bảy này không chỉ áp dụng cho dãy thứ bảy, mà còn cho giai đoạn phát triển thứ bảy trong bất kỳ dãy nào, sau đó Định luật Tử vong sẽ tiếp diễn.

360. Under the Law of Economy it is not permitted to perpetuate that which has achieved its full development. If not further progress is possible through a form, Nature degrees the death of that form.

360. Theo Định luật Tiết Kiệm, không được phép kéo dài cái đã đạt đến sự phát triển trọn vẹn của nó. Nếu không thể có thêm tiến bộ nào thông qua một hình tướng, Bản chất sẽ quyết định sự tử vong của hình tướng ấy.

361. We can understand that although a particular law may apply *most* to a particular scheme or chain, all laws apply in some measure to *all* schemes and chains.

361. Chúng ta có thể hiểu rằng mặc dù một định luật riêng biệt có thể áp dụng *nhiều nhất* cho một hệ hành tinh hay dãy riêng biệt, mọi định luật đều áp dụng ở một mức độ nào đó cho *mọi* hệ hành tinh và dãy.

In a cosmic sense and analogy, it is the law that governs the coming in of pralaya at the end of a system.

Theo nghĩa vũ trụ và theo định luật tương ứng, đó là định luật cai quản sự xuất hiện của Giai kỳ qui nguyên vào cuối một hệ thống.

362. The final form is dies and is, in a sense, *sacrificed* to ensure the further development of the life which expresses through that form.

362. Hình tướng cuối cùng sẽ chết đi và, theo một nghĩa nào đó, được *hi sinh* để bảo đảm cho sự phát triển tiếp theo của sự sống biểu hiện qua hình tướng ấy.

363. The seventh phrase represents the end leading to pralaya, and Neptune (a ruler in a special sense, of Pisces) is the planet most associated with pralaya. Thus are the seven, the seventh law and Neptune associated.

363. Giai đoạn thứ bảy tượng trưng cho sự kết thúc dẫn đến Giai kỳ qui nguyên, và Neptune (một chủ tinh, theo một nghĩa đặc biệt, của Song Ngư) là hành tinh gắn bó nhất với Giai kỳ qui nguyên. Như vậy số bảy, định luật thứ bảy và Neptune được liên kết với nhau.

It is the law that shatters the cross of the cosmic Christ, and places the form of the Christ within the tomb for a period of time.

Đó là định luật làm tan vỡ thập giá của Đức Christ vũ trụ, và đặt hình tướng của Đức Christ vào trong mộ phần trong một thời gian.

364. The “cross” is the form. The life bound to the cross must be liberated and this “Law of Sacrifice and Death” sees to that liberation.

364. “Thập giá” là hình tướng. Sự sống bị trói buộc vào thập giá phải được giải thoát, và “Định luật Hi sinh và Tử vong” này bảo đảm sự giải thoát ấy.

365. When the elements of the form return unto the “reservoir of life” the time period of the tomb is suggested.

365. Khi các nguyên tố của hình tướng trở về “kho chứa của sự sống” thì giai đoạn thời gian của mộ phần được gợi ra.

366. The time of resurrection will come and the constituents of form will be elevated under the galvanic impetus of the indwelling life.

366. Thời điểm phục sinh sẽ đến và các thành phần của hình tướng sẽ được nâng lên dưới xung lực điện hóa của sự sống nội tại.

367. In a strange reversal, Vulcan associated with the first ray and the highest law suggests the act of *shattering,* and Neptune, associated with the seventh plane and seventh law suggests the upward-rising process of resurrection. Neptune is very closely connected with attraction upwards.

367. Trong một sự đảo ngược kỳ lạ, Vulcan gắn với cung một và định luật cao nhất gợi ra hành động *làm tan vỡ,* còn Neptune, gắn với cõi thứ bảy và định luật thứ bảy, gợi ra tiến trình phục sinh đi lên. Neptune có liên hệ rất chặt chẽ với sự hút lên trên.

The Principle of Mutation. In concluding the above information about the laws, it is needful that we all recognise the extreme danger of dogmatising about these matters, and the risk of laying down hard and fast rules. Much must remain unexplained and untouched, and much also will serve to raise only questions in our minds. Comprehension is as yet impossible.

Nguyên lý Biến Dịch. Khi kết thúc phần thông tin trên về các định luật, điều cần thiết là chúng ta đều phải nhận ra mối nguy cực lớn của việc giáo điều hóa những vấn đề này, và rủi ro của việc đặt ra những quy luật cứng nhắc. Nhiều điều phải vẫn còn không được giải thích và không bị đụng chạm đến, và nhiều điều cũng sẽ chỉ làm nảy sinh những câu hỏi trong tâm trí chúng ta. Sự thấu hiểu hiện vẫn là điều bất khả.

368. DK is sounding a note of caution to those who would reduce all that has been said into concrete mental formulations. In such a case the mind would be the "slayer of the real".

368. Chân sư DK đang xướng lên một âm điệu thận trọng đối với những ai muốn giản lược tất cả những gì đã được nói thành các công thức trí tuệ cụ thể. Trong trường hợp như vậy, trí tuệ sẽ là "kẻ sát hại cái thực".

369. Fluidity of perspective depending upon changing context is ever required.

369. Tính linh động của góc nhìn tùy thuộc vào bối cảnh thay đổi luôn luôn là điều cần thiết.

370. DK is but indicating a process, concerning which, much, very much, has yet to be learned by the average student of occultism.

370. Chân sư DK chỉ đang chỉ ra một tiến trình mà về nó, người đạo sinh huyền bí học trung bình còn phải học rất nhiều, rất rất nhiều.

371. Great patience is required when studying these matters—the patience not just of a life-time but of many life-times.

371. Cần có sự kiên nhẫn lớn lao khi nghiên cứu những vấn đề này—sự kiên nhẫn không chỉ của một đời mà của nhiều đời.

Until fourth-dimensional sight is ours, it will scarcely be possible for us to do more than hint at, and get a passing vision of, the

Cho đến khi linh thị bốn chiều thuộc về chúng ta, chúng ta hầu như không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ gợi ý và thoáng thấy được sự phức tạp và sự đan xen trong hệ thống.

complexity and the interweaving in the system.

372. The great principles of occultism are simple. The working out of these principles engages us in extreme complexity and intricacy unfathomable to the human mind.

372. Các nguyên lý lớn của huyền bí học thì đơn giản. Sự triển khai các nguyên lý này lại cuốn chúng ta vào một mức độ phức tạp và tinh vi cực độ mà trí tuệ con người không thể dò thấu.

373. If we can catch but a glimpse of that which DK hints, it is at least something.

373. Nếu chúng ta chỉ có thể thoáng thấy điều mà Chân sư DK gợi ý, thì như thế ít nhất cũng đã là một điều gì đó.

374. This is why it is important to identify the 'energy threads' which are used in the process of 'Divine Weaving'. If we can identify the threads from the first, we can later see how they are woven into complex 'fabrics-of-creation'.

374. Đó là lý do vì sao điều quan trọng là phải nhận diện những "sợi năng lượng" được dùng trong tiến trình "Dệt Thiêng Liêng". Nếu ngay từ đầu chúng ta có thể nhận diện các sợi dây ấy, thì về sau chúng ta có thể thấy chúng được dệt thành những "tấm vải-sáng-tạo" phức tạp như thế nào.

375. Fourth dimensional sight is connected with buddhi; the energy of the intuition will clarify much that the mind finds inextricably complex.

375. Linh thị bốn chiều có liên hệ với Bồ đề; năng lượng của trực giác sẽ làm sáng tỏ nhiều điều mà trí tuệ thấy là phức tạp đến mức không thể gỡ rối.

It is not easy for us to do more than grip as a mental concept the fact that the rays, schemes, planets, chains, rounds, races and laws form a unit;

Đối với chúng ta, thật không dễ làm gì hơn ngoài việc nắm lấy như một khái niệm trí tuệ sự kiện rằng các cung, hệ hành tinh, hành tinh, dãy, cuộc tuần hoàn, nhân loại và các định luật tạo thành một đơn vị;

376. The mind wishes to distinguish these factors, one from another. In fact the lesser of these are nested in the greater, and a great Unity pervades them all.

376. Trí tuệ muốn phân biệt các yếu tố này, yếu tố nọ với yếu tố kia. Thật ra, những yếu tố nhỏ hơn được lồng trong những yếu tố lớn hơn, và một Đại Hợp Nhất thấm nhuần tất cả chúng.

377. All the factors presented are *interwoven.* To the degree that we can, using Mercury, move from one to the other with ease, to that degree we can behold their interwoven relationship.

377. Tất cả các yếu tố được trình bày đều *đan xen với nhau.* Trong chừng mực chúng ta có thể, bằng Sao Thủy, di chuyển từ yếu tố này sang yếu tố khác một cách dễ dàng, thì trong

chừng mực ấy chúng ta có thể nhìn thấy mối liên hệ đan xen của chúng.

378. A completely different state of mind characterized by “pure reason” is required to fathom their intricate interdependency.

378. Cần có một trạng thái trí tuệ hoàn toàn khác, được đặc trưng bởi “lý trí thuần túy”, để dò thấu sự tương thuộc tinh vi của chúng.

379. We need the capacities offered by Mercury—whether as the planet of reasoning or the planet of “pure reason”.

379. Chúng ta cần những năng lực do Sao Thủy mang lại—dù là như hành tinh của lý luận hay hành tinh của “lý trí thuần túy”.

seen from the angle of human vision the confusion seems unimaginable, and the key of its solution to be so hidden as to be useless;

nhìn từ góc độ tầm nhìn của con người, sự hỗn độn dường như không thể tưởng tượng nổi, và chìa khóa giải quyết nó dường như ẩn kín đến mức vô dụng;

380. Thus, very great patience is required of us as we pull upon the threads of life seeking to disentangle the confusion of concepts which probably characterizes the contents of our mind.

380. Vì vậy, chúng ta cần có sự kiên nhẫn rất lớn khi kéo trên các sợi dây của sự sống để tìm cách tháo gỡ sự hỗn độn của các khái niệm vốn có lẽ là đặc trưng cho nội dung của trí tuệ chúng ta.

381. We are obliged to change our human angle of vision into something much higher —the angle of vision of (minimally) the soul.

381. Chúng ta buộc phải chuyển đổi góc độ tầm nhìn của con người thành một điều gì đó cao hơn nhiều—góc độ tầm nhìn của (ít nhất là) linh hồn.

yet, seen from the angle of logoic sight, [Page 598] the whole moves in unison, and is geometrically accurate.

tuy nhiên, khi được nhìn từ góc độ linh thị của Logos, [Page 598] toàn thể vận động đồng bộ, và chính xác về mặt hình học.

382. One way of defining “logoic sight” is the perspective seen from the logoic plane. We are speaking (at least in part) of the perspective of the seventh degree initiate, for whom the logoic plane is ‘home’.

382. Một cách để định nghĩa “linh thị của Logos” là phối cảnh được thấy từ cõi logoic. Chúng ta đang nói đến (ít nhất là một phần) phối cảnh của điểm đạo đồ cấp bảy, đối với vị ấy cõi logoic là “quê nhà”.

383. If we elevate our perspective, the geometrical movement foundational to the interplay of rays, laws, planes, and aspects of our systemic and planetary constitution will gradually clarify.

383. Nếu chúng ta nâng cao phối cảnh của mình, chuyển động hình học làm nền tảng cho sự tương tác giữa các cung, các định luật, các cõi và các phương diện của cơ cấu

hệ thống và hành tinh của chúng ta sẽ dần dần trở nên sáng tỏ.

In order to give some idea of the complexity of the arrangement, I would like here to point out that the Rays themselves circulate, the Law of Karma controlling the interweaving.

Để đưa ra một vài ý niệm về tính phức tạp của sự sắp xếp này, ở đây tôi muốn chỉ ra rằng chính các Cung cũng tuần hoàn, và Định luật Nghiệp Quả kiểm soát sự đan xen ấy.

384. DK is hinting at the idea of ray cycles and how these cycles are determined by the Intermediary Law of Karma.

384. Chân sư DK đang gợi ý về ý niệm các chu kỳ cung và cách các chu kỳ này được quyết định bởi Định luật Trung Gian của Nghiệp Quả.

385. Since, for us, this Law of Karma has a Sirian origin, He seems to be telling us that Sirius controls the circulation of the rays.

385. Vì đối với chúng ta, Định luật Nghiệp Quả này có nguồn gốc từ Sirius, dường như Ngài đang cho chúng ta biết rằng Sirius kiểm soát sự tuần hoàn của các cung.

386. We remember that the rays rotate from "north to south" and the planes from "east to west".

386. Chúng ta nhớ rằng các cung xoay chuyển từ "bắc xuống nam" và các cõi từ "đông sang tây".

For instance, Ray I **may pass around a scheme** (if it is the paramount Ray of the scheme) with its first subray manifesting in a chain, its second in a round, its third in a world period, its fourth in a root race, its fifth in a subrace, and its sixth in a branch race.

Chẳng hạn, Cung một **có thể đi vòng quanh một hệ hành tinh** (nếu đó là cung tối cao của hệ hành tinh) với cung phụ thứ nhất của nó biểu hiện trong một Dãy, cung phụ thứ hai trong một cuộc tuần hoàn, cung phụ thứ ba trong một thời kỳ thế giới, cung phụ thứ tư trong một giống dân gốc, cung phụ thứ năm trong một giống dân phụ, và cung phụ thứ sáu trong một chủng tộc nhánh.

387. Here is an example of the ordered complexity by means of which a ray may manifest in a scheme.

387. Đây là một ví dụ về tính phức tạp có trật tự qua đó một cung có thể biểu hiện trong một hệ hành tinh.

388. We note that a ray will pass around a scheme—this definitely suggests what we have called a 'scheme round'.

388. Chúng ta lưu ý rằng một cung sẽ đi vòng quanh một hệ hành tinh—điều này chắc chắn gợi ý điều mà chúng ta đã gọi là một "cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh".

389. What do we mean by the "paramount ray of the scheme"? May we think of this as the *principal* ray of the Planetary Logos Who is manifesting through that scheme? This may or may not be His monadic ray. Much will depend upon the point in evolution He has reached. The "paramount ray" of our Planetary Logos is not yet His first ray Monad. At least the first ray is not His most *effective* ray at this time.

389. Chúng ta muốn nói gì bởi cung "tối cao" của hệ hành tinh? Chúng ta có thể nghĩ về điều này như cung *chính yếu* của Hành Tinh Thượng Đế đang biểu hiện qua hệ hành tinh ấy chăng? Điều này có thể là hoặc không là cung chân thần của Ngài. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào điểm tiến hoá mà Ngài đã đạt tới. "Cung tối cao" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chưa phải là Chân thần cung một của Ngài. Ít nhất, cung một hiện nay chưa phải là cung *hữu hiệu* nhất của Ngài vào lúc này.

390. We see the possibility of an amazing subdivision. It seems that all subrays of the Planetary Logos can be manifesting simultaneously in a given chain, but manifesting in very different ways. When we take into consideration the diversity of chains and the diversity of possible modes of manifestation, we are presented with a picture of unfathomable complexity (at least for us at our particular stage of understanding).

390. Chúng ta thấy khả năng của một sự phân chia phụ đáng kinh ngạc. Dường như tất cả các cung phụ của Hành Tinh Thượng Đế đều có thể đang biểu hiện đồng thời trong một Dãy nhất định, nhưng biểu hiện theo những cách rất khác nhau. Khi chúng ta xét đến tính đa dạng của các Dãy và tính đa dạng của các phương thức biểu hiện khả hữu, chúng ta được trình bày trước một bức tranh có tính phức tạp không thể dò thấu (ít nhất đối với chúng ta ở giai đoạn thấu hiểu đặc thù hiện nay).

391. DK does not speak of a seventh sub-ray, and yet we may presume that all rays have seven sub-rays.

391. Chân sư DK không nói đến cung phụ thứ bảy, tuy nhiên chúng ta có thể giả định rằng mọi cung đều có bảy cung phụ.

392. What smaller structure follows a branch-race? Perhaps it is that structure to which the seven subray can apply.

392. Cấu trúc nhỏ hơn nào tiếp theo sau một chủng tộc nhánh? Có lẽ đó là cấu trúc mà bảy cung phụ có thể áp dụng vào.

I give this in illustration, and not as the statement of a fact in present manifestation.

Tôi đưa ra điều này như một minh hoạ, chứ không phải như một phát biểu về một sự kiện trong biểu hiện hiện tại.

393. The illustration that DK presents may or may not be a possible arrangement at some point in the manifestation of a planetary scheme. What we are being told that it is, apparently, *not* an arrangement

393. Minh hoạ mà Chân sư DK trình bày có thể là hoặc không là một sự sắp xếp khả hữu tại một thời điểm nào đó trong biểu hiện của một hệ hành tinh. Điều mà dường như chúng ta được cho biết là, đó *không* phải là

which is operative at this present time in manifestation.

một sự sắp xếp đang vận hành trong biểu hiện vào thời điểm hiện nay.

This gives us some idea of the vastness of the process, and of its wonderful beauty. It is impossible for us, sweeping through on some one Ray, to visualise or in any way to apprehend this beauty;

Điều này cho chúng ta một vài ý niệm về sự bao la của tiến trình, và về vẻ đẹp kỳ diệu của nó. Chúng ta không thể, khi đang quét qua trên một cung nào đó, hình dung hay bằng bất cứ cách nào lĩnh hội được vẻ đẹp này;

394. Who is sweeping through on some one ray? Is it we as a planetary manifestation? Or is DK speaking of our individual condition as we sweep through on some soul ray or monadic ray?

394. Ai là kẻ đang quét qua trên một cung nào đó? Có phải là chúng ta với tư cách một biểu hiện hành tinh chăng? Hay Chân sư DK đang nói về tình trạng cá nhân của chúng ta khi chúng ta quét qua trên một cung linh hồn hay cung chân thần nào đó?

395. We realize that our ray identification and conditioning imposes limitation on the scope and depth of our perception.

395. Chúng ta nhận ra rằng sự đồng hoá cung và sự tác động của cung lên chúng ta áp đặt những giới hạn lên phạm vi và chiều sâu của tri giác chúng ta.

396. We are simply to apprehend the possibility of an ordered beauty of great intricacy—all factors working together for completeness of expression.

396. Điều chúng ta cần làm chỉ là lĩnh hội khả năng về một vẻ đẹp có trật tự với mức độ tinh vi lớn lao—mọi yếu tố cùng hoạt động để đạt tới sự viên mãn của biểu đạt.

yet, to those on higher levels and with a wider range of vision, the gorgeousness of the design is apparent.

tuy nhiên, đối với những ai ở các cấp độ cao hơn và có tầm nhìn rộng lớn hơn, sự huy hoàng của thiết kế ấy là điều hiển nhiên.

397. Gradually, this is what we seek to achieve—a vision of that incredible beauty as seen from higher planes. Step by step, as we correlate the functions of the various energies, we work towards this vision.

397. Dần dần, đó là điều chúng ta tìm cách đạt tới—một tầm nhìn về vẻ đẹp phi thường ấy như được thấy từ các cõi cao hơn. Từng bước một, khi chúng ta liên hệ các chức năng của những năng lượng khác nhau, chúng ta tiến tới tầm nhìn này.

This complexity is for us very much increased because we do not yet understand the principle governing this mutation.

Đối với chúng ta, tính phức tạp này gia tăng rất nhiều bởi vì chúng ta chưa hiểu nguyên khí chi phối sự chuyển biến này.

398. Here we find DK identifying with "us". Perhaps He, however, understands a great deal more of the "principle governing this mutation" than we do.

398. Ở đây chúng ta thấy Chân sư DK đồng nhất mình với "chúng ta". Tuy nhiên, có lẽ Ngài hiểu nhiều hơn chúng ta rất nhiều về "nguyên khí chi phối sự chuyển biến này".

399. For us, at this time, it is simply important for us to realize that it is an *ordering* principle. There is no randomness or happenstance in this beautiful process.

399. Đối với chúng ta vào lúc này, điều quan trọng đơn giản là nhận ra rằng đó là một nguyên khí *sắp đặt*. Không có gì ngẫu nhiên hay tình cờ trong tiến trình đẹp đẽ này.

Nor is it possible for even the highest human mind in the three worlds to do more than sense and approximate that principle.

Ngay cả trí tuệ nhân loại cao nhất trong ba cõi thấp cũng không thể làm gì hơn ngoài việc cảm nhận và xấp xỉ nguyên khí ấy.

400. Since a Master is still a human being, we may judge that even a Master cannot do more than sense this principle governing mutation.

400. Vì một Chân sư vẫn là một con người, chúng ta có thể phán đoán rằng ngay cả một Chân sư cũng không thể làm gì hơn ngoài việc cảm nhận nguyên khí chi phối sự chuyển biến này.

401. We note that DK speaks not of the "highest human mind" but of the "highest human mind *in the three worlds*". This is a significant qualifier and points to the thought that the human mind liberated from the illusions of the three worlds may understand much more of the principle of mutation.

401. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói về "trí tuệ nhân loại cao nhất" mà là "trí tuệ nhân loại cao nhất *trong ba cõi thấp*". Đây là một định ngữ quan trọng và gợi đến ý tưởng rằng trí tuệ con người được giải thoát khỏi các ảo tưởng của ba cõi thấp có thể hiểu được nhiều hơn về nguyên khí của sự chuyển biến.

By **mutation** I mean the fact that there is a constant changing and shifting, an endless interweaving and interlocking, and a ceaseless ebb and flow, in the dramatic interplay of the forces that stand for the dual synthesis of Spirit and matter.

Bởi **sự chuyển biến** tôi muốn nói đến sự kiện rằng có một sự thay đổi và dịch chuyển liên tục, một sự đan dệt và móc nối vô tận, và một sự lên xuống không ngừng, trong sự tương tác đầy kịch tính của các mãnh lực tượng trưng cho sự tổng hợp nhị nguyên của tinh thần và vật chất.

402. So that we do not pass over these words descriptive of mutation in too casual a manner, let us list them:

402. Để chúng ta không lướt qua những từ ngữ mô tả sự chuyển biến này một cách quá hời hợt, hãy liệt kê chúng ra:

a. Constant changing

a. Sự thay đổi liên tục

b. Constant shifting

c. Endless weaving

d. Endless interlocking

e. Ceaseless ebb and flow

f. Dramatic interplay of forces

403. All of these 'motions' pertain to the manner in which Spirit and matter constantly engage.

There is constant rotation in the Rays and planes, in their relative importance from the standpoint of time which is the standpoint most closely associated with us.

404. We recall in an earlier section of text that the rays rotate from north to south and the planes from east to west.

405. Since we are still very much bound to time-space conceptions, the motion in time/space of rays and planes is still very important to us.

406. Because we are conditioned by time, certain rays and planes will be more important to *us* at certain times than other rays and planes.

407. From a much higher perspective—a perspective unconditioned by time—particular ray and plane cycles would not carry the same emphasis as they do for the one of limited vision.

b. Sự dịch chuyển liên tục

c. Sự đan dệt vô tận

d. Sự móc nối vô tận

e. Sự lên xuống không ngừng

f. Sự tương tác đầy kịch tính của các mãnh lực

403. Tất cả những "chuyển động" này đều liên quan đến cách thức tinh thần và vật chất liên tục tương tác với nhau.

Có sự xoay chuyển liên tục trong các Cung và các cõi, xét theo tầm quan trọng tương đối của chúng từ quan điểm thời gian là quan điểm gắn bó mật thiết nhất với chúng ta.

404. Chúng ta nhớ lại trong một phần trước của bản văn rằng các cung xoay chuyển từ bắc xuống nam và các cõi từ đông sang tây.

405. Vì chúng ta vẫn còn bị ràng buộc rất nhiều vào các quan niệm thời gian-không gian, nên chuyển động trong thời gian/không gian của các cung và các cõi vẫn rất quan trọng đối với chúng ta.

406. Bởi vì chúng ta bị thời gian tác động, nên vào những thời điểm nhất định, một số cung và cõi nào đó sẽ quan trọng hơn đối với *chúng ta* so với những cung và cõi khác.

407. Từ một phối cảnh cao hơn rất nhiều—một phối cảnh không bị thời gian tác động—các chu kỳ cung và cõi riêng biệt sẽ không mang cùng một mức nhấn mạnh như đối với người có tầm nhìn hạn hẹp.

But we can rest assured that there is some fundamental principle directing all the activities of the Logos in His system, and by wrestling to discover the basic principle on which our microcosmic lives rest, we may discover aspects of this inherent logoic principle.

Nhưng chúng ta có thể yên tâm rằng có một nguyên khí nền tảng nào đó đang chỉ đạo mọi hoạt động của Logos trong hệ thống của Ngài, và bằng cách vật lộn để khám phá nguyên khí căn bản trên đó các sự sống tiểu thiên địa của chúng ta đặt nền, chúng ta có thể khám phá những phương diện của nguyên khí logoic cố hữu này.

408. The practical approach is given. If we can discover "the basic principle on which our microcosmic lives rest" we can discover factors fundamental to the expression of our Planetary Logos and even of the greater Logos.

408. Phương pháp tiếp cận thực tiễn đã được đưa ra. Nếu chúng ta có thể khám phá "nguyên khí căn bản trên đó các sự sống tiểu thiên địa của chúng ta đặt nền", chúng ta có thể khám phá những yếu tố nền tảng đối với sự biểu đạt của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và thậm chí của Logos vĩ đại hơn.

409. To the initiate who discovers the key to the changing, shifting, weaving, interlocking, ebb and flow and interplay of energies and forces in his own energy system, something of significance may be disclosed about the same on a much broader scale.

409. Đối với điểm đạo đồ khám phá được chìa khóa của sự thay đổi, dịch chuyển, đan dệt, móc nối, lên xuống và tương tác của các năng lượng và mãnh lực trong hệ thống năng lượng của chính mình, một điều gì đó có thâm nghĩa có thể được tiết lộ về cùng tiến trình ấy trên một quy mô rộng lớn hơn nhiều.

410. Practically, then, we have to study the cycles of our own life and the interplay between our various vehicles. Much remains if we are to fulfil the injunction "know thyself". This is the proper road to a greater understanding of the macrocosm.

410. Về mặt thực tiễn, vì vậy, chúng ta phải nghiên cứu các chu kỳ của chính đời sống mình và sự tương tác giữa các vận cụ khác nhau của mình. Còn rất nhiều điều phải làm nếu chúng ta muốn hoàn thành mệnh lệnh "hãy biết chính mình". Đây là con đường đúng đắn dẫn đến sự thấu hiểu lớn hơn về đại thiên địa.

This opens to our consideration a wide range of vision, and [Page 599] though it emphasises the complexity of the subject, it also demonstrates the divine magnitude of the scheme, with its magnificent intricacies.

Điều này mở ra cho sự xem xét của chúng ta một tầm nhìn rộng lớn, và [Page 599] dù nó nhấn mạnh tính phức tạp của chủ đề, nó cũng chứng minh tầm vóc thiêng liêng của hệ hành tinh, với những nét tinh vi tráng lệ của nó.

411. As we contemplate these matters, what emerges in our consciousness:

411. Khi chúng ta chiêm ngưỡng những vấn đề này, điều gì xuất hiện trong tâm thức chúng ta:

a. A wide range of vision

a. Một tầm nhìn rộng lớn

b. The disclosure of a subject of great complexity

b. Sự hé lộ của một chủ đề có tính phức tạp lớn lao

c. A realization of the "divine magnitude of the scheme", and by this is not necessarily meant only the *planetary* scheme.

c. Một sự chứng nghiệm về "tầm vóc thiêng liêng của hệ hành tinh", và bởi điều này không nhất thiết chỉ muốn nói đến hệ hành tinh *hành tinh*.

d. A disclosure of the "magnificent intricacies" of the enveloping macrocosm.

d. Sự hé lộ của "những nét tinh vi tráng lệ" của đại thiên địa bao bọc quanh ta.

412. Something about the nature of Master DK's mind is revealed by the words "magnificent intricacies". As students at our stage of development, we have very little realization of magnificent intricacy. Perhaps we are only beginning to realize that it exists. Often we wonder why we must study material of such apparent complexity, only gradually to realize that what we are studying is not at all complex when compared with the real complexity and intricacy of God's Great Design.

412. Điều gì đó về bản chất của trí tuệ Chân sư DK được bộc lộ qua những từ "những nét tinh vi tráng lệ". Là những đạo sinh ở giai đoạn phát triển của mình, chúng ta có rất ít chứng nghiệm về sự tinh vi tráng lệ. Có lẽ chúng ta chỉ mới bắt đầu nhận ra rằng nó hiện hữu. Chúng ta thường tự hỏi vì sao mình phải nghiên cứu tài liệu có vẻ phức tạp như vậy, rồi chỉ dần dần mới nhận ra rằng điều chúng ta đang nghiên cứu hoàn toàn không phức tạp khi so với sự phức tạp và tinh vi thực sự của Thiết Kế Vĩ Đại của Thượng đế.

413. This calls for much patience on our part and a suspension of judgment concerning what is practical and what is not. Our limited minds (when presented with daunting material) often protect themselves by the judgment that the material is really impractical or not useful in this day and age. This is a serious mistake and is based upon the determination to preserve our mental comfort-zone.

413. Điều này đòi hỏi nơi chúng ta rất nhiều kiên nhẫn và sự đình chỉ phán đoán về điều gì là thực tiễn và điều gì không. Trí tuệ hạn hẹp của chúng ta (khi đối diện với tài liệu gây nản lòng) thường tự bảo vệ bằng phán đoán rằng tài liệu ấy thật ra không thực tiễn hoặc không hữu ích trong thời đại ngày nay. Đây là một sai lầm nghiêm trọng và dựa trên quyết tâm bảo tồn vùng tiện nghi trí tuệ của chúng ta.

The reason the **fourth** is a major round is because in this round two things happened —**the spark of mind was implanted** and the door was opened from the animal kingdom into the human; and later, another door opened, on to the Path leading from the human kingdom into the spiritual—again a dual reason.

Lý do khiến cuộc tuần hoàn **thứ tư** là một cuộc tuần hoàn chính yếu là vì trong cuộc tuần hoàn này đã xảy ra hai điều—**tia lửa trí tuệ đã được cấy vào** và cánh cửa đã mở từ giới động vật vào giới nhân loại; và về sau, một cánh cửa khác đã mở ra Con Đường dẫn từ giới nhân loại vào giới tinh thần—một lần nữa, đó là lý do nhị phân.

414. There are major and minor rounds in the life of the Planetary Logos. Reasons are here given why the fourth round of our particular scheme or chain (we are not told which) is so important. Even if we are considering a scheme round, it was within the fourth chain-round period of that scheme round that the developments above were accomplished.

414. Có những cuộc tuần hoàn chính yếu và thứ yếu trong đời sống của Hành Tinh Thượng Đế. Ở đây các lý do được nêu ra để giải thích vì sao cuộc tuần hoàn thứ tư của hệ hành tinh hay Dãy đặc thù của chúng ta (chúng ta không được cho biết là cái nào) lại quan trọng đến thế. Ngay cả nếu chúng ta đang xét một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh, thì chính trong thời kỳ cuộc tuần hoàn-Dãy thứ tư của cuộc tuần hoàn hệ hành tinh ấy mà các phát triển nêu trên đã được hoàn thành.

a. The spark of mind was implanted in animal man and the door was opened from the animal kingdom into the nascent human kingdom (which had not existed in our chain before that point).

a. Tia lửa trí tuệ đã được cấy vào người thú và cánh cửa đã mở từ giới động vật vào giới nhân loại đang phôi thai (vốn chưa hiện hữu trong Dãy của chúng ta trước thời điểm đó).

b. The door to initiation was opened allowing the passage of human beings into the "Kingdom of Souls", the spiritual kingdom.

b. Cánh cửa dẫn đến điểm đạo đã được mở, cho phép con người đi vào "Vương Quốc của các Linh Hồn", giới tinh thần.

415. We could look at these developments in terms of their value to present day humanity if we wish, but they have deep implications for the life of the Planetary Logos, Himself.

415. Nếu muốn, chúng ta có thể nhìn những phát triển này theo giá trị của chúng đối với nhân loại ngày nay, nhưng chúng có những hàm ý sâu xa đối với chính đời sống của Hành Tinh Thượng Đế.

The **fifth** round is a major round because it marks a point in evolution where those who will achieve the goal, and those who will

Cuộc tuần hoàn **thứ năm** là một cuộc tuần hoàn chính yếu vì nó đánh dấu một điểm tiến hoá nơi những ai sẽ đạt mục tiêu và

not, are sharply differentiated into two groups;

416. This differentiation occurs under the Law of Cleavages ruled by the fifth ray (the ray which primarily conditions the fifth round).

417. We are speaking here of the classic division between the "sheep" and the "goats".

418. The fifth round is the round of the "Judgment Day" and, for this reason (among others) is "major". Here, we seem to be speaking of a chain round. As far as is presently realized, the "Judgment Day" is to occur in the fifth chain-round of our chain—the fourth.

the **seventh** is a major round because it will mark the merging of the two evolutions, the human and the deva.

419. Merging of the deva and human evolution occurs on the monadic plane, as we have been studying, so we see that in this later round monadic 'altitude' will have been achieved.

420. Again, we are not certain of whether we are speaking of a scheme round or chain round. It is possible for the deva and human evolutions to merge *on our chain* and yet not entirely throughout out scheme.

The major root races are chosen under the Law of Correspondence.

những ai sẽ không đạt mục tiêu được phân biệt rõ rệt thành hai nhóm;

416. Sự biến phân này xảy ra dưới Định luật Phân Ly do cung năm cai quản (cung chủ yếu tác động lên cuộc tuần hoàn thứ năm).

417. Ở đây chúng ta đang nói đến sự phân chia cổ điển giữa "chiên" và "dê".

418. Cuộc tuần hoàn thứ năm là cuộc tuần hoàn của "Ngày Phán Xét" và vì lý do này (trong số những lý do khác) nên là cuộc tuần hoàn "chính yếu". Ở đây, dường như chúng ta đang nói đến một cuộc tuần hoàn của Dãy. Theo điều hiện nay được nhận thức, "Ngày Phán Xét" sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn-Dãy thứ năm của Dãy chúng ta—Dãy thứ tư.

cuộc tuần hoàn **thứ bảy** là một cuộc tuần hoàn chính yếu vì nó sẽ đánh dấu sự hợp nhất của hai tiến hoá, nhân loại và thiên thần.

419. Sự hợp nhất của tiến hoá thiên thần và nhân loại xảy ra trên cõi chân thần, như chúng ta đã nghiên cứu, vì thế chúng ta thấy rằng trong cuộc tuần hoàn muộn này, "độ cao" chân thần sẽ đã được đạt tới.

420. Một lần nữa, chúng ta không chắc liệu mình đang nói đến một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh hay của Dãy. Có thể tiến hoá thiên thần và nhân loại hợp nhất *trên Dãy của chúng ta* mà vẫn chưa hoàn toàn trên khắp hệ hành tinh của chúng ta.

Các giống dân gốc chính yếu được chọn theo định luật tươngứng.

421. The word “chosen” is interesting. Does the word mean “indicated”? In other words, when we seek to understand which of the root races are major, is our choice to be indicated according to the Law of Correspondences?

421. Từ “được chọn” thật đáng chú ý. Từ ấy có nghĩa là “được chỉ ra” chăng? Nói cách khác, khi chúng ta tìm cách hiểu giống dân gốc nào là chính yếu, phải chăng sự lựa chọn của chúng ta sẽ được chỉ ra theo định luật tương ứng?

In the **third root race** came the third Outpouring, the merging and the point of contact between the Spiritual Triad and the Lower Quaternary.

Trong **giống dân gốc thứ ba** đã đến lần Tuôn Đổ thứ ba, sự hợp nhất và điểm tiếp xúc giữa Tam Nguyên Tinh Thần và Tứ Phân Hạ.

422. The first two Outpourings came much earlier. Some of the earlier Theosophical books have gone into these intricacies, but we have no complete confidence that the progression they have presented is truly accurate. It is much conditioned by the regularity of the concrete mind and does not take into consideration factors which the authors were in no position to detect. For instance, the Moon-chain evolution was disrupted, we are told, by the intervention of the Solar Logos, but early Theosophical authors had no cognizance of this and discussed the progress and closure of the Moon-chain as if it occurred with complete and predictable regularity, when it fact no such orderly completion ever occurred.

422. Hai lần Tuôn Đổ đầu tiên đã đến sớm hơn nhiều. Một số sách Thông Thiên Học thời kỳ đầu đã đi sâu vào những nét tinh vi này, nhưng chúng ta không hoàn toàn tin tưởng rằng tiến trình mà chúng trình bày thật sự chính xác. Nó bị tác động rất nhiều bởi tính đều đặn của trí cụ thể và không xét đến những yếu tố mà các tác giả không ở vào vị thế có thể phát hiện. Chẳng hạn, chúng ta được cho biết rằng tiến hoá của Dãy Mặt Trăng đã bị gián đoạn bởi sự can thiệp của Thái dương Thượng đế, nhưng các tác giả Thông Thiên Học thời kỳ đầu không biết gì về điều này và đã bàn đến sự tiến triển và khép lại của Dãy Mặt Trăng như thể nó diễn ra với tính đều đặn hoàn toàn và có thể tiên liệu, trong khi thực tế không hề có sự hoàn tất trật tự nào như thế từng xảy ra.

423. The coming of the Solar Angels as providing the method of contact between the “Spiritual Triad and the Lower Quaternary” contributes to the importance of the third root race.

423. Sự xuất hiện của các Thái dương Thiên Thần như cung cấp phương pháp tiếp xúc giữa “Tam Nguyên Tinh Thần và Tứ Phân Hạ” góp phần làm tăng tầm quan trọng của giống dân gốc thứ ba.

424. Let us tabulate the twofold reason which makes the third root race a *major* root race:

424. Hãy lập bảng lý do nhị phân khiến giống dân gốc thứ ba là một giống dân gốc *chính yếu*:

a. The Third Outpouring

a. Lần Tuôn Đổ thứ ba

b. "The merging and point of contact between the Spiritual Triad and the Lower Quaternary".

b. "Sự hợp nhất và điểm tiếp xúc giữa Tam Nguyên Tinh Thần và Tứ Phân Hạ".

The **fifth root race** marks a point where higher and lower manas approximate, and where the concrete mind, meeting its highest development of this round, gives place to the intuition from above.

Giống dân gốc thứ năm đánh dấu một điểm mà manas cao và thấp xích lại gần nhau, và tại đó trí cụ thể, đạt đến mức phát triển cao nhất của nó trong cuộc tuần hoàn này, nhường chỗ cho trực giác từ bên trên.

425. In the fifth root race the antahkarana is built and utilized. Humanity is able to reach the point of development at which the intercessory influence of the Solar Angels is no longer needed.

425. Trong giống dân gốc thứ năm, antahkarana được xây dựng và sử dụng. Nhân loại có thể đạt đến điểm phát triển mà ảnh hưởng trung gian của các Thái dương Thiên Thần không còn cần thiết nữa.

426. Again, let us tabulate the twofold reason why the fifth root race is a *major* root race:

426. Một lần nữa, hãy lập bảng lý do nhị phân khiến giống dân gốc thứ năm là một giống dân gốc *chính yếu*:

a. Higher and lower manas approximate

a. Manas cao và thấp xích lại gần nhau

b. Concrete mind, having reached its highest development in this round, 'gives place to the intuition from above".

b. Trí cụ thể, sau khi đạt đến mức phát triển cao nhất trong cuộc tuần hoàn này, "nhường chỗ cho trực giác từ bên trên".

427. Are we to think that manas will not develop further in later rounds under the impress of higher faculties? Probably, there will be further development, but the development of manas, *in this round,* reaches its apotheosis in the fifth root race of this fourth round.

427. Chúng ta có nên nghĩ rằng manas sẽ không phát triển thêm trong các cuộc tuần hoàn sau dưới sự thúc đẩy của các năng lực cao hơn chăng? Có lẽ sẽ có sự phát triển thêm, nhưng sự phát triển của manas, *trong cuộc tuần hoàn này,* đạt đến đỉnh cao của nó trong giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ tư này.

428. It would seem important (from the planetary perspective) to consider this development as occurring in a *scheme* round, as surely the development of manas in the fifth (highly manasic) chain will be of greater moment that such development in the fourth chain.

428. Dường như điều quan trọng (từ phối cảnh hành tinh) là xem sự phát triển này như xảy ra trong một cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*, vì chắc chắn sự phát triển của manas trong Dãy thứ năm (rất manas) sẽ quan trọng hơn sự phát triển như thế trong Dãy thứ tư.

429. Yet, as concerns development *within our chain,* manas, per se, will reach its highest point of development in the fifth *chain* round, which will certainly occur before the fourth scheme round is complete and the fifth scheme round has begun.

429. Tuy nhiên, xét về sự phát triển *trong Dãy của chúng ta,* manas, chính nó, sẽ đạt đến điểm phát triển cao nhất trong cuộc tuần hoàn-Dãy *thứ năm*, điều này chắc chắn sẽ xảy ra trước khi cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ tư hoàn tất và cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ năm bắt đầu.

430. There exists the possibility of overlapping rounds (both in the chain and scheme processes), and limited speculation has been offered in earlier commentaries regarding how this might occur. A model of strict linearity is not probable.

430. Có khả năng tồn tại những cuộc tuần hoàn chồng lấn nhau (cả trong tiến trình của Dãy lẫn của hệ hành tinh), và trong các phần bình luận trước đây đã có đưa ra một số suy đoán hạn chế về cách điều này có thể xảy ra. Một mô hình tuyến tính nghiêm ngặt không có nhiều khả năng.

Here again we have a twofold reason. The **seventh root race** again demonstrates dual attainment, love in activity, the basis of the third system of Will or Power.

Ở đây một lần nữa chúng ta có một lý do nhị phân. **Giống dân gốc thứ bảy** lại chứng minh sự thành tựu kép, bác ái trong hoạt động, nền tảng của hệ thống thứ ba của Ý Chí hay Quyền Năng.

431. The achievement of the seventh root race is the full development of love on our chain and also of activity. The two are blended.

431. Thành tựu của giống dân gốc thứ bảy là sự phát triển trọn vẹn của bác ái trên Dãy của chúng ta và cả của hoạt động. Hai điều này được hòa trộn với nhau.

432. But this type of blending must also occur on other chains in our scheme if full preparation of the "basis of the third system of Will or Power" is to be completed. Other globes in other chains also have root races.

432. Nhưng kiểu hòa trộn này cũng phải xảy ra trên các Dãy khác trong hệ hành tinh của chúng ta nếu sự chuẩn bị đầy đủ cho "nền tảng của hệ thống thứ ba của Ý Chí hay Quyền Năng" muốn được hoàn tất. Các bầu hành tinh khác trong các Dãy khác cũng có các giống dân gốc.

The three major Rays, being dual, are their own sufficient explanation.

433. These rays must be dual in a particular way. Really, all the rays have seven sub-rays. So then, what is the nature of this duality as contrasted with the threefold and sevenfold divisions which pertain to *all* rays?

434. When thinking of the three major rays and their duality we might suggest in all simplicity and with the need of extensive elaboration (such as can be found in *Tapestry of the Gods, Vols. I and II*):

a. Ray One—constructive (forging) and destructive

b. Ray Two—love and wisdom

c. Ray Three—mental activity and material activity

They are at present the mode of expression of the three aspects, and demonstrate under their appropriate Logoi,

435. The Three Logoi, therefore, have, in sum, a *sixfold* expression.

Who manipulate world affairs through the three departments, of which the rulers on our planet are the Lord Maitreya, the Manu, and the Mahachohan.

436. It is important to realize that the Three Departments are not unique on our planet. The Three Logoi (cosmic Beings Who express systemically) stand behind these three departments.

Ba Cung chính yếu, vì là nhị phân, tự chúng đã là lời giải thích đầy đủ.

433. Những cung này phải là nhị phân theo một cách đặc biệt. Thật ra, mọi cung đều có bảy cung phụ. Vậy thì, bản chất của tính nhị phân này là gì, đối lập với các phân chia tam phân và thất phân vốn thuộc về *mọi* cung?

434. Khi suy nghĩ về ba cung chính yếu và tính nhị phân của chúng, chúng ta có thể gợi ý hết sức đơn giản và với nhu cầu cần được khai triển rộng rãi (như có thể tìm thấy trong *Tapestry of the Gods, Vols. I and II*):

a. Cung một—xây dựng (rèn đúc) và hủy diệt

b. Cung hai—bác ái và minh triết

c. Cung ba—hoạt động trí tuệ và hoạt động vật chất

Hiện nay chúng là phương thức biểu đạt của ba phương diện, và biểu lộ dưới các Thượng đế tương ứng của các Ngài,

435. Do đó, tổng thể Ba Thượng đế có một biểu đạt *lục phân*.

Các Ngài điều khiển các công việc thế giới qua ba ban, mà những vị cai quản trên hành tinh chúng ta là Đức Maitreya, Đức Manu, và Đức Mahachohan.

436. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng Ba Ban không phải là điều độc nhất trên hành tinh chúng ta. Ba Thượng đế (các Đấng vũ trụ biểu đạt một cách hệ thống) đứng đằng sau ba ban này.

437. We assume that when DK speaks of the three major rays, He means rays one, two and three, but the tabulation offered below modifies this assumption, substituting ray seven for ray three.

437. Chúng ta giả định rằng khi Chân sư DK nói về ba cung chính yếu, Ngài muốn nói đến cung một, hai và ba, nhưng bảng liệt kê được đưa ra dưới đây điều chỉnh giả định này, thay cung bảy vào chỗ cung ba.

438. We note that the Lord Maitreya is mentioned first, indicating the primacy of the second ray on our planet and in this solar system.

438. Chúng ta lưu ý rằng Đức Maitreya được nhắc đến trước tiên, cho thấy tính ưu trội của cung hai trên hành tinh chúng ta và trong hệ mặt trời này.

The three major planes demonstrate easily their unique position—on plane **two** we have the home of the Monads of Love, on plane five we find the habitat of their reflections, the reincarnating Egos, and [Page 600] on **the physical plane** we find the working out at its densest point of the life of the Spirit.

Ba cõi chính yếu dễ dàng chứng minh vị trí độc đáo của chúng—trên cõi **hai** chúng ta có nơi cư ngụ của các chân thần Bác ái, trên cõi năm chúng ta tìm thấy nơi cư trú của các phản chiếu của chúng, các Chân ngã luân hồi, và [Page 600] trên **cõi hồng trần** chúng ta thấy sự triển khai, tại điểm đậm đặc nhất của nó, của sự sống của tinh thần.

439. The three major planes here given are planes two, five and seven. The reasons are as follows:

439. Ba cõi chính yếu được nêu ở đây là cõi hai, năm và bảy. Các lý do như sau:

a. Plane two—the Monads ("of Love") find their habitat there, yet all Monads (from one perspective) are, due to their second plane 'location', "Monads of Love".

a. Cõi hai—các chân thần ("của Bác ái") tìm thấy nơi cư ngụ của chúng ở đó, tuy nhiên mọi chân thần (xét từ một góc độ) đều là, do "vị trí" ở cõi hai của chúng, "các chân thần của Bác ái".

b. Plane five—the egoic reflections of the Monads express on the higher mental plane

b. Cõi năm—các phản chiếu chân ngã của các chân thần biểu lộ trên Cõi thượng trí

c. Plane seven—Spirit works out in densest matter, "The Highest and the Lowest Meet" and God's plan is fully manifested on His lowest plane of expression.

c. Cõi bảy—tinh thần triển khai trong vật chất đậm đặc nhất, "Đấng Tối Cao và kẻ thấp nhất gặp nhau" và thiên cơ của Thượng đế được biểu hiện trọn vẹn trên cõi biểu lộ thấp nhất của Ngài.

440. We find DK 'weighting' the various energies and their fields of expression. Though all things may be equal "in the Eyes

440. Chúng ta thấy Chân sư DK "định trọng" các năng lượng khác nhau và các trường biểu lộ của chúng. Dù mọi sự có thể bình

of God", they are not equal in time and space and from the perspective of those whose consciousness is conditioned by time and space.

đẳng "trong Con Mắt của Thượng đế", chúng không bình đẳng trong thời gian và không gian và từ góc nhìn của những ai có tâm thức bị thời gian và không gian tác động.

This principle of mutation governs every **department** in the Law of Correspondences, and certain things can be stated as regards the system, and its component parts which will be found illuminating **if we remember that they are facts for the present.**

Nguyên lý biến đổi này chi phối mọi **phân bộ** trong định luật tương ứng, và có thể phát biểu một số điều liên quan đến hệ và các thành phần cấu tạo của nó, những điều sẽ được thấy là soi sáng **nếu chúng ta nhớ rằng chúng là những sự kiện của hiện tại.**

441. When we try to work with the Law of Correspondences we had best be cautioned to remember the Principle of Mutation. The correspondences which we deem accurate may only be so for a time and from a certain perspective. All is shifting and changing and changing "according to law".

441. Khi chúng ta cố gắng làm việc với định luật tương ứng, tốt nhất nên được cảnh báo để nhớ đến Nguyên lý Biến đổi. Những tương ứng mà chúng ta cho là chính xác có thể chỉ đúng trong một thời gian và từ một góc nhìn nhất định. Mọi sự đều đang dịch chuyển và thay đổi và thay đổi "theo quy luật".

442. We are going to view the principle of mutation on a solar systemic level.

442. Chúng ta sẽ xem xét nguyên lý biến đổi ở cấp độ hệ mặt trời.

443. Perhaps it comes as a surprise to us that the Law of Correspondences has different "departments". May we say that in Creation, and on various levels of vibration, there are different groupings which correspond to other groupings? As these groupings are related to each other, the Law of Correspondences holds good.

443. Có lẽ điều này khiến chúng ta ngạc nhiên rằng định luật tương ứng có những "phân bộ" khác nhau. Chúng ta có thể nói rằng trong Sáng tạo, và trên các cấp độ rung động khác nhau, có những nhóm khác nhau tương ứng với những nhóm khác không? Khi các nhóm này có liên hệ với nhau, định luật tương ứng có hiệu lực.

444. For instance, the Seven Rays are one grouping, and the seven planes, another. The seven principles are yet another, the seven chakras another, and so forth.

444. Chẳng hạn, Bảy Cung là một nhóm, và bảy cõi là một nhóm khác. Bảy nguyên khí lại là một nhóm khác nữa, bảy luân xa là một nhóm khác, v.v.

Let me again illustrate: we have been told that the three major Rays at this time are the first, the second, and the seventh.

Xin để tôi minh họa thêm lần nữa: chúng ta đã được cho biết rằng ba Cung chính yếu vào thời điểm này là cung một, cung hai và cung bảy.

445. Probably, this information is scattered throughout the books. The seventh ray seems, temporarily, to take the place of the third ray as major, because the seventh ray is coming in so strongly during the Aquarian Age.

445. Có lẽ thông tin này rải rác khắp các sách. Cung bảy dường như, tạm thời, thay chỗ của cung ba như một cung chính yếu, bởi vì cung bảy đang đi vào rất mạnh trong Kỷ nguyên Bảo Bình.

446. Yet, we must remember how closely related are the seventh and third rays. This is particularly so in relation to the present Mahachohan and the initiates in His Ashram.

446. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ cung bảy và cung ba liên hệ mật thiết với nhau đến mức nào. Điều này đặc biệt đúng trong liên hệ với Đức Mahachohan hiện nay và các điểm đạo đồ trong ashram của Ngài.

But later, the Rays now major may become subsidiary, and others take their place, though for this solar system the second Ray, being the synthetic Ray, will always be a major Ray.

Nhưng về sau, các Cung hiện nay là chính yếu có thể trở thành phụ thuộc, và các cung khác thay thế chúng, dù đối với hệ mặt trời này, cung hai, vì là Cung tổng hợp, sẽ luôn luôn là một cung chính yếu.

447. The designation of major and minor will depend upon the portion of the Divine Plan which is in process of unfolding.

447. Việc chỉ định chính yếu và thứ yếu sẽ tùy thuộc vào phần của Thiên Cơ đang trong tiến trình khai mở.

448. Probably, within the realm of Purpose (which is 'above' time and space as usually considered) all rays are closer to equal, but in relation to the time-sensitive Divine Plan, some rays are more important *at some times* in order to express the 'purpose of the hour'.

448. Có lẽ trong phạm vi của Thiên Ý (vốn "ở trên" thời gian và không gian như thường được quan niệm) mọi cung gần như bình đẳng hơn, nhưng trong liên hệ với Thiên Cơ nhạy cảm với thời gian, một số cung quan trọng hơn *vào một số thời kỳ* để biểu lộ "mục đích của thời khắc".

449. To be practical, we must know what is important *now.* To be knowledgeable, we must know the workings of the Principle of Mutation, and what rays have been important and will be important at different periods of planetary history.

449. Để thực tiễn, chúng ta phải biết điều gì là quan trọng *bây giờ.* Để có tri thức, chúng ta phải biết sự vận hành của Nguyên lý Biến đổi, và những cung nào đã quan trọng và sẽ quan trọng trong các thời kỳ khác nhau của lịch sử hành tinh.

Perhaps we can here get a hint on this great principle, though we must be careful not to draw it out to too fine a conclusion.

Có lẽ ở đây chúng ta có thể nhận được một gợi ý về nguyên lý lớn lao này, dù chúng ta phải cẩn thận không rút nó ra thành một kết luận quá tinh vi.

450. Premature formulations (while temporarily satisfying to the impatient mind seeking closure) are very likely to be erroneous. Patience is required in these wide and intricate studies.

450. Những công thức hóa quá sớm (dù tạm thời làm thỏa mãn thể trí thiếu kiên nhẫn đang tìm kiếm sự khép lại) rất có thể là sai lầm. Cần có kiên nhẫn trong những nghiên cứu rộng lớn và phức tạp này.

451. When we study what is given below, we cannot presume that it refers only to our planet. That is may not, increases the difficulty of interpreting what is given.

451. Khi chúng ta nghiên cứu điều được nêu dưới đây, chúng ta không thể cho rằng nó chỉ nói đến hành tinh của chúng ta. Việc có thể không phải như vậy làm tăng thêm khó khăn trong việc diễn giải điều được nêu ra.

For this system the major Rays will always be the dual Rays—the negative-positive Rays, the masculine-feminine Rays—this being the dual system.

Đối với hệ này, các Cung chính yếu sẽ luôn luôn là các Cung nhị nguyên—các Cung âm-dương, các Cung nam-nữ—vì đây là hệ nhị nguyên.

452. We live in a dual solar system—a system of Love and Wisdom.

452. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời nhị nguyên—một hệ của Bác Ái – Minh Triết.

453. We note that DK speaks of the "negative-positive Rays" and then (reversing the order) of the "masculine-feminine Rays".

453. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nói về các "Cung âm-dương" rồi sau đó (đảo thứ tự) nói về các "Cung nam-nữ".

454. Sometimes the order in which He presents words is a hint; sometimes, it is not.

454. Đôi khi thứ tự mà Ngài trình bày các từ là một gợi ý; đôi khi thì không.

The major Rays for system three will be those in triple manifestation.

Các Cung chính yếu đối với hệ thứ ba sẽ là những cung trong biểu hiện tam phân.

455. There are places in the Teaching where the first three rays are said to be in triple manifestation. If we reference DINA II 518, we will see how the dual second ray becomes triple; this method is, I think, applicable to the three Rays of Aspect.

455. Có những chỗ trong Giáo Huấn nói rằng ba cung đầu tiên ở trong biểu hiện tam phân. Nếu chúng ta tham chiếu DINA II 518, chúng ta sẽ thấy cung hai nhị nguyên trở thành tam phân như thế nào; tôi nghĩ phương pháp này có thể áp dụng cho Ba Cung Trạng Thái.

456. Were the "major Rays" for major System I *unitary* in manifestation?

456. Phải chăng các "Cung chính yếu" đối với Đại Hệ I chính yếu là *nhất nguyên* trong biểu hiện?

457. Even when dealing with human psychology, we cannot ignore the duality of the major rays, or we will fail to identify different types of human beings who share the same ray.

457. Ngay cả khi bàn đến tâm lý học nhân loại, chúng ta cũng không thể bỏ qua tính nhị nguyên của các cung chính yếu, nếu không chúng ta sẽ không nhận diện được những loại người khác nhau cùng chia sẻ một cung.

The following table may be found of interest, if regarded as relative, and as holding information for the present time, but also as being subject to change and circulation:

Bảng sau đây có thể được thấy là đáng quan tâm, nếu được xem là tương đối, và như chứa đựng thông tin cho thời điểm hiện tại, nhưng cũng là điều có thể thay đổi và luân chuyển:

458. While we cannot be sure, often, when DK discusses the "present time", He means from the time of individualization until the "Judgment Day" in the middle of the fifth round of our chain and presumably on our fourth globe.

458. Dù chúng ta không thể chắc chắn, thường khi Chân sư DK bàn đến "thời điểm hiện tại", Ngài muốn nói từ thời kỳ biệt ngã hóa cho đến "Ngày Phán Xét" vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy chúng ta và có lẽ trên bầu hành tinh thứ tư của chúng ta.

7 Rays Major 1-2-7: Four subsidiary converging on the fifth.

7 Cung Chính yếu 1-2-7: Bốn cung phụ hội tụ vào cung thứ năm.

459. By this, does He mean the fifth ray? Or does He mean that the seventh ray is the *fifth* 'Ray of Brahma', as has been earlier shown? Or can He also mean that rays four, five, six and seven converge upon ray three, which is, archetypally, the preeminent Brahmic ray (and the *fifth* when numbering from below)?

459. Bởi điều này, Ngài có ý nói cung năm chăng? Hay Ngài muốn nói rằng cung bảy là Cung *thứ năm* của Brahma, như đã được chỉ ra trước đây? Hay Ngài cũng có thể muốn nói rằng các cung bốn, năm, sáu và bảy hội tụ vào cung ba, vốn về mặt nguyên mẫu là cung Brahma nổi trội nhất (và là cung *thứ năm* khi đếm từ dưới lên)?

460. During the coming Age of Aquarius, the seventh ray will, as it were, represent the third, carrying out the Plan (foreseen by the third ray) in a manner concrete and physically accurate.

460. Trong Kỷ nguyên Bảo Bình sắp đến, cung bảy sẽ, có thể nói như vậy, đại diện cho cung ba, thực hiện Thiên Cơ (được cung ba tiên liệu) theo một cách cụ thể và chính xác về mặt hồng trần.

7 Principles 3 Major Monad, Ego and Personality, synthesising at various stages the four subsidiary.

461. Here we are speaking of the three "Periodical Vehicles". In the various ways of enumerating principles (discussed from TCF 260-269), sometimes the vehicles listed here are considered principles and sometimes not.

462. We find that atma, buddhi and manas (almost invariably listed as principles elsewhere) are not listed. Perhaps the term "Ego" (if we consider Ego as *triadal*) includes atma-buddhi-manas.

463. The "four subsidiary" would seem to be those which are included in the personality: lower manas, kama-manas, prana and etheric body (though there are several ways to number the principles included in the personality).

7 Chains Major 1-4-7

464. Reasons for considering these as major are not given. We note that these are the 'Masonic' numbers and pertain much to the work of Vulcan.

465. From a structural point of view, they represent beginning, middle and end.

466. We know that through our fourth chain, our Planetary Logos is presently taking a significant initiation—the fourth. But is this not true of all chains? If the Planetary Logos is taking a series of seven initiations (cf. TCF 384), does He not take one through or upon each chain?

7 Nguyên khí 3 Chính yếu Chân thần, Chân ngã và Phàm ngã, tổng hợp ở các giai đoạn khác nhau bốn nguyên khí phụ.

461. Ở đây chúng ta đang nói về ba "Vận cụ Chu kỳ". Trong các cách liệt kê nguyên khí khác nhau (được bàn từ TCF 260-269), đôi khi các vận cụ được liệt kê ở đây được xem là nguyên khí và đôi khi thì không.

462. Chúng ta thấy rằng atma, Bồ đề và manas (gần như luôn luôn được liệt kê là các nguyên khí ở nơi khác) lại không được liệt kê. Có lẽ thuật ngữ "Chân ngã" (nếu chúng ta xem Chân ngã là *thuộc Tam nguyên tinh thần*) bao gồm atma-buddhi-manas.

463. "Bốn nguyên khí phụ" dường như là những nguyên khí được bao gồm trong phàm ngã: hạ trí, thể trí cảm, prana và thể dĩ thái (dù có một số cách khác nhau để đánh số các nguyên khí được bao gồm trong phàm ngã).

7 Dãy Chính yếu 1-4-7

464. Không có lý do nào được đưa ra để xem những dãy này là chính yếu. Chúng ta lưu ý rằng đây là các con số "Masonic" và liên hệ nhiều đến công việc của Vulcan.

465. Từ quan điểm cấu trúc, chúng tượng trưng cho khởi đầu, trung gian và kết thúc.

466. Chúng ta biết rằng qua dãy thứ tư của chúng ta, Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hiện đang trải qua một điểm đạo quan trọng—lần thứ tư. Nhưng điều này chẳng phải đúng với mọi dãy sao? Nếu Đức Hành Tinh Thượng Đế trải qua một chuỗi bảy lần điểm đạo (xem TCF 384), chẳng phải

Ngài trải qua một lần xuyên qua hay trên mỗi dãy sao?

467. We can imagine the seventh chain (by the present enumeration, and in relation to our Planetary Logos—the Jupiter-chain) as being climactic for the development of our Planetary Logos in this Mahamanvantara.

467. Chúng ta có thể hình dung dãy thứ bảy (theo cách đánh số hiện nay, và trong liên hệ với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta—dãy Sao Mộc) như là đỉnh điểm cho sự phát triển của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trong Đại giai kỳ sinh hóa này.

468. Our Planetary Logos is not really developing His monadic expression in this solar system, but rather His soul expression. Interestingly, Jupiter has the same soul ray as our Planetary Logos—namely, the second.

468. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thực ra không phát triển biểu lộ chân thần của Ngài trong hệ mặt trời này, mà đúng hơn là biểu lộ linh hồn của Ngài. Điều thú vị là Sao Mộc có cùng cung linh hồn với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta—tức là cung hai.

7 Planes Major 2-5-7

7 Cõi Chính yếu 2-5-7

469. The reasons are given above and related to the habitat of the Monad, the habitat of the Ego, and the field of expression for both, as Spirit/soul works its way to the densest plane, thus ensuring that the "Highest and the Lowest Meet".

469. Các lý do đã được nêu ở trên và liên hệ đến nơi cư ngụ của chân thần, nơi cư ngụ của Chân ngã, và trường biểu lộ cho cả hai, khi tinh thần/linh hồn tiến xuống cõi đậm đặc nhất, nhờ đó bảo đảm rằng "Đấng Tối Cao và kẻ thấp nhất gặp nhau".

7 Manvantaras Major 3-4-7

7 Giai kỳ sinh hóa Chính yếu 3-4-7

470. Usually manvantaras are considered as rounds, so there is a hint here. The rounds discussed immediately below can well be chain rounds, for (at least in the case of rounds four and five) they concern developments occurring or to occur in our fourth and fifth *chain* rounds.

470. Thông thường các giai kỳ sinh hóa được xem là các cuộc tuần hoàn, vì vậy ở đây có một gợi ý. Các cuộc tuần hoàn được bàn ngay dưới đây rất có thể là các cuộc tuần hoàn của dãy, vì (ít nhất trong trường hợp các cuộc tuần hoàn bốn và năm) chúng liên quan đến những phát triển đang xảy ra hoặc sẽ xảy ra trong các cuộc tuần hoàn của *dãy* thứ tư và thứ năm của chúng ta.

471. Then is it possible that the "manvantaras" here referenced are, in fact, '*scheme* rounds'? If so, then we are in the midst of a major manvantara or scheme

471. Vậy có thể nào các "giai kỳ sinh hóa" được nhắc đến ở đây thực ra là các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*? Nếu vậy, thì chúng ta đang ở giữa một giai kỳ sinh hóa chính yếu

round. It is pretty well established that Venus is in its *fifth* scheme round and (by inference) that the Earth-scheme in its *fourth* scheme round.

hay cuộc tuần hoàn hệ hành tinh. Khá rõ ràng rằng Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn hệ hành tinh *thứ năm* và (theo suy luận) hệ hành tinh Trái Đất đang ở cuộc tuần hoàn hệ hành tinh *thứ tư.*

472. The term “manvantara” is so variable that we must be very careful in assigning meaning to it. Sometimes it definitely means a chain round, but we see that DK has here discriminated it from a chain round—apparently.

472. Thuật ngữ “giai kỳ sinh hóa” biến đổi quá nhiều đến mức chúng ta phải hết sức cẩn thận khi gán nghĩa cho nó. Đôi khi nó chắc chắn có nghĩa là một cuộc tuần hoàn của dãy, nhưng chúng ta thấy rằng ở đây Chân sư DK đã phân biệt nó với một cuộc tuần hoàn của dãy—ít ra là có vẻ như vậy.

473. Also, there are solar manvantaras and planetary manvantaras. Sometimes the duration of an entire planetary scheme is called a manvantara. Sometimes the span of a lesser part a planetary scheme is a manvantara. Sometimes a “year of Brahma” is a manvantara.

473. Ngoài ra, còn có các giai kỳ sinh hóa mặt trời và các giai kỳ sinh hóa hành tinh. Đôi khi thời lượng của toàn bộ một hệ hành tinh được gọi là một giai kỳ sinh hóa. Đôi khi khoảng thời gian của một phần nhỏ hơn của một hệ hành tinh là một giai kỳ sinh hóa. Đôi khi một “năm của Brahma” là một giai kỳ sinh hóa.

474. We must pause before drawing conclusions. Too little is yet known.

474. Chúng ta phải dừng lại trước khi rút ra kết luận. Vẫn còn biết quá ít.

7 Rounds Major 4-5-7

7 Cuộc tuần hoàn Chính yếu 4-5-7

475. These are as listed above and the reasons are there given.

475. Đây là những điều được liệt kê ở trên và các lý do cũng đã được nêu ở đó.

7 Root races Major 3-5-7

7 Giống dân gốc Chính yếu 3-5-7

476. These are also given above. There are two reasons applying to each root race for designating it as a major root race. When speaking of root races we cannot forget that they exist on more than one globe and perhaps simultaneously. In this context, however, DK seems to be speaking of our particular globe, the Earth-globe.

476. Những điều này cũng đã được nêu ở trên. Có hai lý do áp dụng cho mỗi giống dân gốc để chỉ định nó là một giống dân gốc chính yếu. Khi nói về các giống dân gốc, chúng ta không thể quên rằng chúng tồn tại trên nhiều hơn một bầu hành tinh và có lẽ đồng thời. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, Chân sư DK dường như đang nói về bầu hành tinh đặc thù của chúng ta, bầu hành tinh Trái Đất.

477. It is, however, interesting to note that the three major globes in the Earth-chain (gathering that the larger globes depicted in Chart VII are the major ones) are globes three, five and seven. In this case the Chart confirms what is here given.

477. Tuy nhiên, điều thú vị là ba bầu hành tinh chính yếu trong Dãy Địa Cầu (suy ra rằng các bầu hành tinh lớn hơn được mô tả trong Biểu đồ VII là các bầu hành tinh chính yếu) là các bầu hành tinh ba, năm và bảy. Trong trường hợp này, Biểu đồ xác nhận điều được nêu ở đây.

7 Sub races Major 1-5-6

7 Giống dân phụ Chính yếu 1-5-6

478. We need to know whether we are speaking of sub-races of the third, fourth or fifth root race. Probably, it will be a good bet to think in terms of the fifth root race (of which we know a little something).

478. Chúng ta cần biết liệu mình đang nói về các giống dân phụ của giống dân gốc thứ ba, thứ tư hay thứ năm. Có lẽ sẽ là một phỏng đoán hợp lý nếu suy nghĩ theo giống dân gốc thứ năm (về giống dân này chúng ta biết được đôi chút).

a. The first subrace is the Aryan. The principles guiding the fifth root race were laid down in this first subrace. The link between Spirit and mind was strongly cultivated.

a. Giống dân phụ thứ nhất là Arya. Các nguyên lý hướng dẫn giống dân gốc thứ năm đã được đặt nền trong giống dân phụ thứ nhất này. Mối liên kết giữa tinh thần và trí tuệ đã được vun bồi mạnh mẽ.

b. The fifth subrace is the Teutonic. In this subrace the development of manas, per se, reaches it apotheosis.

b. Giống dân phụ thứ năm là Teutonic. Trong giống dân phụ này, sự phát triển của manas, chính nó, đạt đến đỉnh cao.

c. The sixth subrace has no immediate name, but will be developing the abstract mind, we are told.

c. Giống dân phụ thứ sáu chưa có tên gọi trực tiếp, nhưng như chúng ta được cho biết, sẽ phát triển trí trừu tượng.

7 Initiations Major 1 4 5 if viewed from the angle of human attainment, and 1-5-7 if viewed from a higher.

7 Điểm đạo Chính yếu 1 4 5 nếu được nhìn từ góc độ thành tựu của con người, và 1-5-7 nếu được nhìn từ một góc độ cao hơn.

479. From the human perspective:

479. Từ góc nhìn con người:

a. The first initiation admits into the "Kingdom of Souls". It signifies as major step —a change of Kingdom

a. Lần điểm đạo thứ nhất cho phép đi vào "Thiên Giới của các linh hồn". Nó biểu thị một bước chính yếu—một sự thay đổi giới

b. The fourth initiation detaches from all further need for incarnation in the three worlds.

b. Lần điểm đạo thứ tư tách rời khỏi mọi nhu cầu tiếp tục lâm phàm trong ba cõi giới.

c. The fifth initiation sees the consummation of human development and prepares for entry into the Kingdom of Planetary Lives.

c. Lần điểm đạo thứ năm chứng kiến sự hoàn tất của sự phát triển nhân loại và chuẩn bị cho việc đi vào Giới của Các Sự Sống Hành tinh.

480. Which perspective is the "higher" one of which DK speaks? Is it a *planetary* perspective?

480. Góc nhìn "cao hơn" mà Chân sư DK nói đến là góc nhìn nào? Có phải đó là một góc nhìn *hành tinh* không?

481. We note that initiations one and five are still included in this higher perspective. They represent the entry into the "Kingdom of Souls" and the consummation of participation in this Kingdom—Mastership.

481. Chúng ta lưu ý rằng các lần điểm đạo một và năm vẫn được bao gồm trong góc nhìn cao hơn này. Chúng tượng trưng cho việc đi vào "Thiên Giới của các linh hồn" và sự hoàn tất việc tham dự trong Giới này—Chân sư quả vị.

482. From another perspective, the fifth initiation represents the beginning of participation as a first degree initiate in the Lodge of Sirius. From the perspective of the Planetary Logos, the fifth initiation of a human being is a *planetary* event.

482. Từ một góc nhìn khác, lần điểm đạo thứ năm tượng trưng cho sự bắt đầu tham dự với tư cách một điểm đạo đồ cấp một trong Thánh đoàn của Sirius. Từ góc nhìn của Đức Hành Tinh Thượng Đế, lần điểm đạo thứ năm của một con người là một biến cố *hành tinh*.

483. The seventh initiation is a kind of transfiguration with respect to the Sirian Lodge. It may also admit a developing Chohan into contact with the Logos of the

483. Lần điểm đạo thứ bảy là một loại Biến hình xét theo Thánh đoàn Sirius. Nó cũng có thể cho phép một Chohan đang phát triển tiếp xúc với Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời

Seven Solar Systems of Which Ours is One. Certainly, it increases his degree of spiritual intimacy with our own Solar Logos.

mà Hệ của chúng ta là một trong số đó. Chắc chắn nó làm tăng mức độ thân cận tinh thần của ông với chính Thái dương Thượng đế của chúng ta.

484. We could say that with the seventh initiation, the Planetary Logos has one more point of expression for conducting *solar purpose* into Shamballa and the planet. The seventh initiation is a solar Love-Wisdom initiation.

484. Chúng ta có thể nói rằng với lần điểm đạo thứ bảy, Đức Hành Tinh Thượng Đế có thêm một điểm biểu lộ để dẫn truyền *mục đích mặt trời* vào Shamballa và hành tinh. Lần điểm đạo thứ bảy là một điểm đạo Bác Ái – Minh Triết mặt trời.

485. Still, we do not know what the term "higher" means? Is it from the perspective of the globe, or chain, or scheme, or it is a solar perspective.

485. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa biết thuật ngữ "cao hơn" có nghĩa là gì? Có phải từ góc nhìn của bầu hành tinh, hay dãy, hay hệ hành tinh, hay đó là một góc nhìn mặt trời.

TCF 601 - 612: S6S4

10 November – 25 November 2007

10 tháng Mười Một – 25 tháng Mười Một 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ các sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

[Page 601]

[Page 601]

1. This starts a new section, II, an overview of devas and the Deva Lord Agni.

1. Điều này mở đầu một phần mới, II, một cái nhìn tổng quan về các hành khí và các thiên thần cùng Chúa Tể thiên thần Agni.

II. THOUGHT ELEMENTALS AND DEVAS.

II. HÀNH KHÍ TƯ TƯỞNG VÀ CÁC THIÊN THẦN.

1. THE RULER OF FIRE—AGNI.

1. ĐẤNG CAI QUẢN LỬA—AGNI.

a. Agni and the Solar Logos.

a. Agni và Thái dương Thượng đế.

Thus far in this treatise we have considered the first section of the book which has dealt somewhat with the internal fires of the system, both macrocosmic and microcosmic.

Cho đến nay trong bộ luận này, chúng ta đã xem xét phần thứ nhất của quyển sách, phần đã phần nào bàn đến các nội hỏa của hệ, cả đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa.

2. By the "internal fires" we man latent and active fires.

2. Bởi "nội hỏa" chúng ta muốn nói các lửa tiềm ẩn và hoạt động.

3. We have also dealt somewhat with the fires of mind—both mental elemental fire and solar fire.

3. Chúng ta cũng đã phần nào bàn đến các lửa của trí tuệ—cả lửa hành khí trí tuệ lẫn Lửa Thái dương.

In this the second section we are dealing with the fire of mind. This section, together with the nine introductory questions, constitutes the main part of the treatise.

Trong phần thứ hai này chúng ta đang bàn đến lửa của trí tuệ. Phần này, cùng với chín câu hỏi dẫn nhập, cấuthành phần chính của bộ luận.

4. And, since the average student of these matters is focussed more psychologically than scientifically, it will be the part of the treatise most read.

4. Và, vì đạo sinh trung bình của những vấn đề này tập trung về mặt tâm lý hơn là khoa học, đây sẽ là phần của bộ luận được đọc nhiều nhất.

In it we have dealt with the nature and function of mind and with the egoic ray.

Trong đó chúng ta đã bàn đến bản chất và chức năng của trí tuệ và cung chân ngã.

5. When we speak of "mind" we must always differentiate to determine whether we are dealing with what we might call 'solar mind' or 'lunar mind'.

5. Khi chúng ta nói về "trí tuệ", chúng ta phải luôn luôn phân biệt để xác định xem mình đang bàn đến điều có thể gọi là "trí tuệ thái dương" hay "trí tuệ thái âm".

We have dealt also, somewhat, with the form side of thought, with its material manifestation and with its substance.

Chúng ta cũng đã phần nào bàn đến mặt hình tướng của tư tưởng, với biểu hiện vật chất của nó và với chất liệu của nó.

6. This form side of thought is what we can call 'mental elemental mind'.

6. Mặt hình tướng này của tư tưởng là điều chúng ta có thể gọi là "trí tuệ hành khí trí tuệ".

7. Thoughtforms, as usually conceived, are related to the "form side of thought".

7. Các Hình tư tưởng, như thường được quan niệm, có liên hệ với "mặt hình tướng của tư tưởng".

We proceed now to take up the consideration of *the Ruler of Fire, AGNI*, and are brought to the study of the vitality that energises and the Life that animates; to the contemplation of the Fire that drives, propels, and produces the activity and organisation of all forms.

Giờ đây chúng ta tiếp tục xem xét *Đấng Cai Quản Lửa, AGNI*, và được dẫn đến việc nghiên cứu sinh lực tiếp năng lượng và Sự sống hoạt hóa; đến sự chiêm ngưỡng Lửa thúc đẩy, đẩy tới, và tạo ra hoạt động cùng sự tổ chức của mọi hình tướng.

8. Let us tabulate that which we shall be considering when we concentrate upon the nature of Lord AGNI:

8. Chúng ta hãy lập bảng điều mà chúng ta sẽ xem xét khi tập trung vào bản chất của Chúa Tể AGNI:

a. The vitality that energises

a. Sinh lực tiếp năng lượng

b. The Life that animates

b. Sự sống hoạt hóa

c. The Fire that drives

c. Lửa thúc đẩy

d. The Fire that propels

d. Lửa đẩy tới

e. The Fire that produces the activity and organisation of all forms

e. Lửa tạo ra hoạt động và sự tổ chức của mọi hình tướng

The realisation of this will reveal the fact that what we are dealing with is the "Life and the lives,"[86] as it is called[87] [Page 602] in *the Secret Doctrine;*

Sự chứng nghiệm điều này sẽ tiết lộ sự kiện rằng điều chúng ta đang bàn đến là "Sự sống và các sự sống,"86 như nó được gọi87 [Page 602] trong *Giáo Lý Bí Nhiệm;*

9. Clearly, Agni is to be considered a great Cosmic Life, as Fohat is when Fohat is considered a Cosmic Being.

with Agni, the Lord of Fire, the Creator, the Preserver, and the Destroyer; and with the forty-nine fires through which He manifests.

10. If Agni is the Creator, the Preserver and the Destroyer, He somehow embraces Brahma, Vishnu and Shiva—if not within *all* worlds through which the Solar Logos manifests, at least within the sub-causal worlds of the great Logos.

11. When we think of the forty-nine fires through which Agni manifests we must think of:

a. Fohat

b. The Seven Sons of Fohat

c. The 'Sons' of these Seven Sons

FOOTNOTE 86:

The Life and the Lives. H. P. B. says *in the Secret Doctrine.*

"Occultism does not accept anything inorganic in the Kosmos. The expression employed by Science 'inorganic substance' means simply that the latent life, slumbering in the molecules of so-called 'inert matter' is incognisable.

12. Latent life is "incognizable" life, but it is *Life* all the same.

9. Rõ ràng, Agni phải được xem là một Sự sống Vũ trụ vĩ đại, cũng như Fohat khi Fohat được xem là một Hữu thể Vũ trụ.

với Agni, Chúa Tể của Lửa, Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn, và Đấng Hủy Diệt; và với bốn mươi chín ngọn lửa mà qua đó Ngài biểu lộ.

10. Nếu Agni là Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Hủy Diệt, thì bằng cách nào đó Ngài bao hàm Brahma, Vishnu và Shiva—nếu không phải trong *mọi* thế giới mà qua đó Thái dương Thượng đế biểu lộ, thì ít nhất cũng trong các thế giới dưới cõi nguyên nhân của Đại Thượng đế.

11. Khi chúng ta nghĩ đến bốn mươi chín ngọn lửa mà qua đó Agni biểu lộ, chúng ta phải nghĩ đến:

a. Fohat

b. Bảy Người Con của Fohat

c. Các "Người Con" của Bảy Người Con này

CHÚ THÍCH 86:

Sự sống và các sự sống. H.P.B. nói *trong Giáo Lý Bí Nhiệm.*

"Huyền bí học không chấp nhận bất cứ điều gì là vô cơ trong Vũ trụ. Cách diễn đạt mà Khoa học dùng là 'chất liệu vô cơ' chỉ đơn giản có nghĩa rằng sự sống tiềm tàng, đang ngủ trong các phân tử của cái gọi là 'vật chất trơ', là điều không thể nhận biết được.

12. Sự sống tiềm tàng là sự sống "không thể nhận biết được", nhưng dù sao nó vẫn là *Sự sống*.

13. We are dealing with the principle of "Hylozoism", the ubiquity of Life in cosmos.

13. Chúng ta đang bàn đến nguyên khí "Hylozoism", tức tính phổ hiện của Sự sống trong vũ trụ.

All is Life, and every atom of even mineral dust is a Life, though beyond our comprehension and perception....Life therefore is everywhere in the Universe...wherever there is an atom of matter, a particle or a molecule, even in its most gaseous condition, there is life in it however latent and unconscious."—S. D., I, 269, 281, 2

Tất cả đều là Sự sống, và mỗi nguyên tử, ngay cả của bụi khoáng vật, cũng là một Sự sống, dù vượt ngoài sự thấu hiểu và tri giác của chúng ta....Vì vậy, Sự sống hiện diện khắp nơi trong Vũ trụ...ở bất cứ nơi nào có một nguyên tử vật chất, một hạt hay một phân tử, ngay cả trong trạng thái khí thể nhất của nó, thì trong đó đều có sự sống, dù tiềm tàng và vô thức đến đâu."—S. D., I, 269, 281, 2

9. Not only is there life in it, but it *is Life.* All things arose out of the ONE LIFE. What else can anything be but THAT from which it arose?

9. Không những trong đó có sự sống, mà nó *chính là Sự sống.* Mọi sự vật đều phát sinh từ SỰ SỐNG DUY NHẤT. Có gì có thể là điều gì khác ngoài CHÍNH ĐIỀU mà từ đó nó đã phát sinh?

FOOTNOTE 87: The Life and the Lives.

CHÚ THÍCH 87: Sự sống và các sự sống.

1. Everything lives and is conscious, but all life and consciousness is not similar to the human.—S. D., I, 79.

1. Mọi thứ đều sống và đều có tâm thức, nhưng không phải mọi sự sống và tâm thức đều giống như nơi con người.—S. D., I, 79.

14. By "conscious" we mean responsive. To act when acted upon is to live. Even if we cannot detect many types of response, they are occurring.

14. Bởi "có tâm thức" chúng ta muốn nói là có đáp ứng. Hành động khi bị tác động là sống. Dù chúng ta không thể phát hiện nhiều loại đáp ứng, chúng vẫn đang xảy ra.

a. Life is the one form of existence manifesting in matter.

a. Sự sống là một hình thức tồn tại duy nhất đang biểu hiện trong vật chất.

15. And, further, Life *is* matter and matter is Life.

15. Và hơn nữa, Sự sống *là* vật chất và vật chất là Sự sống.

16. If something *is,* it *lives.*

16. Nếu một điều gì đó *là,* thì nó *sống.*

17. To *be* is to *live.*

17. *Hiện hữu* là *sống.*

b. Matter is the vehicle for the manifesting of soul.

b. Vật chất là vận cụ cho sự biểu hiện của linh hồn.

18. In the 'Philosophy of Infinitism', matter is 'created' through an act of Self-Perception.

18. Trong 'Triết học về Tính Vô Hạn', vật chất được 'sáng tạo' thông qua một hành vi Tự-Tri-Giác.

c. Soul is the vehicle for the manifesting of Spirit.

c. Linh hồn là vận cụ cho sự biểu hiện của tinh thần.

19. Soul is the knowing by which That which *is,* knows Itself.

19. Linh hồn là sự biết nhờ đó Cái *là,* biết chính Nó.

Therefore: 1st Logos, 2nd Logos, 3rd Logos co-operate.

Vì vậy: Logos thứ nhất, Logos thứ hai, Logos thứ ba cùng hợp tác.

Illustration:

Minh họa:

Life of the 3rd Logos—animating atoms of matter.

Sự sống của Logos thứ ba—tiếp sinh lực cho các nguyên tử vật chất.

Life of the 2nd Logos—animating the forms, or aggregate of atoms.

Sự sống của Logos thứ hai—tiếp sinh lực cho các hình tướng, hay tập hợp các nguyên tử.

Life of the 1st Logos—animating the composite forms.

Sự sống của Logos thứ nhất—tiếp sinh lực cho các hình tướng tổng hợp.

20. By "animating" we mean 'ensouling'—providing the movement and responsiveness of that which moves and responds, and providing also the *Presence* within that which moves and responds.

20. Bởi "tiếp sinh lực" chúng ta muốn nói là 'phú linh'—ban cho sự chuyển động và khả năng đáp ứng của cái chuyển động và đáp ứng, đồng thời cũng ban cho *Hiện Diện* bên trong cái chuyển động và đáp ứng.

2. The one Life synthesises this triplicity.

2. Sự sống duy nhất tổng hợp bộ ba này.

21. The “One Life? is greater than and inclusive of any of the three Logoi.

21. “Sự Sống Duy Nhất” lớn hơn và bao gồm bất kỳ một trong ba Logos nào.

Let us work this out in the Macrocosm and Microcosm.

Chúng ta hãy triển khai điều này trong Đại thiên địa và Tiểu thiên địa.

Fohat, Prana, Electricity, Magnetic Fluid, are all terms used for this one vitalising life.

Fohat, Prana, Điện, Lưu chất từ tính, đều là những thuật ngữ được dùng cho sự sống tiếp sinh lực duy nhất này.

22. The presentation of equivalences is important in the teaching. If we know the synonyms for poorly understood terms, we can better clarify our conception of these terms.

22. Việc trình bày các tương đương là quan trọng trong giáo huấn. Nếu chúng ta biết các từ đồng nghĩa của những thuật ngữ ít được hiểu rõ, chúng ta có thể làm sáng tỏ quan niệm của mình về các thuật ngữ ấy tốt hơn.

23. If Fohat has a vast cosmic extension, then so do Prana, Electricity and Magnetic Fluid.

23. Nếu Fohat có một tầm mở rộng vũ trụ bao la, thì Prana, Điện và Lưu chất từ tính cũng vậy.

24. We shall be watching to see to what extent we can see Fohat and Agni as equivalent.

24. Chúng ta sẽ theo dõi để xem ở mức độ nào có thể thấy Fohat và Agni là tương đương.

The Microcosm is animated and vitalised by prana, and its actions controlled by the indwelling Thinker.

Tiểu thiên địa được prana tiếp sinh lực và làm cho sống động, còn các hoạt động của nó được kiểm soát bởi Đấng Tư Tưởng nội tại.

25. Here prana serves as ‘microcosmic Fohat’. We have to realize that the microcosm is not just the physical aspect of the microcosm, but that aspect of the Thinker which manifests on all the lower eighteen sub-planes.

25. Ở đây prana phục vụ như ‘Fohat vi mô’. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng tiểu thiên địa không chỉ là phương diện hồng trần của tiểu thiên địa, mà là phương diện của Đấng Tư Tưởng biểu hiện trên toàn bộ mười tám cõi phụ thấp hơn.

The Macrocosm is animated and vitalised by Fohat; its actions are controlled by the informing Intelligence we call the Logos.

Đại thiên địa được Fohat làm cho sống động và tiếp sinh lực; các hoạt động của nó được kiểm soát bởi Trí Tuệ thấm nhuần mà chúng ta gọi là Logos.

10. If we make the analogy, that which is the Thinker for the human being is the Logos in

10. Nếu chúng ta áp dụng phép tương đồng, thì điều là Đấng Tư Tưởng đối với con người

relation to the Macrocosm. Generally, the term "Macrocosm" means (for us) the Solar Logos.

chính là Logos trong liên hệ với Đại thiên địa. Nói chung, thuật ngữ "Đại thiên địa" có nghĩa là (đối với chúng ta) Thái dương Thượng đế.

11. When we think of this macrocosmic animation, we are not speaking of the entirety of the Solar Logos, but of those portions of His life-demonstration which work through the lower eighteen sub-planes *cosmically considered.*

11. Khi chúng ta nghĩ đến sự làm cho sống động ở cấp đại vũ trụ này, chúng ta không nói đến toàn thể Thái dương Thượng đế, mà nói đến những phần trong sự biểu lộ sự sống của Ngài hoạt động qua mười tám cõi phụ thấp hơn, *xét theo vũ trụ.*

We are dealing with **solar fire per se**, with the essence of thought, with the coherent life of all forms, with the consciousness in its evolving aspect, or with Agni, the sumtotal of the Gods.

Chúng ta đang bàn đến **chính Lửa Thái dương**, đến tinh chất của tư tưởng, đến sự sống cố kết của mọi hình tướng, đến tâm thức trong phương diện tiến hoá của nó, hay đến Agni, tổng thể của các Thượng đế.

12. This is, apparently, a very broad definition of Agni. Can Agni be considered solar fire *in itself?*

12. Đây dường như là một định nghĩa rất rộng về Agni. Có thể xem Agni là Lửa Thái dương *tự thân* không?

13. Here are the definitions of Agni here presented:

13. Sau đây là các định nghĩa về Agni được trình bày ở đây:

a. Solar fire per se

a. Chính Lửa Thái dương

b. The essence of thought

b. Tinh chất của tư tưởng

c. The coherent life of all forms

c. Sự sống cố kết của mọi hình tướng

d. The consciousness in its evolving aspect (thus evolutionary consciousness and not involutionary)

d. Tâm thức trong phương diện tiến hoá của nó (do đó là tâm thức thăng thượng tiến hoá chứ không phải giáng hạ tiến hoá)

e. The sumtotal of the Gods

e. Tổng thể của các Thượng đế

14. We will attempt to discover the boundaries of Agni, cosmically considered.

14. Chúng ta sẽ cố gắng khám phá các ranh giới của Agni, xét theo vũ trụ.

15. Is Agni also the coherent life of the forms to be found on the *higher* cosmic mental plane?

15. Agni có phải cũng là sự sống cố kết của các hình tướng được tìm thấy trên cõi trí vũ trụ *cao hơn* không?

16. We have read that solar fire actually originates on the cosmic higher mental plane. So will we think of Agni as cosmic mental solar fire, or will we find that we have to differentiate cosmic solar fire from cosmic fire by friction?

16. Chúng ta đã đọc rằng Lửa Thái dương thực sự phát nguyên trên cõi thượng trí vũ trụ. Vậy chúng ta sẽ nghĩ về Agni như Lửa Thái dương trí tuệ vũ trụ, hay sẽ thấy rằng phải phân biệt Lửa Thái dương vũ trụ với Lửa ma sát vũ trụ?

17. When we call Agni the "sumtotal of the Gods" we have to draw a ring-pass-not. There are "God" on the higher cosmic mental plane and above. Is Agni Their sumtotal or only the sumtotal of the Gods found below the higher cosmic mental plane?

17. Khi gọi Agni là "tổng thể của các Thượng đế", chúng ta phải vạch ra một vòng-giới-hạn. Có những "Thượng đế" trên cõi thượng trí vũ trụ và cao hơn nữa. Agni có phải là tổng thể của Các Ngài hay chỉ là tổng thể của các Thượng đế được tìm thấy bên dưới cõi thượng trí vũ trụ?

18. We must also realize that a Super-Cosmic Agni must, in all probability, exist. This, for us, supreme type of Agni, expresses as super-cosmic prana or super-cosmic vitality throughout all the seven cosmic planes—considering them as one super-cosmic etheric-physical plane.

18. Chúng ta cũng phải chứng nghiệm rằng một Agni Siêu-Vũ-Trụ hẳn rất có thể tồn tại. Đối với chúng ta, loại Agni tối thượng này biểu lộ như prana siêu-vũ-trụ hay sinh lực siêu-vũ-trụ xuyên suốt cả bảy cõi vũ trụ—xem chúng như một cõi hồng trần-dĩ thái siêu-vũ-trụ duy nhất.

He is Vishnu and the Sun in His glory;

Ngài là Vishnu và là Mặt Trời trong vinh quang của Ngài;

19. Vishnu is definitely the God of the second aspect. We have been told that solar fire manifests on the second, third and fourth sub-planes of the cosmic physical plane.

19. Vishnu rõ ràng là Thượng đế của phương diện thứ hai. Chúng ta đã được cho biết rằng Lửa Thái dương biểu hiện trên các cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư của cõi hồng trần vũ trụ.

He [Lord Agni] shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh. (TCF 522)

Ngài [Chúa Agni] biểu lộ như Lửa Thái dương trên cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như 'Lửa ma sát' trên cõi phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. (TCF 522)

20. To what 'point of elevation' on the cosmic planes higher than the cosmic physical plane will be we able to trace the origin of Lord Agni?

20. Chúng ta sẽ có thể truy nguyên nguồn gốc của Chúa Agni đến 'điểm nâng cao' nào trên các cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ?

21. Vishnu on the cosmic mental plane will express on the *higher* cosmic mental plane.

21. Vishnu trên cõi trí vũ trụ sẽ biểu lộ trên cõi trí vũ trụ *cao hơn*.

22. Perhaps, Vishnu, cosmically considered, will also express through planes higher than the cosmic mental. Analogically, it would make sense.

22. Có lẽ Vishnu, xét theo vũ trụ, cũng sẽ biểu lộ qua những cõi cao hơn cõi trí vũ trụ. Theo phép tương đồng, điều đó có lý.

23. If Agni is inclusive of Vishnu on the cosmic physical plane, is He also inclusive of Cosmic Vishnu Who expresses through the Heart of the Sun and through the Cosmic Spiritual Triad?

23. Nếu Agni bao gồm Vishnu trên cõi hồng trần vũ trụ, thì Ngài có bao gồm cả Vishnu Vũ Trụ, Đấng biểu lộ qua Trái Tim của Mặt Trời và qua Tam Nguyên Tinh Thần Vũ Trụ không?

He is the fire of matter and the fire of mind blended and fused;

Ngài là lửa của vật chất và lửa của trí tuệ được hòa trộn và dung hợp;

24. If we are speaking in a cosmic context, then we would be speaking of the blending of cosmic solar fire of the cosmic mental plane and the fires of the planes lower than the higher cosmic mental.

24. Nếu chúng ta đang nói trong một bối cảnh vũ trụ, thì chúng ta sẽ nói đến sự hòa trộn giữa Lửa Thái dương vũ trụ của cõi trí vũ trụ và các lửa của những cõi thấp hơn cõi thượng trí vũ trụ.

25. If we are speaking in a systemic context and dealing only with the cosmic physical plane, then we have to remember that in His expression as solar fire and fire by friction, Agni includes the six systemic planes lower than the systemic logoic plane.

25. Nếu chúng ta đang nói trong một bối cảnh hệ thống và chỉ bàn đến cõi hồng trần vũ trụ, thì chúng ta phải nhớ rằng trong biểu hiện của Ngài như Lửa Thái dương và Lửa ma sát, Agni bao gồm sáu cõi hệ thống thấp hơn cõi logoic hệ thống.

26. From another perspective, Agni can be considered the name of the Raja Deva Lord Who rules the systemic mental plane.

26. Từ một góc nhìn khác, Agni có thể được xem là danh xưng của Chúa Tể Raja Deva cai quản cõi trí hệ thống.

27. We see that, given the Tibetan's multi-perspectived definitions of Agni, it is not yet

27. Chúng ta thấy rằng, với những định nghĩa đa phối cảnh của Chân sư Tây Tạng về

easy to find the definitive way of describing Him.

Agni, hiện vẫn chưa dễ tìm ra cách mô tả dứt khoát về Ngài.

He is the intelligence which throbs in every atom;

Ngài là trí tuệ rung động trong mỗi nguyên tử;

28. Are we to think that there are no cosmic astral atoms or cosmic mental atoms? If there are such atoms, can we say that Agni throbs in them as well? As we gather the evidence concerning His nature, it would be reasonable to say, "Yes"—provided that there really *are* such atoms.

28. Chúng ta có nên nghĩ rằng không có các nguyên tử cảm dục vũ trụ hay các nguyên tử trí tuệ vũ trụ không? Nếu có những nguyên tử như thế, chúng ta có thể nói rằng Agni cũng rung động trong chúng không? Khi tập hợp chứng cứ liên quan đến bản chất của Ngài, sẽ là hợp lý nếu nói "Có"—miễn là thực sự *có* những nguyên tử như vậy.

29. Agni is strongly identified with the principle of mind; certainly, this great Intelligence is present is all atoms of the cosmic physical plane.

29. Agni được đồng hoá mạnh mẽ với nguyên khí trí tuệ; chắc chắn Trí Tuệ vĩ đại này hiện diện trong mọi nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ.

He is the Mind that actuates the system;

Ngài là Trí Tuệ làm cho hệ mặt trời hoạt động;

30. The "system" usually means the solar system, which, we have seen, usually pertains to the etheric and physical expressions of the Solar Logos on the cosmic physical plane.

30. "Hệ" thường có nghĩa là hệ mặt trời, mà như chúng ta đã thấy, thường liên quan đến các biểu hiện dĩ thái và hồng trần của Thái dương Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ.

31. From this perspective, Agni then can be identified with a form of Manas—the Will-Mind behind manifestation.

31. Từ góc nhìn này, Agni có thể được đồng hoá với một hình thức của Manas—Ý Chí-Trí Tuệ đứng sau sự biểu hiện.

32. Because He is Mind, He is Cosmic Fohat, Cosmic Brahma and the Cosmic Holy-Spirit —depending on the perspective taken.

32. Bởi vì Ngài là Trí Tuệ, nên Ngài là Fohat Vũ Trụ, Brahma Vũ Trụ và Chúa Thánh Thần Vũ Trụ—tùy theo góc nhìn được chọn.

He is the fire of substance and the substance of the fire; He is the Flame and that which the Flame destroys.

Ngài là lửa của chất liệu và là chất liệu của lửa; Ngài là Ngọn Lửa và là điều mà Ngọn Lửa hủy diệt.

33. The descriptions of His nature become more enigmatical.

34. He seems to be the Fire of all fires.

35. He is at once identified with fire and with substance.

36. There is definitely a destructive aspect to His nature.

37. When identified with such words as "Flame" (capitalized) we can understand Him as the Spirit aspect, for our Monads are "undetached sparks" suspended from the Flame.

Students of *the Secret Doctrine* when they read carelessly are apt to consider Him only as the fire of matter and omit to note that He is Himself the sumtotal—and this is especially the case when they find that Agni is the Lord of the mental plane.[88]

38. When DK tells us that careless students think of Agni as the "fire of matter", are these students thinking systemically or cosmically? If systemically, then there would be an error.

39. If students think of matter cosmically, what vibratory levels shall be called matter? Shall it be only the lower three systemic planes? Or in some cosmic sense, shall it be considered the lower eighteen *cosmic* sub-planes?

40. The mental nature of Agni, however, must always be held in mind, though defined with care.

33. Những mô tả về bản chất của Ngài trở nên bí ẩn hơn.

34. Ngài dường như là Lửa của mọi lửa.

35. Ngài đồng thời được đồng hoá với lửa và với chất liệu.

36. Rõ ràng có một phương diện hủy diệt trong bản chất của Ngài.

37. Khi được đồng hoá với những từ như "Ngọn Lửa" (viết hoa), chúng ta có thể hiểu Ngài là phương diện tinh thần, vì các chân thần của chúng ta là những "tia lửa không tách rời" được treo từ Ngọn Lửa.

Các đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm* khi đọc một cách cẩu thả thường có khuynh hướng chỉ xem Ngài là lửa của vật chất và không lưu ý rằng chính Ngài là tổng thể—và điều này đặc biệt đúng khi họ thấy rằng Agni là Chúa Tể của cõi trí.88

38. Khi Chân sư DK nói với chúng ta rằng những đạo sinh cẩu thả nghĩ về Agni như "lửa của vật chất", thì những đạo sinh này đang nghĩ theo hệ thống hay theo vũ trụ? Nếu theo hệ thống, thì sẽ có sai lầm.

39. Nếu các đạo sinh nghĩ về vật chất theo nghĩa vũ trụ, thì những cấp độ rung động nào sẽ được gọi là vật chất? Có phải chỉ là ba cõi hệ thống thấp hơn? Hay theo một nghĩa vũ trụ nào đó, nó sẽ được xem là mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp hơn?

40. Tuy nhiên, bản chất trí tuệ của Agni luôn phải được ghi nhớ, dù được định nghĩa một cách cẩn trọng.

FOOTNOTE [88]:

"...Agni, who is the source of all that gives light and heat. So that there are different species of Agni (fire);

41. This is an important point. Fire is divisible and the divisions are of great complexity. The Seven Sons of Fohat are here involved and their divisions (and the divisions of other Deva Lords) will relate to the many orders of angels and devas described in world literature on this subject.

but "whatever other fires there may be, they are but the ramifications of Agni, the immortal" (Rig Veda, L, 59 I).

42. We are dealing with a Great Being, and it is our task to identify His nature and the systemic, cosmic, and even super-cosmic levels on which He expresses—to the extent possible.

The primary division of Agni is threefold. "Agni," says the Vishnu Parana, "has three sons, Suchi, Pavamana, and Pavaka" (I, x). Suchi means the Saura, or Solar fire; Pavamana means Nirmathana, fire produced by friction, as the friction of two pieces of wood; and Pavaka means the vaidyuta or fire of the firmament, i.e. the fire of the lightning, or electric fire.

43. It is valuable to have the three fires with which we are familiar named from the perspective of the Vedic Tradition:

a. Pavaka/Vaidyuta—Electric Fire

CHÚ THÍCH 88:

"...Agni, Đấng là nguồn gốc của mọi điều ban ánh sáng và nhiệt. Vì vậy có những loài Agni (lửa) khác nhau;

41. Đây là một điểm quan trọng. Lửa có thể phân chia, và các phân chia ấy vô cùng phức tạp. Bảy Con của Fohat được bao hàm ở đây, và các phân chia của các Ngài (cũng như các phân chia của những Chúa Tể Deva khác) sẽ liên hệ đến nhiều cấp thiên thần và deva được mô tả trong văn liệu thế giới về chủ đề này.

nhưng "dù có những lửa nào khác đi nữa, chúng cũng chỉ là những phát xạ của Agni, Đấng bất tử" (Rig Veda, L, 59 I).

42. Chúng ta đang bàn đến một Hữu Thể Vĩ Đại, và nhiệm vụ của chúng ta là nhận diện bản chất của Ngài cùng các cấp độ hệ thống, vũ trụ, và thậm chí siêu-vũ-trụ mà trên đó Ngài biểu lộ—trong mức độ có thể.

Sự phân chia chính yếu của Agni là tam phân. "Agni," Vishnu Parana nói, "có ba người con, Suchi, Pavamana, và Pavaka" (I, x). Suchi có nghĩa là Saura, hay Lửa Thái dương; Pavamana có nghĩa là Nirmathana, lửa được tạo ra bởi ma sát, như ma sát của hai mảnh gỗ; và Pavaka có nghĩa là vaidyuta hay lửa của bầu trời, tức lửa của sấm chớp, hay Lửa Điện.

43. Thật có giá trị khi ba loại lửa mà chúng ta quen thuộc được gọi tên từ góc nhìn của Truyền thống Veda:

a. Pavaka/Vaidyuta—Lửa Điện

b. Suchi/Saura—Solar Fire

c. Pavamana/Nirmathana—Fire By Friction

44. We can see that the idea of the three fires is very ancient. The Tibetan is simply presenting these ideas to us in modern garb.

The sources of these three fires I may observe in passing, constitute the three principal deities spoken of in the Veda, namely, Surya, the sun, representing the solar fire; Indra (and sometimes, Vayu) the rain-producing deity, representing the fire of the firmament; and **Agni, representing the terrestrial fire, the fire produced by friction** (Nirukta, VII, 4);

45. Here we are speaking of the origins of the three types of fire:

a. Indra is a God associated with the buddhic plane, in this case, perhaps the cosmic buddhic plane. He is a 'God of Thunder' and here, apparently, of lightning. He represents the source of Electric Fire

b. Surya will be associated with the Heart of the Sun on the higher levels of the cosmic mental plane

c. Agni (in this context) will represent "terrestrial fire" or fire by friction *cosmically considered,* and thus related to the eighteen cosmic sub-planes (equivalent in scope to eighteen systemic planes) found below the highest three planes of the cosmic mental plane.

b. Suchi/Saura—Lửa Thái dương

c. Pavamana/Nirmathana—Lửa ma sát

44. Chúng ta có thể thấy rằng ý niệm về ba loại lửa là rất cổ xưa. Chân sư Tây Tạng chỉ đơn giản trình bày những ý niệm này cho chúng ta trong hình thức hiện đại.

Nhân tiện tôi có thể nhận xét rằng các nguồn của ba loại lửa này tạo thành ba thần tính chính yếu được nói đến trong Veda, đó là Surya, mặt trời, tượng trưng cho Lửa Thái dương; Indra (và đôi khi là Vayu), vị thần tạo mưa, tượng trưng cho lửa của bầu trời; và **Agni, tượng trưng cho lửa địa cầu, lửa được tạo ra bởi ma sát** (Nirukta, VII, 4);

45. Ở đây chúng ta đang nói về nguồn gốc của ba loại lửa:

a. Indra là một Thượng đế gắn liền với cõi Bồ đề, trong trường hợp này có lẽ là cõi Bồ đề vũ trụ. Ngài là một 'Thần Sấm' và ở đây, rõ ràng, là của sấm chớp. Ngài tượng trưng cho nguồn của Lửa Điện

b. Surya sẽ được liên kết với Trái Tim của Mặt Trời trên các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ

c. Agni (trong bối cảnh này) sẽ tượng trưng cho "lửa địa cầu" hay Lửa ma sát, *xét theo vũ trụ,* và do đó liên hệ với mười tám cõi phụ vũ trụ (tương đương về phạm vi với mười tám cõi hệ thống) được tìm thấy bên dưới ba cõi cao nhất của cõi trí vũ trụ.

and all these three, be it remembered, are merely the ramifications of one Agni;

và xin nhớ rằng cả ba vị này chỉ đơn thuần là những phát xạ của một Agni duy nhất;

46. When we hear the word "ramifications" we must think *emanations.*

46. Khi nghe từ "ramifications", chúng ta phải nghĩ đến *các phát xạ.*

47. If we wish to consider Indra, Surya and Agni in relation to the cosmic physical plane, then the One Agni is obviously expressive on planes higher than the cosmic physical plane.

47. Nếu chúng ta muốn xem xét Indra, Surya và Agni trong liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ, thì Một Agni hiển nhiên biểu lộ trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

48. The important thing to note is that there is an Agni which is roughly equivalent with Indra and Surya, but an even greater Agni which is inclusive of all of them.

48. Điều quan trọng cần lưu ý là có một Agni gần tương đương với Indra và Surya, nhưng còn có một Agni lớn lao hơn nữa bao gồm tất cả các vị ấy.

49. If we wish to consider Indra, Surya and Agni in a cosmic sense, then the One Agni is a great Cosmic God, indeed, and will find expression on planes even higher than the cosmic buddhic plane.

49. Nếu chúng ta muốn xem xét Indra, Surya và Agni theo nghĩa vũ trụ, thì Một Agni quả thực là một Đại Thượng đế Vũ Trụ, và sẽ tìm thấy sự biểu lộ trên những cõi còn cao hơn cả cõi Bồ đề vũ trụ.

which in its turn is an emanation from the Supreme One, as the reader will find from the allegorical description given of Agni as being the mouth-born son of Brahma, in the Vishnu purana.

đến lượt nó lại là một phát xạ từ Đấng Tối Cao, như độc giả sẽ thấy từ mô tả ngụ ngôn về Agni là người con sinh ra từ miệng của Brahma, trong Vishnu purana.

50. Cosmic Brahma will rule five *cosmic* planes, and Agni, it would seem, is born from his "mouth".

50. Brahma Vũ Trụ sẽ cai quản năm cõi *vũ trụ*, và Agni, dường như, được sinh ra từ "miệng" của Ngài.

51. Solar systemic Brahma rules five systemic planes. In this case, Agni will rule the systemic mental plane, but an even greater Agni will be inclusive of *systemic* Brahma.

51. Brahma hệ mặt trời cai quản năm cõi hệ thống. Trong trường hợp này, Agni sẽ cai quản cõi trí hệ thống, nhưng một Agni còn lớn hơn nữa sẽ bao gồm Brahma *hệ thống*.

52. Yet, from another perspective, we must not forget that Agni, Fohat and Brahma can

52. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, chúng ta không được quên rằng Agni, Fohat và

be considered equivalent. So, Who, then is the Supreme One?

Brahma có thể được xem là tương đương. Vậy thì Đấng Tối Cao là Ai?

Now, each of the triple forms of Agni has numerous subdivisions.

Giờ đây, mỗi hình thức tam phân của Agni đều có nhiều phânnhánh phụ.

53. We learn that, depending on the scale considered, there are a number of forms of Agni, and each of them is *triple.* Triplicity is just the beginning, and many subdivisions follow, leading us into one intricate branch of devic study or 'angelology'.

53. Chúng ta học được rằng, tùy theo thang đo được xét, có một số hình thức của Agni, và mỗi hình thức đều là *tam phân.* Bộ ba chỉ mới là khởi đầu, và còn nhiều phân nhánh tiếp theo, dẫn chúng ta vào một ngành nghiên cứu deva hay 'thiên thần học' hết sức phức tạp.

The solar fire is distinguished by several divisions according to the nature of the rays emitted by the great luminary."—The Theosophist,

Lửa Thái dương được phân biệt thành nhiều phân nhánh tùy theo bản chất của các tia phát ra từ thiên thể sáng lớn lao."—The Theosophist,

54. It appears that the fire of Surya, Solar Fire, is also divisible, though perhaps differently divisible than Brahma. Perhaps divisions in the realm of Brahma/Agni occur in threes and nines, whereas in the realm of Surya, the division occurs in sevens.

54. Dường như lửa của Surya, Lửa Thái dương, cũng có thể phân chia, dù có lẽ được phân chia khác với Brahma. Có lẽ các phân chia trong lĩnh vực của Brahma/Agni diễn ra theo bộ ba và bộ chín, trong khi trong lĩnh vực của Surya, sự phân chia diễn ra theo bộ bảy.

He is the animating life of the solar system, and that life is the life of [Page 603] God, the energy of the Logos, and the manifestation of the radiance which veils the Central Sun.

Ngài là sự sống làm cho hệ mặt trời sống động, và sự sống ấy là sự sống của [Page 603] Thượng đế, năng lượng của Logos, và sự biểu hiện của bức xạ che phủ Mặt Trời Trung Tâm.

55. The definitions of Agni continue:

55. Các định nghĩa về Agni tiếp tục:

a. Agni is the animating life of the solar system

a. Agni là sự sống làm cho hệ mặt trời sống động

b. Agni is the life of God

b. Agni là sự sống của Thượng đế

c. Agni is the energy of the Logos

c. Agni là năng lượng của Logos

d. Agni is the manifestation of the radiance which veils the Central Sun. The radiance which veils the central Sun (hiding that "Sun" by a "disk of golden light") pertains to Surya, the Vishnu aspect.

d. Agni là sự biểu hiện của bức xạ che phủ Mặt Trời Trung Tâm. Bức xạ che phủ Mặt Trời trung tâm (che giấu "Mặt Trời" ấy bằng một "đĩa ánh sáng vàng") thuộc về Surya, phương diện Vishnu.

e. Agni, is the *manifestation* of that radiance. This is different from the radiance itself. It is as if Cosmic Surya sends forth Cosmic Agni.

e. Agni là *sự biểu hiện* của bức xạ ấy. Điều này khác với chính bức xạ. Như thể Surya Vũ Trụ phóng xuất Agni Vũ Trụ.

Only as He is recognised as Fohat, the energy of matter, as Wisdom, the nature of the Ego and its motivation, and as essential unity, can any due conception be arrived at as to His nature or being.

Chỉ khi Ngài được nhận biết là Fohat, năng lượng của vật chất, là minh triết, bản chất của chân ngã và động lực của nó, và là sự hợp nhất cốt yếu, thì mới có thể đạt được bất kỳ quan niệm thích đáng nào về bản chất hay hữu thể của Ngài.

56. Agni is protean. We have to be watchful for the level at which Agni is discussed. Here, He is the all-inclusive One.

56. Agni có tính đa dạng biến hóa. Chúng ta phải cảnh giác đối với cấp độ mà tại đó Agni được bàn đến. Ở đây, Ngài là Đấng bao hàm tất cả.

57. Agni is expressive on the cosmic physical plane, and on that plane we can find "essential unity", the Ego and matter.

57. Agni biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, và trên cõi đó chúng ta có thể tìm thấy "sự hợp nhất cốt yếu", chân ngã và vật chất.

58. Agni embraces all of these cosmic physical plane expressions

58. Agni bao trùm tất cả những biểu lộ này của cõi hồng trần vũ trụ

a. Agni is Fohat on the cosmic physical plane —or the energy of the matter of the cosmic physical plane. From the solar logoic perspective, the dense matter is represented by the lower twenty-one systemic sub-planes, and etheric matter by the higher twenty-eight sub-planes.

a. Agni là Fohat trên cõi hồng trần vũ trụ—hay là năng lượng của vật chất của cõi hồng trần vũ trụ. Từ quan điểm của Thái dương Thượng đế, vật chất đậm đặc được biểu hiện bởi hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp, còn vật chất dĩ thái bởi hai mươi tám cõi phụ cao hơn.

b. Agni is the fire of Wisdom or Solar Fire which informs the Ego

b. Agni là lửa của minh triết hay Lửa Thái dương, vốn thấm nhuần chân ngã

c. Agni is the fire of the Monad in whom is "essential unity" or *oneness,* as that oneness

c. Agni là lửa của chân thần, trong đó có "sự hợp nhất cốt yếu" hay *nhất thể,* như sự nhất

can be experienced on the cosmic physical plane.

d. As He expresses on the cosmic physical plane, Agni is identified with Spirit, soul and matter.

59. In this case we are discussing the way that Cosmic Agni embraces and pervades the three aspects of divinity as they manifest on the cosmic physical plane.

60. Below and after many definitions which could be interpreted on more than one level and indicate differing scopes of activity, we have the *definitive* definition.

He is not the solar Logos on the cosmic mental plane, **for the egoic consciousness of the Logos is more than His physical manifestation,**

61. Agni has a definite connection with *physicality*. Cosmically, He is lower that Cosmic Surya, the Solar Logos manifesting in His egoic consciousness on the *higher* cosmic mental plane.

62. So, Agni is not the egoic consciousness of the Solar Logos. Agni is not the consciousness within the Heart of the Sun on the higher cosmic mental plane.

but Agni is the sumtotal of that portion of the logoic Ego which is reflected down into His physical vehicle;

63. That which is inherent in the Ego but is reflected down into the Ego's physical vehicle is the *personality.*

thể ấy có thể được kinh nghiệm trên cõi hồng trần vũ trụ.

d. Khi biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, Agni được đồng nhất với tinh thần, linh hồn và vật chất.

59. Trong trường hợp này, chúng ta đang bàn đến cách mà Agni Vũ Trụ bao trùm và thấm khắp ba phương diện của thiên tính khi chúng biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ.

60. Bên dưới, sau nhiều định nghĩa có thể được diễn giải trên hơn một cấp độ và chỉ ra những phạm vi hoạt động khác nhau, chúng ta có định nghĩa *chung quyết*.

Ngài không phải là Thái dương Thượng đế trên cõi trí vũ trụ, **vì tâm thức chân ngã của Thượng đế vượt hơn biểu hiện hồng trần của chính Ngài,**

61. Agni có một liên hệ xác định với *tính hồng trần*. Về mặt vũ trụ, Ngài thấp hơn Surya Vũ Trụ, tức Thái dương Thượng đế đang biểu lộ trong tâm thức chân ngã của Ngài trên cõi trí vũ trụ *cao*.

62. Vì vậy, Agni không phải là tâm thức chân ngã của Thái dương Thượng đế. Agni không phải là tâm thức bên trong Tâm Mặt Trời trên cõi trí vũ trụ cao.

nhưng Agni là tổng thể của phần chân ngã Thượng đế được phản chiếu xuống vận cụ hồng trần của Ngài;

63. Điều vốn cố hữu trong chân ngã nhưng được phản chiếu xuống vận cụ hồng trần của chân ngã chính là *phàm ngã.*

64. Agni, then, is to be considered a *portion* of the energy/consciousness of the Logoic Ego, but that part which is not focussed on the higher cosmic mental plane but on planes lower than the higher cosmic mental, and especially focussed on the cosmic physical plane.

64. Vậy thì, Agni phải được xem là một *phần* của năng lượng/tâm thức của Chân ngã Thượng đế, nhưng là phần không tập trung trên cõi trí vũ trụ cao mà trên các cõi thấp hơn cõi trí vũ trụ cao, và đặc biệt tập trung trên cõi hồng trần vũ trụ.

65. Note that we are not saying that Agni is only the energy which animates that which the Solar Logos considers His dense physical body—namely the lower twenty-one sub-planes of the cosmic physical plane.

65. Cần lưu ý rằng chúng ta không nói Agni chỉ là năng lượng làm sinh động điều mà Thái dương Thượng đế xem là thể xác đậm đặc của Ngài—tức hai mươi mốt cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

He is the life of the logoic Personality, with all that is included in that expression.

Ngài là sự sống của phàm ngã Thượng đế, với tất cả những gì được bao hàm trong cách diễn đạt ấy.

66. This is the definitive definition of Agni for which we have been searching.

66. Đây là định nghĩa chung quyết về Agni mà chúng ta đã tìm kiếm.

67. The life and consciousness of Agni, therefore, expresses through eighteen cosmic sub-planes—the lower four of the cosmic mental plane, the seven of the cosmic astral plane and the seven of the cosmic physical plane (through we may question the manner of expression through the lowest three systemic planes which are not a *principled* in relation to the Solar Logos). Yet Agni embraces fire by friction, and so must express through all levels of the cosmic physical plane.

67. Do đó, sự sống và tâm thức của Agni biểu lộ qua mười tám cõi phụ vũ trụ—bốn cõi thấp của cõi trí vũ trụ, bảy cõi của cõi cảm dục vũ trụ và bảy cõi của cõi hồng trần vũ trụ (dù chúng ta có thể đặt câu hỏi về cách biểu lộ qua ba cõi hệ thống thấp nhất, vốn không phải là một sự sống nguyên khí trong liên hệ với Thái dương Thượng đế). Tuy nhiên, Agni bao trùm Lửa ma sát, và vì thế phải biểu lộ qua mọi cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ.

He is to the solar Logos on His own plane what the coherent personality of a human being is to his Ego in the causal body.

Ngài đối với Thái dương Thượng đế trên chính cõi của Ngài cũng như phàm ngã cố kết của một con người đối với chân ngã của y trong thể nguyên nhân.

68. Here there can be no question concerning the nature of Agni (as

68. Ở đây không thể có nghi vấn nào về bản chất của Agni (như được xét trong bối cảnh

considered in the context of these pages). He is the *personality* of the Solar Logos.

những trang này). Ngài là *phàm ngã* của Thái dương Thượng đế.

69. Since the personality ray of the Solar Logos is during this solar system (this incarnation) the *second* ray, then Agni is primarily (in this solar system) qualified by the second ray, even though He has a Brahmic/Fohatic function. At least He is subservient to the great second ray. Perhaps here we see by Fohat (or Agni) is so identified with "Eros".

69. Vì cung phàm ngã của Thái dương Thượng đế trong hệ mặt trời này (lần lâm phàm này) là cung *hai*, nên Agni chủ yếu (trong hệ mặt trời này) được cung hai định tính, mặc dù Ngài có một chức năng Brahmic/Fohatic. Ít nhất Ngài cũng phụ thuộc vào cung hai vĩ đại. Có lẽ ở đây chúng ta thấy vì sao Fohat (hay Agni) lại được đồng nhất nhiều đến thế với "Eros".

70. In the next system, the ray qualifying Him will probably be the first (as the second ray soul of the Solar Logos cannot change to the first) and as the monadic ray of any Entity remains the same throughout the greater aeon pertaining to that Entity.

70. Trong hệ thống kế tiếp, cung định tính cho Ngài có lẽ sẽ là cung một (vì cung linh hồn cung hai của Thái dương Thượng đế không thể đổi thành cung một) và vì cung chân thần của bất kỳ Thực Thể nào vẫn giữ nguyên trong suốt đại trường kỳ thuộc về Thực Thể ấy.

This is a very important point to be grasped, and if meditated upon will bring to the student much enlightenment.

Đây là một điểm rất quan trọng cần được nắm bắt, và nếu được tham thiền trên đó, nó sẽ mang lại cho đạo sinh nhiều giác ngộ.

71. There is no fast way here. Slow and careful pondering is required to fathom the mysteries of occultism.

71. Ở đây không có con đường nhanh chóng nào. Cần có sự suy ngẫm chậm rãi và cẩn trọng để thấu suốt các huyền nhiệm của huyền bí học.

72. We might think that Agni is in process of becoming Soul-infused by the Cosmic Ego of the Solar Logos. Since the Solar Logos is a cosmic initiate of the second degree, Agni is Soul-infused to the degree a human initiate of the second degree would be soul-infused —i.e., to quite a considerable extent— perhaps fifty percent soul-infused.

72. Chúng ta có thể nghĩ rằng Agni đang trong tiến trình trở thành được linh hồn thấm nhuần bởi Chân ngã Vũ Trụ của Thái dương Thượng đế. Vì Thái dương Thượng đế là một điểm đạo đồ vũ trụ cấp hai, nên Agni được linh hồn thấm nhuần đến mức mà một điểm đạo đồ nhân loại cấp hai sẽ được linh hồn thấm nhuần—nghĩa là ở một mức khá đáng kể—có lẽ năm mươi phần trăm được linh hồn thấm nhuần.

His is the life that fuses and blends the threefold nature of the Logos when in physical incarnation;

Ngài là sự sống dung hợp và hòa trộn bản chất tam phân của Thượng đế khi đang lâm phàm hồng trần;

73. This description is another way of describing personality.

73. Mô tả này là một cách khác để mô tả phàm ngã.

74. The threefold nature of the Logos manifests itself on all three of the lower cosmic planes—really, about two and a half cosmic planes.

74. Bản chất tam phân của Thượng đế biểu lộ trên cả ba cõi vũ trụ thấp hơn—thật ra là khoảng hai cõi rưỡi vũ trụ.

75. Just as the personality is particularly related to the physical aspect of man, so Agni is related to the threefold demonstration of the Solar Logos upon the cosmic physical plane.

75. Cũng như phàm ngã đặc biệt liên hệ với phương diện hồng trần của con người, thì Agni cũng liên hệ với sự biểu lộ tam phân của Thái dương Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ.

His is the coherent force that makes a unity of the triple logoic Personality, but man can only arrive at His essential nature by the study of the logoic physical vehicle—hence the difficulty;

Ngài là mãnh lực cố kết tạo nên sự hợp nhất của phàm ngã Thượng đế tam phân, nhưng con người chỉ có thể đạt đến bản chất cốt yếu của Ngài bằng cách nghiên cứu vận cụ hồng trần Thượng đế—do đó mới có khó khăn;

76. We define the triple "logoic Personality" as demonstrating on two and a half cosmic planes—really, two and four sevenths.

76. Chúng ta định nghĩa "phàm ngã Thượng đế" tam phân là biểu lộ trên hai cõi rưỡi vũ trụ—thật ra là hai và bốn phần bảy.

77. Agni unifies the entire threefold logoic personality, but His expression upon the cosmic astral plane and the cosmic mental plane can only be inferred from studying His threefold expression upon the seven systemic planes of the cosmic physical plane.

77. Agni hợp nhất toàn bộ phàm ngã Thượng đế tam phân, nhưng sự biểu lộ của Ngài trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ chỉ có thể được suy ra từ việc nghiên cứu sự biểu lộ tam phân của Ngài trên bảy cõi hệ thống của cõi hồng trần vũ trụ.

he can only understand by a consideration of His psychic emanation as it can be sensed and viewed by passing the history of the races in retrospect.

y chỉ có thể thấu hiểu bằng cách xem xét phát xạ thông linh của Ngài như nó có thể được cảm nhận và quan sát qua việc nhìn lại lịch sử các giống dân.

78. The psychic emanation of Agni cannot at this time be directly understood by man, for he cannot fathom the nature of the cosmic astral plane. By study of that psychic emanation as it expresses in a much modified form on the cosmic physical plane, something of the original psychic emanation can be understood.

78. Phát xạ thông linh của Agni hiện nay không thể được con người trực tiếp thấu hiểu, vì y không thể dò thấu bản chất của cõi cảm dục vũ trụ. Bằng cách nghiên cứu phát xạ thông linh ấy khi nó biểu lộ dưới một hình thức đã được biến đổi rất nhiều trên cõi hồng trần vũ trụ, người ta có thể hiểu được phần nào phát xạ thông linh nguyên thủy.

79. Somehow the qualities of the various root races reveal something of the psychic quality of Agni. We cannot see Agni's qualities directly (for, actually, they are stored in the causal body of the Solar Logos), but we can sense them working out in the forms of humanity which cyclically appear over time.

79. Bằng cách nào đó, các phẩm tính của những giống dân gốc khác nhau tiết lộ điều gì đó về phẩm tính thông linh của Agni. Chúng ta không thể trực tiếp thấy các phẩm tính của Agni (vì thật ra chúng được lưu giữ trong thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế), nhưng chúng ta có thể cảm nhận chúng đang triển khai trong những hình tướng của nhân loại xuất hiện theo chu kỳ qua thời gian.

Man's personality reveals his nature as his life progresses; his psychic quality unfolds as the years slip away, and when he passes out of incarnation he is spoken of in terms of quality,

Phàm ngã của con người tiết lộ bản chất của y khi cuộc sống của y tiến triển; phẩm tính thông linh của y khai mở khi năm tháng trôi qua, và khi y ra khỏi lâm phàm, người ta nói về y theo phẩm tính,

80. Man, once departed, is spoken of more in terms of the overall qualitative effect of his life than in terms of the specific actions accomplished. The actions actually reveal the psychic quality. It is assumed that one endowed with certain qualities can produce a set of actions associated with those qualities.

80. Một khi đã qua đời, con người được nói đến nhiều hơn theo hiệu quả phẩm tính tổng thể của cuộc đời y hơn là theo những hành động cụ thể đã hoàn thành. Chính các hành động thực ra bộc lộ phẩm tính thông linh. Người ta giả định rằng một người được phú cho những phẩm tính nhất định có thể tạo ra một tập hợp hành động gắn liền với những phẩm tính ấy.

good or bad, selfish or unselfish; the effect of his "emanation" during life is that which remains in men's minds.

tốt hay xấu, ích kỷ hay vị tha; hiệu quả của "phát xạ" của y trong đời sống là điều còn lại trong tâm trí con người.

81. There is ever the tendency towards generalization and summarization.

81. Luôn luôn có khuynh hướng hướng tới sự khái quát hóa và tóm lược hóa.

82. “Let there be no recollection and yet let memory rule.” This is a qualitative solar system and qualities resulting from actions turn out to be more important than the actions themselves.

82. “Đừng để có sự hồi tưởng, nhưng hãy để ký ức cai quản.” Đây là một hệ mặt trời phẩm tính, và những phẩm tính phát sinh từ hành động rốt cuộc trở nên quan trọng hơn chính các hành động ấy.

83. When searching to understand more fully one’s own qualities, one can speculate upon the qualities for which one will be known after one has passed over.

83. Khi tìm cách thấu hiểu đầy đủ hơn những phẩm tính của chính mình, người ta có thể suy đoán về những phẩm tính mà mình sẽ được biết đến sau khi đã qua đời.

Thus only can the logoic personality express itself, and our knowledge of His nature is consequently limited by our close perspective, and handicapped by the fact that we are participants in His life, and integral parts of His manifestation.

Chỉ như thế phàm ngã Thượng đế mới có thể biểu lộ, và kiến thức của chúng ta về bản chất của Ngài vì thế bị giới hạn bởi góc nhìn gần hẹp của chúng ta, và còn bị cản trở bởi sự kiện rằng chúng ta là những người tham dự vào sự sống của Ngài, và là những phần toàn vẹn trong biểu hiện của Ngài.

84. DK is telling us that we cannot possibly appreciate the *full* nature of Agni as that nature manifests on planes higher than the cosmic physical.

84. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng chúng ta tuyệt đối không thể đánh giá được bản chất *đầy đủ* của Agni khi bản chất ấy biểu lộ trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

85. We can infer something about His nature only by judging of effects of internal causes as those effects manifest on the cosmic physical plane.

85. Chúng ta chỉ có thể suy ra điều gì đó về bản chất của Ngài bằng cách phán đoán các hiệu quả của những nguyên nhân nội tại khi các hiệu quả ấy biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ.

It is only as we begin to function upon the buddhic plane that we can in any way “live in the subjective” [Page 604] side of nature,

Chỉ khi chúng ta bắt đầu hoạt động trên cõi Bồ đề thì chúng ta mới có thể theo bất kỳ cách nào “sống trong phương diện chủ quan” [Page 604] của bản chất,

86. Even our so-called “soul nature” as it expresses on the higher mental plane of the cosmic physical plane is considered in relation to the Solar Logos, objective.

86. Ngay cả cái gọi là “bản chất linh hồn” của chúng ta khi nó biểu lộ trên cõi thượng trí của cõi hồng trần vũ trụ cũng được xem là khách quan trong liên hệ với Thái dương Thượng đế.

87. Subjective life begins in the etheric body of the Solar Logos. This is worth pondering. It reveals the externality of our life as presently lived.

87. Sự sống chủ quan bắt đầu trong thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế. Điều này đáng để suy ngẫm. Nó cho thấy tính bên ngoài của đời sống chúng ta như hiện đang được sống.

and it is only as our knowledge of the spiritual life increases, and as we pass definitely through the portal of initiation into the fifth kingdom that we can appreciate the distinction between the dense physical, and the vital body.

và chỉ khi kiến thức của chúng ta về đời sống tinh thần gia tăng, và khi chúng ta dứt khoát đi qua cánh cổng điểm đạo vào giới thứ năm, thì chúng ta mới có thể nhận thức được sự phân biệt giữa thể xác đậm đặc và thể sinh lực/thể dĩ thái.

88. We are speaking of the dense body of the Solar Logos and His etheric body. It is also true that only the initiate (as least of the first degree) can begin to appreciate the functional difference between his own microcosmic etheric body and its physically dense counterpart.

88. Chúng ta đang nói về thể đậm đặc của Thái dương Thượng đế và thể dĩ thái của Ngài. Cũng đúng là chỉ điểm đạo đồ (ít nhất là cấp một) mới có thể bắt đầu nhận thức được sự khác biệt chức năng giữa thể dĩ thái tiểu thiên địa của chính mình và đối phần hồng trần đậm đặc của nó.

Only as we become polarised in the cosmic etheric body and are no longer held prisoner by a dense material sheath (for the three lower planes are but the dense body of the Logos) **do we come to a fuller understanding of the psychic nature of the Logos**, for we stand then in the body which bridges the gulf between the dense physical, and the astral body of the Logos.

Chỉ khi chúng ta trở nên phân cực trong thể dĩ thái vũ trụ và không còn bị giam giữ bởi một vỏ bọc vật chất đậm đặc nữa (vì ba cõi thấp chỉ là thể đậm đặc của Thượng đế) **thì chúng ta mới đi đến một sự thấu hiểu đầy đủ hơn về bản chất thông linh của Thượng đế**, vì khi ấy chúng ta đứng trong thể bắt cầu qua vực thẳm giữa thể xác đậm đặc và thể cảm dục của Thượng đế.

89. The etheric body is as a bridge between the astral (or 'psychic') body of the Solar Logos on the cosmic astral plane and His dense physical vehicle—our lower three systemic or solar planes.

89. Thể dĩ thái giống như một cây cầu giữa thể cảm dục (hay "thông linh") của Thái dương Thượng đế trên cõi cảm dục vũ trụ và vận cụ xác thân đậm đặc của Ngài—ba cõi hệ thống hay cõi thái dương thấp của chúng ta.

90. A Being like the Christ is really coming to an understanding of the psychic, magnetic nature of the Solar Logos on the cosmic astral plane. The Members of the Spiritual Hierarchy of our planet are learning the nature of God's Love as expressed upon the

90. Một Đấng như Đức Christ thực sự đang đi đến chỗ thấu hiểu bản chất thông linh, từ tính của Thái dương Thượng đế trên cõi cảm dục vũ trụ. Các Thành Viên của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta đang học biết bản chất của Tình thương của Thượng

cosmic physical plane through the astral body of the Solar Logos on the cosmic astral plane—and this but slowly.

đế như được biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ qua thể cảm dục của Thái dương Thượng đế trên cõi cảm dục vũ trụ—và điều này chỉ rất chậm chạp.

91. Again, we should pause to reflect how really *dense* is the process of our normal living. Only a true Member of the Hierarchy (and really only an initiate of the fourth degree) is actually beginning to focus in the etheric body of the Solar Logos.

91. Một lần nữa, chúng ta nên dừng lại để suy ngẫm xem tiến trình sống bình thường của chúng ta thực sự *đậm đặc* đến mức nào. Chỉ một Thành Viên đích thực của Thánh Đoàn (và thật ra chỉ một điểm đạo đồ cấp bốn) mới thực sự bắt đầu tập trung trong thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

Only when this is the case do we understand the function of the Lord Agni as the vital life of the cosmic etheric, as the vitality of the Heavenly Men and the activity of Their sheaths.

Chỉ khi điều này là như thế, chúng ta mới hiểu được chức năng của Chúa Tể Agni như sự sống thiết yếu của dĩ thái vũ trụ, như sinh lực của các Đấng Thiên Nhân và hoạt động của các thể của Các Ngài.

92. Here the Lord Agni has a specifically cosmic etheric definition. We recognize that the full nature of Lord Agni is not apprehensible (at least by us). His being extends to the cosmic mental plane and cosmic astral plane. But upon the etheric part of the cosmic physical plane His nature can be somewhat experienced by the evolving, spiritual man.

92. Ở đây Chúa Tể Agni có một định nghĩa đặc biệt thuộc dĩ thái vũ trụ. Chúng ta nhận ra rằng bản chất trọn vẹn của Chúa Tể Agni là điều không thể lĩnh hội được (ít nhất là đối với chúng ta). Hữu thể của Ngài vươn tới cõi trí vũ trụ và cõi cảm dục vũ trụ. Nhưng trên phần dĩ thái của cõi hồng trần vũ trụ, bản chất của Ngài có thể phần nào được con người tinh thần đang tiến hóa kinh nghiệm.

93. Perhaps it is not correct to say that Lord Agni's Life is expressed through *all* the eighteen cosmic sub-planes lower than the cosmic higher mental plane. Perhaps the lower three unprincipled cosmic sub-planes should be omitted or treated as a special case. In this case Lord Agni would be expressing through only *fifteen* planes (an interesting number) and via *four* of those planes—the cosmic etheric planes, His life would be somewhat apprehensible to initiated humanity.

93. Có lẽ không đúng khi nói rằng Sự Sống của Chúa Tể Agni được biểu lộ qua *tất cả* mười tám cõi phụ vũ trụ thấp hơn cõi thượng trí vũ trụ. Có lẽ ba cõi phụ vũ trụ thấp nhất không nguyên khí nên được loại ra hoặc được xem như một trường hợp đặc biệt. Trong trường hợp ấy, Chúa Tể Agni sẽ chỉ biểu lộ qua *mười lăm* cõi (một con số thú vị) và qua *bốn* cõi trong số đó—các cõi dĩ thái vũ trụ, sự sống của Ngài sẽ phần nào có thể được nhân loại đã được điểm đạo lĩnh hội.

94. Tuy nhiên, bên dưới (TCF 605) chúng ta đọc thấy điều sau đây, điều này cũng liên kết

94. Yet below (TCF 605) we read the following which definitely associates Agni, as well, with the lowest expression of the Solar Logos, His dense physical vehicle:

rõ ràng Agni với biểu hiện thấp nhất của Thái dương Thượng đế, tức vận cụ xác thân đậm đặc của Ngài:

Agni as the energising factor of the dense physical body of the Logos, or as the fire of His most concrete manifestation (TCF 605)

Agni như là nhân tố tiếp năng lượng cho thể xác đậm đặc của Thượng đế, hay như lửa của biểu hiện cụ thể nhất của Ngài (TCF 605)

95. When we speak of the Heavenly Men, we speak of the Planetary Logoi and of two types of lesser Logoi (Chain Lords and Globe Lords) within Their field of expression.

95. Khi chúng ta nói về các Đấng Thiên Nhân, chúng ta nói về các Hành Tinh Thượng Đế và về hai loại Thượng đế nhỏ hơn (các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu) trong phạm vi biểu lộ của Các Ngài.

96. All vehicles of the Heavenly Men are vitalized, but Their specifically *vital* expression occurs upon the cosmic etheric planes.

96. Mọi vận cụ của các Đấng Thiên Nhân đều được tiếp sinh lực, nhưng sự biểu lộ đặc biệt *sinh lực* của Các Ngài xảy ra trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

97. We have been considering Agni from the cosmic etheric perspective. Now we will consider this great Lord of Fire in relation to the mental plane (both the cosmic mental plane and the systemic mental plane).

97. Chúng ta đã xem xét Agni từ quan điểm dĩ thái vũ trụ. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét vị Chúa Tể Lửa vĩ đại này trong liên hệ với cõi trí (cả cõi trí vũ trụ lẫn cõi trí hệ thống).

b. Agni and the Mental Plane.

b. Agni và Cõi Trí.

I seek to deal with a very important point here, emphasising the close connection between Agni, **the sumtotal of the life force of the logoic threefold personality,** as He is seen at work on the mental plane (which closely concerns man), and that manifesting driving force or intelligent will which emanates from the cosmic mental plane.

Tôi tìm cách bàn đến một điểm rất quan trọng ở đây, nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa Agni, **tổng thể của sinh lực của phàm ngã Thượng đế tam phân,** như Ngài được thấy đang hoạt động trên cõi trí (vốn liên hệ chặt chẽ với con người), và mãnh lực thúc đẩy hay ý chí trí tuệ đang biểu lộ ấy, phát ra từ cõi trí vũ trụ.

98. We have looked at Agni in relation to cosmic psychic quality and also in relation to cosmic vitality on the four highest sub-planes of the cosmic physical plane.

98. Chúng ta đã xem xét Agni trong liên hệ với phẩm tính thông linh vũ trụ và cũng trong liên hệ với sinh lực vũ trụ trên bốn cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

99. Now we focus on Agni's mental expression—systemic mental and cosmic mental.

99. Giờ đây chúng ta tập trung vào sự biểu lộ trí tuệ của Agni—trí tuệ hệ thống và trí tuệ vũ trụ.

100. We are comparing Agni at work on the systemic mental plane and also His relation to the cosmic mental plane.

100. Chúng ta đang so sánh Agni hoạt động trên cõi trí hệ thống và cả mối liên hệ của Ngài với cõi trí vũ trụ.

101. It is to be pondered whether the number of the logoic Personality should be eighteen or fifteen, or perhaps sixteen. There is a case for saying that the two lowest systemic planes should definitely not be included. In that case the number would be sixteen—a significant number of *form* and related to the number of petals in the human throat center.

101. Cần suy ngẫm xem con số của phàm ngã Thượng đế nên là mười tám hay mười lăm, hoặc có lẽ là mười sáu. Có cơ sở để nói rằng hai cõi hệ thống thấp nhất chắc chắn không nên được bao gồm. Trong trường hợp ấy con số sẽ là mười sáu—một con số có ý nghĩa của hình tướng và liên hệ với số cánh hoa trong trung tâm cổ họng của con người.

102. If we decide that the mental plane itself should not be included in the numbering of the personality, then the number of planes through which the logoic Personality manifests is *fifteen* suggesting the number of the Kumaras, and summing to the number *six*—again, a number of form.

102. Nếu chúng ta quyết định rằng chính cõi trí không nên được tính vào số của phàm ngã, thì số cõi mà qua đó phàm ngã Thượng đế biểu lộ là *mười lăm*, gợi ý con số của các Kumara, và cộng lại thành số *sáu*—một lần nữa, lại là một con số của hình tướng.

103. When we think of our own personality, to what extent do we include the three lowest systemic sub-planes? Can it be said that our *true* personality really extends no 'lower' than the fourth systemic ether?

103. Khi nghĩ đến phàm ngã của chính mình, chúng ta bao gồm ba cõi phụ hệ thống thấp nhất đến mức nào? Có thể nói rằng *phàm ngã* đích thực của chúng ta thật ra không vươn "thấp" hơn dĩ thái hệ thống thứ tư chăng?

104. What is it that emanates from the cosmic mental plane? DK tells us it is a "driving force or intelligent will". We discover repeatedly when dealing with manas that intelligence and will are always combined.

104. Điều gì phát ra từ cõi trí vũ trụ? Chân sư DK cho chúng ta biết đó là một "mãnh lực thúc đẩy hay ý chí trí tuệ". Chúng ta liên tục khám phá khi bàn đến manas rằng trí tuệ và ý chí luôn luôn kết hợp với nhau.

105. We seem to be considering and contrasting the forces found on the cosmic

105. Dường như chúng ta đang xem xét và đối chiếu các mãnh lực được tìm thấy trên

and systemic higher mental planes, and those forces found on the lower mental subplanes (cosmically and systemically considered).

các cõi thượng trí vũ trụ và hệ thống, với những mãnh lực được tìm thấy trên các cõi phụ hạ trí (xét theo nghĩa vũ trụ và hệ thống).

There is a very interesting series of correspondences to be worked out here and we might briefly indicate the lines to be followed in this connection by the ensuing tabulation:

Ở đây có một chuỗi tương ứng rất thú vị cần được triển khai, và chúng ta có thể ngắn gọn chỉ ra những đường hướng cần theo trong mối liên hệ này bằng bảng liệt kê sau đây:

106. Let us see what can be gathered from the following tabulation. The entire tabulation is obviously based on the number *five.*

106. Hãy xem có thể rút ra được điều gì từ bảng liệt kê sau đây. Toàn bộ bảng này hiển nhiên dựa trên con số *năm.*

The 5th cosmic plane… The cosmic mental.

Cõi vũ trụ thứ 5… Cõi trí vũ trụ.

107. Here we count from above downwards....

107. Ở đây chúng ta đếm từ trên xuống dưới....

The 5th systemic plane... The mental plane.

Cõi hệ thống thứ 5... Cõi trí.

108. There is a direct correspondence between the cosmic and systemic mental planes....

108. Có một sự tương ứng trực tiếp giữa cõi trí vũ trụ và cõi trí hệ thống....

The 5th subplane of the physical... The gaseous.

Cõi phụ thứ 5 của cõi hồng trần... Thể khí.

109. Much can be learned by relating the principle of manas to the gaseous state of matter. The quality of the thoughts we think and the quality of the air we breathe are related....

109. Có thể học được nhiều điều bằng cách liên hệ nguyên khí manas với trạng thái khí của vật chất. Phẩm tính của những tư tưởng chúng ta suy nghĩ và phẩm tính của không khí chúng ta hít thở có liên hệ với nhau....

The 5th principle... Manas.

Nguyên khí thứ 5... Manas.

110. There are a number of ways to count principles, but usually the fifth principle is correlated with manas....

110. Có một số cách để đếm các nguyên khí, nhưng thông thường nguyên khí thứ năm được tương liên với manas....

The 5th Law... Fixation, the Law of Concretion.

Định luật thứ 5... Sự cố định, Định luật Cụ thể hóa.

111. Let us note the alternative name for the "Law of Fixation". Let us think for a moment of the dispersive nature of gas and the work of fixation in countering this dispersive tendency....

111. Hãy lưu ý tên gọi thay thế của "Định luật Cố định". Hãy nghĩ trong chốc lát về bản chất phân tán của khí và công việc của sự cố định trong việc chống lại khuynh hướng phân tán này....

The 5th Ray... Concrete knowledge

Cung thứ 5... Tri thức cụ thể

The 5th round... The round of manasic attainment.

Cuộc tuần hoàn thứ 5... Cuộc tuần hoàn của sự thành tựu manas.

112. As we are far from the fifth round (the fifth chain round and even farther form the fifth scheme round) any manasic attainment achieved in this fourth chain round will be but relative. It will certainly not be a climactic development in relation to the potential manasic development of our planetary scheme....

112. Vì chúng ta còn cách xa cuộc tuần hoàn thứ năm (cuộc tuần hoàn dãy thứ năm và còn xa hơn nữa đối với cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ năm), nên bất kỳ thành tựu manas nào đạt được trong cuộc tuần hoàn dãy thứ tư này cũng chỉ là tương đối. Chắc chắn đó sẽ không phải là một sự phát triển cao trào so với tiềm năng phát triển manas của hệ hành tinh chúng ta....

The 5th root-race... The Aryan. Mental development.

Giống dân gốc thứ 5... Arya. Sự phát triển trí tuệ.

The 5th sub-race... The Teutonic and Anglo-Saxon. Concrete mind.

Giống dân phụ thứ 5... Teutonic và Anglo-Saxon. trí cụ thể.

113. There are some references which equate the beginning of the fifth or Aryan root race with the onset of the Teutonic subrace. Obviously an occult blind is in effect.

113. Có một số tài liệu quy đồng sự khởi đầu của giống dân gốc thứ năm hay Arya với sự khởi phát của giống dân phụ Teutonic. Hiển nhiên ở đây có một màn che huyền bí đang được áp dụng.

The Manu presides over group one. He is called Vaivasvata Manu, and is the Manu of the fifth root-race. He is the ideal man or thinker, and sets the type for our Aryan race, having presided over its destinies since its

Đức Manu chủ trì nhóm một. Ngài được gọi là Đức Manu Vaivasvata, và là Đức Manu của giống dân gốc thứ năm. Ngài là con người lý tưởng hay nhà tư tưởng, và đặt ra kiểu mẫu cho nhân loại Arya của chúng ta, đã chủ trì

inception nearly one hundred thousand years ago. (HIS 41-42)...

vận mệnh của nó kể từ khi khởi đầu gần một trăm ngàn năm trước. (HIS 41-42)...

The 5th group of Devas... Fire Devas of the mental plane.

Nhóm thiên thần thứ 5... Các thiên thần Lửa của cõi trí.

114. We seem here to be speaking of the Agnishvattas or Solar Angels. They are "Fire Devas" and the type of fire they express is especially the fire of love and the fire of knowledge combined.

114. Ở đây dường như chúng ta đang nói về các Agnishvatta hay các Thái dương Thiên Thần. Các Ngài là "các thiên thần Lửa" và loại lửa mà Các Ngài biểu lộ đặc biệt là lửa bác ái và lửa tri thức kết hợp lại.

It is also possible that we may be speaking of those devas who work in relation to the lower mental plane, but this seems less likely....

Cũng có thể chúng ta đang nói về những thiên thần hoạt động trong liên hệ với cõi hạ trí, nhưng điều này dường như ít có khả năng hơn....

The 5th Manvantara... Three-fifths of the manasaputras achieve.

Giai kỳ sinh hóa thứ 5... Ba phần năm các manasaputra đạt thành tựu.

115. This has to be examined carefully, as the term "manvantara" is elastic. If man is considered a "manasaputra" then three fifths of the human beings on Earth will achieved in the fifth *round,* and the term "manvantara", in this case, means round.

115. Điều này phải được khảo sát cẩn trọng, vì thuật ngữ "giai kỳ sinh hóa" có tính co giãn. Nếu con người được xem là một "manasaputra" thì ba phần năm nhân loại trên Trái Đất sẽ đạt thành tựu trong *cuộc tuần hoàn* thứ năm, và trong trường hợp này thuật ngữ "giai kỳ sinh hóa" có nghĩa là cuộc tuần hoàn.

Of course, we are speaking of the men or manasaputras on the Earth-chain, and the moment of achievement is the "Judgment Day". We are not speaking of the great number of manasaputras found within the solar system.

Dĩ nhiên, chúng ta đang nói về những con người hay manasaputra trên Dãy Địa Cầu, và thời điểm đạt thành tựu là "Ngày Phán Xét". Chúng ta không nói về số lượng lớn manasaputra được tìm thấy trong hệ mặt trời.

It is also possible that the fifth manvantara can be a *systemic* manvantara, and during it, perhaps a certain number of manasaputras within the entire solar system will achieve....

Cũng có thể giai kỳ sinh hóa thứ năm là một giai kỳ sinh hóa *hệ thống*, và trong đó, có lẽ một số manasaputra nhất định trong toàn bộ hệ mặt trời sẽ đạt thành tựu....

The 5th scheme... The Lord of concrete science

Hệ hành tinh thứ 5... Chúa Tể của khoa học cụ thể

116. Much is hidden in this apparently simple statement. What is the fifth scheme? In the diagrams with which we are presented, Mercury is always associated with the number *five*. The fifth scheme is the Mercury-scheme; the fifth chain is the Mercury-chain; the fifth globe of both the Earth-chain and the Mercury-chain is the Mercury-globe.

116. Có nhiều điều được ẩn giấu trong phát biểu tưởng như đơn giản này. Dãy thứ năm là gì? Trong các sơ đồ được trình bày cho chúng ta, Sao Thủy luôn luôn được gắn với con số *năm*. Dãy thứ năm là dãy Sao Thủy; chuỗi thứ năm là chuỗi Sao Thủy; bầu hành tinh thứ năm của cả Dãy Địa Cầu lẫn dãy Sao Thủy là bầu hành tinh Sao Thủy.

Now, what is important is that the fifth scheme (which is obviously the Mercury-scheme) should be associated with the "Lord of concrete science".

Điều quan trọng ở đây là dãy thứ năm (rõ ràng là dãy Sao Thủy) phải được liên kết với "Chúa Tể của khoa học cụ thể".

If Mercury has a fifth ray Monad, is this sufficient to consider Him a Lord of Concrete Science? Perhaps. And this would be a different way of understanding Mercury.

Nếu Sao Thủy có một chân thần cung năm, điều đó có đủ để xem Ngài là một Chúa Tể của Khoa Học Cụ Thể không? Có lẽ vậy. Và đây sẽ là một cách khác để hiểu về Sao Thủy.

We must also remember the hypothesis that the *major* monadic ray of Mercury is the *third* ray....

Chúng ta cũng phải nhớ giả thuyết rằng cung chân thần *chính yếu* của Sao Thủy là cung *ba*....

The 5th Mahamanvantara (or solar system)... The solar Logos achieves His fifth major Initiation.

Đại giai kỳ sinh hóa thứ 5 (hay hệ mặt trời)... Thái dương Thượng đế đạt đến lần điểm đạo lớn thứ năm của Ngài.

117. This is one of those treasured references which expands our understanding of solar systemic manifestation far beyond the ordinary. We are in the midst not of the second Mahamanvantara but of the *fifth* which is the *major* second.

117. Đây là một trong những tham chiếu quý giá giúp mở rộng sự thấu hiểu của chúng ta về biểu hiện hệ mặt trời vượt xa mức thông thường. Chúng ta đang ở giữa không phải Đại giai kỳ sinh hóa thứ hai mà là Đại giai kỳ sinh hóa thứ *năm*, vốn là Đại giai kỳ sinh hóa thứ hai *chính yếu*.

It is easy to endlessly repeat that we are in the second solar system without realizing that it is really the second *major* solar

Thật dễ cứ lặp đi lặp lại mãi rằng chúng ta đang ở trong hệ mặt trời thứ hai mà không nhận ra rằng đó thực sự là hệ mặt trời thứ

system, and that a number of minor solar systems preceded the previous solar system which is usually considered to be the first solar system.

hai *chính yếu*, và rằng đã có một số hệ mặt trời phụ đi trước hệ mặt trời trước đó, vốn thường được xem là hệ mặt trời thứ nhất.

Somehow, Mercury as the fifth scheme will be important to the Solar Logos as He achieves His fifth major initiation (if He does! in this Mahamanvantara) for Mercury represents "kundalini active" and the base of the spine center is intimately involved with the achievement of the fifth initiation.

Bằng cách nào đó, Sao Thủy với tư cách là dãy thứ năm sẽ quan trọng đối với Thái dương Thượng đế khi Ngài đạt đến lần điểm đạo lớn thứ năm của Ngài (nếu Ngài thực sự đạt được điều đó! trong Đại giai kỳ sinh hóa này) vì Sao Thủy tượng trưng cho "kundalini hoạt động" và trung tâm đáy cột sống có liên hệ mật thiết với việc đạt đến lần điểm đạo thứ năm.

If we followed this line of thought we would enter the difficult speculation concerning which of several possible planets should *most* be associated with the solar logoic base of the spine center....

Nếu chúng ta theo đuổi dòng tư tưởng này, chúng ta sẽ bước vào sự suy đoán khó khăn liên quan đến việc trong số vài hành tinh khả dĩ, hành tinh nào nên *được* liên kết nhiều nhất với trung tâm đáy cột sống thái dương logoic....

The 5th chain... Principal evolution—fire devas.

Chuỗi thứ 5... Tiến hoá chính yếu—các thiên thần lửa.

118. In this case, we are probably speaking of the fifth chain of the Earth-scheme. If so, the concentration of our Planetary Logos is not yet upon this fifth chain.

118. Trong trường hợp này, có lẽ chúng ta đang nói đến chuỗi thứ năm của hệ hành tinh Địa Cầu. Nếu vậy, sự tập trung của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn chưa đặt vào chuỗi thứ năm này.

Are we being told something of the major habitat or origin of the "fire devas" and, in this case, are the "fire devas" the Solar Angels?

Có phải chúng ta đang được cho biết điều gì đó về nơi cư ngụ hay nguồn gốc chính yếu của "các thiên thần lửa", và trong trường hợp này, "các thiên thần lửa" có phải là các Thái dương Thiên Thần không?

It is also possible that we are speaking of the fifth chain of *all* the planetary schemes, and that fire devas are to be found in relation to all fifth chains....

Cũng có thể là chúng ta đang nói đến chuỗi thứ năm của *mọi* hệ hành tinh, và rằng các thiên thần lửa được tìm thấy trong liên hệ với mọi chuỗi thứ năm....

The 5th Hierarchy... The greater Builders

119. What is the difference between the "fifth group of devas" listed above as the "Fire Devas of the mental plane" and the "5th Hierarchy", "The Greater Builders"

It would seem that, farther above, we are dealing with the Agnishvattas and that in this instance we are counting from 'below' and are dealing with that group of Lives known as the "Triads".

Compared to the Human Creative Hierarchy, Creative Hierarchy number three, the Triads are certainly *greater* Builders. But in the tabulation in EA 35, they are not listed as such, but, instead, as "Lesser Builders". The "Burning Sons of Desire" one step 'above' them are listed as the "Greater Builders".

The Solar Angels of men are certainly *builders* because, for twenty-one million years or more in most instances, they build the personality of man. On occasion They are called "greater Builders" but not usually in tabulations in which still greater Hierarchies are mentioned.

The greater Builders are the solar Pitris, whilst the lesser Builders are the lunar ancestors. (TCF 613)

The Triads are even *greater* Builders than the Agnishvattas because they build the monadic personality (i.e., the spiritual triad) and not the lower personality of man.

Huyền Giai thứ 5... các đấng đại kiến tạo

119. Sự khác biệt giữa "nhóm thiên thần thứ năm" được liệt kê ở trên như là "Các thiên thần Lửa của cõi trí" và "Huyền Giai thứ 5", "các đấng đại kiến tạo" là gì?th

Dường như ở phần trên hơn, chúng ta đang bàn đến các Agnishvatta, còn trong trường hợp này chúng ta đang đếm từ 'bên dưới' và đang bàn đến nhóm các Sự Sống được biết đến như "các Tam nguyên tinh thần".

So với Huyền Giai Sáng Tạo Nhân Loại, Huyền Giai Sáng Tạo số ba, các Tam nguyên tinh thần chắc chắn là những đấng kiến tạo *vĩ đại hơn*. Nhưng trong bảng liệt kê ở EA 35, các vị ấy không được liệt kê như vậy mà thay vào đó là "các vị tiểu kiến tạo". "Các Con Rực Cháy của Dục Vọng" ở phía 'trên' các vị ấy một bậc lại được liệt kê là "các đấng đại kiến tạo".

Các Thái dương Thiên Thần của nhân loại chắc chắn là những *đấng kiến tạo* bởi vì, trong phần lớn trường hợp, suốt hai mươi mốt triệu năm hoặc hơn, các Ngài xây dựng phàm ngã của con người. Đôi khi Các Ngài được gọi là "các đấng đại kiến tạo" nhưng thường không phải trong những bảng liệt kê có nhắc đến các Huyền Giai còn vĩ đại hơn.

Các đấng đại kiến tạo là các thái dương tổ phụ, trong khi các vị tiểu kiến tạo là các tổ tiên thái âm. (TCF 613)

Các Tam nguyên tinh thần còn là những đấng kiến tạo *vĩ đại hơn* các Agnishvatta bởi vì các vị ấy xây dựng phàm ngã chân thần (tức Tam Nguyên Tinh Thần) chứ không phải phàm ngã thấp của con người.

We shall have to discriminate between the "Fire devas of the mental plane" and "the 5th Hierarchy" of "greater Builders". Both are listed in this tabulation and both could easily be seen as equivalent if we did not look more deeply into the subject. When similar names are used for different B/beings, we are either into terminological confusion or the revelation of subtle distinctions....

Chúng ta sẽ phải phân biện giữa "các thiên thần Lửa của cõi trí" và "Huyền Giai thứ 5" của "các đấng đại kiến tạo". Cả hai đều được liệt kê trong bảng này và cả hai đều có thể dễ dàng bị xem th là tương đương nếu chúng ta không khảo sát đề tài này sâu hơn. Khi những tên gọi tương tự được dùng cho các hữu thể khác nhau, hoặc là chúng ta đang rơi vào sự lẫn lộn thuật ngữ, hoặc là đang đứng trước sự mặc khải về những phân biệt tinh tế. as equivalent if we did not look more deeply into the subject. When similar names are used for different B/beings, we are either into terminological confusion or the revelation of subtle distinctions....

Vibrations of fifth order... Manasic.

Các rung động của cấp thứ năm... Manas.

120. These vibrations could be either systemic (more likely) or cosmic mental (less so). The suggestion exists that there are seven orders of vibrations....

120. Những rung động này có thể là rung động của hệ thống (nhiều khả năng hơn) hoặc rung động trí tuệ vũ trụ (ít khả năng hơn). Có một gợi ý rằng có bảy cấp rung động....

[Page 605]

[Page 605]

121. These factors could be taken two at a time to see what sparks of illumination may arise. All of these tabulated factors are related and certainly each two of them is related as well.

121. Những yếu tố này có thể được xét từng cặp một để xem những tia soi sáng nào có thể phát sinh. Tất cả những yếu tố được lập bảng này đều có liên hệ với nhau, và chắc chắn mỗi cặp trong số đó cũng có liên hệ với nhau.

122. Can we begin to sense how much Master DK 'hides' in such an apparently simple table? A superficial reading will not reveal the hidden implications.

122. Liệu chúng ta có thể bắt đầu cảm nhận được Chân sư DK 'ẩn giấu' bao nhiêu điều trong một bảng tưởng như đơn giản như thế này không? Một cách đọc hời hợt sẽ không làm lộ ra những hàm ý ẩn kín.

It will, therefore, be apparent that when the system is viewed in reverse order and the physical plane is counted as the first (as it

Do đó, sẽ rõ ràng rằng khi hệ thống được nhìn theo trật tự ngược lại và cõi hồng trần được tính là thứ nhất (như thường xảy ra khi

often is when considering it as the field of strictly human evolution),

xem nó là trường tiến hoá thuần túy của con người),

123. Here is a most important point; it is possible to number from above to below or vise versa.

123. Đây là một điểm hết sức quan trọng; có thể đánh số từ trên xuống dưới hoặc ngược lại.

124. When dealing with strictly human living, the physical plane (the strictly physical part of it) is given an importance it does not deserve from the solar logoic perspective and even from the planetary logoic perspective.

124. Khi bàn đến đời sống thuần túy của con người, cõi hồng trần (phần hoàn toàn hồng trần của nó) được trao cho một tầm quan trọng mà nó không xứng đáng có được theo quan điểm của Thái dương Thượng đế, và ngay cả theo quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế.

that the third plane—the mental plane—comes under the same group of correspondences and Agni, **as the energising factor of the dense physical body of the Logos, or as the fire of His most concrete manifestation**, vitalising, warming and holding all together, has to be considered.

rằng cõi thứ ba—cõi trí—thuộc cùng một nhóm tương ứng và Agni, **với tư cách là yếu tố tiếp năng lượng cho thể xác đậm đặc của Thượng đế, hay như lửa của biểu hiện cụ thể nhất của Ngài**, tiếp sinh lực, sưởi ấm và giữ cho mọi sự gắn kết với nhau, phải được xem xét.

125. Here Agni is given *more* than a cosmic etheric meaning, but is made to relate to the very lowest of the cosmic sub-planes—the most concrete manifestation of the Solar Logos, our systemic mental, astral and physical-etheric planes.

125. Ở đây Agni được trao một ý nghĩa *nhiều hơn* ý nghĩa dĩ thái vũ trụ, mà còn được làm cho liên hệ với chính những cõi phụ thấp nhất của các cõi vũ trụ—biểu hiện cụ thể nhất của Thái dương Thượng đế, tức các cõi trí, cảm dục và hồng trần-dĩ thái của hệ chúng ta.

126. What does Agni do in relation to these lowest sub-planes:

126. Agni làm gì trong liên hệ với những cõi phụ thấp nhất này:

a. It vitalizes them

a. Ngài tiếp sinh lực cho chúng

b. It warms them

b. Ngài sưởi ấm chúng

c. Within them, it holds al together

c. Bên trong chúng, Ngài giữ mọi sự gắn kết với nhau

127. The only way we can bring Agni in relation to the systemic mental plane is to consider it as the energizing factor of the dense physical body of the Logos, for the systemic mental plane is *within* the dense physical body of the Logos.

127. Cách duy nhất để chúng ta liên hệ Agni với cõi trí của hệ là xem Ngài như yếu tố tiếp năng lượng cho thể xác đậm đặc của Thượng đế, vì cõi trí của hệ nằm *bên trong* thể xác đậm đặc của Thượng đế.

Three hierarchies are, in this mahamanvantara, of profound significance, the fourth or human Creative Hierarchy, and the two deva hierarchies, the fifth and sixth.

Ba Huyền Giai, trong đại giai kỳ sinh hóa này, có thâm nghĩa sâu xa, đó là Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư hay nhân loại, và hai Huyền Giai thiên thần, thứ năm và thứ sáu.

128. These Creative Hierarchy are, for man, the 'closest to home'.

128. Đối với con người, các Huyền Giai Sáng Tạo này là những Huyền Giai 'gần gũi nhất'.

129. This second Mahamanvantara is the Mahamanvantara in which the logoic soul nature is learning to dominate and redeem the lunar life.

129. Đại giai kỳ sinh hóa thứ hai này là Đại giai kỳ sinh hóa trong đó bản chất linh hồn logoic đang học cách thống trị và cứu chuộc sự sống thái âm.

a. The Fourth Creative Hierarchy is the Hierarchy of human Monads

a. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư là Huyền Giai của các chân thần nhân loại

b. The Fifth Creative Hierarchy is the Creative Hierarchy of Solar Angels or Agnishvattas. It is a *dual* Creative Hierarchy and the mystery of its duality is not easy to solve. A few interesting speculations have been put forward.

b. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm là Huyền Giai Sáng Tạo của các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta. Đây là một Huyền Giai Sáng Tạo *kép* và huyền nhiệm về tính nhị nguyên tính của nó không dễ giải đáp. Một vài suy đoán thú vị đã được nêu ra.

c. The Sixth Creative Hierarchy is the Hierarchy of "Lunar Lords", which must be redeemed and redirected onto their *evolutionary* path by coming under the control of the Solar Lords—the Solar Angels.

c. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu là Huyền Giai của "các nguyệt tinh quân", những vị phải được cứu chuộc và chuyển hướng vào con đường *thăng thượng tiến hoá* của mình bằng cách đặt dưới sự kiểm soát của các nhật tinh quân—các Thái dương Thiên Thần.

The fourth Hierarchy in the larger scheme is literally the ninth, for five hierarchies have earlier passed on and are considered as pure abstractions.

Huyền Giai thứ tư trong hệ thống lớn hơn thực sự là thứ chín, vì năm Huyền Giai đã đi qua trước đó và được xem là những trừu tượng thuần túy.

130. Lives upon the cosmic physical plane are considered *cosmically* as concretions. Lives upon the cosmic astral plane and above are considered "pure abstractions". They exist, of course, but humanity can know nothing about them, except the few things shared by the Tibetan in some of this texts and tables.

130. Các Sự Sống trên cõi hồng trần vũ trụ được xem, *theo nghĩa vũ trụ*, là những sự kết tụ cụ thể. Các Sự Sống trên cõi cảm dục vũ trụ và cao hơn được xem là "những trừu tượng thuần túy". Dĩ nhiên các vị ấy hiện hữu, nhưng nhân loại không thể biết gì về các vị ấy, ngoại trừ một vài điều được Chân sư Tây Tạng chia sẻ trong một số bản văn và bảng biểu này.

131. The numbers of the Creative Hierarchies reveal their nature. The relation of the Fourth Creative Hierarchy to the developments in the next solar system (under the number *nine*) is important to consider.

131. Các con số của các Huyền Giai Sáng Tạo tiết lộ bản chất của chúng. Mối liên hệ của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư với những phát triển trong hệ mặt trời kế tiếp (dưới con số *chín*) là điều quan trọng cần xem xét.

132. The role of man in completing the program begun in the previous solar system is also significant.

132. Vai trò của con người trong việc hoàn tất chương trình đã khởi đầu trong hệ mặt trời trước cũng rất có ý nghĩa.

In this system concretion concerns us, and the blending of form and of energy into one coherent whole.

Trong hệ này, sự kết tụ cụ thể là điều liên quan đến chúng ta, và là sự hòa trộn hình tướng với năng lượng thành một toàn thể cố kết.

133. By "concretion" we mean the lives of the seven *manifested* Creative Hierarchies.

133. Bởi "sự kết tụ cụ thể", chúng ta muốn nói đến các sự sống của bảy Huyền Giai Sáng Tạo *biểu hiện*.

134. Energy, in this case, is probably to be considered as *spiritual* energy. Form already exists but must, in this solar system, be blended with spiritual energy.

134. Trong trường hợp này, năng lượng có lẽ phải được xem là năng lượng *tinh thần*. Hình tướng đã hiện hữu nhưng trong hệ mặt trời này phải được hòa trộn với năng lượng tinh thần.

135. The task is to blend the forms which are the legacy of the previous solar system with the energy patterns of the present solar system.

135. Nhiệm vụ là hòa trộn những hình tướng là di sản của hệ mặt trời trước với các mô hình năng lượng của hệ mặt trời hiện tại.

In the ninth, tenth and eleventh Hierarchies lie the clue to the nature of Agni, the Lord of fire, the sumtotal of systemic vitality.

Trong các Huyền Giai thứ chín, thứ mười và thứ mười một có manh mối về bản chất của Agni, Chúa Tể của lửa, tổngthể của sinh lực hệ thống.

136. Here DK is numbering the Hierarchies in such as way as to include those Creative Hierarchy which are "pure abstractions".

136. Ở đây Chân sư DK đang đánh số các Huyền Giai theo cách bao gồm cả những Huyền Giai Sáng Tạo là "những trừu tượng thuần túy".

137. The numbering found in this enumeration appears to begin with the highest of the liberated Creative Hierarchies and work its way down.

137. Cách đánh số trong phép liệt kê này dường như bắt đầu từ Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát cao nhất rồi đi dần xuống dưới.

138. The ninth, tenth and eleventh Creative Hierarchy's are really the Hierarchies of Human Monads (the ninth), of Agnishvattas (the tenth) and of the Lunar Lords (the eleventh).

138. Các Huyền Giai Sáng Tạo thứ chín, thứ mười và thứ mười một thực ra là các Huyền Giai của các chân thần nhân loại (thứ chín), của các Agnishvatta (thứ mười) và của các nguyệt tinh quân (thứ mười một).

139. (Parenthetically, we are led to consider whether the tenth Creative Hierarchy can really contain the I nature of the Solar Angels or whether but a part of themselves is invested in it).

139. (Nói ngoài lề, chúng ta được dẫn đến chỗ xem xét liệu Huyền Giai Sáng Tạo thứ mười có thực sự có thể chứa đựng bản chất Tôi của các Thái dương Thiên Thần hay chỉ có một phần của chính các Ngài được đầu tư vào đó).

140. Again we are told that Agni is related to "systemic vitality"—i.e., the solar logoic vitality as expressed on the cosmic etheric planes.

140. Một lần nữa chúng ta được cho biết rằng Agni có liên hệ với "sinh lực hệ thống"—tức sinh lực thái dương logoic như được biểu lộ trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

141. Agni is certainly an extra-systemic Being, but is reflected on and through the cosmic physical plane in three ways:

141. Agni chắc chắn là một Hữu thể ngoài hệ thống, nhưng được phản chiếu trên và xuyên qua cõi hồng trần vũ trụ theo ba cách:

a. As electric fire through the Ninth Creative Hierarchy (though we must not forget Agni's presence as electric fire on the systemic logoic plane)

a. Như Lửa Điện qua Huyền Giai Sáng Tạo thứ Chín (dù chúng ta không được quên sự hiện diện của Agni như Lửa Điện trên cõi logoic của hệ)

b. As solar fire through the Tenth Creative Hierarchy (though we must not forget Agni's presence as solar fire on the systemic monadic, atmic and buddhic planes)

b. Như Lửa Thái dương qua Huyền Giai Sáng Tạo thứ Mười (dù chúng ta không được quên sự hiện diện của Agni như Lửa Thái dương trên các cõi chân thần, atma và Bồ đề của hệ)

c. As fire by friction through the Eleventh Creative Hierarchy. (Does Agni's presence as fire by friction begin, from the logoic perspective, as high as the systemic higher mental plane?) This has to be carefully examined:

c. Như Lửa ma sát qua Huyền Giai Sáng Tạo thứ Mười Một. (Phải chăng sự hiện diện của Agni như Lửa ma sát, theo quan điểm logoic, bắt đầu cao đến mức cõi thượng trí của hệ?) Điều này phải được khảo sát cẩn thận:

I would point out that the Lord Agni shows forth His fiery life on the atomic subplane of each plane; He shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh. From the point of view of the microcosm, the Spark in the Flame, man demonstrates as electric fire on the second plane, or the second cosmic ether; as solar fire on the third, fourth and the three higher subplanes of the fifth plane, and as fire by friction on the lower subplanes of the fifth, on the sixth, and seventh planes. (TCF 521-522)

Tôi muốn chỉ ra rằng Chúa Tể Agni biểu lộ sự sống rực lửa của Ngài trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi; Ngài biểu lộ như lửa thái dương trên cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như 'Lửa ma sát' trên cõi phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Theo quan điểm của tiểu thiên địa, Tia Lửa trong Ngọn Lửa, con người biểu lộ như Lửa Điện trên cõi thứ hai, hay dĩ thái vũ trụ thứ hai; như Lửa Thái dương trên cõi thứ ba, thứ tư và ba cõi phụ cao hơn của cõi thứ năm; và như Lửa ma sát trên các cõi phụ thấp của cõi thứ năm, trên cõi thứ sáu và thứ bảy. (TCF 521-522)

142. What can be said of systemic sub-planes can also be said of the cosmic physical plane as a whole, and Agni will show forth as systemic electric fire on the logoic systemic plane; as systemic solar fire on the second, third and fourth systemic planes; and as fire by friction on the fifth, sixth and seventh systemic planes.

142. Điều có thể được nói về các cõi phụ của hệ cũng có thể được nói về toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, và Agni sẽ biểu lộ như Lửa Điện của hệ trên cõi logoic của hệ; như Lửa Thái dương của hệ trên các cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư của hệ; và như Lửa ma sát trên các cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của hệ.

143. The systemic higher mental plane is an ambiguous area. As Agni represents the Solar Logos and as the Solar Logos expresses in a *principled* manner no lower than the buddhic plane, we will probably have to include the systemic higher mental plane within the field of Agni's fire by friction expression.

143. Cõi thượng trí của hệ là một khu vực mơ hồ. Vì Agni tượng trưng cho Thái dương Thượng đế và vì Thái dương Thượng đế biểu lộ một cách nguyên khí không thấp hơn cõi Bồ đề, nên có lẽ chúng ta sẽ phải bao gồm cõi thượng trí của hệ trong phạm vi biểu hiện Lửa ma sát của Agni.*nguyên khí*

144. Returning to the numbering, if we add the numbers nine, ten and eleven together we get thirty—the number of years which existed between the Birth and Baptism in the life of Jesus.

144. Trở lại với cách đánh số, nếu chúng ta cộng các số chín, mười và mười một lại, chúng ta được ba mươi—số năm đã tồn tại giữa Sự Giáng Sinh và Phép Rửa Tội trong cuộc đời của Đức Jesus.

145. Lord Agni is triple, and represents the three aspects of divinity. The three Creative Hierarchies listed represent these three aspects—but of course, they are not the *only* representatives.

145. Chúa Tể Agni là tam phân, và tượng trưng cho ba phương diện của thiên tính. Ba Huyền Giai Sáng Tạo được liệt kê tượng trưng cho ba phương diện này—nhưng dĩ nhiên, chúng không phải là những đại diện *duy nhất*.

146. All the Creative Hierarchies are *Monads,* but the three here listed represent, for man, the expression of his Monad, soul and personality.

146. Tất cả các Huyền Giai Sáng Tạo đều là các *chân thần,* nhưng ba Huyền Giai được liệt kê ở đây tượng trưng, đối với con người, cho biểu hiện của chân thần, linh hồn và phàm ngã của y.

He who understands the significance of these figures, and their relation to each other as the triple division of a Unity in time and space will have discovered [Page 606] one of the keys which will unlock a door hitherto fast closed.

Y nào thấu hiểu thâm nghĩa của những con số này, và mối liên hệ của chúng với nhau như là sự phân chia tam phân của một Hợp Nhất trong thời gian và không gian sẽ khám phá ra [Page 606] một trong những chiếc chìa khóa sẽ mở một cánh cửa từ trước đến nay vẫn đóng chặt.

147. Master DK is hinting at one of the secrets of initiation.

147. Chân sư DK đang gợi ý về một trong những bí mật của điểm đạo.

148. These figures contain the mystery of the relationship of the three periodical vehicles.

148. Những con số này chứa đựng huyền nhiệm về mối liên hệ của ba vận cụ chu kỳ.

149. The three periodical vehicles are really a 'three-in-one'. They appear to be three but, really, they are all the Monad and its expressions.

149. Ba vận cụ chu kỳ thực ra là một 'ba-trong-một'. Chúng dường như là ba, nhưng thực ra tất cả đều là chân thần và các biểu hiện của chân thần.

150. The Mystery of the Trinity is contained therein, for the 30 is a 3.

150. Huyền Nhiệm của Ba Ngôi được chứa đựng trong đó, vì 30 là một 3.

151. The illusion of time and space creates the illusion of division.

151. Ảo tưởng về thời gian và không gian tạo ra ảo tưởng về sự phân chia.

152. The method of bridging between the cosmic etheric planes of the Solar Logos (or the Realm of Agni's present cosmic physical plane focus as *vitality*) and the dense levels of the cosmic physical plane is expressed in this triple relationship.

152. Phương pháp bắt cầu giữa các cõi dĩ thái vũ trụ của Thái dương Thượng đế (hay Cõi của tiêu điểm hiện tại trên cõi hồng trần vũ trụ của Agni như là *sinh lực*) và các cấp độ đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ được biểu lộ trong mối liên hệ tam phân này.

They are the numbers of achievement, of potentiality brought into full activity and of innate capacity demonstrating in perfect fruition.

Chúng là những con số của thành tựu, của tiềm năng được đưa vào hoạt động trọn vẹn, và của năng lực bẩm sinh biểu lộ trong sự viên mãn hoàn hảo.

153. Spirit (under the number *nine*) must manifest fully on the outer levels. Spirit is potentiality. The potential is expressed in "full activity" through the third aspect represented by the Lunar Lords (the number *eleven*). The "perfect fruition" suggests the gift of fulness nurtured by the Fifth Creative Hierarchy under the number *ten.*

153. Tinh thần (dưới con số *chín*) phải biểu hiện trọn vẹn trên các cấp độ bên ngoài. Tinh thần là tiềm năng. Tiềm năng ấy được biểu lộ trong "hoạt động trọn vẹn" qua phương diện thứ ba được tượng trưng bởi các nguyệt tinh quân (con số *mười một*). "Sự viên mãn hoàn hảo" gợi ý món quà của sự sung mãn được nuôi dưỡng bởi Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm dưới con số *mười.*

154. Within our second solar system, the correct interrelation between these Creative Hierarchies taken together, represent a significant achievement for our Solar Logos. It is upon this achievement that the Solar Logos (in relation to our planet, particularly, and at this time) seems to be focussed.

154. Trong hệ mặt trời thứ hai của chúng ta, sự tương liên đúng đắn giữa các Huyền Giai Sáng Tạo này khi được xét cùng nhau tượng trưng cho một thành tựu quan trọng đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta. Chính vào thành tựu này mà Thái dương Thượng đế (đặc biệt trong liên hệ với hành tinh của chúng ta, và vào lúc này) dường như đang tập trung.

All potentiality lies in the **vitalising**, energising power of Agni, and in His ability to stimulate.

Mọi tiềm năng đều nằm trong quyền năng **tiếp sinh lực**, tiếp năng lượng của Agni, và trong khả năng kích thích của Ngài.

155. What can Agni do?

155. Agni có thể làm gì?

a. He can vitalize

a. Ngài có thể tiếp sinh lực

b. He can stimulate

b. Ngài có thể kích thích

c. He can energize

c. Ngài có thể tiếp năng lượng

156. These do sound like *etheric* functions.

156. Quả thật những điều này nghe như các chức năng *dĩ thái*.

157. Although Agni is much more than solar logoic etheric energy, it would seem that His nature is particularly visible through that medium—the medium of the cosmic etheric plane.

157. Dù Agni còn hơn nhiều so với năng lượng dĩ thái thái dương logoic, dường như bản chất của Ngài đặc biệt hữu hình qua môi trường đó—môi trường của cõi dĩ thái vũ trụ.

158. When thinking of the vitalizing power of Agni, we should also consider how the Holy Spirit *vitalizes* those it touches.

158. Khi suy nghĩ về quyền năng tiếp sinh lực của Agni, chúng ta cũng nên xem xét cách Chúa Thánh Thần *tiếp sinh lực* cho những ai được Ngài chạm đến.

He is life itself, and the driving force of evolution, of psychic development and of consciousness.

Ngài chính là sự sống, và là động lực của tiến hoá, của sự phát triển thông linh và của tâm thức.

159. Let us tabulate for complete clarity:

159. Hãy lập bảng cho thật rõ ràng đầy đủ:

a. Agni is life itself

a. Agni chính là sự sống

b. Agni is the driving force of evolution

b. Agni là động lực của tiến hoá

c. Agni is the driving force of psychic development

c. Agni là động lực của sự phát triển thông linh

d. Agni is the driving force of consciousness

d. Agni là động lực của tâm thức

160. We can sense the Tibetan trying in many ways to convey to our minds a well-rounded view of Agni. We can also sense that it is not easy, given our present state of ignorance.

160. Chúng ta có thể cảm nhận Chân sư Tây Tạng đang cố gắng bằng nhiều cách để truyền đạt vào trí tuệ chúng ta một cái nhìn toàn diện về Agni. Chúng ta cũng có thể cảm nhận rằng điều đó không dễ, xét đến tình trạng vô minh hiện nay của chúng ta.

161. DK is speaking here somewhat of the development of man and, in general, of development upon the cosmic physical plane. *Upon the cosmic physical plane* Agni is "life itself" and upon the cosmic physical plane, Agni represents the "driving force of evolution of psychic development and of consciousness."

161. Ở đây Chân sư DK phần nào đang nói về sự phát triển của con người và, nói chung, về sự phát triển trên cõi hồng trần vũ trụ. *Trên cõi hồng trần vũ trụ* Agni là "chính sự sống" và trên cõi hồng trần vũ trụ, Agni tượng trưng cho "động lực của tiến hoá, của sự phát triển thông linh và của tâm thức."

162. All of these impelling factors come from the etheric levels of the cosmic physical plane; on the cosmic physical plane, Agni expresses especially through its etheric planes—*cosmic* etheric planes.

162. Tất cả những yếu tố thúc đẩy này đều đến từ các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần vũ trụ; trên cõi hồng trần vũ trụ, Agni biểu lộ đặc biệt qua các cõi dĩ thái của nó—các cõi dĩ thái *vũ trụ*.

This fact is hidden in these figures, and not the evolution of substance, which is but a result, emanating from psychic causes.

Sự kiện này được ẩn giấu trong những con số này, chứ không phải sự tiến hoá của chất liệu, vốn chỉ là một kết quả, phát xuất từ những nguyên nhân thông linh.

163. The true human soul is the liberated Ego on triadal level and, hence, within the four cosmic ethers. This suggests that man's true psyche is to be found on cosmic etheric levels.

163. Linh hồn nhân loại đích thực là chân ngã được giải thoát ở cấp Tam nguyên tinh thần và do đó ở trong bốn dĩ thái vũ trụ. Điều này gợi ý rằng tâm linh đích thực của con người phải được tìm thấy trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ.

164. The occultism here is profound and we will not penetrate it at this time.

164. Huyền bí học ở đây thật sâu xa và hiện nay chúng ta sẽ không thâm nhập vào đó.

165. Some factors which should be considered as we *attempt* to penetrate it are:

165. Một số yếu tố cần được xem xét khi chúng ta *cố gắng* thâm nhập vào đó là:

a. Nine as the number of initiation. Nine is also the preeminently *cyclic* number

indicating completion and the imminence of commencement.

a. Chín là con số của điểm đạo. Chín cũng là con số *chu kỳ* nổi bật nhất, chỉ sự hoàn tất và tính cận kề của một khởi đầu.

b. Ten as the number of perfection and as always indicating a superior three and a subordinate seven. It is peculiarly a number related to "man"—whether cosmic, systemic planetary or human. Cyclically, ten indicates both the beginning and the end. We can see this if we view the relationship of the number ten to, for instance, the number of chains in a scheme at different times of scheme development.

b. Mười là con số của sự toàn hảo và luôn luôn chỉ ra một bộ ba cao hơn và một bộ bảy thấp hơn. Đây là một con số đặc biệt liên hệ với "con người"—dù là vũ trụ, hệ thống, hành tinh hay nhân loại. Theo chu kỳ, mười chỉ cả sự bắt đầu lẫn sự kết thúc. Chúng ta có thể thấy điều này nếu xem mối liên hệ của số mười với, chẳng hạn, số lượng các chuỗi trong một hệ hành tinh ở những thời kỳ khác nhau của sự phát triển hệ hành tinh.

c. Eleven is the number of the initiate. It suggests as well, duality, which must be overcome in the ten. It is a number indicating lunar fluctuation (for Kabbalistically, two is the number of the Moon). It also suggests how the separate members of a duality can become the unified, interplaying dualities of which Gemini is the symbol.

c. Mười một là con số của điểm đạo đồ. Nó cũng gợi ý nhị nguyên tính, điều phải được vượt qua trong số mười. Đây là con số chỉ sự dao động thái âm (vì theo Kabbalah, hai là con số của Mặt Trăng). Nó cũng gợi ý cách các thành phần riêng biệt của một nhị nguyên tính có thể trở thành những nhị nguyên thống nhất, tương tác lẫn nhau mà Song Tử là biểu tượng.

166. Essentially we are dealing with the resolution of duality (eleven) into unity (ten/one) through the process of initiation (nine).

166. Về bản chất, chúng ta đang bàn đến sự phân giải nhị nguyên tính (mười một) thành hợp nhất (mười/một) thông qua tiến trình điểm đạo (chín).

These three numbers are the basis of the cyclic calculations which concern the egoic cycles, and the cycles of Vishnu, as distinguished from the cycles dealing with the third aspect.

Ba con số này là nền tảng của các tính toán chu kỳ liên quan đến các chu kỳ chân ngã, và các chu kỳ của Vishnu, được phân biệt với các chu kỳ liên quan đến phương diện thứ ba.

167. A science available only to initiates is hinted..

167. Một khoa học chỉ dành cho các điểm đạo đồ mới được ám chỉ đến..

168. Human Monads have their cycles of ones and threes. Souls have their cycles of sevens and threes. And personalities have their cycles of fours and sevens.

168. Các Chân thần nhân loại có các chu kỳ của số một và số ba. Các linh hồn có các chu kỳ của số bảy và số ba. Và các phàm ngã có các chu kỳ của số bốn và số bảy.

169. It would seem that "egoic cycles" are related to the second ray and occur within the "cycles of Vishnu"—the expression of the second ray.

169. Dường như "các chu kỳ chân ngã" có liên hệ với cung hai và diễn ra bên trong "các chu kỳ của Vishnu"—biểu hiện của cung hai.

170. We are speaking of cycles which are involved in the development of consciousness and not so much the development of form, per se (the third aspect). It is the Vishnu aspect which sees to the development of consciousness and when it builds form, does so for the advancement of consciousness.

170. Chúng ta đang nói về các chu kỳ có liên quan đến sự phát triển của tâm thức chứ không quá nhiều đến sự phát triển của chính hình tướng (phương diện thứ ba). Chính phương diện Vishnu đảm trách sự phát triển của tâm thức, và khi nó kiến tạo hình tướng, nó làm như vậy vì sự thăng tiến của tâm thức.

171. The sum of thirty suggest the juncture at which the Christ Spirit took over the direction of the life of the initiate Jesus bringing about a total transformation in accordance with the Great Second Ray.

171. Tổng số ba mươi gợi ra điểm giao tiếp tại đó Tinh thần Christ tiếp quản việc chỉ đạo đời sống của điểm đạo đồ Jesus, đem lại một sự chuyển đổi toàn diện phù hợp với Cung Hai Vĩ Đại.

Occult students have not sufficiently grasped the fact that **objectivity is an inevitable result of an inner conscious subjective life.** When this is better apprehended, bodies on the physical plane, for instance, will be purified, developed and beautified through a scientific attention paid to the development of the psyche, to the unfoldment of the Ego, and to the stimulation of the egoic vibration.

Các đạo sinh huyền bí học chưa nắm bắt đầy đủ sự kiện rằng **tính khách quan là kết quả tất yếu của một đời sống chủquan nội tại có ý thức.** Khi điều này được lĩnh hội tốt hơn, chẳng hạn các thể trên cõi hồng trần sẽ được thanh luyện, phát triển và làm cho đẹp đẽ thông qua sự chú ý có tính khoa học dành cho sự pháttriển của tâm thể, cho sự khai mở của Chân ngã, và cho sự kích thích rung động chân ngã.

172. We are asked to have a greater appreciation of subjectivity.

172. Chúng ta được yêu cầu có sự trân trọng lớn hơn đối với tính chủ quan.

173. We remember that true subjectivity begins with the buddhic plane. Access to the buddhic plane brings about purification

173. Chúng ta nhớ rằng tính chủ quan đích thực bắt đầu từ cõi Bồ đề. Việc tiếp cận cõi Bồ

through solar fire, and beautification of the vehicles.

174. We are to attend scientifically to the following:

a. The development of the psyche

b. The unfoldment of the Ego

c. The stimulation of egoic vibration

175. According to our studies, these developments occur largely under the influence of the "Law of Magnetic Control" directed from the buddhic plane.

176. From a practical perspective, the improvement of our quality will lead to an improvement of the forms and matter through which our quality expresses.

The cause will be dealt with and not the effect, and hence the growing appreciation by the human family of the study of psychology,

177. Psychology is essentially a buddhic discipline. Interestingly the Master in the Hierarchy particularly associated with the development of psychology is a *fourth* ray Master and the buddhic plane is the *fourth* plane.

even though as yet they are but studying the kama-manasic body, and have not reached back to the egoic consciousness.

178. Modern psychology but studies the reflection of the Ego which appears on the lower mental and astral planes. Since most human beings are focussed in kama-manas,

để mang lại sự thanh luyện thông qua Lửa Thái dương, và sự làm đẹp các vận cụ.

174. Chúng ta phải chú ý một cách khoa học đến những điều sau đây:

a. Sự phát triển của tâm thể

b. Sự khai mở của Chân ngã

c. Sự kích thích rung động chân ngã

175. Theo các nghiên cứu của chúng ta, những sự phát triển này phần lớn xảy ra dưới ảnh hưởng của "Định luật Kiểm Soát Từ Tính" được hướng dẫn từ cõi Bồ đề.

176. Từ góc độ thực tiễn, sự cải thiện phẩm tính của chúng ta sẽ dẫn đến sự cải thiện các hình tướng và vật chất mà qua đó phẩm tính của chúng ta biểu lộ.

Nguyên nhân sẽ được xử lý chứ không phải kết quả, và do đó có sự trân trọng ngày càng tăng của gia đình nhân loại đối với việc nghiên cứu tâm lý học,

177. Tâm lý học về bản chất là một bộ môn Bồ đề. Điều thú vị là Chân sư trong Thánh Đoàn đặc biệt gắn liền với sự phát triển của tâm lý học là một Chân sư cung *bốn* và cõi Bồ đề là cõi thứ *bốn*.

mặc dù cho đến nay họ mới chỉ nghiên cứu thể trí cảm, và chưa vươn ngược trở lại đến tâm thức chân ngã.

178. Tâm lý học hiện đại chỉ nghiên cứu sự phản chiếu của Chân ngã xuất hiện trên cõi hạ trí và cõi cảm dục. Vì phần lớn nhân loại tập trung trong kama-manas, tâm lý học

psychology (if it is to be of assistance to the majority) must focus in the dual kama-manasic vehicle.

(nếu muốn trợ giúp cho đa số) phải tập trung vào vận cụ trí-cảm kép.

179. As more human beings begin to realize the nature of the soul, the province of psychological inquiry will shift upwards.

179. Khi ngày càng nhiều con người bắt đầu chứng nghiệm bản chất của linh hồn, phạm vi khảo cứu tâm lý học sẽ chuyển lên cao hơn.

180. Modern students of esotericism can do something to advance a truer form of psychology by working within the realm of soul consciousness and applying themselves to the laws of that level—i.e., the Laws of the Soul.

180. Các môn sinh huyền bí học hiện đại có thể làm điều gì đó để thúc đẩy một hình thức tâm lý học chân thực hơn bằng cách hoạt động trong lĩnh vực tâm thức linh hồn và chuyên tâm vào các định luật của cấp độ đó —tức là, các Định luật của Linh hồn.

The lunar Lords have had their day; now Agni, as the solar Lord of life and energy, will assume due importance in human life.

Các nguyệt tinh quân đã có thời của mình; nay Agni, với tư cách là nhật tinh quân của sự sống và năng lượng, sẽ đảm nhận tầm quan trọng thích đáng trong đời sống nhân loại.

181. While Agni may be considered a 'God of Personality" from the solar logoic standpoint, He is still a representative of *solar* fire.

181. Mặc dù Agni có thể được xem là một "Thượng đế của Phàm ngã" theo quan điểm thái dương thượng đế, Ngài vẫn là một đại diện của Lửa *Thái dương*.

182. He is the Fohatic aspect of the Solar Logos, nevertheless carrying the *solar* vibration which is far above the vibration to which the lunar lords normally respond.

182. Ngài là phương diện Fohat của Thái dương Thượng đế, tuy vậy vẫn mang rung động *thái dương* cao vượt xa rung động mà các nguyệt tinh quân thường đáp ứng.

183. Agni may vitalize the dense physical body of the Logos, but His major focus is not there. His major focus is a cosmic etheric focus which, for us as human beings, is the realm of "life and energy".

183. Agni có thể tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc của Thượng đế, nhưng trọng tâm chính của Ngài không ở đó. Trọng tâm chính của Ngài là một tiêu điểm dĩ thái vũ trụ, mà đối với chúng ta là những con người, đó là lĩnh vực của "sự sống và năng lượng".

c. Agni and the Three Fires.

c. Agni và Ba Ngọn Lửa.

In studying the manifestation of Agni in the solar system it should be remembered that

Khi nghiên cứu sự biểu hiện của Agni trong hệ mặt trời, cần nhớ rằng ở đây chúng ta

we are considering here **His essential nature as actuating fire.**

đang xem xét **bản chất cốt yếu của Ngài như lửa tác động.**

184. What is "actuating fire"? Shall we call it the fire especially related to the *activity* aspect? Can we call it the 'fire that makes action and manifestation possible'?

184. "Lửa tác động" là gì? Chúng ta có nên gọi đó là ngọn lửa đặc biệt liên hệ với phương diện *hoạt động* không? Chúng ta có thể gọi đó là "ngọn lửa làm cho hành động và biểu hiện trở nên khả hữu" không?

185. The personality is particularly related to the third or activity aspect, and Agni is, we are told, the Personality of the Solar Logos.

185. Phàm ngã đặc biệt liên hệ với phương diện thứ ba hay phương diện hoạt động, và như đã được cho biết, Agni là Phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

We have seen that He is the threefold logoic personality, **but He is the threefold Logos in a subjective sense,** and the form aspect is only subsidiary.

Chúng ta đã thấy rằng Ngài là phàm ngã thượng đế tam phân, **nhưng Ngài là Thượng đế tam phân theo nghĩa chủ quan,** còn phương diện hình tướng chỉ là thứ yếu.

186. We have been examining the protean nature of Agni. The hint is here offered that He is more than the logoic Personality, but is subjectively the "threefold Logos". We shall be looking for the explanation of this statement.

186. Chúng ta đã khảo sát bản chất biến hóa đa dạng của Agni. Ở đây có một gợi ý rằng Ngài còn hơn cả Phàm ngã thượng đế, mà về mặt chủ quan là "Thượng đế tam phân". Chúng ta sẽ tìm kiếm lời giải thích cho phát biểu này.

187. The statement seems to direct human thinking towards that part of Agni's expression which conveys the solar logoic presence in consciousness. As we contact and polarize within the cosmic ethers, the subjective presence of the threefold Logos is conveyed to us. This is not possible when our consciousness is entirely captivated within the three lower worlds of time and space. In fact, true subjectivity is not possible for the human being, until there is a focus on the buddhic plane—the first plane in which the life of the Solar Logos is present in a *principled* manner.

187. Phát biểu này dường như hướng tư tưởng con người đến phần biểu hiện của Agni vốn chuyển tải sự hiện diện của thái dương thượng đế trong tâm thức. Khi chúng ta tiếp xúc và phân cực trong các cõi dĩ thái vũ trụ, sự hiện diện chủ quan của Thượng đế tam phân được chuyển tải đến chúng ta. Điều này không thể xảy ra khi tâm thức của chúng ta hoàn toàn bị giam giữ trong ba cõi thấp của thời gian và không gian. Thật vậy, tính chủ quan đích thực không thể có đối với con người cho đến khi có một tiêu điểm trên cõi Bồ đề—cõi đầu tiên trong đó sự sống của Thái dương Thượng đế hiện diện theo một cách *nguyên khí*.

Perhaps a tabulation may make this point clearer.

[Page 607]

188. We note that it is the *activity* aspect which is pronounced in the following tabulation.

TABULATION V

AGNI—LORD OF FIRE

189. We are presented with the three aspects of Agni, Lord of Fire.

Có lẽ một bảng tóm lược sẽ làm điểm này rõ hơn.

[Page 607]

188. Chúng ta lưu ý rằng chính phương diện *hoạt động* được nhấn mạnh trong bảng tóm lược sau đây.

BẢNG TÓM LƯỢC V

AGNI—CHÚA TỂ CỦA LỬA

189. Ba phương diện của Agni, Chúa Tể của Lửa, được trình bày cho chúng ta.

Aspect	*Fire*	*Result*	*Subjective Manifestation*	*Origin of Energy*	*Objective Manifestation*
First, Will	Electric Fire	**Activity** of Spirit 190. This is occurring principally on the cosmic physical plane, and especially through the cosmic etheric planes.	The One Life. Unity. Spiritual. Dynamic. Coherence. Synthesis. 191. We are speaking of a subjective manifestation on the logoic and monadic systemic planes.	Central Spiritual Sun 192. From the logoic standpoint the home of the Central Spiritual Sun is on the cosmic monadic plane. We are speaking of the Monad of the Solar Logos.	The solar system (etheric and dense)
Second, Love-Wisdom	Solar Fire	**Activity** of Consciousness. Egoism. Vitality. Magnetism.	The seven Heavenly Men. The seven Rays. The seven types of Mind.	The Heart of the Sun 195. We continue to speak of the expression of Lord Agni on the cosmic	The seven Rays manifesting through the seven planetary schemes

		193. It is important to see how the activity of consciousness manifests. It forms the egoic body and provides vitality and magnetism to the consciousness aspect within man.	194. These are always associated with the second ray. If the Grand Heavenly Man is connected with the first aspect, relatively speaking, then the Planetary Logoi are associated with the second aspect.	physical plane. The Heart of the Sun is on the higher cosmic mental plane but has fields of expression on the cosmic physical plane.	196. Compared with the seven planes, the seven rays express the second aspect of divinity.
Third, Activity	Fire by Friction	**Activity** in Matter. Atomic vitality. Energy. 197. This is other than the vitality of the consciousness aspect. It is the energy to *move* rather than the energy which makes *knowing* possible.	The seven fires. The akasha. 198. We are dealing with the akasha considered as a synonym for *matter*. We are not dealing only with the akasha considered as the sounding matter of the second systemic plane—the monadic.	The physical Sun 199. The "physical Sun" is considered in this context the third aspect or the Sun.	The seven planes 200. These represent the third aspect of divinity just as the rays represent the second.

201. Our objective in the foregoing is not to trace the nature of Agni to planes higher than the cosmic physical plane, but to understand how the three subjective aspects of Agni ("actuating fire", the fire of activity) demonstrate on different levels of the cosmic physical plane).

201. Mục tiêu của chúng ta trong phần trên không phải là truy nguyên bản chất của Agni đến các cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ, mà là hiểu cách ba phương diện chủ quan của Agni ("lửa tác động", ngọn lửa của hoạt động) biểu hiện trên các cấp độ khác nhau của cõi hồng trần vũ trụ).

202. We have traced the source of Agni to the Solar Logos and realize that Agni is under the direction of the logoic Egoic

202. Chúng ta đã truy nguyên nguồn gốc của Agni đến Thái dương Thượng đế và nhận ra rằng Agni ở dưới sự chỉ đạo của bản chất

nature, but the only expression of Agni which we can comprehend in the faintest way occurs on the cosmic physical plane.

chân ngã thượng đế, nhưng biểu hiện duy nhất của Agni mà chúng ta có thể hiểu dù chỉ mơ hồ nhất là biểu hiện xảy ra trên cõi hồng trần vũ trụ.

203. We also note that we are especially concerned with how Agni manifests on the etheric part of the cosmic physical plane, and not so much about its functioning within the physical body of the Solar Logos.

203. Chúng ta cũng lưu ý rằng điều chúng ta đặc biệt quan tâm là cách Agni biểu hiện trên phần dĩ thái của cõi hồng trần vũ trụ, chứ không quá nhiều về sự vận hành của nó trong thể xác của Thái dương Thượng đế.

[Page 608]

[Page 608]

Each of these three aspects of the One Fire, showing as the Creative Fire, Preserving Fire, and Destroying Fire, must be studied as electrical phenomena, and this under the aspects of light, flame, and heat, of electricity, radiance and motion, of will, desire and action.

Mỗi một trong ba phương diện này của Nhất Hỏa, biểu lộ thành Lửa Sáng Tạo, Lửa Bảo Tồn, và Lửa Hủy Diệt, phải được nghiên cứu như các hiện tượng điện, và điều này dưới các phương diện ánh sáng, ngọn lửa, và nhiệt; của điện, sự rạng ngời và chuyển động; của ý chí, dục vọng và hành động.

204. The entire cosmic physical plane is governed by and exemplifies electrical energy

204. Toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ được chi phối bởi và biểu hiện năng lượng điện

205. Agni is the One Fire, to be considered as Fohat. Upon the cosmic physical plane the One Fire manifests as

205. Agni là Nhất Hỏa, được xem như Fohat. Trên cõi hồng trần vũ trụ, Nhất Hỏa biểu hiện thành

a. The Creative Fire—third ray

a. Lửa Sáng Tạo—cung ba

b. The Preserving Fire—second ray

b. Lửa Bảo Tồn—cung hai

c. The Destroying Fire—first ray

c. Lửa Hủy Diệt—cung một

206. When we get into the technicalities of this study we will find ourselves considering the following “electrical phenomena”:

206. Khi đi vào các chi tiết kỹ thuật của nghiên cứu này, chúng ta sẽ thấy mình đang xem xét các “hiện tượng điện” sau đây:

a. Light

a. Ánh sáng

b. Flame

c. Heat

d. Electricity

e. Radiance

f. Motion

g. Will

h. Desire

i. Action

207. Actually, we may have three triplicities here:

a. Light, Flame, Heat

b. Electricity, Radiance, Motion

c. Will, Desire, Action

208. If we arrange the triplicities according to aspect, the following may emerge:

b. Ngọn lửa

c. Nhiệt

d. Điện

e. Sự rạng ngời

f. Chuyển động

g. Ý chí

h. Dục vọng

i. Hành động

207. Thực ra, ở đây chúng ta có thể có ba bộ ba:

a. Ánh sáng, Ngọn lửa, Nhiệt

b. Điện, Sự rạng ngời, Chuyển động

c. Ý chí, Dục vọng, Hành động

208. Nếu chúng ta sắp xếp các bộ ba theo phương diện, điều sau đây có thể xuất hiện:

First Aspect	Second Aspect	Third Aspect
Flame	Light	Heat
Electricity	Radiance	Motion
Will	Desire	Action

209. Only Light and Flame are out of the order presented and so a case could be made for their alternative positioning. It will be substantiated below, however, that Flame belongs to the first aspect and Light to the second.

209. Chỉ có Ánh sáng và Ngọn lửa là nằm ngoài trật tự đã trình bày, vì vậy có thể lập luận cho việc đặt chúng ở vị trí thay thế. Tuy nhiên, ở phần dưới sẽ được chứng minh rằng Ngọn lửa thuộc về phương diện thứ nhất và Ánh sáng thuộc về phương diện thứ hai.

Only thus will the true nature of Agni be apprehended.

Chỉ bằng cách ấy bản chất đích thực của Agni mới được lĩnh hội.

210. I think we are seeing that it is difficult to apprehend the true nature of Agni. There are so many ways to consider it.

210. Tôi nghĩ rằng chúng ta đang thấy việc lĩnh hội bản chất đích thực của Agni là điều khó khăn. Có quá nhiều cách để xem xét nó.

211. We can gather that Master Hilarion would be an expert (upon the cosmic physical plane, at least) in the understanding of Agni and its multifarious emanations. As least six of the seven properties of Agni listed above are to be studied within the realm of what we call "physics", though it would have to be the physics of the seven systemic planes and not physics as presently conceived.

211. Chúng ta có thể suy ra rằng Chân sư Hilarion hẳn là một chuyên gia (ít nhất là trên cõi hồng trần vũ trụ) trong việc thấu hiểu Agni và các phát xạ đa tạp của Ngài. Ít nhất sáu trong bảy đặc tính của Agni được liệt kê ở trên phải được nghiên cứu trong lĩnh vực mà chúng ta gọi là "vật lý học", mặc dù đó phải là vật lý học của bảy cõi hệ thống chứ không phải vật lý học như hiện nay được quan niệm.

As the logoic personality He is demonstrating through a triplicity of sheaths forming a unity,

Là phàm ngã thượng đế, Ngài đang biểu lộ qua một bộ ba các vỏ bọc tạo thành một hợp nhất,

212. These sheaths are composed of the matter of the eighteen lowest cosmic sub-planes. Each of these sub-planes is, in scope, equivalent to a systemic plane.

212. Các vỏ bọc này được cấu tạo từ vật chất của mười tám cõi phụ vũ trụ thấp nhất. Mỗi cõi phụ này, về phạm vi, tương đương với một cõi hệ thống.

213. The personality of the Solar Logos is considered a unity. He is not yet a cosmic Initiate of the third degree so we cannot yet say that His personality is completely integrated with His cosmic soul.

213. Phàm ngã của Thái dương Thượng đế được xem là một hợp nhất. Ngài chưa phải là một Điểm đạo đồ vũ trụ cấp ba nên chúng ta chưa thể nói rằng phàm ngã của Ngài đã hoàn toàn tích hợp với linh hồn vũ trụ của Ngài.

and only thus will it become apparent why at this stage in evolution the material aspect is the most considered.

214. The fact that the material aspect if most considered has to do with the stage of evolution of our Solar Logos.

215. Of course as a cosmic initiate of the second degree, Agni should also be manifesting quite completely and with reasonable success through the Solar Logos' astral body on the cosmic astral plane, but of this dimension of his personality expression we can presently know nothing.

216. Just as is the case with man, the etheric-physical vehicle of the Solar Logos is the most developed and the consciousness of His personality is most focussed there.

217. When does a human being remove his focus from his etheric physical nature? Perhaps he does not do so until the fourth initiation, but on the way to that high degree, awareness of his astral and mental natures (on their own planes) increases. We can imagine this would be the case for the Solar Logos.

218. When, we might ask, will the Solar Logos develop cosmic 'continuity of consciousness'? Human initiates of the second degree do not have, as a rule, complete continuity of consciousness. Will a Solar Logos Who has attained the second degree have complete 'cosmic continuity of consciousness'? When will the burning of the cosmic etheric webs occur? On the human scale, such continuity of

và chỉ bằng cách ấy mới trở nên hiển nhiên vì sao ở giai đoạn tiến hoá này phương diện vật chất lại được quan tâm nhiều nhất.

214. Sự kiện phương diện vật chất được quan tâm nhiều nhất có liên quan đến giai đoạn tiến hoá của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

215. Dĩ nhiên, với tư cách một điểm đạo đồ vũ trụ cấp hai, Agni cũng phải đang biểu hiện khá hoàn chỉnh và với thành công hợp lý qua thể cảm dục của Thái dương Thượng đế trên cõi cảm dục vũ trụ, nhưng về chiều kích này của biểu hiện phàm ngã của Ngài, hiện nay chúng ta không thể biết gì cả.

216. Cũng như trường hợp của con người, vận cụ dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế là phát triển nhất và tâm thức của phàm ngã Ngài tập trung nhiều nhất ở đó.

217. Khi nào một con người rút tiêu điểm của mình ra khỏi bản chất dĩ thái hồng trần? Có lẽ y không làm như vậy cho đến lần điểm đạo thứ tư, nhưng trên đường tiến đến cấp độ cao đó, nhận thức của y về bản chất cảm dục và trí tuệ của mình (trên các cõi riêng của chúng) gia tăng. Chúng ta có thể hình dung rằng điều này cũng đúng đối với Thái dương Thượng đế.

218. Khi nào, chúng ta có thể hỏi, Thái dương Thượng đế sẽ phát triển "tính liên tục của tâm thức" vũ trụ? Các điểm đạo đồ nhân loại cấp hai, theo quy luật, không có tính liên tục hoàn toàn của tâm thức. Liệu một Thái dương Thượng đế đã đạt cấp hai có tính "liên tục của tâm thức" vũ trụ hoàn toàn hay không? Khi nào sự đốt cháy các màng lưới dĩ thái vũ trụ sẽ xảy ra? Trên quy mô con người, tính liên tục của tâm thức như thế

consciousness occurs more frequently when the third degree is approached and taken.

xảy ra thường xuyên hơn khi cấp ba được tiếp cận và được đạt đến.

The entire system is the physical sheath of the Logos and consequently the most easily cognised,

Toàn bộ hệ thống là vỏ bọc hồng trần của Thượng đế và do đó là điều dễ nhận biết nhất,

219. We are speaking of the solar system which includes the cosmic dense subplanes and the cosmic etheric planes.

219. Chúng ta đang nói về hệ mặt trời bao gồm các cõi phụ đậm đặc vũ trụ và các cõi dĩ thái vũ trụ.

for the Logos is as yet centred in His cosmic sheaths and can only reveal Himself through their medium.

vì Thượng đế hiện vẫn còn tập trung trong các vỏ bọc vũ trụ của Ngài và chỉ có thể tự mặc khải qua trung gian của chúng.

220. Is an initiate of the second degree centered in his physical etheric body? The answer must be, “Yes” unless He has achieved continuity of consciousness by burning through the etheric webs.

220. Một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ hai có tập trung trong thể dĩ thái thể xác của y không? Câu trả lời phải là, “Có”, trừ khi y đã đạt được sự liên tục của tâm thức bằng cách đốt xuyên qua các màng dĩ thái.

221. We may have to consider that our Solar Logos has not yet achieved continuity of consciousness within respect to the cosmic astral plane.

221. Có lẽ chúng ta phải xét đến khả năng rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa đạt được tính liên tục của tâm thức đối với cõi cảm dục vũ trụ.

222. We do learn here, however, that the Logos is centered in His cosmic sheaths. What shall we consider as His cosmic sheaths? Perhaps His cosmic mental, astral, and etheric sheaths?

222. Tuy nhiên, ở đây chúng ta học được rằng Thượng đế tập trung trong các vỏ bọc vũ trụ của Ngài. Chúng ta nên xem những gì là các vỏ bọc vũ trụ của Ngài? Có lẽ là các vỏ bọc trí tuệ vũ trụ, cảm dục vũ trụ và dĩ thái vũ trụ của Ngài?

Man's just apprehension of this mystery of electricity will only come about as he studies himself, and knows himself to be a triple fire, manifesting in many aspects.

Sự lĩnh hội đúng đắn của con người về huyền nhiệm điện này sẽ chỉ đến khi y nghiên cứu chính mình, và biết mình là một ngọn lửa tam phân, biểu hiện trong nhiều phương diện.

223. The Mystery of Electricity is profound. DK is recommending the study of the microcosm (i.e., the study of oneself in order

223. Huyền nhiệm Điện thật sâu xa. Chân sư DK đang khuyến nghị việc nghiên cứu tiểu thiên địa (tức là nghiên cứu chính mình để

more easily to understand electricity from the macrocosmic perspective).

224. Man, too, is a triple fire, and there are many principles and vehicles through which this triple fire manifests.

225. Man's triple fire is *electrical* in nature.

nhờ đó dễ hiểu điện hơn từ quan điểm đại thiên địa).

224. Con người cũng là một ngọn lửa tam phân, và có nhiều nguyên khí cùng vận cụ mà qua đó ngọn lửa tam phân này biểu hiện.

225. Ngọn lửa tam phân của con người có bản chất *điện*.

MAN, A FIRE

Monadic fire	Electric fire	Spirit Will	The Central Spiritual Sun.
Egoic fire	Solar fire	Consciousness Love-Wisdom	The Heart of the Sun.
Personality fire	Fire by friction	Physical man	Physical Sun.

CON NGƯỜI, MỘT NGỌN LỬA

226. We are familiar with the ideas here presented. Perhaps the entries in the first column are not so often seen:

a. Monadic fire

b. Egoic fire

c. Personality fire

227. These three are closely identified with three types of fire we commonly consider:

a. Monadic fire with Electric fire

b. Egoic fire with Solar fire

226. Chúng ta quen thuộc với các ý tưởng được trình bày ở đây. Có lẽ các mục trong cột thứ nhất không thường được thấy đến thế:

a. Lửa chân thần

b. Lửa chân ngã

c. Lửa phàm ngã

227. Ba loại này được đồng nhất chặt chẽ với ba loại lửa mà chúng ta thường xét đến:

a. Lửa chân thần với Lửa Điện

b. Lửa chân ngã với Lửa Thái dương

c. Personality fire with Fire by friction.

228. When we think of the Physical Sun, what aspects of physicality are we discussing? The etheric nature of the Sun is also, from the cosmic perspective, *physical.*

229. Yet, the strictly physical sun may be understood as confined to the systemic etheric-physical plane.

230. We note that spiritual will pertains directly to the monadic level and also, in other references, to the atmic level.

Each of these fires can also be studied in a threefold manner and under three aspects.

c. Lửa phàm ngã với Lửa ma sát.

228. Khi chúng ta nghĩ đến Mặt Trời Hồng trần, chúng ta đang bàn đến những phương diện nào của tính hồng trần? Bản chất dĩ thái của Mặt Trời cũng, từ quan điểm vũ trụ, là *hồng trần.*

229. Tuy nhiên, mặt trời hồng trần theo nghĩa chặt chẽ có thể được hiểu là bị giới hạn trong cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

230. Chúng ta lưu ý rằng ý chí tinh thần trực tiếp thuộc về cấp độ chân thần và cũng, trong những tham chiếu khác, thuộc về cấp độ atma.

Mỗi ngọn lửa này cũng có thể được nghiên cứu theo cách tam phân và dưới ba phương diện.

THE MONAD		**CHÂN THẦN**	
Will aspect	Electric fire	Flame	Spiritual Will.
Love-wisdom	Solar fire	Light	Spiritual Love.
Active Intelligence	Fire by friction	Heat	Spiritual Intelligence.

231. It is evident that assigning “Flame” to the first aspect was correct. “Flames” per se, can be easily associated with the third aspect, but “Flame” (the noumenon of the flames) pertains to the first aspect.

232. If we seek to assign Flame, Light and Heat to systemic planes, we will find that Flame accords with the logoic plane, Light

231. Rõ ràng việc gán “Ngọn lửa” cho phương diện thứ nhất là đúng. “Các ngọn lửa”, chính chúng, có thể dễ dàng được liên kết với phương diện thứ ba, nhưng “Ngọn lửa” (bản thể của các ngọn lửa) lại thuộc về phương diện thứ nhất.

232. Nếu chúng ta tìm cách gán Ngọn lửa, Ánh sáng và Nhiệt cho các cõi hệ thống, chúng ta sẽ thấy rằng Ngọn lửa tương ứng

with the monadic and Heat with the atmic plane.

233. The three potencies of the Monad are here given. With the threefold Monad are contained:

a. Spiritual Will

b. Spiritual Love

c. Spiritual Intelligence

234. These are usually called, "Will", "Wisdom" and "Activity". They are directly reflected into the spiritual triad such that—

a. Atma demonstrates Spiritual Will

b. Buddhi demonstrates Spiritual Love

c. Manas demonstrates Spiritual Intelligence.

[Page 609]

với cõi thượng đế, Ánh sáng với cõi chân thần và Nhiệt với cõi atma.

233. Ba tiềm năng của Chân thần được nêu ra ở đây. Trong Chân thần tam phân có chứa:

a. Ý chí Tinh thần

b. Tình thương Tinh thần

c. Trí tuệ Tinh thần

234. Những điều này thường được gọi là "Ý chí", "Minh triết" và "Hoạt động". Chúng được phản chiếu trực tiếp vào Tam Nguyên Tinh Thần đến mức—

a. Atma biểu lộ Ý chí Tinh thần

b. Buddhi biểu lộ Tình thương Tinh thần

c. Manas biểu lộ Trí tuệ Tinh thần.

[Page 609]

THE EGO			CHÂN NGÃ	
Will	Atma	Electric fire	The spark The Jewel in the Lotus	Conscious Will.
Love- Wisdom	Buddhi Solar fire:	The rays	The twelve-petalled lotus.	Conscious Love.
Active Intelligence	Manas	Fire by friction	Substance. The perma nent atoms.	Conscious Activity.

235. The structure of the "Ego" is particularly interesting and of particular importance to the student.

235. Cấu trúc của "Chân ngã" đặc biệt thú vị và đặc biệt quan trọng đối với đạo sinh.

236. The "Ego" is divided into two forms of expression:

236. "Chân ngã" được chia thành hai hình thức biểu hiện:

a. The Ego as it expresses through the spiritual triad

a. Chân ngã khi biểu hiện qua Tam Nguyên Tinh Thần

b. The Ego as it expresses through the causal body and, thus, 'shrouded'

b. Chân ngã khi biểu hiện qua thể nguyên nhân và do đó được "che phủ"

237. The "spark" of electric fire is anchored in the "Jewel in the Lotus".

237. "Tia lửa" của Lửa Điện được neo trong "Ngọc trong Hoa Sen".

238. The rays are always associated with the second aspect and express particularly through the "twelve petalled lotus"—the three tiers of petals usually referenced (the petals of knowledge, of love and of sacrifice) and, then, the synthesis tier.

238. Các cung luôn luôn gắn liền với phương diện thứ hai và biểu hiện đặc biệt qua "hoa sen mười hai cánh"—ba tầng cánh hoa thường được nhắc đến (các cánh hoa tri thức, bác ái và hi sinh) và rồi đến tầng tổng hợp.

239. When dealing with the Ego we see the term "Conscious" used repeatedly. The Ego pertains to the *consciousness* aspect.

239. Khi bàn về Chân ngã, chúng ta thấy thuật ngữ "Có ý thức" được dùng lặp đi lặp lại. Chân ngã thuộc về phương diện *tâm thức*.

240. When considering the Ego as the spiritual triad, the expression might be as follows:

240. Khi xem xét Chân ngã như Tam Nguyên Tinh Thần, cách biểu hiện có thể như sau:

a. Atma—*Conscious* Spiritual Will

a. Atma—*Có ý thức* Ý chí Tinh thần

b. Buddhi—*Conscious* Spiritual Love

b. Buddhi—*Có ý thức* Tình thương Tinh thần

c. Manas—*Conscious* Spiritual Intelligence

c. Manas—*Hữu thức* Trí Tuệ Tinh thần

241. Even though all the three tiers of petals express one of the aspects of divinity, in

241. Mặc dù cả ba tầng cánh hoa đều biểu lộ một trong các phương diện của thiên tính,

genera, they express buddhi or solar fire. It is the permanent atoms which express fire by friction and the "Jewel in the Lotus" which expresses electric fire.

nhưng nói chung, chúng biểu lộ Bồ đề hay Lửa Thái dương. Chính các nguyên tử trường tồn biểu lộ Lửa ma sát và "Viên Ngọc trong Hoa Sen" biểu lộ Lửa Điện.

242. Often we have tried to discriminate the solar fire of buddhi from the solar fire of the higher mental plane. We might say that buddhi is a more essential form of solar fire, more directly related to the Heart of the Sun than the energy and structures of the higher mental plane.

242. Chúng ta thường cố gắng phân biện Lửa Thái dương của Bồ đề với Lửa Thái dương của Cõi thượng trí. Chúng ta có thể nói rằng Bồ đề là một hình thức cốt yếu hơn của Lửa Thái dương, liên hệ trực tiếp hơn với Trái Tim của Mặt Trời so với năng lượng và các cấu trúc của cõi thượng trí.

243. The term "substance" as used here indicates the substance of the lower eighteen sub-planes. Actually, the term can be applied to all matter of the forty nine systemic sub-planes. The lowest three sub-planes should not literally be called "substance" for they are that which substance substands.

243. Thuật ngữ "chất liệu" như được dùng ở đây chỉ chất liệu của mười tám cõi phụ thấp. Thực ra, thuật ngữ này có thể được áp dụng cho toàn bộ vật chất của bốn mươi chín cõi phụ hệ thống. Ba cõi phụ thấp nhất không nên được gọi theo nghĩa đen là "chất liệu", vì chúng là cái mà chất liệu tựa trên đó.

THE PERSONALITY

PHÀM NGÃ

Will	Mental body	Electric fire	Lower mind	Thought
Love	Astral body	Solar fire	Kama	Desire
Activity	Physical body	Fire by friction	Prana	Activity

244. Each of the three aspects manifests through each periodical vehicle.

244. Mỗi một trong ba phương diện biểu lộ qua mỗi vận cụ chu kỳ.

245. It is significant that the mental body is, in a way, an outpost of the Monad and should eventually express electric fire. The mental body is, we are told, responsive to the monadic ray. The lower mental body will also become an expression of spiritual will and atma.

245. Điều có thâm nghĩa là thể trí, theo một cách nào đó, là một tiền đồn của chân thần và rốt cuộc phải biểu lộ Lửa Điện. Như chúng ta được cho biết, thể trí đáp ứng với cung chân thần. Thể trí thấp cũng sẽ trở thành một biểu lộ của ý chí tinh thần và atma.

246. The astral body is an outpost of the Ego and should eventually express solar fire. The astral body is, we are told, responsive to the egoic ray. If buddhi is solar fire, then the astral body should eventually express buddhi—an idea with which we are quite familiar and which begins to occur noticeably at the second initiation.

246. Thể cảm dục là một tiền đồn của chân ngã và rốt cuộc phải biểu lộ Lửa Thái dương. Như chúng ta được cho biết, thể cảm dục đáp ứng với cung chân ngã. Nếu Bồ đề là Lửa Thái dương, thì thể cảm dục rốt cuộc phải biểu lộ Bồ đề—một ý tưởng mà chúng ta khá quen thuộc và bắt đầu xuất hiện rõ rệt ở lần điểm đạo thứ hai.

247. The physical body is closely connected with the principle of prana. The dense physical body is energized by prana and its vitalization by prana is intended for great increase during the Age of Aquarius. The physical body is said to be especially responsive to the ray of the personality.

247. Thể xác liên hệ chặt chẽ với nguyên khí prana. Thể xác đậm đặc được prana tiếp năng lượng, và việc nó được prana tiếp sinh lực được dự định sẽ gia tăng mạnh trong Kỷ Nguyên Bảo Bình. Thể xác được nói là đặc biệt đáp ứng với cung phàm ngã.

I seek to emphasise here the fact that in this threefold manifestation there is a ninefold unfoldment.

Ở đây tôi tìm cách nhấn mạnh sự kiện rằng trong biểu lộ tam phân này có một sự khai mở cửu phân.

248. If we are alert, we will remember the Tibetan's discussion of a ninefold choice of rays for the "Ego" (TCF 177)

248. Nếu tỉnh táo, chúng ta sẽ nhớ đến phần bàn luận của Chân sư Tây Tạng về một sự lựa chọn cung cửu phân cho "chân ngã" (TCF 177)

249. We have three periodical vehicles (the "threefold manifestation") and the expression of each one of them is threefold. Thus the ninefold unfoldment.

249. Chúng ta có ba vận cụ chu kỳ ("biểu lộ tam phân"), và sự biểu lộ của mỗi vận cụ trong chúng đều là tam phân. Do đó có sự khai mở cửu phân.

It should ever be borne in mind that seven is the number which governs the evolution of substance and of form building in the

Cần luôn ghi nhớ rằng bảy là con số chi phối sự tiến hoá của chất liệu và của việc kiến tạo hình tướng trong hệ mặt trời,

solar system, but that nine is the number governing the development of the consciousness within that form of the psyche.

250. The seven and nine together are the sixteen which represent the sixteen potencies of the Ego.

251. If the seven is viewed as two triplicities and a unity and if the unity is expanded into a triplicity, the seven becomes a nine.

252. The development of consciousness within the form occurs through the process of initiation. There are nine such developmental unfoldments or initiations.

This is seen in the sevenfold display of logoic life through the planetary scheme, and the ninefold nature of egoic unfoldment.

253. The major chakras (the "display of logoic life") are usually numbered as seven.

254. The egoic lotus demonstrates through nine principal petals in three tiers.

255. The "display of logoic life" is, in this context, considered 'formal'.

256. The egoic unfoldment is considered as relating to the consciousness aspect.

If the student here substitutes for the words, Monad, Ego and personality, the three aspects of the Logos, and will bear in mind that as yet **all that he can ascertain or cognise is the lowest of the logoic manifestations**—the personality—it will be

nhưng chín là con số chi phối sự phát triển của tâm thức bên trong hình tướng đó của psyche.

250. Bảy và chín hợp lại thành mười sáu, tượng trưng cho mười sáu tiềm năng của chân ngã.

251. Nếu bảy được nhìn như hai bộ ba và một đơn nhất, và nếu đơn nhất ấy được khai triển thành một bộ ba, thì bảy trở thành chín.

252. Sự phát triển của tâm thức bên trong hình tướng diễn ra qua tiến trình điểm đạo. Có chín sự khai mở phát triển như thế, hay chín lần điểm đạo.

Điều này được thấy trong sự biểu hiện thất phân của sự sống logoi qua hệ hành tinh, và bản chất cửu phân của sự khai mở chân ngã.

253. Các luân xa chính ("sự biểu hiện của sự sống logoi") thường được đếm là bảy.

254. Hoa Sen Chân Ngã biểu lộ qua chín cánh hoa chính trong ba tầng.

255. "Sự biểu hiện của sự sống logoi", trong ngữ cảnh này, được xem là thuộc về 'hình tướng'.

256. Sự khai mở chân ngã được xem là liên hệ đến phương diện tâm thức.

Nếu ở đây đạo sinh thay thế các từ chân thần, chân ngã và phàm ngã bằng ba phương diện của Thượng đế, và ghi nhớ rằng cho đến nay **tất cả những gì y có thể xác định hay nhận biết chỉ là phương diện thấp nhất trong các biểu lộ logoi**—phàm ngã—thì sẽ

apparent why so much must remain mysterious to even the higher grades of initiates,

rõ vì sao quá nhiều điều vẫn phải còn huyền nhiệm ngay cả đối với các cấp điểm đạo đồ cao hơn,

257. We have been presented with the threefold expression of Monad, Ego and personality. If we substitute the Cosmic Monad, the Cosmic Ego and the Cosmic Persona, we may learn much about the cosmic process within which the Solar Logos is expressing.

257. Chúng ta đã được trình bày về biểu lộ tam phân của chân thần, chân ngã và phàm ngã. Nếu thay vào đó là Chân thần Vũ trụ, Chân ngã Vũ trụ và Phàm ngã Vũ trụ, chúng ta có thể học được nhiều điều về tiến trình vũ trụ trong đó Thái dương Thượng đế đang biểu lộ.

258. We should pause to ponder the higher correspondences to the terms with which are familiar:

258. Chúng ta nên dừng lại để suy ngẫm về các tương ứng cao hơn của những thuật ngữ quen thuộc với chúng ta:

a. Cosmic Monadic Fire, Cosmic Egoic Fire, Cosmic Personality Fire

a. Lửa Chân thần Vũ trụ, Lửa Chân ngã Vũ trụ, Lửa Phàm ngã Vũ trụ

b. Cosmic Spiritual Will, Cosmic Spiritual Love, Cosmic Spiritual Intelligence

b. Ý Chí Tinh thần Vũ trụ, Bác ái Tinh thần Vũ trụ, Trí Tuệ Tinh thần Vũ trụ

c. Cosmic Conscious Will, Cosmic Conscious Love, Cosmic Intelligence

c. Ý Chí Hữu thức Vũ trụ, Bác ái Hữu thức Vũ trụ, Trí Tuệ Vũ trụ

d. Etc. The term “cosmic” can be placed before the entries in the tabulations, and the expansive implications pondered.

d. Vân vân. Thuật ngữ “vũ trụ” có thể được đặt trước các mục trong bảng liệt kê, và các hàm ý mở rộng của chúng có thể được suy ngẫm.

259. We must question whether the entirety of the lowest three aspects of the Logos can be cognized. Certainly not by man!

259. Chúng ta phải tự hỏi liệu toàn bộ ba phương diện thấp nhất của Thượng đế có thể được nhận biết hay không. Chắc chắn là không đối với con người!

260. The Buddha and the Christ have gained some small degree of cognizance of the aspects of the logoic Personality which lie above the cosmic etheric planes—the Christ, receiving a stream of influence from the cosmic astral plane; the Buddha receiving a “touch” of the cosmic mental plane.

260. Đức Phật và Đức Christ đã đạt được một mức độ nhận biết nhỏ nào đó về các phương diện của phàm ngã logoi nằm trên các cõi dĩ thái vũ trụ—Đức Christ tiếp nhận một dòng ảnh hưởng từ cõi cảm dục vũ trụ; Đức Phật tiếp nhận một “tiếp xúc” từ cõi trí vũ trụ.

and why even the perfected Dhyan Chohan cannot penetrate the secrets of the Logos outside His system.[89]

261. What will be mean here by a "perfected Dhyan Chohan"? Perhaps an initiate of the seventh degree?

262. This means that even the higher aspects of Agni (the logoic Personality) cannot be penetrated by "perfected Dhyan Chohans".

263. Note that the term "secrets" is used. For a "perfected Dhyan Chohan" there may be contact with streams of energy, for instance, from the cosmic astral plane, but the "secrets" of the Logos upon the cosmic astral plane represent a form of energy/knowledge far more remote than simple contact.

They [Page 610] can cognise much concerning Agni, the Lord of Fire, but until They can contact that of which He is an emanation, a reflection or a ray, there is a limit to what may be known.

264. We have to wonder what is meant by "much concerning Agni". The term "system" generally means the seven systemic planes. Are we saying that these high Initiates *can* cognize that which is 'above' the solar system or that they cannot?

265. That of which Agni is an emanation, reflection or ray is the Logos on planes above the lower levels of cosmic mental plane.

266. Are we saying that until these Initiates can contact *that*, that the higher aspects of

và vì sao ngay cả một Dhyan Chohan hoàn thiện cũng không thể xuyên thấu các bí mật của Thượng đế bên ngoài hệ của Ngài.89

261. Ở đây "một Dhyan Chohan hoàn thiện" có nghĩa là gì? Có lẽ là một điểm đạo đồ cấp bảy chăng?

262. Điều này có nghĩa là ngay cả các phương diện cao hơn của Agni (phàm ngã logoi) cũng không thể bị xuyên thấu bởi các "Dhyan Chohan hoàn thiện".

263. Lưu ý rằng thuật ngữ "bí mật" được dùng. Đối với một "Dhyan Chohan hoàn thiện", có thể có sự tiếp xúc với các dòng năng lượng, chẳng hạn từ cõi cảm dục vũ trụ, nhưng các "bí mật" của Thượng đế trên cõi cảm dục vũ trụ tượng trưng cho một dạng năng lượng/tri thức xa vời hơn rất nhiều so với sự tiếp xúc đơn thuần.

Các Ngài [Page 610] có thể nhận biết nhiều điều liên quan đến Agni, Chúa Tể của Lửa, nhưng cho đến khi Các Ngài có thể tiếp xúc với cái mà Ngài là một phát xạ, một phản chiếu hay một tia của nó, thì vẫn có một giới hạn đối với điều có thể được biết.

264. Chúng ta phải tự hỏi "nhiều điều liên quan đến Agni" có nghĩa là gì. Thuật ngữ "hệ" nói chung có nghĩa là bảy cõi hệ thống. Có phải chúng ta đang nói rằng các Điểm đạo đồ cao này *có thể* nhận biết cái ở 'trên' hệ mặt trời hay là không thể?

265. Cái mà Agni là một phát xạ, phản chiếu hay tia của nó là Thượng đế trên các cõi cao hơn những cấp thấp của cõi trí vũ trụ.

266. Có phải chúng ta đang nói rằng cho đến khi các Điểm đạo đồ này có thể tiếp xúc với

the Logoic Personality will lie beyond Their ken, and that only the aspects of Agni expressing on the cosmic physical plane will be accessible to Them? Or, that they cannot, for instance, penetrate the secrets of the cosmic astral plane or cosmic mental plane until they can contact and respond to the logoic Ego on the cosmic higher mental plane?

cái đó, thì các phương diện cao hơn của phàm ngã logoi sẽ nằm ngoài tầm hiểu biết của Các Ngài, và chỉ những phương diện của Agni biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ mới có thể tiếp cận đối với Các Ngài? Hay là, chẳng hạn, Các Ngài không thể xuyên thấu các bí mật của cõi cảm dục vũ trụ hay cõi trí vũ trụ cho đến khi Các Ngài có thể tiếp xúc và đáp ứng với chân ngã logoi trên cõi thượng trí vũ trụ?

267. In general, we can say that Agni is an emanation, reflection or ray of that which comes from the Heart of the Sun, the Logoic Ego on the higher cosmic mental plane.

267. Nói chung, chúng ta có thể nói rằng Agni là một phát xạ, phản chiếu hay tia của cái phát ra từ Trái Tim của Mặt Trời, chân ngã logoi trên cõi thượng trí vũ trụ.

268. It would appear that "perfected Dhyan Chohans" can know very much of Agni as He manifests upon the cosmic ethers, but relatively little of Him as He manifests on the cosmic astral and lower cosmic mental planes.

268. Có vẻ như các "Dhyan Chohan hoàn thiện" có thể biết rất nhiều về Agni khi Ngài biểu lộ trên các cõi dĩ thái vũ trụ, nhưng biết tương đối ít về Ngài khi Ngài biểu lộ trên cõi cảm dục vũ trụ và các cõi thấp của cõi trí vũ trụ.

269. From a practical perspective, we are speaking of the grandeur of Agni and His relative inaccessibility even to the relatively perfected lives focussed on the cosmic physical plane.

269. Từ góc độ thực tiễn, chúng ta đang nói về sự vĩ đại của Agni và tính tương đối khó tiếp cận của Ngài ngay cả đối với những sự sống tương đối hoàn thiện được tập trung trên cõi hồng trần vũ trụ.

FOOTNOTE [89]:

CHÚ THÍCH 89:

H. P. B. in *the Secret Doctrine* refers to "...the solution of the riddle...before which even the highest Dhyan Chohan must bow in silence and ignorance—the Unspeakable Mystery of that which is called by the Vedantins, Parabrahman."—S. D., I, 352.

H. P. B. trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* nhắc đến "...lời giải của câu đố...trước đó ngay cả Dhyan Chohan cao nhất cũng phải cúi đầu trong im lặng và vô minh—Mầu Nhiệm Bất Khả Ngôn của cái mà các nhà Vedanta gọi là Parabrahman."—S. D., I, 352.

270. We have been speaking of the perfected Dhyan Chohan's inability to cognize the higher aspects of Agni and That which lies beyond Agni. Now we speak of "Parabrahman".

271. It would seem that, in this presentation, "Parabrahman" has become a relative term, rather that a term representing the ABOLUTE.

272. It even seems that the term can be applied to the Solar Logos—i.e., to the unknown, monadic aspects of the Solar Logos, but the ABSOLUTE is far more than that—in fact, *infinitely* more.

273. Of course, we cannot reach to the heights of the One Universe, therefore, for practical purposes, the higher reaches of the nature and consciousness of the Solar Logos are, to us, as is the ABSOLUTE—absolutely incognizable.

Agni is Fohat, the threefold Energy (emanating from the logoic Ego) which produces the solar system, the physical vehicle of the Logos, and animates the atoms of substance.

274. Here is a completely clear statement:

a. Agni is equivalent to Fohat

b. Agni/Fohat is an emanation from the "logoic Ego" on the cosmic mental plane.

270. Chúng ta đã nói về sự bất lực của Dhyan Chohan hoàn thiện trong việc nhận biết các phương diện cao hơn của Agni và Cái nằm vượt ngoài Agni. Giờ đây chúng ta nói đến "Parabrahman".

271. Có vẻ như, trong cách trình bày này, "Parabrahman" đã trở thành một thuật ngữ tương đối, hơn là một thuật ngữ biểu thị TUYỆT ĐỐI THỂ.

272. Thậm chí có vẻ như thuật ngữ này có thể được áp dụng cho Thái dương Thượng đế —tức là cho các phương diện chân thần chưa được biết của Thái dương Thượng đế, nhưng TUYỆT ĐỐI THỂ còn hơn thế rất nhiều—thật ra là nhiều hơn *vô hạn*.

273. Dĩ nhiên, chúng ta không thể vươn tới các đỉnh cao của Vũ Trụ Duy Nhất; vì vậy, trên phương diện thực tiễn, những tầng cao hơn của bản chất và tâm thức của Thái dương Thượng đế đối với chúng ta cũng như TUYỆT ĐỐI THỂ—tuyệt đối không thể nhận biết.

Agni là Fohat, Năng Lượng tam phân (phát ra từ chân ngã logoi) tạo ra hệ mặt trời, vận cụ hồng trần của Thượng đế, và làm sinh động các nguyên tử của chất liệu.

274. Ở đây có một phát biểu hoàn toàn rõ ràng:

a. Agni tương đương với Fohat

b. Agni/Fohat là một phát xạ từ "chân ngã logoi" trên cõi trí vũ trụ.

275. Agni/Fohat is a threefold energy just as the personality of the Solar Logos is threefold.

275. Agni/Fohat là một năng lượng tam phân cũng như phàm ngã của Thái dương Thượng đế là tam phân.

276. The solar system is definitely "the physical vehicle of the Logos", and this includes the cosmic etheric planes.

276. Hệ mặt trời rõ ràng là "vận cụ hồng trần của Thượng đế", và điều này bao gồm các cõi dĩ thái vũ trụ.

He is the basis of the evolutionary process,

Ngài là nền tảng của tiến trình tiến hoá,

277. We remember that the "Will-to-Evolve" is the third ray aspect of the Will. Agni is associated with the "actuating fire" of the third aspect. (cf. EA 605)

277. Chúng ta nhớ rằng "Ý Chí-tiến hoá" là phương diện cung ba của Ý Chí. Agni liên kết với "ngọn lửa thúc động" của phương diện thứ ba. (xem EA 605)

or the cause of the psychic unfoldment of the Logos,

hay là nguyên nhân của sự khai mở thông linh của Thượng đế,

278. This is a psychic unfoldment which occurs within the *personality* nature of the Solar Logos, on the lower eighteen cosmic sub-planes.

278. Đây là một sự khai mở thông linh diễn ra trong bản chất *phàm ngã* của Thái dương Thượng đế, trên mười tám cõi phụ vũ trụ thấp.

279. Psyche, per se, is found upon the higher mental plane, but psychic *unfoldment* and *expression* occurs within the personality.

279. Psyche, chính nó, được tìm thấy trên cõi thượng trí, nhưng sự *khai mở* và *biểu lộ* thông linh lại diễn ra trong phàm ngã.

280. There is, however, an expansion of psyche which can be said to occur on the higher mental plane (occurring as the scope of the causal body expands).

280. Tuy nhiên, có một sự mở rộng của psyche có thể được nói là diễn ra trên cõi thượng trí (xảy ra khi phạm vi của thể nguyên nhân mở rộng).

281. The psychic unfoldment of the human being begins with individualization. Maybe we can say the same of the Solar Logos.

281. Sự khai mở thông linh của con người bắt đầu bằng biệt ngã hóa. Có lẽ chúng ta cũng có thể nói như vậy về Thái dương Thượng đế.

and He is that vitality which ultimately brings about a divine synthesis in which the form approximates subjective demand, and after being consciously directed, and manipulated, is finally discarded. This is the

và Ngài là sinh lực rốt cuộc mang lại một tổng hợp thiêng liêng trong đó hình tướng tiệm cận với đòi hỏi chủ quan, và sau khi được điều khiển một cách hữu thức, và được vận dụng, cuối cùng bị loại bỏ. Đây là mục

goal for the Logos as it is for man; this marks the final liberation of a human being, of a Heavenly Man and of a solar Logos.

tiêu đối với Thượng đế cũng như đối với con người; điều này đánh dấu sự giải thoát cuối cùng của một con người, của một Đấng Thiên Nhân và của một Thái dương Thượng đế.

282. Let us tabulate again some of the things here said about Agni:

282. Chúng ta hãy lại lập bảng một số điều được nói ở đây về Agni:

a. Agni as threefold Fohat produces the solar system

a. Agni như Fohat tam phân tạo ra hệ mặt trời

b. Agni animates the atoms of substance

b. Agni làm sinh động các nguyên tử của chất liệu

c. Agni is the basis of the evolutionary process

c. Agni là nền tảng của tiến trình tiến hoá

d. Agni is the cause of the psychic unfoldment of the Logos

d. Agni là nguyên nhân của sự khai mở thông linh của Thượng đế

e. Agni is the vitality which ultimately brings about a divine synthesis.

e. Agni là sinh lực rốt cuộc mang lại một tổng hợp thiêng liêng.

f. Through the efforts of Agni, the form is brought to a condition in which it approximates subjective demand. To reach this point the form has been—

f. Qua những nỗ lực của Agni, hình tướng được đưa đến một trạng thái trong đó nó tiệm cận với đòi hỏi chủ quan. Để đạt đến điểm này, hình tướng đã được—

i. Consciously directed

i. Điều khiển một cách hữu thức

ii. Consciously manipulated

ii. Vận dụng một cách hữu thức

iii. Finally discarded.

iii. Cuối cùng bị loại bỏ.

283. From this perspective, Agni is a vital, synthesizing Life.

283. Từ góc nhìn này, Agni là một Sự sống tiếp sinh lực và tổng hợp.

284. Agni is directly involved in the achievement of the liberation of the Solar Logos.

284. Agni trực tiếp tham dự vào việc đạt tới sự giải thoát của Thái dương Thượng đế.

We could divide the process into three periods:

Chúng ta có thể chia tiến trình này thành ba giai đoạn:

First. The period wherein the fire of matter (the heat of mother) hides,

Thứ nhất. Giai đoạn trong đó lửa của vật chất (nhiệt của mẹ) ẩn giấu,

285. We remember the association of the "heat of the mother" with the sign Scorpio.

285. Chúng ta nhớ đến sự liên hệ của "nhiệt của mẹ" với dấu hiệu hoàng đạo Hổ Cáp.

nourishes and brings to birth the infant Ego.

nuôi dưỡng và sinh ra chân ngã sơ sinh.

286. This hiding, nourishing and bringing to birth of the "infant Ego" is also definitely a Virgoan process.

286. Sự che giấu, nuôi dưỡng và sinh ra "chân ngã sơ sinh" này cũng rõ ràng là một tiến trình của Xử Nữ.

287. The "infant Ego" is the individualized human being.

287. "Chân ngã sơ sinh" là con người đã được biệt ngã hóa.

288. We see that the term "Ego" can be applied to stages of human conscious—from the most veiled to stages to stages which involve conscious expression on the planes of the spiritual triad.

288. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ "chân ngã" có thể được áp dụng cho các giai đoạn của tâm thức con người—từ những giai đoạn bị che phủ nhất cho đến những giai đoạn bao hàm sự biểu lộ hữu thức trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần.

289. Thus, when the term "Ego" is used, it does not always mean 'Ego on its own plane'.

289. Vì vậy, khi thuật ngữ "chân ngã" được dùng, nó không phải lúc nào cũng có nghĩa là 'chân ngã trên cõi riêng của nó'.

This is the period of purely personality life, when the third aspect dominates, and man is in the veil of illusion.

Đây là giai đoạn của đời sống thuần túy phàm ngã, khi phương diện thứ ba chi phối, và con người ở trong bức màn ảo tưởng.

290. We are speaking of a triple unfoldment undertaken under the directorship of the Cosmic God of Electricity—Agni/Fohat.

290. Chúng ta đang nói về một sự khai mở tam phân được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Thượng đế Điện lực Vũ trụ—Agni/Fohat.

Second. The period wherein the Ego, or subjective life within the form, passes through certain stages of unfoldment, and comes to an ever fuller consciousness. This is the period of egoic development, and is produced by the gradual merging and blending of the two fires. It is the life of service and of the Path.

Thứ hai. Giai đoạn trong đó chân ngã, hay sự sống chủ quan bên trong hình tướng, đi qua một số giai đoạn khai mở nhất định, và đạt đến một tâm thức ngày càng đầy đủ hơn. Đây là giai đoạn phát triển chân ngã, và được tạo ra bởi sự hòa nhập và hòa trộn dần dần của hai ngọn lửa. Đó là đời sống phụng sự và của Con Đường.

291. From the time the fifth petal of the egoic lotus begins its unfoldment, the man or (great Man) can be consciously oriented to his higher Ego.

291. Từ lúc cánh hoa thứ năm của Hoa Sen Chân Ngã bắt đầu khai mở, con người hay (Đại Nhân) có thể được định hướng một cách hữu thức về chân ngã cao hơn của mình.

292. The two fires are solar fire and fire by friction. The period of "service and of the Path" is much shorter than the first stage of unfoldment (the stage of foundational establishment).

292. Hai ngọn lửa là Lửa Thái dương và Lửa ma sát. Giai đoạn "phụng sự và của Con Đường" ngắn hơn rất nhiều so với giai đoạn khai mở thứ nhất (giai đoạn thiết lập nền tảng).

Third. The period wherein the egoic consciousness itself is superseded by spiritual realisation, and the fire of Spirit blends with the other two.

Thứ ba. Giai đoạn trong đó chính tâm thức chân ngã bị vượt qua bởi sự chứng nghiệm tinh thần, và lửa của Tinh thần hòa nhập với hai ngọn lửa kia.

293. All the three stages we are discussing occur within the life demonstration of the great Cosmic Being we call "Agni". Agni-Fohat-Brahma.

293. Cả ba giai đoạn mà chúng ta đang bàn đến đều diễn ra trong sự biểu hiện sự sống của Hữu Thể Vũ trụ Vĩ Đại mà chúng ta gọi là "Agni". Agni-Fohat-Brahma.

294. We note the direct connection of the terms "spiritual" and "Spirit". The term "spiritual" is used loosely by many, but really concerns processes originating within the spiritual triad and, later, within the Monad.

294. Chúng ta lưu ý mối liên hệ trực tiếp giữa các thuật ngữ "tinh thần" và "Tinh thần". Thuật ngữ "tinh thần" được nhiều người dùng một cách lỏng lẻo, nhưng thực ra liên quan đến các tiến trình phát sinh trong Tam Nguyên Tinh Thần và về sau trong chân thần.

At first the personality acts the part of mother, or of material aspect, to the germ of the inner life. Then [Page 611] the Ego manifests its life within the personal life, and produces a shining forth which

Thoạt đầu phàm ngã đóng vai người mẹ, hay phương diện vật chất, đối với mầm sống bên trong. Sau đó [Page 611] chân ngã biểu lộ sự sống của nó bên trong đời sống cá nhân, và tạo ra một sự chiếu rạng "càng lúc càng tăng

"groweth ever more and more until the perfect day."[90] At that **perfect day of revelation** it is seen what man **in essence** is, and the Spirit within is revealed.

295. Here again a very useful summary paragraph.

296. Students of the Tibetan's words are most concerned with the second phase.

297. We can say that the "shining forth" is noticeable at the third initiation and the "perfect day" (relatively) occurs at the fifth degree.

298. The fifth initiation is called the "Revelation" and it is this we are discussing when mention is made of the "perfect day of revelation".

299. At that time, man is seen for what he "in essence is, and the Spirit within is revealed". In essence we are Spirit.

300. Even at the destruction of the causal body, and with the revelation of the "Jewel in the Lotus", this is not yet the case.

This can be studied from the Christian angle, and Paul was but voicing an occult truth when he enunciated the facts concerning the birth of the Christ within the heart, **and the growth of the higher life at the expense of the lower.**

301. We cannot evade the implications. The higher life grows as the expense and

mãi cho đến ngày toàn hảo."90 Vào **ngày toàn hảo của sự mặc khải** ấy, người ta thấy con người **trong bản chất cốt yếu** là gì, và Tinh thần bên trong được mặc khải.

295. Ở đây lại có một đoạn tóm lược rất hữu ích.

296. Các đạo sinh nghiên cứu lời dạy của Chân sư Tây Tạng quan tâm nhiều nhất đến giai đoạn thứ hai.

297. Chúng ta có thể nói rằng "sự chiếu rạng" trở nên rõ rệt ở lần điểm đạo thứ ba và "ngày toàn hảo" (theo nghĩa tương đối) xảy ra ở cấp thứ năm.

298. Lần điểm đạo thứ năm được gọi là "Sự Mặc Khải" và chính điều này đang được chúng ta bàn đến khi có nhắc đến "ngày toàn hảo của sự mặc khải".

299. Vào lúc đó, con người được thấy đúng như điều y "trong bản chất cốt yếu là, và Tinh thần bên trong được mặc khải". Trong bản chất cốt yếu, chúng ta là Tinh thần.

300. Ngay cả khi thể nguyên nhân bị hủy diệt, và "Viên Ngọc trong Hoa Sen" được mặc khải, điều này vẫn chưa phải như vậy.

Điều này có thể được nghiên cứu từ góc độ Cơ Đốc giáo, và Paul chỉ đơn thuần phát biểu một chân lý huyền bí khi ông nêu ra các sự kiện liên quan đến sự giáng sinh của Đức Christ trong tim, **và sự tăng trưởng của sự sống cao hơn bằng cái giá của sự sống thấp hơn.**

301. Chúng ta không thể né tránh các hàm ý ấy. Sự sống cao hơn tăng trưởng bằng cái giá

sacrifice of the lower. This is the inevitable sacrifice of the "mother" aspect.

và sự hi sinh của sự sống thấp hơn. Đây là sự hi sinh tất yếu của phương diện "người mẹ".

302. The very strong connection of Paul with the buddhic aspect suggests a soul ray on the soft line (perhaps six transferring to two), even though the Essential Man as Monad is probably, for Him, on the hard line rays.

302. Mối liên hệ rất mạnh của Paul với phương diện Bồ đề gợi ý một cung linh hồn trên tuyến mềm (có lẽ cung sáu chuyển sang cung hai), dù Con Người Cốt Yếu với tư cách chân thần có lẽ, đối với Ông, thuộc các cung tuyến cứng.

Thus also can it be taught along occult, and not mystic, lines in the recognition (by science) of the vitalisation of the permanent atoms (the force centres of the sheaths or substance), of the unfoldment of the egoic lotus, and the awakening of its petals, and in the final revelation of the jewel in the lotus.

Vì vậy điều này cũng có thể được giảng dạy theo các đường lối huyền bí học, chứ không phải thần bí học, trong sự thừa nhận (bởi khoa học) việc tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn (các trung tâm lực của các thể vỏ hay chất liệu), sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã, và sự thức tỉnh của các cánh hoa của nó, và trong sự mặc khải cuối cùng của viên ngọc trong hoa sen.

303. DK is repeating the ABC's of spiritual occultism. The mystic unfoldment is discussed in terms of consciousness. The occult unfoldment proceeds through the explanation of a number of scientific technicalities and always considers the structure and development of the form.

303. Chân sư DK đang lặp lại những điều ABC của huyền bí học tinh thần. Sự khai mở thần bí được bàn đến theo phương diện tâm thức. Sự khai mở huyền bí tiến hành qua việc giải thích một số chi tiết kỹ thuật khoa học và luôn xét đến cấu trúc cùng sự phát triển của hình tướng.

304. We note that the permanent atoms are also referred to as "force centers"—this being true of the chakric expression within the sheaths.

304. Chúng ta lưu ý rằng các nguyên tử trường tồn cũng được gọi là "các trung tâm lực"—điều này đúng đối với sự biểu lộ luân xa bên trong các thể vỏ.

305. Sheaths are substance.

305. Các thể vỏ là chất liệu.

All that can be said of man can be predicated of the Logos on an inconceivably greater scale.

Tất cả những gì có thể nói về con người đều có thể được khẳng định về Thượng đế trên một quy mô lớn hơn không thể tưởng tượng nổi.

306. We remember that eve the "perfected Dhyan Chohan" cannot conceive the nature of unfoldment of the Logos.

306. Chúng ta nhớ rằng ngay cả "Dhyan Chohan hoàn thiện" cũng không thể quan

niệm được bản chất của sự khai mở của Thượng đế.

a. There are aspects of the logoic personality which are inaccessible to such a Chohan..

a. Có những phương diện của phàm ngã logoi mà một Chohan như thế không thể tiếp cận..

b. The logoic Ego is completely inaccessible to such a Chohan.

b. Chân ngã logoi hoàn toàn không thể tiếp cận đối với một Chohan như thế.

c. The logoic Monad is completely inaccessible to such a Chohan.

c. Chân thần logoi hoàn toàn không thể tiếp cận đối với một Chohan như thế.

As man discovers the laws of his own material sheaths—the laws of substance—he is ascertaining the nature of the fires of the outer man or Fohat, as he vitalises the logoic vehicle;

Khi con người khám phá các định luật của chính các thể vỏ vật chất của mình—các định luật của chất liệu—y đang xác định bản chất của các ngọn lửa của con người bên ngoài hay Fohat, khi y tiếp sinh lực cho vận cụ logoi;

307. Fohat is particularly concerned with the fires of the sheaths. Fohat (and His lesser emanated representatives) animate the outer man.

307. Fohat đặc biệt liên quan đến các ngọn lửa của các thể. Fohat (và các đại diện phát xạ thấp hơn của Ngài) làm sinh động con người bên ngoài.

308. This is true also of Agni. Although Agni's present focus may be the cosmic etheric planes, He is, nonetheless, the Animator of the dense physical body of the Logos wherein are found man's "own material sheaths".

308. Điều này cũng đúng đối với Agni. Mặc dù tiêu điểm hiện nay của Agni có thể là các cõi dĩ thái vũ trụ, tuy nhiên, Ngài vẫn là Đấng Làm Sinh Động thể xác đậm đặc của Thượng đế, trong đó tìm thấy "các thể vật chất riêng" của con người.

the fires of his own sheaths are aspects of Agni as the fire of matter.

các ngọn lửa của chính các thể của y là những phương diện của Agni với tư cách là lửa của vật chất.

309. The term "Agni" is here being used interchangeably with Fohat.

309. Thuật ngữ "Agni" ở đây đang được dùng thay thế cho Fohat.

310. The fires of our 'matter(s)' are Agni. The fire of our soul is Agni. The fire of our Spirit is Agni.

310. Các ngọn lửa của "vật chất" của chúng ta là Agni. Lửa của linh hồn chúng ta là Agni. Lửa của tinh thần chúng ta là Agni.

311. We must never forget, however, the more subjective aspects of Agni/Fohat.

311. Tuy nhiên, chúng ta không bao giờ được quên các phương diện chủ quan hơn của Agni/Fohat.

312. We are studying Agni in triple demonstration in the life of man.

312. Chúng ta đang nghiên cứu Agni trong sự biểu lộ tam phân trong đời sống của con người.

As he ascertains the nature of consciousness, and **the laws of psychical unfoldment** he is studying the nature of the vitality of the subjective man, and the laws of conscious being, thus studying Agni as **He manifests as Light and Cool Radiance,** shining through the vehicle.

Khi y xác định bản chất của tâm thức, và **các định luật của sự khai mở thông linh** y đang nghiên cứu bản chất của quyền năng thiết yếu của con người chủ quan, và các định luật của hiện hữu hữu thức, nhờ đó nghiên cứu Agni như **Ngài biểu lộ như Ánh Sáng và Quang Huy Mát Dịu,** chiếu xuyên qua vận cụ.

313. Agni on the lower eighteen sub-planes of the cosmic physical plane has to do only with the outer fires, but *cosmic* Agni, embraces man's personal, psychical, and monadic unfoldment.

313. Agni trên mười tám cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ chỉ liên quan đến các ngọn lửa bên ngoài, nhưng *Agni* vũ trụ bao hàm sự khai mở phàm ngã, thông linh và chân thần của con người.

314. The seven Laws of the Soul are laws of *psychical* unfoldment.

314. Bảy Định luật của Linh hồn là các định luật của sự khai mở *thông linh*.

315. The vitality of the subjective man is of a different nature than the external vitality connected with the outer sheaths.

315. Quyền năng thiết yếu của con người chủ quan có bản chất khác với sinh lực bên ngoài gắn với các thể bên ngoài.

316. Agni can manifest as heated fire by friction, but Agni (as a cosmic God) can also manifest as "Light and Cool Radiance" shining through the vehicle. This demonstration of Agni has much more to do with solar fire and the "clear cold light" of buddhi.

316. Agni có thể biểu lộ như lửa ma sát nóng, nhưng Agni (với tư cách một Thượng đế vũ trụ) cũng có thể biểu lộ như "Ánh Sáng và Quang Huy Mát Dịu" chiếu xuyên qua vận cụ. Sự biểu lộ này của Agni liên quan nhiều hơn đến Lửa Thái dương và "ánh sáng lạnh trong sáng" của Bồ đề.

317. We must grasp something of the scope of Agni/Fohat cosmically considered.

317. Chúng ta phải nắm được phần nào tầm mức của Agni/Fohat khi được xét về mặt vũ trụ.

Later (for the time is not yet) as he comes to comprehend the nature of his Monad, the spiritual or essential life which is developing consciousness by means of the sheaths, he will discover the **nature of Agni as He shews forth as pure electricity**.

Về sau (vì thời điểm ấy chưa đến), khi y bắt đầu hiểu được bản chất của Chân thần, sự sống tinh thần hay cốt yếu của mình, vốn đang phát triển tâm thức bằng các thể, y sẽ khám phá ra **bản chất của Agni khi Ngài biểu lộ như điện lực thuần túy**.

318. In our human unfoldment, the different aspects of Agni are being gradually discovered.

318. Trong sự khai mở nhân loại của chúng ta, các phương diện khác nhau của Agni đang dần dần được khám phá.

319. The Monad is developing consciousness on the lower planes through its appropriated sheaths, but it should not be ignored that the Monad also has consciousness on its own plane—"monadic awareness".

319. Chân thần đang phát triển tâm thức trên các cõi thấp thông qua các thể mà nó chiếm dụng, nhưng không nên bỏ qua rằng Chân thần cũng có tâm thức trên chính cõi của nó—"nhận biết chân thần".

320. We have discussed many and varied terms for Agni and for the triple fires through which He manifests.

320. Chúng ta đã bàn đến nhiều thuật ngữ đa dạng dành cho Agni và cho ba ngọn lửa mà qua đó Ngài biểu lộ.

321. Agni's manifestation as "pure electricity" is His manifestation as the electric fire of the Monad. We remember, however, that this type of electric fire is but an aspect of a far greater Solar Fire expressive of the Heart of the Sun.

321. Sự biểu lộ của Agni như "điện lực thuần túy" là sự biểu lộ của Ngài như Lửa Điện của Chân thần. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng loại Lửa Điện này chỉ là một phương diện của một Lửa Thái dương lớn lao hơn nhiều, biểu đạt Tâm của Mặt Trời.

Even though this is not yet possible, nevertheless the statement as to the lines of investigation which can be pursued, and the realisation of that which may eventually [Page 612] be achieved, **may cause men's minds to turn to the study of the real and of the true.**

Dù điều này hiện chưa thể thực hiện được, tuy nhiên, lời phát biểu về các đường hướng khảo cứu có thể được theo đuổi, và sự chứng nghiệm về điều mà rốt cuộc có thể [Page 612] đạt được, **có thể khiến trí tuệ con người hướng về việc nghiên cứu cái thực và cái chân.**

322. Why does DK give us so much of that which we cannot possibly assimilate and apply at our present stage of evolution? Perhaps He knows that the presentation of the distant vista may inspire men to tread the Path thither!

322. Tại sao Chân sư DK lại cho chúng ta quá nhiều điều mà ở giai đoạn tiến hoá hiện nay chúng ta hoàn toàn không thể đồng hoá và áp dụng? Có lẽ Ngài biết rằng việc trình bày viễn cảnh xa xôi có thể truyền cảm hứng cho

con người bước đi trên Con Đường hướng đến đó!

323. Let us ask ourselves; when we learn of the great possibilities which lie before the individual, the race, the planet and the solar system, are we inspired? And if so, why?"

323. Chúng ta hãy tự hỏi mình; khi biết đến những khả năng lớn lao đang ở phía trước cá nhân, nhân loại, hành tinh và hệ mặt trời, chúng ta có được truyền cảm hứng không? Và nếu có, thì vì sao?"

324. May we say that such a presentation prevents the sordid nature of the present condition from overcoming us and destroying our will to progress?

324. Chúng ta có thể nói rằng một sự trình bày như thế ngăn không cho bản chất đê tiện của tình trạng hiện tại lấn át chúng ta và hủy hoại ý chí tiến bộ của chúng ta chăng?

325. Each will have his or her own way of becoming inspired. DK's presentation of certain aspects of the Great Cosmic Scheme is certainly meant to offer inspiration, and with inspiration, greater will to progress and serve.

325. Mỗi người sẽ có cách riêng để được truyền cảm hứng. Sự trình bày của Chân sư DK về một số phương diện của Đại Hệ Vũ Trụ chắc chắn nhằm mang lại cảm hứng, và cùng với cảm hứng là ý chí tiến bộ và phụng sự lớn hơn.

TCF 612 – 619: S6S5

25 November – 10 December 2007

25 tháng 11 – 10 tháng 12 năm 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. In the last Commentary we discussed the complex nature of Lord Agni, the Being or

1. Trong phần Bình Luận trước, chúng ta đã bàn đến bản chất phức tạp của Chúa Tể Agni,

Fire of the Logoic Personality, Who is also Fohat and cosmic Brahma.

Đấng hay Lửa của Phàm ngã Thượng đế, Đấng cũng là Fohat và Brahma vũ trụ.

2. Within the realm of Agni, there are many subdivisions and it is some of these that we are about to study.

2. Trong phạm vi của Agni, có nhiều phân bộ và một số trong đó là điều chúng ta sắp nghiên cứu.

2. THE FIRE DEVAS THE GREATER BUILDERS.

2. CÁC THIÊN THẦN LỬA CÁC ĐẤNG ĐẠI KIẾN TẠO.

I have divided the groups of devas and elementals into evolutionary and involutionary Builders—those who are in themselves positive force, and those which are negative force, the conscious and the blind workers.

Tôi đã chia các nhóm thiên thần và hành khí thành các đấng kiến tạo thăng thượng tiến hoá và giáng hạ tiến hoá—những vị tự thân là mãnh lực dương, và những vị là mãnh lực âm, những người hoạt động có ý thức và những người hoạt động mù quáng.

3. Let us categorize some descriptors of these two basic forms of lives.

3. Chúng ta hãy phân loại một số mô tả về hai hình thức sự sống căn bản này.

Devas Elementals	Thiên thần Hành khí
Evolutionary BuildersInvolutionary Builders	Các đấng kiến tạo thăng thượng tiến hoáCác đấng kiến tạo giáng hạ tiến hoá
Positive ForceNegative Force	Mãnh lực dươngMãnh lực âm
Conscious WorkersBlind Workers	Những người hoạt động có ý thứcNhững người hoạt động mù quáng

4. While everything seems very clear cut in the description above, we actually find that there are some lives called devas who are also unconscious in their expression.

4. Mặc dù mọi sự dường như rất rạch ròi trong mô tả trên, nhưng thực ra chúng ta thấy rằng có một số sự sống được gọi là thiên thần cũng vô thức trong sự biểu lộ của chúng.

It is absolutely essential that students bear in mind here that we are studying the **mystery of electricity** and therefore must remember the following facts:—

Điều tuyệt đối thiết yếu là các đạo sinh phải ghi nhớ ở đây rằng chúng ta đang nghiên cứu **huyền nhiệm của điện lực** và vì vậy phải nhớ các sự kiện sau đây:—

5. When studying devic lives, we do so within the context of the "mystery of electricity".

6. Devic and elemental lives are particularly related to the great Life of the Pleiades. The Pleiades are particularly associated with the manifestation of electrical phenomena.

The Pleiades are to the solar system, the source of electrical energy, and just as our sun is the embodiment of the heart, or love aspect, of the Logos (Who is Himself the heart of ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID) so the Pleiades are the feminine opposite of Brahma. Think this out, for much is contained in this statement. (TCF 156)

7. If Agni is Fohat and Brahma, there is a definite relation between Agni and the Pleiades.

8. The Pleiades are said to the be the feminine opposite of the Seven Rishis of the Great Bear. Are we in some way linking the Being here called "Brahma" with the Seven Rishis?

a. Introductory Remarks.

The Mystery of Electricity. The greater Builders are the positive aspect of substance or of electrical phenomena whilst the lesser Builders are the negative aspect.

9. We shall have to be careful how we differentiate these Builders.

10. From one perspective—

5. Khi nghiên cứu các sự sống thiên thần, chúng ta làm như vậy trong bối cảnh của "huyền nhiệm của điện lực".

6. Các sự sống thiên thần và hành khí đặc biệt liên hệ với Sự sống vĩ đại của chòm Pleiades. Chòm Pleiades đặc biệt gắn liền với sự biểu lộ của các hiện tượng điện.

Chòm Pleiades đối với hệ mặt trời là nguồn của năng lượng điện, và cũng như mặt trời của chúng ta là hiện thân của phương diện tâm, hay phương diện bác ái, của Thượng đế (Đấng chính Ngài là tâm của Đấng Bất Khả Tư Nghị) thì chòm Pleiades là đối cực nữ tính của Brahma. Hãy suy ngẫm điều này, vì có rất nhiều điều được hàm chứa trong phát biểu này. (TCF 156)

7. Nếu Agni là Fohat và Brahma, thì có một mối liên hệ xác định giữa Agni và chòm Pleiades.

8. Chòm Pleiades được nói là đối cực nữ tính của Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh. Có phải bằng cách nào đó chúng ta đang liên kết Hữu thể ở đây được gọi là "Brahma" với Bảy Rishi chăng?

a. Những nhận xét mở đầu.

Huyền Nhiệm của Điện Lực. Các đấng đại kiến tạo là phương diện dương của chất liệu hay của các hiện tượng điện, trong khi các vị tiểu kiến tạo là phương diện âm.

9. Chúng ta sẽ phải cẩn thận trong cách phân biệt các đấng kiến tạo này.

10. Từ một góc nhìn—

a. The “Burning Sons of Desire”(the second manifested Creative Hierarchy) are called the “Greater Builders”

a. “Các Con Bốc Cháy của Dục Vọng” (Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện thứ hai) được gọi là “Các Đấng Đại Kiến Tạo”

b. The “Triple Flowers” (the third manifested Creative Hierarchy) are called the “Lesser Builder”

b. “Các Hoa Tam Phân” (Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện thứ ba) được gọi là “vị Tiểu Kiến Tạo”

11. But the terms “greater” and “lesser” are quite general and can also indicate builders which are conscious (i.e., greater) and those which are still unconscious (i.e., lesser).

11. Nhưng các thuật ngữ “đại” và “tiểu” khá tổng quát và cũng có thể chỉ các đấng kiến tạo có ý thức (tức là đại) và những vị vẫn còn vô thức (tức là tiểu).

12. Electricity has two dichotomous charges —positive and negative, plus a third type of electricity which we might call ‘equilibrizing electricity’.

12. Điện lực có hai điện tích nhị nguyên— dương và âm, cộng thêm một loại điện lực thứ ba mà chúng ta có thể gọi là ‘điện lực quân bình hóa’.

13. We note that DK seems to be equating “substance” with “electrical phenomena”. Substance is energy and energy, for the most part, displays a bi-polar nature.

13. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK dường như đang đồng nhất “chất liệu” với “các hiện tượng điện”. Chất liệu là năng lượng và năng lượng, phần lớn, biểu lộ một bản chất lưỡng cực.

14. By “positive” we mean ‘impressive’ and by “negative”, receptive of impression.

14. Bởi “dương” chúng ta muốn nói là ‘gây ấn tượng’, và bởi “âm” là tiếp nhận ấn tượng.

Two types of force are represented in the activities of these two groups and it is their interaction and interplay which produces Light, or the manifested solar system.

Hai loại mãnh lực được biểu hiện trong hoạt động của hai nhóm này và chính sự tương tác cùng giao thoa của chúng tạo ra Ánh sáng, hay hệ mặt trời biểu hiện.

15. Light, then, is the result of devic and elemental interplay—the interplay between positive and negative. The terms “deva” and “elemental” are, however, relative. When using these two terms we are not necessarily speaking of tiny lives.

15. Như vậy, Ánh sáng là kết quả của sự giao thoa giữa thiên thần và hành khí—sự giao thoa giữa dương và âm. Tuy nhiên, các thuật ngữ “thiên thần” và “hành khí” là tương đối. Khi dùng hai thuật ngữ này, chúng ta không nhất thiết đang nói về những sự sống nhỏ bé.

16. Since light is produced by the coming together of Spirit and matter, the Greater

16. Vì ánh sáng được tạo ra bởi sự gặp gỡ của tinh thần và vật chất, nên Các Đấng Đại Kiến

Builders must be identified with Spirit and the lesser builders with matter—since the coming together of Spirit and matter produces light.

Tạo phải được đồng hoá với tinh thần và các vị tiểu kiến tạo với vật chất—vì sự gặp gỡ của tinh thần và vật chất tạo ra ánh sáng.

17. We must attend to the fact that the "manifested solar system" *is* "Light".

17. Chúng ta phải chú ý đến sự kiện rằng "hệ mặt trời biểu hiện" *là* "Ánh sáng".

Their sumtotal is substance in its totality,

Tổng số của chúng là chất liệu trong tính toàn thể của nó,

18. The sumtotal of the two types of force—positive and negative—is "substance in its totality".

18. Tổng số của hai loại mãnh lực—dương và âm—là "chất liệu trong tính toàn thể của nó".

19. We might also say that "their sumtotal is 'electrical phenomena' in its totality" since, as we learn above, "substance" and "electrical phenomena" are equivalent.

19. Chúng ta cũng có thể nói rằng "tổng số của chúng là 'các hiện tượng điện' trong tính toàn thể của nó" vì, như chúng ta học ở trên, "chất liệu" và "các hiện tượng điện" là tương đương.

the intelligent active form, built for the purpose of providing a habitation for a central subjective life.

hình tướng thông minh, hoạt động, được xây dựng nhằm cung cấp một nơi cư ngụ cho một sự sống chủ quan trung tâm.

20. Though the form is composed of some matter which is relatively "negative", the form itself is both intelligent and active.

20. Dù hình tướng được cấu thành từ một số vật chất tương đối "âm", nhưng bản thân hình tướng vừa thông minh vừa hoạt động.

21. Devic and elemental life is, in its own way, both intelligence and active, but the degree of consciousness of the various devic lives differs greatly.

21. Sự sống thiên thần và hành khí, theo cách riêng của nó, vừa là trí tuệ vừa là hoạt động, nhưng mức độ tâm thức của các sự sống thiên thần khác nhau thì rất khác biệt.

They are also the sumtotal of the **Pitris**,[91] or **Fathers of mankind**, viewing mankind as the race itself, the fourth kingdom in nature, the Heavenly Men in physical manifestation.

Chúng cũng là tổng số của các **Pitris**,91 hay **Các Cha của nhân loại**, xét nhân loại như chính giống dân ấy, giới thứ tư trong thiên nhiên, các Đấng Thiên Nhân trong biểu hiện hồng trần.

22. The origin of mankind arises from Solar Pitris and Lunar Pitris.

22. Nguồn gốc của nhân loại phát sinh từ thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ.

23. We can say that humanity is an *aspect* of the Heavenly Men in physical manifestation, but not the whole of that physical manifestation—unless we consider humanity as the macrocosm for the lower kingdoms of nature (i.e., inclusive of those lower kingdoms) which, taken together, with humanity are the physical manifestation of the Heavenly Men.

23. Chúng ta có thể nói rằng nhân loại là một *phương diện* của các Đấng Thiên Nhân trong biểu hiện hồng trần, nhưng không phải là toàn bộ biểu hiện hồng trần ấy—trừ phi chúng ta xem nhân loại là đại thiên địa đối với các giới thấp của thiên nhiên (tức là bao gồm các giới thấp ấy), mà khi được xét chung với nhân loại thì là biểu hiện hồng trần của các Đấng Thiên Nhân.

This is a most important point to emphasise. These deva activities in relation to Self-Consciousness (which is the distinctive characteristic of humanity) can best be studied in the large, or through [Page 613] the consideration of groups, of races, and of the life of the scheme, the manifestation of one of the Heavenly Men.

Đây là một điểm cực kỳ quan trọng cần nhấn mạnh. Các hoạt động thiên thần này liên quan đến ngã thức (vốn là đặc tính phân biệt của nhân loại) có thể được nghiên cứu tốt nhất trên quy mô lớn, hoặc thông qua [Page 613] việc xem xét các nhóm, các giống dân, và sự sống của hệ hành tinh, là biểu hiện của một trong các Đấng Thiên Nhân.

24. The study of the devas is difficult, as this parallel kingdom is not directly visible to most human beings. DK is recommending the best method of study:

24. Việc nghiên cứu các thiên thần là khó khăn, vì giới song hành này không trực tiếp khả kiến đối với phần lớn con người. Chân sư DK đang đề nghị phương pháp nghiên cứu tốt nhất:

a. Study the devas in the large

a. Nghiên cứu các thiên thần trên quy mô lớn

b. Study the devas through the consideration of groups

b. Nghiên cứu các thiên thần thông qua việc xem xét các nhóm

c. Study the devas through the consideration of races

c. Nghiên cứu các thiên thần thông qua việc xem xét các giống dân

d. Study the devas through consideration of the life of the scheme

d. Nghiên cứu các thiên thần thông qua việc xem xét sự sống của hệ hành tinh

e. Study the devas through the manifestation of one of the Heavenly Men.

e. Nghiên cứu các thiên thần thông qua biểu hiện của một trong các Đấng Thiên Nhân.

22. In the following footnote, the creation of the lunar bodies of early, unconscious man is described.

FOOTNOTE: The Lunar Pitris. "The great Chohans called the Lords of the Moon, of the airy bodies: "Bring forth Men," they were told, "men of your nature. Give them their forms within. She (Mother Earth) will build coverings without (for external bodies). Males—females will they be. Lords of the Flame also....They went each on his allotted lands: Seven of them each on his lot. The Lords of the Flame remained behind. They would not go. They would not create."—Stanza III, 12, 13, S. D., II, 79, 81.

23. The "great Chohans" have to be Those Who are directing the evolutionary process within the planetary scheme and planetary chain and globes.

24. The Lords of the Moon had "airy bodies"—bodies which are more etheric and not physical in the outer sense.

25. The denser "external bodies" are built by the physical elemental life which is attracted to the airy bodies provided by the Lords of the Moon out of the substance of their own nature.

26. We note that the Lords of the Moon did not confer intelligence upon men. Only the Lords of the Flame could do that and they "remained behind", "would not go" and "would not create".

22. Trong cước chú sau đây, sự tạo thành các thể nguyệt của con người sơ khai, vô thức được mô tả.

CƯỚC CHÚ: Các thái âm tổ phụ. "Các Chohan vĩ đại được gọi là các Chúa Tể của Mặt Trăng, của các thể khí: "Hãy sinh ra Người," các Ngài được bảo, "những con người thuộc bản chất của các ngươi. Hãy ban cho họ các hình tướng bên trong của họ. Bà (Mẹ Trái Đất) sẽ xây dựng các lớp bao bọc bên ngoài (cho các thể bên ngoài). Họ sẽ là nam—nữ. Các Chúa Tể của Ngọn Lửa cũng vậy....Mỗi vị đi đến vùng đất đã được phân cho mình: bảy vị, mỗi vị trên phần của mình. Các Chúa Tể của Ngọn Lửa ở lại phía sau. Các Ngài không đi. Các Ngài không sáng tạo."—Bài kệ III, 12, 13, Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 79, 81.

23. Các "Chohan vĩ đại" hẳn phải là Những Đấng đang chỉ đạo tiến trình tiến hoá trong hệ hành tinh, dãy hành tinh và các bầu hành tinh.

24. Các Chúa Tể của Mặt Trăng có "các thể khí"—những thể dĩ thái hơn và không phải hồng trần theo nghĩa bên ngoài.

25. Các "thể bên ngoài" đậm đặc hơn được xây dựng bởi sự sống hành khí thể xác, vốn bị hút vào các thể khí do các Chúa Tể của Mặt Trăng cung cấp từ chất liệu của chính bản chất các Ngài.

26. Chúng ta lưu ý rằng các Chúa Tể của Mặt Trăng đã không ban trí tuệ cho con người. Chỉ các Chúa Tể của Ngọn Lửa mới có thể làm điều đó và các Ngài "ở lại phía sau", "không đi" và "không sáng tạo".

27. At the time of this 'creation' by the Lords of the Moon, early pre-individualized animal men were not divided into male and females. Their 'shape' was altogether other than that which we now recognize as the human form. They were, in fact, hermaphroditic ("males-females"). This hermaphroditism was faint at the beginning and grew as the racial form developed through the first two and a half root races.

27. Vào thời kỳ "sáng tạo" này bởi các Chúa Tể của Mặt Trăng, những người thú sơ khai chưa được biệt ngã hóa chưa phân chia thành nam và nữ. "Hình dạng" của họ hoàn toàn khác với điều mà hiện nay chúng ta nhận ra là hình thể con người. Thực ra, họ là lưỡng tính ("nam-nữ"). Tính lưỡng tính này lúc ban đầu còn mờ nhạt và tăng dần khi hình thể chủng tộc phát triển qua hai giống dân gốc đầu tiên và nửa đầu của giống dân gốc thứ ba.

28. We can see that there were seven types of early human beings of the first root race. Humanity is now of one species but did not start out this way.

28. Chúng ta có thể thấy rằng đã có bảy loại người sơ khai của giống dân gốc thứ nhất. Nhân loại hiện nay là một loài duy nhất nhưng đã không khởi đầu theo cách này.

When the student brings his study of deva work down to the terms of his own individual life he is apt to become confused through too close a juxtaposition.

Khi đạo sinh đưa việc nghiên cứu công việc thiên thần xuống các thuật ngữ của chính đời sống cá nhân mình, y dễ trở nên bối rối vì sự đặt cạnh nhau quá gần.

29. We have encountered this confusion constantly. It is better to try to encompass our subject en large, and then begin the process of reasoned reduction to microcosmic proportions.

29. Chúng ta đã liên tục gặp phải sự bối rối này. Tốt hơn là nên cố gắng bao quát đề tài của chúng ta trên quy mô lớn, rồi bắt đầu tiến trình thu giảm có lý luận xuống các tỷ lệ tiểu thiên địa.

The greater Builders are the solar Pitris, whilst the lesser Builders are the lunar ancestors.

Các Đấng Đại Kiến Tạo là các thái dương tổ phụ, trong khi các vị tiểu kiến tạo là các tổ phụ thái âm.

30. As stated earlier, the terms "greater Builders" and "lesser builders" have many possible interpretations. In the tabulation in EA 35, the two Creative Hierarchies of lesser and greater Builders are *both of them* Beings of higher rank than the "solar pitris", as usually considered.

30. Như đã nói trước đó, các thuật ngữ "các đấng đại kiến tạo" và "các vị tiểu kiến tạo" có nhiều cách diễn giải khả dĩ. Trong bảng liệt kê ở EA 35, hai Huyền Giai Sáng Tạo của các vị tiểu kiến tạo và các đấng đại kiến tạo *cả hai* đều là những Hữu thể có cấp bậc cao hơn "thái dương tổ phụ" theo cách thường được hiểu.

31. From the microcosmic perspective, the "solar Pitris" are the Solar Angels or

31. Từ góc độ tiểu thiên địa, "các thái dương tổ phụ" là các Thái dương Thiên Thần hay

Agnishvattas Who build the human personality of Lunar Pitris. The microcosmic Lunar Pitris which are built into form and which are composed of tiny elemental lives are naturally, compared with the solar devas, to be considered as *lesser* builders.

Agnishvatta, những Đấng xây dựng phàm ngã con người từ các thái âm tổ phụ. Các thái âm tổ phụ tiểu thiên địa được xây dựng thành hình tướng và được cấu thành từ những sự sống hành khí nhỏ bé, dĩ nhiên, khi so với các thiên thần thái dương, phải được xem là các vị tiểu kiến tạo.*tiểu* builders.

I would here explain the occult meaning of the word "ancestor," as used in esotericism. **It means literally initiatory life impulse.**

Ở đây tôi muốn giải thích ý nghĩa huyền bí của từ "tổ phụ", như được dùng trong huyền bí học. **Nó có nghĩa đen là xung lực sự sống điểm đạo.**

32. The solar and lunar "ancestors" provided the "initiatory life impulse" which created two orders of vehicles—the lunar vehicles of the personality and the solar vehicle or egoic lotus.

32. Các "tổ phụ" thái dương và thái âm đã cung cấp "xung lực sự sống điểm đạo" tạo ra hai loại vận cụ—các vận cụ thái âm của phàm ngã và vận cụ thái dương hay hoa sen chân ngã.

It is that subjective activity which produces objectivity, and concerns those emanatory impulses which come from any positive centre of force, and which sweep the negative aspect into the line of that force, and thus produce a form of some kind. The word "ancestor" is used in connection with both aspects.

Đó là hoạt động chủ quan tạo ra tính khách quan, và liên quan đến những xung lực phát xạ đến từ bất kỳ trung tâm mãnh lực dương nào, và cuốn phương diện âm vào đường của mãnh lực ấy, nhờ đó tạo ra một hình tướng nào đó. Từ "tổ phụ" được dùng liên hệ với cả hai phương diện.

33. An "ancestor" is a positive center of force from which emanates an impulse which sweeps a negative aspect into line with the positive force.

33. Một "tổ phụ" là một trung tâm mãnh lực dương, từ đó phát ra một xung lực cuốn một phương diện âm vào đường thẳng hàng với mãnh lực dương.

34. The Lunar Ancestors (as force centers) sweep the elemental life into line with its relatively more positive force.

34. Các Tổ Phụ Thái Âm (với tư cách các trung tâm mãnh lực) cuốn sự sống hành khí vào đường thẳng hàng với mãnh lực tương đối dương hơn của chúng.

35. The Solar Ancestors or Pitris (considered as force centers) sweep the lunar vehicles into line with their relatively more positive force.

35. Các Tổ Phụ Thái Dương hay Pitris (được xét như các trung tâm mãnh lực) cuốn các vận cụ thái âm vào đường thẳng hàng với mãnh lực tương đối dương hơn của chúng.

36. Since there are both solar and lunar positive centers of force, the term "ancestor" is used in connection with both categories of beings.

The solar Logos is the initiatory impulse or Father of the Son in His physical incarnation, a solar system.

37. If we wish to have a functional definition of the occult term, "Father", it is "initiatory impulse".

He is the sumtotal of the Pitris, in the process of providing form. The union of Father (positive force) and Mother (negative force) produces that central blaze which we call the form, the body of manifestation of the Son.

38. Here we are discussing greater and lesser Builders on a scale which can, indeed, produce a solar system—the "manifestation of the Son".

39. We may consider the Solar Logos as working primarily through the sumtotal of *positive* Pitris who, in the context we have been discussing, are relatively the "greater Builders".

40. Let us remember that the second aspect of divinity is the "form builder". Form is not the substance of which the form is made.

41. The Father is the "positive force" and the Mother the "negative force". By coming together they produce a central blaze which is the "Son in physical incarnation"—a solar system.

36. Vì có cả các trung tâm mãnh lực dương thái dương lẫn thái âm, nên thuật ngữ "tổ phụ" được dùng liên hệ với cả hai loại hữu thể.

Thái dương Thượng đế là xung lực điểm đạo hay là Cha của Con trong sự lâm phàm hồng trần của Ngài, một hệ mặt trời.

37. Nếu chúng ta muốn có một định nghĩa chức năng cho thuật ngữ huyền bí "Cha", thì đó là "xung lực điểm đạo".

Ngài là tổng số của các Pitris, đang trong tiến trình cung cấp hình tướng. Sự kết hợp của Cha (mãnh lực dương) và Mẹ (mãnh lực âm) tạo ra ngọn lửa trung tâm mà chúng ta gọi là hình tướng, thể biểu hiện của Con.

38. Ở đây chúng ta đang bàn đến các đấng đại kiến tạo và các vị tiểu kiến tạo trên một quy mô thực sự có thể tạo ra một hệ mặt trời —"biểu hiện của Con".

39. Chúng ta có thể xem Thái dương Thượng đế là hoạt động chủ yếu thông qua tổng số các Pitris *dương*, những vị mà trong bối cảnh chúng ta đang bàn đến, tương đối là "các đấng đại kiến tạo".

40. Chúng ta hãy nhớ rằng phương diện thứ hai của thiên tính là "đấng kiến tạo hình tướng". Hình tướng không phải là chất liệu mà từ đó hình tướng được tạo nên.

41. Cha là "mãnh lực dương" và Mẹ là "mãnh lực âm". Bằng cách đến với nhau, các vị tạo ra một ngọn lửa trung tâm là "Con đang lâm phàm hồng trần"—một hệ mặt trời.

42. This solar/lunar process operates both macrocosmically and microcosmically.

42. Tiến trình thái dương/thái âm này vận hành cả ở cấp đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa.

43. From a philosophical point of view, we may ask whether the Father includes the Mother. The Solar Logos is said to be the sumtotal of the Pitris. Are we to include the Lunar Pitris in this sumtotal?

43. Từ quan điểm triết học, chúng ta có thể hỏi liệu Cha có bao gồm Mẹ hay không. Thái dương Thượng đế được nói là tổng số của các Pitris. Chúng ta có nên bao gồm các thái âm tổ phụ trong tổng số này không?

44. The Solar Logos manifesting as Agni does include the Lunar Pitris.

44. Thái dương Thượng đế biểu lộ như Agni quả thực bao gồm các thái âm tổ phụ.

A Heavenly Man holds an analogous position in relation to a planetary scheme. He is the central germ of positive life or force, which, in due course of time, demonstrates as a planetary scheme, or an incarnation of the planetary Logos.

Một Đấng Thiên Nhân giữ một vị trí tương tự liên hệ với một hệ hành tinh. Ngài là mầm trung tâm của sự sống hay mãnh lực dương, mà theo tiến trình thời gian thích đáng, biểu lộ thành một hệ hành tinh, hay một lần lâm phàm của Hành Tinh Thượng Đế.

45. The major incarnation of a Heavenly Man is a planetary scheme. There are a number of subsidiary incarnations of the Heavenly Man through the lesser structures within the scheme.

45. Sự lâm phàm chính yếu của một Đấng Thiên Nhân là một hệ hành tinh. Có một số lần lâm phàm phụ thuộc của Đấng Thiên Nhân thông qua các cấu trúc nhỏ hơn trong hệ ấy.

46. The Solar Logos and the Planetary Logos are both “the central germ of positive life or force” for Their respective systems—one a solar system and the other a planetary scheme.

46. Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế đều là “mầm trung tâm của sự sống hay mãnh lực dương” đối với các hệ tương ứng của Các Ngài—một là hệ mặt trời và một là hệ hành tinh.

47. In a somewhat cosmic sense, the Solar Logos and the Planetary Logos are also “Ancestors” providing vehicles of expression for many lesser lives.

47. Theo một ý nghĩa phần nào vũ trụ, Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế cũng là những “Tổ phụ”, cung cấp các vận cụ biểu đạt cho nhiều sự sống nhỏ hơn.

A man similarly is the positive life or energy which, through action on negative force, creates bodies of manifestation through which he can shine or radiate.[92,93,94]

48. A human being is meant to "shine forth". This occurs gradually over time as the positive life or energy which he is acts upon the negative force which has been gathered into his vehicles of manifestation.

49. The parallel is exact in all three cases.

50. Thus far, we have listed as "positive center(s) of force"

a. Solar Logoi

b. Planetary Logoi or Heavenly Men

c. Men

d. Solar Pitris in relation to the Lunar Pitris

e. Lunar Pitris in relation to the elemental substance of the lower sheaths

FOOTNOTE 92: The Lunar Pitris created the physical man.—S. D., I, 114, 197.

They exist in three great classes.

51. Here we have important information from the *Secret Doctrine* concerning the "Lunar Ancestors" of man.

Tương tự, con người là sự sống hay năng lượng dương tính, là cái, thông qua tác động lên mãnh lực âm tính, tạo ra các thể biểu hiện mà qua đó y có thể chiếu sáng hay phát xạ.92,93,94

48. Con người được dự định là phải "chiếu sáng ra". Điều này xảy ra dần dần theo thời gian khi sự sống hay năng lượng dương tính mà y là tác động lên mãnh lực âm tính đã được tập hợp vào các vận cụ biểu hiện của y.

49. Sự song hành là hoàn toàn chính xác trong cả ba trường hợp.

50. Cho đến đây, chúng ta đã liệt kê như những "trung tâm lực dương tính"

a. Các Thái dương Thượng đế

b. Các Hành Tinh Thượng Đế hay các Đấng Thiên Nhân

c. Con người

d. các thái dương tổ phụ trong tương quan với các thái âm tổ phụ

e. các thái âm tổ phụ trong tương quan với chất liệu hành khí của các vỏ bọc thấp

CHÚ THÍCH 92: Các thái âm tổ phụ đã tạo ra con người thể xác.—S. D., I, 114, 197.

Các vị này tồn tại trong ba lớp lớn.

51. Ở đây chúng ta có thông tin quan trọng từ *Giáo Lý Bí Nhiệm* liên quan đến các "Thủy Tổ Thái Âm" của con người.

1. The most developed. They form, in Round one, the sumtotal of the three kingdoms, **and achieve a human form.**—S. D., I, 203.

1. Những vị phát triển nhất. Trong cuộc tuần hoàn một, các vị này tạo thành tổng thể của ba giới, **và đạt được hình tướng con người.**—S. D., I, 203.

52. We seem to be speaking of Round one in our chain. One question remains: "Do these Lunar Pitris actually achieve a human form in Round one, or does this happen only in Round four?"

52. Dường như chúng ta đang nói về cuộc tuần hoàn một trong dãy của chúng ta. Một câu hỏi vẫn còn lại: "Các thái âm tổ phụ này có thực sự đạt được hình tướng con người trong cuộc tuần hoàn một hay điều này chỉ xảy ra trong cuộc tuần hoàn bốn?"

53. One interpretation would be as follows: the Lunar Pitris of the first round *gradually* achieve a human form. But we could also interpret the statement as indicating that these Pitris achieve *even in Round one* a human form which as a form represents the sumtotal of the three kingdoms.

53. Một cách diễn giải có thể là như sau: các thái âm tổ phụ của cuộc tuần hoàn thứ nhất *dần dần* đạt được hình tướng con người. Nhưng chúng ta cũng có thể diễn giải phát biểu này như cho thấy rằng các tổ phụ này đạt được *ngay cả trong cuộc tuần hoàn một* một hình tướng con người mà, với tư cách là hình tướng, biểu thị tổng thể của ba giới.

54. Our usual studies focus on those lunar life forms which provide a human form in the fourth round, and especially on the fourth globe of the fourth round. We have had no discussion of lunar beings who could have achieved human form in the first round.

54. Các nghiên cứu thông thường của chúng ta tập trung vào những hình thái sự sống thái âm cung cấp hình tướng con người trong cuộc tuần hoàn thứ tư, và đặc biệt trên bầu hành tinh thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư. Chúng ta chưa hề bàn đến các hữu thể thái âm có thể đã đạt được hình tướng con người trong cuộc tuần hoàn thứ nhất.

55. We must bear in mind that there is a distinction between becoming human and simply providing that which can be used as a human form by an individualized being.

55. Chúng ta phải ghi nhớ rằng có một sự phân biệt giữa việc trở thành con người và chỉ đơn thuần cung cấp cái có thể được một hữu thể đã được biệt ngã hóa sử dụng như một hình tướng con người.

In Rounds two and three they are the sumtotal of that which will eventually be human.

Trong các cuộc tuần hoàn hai và ba, các vị này là tổng thể của cái rốt cuộc sẽ trở thành con người.

56. Here again, we must be cautious. DK is speaking of Lunar Pitris who will "eventually be human". This achievement

56. Ở đây một lần nữa, chúng ta phải thận trọng. Chân sư DK đang nói về các thái âm tổ phụ mà về sau sẽ "trở thành con người".

would be far greater than simply providing a lunar form for the use of those who have become human.

Thành tựu này sẽ lớn lao hơn nhiều so với việc chỉ cung cấp một hình tướng thái âm cho những ai đã trở thành con người sử dụng.

57. To what time period does the term "eventually" apply? We see from point 7., Tabulation VI, TCF 844, that the Lunar Pitris who have provided for man a vehicle of contact through which he can express as a human being, must first enter the animal kingdom before they can individualize.

57. Thuật ngữ "về sau" áp dụng cho giai đoạn thời gian nào? Chúng ta thấy từ điểm 7., Bảng VI, TCF 844, rằng các thái âm tổ phụ đã cung cấp cho con người một vận cụ tiếp xúc mà qua đó y có thể biểu lộ như một con người, trước hết phải đi vào giới động vật trước khi các vị ấy có thể biệt ngã hóa.

In Round four at the beginning they form the etheric bodies of our Earth humanity.

Trong cuộc tuần hoàn thứ tư, lúc khởi đầu, các vị này tạo thành các thể dĩ thái của nhân loại Trái Đất chúng ta.

58. Are we speaking of our "Earth humanity" only as it appears on the fourth globe, or, apparently, as it appears from the *beginning* of the Round?

58. Phải chăng chúng ta đang nói về "nhân loại Trái Đất" của chúng ta chỉ như nó xuất hiện trên bầu hành tinh thứ tư, hay dường như là như nó xuất hiện ngay từ *khởi đầu* của cuộc tuần hoàn?

59. Is there a progression possible, by means of which Lunar Pitris form one type of lunar vehicle on one globe, another on the next and another on the next—and so forth.

59. Có phải có một sự tiến triển khả hữu, nhờ đó các thái âm tổ phụ tạo thành một loại vận cụ thái âm trên một bầu hành tinh, một loại khác trên bầu kế tiếp và một loại khác nữa trên bầu tiếp theo—v.v.?

2. Those whose bodies are taken by the Solar Angels.—S. D., I, 203.

2. Những vị mà các thể của họ được các Thái dương Thiên Thần tiếp nhận.—S. D., I, 203.

60. We seem to be referring to a certain group of human forms which, in early days, actually provided a basis for the incarnation of the Solar Angels.

60. Dường như chúng ta đang nói đến một nhóm hình tướng con người nào đó mà, trong những thời kỳ đầu, thực sự đã cung cấp một nền tảng cho sự nhập thể của các Thái dương Thiên Thần.

61. Does it seem logical that this group of Lunar Pitris would be lower than the first group? If so, why?

61. Có hợp lý không khi nhóm thái âm tổ phụ này lại thấp hơn nhóm thứ nhất? Nếu vậy, tại sao?

3. The sum total of the three kingdoms at present known.

62. When we think of the Lunar Pitris, we must realize that they form the vehicular basis not only for human beings but for the lower three kingdoms as well.

63. All the lower kingdoms are composed of elemental lives and these are naturally of a lower calibre than the elemental lives constituting the lower vehicles of a human being.

FOOTNOTE 93:

The Earth gives man his body; the Gods give him his five inner principles...Spirit is one.—S. D., I, 248.

64. By the term "body" as here used, it is probable that we mean the dense physical nature composed of the matter/substance of the previous solar system.

65. Both types of Pitris, Lunar and Solar can, in this context, be considered as "the God".

1. The Earth gives the dense physical.

2. The Lunar Gods give him three lower principles—

a. Etheric body

b. Prana

c. Kama—manas

3. Tổng thể của ba giới hiện nay đã được biết đến.

62. Khi nghĩ về các thái âm tổ phụ, chúng ta phải nhận ra rằng các vị này tạo thành nền tảng vận cụ không chỉ cho con người mà còn cho cả ba giới thấp nữa.

63. Tất cả các giới thấp đều được cấu thành từ các sự sống hành khí, và những sự sống này dĩ nhiên có phẩm cấp thấp hơn các sự sống hành khí cấu thành các vận cụ thấp của một con người.

CHÚ THÍCH 93:

Trái Đất cho con người thể của y; các Thượng đế cho y năm nguyên khí bên trong...Tinh thần là một.—S. D., I, 248.

64. Theo thuật ngữ "thể" như được dùng ở đây, có lẽ chúng ta muốn nói đến bản chất hồng trần đậm đặc được cấu thành từ vật chất/chất liệu của hệ mặt trời trước.

65. Trong ngữ cảnh này, cả hai loại tổ phụ, thái âm và thái dương, đều có thể được xem là "Thượng đế".

1. Trái Đất cho thể xác đậm đặc.

2. Các Thượng đế Thái Âm cho y ba nguyên khí thấp—

a. thể dĩ thái

b. prana

c. thể trí cảm

66. Do “principles” come from the “Lunar Gods” or do they provide the *vehicles* to house and express those principles?

66. Các “nguyên khí” có đến từ các “Thượng đế Thái Âm” hay các vị ấy cung cấp các *vận cụ* để chứa đựng và biểu lộ các nguyên khí ấy?

67. The etheric body is a vehicle. Prana is a principle and it is solar in nature (except for earthly prana which does not have a solar origin).

67. Thể dĩ thái là một vận cụ. Prana là một nguyên khí và có bản chất thái dương (ngoại trừ prana địa cầu vốn không có nguồn gốc thái dương).

68. If manas, as we seem to learn below, has a solar origin, then how is it that the *Lunar* Gods can provide kama-manas since it is a simultaneous functioning of kama and manas?

68. Nếu manas, như dường như chúng ta học được ở dưới, có nguồn gốc thái dương, thì làm sao các Thượng đế *Thái Âm* có thể cung cấp kama-manas khi đó là sự vận hành đồng thời của kama và manas?

69. As for the systemic etheric body of man, the devas of that plane are violet in color. Cancer, which is ruled by the Moon, has the color violet associated with it. Further, these devas are said to display a crescent Moon on their foreheads. So the association of the Moon with the etheric body makes sense even if the prana which animates it is solar in nature.

69. Đối với thể dĩ thái hệ thống của con người, các thiên thần của cõi đó có màu tím. Cự Giải, được Mặt Trăng cai quản, có màu tím gắn liền với nó. Hơn nữa, các thiên thần này được nói là mang hình trăng lưỡi liềm trên trán. Vì vậy, sự liên hệ của Mặt Trăng với thể dĩ thái là hợp lý, ngay cả khi prana làm sinh động nó lại có bản chất thái dương.

3. The Solar Gods give him two principles—

3. Các Thượng đế Thái Dương cho y hai nguyên khí—

d. Lower mind

d. Hạ trí

e. Higher mind

e. Thượng trí

70. The “Solar Gods” are the Solar Angels or Agnishvattas.

70. Các “Thượng đế Thái Dương” là các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta.

71. It is always theorized that they give man that which serves as a higher mental vehicle from the period of individualization until the fourth initiation, but the principles, themselves, are monadic in origin—i.e., they

71. Người ta luôn giả thuyết rằng các vị ấy ban cho con người cái đóng vai trò như một vận cụ thượng trí từ thời kỳ biệt ngã hóa cho đến lần điểm đạo thứ tư, nhưng bản thân các nguyên khí thì có nguồn gốc chân thần—nghĩa là, chúng là những tiềm năng của

are potencies of the Monad working through the permanent atoms.

chân thần hoạt động qua các nguyên tử trường tồn.

72. It is no easy matter to distinguish between a vehicle and the principle which informs it.

72. Không dễ gì phân biệt giữa một vận cụ và nguyên khí thấm nhuần nó.

73. There is also a question as to whether the lower mental vehicle is lunar or solar in nature. Since it is part of a threefold elemental (the personality elemental) it would definitely seem to be lunar.

73. Cũng có một câu hỏi là liệu vận cụ hạ trí có bản chất thái âm hay thái dương. Vì nó là một phần của một hành khí tam phân (hành khí phàm ngã), nên dứt khoát dường như nó có tính thái âm.

74. Is HPB in error here or must we understand her differently? For instance, the Solar Angel (through the "spark of mind") stimulated the emerging mental unit of animal man in such a way that it could become a functional lower mind. In this sense the *lower* mind begins to reflect the *higher* mind and its activation (i.e., the activation of the lower mind) is a kind of 'gift' from the "Solar Gods". If this is meant, the statement that the "Solar Gods" give the principle of lower mind makes sense.

74. HPB có sai ở đây không, hay chúng ta phải hiểu bà theo cách khác? Chẳng hạn, Thái dương Thiên Thần (thông qua "tia lửa trí tuệ") đã kích thích đơn vị hạ trí đang xuất hiện của người thú theo cách khiến nó có thể trở thành một hạ trí hoạt động được. Theo nghĩa này, hạ trí bắt đầu phản chiếu *hạ* trí và sự hoạt hóa của nó (nghĩa là sự hoạt hóa của hạ trí) là một loại "quà tặng" từ các "Thượng đế Thái Dương". Nếu được hiểu như vậy, phát biểu rằng các "Thượng đế Thái Dương" ban cho nguyên khí hạ trí là có ý nghĩa.

75. But, it would seem that the lower mental vehicle is part of the overall construction of the lunar personality vehicles and is, in that respect, lunar in origin. There is a mental elemental life which is not solar in its nature or responses.

75. Nhưng dường như vận cụ hạ trí là một phần của toàn bộ cấu trúc các vận cụ phàm ngã thái âm và, về phương diện đó, có nguồn gốc thái âm. Có một sự sống hành khí trí tuệ không có bản chất hay đáp ứng thái dương.

4. The Monad is the unified two highest principles—

4. Chân thần là hai nguyên khí cao nhất được hợp nhất—

f. Buddhi

f. Bồ đề

g. Atma

g. atma

—S. D., I, 248.

—S. D., I, 248.

76. We might also say that the Monad is *more* than these two principles and stands 'above' them.

76. Chúng ta cũng có thể nói rằng chân thần còn *hơn* hai nguyên khí này và đứng "trên" chúng.

77. We learned when we studied principles and vehicles (beginning TCF 259) that it was crucial to differentiate between the two. Principles are potencies and vehicles are a means of expressing these potencies on any given plane or vibratory dimension.

77. Khi nghiên cứu các nguyên khí và các vận cụ (bắt đầu từ TCF 259), chúng ta đã học rằng việc phân biệt giữa hai điều này là tối quan trọng. Các nguyên khí là những tiềm năng, còn các vận cụ là phương tiện để biểu lộ những tiềm năng ấy trên bất kỳ cõi hay chiều kích rung động nào.

FOOTNOTE [94]:

CHÚ THÍCH 94:

The totality of form. God is "One, notwithstanding the innumerable forms which are in Him," so is man, on earth the microcosm of the macrocosm.—S. D., II, 197; II, 303; III, 584.

Tổng thể của hình tướng. Thượng đế là "Một, mặc dù có vô số hình tướng ở trong Ngài," con người cũng vậy, trên Trái Đất là tiểu thiên địa của đại thiên địa.—S. D., II, 197; II, 303; III, 584.

78. To understand the nature of man or any other composite being, the puzzle of the One and the Many must be solved.

78. Để hiểu bản chất của con người hay bất kỳ hữu thể phức hợp nào khác, câu đố về Một và Nhiều phải được giải quyết.

79. So much of the evolutionary process as it works in the mind is the necessity of overcoming the illusion of the many and of replacing this illusion with the sensed presence of the One—Presence.

79. Phần lớn của tiến trình tiến hoá khi nó vận hành trong trí tuệ là sự cần thiết phải vượt qua ảo tưởng về cái nhiều và thay thế ảo tưởng này bằng sự hiện diện được cảm nhận của Đấng Duy Nhất—Hiện Diện.

Everything is comprised in man.

Mọi sự đều được bao hàm trong con người.

He unites in himself all forms.

Y hợp nhất trong chính mình mọi hình tướng.

The mystery of the earthly man is the mystery of the Heavenly Man.

Huyền nhiệm của con người trần thế là huyền nhiệm của Đấng Thiên Nhân.

80. This theme has been developed repeatedly throughout TCF.

80. Chủ đề này đã được triển khai lặp đi lặp lại xuyên suốt TCF.

81. Using the analogical faculty we can study the human microcosm and learn much about the greater Lives Who include the human.

81. Bằng cách sử dụng năng lực tương đồng, chúng ta có thể nghiên cứu tiểu thiên địa con người và học được nhiều điều về các Sự sống lớn hơn bao gồm con người.

The potentiality of every organ useful to animal life is locked up in man, the Microcosm of the Macrocosm.—S. D., II, 723.

Tiềm năng của mọi cơ quan hữu ích cho đời sống động vật đều được khóa kín trong con người, Tiểu thiên địa của Đại thiên địa.—S. D., II, 723.

82. The animal tends to become man. Man is the macrocosm to the animal life. What man has developed, the animal will develop. Man's organs and faculties are latent in animal life as the animal is the reflection of man. Organs which are latent in the animal are unfolding or unfolded in man.

82. Động vật có xu hướng trở thành con người. Con người là đại thiên địa đối với đời sống động vật. Điều con người đã phát triển, động vật sẽ phát triển. Các cơ quan và năng lực của con người tiềm ẩn trong đời sống động vật, vì động vật là sự phản chiếu của con người. Những cơ quan còn tiềm ẩn trong động vật thì đang khai mở hoặc đã khai mở trong con người.

The lesser Builders[95] are the negative aspect and are swept into action in group formation through the play [Page 614] of positive force upon them, or through the action of the conscious Minds of the system.

Các vị tiểu kiến tạo95 là phương diện âm tính và bị cuốn vào hoạt động trong sự hình thành nhóm thông qua tác động [Page 614] của mãnh lực dương tính lên họ, hay thông qua tác động của các Trí Tuệ hữu thức của hệ thống lên họ.

The Army of the Voice, the devas in their serried ranks, work ceaselessly. Let the disciple apply himself to the consideration of their methods; let him learn the rules whereby that Army works within the veils of Maya. (IHS 203)

Đạo Quân của Âm Thanh, các thiên thần trong hàng ngũ dày đặc của họ, làm việc không ngừng nghỉ. Hãy để đệ tử chuyên tâm xem xét các phương pháp của họ; hãy để y học các quy luật nhờ đó Đạo Quân ấy hoạt động trong những bức màn của ảo lực. (IHS 203)

83. The term "lesser Builders" is relative. There are always greater "conscious Minds of the system" which can sweep lesser lives into action and group formation.

83. Thuật ngữ "các vị tiểu kiến tạo" là tương đối. Luôn luôn có những "Trí Tuệ hữu thức của hệ thống" lớn hơn có thể cuốn các sự sống nhỏ hơn vào hoạt động và sự hình thành nhóm.

84. For instance, the free will of man is very limited in relation to greater Beings. Man is

84. Chẳng hạn, ý chí tự do của con người rất hạn chế trong tương quan với các Hữu thể

swept into activity and group formation by such greater "conscious Minds" as the Planetary Logos and the Solar Logos. Man, then, becomes like a "lesser builder".

lớn hơn. Con người bị cuốn vào hoạt động và sự hình thành nhóm bởi những "Trí Tuệ hữu thức" lớn hơn như Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế. Khi ấy, con người trở nên giống như một "vị tiểu kiến tạo".

85. For practical purposes, however, we are speaking largely of the unconscious lives which are moved and grouped by *conscious* lives which act upon them.

85. Tuy nhiên, vì những mục đích thực tiễn, ở đây phần lớn chúng ta đang nói về những sự sống vô thức được di chuyển và tập hợp bởi các sự sống *hữu thức* tác động lên chúng.

FOOTNOTE [95]:

CHÚ THÍCH 95:

Pitris—The ancestors or creators of mankind.

Pitris—các thủy tổ hay những đấng sáng tạo ra nhân loại.

86. We should say, "creators of the lower *vehicles* of man".

86. Chúng ta nên nói, "những đấng sáng tạo ra các *vận cụ* thấp của con người".

They are of seven classes, three of which are incorporeal and four corporeal.

Các vị này thuộc bảy lớp, trong đó ba lớp là vô thể và bốn lớp là hữu thể.

87. It is difficult to discern what is meant. The term "corporeal" means possessing a body. Incorporeal entities do not possess a body of the same kind that corporeal beings do.

87. Thật khó phân biện điều được hàm ý. Thuật ngữ "hữu thể" có nghĩa là sở hữu một thể. Các thực thể vô thể không sở hữu một thể cùng loại như các hữu thể.

88. We must judge that "corporeal" and "incorporeal" are, again, relative terms.

88. Chúng ta phải phán đoán rằng "hữu thể" và "vô thể", một lần nữa, là những thuật ngữ tương đối.

89. If the etheric nature is considered physical, it is "corporeal". By comparison, the Lunar Pitris who provide the emotional and lower mental vehicles would be "incorporeal"

89. Nếu bản chất dĩ thái được xem là hồng trần, thì nó là "hữu thể". So sánh mà nói, các thái âm tổ phụ cung cấp các vận cụ cảm xúc và hạ trí sẽ là "vô thể"

These are usually called the Lunar Pitris or Ancestors and **must not be confounded with the Solar Pitris or Angels, who give**

Những vị này thường được gọi là các thái âm tổ phụ hay các Thủy Tổ và **không được nhầm lẫn với các thái dương tổ phụ hay các Thiên Thần, là những vị ban trí tuệ cho con**

mind to man, and create the relatively permanent body of the ego, or Higher Self.

90. The distinction between Lunar and Solar Pitris is foundational. The present problems experienced by humanity arise because this distinction is not understood or acted upon.

91. The idea that the Solar Angels gave mind to man is only partially true. Actually, they stimulated the development of the latent mind of animal man. Mind is inherent in the Monad (and, in fact, in all Monads) and, in time, would develop even without the intervention of the Solar Angels. Their intervention, however, advanced by millions of years the process of those who would eventually become human.

At the present stage of evolution—during the period of Light — it is difficult for the human being (until he has attained the consciousness of the Ego) to differentiate between the types of force, and to work consciously with these dual aspects.

92. Average human beings are so enmeshed in lunar forces that they do not realize that solar forces also exist. Even if they understand that solar forces exist, it is difficult for them to discriminate such forces from the more obviously present lunar forces. Presently, human consciousness is deeply *veiled*.

93. At the third degree one consciously attains the consciousness of the Ego. In that far more *solarized* state of consciousness, it is easier to perceive the contrast between the solar and lunar forces.

người, và tạo ra thể tương đối trường tồn của chân ngã, hay Bản Ngã Cao Siêu.

90. Sự phân biệt giữa các thái âm tổ phụ và thái dương tổ phụ là nền tảng. Những vấn đề hiện nay mà nhân loại trải qua phát sinh vì sự phân biệt này không được thấu hiểu hay được hành động theo.

91. Ý tưởng cho rằng các Thái dương Thiên Thần đã ban trí tuệ cho con người chỉ đúng một phần. Thực ra, các vị ấy đã kích thích sự phát triển của trí tuệ tiềm ẩn nơi người thú. Trí tuệ vốn cố hữu trong chân thần (và thật ra trong mọi chân thần) và, theo thời gian, sẽ phát triển ngay cả không có sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần. Tuy nhiên, sự can thiệp của các vị ấy đã đẩy nhanh tiến trình của những kẻ rốt cuộc sẽ trở thành con người lên hàng triệu năm.

Ở giai đoạn tiến hoá hiện nay—trong thời kỳ của Ánh sáng — con người khó có thể (cho đến khi y đạt được tâm thức của Chân ngã) phân biệt giữa các loại mãnh lực, và làm việc một cách hữu thức với các phương diện kép này.

92. Những con người trung bình bị vướng mắc trong các mãnh lực thái âm đến mức họ không nhận ra rằng các mãnh lực thái dương cũng tồn tại. Ngay cả nếu họ hiểu rằng các mãnh lực thái dương tồn tại, họ cũng khó phân biện những mãnh lực ấy với các mãnh lực thái âm hiện diện hiển nhiên hơn. Hiện nay, tâm thức con người còn bị *che phủ* rất sâu.

93. Ở cấp độ thứ ba, người ta hữu thức đạt được tâm thức của Chân ngã. Trong trạng thái tâm thức được *thái dương hóa* hơn rất nhiều ấy, việc nhận ra sự tương phản giữa

các mãnh lực thái dương và thái âm trở nên dễ dàng hơn.

94. The phrase "during the period of Light" is not easy to interpret. From one perspective, Spirit is "darkness" and we do not yet live in that form-obliterating, difference-obscuring darkness provided by Spirit-perception. Our consciousness is still very much captivated by that which "Light" reveals. (cf. Rule IX, R&I 22, 171). We are working within substance and are enveloped by both the "Mother" and the "Son".

94. Cụm từ "trong thời kỳ của Ánh sáng" không dễ diễn giải. Từ một góc nhìn, tinh thần là "bóng tối" và chúng ta chưa sống trong bóng tối xóa mờ hình tướng, che khuất dị biệt do tri giác tinh thần mang lại ấy. Tâm thức của chúng ta vẫn còn bị mê hoặc rất nhiều bởi điều mà "Ánh sáng" tiết lộ. (x. quy luật IX, R&I 22, 171). Chúng ta đang làm việc trong chất liệu và được bao bọc bởi cả "Mẹ" lẫn "Con".

95. The meaning of the phrase may be entirely other than that proposed, but at least one interpretation is put forth.

95. Ý nghĩa của cụm từ này có thể hoàn toàn khác với điều được đề xuất, nhưng ít nhất một cách diễn giải đã được nêu ra.

An Adept of the Light works with force in substance, viewing substance as that which is negative, and therefore **occultly to be moved**,

Một chân sư của Ánh sáng làm việc với mãnh lực trong chất liệu, xem chất liệu là cái âm tính, và do đó **theo huyền bí học phải được di chuyển**,

96. The highest expression of "Light" per se (and in relation to the human kingdom), comes at the fifth initiation. Masters are still human beings; Chohans, technically, are not. They have entered the "Darkness".

96. Biểu hiện cao nhất của "Ánh sáng" chính nó (và trong tương quan với giới nhân loại) đến ở lần điểm đạo thứ năm. Các Chân sư vẫn là những con người; còn các Chohan, về mặt kỹ thuật, thì không. Các Ngài đã đi vào "Bóng tối".

97. Substance is occultly negative and exhibits the quality of inertia. It is not 'self-moving' and, therefore, has to be "moved", or acted upon.

97. Chất liệu theo huyền bí học là âm tính và biểu lộ phẩm tính quán tính. Nó không "tự chuyển động" và do đó phải được "di chuyển", hay bị tác động lên.

98. The term "Adept of the Light" is used here in contrast to "Brother of Darkness".

98. Thuật ngữ "Chân sư của Ánh sáng" được dùng ở đây để đối chiếu với "Huynh Đệ của Bóng tối".

and He can do this because He has (in the three worlds of His endeavour) **achieved unity, or the point of balance and**

và Ngài có thể làm điều này vì Ngài đã (trong ba cõi giới của nỗ lực của Ngài) **đạt được sự hợp nhất, hay điểm quân bình và cân bằng**,

equilibrium, and can therefore balance forces and deal with positive and negative energies as appears best in the interests of the plan of evolution.

và do đó có thể quân bình các mãnh lực và đề cập đến các năng lượng dương tính và âm tính theo cách có vẻ tốt nhất cho lợi ích của thiên cơ tiến hoá.

99. The relationship of the sign Libra to the stage of Mastership has not been much emphasized, but it is unquestionably present.

99. Mối liên hệ của dấu hiệu Thiên Bình với giai đoạn Chân sư quả chưa được nhấn mạnh nhiều, nhưng chắc chắn là có hiện diện.

100. The "unity" achieved by the Master is related to the sign Leo, which occultly rules the fifth degree. The realization of unity is achieved by means of solar energies. One symbol for the Master is the Sun (the circle with the central dot).

100. "Sự hợp nhất" mà Chân sư đạt được có liên hệ với dấu hiệu Sư Tử, vốn một cách huyền bí cai quản cấp độ thứ năm. Sự chứng nghiệm hợp nhất đạt được nhờ các năng lượng thái dương. Một biểu tượng của Chân sư là Mặt Trời (vòng tròn với chấm ở trung tâm).

101. The Master stands at the acme of what we might call 'first solar system development' (even though the Arhat initiation was the highest initiation offered in that system). The Master has mastered or dominated the substance which is residual from that earlier system. Symbolically, He stands with his foot upon the "Serpent of Matter".

101. Chân sư đứng ở đỉnh cao của điều mà chúng ta có thể gọi là "sự phát triển của hệ mặt trời thứ nhất" (dù lần điểm đạo A-la-hán là lần điểm đạo cao nhất được ban trong hệ thống ấy). Chân sư đã làm chủ hay chế ngự chất liệu còn sót lại từ hệ thống trước đó. Một cách biểu tượng, Ngài đứng với bàn chân đặt trên "Con Rắn của Vật Chất".

102. He stands at the acme of intelligence and has become an intelligent *manipulator* of those forces. Therefore, He is an example, generically, of the triumph of the third ray. He is an Adept and can, thus, *adapt* matter/force to His purposes which are, of course, the purposes of the Divine Plan and Purpose (as He understands that Plan and Purpose).

102. Ngài đứng ở đỉnh cao của trí tuệ và đã trở thành một *người thao tác* thông minh đối với các mãnh lực ấy. Vì vậy, một cách tổng quát, Ngài là một ví dụ về sự chiến thắng của cung ba. Ngài là một chân sư và do đó có thể *thích ứng* vật chất/mãnh lực với các mục đích của Ngài, mà dĩ nhiên là các mục đích của Thiên Cơ và Thiên Ý (theo như Ngài hiểu Thiên Cơ và Thiên Ý ấy).

The Brother of Darkness, knowing himself to be positive force in essence, works with negative substance, or with the lesser Builders to bring about ends [Page 615] of his own, incited thereto by selfish motive.

Huynh đệ của Bóng tối, biết mình về bản chất là mãnh lực dương tính, làm việc với chất liệu âm tính, hay với các vị tiểu kiến tạo để mang lại những mục đích [Page 615] của riêng y, bị thúc đẩy vào đó bởi động cơ ích kỷ.

103. We have just see that a "Brother of Light" also works in substance, regarding it as something "occultly to be moved", but His motive and objective are entirely other than those of the "Brother of Darkness".

103. Chúng ta vừa thấy rằng một "Huynh đệ của Ánh sáng" cũng làm việc trong chất liệu, xem nó như một cái gì đó "theo huyền bí học phải được di chuyển", nhưng động cơ và mục tiêu của Ngài hoàn toàn khác với của "Huynh đệ của Bóng tối".

104. We can imagine that the work of the Brother of Darkness binds and enslaves the lives expressing as substance, and that the Brother of Light works in a manner which leads to the eventual liberation of these lesser lives.

104. Chúng ta có thể hình dung rằng công việc của Huynh đệ của Bóng tối trói buộc và nô dịch các sự sống biểu lộ thành chất liệu, còn Huynh đệ của Ánh sáng làm việc theo cách dẫn đến sự giải thoát cuối cùng của những sự sống nhỏ bé ấy.

The Brothers of Light co-operate with the positive aspect in, and of, all forms—the building devas of evolutionary intent—in order to bring about the **purposes of the Heavenly Man Who is the sumtotal of planetary physical manifestation**.

Các Huynh đệ của Ánh sáng hợp tác với phương diện dương tính trong, và của, mọi hình tướng—các thiên thần kiến tạo với ý hướng tiến hoá—để mang lại **các mục đích của Đấng Thiên Nhân là Đấng là tổng thể của biểu hiện hồng trần hành tinh**.

105. We have already seen that the Brother of Light seeks to stimulate the positive nucleus, or Spirit, within the human being. There is also a central spiritual core within every form and with this core the Brother of Light works.

105. Chúng ta đã thấy rằng Huynh đệ của Ánh sáng tìm cách kích thích hạt nhân dương tính, hay tinh thần, bên trong con người. Cũng có một cốt lõi tinh thần trung tâm bên trong mọi hình tướng, và với cốt lõi này Huynh đệ của Ánh sáng làm việc.

106. There is also the tendency of the Brother of Light to work with the positive aspect of forms rather than the negative aspect. He tends to work with "the building devas of evolutionary intent" rather than with the blind, elemental forces.

106. Huynh đệ của Ánh sáng cũng có khuynh hướng làm việc với phương diện dương tính của các hình tướng hơn là phương diện âm tính. Y có xu hướng làm việc với "các thiên thần kiến tạo với ý hướng tiến hoá" hơn là với các mãnh lực hành khí mù quáng.

107. Clearly there is a conscious and unconscious way. The "Brother of Light" promotes the 'Conscious Way' and the "Brother of Darkness" does all he can to promote unconsciousness (in those he wishes to enslave). When the tide of

107. Rõ ràng có một con đường hữu thức và một con đường vô thức. "Huynh đệ của Ánh sáng" thúc đẩy "Con Đường Hữu Thức", còn "Huynh đệ của Bóng tối" làm mọi điều y có thể để thúc đẩy tình trạng vô thức (nơi những kẻ y muốn nô dịch). Khi làn sóng vô

ignorance in humanity rises precipitously, the "Brothers of Darkness" are at work.

minh trong nhân loại dâng lên đột ngột, các "Huynh đệ của Bóng tối" đang hoạt động.

108. We may notice that a rather special definition of a Heavenly Man seems to have been given—He is the "sumtotal of planetary physical manifestation".

108. Chúng ta có thể lưu ý rằng dường như một định nghĩa khá đặc biệt về Đấng Thiên Nhân đã được đưa ra—Ngài là "tổng thể của biểu hiện hồng trần hành tinh".

109. Those who take exception to the equating of the terms "Planetary Logos" and "Heavenly Man" should look closely at this rather limiting definition of a Heavenly Man.

109. Những ai phản đối việc đồng nhất hai thuật ngữ "Hành Tinh Thượng Đế" và "Đấng Thiên Nhân" nên xem xét kỹ định nghĩa khá giới hạn này về một Đấng Thiên Nhân.

110. Alternatively, we could be speaking of one particular Heavenly Man Who, Himself, "is the sumtotal of planetary physical manifestation"—for instance, the Globe Lord of the Earth-globe.

110. Hoặc, chúng ta có thể đang nói về một Đấng Thiên Nhân đặc biệt, Đấng mà chính Ngài "là tổng thể của biểu hiện hồng trần hành tinh"—chẳng hạn, Chúa Tể bầu hành tinh của bầu Địa Cầu.

111. From yet another perspective, we might ask, "Is there one particular Heavenly Man, Who is not a Globe Lord, Who is the embodiment "of planetary physical manifestation"? We probably should confine ourselves to the planetary scheme of Earth, in which case the answer becomes simpler. If we think of such a Heavenly Man as a *systemic* Being, we shall have to ponder the possibilities.

111. Từ một góc nhìn khác nữa, chúng ta có thể hỏi, "Có phải có một Đấng Thiên Nhân đặc biệt nào đó, không phải là một Chúa Tể bầu hành tinh, là hiện thân 'của biểu hiện hồng trần hành tinh' không?" Có lẽ chúng ta nên giới hạn mình trong hệ hành tinh của Trái Đất, trong trường hợp đó câu trả lời trở nên đơn giản hơn. Nếu chúng ta nghĩ về một Đấng Thiên Nhân như thế như một Hữu thể *hệ thống*, chúng ta sẽ phải suy ngẫm về các khả năng.

It can be seen, therefore, how necessary it is that the functions of the devas of all grades be comprehended.

Do đó, có thể thấy các chức năng của những thiên thần ở mọi cấp bậc cần được thấu hiểu đến mức nào.

112. We must realize that there are a huge number of grades. In studying these grades we are studying the many diverse forces of Nature.

112. Chúng ta phải nhận ra rằng có một số lượng cấp bậc vô cùng lớn. Khi nghiên cứu các cấp bậc này, chúng ta đang nghiên cứu nhiều mãnh lực đa dạng của Thiên Nhiên.

It is however equally important that man should refrain from the manipulation of these forces of nature until such time as he

Tuy nhiên, điều quan trọng không kém là con người phải tránh thao túng các mãnh lực này của thiên nhiên cho đến khi y "biết"

"knows" himself, and his own powers, and until he has fully unfolded the consciousness of the ego;

chính mình, và các quyền năng của chính y, và cho đến khi y đã khai mở trọn vẹn tâm thức của chân ngã;

113. What are the requirements to be fulfilled before the forces of nature can be safely and wisely manipulated:

113. Những điều kiện nào phải được hoàn tất trước khi các mãnh lực của thiên nhiên có thể được thao túng một cách an toàn và minh triết:

a. Man must know himself

a. Con người phải biết chính mình

b. Man must know his own powers

b. Con người phải biết các quyền năng của chính mình

c. Man must have unfolded the powers and consciousness of the Ego

c. Con người phải khai mở các quyền năng và tâm thức của Chân ngã

114. We have been told that intercourse with the lower devas (those of the eighteen lower sub-planes) is not initially allowed. Man may now attempt to approach the higher devas (such as Solar Angels or guardian angels), but not the lower. He does not yet know enough nor is he sufficiently 'Self-possessed'.

114. Chúng ta đã được cho biết rằng lúc ban đầu không được phép giao tiếp với các thiên thần thấp hơn (những vị thuộc mười tám cõi phụ thấp). Hiện nay con người có thể cố gắng tiếp cận các thiên thần cao hơn (như các Thái dương Thiên Thần hay các thiên thần hộ vệ), nhưng không phải các vị thấp hơn. Y vẫn chưa biết đủ và cũng chưa đủ "tự chủ".

then, and only then, can he safely, wisely, and intelligently co-operate in the plan.

khi ấy, và chỉ khi ấy, y mới có thể hợp tác trong Thiên Cơ một cách an toàn, minh triết và thông tuệ.

115. We gather here that one very important mode of cooperation with the Divine Plan is through the manipulation of devic forces.

115. Ở đây chúng ta rút ra rằng một phương thức hợp tác rất quan trọng với Thiên Cơ là thông qua việc thao túng các mãnh lực thiên thần.

116. Until the requirements for safe, wise and intelligent manipulation of such forces are fulfilled, man must find *other* methods of cooperating with the Plan.

116. Cho đến khi các điều kiện để thao túng những mãnh lực ấy một cách an toàn, minh triết và thông tuệ được hoàn tất, con người phải tìm ra những phương pháp *khác* để hợp tác với Thiên Cơ.

As yet, for the average man or even the advanced man this is dangerous to attempt and impossible to accomplish.

Hiện nay, đối với người trung bình hay ngay cả người tiến bộ, điều này là nguy hiểm nếu cố làm và không thể hoàn thành.

117. DK is telling us who may safely, wisely and intelligently manipulate the devic forces of nature and who may not. When the term "nature" is used, it usually means the forces of the eighteen lower sub-planes. If "Nature" is capitalized, it can indicate the forces of the cosmic physical plane, which, *cosmically* are *natural* (i.e., pertaining to material life).

117. Chân sư DK đang cho chúng ta biết ai có thể thao túng các mãnh lực thiên thần của thiên nhiên một cách an toàn, minh triết và thông tuệ, và ai thì không thể. Khi thuật ngữ "nature" được dùng, nó thường có nghĩa là các mãnh lực của mười tám cõi phụ thấp. Nếu "Nature" được viết hoa, nó có thể chỉ các mãnh lực của cõi hồng trần vũ trụ, vốn, *xét theo vũ trụ*, là *tự nhiên* (tức là thuộc về sự sống vật chất).

118. It would seem that the manipulation of the unconscious devic lives is very securely guarded. Average and even advanced man (not yet initiate) may succeed in contacting them and may affect them, but cannot do so safely, wisely and intelligently and cannot thereby assist the working out of the Divine Plan. All he can do is endanger himself and possibly interfere with the correct working out of the Plan.

118. Dường như việc thao túng các sự sống thiên thần vô thức được canh giữ rất nghiêm ngặt. Người trung bình và ngay cả người tiến bộ (chưa phải điểm đạo đồ) có thể thành công trong việc tiếp xúc với họ và có thể tác động đến họ, nhưng không thể làm như vậy một cách an toàn, minh triết và thông tuệ, và do đó không thể trợ giúp cho sự triển khai của Thiên Cơ. Tất cả những gì y có thể làm là gây nguy hiểm cho chính mình và có thể cản trở sự triển khai đúng đắn của Thiên Cơ.

Now, let us add a few more statements upon which the student can ponder before we pass on to study specifically the three main groups of building devas on the three planes in the three worlds which most intimately concern man.

Bây giờ, chúng ta hãy thêm một vài phát biểu nữa để đạo sinh có thể suy ngẫm trước khi chúng ta chuyển sang nghiên cứu cụ thể ba nhóm chính của các thiên thần kiến tạo trên ba cõi trong ba cõi giới có liên hệ mật thiết nhất với con người.

119. So far we are dealing with general information and are preparing to take up a study of specific devas.

119. Cho đến nay chúng ta đang bàn đến thông tin tổng quát và đang chuẩn bị bắt đầu nghiên cứu các thiên thần cụ thể.

The building devas[96] are the Ah-hi, or Universal Mind. They contain within their consciousness the plan logoic, [Page 616] and inherently possess the power to work it

Các thiên thần kiến tạo96 là các Ah-hi, hay Vũ Trụ Trí. Trong tâm thức của mình, các Ngài chứa đựng thiên cơ logoic, [Page 616] và vốn sẵn có quyền năng triển khai nó trong

out in time and space, being the conscious forces of evolution.

120. The Ah-hi are solar systemic Beings. They are not simply planetary in scope.

121. It is essential that we understand the meaning of "Universal Mind". Our solar system is frequently referred to as a "universe" and so the "Universal Mind" would be the Mind of the Solar Logos.

122. Thus, to 'locate' "Universal Mind" we might be taken to the cosmic mental plane in its two divisions.

123. From another perspective, all of Brahma is the "Universal Mind" and Brahma, Fohat, Agni are intelligently active on all the eighteen lower cosmic sub-planes.

124. Closer to our own level of experience, Universal Mind is reflected on the cosmic physical plane and especially on the atmic level which is ruled by Saturn and the third ray.

125. If we study what is said in the section of text above, there are many atmic 'signatures'.

a. The atmic plane is especially associated with the Divine Plan, the "plan logoic".

b. The atmic plane is the specifically Brahmic plane (of the higher planes) and is, thus, specifically related to time and space. Its Word is the A.U.M. which is the Word of the third aspect.

thời gian và không gian, vì các Ngài là những mãnh lực có ý thức của tiến hoá.

120. Các Ah-hi là những Hữu thể thuộc hệ mặt trời. Phạm vi của các Ngài không chỉ đơn thuần là hành tinh.

121. Điều cốt yếu là chúng ta phải hiểu ý nghĩa của "Vũ Trụ Trí". Hệ mặt trời của chúng ta thường được gọi là một "vũ trụ", và vì thế "Vũ Trụ Trí" sẽ là Trí của Thái dương Thượng đế.

122. Như vậy, để "định vị" "Vũ Trụ Trí", chúng ta có thể được dẫn đến cõi trí vũ trụ trong hai phân bộ của nó.

123. Từ một góc nhìn khác, toàn bộ Brahma là "Vũ Trụ Trí", và Brahma, Fohat, Agni hoạt động một cách thông tuệ trên toàn bộ mười tám cõi phụ vũ trụ thấp.

124. Gần hơn với cấp độ kinh nghiệm của chính chúng ta, Vũ Trụ Trí được phản chiếu trên cõi hồng trần vũ trụ và đặc biệt trên cấp độ atma, vốn được Sao Thổ và cung ba cai quản.

125. Nếu chúng ta nghiên cứu điều được nói trong phần văn bản trên, có nhiều "dấu ấn" atma.

a. Cõi atma đặc biệt gắn liền với Thiên Cơ, "thiên cơ logoic".

b. Cõi atma là cõi đặc thù của Brahma (trong các cõi cao) và vì vậy đặc biệt liên hệ với thời gian và không gian. Linh từ của nó là A.U.M., tức Quyền năng từ của phương diện thứ ba.

c. The forces of the Universal Mind are the "conscious forces of evolution". The forces behind the Will-to-Evolve can be found expressing on the atmic plane. The Will-to-Evolve is the third ray expression of the Divine Will and is, thus, particularly related to the atmic plane—the *third* plane.

c. Các mãnh lực của Vũ Trụ Trí là "những mãnh lực có ý thức của tiến hoá". Những mãnh lực đứng sau Ý Chí-hướng đến Tiến Hoá có thể được tìm thấy đang biểu lộ trên cõi atma. Ý Chí-hướng đến Tiến Hoá là biểu hiện cung ba của Ý Chí thiêng liêng và vì vậy đặc biệt liên hệ với cõi atma—cõi *thứ ba*.

FOOTNOTE: [96]

CHÚ THÍCH: 96

Devas. "...he would have

Các thiên thần. "...ông ấy hẳn đã

(1) divided the Devas into two classes—and called them the "Rupa-devas" and the "Arupa-devas" (the "form" or objective, and the "formless" or subjective Dhyan Chohans;

(1) chia các thiên thần thành hai loại—và gọi chúng là "Rupa-devas" và "Arupa-devas" (các Dhyan Chohans "có hình tướng" hay khách quan, và "vô tướng" hay chủ quan;

126. We see that some devic lives of a very high nature are called "Dhyan Chohans"

126. Chúng ta thấy rằng một số sự sống thiên thần có bản chất rất cao được gọi là "Dhyan Chohans"

127. From the perspective of the Planetary Logos, the rupa levels are found beneath the higher mental plane and the arupa levels on that plane (the higher mental) and above.

127. Từ góc nhìn của Hành Tinh Thượng Đế, các cấp độ rupa được tìm thấy bên dưới Cõi thượng trí và các cấp độ arupa ở trên cõi ấy (cõi thượng trí) và cao hơn nữa.

128. From the solar logoic perspective, everything below the buddhic plane is rupa.

128. Từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế, mọi thứ bên dưới cõi Bồ đề đều là rupa.

and

và

(2) would have done the same for his class of "men" since there are Shells and "Mara-rupas"—i.e. bodies doomed to annihilation.

(2) cũng sẽ làm điều tương tự đối với loại "người" của ông ấy vì có các Vỏ và "Mara-rupas"—tức các thể bị định phải bị huỷ diệt.

129. These are obviously lower or degenerate forms. Wherever we see the word "Mara" we are reminded of the enemy of the Buddha—the personification of the forces of glamor and illusion.

129. Đây rõ ràng là những hình tướng thấp hoặc thoái hoá. Bất cứ nơi nào chúng ta thấy từ "Mara", chúng ta đều được nhắc nhớ đến kẻ thù của Đức Phật—sự nhân cách hoá các mãnh lực của ảo cảm và ảo tưởng.

All these are:

(1) “Rupa-devas”—Dhyan Chohans, having forms. | Ex-men.

130. By “ex-men” we mean those who have evolved through the human kingdom.

131. The “Rupa-devas”, if they are Dhyan Chohans, are advanced beings. We can assume that for purposes of service, they have retained (or have generated) forms which can be used in the lower three worlds, hence the appellation, “Rupa”.

(2) “Arupa-devas”—Dhyan Chohans, having no forms. | Ex-men.

132. We can conceive of these “Arupa-devas” as ‘graduate’ human beings who inhabit the cosmic etheric planes, and perhaps the higher mental plane.

133. It would be of importance to know how these rupa and arupa devas became “ex-men”. Was it before they had mastered the spiritual curriculum, or only afterwards—once they had.

(3) “Pisachas”—(two-principled) ghosts.

134. It would seem that there is no intelligence in these beings. They seem to be possessed of an etheric nature and perhaps of prana.

(4) “Mara-rupa”—Doomed to death (three principled).

Tất cả những loại này là:

(1) “Rupa-devas”—Dhyan Chohans, có hình tướng. | Cựu nhân loại.

130. Bởi “cựu nhân loại”, chúng ta muốn nói đến những vị đã tiến hoá qua giới nhân loại.

131. Các “Rupa-devas”, nếu là Dhyan Chohans, là những hữu thể tiến hoá cao. Chúng ta có thể giả định rằng vì mục đích phụng sự, các vị ấy đã giữ lại (hoặc đã tạo ra) những hình tướng có thể được sử dụng trong ba cõi thấp, do đó có danh xưng “Rupa”.

(2) “Arupa-devas”—Dhyan Chohans, không có hình tướng. | Cựu nhân loại.

132. Chúng ta có thể hình dung các “Arupa-devas” này như những con người đã “tốt nghiệp”, cư ngụ trên các cõi dĩ thái vũ trụ, và có lẽ cả trên Cõi thượng trí.

133. Điều quan trọng là phải biết các thiên thần rupa và arupa này đã trở thành “cựu nhân loại” như thế nào. Có phải trước khi họ làm chủ chương trình học tinh thần, hay chỉ sau đó—một khi họ đã làm chủ.

(3) “Pisachas”—ma quỷ (nhị nguyên khí).

134. Dường như không có trí tuệ trong những hữu thể này. Chúng có vẻ sở hữu một bản chất dĩ thái và có lẽ cả prana.

(4) “Mara-rupa”—Bị định phải chết (tam nguyên khí).

135. These beings (since the name “Mara” is attached to them) must have for one of their principles, “kama”. The major ‘haunt’ of “Mara” is the astral plane which is the plane of kama.

135. Những hữu thể này (vì tên “Mara” gắn với chúng) hẳn phải có một trong các nguyên khí của mình là “kama”. “Nơi ám trú” chính của “Mara” là cõi cảm dục, vốn là cõi của kama.

136. Sometimes “kama” is not enumerated as a principle and is replaced by “kama-manas”.

136. Đôi khi “kama” không được liệt kê như một nguyên khí và được thay bằng “kama-manas”.

137. The three principles of these beings would then be: the etheric body, prana and kama or, alternatively, the etheric body, prana and kama-manas.

137. Khi đó ba nguyên khí của những hữu thể này sẽ là: thể dĩ thái, prana và kama hoặc, cách khác, thể dĩ thái, prana và trí-cảm.

138. They are doomed to death because they are not informed by the energy of higher mind which confers the immortality of the soul/Ego/Monad.

138. Chúng bị định phải chết vì không được thấm nhuần bởi năng lượng của thượng trí, năng lượng ban cho sự bất tử của linh hồn/chân ngã/chân thần.

(5) Asuras—Elementals—having human form. | Future men.

(5) Asuras—các hành khí—mang hình người. | Nhân loại tương lai.

139. Sometimes the term “asuras” means “demons”. This is not the case here. We are speaking of the lords of the human lunar vehicles who will, eventually, become self-conscious as they evolve into human beings.

139. Đôi khi thuật ngữ “asuras” có nghĩa là “quỷ”. Ở đây không phải vậy. Chúng ta đang nói đến các chúa tể của những vận cụ nguyệt tính của con người, những vị cuối cùng sẽ trở nên có ngã thức khi tiến hoá thành con người.

140. In the *Secret Doctrine* HPB tells us that the Solar Angels or Agnishvattas are really “Asuras”. History has slandered these great Beings, demoting their clearly divine status to demons.

140. Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* HPB cho chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần hay Agnishvattas thực sự là “Asuras”. Lịch sử đã vu khống những Hữu thể vĩ đại này, hạ thấp địa vị rõ ràng thiêng liêng của các Ngài xuống thành quỷ.

(6) Beasts—Elementals second class—animal elementals. | Future men

(6) Thú vật—hành khí loại hai—các hành khí động vật. | Nhân loại tương lai

141. Animals will be individualized, eventually. Here we are speaking of the etheric/astral forms of animals.

141. Các động vật cuối cùng sẽ được biệt ngã hóa. Ở đây chúng ta đang nói đến các hình tướng dĩ thái/cảm dục của động vật.

(7) Rakshasas—(Demons) Souls or Astral Forms of sorcerers; men who have reached the apex of knowledge in the forbidden art. Dead or alive they have, so to say, cheated nature; but it is only temporary—**until our planet goes into obscuration,** after which they have nolens volens to be annihilated.

(7) Rakshasas—(Quỷ) các linh hồn hay các hình tướng cảm dục của những phù thủy; những người đã đạt đến đỉnh cao tri thức trong tà thuật bị cấm. Dù chết hay sống, có thể nói rằng họ đã lừa được thiên nhiên; nhưng điều đó chỉ là tạm thời—**cho đến khi hành tinh của chúng ta đi vào sự che khuất,** sau đó họ, dù muốn hay không, đều phải bị huỷ diệt.

142. There are intelligent (often, *very* intelligent) human beings. They have been severed from the Solar Angel. They probably still have a causal body which is the repository of their accumulated human experience and a resource upon which they can draw—but this causal body is not animated by the Christ-Principle and a Solar Angel is no longer associated with it.

142. Có những con người thông tuệ (thường là, *rất* thông tuệ). Họ đã bị cắt lìa khỏi Thái dương Thiên Thần. Có lẽ họ vẫn còn một thể nguyên nhân là nơi lưu giữ kinh nghiệm nhân loại đã tích luỹ của họ và là một nguồn lực mà họ có thể rút dùng—nhưng thể nguyên nhân này không được nguyên khí Christ làm sinh động, và một Thái dương Thiên Thần không còn liên kết với nó nữa.

143. It may be that we have wondered how long a demon can survive before compulsory annihilation in the "eighth sphere". HPB tells us that their annihilation will come when our planet goes into obscuration. In this regard (since our planet—considered as a globe—following those spans known as "World Periods" goes through a number of obscurations) we must wonder whether we are speaking of a temporary obscuration of a globe or the obscuration of the entire planetary scheme.

143. Có thể chúng ta từng tự hỏi một quỷ có thể tồn tại bao lâu trước khi bị buộc phải huỷ diệt trong "khối cầu thứ tám". HPB cho chúng ta biết rằng sự huỷ diệt của họ sẽ đến khi hành tinh của chúng ta đi vào sự che khuất. Về phương diện này (vì hành tinh của chúng ta—được xét như một bầu hành tinh—sau những chu kỳ được gọi là "Thời Kỳ Thế Giới" sẽ trải qua một số lần che khuất), chúng ta phải tự hỏi liệu ở đây đang nói đến sự che khuất tạm thời của một bầu hành tinh hay sự che khuất của toàn bộ hệ hành tinh.

144. It would seem that it is the obscuration of the planetary scheme which is discussed but further research is necessary.

144. Dường như điều được bàn đến là sự che khuất của hệ hành tinh, nhưng vẫn cần nghiên cứu thêm.

It is these seven groups that form the principal divisions of the Dwellers of the subjective world around us."—Mahatma Letters to A. P. Sinnett, 107.

Chính bảy nhóm này tạo thành những phân bộ chính của các Kẻ Chận Ngõ của thế giới chủ quan quanh chúng ta."—Mahatma Letters to A. P. Sinnett, 107.

145. This is a very valuable tabulation. It is probable that the average reader of TCF is not yet in a position to 'navigate' the subtle worlds in subtle vehicles, but the time will come and, then, the inhabitants of these worlds must be understood because they will be encountered..

145. Đây là một bảng phân loại rất có giá trị. Có lẽ độc giả trung bình của TCF chưa ở vào vị thế có thể "định hướng" trong các thế giới vi tế bằng các vận cụ vi tế, nhưng thời điểm ấy sẽ đến, và khi đó cư dân của các thế giới này phải được hiểu rõ vì họ sẽ được gặp.

They not only embody the Divine Thought but are that through which it manifests, and its actuating activity. <u>They are essentially motion</u>.

Các Ngài không những hiện thân cho Tư Tưởng thiêng liêng mà còn là cái qua đó Tư Tưởng ấy biểu lộ, và là hoạt động thúc đẩy của nó. <u>Về bản chất, các Ngài chính là chuyển động</u>.

146. We are now returning to a discussion of the Universal Mind.

146. Giờ đây chúng ta đang quay lại với cuộc bàn luận về Vũ Trụ Trí.

147. The Ah-hi are said to be two things:

147. Các Ah-hi được nói là hai điều:

a. They embody Divine Thought

a. Các Ngài hiện thân cho Tư Tưởng thiêng liêng

b. They are that through which Divine Thought manifests—the "actuating activity" of Divine Thought.

b. Các Ngài là cái qua đó Tư Tưởng thiêng liêng biểu lộ—"hoạt động thúc đẩy" của Tư Tưởng thiêng liêng.

148. We can link the Ah-hi to Agni by remembering that Agni has just been called "*actuating fire*" (TCF 606)

148. Chúng ta có thể liên kết các Ah-hi với Agni bằng cách nhớ rằng Agni vừa được gọi là "*lửa thúc đẩy*" (TCF 606)

149. It would seem that the Ah-hi have a 'formless form'. We must remember that our arupa or formless levels are, nonetheless, *rupa* from a cosmic perspective. Shape and form still exists upon the cosmic etheric planes, just as it does upon the systemic etheric planes.

149. Dường như các Ah-hi có một "hình tướng vô tướng". Chúng ta phải nhớ rằng các cấp độ arupa hay vô tướng của chúng ta, tuy vậy, vẫn là *rupa* từ góc nhìn vũ trụ. Hình dạng và hình tướng vẫn tồn tại trên các cõi dĩ thái vũ trụ, cũng như trên các cõi dĩ thái của hệ thống.

150. Thus the Ah-hi are subtle cosmic etheric forms through which Divine Thought can find expression.

150. Như vậy các Ah-hi là những hình tướng dĩ thái vũ trụ vi tế qua đó Tư Tưởng thiêng liêng có thể tìm được sự biểu lộ.

151. They also actuate Divine Thought, setting it in motion as an actuating, positive force in relation to lesser and negative forces.

151. Các Ngài cũng thúc đẩy Tư Tưởng thiêng liêng, đặt nó vào chuyển động như một mãnh lực thúc đẩy, tích cực trong tương quan với các mãnh lực nhỏ hơn và tiêu cực.

152. We can see the close relation between:

152. Chúng ta có thể thấy mối liên hệ mật thiết giữa:

a. Agni

a. Agni

b. Fohat

b. Fohat

c. Brahma

c. Brahma

d. Holy Spirit

d. Chúa Thánh Thần

e. Universal Mind

e. Vũ Trụ Trí

f. The Ah-hi

f. Các Ah-hi

The lesser builders are more particularly the material form which is actuated, and in their cohorts are the substance of matter (considering substance as that which lies back of matter).

Các vị tiểu kiến tạo đặc biệt là hình tướng vật chất được thúc động, và trong các đoàn ngũ của họ là chất liệu của vật chất (xét chất liệu như cái nằm phía sau vật chất).

153. The concept we are discussing is relatively simple: we are speaking of the movers and that which is moved; of that

153. Khái niệm chúng ta đang bàn đến tương đối đơn giản: chúng ta đang nói về cái làm chuyển động và cái được chuyển động;

which impels and that which receives the impulsion; of positive and negative.

154. The lesser builders are substance/matter which is acted upon by the Greater Builders. There is motion—the Greater Builders; and there is that which is moved—the lesser builders.

155. The Masters sometimes speak of the "material" with which They have to work. Their students are this "material"; Their students are then, analogously, "lesser builders" when compared to the Masters.

156. Note the word "cohorts" as it suggests those who affiliate, even if unconsciously. Cohorts are lives which are magnetically drawn to each other because of their virtually identical nature. To be a "cohort" however is not a very high or conscious type of association.

157. All 'material' can be considered matter or substance depending on its relation to that which is above or below. What is substance from a lower perspective is matter when seen from a higher.

158. From another perspective, substance, when acted upon, can be denominated as matter. Matter, from this perspective, is passive and receptive and substance is active and positive.

159. Certain devas are considered substantial to matter when they act upon and manipulate it.

160. There are other familiar contexts, however, in which substance is also considered passive and receptive to more

về cái thúc đẩy và cái tiếp nhận sự thúc đẩy; về tích cực và tiêu cực.

154. Các vị tiểu kiến tạo là chất liệu/vật chất chịu tác động của các đấng đại kiến tạo. Có chuyển động—các đấng đại kiến tạo; và có cái được chuyển động—các vị tiểu kiến tạo.

155. Các Chân sư đôi khi nói về "vật liệu" mà Các Ngài phải làm việc cùng. Các đạo sinh của Các Ngài là "vật liệu" này; do đó, theo phép tương đồng, các đạo sinh của Các Ngài là "các vị tiểu kiến tạo" khi so với các Chân sư.

156. Hãy lưu ý từ "đoàn ngũ", vì nó gợi ý những kẻ liên kết với nhau, dù là vô thức. Đoàn ngũ là những sự sống bị hút về nhau bằng từ tính vì bản chất của chúng hầu như đồng nhất. Tuy nhiên, là một "đoàn ngũ" không phải là một loại liên kết cao hay có ý thức lắm.

157. Mọi "vật liệu" đều có thể được xem là vật chất hay chất liệu tùy theo tương quan của nó với cái ở trên hay ở dưới. Điều là chất liệu từ góc nhìn thấp hơn sẽ là vật chất khi được nhìn từ góc nhìn cao hơn.

158. Từ một góc nhìn khác, chất liệu, khi bị tác động, có thể được gọi là vật chất. Theo góc nhìn này, vật chất là thụ động và tiếp nhận, còn chất liệu là tích cực và chủ động.

159. Một số thiên thần được xem là có tính chất liệu đối với vật chất khi họ tác động lên và thao túng nó.

160. Tuy nhiên, cũng có những ngữ cảnh quen thuộc khác trong đó chất liệu cũng được xem là thụ động và tiếp nhận đối với

positive forces. So, we cannot dogmatize about these two terms—matter and substance.

các mãnh lực tích cực hơn. Vì vậy, chúng ta không thể giáo điều về hai thuật ngữ này—vật chất và chất liệu.

They are that which produces concretion and which gives form to the abstract.

Chúng là cái tạo ra sự kết đặc và cái ban hình tướng cho điều trừu tượng.

161. The lesser builders give form to that which is more abstract.

161. Các vị tiểu kiến tạo ban hình tướng cho cái trừu tượng hơn.

162. As givers of concretion they must be particularly ruled by the rays which confer concretion—the fifth, sixth and seventh.

162. Với tư cách là những đấng ban sự kết đặc, hẳn họ đặc biệt được cai quản bởi các cung ban sự kết đặc—cung năm, sáu và bảy.

163. If the "Law of Fixation" is the "Law of Concretion" it must be closely related to the manipulation of the lesser builders.

163. Nếu "Định luật Cố Định" là "Định luật Kết Đặc" thì nó hẳn phải liên hệ mật thiết với việc thao túng các vị tiểu kiến tạo.

The terms "rupa" and "arupa" devas are relative,[97] for the formless levels and the formless lives are only so from the standpoint of man in the three worlds;

Các thuật ngữ "rupa" và "arupa" devas là tương đối,97 vì các cấp độ vô tướng và các sự sống vô tướng chỉ là như vậy từ quan điểm của con người trong ba cõi giới;

164. DK is stating the truth I have been trying to emphasize above. It is our own human perspective which suggests to us that certain lives are either rupa or arupa.

164. Chân sư DK đang phát biểu chân lý mà tôi đã cố nhấn mạnh ở trên. Chính góc nhìn nhân loại của chúng ta khiến chúng ta cho rằng một số sự sống nào đó hoặc là rupa hoặc là arupa.

165. Our highest, apparently, arupa expressions are very much rupa from the perspective of those whose lives are focussed on the cosmic astral or cosmic mental planes.

165. Những biểu hiện cao nhất của chúng ta, bề ngoài là arupa, lại rất rupa từ góc nhìn của những vị có sự sống tập trung trên các cõi cảm dục vũ trụ hay cõi trí vũ trụ.

the formless lives are those which are functioning in and through the etheric body of the Logos, formed of the matter of the four higher planes of the system.

các sự sống vô tướng là những sự sống đang hoạt động trong và xuyên qua thể dĩ thái của Thượng đế, được cấu thành từ vật chất của bốn cõi cao của hệ thống.

166. This is a succinct statement yet, still, a relative one.

166. Đây là một phát biểu súc tích nhưng vẫn là một phát biểu tương đối.

167. As stated, the higher mental plane occupies a midway position between those vibratory levels which from the human perspective are considered either rupa or arupa.

167. Như đã nói, Cõi thượng trí chiếm một vị trí ở giữa giữa những cấp độ rung động mà từ góc nhìn nhân loại được xem là hoặc rupa hoặc arupa.

FOOTNOTE [97]:

CHÚ THÍCH 97:

Rupa with form or body.

Rupa có hình tướng hay thể.

Arupa formless or bodiless.

Arupa vô tướng hay vô thể.

Generally speaking, the term rupa is applied to all forms in the three worlds **whilst the term arupa is applied to all forms through which existences manifest on the four higher levels of the solar system and the abstract levels of the mental plane.**

Nói chung, thuật ngữ rupa được áp dụng cho mọi hình tướng trong ba cõi giới **trong khi thuật ngữ arupa được áp dụng cho mọi hình tướng qua đó các hiện hữu biểu lộ trên bốn cấp độ cao của hệ mặt trời và các cấp độ trừu tượng của cõi trí.**

168. We must be cautious when speaking of "the three worlds". So often this phrase indicates life upon the lower eighteen sub-planes. The higher mental plane is usually *not* considered part of life in the three worlds. This is the case from the perspective of the Planetary Logos and is the perspective indicated in the foregoing section of text.

168. Chúng ta phải thận trọng khi nói về "ba cõi giới". Rất thường khi cụm từ này chỉ sự sống trên mười tám cõi phụ thấp. Cõi thượng trí thường *không* được xem là một phần của sự sống trong ba cõi giới. Đây là trường hợp từ góc nhìn của Hành Tinh Thượng Đế và là góc nhìn được chỉ ra trong phần văn bản vừa nêu.

169. However, from the solar logoic perspective, the three worlds include the egoic lotus and the higher mental plane.

169. Tuy nhiên, từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế, ba cõi giới bao gồm Hoa Sen Chân Ngã và Cõi thượng trí.

From this point of view the mental plane provides an interesting consideration: —its three higher subplanes **are positive, and centralise the positive force of the plane.**

Từ quan điểm này, cõi trí đem lại một sự xem xét thú vị: —esta ba cõi phụ cao của nó **là tích cực, và tập trung mãnh lực tích cực của cõi ấy.**

170. The egoic lotus, resident upon the higher mental plane, is a center of positivity when compared to the lunar forces of the personality.

170. Hoa Sen Chân Ngã, cư ngụ trên Cõi thượng trí, là một trung tâm tích cực khi so với các mãnh lực nguyệt tính của phàm ngã.

171. The fourth sub-plane of the mental plane is also a subplane of relative positivity and capacity for centralization. The mental unit, let us remember, is found there.

171. Cõi phụ thứ tư của cõi trí cũng là một cõi phụ có tính tích cực tương đối và có khả năng tập trung. Xin nhớ rằng đơn vị hạ trí nằm ở đó.

172. Upon the higher three sub-planes of the mental plane the positive force of the mental plane is centralized. A different kind of positive force is centralized on each of the three higher sub-planes.

172. Trên ba cõi phụ cao của cõi trí, mãnh lực tích cực của cõi trí được tập trung. Một loại mãnh lực tích cực khác nhau được tập trung trên mỗi cõi phụ cao trong ba cõi phụ ấy.

This focussing of the positive affects the negative substance of the four lower planes and brings about likewise:

Sự tập trung này của cái tích cực tác động lên chất liệu tiêu cực của bốn cõi thấp và cũng mang lại:

173. Here we are discussing the positive effects of that which emanates from the positive force centers on the higher mental plane. These influence of the positive focussing operates horizontally as well as with respect to the lower three worlds.

173. Ở đây chúng ta đang bàn đến các hiệu quả tích cực của cái phát xạ từ các trung tâm mãnh lực tích cực trên Cõi thượng trí. Ảnh hưởng của sự tập trung tích cực này vận hành theo chiều ngang cũng như đối với ba cõi thấp.

a. The formation of force centres on the causal levels, those force centres being egoic groups in their various divisions.

a. Sự hình thành các trung tâm mãnh lực trên các cấp độ nguyên nhân, các trung tâm mãnh lực ấy là các nhóm chân ngã trong những phân bộ khác nhau của chúng.

174. There are many egoic groups and these aggregations are *qualitatively determined.* Aggregations are formed on the basis of ray concentrations and probably on the basis of the number of petals unfolded. Probably monadic type (albeit behind the scenes) has something to do with the manner of aggregation of the egoic groups.

174. Có nhiều nhóm chân ngã, và những tập hợp này được *xác định về mặt phẩm tính.* Các tập hợp được hình thành trên cơ sở những sự tập trung cung và có lẽ trên cơ sở số lượng cánh hoa đã khai mở. Có lẽ loại chân thần (dù ở phía sau hậu trường) có liên quan đến cách thức tập hợp của các nhóm chân ngã.

175. This formation of force centers is an effect that is confined to the higher mental plane and is not primarily an application of force to the lower mental sub-planes and planes still more inferior.

175. Sự hình thành các trung tâm mãnh lực này là một hiệu quả chỉ giới hạn trên Cõi thượng trí và không chủ yếu là một sự áp dụng mãnh lực lên các cõi phụ hạ trí và các cõi còn thấp hơn nữa.

b. The concretion of substance, or the building of the dense physical body of the Logos.

b. Sự kết đặc của chất liệu, hay việc kiến tạo thể xác đậm đặc của Thượng đế.

176. We must remember that the dense physical body of the *Solar* Logos includes the three sub-planes of the higher mental plane.

176. Chúng ta phải nhớ rằng thể xác đậm đặc của Thái *dương* Thượng đế bao gồm ba cõi phụ của Cõi thượng trí.

177. Certain terms go together: centralization, focussing, formation and concretion.

177. Một số thuật ngữ đi cùng nhau: sự tập trung vào trung tâm, sự hội tụ, sự hình thành và sự ngưng tụ.

178. We have been studying the "Law of Fixation" and must conclude that this fifth systemic law is intimately involved in the concretion process.

178. Chúng ta đã nghiên cứu "Định luật Cố Định" và phải kết luận rằng định luật hệ thống thứ năm này có liên hệ mật thiết với tiến trình ngưng tụ.

On the physical plane of the solar system an analogous process can be seen taking place as regards the physical [Page 617] body of man, or his concrete manifestation. In his case, **the fourth subplane is the focal point of positive force.**

Trên cõi hồng trần của hệ mặt trời, có thể thấy một tiến trình tương tự đang diễn ra liên quan đến thể xác [Page 617] của con người, hay biểu hiện cụ thể của y. Trong trường hợp của y, **cõi phụ thứ tư là tiêu điểm của mãnh lực dương.**

179. We have a sevenfold plane (etheric-physical) in which there are four superior divisions and a sevenfold plane (mental) in which there are three superior divisions.

179. Chúng ta có một cõi thất phân (dĩ thái-hồng trần) trong đó có bốn phân bộ cao hơn và một cõi thất phân (cõi trí) trong đó có ba phân bộ cao hơn.

180. The focusing of positive force on the three superior sub-planes of the systemic mental plane affects the four lower mental sub-planes. The focusing of positive force, especially on the fourth of the four etheric planes of the systemic etheric-physical plane, affects the three dense physical sub-planes.

180. Sự hội tụ của mãnh lực dương trên ba cõi phụ cao hơn của cõi trí hệ thống tác động đến bốn cõi phụ hạ trí. Sự hội tụ của mãnh lực dương, đặc biệt trên cõi thứ tư trong bốn cõi dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống, tác động đến ba cõi phụ hồng trần đậm đặc.

181. If, of the four systemic ethers, there is one of them on which the focussing of positive force occurs, particularly, we could say the same of the three higher mental sub-

181. Nếu trong bốn dĩ thái hệ thống có một cõi mà trên đó sự hội tụ của mãnh lực dương đặc biệt xảy ra, thì chúng ta cũng có thể nói như vậy về ba cõi phụ thượng trí. Đối với

planes. For advanced human beings and disciples who are still obliged to incarnate within the three lower worlds, the second sub-plane of the higher three mental sub-planes can reasonably be considered the "focal point of positive force".

những người tiến hóa cao và các đệ tử vẫn còn buộc phải lâm phàm trong ba cõi thấp, cõi phụ thứ hai của ba cõi phụ thượng trí có thể được xem một cách hợp lý là "tiêu điểm của mãnh lực dương".

On that plane are *located the etheric centres of man, which have, in the evolutionary process and in the work of force direction, a relationship to his physical body similar to the relationship which groups of Egos on the mental plane have to the dense physical body of the Logos.* This is a profound occult hint.

Trên cõi đó *tọa lạc các trung tâm dĩ thái của con người, những trung tâm này, trong tiến trình tiến hoá và trong công việc định hướng mãnh lực, có một mối liên hệ với thể xác của y tương tự như mối liên hệ mà các nhóm chân ngã trên cõi trí có đối với thể xác đậm đặc của Thượng đế.* Đây là một gợi ý huyền bí sâu sắc.

182. Was this statement made before or after the shift of many of the Ashrams to the buddhic plane?

182. Phát biểu này được đưa ra trước hay sau sự chuyển dịch của nhiều ashram lên cõi Bồ đề?

183. Four of the etheric centers are located on the fourth systemic ether, and three more located (one each) on the three higher systemic ethers.

183. Bốn trung tâm dĩ thái tọa lạc trên dĩ thái hệ thống thứ tư, và ba trung tâm khác tọa lạc (mỗi cõi một trung tâm) trên ba dĩ thái hệ thống cao hơn.

184. The main point to be gathered is that there is a close analogy between the four lower chakras of the human being and the groupings of Egos on the systemic higher mental plane.

184. Điểm chính cần rút ra là có một sự tương đồng chặt chẽ giữa bốn luân xa thấp của con người và các nhóm chân ngã trên cõi thượng trí hệ thống.

185. Just as the chakras direct and animate the dense physical body of the man, so the "groups of Egos on the mental plane" direct and animate the dense physical body of the Logos.

185. Cũng như các luân xa định hướng và tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc của con người, thì "các nhóm chân ngã trên cõi trí" cũng định hướng và tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc của Thượng đế.

186. Again, we remember that the "dense physical body of the Logos" comprises the twenty-one lower systemic sub-planes of the cosmic physical plane. So, in a sense, the "groups of Egos" are *within* the field being controlled. This is not the case for the

186. Một lần nữa, chúng ta nhớ rằng "thể xác đậm đặc của Thượng đế" bao gồm hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, "các nhóm chân ngã" ở *bên trong* trường đang được kiểm soát. Điều này không đúng

etheric chakras with respect to the lower three systemic sub-planes.

187. It is probably truer to say that there are ashramic groupings on the *buddhic* plane which are as chakras to the lower twenty-one sub-planes of the cosmic physical plane, and that these buddhic-ashramic groupings are a closer analogy to the human chakras found on the fourth level of the systemic etheric plane.

188. If we speak, however, of the Planetary Logos, then the groupings of Egos on the higher mental plane are more like chakric aggregations and direct and control the eighteen lower sub-planes which are, to the Planetary Logos, as the physical body is to man.

189. The "groups of Egos" (like the chakras) are as *animating centers* when compared to lower, more receptive, more inert vibratory fields.

In the words "prana and the etheric body" (or life force and form) we have the key to the mystery of the solar and lunar pitris, and a hint as to the place of the physical body in the scheme of things.

190. DK is somewhat elaborating the hint He just gave.

191. The etheric body is almost always listed as a principle, even though it is a vehicle. Perhaps we can gain some hint as to why this should be so.

192. "Prana" is the solar factor and the "etheric body" is the lunar.

đối với các luân xa dĩ thái xét trong tương quan với ba cõi phụ hệ thống thấp hơn.

187. Có lẽ đúng hơn khi nói rằng có những nhóm ashram trên cõi *Bồ đề* đóng vai trò như các luân xa đối với hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ, và rằng các nhóm Bồ đề-ashram này là một sự tương đồng gần hơn với các luân xa của con người được tìm thấy trên cấp độ thứ tư của cõi dĩ thái hệ thống.

188. Tuy nhiên, nếu chúng ta nói về Đức Hành Tinh Thượng Đế, thì các nhóm chân ngã trên cõi thượng trí giống với các tập hợp luân xa hơn và định hướng, kiểm soát mười tám cõi phụ thấp hơn, những cõi này đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng như thể xác đối với con người.

189. "Các nhóm chân ngã" (giống như các luân xa) là những *trung tâm tiếp sinh lực* khi được so sánh với các trường rung động thấp hơn, dễ tiếp nhận hơn và trì trệ hơn.

Trong các từ "prana và thể dĩ thái" (hay sinh lực và hình tướng), chúng ta có chìa khóa cho huyền nhiệm của thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ, cùng một gợi ý về vị trí của thể xác trong mô hình của vạn vật.

190. Chân sư DK đang phần nào khai triển gợi ý mà Ngài vừa đưa ra.

191. Thể dĩ thái hầu như luôn được liệt kê như một nguyên khí, mặc dù nó là một vận cụ. Có lẽ chúng ta có thể nhận được một gợi ý nào đó về lý do tại sao lại như vậy.

192. "Prana" là yếu tố thái dương và "thể dĩ thái" là yếu tố thái âm.

193. The Solar Pitris are particularly related to the pranic aspect and the Lunar Pitris (which are form builders in the lower three worlds) to the etheric body which is lunar in nature.

193. Thái dương tổ phụ đặc biệt liên hệ với phương diện prana, còn thái âm tổ phụ (là những đấng kiến tạo hình tướng trong ba cõi thấp) thì liên hệ với thể dĩ thái vốn có bản chất thái âm.

194. It has been a question as to whether the etheric body should be considered solar or lunar. Perhaps the issue will be clarified if we consider the prana which animates the etheric body as "solar" and the actual etheric structure as lunar.

194. Đã từng có câu hỏi liệu thể dĩ thái nên được xem là thái dương hay thái âm. Có lẽ vấn đề sẽ được làm sáng tỏ nếu chúng ta xem prana tiếp sinh lực cho thể dĩ thái là "thái dương" và cấu trúc dĩ thái thực sự là thái âm.

195. As the physical body is automatically and magnetically gathered upon and into the structure of the etheric body, the dense physical body is clearly lunar in its nature. It is built upon a lunar form.

195. Vì thể xác tự động và bằng từ tính được tập hợp trên và vào trong cấu trúc của thể dĩ thái, nên thể xác đậm đặc rõ ràng có bản chất thái âm. Nó được xây dựng trên một hình tướng thái âm.

196. Let us compare solar and lunar forces:

196. Hãy so sánh các mãnh lực thái dương và thái âm:

a. As the Ashrams on the buddhic plane are to the lower three sub-planes of the cosmic physical plane, so the chakras on the fourth sub-plane of the systemic etheric plane are to the lower three dense physical planes, so the Sun is to the Moon.

a. Cũng như các ashram trên cõi Bồ đề đối với ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ, thì các luân xa trên cõi phụ thứ tư của cõi dĩ thái hệ thống đối với ba cõi hồng trần đậm đặc thấp hơn cũng như vậy, Mặt Trời đối với Mặt Trăng cũng vậy.

b. As the "groups of Egos" on the higher mental plane are to the eighteen lower systemic sub-planes of the cosmic physical plane, so the chakras on the fourth sub-plane of the systemic etheric plane are to the three dense physical planes, so the Sun is to the Moon.

b. Cũng như "các nhóm chân ngã" trên cõi thượng trí đối với mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ, thì các luân xa trên cõi phụ thứ tư của cõi dĩ thái hệ thống đối với ba cõi hồng trần đậm đặc cũng như vậy, Mặt Trời đối với Mặt Trăng cũng vậy.

c. A prana is to the structure of the etheric body, per se, so the Sun is to the Moon.

c. Prana đối với chính cấu trúc của thể dĩ thái cũng như vậy, Mặt Trời đối với Mặt Trăng cũng vậy.

d. As the vitality of Agni (manifesting on the cosmic etheric planes) is to the energy-forms to be found upon these higher etheric planes, so the Sun is to the Moon.

d. Cũng như sinh lực của Agni (biểu hiện trên các cõi dĩ thái vũ trụ) đối với các hình tướng-năng lượng được tìm thấy trên các cõi dĩ thái cao hơn này, thì Mặt Trời đối với Mặt Trăng cũng vậy.

The solar Pitris and devas find their force expression most adequately through man, with all that is included in that term.

Thái dương tổ phụ và các thiên thần tìm thấy sự biểu hiện mãnh lực của mình một cách đầy đủ nhất qua con người, với tất cả những gì được bao hàm trong thuật ngữ đó.

197. This suggests that man is more than *human* man; the Heavenly Men and the Grand Heavenly Man are also included. There are correspondingly larger and more inclusive Solar Pitris (logoic Solar Angels) to provide solar principles to these greater types of "Men".

197. Điều này gợi ý rằng con người còn hơn cả con người *nhân loại*; các Đấng Thiên Nhân và Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại cũng được bao gồm. Tương ứng cũng có những thái dương tổ phụ lớn hơn và bao quát hơn (các Thái dương Thiên Thần logoic) để cung cấp các nguyên khí thái dương cho những loại "Con Người" vĩ đại hơn này.

198. Compared to the animal kingdom, man has become 'solar'. This occurred at the moment of individualization. The number four (the number of the Human Kingdom) has a very close relation to the solar number, *two.*

198. So với giới động vật, con người đã trở nên 'thái dương'. Điều này xảy ra vào thời điểm biệt ngã hóa. Số bốn (con số của giới nhân loại) có một liên hệ rất chặt chẽ với con số thái dương, *hai.*

They are the source of his self-consciousness,

Các Ngài là nguồn gốc của ngã thức của y,

199. Self-consciousness being a solar and Venusian factor in consciousness…

199. ngã thức là một yếu tố thái dương và Kim tinh trong tâm thức…

and it is their action upon the negative aspect which produces the human Ego (on a large scale, viewing them in their totality as cosmic force);

và chính tác động của Các Ngài lên phương diện âm tạo ra chân ngã con người (trên quy mô lớn, khi xem Các Ngài trong tổng thể của Các Ngài như một mãnh lực vũ trụ);

200. The Solar Angels in Their totality are to be viewed as a "cosmic force". We can understand this if we view Them as a stream

200. Các Thái dương Thiên Thần trong tổng thể của Các Ngài phải được xem như một "mãnh lực vũ trụ". Chúng ta có thể hiểu điều này nếu xem Các Ngài như một dòng các sự

of lives emanating from the star Sirius, where They were trained.

sống phát xuất từ sao Sirius, nơi Các Ngài đã được huấn luyện.

201. From this perspective, “Prometheus” is a “cosmic force”.

201. Từ góc nhìn này, “Prometheus” là một “mãnh lực vũ trụ”.

202. The human Ego (within the causal body) was produced from the moment of individualization. We do not know the exact timing of the process. Perhaps the causal body/egoic lotus was built on the higher mental plane before the stream of ‘light-love-power’ was shot forth towards the brain of animal man. If that ‘arrow of light’ anchored in the brain of animal man, it certainly first anchored in his etheric brain.

202. Chân ngã con người (bên trong thể nguyên nhân) được tạo ra từ thời điểm biệt ngã hóa. Chúng ta không biết thời điểm chính xác của tiến trình này. Có lẽ thể nguyên nhân/Hoa Sen Chân Ngã đã được xây dựng trên cõi thượng trí trước khi dòng ‘ánh sáng-tình thương-quyền năng’ được phóng ra hướng về bộ não của người thú. Nếu ‘mũi tên ánh sáng’ đó được neo vào bộ não của người thú, thì chắc chắn trước hết nó đã neo vào bộ não dĩ thái của y.

it is their action upon the negative or mother aspect which, on cosmic levels, produces that Self-conscious Unity, a solar Logos, functioning through His physical vehicle.

chính tác động của Các Ngài lên phương diện âm hay mẫu tính mà, trên các cấp độ vũ trụ, tạo ra Hợp Nhất Tự Ý Thức đó, một Thái dương Thượng đế, hoạt động qua vận cụ hồng trần của Ngài.

203. We are now speaking of higher orders of Solar Angels and of greater streams of these lives than engaged with man, the individual.

203. Giờ đây chúng ta đang nói về những cấp bậc cao hơn của các Thái dương Thiên Thần và về những dòng sự sống lớn hơn các dòng đã tham gia với con người, cá nhân.

204. Such action on cosmic levels calls for the existence of ‘Cosmic Solar Angels’.

204. Tác động như vậy trên các cấp độ vũ trụ đòi hỏi sự hiện hữu của các ‘Thái dương Thiên Thần Vũ trụ’.

205. The Solar Angels engaged with man have a very strong expression of buddhic energy; the same must be true of the ‘Cosmic Solar Angels’ and these great Angels must draw sustenance from the *cosmic* buddhic plane.

205. Các Thái dương Thiên Thần tham gia với con người có một biểu hiện rất mạnh của năng lượng Bồ đề; điều tương tự hẳn cũng đúng với các ‘Thái dương Thiên Thần Vũ trụ’, và các Thiên Thần vĩ đại này hẳn phải rút dưỡng chất từ cõi Bồ đề *vũ trụ*.

206. When speaking of the production of a solar system (especially the first minor solar system, some five solar systems ago) we

206. Khi nói về việc tạo ra một hệ mặt trời (đặc biệt là hệ mặt trời nhỏ thứ nhất, cách

must be speaking of a kind of logoic individualization.

đây khoảng năm hệ mặt trời), hẳn chúng ta đang nói về một loại biệt ngã hóa logoic.

207. The Greater Solar Angel's produce a "Self-conscious Unity" (a Solar Logos incarnating in a solar system); the lesser Solar Angels produce a "self-conscious unity" known as a "Son of Man"—a lesser solar being incarnating in a human etheric-physical body.

207. Các Thái dương Thiên Thần lớn hơn tạo ra một "Hợp Nhất Tự Ý Thức" (một Thái dương Thượng đế nhập thể trong một hệ mặt trời); các Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn tạo ra một "hợp nhất tự ý thức" được biết như một "Con của Người"—một hữu thể thái dương nhỏ hơn nhập thể trong một thể dĩ thái-hồng trần của con người.

208. The analogy between the processes of the Solar Logos and those of man are quite close and, therefore, very instructive.

208. Sự tương đồng giữa các tiến trình của Thái dương Thượng đế và các tiến trình của con người là khá gần gũi và do đó rất giàu tính chỉ dẫn.

From the Christian standpoint, the greater Builders are the Holy Spirit, or force overshadowing and fecundating matter, whilst the negative or lesser Builders correspond to the Virgin Mary.

Theo quan điểm Cơ Đốc giáo, các đấng đại kiến tạo là Chúa Thánh Thần, hay mãnh lực phủ bóng và làm cho vật chất thụ thai, trong khi các vị tiểu kiến tạo âm tính hay thấp hơn tương ứng với Đức Trinh Nữ Maria.

209. This is quite a remarkable statement. The Holy Spirit, then, is a collection of energies ('Agnic' energies) from the cosmic etheric planes. The "Virgin Mary" constitutes the material, negative energies of the lower twenty-one systemic sub-planes of the cosmic physical plane. Or from the planetary logoic perspective, the lower eighteen systemic sub-planes.

209. Đây là một phát biểu thật đáng chú ý. Vậy thì Chúa Thánh Thần là một tập hợp các năng lượng (các năng lượng 'Agnic') từ các cõi dĩ thái vũ trụ. "Đức Trinh Nữ Maria" cấu thành các năng lượng vật chất, âm tính của hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ. Hoặc theo góc nhìn logoic hành tinh, là mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn.

210. For man in his physical body, Holy Spirit energies are conducted particularly through the four systemic etheric sub-planes.

210. Đối với con người trong thể xác của y, các năng lượng Chúa Thánh Thần được dẫn truyền đặc biệt qua bốn cõi phụ dĩ thái hệ thống.

The lunar Pitris, and lesser builders from the systemic point of view find their fullest expression in the animal kingdom.

Thái âm tổ phụ, và các vị tiểu kiến tạo theo quan điểm hệ thống, tìm thấy sự biểu hiện đầy đủ nhất của mình trong giới động vật.

211. The Moon is closely connected with the number *three.* The Moon-chain was the third. The animal kingdom is the third kingdom—hence the analogy.

211. Mặt Trăng có liên hệ chặt chẽ với số *ba.* Dãy Mặt Trăng là dãy thứ ba. Giới động vật là giới thứ ba—do đó có sự tương đồng.

When they, as the initiatory impulse, had produced animal man they had performed their prime function,

Khi các Ngài, như xung lực điểm đạo, đã tạo ra người thú thì các Ngài đã hoàn thành chức năng chủ yếu của mình,

212. Each group of lives has its highest creative work. The production of the form of animal man was the highest creative work of the "lunar Pitris".

212. Mỗi nhóm sự sống đều có công việc sáng tạo cao nhất của mình. Việc tạo ra hình tướng của người thú là công việc sáng tạo cao nhất của "thái âm tổ phụ".

213. We must remember that the Moon falls in Scorpio (the sign most associated with the human kingdom and the Fourth Creative Hierarchy).

213. Chúng ta phải nhớ rằng Mặt Trăng rơi vào Hổ Cáp (dấu hiệu hoàng đạo gắn bó nhất với giới nhân loại và Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư).

214. The destiny of the Fourth Creative Hierarchy is, occultly, to bring about the downfall of the Moon.

214. Định mệnh của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, theo huyền bí học, là đưa đến sự suy vong của Mặt Trăng.

and just as (on a smaller scale and in connection with only one of the Heavenly Men) the moon is a dying and decadent world,

và cũng như (trên quy mô nhỏ hơn và chỉ liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân) mặt trăng là một thế giới đang chết dần và suy tàn,

215. DK seems to be hinting that the presence of a decadent Moon (of the nature of our Moon) is only the case with our own Heavenly Man.

215. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng sự hiện diện của một Mặt Trăng suy tàn (thuộc bản chất như Mặt Trăng của chúng ta) chỉ là trường hợp của chính Đấng Thiên Nhân của chúng ta.

so on a systemic scale and therefore covering a vast period of time, the **work of the lunar Pitris is slowly coming to a conclusion as the power of the third kingdom, the animal, over the human is being** [Page 618] **superseded by spiritual power**; the systemic correspondence to lunar pitric activity will occultly die out.

thì trên quy mô hệ thống và do đó bao trùm một thời kỳ thời gian mênh mông, **công việc của thái âm tổ phụ đang chậm rãi đi đến chỗ kết thúc khi quyền lực của giới thứ ba, giới động vật, đối với con người đang bị** [Page 618] **quyền năng tinh thần thay thế**; sự tương ứng hệ thống với hoạt động của

thái âm tổ phụ sẽ chết dần đi một cách huyền bí.

216. We have three instances of dying out.

216. Chúng ta có ba trường hợp chết dần đi.

a. The Moon of the Earth-scheme is slowly disintegrating and dissipating

a. Mặt Trăng của hệ hành tinh Địa Cầu đang chậm rãi tan rã và làm tiêu tan

b. The "lunar pitric activity" in our solar system is slowly occultly dying out

b. "Hoạt động của thái âm tổ phụ" trong hệ mặt trời của chúng ta đang chậm rãi chết dần đi một cách huyền bí

c. The "cosmic Moon" which is the remnant of the previous solar system, is also in process if disintegration and dissipation. (cf. TCF 1112).

c. "Mặt Trăng vũ trụ", là tàn dư của hệ mặt trời trước, cũng đang trong tiến trình tan rã và làm tiêu tan. (xem TCF 1112).

217. DK speaks of a "vast period of time" when thinking in terms of the duration of our solar system. Does He seem to be hinting at the accuracy of the huge figures appearing the Hindu Chronology?

217. Chân sư DK nói đến một "thời kỳ thời gian mênh mông" khi suy nghĩ theo thời lượng của hệ mặt trời chúng ta. Ngài có vẻ đang gợi ý về tính chính xác của những con số khổng lồ xuất hiện trong Niên đại học Ấn Độ giáo chăng?

218. We may be speaking of the etherealization of the matter of our solar system. The animal kingdom depends upon gross bodies made of the stuff of a previous solar system. This is not the case for man, who can exist as man while focussed on higher planes.

218. Có thể chúng ta đang nói đến sự dĩ thái hóa vật chất của hệ mặt trời chúng ta. Giới động vật phụ thuộc vào các thể thô trược được tạo bằng chất liệu của một hệ mặt trời trước. Điều này không đúng với con người, vì con người có thể tồn tại như con người trong khi hội tụ trên các cõi cao hơn.

219. Already on our plane, man is gaining ascendancy over the animal kingdom. This is symbolic of the gradual dying out of "lunar pitric activity" upon our plane and, thus, within our planetary scheme.

219. Ngay trên cõi của chúng ta, con người đã đang giành ưu thế trước giới động vật. Điều này là biểu tượng cho sự chết dần dần của "hoạt động thái âm tổ phụ" trên cõi của chúng ta và do đó trong hệ hành tinh của chúng ta.

220. This dying out is also in evidence when the lower animal nature of man can no longer express.

220. Sự chết dần này cũng hiển hiện khi bản chất động vật thấp của con người không còn có thể biểu lộ nữa.

221. Lunar power is not "spiritual power". Life within our Earth-chain represents the tipping point in the battle between the Sun and the Moon as it occurs within our planetary scheme.

221. Quyền lực thái âm không phải là "quyền năng tinh thần". Sự sống trong Dãy Địa Cầu của chúng ta tượng trưng cho điểm nghiêng trong cuộc chiến giữa Mặt Trời và Mặt Trăng khi nó diễn ra trong hệ hành tinh của chúng ta.

222. Mars and the Moon (both symbolic of the animal kingdom) are left outside the door of the Temple of Initiation.

222. Sao Hỏa và Mặt Trăng (cả hai đều tượng trưng cho giới động vật) bị bỏ lại bên ngoài cửa Đền Điểm Đạo.

The lunar Pitris,[98,99] the builders of man's lunar body and their correspondence in the other kingdoms of nature, are the sumtotal of the dense physical body of the Logos,

Thái âm tổ phụ,98,99 những đấng kiến tạo thể thái âm của con người và sự tương ứng của họ trong các giới khác của bản chất, là tổng thể của thể xác đậm đặc của Thượng đế,

223. Lunar life is densely material. The subtle vehicles of man (built by the Lunar Ancestors) are also densely physical from the logoic standpoint.

223. Sự sống thái âm có tính vật chất đậm đặc. Các vận cụ vi tế của con người (được xây dựng bởi các thái âm tổ phụ) cũng là hồng trần đậm đặc theo quan điểm logoic.

224. In esoteric astrology, the Moon represents the most dense of all the vehicles —the dense physical body.

224. Trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, Mặt Trăng tượng trưng cho vận cụ đậm đặc nhất trong mọi vận cụ—thể xác đậm đặc.

225. From this perspective, the "dense physical body of the Logos" (*lunarly* dense) comprises only *eighteen* sub-planes, because there are no *lunar* pitris of the systemic type to be found upon the higher three systemic mental sub-planes.

225. Theo góc nhìn này, "thể xác đậm đặc của Thượng đế" (đậm đặc theo nghĩa *thái âm*) chỉ bao gồm *mười tám* cõi phụ, bởi vì không có thái âm tổ phụ *thái âm* thuộc loại hệ thống nào được tìm thấy trên ba cõi phụ thượng trí hệ thống.

226. If we preserve the idea that even the three higher mental systemic sub-planes are a part of the dense physical body of the Logos (and it is a sound idea), then we shall simply have to say that there is one aspect of that dense physical body which is not *lunar.*

226. Nếu chúng ta giữ nguyên ý tưởng rằng ngay cả ba cõi phụ thượng trí hệ thống cũng là một phần của thể xác đậm đặc của Thượng đế (và đó là một ý tưởng đúng đắn), thì đơn giản chúng ta sẽ phải nói rằng có một phương diện của thể xác đậm đặc đó không phải là *thái âm.*

227. As the Solar Logos grows out of his dense physical body (even as man will one

227. Khi Thái dương Thượng đế vượt ra khỏi thể xác đậm đặc của Ngài (cũng như một

day have no need for his own dense physical body) so the Lunar Pitris will no longer be a part of the His form expression.

ngày kia con người sẽ không còn cần đến chính thể xác đậm đặc của mình), thì thái âm tổ phụ sẽ không còn là một phần trong sự biểu hiện hình tướng của Ngài nữa.

228. From a higher point of view, there are 'Cosmic Lunar Pitris', all forms to be found upon the cosmic etheric planes, the cosmic astral plane and the lower cosmic mental plane are 'Lunar' from the cosmic perspective. This means that the lives which form these planes are negative and receptive to still higher more impulsive Lives.

228. Từ một quan điểm cao hơn, có những 'Thái Âm Tổ Phụ Vũ Trụ'; mọi hình tướng được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và cõi hạ trí vũ trụ đều là 'Thái âm' theo góc nhìn vũ trụ. Điều này có nghĩa là các sự sống tạo thành các cõi này là âm tính và dễ tiếp nhận đối với những Sự Sống còn cao hơn và có tính thúc đẩy hơn.

or the substance of the mental, astral and physical planes (the gaseous, liquid and dense bodies which form a unity, His physical vehicle, viewing it apart from the etheric).

hay chất liệu của các cõi trí, cảm dục và hồng trần (các thể khí, lỏng và đậm đặc tạo thành một hợp nhất, vận cụ hồng trần của Ngài, khi xét tách khỏi thể dĩ thái).

229. Much is concealed in this little section and somewhat which seems to contradict HPB when she earlier linked the principle of lower mind to the Solar Pitris.

229. Nhiều điều được che giấu trong đoạn nhỏ này, và có phần nào đó dường như mâu thuẫn với HPB khi bà trước đây đã liên kết nguyên khí hạ trí với thái dương tổ phụ.

230. We notice how the "etheric body" is excluded from the unity. The systemic etheric plane is in an ambiguous position.

230. Chúng ta lưu ý rằng "thể dĩ thái" bị loại ra khỏi hợp nhất này. Cõi dĩ thái hệ thống ở trong một vị thế mơ hồ.

a. It is composed of lunar substance and the devas there to be found are related to Cancer and the Moon

a. Nó được cấu tạo bằng chất liệu thái âm và các thiên thần được tìm thấy ở đó có liên hệ với Cự Giải và Mặt Trăng

b. It is a reflector of the very *solar* egoic lotus

b. Nó là một phản chiếu của Hoa Sen Chân Ngã rất *thái dương*

c. The prana which animates it is closely related to the Sun and to everything *solar.*

c. Prana tiếp sinh lực cho nó có liên hệ chặt chẽ với Mặt Trời và với mọi điều *thái dương.*

231. Therefore, when dealing with the lower four systemic etheric sub-planes, we have to study the context in which they are being to

231. Do đó, khi đề cập đến bốn cõi phụ dĩ thái hệ thống thấp hơn, chúng ta phải nghiên cứu ngữ cảnh trong đó chúng đang

discussed, to see whether they are being presented as lunar or solar factors.

232. The best assessment, so it seems, is to consider its *structure* as *lunar* and the *pranic energy* which pours through it as *solar*.

233. Yet when compared to the usual lunar elementals (physical, astral and mental) it is in a category of its own.

234. The etheric body, in general can be considered a kind of 'outpost of the Sun within the realm of the Moon'.

235. Also, from what is said, it is clear that the lower mind is to be considered *lunar* in nature—i.e., as one of the lunar elementals of the human personality.

They are the product of an earlier solar system; their activities date from there.

236. We note that DK did not say, 'the product of the *previous* solar system', because there were a number of solar systems (preceding our own) through which the Solar Logos expressed in a *lunar* manner.

237. In any case, lunar substance is 'old' and came from forms though which our Solar Logos manifested in cycles long past.

FOOTNOTE [98]:

The Lunar, or Barhishad Pitris have the following function:—S. D., II, 99.

1. They are the Ancestors of Man.—S. D., II, 107.

được bàn đến, để xem chúng được trình bày như những yếu tố thái âm hay thái dương.

232. Đánh giá tốt nhất, dường như là như vậy, là xem *cấu trúc* của nó là *thái âm* và *năng lượng prana* tuôn qua nó là *thái dương*.

233. Tuy nhiên, khi so với các hành khí thái âm thông thường (hồng trần, cảm dục và trí tuệ), nó thuộc về một phạm trù riêng.

234. Thể dĩ thái, nói chung, có thể được xem như một loại 'tiền đồn của Mặt Trời trong lãnh vực của Mặt Trăng'.

235. Ngoài ra, từ những gì được nói ra, rõ ràng là hạ trí phải được xem là có bản chất *thái âm*—tức là, như một trong các hành khí thái âm của phàm ngã con người.

Chúng là sản phẩm của một hệ mặt trời sớm hơn; các hoạt động của chúng bắt đầu từ đó.

236. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã không nói, 'sản phẩm của hệ mặt trời *trước*', bởi vì đã có một số hệ mặt trời (đi trước hệ của chúng ta) qua đó Thái dương Thượng đế biểu lộ theo cách *thái âm*.

237. Dù sao đi nữa, chất liệu thái âm là 'cũ' và đến từ những hình tướng mà qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đã biểu hiện trong những chu kỳ từ rất lâu xa.

CHÚ THÍCH 98:

Thái âm tổ phụ, hay Barhishad Pitris, có chức năng sau đây:—S. D., II, 99.

1. Các Ngài là Tổ Tiên của Con Người.—S. D., II, 107.

238. “Ancestors” are positive, emanative centers of force.

2. They are the Fashioners of his form.

239. This form being his *lower* form…

3. They possessed the physical creative fire.

240. This is not the fire of self-consciousness.

4. They could only clothe the human monads.

241. Their action occurs at a time when the Solar Angels had not yet intervened to help the Monads become Self-consciously expressive in the lower worlds.

5. They could not make man in their likeness.

242. We have to determine whether they had mind to give. Some of the greater beings associated with them, apparently, did have mind but no love.

243. Also, it was not intended that man should be made in their likeness.

6. They could not give him mind.—S. D., II, 82.

244. This was the task of the Solar Pitris.

238. “Tổ tiên” là những trung tâm mãnh lực dương, phát xạ.

2. Các Ngài là những đấng tạo tác hình tướng của y.

239. Hình tướng này là hình tướng *thấp* của y…

3. Các Ngài sở hữu lửa sáng tạo hồng trần.

240. Đây không phải là lửa của ngã thức.

4. Các Ngài chỉ có thể khoác áo cho các chân thần con người.

241. Tác động của các Ngài xảy ra vào thời điểm mà các Thái dương Thiên Thần vẫn chưa can thiệp để giúp các chân thần trở nên có khả năng biểu hiện một cách tự ý thức trong các cõi thấp.

5. Các Ngài không thể tạo ra con người theo hình ảnh của các Ngài.

242. Chúng ta phải xác định liệu các Ngài có trí tuệ để ban cho hay không. Một số hữu thể lớn hơn liên kết với các Ngài, dường như, quả có trí tuệ nhưng không có bác ái.

243. Ngoài ra, con người không được dự định là sẽ được tạo ra theo hình ảnh của các Ngài.

6. Các Ngài không thể ban cho y trí tuệ.—S. D., II, 82.

244. Đó là nhiệm vụ của thái dương tổ phụ.

245. Thái âm tổ phụ tạo ra những bản sao của bản chất hình tướng của các Ngài,

245. The Lunar Pitris made copies of their form natures, but did not and could not convey self-consciousness.

nhưng đã không và không thể truyền đạt ngã thức.

7. They build his external form.

7. Các Ngài xây dựng hình tướng bên ngoài của y.

246. This was a shadowing, filmy, quasi-etheric form.

246. Đó là một hình tướng phủ bóng, mờ ảo, gần như dĩ thái.

8. They give the lower principle.

8. Các Ngài ban nguyên khí thấp.

247. We note that the term is not "principles"; it would seem that the Lunar Pitris gave the etheric form upon which the outer more physical form could be built.

247. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ ở đây không phải là "các nguyên khí"; dường như các thái âm tổ phụ đã ban cho hình thể dĩ thái, trên đó hình thể bên ngoài vật chất hơn có thể được xây dựng.

248. Again, it must be asked whether these 'Creators' give any *principle* whatsoever or only the vehicles through which the principles can manifest.

248. Một lần nữa, cần phải hỏi liệu các "Đấng Sáng Tạo" này có ban cho bất kỳ *nguyên khí* nào chăng, hay chỉ ban cho các vận cụ mà qua đó các nguyên khí có thể biểu hiện.

FOOTNOTE [99]:

CHÚ THÍCH 99:

Temporarily they are the Conquerors of Spirit.—S. D., II, 66.

Tạm thời họ là những kẻ chinh phục tinh thần.—S. D., II, 66.

249. The conquest is temporary and only abides so long as the World of Illusion can power over the incarnating Jiva.

249. Sự chinh phục ấy chỉ là tạm thời và chỉ tồn tại chừng nào Thế Giới Đang Trở Thành còn có thể chế ngự Jiva đang lâm phàm.

a. Spirit becomes immersed in material forms.

a. Tinh thần trở nên chìm đắm trong các hình tướng vật chất.

250. This is necessary if the Divine Purpose is to be enacted through the Divine Plan. "Except a kernel of wheat falleth in the ground and perisheth…"

250. Điều này là cần thiết nếu Thiên Ý phải được thực thi thông qua Thiên Cơ. "Trừ phi hạt lúa mì rơi xuống đất và chết đi…"

b. Forms are the battle ground.

b. Các hình tướng là chiến trường.

251. Form-consciousness is separative. It does not perceive the underlying unity and hence the struggle.

c. Eventually Spirit will slay the forms.—S. D., II, 67.

252. This occurs by means of the process of initiation.

d. Note the esoteric order.

253. Matter/illusion slays Spirit; only later, upon the returning arc, does Spirit slay matter illusion.

—S. D., II, 88, 92, 100; II, 116.

That system stands to the present one as the lunar chain to ours. That is why the physical body is considered no principle (either for man or the solar Logos);

254. The past is unprincipled. A principle is an energy bearing a definite 'unit of purposeful intent' of a higher Creative Power. The past bears a pattern which contains no 'unit of purposeful intent'. The purpose of past structures has been served.

that is why the lower nature is considered evil, and why man must "slay his lunar body."

255. World mythology is full of stories representing this perennial combat. Every time St. George slays the Dragon we have the same conflict reenacted.

251. Tâm thức hình tướng có tính phân ly. Nó không nhận ra sự hợp nhất nền tảng, và do đó mới có sự đấu tranh.

c. Cuối cùng tinh thần sẽ sát diệt các hình tướng.—S. D., II, 67.

252. Điều này xảy ra nhờ tiến trình điểm đạo.

d. Hãy lưu ý trật tự huyền bí.

253. Vật chất/ảo tưởng sát hại tinh thần; chỉ về sau, trên cung quay về, tinh thần mới sát hại ảo tưởng vật chất.

—S. D., II, 88, 92, 100; II, 116.

Hệ thống đó liên hệ với hệ thống hiện tại như dãy mặt trăng liên hệ với dãy của chúng ta. Đó là lý do vì sao thể xác không được xem là một nguyên khí (đối với con người cũng như đối với Thái dương Thượng đế);

254. Quá khứ là vô nguyên khí. Một nguyên khí là một năng lượng mang một "đơn vị ý định có mục đích" xác định của một Quyền Năng Sáng Tạo cao hơn. Quá khứ mang một mô hình không chứa "đơn vị ý định có mục đích" nào. Mục đích của các cấu trúc quá khứ đã được hoàn tất.

đó là lý do vì sao bản chất thấp được xem là ác, và vì sao con người phải "sát diệt thể thái âm của mình."

255. Thần thoại thế giới đầy những câu chuyện tượng trưng cho cuộc chiến trường kỳ này. Mỗi lần Thánh George giết Con Rồng, chúng ta lại thấy cùng một xung đột ấy được tái diễn.

256. To follow "evil" tendencies would drag us back into fields of energy/force in the midst of which we cannot receive the intended energy endowment of the present.

256. Đi theo các khuynh hướng "ác" sẽ kéo chúng ta trở lui vào những trường năng lượng/mãnh lực mà ở giữa đó chúng ta không thể tiếp nhận sự ban cấp năng lượng dự định của hiện tại.

257. St. Paul certainly realized this. He was, we are told, a Scorpio individual and certainly knew what it must mean for the Moon for "fall" in Scorpio.

257. Chắc chắn Thánh Paul đã nhận ra điều này. Như chúng ta được cho biết, ông là một cá nhân Hổ Cáp và hẳn biết rõ Mặt Trăng "sa hãm" trong Hổ Cáp phải có nghĩa gì.

1 **Evil is that which can be controlled and subdued but which is permitted to govern.**

1 **Điều ác là cái có thể bị kiểm soát và chế ngự nhưng lại được cho phép cai quản.**

258. This is a brilliant definition of "evil". There is no evil if negative and retrogressive forces are too strong to be controlled and subdued.

258. Đây là một định nghĩa xuất sắc về "điều ác". Không có điều ác nếu các lực tiêu cực và thoái hóa quá mạnh đến mức không thể bị kiểm soát và chế ngự.

259. But if they are allowed to govern—if the choice is made to give them scope rather than suppress them—then the will has chosen to ally itself with that which will not bring to pass the intended good. That choice would be an *evil* choice and the actions resulting from that evil choice would be evil.

259. Nhưng nếu chúng được phép cai quản —nếu sự lựa chọn là cho chúng phạm vi hoạt động thay vì đè nén chúng—thì ý chí đã chọn liên minh với cái sẽ không làm cho điều thiện dự định được thành tựu. Sự lựa chọn ấy sẽ là một lựa chọn *ác*, và các hành động phát sinh từ lựa chọn ác đó sẽ là ác.

The positive can always manipulate the negative. When the negative line is followed and the line of least resistance to that which is no principle, is pursued, then we have evil.

Cái tích cực luôn có thể điều khiển cái tiêu cực. Khi đường lối tiêu cực được theo đuổi, và con đường ít trở ngại nhất hướng tới cái không phải là nguyên khí được theo đuổi, thì khi ấy chúng ta có điều ác.

260. So the appearance of evil is a matter related to will and to capacity. When the will is present but the capacity to thwart evil is missing, there is no evil.

260. Vì vậy, sự xuất hiện của điều ác là một vấn đề liên hệ đến ý chí và năng lực. Khi có ý chí nhưng thiếu năng lực ngăn chặn điều ác, thì không có điều ác.

261. But where the capacity to thwart the appearance of evil is present, but the will to do so is *not* present, then there is evil.

261. Nhưng ở đâu có năng lực ngăn chặn sự xuất hiện của điều ác mà ý chí làm như vậy lại *không* hiện diện, thì ở đó có điều ác.

262. It is all a question of choice. Thus, only those who have the power of conscious choice can be consciously evil.

262. Tất cả đều là vấn đề lựa chọn. Do đó, chỉ những ai có năng lực lựa chọn có ý thức mới có thể ác một cách có ý thức.

In the first solar system the negative substance aspect, the Mother aspect or matter, was perfected. The lower Pitris dominated.

Trong hệ mặt trời thứ nhất, phương diện chất liệu tiêu cực, phương diện Mẹ hay vật chất, đã được hoàn thiện. Các thái âm tổ phụ thấp đã thống trị.

263. These residual lives are, therefore, every old.

263. Vì vậy, các sự sống tồn dư này đều rất cổ xưa.

264. I think we can see why any reversion to domination by the Mother aspect or by the lower devas would be evil in light of God-the-Solar-Logos' present intentions.

264. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy vì sao bất kỳ sự quay trở lại nào với sự thống trị của phương diện Mẹ hay của các thiên thần thấp đều sẽ là ác dưới ánh sáng những ý định hiện tại của Thượng đế-Thái dương Thượng đế.

In this system force activity lies in the hands of the solar Pitris or greater devas.

Trong hệ thống này, hoạt động của mãnh lực nằm trong tay các thái dương tổ phụ hay các thiên thần lớn hơn.

265. We are living in a very *solar* solar system and the lunar forces or forces of form are definitely on the wane and are considered (compared with what must be accomplished in this solar system) evil.

265. Chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời rất *thái dương*, và các lực thái âm hay các lực của hình tướng rõ ràng đang suy tàn và được xem là (so với điều phải được hoàn thành trong hệ mặt trời này) ác.

At the close of the mahamanvantara they will have built according [Page 619] to the plan a perfect sheath or vehicle of expression for the Divine Thought, and this through the manipulation of negative substance;

Vào lúc kết thúc Đại giai kỳ sinh hóa, họ sẽ xây dựng theo [Page 619] kế hoạch một vỏ bọc hay vận cụ biểu lộ hoàn hảo cho Tư Tưởng thiêng liêng, và điều này thông qua sự vận dụng chất liệu tiêu cực;

266. We see that negative substance *may* still very much present and that the "solar Pitris" or "greater devas" must engage with it, using it as the substance of their building.

266. Chúng ta thấy rằng chất liệu tiêu cực *có thể* vẫn còn hiện diện rất nhiều, và các "thái dương tổ phụ" hay "các thiên thần lớn hơn" phải dấn thân vào nó, dùng nó làm chất liệu cho công trình xây dựng của mình.

267. Yet, from another perspective, there *may* be *no lunar substance* by the end of the Mahamanvantara, and the "perfect sheath or vehicle of expression for the Divine Thought" *may* be on a higher and more solar plane altogether, and there reach its perfection.

267. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, đến cuối Đại giai kỳ sinh hóa *có thể* sẽ *không còn chất liệu thái âm*, và "vỏ bọc hay vận cụ biểu lộ hoàn hảo cho Tư Tưởng thiêng liêng" *có thể* hoàn toàn ở trên một cõi cao hơn và thái dương hơn, và tại đó đạt đến sự hoàn hảo của nó.

268. The building of a perfect sheath may be seen to accord with attaining that level of development where the fourth initiation can be taken. Let us remember that *four* is a number deeply associated with perfection.

268. Việc xây dựng một vỏ bọc hoàn hảo có thể được xem là phù hợp với việc đạt đến cấp độ phát triển mà ở đó lần điểm đạo thứ tư có thể được tiếp nhận. Chúng ta hãy nhớ rằng *bốn* là một con số gắn liền sâu sắc với sự hoàn hảo.

269. Yet, we must remember that there are references pointing to the possibility that the Solar Logos will take the fifth cosmic initiation in this solar system.

269. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng có những dẫn chiếu chỉ ra khả năng Thái dương Thượng đế sẽ tiếp nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ năm trong hệ mặt trời này.

270. Whether He takes the fourth or the fifth initiation, there will come a time when the Moon "falls" systemically and when, therefore, lunar vehicles may no longer be needed. A lunar-like Mayavirupa could be built by the projective powers of the Solar Logos, but this would not be the same as original lunar vehicles. Through such a solar logoic Mayavirupa, the very highest and the very lowest *could,* conceivably, meet.

270. Dù Ngài tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư hay thứ năm, sẽ đến một lúc Mặt Trăng "sa hãm" một cách hệ thống và khi đó, vì vậy, các vận cụ thái âm có thể không còn cần thiết nữa. Một Mayavirupa giống thái âm có thể được xây dựng bằng các quyền năng phóng chiếu của Thái dương Thượng đế, nhưng điều này sẽ không giống với các vận cụ thái âm nguyên thủy. Qua một Mayavirupa thái dương logoic như thế, cái cao nhất và cái thấp nhất *có thể,* theo cách có thể hình dung được, gặp nhau.

they utilise the heat of the Mother to nourish the germ of the Divine Thought, and to bring it to fruition.

họ sử dụng nhiệt của Mẹ để nuôi dưỡng mầm của Tư Tưởng thiêng liêng, và đưa nó đến kết quả viên mãn.

271. We are speaking of nourishing the "germ of Divine Thought" in matter.

271. Chúng ta đang nói về việc nuôi dưỡng "mầm của Tư Tưởng thiêng liêng" trong vật chất.

272. The "heat of the Mother" is the sumtotal of lower fires—latent heat and

active heat, and possibly mental elemental fire.

272. "Nhiệt của Mẹ" là tổng số các lửa thấp—nhiệt tiềm tàng và nhiệt hoạt động, và có thể cả lửa hành khí trí tuệ.

273. The principle to be understood is that heat is needed to bring thought to fruition.

273. Nguyên lý cần được thấu hiểu là nhiệt cần thiết để đưa tư tưởng đến chỗ kết quả viên mãn.

274. Heat is associated with the atmic plane, the plane of Brahma Who is so engaged with the Mother aspect.

274. Nhiệt được liên kết với cõi atma, cõi của Brahma, Đấng gắn bó sâu xa với phương diện Mẹ.

275. At some time before the destruction of the solar logoic causal body, the Divine Thought will find quite full expression through the substances of the solar logoic lunar vehicles. As long as the "lowest" exists, there must come a time when, relatively, "The Highest and the Lowest Meet".

275. Vào một thời điểm nào đó trước khi thể nguyên nhân logoic thái dương bị hủy diệt, Tư Tưởng thiêng liêng sẽ tìm được sự biểu lộ khá trọn vẹn qua các chất liệu của các vận cụ thái âm logoic thái dương. Chừng nào cái "thấp nhất" còn tồn tại, thì phải đến một lúc mà, theo nghĩa tương đối, "Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất Gặp Nhau".

When the germ has developed to maturity the Mother aspect no longer has a place, and the Man occultly is freed or liberated.

Khi mầm đã phát triển đến chín muồi, phương diện Mẹ không còn chỗ đứng nữa, và Con Người theo huyền bí học được giải thoát hay được phóng thích.

276. Even in the tiny cycle of human life this process is to be noted. There comes a time when every individual must escape the clutches of the mother. This does not mean that one cannot have a good and spiritually mature relationship with one's earthly mother, but the mother must become a spiritual *friend* and not one who must continue to "take care of" the lunar nature of the child. An ideal later relationship between mother and child would be based upon *solar* principles and not upon lunar. Otherwise, retrogression occurs.

276. Ngay cả trong chu kỳ nhỏ bé của đời sống con người, tiến trình này cũng có thể được ghi nhận. Sẽ đến lúc mỗi cá nhân phải thoát khỏi sự kềm giữ của người mẹ. Điều này không có nghĩa là người ta không thể có một mối quan hệ tốt đẹp và trưởng thành về tinh thần với người mẹ trần thế của mình, nhưng người mẹ phải trở thành một *người bạn* tinh thần chứ không phải là người phải tiếp tục "chăm sóc" bản chất thái âm của đứa trẻ. Một mối quan hệ lý tưởng về sau giữa mẹ và con sẽ dựa trên các nguyên lý *thái dương* chứ không phải các nguyên lý thái âm. Nếu không, sự thoái hóa sẽ xảy ra.

This idea runs through all manifestations, and **the kingdoms of nature or the form (no**

Ý tưởng này xuyên suốt mọi biểu hiện, và **các giới trong thiên nhiên hay hình tướng**

matter what form it may be) nourish the germ of that which is the next step on in the evolutionary process, and are considered the Mother aspect. This aspect is eventually discarded and superseded.

277. That which nourishes is valued for what it has done, but must be discarded and superseded if there is to be spiritual progress.

278. The greater kingdoms 'feed' on the lesser kingdoms. The lesser kingdoms are the nourishing support for the advancement of the greater kingdoms.

For example, the third kingdom, the animal, in the early stages nourishes and preserves the germ of that which will some day be a man; the personality is the preserver of that which will some day unfold into spiritual man.

279. This suggests that the personality has at least one function as a preserver.

280. We also have the suggestion that as the personality must be considered the composite animal aspect of man. The animal/personality guards that which will become the 'Solar Man', the spiritual man.

281. Each new kingdom arises out of the one preceding.

It will thus become apparent to students how the Heavenly Man, **viewing Him as a solar Deity,** a self-conscious Entity, works with His negative aspect through positive force, from logoic etheric levels upon the three aspects of the logoic dense physical, thus bringing to maturity the atoms and cells of His Body, fostering the germ of self-

(dù đó là hình tướng nào) nuôi dưỡng mầm của cái là bước kế tiếp trong tiến trình tiến hoá, và được xem là phương diện Mẹ. Phương diện này cuối cùng bị loại bỏ và được thay thế.

277. Cái nuôi dưỡng được trân trọng vì điều nó đã làm, nhưng phải bị loại bỏ và thay thế nếu muốn có tiến bộ tinh thần.

278. Các giới lớn hơn "nuôi" bằng các giới nhỏ hơn. Các giới nhỏ hơn là sự nâng đỡ nuôi dưỡng cho sự tiến bộ của các giới lớn hơn.

Thí dụ, giới thứ ba, giới động vật, trong các giai đoạn đầu nuôi dưỡng và bảo tồn mầm của cái một ngày kia sẽ là con người; phàm ngã là kẻ bảo tồn cái một ngày kia sẽ khai mở thành con người tinh thần.

279. Điều này gợi ý rằng phàm ngã có ít nhất một chức năng là bảo tồn.

280. Chúng ta cũng có gợi ý rằng phàm ngã phải được xem là phương diện động vật tổng hợp của con người. Động vật/phàm ngã canh giữ cái sẽ trở thành "Con Người Thái Dương", con người tinh thần.

281. Mỗi giới mới phát sinh từ giới đi trước nó.

Như vậy, các đạo sinh sẽ thấy rõ cách Đấng Thiên Nhân, **xem Ngài như một Thượng đế thái dương,** một Thực Thể có ngã thức, hoạt động với phương diện tiêu cực của Ngài bằng mãnh lực tích cực, từ các cấp độ dĩ thái logoic lên ba phương diện của hồng trần đậm đặc logoic, nhờ đó đưa các nguyên tử và tế bào trong Thể của Ngài đến chín muồi,

consciousness, fanning the flame until each unit becomes fully group conscious and aware of his place within the body corporate.

282. We remember that we hypothesized that, from the perspective of a Heavenly Man, the higher mental plane could be considered "etheric".

283. Even if this is the case, He still works upon the lesser lives from within the cosmic etheric planes—i.e., from "logoic etheric levels".

284. We will now have a comparison between the fostering power of a Heavenly Man and that of the human being.

285. The Heavenly Man is a "solar Deity" because He is a "self-conscious Entity" and is positive to the substance contained within His body of expression.

286. The Heavenly Man Who *has* self-consciousness, fosters the germs of self-consciousness in those lives He contains who have not yet unfolded self-consciousness.

287. The Dragon of Wisdom (the Heavenly Man) is bringing into full Self-consciousness lesser units of life so they may one day be as He is now.

Each human being likewise, functioning in the three worlds, works in a corresponding way upon the conscious cells of his bodies, until each atom eventually achieves its goal.

nuôi dưỡng mầm ngã thức, quạt bùng ngọn lửa cho đến khi mỗi đơn vị trở nên hoàn toàn có tâm thức nhóm và ý thức được vị trí của y trong toàn thể cơ cấu.

282. Chúng ta nhớ rằng chúng ta đã giả định rằng, từ góc nhìn của một Đấng Thiên Nhân, Cõi thượng trí có thể được xem là "dĩ thái".

283. Ngay cả nếu đúng như vậy, Ngài vẫn tác động lên các sự sống nhỏ hơn từ bên trong các cõi dĩ thái vũ trụ—tức là, từ "các cấp độ dĩ thái logoic".

284. Giờ đây chúng ta sẽ có một sự so sánh giữa quyền năng nuôi dưỡng của một Đấng Thiên Nhân và của con người.

285. Đấng Thiên Nhân là một "Thượng đế thái dương" vì Ngài là một "Thực Thể có ngã thức" và có tính tích cực đối với chất liệu chứa trong thể biểu lộ của Ngài.

286. Đấng Thiên Nhân, Đấng *có* ngã thức, nuôi dưỡng các mầm ngã thức trong những sự sống mà Ngài bao hàm, là những sự sống chưa khai mở ngã thức.

287. Con Rồng Minh Triết (Đấng Thiên Nhân) đang đưa các đơn vị sự sống nhỏ hơn vào ngã thức trọn vẹn để một ngày kia chúng có thể như Ngài hiện nay.

Tương tự như vậy, mỗi con người, hoạt động trong ba cõi thấp, tác động theo cách tương ứng lên các tế bào có ý thức trong các thể của y, cho đến khi mỗi nguyên tử cuối cùng đạt được mục tiêu của nó.

288. The work off the human being proceeds from the higher mental plane (or at least under very strong guidance from that plane) and, later, from the buddhic plane.

288. Công việc của con người tiến hành từ Cõi thượng trí (hoặc ít nhất dưới sự hướng dẫn rất mạnh từ cõi đó) và về sau từ cõi Bồ đề.

289. The goal of human atoms is self-consciousness. But this self-consciousness is achieved, it seems, in aggregate, just as on a much higher level of development, groups of Solar Angels *in aggregate* achieve *planetary* logoic consciousness.

289. Mục tiêu của các nguyên tử người là ngã thức. Nhưng ngã thức này, dường như, được đạt tới trong tổng thể, cũng như ở một cấp độ phát triển cao hơn rất nhiều, các nhóm Thái dương Thiên Thần *trong tổng thể* đạt được tâm thức logoic *hành tinh*.

The Heavenly Man works necessarily through egoic groups, pouring positive force upon them until they emerge from passivity and negativity into potency and activity.

Đấng Thiên Nhân tất yếu hoạt động thông qua các nhóm chân ngã, tuôn đổ mãnh lực tích cực lên chúng cho đến khi chúng thoát khỏi tính thụ động và tiêu cực để đi vào năng lực và hoạt động.

290. At first egoic groups can be passive and negative. This may seem a strange thought. Analogically, however, we have to remember that, at first, causal bodies are only of small development and man's causal consciousness is practically non-existent. If egoic groups in relation to the dense physical body of the Planetary Logos are as the human causal body to the personality of man, then, at first, the causal body is not by any means fully empowered.

290. Thoạt đầu các nhóm chân ngã có thể thụ động và tiêu cực. Điều này có vẻ là một ý tưởng lạ. Tuy nhiên, theo định luật tương đồng, chúng ta phải nhớ rằng lúc đầu các thể nguyên nhân chỉ phát triển rất ít và tâm thức nguyên nhân của con người hầu như không hiện hữu. Nếu các nhóm chân ngã, trong tương quan với thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế, giống như thể nguyên nhân của con người đối với phàm ngã của y, thì lúc đầu thể nguyên nhân tuyệt nhiên chưa được trao quyền đầy đủ.

291. We remember that this work by the Heavenly Man upon egoic groups takes place from "logoic etheric levels". The work of egoic groups upon the lower three worlds takes place from the higher mental plane (which, from one point of view, can be considered *etheric* in relation to a Planetary Logos).

291. Chúng ta nhớ rằng công việc này của Đấng Thiên Nhân trên các nhóm chân ngã diễn ra từ "các cấp độ dĩ thái logoic". Công việc của các nhóm chân ngã trên ba cõi thấp diễn ra từ Cõi thượng trí (mà, từ một quan điểm nào đó, có thể được xem là *dĩ thái* trong tương quan với một Đức Hành Tinh Thượng Đế).

292. The same must be true of man (i.e., he would work from *systemic* etheric levels, as

292. Điều tương tự cũng phải đúng với con người (tức là, y sẽ hoạt động từ các cấp độ dĩ thái *hệ thống*, khi y tìm cách nâng cao phẩm

he seeks to uplift the quality of the atoms constituent to his physical vehicle).

tính của các nguyên tử cấu thành vận cụ hồng trần của mình).

Man works correspondingly through his centres upon his sheaths, and has a responsibility to the lesser lives which under the karmic law must be worked out.

Con người hoạt động một cách tương ứng thông qua các trung tâm của y lên các vỏ bọc của y, và có một trách nhiệm đối với các sự sống nhỏ hơn mà theo định luật nghiệp quả phải được giải quyết.

293. We remember that the etheric centers of man occur on *all* the systemic ethers, and not just on the fourth.

293. Chúng ta nhớ rằng các trung tâm dĩ thái của con người hiện diện trên *mọi* dĩ thái hệ thống, chứ không chỉ trên dĩ thái thứ tư.

This is the basis of the evolutionary process.

Đây là nền tảng của tiến trình tiến hoá.

294. This process is directed from the realm of the Holy Spirit, Agni, Fohat, Brahma and animates lesser, passive, inert, negative lives.

294. Tiến trình này được chỉ đạo từ lĩnh vực của Chúa Thánh Thần, Agni, Fohat, Brahma và tiếp sinh lực cho các sự sống nhỏ hơn, thụ động, trì trệ, tiêu cực.

295. The occultist works from above upon that which is below. He is the 'mover' and words upon that which must be 'moved'.

295. Nhà huyền bí học hoạt động từ trên xuống trên cái ở dưới. Y là "kẻ làm chuyển động" và hoạt động trên cái phải được "làm chuyển động".

296. The 'Great Ladder of Evolution' requires that the ones who work upon shall, in their turn, be worked upon. A hand is extended upward anticipating aid even as the hand of service is extended downwards.

296. "Nấc Thang Vĩ Đại của Tiến Hóa" đòi hỏi rằng những kẻ tác động lên kẻ khác rồi đến lượt mình cũng sẽ bị tác động lên. Một bàn tay được đưa lên trên để chờ đợi sự trợ giúp cũng như bàn tay phụng sự được đưa xuống dưới.

TCF 620 – 635: S6S6

10 December – 24 December 2007

10 Tháng Mười Hai – 24 Tháng Mười Hai 2007

Version 1

Phiên bản 1

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi trình chiếu

classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

trong lớp. Các chú thích và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Người ta gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

[Page 620]

[Page 620]

1. Our work continues with a close examination of the deva kingdom in relation to several orders of "man".

1. Công việc của chúng ta tiếp tục với việc khảo sát chặt chẽ giới thiên thần trong tương quan với một số cấp bậc của "con người".

2. Point "a." (in the previous commentary) offered a discussion on the following:

2. Điểm "a." (trong phần bình luận trước) đã đưa ra một cuộc bàn luận về điều sau đây:

The Mystery of Electricity. The greater Builders are the positive aspect of substance or of electrical phenomena whilst the lesser Builders are the negative aspect.

Mầu Nhiệm của Điện. Các đấng đại kiến tạo là phương diện tích cực của chất liệu hay của các hiện tượng điện, trong khi các vị tiểu kiến tạo là phương diện tiêu cực.

b. The Functions of the Devas.

b. Các Chức Năng của chư thiên thần.

Having predicated certain basic facts about the devas, viewing them as the sum total of the energy of substance and of substance itself, we come down to more technical details and to the more detailed consideration of these building forces as they construct the thought-form of the Logos, the solar System.

Sau khi đã xác lập một số sự kiện căn bản về chư thiên thần, xem họ như tổng thể năng lượng của chất liệu và của chính chất liệu, chúng ta đi xuống các chi tiết kỹ thuật hơn và đến với sự xem xét chi tiết hơn về các mãnh lực kiến tạo này khi chúng xây dựng hình tư tưởng của Thượng đế, hệ mặt trời.

3. Substance itself is energy-force. We should not think of substance as matter only, and energy-force as that which

3. Chính chất liệu là năng lượng-mãnh lực. Chúng ta không nên nghĩ về chất liệu chỉ như vật chất, và năng lượng-mãnh lực như cái làm sinh động vật chất. Các thiên thần

animates matter. The devas we are studying are substance considered as energy-force.

4. We remind ourselves that the thoughtform of the Solar Logos is the solar system.

From this consideration of them certain practical knowledge will eventuate:

First. Knowledge of how to build in mental matter in the three worlds, and how to employ the devas of the gaseous plane of the cosmic physical.

5. This is the beginning (for us) of the white magical process. This process is extensively considered later in this book and also in *A Treatise on White Magic.*

6. We remind ourselves that the systemic mental plane is the gaseous plane of the cosmic physical plane.

Second. Realisation of how to combine the pairs of opposites, and thus give body and form to concept.

7. Essentially the pairs of opposites are Spirit and matter. The pairs of opposites here referenced are the *thought* (i.e., the concept) and the *thing*—the product of the systemic mental plane and of the systemic etheric-physical plane.

8. The true form is found upon the etheric plane and its building begins on the plane of thought, then augmented on the plane of sentiency.

mà chúng ta đang nghiên cứu là chất liệu được xem như năng lượng-mãnh lực.

4. Chúng ta tự nhắc mình rằng hình tư tưởng của Thái dương Thượng đế là hệ mặt trời.

Từ việc xem xét họ như thế, một số tri thức thực tiễn sẽ phát sinh:

Thứ nhất. Tri thức về cách xây dựng trong chất liệu trí tuệ trong ba cõi giới, và cách sử dụng các thiên thần của cõi khí của cõi hồng trần vũ trụ.

5. Đây là sự khởi đầu (đối với chúng ta) của tiến trình huyền thuật chánh đạo. Tiến trình này được khảo sát rộng rãi về sau trong quyển sách này và cả trong *Luận về Chánh Thuật.*

6. Chúng ta tự nhắc mình rằng cõi trí hệ thống là cõi khí của cõi hồng trần vũ trụ.

Thứ hai. Chứng nghiệm cách kết hợp các cặp đối cực, và nhờ đó ban cho ý niệm thể và hình tướng.

7. Về bản chất, các cặp đối cực là tinh thần và vật chất. Các cặp đối cực được nói đến ở đây là *tư tưởng* (tức là ý niệm) và *sự vật*—sản phẩm của cõi trí hệ thống và của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

8. Hình tướng chân thực được tìm thấy trên cõi dĩ thái và việc xây dựng nó bắt đầu trên cõi tư tưởng, rồi được tăng cường trên cõi cảm giác.

Third. Materialisation upon the physical plane of the embodied idea.

9. This third point references the art and science of precipitation.

10. Not all forms upon the physical plane are embodied *ideas.* Some are embodied *thoughts*. We may, however, suppose that thoughts are derivative of ideas even if the one engaged in the act of precipitation is not accessing the originating idea but only its representative thought.

1. Manifestation of the Logoic Aspects. This is achieved through the close consideration of the laws of being, and of the method pursued by the Logos in giving His conception form, thus working out His purpose, or will, through that form. In the three planes of man's endeavour we have reflected the three aspects of the Logos as they produce manifestation:

11. DK is referencing the "laws of being". We must determine whether the word "being" is being used in a general sense, or whether He is referring to a very high set of laws related to the central *life* of the Solar Logos:

The Mental Plane...reflection of the first aspect.

12. The will consistently works through the mind. Manas and purpose are (according to definitions given in this treatise) inseparable.

Thứ ba. Sự hiện hình trên cõi hồng trần của ý tưởng đã nhập thể.

9. Điểm thứ ba này nói đến nghệ thuật và khoa học của sự ngưng tụ.

10. Không phải mọi hình tướng trên cõi hồng trần đều là những *ý tưởng* nhập thể. Một số là những *tư tưởng* nhập thể. Tuy nhiên, chúng ta có thể giả định rằng các tư tưởng là phái sinh từ các ý tưởng, ngay cả khi người đang thực hiện hành vi ngưng tụ không tiếp cận ý tưởng nguyên thủy mà chỉ tiếp cận tư tưởng đại diện của nó.

1. Sự Biểu Hiện của các Phương diện Logoic. Điều này đạt được thông qua việc xem xét cẩn mật các quy luật của bản thể, và phương pháp mà Thượng đế theo đuổi khi ban cho quan niệm của Ngài hình tướng, nhờ đó thực hiện mục đích, hay ý chí, của Ngài qua hình tướng ấy. Trong ba cõi nỗ lực của con người, chúng ta có sự phản chiếu của ba phương diện của Thượng đế khi chúng tạo ra biểu hiện:

11. Chân sư DK đang nói đến "các quy luật của bản thể". Chúng ta phải xác định xem từ "bản thể" đang được dùng theo nghĩa tổng quát, hay Ngài đang nói đến một tập hợp quy luật rất cao liên hệ với sự sống *trung tâm* của Thái dương Thượng đế:

Cõi Trí...sự phản chiếu của phương diện thứ nhất.

12. Ý chí luôn luôn hoạt động thông qua trí tuệ. Manas và mục đích là bất khả phân ly (theo các định nghĩa được đưa ra trong bộ luận này).

The plane of concept, of the union of Father-Spirit-Will and Mother-Matter-Energy.

Cõi của ý niệm, của sự hợp nhất giữa Cha-Tinh thần-Ý chí và Mẹ-Vật chất-Năng lượng.

13. The substance of the mental plane is "Mother-Matter-Energy". The "Father-Spirit-Will" aspect shapes substance upon the mental plane into *concepts.*

13. Chất liệu của cõi trí là "Mẹ-Vật chất-Năng lượng". Phương diện "Cha-Tinh thần-Ý chí" định hình chất liệu trên cõi trí thành các *ý niệm.*

14. In a way, concepts represent the "Son" aspect of divinity.

14. Theo một cách nào đó, các ý niệm tượng trưng cho phương diện "Con" của thiên tính.

This is the work of the Logos, and this union produces the Son, for Divine Thought takes form. The body of the Ego is there found.

Đây là công việc của Thượng đế, và sự hợp nhất này sản sinh ra Con, vì Tư Tưởng thiêng liêng mang lấy hình tướng. Thể của chân ngã được tìm thấy ở đó.

15. From this perspective, the body of the Ego is both a "son" and a concept.

15. Từ góc nhìn này, thể của chân ngã vừa là một "con" vừa là một ý niệm.

16. The true "Ego" is consciousness. That which arises in substance upon the higher mental plane is the *body* of the Ego.

16. "Chân ngã" đích thực là tâm thức. Cái phát sinh trong chất liệu trên Cõi thượng trí là *thể* của chân ngã.

Astral Plane...reflection of the second aspect, the Son. Materialisation proceeds through desire, and the form grows and evolves, becoming more adequate.

Cõi cảm dục...sự phản chiếu của phương diện thứ hai, Con. Sự hiện hình tiến hành qua dục vọng, và hình tướng tăng trưởng và tiến hoá, trở nên thích hợp hơn.

17. DK is dealing in essence with the white magical process.

17. Về bản chất, Chân sư DK đang bàn đến tiến trình huyền thuật chánh đạo.

18. Upon the astral plane the initial mental form grows and is filled out.

18. Trên cõi cảm dục, hình thể trí tuệ ban đầu tăng trưởng và được lấp đầy.

19. Just as the mind reflects the Monad and the astral body reflects the second aspect, the soul aspect.

19. Cũng như trí tuệ phản chiếu chân thần và thể cảm dục phản chiếu phương diện thứ hai, phương diện linh hồn.

Physical Plane...Manifestation. The thought-form (of man or the Logos) appears in activity.

Cõi hồng trần...Biểu hiện. Hình tư tưởng (của con người hay của Thượng đế) xuất hiện trong hoạt động.

20. The third aspect is the *activity* aspect and is the primary influence upon the physical plane. Activity brings about manifestation.

20. Phương diện thứ ba là phương diện *hoạt động* và là ảnh hưởng chủ yếu trên cõi hồng trần. Hoạt động mang lại sự biểu hiện.

The Son is born on the physical plane, the thought of the Thinker (divine or human) becomes an entity, separated [Page 621] from its originating source, yet energised by the vitality emanating from him.

Con được sinh ra trên cõi hồng trần, tư tưởng của Đấng Tư Tưởng (thiêng liêng hay nhân loại) trở thành một thực thể, tách biệt [Page 621] khỏi nguồn gốc phát sinh của nó, tuy vậy vẫn được tiếp năng bởi sinh lực phát ra từ ông.

21. This is the "Birth of the Christ" to be understood in various ways.

21. Đây là "Sự Giáng Sinh của Đức Christ", cần được hiểu theo nhiều cách khác nhau.

22. The "Divine Son" is "the thought of the Thinker".

22. "Thiêng Tử" là "tư tưởng của Đấng Tư Tưởng".

23. It is important to grasp that the "entity" (which the "thought of the Thinker" has become) is *both* separate from its originating source and, yet, *connected* to its originating source which vitalizes it.

23. Điều quan trọng là phải nắm được rằng "thực thể" (mà "tư tưởng của Đấng Tư Tưởng" đã trở thành) *vừa* tách biệt khỏi nguồn gốc phát sinh của nó, nhưng đồng thời lại *được nối kết* với nguồn gốc phát sinh vốn tiếp sinh lực cho nó.

24. Man upon the physical plane finds himself exactly in this position—separated from and yet connected to his source the systemic higher mental plane.

24. Con người trên cõi hồng trần thấy mình ở đúng trong vị thế này—tách biệt khỏi nhưng vẫn nối kết với nguồn của mình là Cõi thượng trí của hệ thống.

All this becomes possible—speaking now from the human standpoint—through the action of **the devas who are that which embodies thought**, and **that which give it its separated energy**, as distinct from the purpose which will work out to fruition as the form becomes adequate as a medium of expression.

Tất cả điều này trở nên khả hữu—nay nói từ quan điểm nhân loại—qua hoạt động của **các thiên thần là cái thể hiện tư tưởng**, và **cái ban cho nó năng lượng tách biệt của nó**, phân biệt với mục đích sẽ được hoàn thành khi hình tướng trở nên thích hợp như một môi trường biểu đạt.

25. We can gather that two functions of the devas here mentioned (i.e., the function of embodying thought and the function of providing the substance-energy apparently

25. Chúng ta có thể suy ra rằng hai chức năng của các thiên thần được nhắc đến ở đây (tức chức năng thể hiện tư tưởng và chức năng cung cấp chất liệu-năng lượng dường

separated from the sustain source of energy) are the means through which the purpose works out to fruition in the apparently separated form upon the physical plane.

2. Deva force substance. As we consider the devas of the seven planes of the solar system, and especially as we consider those who work in the three worlds, we must bear in mind the following statements:

26. Although the higher devas are of essential importance to the outworking of logoic purpose through man, the devas with which man is most intimately concerned are those of the three worlds—including (if we wish to be complete) those Agnishvattas which influence the higher mental plane through the building and maintenance of the egoic lotus.

The First Statement. They are the devas who are the dual force-substance of the lowest cosmic plane, the cosmic physical.

27. Just as the systemic (or solar) physical plane is divided into two portions, the same is true of the cosmic physical plane. It is divided into the etheric body of the Solar Logos and the dense physical body of the Solar Logos.

28. On the cosmic physical plane there are devas which are particular concerned with the dense physical body of the Solar Logos and those concerned with His etheric body —found upon the higher four systemic planes of the cosmic physical plane.

As regards the three worlds, they are the deva force and substance[2] which compose the dense physical body of the Logos, hence man is limited, as he works on these planes,

như tách biệt khỏi nguồn năng lượng duy trì) là những phương tiện qua đó mục đích được hoàn thành trong hình tướng dường như tách biệt trên cõi hồng trần.

2. Chất liệu mãnh lực thiên thần. Khi chúng ta xem xét các thiên thần của bảy cõi của hệ mặt trời, và đặc biệt khi chúng ta xem xét những vị hoạt động trong ba cõi giới, chúng ta phải ghi nhớ các phát biểu sau đây:

26. Mặc dù các thiên thần cao cấp có tầm quan trọng cốt yếu đối với sự triển khai mục đích logoic qua con người, các thiên thần mà con người liên hệ mật thiết nhất là những vị của ba cõi giới—bao gồm (nếu muốn đầy đủ) cả những Agnishvattas ảnh hưởng đến Cõi thượng trí qua việc xây dựng và duy trì Hoa Sen Chân Ngã.

Phát biểu thứ nhất. Họ là các thiên thần là chất liệu-mãnh lực nhị phân của cõi vũ trụ thấp nhất, cõi hồng trần vũ trụ.

27. Cũng như cõi hồng trần của hệ thống (hay thái dương) được chia thành hai phần, cõi hồng trần vũ trụ cũng vậy. Nó được chia thành thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế và thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

28. Trên cõi hồng trần vũ trụ có những thiên thần đặc biệt liên hệ với thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và những vị liên hệ với thể dĩ thái của Ngài—được tìm thấy trên bốn cõi hệ thống cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

Xét về ba cõi giới, họ là mãnh lực và chất liệu thiên thần2 hợp thành thể xác đậm đặc của Thượng đế, vì thế con người bị giới hạn, khi hoạt động trên các cõi này, **vào** những thiên

to those devas who are primarily regarded (from the higher levels) as having no part in the seven principles of the Logos;

29. This is a most important statement. From this perspective, man is working within substance which is inherited from the previous solar system—*unprincipled* substance.

30. The tendencies of such devas conditioned by the patterns of the previous solar system do not correlate with the program of the Solar Logos which was conceived specifically for this second solar system. During the redemptive process which the Logos must, perforce, undertake in this solar system, these tendencies must be repatterned.

31. Below are other ways of describing these same devic lives.

to those devas who form the gaseous, liquid, and concrete form of the Logos, the devas of concrete fire, of water and of earth in its densest aspect;

32. We note that the devas of the lower mental plane are called "devas of concrete fire". It is hard to find specific names for these devas. Whether they are to be called "Agnishvattas" of a lower kind is still not ascertained though all indications point in that direction.

33. The devas of water are astral devas.

34. We note that the earth devas here referenced are related to the "densest aspect" of the physical plane and, apparently, not to

thần mà chủ yếu được xem (từ các cấp độ cao hơn) là không có phần nào trong bảy nguyên khí của Thượng đế;

29. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Từ góc nhìn này, con người đang hoạt động trong chất liệu được thừa hưởng từ hệ mặt trời trước—chất liệu *không nguyên khí*.

30. Các khuynh hướng của những thiên thần như thế, được định hình bởi các mô hình của hệ mặt trời trước, không tương ứng với chương trình của Thái dương Thượng đế vốn được hình thành riêng cho hệ mặt trời thứ hai này. Trong tiến trình cứu chuộc mà Thượng đế buộc phải đảm nhận trong hệ mặt trời này, các khuynh hướng ấy phải được tái mô hình hóa.

31. Dưới đây là những cách khác để mô tả cùng những sự sống thiên thần này.

đến những thiên thần tạo thành thể khí, thể lỏng, và hình thể cụ thể của Thượng đế, các thiên thần của lửa cụ thể, của nước và của đất trong phương diện đậm đặc nhất của nó;

32. Chúng ta lưu ý rằng các thiên thần của cõi hạ trí được gọi là "các thiên thần của lửa cụ thể". Thật khó tìm ra những tên gọi chuyên biệt cho các thiên thần này. Liệu họ có thể được gọi là những "Agnishvattas" thuộc loại thấp hơn hay không vẫn chưa được xác định, dù mọi dấu hiệu đều chỉ theo hướng đó.

33. Các thiên thần của nước là các thiên thần cảm dục.

34. Chúng ta lưu ý rằng các thiên thần đất được nhắc đến ở đây có liên hệ với "phương diện đậm đặc nhất" của cõi hồng trần và,

the etheric levels which are considered to be in a separate category.

dường như, không liên hệ với các cấp dĩ thái vốn được xem là thuộc một phạm trù riêng biệt.

35. The descriptions of the lower devas continues.

35. Các mô tả về các thiên thần thấp tiếp tục.

to those devas who are the automatic, subconscious builders, carrying on the work of the dense physical vehicle of the Logos in the same sense as the builders in man's body work automatically and unconsciously, producing the cells and energising the bodily functions.

đến những thiên thần là các đấng kiến tạo tự động, vô thức, tiếp tục công việc của vận cụ hồng trần đậm đặc của Thượng đế theo cùng ý nghĩa như các đấng kiến tạo trong thân thể của con người hoạt động một cách tự động và vô thức, tạo ra các tế bào và tiếp năng lượng cho các chức năng của cơ thể.

36. It is important to note that these devas are definitely *unconscious* and automatic in their response.

36. Điều quan trọng là phải lưu ý rằng các thiên thần này rõ ràng là *vô thức* và tự động trong sự đáp ứng của họ.

FOOTNOTE 2:

CHÚ THÍCH 2:

The Solar Angels are dual in Nature.

Các Thái dương Thiên Thần có bản chất nhị phân.

"Manas is dual—Lunar in the lower, Solar in its upper portion."—S. D., II, 520, 675.

"Manas là nhị phân—Thái âm ở phần thấp, Thái dương ở phần cao của nó."—S. D., II, 520, 675.

37. Here is a most important statement. Usually, Solar Angels are considered as expressing *only* through the higher mental plane. In this footnote, we are led to believe that the devas of concrete mental fire can be called Solar Angels (or Agnishvattas).

37. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Thông thường, các Thái dương Thiên Thần được xem là chỉ biểu lộ *duy nhất* qua Cõi thượng trí. Trong chú thích này, chúng ta được dẫn đến chỗ tin rằng các thiên thần của lửa trí tuệ cụ thể có thể được gọi là các Thái dương Thiên Thần (hay Agnishvattas).

38. From another perspective, the fire (agni) of the Agnishvattas is not always *solar* fire.

38. Từ một góc nhìn khác, lửa (agni) của các Agnishvattas không phải lúc nào cũng là lửa *thái dương*.

39. We are told that the Fifth Creative Hierarchy is *dual*. Does this duality consist

39. Chúng ta được cho biết rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm là *kép*. Nhị nguyên tính

of the devas of the higher mental plane and those of the lower mental plane?

40. We cannot, however, call the devas of concrete mental fire "returning Nirvanis".

a. The solar aspect is attracted towards Buddhi.

41. We are speaking of the solar aspect of mind or "solar fire".

b. The other descends into, or is attracted by the lower animal.

42. Here we are speaking of concrete mental fire or lunar fire.

43. There is a close connection between all things lunar and the animal kingdom.

c. The Solar Angels form the "Soul" or Second Aspect.

44. Soul is always present, but what is here referenced is that condition of consciousness characteristic of the higher mental plane.

45. The Solar Angels here concerned are not the lunar Agnishvattas (if such can be said to exist).

d. The chief "Soul" is Manas, or mind."—S. D., II, 521.

46. There are many forms of "soul"—i.e., many forms of consciousness. HPB is saying that the chief form of consciousness (for

này có phải gồm các thiên thần của Cõi thượng trí và những vị của cõi hạ trí không?

40. Tuy nhiên, chúng ta không thể gọi các thiên thần của lửa trí tuệ cụ thể là "các nirvani hồi quy".

a. Phương diện thái dương bị thu hút về phía Bồ đề.

41. Chúng ta đang nói về phương diện thái dương của trí tuệ hay "Lửa Thái dương".

b. Phương diện kia giáng xuống, hay bị thu hút bởi người thú thấp hơn.

42. Ở đây chúng ta đang nói về lửa trí tuệ cụ thể hay lửa thái âm.

43. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa mọi sự vật thái âm và giới động vật.

c. Các Thái dương Thiên Thần tạo thành "Linh hồn" hay Phương diện thứ hai.

44. Linh hồn luôn hiện diện, nhưng điều được nhắc đến ở đây là trạng thái tâm thức đặc trưng của Cõi thượng trí.

45. Các Thái dương Thiên Thần được nói đến ở đây không phải là các Agnishvattas thái âm (nếu có thể nói rằng những vị như thế tồn tại).

d. "Linh hồn" chủ yếu là Manas, hay trí tuệ."—S. D., II, 521.

46. Có nhiều hình thức của "linh hồn"—tức nhiều hình thức của tâm thức. HPB đang nói rằng hình thức tâm thức chủ yếu (ít nhất đối

man, at least) is that which is qualified by and limited by manas.

với con người) là hình thức được phẩm định bởi và bị giới hạn bởi manas.

This is the basis of the danger to man in tampering with these forces. He is too close to them in many ways; he identifies himself with them and until [Page 622] he has attained the consciousness of the Ego, and has with full knowledge established his identity with the Spirit aspect and not with substance, he is liable to be swept into the line of blind force, and become a lost soul should he trespass ignorantly, and curiously, into their domain.

Đây là cơ sở của mối nguy đối với con người khi can thiệp vào các mãnh lực này. Y quá gần với chúng theo nhiều cách; y đồng hoá với chúng, và cho đến khi [Page 622] y đạt được tâm thức của chân ngã, và với tri thức trọn vẹn đã xác lập bản sắc của mình với phương diện tinh thần chứ không phải với chất liệu, y có thể bị cuốn vào con đường của mãnh lực mù quáng, và trở thành một linh hồn lạc mất nếu y xâm phạm một cách vô minh và tò mò vào lĩnh vực của chúng.

47. Here is a potent warning. We see that the danger discussed lifts when the level of man's identification changes and his normal consciousness becomes that of the Ego on the systemic higher mental plane.

47. Đây là một lời cảnh báo mạnh mẽ. Chúng ta thấy rằng mối nguy được bàn đến sẽ được nâng khỏi khi cấp độ đồng hoá của con người thay đổi và tâm thức bình thường của y trở thành tâm thức của chân ngã trên Cõi thượng trí của hệ thống.

48. Some have wondered how the fate of "lost soul" may befall. Here we learn that it is not only selfishness which may lead to this dire consequence, but foolish tampering with forces which cannot yet be controlled by man who is not egoically polarized.

48. Một số người đã tự hỏi số phận của "linh hồn lạc mất" có thể xảy đến như thế nào. Ở đây chúng ta biết rằng không chỉ tính ích kỷ mới có thể dẫn đến hậu quả khủng khiếp này, mà còn cả sự can thiệp ngu xuẩn vào những mãnh lực mà con người chưa phân cực chân ngã vẫn chưa thể kiểm soát.

49. An important point emerges: *that with which we identify has power over us.* When we disidentify from it, the power subsides.

49. Một điểm quan trọng nổi lên: *điều mà chúng ta đồng hoá với có quyền lực trên chúng ta.* Khi chúng ta thôi đồng hoá với nó, quyền lực ấy lắng xuống.

50. Man is *other* than the devas which express the dense physical body of the Solar Logos. He must realize this *factually* before it is safe for him to deal directly with these lower energies and forces.

50. Con người là *khác* với các thiên thần biểu lộ thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Y phải nhận ra sự kiện này một cách *thực tế* trước khi việc trực tiếp đề cập đến các năng lượng và mãnh lực thấp này trở nên an toàn đối với y.

He is concerned also with those devas who are as yet animated by the life and purpose which distinguished the evolution of the first solar system.

Y cũng liên hệ với những thiên thần mà cho đến nay vẫn được sinh động bởi sự sống và mục đích vốn phân biệt sự tiến hoá của hệ mặt trời thứ nhất.

51. The powers of the past are still, with respect to man, *overpowering.* Humanity is still subject to patterns and purposes which should have been outlived—probably in the first solar system. It is not yet ascertained whether human tendencies from the first solar system were Plan-intended to be transferred to this solar system.

51. Các quyền năng của quá khứ vẫn còn, đối với con người, *áp đảo.* Nhân loại vẫn còn chịu phục tùng những mô hình và mục đích lẽ ra đã phải được vượt qua—có lẽ trong hệ mặt trời thứ nhất. Vẫn chưa xác định được liệu các khuynh hướng nhân loại từ hệ mặt trời thứ nhất có được Thiên Cơ chủ định chuyển sang hệ mặt trời này hay không.

That life is the life of God, and that purpose is the working out of His will, but it is evil from our present standpoint, for it is superseded as far as man is concerned by a different purpose and goal.

Sự sống ấy là sự sống của Thượng đế, và mục đích ấy là sự triển khai ý chí của Ngài, nhưng từ quan điểm hiện tại của chúng ta, nó là điều ác, vì đối với con người nó đã bị thay thế bởi một mục đích và cứu cánh khác.

52. Evil is always related to an identification with the past. God (the Solar Logos) has had a number of incarnations as a Solar Logos. To be unduly influenced by His own agenda in the previous solar system cannot help but mean identification with what, from the perspective of our present solar system, must be considered evil.

52. Điều ác luôn liên hệ với sự đồng hoá với quá khứ. Thượng đế (Thái dương Thượng đế) đã có một số lần lâm phàm với tư cách một Thái dương Thượng đế. Việc bị ảnh hưởng quá mức bởi chính chương trình nghị sự của Ngài trong hệ mặt trời trước không thể không có nghĩa là đồng hoá với điều mà, từ quan điểm của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta, phải được xem là điều ác.

Therefore, identification with that which is past, retrogression and the methods of the old are for a man a return along the path of self-conscious evolution,

Vìthế, sự đồng hoá với điều thuộc về quá khứ, sự thoái bộ và các phương pháp cũ, đối với con người là một sự quay trở lại trên con đường tiến hoá ngã thức,

53. This means that man, who should be emerging into *group* consciousness, would (if treading the path of evil) re-identify with egoist consciousness, thus allowing himself to be motivated by first solar system influences and objectives.

53. Điều này có nghĩa là con người, lẽ ra phải đang xuất hiện vào tâm thức *nhóm*, sẽ (nếu bước trên con đường ác) tái đồng hoá với tâm thức vị kỷ, nhờ đó để cho mình bị thúc đẩy bởi các ảnh hưởng và mục tiêu của hệ mặt trời thứ nhất.

and lead eventually to a loss of the egoic principle, or of ego-ism, which distinguishes a man (human or heavenly) from the rest of evolution.

và cuối cùng dẫn đến sự mất đi nguyên khí chân ngã, hay tính ngã, vốn phân biệt một con người (nhân loại hay thiên giới) với phần còn lại của tiến hoá.

54. An identification with lower ego (which is not *true* Ego) will result in the animalization of human consciousness. This will ultimately mean a dissociation from the Solar Angel and, thus, a loss of inspiration from that spiritual source higher than the human personality. Man would again become the plaything of the lunar lords and would fail to establish himself within the solar consciousness.

54. Sự đồng hoá với phàm ngã thấp (không phải là chân ngã *đích thực*) sẽ dẫn đến sự thú tính hóa tâm thức con người. Điều này rốt cuộc sẽ có nghĩa là sự phân ly khỏi Thái dương Thiên Thần và do đó là mất đi cảm hứng từ nguồn tinh thần cao hơn phàm ngã nhân loại ấy. Con người sẽ lại trở thành món đồ chơi của các nguyệt tinh quân và sẽ không thiết lập được chính mình trong tâm thức thái dương.

The Second Statement. The hope for the devas and for the form aspect lies in the fact that each of the subplanes of the cosmic physical plane comes under the direct influence of cosmic forces, originating on the six other cosmic planes.

Phát biểu thứ hai. Niềm hy vọng cho các thiên thần và cho phương diện hình tướng nằm ở sự kiện rằng mỗi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của các mãnh lực vũ trụ, phát sinh trên sáu cõi vũ trụ khác.

55. This is quite an amazing statement. In effect we are being told that redemption comes from the six cosmic planes 'higher' than the cosmic physical plane.

55. Đây là một phát biểu thật đáng kinh ngạc. Thực chất, chúng ta đang được cho biết rằng sự cứu chuộc đến từ sáu cõi vũ trụ "cao hơn" cõi hồng trần vũ trụ.

56. We are also being told that each of the systemic planes (the subplanes of the cosmic physical plane) is under the direct influence of one of the higher cosmic planes.

56. Chúng ta cũng được cho biết rằng mỗi cõi của hệ thống (các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ) đều nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của một trong các cõi vũ trụ cao hơn.

57. This will mean the following:

57. Điều này sẽ có nghĩa như sau:

a. The systemic astral plane will be under the direct influence of the cosmic astral plane.

a. Cõi cảm dục của hệ thống sẽ nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của cõi cảm dục vũ trụ.

b. The systemic mental plane will be under the direct influence of the cosmic mental plane.

b. Cõi trí của hệ thống sẽ nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của cõi trí vũ trụ.

c. The systemic buddhic plane will be under the direct influence of the cosmic buddhic plane.

c. Cõi Bồ đề của hệ thống sẽ nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của cõi Bồ đề vũ trụ.

d. The systemic atmic plane will be under the direct influence of the cosmic atmic plane.

d. Cõi atma của hệ thống sẽ nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của cõi atma vũ trụ.

e. The systemic monadic plane will be under the direct influence of the cosmic monadic plane.

e. Cõi chân thần của hệ thống sẽ nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của cõi chân thần vũ trụ.

f. The systemic logoic plane will be under the direct influence of the cosmic logoic plane.

f. Cõi logoic của hệ thống sẽ nằm dưới ảnh hưởng trực tiếp của cõi logoic vũ trụ.

58. The means of this transmission or direct influence must remain mysterious to us as we know little of the originating sources on the higher cosmic planes. We simply grasp the fact of the analogy.

58. Phương tiện của sự truyền dẫn hay ảnh hưởng trực tiếp này phải vẫn còn là điều huyền nhiệm đối với chúng ta vì chúng ta biết rất ít về các nguồn phát sinh trên các cõi vũ trụ cao hơn. Chúng ta chỉ đơn giản nắm được sự kiện của phép loại suy.

Of these forces everything is unknown and inconceivable, except the vague and general indications of these currents and forces as they may be felt as emanating from the cosmic planes.

Về các mãnh lực này, mọi sự đều không được biết đến và không thể quan niệm nổi, ngoại trừ những chỉ dẫn mơ hồ và tổng quát về các dòng và mãnh lực này khi chúng có thể được cảm nhận như phát ra từ các cõi vũ trụ.

54. Chart V in TCF gives us some idea of the kinds of Beings which can be found on various of the cosmic planes, but of Their true nature we really know nothing.

54. Biểu đồ V trong Luận về Lửa Vũ Trụ cho chúng ta một vài ý niệm về những loại Hữu thể có thể được tìm thấy trên các cõi vũ trụ khác nhau, nhưng về bản chất đích thực của Các Ngài thì chúng ta thực sự không biết gì cả.

55. Such Beings as the Solar Logos expressing through His causal body; the

55. Những Hữu thể như Thái dương Thượng đế biểu lộ qua thể nguyên nhân của Ngài; các

Logoi of the Pleiades; the Logoi Who are the Seven Rishis of the Great Bear; and Logoi of far greater scope and power are the 'Residents' of these higher cosmic planes.

Thượng đế của chòm Pleiades; các Thượng đế là Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh; và các Thượng đế có phạm vi và quyền năng lớn lao hơn nhiều là những "Cư dân" của các cõi vũ trụ cao hơn này.

The cosmic mental plane. This manifests for us in the three types of force to be seen on the systemic mental plane. These three types have not been sufficiently studied, and are:

Cõi trí vũ trụ. Điều này biểu hiện đối với chúng ta trong ba loại mãnh lực được thấy trên cõi trí của hệ thống. Ba loại này chưa được nghiên cứu đầy đủ, và là:

56. That which we find manifesting on the systemic mental plane has its origins, we are told, on the cosmic mental plane. We are not yet told *on what level or levels of the cosmic mental plane.*

56. Điều mà chúng ta thấy biểu hiện trên cõi trí của hệ thống, như được cho biết, có nguồn gốc trên cõi trí vũ trụ. Chúng ta chưa được cho biết *ở cấp độ hay các cấp độ nào của cõi trí vũ trụ.*

a. The force which plays through all the manasic permanent atoms, and which produces basically that manifestation which we call the three worlds.

a. Mãnh lực vận hành xuyên qua tất cả các nguyên tử trường tồn manas, và về căn bản tạo ra sự biểu hiện mà chúng ta gọi là ba cõi giới.

57. It is suggested that the manasic permanent atom on the first subplane of the systemic mental plane is the source of all manifestation in the three worlds. This makes sense when we realize the importance of the manasic permanent atom in the creation of the egoic lotus. The ray of the manasic permanent atom and the ray of the causal body or egoic lotus are the same. (cf. EPI, 168-169)

57. Người ta gợi ý rằng nguyên tử trường tồn manas trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí của hệ thống là nguồn của mọi biểu hiện trong ba cõi giới. Điều này hợp lý khi chúng ta nhận ra tầm quan trọng của nguyên tử trường tồn manas trong việc tạo ra Hoa Sen Chân Ngã. Cung của nguyên tử trường tồn manas và cung của thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã là như nhau. (xem EPI, 168-169)

b. The force which animates those groups of "lotuses" [Page 623] which we call egoic groups or centres-aggregations of causal bodies.

b. Mãnh lực làm sinh động những nhóm "hoa sen" ấy [Page 623] mà chúng ta gọi là các nhóm chân ngã hay các trung tâm—những tập hợp của các thể nguyên nhân.

58. Groups of causal bodies or egoic lotuses are *also* "lotuses".

58. Các nhóm thể nguyên nhân hay các Hoa Sen Chân Ngã *cũng* là những "hoa sen".

59. It would be of great interest to understand the modus operandi by which lesser lotuses combine to become still greater lotuses.

59. Sẽ rất đáng quan tâm nếu hiểu được phương thức hoạt động nhờ đó những hoa sen nhỏ hơn kết hợp để trở thành những hoa sen còn lớn hơn nữa.

c. The force which vitalises all the mental units and which is distributed thence to all the other permanent atoms.

c. Mãnh lực tiếp sinh lực cho tất cả các đơn vị hạ trí và từ đó được phân phối đến tất cả các nguyên tử trường tồn khác.

56. Even the force animating the mental units of the systemic mental plane originates from the cosmic mental plane.

56. Ngay cả mãnh lực làm sinh động các đơn vị hạ trí của cõi trí của hệ thống cũng phát sinh từ cõi trí vũ trụ.

57. It has yet to be established whether mental units are always found present in the development of the different types of "men"—human, heavenly and solar. The indications point to the existence of a mental unit as part of the equipment of a Solar Logos.

57. Vẫn còn phải xác lập liệu các đơn vị hạ trí có luôn hiện diện trong sự phát triển của các loại "người" khác nhau—nhân loại, thiên giới và thái dương—hay không. Các dấu hiệu cho thấy sự hiện hữu của một đơn vị hạ trí như một phần trong trang bị của một Thái dương Thượng đế.

These three types of force deal with the substance aspect—permanent atoms, causal vehicle, and mental units, and are therefore directly impressing themselves upon the devas who build these forms out of their own substance, and thus develop the divine plan.

Ba loại mãnh lực này liên quan đến phương diện chất liệu—các nguyên tử trường tồn, vận cụ nguyên nhân, và các đơn vị hạ trí, và do đó trực tiếp in dấu chính mình lên các thiên thần xây dựng các hình tướng này từ chính chất liệu của họ, và như thế phát triển Thiên Cơ.

60. We are considering both forces and forms, even though forms are really aggregates of forces.

60. Chúng ta đang xem xét cả mãnh lực lẫn hình tướng, dù hình tướng thực ra là những tập hợp của các mãnh lực.

61. The source (as here discussed) of the three forces we are considering is the cosmic mental plane. That cosmic mental forces naturally become attenuated as they 'descend' onto lower planes. These forces and their attenuations impress themselves upon the devas who build the manasic permanent atoms, the causal bodies and the mental units out of their own substance.

61. Nguồn gốc (như được bàn ở đây) của ba mãnh lực mà chúng ta đang xem xét là cõi trí vũ trụ. Các mãnh lực trí tuệ vũ trụ ấy tự nhiên trở nên suy giảm khi chúng "giáng xuống" các cõi thấp hơn. Các mãnh lực này và những sự suy giảm của chúng in dấu chính mình lên các thiên thần xây dựng các nguyên tử trường tồn manas, các thể nguyên

nhân và các đơn vị hạ trí từ chính chất liệu của họ.

These three types of force affect substance, but with a psychic intent, being themselves swayed and actuated according to divine purpose, and from high levels.

Ba loại mãnh lực này tác động đến chất liệu, nhưng với một ý hướng thông linh, vì bản thân chúng được chi phối và thúc đẩy theo mục đích thiêng liêng, và từ các cấp độ cao.

62. It is clear that when DK is speaking of the "three types of force" He means not the very highest *cosmic* forces, but the systemic attenuations of cosmic forces which are directly responsible for building the forms of the three structures we have been considering—mental permanent atoms, causal bodies, and mental units.

62. Rõ ràng là khi Chân sư DK nói về "ba loại mãnh lực", Ngài không có ý nói đến những mãnh lực *vũ trụ* cao nhất, mà là những sự suy giảm ở cấp hệ thống của các mãnh lực vũ trụ trực tiếp chịu trách nhiệm xây dựng các hình tướng của ba cấu trúc mà chúng ta đang xem xét—các nguyên tử trường tồn trí tuệ, các thể nguyên nhân, và các đơn vị hạ trí.

63. The term "psychic intent", as here used, means that the descending forces are divinely, cosmically *purposeful.*

63. Thuật ngữ "ý hướng thông linh", như được dùng ở đây, có nghĩa là các mãnh lực giáng xuống mang tính mục đích *thiêng liêng, vũ trụ.*

They emanate from the concrete levels of the cosmic mental plane (being therefore the force flowing through the mental unit of the Logos), and are concerned with the force centre which focalises the logoic mental body.

Chúng phát ra từ các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ (do đó là mãnh lực chảy qua đơn vị hạ trí của Thượng đế), và liên hệ với trung tâm mãnh lực tiêu điểm hóa thể trí của Thượng đế.

64. Here the analogy between the forces of the cosmic mental plane and those of the systemic mental plane seems to break down. One would expect that the forces which build the systemic egoic lotuses would emanate from the egoic lotus of the Solar Logos and that the forces building systemic mental permanent atoms would emanate from the very highest levels of the cosmic mental plane, those on which the solar logoic manasic permanent atom would be found.

64. Ở đây phép loại suy giữa các mãnh lực của cõi trí vũ trụ và những mãnh lực của cõi trí của hệ thống dường như bị đứt đoạn. Người ta hẳn sẽ mong đợi rằng các mãnh lực xây dựng các Hoa Sen Chân Ngã của hệ thống sẽ phát ra từ Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế và rằng các mãnh lực xây dựng các nguyên tử trường tồn trí tuệ của hệ thống sẽ phát ra từ những cấp độ cao nhất của cõi trí vũ trụ, những cấp độ mà trên đó nguyên tử trường tồn manas logoic thái dương sẽ được tìm thấy.

65. In fact, however(at least at this point in the text), we are told that all these forces which eventually appear on the systemic mental plane emanate from the *concrete* levels of the cosmic mental plane.

65. Tuy nhiên, trên thực tế (ít nhất ở điểm này trong bản văn), chúng ta được cho biết rằng tất cả các mãnh lực này cuối cùng xuất hiện trên cõi trí của hệ thống đều phát ra từ các cấp độ *cụ thể* của cõi trí vũ trụ.

66. Later, it will be indicated that the concrete levels of the cosmic mental plane are not the ultimate source of these forces.

66. Về sau, sẽ có chỉ dẫn rằng các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ không phải là nguồn tối hậu của các mãnh lực này.

67. There are force centers which focalize the logoic mental body. These centers many be considered the mental aspects of certain of the Planetary Logoi.

67. Có những trung tâm mãnh lực tiêu điểm hóa thể trí của Thượng đế. Các trung tâm này có thể được xem là các phương diện trí tuệ của một số Hành Tinh Thượng Đế.

68. Even though the three types of cosmic forces which eventually impress and condition the systemic mental plane, may emanate from the mental unit of the Solar Logos, it is conceivable that two of the forces originated on the higher levels of the cosmic mental plane before focusing within the solar logoic mental unit. Later text seems to bear this out.

68. Dù ba loại mãnh lực vũ trụ cuối cùng in dấu và tác động lên cõi trí của hệ thống có thể phát ra từ đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế, vẫn có thể hình dung rằng hai trong các mãnh lực ấy đã phát sinh trên các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ trước khi hội tụ trong đơn vị hạ trí logoic thái dương. Bản văn về sau dường như xác nhận điều này.

They are the force of Agni in His first aspect.

Chúng là mãnh lực của Agni trong phương diện thứ nhất của Ngài.

69. This statement implies that Agni has a second and third aspect, for the effects of which we must be watchful.

69. Phát biểu này hàm ý rằng Agni có phương diện thứ hai và thứ ba, mà các hiệu quả của chúng ta phải lưu tâm theo dõi.

70. We can see that first ray force enters the systemic mental plane via the cosmic mental unit on the concrete levels of the cosmic mental plane.

70. Chúng ta có thể thấy rằng mãnh lực cung một đi vào cõi trí của hệ thống qua đơn vị hạ trí vũ trụ trên các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ.

71. We remind ourselves that the mind is ever the conveyor of the first aspect. The first and third aspects are really inseparable.

71. Chúng ta tự nhắc mình rằng trí tuệ luôn là kẻ chuyển tải phương diện thứ nhất. Phương diện thứ nhất và thứ ba thực ra không thể tách rời.

He is that fire which is distinctive of the cosmic mental plane,

Ngài là ngọn lửa đặc trưng của cõi trí vũ trụ,

72. Here is it not specified whether Agni is the fire distinctive of *all* levels of the cosmic mental plane. In other references Agni seems to be the entire personality of the Solar Logos which embraces the eighteen lowest cosmic subplanes. If this is the case (i.e., if Lord Agni is another name of the solar logoic personality), His jurisdiction would extend no higher than the concrete levels of the cosmic mental plane.

72. Ở đây không xác định liệu Agni có phải là lửa đặc trưng của *mọi* cấp độ của cõi trí vũ trụ hay không. Trong những chỗ tham chiếu khác, Agni dường như là toàn bộ phàm ngã của Thái dương Thượng đế, bao trùm mười tám cõi phụ thấp nhất của vũ trụ. Nếu đúng như vậy (tức là nếu Chúa Agni là một tên gọi khác của phàm ngã thái dương logoic), thì phạm vi cai quản của Ngài sẽ không vươn cao hơn các cấp độ trí cụ thể của cõi trí vũ trụ.

73. Yet, what shall we call that Being Who is the Fire of the higher levels of the cosmic mental plane? Is such cosmic higher mental fire an aspect of the energy of Cosmic Vishnu? Or as later suggested, shall the name "Surya" be applied?

73. Tuy nhiên, chúng ta sẽ gọi Đấng là Lửa của các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ ấy là gì? Lửa thượng trí vũ trụ như thế có phải là một phương diện của năng lượng của Vishnu Vũ Trụ không? Hay như được gợi ý về sau, có nên dùng tên "Surya" chăng?

reflected in the cosmic gaseous subplane of the cosmic physical plane—our systemic mental plane.

được phản chiếu trong cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ—cõi trí hệ thống của chúng ta.

58. It is always helpful to remember the equivalence between the gaseous and mental states.

58. Luôn luôn hữu ích khi ghi nhớ sự tương đương giữa trạng thái khí và trạng thái trí tuệ.

59. Perhaps we can say that the energy of Agni is *most* distinctive of the cosmic mental plane (especially its lower levels) but that it includes the demonstrations of devic fire on the cosmic astral plane and the cosmic physical plane.

59. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng năng lượng của Agni là năng lượng *đặc trưng nhất* của cõi trí vũ trụ (đặc biệt là các cấp độ thấp của nó), nhưng nó cũng bao gồm những biểu hiện của lửa thiên thần trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi hồng trần vũ trụ.

The Cosmic Astral Plane. The force from this plane plays through our systemic astral plane, the cosmic liquid physical sub-plane, and it is practically subject only to two

Cõi Cảm Dục Vũ Trụ. Mãnh lực từ cõi này vận hành xuyên qua cõi cảm dục hệ thống của chúng ta, tức cõi phụ lỏng của cõi hồng trần vũ trụ, và trên thực tế nó chỉ chịu hai loại biến phân khác nhau, mỗi loại trong đó hầu như chỉ chịu hai loại biến phân, mỗi loại đều

differentiations, each of them occultly embodied in two great groups of devas:

60. The differentiation about to be made is most significant and occult.

First. The devas who are the substance or force of the astral plane, viewing it as the sumtotal of desire, of feeling and of sensation.

61. Three words are given which characterize astral force:

a. Desire

b. Feeling

c. Sensation

They are, therefore, the nerve centers, or nerve plexi, of the logoic physical body, for the systemic astral plane provides the nervous system of the logoic physical body.

62. We must remember that the logoic dense physical body consists of the lower twenty-one subplanes.

63. Within these subplanes, the astral devas are to be considered nerve centers or nerve plexi.

64. These astral devas are, from the logoic standpoint, densely physical. They are *not* etheric. When thinking of the analogy which DK here proposes, we must remember this.

65. For the human being, the nervous system is *dense* and the nadis are etheric. Within the lower twenty-one subplanes,

được hiện thân một cách huyền bí trong hai nhóm thiên thần lớn:

60. Sự biến phân sắp được nêu ra là điều hết sức quan trọng và huyền bí.

Thứ nhất. Các thiên thần là chất liệu hay mãnh lực của cõi cảm dục, xét nó như tổng thể của dục vọng, cảm xúc và cảm giác.

61. Ba từ được nêu ra để đặc trưng cho mãnh lực cảm dục:

a. Dục vọng

b. Cảm xúc

c. Cảm giác

Vì vậy, chúng là các trung tâm thần kinh, hay các đám rối thần kinh, của thể hồng trần logoic, vì cõi cảm dục hệ thống cung cấp hệ thần kinh cho thể hồng trần logoic.

62. Chúng ta phải nhớ rằng thể hồng trần đậm đặc logoic gồm hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn.

63. Trong các cõi phụ này, các thiên thần cảm dục phải được xem như các trung tâm thần kinh hay các đám rối thần kinh.

64. Từ quan điểm logoic, các thiên thần cảm dục này thuộc hồng trần đậm đặc. Chúng *không* phải là dĩ thái. Khi suy nghĩ về phép loại suy mà Chân sư DK đề nghị ở đây, chúng ta phải nhớ điều này.

65. Đối với con người, hệ thần kinh là *đậm đặc* còn các nadis là dĩ thái. Trong hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn, không có gì tương

nothing corresponding to the nadis are to be found; logoically, we must enter the cosmic ethers to found the higher correspondences to the etheric nadis in the human being.

ứng với các nadis; về mặt logoic, chúng ta phải đi vào các dĩ thái vũ trụ mới tìm được những tương ứng cao hơn với các nadis dĩ thái nơi con người.

66. We may consider the astral devas as related to logoic *responsiveness*—the sensitive responsiveness of the logoic nervous system.

66. Chúng ta có thể xem các thiên thần cảm dục là có liên hệ với tính *đáp ứng*—đáp ứng nhạy cảm của hệ thần kinh logoic.

It is the body of intensest vibration from the physical standpoint,

Đó là thể có rung động mãnh liệt nhất từ quan điểm hồng trần,

67. I.e., from the standpoint of the logoic physical body.

67. tức là từ quan điểm của thể hồng trần logoic.

68. In our astral-buddhic solar system, the solar logoic astral body is, temporarily, the Logos' most potent personality vehicle.

68. Trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề của chúng ta, thể cảm dục thái dương logoic hiện đang tạm thời là vận cụ phàm ngã mạnh mẽ nhất của Logos.

and the vehicle through which all is transmitted to that portion of the logoic physical body which corresponds to the brain [Page 624] in man.

và là vận cụ qua đó mọi sự được truyền đến phần của thể hồng trần logoic tương ứng với bộ não [Page 624] nơi con người.

69. When thinking of the logoic physical body (its dense aspect), we may imagine that the logoic dense brain is to be found on what we call the systemic mental plane.

69. Khi suy nghĩ về thể hồng trần logoic (ở phương diện đậm đặc của nó), chúng ta có thể hình dung rằng bộ não đậm đặc logoic được tìm thấy trên cái mà chúng ta gọi là cõi trí hệ thống.

70. In man, the nervous system transmits impulses to human brain. We may conceive that the systemic astral devic force is the means of transmission to the dense logoic brain.

70. Ở con người, hệ thần kinh truyền các xung lực đến bộ não con người. Chúng ta có thể quan niệm rằng mãnh lực thiên thần cảm dục hệ thống là phương tiện truyền dẫn đến bộ não logoic đậm đặc.

71. There is also a logoic etheric brain which will be found (if analogy holds) on the cosmic etheric planes.

71. Cũng có một bộ não dĩ thái logoic, và nếu phép loại suy đúng, nó sẽ được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

I can elucidate this no further, but the few words here imparted open up a tremendous range of thought, and give the key to much which transpires and which is distressing in solar evolution as well as human.

Tôi không thể làm sáng tỏ điều này thêm nữa, nhưng vài lời được truyền đạt ở đây mở ra một phạm vi tư tưởng vô cùng rộng lớn, và trao chìa khóa cho nhiều điều đang diễn ra và gây đau đớn trong tiến hoá thái dương cũng như tiến hoá nhân loại.

72. The analogies just opened are new to the thought of many.

72. Những phép loại suy vừa được mở ra này còn mới mẻ đối với tư tưởng của nhiều người.

73. When the terms "distress" or "distressing" are used, we may presume that the astral body (whether human, planetary logoic or logoic) is involved.

73. Khi các từ "đau đớn" hay "gây đau đớn" được dùng, chúng ta có thể giả định rằng thể cảm dục (dù là của con người, của Hành Tinh Thượng Đế hay của Logos) có liên quan.

74. Can the distress be related to the intensity of vibration felt within the logoic astral body and maladjustment in the process of transmission of systemic astral impulses to the logoic brain? Much pondering will be required of us.

74. Sự đau đớn ấy có thể liên hệ đến cường độ rung động được cảm nhận trong thể cảm dục logoic và sự điều chỉnh sai lệch trong tiến trình truyền các xung lực cảm dục hệ thống đến bộ não logoic chăng? Điều này đòi hỏi chúng ta phải suy ngẫm rất nhiều.

75. Distress is caused by a lack of balance, and, clearly, the intensity of the logoic astral body is out of balance with the intensity of the Logos' other vehicles.

75. Sự đau đớn do thiếu quân bình gây ra, và rõ ràng cường độ của thể cảm dục logoic đang mất quân bình với cường độ của các vận cụ khác của Logos.

Second. Those devas who are the sumtotal of the astral light. They are the agents of the karmic lords, who are in themselves deva entities of an inconceivably advanced evolution

Thứ hai. Những thiên thần là tổng thể của ánh sáng cảm dục. Chúng là các tác nhân của các Đấng Nghiệp Quả, mà bản thân các Ngài là những thực thể thiên thần đã tiến hoá đến mức không thể quan niệm nổi

76. It is important to realize that karmic lords are devic.

76. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng các Đấng Nghiệp Quả thuộc giới thiên thần.

77. When, on the Way of Higher Evolution one becomes a karmic lord, one is becoming a higher deva.

77. Khi trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu, một người trở thành một Đấng Nghiệp Quả, người ấy đang trở thành một thiên thần cao cấp hơn.

78. We recall that the Path of Absolute Sonship leads to the dharma of Lipika Lord. Thus Their inconceivable advancement of which DK speaks.

78. Chúng ta nhớ rằng Con Đường của Quyền Tử Tuyệt Đối dẫn đến dharma của Đấng Lipika. Do đó mới có sự tiến bộ không thể quan niệm nổi mà Chân sư DK nói đến.

79. The responsiveness of those systemic astral devas who embody desire, feeling and sensation is of a lower order than those systemic astral devas who embody the astral light and who are directly responsible to the Karmic Lords.

79. Tính đáp ứng của những thiên thần cảm dục hệ thống hiện thân cho dục vọng, cảm xúc và cảm giác thuộc một trật tự thấp hơn so với những thiên thần cảm dục hệ thống hiện thân cho ánh sáng cảm dục và trực tiếp chịu trách nhiệm trước các Đấng Nghiệp Quả.

80. The distinction being offered is not much discussed and bears much pondering.

80. Sự phân biệt đang được nêu ra này không được bàn đến nhiều và rất đáng để suy ngẫm.

81. Can the difference in these devas be partially related to their sub-planar focus on the systemic astral plane?

81. Sự khác biệt nơi các thiên thần này có thể phần nào liên hệ đến tiêu điểm cõi phụ của chúng trên cõi cảm dục hệ thống chăng?

82. We are discussing the manner in which karma is imposed upon the astral plane through the agency of those systemic astral devas who are the force of the astral light.

82. Chúng ta đang bàn đến cách nghiệp quả được áp đặt lên cõi cảm dục thông qua tác nhân của những thiên thần cảm dục hệ thống là mãnh lực của ánh sáng cảm dục.

83. The term “astral light” is usually used in a number of ways. It sometimes refers to etheric substance.

83. Thuật ngữ “ánh sáng cảm dục” thường được dùng theo nhiều cách. Đôi khi nó chỉ chất liệu dĩ thái.

and who, in their own substance,

và những vị, trong chính chất liệu của mình,

1. Record.

1. Ghi nhận.

2. Produce effects from cause.

2. Tạo ra kết quả từ nguyên nhân.

3. Direct force.

3. Điều hướng mãnh lực.

84. It is the high Karmic Lords Who record, produce effects from cause

84. Chính các Đấng Nghiệp Quả cao cả là những Đấng ghi nhận, tạo ra kết quả từ nguyên nhân

85. We are reminded that desire is such an important force in determining the nature and direction of karma.

85. Chúng ta được nhắc rằng dục vọng là một mãnh lực quan trọng đến thế trong việc quyết định bản chất và phương hướng của nghiệp quả.

86. DK is speaking of three powers of high Karmic Lords emanating from Sirius. These Lords of Karma work through the lower devas of the astral light, producing, may we say, the 'images of fate'.

86. Chân sư DK đang nói về ba quyền năng của các Đấng Nghiệp Quả cao cả phát xuất từ Sirius. Các Đấng Nghiệp Quả này hoạt động thông qua các thiên thần thấp hơn của ánh sáng cảm dục, tạo ra, có thể nói, những "hình ảnh của số mệnh".

87. The substance of the devas of the astral light is an extension of the substance of the great Deva Lords.

87. Chất liệu của các thiên thần của ánh sáng cảm dục là một sự mở rộng của chất liệu của các Chúa Tể Thiên Thần Vĩ Đại.

This particular group of devas emanate from a great force centre which we generalise by calling it by the name of the sun Sirius.

Nhóm thiên thần đặc biệt này phát xuất từ một trung tâm mãnh lực lớn mà chúng ta khái quát hóa bằng cách gọi nó bằng tên mặt trời Sirius.

88. This is a very peculiar statement. In these commentaries we have sometimes spoken of the Cosmic Logos Who is Lord of the Sirian System, in which the Logos of the star Sirius is simply a participant (one of seven major participating Solar Logoi). Could DK be hinting at the existence of the Logos of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" and saying that we generalize this Cosmic Logos and His system under the name "Sirius"?

88. Đây là một phát biểu rất đặc biệt. Trong các phần bình giải này, đôi khi chúng ta đã nói đến Đấng Logos Vũ Trụ là Chúa Tể của Hệ Sirius, trong đó Logos của ngôi sao Sirius chỉ đơn giản là một thành phần tham dự (một trong bảy Thái dương Thượng đế lớn tham dự). Phải chăng Chân sư DK đang ám chỉ sự hiện hữu của Logos của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một", và nói rằng chúng ta khái quát hóa Logos Vũ Trụ này cùng hệ của Ngài dưới tên gọi "Sirius"?

Sirius-kama-manas—the cosmic astral plane—and the systemic astral plane—make a close interlocking chain, and form the line of least resistance for a particular type of negative force to pour through.

Sirius-kama-manas—cõi cảm dục vũ trụ—và cõi cảm dục hệ thống—tạo thành một chuỗi móc nối chặt chẽ, và hình thành con đường ít trở ngại nhất để một loại mãnh lực âm đặc biệt tuôn qua.

89. Why negative? By this term do we mean "feminine"? Or are we referring to true

89. Tại sao lại là âm? Với thuật ngữ này, chúng ta có ý nói "nữ tính" chăng? Hay chúng ta đang nói đến tính âm vũ trụ đích

cosmic negativity, since the real Black Lodge is focussed on the cosmic astral plane?

90. The factors listed are as follows:

a. Sirius

b. Kama-manas

c. The cosmic astral plane

d. The systemic astral plane

91. We see that for all its association with *manas,* Sirius is also closely associated with *kama*-manas and with astrality. This is fitting as, within the listing of the three great constellations, Sirius is placed in relation to the *second* divine aspect and the destination of those Monads who tread their ay to Sirius is he cosmic astral plane.

92. Further, if the Sirian System is really the solar plexus center of our local "One About Whom Naught May Be Said", we can understand the close association of the Logos of the Sirian System with kama-manas.

93. Perhaps the star Sirius, itself, is *less* kama-manasic than the entire sevenfold system "which we generalise by calling it by the name of the sun Sirius".

The Cosmic Physical Plane. This is the force (external and internal) of the solar system itself, and of its environing space.

94. The cosmic etheric part of the cosmic physical plane is the "internal" force. The

thực, vì Hắc đoàn thực sự được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ?

90. Các yếu tố được liệt kê như sau:

a. Sirius

b. Kama-manas

c. Cõi cảm dục vũ trụ

d. Cõi cảm dục hệ thống

91. Chúng ta thấy rằng, dù có liên hệ với *manas,* Sirius cũng liên hệ chặt chẽ với *kama*-manas và với tính cảm dục. Điều này là thích hợp vì, trong danh sách ba chòm sao lớn, Sirius được đặt trong tương quan với phương diện thiêng liêng *thứ hai* và đích đến của những chân thần bước đi trên con đường đến Sirius là cõi cảm dục vũ trụ.

92. Hơn nữa, nếu Hệ Sirius thực sự là trung tâm tùng thái dương của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" cục bộ của chúng ta, thì chúng ta có thể hiểu được mối liên hệ chặt chẽ của Logos của Hệ Sirius với kama-manas.

93. Có lẽ bản thân ngôi sao Sirius *ít* mang tính trí-cảm hơn toàn bộ hệ thất phân "mà chúng ta khái quát hóa bằng cách gọi nó bằng tên mặt trời Sirius".

Cõi Hồng Trần Vũ Trụ. Đây là mãnh lực (bên ngoài và bên trong) của chính hệ mặt trời, và của không gian bao quanh nó.

94. Phần dĩ thái vũ trụ của cõi hồng trần vũ trụ là mãnh lực "bên trong". Mãnh lực của phương diện đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ là mãnh lực bên ngoài.

force of the dense aspect of the cosmic physical plane is the external force.

95. Our solar system, per se, does not extend beyond the cosmic physical plane.

95. Chính hệ mặt trời của chúng ta không vượt ra ngoài cõi hồng trần vũ trụ.

It might be regarded as the pranic forces, pouring through the logoic etheric body (our four higher subplanes) which are positive to the lower three, impregnating these lower three planes (a reflection in substance, or in the Brahma aspect, of the union of Father-Mother) and producing the purely concrete manifestation.

Nó có thể được xem như các mãnh lực prana tuôn qua thể dĩ thái logoic (bốn cõi phụ cao hơn của chúng ta), vốn dương đối với ba cõi thấp hơn, thấm nhập ba cõi thấp này (một sự phản chiếu trong chất liệu, hay trong phương diện Brahma, của sự hợp nhất giữa Cha-Mẹ) và tạo ra biểu hiện thuần túy cụ thể.

96. Cosmic prana is not to be considered "purely concrete".

96. Prana vũ trụ không nên được xem là "thuần túy cụ thể".

97. The "purely concrete manifestation" is a kind of "Son" in lower or Brahmic substance.

97. "Biểu hiện thuần túy cụ thể" là một loại "Con" trong chất liệu thấp hơn hay chất liệu Brahma.

98. Prana is always positive to that which is a purely concrete manifestation.

98. Prana luôn luôn dương đối với cái là biểu hiện thuần túy cụ thể.

99. It is implied that the true solar system is etheric and that is force is pranic force. The dense physical body of the Solar Logos is simply an aggregated reflection of higher principles.

99. Ở đây hàm ý rằng hệ mặt trời đích thực là dĩ thái và mãnh lực của nó là mãnh lực prana. Thể hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế chỉ đơn giản là một phản chiếu kết tập của các nguyên khí cao hơn.

This is why the physical vehicle has such control during long stages of man's evolution, for the force of this type of energy is necessarily felt more strongly than any other.

Đó là lý do vì sao vận cụ hồng trần có quyền kiểm soát mạnh mẽ như vậy trong những giai đoạn dài của tiến hoá con người, vì mãnh lực của loại năng lượng này tất yếu được cảm nhận mạnh hơn bất kỳ loại nào khác.

100. That which is concrete is of long duration. That which is most identified with the third aspect of divinity endures for a

100. Cái gì cụ thể thì có thời lượng lâu dài. Cái gì đồng hoá nhiều nhất với phương diện thứ ba của thiên tính thì tồn tại lâu hơn cái

longer period than that which identified with the second or first aspects of divinity.

101. This type of concrete force is the matter-substance in which man's consciousness is primarily (though temporarily) focussed.

102. Eventually towards the more spiritual arc of his career in consciousness, man outgrows this focus within the logoic concrete manifestation.

It is deva force, and substance, which is so close to us as powerfully to delude us.

103. In relation to that which is very close to us, we have little objectivity. That which we cannot see objectively and understand, can delude. The main delusion is that such matter-substance *seems* more important than it *really* is. Essentially, and from the perspective of the principles which are under development in this second solar system, this lower type of deva force or substance is un-real.

Here lies the mystery of maya, and here is to be found the secret of illusion.

104. Maya is a term equivalent to illusion. Maya/illusion is focussed in the dense physical plane of the Solar Logos. This means that even the higher mental plane is a plane of maya/illusion.

đồng hoá với phương diện thứ hai hay thứ nhất của thiên tính.

101. Loại mãnh lực cụ thể này là chất liệu-vật chất trong đó tâm thức của con người trước hết được tập trung vào (dù chỉ là tạm thời).

102. Cuối cùng, khi tiến về cung đi lên tinh thần hơn trong hành trình tâm thức của mình, con người vượt khỏi tiêu điểm này trong biểu hiện cụ thể logoic.

Chính mãnh lực thiên thần và chất liệu thiên thần gần gũi với chúng ta đến mức có thể đánh lừa chúng ta một cách mạnh mẽ.

103. Đối với điều gì quá gần gũi với chúng ta, chúng ta có rất ít tính khách quan. Điều gì chúng ta không thể thấy một cách khách quan và thấu hiểu thì có thể đánh lừa. Sự mê lầm chính là ở chỗ chất liệu-vật chất như thế *dường như* quan trọng hơn mức nó *thực sự* là. Về bản chất, và từ góc nhìn của các nguyên khí đang được phát triển trong hệ mặt trời thứ hai này, loại mãnh lực hay chất liệu thiên thần thấp này là không-thực.

Chính ở đây có huyền nhiệm của ảo lực, và ở đây có thể tìm thấy bí mật của ảo tưởng.

104. Ảo lực là một thuật ngữ tương đương với ảo tưởng. Ảo lực/ảo tưởng được tập trung trong cõi hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Điều này có nghĩa là ngay cả cõi thượng trí cũng là một cõi của ảo lực/ảo tưởng.

Here exists for man the first great stage of the battle for full Self-consciousness, and for identification with the God-aspect, and not with the [Page 625] matter-aspect.

Ở đây tồn tại đối với con người giai đoạn lớn đầu tiên của cuộc chiến để đạt ngã thức trọn vẹn, và để đồng hoá với phương diện Thượng đế, chứ không phải với phương diện [Page 625] vật chất.

105. When man can extricate his consciousness from the matter aspect (solar logoically considered) he can (by identifying with the higher aspects of himself) enter the realm of the cosmic ethers and begin to *live.*

105. Khi con người có thể giải thoát tâm thức của mình khỏi phương diện vật chất (xét theo thái dương logoic), y có thể—bằng cách đồng hoá với các phương diện cao hơn của chính mình—đi vào cõi giới của các dĩ thái vũ trụ và bắt đầu *sống.*

Here lies the occult reason why man is called by his father's name and not his mother's.

Chính ở đây có lý do huyền bí vì sao con người được gọi bằng tên của cha mình chứ không phải của mẹ mình.

106. This process of naming is sometimes considered arbitrary or purely conventional. It is neither. If man is to fulfill his destiny, he must learn to identify with his "Father" aspect.

106. Tiến trình đặt tên này đôi khi bị xem là tùy tiện hay chỉ thuần túy quy ước. Không phải vậy. Nếu con người muốn hoàn thành định mệnh của mình, y phải học cách đồng hoá với phương diện "Cha" của mình.

When man has dominated the deva essences of the physical plane, he controls next those of the astral and dominates the mental essences.

Khi con người đã chế ngự được các tinh chất hành khí của cõi hồng trần, tiếp theo y kiểm soát các tinh chất của cõi cảm dục và chế ngự các tinh chất trí tuệ.

107. All these dominations occur progressively within the solar logoic dense physical body.

107. Tất cả những sự chế ngự này diễn ra dần dần trong thể hồng trần đậm đặc thái dương logoic.

108. Achieving control is, we see, a gradual and sequential process. Each ascending layer of deva essence is harder to subdue than the previous layer.

108. Như chúng ta thấy, việc đạt được sự kiểm soát là một tiến trình tuần tự và tiệm tiến. Mỗi lớp tinh chất thiên thần đi lên đều khó khuất phục hơn lớp trước đó.

Having achieved this in his own nature he can then safely become a magician and contact, control and work with, the devas in connection with the plans of the Heavenly Man.

Khi đã đạt được điều này trong chính bản chất mình, lúc ấy y có thể an toàn trở thành một nhà huyền thuật và tiếp xúc, kiểm soát, và làm việc với các thiên thần liên hệ đến các kế hoạch của Đấng Thiên Nhân.

109. It is by now a truism that man must learn to control himself (as a microcosm) before he can possibly control devic substance in the wider, environing sphere.

109. Đến nay đã là một chân lý hiển nhiên rằng con người phải học cách kiểm soát chính mình (như một Tiểu thiên địa) trước khi có thể kiểm soát chất liệu thiên thần trong khối cầu rộng lớn bao quanh.

In the realisation of the three types of force, will be found for man the key to the mystery of his centres.

Trong sự chứng nghiệm ba loại mãnh lực, con người sẽ tìm thấy chìa khóa cho huyền nhiệm về các trung tâm của mình.

110. Each center is primarily an expression of one of the three types of force expressing within the logoic dense physical body but originating, of course, on logoic etheric planes and beyond.

110. Mỗi trung tâm trước hết là một biểu hiện của một trong ba loại mãnh lực đang biểu lộ trong thể hồng trần đậm đặc logoic, nhưng dĩ nhiên bắt nguồn trên các cõi dĩ thái logoic và vượt xa hơn nữa.

The secret of the note of the head, the heart, and the throat centre is found here and their blending with the lower centres so that the note of the higher sounds out, and the lower produces only harmony.

Bí mật của âm điệu của trung tâm đầu, trung tâm tim và trung tâm cổ họng nằm ở đây, cùng với sự hòa trộn của chúng với các trung tâm thấp hơn để cho âm điệu của cái cao hơn được xướng lên, còn cái thấp hơn chỉ tạo ra sự hài hòa.

111. We observe that the term “note” is singular rather than plural. Is the note of each of these centers the same or are they different (and does their sounding together produce one, greater composite note)? This is a probability.

111. Chúng ta nhận thấy rằng thuật ngữ “âm điệu” ở số ít chứ không phải số nhiều. Âm điệu của mỗi trung tâm này là giống nhau hay khác nhau (và việc chúng cùng vang lên có tạo ra một âm điệu tổng hợp lớn hơn không)? Đây là một khả năng.

112. The three major centers are the head, heart and throat. These three set the tone (or chord) to which the lower centers must harmoniously respond.

112. Ba trung tâm chính là đầu, tim và cổ họng. Ba trung tâm này đặt ra âm sắc (hay hợp âm) mà các trung tâm thấp hơn phải đáp ứng một cách hài hòa.

113. The higher must blend with the lower but the blending must be harmonious.

113. Cái cao hơn phải hòa trộn với cái thấp hơn, nhưng sự hòa trộn ấy phải hài hòa.

114. The three notes of the three higher centers when sounding together produce a chord. The chord of the lower centers must

114. Ba âm điệu của ba trung tâm cao hơn khi cùng vang lên sẽ tạo thành một hợp âm. Hợp âm của các trung tâm thấp hơn phải trở nên vang lên hài hòa với hợp âm cao hơn.

come to sound in harmony with the higher chord.

115. We observe that the note of the three higher centers is a "secret" note. Will each of the centers have a specific note? It would seem so. Perhaps the chord formed through the sounding of these notes is, itself, considered a higher form of note for often notes have many 'partials' or subsidiary aspects. A note is not necessarily monochromatic.

115. Chúng ta nhận thấy rằng âm điệu của ba trung tâm cao hơn là một âm điệu "bí mật". Mỗi trung tâm sẽ có một âm điệu riêng chăng? Có vẻ là như vậy. Có lẽ hợp âm được hình thành qua việc vang lên của các âm điệu này tự nó được xem là một hình thức cao hơn của âm điệu, vì các âm điệu thường có nhiều "thành phần phụ" hay phương diện phụ thuộc. Một âm điệu không nhất thiết là đơn sắc.

116. The note or notes sounding through the three higher centers may be secret because derived from the nature and note of the Monad.

116. Âm điệu hay các âm điệu vang lên qua ba trung tâm cao hơn có thể là bí mật vì chúng bắt nguồn từ bản chất và âm điệu của chân thần.

Upon the note of nature the Logos has to superimpose a higher note.

Trên âm điệu của bản chất, Logos phải chồng thêm một âm điệu cao hơn.

117. The art and science of the superimposition of higher notes upon lower are critical for an understanding of hierarchy, integration and magic.

117. Nghệ thuật và khoa học chồng thêm các âm điệu cao hơn lên các âm điệu thấp hơn là điều thiết yếu để thấu hiểu hệ thống thứ bậc, sự tích hợp và huyền thuật.

118. The "note of nature" is usually considered to be FA, or F, the green note. The Solar Logos has for His soul note the note SOL, the blue note of the second ray.

118. "Âm điệu của bản chất" thường được xem là FA, hay F, âm xanh lục. Thái dương Thượng đế có âm điệu linh hồn là SOL, âm xanh lam của cung hai.

To the natural note of the centre (which is found through the development of the lower centre, which is its reflection or correspondence)

Vào âm điệu tự nhiên của trung tâm (được tìm ra qua sự phát triển của trung tâm thấp hơn, là sự phản chiếu hay tương ứng của nó)

119. Every note has a "natural note". Perhaps we can call this note the "tonic" or base note.

119. Mỗi âm điệu đều có một "âm điệu tự nhiên". Có lẽ chúng ta có thể gọi âm điệu này là "âm chủ" hay âm nền.

120. The method of *finding* the natural note of a higher center is most interesting. It

120. Phương pháp *tìm ra* âm điệu tự nhiên của một trung tâm cao hơn là điều hết sức

seems that one must work first through a lower (and corresponding) center to find the natural note of the higher center.

thú vị. Dường như trước hết người ta phải làm việc qua một trung tâm thấp hơn (và tương ứng) để tìm ra âm điệu tự nhiên của trung tâm cao hơn.

121. This is like saying that in order to find the natural note of the heart center one must first work through the solar plexus center. Equally to find the natural note of the throat center one must work through the sacral center. The same would apply in relation to the head center and the base of the spine center. The greater centers are really qualitatively inclusive of their lower corresponding centers.

121. Điều này cũng như nói rằng để tìm ra âm điệu tự nhiên của trung tâm tim, trước hết người ta phải làm việc qua trung tâm tùng thái dương. Tương tự, để tìm ra âm điệu tự nhiên của trung tâm cổ họng, người ta phải làm việc qua trung tâm xương cùng. Điều tương tự cũng áp dụng đối với trung tâm đầu và trung tâm đáy cột sống. Các trung tâm lớn thực sự bao gồm về phẩm tính các trung tâm thấp hơn tương ứng của chúng.

must be added the dominant note of the higher centre, and, in the dual harmony the centre vibrates as desired.

phải được thêm vào âm chủ đạo của trung tâm cao hơn, và trong sự hài hòa kép ấy trung tâm rung động như mong muốn.

122. The term “dominant” is a technical term in music and indicates a note which is a fifth (or five notes—three whole tones and one semi-tone) ‘above’ the tonic or base note.

122. Thuật ngữ “chủ đạo” là một thuật ngữ kỹ thuật trong âm nhạc và chỉ một âm là quãng năm (hay năm nốt—ba cung nguyên và một nửa cung) “cao hơn” âm chủ hay âm nền.

123. In each of the higher centers two notes must sound, the tonic and the dominant. This will produce, when correctly tuned, a perfect fifth which is the musical interval correlated with *soul* expression.

123. Trong mỗi trung tâm cao hơn, hai âm phải vang lên, âm chủ và âm chủ đạo. Khi được chỉnh đúng, điều này sẽ tạo ra một quãng năm hoàn hảo, là quãng nhạc tương ứng với sự biểu lộ của *linh hồn*.

124. For a center (especially a higher center, so it seems) to vibrate as desired, two notes (or an interval) must be sounding harmoniously.

124. Để một trung tâm (đặc biệt là một trung tâm cao hơn, dường như vậy) rung động như mong muốn, hai âm (hay một quãng) phải đang vang lên một cách hài hòa.

125. Another way of saying this is that the center must respond to soul energy as well as to its own *fundamental* energy. The “fundamental” is another way of denoting the tonic or base note.

125. Một cách khác để nói điều này là trung tâm phải đáp ứng với năng lượng linh hồn cũng như với năng lượng *căn bản* của chính nó. “Căn bản” là một cách khác để chỉ âm chủ hay âm nền.

The note is the result of correct activity.

Âm điệu là kết quả của hoạt động đúng đắn.

126. What does DK mean by "the note"? Does He mean the correctly sounding interval, or does He mean only the "dominant" of the higher center?

126. Chân sư DK muốn nói gì bởi "âm điệu"? Ngài muốn nói đến quãng vang đúng, hay Ngài chỉ muốn nói đến "âm chủ đạo" của trung tâm cao hơn mà thôi?

127. If the latter, we can see that the emergence of the "dominant" would occur through that form of correct activity which allowed the soul to express through the personality.

127. Nếu là trường hợp sau, chúng ta có thể thấy rằng sự xuất hiện của "âm chủ đạo" sẽ xảy ra qua hình thức hoạt động đúng đắn cho phép linh hồn biểu lộ qua phàm ngã.

That is why the lower centres of man are (in the early stages of his career) the controlling factor. He has to learn their note, and from it to attain the key of the higher.

Đó là lý do vì sao các trung tâm thấp hơn của con người là yếu tố kiểm soát (trong những giai đoạn đầu của hành trình y). Y phải học âm điệu của chúng, và từ đó đạt đến khóa của cái cao hơn.

128. At first man is controlled from below. When the wheel is reversed, this control is gradually challenged until the higher centers become the controlling factors.

128. Thoạt đầu con người bị kiểm soát từ bên dưới. Khi bánh xe đảo chiều, sự kiểm soát này dần dần bị thách thức cho đến khi các trung tâm cao hơn trở thành những yếu tố kiểm soát.

129. Each note can serve as the tonic, base note or fundamental of a given *key* in music. The key is named after the note itself.

129. Mỗi âm điệu có thể làm âm chủ, âm nền hay âm căn bản của một *khóa* nhạc nhất định. Khóa nhạc được gọi theo chính tên của âm điệu ấy.

130. For instance, the note C forms the tonic for the key of C. The note D forms the tonic for the key of D, etc. Different keys (or scales), however, can be based on the same note. For instance, if the tonic is the note D, then the key may be either D major or D minor (and a number of minor keys are possible—such as the melodic minor, the harmonic minor, the natural minor, etc.).

130. Thí dụ, nốt C tạo thành âm chủ cho giọng Đô. Nốt D tạo thành âm chủ cho giọng Rê, v.v. Tuy nhiên, những giọng khác nhau (hay những âm giai khác nhau) có thể được đặt trên cùng một nốt. Thí dụ, nếu âm chủ là nốt Rê, thì giọng có thể là Rê trưởng hoặc Rê thứ (và có thể có một số giọng thứ—như thứ giai điệu, thứ hòa âm, thứ tự nhiên, v.v.).

131. In any case, in early days of evolution, man is controlled from his lower centers.

131. Trong bất cứ trường hợp nào, vào những ngày đầu của tiến hoá, con người bị

Eventually through the principal of resonance, he has to come into cognizance of the functioning of the higher center to which the lower center is correlated. When he can do this he attains the "key of the higher".

kiểm soát từ các trung tâm thấp của mình. Cuối cùng, qua nguyên lý cộng hưởng, y phải đi đến chỗ nhận biết được hoạt động của trung tâm cao hơn mà trung tâm thấp có tương quan với nó. Khi y có thể làm được điều này, y đạt tới "âm chủ của cái cao hơn".

132. When dealing with the keynotes of the corresponding lower and higher centers, those keynotes will be initially harmonious even if not yet perfectly attuned.

132. Khi bàn đến các chủ âm của những trung tâm thấp và cao tương ứng, thì ban đầu những chủ âm ấy sẽ hài hòa với nhau dù chưa được chỉnh đúng một cách hoàn hảo.

133. From another perspective, the keynotes of corresponding centers may sound in a octave relationship to each other. In other words, the note of the higher center will be the *same* as the note of the lower center, but it will sound (for example) a higher octave of the note of the lower center.

133. Từ một góc nhìn khác, các chủ âm của những trung tâm tương ứng có thể vang lên trong một tương quan quãng tám với nhau. Nói cách khác, nốt của trung tâm cao hơn sẽ là *cùng* một nốt như nốt của trung tâm thấp hơn, nhưng nó sẽ vang lên (thí dụ) ở một quãng tám cao hơn nốt của trung tâm thấp hơn.

Then the higher takes the prominent place, and the lower only serves the purpose of providing that which is understood as occult "depth."

Khi đó cái cao hơn giữ vị trí nổi bật, còn cái thấp hơn chỉ phục vụ mục đích cung cấp điều được hiểu là "chiều sâu" huyền bí.

134. From choral and orchestral music we know the value of tonal depth. We want to avoid a shallow sound which is superficial and unpleasant to the ear.

134. Từ âm nhạc hợp xướng và giao hưởng, chúng ta biết giá trị của chiều sâu âm sắc. Chúng ta muốn tránh một âm thanh nông cạn, hời hợt và khó chịu đối với tai nghe.

135. Depth of tone is the analogy to "occult depth". Occult depth arises when higher principles resound within the lower substance, conditioning that substance and rendering it harmonious with the higher, originant tone.

135. Chiều sâu của âm thanh là sự tương đồng với "chiều sâu" huyền bí. Chiều sâu huyền bí phát sinh khi các nguyên khí cao hơn cộng hưởng bên trong chất liệu thấp hơn, tác động lên chất liệu ấy và làm cho nó hài hòa với âm điệu nguyên thủy cao hơn.

Why is this? Because in these notes those groups of devas who are the force and energy of the centres (which are centres in substance) are contacted and controlled.

Tại sao lại như vậy? Bởi vì trong những nốt này, những nhóm thiên thần là mãnh lực và năng lượng của các trung tâm (vốn là những trung tâm trong chất liệu) được tiếp xúc và kiểm soát.

136. When the lower devas (lower substance) work in harmony or in unison with higher devic forces a full sound with occult depth is achieved. God's Plan (as known on the higher planes) is reflected accurately in the lower planes.

136. Khi các thiên thần thấp hơn (chất liệu thấp hơn) hoạt động hài hòa hoặc đồng thanh với các mãnh lực thiên thần cao hơn, thì một âm thanh trọn vẹn với chiều sâu huyền bí được đạt tới. Thiên Cơ của Thượng đế (như được biết trên các cõi cao) được phản chiếu chính xác trong các cõi thấp.

137. The notes of Nature are naturally lower than the notes of higher planes and subplanes. That which is to be achieved is a harmonious coordination of the two kinds of notes—i.e., the two types of devas, the two types of force-substance.

137. Các nốt của Thiên Nhiên tự nhiên thấp hơn các nốt của những cõi và cõi phụ cao hơn. Điều cần đạt được là một sự phối hợp hài hòa của hai loại nốt ấy—tức là, hai loại thiên thần, hai loại chất liệu-mãnh lực.

138. We see that the lower devas are subdued and controlled through the power of sound—through music, essentially. This could give a new perspective on the "Army of the Voice".

138. Chúng ta thấy rằng các thiên thần thấp hơn được chế ngự và kiểm soát qua quyền năng của âm thanh—về bản chất là qua âm nhạc. Điều này có thể đem lại một góc nhìn mới về "Đạo Quân của Âm Thanh".

Through their activity, directed through the centres, the material sheaths—physical, astral and mental—are built.

Qua hoạt động của họ, được hướng dẫn qua các trung tâm, các thể vỏ vật chất—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—được xây dựng.

139. When the devas which are the force and energy of the centers (higher and lower) are rightly harmonized and, thus, the lower controlled, the vehicles or sheaths which these centers animate can be properly built.

139. Khi các thiên thần là mãnh lực và năng lượng của các trung tâm (cao và thấp) được hòa điệu đúng đắn và nhờ đó cái thấp hơn được kiểm soát, thì các vận cụ hay các thể vỏ mà những trung tâm này tiếp sinh lực có thể được xây dựng một cách thích đáng.

140. It also seems necessary to include in this model the permanent atoms (higher and lower), for the vehicles are actually built by the lower permanent atoms.

140. Dường như cũng cần phải bao gồm trong mô hình này các nguyên tử trường tồn (cao và thấp), vì các vận cụ thực sự được xây dựng bởi các nguyên tử trường tồn thấp hơn.

141. It is probable that the lower permanent atoms must be sonically subdued by the notes of the higher permanent atoms. Yet, as well, one can imagine that the notes of the lower permanent atoms must be tuned to

141. Có lẽ các nguyên tử trường tồn thấp hơn phải được chế ngự bằng âm thanh bởi các nốt của các nguyên tử trường tồn cao hơn. Tuy nhiên, cũng có thể hình dung rằng các nốt của các nguyên tử trường tồn thấp hơn phải được chỉnh để vang lên hoặc hài

sound either in harmony or in octaval-unison with the notes of the higher permanent atoms to which they correspond.

hòa hoặc đồng thanh theo quãng tám với các nốt của các nguyên tử trường tồn cao hơn tương ứng với chúng.

142. These considerations give new depth of meaning and greater specificity to such subjects as "attunement"—a term so often very loosely used in spiritual circles.

142. Những suy xét này đem lại chiều sâu ý nghĩa mới và tính đặc định lớn hơn cho những đề tài như "sự chỉnh đúng"—một thuật ngữ quá thường được dùng rất lỏng lẻo trong các giới tinh thần.

143. It is coming to seem that music is a great agent of control in building and maintaining any system in cosmos.

143. Ngày càng có vẻ rằng âm nhạc là một tác nhân kiểm soát lớn trong việc xây dựng và duy trì bất kỳ hệ thống nào trong vũ trụ.

These ideas of force and the sheaths are the basis of the astrological teaching that is one of the keys to the Secret Doctrine.[3] [The Astrological Key is referred to in the S. D., Vol. II, 26.]

Những ý tưởng này về mãnh lực và các thể vỏ là nền tảng của giáo huấn chiêm tinh, vốn là một trong những chìa khóa của Giáo Lý Bí Nhiệm.3 [Chìa khóa Chiêm tinh được nhắc đến trong S. D., Tập II, 26.]

144. Various sheaths are clearly vibrating to different musical notes and these notes (and combinations of note) are clearly to be correlated with astrological influences.

144. Các thể vỏ khác nhau rõ ràng đang rung động theo những nốt nhạc khác nhau, và những nốt này (cùng các tổ hợp nốt) rõ ràng phải được liên hệ với các ảnh hưởng chiêm tinh.

145. There is an archetypal "harmony of the spheres". These spheres eventually control all subsumed within them through the factors of sound and music.

145. Có một "sự hài hòa của các khối cầu" nguyên mẫu. Cuối cùng, những khối cầu này kiểm soát mọi điều được bao hàm trong chúng qua các yếu tố âm thanh và âm nhạc.

We should therefore bear in mind that [Page 626] the Deva Lords, Agni, Varuna, Kshiti,[4]

represent in the exoteric teaching the substance aspect of the dense body of the Logos

Do đó, chúng ta nên ghi nhớ rằng [Page 626] các Chúa Tể thiên thần, Agni, Varuna, Kshiti,4 biểu hiện trong giáo huấn ngoại môn phương diện chất liệu của thể đậm đặc của Thượng đế.

146. These are the Raja Deva Lords of the three lower subplanes of the cosmic physical plane.

146. Đây là các Chúa Tể Raja Deva của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

whilst the force aspect as flowing through the etheric body of the Logos is considered

trong khi phương diện mãnh lực, khi tuôn chảy qua thể dĩ thái của Thượng đế, được xét

under various names, such as Shiva, Surya, Brahma.

147. We are being given the names of great Raja Deva Lords—those Who manifest through the cosmic etheric plane of the Solar Logos.

148. "Surya" is a name which means "Sun". It is to be correlated with the second aspect of divinity. In this case it appears that Surya and Vishnu are interchangeable.

149. Earlier we asked whether there was a name for the Deva Lord Who manifested through the cosmic higher mental plane. Perhaps "Surya" could be considered an appropriate name. On this plane the causal bodies of great Logoi are to be found. The causal body is a reflection of the Sun and "Surya" means Sun.

150. From this perspective, if we were to name the Raja Deva Lords of the cosmic physical plane (both in its etheric and dense aspects) we would have, numbering from above to below:

a. Plane 1, Shiva

b. Plane 2, Vishnu

c. Plane 3, Brahma

d. Plane 4, Indra

e. Plane 5, upper part, Surya

f. Plane 5, lower part, Agni

dưới nhiều danh xưng khác nhau, như Shiva, Surya, Brahma.

147. Chúng ta đang được ban cho các danh xưng của những Chúa Tể Raja Deva vĩ đại—những Đấng biểu hiện qua cõi dĩ thái vũ trụ của Thái dương Thượng đế.

148. "Surya" là một danh xưng có nghĩa là "Mặt Trời". Nó phải được liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính. Trong trường hợp này, có vẻ như Surya và Vishnu có thể thay thế cho nhau.

149. Trước đây chúng ta đã hỏi liệu có một danh xưng nào cho Chúa Tể thiên thần biểu hiện qua Cõi thượng trí vũ trụ hay không. Có lẽ "Surya" có thể được xem là một danh xưng thích hợp. Trên cõi này có thể tìm thấy các thể nguyên nhân của những Các Thượng đế vĩ đại. Thể nguyên nhân là một phản chiếu của Mặt Trời, và "Surya" có nghĩa là Mặt Trời.

150. Từ góc nhìn này, nếu chúng ta gọi tên các Chúa Tể Raja Deva của cõi hồng trần vũ trụ (trong cả hai phương diện dĩ thái và đậm đặc của nó), thì chúng ta sẽ có, tính từ trên xuống dưới:

a. Cõi 1, Shiva

b. Cõi 2, Vishnu

c. Cõi 3, Brahma

d. Cõi 4, Indra

e. Cõi 5, phần trên, Surya

f. Cõi 5, phần dưới, Agni

g. Plane 6, Varuna

h. Plane 7, Kshiti

Yet the two aspects are but one.

151. DK is careful to prevent us from creating an artificial cleavage in our minds. Both the etheric and dense levels are *physical.*

FOOTNOTE 4: Agni, the God of Fire in the Veda; the oldest and the most revered of the Gods in India. He is the triple aspect of Fire and therefore the sum total of manifestation. He is regarded also as the Lord of the mental plane (the 5th plane) whose symbol is Fire.

152. While Agni is the Lord of the mental plane (systemically considered) He is also more—the Lord of the lower cosmic mental plane and of the entire solar logoic personality.

153. From the perspective given above, i.e., that of the cosmic physical plane, Agni embodies fire by friction, solar fire and electric fire.

Varuna, the God of Water, in the sense of the waters of space, or the waters of matter. He is regarded also as the Ruler of the astral plane (the 6th plane) whose symbol is water.

154. Just as there is a systemic Varuna, it is probable that a cosmic Varuna related to the cosmic astral plane must also be considered.

155. All of "matter" is considered, occultly, "water". Even the substance of the lower

g. Cõi 6, Varuna

h. Cõi 7, Kshiti

Tuy nhiên, hai phương diện ấy chỉ là một.

151. Chân sư DK cẩn trọng ngăn chúng ta tạo ra một sự phân chia giả tạo trong trí tuệ của mình. Cả các cấp độ dĩ thái lẫn đậm đặc đều là *hồng trần.*

CHÚ THÍCH 4: Agni, Thần Lửa trong Veda; vị cổ xưa nhất và được tôn kính nhất trong các vị thần ở Ấn Độ. Ngài là phương diện tam phân của Lửa và do đó là tổng thể của sự biểu hiện. Ngài cũng được xem là Chúa Tể của cõi trí (cõi thứ 5), biểu tượng của cõi này là Lửa.

152. Trong khi Agni là Chúa Tể của cõi trí (xét theo hệ thống), Ngài còn hơn thế nữa—Chúa Tể của cõi hạ trí vũ trụ và của toàn bộ phàm ngã logoic thái dương.

153. Từ góc nhìn đã nêu trên, tức là góc nhìn của cõi hồng trần vũ trụ, Agni hiện thân cho Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện.

Varuna, Thần Nước, theo nghĩa là các nước của không gian, hay các nước của vật chất. Ngài cũng được xem là chủ tinh của cõi cảm dục (cõi thứ 6), biểu tượng của cõi này là nước.

154. Cũng như có một Varuna hệ thống, có lẽ cũng phải xét đến một Varuna vũ trụ liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ.

155. Toàn bộ "vật chất" được xem, một cách huyền bí, là "nước". Ngay cả chất liệu của

eighteen *cosmic* subplanes would, from this perspective, be considered cosmic "water".

mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp hơn cũng sẽ, từ góc nhìn này, được xem là "nước" vũ trụ.

Kshiti, the God of the Earth in the sense of dense substance, and not a planetary body; he is the God of the physical plane, the seventh plane.

Kshiti, Thần của Đất theo nghĩa chất liệu đậm đặc, chứ không phải một thiên thể hành tinh; ông là Thần của cõi hồng trần, cõi thứ bảy.

156. Kshiti is both the Lord of the systemic physical plane as well as of the cosmic physical plane.

156. Kshiti vừa là Chúa Tể của cõi hồng trần hệ thống vừa là Chúa Tể của cõi hồng trần vũ trụ.

157. How shall we consider the distinction between "dense substance" and the "planetary body"? May we say that the substance ruled by Kshiti extends far beyond the planetary body. Its extent is, in fact, system-wide.

157. Chúng ta nên xét sự phân biệt giữa "chất liệu đậm đặc" và "thiên thể hành tinh" như thế nào? Chúng ta có thể nói rằng chất liệu do Kshiti cai quản trải rộng vượt xa thiên thể hành tinh. Thật ra, phạm vi của nó bao trùm toàn hệ thống.

158. These cosmic Raja Deva Lords probably have still higher correspondences on super cosmic planes and beyond.

158. Những Chúa Tể Raja Deva vũ trụ này có lẽ còn có những tương ứng cao hơn nữa trên các cõi siêu vũ trụ và vượt lên trên.

The Third Statement. The final point I seek to make here is *that in connection with these three lower planes and their many groups of devas it must be remembered that their polar opposites are to be found in the great devas of the highest three planes.*

Phát biểu thứ ba. Điểm cuối cùng tôi muốn nêu ra ở đây là *rằng liên quan đến ba cõi thấp này và nhiều nhóm thiên thần của chúng, cần phải ghi nhớ rằng các cực đối nghịch của chúng được tìm thấy trong những thiên thần vĩ đại của ba cõi cao nhất.*

159. All lower devas have their polar opposites or higher correspondences. Sometimes they are called by the same names, as in the case of agnisuryans (agnisuryans of the astral plane and their higher correspondences, the agnisuryans of the buddhic plane).

159. Mọi thiên thần thấp hơn đều có các cực đối nghịch hoặc những tương ứng cao hơn của chúng. Đôi khi chúng được gọi bằng cùng một tên, như trong trường hợp các agnisuryans (agnisuryans của cõi cảm dục và những tương ứng cao hơn của chúng, các agnisuryans của cõi Bồ đề).

160. We note that there are *many* groups of devas on the lower planes. We note, too, that, thus far, DK has not enumerated or named them. Throughout the book,

160. Chúng ta lưu ý rằng có *nhiều* nhóm thiên thần trên các cõi thấp. Chúng ta cũng lưu ý rằng, cho đến nay, Chân sư DK chưa liệt kê hay gọi tên chúng. Tuy nhiên, xuyên suốt

however, some of these deva groups are brought to our attention.

161. Immediately below we speak of the highest three planes of the cosmic physical plane and their corresponding lower planar forces.

162. We note that the divine plane corresponds to the mental plane; the monadic plane to the astral plane and the atmic plane to the physical plane.

163. In some sets of correspondences we begin with the atmic plane which corresponds to the mental plane; the buddhic plane then corresponds to the astral and he higher mental plane corresponds to the physical plane.

164. There are also mirror image sets of correspondences which are more reflections than superimpositions. An example of one such would be the reflection of the atmic plane in the physical plane, the reflection of the buddhic plane in the astral; and the reflection of the higher mental plane in the lower mental.

Divine.....1st Cosmic.....Primordial

ether.....Fire.....Mental Plane.....Fire.

Monadic....2nd Cosmic.....Akasha.....Astral Plane.....Astral

ether light.

Spiritual

quyển sách, một số nhóm thiên thần này được đưa ra trước sự chú ý của chúng ta.

161. Ngay bên dưới, chúng ta nói đến ba cõi cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ và các mãnh lực cõi thấp tương ứng của chúng.

162. Chúng ta lưu ý rằng cõi thiêng liêng tương ứng với cõi trí; cõi chân thần tương ứng với cõi cảm dục; và cõi atma tương ứng với cõi hồng trần.

163. Trong một số hệ tương ứng, chúng ta bắt đầu với cõi atma, cõi này tương ứng với cõi trí; khi đó cõi Bồ đề tương ứng với cõi cảm dục và Cõi thượng trí tương ứng với cõi hồng trần.

164. Cũng có những hệ tương ứng theo hình ảnh phản chiếu, vốn là phản ánh hơn là chồng phủ. Một thí dụ như vậy sẽ là sự phản chiếu của cõi atma trong cõi hồng trần, sự phản chiếu của cõi Bồ đề trong cõi cảm dục, và sự phản chiếu của Cõi thượng trí trong cõi hạ trí.

Thiêng liêng.....cõi phụ vũ trụ 1.....Nguyên sơ

dĩ thái.....Lửa.....Cõi Trí.....Lửa.

Chân thần....cõi phụ vũ trụ 2.....Akasha.....Cõi Cảm Dục.....Cảm dục

dĩ thái ánh sáng.

Tinh thần

or Atmic...3rd Cosmic.....Aether.....Physical Plane...Ether

hay Atma...cõi phụ vũ trụ 3.....Aether.....Cõi Hồng Trần...Dĩ thái

ether

dĩ thái

165. Here we are speaking of the Raja Deva Lords Who go under the names: "Shiva", "Vishnu" and "Brahma".

165. Ở đây chúng ta đang nói về các Chúa Tể Raja Deva mang những danh xưng: "Shiva", "Vishnu" và "Brahma".

The particular type of differentiated force which they embody, when brought into union with each other is that which causes concretion, or the appearance, in space and time, of the dense physical body.

Loại mãnh lực biến phân đặc thù mà các Ngài hiện thân, khi được đưa vào sự hợp nhất với nhau, chính là điều gây ra sự kết tụ, hay sự xuất hiện, trong không gian và thời gian, của thể xác hồng trần đậm đặc.

166. We are being told that all concretion or appearance (of a dense physical body) is the result of the *union* of the three highest forces of the cosmic physical plane.

166. Chúng ta đang được cho biết rằng mọi sự kết tụ hay sắc tướng (của một thể xác hồng trần đậm đặc) là kết quả của *sự hợp nhất* của ba mãnh lực cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

167. Concretion, therefore, has its origins on levels of cosmic vibration which are not, technically considered, concrete.

167. Do đó, sự kết tụ có nguồn gốc của nó trên những cấp độ rung động vũ trụ mà, xét theo kỹ thuật, không phải là cụ thể.

This should be carefully considered, along with the very interesting fact that on the fourth plane of our system (the fourth cosmic ether, or buddhic plane) we have the sphere of certain occult happenings which cannot be more than hinted at, because **their true significance is one of the secrets of initiation.** They are an aspect of the plan of the Logos which can be contacted *direct* by those who have expanded their consciousness adequately.

Điều này cần được suy xét cẩn trọng, cùng với sự kiện rất thú vị rằng trên cõi thứ tư của hệ thống chúng ta (dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay cõi Bồ đề) chúng ta có khối cầu của những diễn biến huyền bí nào đó mà không thể nói hơn là chỉ gợi ý, bởi vì **thâm nghĩa đích thực của chúng là một trong những bí mật của điểm đạo.** Chúng là một phương diện của Thiên Cơ của Thượng đế mà có thể được tiếp xúc trực *tiếp* bởi những ai đã mở rộng tâm thức của mình một cách đầy đủ.

168. Now we are speaking of the realm of Indra, the God of the systemic buddhic plane.

168. Giờ đây chúng ta đang nói về cõi giới của Indra, Thần của cõi Bồ đề hệ thống.

169. Concretion within the lower worlds may originate in the interaction of Shiva, Vishnu and Brahma but without the functioning of Indra (through those solar logoic chakras found on the systemic buddhic plane) that concretion could not occur, just as dense physical concretion in human terms requires the action of the fourth systemic ether (analogous to the buddhic plane) and the human chakras found thereon.

169. Sự kết tụ trong các ba cõi thấp có thể bắt nguồn từ sự tương tác của Shiva, Vishnu và Brahma, nhưng nếu không có hoạt động của Indra (qua những luân xa logoic thái dương được tìm thấy trên cõi Bồ đề hệ thống), thì sự kết tụ ấy không thể xảy ra, cũng như sự kết tụ hồng trần đậm đặc theo nghĩa con người đòi hỏi tác động của dĩ thái hệ thống thứ tư (tương tự với cõi Bồ đề) và các luân xa con người được tìm thấy trên đó.

[Page 627]

[Page 627]

The buddhic plane, or fourth cosmic ether, is the plane whereon:

Cõi Bồ đề, hay dĩ thái vũ trụ thứ tư, là cõi trên đó:

a. The sacred planets function.

a. Các hành tinh thiêng liêng hoạt động.

170. We must be careful in our analysis of the word "function" for the planets corresponding to the chakras found on the fourth *systemic* ether are not (in some principal charts) sacred planets.

170. Chúng ta phải cẩn trọng trong việc phân tích từ "hoạt động", vì các hành tinh tương ứng với các luân xa được tìm thấy trên dĩ thái *hệ thống* thứ tư không phải (trong một số biểu đồ chính yếu) là các hành tinh thiêng liêng.

171. We could say, however, that every sacred Planetary Logos has coordinated His buddhic vehicle whereas the non-sacred Planetary Logoi are more strictly manasic.

171. Tuy nhiên, chúng ta có thể nói rằng mọi Đức Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng đều đã phối hợp vận cụ Bồ đề của Ngài, trong khi các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng thì nghiêm ngặt hơn là manas.

b. Man will eventually function freed from the triple lower man.

b. Cuối cùng con người sẽ hoạt động, được giải thoát khỏi phàm nhân tam phân.

172. To function on the fourth cosmic ether or systemic buddhic plane requires the passing of the fourth initiation.

172. Để hoạt động trên dĩ thái vũ trụ thứ tư hay cõi Bồ đề hệ thống, cần phải vượt qua lần điểm đạo thứ tư.

c. The true meaning of the words "Divine Hermaphrodite" is there to be comprehended.

c. Ý nghĩa chân thực của những từ "Lưỡng tính Thiêng liêng" sẽ được thấu hiểu ở đó.

173. On this plane the potencies of Venus and Mercury are blended. Venus is a Logos Who has achieved a great measure of buddhic expression. Mercury is one of the rulers of the buddhic plane.

173. Trên cõi này, các tiềm lực của Sao Kim và Sao Thủy được hòa trộn. Sao Kim là một Thượng đế đã đạt được một mức độ biểu hiện Bồ đề lớn lao. Sao Thủy là một trong những chủ tinh của cõi Bồ đề.

d. It is predominantly the plane of life-force, and one of the planes of generation.

d. Đây chủ yếu là cõi của sinh lực, và là một trong những cõi của sự sinh thành.

174. Are all cosmic etheric planes, planes of generation?

174. Phải chăng mọi cõi dĩ thái vũ trụ đều là những cõi của sự sinh thành?

175. Perhaps the buddhic plane is most focally a plane of generation because through the action of its chakras the dense physical body of the personality is precipitated. This applies to both the human and solar logoic spheres.

175. Có lẽ cõi Bồ đề là cõi sinh thành có tính tiêu điểm nhất, bởi vì qua tác động của các luân xa của nó, thể xác hồng trần đậm đặc của phàm ngã được ngưng tụ. Điều này áp dụng cho cả các khối cầu con người lẫn logoic thái dương.

176. In any case it is reasonable to assume that cosmic prana flows on the cosmic buddhic plane (but also on others of the cosmic etheric planes).

176. Trong bất cứ trường hợp nào, thật hợp lý khi giả định rằng prana vũ trụ tuôn chảy trên cõi Bồ đề vũ trụ (nhưng cũng trên những cõi dĩ thái vũ trụ khác).

177. It has often been stated in these commentaries that man does not begin to *live* until he achieves the consciousness of the cosmic buddhic plane.

177. Trong những phần bình giải này, thường đã được nói rằng con người không bắt đầu *sống* cho đến khi y đạt được tâm thức của cõi Bồ đề vũ trụ.

e. Here man will for the first time understand and utilize his relationship with the devas.

e. Ở đây lần đầu tiên con người sẽ thấu hiểu và sử dụng mối liên hệ của mình với các thiên thần.

178. The following quotations are important for understanding the relationship here referenced:

178. Những trích dẫn sau đây rất quan trọng để hiểu mối liên hệ được nhắc đến ở đây:

It is in the vegetable kingdom that we find one of the first and temporary approximations between the evolving human Monad, and the evolving deva Monad. The two parallel evolutions touch in that kingdom, and then again follow their own paths, finding their next point of contact on the fourth or buddhic level, and a final merging on the second. (TCF 589)

Chính trong giới thực vật mà chúng ta tìm thấy một trong những sự tiếp cận đầu tiên và tạm thời giữa chân thần con người đang tiến hoá và chân thần thiên thần đang tiến hoá. Hai tiến trình tiến hoá song song chạm nhau trong giới đó, rồi lại đi theo những con đường riêng của chúng, tìm thấy điểm tiếp xúc kế tiếp của chúng trên cấp độ thứ tư hay Bồ đề, và một sự hòa nhập cuối cùng trên cấp độ thứ hai. (TCF 589)

Further, the two great evolutions (human and deva) find their group unity on the buddhic plane, and portions of both hierarchies blend and merge so as to form the body of the divine Hermaphrodite.[24,25] (TCF 328)

Hơn nữa, hai tiến trình tiến hoá lớn (con người và thiên thần) tìm thấy sự hợp nhất nhóm của chúng trên cõi Bồ đề, và những phần của cả hai Huyền Giai hòa trộn và hòa nhập để tạo thành thể của Đấng Lưỡng tính thiêng liêng.24,25 (TCF 328)

Earlier, at certain fixed points, they may temporarily approximate each other. On the buddhic plane definite and permanent alliance may be seen. (TCF 328-329)

Trước đó, tại một số điểm cố định nào đó, chúng có thể tạm thời tiến gần nhau. Trên cõi Bồ đề, có thể thấy một sự liên minh xác định và thường trực. (TCF 328-329)

The fourth plane is the plane of at-one-ment for certain deva and human units, and certain groups (the fourth Creative Hierarchy and the sixth Deva Hierarchy) have a pronounced karma to work out together. One can now see the supreme importance of the human Hierarchy, the fourth in this sequence of planes and ideas. (TCF 432)

Cõi thứ tư là cõi của sự hợp nhất đối với một số đơn vị thiên thần và con người, và một số nhóm (Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và Huyền Giai thiên thần thứ sáu) có một nghiệp quả rõ rệt phải cùng nhau giải quyết. Giờ đây người ta có thể thấy tầm quan trọng tối thượng của Huyền Giai nhân loại, thứ tư trong chuỗi cõi và ý tưởng này. (TCF 432)

f. It will see the fruition of the combined evolutionary process of the two solar systems.

f. Nó sẽ chứng kiến sự viên mãn của tiến trình tiến hoá kết hợp của hai hệ mặt trời.

179. Before the possibility of focusing on the buddhic plane, the two evolutionary processes cannot combine and merge.

179. Trước khả năng tập trung trên cõi Bồ đề, hai tiến trình tiến hoá không thể kết hợp và hòa nhập.

180. The unifying of the human and devic kingdoms on the buddhic plane is symbolic of this merging.

180. Sự hợp nhất của giới nhân loại và giới thiên thần trên cõi Bồ đề là biểu tượng của sự hòa nhập này.

181. Fire by friction is characteristic of life within the logoic dense physical vehicle. By the time we reach the systemic buddhic plane, solar fire (as an aspect of Agni) is in increasing expression and thus the merging of the two aspects can occur.

181. Lửa ma sát là đặc trưng của sự sống bên trong vận cụ hồng trần đậm đặc logoic. Khi chúng ta đạt đến cõi Bồ đề hệ thống, Lửa Thái dương (như một phương diện của Agni) ngày càng biểu hiện nhiều hơn, và do đó sự hòa nhập của hai phương diện có thể xảy ra.

g. It is the plane from whence all planetary avatars emanate.

g. Đây là cõi từ đó mọi Đấng Hoá Thân hành tinh xuất lộ.

182. This is an important statement. Can it be said that the Christ and the coming seventh ray Avatar *both* emanate from the buddhic plane? Certainly there will be much of buddhi (the quality of Hierarchy) in Their expression but especially in the expression of the Great Avatar, the Christ.

182. Đây là một phát biểu quan trọng. Có thể nói rằng Đức Christ và Đấng Hoá Thân cung bảy sắp đến *đều* xuất lộ từ cõi Bồ đề chăng? Chắc chắn sẽ có nhiều Bồ đề (phẩm tính của Thánh đoàn) trong sự biểu hiện của Các Ngài, nhưng đặc biệt là trong sự biểu hiện của Đấng Hoá Thân Vĩ Đại, Đức Christ.

h. The Heavenly Men take the first Initiation on this plane.

h. Các Đấng Thiên Nhân nhận lần điểm đạo thứ nhất trên cõi này.

183. This is a profound occult hint. The coming of the Lords of the Flame may have had much to do with the first initiation of our Planetary Logos in Lemurian times. These great devas (as "hearts of fiery love") were imbued with the quality of buddhi and implanted not only manas, but the qualities of latent buddhi and latent atma in animal man. The so-called "spark of mind" was triple.

183. Đây là một gợi ý huyền bí sâu xa. Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa có thể đã liên hệ rất nhiều đến lần điểm đạo thứ nhất của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vào thời Lemuria. Những thiên thần vĩ đại này (như "những trái tim của tình thương rực lửa") được thấm nhuần phẩm tính của Bồ đề và đã cấy vào người thú không chỉ manas, mà còn cả những phẩm tính của Bồ đề tiềm ẩn và atma tiềm ẩn. Cái gọi là "tia lửa của trí tuệ" là tam phân.

184. There came a time when the opening of the planetary heart was the order of the day. We can correlate this opening with the individualization of man and the first initiation of the Planetary Logos.

184. Đã đến một thời điểm khi sự khai mở của trái tim hành tinh là mệnh lệnh của thời cuộc. Chúng ta có thể liên hệ sự khai mở này với sự biệt ngã hóa của con người và lần

điểm đạo thứ nhất của Hành Tinh Thượng Đế.

185. All first initiations require the infusion of the quality of buddhic energy.

185. Mọi lần điểm đạo thứ nhất đều đòi hỏi sự truyền nhập phẩm tính của năng lượng Bồ đề.

i. On this plane the true inner significance of the "Sun" is apprehended.

i. Trên cõi này, thâm nghĩa nội tại chân thực của "Mặt Trời" được lĩnh hội.

186. Here we are speaking of the Heart of the Sun, the true *subjective* Sun expressing the second aspect of divinity.

186. Ở đây chúng ta đang nói về Trái Tim của Mặt Trời, Mặt Trời *chủ quan* đích thực biểu hiện phương diện thứ hai của thiên tính.

187. Only those human beings who can focus on the buddhic plane truly understand what it means to be a "Son of God". They are directly in touch with the Christ Aspect, which is buddhi.

187. Chỉ những con người nào có thể tập trung trên cõi Bồ đề mới thực sự hiểu điều đó có nghĩa là gì khi là một "Con của Thượng đế". Họ trực tiếp tiếp xúc với Phương diện Christ, tức là Bồ đề.

More I cannot say, but careful study of that which is here given may open up much that is of significance in the study of the macrocosm and the microcosm.

Tôi không thể nói thêm nữa, nhưng sự nghiên cứu cẩn trọng điều được đưa ra ở đây có thể mở ra nhiều điều có thâm nghĩa trong việc nghiên cứu Đại thiên địa và Tiểu thiên địa.

188. Yes, the Tibetan has offered some profound occult hints which will be found as instrumental pieces of knowledge in bringing closure to patterns in consciousness which await closure.

188. Đúng vậy, Chân sư Tây Tạng đã đưa ra một số gợi ý huyền bí sâu xa, những điều sẽ được thấy là những mảnh tri thức có tính công cụ trong việc khép lại những mô hình trong tâm thức đang chờ được khép lại.

c. The Devas and the Planes.

c. Các thiên thần và các cõi.

Preliminary Remarks. We have considered in broad and general terms the various types of force which animate deva substance, and its origin.

Những nhận xét sơ bộ. Chúng ta đã xét, theo những nét rộng và tổng quát, các loại mãnh lực khác nhau tiếp sinh lực cho chất liệu thiên thần, và nguồn gốc của nó.

189. We have been considering *cosmic* forces from cosmic planes higher than the cosmic

189. Chúng ta đã xét đến các mãnh lực *vũ trụ* từ những cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ

physical plane as these forces animate lower deva substance.

trụ khi các mãnh lực này tiếp sinh lực cho chất liệu thiên thần thấp hơn.

190. We have also considered lower types of deva forces found on the lower systemic planes. These forces are extensions or attenuations of the energies from the higher cosmic planes.

190. Chúng ta cũng đã xét đến những loại mãnh lực thiên thần thấp hơn được tìm thấy trên các cõi hệ thống thấp hơn. Những mãnh lực này là những sự mở rộng hay suy giảm của các năng lượng từ các cõi vũ trụ cao hơn.

Now we can study more specifically the deva entities in their various groups, having laid down the fundamentals in connection with them.

Giờ đây chúng ta có thể nghiên cứu cụ thể hơn các thực thể thiên thần trong những nhóm khác nhau của chúng, vì đã đặt ra những nền tảng liên quan đến chúng.

191. This is ever the way of proceeding in occultism—from the general to the particular.

191. Đó luôn là cách tiến hành trong huyền bí học—từ cái tổng quát đến cái cá biệt.

In this particular section students must remember that we are not considering those builders of involutionary development which are spoken of in theosophical and occult literature as the elemental essences.

Trong phần đặc biệt này, các đạo sinh phải nhớ rằng chúng ta không xét đến những đấng kiến tạo của sự giáng hạ tiến hoá vốn được nói đến trong văn học Thông Thiên Học và huyền bí học như là Tinh chất hành khí.

192. Though some devas may be unconscious as are the elemental essences, devas and elementals are not equivalent.

192. Dù một số thiên thần có thể vô thức như các Tinh chất hành khí, thiên thần và hành khí không tương đương nhau.

193. Devas, at least, can become self-conscious; elementals must become devas before this transition to self-consciousness is possible.

193. Ít nhất, thiên thần có thể trở nên có ngã thức; hành khí phải trở thành thiên thần trước khi sự chuyển tiếp sang ngã thức này có thể xảy ra.

We are discussing those who are on the evolutionary arc, and who are the agents of cosmic force, whilst the lesser builders are the agents specifically of **solar** and of **lunar** force.

Chúng ta đang bàn đến những vị ở trên cung tiến hoá, và là các tác nhân của mãnh lực vũ trụ, trong khi các vị tiểu kiến tạo là các tác nhân đặc biệt của mãnh lực **thái dương** và của mãnh lực **thái âm**.

194. We are considering *self-conscious* deva forces, though there are deva forces which are unconscious.

194. Chúng ta đang xét đến các mãnh lực thiên thần *tự-ngã-thức*, dù cũng có những mãnh lực thiên thần vô thức.

195. Are there 140,000,000,000 of such evolutionary devic units? This is a figure applied to the number of deva Monads in our solar system, but it not stated whether it applies to both self-conscious and un-self-conscious devas, or only to the self-conscious kind.

195. Có phải có 140.000.000.000 đơn vị thiên thần tiến hoá như thế chăng? Đây là con số được áp dụng cho số lượng các chân thần thiên thần trong hệ mặt trời của chúng ta, nhưng không nói rõ liệu nó áp dụng cho cả thiên thần tự-ngã-thức lẫn không-tự-ngã-thức, hay chỉ cho loại tự-ngã-thức.

196. We note that lesser builders can be agents of not only *lunar* force but of *solar* force as well.

196. Chúng ta lưu ý rằng các vị tiểu kiến tạo có thể là tác nhân không chỉ của mãnh lực *thái âm* mà còn của mãnh lực *thái dương* nữa.

197. There are a number of types of manasic devas which are the substance of the egoic lotus. Are these to be considered lesser builders which are specifically agents of solar force? Probably their nature, imbued with "I-ness" is too high.

197. Có một số loại thiên thần manas là chất liệu của Hoa Sen Chân Ngã. Có nên xem các vị này là những vị tiểu kiến tạo đặc biệt là tác nhân của mãnh lực thái dương không? Có lẽ bản chất của các vị ấy, được thấm nhuần bởi "tính Tôi", là quá cao.

Solar force implies the various differentiations of the threefold cosmic force as it manifests within the solar [Page 628] system.

Mãnh lực thái dương hàm ý các biến phân khác nhau của mãnh lực vũ trụ tam phân khi nó biểu hiện trong hệ mặt trời [Page 628].

198. DK is careful to define the nature of "solar force" within the present context.

198. Chân sư DK cẩn trọng xác định bản chất của "mãnh lực thái dương" trong ngữ cảnh hiện tại.

199. Cosmic forces are primarily threefold in nature. When such forces manifest "within the solar system" they are to be considered *solar* forces.

199. Các mãnh lực vũ trụ trước hết có bản chất tam phân. Khi các mãnh lực ấy biểu hiện "trong hệ mặt trời" thì chúng được xem là các mãnh lực *thái dương*.

200. It may be that such forces manifest (at first) specifically through the objective sun.

200. Có thể là các mãnh lực như thế biểu hiện (thoạt đầu) đặc biệt qua mặt trời khách quan.

Solar force can also (as far as the creative or building faculty of man is concerned) be termed planetary force, for every human being (be he Adept or ordinary man) builds and creates his thought forms—consciously or unconsciously—within the planetary spheres in the three worlds.

Mãnh lực thái dương cũng có thể (xét theo năng lực sáng tạo hay kiến tạo của con người) được gọi là mãnh lực hành tinh, vì mỗi con người (dù là chân sư hay người thường) đều kiến tạo và sáng tạo các Hình tư tưởng của mình—một cách có ý thức hay vô thức—trong các khối cầu hành tinh ở ba cõi thấp.

201. When solar force is further transformed or attenuated such that it expresses within the planetary sphere, it is to be termed "planetary force".

201. Khi mãnh lực thái dương được chuyển đổi hoặc làm suy giảm thêm đến mức nó biểu lộ trong khối cầu hành tinh, thì nó được gọi là "mãnh lực hành tinh".

202. We can see that both solar and planetary forces are essential *cosmic* in origin.

202. Chúng ta có thể thấy rằng cả mãnh lực thái dương lẫn mãnh lực hành tinh đều có nguồn gốc thiết yếu là *vũ trụ*.

203. When DK speaks of planetary force, does He mean "lunar force"? He does not say.

203. Khi Chân sư DK nói đến mãnh lực hành tinh, Ngài có muốn nói đến "mãnh lực thái âm" không? Ngài không nói.

204. When human beings create thoughtforms, they are working with planetary force, which is, more essentially, *solar* force and originally, *cosmic* force.

204. Khi con người tạo ra các hình tư tưởng, họ đang làm việc với mãnh lực hành tinh, mà về bản chất sâu xa hơn là mãnh lực *thái dương* và nguyên thuỷ là mãnh lực *vũ trụ*.

We shall now come to a considerable amount of tabulation, for all that it is wise and possible to give at this time are certain facts, names and outlines which can only be demonstrated through the law of correspondence.

Giờ đây chúng ta sẽ đi đến một lượng đáng kể các bảng biểu, vì tất cả những gì khôn ngoan và có thể được ban ra vào lúc này chỉ là một số sự kiện, danh xưng và đại cương, mà chỉ có thể được chứng minh qua định luật tương ứng.

205. DK will present in such a manner that some degree of clarity can enter our minds. He is careful, however not to divulge too much at this early stage of our understanding. From the presented tables and correspondences we must deduce and intuit what we can.

205. Chân sư DK sẽ trình bày theo cách để một mức độ minh bạch nào đó có thể đi vào trí tuệ chúng ta. Tuy nhiên, Ngài cẩn trọng không tiết lộ quá nhiều ở giai đoạn sớm này của sự thấu hiểu của chúng ta. Từ các bảng biểu và các tương ứng được trình bày, chúng ta phải suy diễn và trực giác điều mình có thể.

The key to comprehension is always this law.

206. As we have studied TCF, have we realized the power of the Law of Correspondences? We should be gaining increased facility in working with this law.

207. DK does not tell us merely that *one* of the keys to comprehension is the Law of Correspondences, but that this law is *always* the key.

The basic differentiation in the solar system is as follows:

Agni.....Electric fire.....Spirit.....Central Spiritual Sun..Energy

Surya.....Solar fire.....Vishnu....Heart of the Sun.....Light

Brahma...Fire by friction.....Physical visible Sun....Fohat

208. We note the apparent equivalence of Surya and Vishnu. It is interesting that in these enumerations "Surya" is consistently substituted for "Vishnu" in the usual sequence "Brahma-Vishnu-Shiva".

209. As well, Agni which is usually associated with the mental plane or with the cosmic mental plane is here designated as electric fire or Spirit. The term Spirit, however, may refer to Spirit as it manifests on the systemic planes (the subplanes of the cosmic physical plane) and not Spirit as it manifests on the cosmic planes.

Chìa khóa của sự lĩnh hội luôn luôn là định luật này.

206. Khi đã nghiên cứu Luận về Lửa Vũ Trụ, liệu chúng ta đã nhận ra quyền năng của định luật tương ứng chưa? Chúng ta nên ngày càng thành thạo hơn trong việc vận dụng định luật này.

207. Chân sư DK không chỉ nói với chúng ta rằng *một* trong những chìa khóa của sự lĩnh hội là Định luật Tương ứng, mà còn rằng định luật này *luôn luôn* là chìa khóa.

Sự biến phân căn bản trong hệ mặt trời như sau:

Agni.....Lửa Điện.....Tinh thần.....Mặt trời Tinh thần Trung Ương..Năng lượng

Surya.....Lửa Thái dương.....Vishnu....Tâm Mặt Trời.....Ánh sáng

Brahma...Lửa ma sát.....Mặt Trời hữu hình hồng trần....Fohat

208. Chúng ta lưu ý sự tương đương bề ngoài giữa Surya và Vishnu. Điều đáng chú ý là trong các liệt kê này, "Surya" luôn được thay thế cho "Vishnu" trong trình tự quen thuộc "Brahma-Vishnu-Shiva".

209. Ngoài ra, Agni vốn thường được liên hệ với cõi trí hoặc với cõi trí vũ trụ, ở đây lại được chỉ định là Lửa Điện hay Tinh thần. Tuy nhiên, thuật ngữ Tinh thần có thể chỉ Tinh thần như nó biểu hiện trên các cõi của hệ thống (các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ), chứ không phải Tinh thần như nó biểu hiện trên các cõi vũ trụ.

210. Energy is also put into a position superior to both “Light” and “Fohat”.

211. In some ways it makes sense to correlate Agni with Fohat.

212. We note that the triplicity of “Spirit-Vishnu…” is not completed.

213. In general there is a mixture of terms in this tabulation, but the mixture can offer new insights.

214. We are speaking of the differentiated expressions of the Solar Logos.

As electric fire the Logos manifests as the seven aspects of Will, spiritual impulse or purpose.

215. The seven aspects of will are those aspects manifesting on the cosmic physical plane, but they also manifest on the cosmic astral plane and on the lower subplanes of the cosmic mental plane.

216. Probably we are not yet speaking of cosmic electric fire as it manifests through the solar logoic Monad.

217. Will, spiritual impulse and purpose are equated. They can be associated with the energies of the seven stars (or, rather, Logoic of the Great Bear) expressing in their *will* aspect.

As solar fire He manifests as the seven Rays, or as the Light of Wisdom, the Consciousness, radiating through the form.

210. Năng lượng cũng được đặt vào một vị trí cao hơn cả “Ánh sáng” lẫn “Fohat”.

211. Theo một số phương diện, việc tương liên Agni với Fohat là hợp lý.

212. Chúng ta lưu ý rằng bộ ba “Tinh thần-Vishnu…” không được hoàn tất.

213. Nói chung, có một sự pha trộn các thuật ngữ trong bảng này, nhưng sự pha trộn ấy có thể đem lại những nhận thức mới.

214. Chúng ta đang nói về các biểu hiện đã biến phân của Thái dương Thượng đế.

Như Lửa Điện Thượng đế biểu hiện như bảy phương diện của Ý Chí, xung động tinh thần hay mục đích.

215. Bảy phương diện của ý chí là những phương diện biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ, nhưng chúng cũng biểu hiện trên cõi cảm dục vũ trụ và trên các cõi phụ thấp của cõi trí vũ trụ.

216. Có lẽ chúng ta chưa nói đến Lửa Điện vũ trụ như nó biểu hiện qua chân thần logoi thái dương.

217. Ý chí, xung động tinh thần và mục đích được xem là tương đương. Chúng có thể được liên hệ với các năng lượng của bảy ngôi sao (hay đúng hơn, các Đấng Logoic của Đại Hùng Tinh) biểu lộ trong phương diện *ý chí* của các Ngài.

Như Lửa Thái dương Ngài biểu hiện như bảy cung, hay như Ánh sáng của minh triết, Tâm thức, đang bức xạ qua hình tướng.

218. Let us look at the equivalences:

a. Seven Rays

b. Light of Wisdom

c. Consciousness radiating through the form.

d. The seven rays can manifest through a first aspect and also through a second aspect. The first aspect manifestation of the rays relates to will and purpose; the second aspect manifestation relates to consciousness. There is also a third aspect of the rays which relates to intelligent activity and form.

e. The Great Bear is associated with the will aspect of the seven rays; Sirius (the Sirian System) and (on a higher turn of the spiral) the Little Bear are associated with the consciousness aspect of the seven rays; the Pleiades are associated with the intelligent activity aspect of the seven rays.

As fire by friction He manifests as the seven Sons of Fohat, the seven great fires, or the active heat of intelligent substance.

219. Upon the cosmic physical plane, the "seven Sons of Fohat" manifest especially on the five lower subplanes, and yet active intelligent substance exists on all seven subplanes of the cosmic physical plane.

220. Note the association of heat, activity, intelligence and substance.

221. Since the personality of the Solar Logos includes all the lower eighteen cosmic

218. Chúng ta hãy xem các tương đương:

a. Bảy cung

b. Ánh sáng của minh triết

c. Tâm thức bức xạ qua hình tướng.

d. Bảy cung có thể biểu hiện qua phương diện thứ nhất và cũng qua phương diện thứ hai. Sự biểu hiện của các cung qua phương diện thứ nhất liên hệ đến ý chí và mục đích; sự biểu hiện qua phương diện thứ hai liên hệ đến tâm thức. Cũng có một phương diện thứ ba của các cung liên hệ đến hoạt động thông tuệ và hình tướng.

e. Đại Hùng Tinh được liên hệ với phương diện ý chí của bảy cung; Sirius (Hệ thống Sirian) và (ở một vòng xoắn cao hơn) Tiểu Hùng Tinh được liên hệ với phương diện tâm thức của bảy cung; Pleiades được liên hệ với phương diện hoạt động thông tuệ của bảy cung.

Như Lửa ma sát Ngài biểu hiện như bảy Con của Fohat, bảy đại hỏa, hay nhiệt năng hoạt động của chất liệu thông tuệ.

219. Trên cõi hồng trần vũ trụ, "bảy Con của Fohat" biểu hiện đặc biệt trên năm cõi phụ thấp, tuy nhiên chất liệu thông tuệ hoạt động vẫn hiện hữu trên cả bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

220. Hãy lưu ý sự liên hệ giữa nhiệt, hoạt động, thông tuệ và chất liệu.

221. Vì phàm ngã của Thái dương Thượng đế bao gồm toàn bộ mười tám cõi phụ vũ trụ

subplanes, the thee modes of manifestation apply to all of these cosmic subplanes.

222. All these modes of manifestation are considered to occur within Agni considered as the personality of the Solar Logos (i.e., the Being expressing through the lower eighteen *cosmic* subplanes).

These three aspects of the God of Fire, and of the fire of God, are the three Entities of the logoic Trinity, and each in turn manifests through seven other Entities Who form their total manifestation.

223. We continue to speak of Shiva, Surya and Brahma; of Energy, Light and Fohat.

224. Each of three cosmic aspects manifests through seven subsidiary Entities or Fires. Such secondary Entities are emanated mind-born "Sons".

225. We are speaking of the three aspects of the Solar Logos as these aspects manifest through the three vehicles of Agni but especially upon the cosmic physical plane (which is the plane on which our spiritual development is, perforce, focussed).

226. We can correlate these three cosmic aspects of the Solar Logos with the three energies emanating from the solar logoic mental unit which animate the mental permanent atoms, egoic lotuses and mental units on the systemic mental plane.

227. There are different ways to understand the term "logoic Trinity". The lower mode of understanding sees the logoic Trinity expressing through Agni as the personality of the Solar Logos. A higher way of

thấp, nên ba phương thức biểu hiện này áp dụng cho tất cả các cõi phụ vũ trụ ấy.

222. Tất cả các phương thức biểu hiện này được xem là xảy ra trong Agni, được xét như phàm ngã của Thái dương Thượng đế (tức là Đấng biểu lộ qua mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp).

Ba phương diện này của Thượng đế của Lửa, và của lửa của Thượng đế, là ba Thực Thể của Tam Vị logoi, và mỗi vị đến lượt mình biểu hiện qua bảy Thực Thể khác tạo thành toàn bộ sự biểu hiện của các vị ấy.

223. Chúng ta tiếp tục nói về Shiva, Surya và Brahma; về Năng lượng, Ánh sáng và Fohat.

224. Mỗi một trong ba phương diện vũ trụ biểu hiện qua bảy Thực Thể phụ thuộc hay bảy Lửa. Những Thực Thể thứ cấp như thế là các "Con" được xuất lộ, sinh ra từ trí tuệ.

225. Chúng ta đang nói về ba phương diện của Thái dương Thượng đế khi các phương diện này biểu hiện qua ba vận cụ của Agni, nhưng đặc biệt là trên cõi hồng trần vũ trụ (là cõi mà trên đó sự phát triển tinh thần của chúng ta, do tất yếu, được tập trung).

226. Chúng ta có thể tương liên ba phương diện vũ trụ này của Thái dương Thượng đế với ba năng lượng phát ra từ đơn vị hạ trí logoi thái dương, vốn làm sinh động các nguyên tử trường tồn trí tuệ, các Hoa Sen Chân Ngã và các đơn vị hạ trí trên cõi trí của hệ thống.

227. Có những cách khác nhau để hiểu thuật ngữ "Tam Vị logoi". Cách hiểu thấp hơn nhìn Tam Vị logoi biểu lộ qua Agni như phàm ngã của Thái dương Thượng đế. Một cách hiểu cao hơn về Tam Vị logoi đặt Agni là phương

understanding the logoic Trinity places Agni as the lowest aspect of the Trinity, the solar logoic Ego as the second aspect and the solar logoic Monad as the first aspect.

228. The twenty-one Entities, seven representing each of the three Persons of the logoic Trinity, are named below.

Sevenfold electric fire. The seven types of spiritual existences, or the seven Spirits before the Throne in Their essential essence; the dynamic force or will lying back of all manifestation.

229. There are a number of "Thrones"; the Throne of Shamballa is one. The Throne of the Solar Logos is another.

230. The Ray Lords of Earth are Spirits before the Throne of Shamballa.

231. The planetary Ray Lords (cosmic Beings within our solar system) are the Spirits before the Throne of the Solar Logos.

232. When the phrase "in Their essential essence" is used, we must wonder whether DK is referring to the cosmic monadic plane.

233. And yet, the focus may not be that high, as "all manifestation" occurs within the body of expression of Agni, the personality of the Solar Logos expressing through the lowest eighteen cosmic subplanes.

234. From this perspective, the higher levels of the cosmic mental plane may also lie "back of all manifestation". We know that

diện thấp nhất của Tam Vị, chân ngã logoi thái dương là phương diện thứ hai và chân thần logoi thái dương là phương diện thứ nhất.

228. Hai mươi mốt Thực Thể, bảy vị đại diện cho mỗi một trong ba Ngôi của Tam Vị logoi, được nêu tên dưới đây.

Lửa Điện thất phân. Bảy loại tồn tại tinh thần, hay Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai trong tinh chất cốt yếu của Các Ngài; mãnh lực năng động hay ý chí nằm phía sau mọi biểu hiện.

229. Có một số "Thánh Ngai"; Thánh Ngai của Shamballa là một. Thánh Ngai của Thái dương Thượng đế là một cái khác.

230. Các Đấng Chúa Tể Cung của Trái Đất là các Thánh Linh trước Thánh Ngai của Shamballa.

231. Các Đấng Chúa Tể Cung hành tinh (các Hữu thể vũ trụ trong hệ mặt trời của chúng ta) là các Thánh Linh trước Thánh Ngai của Thái dương Thượng đế.

232. Khi cụm từ "trong tinh chất cốt yếu của Các Ngài" được dùng, chúng ta phải tự hỏi liệu Chân sư DK có đang quy chiếu đến cõi chân thần vũ trụ hay không.

233. Tuy vậy, tiêu điểm có thể không cao đến thế, vì "mọi biểu hiện" xảy ra trong thể biểu lộ của Agni, phàm ngã của Thái dương Thượng đế biểu lộ qua mười tám cõi phụ vũ trụ thấp nhất.

234. Từ góc nhìn này, các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ cũng có thể nằm "phía sau mọi biểu hiện". Chúng ta biết rằng các cõi còn cao

planes still higher (such as the cosmic buddhic plane, or cosmic atmic plane, etc.) definitely do.

hơn nữa (như cõi Bồ đề vũ trụ, hay cõi atma vũ trụ, v.v.) chắc chắn là như vậy.

235. Let us tabulate the names of these seven Existences related to the first aspect of divinity:

235. Chúng ta hãy lập bảng các danh xưng của bảy Tồn Tại này liên hệ với phương diện thứ nhất của thiên tính:

a. Sevenfold electric fire

a. Lửa Điện thất phân

b. The seven types of spiritual existences

b. Bảy loại tồn tại tinh thần

c. The seven Spirits before the throne in Their essential essence

c. Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai trong tinh chất cốt yếu của Các Ngài

d. The dynamic force of will lying back of all manifestation

d. Mãnh lực năng động của ý chí nằm phía sau mọi biểu hiện

They form on their own plane in a peculiar sense the logoic "Jewel in the Lotus," and [Page 629] hence are inconceivable to our intelligence in this solar system, as They are not revealed until the "Son be made perfect," or the logoic consciousness is fully awakened.

Các Ngài tạo thành, trên cõi riêng của mình, theo một ý nghĩa đặc biệt, "Ngọc trong Hoa Sen" logoi," và do đó [Page 629] không thể được trí tuệ chúng ta trong hệ mặt trời này quan niệm nổi, vì Các Ngài không được mặc khải cho đến khi "Người Con được làm cho hoàn hảo," hay tâm thức logoi được thức tỉnh trọn vẹn.

236. This is a highly esoteric section. Microcosmically, we usually understand the Jewel in the Lotus as focussed on the systemic higher mental plane. If we are speaking in cosmic terms, then the Jewel in the Lotus should, analogously, be a structure found on the *cosmic* higher mental plane.

236. Đây là một đoạn hết sức huyền bí. Ở cấp vi mô, chúng ta thường hiểu Ngọc trong Hoa Sen là được tập trung trên Cõi thượng trí của hệ thống. Nếu chúng ta đang nói theo các thuật ngữ vũ trụ, thì Ngọc trong Hoa Sen, theo phép tương đồng, phải là một cấu trúc được tìm thấy trên cõi thượng trí *vũ trụ*.

237. We know that Jewels in the Lotus are sevenfold, i.e., they have seven facets.

237. Chúng ta biết rằng các Ngọc trong Hoa Sen là thất phân, tức là chúng có bảy diện.

238. Each one of the Spirits of Darkness can be considered a radiation of the logoic Jewel in the Lotus on the cosmic higher mental plane.

238. Mỗi một trong các Thánh Linh của Bóng Tối có thể được xem là một bức xạ của Ngọc trong Hoa Sen logoi trên cõi thượng trí vũ trụ.

239. BUT, the true source of the Jewel in the Lotus is the Monad, which, itself, has been suggested as a "Jewel".

239. NHƯNG, nguồn gốc đích thực của Ngọc trong Hoa Sen là chân thần, mà chính nó cũng đã được gợi ý như một "Ngọc".

When the adept enters through the "luminous door" he has before him four very peculiar and esoteric IDENTIFICATIONS. This entrance takes place after he has passed the fifth Initiation and has demonstrated his fitness so to do through a long period of service in connection with our planetary evolution. **These identifications eventually bring about within the jewel, which is essentially the true spiritual unit, a momentous happening, and are undergone within the monadic consciousness after the transcendence of the atmic sheath.** (TCF 1246)

Khi chân sư đi vào qua "cánh cửa sáng chói", trước mặt y có bốn sự ĐỒNG NHẤT HOÁ rất đặc biệt và huyền bí. Sự đi vào này diễn ra sau khi y đã vượt qua lần điểm đạo thứ năm và đã chứng tỏ sự xứng đáng để làm như vậy qua một thời kỳ phụng sự lâu dài liên hệ với sự tiến hoá hành tinh của chúng ta. **Những sự đồng nhất hoá này cuối cùng tạo ra, bên trong ngọc, vốn về bản chất là đơn vị tinh thần đích thực, một biến cố trọng đại, và được trải qua trong tâm thức chân thần sau khi vượt khỏi thể atma.** (TCF 1246)

240. From the above it is obvious that the "jewel" as represented in this paragraph is monadic in nature because the Jewel in the Lotus on the higher mental plane has long ago (well before mastership is attained) been destroyed.

240. Từ đoạn trên, hiển nhiên "ngọc" như được trình bày trong đoạn này có bản chất chân thần, bởi vì Ngọc trong Hoa Sen trên cõi thượng trí từ lâu rồi (rất lâu trước khi đạt chân sư quả) đã bị hủy diệt.

241. Therefore, we may be forced to think of the true monadic Jewel in the Lotus as also sevenfold, and of the causal Jewel in the Lotus as the sevenfold reflection of the sevenfold monadic original.

241. Do đó, chúng ta có thể buộc phải nghĩ đến Ngọc trong Hoa Sen chân thần đích thực cũng là thất phân, và Ngọc trong Hoa Sen nguyên nhân là sự phản chiếu thất phân của nguyên mẫu chân thần thất phân.

242. From this perspective, the Seven Spirits of Darkness may be related not only to the cosmic causal plane (the cosmic higher mental plane) but also to the cosmic monadic plane which may well be the source

242. Từ góc nhìn này, Bảy Thánh Linh của Bóng Tối có thể liên hệ không chỉ với cõi nguyên nhân vũ trụ (cõi thượng trí vũ trụ) mà còn với cõi chân thần vũ trụ, vốn rất có

of the sevenfold radiations known as the Spirits of Darkness.

243. If we consider this higher source of the Spirits of Darkness, then we would designate the logoic Trinity as the Monad, Ego and personality of the Solar Logos.

244. The "Son made perfect" (presumably our Solar Logos at His fifth initiation or, minimally, at His fourth= will not appear until after the causal body of the Solar Logos is destroyed. Therefore, the seven Spirits of Darkness cannot be sourced *only* in the causal body of the Solar Logos, but must necessarily have Their source above that plane.

They are esoterically the "Spirits of Darkness."

245. We may often have noted that when the term "esoteric" is used, it has reference to the Monad.

246. This may be established on EP I 420, in which the three planets expressing the three major rays "esoterically" are tabulated—Uranus, Neptune and Saturn. It is obvious that DK is speaking of monadic rays.

Sevenfold solar fire. The seven Heavenly Men, the sumtotal of Light, the seven Rays of manifestation of the Spiritual Sun.

thể là nguồn của các bức xạ thất phân được biết đến như các Thánh Linh của Bóng Tối.

243. Nếu chúng ta xét đến nguồn cao hơn này của các Thánh Linh của Bóng Tối, thì chúng ta sẽ chỉ định Tam Vị logoi là chân thần, chân ngã và phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

244. "Người Con được làm cho hoàn hảo" (hẳn là Thái dương Thượng đế của chúng ta ở lần điểm đạo thứ năm của Ngài hoặc tối thiểu là ở lần điểm đạo thứ tư) sẽ không xuất hiện cho đến sau khi thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế bị hủy diệt. Do đó, bảy Thánh Linh của Bóng Tối không thể chỉ có nguồn gốc *duy nhất* trong thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế, mà tất yếu phải có nguồn gốc của Các Ngài ở trên cõi đó.

Các Ngài một cách huyền bí là "các Thánh Linh của Bóng Tối."

245. Chúng ta có lẽ thường lưu ý rằng khi thuật ngữ "huyền bí" được dùng, nó quy chiếu đến chân thần.

246. Điều này có thể được xác lập ở EP I 420, trong đó ba hành tinh biểu lộ ba cung chính "một cách huyền bí" được lập bảng—Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ. Hiển nhiên Chân sư DK đang nói về các cung chân thần.

Lửa Thái dương thất phân. Bảy Đấng Thiên Nhân, tổng thể của Ánh sáng, bảy cung biểu hiện của Mặt Trời Tinh thần.

247. If the seven Heavenly Man are the Planetary Logoi, what are the Spirits of Darkness? Can they be considered the *seven monadic aspects of the seven **sacred** Heavenly Men*?

247. Nếu bảy Đấng Thiên Nhân là các Hành Tinh Thượng Đế, thì các Thánh Linh của Bóng Tối là gì? Có thể xem các vị ấy là *bảy phương diện chân thần của bảy **thiêng liêng** Đấng Thiên Nhân* chăng?

248. What also is the "Spiritual Sun"? The term "Central Spiritual Sun" is not here used, so we are not necessarily speaking of the monadic aspect of the Solar Logos. Probably we are speaking of the soul aspect of the Solar Logos. From this perspective, the seven Rays can be thought of as emanating from the solar logoic Heart of the Sun (the logoic egoic lotus).

248. "Mặt Trời Tinh thần" cũng là gì? Ở đây không dùng thuật ngữ "Mặt trời Tinh thần Trung Ương", nên chúng ta không nhất thiết đang nói về phương diện chân thần của Thái dương Thượng đế. Có lẽ chúng ta đang nói về phương diện linh hồn của Thái dương Thượng đế. Từ góc nhìn này, bảy cung có thể được nghĩ là phát ra từ Tâm Mặt Trời logoi thái dương (Hoa Sen Chân Ngã logoi).

249. We also know that there are a number of higher sources of these Rays. Probably they have emanative sources within the Central Spiritual Sun and also, as we have been taught, within the seven stars of the Great Bear. Their true Sources lie even beyond the Bear.

249. Chúng ta cũng biết rằng có một số nguồn cao hơn của các Cung này. Có lẽ chúng có các nguồn phát xạ trong Mặt trời Tinh thần Trung Ương và cũng, như chúng ta đã được dạy, trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh. Các Nguồn đích thực của chúng còn nằm vượt ra ngoài Đại Hùng Tinh.

250. Let us tabulate the names of these seven Beings Who represent the Vishnu aspect of the Solar Logos.

250. Chúng ta hãy lập bảng các danh xưng của bảy Hữu thể này, những vị đại diện cho phương diện Vishnu của Thái dương Thượng đế.

a. Sevenfold solar fire

a. Lửa Thái dương thất phân

b. Seven Heavenly Men

b. Bảy Đấng Thiên Nhân

c. The sumtotal of Light

c. Tổng thể của Ánh sáng

d. The seven Rays of manifestation of the Spiritual Sun

d. Bảy cung biểu hiện của Mặt Trời Tinh thần

e. The seven Rays of Light

e. Bảy Cung của Ánh sáng

In time and space these seven Rays of Light become the nine (the major three, with the third demonstrating as seven) and are thus esoterically the nine petals of the logoic Ego as He manifests in His physical vehicle.

Trong thời gian và không gian, bảy Cung của Ánh sáng này trở thành chín (ba cung chính, với cung thứ ba biểu lộ thành bảy) và do đó một cách huyền bí là chín cánh hoa của chân ngã logoi khi Ngài biểu hiện trong vận cụ hồng trần của Ngài.

251. If we reference Chart VI, TCF 373, we shall see the nine here discussed. Each one of the planetary schemes depicted is an expression of one of the seven or nine Rays of Light.

251. Nếu chúng ta tham chiếu Biểu đồ VI, TCF 373, chúng ta sẽ thấy số chín được bàn đến ở đây. Mỗi một hệ hành tinh được mô tả là một biểu hiện của một trong bảy hay chín Cung của Ánh sáng.

252. Nine is the number of the third ray. This ray is particularly related to physical manifestation—in this case *cosmic* physical manifestation.

252. Chín là con số của cung ba. Cung này đặc biệt liên hệ với sự biểu hiện hồng trần—trong trường hợp này là sự biểu hiện hồng trần *vũ trụ*.

253. The Rays of Light are clearly expressions of the nine petals of the logoic Ego. For our purposes, they are to be understood primarily as they manifest in the physical vehicle of the Solar Logos. This physical vehicle (consisting of both its etheric and dense physical parts) is located on the cosmic physical plane.

253. Các Cung của Ánh sáng rõ ràng là những biểu hiện của chín cánh hoa của chân ngã logoi. Đối với mục đích của chúng ta, chúng phải được hiểu chủ yếu như chúng biểu hiện trong vận cụ hồng trần của Thái dương Thượng đế. Vận cụ hồng trần này (bao gồm cả phần dĩ thái lẫn phần hồng trần đậm đặc) nằm trên cõi hồng trần vũ trụ.

They are esoterically the “Sons of Light.”

Các vị ấy một cách huyền bí là “Các Con của Ánh sáng.”

254. The “Sons of Light” are the mind-born Sons of Brahma, the Prajapatis. They are also known as the Planetary Logoi.

254. “Các Con của Ánh sáng” là các Con sinh ra từ trí tuệ của Brahma, các Prajapati. Các vị ấy cũng được biết đến như các Hành Tinh Thượng Đế.

Sevenfold fire by friction. The seven brothers of Fohat. The seven manifestations of electricity, or of electrical phenomena. These are the seven Raja-Lords or Devas of the seven planes; they are the seven Fires, or those seven states of activity through which consciousness is expressing itself. They are the vehicles of consciousness and the seven

Lửa ma sát thất phân. Bảy huynh đệ của Fohat. Bảy biểu hiện của điện, hay của các hiện tượng điện. Đây là bảy Raja-Lords hay thiên thần của bảy cõi; các vị ấy là bảy Lửa, hay bảy trạng thái hoạt động mà qua đó tâm thức đang biểu lộ chính nó. Các vị ấy là các vận cụ của tâm thức và là bảy rung động. Các

vibrations. They are esoterically the "Brothers of energy."

vị ấy một cách huyền bí là "Các Huynh Đệ của năng lượng."

255. The "seven brothers of Fohat" are connected especially with the cosmic physical plane. They are the Raja Deva Lords of the seven systemic planes.

255. "Bảy huynh đệ của Fohat" đặc biệt liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ. Các vị ấy là các Chúa Tể Raja Deva của bảy cõi của hệ thống.

256. Let us look at some of their names:

256. Chúng ta hãy xem một số danh xưng của các vị ấy:

a. Sevenfold Fire by Friction

a. Lửa ma sát thất phân

b. Seven "Brothers of Fohat"

b. Bảy "Huynh đệ của Fohat"

c. Seven manifestations of electricity or of electrical phenomena

c. Bảy biểu hiện của điện hay của các hiện tượng điện

d. The Raja Deva Lords of the seven systemic planes

d. Các Chúa Tể Raja Deva của bảy cõi của hệ thống

e. Seven Fires

e. Bảy Lửa

f. Seven states of activity through which consciousness is expressing itself

f. Bảy trạng thái hoạt động mà qua đó tâm thức đang biểu lộ chính nó

g. Vehicles of consciousness of the seven vibrations

g. Các vận cụ của tâm thức của bảy rung động

h. "Brothers of energy"

h. "Các Huynh Đệ của năng lượng"

257. How shall we consider Fohat? Is He not equivalent to Agni considered as the personality of the Solar Logos? If so, the range of expression of the "seven brothers of Fohat" (or also the 'seven sons of Fohat') must be higher than only the cosmic physical plane (though this plane is the principal focus of our present thought).

257. Chúng ta nên xem Fohat như thế nào? Chẳng phải Ngài tương đương với Agni được xét như phàm ngã của Thái dương Thượng đế sao? Nếu vậy, phạm vi biểu lộ của "bảy huynh đệ của Fohat" (hay cũng là "bảy con của Fohat") phải cao hơn chỉ riêng cõi hồng trần vũ trụ (dù cõi này là tiêu điểm chính của tư tưởng hiện tại của chúng ta).

Therefore it will be apparent that the sumtotal of logoic manifestation as it can be seen in existence in time and space is:

Seven Spirits.....sevenfold will.

Seven Rays.....sevenfold quality or psyche.

Seven Deva Lords.....sevenfold form.

258. What is the realm of time and space? Different reasonable answers might be as follows:

a. The realm of humanity's physical brain consciousness

b. The eighteen lower subplanes

c. The entire cosmic physical plane

d. The lower eighteen cosmic subplanes

259. DK seems largely to be confining His focus to the cosmic physical plane even though the origin of the Energies and Entities He is discussing is obviously higher than the cosmic physical plane.

260. From one perspective, the Seven Deva Lords, the Seven Rays and the Seven Spirits are all to be understood in relation to the cosmic physical plane and yet, if we do not consider still higher cosmic planes, we shall never be able to trace the true origin of these Entities.

261. From a higher perspective, while the Seven Raja Deva Lords are to be understood in relation to the cosmic physical plane, the

Do đó, sẽ hiển nhiên rằng tổng thể sự biểu hiện logoi như nó có thể được thấy là hiện hữu trong thời gian và không gian là:

Bảy Thánh Linh.....ý chí thất phân.

Bảy Cung.....phẩm tính hay tâm thức thất phân.

Bảy Chúa Tể Deva.....hình tướng thất phân.

258. Cõi của thời gian và không gian là gì? Những câu trả lời hợp lý khác nhau có thể như sau:

a. Cõi tâm thức bộ não hồng trần của nhân loại

b. Mười tám cõi phụ thấp

c. Toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ

d. Mười tám cõi phụ vũ trụ thấp

259. Dường như Chân sư DK phần lớn đang giới hạn trọng tâm của Ngài vào cõi hồng trần vũ trụ, mặc dù nguồn gốc của các Năng Lượng và các Thực Thể mà Ngài đang bàn đến hiển nhiên cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

260. Từ một góc nhìn, Bảy Đấng Chúa Tể Deva, Bảy cung và Bảy Thánh Linh đều phải được hiểu trong liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ; tuy nhiên, nếu chúng ta không xét đến các cõi vũ trụ còn cao hơn nữa, chúng ta sẽ không bao giờ có thể truy nguyên nguồn gốc đích thực của các Thực Thể này.

261. Từ một góc nhìn cao hơn, trong khi Bảy Đấng Chúa Tể Raja Deva phải được hiểu trong liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ, thì Bảy

Seven Rays and the Seven Spirits have a definitely higher focus *as well as* Their focus on the cosmic physical plane. The Monads of all three types of these Beings must certainly be located on cosmic planes higher than the cosmic physical plane.

cung và Bảy Thánh Linh có một tiêu điểm rõ ràng cao hơn *cũng như* tiêu điểm của Các Ngài trên cõi hồng trần vũ trụ. Các chân thần của cả ba loại Hữu Thể này chắc chắn phải tọa lạc trên những cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

262. We recall that the Seven Rays are expressions of the ninefold logoic causal body and that the Seven Spirits are expressions of the logoic Jewel in the Lotus (both in its causal and its monadic 'locations').

262. Chúng ta nhớ rằng Bảy cung là những biểu hiện của thể nguyên nhân logoic cửu phân và Bảy Thánh Linh là những biểu hiện của Ngọc Châu trong Hoa Sen logoic (cả trong các "vị trí" nguyên nhân lẫn chân thần của nó).

The latter are literally the seven spirillae, or force vibrations within the logoic physical permanent atom. This needs to be carefully borne in mind and pondered upon.

Những Đấng sau này theo nghĩa đen là bảy loa tuyến, hay những rung động mãnh lực bên trong nguyên tử trường tồn hồng trần logoic. Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận và suy gẫm.

263. Here we have an idea of profound importance—that the seven Raja Deva Lords are really spirillae "within the logoic physical permanent atom".

263. Ở đây chúng ta có một ý tưởng vô cùng quan trọng—rằng bảy Đấng Chúa Tể Raja Deva thực sự là các loa tuyến "bên trong nguyên tử trường tồn hồng trần logoic".

264. We must put this idea together with the thought that "Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom". (TCF 406)

264. Chúng ta phải đặt ý tưởng này cùng với tư tưởng rằng "Sao Thổ thật ra là đối phần với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic". (TCF 406)

265. The two ideas are not easy to unite. We might say that while Saturn is the *correspondence* to the logoic physical permanent atom, it is *not the* logoic physical permanent atom. That logoic physical permanent atom seems to have a systemic extension far greater than that of Saturn for the Raja Deva Lords are found everywhere without our solar system and are not confined to a particular systemic location or orbit.

265. Hai ý tưởng này không dễ hợp nhất. Chúng ta có thể nói rằng trong khi Sao Thổ là *đối phần* với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic, thì nó *không phải là* nguyên tử trường tồn hồng trần logoic. Nguyên tử trường tồn hồng trần logoic ấy dường như có một sự mở rộng hệ thống lớn hơn nhiều so với Sao Thổ, vì các Đấng Chúa Tể Raja Deva hiện diện khắp nơi trong hệ mặt trời của chúng ta và không bị giới hạn vào một vị trí hay quỹ đạo hệ thống riêng biệt nào.

266. What we have to grasp is that the Raja Deva Lords are at once logoic spirillae and vibrations.

266. Điều chúng ta phải nắm bắt là các Đấng Chúa Tể Raja Deva đồng thời vừa là các loa tuyến logoic vừa là các rung động.

The seven Rays are the sumtotal of the psychic nature of the Logos, as it radiates through His physical form—His seven qualities, the aggregate of the expression of His desire, or love nature.

Bảy cung là tổng thể của bản chất thông linh của Thượng đế, khi nó bức xạ qua hình tướng hồng trần của Ngài—bảy phẩm tính của Ngài, tổng hợp của sự biểu lộ bản chất dục vọng, hay bản chất bác ái của Ngài.

267. The "seven Rays" are psychic in nature. Here They are related to the physical form of the Solar Logos, but They express His desire or love nature.

267. "Bảy cung" có bản chất thông linh. Ở đây Các Ngài được liên hệ với hình tướng hồng trần của Thái dương Thượng đế, nhưng Các Ngài biểu lộ bản chất dục vọng hay bản chất bác ái của Ngài.

268. It seems reasonable to think that 'above' the Logos' physical form (which is found on the cosmic physical plane) these Rays would still be called "Rays" and would still have a psychic and qualitative effect—for instance on the logoic astral body (on the cosmic astral plane) and on the logoic mental body on the logoic mental plane.

268. Có vẻ hợp lý khi nghĩ rằng 'bên trên' hình tướng hồng trần của Thượng đế (vốn được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ), các cung này vẫn sẽ được gọi là "cung" và vẫn sẽ có một tác động thông linh và phẩm tính—chẳng hạn trên thể cảm dục logoic (trên cõi cảm dục vũ trụ) và trên thể trí logoic ở cõi trí logoic.

269. While this may be the case, we are confining our consideration primarily to the cosmic physical plane.

269. Mặc dù có thể là như vậy, chúng ta chủ yếu đang giới hạn sự xem xét của mình vào cõi hồng trần vũ trụ.

The seven Spirits are the sumtotal of His Will-to-be aspect, the synthetic Life of His total manifestation, that which causes the persistence [Page 630] of the form, and its evolution for as long as the logoic Ego seeks physical existence.

Bảy Thánh Linh là tổng thể của phương diện Ý Chí-hiện hữu của Ngài, Sự sống tổng hợp của toàn bộ sự biểu hiện của Ngài, điều gây ra sự bền tồn [Page 630] của hình tướng, và sự tiến hoá của nó chừng nào Chân ngã logoic còn tìm kiếm sự hiện hữu hồng trần.

270. The true plane of the "seven Spirits" is obviously not the cosmic physical plane. We are, however, speaking of the *effect* of these Spirits on the cosmic physical plane, causing the "persistence of the form, and its

270. Cõi đích thực của "bảy Thánh Linh" hiển nhiên không phải là cõi hồng trần vũ trụ. Tuy nhiên, chúng ta đang nói về *tác động* của các Thánh Linh này trên cõi hồng trần vũ trụ, gây ra "sự bền tồn của hình tướng, và sự tiến hoá của nó chừng nào Chân

evolution for as long as the logoic Ego seeks physical existence".

ngã logoic còn tìm kiếm sự hiện hữu hồng trần".

271. Upon what cosmic plane is the cosmic "Will-to-be" found? If we are considering the "Will-to-be" in cosmic *physical* manifestation then the cosmic "Will-to-be" emanates from the plane of the solar logoic Ego (the cosmic higher mental plane).

271. Ý Chí-hiện hữu vũ trụ được tìm thấy trên cõi vũ trụ nào? Nếu chúng ta đang xét Ý Chí-hiện hữu trong sự biểu hiện *hồng trần* vũ trụ, thì Ý Chí-hiện hữu vũ trụ phát xuất từ cõi của Chân ngã thái dương logoic (cõi thượng trí vũ trụ).

272. If we are considering the "Will-to-be" as impulsing both cosmic egoic and cosmic triadal expressions, then it will emanate from the cosmic monadic plane.

272. Nếu chúng ta đang xét Ý Chí-hiện hữu như đang thúc đẩy cả những biểu hiện chân ngã vũ trụ lẫn tam nguyên tinh thần vũ trụ, thì nó sẽ phát xuất từ cõi chân thần vũ trụ.

273. But it must be born in mind that during this second ray solar system, it is unlikely that anything like pure solar logoic Will can be expressed or experienced. Thus, for practical purposes, the solar logoic "Will-to-be" should be considered as emanating from the cosmic higher mental plane on which the logoic Ego can be found.

273. Nhưng phải ghi nhớ rằng trong hệ mặt trời cung hai này, khó có khả năng bất cứ điều gì giống như Ý Chí thuần túy của thái dương logoic có thể được biểu lộ hay được kinh nghiệm. Vì vậy, trên thực tế, "Ý Chí-hiện hữu" của thái dương logoic nên được xem là phát xuất từ cõi thượng trí vũ trụ, nơi có thể tìm thấy Chân ngã logoic.

To carry the simile, or analogy, even further back and thus bear in mind the resemblance between microcosmic and macrocosmic development we have:

Để tiếp tục phép so sánh, hay phép loại suy, lùi xa hơn nữa và như thế ghi nhớ sự tương tự giữa sự phát triển của tiểu thiên địa và đại thiên địa, chúng ta có:

1. The seven Spirits who find Their originating incentive on:

1. Bảy Thánh Linh tìm thấy động lực khởi nguyên của Các Ngài trên:

a. The cosmic lower mental levels.

a. Các cấp độ hạ trí vũ trụ.

b. The logoic "Jewel in the Lotus."

b. "Ngọc Châu trong Hoa Sen" logoic.

c. The cosmic atmic plane.

c. Cõi atma vũ trụ.

274. DK now shows definitely that it is legitimate to think of the originating incentive of the seven Spirits on planes higher than the cosmic lower mental plane

274. Giờ đây Chân sư DK cho thấy rõ ràng rằng thật chính đáng khi nghĩ về động lực khởi nguyên của bảy Thánh Linh trên những

(i.e., within the mind nature of cosmic Agni).

275. If we were to be entirely accurate, we would carry the incentive back to the cosmic monadic plane. Chart VII on TCF 817 shows that whatever emanates from the atmic permanent atom is directly related to the highest aspect of the human Monad. We can extend the analogy, imagining that the cosmic atmic plane is directly connected to the cosmic monadic plane.

2. The seven Heavenly Men are in the line of force from:

a. The cosmic astral plane.

b. The logoic nine-petalled lotus.

c. The cosmic buddhic plane (the seven Rishis of the Great Bear).

276. Again as is suggested in the Chart V, TCF 344, the "seven Rishis of the Great Bear" are associated with the cosmic buddhic plane, and yet on TCF 1162, the true plane of the seven Rishis is hinted as the cosmic atmic plane, for it is the Pleiades (presumably seven or nine of them) that are given as representatives of cosmic buddhi.

277. It is interesting and important to realize that a stream of energy has a number of *sources,* each higher than the next. We cannot reasonably imagine that the highest of the sources here listed is the ultimate source.

3. The seven Sons of Fohat find their vital force emanating from:

cõi cao hơn cõi hạ trí vũ trụ (tức là, bên trong bản chất trí tuệ của Agni vũ trụ).

275. Nếu chúng ta hoàn toàn chính xác, chúng ta sẽ truy ngược động lực ấy về cõi chân thần vũ trụ. Biểu đồ VII ở TCF 817 cho thấy rằng bất cứ điều gì phát xuất từ nguyên tử trường tồn atma đều liên hệ trực tiếp với phương diện cao nhất của chân thần con người. Chúng ta có thể mở rộng phép loại suy, hình dung rằng cõi atma vũ trụ được nối kết trực tiếp với cõi chân thần vũ trụ.

2. Bảy Đấng Thiên Nhân nằm trong tuyến mãnh lực từ:

a. Cõi cảm dục vũ trụ.

b. Hoa sen cửu cánh logoic.

c. Cõi Bồ đề vũ trụ (bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh).

276. Một lần nữa, như được gợi ý trong Biểu đồ V, TCF 344, "bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh" được liên kết với cõi Bồ đề vũ trụ; tuy nhiên ở TCF 1162, cõi đích thực của bảy Đấng Rishi được ám chỉ là cõi atma vũ trụ, vì chính Pleiades (có lẽ là bảy hay chín ngôi) được nêu ra như những đại diện của Bồ đề vũ trụ.

277. Thật thú vị và quan trọng khi nhận ra rằng một dòng năng lượng có một số *nguồn*, mỗi nguồn lại cao hơn nguồn kế tiếp. Chúng ta không thể hợp lý mà tưởng tượng rằng nguồn cao nhất được liệt kê ở đây là nguồn tối hậu.

3. Bảy Con của Fohat tìm thấy mãnh lực sinh động của mình phát xuất từ:

a. The cosmic physical plane.

b. The logoic permanent atoms (within the causal body).

c. The cosmic higher mental levels.

278. The very sources for these energies which seemed to be implied in the foregoing pages are at last given *explicitly*, though probably not completely.

279. We now see that although the expression of the "seven Sons of Fohat" on the cosmic physical plane is the main focus of the foregoing pages, the origin of these energies is much higher, including the logoic permanent atoms (the cosmic physical permanent atom, the cosmic astral permanent atom and the logoic mental unit) and also, presumably, the manasic permanent atom on the higher cosmic mental plane—an aspect of the logoic spiritual triad (which seems to be implicated in the descent).

280. *Apparently*, the "seven Sons of Fohat" have sources that rise no higher than the manasic nature of the Solar Logos. Given, however, that Cosmic Brahma extends all the way to the cosmic atmic plane, and that atma is *intelligence* as well as will, we may be justified in tracing the source of "seven Sons of Fohat" to that cosmic plane on which cosmic Brahma is most fully represented—the cosmic atmic plane.

Yet these three are but the expressions of One Existence, for behind the Logos in physical incarnation is to be found the logoic

a. Cõi hồng trần vũ trụ.

b. Các nguyên tử trường tồn logoic (bên trong thể nguyên nhân).

c. Các cấp độ thượng trí vũ trụ.

278. Những nguồn gốc đích thực của các năng lượng này, vốn dường như được hàm ý trong các trang trước, cuối cùng đã được nêu ra *một cách minh nhiên*, dù có lẽ chưa hoàn toàn.

279. Giờ đây chúng ta thấy rằng mặc dù sự biểu lộ của "bảy Con của Fohat" trên cõi hồng trần vũ trụ là trọng tâm chính của các trang trước, nguồn gốc của các năng lượng này cao hơn nhiều, bao gồm các nguyên tử trường tồn logoic (nguyên tử trường tồn hồng trần vũ trụ, nguyên tử trường tồn cảm dục vũ trụ và đơn vị hạ trí logoic) và cũng, có lẽ, nguyên tử trường tồn manas trên cõi thượng trí vũ trụ—một phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần logoic (dường như có liên can trong sự giáng hạ).

280. *Dường như*, "bảy Con của Fohat" có những nguồn không vươn cao hơn bản chất manas của Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, vì Brahma Vũ Trụ kéo dài đến tận cõi atma vũ trụ, và atma là *trí tuệ* cũng như ý chí, nên chúng ta có thể có lý khi truy nguyên nguồn của "bảy Con của Fohat" đến cõi vũ trụ mà trên đó Brahma Vũ Trụ được biểu hiện đầy đủ nhất—cõi atma vũ trụ.

Tuy nhiên, ba điều này chỉ là những biểu hiện của Một Hiện Hữu, vì đằng sau Thượng đế đang lâm phàm hồng trần có thể tìm thấy chân thần logoic, tự biểu lộ qua Chân ngã

Monad, expressing Itself through the logoic Ego, and its reflection, the logoic Personality.

281. While taking pains to carefully differentiate one aspect from another, the Tibetan always closes such a discussion on note of unity. The factors which has been differentiated are yet, essentially, all expressions of One Existence.

282. Here we see DK having recourse to the ultimate logoic Trinity—the logoic Monad, the logoic Ego and the logoic Personality. There are, as previously stated, a number of logoic Trinities, the lesser of them contained within the greater.

All these spiritual Essences are individualised self-conscious Identities, and the "Fiery Lives" are real, and conscious, vital Existences. Thus we see the Logos manifesting as One Unity yet Three in One; we see the threefold Unity differentiating into the seven great Lives, containing within Themselves all lesser lives.

283. Here is a synthetic statement. DK speaks of the Great Existences as real, individualized, self-conscious "Fiery Lives".

284. The differentiation proceeds from the One to the Three and,thence, to the Seven—every member of the Three differentiating into a Seven, just as the One differentiated into a Three.

285. DK affirms the reality of the logoic Trinity and yet its essential oneness.

logoic, và sự phản chiếu của nó, Phàm ngã logoic.

281. Trong khi cẩn trọng phân biệt phương diện này với phương diện khác, Chân sư Tây Tạng luôn kết thúc một cuộc thảo luận như thế trên nốt hợp nhất. Những yếu tố đã được phân biệt ấy, về bản chất, vẫn đều là những biểu hiện của Một Hiện Hữu.

282. Ở đây chúng ta thấy Chân sư DK viện đến Tam Vị logoic tối hậu—chân thần logoic, Chân ngã logoic và Phàm ngã logoic. Như đã nói trước đây, có một số Tam Vị logoic, những tam vị nhỏ hơn được chứa trong tam vị lớn hơn.

Tất cả những Tinh Túy tinh thần này đều là những Bản Sắc hữu thức-ngã đã được biệt ngã hóa, và các "Sự Sống Rực Lửa" là những Hiện Hữu sống động, có thực và có tâm thức. Như vậy chúng ta thấy Thượng đế biểu lộ như Một Hợp Nhất nhưng Ba trong Một; chúng ta thấy Hợp Nhất tam phân phân hoá thành bảy Sự Sống vĩ đại, chứa trong Chính Các Ngài mọi sự sống nhỏ hơn.

283. Đây là một phát biểu tổng hợp. Chân sư DK nói về các Hiện Hữu Vĩ Đại như những "Sự Sống Rực Lửa" có thực, đã được biệt ngã hóa và hữu thức-ngã.

284. Sự phân hoá tiến từ Một đến Ba và từ đó đến Bảy—mỗi thành viên của Bộ Ba phân hoá thành một Bảy, cũng như Một đã phân hoá thành một Ba.

285. Chân sư DK khẳng định tính có thực của Tam Vị logoic, nhưng đồng thời cũng khẳng định tính nhất thể cốt yếu của nó.

286. All the lives in our solar system are contained within the One Existence, its threefold differentiation, and the twenty-one fold differentiation arising from the Three.

286. Mọi sự sống trong hệ mặt trời của chúng ta đều được chứa trong Một Hiện Hữu, trong sự phân hoá tam phân của nó, và trong sự phân hoá hai mươi mốt phần phát sinh từ Bộ Ba.

287. Truly the great "Fiery Lives" are within us (as human beings) tiny though we are. In fact, we *are,* in essence, those very Fiery Lives. Can we in any way *feel* this?

287. Quả thật các "Sự Sống Rực Lửa" vĩ đại ở bên trong chúng ta (với tư cách những con người), dù chúng ta nhỏ bé đến đâu. Thật ra, về bản chất, chúng ta *chính là* những Sự Sống Rực Lửa ấy. Liệu chúng ta có thể bằng cách nào đó *cảm nhận* được điều này không?

Another broad differentiation must next be touched upon:

Tiếp theo phải đề cập đến một sự phân hoá rộng lớn khác:

288. DK proceeds with still further differentiations, for the "seven Fires" are each to be differentiated into forty-nine.

288. Chân sư DK tiếp tục với những sự phân hoá sâu hơn nữa, vì "bảy Lửa" mỗi cái đều phải được phân hoá thành bốn mươi chín.

[Page 631]

[Page 631]

a. The seven Fires form the forty-nine Fires.

a. Bảy Lửa tạo thành bốn mươi chín Lửa.

289. From the perspective above the cosmic physical plane, the forty-nine fires would each of them be associated with one of the forty-nine systemic subplanes of the cosmic physical plane.

289. Từ góc nhìn bên trên cõi hồng trần vũ trụ, bốn mươi chín lửa này mỗi cái sẽ được liên kết với một trong bốn mươi chín cõi phụ hệ thống của cõi hồng trần vũ trụ.

b. The seven Heavenly Men manifest through forty-nine lesser Rays.

b. Bảy Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua bốn mươi chín cung nhỏ hơn.

290. Each of these forty-nine lesser rays is to be considered as a subray of one of the major seven Rays.

290. Mỗi một trong bốn mươi chín cung nhỏ hơn này phải được xem là một cung phụ của một trong bảy cung chính.

c. The seven Spirits shew forth as forty-nine Existences.

c. Bảy Thánh Linh hiển lộ thành bốn mươi chín Hiện Hữu.

291. When DK uses the term “Existences” it is usually always to denote a Being of considerable stature.

291. Khi Chân sư DK dùng thuật ngữ “Hiện Hữu”, hầu như luôn luôn là để chỉ một Hữu Thể có tầm vóc đáng kể.

292. Another way of looking at the forty-nine Existences, is as monadic subrays of the seven major monadic types. Although, ultimately, there are only three principal monadic rays, from the planetary logoic standpoint there are seven monadic rays to be expressed. Each of these seven can, apparently, have seven subrays, though usually only the subrays of the three principal monadic rays are emphasized. (cf. TCF 176)

292. Một cách khác để nhìn bốn mươi chín Hiện Hữu là xem chúng như các cung phụ chân thần của bảy loại chân thần chính. Mặc dù rốt cuộc chỉ có ba cung chân thần chủ yếu, nhưng từ quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế thì có bảy cung chân thần cần được biểu lộ. Mỗi một trong bảy cung này, dường như, có thể có bảy cung phụ, dù thông thường chỉ các cung phụ của ba cung chân thần chủ yếu được nhấn mạnh. (xem TCF 176)

In connection with the Spirit aspect it will prove unprofitable to carry the thought any further. Of Spirit per se we can know nothing, and beyond predicating the forty-nine[5] solar Manus (each of the Heavenly Men is expressing Himself on the physical plane through seven Manus) it is impossible to go.

Liên quan đến phương diện tinh thần, sẽ không có ích gì nếu mang tư tưởng này đi xa hơn nữa. Về tinh thần chính nó, chúng ta không thể biết gì, và ngoài việc khẳng định bốn mươi chín5 Đức Manu thái dương (mỗi Đấng Thiên Nhân đang biểu lộ chính Ngài trên cõi hồng trần qua bảy Đức Manu) thì không thể đi xa hơn được.

293. The Manus through which each Heavenly Man expresses Himself is considered a solar being.

293. Các Đức Manu mà qua đó mỗi Đấng Thiên Nhân biểu lộ chính Ngài được xem là một hữu thể thái dương.

294. A Manu is typically at least a sixth degree initiate and thus a direct expression of a Monad. Each of the seven Manus is not only a human Monad in expression, but is a differentiated expression of the Monad of a particular Heavenly Man.

294. Một Đức Manu thường ít nhất là một điểm đạo đồ cấp sáu và do đó là một biểu hiện trực tiếp của một chân thần. Mỗi một trong bảy Đức Manu không chỉ là một chân thần nhân loại đang biểu lộ, mà còn là một biểu hiện phân hoá của chân thần của một Đấng Thiên Nhân đặc thù.

295. Since we are speaking of Manus expressing on the physical plane we are probably speaking of Manus associated with rootraces.

295. Vì chúng ta đang nói về các Đức Manu biểu lộ trên cõi hồng trần, nên có lẽ chúng ta đang nói về các Đức Manu liên kết với các giống dân gốc.

296. DK advises that we can carry this speculation no further. We do see that sevenfold differentiations apply not only to the "seven Rays" as qualitative and psychic emanations, but also to the Spirit aspect.

296. Chân sư DK khuyên rằng chúng ta không thể đưa sự suy đoán này đi xa hơn nữa. Chúng ta thấy rằng các sự phân hoá thất phân không chỉ áp dụng cho "bảy cung" như những phát xạ phẩm tính và thông linh, mà còn áp dụng cho cả phương diện tinh thần.

FOOTNOTE 5:

The forty-nine Manus. They are the patrons or guardians of the race cycles in a manvantara, or Day of Brahma. There are seven races in a world period, and there are seven world periods.

CHÚ THÍCH 5:

Bốn mươi chín Đức Manu. Các Ngài là những vị bảo trợ hay hộ trì cho các chu kỳ nhân loại trong một giai kỳ sinh hóa, hay một Ngày của Brahma. Có bảy nhân loại trong một thời kỳ thế giới, và có bảy thời kỳ thế giới.

297. Each of the forty-nine solar Manus can be related to a planetary logoic chain. There are also lesser Manus related to each globe. There are still lesser Manus related to the rootraces. It may be that the lesser of such Manus are to be considered as overshadowed by greater Manus who Whom they correspond. Perhaps, when dealing with the highest type of Manus, the phenomenon of being mind-born may come to apply.

297. Mỗi một trong bốn mươi chín Đức Manu thái dương có thể được liên hệ với một dãy của Hành Tinh Thượng Đế. Cũng có những Đức Manu nhỏ hơn liên hệ với mỗi bầu hành tinh. Lại còn có những Đức Manu nhỏ hơn nữa liên hệ với các giống dân gốc. Có thể những Đức Manu nhỏ hơn như thế phải được xem là được phủ bóng bởi những Đức Manu lớn hơn mà Các Ngài tương ứng. Có lẽ, khi bàn đến loại Đức Manu cao nhất, hiện tượng được sinh ra từ trí tuệ có thể được áp dụng.

298. A manvantara (in this context) is one seventh of world period or that portion of a round (manvantara) which passes through a particular globe.

298. Một giai kỳ sinh hóa (trong ngữ cảnh này) là một phần bảy của một thời kỳ thế giới, hay phần của một cuộc tuần hoàn (giai kỳ sinh hóa) đi qua một bầu hành tinh đặc thù.

299. From a higher perspective, a world period can be considered a chain period in relation to a scheme round. Such a world period would be one seventh of a complete scheme round or that portion of a scheme round which passes through a particular chain within a planetary scheme.

299. Từ một góc nhìn cao hơn, một thời kỳ thế giới có thể được xem là một thời kỳ dãy trong liên hệ với một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh. Một thời kỳ thế giới như thế sẽ là một phần bảy của một cuộc tuần hoàn hoàn chỉnh của hệ hành tinh, hay phần của một cuộc tuần hoàn hệ hành tinh đi qua một dãy đặc thù trong một hệ hành tinh.

Therefore, in discussing these abstract questions, we will concern ourselves only with the seven Rays of Light, or Heavenly Men, and the seven Fires.

Vì vậy, khi bàn về những vấn đề trừu tượng này, chúng ta sẽ chỉ quan tâm đến bảy Cung Ánh Sáng, hay Bảy Đấng Thiên Nhân, và bảy Lửa.

300. We are confining ourselves to a discussion of the second and third aspects, leaving the first aspect temporarily to the side.

300. Chúng ta đang giới hạn mình vào việc bàn về phương diện thứ hai và thứ ba, tạm thời để phương diện thứ nhất sang một bên.

Each of the seven Rays of Light differentiates into seven making the forty-nine aspects of the logoic psychic nature, as it shews itself on the cosmic physical plane, and each of the seven Fires manifests as seven lesser Fires, making the forty-nine Fires referred to by H. P. B. *in the Secret Doctrine*.[6] [See S. D., I, 567.]

Mỗi một trong bảy Cung Ánh Sáng phân hoá thành bảy, tạo nên bốn mươi chín phương diện của bản chất thông linh logoic, như nó hiển lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, và mỗi một trong bảy Lửa biểu lộ thành bảy Lửa nhỏ hơn, tạo nên bốn mươi chín Lửa được H. P. B. nhắc đến *trong Giáo Lý Bí Nhiệm*.6 [Xem S. D., I, 567.]

301. Again our attention is drawn to the cosmic physical plane and the forty-ninefold differentiations of energy upon that plane.

301. Một lần nữa sự chú ý của chúng ta được hướng về cõi hồng trần vũ trụ và những sự phân hoá bốn mươi chín phần của năng lượng trên cõi ấy.

302. The forty-nine aspects of the logoic psychic nature are forty-nine modes of consciousness, or forty nine subrays.

302. Bốn mươi chín phương diện của bản chất thông linh logoic là bốn mươi chín phương thức tâm thức, hay bốn mươi chín cung phụ.

303. The forty nine Fires are forty-nine modes of activity on the cosmic physical plane.

303. Bốn mươi chín Lửa là bốn mươi chín phương thức hoạt động trên cõi hồng trần vũ trụ.

The seven Heavenly Men manifest each through seven lesser Entities, Who form the psychic centres in Their body

Bảy Đấng Thiên Nhân mỗi Đấng biểu lộ qua bảy Thực Thể nhỏ hơn, các Đấng này tạo thành những trung tâm thông linh trong thể của Các Ngài

304. Such lesser Entities can be considered as Chain Lords Who are qualitatively different from each other and have differing modes and scopes of consciousness.

304. Những Thực Thể nhỏ hơn như thế có thể được xem là các Chúa Tể Dãy, những Đấng khác nhau về phẩm tính và có những phương thức cũng như phạm vi tâm thức khác nhau.

in the same manner as They—in Their turn —form the psychic centres in the logoic vahan or vehicle.

cũng theo cùng cách mà đến lượt Các Ngài tạo thành những trung tâm thông linh trong vahan hay vận cụ logoic.

305. The Seven Heavenly Men are psychic centers in the logoic vehicle. The logoic consciousness is qualitatively sevenfold. The consciousness of each of the Seven Heavenly Men is also sevenfold.

305. Bảy Đấng Thiên Nhân là những trung tâm thông linh trong vận cụ logoic. Tâm thức logoic có tính thất phân về phẩm tính. Tâm thức của mỗi một trong Bảy Đấng Thiên Nhân cũng là thất phân.

306. We can see that, taking into account all differentiations, the solar logoic consciousness is essentially forty-nine fold, though when lesser differentiations are admitted the differentiations of consciousness become far more complex.

306. Chúng ta có thể thấy rằng, nếu tính đến mọi sự phân hoá, tâm thức thái dương logoic về bản chất là bốn mươi chín phần, dù khi chấp nhận những sự phân hoá nhỏ hơn thì các sự phân hoá của tâm thức trở nên phức tạp hơn rất nhiều.

307. Psychic centers (according to their qualitative nature) are centers of conditioned consciousness. The *one* solar logoic consciousness is qualified and limited through each of its major seven and minor forty-nine psychic centers. After these major differentiations, the differentiations of solar logoic consciousness become multitudinous.

307. Các trung tâm thông linh (theo bản chất phẩm tính của chúng) là những trung tâm của tâm thức đã được tác động. Tâm thức thái dương logoic *duy nhất* được định tính và giới hạn qua mỗi một trong bảy trung tâm thông linh lớn và bốn mươi chín trung tâm thông linh nhỏ của nó. Sau những sự phân hoá lớn này, các sự phân hoá của tâm thức thái dương logoic trở nên vô số.

Each of the seven Fires, or Deva Lords, of a plane manifest through seven lesser devas, who form the central fire, and consciousness of the substance of a subplane.

Mỗi một trong bảy Lửa, hay các Đấng Chúa Tể Deva, của một cõi biểu lộ qua bảy thiên thần nhỏ hơn, các vị này tạo thành lửa trung

tâm, và tâm thức của chất liệu của một cõi phụ.

308. We are given the structure of the seven major systemic planes and seven subplanes associated with each of the seven systemic planes.

308. Chúng ta được cho biết cấu trúc của bảy cõi hệ thống chính và bảy cõi phụ gắn liền với mỗi một trong bảy cõi hệ thống.

It is with their mutual interplay and work that we are now concerned, or with the study of matter as it is affected and built into form through the medium of Divine Thought or Will.

Chính sự tương tác hỗ tương và công việc của các vị ấy là điều chúng ta hiện đang quan tâm, hay là việc nghiên cứu vật chất khi nó bị tác động và được xây dựng thành hình tướng qua trung gian của Tư Tưởng hay Ý Chí thiêng liêng.

309. The interplay of matter and consciousness is our concern.

309. Sự tương tác giữa vật chất và tâm thức là điều chúng ta quan tâm.

310. We note that Will is not left out of the picture as (in our solar system) it is 'contained' within the second aspect.

310. Chúng ta lưu ý rằng Ý Chí không bị loại ra khỏi bức tranh, vì (trong hệ mặt trời của chúng ta) nó được "chứa" bên trong phương diện thứ hai.

Of the higher Fires (the Lords of the four higher planes) I do not seek to deal, for it only profits us to [Page 632] study the construction of thought-forms in the three worlds through the medium of deva essences;

Về các Lửa cao hơn (các Đấng Chúa Tể của bốn cõi cao hơn) tôi không tìm cách bàn đến, vì điều chỉ thực sự có ích cho chúng ta là [Page 632] nghiên cứu sự kiến tạo các hình tư tưởng trong ba cõi thấp qua trung gian của các tinh túy deva;

311. Our focus is still the cosmic physical plane as especially its densest dimensions. The four higher systemic planes (in this context) are the planes comprising the cosmic ethers.

311. Trọng tâm của chúng ta vẫn là cõi hồng trần vũ trụ, đặc biệt là những chiều kích đậm đặc nhất của nó. Bốn cõi hệ thống cao hơn (trong ngữ cảnh này) là những cõi cấu thành các dĩ thái vũ trụ.

312. The Lords of the four higher planes are Shiva, Vishnu/Surya, Brahma and Indra.

312. Các Đấng Chúa Tể của bốn cõi cao hơn là Shiva, Vishnu/Surya, Brahma và Indra.

313. DK is confining His attention to purposeful form-building as it works out in the dense physical body of the Solar Logos.

313. Chân sư DK đang giới hạn sự chú ý của Ngài vào việc kiến tạo hình tướng có mục đích khi nó được triển khai trong thể xác

hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

314. Basically, the forms in the three lower worlds are thoughtforms. It is in this magical context that we will study form creation.

314. Về căn bản, các hình tướng trong ba cõi thấp là các hình tư tưởng. Chính trong ngữ cảnh huyền thuật này mà chúng ta sẽ nghiên cứu sự sáng tạo hình tướng.

315. In the lower three worlds, thoughtforms are composed of structured devic essences and, as well, of elemental essences.

315. Trong ba cõi thấp, các hình tư tưởng được cấu tạo từ những tinh túy deva có cấu trúc và cả từ các tinh chất hành khí nữa.

these are vitalised and manipulated by the Builders, the Dhyan Chohans, the Heavenly Men through the force of Their Life, through Their knowledge of the logoic Will or purpose, and through the power of Their psychic nature.

những thứ này được tiếp sinh lực và được các Đấng Kiến Tạo, các Dhyan Chohan, các Đấng Thiên Nhân điều khiển bằng mãnh lực của Sự sống của Các Ngài, bằng tri thức của Các Ngài về Ý Chí hay mục đích logoic, và bằng quyền năng của bản chất thông linh của Các Ngài.

316. We are speaking of the magical work of the Seven Heavenly Men.

316. Chúng ta đang nói về công việc huyền thuật của Bảy Đấng Thiên Nhân.

317. They are called by the following terms:

317. Các Ngài được gọi bằng những thuật ngữ sau:

a. The Seven Heavenly Men

a. Bảy Đấng Thiên Nhân

b. The Builders

b. Các Đấng Kiến Tạo

c. The Dhyan Chohans

c. Các Dhyan Chohan

318. We are speaking of the building and manipulation of thoughtforms in the three lower worlds. That manipulation, impulsed by the Heavenly Man, occurs through—

318. Chúng ta đang nói về việc kiến tạo và điều khiển các hình tư tưởng trong ba cõi thấp. Sự điều khiển ấy, được thúc đẩy bởi Đấng Thiên Nhân, diễn ra qua—

a. the force of Their life

a. mãnh lực của Sự sống của Các Ngài

b. their knowledge of the logoic Will or purpose,

b. tri thức của Các Ngài về Ý Chí hay mục đích logoic,

c. the power of Their psychic nature

c. quyền năng của bản chất thông linh của Các Ngài

319. We see that thoughtform building is accomplished through planetary logoic life, through the knowledge or logoic Will or purpose, and through the planetary logoic psychic nature.

319. Chúng ta thấy rằng việc kiến tạo hình tư tưởng được hoàn thành qua sự sống của Hành Tinh Thượng Đế, qua tri thức về Ý Chí hay mục đích logoic, và qua bản chất thông linh của Hành Tinh Thượng Đế.

320. Life can be placed at the center of a triangle with will-purpose, psychic quality and manipulative activity at the vertices.

320. Sự sống có thể được đặt ở trung tâm của một tam giác, với ý chí-mục đích, phẩm tính thông linh và hoạt động điều khiển ở các đỉnh.

Thus They are occupied in building the logoic physical body, and in carrying out His plans in that body, in this way fulfilling the purpose for which He incarnated.

Như vậy Các Ngài bận rộn trong việc kiến tạo thể xác hồng trần logoic, và trong việc thực hiện các kế hoạch của Ngài trong thể ấy, nhờ đó hoàn thành mục đích mà vì đó Ngài đã lâm phàm.

321. From this perspective, the Heavenly Men are the Greater Builders involved in carrying out the will of the Solar Logos as that will is intended to be expressed in the logoic physical body.

321. Từ góc nhìn này, các Đấng Thiên Nhân là những đấng đại kiến tạo tham gia vào việc thực hiện ý chí của Thái dương Thượng đế như ý chí ấy được dự định biểu lộ trong thể xác hồng trần logoic.

Their work is infinitely greater than this, for it lies primarily on cosmic levels,

Công việc của Các Ngài lớn lao hơn điều này vô hạn, vì nó chủ yếu nằm trên các cấp độ vũ trụ,

322. This is a point never to be forgotten, but it is seldom referenced because there is so little we can know of what a Heavenly Man accomplishes on the cosmic astral plane and cosmic mental plane.

322. Đây là một điểm không bao giờ được quên, nhưng hiếm khi được nhắc đến vì chúng ta biết quá ít về điều mà một Đấng Thiên Nhân hoàn thành trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

but this is what concerns us, and all that we can, in any way grasp.

nhưng đây là điều liên quan đến chúng ta, và là tất cả những gì chúng ta có thể, bằng bất cứ cách nào, nắm bắt được.

323. Now the parallel will be offered comparing the work of man to the work of the Heavenly Man.

323. Giờ đây sự song hành sẽ được trình bày, so sánh công việc của con người với công việc của Đấng Thiên Nhân.

Man in the three worlds of human endeavour works at two things:

Con người trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại hoạt động trên hai điều:

First. The building of his body of manifestation, a threefold body.

Thứ nhất. Việc xây dựng thể biểu hiện của y, một thể tam phân.

324. This must not only be built but refined. Man as Ego accomplishes this with every new incarnation.

324. Thể này không những phải được xây dựng mà còn phải được tinh luyện. Con người với tư cách chân ngã hoàn thành điều này qua mỗi lần nhập thể mới.

Second. The construction of thought-forms, which he builds of mental matter and vitalises by desire, and which he holds within his aura, thus constructing a tiny system of his own.

Thứ hai. Việc kiến tạo các Hình tư tưởng, mà y xây dựng bằng chất liệu trí tuệ và tiếp sinh lực cho chúng bằng dục vọng, rồi giữ chúng trong hào quang của mình, nhờ đó kiến tạo nên một hệ thống nhỏ bé của riêng y.

325. Man thereby is learning to become a creator. Man is a *created* being but also a lesser *creator*.

325. Nhờ đó con người đang học để trở thành một đấng kiến tạo. Con người là một hữu thể được *sáng tạo* nhưng cũng là một *đấng kiến tạo* nhỏ hơn.

326. Actually, it is possible to say this of every self-conscious B/being. All such are both *created/emanated* beings and creators.

326. Thật ra, có thể nói điều này về mọi hữu thể có ngã thức. Tất cả những hữu thể như thế đều vừa là những hữu thể được *sáng tạo/xuất lộ* vừa là những đấng kiến tạo.

Both man, and the Heavenly Men, work in deva substance; both co-operate with the devas; both manifest will, psychic quality and intelligent activity as they pursue their work but a difference lies, not only in degree, but in consciousness. Man works usually unconsciously.

Cả con người lẫn các Đấng Thiên Nhân đều hoạt động trong chất liệu thiên thần; cả hai đều hợp tác với các thiên thần; cả hai đều biểu lộ ý chí, phẩm tính thông linh và hoạt động thông tuệ khi theo đuổi công việc của mình, nhưng sự khác biệt không chỉ nằm ở

mức độ mà còn ở tâm thức. Con người thường hoạt động một cách vô thức.

327. The parallels are clear but the major distinction must be held in mind.

327. Những điểm song hành thì rõ ràng, nhưng phải ghi nhớ sự phân biệt chủ yếu.

328. Man should be a *conscious* builder but, instead, he is mostly unconscious as he builds. The more soul conscious he becomes, the more his building in devic substance will become conscious.

328. Con người lẽ ra phải là một đấng kiến tạo *có ý thức*, nhưng thay vào đó, phần lớn y lại vô thức khi xây dựng. Y càng trở nên có tâm thức linh hồn bao nhiêu, việc xây dựng của y trong chất liệu thiên thần sẽ càng trở nên có ý thức bấy nhiêu.

The Heavenly Men, on cosmic levels, work for the most part **consciously**. Herein lies a hint as to the stage of evolution of our Logos.

Các Đấng Thiên Nhân, trên các cấp độ vũ trụ, phần lớn hoạt động một cách **có ý thức**. Chính trong điều này có một gợi ý về giai đoạn tiến hoá của Thượng đế của chúng ta.

329. Our Solar Logos is a cosmic initiate of the second degree, working gradually upon His third cosmic initiation.

329. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một điểm đạo đồ vũ trụ ở cấp thứ hai, đang dần dần tiến tới lần điểm đạo vũ trụ thứ ba của Ngài.

330. May it be said that man, when he becomes at least an initiate of the second degree, will be known for his *conscious* building?

330. Có thể nói rằng con người, khi trở thành ít nhất một điểm đạo đồ ở cấp thứ hai, sẽ được biết đến nhờ sự xây dựng *có ý thức* của y chăng?

331. The principal lower aspects of man are unconscious and lunar; the principal lower aspects of a Solar Logos are definitely *self-conscious* and solar.

331. Các phương diện thấp chủ yếu của con người là vô thức và thái âm; các phương diện thấp chủ yếu của một Thái dương Thượng đế thì rõ rệt là *có ngã thức* và thái dương.

332. Both the Solar Logos and the Planetary Logoi are group conscious Beings. This reveals much about their spiritual status on Their respective Paths of Cosmic Initiation.

332. Cả Thái dương Thượng đế lẫn các Hành Tinh Thượng Đế đều là những Hữu thể có tâm thức nhóm. Điều này tiết lộ nhiều điều về địa vị tinh thần của Các Ngài trên những Con Đường Điểm Đạo Vũ Trụ tương ứng của Các Ngài.

This matter is of real difficulty, for the subject is abstruse and profound.

Vấn đề này thật sự khó khăn, vì chủ đề này vừa thâm áo vừa sâu sắc.

333. Though this is the case, we can be grateful that DK is introducing the subject to us.

333. Dù vậy, chúng ta có thể biết ơn vì Chân sư DK đang giới thiệu chủ đề này cho chúng ta.

334. We note that there is a distinction in the meaning of the terms "abstruse" and "profound". Much of real simplicity (and accessibility) can be profound. If something is abstruse as well as profound, it is far removed from what we normally call simplicity. Rather it is recondite, quite inaccessible and hard to grasp.

334. Chúng ta lưu ý rằng có một sự phân biệt trong ý nghĩa của các thuật ngữ "thâm áo" và "sâu sắc". Nhiều điều thật sự đơn giản (và dễ tiếp cận) vẫn có thể sâu sắc. Nếu điều gì đó vừa thâm áo vừa sâu sắc, thì nó rất xa với điều mà chúng ta thường gọi là sự đơn giản. Đúng hơn, nó là huyền vi, khá khó tiếp cận và khó nắm bắt.

We will now leave these basic ideas, and deal more specifically with the devas with whom we are immediately concerned, or with the three groups I have outlined—the Agnichaitans, the Agnisuryans, and the Agnishvattas. They are concerned primarily with the **evolution** of the dense body of the Logos, the liquid, gaseous and dense subplanes of the [Page 633] cosmic physical, or the three worlds of human endeavour; with the **magnetic radiation** of the Logos through His physical vehicle, and with the **radiatory emanations** of the particular Heavenly Man Who is expressing Himself through our planet.

Giờ đây chúng ta sẽ rời các ý tưởng căn bản này, và bàn đến cụ thể hơn về các thiên thần mà chúng ta đang trực tiếp quan tâm, hay ba nhóm mà tôi đã phác họa—các Agnichaitan, các Agnisuryan, và các Agnishvatta. Trước hết, các vị này chủ yếu liên quan đến **sự tiến hoá** của thể đậm đặc của Thượng đế, các cõi phụ lỏng, khí và đậm đặc của [Page 633] cõi hồng trần vũ trụ, hay ba cõi giới của nỗ lực nhân loại; với **sự phát xạ từ tính** của Thượng đế qua vận cụ hồng trần của Ngài, và với các **phát xạ bứcxạ** của Đấng Thiên Nhân đặc thù đang biểu lộ Chính Ngài qua hành tinh của chúng ta.

335. It has sometimes been questioned whether the term "Agnishvattas" refers only to the Solar Angels or to the devas of the lower mental plane as well.

335. Đôi khi người ta đã đặt câu hỏi liệu thuật ngữ "Agnishvattas" chỉ nói đến các Thái dương Thiên Thần hay còn bao gồm cả các thiên thần của cõi hạ trí nữa.

336. From what is said above it seems like the term "Agnishvattas" is to be applied to the entire gaseous subplane of the cosmic physical plane.

336. Từ những gì được nói ở trên, có vẻ như thuật ngữ "Agnishvattas" được áp dụng cho toàn bộ cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ.

337. The "magnetic radiation of the Logos through His physical vehicle" seems to concern the second aspect as it manifests

337. "Sự phát xạ từ tính của Thượng đế qua vận cụ hồng trần của Ngài" dường như liên quan đến phương diện thứ hai khi nó biểu lộ

through all lower twenty-one systemic subplanes.

qua toàn bộ hai mươi mốt cõi phụ thấp của hệ thống.

338. The "radiatory emanations of the particular Heavenly Man Who is expressing Himself through our planet" seem to emanate from a source higher than the three lower worlds.

338. "Các phát xạ bức xạ của Đấng Thiên Nhân đặc thù đang biểu lộ Chính Ngài qua hành tinh của chúng ta" dường như phát ra từ một nguồn cao hơn ba cõi thấp.

339. In general the term "magnetism" refers to the second aspect of divinity and "radiation" to the first. We see, therefore, all three aspects of divinity represented in the section of text above.

339. Nói chung, thuật ngữ "từ điện" chỉ phương diện thứ hai của thiên tính, còn "bức xạ" chỉ phương diện thứ nhất. Vì vậy, chúng ta thấy cả ba phương diện của thiên tính đều được biểu hiện trong đoạn văn trên.

340. Although the Agnichaitans, Agnisuryans and Agnishvattas are here related more focally to the lower twenty-one subplanes (i.e., the dense physical body of the Solar Logos), the Agnisuryans and Agnichaitans may have higher correspondences of planes higher than the systemic mental.

340. Mặc dù ở đây các Agnichaitan, Agnisuryan và Agnishvatta được liên hệ tập trung hơn với hai mươi mốt cõi phụ thấp (tức thể hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế), các Agnisuryan và Agnichaitan có thể có những tương ứng cao hơn trên các cõi cao hơn cõi trí của hệ thống.

341. Within this paragraph we are actually being given an extended view of the arena of expression of these devic lives.

341. Trong đoạn này, thật ra chúng ta đang được trao cho một cái nhìn mở rộng về phạm vi biểu lộ của các sự sống thiên thần này.

Finally they are concerned with the evolution of consciousness[7] in the three worlds, and particularly with the individualisation of the human unit of consciousness, and with the vitalisation of the centres in the body of the Heavenly Man with Whom we are peculiarly connected.

Sau cùng, các vị này còn liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức7 trong ba cõi giới, và đặc biệt là với sự biệt ngã hóa của đơn vị tâm thức nhân loại, cũng như với việc tiếp sinh lực cho các trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân mà chúng ta có liên hệ đặc biệt.

342. These three orders of devic lives are not related only to the activity aspect. They contribute to the development of human consciousness.

342. Ba cấp bậc sự sống thiên thần này không chỉ liên hệ với phương diện hoạt động. Chúng góp phần vào sự phát triển của tâm thức nhân loại.

343. If they also contribute to the vitalization of the centers in the body of a

343. Nếu các vị ấy cũng góp phần vào việc tiếp sinh lực cho các trung tâm trong thân

Heavenly Man, they are concerned as well with the cosmic etheric planes on which the centers of a Heavenly Man can be found. Therefore, their effectiveness cannot be limited to the lower three systemic planes.

thể của một Đấng Thiên Nhân, thì các vị ấy cũng liên quan đến các cõi dĩ thái vũ trụ, nơi có thể tìm thấy các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân. Vì vậy, hiệu lực của các vị ấy không thể bị giới hạn trong ba cõi thấp của hệ thống.

344. Let us tabulate the areas in which the Agnichaitans, the Agnisuryans and Agnishvattas are influential:

344. Chúng ta hãy lập bảng các lĩnh vực mà các Agnichaitan, các Agnisuryan và các Agnishvatta có ảnh hưởng:

a. The evolution of the dense physical body of the Logos or Planetary Logos

a. Sự tiến hoá của thể hồng trần đậm đặc của Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế

b. The magnetic radiation of the Logos through His physical vehicle. This obviously concerns the egoic nature of the Planetary Logos.

b. Sự phát xạ từ tính của Thượng đế qua vận cụ hồng trần của Ngài. Điều này hiển nhiên liên quan đến bản chất chân ngã của Hành Tinh Thượng Đế.

c. The radiatory emanations of the particular Heavenly Man Who is expressing Himself through our planet. May we say that "radiatory emanations" concern the Spirit nature of the Planetary Logos?

c. Các phát xạ bứcxạ của Đấng Thiên Nhân đặc thù đang biểu lộ Chính Ngài qua hành tinh của chúng ta. Chúng ta có thể nói rằng "các phát xạ bức xạ" liên quan đến bản chất tinh thần của Hành Tinh Thượng Đế chăng?

d. The evolution of consciousness in the three worlds

d. Sự tiến hoá của tâm thức trong ba cõi giới

e. The individualization of the human unit of consciousness

e. Sự biệt ngã hóa của đơn vị tâm thức nhân loại

f. The vitalisation of the centres in the body of the Heavenly Man with Whom we are peculiarly connected

f. Việc tiếp sinh lực cho các trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân mà chúng ta có liên hệ đặc biệt

345. If we survey the scope of influence of these devas, we shall see that it both wide and diverse. They may well be active on all five lower systemic planes of the cosmic physical plane.

345. Nếu chúng ta khảo sát phạm vi ảnh hưởng của các thiên thần này, chúng ta sẽ thấy nó vừa rộng vừa đa dạng. Rất có thể các vị ấy hoạt động trên cả năm cõi thấp của hệ thống thuộc cõi hồng trần vũ trụ.

FOOTNOTE 7:

The Lunar Angels have to reach the plane of the Solar Angels.—S. D., I, 203.

346. This will happen only very gradually as the tabulation on TCF 844 shows. The Lunar Angels have first to become animal and then human before they can become Solar Angels.

They have to win immortality.—S. D., III, 518, 519.

347. Immortality is a matter of consciousness. It is not about the preservation of a single form.

Self-consciousness is their goal.—S. D., I, 205; II, 622.

348. This stage, too, will not be achieved immediately.

The subject of our consideration now is the fire devas of the physical plane, those great building devas who are working out the purposes of the Logos in his dense, physical body.

349. When we consider the "physical plane" we shall have to perceive it from the perspective above of the Solar Logos. The dense physical body of the Solar Logos includes the lower twenty-one systemic subplanes.

350. When we learn that we are seeking to understand "fire devas" we are alerted to the fact that the name of each of the devas

CHÚ THÍCH 7:

Các Thiên Thần Thái Âm phải đạt đến cõi của các Thái dương Thiên Thần.—S. D., I, 203.

346. Điều này sẽ chỉ xảy ra rất dần dần như bảng ở TCF 844 cho thấy. Các Thiên Thần Thái Âm trước hết phải trở thành động vật rồi thành người trước khi có thể trở thành các Thái dương Thiên Thần.

Các vị ấy phải giành được sự bất tử.—S. D., III, 518, 519.

347. Sự bất tử là vấn đề của tâm thức. Nó không liên quan đến việc bảo tồn một hình tướng đơn lẻ.

Ngã thức là mục tiêu của các vị ấy.—S. D., I, 205; II, 622.

348. Giai đoạn này cũng sẽ không đạt được ngay lập tức.

Chủ đề mà giờ đây chúng ta xem xét là các thiên thần lửa của cõi hồng trần, những thiên thần kiến tạo vĩ đại đang thực hiện các mục đích của Thượng đế trong thể hồng trần đậm đặc của ngài.

349. Khi chúng ta xét đến "cõi hồng trần", chúng ta sẽ phải nhận thức nó từ viễn cảnh bên trên của Thái dương Thượng đế. Thể hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế bao gồm hai mươi mốt cõi phụ thấp của hệ thống.

350. Khi chúng ta biết rằng mình đang tìm cách hiểu các thiên thần "lửa", chúng ta được báo trước về sự kiện rằng tên của mỗi loại

under discussion begins with the Sanskrit word for “fire”—i.e., “Agni”.

Let us get our ideas as clear as possible on this matter; in the following tabulation, the status of these devas will be apparent at a glance:

Systemic

Name Cosmic Plane Plane Nature Ruler

Agnichaitan.....7th subplane.....Physical.....Densest.....Kshiti

cosmic physical concretion

Agnisuryan.....6th subplane.....Astral.....Liquid.....Varun a

cosmic physical

Agnishvatta.....5th subplane.....Mental.....Gaseous.....Agni

cosmic physical

351. The higher form of Agnisuryan is not mentioned, nor the (hypothesized) higher form of Agnichaitan.

352. Again, we do not see that the devas of the lower mental plane are excluded from the category of Agnishvattas.

353. We note as well that each of these devas works within the cosmic physical plane.

thiên thần đang được bàn đến đều bắt đầu bằng từ Sanskrit chỉ “lửa”—tức “Agni”.

Chúng ta hãy làm cho các ý tưởng của mình rõ ràng nhất có thể về vấn đề này; trong bảng sau đây, địa vị của các thiên thần này sẽ hiện rõ chỉ trong một cái nhìn:

Hệ thống

Tên Cõi Vũ Trụ Cõi Bản chất Chủ tinh

Agnichaitan.....cõi phụ thứ 7.....Hồng trần.....Đậm đặc nhất.....Kshiti

hồng trần vũ trụ sự kết tụ

Agnisuryan.....cõi phụ thứ 6.....Cảm dục.....Lỏng.....Varuna

hồng trần vũ trụ

Agnishvatta.....cõi phụ thứ 5.....Trí tuệ.....Khí.....Agni

hồng trần vũ trụ

351. Dạng cao hơn của Agnisuryan không được nhắc đến, và dạng cao hơn (được giả định) của Agnichaitan cũng vậy.

352. Một lần nữa, chúng ta không thấy rằng các thiên thần của cõi hạ trí bị loại khỏi phạm trù Agnishvatta.

353. Chúng ta cũng lưu ý rằng mỗi loại thiên thần này đều hoạt động trong cõi hồng trần vũ trụ.

The Agnichaitans. These are the devas who construct, and build in matter of the densest kind in connection with logoic manifestation. They function on the seventh subplane of the cosmic physical plane, and are the producers of the greatest concretion.

354. There are less dense forms of concretion. The lowest Agnichaitans concern the densest form of concretion—that which is to be found upon the seventh and lowest systemic subplane.

355. Agnichaitans in general are found on all the seven systemic physical and etheric subplanes.

In the planetary body of our planetary Logos they are the builders of the Earth, His densest form, and throughout the entire solar system they are the sum-total of that activity and vibration [Page 634] which demonstrates through what we call "solid substance."

356. They are also concerned with systemic etheric manifestation.

357. It is important to remind ourselves that apparently "solid substance" is not "solid" at all and really a condition of atomic congestion.

Therefore, it will be apparent that under the law they will have a peculiarly powerful effect on the lowest subplane of the systemic physical plane; hence their esoteric appellation of the "Agnichaitans of the inner or central heat."

Các Agnichaitan. Đây là những thiên thần kiến tạo và xây dựng trong loại vật chất đậm đặc nhất liên quan đến sự biểu lộ của Thượng đế. Các vị ấy hoạt động trên cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ, và là những tác nhân tạo ra sự kết tụ lớn nhất.

354. Có những dạng kết tụ ít đậm đặc hơn. Các Agnichaitan thấp nhất liên quan đến dạng kết tụ đậm đặc nhất—dạng được tìm thấy trên cõi phụ thứ bảy và thấp nhất của hệ thống.

355. Các Agnichaitan nói chung được tìm thấy trên cả bảy cõi phụ hồng trần và dĩ thái của hệ thống.

Trong thể hành tinh của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, các vị ấy là những đấng kiến tạo của Trái Đất, hình tướng đậm đặc nhất của Ngài, và trong toàn thể hệ mặt trời, các vị ấy là tổng thể của hoạt động và rung động biểu lộ qua điều mà chúng ta gọi là "chất liệu rắn."[Page 634]

356. Các vị ấy cũng liên quan đến sự biểu lộ dĩ thái của hệ thống.

357. Điều quan trọng là phải nhắc mình rằng "chất liệu rắn" bề ngoài thật ra hoàn toàn không "rắn", mà thực sự là một trạng thái tắc nghẽn nguyên tử.

Vì vậy, sẽ rõ ràng rằng theo định luật, các vị ấy sẽ có một tác động đặc biệt mạnh mẽ trên cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống; do đó mới có danh xưng huyền bí của các vị ấy là "các Agnichaitan của nhiệt bên trong hay trung tâm."

358. The Agnichaitans have a wider range of effect than is emphasized in this section of text. Here they are most related to the very densest of all the systemic subplanes—the forty-ninth and lowest systemic subplane.

358. Các Agnichaitan có phạm vi tác động rộng hơn điều được nhấn mạnh trong đoạn văn này. Ở đây các vị ấy được liên hệ nhiều nhất với cõi phụ đậm đặc nhất trong tất cả các cõi phụ của hệ thống—cõi phụ thứ bốn mươi chín và thấp nhất của hệ thống.

359. The inference to be gathered is that the "inner or central heat" is to be found within matter of the very lowest kind—that found upon the lowest subplane of the systemic physical plane.

359. Điều suy ra cần rút lấy là "nhiệt bên trong hay trung tâm" này được tìm thấy trong loại vật chất thấp nhất—loại được tìm thấy trên cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống.

360. This "inner or central heat" is a form of "latent fire", as we have studied in the earliest sections of this treatise.

360. "Nhiệt bên trong hay trung tâm" này là một dạng của "lửa tiềm ẩn", như chúng ta đã nghiên cứu trong những phần đầu tiên của bộ luận này.

They are the totality of the lowest vibration in the cosmic physical vehicle.

Các vị ấy là tổng thể của rung động thấp nhất trong vận cụ hồng trần vũ trụ.

361. We are not here discussing the possibility of a category of matter even lower in vibration than the seventh and lowest physical subplane. Speculations about an eighth (and lower) level of matter are reasonable and hints about such a level are given in the text.

361. Ở đây chúng ta không bàn đến khả năng có một loại vật chất còn thấp hơn về rung động so với cõi phụ hồng trần thứ bảy và thấp nhất. Những suy đoán về một cấp vật chất thứ tám (và thấp hơn) là hợp lý, và trong văn bản có đưa ra những gợi ý về một cấp như thế.

362. We must remember, however, that although the very lowest subplane of the systemic physical subplane is emphasized in relation to the Agnichaitans, they are active and influential on all the seven dense and etheric subplanes (and perhaps in relation to the systemic atmic plane).

362. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng mặc dù cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống được nhấn mạnh khi liên hệ với các Agnichaitan, các vị ấy vẫn hoạt động và có ảnh hưởng trên cả bảy cõi phụ đậm đặc và dĩ thái (và có lẽ cả trong liên hệ với cõi atma của hệ thống).

The Agnisuryans are the builders on the sixth subplane of the cosmic physical plane, our systemic astral plane.

Các Agnisuryan là những đấng kiến tạo trên cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ, tức cõi cảm dục của hệ thống chúng ta.

363. We note that the Agnisuryans are spoken of in relation to the *entire* sixth subplane of the cosmic physical plane, and not just its lowest level.

363. Chúng ta lưu ý rằng các Agnisuryan được nói đến trong liên hệ với *toàn bộ* cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ, chứ không chỉ riêng cấp thấp nhất của nó.

They represent, as I have before hinted, the sympathetic nervous system in the logoic physical body, just as their brothers of the seventh vibration represent the sumtotal of the circulatory or blood system.

Các vị ấy biểu hiện, như tôi đã gợi ý trước đây, hệ thần kinh giao cảm trong thể hồng trần của Thượng đế, cũng như các huynh đệ của các vị ấy thuộc rung động thứ bảy biểu hiện tổng thể của hệ tuầnhoàn hay hệ máu.

364. Let us tabulate the hinted relationship:

364. Chúng ta hãy lập bảng mối liên hệ được gợi ý này:

a. Agnisuryans—the sympathetic nervous system in the logoic physical body

a. Agnisuryans—hệ thần kinh giao cảm trong thể hồng trần của Thượng đế

b. Agnichaitans—the circulatory or blood system

b. Agnichaitans—hệ tuần hoàn hay hệ máu

365. The following quotation from EH, 143, may shed some unexpected light upon the relationship between the devic brothers of the sixth and seventh orders.

365. Đoạn trích sau từ EH, 143, có thể soi sáng một cách bất ngờ lên mối liên hệ giữa các huynh đệ thiên thần thuộc cấp thứ sáu và thứ bảy.

1. The etheric vehicle from the circulatory angle, is governed by the Moon, as it veils Vulcan.

1. Vận cụ dĩ thái, xét từ góc độ tuần hoàn, được Mặt Trăng cai quản, khi nó che phủ Vulcan.

2. The nervous system is ruled by Venus.

2. Hệ thần kinh được Sao Kim cai quản.

3. The endocrine system is governed by Saturn.

3. Hệ nội tiết được Sao Thổ cai quản.

4. The blood stream is governed by Neptune. (EH 143)

4. Dòng máu được Sao Hải Vương cai quản. (EH 143)

366. The Agnichaitans are particularly associated with Vulcan and we do see Vulcan here associated with etheric *circulation.*

366. Các Agnichaitan đặc biệt liên kết với Vulcan, và ở đây quả thật chúng ta thấy Vulcan được liên kết với *sự tuần hoàn* dĩ thái.

367. The circulation of the blood however is governed by Neptune, a planet far more closely related to the Agnisuryans (in both their astral and buddhic expressions) than to the Agnichaitans.

367. Tuy nhiên, sự tuần hoàn của máu lại được Sao Hải Vương cai quản, một hành tinh liên hệ mật thiết với các Agnisuryan (trong cả biểu lộ cảm dục lẫn Bồ đề của các vị ấy) hơn là với các Agnichaitan.

A hint to the student who is interested in the physiological key lies in the relationship between the two great groups of devas who build and construct the most objective portion of logoic manifestation, and the two groups of corpuscles which in their mutual interaction hold the body in health;

Một gợi ý cho đạo sinh quan tâm đến chìa khóa sinh lý học nằm trong mối liên hệ giữa hai nhóm lớn thiên thần kiến tạo và xây dựng phần khách quan nhất của sự biểu lộ của Thượng đế, và hai nhóm huyết cầu mà trong sự tương tác lẫn nhau của chúng giữ cho cơ thể được khỏe mạnh;

368. It is suggested that we study both the white and red corpuscles of the blood in order to understand the relationship between the Agnisuryans and Agnichaitans.

368. Người ta gợi ý rằng chúng ta nên nghiên cứu cả bạch huyết cầu lẫn hồng huyết cầu để hiểu mối liên hệ giữa các Agnisuryan và Agnichaitan.

369. Perhaps we can relate the white corpuscles to the Agnichaitans and the red corpuscles to the Agnisuryans.

369. Có lẽ chúng ta có thể liên hệ bạch huyết cầu với các Agnichaitan và hồng huyết cầu với các Agnisuryan.

there is an analogy also in the relationship between the devas of the astral plane, and the motor and sensory nerves of the physical body. I will not enlarge upon this angle of vision.

Cũng có một sự tương đồng trong mối liên hệ giữa các thiên thần của cõi cảm dục và các dây thần kinh vận động cùng cảm giác của thể xác. Tôi sẽ không khai triển thêm về góc nhìn này.

370. We can leave the elucidation of this analogy to the medical students of this treatise.

370. Chúng ta có thể để việc làm sáng tỏ sự tương đồng này cho các đạo sinh y khoa của bộ luận này.

371. From a qualitative angle, however, we do know that the astral plane is associated with the guna of “rajas” or mobility.

371. Tuy nhiên, xét từ góc độ phẩm tính, chúng ta biết rằng cõi cảm dục được liên kết với guna “rajas” hay tính động.

372. Is DK suggesting that there are two kinds of devas of the astral plane? Earlier He mentioned devas associated with desire, feeling and sentiency and those related to the astral light. Are these the two categories

372. Phải chăng Chân sư DK đang gợi ý rằng có hai loại thiên thần của cõi cảm dục? Trước đó Ngài đã nhắc đến các thiên thần liên hệ với dục vọng, cảm xúc và cảm giác, và những vị liên hệ với ánh sáng cảm dục. Phải chăng

of devas under discussion and are they related to Venus and Mars—the devas of the astral light to Venus and he devas of desire and feeling to Mars?

đây là hai loại thiên thần đang được bàn đến, và chúng có liên hệ với Sao Kim và Sao Hỏa—các thiên thần của ánh sáng cảm dục với Sao Kim, còn các thiên thần của dục vọng và cảm xúc với Sao Hỏa?

373. In one of the references from EH immediately above, we find Venus related to the nervous system, presumably to its sensory aspect. It makes sense to consider Mars (so influential in relation to the astral plane) as the planet conditioning the motor nerves.

373. Trong một trong các trích dẫn từ EH ngay phía trên, chúng ta thấy Sao Kim được liên hệ với hệ thần kinh, có lẽ là với phương diện cảm giác của nó. Có lý khi xem Sao Hỏa (có ảnh hưởng rất mạnh trong liên hệ với cõi cảm dục) là hành tinh tác động lên các dây thần kinh vận động.

These devas have to do, in a very esoteric sense, with the nerve plexus in the:

Các thiên thần này liên quan, theo một ý nghĩa rất huyền bí, đến đám rối thần kinh trong:

a. Solar system. (Physical Sun)

a. Hệ mặt trời. (Mặt Trời hồng trần)

b. Planetary scheme. (Dense Planet)

b. Hệ hành tinh. (Hành tinh đậm đặc)

c. Human physical body. (Dense Body)

c. Thể xác con người. (Thể đậm đặc)

374. In the human physical body the nerve plexus concerned is that which is associated with the solar plexus center.

374. Trong thể xác con người, đám rối thần kinh được nói đến là đám rối liên kết với trung tâm tùng thái dương.

375. We know the location of the nerve plexus in the human physical body but not within the dense planet and certainly not within the physical sun.

375. Chúng ta biết vị trí của đám rối thần kinh trong thể xác con người, nhưng không biết trong hành tinh đậm đặc, và chắc chắn không biết trong mặt trời hồng trần.

376. The nervous system itself is a dense physical construct underlain by etheric nadis. The responsiveness of the nervous system, however, seems to have much to do with astral forces.

376. Bản thân hệ thần kinh là một cấu trúc hồng trần đậm đặc được nâng đỡ bởi các nadi dĩ thái. Tuy nhiên, tính đáp ứng của hệ thần kinh dường như liên quan rất nhiều đến các mãnh lực cảm dục.

377. The nature of our planet as a living being is now slowly coming into human consciousness. The parts of our planet

377. Bản chất của hành tinh chúng ta như một sinh thể đang sống hiện nay đang chậm rãi đi vào tâm thức nhân loại. Những phần

which correspond to the human physical body will gradually be discovered. Humanity is probably not yet ready for such sensitive knowledge.

của hành tinh chúng ta tương ứng với thể xác con người sẽ dần dần được khám phá. Có lẽ nhân loại vẫn chưa sẵn sàng cho loại tri thức nhạy cảm như thế.

and are therefore a powerful factor in the eventual vitalisation of the centres in man.

và vì vậy là một yếu tố mạnh mẽ trong việc tiếp sinh lực sau cùng cho các trung tâm trong con người.

378. DK seems to be suggesting that all the centers in man owe much to the astral devas in the matter of their vitalization.

378. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng mọi trung tâm trong con người đều mang ơn rất nhiều đối với các thiên thần cảm dục trong vấn đề tiếp sinh lực cho chúng.

379. We do know that aspiration (a largely astral activity) plays a significant role in the activation of the centers.

379. Chúng ta quả thật biết rằng khát vọng (một hoạt động phần lớn thuộc cảm dục) giữ một vai trò đáng kể trong việc hoạt hóa các trung tâm.

The etheric centres, or the focal points of force of a Heavenly Man are on the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

Các trung tâm dĩ thái, hay các tiêu điểm mãnh lực của một Đấng Thiên Nhân, nằm trên cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

380. As Chart VIII in TCF shows, this is true as regards *some* of the etheric centers, but probably not *all*, if the analogy between the positions of the human etheric centers and those of a Planetary Logos is to be maintained.

380. Như Biểu đồ VIII trong TCF cho thấy, điều này đúng đối với *một số* trung tâm dĩ thái, nhưng có lẽ không phải *tất cả*, nếu sự tương đồng giữa vị trí các trung tâm dĩ thái của con người và của một Hành Tinh Thượng Đế được duy trì.

The astral plane is closely allied to the buddhic, and as the etheric centres of our Heavenly Man, for instance, come into full activity, the force is transmitted through the astral correspondence [Page 635] to the fourth physical ether, in which the centres of man exist.

Cõi cảm dục liên kết chặt chẽ với cõi Bồ đề, và khi các trung tâm dĩ thái của Đấng Thiên Nhân của chúng ta, chẳng hạn, đi vào hoạt động trọn vẹn, mãnh lực được chuyển truyền qua sự tương ứng cảm dục [Page 635] đến dĩ thái hồng trần thứ tư, nơi các trung tâm của con người hiện hữu.

381. Again, a number of these centers in man do exist within the fourth physical ether, but not all.

381. Một lần nữa, một số trung tâm này trong con người quả thật hiện hữu trong dĩ thái hồng trần thứ tư, nhưng không phải tất cả.

382. The paths of transmission are governed by the principle of numerical resonance. We do not know, however, the exact method of transmission.

382. Các con đường truyền dẫn được chi phối bởi nguyên lý cộng hưởng số học. Tuy nhiên, chúng ta không biết phương pháp truyền dẫn chính xác.

383. The etheric centers of a Heavenly Man may be considered as Ashrams containing the higher principles of the human being. We certainly do not bring our lower principles into the Ashram.

383. Các trung tâm dĩ thái của một Đấng Thiên Nhân có thể được xem như các ashram chứa đựng các nguyên khí cao của con người. Chắc chắn chúng ta không mang các nguyên khí thấp của mình vào ashram.

The Agnishvattas are the builders on the fifth or gaseous subplane of the cosmic physical, and—from the human standpoint—are the most profoundly important, for they are the builders of the body of consciousness per se.

Các Agnishvatta là những đấng kiến tạo trên cõi phụ thứ năm hay cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ, và—xét từ quan điểm con người—là quan trọng sâu xa nhất, vì các vị ấy là những đấng kiến tạo của chính thể tâm thức.

384. The lower mental body is, apparently, also considered an aspect of the body of consciousness.

384. Thể trí thấp, theo bề ngoài, cũng được xem là một phương diện của thể tâm thức.

385. The egoic lotus on the higher mental plane is for most human beings the destined body of consciousness per se. Meanwhile the lower mental body serves this function.

385. Hoa Sen Chân Ngã trên Cõi thượng trí, đối với phần lớn nhân loại, là thể tâm thức đích định. Trong khi đó, thể trí thấp đảm nhiệm chức năng này.

From the psychic standpoint of occult physiology, they have a close connection with the physical brain, the seat or empire of the Thinker, and as at this stage all that we can know must be viewed kama-manasically, it will be apparent that between the sympathetic nervous system and the brain is such a close interaction as to make one organised whole.

Từ quan điểm thông linh của sinh lý học huyền bí, chúng có liên hệ mật thiết với bộ não hồng trần, là chỗ ngự hay vương quốc của Thức giả, và vì ở giai đoạn này tất cả những gì chúng ta có thể biết đều phải được nhìn dưới góc độ trí-cảm, nên sẽ hiển nhiên rằng giữa hệ thần kinh giao cảm và bộ não có một sự tương tác mật thiết đến mức tạo thành một toàn thể có tổ chức.

386. The implication is that the kama-manas and the sympathetic nervous system are closely allied.

386. Hàm ý ở đây là kama-manas và hệ thần kinh giao cảm có liên hệ rất mật thiết.

387. Agnishvattas (apparently of two main varieties—one solar and one lunar) are closely related to the human physical brain.

387. Agnishvattas (dường như có hai loại chính—một thái dương và một thái âm) có liên hệ mật thiết với bộ não hồng trần của con người.

388. We have a further implication that man, presently, is a very kama-manasic being and finds his thought process almost inextricably entangled with kama.

388. Chúng ta còn có thêm một hàm ý nữa rằng hiện nay con người là một hữu thể rất trí-cảm và thấy tiến trình tư tưởng của mình hầu như bị vướng mắc không thể gỡ ra với kama.

389. The relationships expressed in this section of text are reflections of the very close relationship between Mercury (manas) and Venus, (kama-manas).

389. Những mối liên hệ được diễn tả trong phần văn bản này là các phản chiếu của mối liên hệ rất mật thiết giữa Sao Thủy (manas) và Sao Kim, (kama-manas).

This microcosmic correspondence is of interest, but in studying these groups of devas at present we will view them principally in their work as systemic and planetary builders, leaving the student to trace out for himself the human analogy.

Sự tương ứng vi mô này thật đáng quan tâm, nhưng khi nghiên cứu các nhóm thiên thần này hiện nay chúng ta sẽ xem xét chúng chủyếu trong công việc của chúng với tư cách là các đấng kiến tạo hệ thống và hành tinh, để đạo sinh tự mình truy ra phép loại suy nơi con người.

390. If we study carefully, we will be equipped to trace the human analogy.

390. Nếu nghiên cứu cẩn thận, chúng ta sẽ có đủ khả năng để truy ra phép loại suy nơi con người.

He will learn thereby. Having indicated certain lines of thought, we will now take up these groups one at a time and consider them.

Nhờ đó y sẽ học được. Sau khi đã chỉ ra một số tuyến tư tưởng, giờ đây chúng ta sẽ lần lượt xét từng nhóm này và khảo cứu chúng.

391. The general outline has been presented. We are given a view of the Agnichaitans, the Agnisuryans, and the Agnishvattas in their role as planetary builders.

391. Dàn ý tổng quát đã được trình bày. Chúng ta được cho thấy một cái nhìn về các Agnichaitans, các Agnisuryans, và các Agnishvattas trong vai trò các đấng kiến tạo hành tinh.

392. We will now learn something more specific about them.

392. Giờ đây chúng ta sẽ tìm hiểu điều gì đó cụ thể hơn về chúng.

TCF 635 - 658: S6S7

24 December 2007 – 8 January 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

The Agnichaitans—Physical Plane Devas.

These devas are the sumtotal of physical plane substance.

1. From a cosmic perspective, the entire cosmic physical plane would be the expression of cosmic Agnichaitans—those expressing cosmic etheric energy and those still expressing the energy of the dense cosmic physical plane—our lower twenty-one systemic subplanes.

This plane is, as we know, divided into two parts:

- The four ethers, four subplanes.

- The demonstrably concrete or dense three subplanes.

24 tháng 12 năm 2007 – 8 tháng 1 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị phần Bình Giải này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

Các Agnichaitans—Thiên thần cõi hồng trần.

Các thiên thần này là tổng thể chất liệu cõi hồng trần.

1. Từ một viễn tượng vũ trụ, toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ sẽ là biểu hiện của các Agnichaitans vũ trụ—những vị biểu lộ năng lượng dĩ thái vũ trụ và những vị vẫn còn biểu lộ năng lượng của cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ—hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp của chúng ta.

Như chúng ta biết, cõi này được chia thành hai phần:

- Bốn dĩ thái, bốn cõi phụ.

- Ba cõi phụ có thể chứng minh được là cụ thể hay đậm đặc.

2. Man can demonstrate the concreteness of the three lower subplanes. All subplanes within the dense physical body of the Solar Logos are *concrete,* but without an occult perspective, and occult means are not "demonstrably" concrete.

2. Con người có thể chứng minh tính cụ thể của ba cõi phụ thấp. Mọi cõi phụ trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế đều *cụ thể,* nhưng nếu không có viễn tượng huyền bí, và các phương tiện huyền bí thì không "có thể chứng minh được" là cụ thể.

We have here a subdivision of the seventh subplane of the cosmic physical plane making the lowest manifestation one that is divided into forty-nine subplanes or states of activity.

Ở đây chúng ta có một sự phân chia nhỏ của cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ, khiến biểu hiện thấp nhất trở thành một biểu hiện được chia thành bốn mươi chín cõi phụ hay trạng thái hoạt động.

3. How shall we define a subplane? From one perspective, it is a state of consciousness. From another (that given here), it is a state of *activity.*

3. Chúng ta sẽ định nghĩa một cõi phụ như thế nào? Từ một góc nhìn, đó là một trạng thái tâm thức. Từ một góc nhìn khác (góc nhìn được nêu ở đây), đó là một trạng thái *hoạt động.*

4. DK is telling us that the systemic physical plane can be divided into forty nine parts. These forty-nine divisions have not been (so it appears) named in His Teaching.

4. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng cõi hồng trần hệ thống có thể được chia thành bốn mươi chín phần. Bốn mươi chín phân chia này dường như chưa được nêu tên trong Giáo Huấn của Ngài.

For purposes of active work, the devas of the system are divided into forty-nine groups—the forty-nine fires.

Vì mục đích công việc tích cực, các thiên thần của hệ thống được chia thành bốn mươi chín nhóm—bốn mươi chín ngọn lửa.

5. This type of division is "Fohatic"—relating to the "Sons of Fohat" and all the divisions of the Raja Deva Lords. It relates to the third aspect of divinity.

5. Kiểu phân chia này là "Fohatic"—liên hệ đến "Các Con của Fohat" và mọi phân chia của các Chúa Tể Raja Deva. Nó liên hệ đến phương diện thứ ba của thiên tính.

The Agnichaitans in turn are also divided into forty-nine groups, thus reflecting the whole.

Đến lượt mình, các Agnichaitans cũng được chia thành bốn mươi chín nhóm, nhờ đó phản chiếu toàn thể.

6. Is DK speaking from a *cosmic* perspective?. Cosmically, all forty-nine subplanes are the domain of the Agnichaitans.

6. Phải chăng Chân sư DK đang nói từ một viễn tượng *vũ trụ*? Xét về mặt vũ trụ, cả bốn mươi chín cõi phụ đều là lãnh vực của các Agnichaitans.

7. If He is speaking only of the Agnichaitans of the seven systemic subplanes, then the differentiation has become minute. It does seem, however, that He is doing so. If so, this will mean that the entire cosmic physical plane has 343 groups of Agnichaitans.

[Page 636]

1. The Raja-Lord. Kshiti. The life of the physical plane.

8. It seems that we are beginning with *systemic* Kshiti, the Raja Deva Lord of the four systemic ethers and the three dense physical systemic subplanes.

2. Three groups of Agnichaitans concerned with:

A. The force or energy of physical substance. That electrical aspect which produces activity.

B. The construction of forms. They produce the union of negative and positive substance, and thus bring into being all that can be seen, and touched in the exoteric and ordinary connotation.

C. The internal heat of substance which nourishes and causes reproduction. They form the purely mother aspect.

9. The three groups of Agnichaitans correspond to the three aspects of divinity.

10. The first group, Group A., is definitely electrical and seems to correlate with the highest kind of pranic energy, though a little later in this text prana is associated with the Law of Attraction, the second aspect and

7. Nếu Ngài chỉ nói về các Agnichaitans của bảy cõi phụ hệ thống, thì sự biến phân đã trở nên cực kỳ vi tế. Tuy nhiên, dường như Ngài đang làm như vậy. Nếu thế, điều này sẽ có nghĩa là toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ có 343 nhóm Agnichaitans.

[Page 636]

1. Chúa Tể Raja. Kshiti. Sự sống của cõi hồng trần.

8. Dường như chúng ta đang bắt đầu với Kshiti *hệ thống*, Chúa Tể Raja Deva của bốn dĩ thái hệ thống và ba cõi phụ hồng trần đậm đặc hệ thống.

2. Ba nhóm Agnichaitans liên quan đến:

A. Mãnh lực hay năng lượng của chất liệu hồng trần. Phương diện điện lực tạo ra hoạt động.

B. Sự kiến tạo các hình tướng. Chúng tạo ra sự kết hợp của chất liệu âm và dương, và nhờ đó làm phát sinh mọi điều có thể được thấy và chạm đến theo nghĩa ngoại môn và thông thường.

C. Nhiệt nội tại của chất liệu nuôi dưỡng và gây ra sự sinh sản. Chúng tạo thành phương diện mẫu thân thuần túy.

9. Ba nhóm Agnichaitans tương ứng với ba phương diện của thiên tính.

10. Nhóm thứ nhất, Nhóm A., rõ ràng có tính điện lực và dường như tương quan với loại năng lượng prana cao nhất, dù ở phần sau của văn bản này prana lại được liên kết với Định luật Hấp Dẫn, phương diện thứ hai và

magnetism. It is worth noting that the first group of Agnichaitans are connected with the "electrical aspect". We are accustomed to the association between the first aspect and electric fire, but sometimes it is the third aspect which is associated with electricity.

từ điện. Điều đáng lưu ý là nhóm Agnichaitans thứ nhất được nối kết với "phương diện điện lực". Chúng ta quen với sự liên kết giữa phương diện thứ nhất và Lửa Điện, nhưng đôi khi chính phương diện thứ ba lại được liên kết với điện lực.

11. The second group, Group B., seems to be magnetic and to express a variation of the Law of Attraction. In this case, "positive substance" could be considered atomic in nature, and "negative substance", densely physical—i.e., substance of the lower three subplanes.

11. Nhóm thứ hai, Nhóm B., dường như có tính từ tính và biểu lộ một biến thể của Định luật Hấp Dẫn. Trong trường hợp này, "chất liệu dương" có thể được xem là có bản chất nguyên tử, còn "chất liệu âm" là hồng trần đậm đặc—tức chất liệu của ba cõi phụ thấp.

12. The third group, Group C., seems to correlate with what we have studied earlier in the treatise as "latent heat". We note that this internal fire nourishes the physical form and also causes *reproduction*. It is, therefore, most closely associated with the sacral center, which from one perspective is the most physically correlated of all the seven major chakras.

12. Nhóm thứ ba, Nhóm C., dường như tương quan với điều chúng ta đã nghiên cứu trước đó trong bộ luận này như là "nhiệt tiềm ẩn". Chúng ta lưu ý rằng ngọn lửa nội tại này nuôi dưỡng hình tướng hồng trần và cũng gây ra *sự sinh sản*. Vì vậy, nó được liên kết mật thiết nhất với trung tâm xương cùng, vốn từ một góc nhìn là trung tâm tương quan hồng trần nhất trong bảy luân xa chính.

13. If we are speaking of the systemic etheric-physical plane only, the three groups are the correspondences upon that plane of electric fire, equilibrizing/uniting fire and fire by friction. Sometimes the lowest fire is divided into two categories, active heat and latent heat, but there is also a viable threefold division, such as is being used in this section of text.

13. Nếu chúng ta chỉ nói về cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống, thì ba nhóm là những tương ứng trên cõi đó của Lửa Điện, lửa quân bình/hợp nhất và Lửa ma sát. Đôi khi ngọn lửa thấp nhất được chia thành hai loại, nhiệt hoạt động và nhiệt tiềm ẩn, nhưng cũng có một sự phân chia tam phân khả dụng, như đang được dùng trong phần văn bản này.

14. Depending on how we interpret what is said immediately below, we could approach from either a systemic or cosmic perspective.

14. Tùy theo cách chúng ta diễn giải điều được nói ngay bên dưới, chúng ta có thể tiếp cận từ viễn tượng hệ thống hoặc vũ trụ.

15. We will probably discover that whatever is said of the Agnichaitans *systemically*

15. Có lẽ chúng ta sẽ khám phá rằng bất cứ điều gì được nói về các Agnichaitans một

could, analogically, be said of them *cosmically*—i.e., in relation to the cosmic physical plane as a whole.

cách *hệ thống* thì, theo phép loại suy, cũng có thể được nói về chúng một cách *vũ trụ*—tức là, trong liên hệ với toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

These three groups are subdivided again into seven groups which form the matter of each subplane,

Ba nhóm này lại được chia nhỏ thành bảy nhóm, tạo thành vật chất của mỗi cõi phụ,

16. We gather that we are speaking more of the number forty-nine than of the number twenty-one. The three systemic planes comprising *each* of the second and third divisions of Agnichaitans are *each* subdivided into seven subplanes.

16. Chúng ta hiểu rằng ở đây đang nói nhiều hơn đến con số bốn mươi chín hơn là con số hai mươi mốt. Ba cõi hệ thống cấu thành *mỗi* phần thứ hai và thứ ba của các Agnichaitans đều *mỗi* được chia nhỏ thành bảy cõi phụ.

17. We gather, then, that each of the physical systemic subplanes has seven modes of activity or seven types of matter. Of course each systemic plane has seven sub-modes of activity; we are used to this idea. The differentiation, however, becomes more complex.

17. Như vậy, chúng ta hiểu rằng mỗi cõi phụ hồng trần hệ thống có bảy phương thức hoạt động hay bảy loại vật chất. Dĩ nhiên mỗi cõi hệ thống đều có bảy phương thức hoạt động phụ; chúng ta đã quen với ý tưởng này. Tuy nhiên, sự biến phân trở nên phức tạp hơn.

18. We see the differentiations must be quite minute if forty-nine grades of matter or modes of activity are to be found in so small a vibrational range as the systemic etheric-physical plane.

18. Chúng ta thấy các sự biến phân hẳn phải cực kỳ vi tế nếu bốn mươi chín cấp độ vật chất hay phương thức hoạt động được tìm thấy trong một phạm vi rung động nhỏ như cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

19. We do not yet have an indication that each systemic subplane is further divided into forty-nine types of vibration or substance-matter.

19. Chúng ta vẫn chưa có chỉ dẫn nào cho thấy mỗi cõi phụ hệ thống lại còn được chia tiếp thành bốn mươi chín loại rung động hay chất liệu-vật chất.

viewing that matter as the body of manifestation of one of the seven devas through whom the Raja-Lord of the plane is manifesting.

xem vật chất ấy như thể biểu hiện của một trong bảy thiên thần mà qua đó Chúa Tể Raja của cõi đang biểu lộ.

20. Reviewing—a Raja Deva Lord is the very substance of one of the *systemic* planes throughout the solar system.

20. Tóm lại—một Chúa Tể Raja Deva là chính chất liệu của một trong các cõi *hệ thống* trong toàn bộ hệ mặt trời.

21. Each such Raja Deva Lord manifests through seven subsidiary deva lords each of whom is the substance of one of the seven subplanes of the systemic plane which the Raja Deva Lord informs.

21. Mỗi Chúa Tể Raja Deva như thế biểu lộ qua bảy chúa tể thiên thần phụ, mỗi vị là chất liệu của một trong bảy cõi phụ của cõi hệ thống mà Chúa Tể Raja Deva ấy thấm nhuần.

22. Kshiti (considered systemically) manifests through the seven subplanes of the systemic etheric-physical plane. Each of the subplanes of that systemic plane is informed by one of seven lords or devas subsidiary to Kshiti.

22. Kshiti (xét theo hệ thống) biểu lộ qua bảy cõi phụ của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống. Mỗi cõi phụ của cõi hệ thống ấy được một trong bảy chúa tể hay thiên thần phụ thuộc Kshiti thấm nhuần.

These seven groups are again divided into seven, making forty-nine.

Bảy nhóm này lại được chia thành bảy, thành ra bốn mươi chín.

23. If we were speaking *cosmically* we would be speaking of forty-nine systemic subplanes. However, we are speaking *systemically* and so we are saying that each of the seven subplanes of the systemic etheric-physical plane has seven subsidiary divisions of matter, each informed by a particular group of devas behind which is a particular devic entity inclusive of all examples of that vibrational group of devas.

23. Nếu chúng ta đang nói theo nghĩa *vũ trụ* thì chúng ta sẽ nói về bốn mươi chín cõi phụ hệ thống. Tuy nhiên, chúng ta đang nói theo nghĩa *hệ thống*, và vì thế chúng ta đang nói rằng mỗi một trong bảy cõi phụ của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống có bảy phân chia vật chất phụ, mỗi phân chia được một nhóm thiên thần đặc thù phía sau thấm nhuần, và phía sau nhóm ấy là một thực thể thiên thần đặc thù bao gồm mọi ví dụ của nhóm thiên thần có rung động ấy.

24. If we consider the entire cosmic physical plane, we will have 49 x 7 or 343 such deva groups, seven group per systemic subplane of the cosmic physical plane.

24. Nếu chúng ta xét toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta sẽ có 49 x 7 hay 343 nhóm thiên thần như vậy, bảy nhóm cho mỗi cõi phụ hệ thống của cõi hồng trần vũ trụ.

The three groups function as follows:

Ba nhóm này hoạt động như sau:

Group A. on the first subplane. They are the sumtotal of the atomic matter of the physical plane.

Nhóm A. trên cõi phụ thứ nhất. Chúng là tổng thể vật chất nguyên tử của cõi hồng trần.

25. There will be seven devic groups associated with Group A.

25. Sẽ có bảy nhóm thiên thần liên kết với Nhóm A.

Group B. on the second, third and fourth etheric subplanes. They are the substance of those planes, the transmitters of prana, through which prana flows to the most concrete aspects of the logoic dense vahan, or vehicle.

Nhóm B. trên cõi phụ dĩ thái thứ hai, thứ ba và thứ tư. Chúng là chất liệu của các cõi ấy, là những vị truyền dẫn prana, qua đó prana chảy đến những phương diện cụ thể nhất của vahan đậm đặc logoic, hay vận cụ.

26. We note that Group B. is particularly associated with prana. It seems that the pranic aspect is closely correlated with the second aspect of divinity. It has a certain cohesive power.

26. Chúng ta lưu ý rằng Nhóm B. đặc biệt liên hệ với prana. Dường như phương diện prana tương quan mật thiết với phương diện thứ hai của thiên tính. Nó có một quyền năng cố kết nhất định.

27. There will be twenty-one devic groups associated with Group B.

27. Sẽ có hai mươi mốt nhóm thiên thần liên kết với Nhóm B.

Group C. the lowest three subplanes; they are the devas who are the essences of all that is tangible, visible and objective.

Nhóm C. ba cõi phụ thấp nhất; chúng là các thiên thần là tinh chất của mọi điều hữu hình, khả kiến và khách quan.

28. It is important to realize that devas are often called “essences”. They are that which substands the existence and perception of a certain type of substance-matter.

28. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng các thiên thần thường được gọi là “các tinh chất”. Chúng là cái nền tảng cho sự hiện hữu và sự tri giác của một loại chất liệu-vật chất nhất định.

29. As well, there will be twenty-one devic groups associated with Group C.

29. Ngoài ra, cũng sẽ có hai mươi mốt nhóm thiên thần liên kết với Nhóm C.

30. We note the method of systemic subplane division related to Groups A., B., and C. The method is 1—3—3. There are, of course, other ways to divide septenates, as we have discussed elsewhere in these commentaries.

30. Chúng ta lưu ý phương pháp phân chia cõi phụ hệ thống liên hệ với các Nhóm A., B., và C. Phương pháp ấy là 1—3—3. Dĩ nhiên còn có những cách khác để phân chia các bộ bảy, như chúng ta đã bàn ở nơi khác trong các phần bình giải này.

31. In the following section we are dealing not with the microcosm but with divisions

31. Trong phần sau đây, chúng ta không bàn đến tiểu thiên địa mà bàn đến các phân chia

within the macrocosm. We should remain alert when DK switches levels.

trong đại thiên địa. Chúng ta nên luôn tỉnh táo khi Chân sư DK chuyển cấp độ.

A very real distinction must be made by students between the centres and the remainder of the body, as they investigate the construction of the body of the solar Logos or of a planetary Logos.

Đạo sinh phải phân biệt thật rõ giữa các trung tâm và phần còn lại của thể, khi khảo cứu sự kiến tạo thân thể của Thái dương Thượng đế hay của một Hành Tinh Thượng Đế.

[Page 637]

[Page 637]

The centres are allied or connected with consciousness, and are composed of self-conscious units—the human Monads.

Các trung tâm được liên kết hay nối kết với tâm thức, và được cấu thành bởi các đơn vị tự ý thức—các chân thần nhân loại.

32. DK is speaking of the centers in a Planetary Logos or Solar Logos.

32. Chân sư DK đang nói về các trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế.

33. A question remains concerning whether *all* the centers in a Planetary Logos or Solar Logos are composed only of *human* Monads, or whether some of them are composed or *deva* Monads.

33. Vẫn còn một câu hỏi về việc liệu *mọi* trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế có chỉ được cấu thành bởi các chân thần *nhân loại* hay không, hoặc liệu một số trung tâm trong đó lại được cấu thành bởi các chân thần *thiên thần*.

34. The following references (and especially the first) tend to raise the question.

34. Những tham chiếu sau đây (và đặc biệt là tham chiếu thứ nhất) có khuynh hướng nêu lên câu hỏi ấy.

Here comes the opportunity to make clear something that is oft lost sight of in the general fog surrounding this subject. The *human and deva units* **on the upward arc**, who are the cells in His body, go *to the formation of the centres, and not to the remainder of the cellular vital substance of His vehicles.* Man has a body made up of matter which is applied to different uses, yet which forms a unit. In this unit there are certain areas of more vital importance than other areas *from the standpoint of energising force.*

Ở đây xuất hiện cơ hội để làm sáng tỏ một điều thường bị bỏ quên trong màn sương mù chung bao quanh chủ đề này. Các *đơn vị nhân loại và thiên thần* **trên cung đi lên**, là những tế bào trong thân thể của Ngài, góp *phần vào việc hình thành các trung tâm, chứ không phải vào phần còn lại của chất liệu sinh lực tế bào trong các vận cụ của Ngài.* Con người có một thể được tạo thành từ vật chất được dùng vào những công dụng khác nhau, nhưng vẫn tạo thành một đơn vị. Trong đơn vị này có những vùng quan trọng về sinh lực hơn

Such an area as the heart may, in this connection, be considered and compared (as regards force value) with such an area as the calf of the leg. The entity, man, utilises both, but the heart centre is of paramount importance. **Thus is it also with a Heavenly Man. The two great Hierarchies —deva and human—are force centres in the body of a planetary Logos**; the other evolutions of an involutionary nature extant within the scheme, and the remainder of the active substance of the globes, and all contained therein, go to the content of the remainder of His body. (TCF 356)

những vùng khác *xét từ quan điểm của mãnh lực tiếp năng lượng.* Trong mối liên hệ này, một vùng như tim có thể được xem xét và so sánh (về giá trị mãnh lực) với một vùng như bắp chân. Thực thể là con người sử dụng cả hai, nhưng trung tâm tim có tầm quan trọng tối thượng. **Với một Đấng Thiên Nhân cũng vậy. Hai Huyền Giai lớn—thiên thần và nhân loại—là các trung tâm mãnh lực trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế**; các tiến hoá khác có bản chất giáng hạ tiến hoá hiện hữu trong hệ hành tinh, và phần còn lại của chất liệu hoạt động của các bầu hành tinh, cùng mọi thứ chứa trong đó, góp phần vào nội dung của phần còn lại trong thân thể của Ngài. (TCF 356)

As other of His centres are vitalised, and come into full activity, other methods of stimulating the cells in His body (the deva and human monads) may be followed, but for the present the cosmic Rod of Initiation, which is applied to a Heavenly Man, in much the same manner as the lesser rods are applied to man, is being utilised in such a way that it produces that specific stimulation which demonstrates in the activity of man on the Path of Probation and the Path of Initiation. (IHS 178)

Khi các trung tâm khác của Ngài được tiếp sinh lực và đi vào hoạt động đầy đủ, những phương pháp khác để kích thích các tế bào trong thân thể của Ngài (các chân thần thiên thần và nhân loại) có thể được áp dụng, nhưng hiện nay Thần Trượng Điểm đạo vũ trụ, được áp dụng cho một Đấng Thiên Nhân gần giống như các thần trượng nhỏ hơn được áp dụng cho con người, đang được sử dụng theo cách tạo ra sự kích thích đặc thù được biểu lộ trong hoạt động của con người trên Con Đường Dự Bị và Con Đường Điểm Đạo. (IHS 178)

Similarly, this triple force, produced by this conscious appropriation by the Heavenly Man, animates deva substance and the dense physical body of the planetary Logos is manifested objectively. This is what is meant by the statements that devas are found only in the three worlds. It is a statement analogous to the one that humanity is only found in the three worlds; **nevertheless, the human Monads in their seven types are found on the plane of spirit —as it is the plane of duality—the deva monads are likewise found there**. TCF 691)

Tương tự như vậy, mãnh lực tam phân này, được tạo ra bởi sự chiếm hữu có ý thức này của Đấng Thiên Nhân, làm sinh động chất liệu thiên thần và thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế được biểu lộ một cách khách quan. Đây là điều được hàm ý trong những phát biểu rằng các thiên thần chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới. Đó là một phát biểu tương tự với phát biểu rằng nhân loại chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới; **tuy nhiên, các chân thần nhân loại trong bảy loại của chúng được tìm thấy trên cõi tinh thần—vì đó là cõi của nhị nguyên tính—các**

chân thần thiên thần cũng được tìm thấy ở đó tương tự như vậy. TCF 691)

Each of the kingdoms of nature is the expression of a Life or Being; man, for instance, being the expression of one or other of the Heavenly Men; the sumtotal of humanity (the fourth Hierarchy) being found, with the deva evolution, as the centres of the solar Logos. The animal kingdom likewise is the expression of the life of a Being Who is a part of the body of the Logos or of the planetary Logos, but not a centre of conscious energy. (A correspondence is found in the human body, which has its seven centres of force or energy, but also other organs upon which objective manifestation depends in lesser degree.) Such an Entity finds expression through the animal kingdom, of which He is the informing Soul, and He has definite place in the planetary or logoic body. (TCF 461)

Mỗi giới trong các giới của bản chất là biểu hiện của một Sự sống hay một Hữu thể; chẳng hạn con người là biểu hiện của một hay một vị khác trong các Đấng Thiên Nhân; tổng thể nhân loại (Huyền Giai thứ tư) được tìm thấy, cùng với tiến hoá thiên thần, như các trung tâm của Thái dương Thượng đế. Giới động vật cũng vậy, là biểu hiện của sự sống của một Hữu thể là một phần của thân thể của Thượng đế hay của Hành Tinh Thượng Đế, nhưng không phải là một trung tâm năng lượng có ý thức. (Có một sự tương ứng trong thể người, vốn có bảy trung tâm mãnh lực hay năng lượng, nhưng cũng có những cơ quan khác mà biểu hiện khách quan tùy thuộc vào đó ở mức độ thấp hơn.) Một Thực Thể như thế biểu lộ qua giới động vật, mà Ngài là Linh hồn thấm nhuần, và Ngài có một vị trí xác định trong thể hành tinh hay logoic. (TCF 461)

The remainder of the body is composed of deva substance, yet the two together form a unity.

Phần còn lại của thể được cấu thành bởi chất liệu thiên thần, tuy nhiên cả hai cùng nhau tạo thành một hợp nhất.

35. As indicated above, the section of text immediately above may have to be qualified.

35. Như đã chỉ ra ở trên, phần văn bản ngay bên trên có thể cần được xác định lại.

36. It will be important to distinguish between “deva substance” which go to the composition of the “remainder of the body” of a Planetary Logos or Solar Logos, and “deva units on the upward arc” who are cells in the body of these Logoi and “go to the formation of the centres, and not to the remainder of the cellular vital substance of His vehicles”.

36. Điều quan trọng là phải phân biệt giữa “chất liệu thiên thần” góp phần cấu thành “phần còn lại của thể” của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, và “các đơn vị thiên thần trên cung đi lên” là những tế bào trong thể của các Thượng đế này và “góp phần vào việc hình thành các trung tâm, chứ không phải vào phần còn lại của chất liệu sinh lực tế bào trong các vận cụ của Ngài”.

37. Perhaps this fine distinction alerts us to how carefully we must read when studying the varieties of the devas.

37. Có lẽ sự phân biệt tinh tế này cảnh báo chúng ta phải đọc cẩn thận đến mức nào khi nghiên cứu các loại thiên thần.

The deva units therefore far outnumber the human, and deva substance is also feminine and negative, the human Hierarchy being masculine.

Vì vậy, các đơn vị thiên thần đông hơn rất nhiều so với nhân loại, và chất liệu thiên thần cũng mang tính nữine và âm, còn Huyền Giai nhân loại thì mang tính namtính.

38. Again, we have to be cautious in our understanding of the word "unit". Is it meant to signify the word "Monad" or something else? Or is it inclusive of the word "Monad" as well as descriptive of other types of devic lives?

38. Một lần nữa, chúng ta phải thận trọng trong việc hiểu từ "đơn vị". Nó có được dùng để chỉ từ "chân thần" hay điều gì khác không? Hay nó bao gồm cả từ "chân thần" đồng thời cũng mô tả những loại sự sống thiên thần khác?

39. An important point is brought forward. The human Hierarchy is masculine; the deva hierarchy (although it does not say so explicitly in this reference) is feminine. There are a number of references throughout the Teaching which confirm this. In this reference, it is confirmed that deva "substance" is feminine and negative.

39. Một điểm quan trọng được nêu ra. Huyền Giai nhân loại là nam tính; huyền giai thiên thần (dù tham chiếu này không nói rõ như vậy) là nữ tính. Có một số tham chiếu xuyên suốt Giáo Huấn xác nhận điều này. Trong tham chiếu này, điều đó được xác nhận rằng "chất liệu" thiên thần là nữ tính và âm tính.

Through the positive activity of the centres, the negative deva substance is influenced, built and energized. This is true of a solar Logos, a planetary Logos and a human being.

Thông qua hoạt động dương của các trung tâm, chất liệu thiên thần âm tính được tác động, kiến tạo và tiếp năng lượng. Điều này đúng đối với một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế và một con người.

40. We must realize that there are highly developed deva entities who are the very substance of the various centers.

40. Chúng ta phải nhận ra rằng có những thực thể thiên thần phát triển cao là chính chất liệu của các trung tâm khác nhau.

41. If certain deva units on the upward arc are also constituents of the centers of a Planetary Logos or Solar Logos, then such deva units also act in a positive and influential manner on "deva substance" per

41. Nếu một số đơn vị thiên thần trên cung đi lên cũng là thành phần cấu tạo của các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, thì các đơn vị thiên thần ấy cũng tác động theo cách

se. They do build and energize deva substance.

dương tính và có ảnh hưởng lên chính chất liệu thiên thần. Chúng thực sự kiến tạo và tiếp năng lượng cho chất liệu thiên thần.

42. We are to remember, as well, that he permanent atoms which act as the seventh principle to the various vehicles also influence, build and energize those vehicles.

42. Chúng ta cũng phải nhớ rằng các nguyên tử trường tồn hoạt động như nguyên khí thứ bảy đối với các vận cụ khác nhau cũng tác động, kiến tạo và tiếp năng lượng cho các vận cụ ấy.

Three types of force, therefore, play upon or through these devas:

Vì vậy, ba loại mãnh lực tác động lên hay xuyên qua các thiên thần này:

a. That energizing the devas of the first subplane, the atomic. This emanates directly from the first aspect of Brahma, or Agni, considering Him as a self-conscious Identity, the third Person of the logoic Trinity, and therefore Spirit, Soul and Body Himself in His separated essential nature.

a. Loại tiếp năng lượng cho các thiên thần của cõi phụ thứ nhất, cõi nguyên tử. Loại này phát xạ trực tiếp từ phương diện thứ nhất của Brahma, hay Agni, khi xem Ngài như một Bản Sắc tự ý thức, Ngôi thứ ba của Tam Vị logoic, và do đó chính là Tinh thần, Linh hồn và Thể trong bản chất thiết yếu biệt lập của Ngài.

43. Each Person of the logoic Trinity is threefold. Although there may be various ways of interpreting this section, one way is to consider Brahma as the entire "third Person" of the Logoic Trinity (Shiva and Vishnu, being the first and second persons respectively). In this case Agni will be considered the first aspect of Brahma (the Third Person). Yet, as we know, there are other ways of considering the identity of Agni—for instance as the entire personality of the Solar Logos, and thus as Brahma in its entirety.

43. Mỗi Ngôi của Tam Vị logoic đều là tam phân. Dù có thể có nhiều cách diễn giải phần này, một cách là xem Brahma như toàn bộ "Ngôi thứ ba" của Tam Vị Logoic (Shiva và Vishnu lần lượt là ngôi thứ nhất và thứ hai). Trong trường hợp này, Agni sẽ được xem là phương diện thứ nhất của Brahma (Ngôi thứ ba). Tuy nhiên, như chúng ta biết, còn có những cách khác để xem xét bản sắc của Agni—chẳng hạn như toàn bộ phàm ngã của Thái dương Thượng đế, và do đó là Brahma trong toàn thể của nó.

44. Brahma has three aspects just as have Shiva and Visnu.

44. Brahma có ba phương diện cũng như Shiva và Visnu đều có.

45. The first aspect of Brahma (Agni, according to the present section of text.) energizes the first subplane of the cosmic physical plane. There will also be a

45. Phương diện thứ nhất của Brahma (Agni, theo phần văn bản hiện tại) tiếp năng lượng cho cõi phụ thứ nhất của cõi hồng trần vũ trụ. Cũng sẽ có một sự cộng hưởng nhờ đó

resonance through which Agni has a energizing effect on the first subplane of each *systemic* plane.

Agni có tác dụng tiếp năng lượng lên cõi phụ thứ nhất của mỗi cõi *hệ thống*.

b. That energizing the devas of construction, or the form building groups; this comes from the second aspect of Brahma, and is prana, issuing from the physical Sun, and working under the Law of Attraction.

b. Loại tiếp năng lượng cho các thiên thần kiến tạo, hay các nhóm xây dựng hình tướng; loại này đến từ phương diện thứ hai của Brahma, và là prana, phát ra từ Mặt Trời hồng trần, hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn.

46. We could call this second aspect of Brahma His 'Vishnu' aspect or His 'Surya' aspect. We could also correlate this second aspect with the Lord Varuna.

46. Chúng ta có thể gọi phương diện thứ hai này của Brahma là phương diện 'Vishnu' hay phương diện 'Surya' của Ngài. Chúng ta cũng có thể tương quan phương diện thứ hai này với Chúa Varuna.

47. The second aspect is always connected with form building and thus these devas (of the second, third and fourth subplanes or divisions) are "devas of construction".

47. Phương diện thứ hai luôn gắn liền với việc xây dựng hình tướng, và vì vậy các thiên thần này (của các cõi phụ hay phân chia thứ hai, thứ ba và thứ tư) là "các thiên thần kiến tạo".

48. It is important to notice that prana works under the Law of Attraction and thus under the second aspect. Prana is, from this perspective, *magnetic.*

48. Điều quan trọng cần lưu ý là prana hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn và do đó dưới phương diện thứ hai. Từ góc độ này, prana là *từ tính.*

c. That energizing the devas of the lowest three orders, emanating from Brahma in His third aspect.

c. Đó là cái tiếp sinh lực cho các thiên thần thuộc ba cấp thấp nhất, phát xuất từ Brahma trong phương diện thứ ba của Ngài.

49. We notice that DK gives no name for the second and third aspects of the lowest of the threefold Logoi, Brahma. We could consider this aspect the Brahma aspect of Brahma or the 'Kshiti Aspect'.

49. Chúng ta nhận thấy rằng Chân sư DK không đặt tên cho phương diện thứ hai và thứ ba của vị thấp nhất trong Tam Vị Logoi, tức Brahma. Chúng ta có thể xem phương diện này là phương diện Brahma của Brahma hoặc là "Phương diện Kshiti".

50. It is important to notice that Agni always carries the note of will and of the first aspect, not only the note of mentality.

50. Điều quan trọng cần lưu ý là Agni luôn mang âm điệu của ý chí và của phương diện thứ nhất, chứ không chỉ âm điệu của trí tuệ.

Thus in the dual force, or the aspects of matter itself, interacting the one upon the other, densest forms of all are produced. Yet these three function as one.

Như vậy, trong mãnh lực kép, hay các phương diện của chính vật chất, tương tác lẫn nhau, những hình tướng đậm đặc nhất trong tất cả được tạo ra. Tuy nhiên, ba loại này vận hành như một.

51. The densest forms are produced on the lower three subplanes of the cosmic physical plane, the twenty-one lowest systemic planes (including the higher mental plane, systemically considered).

51. Những hình tướng đậm đặc nhất được tạo ra trên ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ, tức hai mươi mốt cõi hệ thống thấp nhất (kể cả Cõi thượng trí, xét theo hệ thống).

52. How shall we consider "dual force"—as cosmic ether and cosmic dense substance?

52. Chúng ta nên hiểu "mãnh lực kép" như thế nào—như dĩ thái vũ trụ và chất liệu đậm đặc vũ trụ chăng?

53. The divisions we appear to be dealing with occur in the pattern 1—3—3.

53. Những phân chia mà chúng ta dường như đang bàn đến xuất hiện theo mô hình 1—3—3.

54. The three types of devas here mentioned as functioning "as one" are the devas representative of the one, the three and the lower three.

54. Ba loại thiên thần được nhắc đến ở đây như đang vận hành "như một" là các thiên thần đại diện cho một, ba, và ba thấp.

Group C. Agnichaitans. In considering these groups of Agnichaitans, we must remember that we are dealing with that manifestation of the Logos with which exoteric science is dealing, and that as regards Group C, science is already making fair progress in the accumulation of knowledge;

Nhóm C. Agnichaitans. Khi xem xét các nhóm Agnichaitans này, chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đang bàn đến biểu hiện của Logos mà khoa học ngoại môn đang nghiên cứu, và rằng đối với Nhóm C, khoa học đã đang đạt được tiến bộ khá tốt trong việc tích lũy tri thức;

55. Earlier in the text, this is said of Group C:

55. Trước đó trong bản văn, điều này đã được nói về Nhóm C:

Group C. the lowest three subplanes; they are the devas who are the essences of all that is tangible, visible and objective

Nhóm C. ba cõi phụ thấp nhất; đó là các thiên thần là tinh chất của mọi điều hữu hình, khả kiến và khách quan

56. We must be cautious in our approach, as there is that which in tangible, visible and

56. Chúng ta phải thận trọng trong cách tiếp cận, vì có những gì là hữu hình, khả kiến và

objective from the *systemic* point of view and, on a higher turn of the spiral, from a *cosmic* point of view.

57. Certainly, the very lowest three subplanes of the systemic physical plane are presently under close scientific scrutiny. That scrutiny now extends into the first ether, or the first subplane which deals specifically with active fire rather than latent fire and thus with Agnichaitans of Group B.

58. Although the science of psychology is receiving much attention as is philosophical enquiry, it cannot yet be said that science is studying the true nature of the devas of the astral and lower mental subplanes.

59. If we consider Group C. Agnichaitans from the *cosmic* perspective, however, these lower eighteen subplanes (and even the lower twenty-one) would be included. Group C. Agnichaitans would thus express through the dense physical body of the Solar Logos.

it remains yet for science to [Page 638] acknowledge the "entified" nature of substance,[8,9] and thus account for the life that energizes the substance of the three lower subplanes.

60. Science deals with matter-substance and, now, even considers it to be matter-*force*, however, does not consider matter-force as *living* or as possessing soul (and thus identity, even if *unconscious* identity).

khách quan từ quan điểm *hệ thống* và, ở một vòng xoắn cao hơn, từ quan điểm *vũ trụ*.

57. Chắc chắn, chính ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống hiện đang được khoa học khảo sát chặt chẽ. Sự khảo sát ấy nay mở rộng đến dĩ thái thứ nhất, hay cõi phụ thứ nhất vốn đặc biệt liên quan đến lửa hoạt động thay vì lửa tiềm tàng, và do đó liên quan đến các Agnichaitans của Nhóm B.

58. Mặc dù khoa học tâm lý học đang nhận được nhiều chú ý, cũng như sự khảo cứu triết học, nhưng chưa thể nói rằng khoa học đang nghiên cứu bản chất đích thực của các thiên thần trên các cõi phụ cảm dục và hạ trí.

59. Tuy nhiên, nếu chúng ta xét Nhóm C. Agnichaitans từ góc độ *vũ trụ*, thì mười tám cõi phụ thấp này (và thậm chí cả hai mươi mốt cõi phụ thấp) sẽ được bao gồm. Khi ấy, Nhóm C. Agnichaitans sẽ biểu lộ qua thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

Khoa học vẫn còn phải [Page 638] thừa nhận bản chất "được thể hoá" của chất liệu,[8,9] và do đó giải thích được sự sống tiếp sinh lực cho chất liệu của ba cõi phụ thấp.

60. Khoa học nghiên cứu vật chất-chất liệu và hiện nay thậm chí còn xem nó là vật chất-*mãnh lực*; tuy nhiên, khoa học không xem vật chất-mãnh lực là *sống động* hay là có linh hồn (và do đó có bản sắc, dù là bản sắc *vô thức*).

61. The acronym '*msef*'—matter-substance-energy-force—may be useful when thinking about the denser aspect of manifestation.

FOOTNOTE 8: The "entified" nature of all substance is technically known as Hylozoism. H. P. B. says: "Hylozoism, when philosophically understood, is the highest aspect of Pantheism.

62. By Pantheism (or Pan-Theism) we mean that God is *in* all things and, in fact, *is* all things.

It is the only possible escape from idiotic Atheism based on lethal materiality, and the still more idiotic anthropomorphic conceptions of the Monotheists; between which it stands on its own entirely neutral ground.

63. HPB considers the alternatives to philosophical Pantheism as idiotic. She assigns this world view a midway place between material Atheism and anthropomorphic Monotheism.

64. Why is Atheism idiotic and materiality lethal—because they kill spiritual perception and reception.

65. Hylozoism posits One Living Soul of all the universe—a universal, yet impersonal Deity in which every unit of life participates as both part and whole.

Hylozoism demands absolute Divine Thought, which would pervade the numberless active creating Forces, or "Creators," which Entities are moved by, and

61. Từ viết tắt '*msef*'—matter-substance-energy-force—có thể hữu ích khi suy nghĩ về phương diện đậm đặc hơn của biểu hiện.

CHÚ THÍCH 8: Bản chất "được thể hoá" của mọi chất liệu về mặt kỹ thuật được gọi là Hylozoism. H. P. B. nói: "Hylozoism, khi được thấu hiểu về mặt triết học, là phương diện cao nhất của Phiếm thần luận.

62. Bởi Phiếm thần luận (hay Pan-Theism), chúng ta muốn nói rằng Thượng đế ở *trong* mọi sự vật và, thật ra, *là* mọi sự vật.

Đó là lối thoát khả dĩ duy nhất khỏi thuyết vô thần ngu xuẩn dựa trên tính vật chất chết chóc, và những quan niệm nhân hình còn ngu xuẩn hơn của những người độc thần; giữa hai lập trường ấy, nó đứng trên nền tảng trung lập hoàn toàn của riêng mình.

63. HPB xem các lựa chọn thay thế cho Phiếm thần luận triết học là ngu xuẩn. Bà đặt thế giới quan này vào vị trí trung gian giữa thuyết vô thần duy vật và thuyết độc thần nhân hình.

64. Tại sao thuyết vô thần là ngu xuẩn và tính vật chất là chết chóc—bởi vì chúng giết chết sự tri nhận và tiếp nhận tinh thần.

65. Hylozoism khẳng định Một Linh Hồn Sống duy nhất của toàn thể vũ trụ—một Thượng đế phổ quát nhưng phi ngã tính, trong đó mỗi đơn vị sự sống đều tham dự vừa như bộ phận vừa như toàn thể.

Hylozoism đòi hỏi Tư Tưởng thiêng liêng tuyệt đối, tư tưởng này sẽ thấm khắp vô số Mãnh Lực sáng tạo đang hoạt động, hay các "Đấng Sáng Tạo", là những Thực Thể được

have their being in, from and through that Divine Thought....

66. In Hylozoism the great hierarchical diversity of energy-forces are considered aspects of a one all embracing Force which functions under the direction of Divine Thought—the Diving Thought of the One Universal Identity.

Such active "Creators" are known to exist and are believed in because perceived and sensed by the Inner Man in the Occultist."—S. D., II, 167, 168.

67. Even though we can begin to sense some of the many subtle, internal "Creators", it is important to realize that that they are not entirely independent agencies but *aspects* of one Supreme, All-Informing Creator.

FOOTNOTE 9:

An atom is an entified abstraction.—S. D., I, 559-560.

68. Spirit is the One Abstraction. Atoms are as spirits within Spirit and indivisible from it.

a. The informing entity of the system is the Logos.´

69. Occultly, the Logos is considered a cosmic atom.

b. The informing entity of a plane is its raja-Lord.

thúc đẩy bởi, và tồn tại trong, từ và xuyên qua Tư Tưởng thiêng liêng ấy....

66. Trong Hylozoism, sự đa dạng huyền giai lớn lao của các năng lượng-mãnh lực được xem là những phương diện của một Mãnh Lực duy nhất bao trùm tất cả, vận hành dưới sự chỉ đạo của Tư Tưởng thiêng liêng—Tư Tưởng thiêng liêng của Bản Sắc Phổ Quát Duy Nhất.

Những "Đấng Sáng Tạo" hoạt động như thế được biết là hiện hữu và được tin là có thật vì được Nội Nhân nơi nhà huyền bí học tri nhận và cảm nhận."—S. D., II, 167, 168.

67. Dù chúng ta có thể bắt đầu cảm nhận được một số trong nhiều "Đấng Sáng Tạo" vi tế, nội tại ấy, điều quan trọng là phải nhận ra rằng các vị ấy không phải là những tác nhân hoàn toàn độc lập mà là các *phương diện* của một Đấng Sáng Tạo Tối Cao, thấm nhuần tất cả.

CHÚ THÍCH 9:

Một nguyên tử là một trừu tượng được thể hoá.—S. D., I, 559-560.

68. Tinh thần là Trừu Tượng duy nhất. Các nguyên tử như những tinh thần bên trong Tinh thần và không thể phân ly khỏi Nó.

a. Thực thể thấm nhuần của hệ thống là Logos.´

69. Về mặt huyền bí học, Logos được xem là một nguyên tử vũ trụ.

b. Thực thể thấm nhuần của một cõi là vị Chúa Tể raja của nó.

70. We are speaking of a Raja Deva Lord and of a systemic plane.

70. Chúng ta đang nói về một Raja Deva Lord và về một cõi hệ thống.

71. These Raja Deva Lords are, when compared to human initiates, minimally. Initiates of the sixth degree.

71. Các Raja Deva Lords này, khi so sánh với các điểm đạo đồ nhân loại, tối thiểu là các điểm đạo đồ bậc sáu.

Such as Indra, Agni, Varuna, Kshiti.

Chẳng hạn như Indra, Agni, Varuna, Kshiti.

72. These Raja Deva Lords are the informing Entities of the buddhic, manasic, astral and etheric-physical systemic planes respectively. Of course, it is reasonable to conclude that they have their higher *cosmic* correspondences and even *supercosmic* correspondences.

72. Các Raja Deva Lords này lần lượt là những Thực Thể thấm nhuần của các cõi hệ thống Bồ đề, manas, cảm dục và dĩ thái-hồng trần. Dĩ nhiên, hợp lý khi kết luận rằng các vị ấy có những tương ứng cao hơn *vũ trụ* và thậm chí những tương ứng *siêu vũ trụ*.

c. The informing entity of a planet is its planetary Logos.

c. Thực thể thấm nhuần của một hành tinh là Hành Tinh Thượng Đế của nó.

73. This follows from what has been said of a Solar Logos.

73. Điều này tiếp nối từ những gì đã được nói về một Thái dương Thượng đế.

d. The informing entity in the Microcosm is a Dhyan Chohan.

d. Thực thể thấm nhuần trong Tiểu thiên địa là một Dhyan Chohan.

74. A "Microcosm" *may* mean a human being. If this is the case, the Monad, as the informing entity, will be considered a "Dhyan Chohan".

74. Một "Tiểu thiên địa" *có thể* có nghĩa là một con người. Nếu đúng như vậy, chân thần, với tư cách là thực thể thấm nhuần, sẽ được xem là một "Dhyan Chohan".

e. The informing entity in the causal body is the Divine Thinker.

e. Thực thể thấm nhuần trong thể nguyên nhân là Đấng Tư Tưởng thiêng liêng.

75. A Solar Angel "informs" a causal body, at least partially. There is also the possibility that man, as an individualized extension of his own Monad, may be considered, as he progresses in causal consciousness, a "Divine Thinker".

75. Một Thái dương Thiên Thần "thấm nhuần" một thể nguyên nhân, ít nhất là phần nào. Cũng có khả năng rằng con người, như một sự mở rộng đã biệt ngã hóa của chính chân thần mình, có thể được xem, khi y tiến bộ trong tâm thức nguyên nhân, là một "Đấng Tư Tưởng thiêng liêng".

f. The informing entity in a physical atom is an elemental life.

f. Thực thể thấm nhuần trong một nguyên tử hồng trần là một sự sống hành khí.

76. Such an elemental life is an aspect of the third or Brahmic aspect of the Logos.

76. Sự sống hành khí như thế là một phương diện của phương diện thứ ba hay phương diện Brahmic của Logos.

Fire is in all things.—S. D., I, 146; II, 258.

Lửa ở trong mọi sự vật.—S. D., I, 146; II, 258.

77. There are many kinds of fire. From another perspective, fire *is* all things.

77. Có nhiều loại lửa. Từ một góc độ khác, lửa *là* mọi sự vật.

a. The informing entity is Fire.—S. D., I, 145, 146.

a. Thực thể thấm nhuần là Lửa.—S. D., I, 145, 146.

78. Every Spirit of Logos, then, is "Fire".

78. Vậy thì mọi Tinh thần của Logos đều là "Lửa".

79. Fire is Essence possessing consciousness and in activity

79. Lửa là Tinh chất sở hữu tâm thức và trong hoạt động

b. The matter of the form is permeated with fire.—S. D., I, 112.

b. Vật chất của hình tướng được lửa thấm khắp.—S. D., I, 112.

80. This is like saying that lower fire is permeated by higher fire. It also suggests that fire by friction must be differentiated from the lower type of matter. Yet that lowest type of matter is also, occultly, fire—though of a kind which expressed in an earlier solar system.

80. Điều này cũng như nói rằng lửa thấp được lửa cao thấm khắp. Nó cũng gợi ý rằng Lửa ma sát phải được phân biệt với loại vật chất thấp hơn. Tuy nhiên, loại vật chất thấp nhất ấy cũng, theo huyền bí học, là lửa—dù là loại đã biểu lộ trong một hệ mặt trời trước đây.

c. The developing mind is cosmic fire.—S. D., I, 114.

c. Trí tuệ đang phát triển là lửa vũ trụ.—S. D., I, 114.

81. Every entity is a "fire" which emanates Fire. The developing mind is a process through which the cosmic fire of the cosmic mental plane expresses.

81. Mọi thực thể đều là một "lửa" phát xạ Lửa. Trí tuệ đang phát triển là một tiến trình qua đó lửa vũ trụ của cõi trí vũ trụ biểu lộ.

This recognition by science that all forms are built of intelligent lives will come about when the science of magic begins again to come to the fore, and when the laws of being are better understood.

Sự công nhận này của khoa học rằng mọi hình tướng đều được xây dựng bằng các sự sống thông minh sẽ xuất hiện khi khoa học huyền thuật lại bắt đầu nổi lên hàng đầu, và khi các định luật của bản thể được thấu hiểu tốt hơn.

82. DK is telling us that advances in the expression of the seventh ray will lead to important realizations in areas of enquiry which require the fifth ray for their complete elucidation. These two rays (the seventh and the fifth), as we know, work closely together. The planet Uranus, one of the major planets of the New Age, expresses both the seventh and the fifth rays.

82. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng những tiến bộ trong sự biểu lộ của cung bảy sẽ dẫn đến những chứng nghiệm quan trọng trong các lĩnh vực khảo cứu cần cung năm để được làm sáng tỏ trọn vẹn. Như chúng ta biết, hai cung này (cung bảy và cung năm) phối hợp chặt chẽ với nhau. Hành tinh Sao Thiên Vương, một trong những hành tinh chính của Kỷ Nguyên Mới, biểu lộ cả cung bảy lẫn cung năm.

83. The "laws of being" related to an emerging understanding of the first ray (intimately related to both the fifth and the seventh).

83. Các "định luật của bản thể" có liên hệ với một sự thấu hiểu đang xuất hiện về cung một (gắn bó mật thiết với cả cung năm lẫn cung bảy).

84. Perhaps, it is the "divisibility of the Spirit" as Master M. calls it, which will reveal how all forms may be built of intelligent lives.

84. Có lẽ chính "tính khả phân của Tinh thần", như Chân sư M. gọi, sẽ tiết lộ cách mọi hình tướng có thể được xây dựng bằng các sự sống thông minh.

85. Discoveries in relation to the "laws of being" would seem more difficult of accomplishment that discoveries in relation to the science of magic. The first divine aspect dealing with "being" is the most subtle and intangible, though it cannot be denied that the first ray is closely connected to the process of manifestation (as activities within the Department of the Manu demonstrate).

85. Những khám phá liên quan đến "các định luật của bản thể" dường như khó đạt được hơn những khám phá liên quan đến khoa học huyền thuật. Phương diện thiêng liêng thứ nhất liên quan đến "bản thể" là vi tế và vô hình nhất, dù không thể phủ nhận rằng cung một có liên hệ chặt chẽ với tiến trình biểu hiện (như các hoạt động trong Ban của Đức Manu chứng minh).

Magic concerns itself with the manipulation of the lesser lives by a greater life; when the scientist begins to

Huyền thuật quan tâm đến việc vận dụng các sự sống nhỏ hơn bởi một sự sống lớn hơn; khi nhà khoa học bắt đầu làm việc với

work with the consciousness that animates substance (atomic or electronic),

133. "Atomic" substance is higher in nature than "electronic" substance and thus the conscious lives within these different substances are also higher and lower.

and when he brings under his conscious control the forms built of this substance, he will gradually become cognizant of the fact that all entities of all grades and of varying constitutions go to the construction of that which is seen.

86. DK elaborates on how the science of magic may reveal the truth of Hylozoism.

87. We see that these discoveries depend upon work *within the realm of consciousness.*

88. Right now manipulation (though preceded by thought) is accomplished through the exercise of the activity aspect. It will represent a most significant step when manipulation can occur directly from the realm of the conscious mind. Then *thinking* will demonstrate itself as *doing.*

89. Already it has been demonstrated that the consciousness of the observer and that which is observed (i.e., the "matter" under observation) are intimately related. This interrelationship has cause some to question whether (at the quantum level) *objective observation* is a myth.

90. Future discoveries will reveal both the entification of substance and its hierarchical structure.

tâm thức làm sinh động chất liệu (nguyên tử hay điện tử),

133. Chất liệu "nguyên tử" cao hơn về bản chất so với chất liệu "điện tử", và do đó các sự sống có ý thức bên trong các chất liệu khác nhau này cũng cao và thấp tương ứng.

và khi ông đặt dưới sự kiểm soát có ý thức của mình các hình tướng được xây dựng bằng chất liệu này, ông sẽ dần dần nhận biết được sự kiện rằng mọi thực thể thuộc mọi cấp bậc và mọi cấu tạo khác nhau đều góp phần vào việc kiến tạo nên cái được thấy.

86. Chân sư DK khai triển cách khoa học huyền thuật có thể tiết lộ chân lý của Hylozoism.

87. Chúng ta thấy rằng những khám phá này tùy thuộc vào công việc *trong lĩnh vực của tâm thức.*

88. Ngay lúc này, sự vận dụng (dù được tư tưởng đi trước) được thực hiện qua việc vận dụng phương diện hoạt động. Sẽ là một bước cực kỳ quan trọng khi sự vận dụng có thể xảy ra trực tiếp từ lĩnh vực của trí tuệ có ý thức. Khi ấy, *tư duy* sẽ tự chứng tỏ là *hành động.*

89. Người ta đã chứng minh rằng tâm thức của người quan sát và cái được quan sát (tức "vật chất" đang được quan sát) có liên hệ mật thiết với nhau. Mối tương quan này đã khiến một số người đặt câu hỏi liệu (ở cấp độ lượng tử) *sự quan sát khách quan* có phải là một huyền thoại hay không.

90. Những khám phá trong tương lai sẽ tiết lộ cả tính được thể hoá của chất liệu lẫn cấu trúc huyền giai của nó.

This will not be until science has definitely admitted the existence of etheric matter *as understood by the occultist,* and until it has developed the hypothesis that this ether is in differing vibrations.

Điều này sẽ không xảy ra cho đến khi khoa học dứt khoát thừa nhận sự hiện hữu của vật chất dĩ thái *theo cách nhà huyền bí học hiểu,* và cho đến khi khoa học phát triển giả thuyết rằng dĩ thái này có những rung động khác nhau.

91. For about a hundred years it has seemed that science has had no use for the ether and could explain all it intended to explain without positing its existence.

91. Trong khoảng một trăm năm, dường như khoa học không cần đến dĩ thái và có thể giải thích mọi điều mà nó muốn giải thích mà không cần giả định sự hiện hữu của dĩ thái.

92. *A Treatise on Cosmic Fire* was written some fifty years after the Michelson-Morley experiment with dispensed, apparently, with the necessity of the ether (as ether was *then* conceived).

92. *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết khoảng năm mươi năm sau thí nghiệm Michelson-Morley, thí nghiệm dường như đã loại bỏ sự cần thiết của dĩ thái (theo cách dĩ thái được quan niệm vào *thời đó*).

93. It is obvious that the *occult conception* of the ether differs from the conception then prevalent. This occult conception, in all its intricacy and rationality, has much to offer a scientific reassessment of the reality of the ether.

93. Rõ ràng là quan niệm *huyền bí học* về dĩ thái khác với quan niệm thịnh hành lúc bấy giờ. Quan niệm huyền bí học này, trong toàn bộ tính phức tạp và hợp lý của nó, có nhiều điều để cống hiến cho một sự tái thẩm định khoa học về thực tại của dĩ thái.

94. Perhaps penetration into particle physics is leading in the direction of this reassessment.

94. Có lẽ sự thâm nhập vào vật lý hạt đang dẫn theo hướng của sự tái thẩm định này.

When the etheric counterpart of all that exists is allocated to its rightful place, and known to be of more importance in the scale of being than the dense vehicle, being essentially the body of the [Page 639] life, or vitality, then the role of the scientist and the occultist will merge.

Khi đối phần dĩ thái của mọi cái hiện hữu được đặt vào đúng vị trí của nó, và được biết là quan trọng hơn vận cụ đậm đặc trong thang bậc bản thể, vì về bản chất nó là thể của [Page 639] sự sống, hay sinh lực, thì vai trò của nhà khoa học và nhà huyền bí học sẽ hợp nhất.

95. It is clear that medical science (which is now close to discovering the reality of the etheric body, often called the "bio-electric

95. Rõ ràng là khoa học y học (hiện đang gần khám phá ra thực tại của thể dĩ thái, thường được gọi là "trường điện-sinh học") sẽ có nhiều điều để cống hiến cho khoa học vật lý.

field") will have much to offer the science of physics.

96. Under the trend of synthesis impulsed by the recent Shamballa Impacts, we can expect the illuminating merger of a those sciences which are really aspects of each other.

96. Dưới xu hướng tổng hợp được thúc đẩy bởi các Tác Động Shamballa gần đây, chúng ta có thể chờ đợi sự hợp nhất đầy soi sáng của những khoa học vốn thực sự là các phương diện của nhau.

H. P. B. has said[10] [See S. D., II, 621] that the dense physical is not a principle, and this point is frequently overlooked in connection with man and the Logos.

H. P. B. đã nói10 [See S. D., II, 621] rằng hồng trần đậm đặc không phải là một nguyên khí, và điểm này thường bị bỏ qua khi liên hệ với con người và Logos.

97. We have been told that the release of atomic energy through the atom bomb has signified the "death blow" to materialism.

97. Chúng ta đã được cho biết rằng việc giải phóng năng lượng nguyên tử qua bom nguyên tử đã biểu thị "đòn chí tử" đối với chủ nghĩa duy vật.

98. In the popular consciousness, materialism (demonstrating largely as body-consciousness) is still widely prevalent, but slowly alternative views are penetrating the public mind and it will not be long before the illusion of materialism is dispelled. Among deeply thinking people, it is *already* dispelled.

98. Trong tâm thức đại chúng, chủ nghĩa duy vật (biểu lộ phần lớn như tâm thức thể xác) vẫn còn rất phổ biến, nhưng những quan điểm thay thế đang chậm rãi thâm nhập vào trí tuệ công chúng, và sẽ không lâu nữa trước khi ảo tưởng của chủ nghĩa duy vật bị làm tiêu tan. Trong số những người suy tư sâu sắc, nó *đã* bị làm tiêu tan rồi.

99. In our own lives we have to prove that the etheric body is of greater importance than its physical precipitation.

99. Trong chính đời sống của mình, chúng ta phải chứng minh rằng thể dĩ thái quan trọng hơn sự ngưng tụ hồng trần của nó.

Its importance cannot be too strongly realised for it has the effect of transferring the point of centralisation, or of polarisation in the case of man into his etheric body, composed of matter of the four higher subplanes of the systemic physical plane, and in the case of the Logos, of the four higher subplanes of the cosmic physical plane.

Tầm quan trọng của nó không thể được chứng nghiệm quá mạnh, vì nó có tác dụng chuyển dịch điểm trung tâm hóa, hay điểm phân cực trong trường hợp con người vào thể dĩ thái của y, được cấu thành bằng vật chất của bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần hệ thống, và trong trường hợp Logos, vào bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

100. Where, we might ask, is our *own* "point of centralization" or "polarisation"? With regard to physical plane living, have we managed to transfer that point of centralization into the etheric body? This would obviously involve a more subtle approach to living.

100. Chúng ta có thể hỏi, "điểm trung tâm hóa" hay "điểm phân cực" *riêng* của chúng ta ở đâu? Xét về đời sống trên cõi hồng trần, chúng ta đã xoay chuyển được điểm trung tâm hóa ấy vào thể dĩ thái chưa? Điều này hiển nhiên sẽ bao hàm một cách tiếp cận đời sống vi tế hơn.

The point is one of a very real complexity, for it involves the realisation that, from the standpoint of the occultist, the lowest vibration with which he may concern himself is that of the systemic etheric in its four lesser allied vibrations;

Vấn đề này thực sự rất phức tạp, vì nó bao hàm sự chứng nghiệm rằng, từ quan điểm của nhà huyền bí học, rung động thấp nhất mà y có thể quan tâm là rung động của dĩ thái hệ thống trong bốn rung động liên kết thấp hơn của nó;

101. The occultist is the true *realist.* The lower three dense physical subplanes are simply not *occultly* real. They are vestigial, reactive and non-principled. They are the residue of an earlier solar system and are not qualified by anything we could call a *progressive* pattern of interactivity.

101. Nhà huyền bí học là nhà *duy thực* chân chính. Ba cõi phụ hồng trần đậm đặc thấp hơn đơn giản là không *thực* theo nghĩa huyền bí học. Chúng là tàn tích, phản ứng và không có nguyên khí. Chúng là cặn dư của một hệ mặt trời trước đây và không được định tính bởi bất cứ điều gì mà chúng ta có thể gọi là một mô hình tương tác *tiến bộ*.

102. Are we, then, functioning as occultists or as those whose perception is conditioned by the mass consciousness?

102. Vậy thì chúng ta đang hoạt động như những nhà huyền bí học hay như những người mà tri nhận bị tâm thức quần chúng tác động?

similarly macrocosmically the lowest logoic vibration with which the greater Adepts are concerned is the cosmic etheric.

tương tự, ở cấp đại thiên địa, rung động logoic thấp nhất mà các chân sư cao hơn quan tâm là dĩ thái vũ trụ.

103. Who are the "greater Adepts"? May it be that They are those Whose spiritual status is beyond that of Master?

103. Những "chân sư cao hơn" là ai? Có thể chăng Các Ngài là những Đấng có địa vị tinh thần vượt quá địa vị của Chân sư?

104. This would seem necessary, as Masters still work with the souls of men embodied in causal bodies. Perhaps this approach to souls within an egoic lotus has somewhat changed since the majority of Ashrams,

104. Điều này dường như là cần thiết, vì các Chân sư vẫn còn làm việc với các linh hồn của những người nam và nữ được nhập thể trong các thể nguyên nhân. Có lẽ cách tiếp cận này đối với các linh hồn bên trong một Hoa Sen Chân Ngã đã phần nào thay đổi kể

especially Ashrams on the soft-line rays, were transferred to the buddhic plane.

từ khi đa số các ashram, đặc biệt là các ashram trên các cung tuyến mềm, được chuyển lên cõi Bồ đề.

105. The Masters, however, do focus their attention mainly within the realms of buddhi and atma and, thus, within the highest two aspects of the spiritual triad.

105. Tuy nhiên, các Chân sư quả thực tập trung sự chú ý của Các Ngài chủ yếu trong các lĩnh vực của Bồ đề và atma, và do đó trong hai phương diện cao nhất của Tam nguyên tinh thần.

The three lowest systemic and cosmic vibrations are the result of:

Ba rung động hệ thống và vũ trụ thấp nhất là kết quả của:

106. We note that DK is speaking of *both* systemic and cosmic vibrations. There are subplanes which *systemically* are not principled and cosmic subplanes which *cosmically* are not principled.

106. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đang nói về *cả* rung động hệ thống lẫn rung động vũ trụ. Có những cõi phụ mà xét theo *hệ thống* thì không có nguyên khí, và những cõi phụ vũ trụ mà xét theo *vũ trụ* thì không có nguyên khí.

107. The astral and mental subplanes which, from a *systemic* point of view are home to some of the microcosmic principles, are not considered principled from the *cosmic* point of view.

107. Các cõi phụ cảm dục và trí tuệ mà, từ quan điểm *hệ thống*, là nơi cư ngụ của một số nguyên khí vi mô, lại không được xem là có nguyên khí từ quan điểm *vũ trụ*.

Reflex action on the part of negative substance for the lower three are negative to the higher four.

Phản xạ nơi chất liệu âm tính vì ba thấp là âm tính đối với bốn cao.

108. Reflex action is automatic. No decision and no hesitation are involved in carrying this type of action forward.

108. Phản xạ là tự động. Không có quyết định nào và cũng không có do dự nào liên quan đến việc thực hiện loại hành động này.

Synchronous vibration, inherent in negative substance, the residue of an earlier system, and embodying therefore past karma for the Logos and for man.

Rung động đồng bộ, vốn cố hữu trong chất liệu âm tính, là cặn dư của một hệ thống trước đây, và do đó hiện thân cho nghiệp quả quá khứ của Logos và của con người.

109. The past karma for man is related to the lower three *systemic physical* subplanes.

109. Nghiệp quả quá khứ của con người liên hệ với ba cõi phụ *hệ thống hồng trần* thấp hơn.

110. The past karma for a Solar Logos is related the lower three *cosmic* subplanes.

110. Nghiệp quả quá khứ của một Thái dương Thượng đế liên hệ với ba cõi phụ *vũ trụ* thấp hơn.

111. We have always to keep these analogies in mind and be watchful for the moments in which DK shifts His discussion from one level to the other.

111. Chúng ta luôn luôn phải ghi nhớ những định luật tương đồng này và cảnh giác trước những lúc Chân sư DK chuyển sự bàn luận của Ngài từ cấp độ này sang cấp độ khác.

Vibrations that are gradually being superseded by the imposition of a higher note; therefore for both man and the Logos, they occultly form the "body of death."

Những rung động đang dần dần được thay thế bởi sự áp đặt của một âm điệu cao hơn; do đó đối với cả con người lẫn Thượng đế, chúng một cách huyền bí tạo thành "thể chết".

112. The lower three cosmic subplanes of the cosmic physical plane are part of the logoic "body of death". This tells us that the vast majority of our experiences take place within this body and that, spiritually, we are more 'dead than alive'

112. Ba cõi phụ vũ trụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ là một phần của "thể chết" của Thượng đế. Điều này cho chúng ta biết rằng đại đa số kinh nghiệm của chúng ta diễn ra bên trong thể này và rằng, về mặt tinh thần, chúng ta "chết nhiều hơn sống".

113. The "body of death" vibrates to the note F. The note G. is being imposed upon it. This imposition produces what in music is called a "major second". It is not a particularly harmonious interval, nor is it entirely dissonant.

113. "Thể chết" rung động theo nốt F. Nốt G. đang được áp đặt lên nó. Sự áp đặt này tạo ra điều trong âm nhạc được gọi là một "quãng hai trưởng". Đây không phải là một quãng đặc biệt hài hòa, nhưng cũng không hoàn toàn nghịch tai.

This brings us to the point which we are seeking to make anent this third group of the lowest devas. **They are very destructive where man is concerned, for they embody the final and therefore powerful vibration of the past system, the conscious activity of dense matter.**

Điều này đưa chúng ta đến điểm mà chúng ta đang tìm cách nêu ra liên quan đến nhóm thứ ba này của các thiên thần thấp nhất. **Chúng có tính hủy diệt rất mạnh đối với con người, vì chúng hiện thân cho rung động cuối cùng và do đó đầy quyền năng của hệ mặt trời trước, tức hoạt động hữu thức của vật chất đậm đặc.**

114. There were other vibrations from the past solar system, but this third and lowest group of devas embodies the "final" such vibration.

114. Đã có những rung động khác từ hệ mặt trời trước, nhưng nhóm thiên thần thứ ba và thấp nhất này hiện thân cho rung động "cuối cùng" như thế.

115. We are now speaking microcosmically, for the most part. The devas of the lower three systemic subplanes embody what in white magical process are called the "ancient fires".

115. Hiện nay phần lớn chúng ta đang nói theo Tiểu thiên địa. Các thiên thần của ba cõi phụ hệ thống thấp hơn hiện thân cho điều trong tiến trình huyền thuật chánh đạo được gọi là "những ngọn lửa cổ xưa".

116. We might question to what degree "dense matter" is conscious. We may say that it is "conscious" but not *self*-conscious.

116. Chúng ta có thể đặt câu hỏi rằng "vật chất đậm đặc" hữu thức đến mức nào. Chúng ta có thể nói rằng nó "hữu thức" nhưng không có *ngã* thức.

Hence there is consequently a profound truth in the [Page 640] statement that **man is at the "mercy of the elements."**

Do đó có một chân lý sâu xa trong lời phát biểu ở [Page 640] rằng **con người ở dưới "sự chi phối của các nguyên tố".**

117. DK is telling us that what we usually consider the elements can be found upon the lower three systemic subplanes. These subplanes are home to physical fire, physical earth, physical air and physical water. Of course the higher correspondences exist, with the astral plane considered as water plane and the lower mental plane considered as fire (and air, as air is related to gas). The buddhic plane, however, is the home of true "air".

117. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng điều mà chúng ta thường xem là các nguyên tố có thể được tìm thấy trên ba cõi phụ hệ thống thấp hơn. Các cõi phụ này là nơi cư ngụ của lửa hồng trần, đất hồng trần, khí hồng trần và nước hồng trần. Dĩ nhiên các tương ứng cao hơn vẫn tồn tại, với cõi cảm dục được xem là cõi nước và cõi hạ trí được xem là lửa (và khí, vì khí liên hệ với thể khí). Tuy nhiên, cõi Bồ đề là nơi cư ngụ của "khí" đích thực.

118. The old adage—"man is at the mercy of the elements"—brings home, in a most forcible manner the real danger to man of the lowest elementals—the elementals of the three lowest systemic subplanes.

118. Câu ngạn ngữ xưa — "con người ở dưới sự chi phối của các nguyên tố" — nhấn mạnh một cách rất mạnh mẽ mối nguy thực sự đối với con người từ các hành khí thấp nhất — các hành khí của ba cõi phụ hệ thống thấp nhất.

Man can physically be burned and destroyed by fire; he is helpless before volcanic action, and cannot protect himself from the ravages of fire, unless in the initial stages of such deva endeavour.

Con người có thể bị lửa thiêu đốt và hủy diệt về mặt thể xác; y bất lực trước hoạt động núi lửa, và không thể tự bảo vệ mình khỏi sự tàn phá của lửa, trừ phi ở những giai đoạn đầu của nỗ lực thiên thần như thế.

119. We are speaking of physical fire and of "latent heat". DK is quite emphatic about man's helplessness in the face of fire, unless

119. Chúng ta đang nói về lửa hồng trần và về "nhiệt tiềm ẩn". Chân sư DK nhấn mạnh khá rõ về sự bất lực của con người trước lửa,

the deva activity which accounts for fire is still in its earliest stages.

trừ phi hoạt động thiên thần tạo ra lửa ấy vẫn còn ở những giai đoạn sớm nhất của nó.

The occult importance of the war man wages on the fire devas for instance is very real in connection with the fire department in any city. The time lies far ahead as yet, but it will surely come, **when the personnel of these departments will be chosen for their ability to control the agnichaitans when manifesting destructively, and their methods will no longer be that of water (or the calling in of the water devas to neutralise the fire devas), but that of incantation,**

Tầm quan trọng huyền bí của cuộc chiến mà con người tiến hành chống lại các thiên thần của lửa, chẳng hạn, là rất thực tế trong mối liên hệ với sở cứu hỏa ở bất kỳ thành phố nào. Thời điểm ấy còn ở rất xa phía trước, nhưng chắc chắn nó sẽ đến, **khi nhân sự của các cơ quan này sẽ được tuyển chọn vì khả năng kiểm soát các agnichaitan khi chúng biểu hiện một cách hủy diệt, và phương pháp của họ sẽ không còn là dùng nước (hay kêu gọi các thiên thần của nước để hóa giải các thiên thần của lửa), mà là dùng thần chú,**

120. It becomes clear that progress in this direction will be made during the seventh ray Aquarian Age. The art and science of incantation belongs largely to the seventh ray.

120. Rõ ràng là sự tiến bộ theo hướng này sẽ được thực hiện trong Kỷ nguyên Bảo Bình cung bảy. Nghệ thuật và khoa học về thần chú phần lớn thuộc về cung bảy.

and a knowledge of the sounds that will swing into action forces which will control the fiery destructive elements.

và một tri thức về những âm thanh sẽ đưa vào hoạt động các mãnh lực có thể kiểm soát các nguyên tố lửa hủy diệt.

121. The throat center will be involve in this kind of work. It is interesting that the throat center of a disciple is ruled in large measure by the seventh ray and no longer entirely by the third as in the case of the average individual.

121. Trung tâm cổ họng sẽ tham dự vào loại công việc này. Điều đáng chú ý là trung tâm cổ họng của một đệ tử phần lớn được cung bảy cai quản và không còn hoàn toàn do cung ba chi phối như trong trường hợp của cá nhân trung bình.

The throat centre of the average integrated personality is governed by the third ray and is strongly energised by third ray energies (again seven in number), whilst the throat centre of the spiritual aspirant, of disciples and initiates below the third initiation is responding primarily to seventh ray influence, and this is peculiarly the case now

Trung tâm cổ họng của Phàm ngã tích hợp trung bình được cung ba cai quản và được các năng lượng cung ba (cũng gồm bảy loại) tiếp sinh lực mạnh mẽ, trong khi trung tâm cổ họng của người chí nguyện tinh thần, của các đệ tử và các điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ ba thì đáp ứng chủ yếu với ảnh hưởng cung bảy, và điều này đặc biệt đúng

as the seventh ray is in incarnation. (TEV 137)

vào lúc này vì cung bảy đang lâm phàm. (TEV 137)

122. The effects of fire and water together are not altogether beneficial as they have been related (when considering the water of the astral plane and the fire of the mental plane) to the arising of glamour.

122. Các tác động của lửa và nước cùng nhau không hoàn toàn có lợi vì chúng đã được liên hệ (khi xét nước của cõi cảm dục và lửa của cõi trí) với sự phát sinh của ảo cảm.

The third group of these devas is very definitely connected with the control of the Manu's department, and of the great devas associated with that department on this planet.

Nhóm thứ ba của các thiên thần này rất rõ ràng có liên hệ với sự kiểm soát của ban của Đức Manu, và của các đại thiên thần gắn liền với ban đó trên hành tinh này.

123. The Manu and His Department are in charge of raising and lower continents, volcanic action and of other great earth changes, especially of a purificatory nature.

123. Đức Manu và Ban của Ngài phụ trách việc nâng lên và hạ xuống các lục địa, hoạt động núi lửa và những biến đổi lớn khác của Trái Đất, đặc biệt là những biến đổi có tính thanh lọc.

124. It is interesting and important to see that the third and most material group of Agnichaitans are not only controlled by the great Raja Deva Lords but also by advanced members of the Fourth Creative Hierarchy such as the Manu.

124. Thật thú vị và quan trọng khi thấy rằng nhóm Agnichaitan thứ ba và vật chất nhất không chỉ được các đại Đấng Chúa Tể Raja Deva kiểm soát mà còn bởi các thành viên tiến hóa cao của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư như Đức Manu.

125. It is obvious that the influence of the planet Vulcan has much to do with the expression of these devas as well as with their control.

125. Rõ ràng là ảnh hưởng của hành tinh Vulcan có liên hệ rất nhiều đến sự biểu hiện của các thiên thần này cũng như đến sự kiểm soát chúng.

Through their activity during certain cycles the entire surface of the Earth is changed through the medium of volcanic action; continents are raised and submerged; volcanoes are active or quiescent, and thus the world is purified by fire.

Thông qua hoạt động của chúng trong những chu kỳ nhất định toàn bộ bề mặt Trái Đất được biến đổi qua trung gian của hoạt động núi lửa; các lục địa được nâng lên và chìm xuống; các núi lửa hoạt động hoặc yên lặng, và như thế thế giới được thanh lọc bằng lửa.

126. The destruction of Lemuria was of this nature. We have also been told of an attempt

126. Sự hủy diệt của Lemuria thuộc loại này. Chúng ta cũng đã được cho biết về một nỗ

to destroy the Aryan Race by fire. Perhaps this has already occurred; perhaps not. It seems that the Aryan Race still has some time to run.

lực hủy diệt nhân loại Arya bằng lửa. Có lẽ điều này đã xảy ra; có lẽ chưa. Có vẻ như nhân loại Arya vẫn còn một thời gian để tiếp diễn.

127. Even if destruction of a civilization is not complete or final, periodic purifications can occur. When we witness the condition of our environment at this time we may wonder if we are in line for just such a purification.

127. Ngay cả khi sự hủy diệt của một nền văn minh không hoàn toàn hay chung cuộc, những sự thanh lọc định kỳ vẫn có thể xảy ra. Khi chứng kiến tình trạng môi trường của chúng ta vào lúc này, chúng ta có thể tự hỏi liệu mình có đang ở trong tiến trình của chính một sự thanh lọc như thế hay không.

128. Let us tabulate the result of the activity of this group of Agnichaitans when wielded by those who know the Divine Plan:

128. Hãy lập bảng kết quả của hoạt động của nhóm Agnichaitan này khi được vận dụng bởi những ai biết Thiên Cơ:

a. Earth is changed through volcanic action

a. Trái Đất được biến đổi qua hoạt động núi lửa

b. Continents are raised and submerged

b. Các lục địa được nâng lên và chìm xuống

c. Volcanoes are active or quiescent

c. Các núi lửa hoạt động hoặc yên lặng

d. The world is purified by fire

d. Thế giới được thanh lọc bằng lửa

In their own department these Agnichaitans are kept busy building the mineral forms through the agency of fire;

Trong ban riêng của chúng, các Agnichaitan này luôn bận rộn xây dựng các hình tướng kim thạch thông qua tác nhân của lửa;

129. The chemist will have much interest in this process. By “mineral forms” are mineral atoms and molecules meant, or larger structures.

129. Nhà hóa học sẽ rất quan tâm đến tiến trình này. “Các hình tướng kim thạch” có nghĩa là các nguyên tử và phân tử kim thạch, hay những cấu trúc lớn hơn?

130. The word “busy” is significant. We are told: “The army of the voice, the devas in their serried ranks work ceaselessly…” They are, as we realize, representatives of the activity aspect of divinity.

130. Từ “bận rộn” có ý nghĩa quan trọng. Chúng ta được bảo rằng: “Đạo Quân của Âm Thanh, các thiên thần trong hàng ngũ chỉnh tề của chúng làm việc không ngừng nghỉ…” Như chúng ta nhận ra, chúng là những đại diện của phương diện hoạt động của thiên tính.

they are the alchemists of the lower regions, and through contact with them, and through the knowledge of "the words" by which they are controlled, the future scientific alchemists (I use this expression in contradistinction to the idealistic alchemists of the past) will work with minerals and with the lives embodied in all mineral forms.

chúng là những nhà luyện kim của các vùng thấp, và qua sự tiếp xúc với chúng, cùng qua tri thức về "những linh từ" nhờ đó chúng được kiểm soát, các nhà luyện kim khoa học tương lai (tôi dùng cách diễn đạt này để phân biệt với các nhà luyện kim duy tâm của quá khứ) sẽ làm việc với các khoáng vật và với các sự sống hiện thân trong mọi hình tướng kim thạch.

131. Here a line of future occult service is presented. We can understand that those strongly conditioned by the fifth and seventh rays will be engaged in this work.

131. Ở đây một đường hướng phụng sự huyền bí trong tương lai được trình bày. Chúng ta có thể hiểu rằng những ai được cung năm và cung bảy tác động mạnh sẽ tham gia vào công việc này.

132. The "idealistic alchemists" of the past were conditioned significantly by the sixth ray in a sixth ray Age. Now the seventh ray is coming into expression. The Seven Ray Lord is called "The Divine Alchemical Worker". It is not that the idealistic, spiritual quest of Alchemy will be dropped, but that true transmutative work will be accomplished in relation to the mineral kingdom. This may also assist the more spiritual side of Alchemy.

132. Các "nhà luyện kim duy tâm" của quá khứ đã được cung sáu tác động đáng kể trong một Kỷ nguyên cung sáu. Nay cung bảy đang đi vào biểu hiện. Đấng Chúa Tể Cung bảy được gọi là "Người Hoạt Động Luyện Kim Thiêng Liêng". Không phải là cuộc truy cầu duy tâm, tinh thần của thuật luyện kim sẽ bị từ bỏ, mà là công việc chuyển hoá đích thực sẽ được hoàn thành trong mối liên hệ với giới kim thạch. Điều này cũng có thể hỗ trợ phương diện tinh thần hơn của thuật luyện kim.

133. We note that future alchemists will work not only with minerals but with the lives (presumably somewhat higher lives) which embody or inform mineral forms.

133. Chúng ta lưu ý rằng các nhà luyện kim tương lai sẽ làm việc không chỉ với khoáng vật mà còn với các sự sống (có lẽ là những sự sống cao hơn đôi chút) hiện thân hoặc thấm nhuần các hình tướng kim thạch.

134. It is significant that the Agnichaitans are to be controlled by "words". This is true of all the devas of the elements within the physical body of the Logos. We may infer that it is also true regarding the control of the still higher devas of the cosmic ethers.

134. Điều có ý nghĩa là các Agnichaitan sẽ được kiểm soát bằng "các linh từ". Điều này đúng với tất cả các thiên thần của các nguyên tố bên trong thể xác của Thượng đế. Chúng ta có thể suy ra rằng điều này cũng đúng đối với việc kiểm soát các thiên thần còn cao hơn của các dĩ thái vũ trụ.

135. Some control may occur through words and other through sounds.

135. Một số sự kiểm soát có thể diễn ra qua các linh từ và một số khác qua các âm thanh.

The secret of the transmutation of the baser metals into gold will be revealed when world conditions are such that gold is no longer the standard and hence the free manufacture of gold will not lead to disaster,

Bí mật của sự chuyển hoá các kim loại hạ đẳng thành vàng sẽ được mặc khải khi các điều kiện thế giới trở nên sao cho vàng không còn là tiêu chuẩn nữa và do đó việc chế tạo vàng tự do sẽ không dẫn đến tai họa,

136. It has already been shown that gold has many uses other than as a standard of human wealth. Gold will be released for these other uses when it is no longer a monetary symbol.

136. Đã từng được chỉ ra rằng vàng có nhiều công dụng khác ngoài việc làm tiêu chuẩn cho của cải của con người. Vàng sẽ được giải phóng cho những công dụng khác ấy khi nó không còn là một biểu tượng tiền tệ nữa.

137. We can see how cautious are the Masters not to disrupt the precarious social balance in which humanity presently lives.

137. Chúng ta có thể thấy các Chân sư thận trọng đến mức nào để không phá vỡ thế cân bằng xã hội mong manh mà nhân loại hiện đang sống trong đó.

and [Page 641] when scientists work with the life aspect, or with positive electrical life, and not with the substance or form aspect.

và [Page 641] khi các nhà khoa học làm việc với phương diện sự sống, hay với sự sống điện dương, chứ không phải với phương diện chất liệu hay hình tướng.

138. Just as man is discovering the will or Spirit aspect within his own nature, so he is on the verge of discovering the positive electrical aspect within mineral life. The discovery of radioactivity is a step in this direction.

138. Cũng như con người đang khám phá phương diện ý chí hay tinh thần bên trong bản chất riêng của mình, thì y cũng đang ở ngưỡng cửa khám phá phương diện điện dương bên trong sự sống kim thạch. Việc khám phá tính phóng xạ là một bước theo hướng này.

139. It is quite evident that there is a great deal about the structure and dynamics of even the matter of the physical plane about which we know very little.

139. Khá rõ ràng là có rất nhiều điều về cấu trúc và động lực học ngay cả của vật chất cõi hồng trần mà chúng ta biết rất ít.

We have seen that the work of the lowest group of Agnichaitans is to build continents by fire, to purify by fire during alternate

Chúng ta đã thấy rằng công việc của nhóm Agnichaitan thấp nhất là xây dựng các lục địa bằng lửa, thanh lọc bằng lửa trong

cycles, and to construct the metals and the minerals.

những chu kỳ xen kẽ, và kiến tạo các kim loại cùng khoáng vật.

140. For the sake of visual impact, let us tabulate the work of the lowest group of Agnichaitans:

140. Vì mục đích tạo ấn tượng trực quan, hãy lập bảng công việc của nhóm Agnichaitan thấp nhất:

a. To build continents by fire

a. Xây dựng các lục địa bằng lửa

b. To purify by fire during alternate cycles. (Does this mean with fair regularity, every other cycle?)

b. Thanh lọc bằng lửa trong những chu kỳ xen kẽ. (Điều này có nghĩa là với tính đều đặn khá công bằng, cứ mỗi chu kỳ khác một lần chăng?)

c. To construct the metals and minerals.

c. Kiến tạo các kim loại và khoáng vật.

d. To tend the fires of the hearth, to warm, cheer and produce livable conditions on the planet and in the home.

d. Chăm nom những ngọn lửa của lò sưởi, sưởi ấm, làm vui tươi và tạo ra những điều kiện có thể sinh sống được trên hành tinh và trong gia đình.

141. It does seem that the law of the indestructibility of matter will have to be re-examined. It seems that metal elements and mineral elements are being *constructed* and not just combined and recombined. This construction however, will still be related to the law of the conservation of energy.

141. Quả thật có vẻ như định luật về tính bất khả hủy diệt của vật chất sẽ phải được khảo xét lại. Có vẻ như các nguyên tố kim loại và các nguyên tố kim thạch đang được *kiến tạo* chứ không chỉ được kết hợp và tái kết hợp. Tuy nhiên, sự kiến tạo này vẫn sẽ liên hệ với định luật bảo toàn năng lượng.

It is also concerned with the tending of the fires of the hearth, or those fires which warm, cheer and produce livable conditions in a planet, and incidentally in a home.

Điều này cũng liên quan đến việc chăm nom những ngọn lửa của lò sưởi, hay những ngọn lửa sưởi ấm, làm vui tươi và tạo ra những điều kiện có thể sinh sống được trên một hành tinh, và ngẫu nhiên là trong một gia đình.

142. We often hear of the “cheery blaze” and have, no doubt, experienced it ourselves many times.

142. Chúng ta thường nghe nói đến “ngọn lửa vui tươi” và hẳn là chính mình cũng đã nhiều lần trải nghiệm điều đó.

143. It may occur to us what variety there is the expression of the Agnichaitans. We owe much to them.

143. Chúng ta có thể chợt nghĩ đến sự đa dạng trong biểu hiện của các Agnichaitan. Chúng ta mang ơn chúng rất nhiều.

This is of very vital import, for it means that they are connected with the central basic fires in the bowels of the Earth, with the central basic fire that nourishes and warms the physical forms of all the kingdoms of nature, and consequently with the kundalini fire at the base of the spine in individual man.

Điều này có tầm quan trọng hết sức thiết yếu, vì nó có nghĩa rằng chúng có liên hệ với những ngọn lửa căn bản trung tâm trong lòng Trái Đất, với ngọn lửa căn bản trung tâm nuôi dưỡng và sưởi ấm các hình tướng hồng trần của mọi giới trong thiên nhiên, và do đó với hỏa kundalini ở đáy cột sống nơi con người cá biệt.

144. Let us tabulate these important points relating the Agnichaitans of this lowest group to the latent fires within matter. These Agnichaitans are connected with:

144. Hãy lập bảng những điểm quan trọng này liên hệ các Agnichaitan của nhóm thấp nhất này với những ngọn lửa tiềm ẩn bên trong vật chất. Các Agnichaitan này có liên hệ với:

a. Central basic Fires in the bowels of the earth

a. Những ngọn Lửa căn bản trung tâm trong lòng đất

b. The central basic fire that nourishes and warms the physical forms of all kingdoms of nature

b. Ngọn lửa căn bản trung tâm nuôi dưỡng và sưởi ấm các hình tướng hồng trần của mọi giới trong thiên nhiên

c. The kundalini fire at the base of the spine center of individual man

c. Hỏa kundalini tại trung tâm đáy cột sống của con người cá biệt

It is not advisable for us further to enlarge upon their functions. It should be noted that in connection with the matter aspect there is less to be said than on consciousness, and on the hylozoistic aspect of manifestation. The reason lies in the fact that exoteric science is slowly, yet steadily, finding out the nature of phenomena, and discovering for itself the character of electrical manifestation. In their slowness of discovery lies safety.

Chúng ta không nên khai triển thêm về các chứcnăng của chúng. Cần lưu ý rằng liên quan đến phương diện vật chất có ít điều để nói hơn là về tâm thức, và về phương diện hylozoistic của biểu hiện. Lý do nằm ở chỗ khoa học ngoại môn đang chậm rãi nhưng vững chắc khám phá bản chất của các hiện tượng, và tự mình phát hiện đặc tính của biểu hiện điện. Chính trong sự chậm chạp của việc khám phá ấy có sự an toàn.

145. All the work of the Agnichaitans is *electrical* in nature.

145. Mọi công việc của các Agnichaitan đều có bản chất *điện*.

146. Since the matter aspect is, to man, the most accessible divine aspect, and since man has the tendency to meddle immediately with that which he discovers, the "go slow" approach is the safest. Later, when consciousness and morality are more developed, more will be revealed.

146. Vì phương diện vật chất là phương diện thiêng liêng dễ tiếp cận nhất đối với con người, và vì con người có khuynh hướng lập tức can thiệp vào điều mình khám phá ra, nên cách tiếp cận "đi chậm" là an toàn nhất. Về sau, khi tâm thức và đạo đức phát triển hơn, nhiều điều sẽ được mặc khải hơn.

147. Throughout this treatise it will be the rule that more will be revealed concerning consciousness (which, after all, in this second ray solar system should be our focus) than will be revealed concerning matter. Our principle task is to develop and spiritualize our consciousness.

147. Xuyên suốt bộ luận này, quy luật sẽ là nhiều điều sẽ được mặc khải hơn liên quan đến tâm thức (vốn dĩ, sau cùng, trong hệ mặt trời cung hai này phải là trọng tâm của chúng ta) hơn là liên quan đến vật chất. Nhiệm vụ nguyên khí của chúng ta là phát triển và tinh thần hóa tâm thức của mình.

148. This is also the case with astrology. The focus of the modern, spiritually inclined astrologer must be on the astrology of consciousness and not on the astrology of form (though the latter cannot be neglected when information concerning it assists with the development of consciousness).

148. Điều này cũng đúng với chiêm tinh học. Trọng tâm của nhà chiêm tinh học hiện đại có khuynh hướng tinh thần phải là chiêm tinh học của tâm thức chứ không phải chiêm tinh học của hình tướng (dù điều sau không thể bị bỏ qua khi thông tin về nó hỗ trợ cho sự phát triển của tâm thức).

It is not wise nor right yet for the true nature of these different forces and powers to be fully known; therefore, it is not possible for us to do more than indicate certain broad general lines.

Chưa phải là khôn ngoan cũng chưa đúng đắn để bản chất đích thực của những mãnh lực và quyền năng khác nhau này được biết đến đầy đủ; do đó, chúng ta không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra một số đường nét khái quát rộng lớn.

134. For all the comprehensive detail we may be offered in this and the other books, we are assured that we are receiving but a thumb-nail sketch of the esoteric realities concerned. It is clear that accurate knowledge of the Agnichaitans could be turned immediately to the development of weaponry and, given the state of development of human consciousness at

134. Dù chúng ta có thể được cung cấp bao nhiêu chi tiết bao quát trong quyển này và các quyển khác đi nữa, chúng ta vẫn được bảo đảm rằng điều mình đang nhận chỉ là một phác họa rất sơ lược về các thực tại huyền bí liên quan. Rõ ràng là tri thức chính xác về các Agnichaitan có thể ngay lập tức bị chuyển sang việc phát triển vũ khí, và xét theo trạng thái phát triển của tâm thức nhân

this time, this would almost certainly be the case.

loại vào lúc này, điều đó gần như chắc chắn sẽ xảy ra.

135. There are also other far more occult reasons why such knowledge must be withheld from man at his present stage of development.

135. Cũng còn có những lý do huyền bí hơn nhiều khiến tri thức như thế phải bị giữ lại không trao cho con người ở giai đoạn phát triển hiện nay của y.

136. Nevertheless, we benefit by knowing of these deva forces and the approximate place they play within the general scheme. Our understanding of Plan and Purpose is thus enhanced.

136. Tuy nhiên, chúng ta vẫn được lợi khi biết về các mãnh lực thiên thần này và vị trí gần đúng mà chúng giữ trong hệ hành tinh tổng quát. Nhờ vậy sự thấu hiểu của chúng ta về Thiên Cơ và Thiên Ý được tăng cường.

In due course of time, as the human family becomes centred in the higher, and not in the lower nature, and as the force from the higher planes can more easily impose itself on the lower, the facts concerning these Lives and Builders, their methods of work, and the laws of their being will be known.

Đến đúng thời điểm, khi gia đình nhân loại trở nên tập trung nơi bản chất cao hơn chứ không phải nơi bản chất thấp hơn, và khi mãnh lực từ các cõi cao hơn có thể dễ dàng áp đặt chính nó lên các cõi thấp hơn hơn, thì những sự kiện liênquan đến các Sự Sống và các đấng kiến tạo này, các phương pháp làm việc của chúng, và các định luật của sự hiện hữu của chúng sẽ được biết đến.

149. DK is telling us that the requirement for the greater dispensation of knowledge along these lines is an increasing soul focus in the human race.

149. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng yêu cầu để có sự ban phát tri thức lớn hơn theo những đường hướng này là sự tập trung linh hồn ngày càng tăng trong nhân loại.

150. The coming knowledge will focus on:

150. Tri thức sắp đến sẽ tập trung vào:

a. The nature of the these Lives and Builders

a. Bản chất của các Sự Sống và các đấng kiến tạo này

b. Their methods of work

b. Các phương pháp làm việc của chúng

c. The laws of their being

c. Các định luật của sự hiện hữu của chúng

137. Man is the manipulator of energies and forces, but not yet the *wise* manipulator

137. Con người là kẻ vận dụng các năng lượng và mãnh lực, nhưng chưa phải là kẻ vận dụng *minh triết*.

Knowledge at this time would be productive of two results. It would first of all bring the human family into the power (as yet blind and destructive) of [Page 642] certain elementals, who are of a nature analogous to that of the physical body. Hence destruction of the form would ensue, or paralysis and insanity on a large scale would eventuate.

Tri thức vào lúc này sẽ tạo ra hai kết quả. Trước hết, nó sẽ đưa gia đình nhân loại vào trong quyền lực (hiện còn mù quáng và hủy diệt) của [Page 642] một số hành khí nhất định, vốn có bản chất tương tự với thể xác. Do đó sự hủy diệt hình tướng sẽ xảy ra, hoặc sự tê liệt và điên loạn trên quy mô lớn sẽ phát sinh.

138. Here we have quite an amazing statement and one which lets us know how *little* of these matters we actually *do* know.

138. Ở đây chúng ta có một phát biểu thật đáng kinh ngạc, và là một phát biểu cho chúng ta biết rằng thực ra chúng ta biết *ít* đến mức nào về những vấn đề này.

139. We do not know the names of the elementals concerned, but only that they are closely connected to the dense physical body. The Brothers of Darkness also have a close connection with the dense physical body.

139. Chúng ta không biết tên của các hành khí liên quan, mà chỉ biết rằng chúng gắn bó chặt chẽ với thể xác đậm đặc. Các huynh đệ bóng tối cũng có liên hệ chặt chẽ với thể xác đậm đặc.

140. The first three results of closer contact with this group of Agnichaitans would be:

140. Ba kết quả đầu tiên của sự tiếp xúc gần hơn với nhóm Agnichaitan này sẽ là:

a. Destruction of the form

a. Sự hủy diệt hình tướng

b. Paralysis

b. Sự tê liệt

c. Insanity on a large scale.

c. Sự điên loạn trên quy mô lớn.

141. Thus, we see how harmful such knowledge would be if put prematurely into our hands.

141. Như vậy, chúng ta thấy tri thức như thế sẽ tai hại đến mức nào nếu bị đặt vào tay chúng ta quá sớm.

Secondly, it would put power into the hands of certain of the Brothers of the Left Hand Path[11]

Thứ hai, nó sẽ trao quyền lực vào tay một số huynh đệ của tả đạo11

142. We see that there are a number of different kinds of Brothers of the Left Hand Path. DK knows which, but it would not

142. Chúng ta thấy rằng có một số loại huynh đệ của tả đạo khác nhau. Chân sư DK biết đó là những loại nào, nhưng việc được

serve us to be informed. In fact, it would be a danger.

báo cho biết sẽ không ích lợi gì cho chúng ta. Thật ra, đó sẽ là một mối nguy hiểm.

and of a number of unconscious magicians (of whom there are quite a number) who would use it only for selfish, evil and material ends.

và vào tay một số nhà huyền thuật vô thức (mà số này khá nhiều) những kẻ sẽ chỉ dùng nó cho các mục đích ích kỷ, xấu ác và vật chất.

143. We are reminded of HPB's thought that until we are initiates of the fourth degree, we are all "unconscious black magicians".

143. Chúng ta được nhắc nhớ đến tư tưởng của HPB rằng cho đến khi là các điểm đạo đồ bậc bốn, tất cả chúng ta đều là "những nhà hắc thuật vô thức".

144. What we gather from all this is that knowledge is a conduit for occult influence —not only our own influence upon certain objects of knowledge, but a conduit for the influence of others (either definitely or potentially malevolent) upon *us.*

144. Điều chúng ta rút ra từ tất cả điều này là tri thức là một ống dẫn cho ảnh hưởng huyền bí — không chỉ là ảnh hưởng của chính chúng ta lên một số đối tượng tri thức nào đó, mà còn là một ống dẫn cho ảnh hưởng của những kẻ khác (hoặc rõ rệt hoặc tiềm tàng ác ý) lên *chúng ta.*

145. We are heading into an 'Age of Magic' during which much of the karma of earlier misuse and abuse will come into focus. There is no use compounding our problem through the acquisition of occult knowledge prematurely.

145. Chúng ta đang tiến vào một "Kỷ nguyên Huyền thuật", trong đó phần lớn nghiệp quả của sự lạm dụng và sử dụng sai trước đây sẽ trở thành trọng tâm. Không ích gì khi làm cho vấn đề của chúng ta thêm trầm trọng bằng việc tiếp thu tri thức huyền bí quá sớm.

Hence no more can be said anent dense physical substance and its embodiers.

Do đó không thể nói thêm gì nữa liên quan đến chất liệu hồng trần đậm đặc và những thực thể hiện thân của nó.

FOOTNOTE 11: The left-hand Path is that followed by the Black Magician, and by the Brothers of the Shadows. It originates in the use of the forces of nature for selfish ends; it is characterised by intense selfishness and separativeness, and ends in Avitchi, the 8th sphere, the home of lost souls, or those shells of the lower man which have become separated from their egoic or individual life principle.

CHÚ THÍCH 11: Tả đạo là con đường được nhà hắc thuật và các huynh đệ của bóng tối đi theo. Nó bắt nguồn từ việc sử dụng các mãnh lực của thiên nhiên cho những mục đích ích kỷ; nó được đặc trưng bởi tính ích kỷ mãnh liệt và tính phân ly, và kết thúc trong Avitchi, khối cầu thứ 8, nơi cư ngụ của các linh hồn lạc mất, hay những vỏ bọc của phàm nhân đã bị tách rời khỏi nguyên khí sự sống chân ngã hay cá thể của chúng.

146. Black Magicians of this kind become separated from the Solar Angel and from the redemptive possibilities offered by that Angel.

146. Những nhà hắc thuật thuộc loại này trở nên bị tách rời khỏi Thái dương Thiên Thần và khỏi những khả năng cứu chuộc do Thiên Thần ấy cống hiến.

147. From a cosmic perspective, one wonders whether the entire lower twenty-one subplanes, related as they are to the substance of the previous solar system, might not be called the "eighth sphere"?

147. Từ một viễn cảnh vũ trụ, người ta tự hỏi liệu toàn bộ hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn, vốn liên hệ như chúng là với chất liệu của hệ mặt trời trước, có thể nào không được gọi là "khối cầu thứ tám" hay không?

The Agnichaitans of the third group are as yet a menace to man, and are only handled in group formation, and on a large scale by the head of the Manu's department through their own rulers-certain devas of a development equal to that of the sixth Initiation.

Các Agnichaitan của nhóm thứ ba hiện vẫn là một mối đe dọa đối với con người, và chỉ được xử lý trong đội hình nhóm, và trên quy mô lớn bởi người đứng đầu ban của Đức Manu thông qua chính các vị cai quản của chúng — một số thiên thần có mức phát triển tương đương với lần điểm đạo thứ sáu.

148. We are learning the specific rules under which the members of the third group of Agnichaitans can be "handled". Even the Manu and those in His department must work through the Raja Deva Lords Who are equivalent in their development of human initiates of the sixth degree.

148. Chúng ta đang học những quy luật cụ thể theo đó các thành viên của nhóm Agnichaitan thứ ba có thể được "xử lý". Ngay cả Đức Manu và những vị trong Ban của Ngài cũng phải làm việc thông qua các Đấng Chúa Tể Raja Deva, Các Ngài tương đương trong sự phát triển với các điểm đạo đồ nhân loại bậc sáu.

149. In the handling of these lives the group principle is preserved.

149. Trong việc xử lý các sự sống này, nguyên lý nhóm được bảo tồn.

150. For the unwary, the danger is also increased because these devas function in groups.

150. Đối với những ai thiếu thận trọng, mối nguy cũng gia tăng vì các thiên thần này hoạt động theo nhóm.

The occult Hierarchy of our planet is **primarily concerned with the development of self-consciousness in man**, and with the intelligent interpretation of the happenings of Nature; it is concerned with a wise co-operation with the building Forces of nature; and the object of its main

Thánh Đoàn huyền bí của hành tinh chúng ta **trước hết quan tâm đến sự phát triển ngã thức nơi con người**, và đến sự giải thích một cách thông tuệ các diễn biến của Thiên Nhiên; Thánh Đoàn quan tâm đến sự hợp tác minh triết với các mãnh lực kiến tạo của thiên nhiên; và mục tiêu của nỗ lực chính

endeavour is the vitalisation and activity of the centres in the Heavenly Man of our planet, and in the individual units of the human family.

yếu của Thánh Đoàn là sự tiếp sinh lực và hoạt động của các trung tâm trong Đấng Thiên Nhân của hành tinh chúng ta, và trong các đơn vị cá nhân của gia đình nhân loại.

151. We are reminded that the Spiritual Hierarchy is not so much concerned with manipulating the material aspect of man but with the development of his self-consciousness. The majority of human beings are still very far from full self-conscious. There is much development in relation to the sign Leo which must yet take place.

151. Chúng ta được nhắc nhở rằng Thánh đoàn tinh thần không quá quan tâm đến việc thao túng phương diện vật chất của con người mà quan tâm đến sự phát triển ngã thức của y. Đa số nhân loại vẫn còn rất xa trạng thái ngã thức trọn vẹn. Vẫn còn nhiều sự phát triển liên hệ với dấu hiệu hoàng đạo Leo cần phải diễn ra.

152. Let us tabulate these hierarchical concerns.

152. Chúng ta hãy lập bảng các mối quan tâm có tính thứ bậc này.

a. The development of self-consciousness in man

a. Sự phát triển ngã thức nơi con người

b. Inducing man's intelligent *interpretation* of the happenings of nature. This is not the same thing as the ability to *manipulate* nature to any great extent

b. Khơi dậy nơi con người sự giải thích một cách thông minh về các diễn biến của thiên nhiên. Điều này không đồng nghĩa với khả năng *thao túng* thiên nhiên ở bất kỳ mức độ lớn lao nào

c. Inducing in man a wise cooperation with the building forces of nature

c. Khơi dậy nơi con người sự hợp tác minh triết với các mãnh lực kiến tạo của thiên nhiên

d. Inducing the vitalization of the centers both in the Heavenly Man and in the human being. The centers, we realize, are conduits for the growth of consciousness in the material worlds.

d. Khơi dậy sự tiếp sinh lực của các trung tâm cả trong Đấng Thiên Nhân lẫn trong con người. Chúng ta nhận ra rằng các trung tâm là những ống dẫn cho sự tăng trưởng của tâm thức trong các thế giới vật chất.

The occult Hierarchy is a great force centre, the heart, head, and throat of the Heavenly Man as these three centres function in a triple co-ordination.

Thánh Đoàn huyền bí là một trung tâm mãnh lực vĩ đại, là tim, đầu và cổ họng của Đấng Thiên Nhân khi ba trung tâm này vận hành trong một sự phối hợp tam phân.

153. We have often thought of the occult Hierarchy are *only* the heart center of the Heavenly Man. Yet it is larger than that, including Shamballa (as the head center and the higher aspects of humanity as the throat center).

153. Chúng ta thường nghĩ rằng Thánh Đoàn huyền bí *chỉ* là trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân. Tuy nhiên, Thánh Đoàn lớn hơn thế, bao gồm Shamballa (như trung tâm đầu) và các phương diện cao hơn của nhân loại như trung tâm cổ họng.

154. The triangle between Shamballa, Hierarchy and Humanity is under stimulation, but the intended interrelationship is not yet complete. During the Aquarian Age, the 'Age of Circulation' from a certain perspective, much will be done to move toward greater completeness.

154. Tam giác giữa Shamballa, Thánh Đoàn và Nhân Loại đang chịu sự kích thích, nhưng mối tương quan dự định ấy vẫn chưa hoàn chỉnh. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, "Kỷ Nguyên của Sự Lưu Chuyển" theo một góc nhìn nào đó, sẽ có nhiều điều được thực hiện để tiến tới sự hoàn chỉnh lớn hơn.

Paralleling their activities along the line of consciousness (and primarily consciousness or intelligence as it demonstrates through the third and fourth kingdoms) **is to be found a great hierarchy of devas who concern themselves with the development of that portion of the body of a Heavenly Man which is not included in the active centres.**

Song song với các hoạt động của Các Ngài theo đường lối tâm thức (và trước hết là tâm thức hay trí tuệ như nó biểu lộ qua giới thứ ba và giới thứ tư) **có thể tìm thấy một huyền giai thiên thần vĩ đại chuyên quan tâm đến sự phát triển của phần thân thể của một Đấng Thiên Nhân không được bao gồm trong các trung tâm hoạt động.**

155. Consciousness and intelligence are equated. We see that it primarily *human* consciousness or intelligence that the Spiritual Hierarchy is interested in cultivating.

155. Tâm thức và trí tuệ được xem là tương đương. Chúng ta thấy rằng chính tâm thức hay trí tuệ *nhân loại* mà Thánh đoàn tinh thần chủ yếu quan tâm vun bồi.

156. The development of consciousness within the Heavenly Man concerns the development of His centers or chakras in which human being and members of the deva kingdom who are on the upward arc find place.

156. Sự phát triển tâm thức trong Đấng Thiên Nhân liên quan đến sự phát triển các trung tâm hay luân xa của Ngài, trong đó con người và các thành viên của giới thiên thần đang ở trên cung đi lên tìm được chỗ đứng.

157. It seems that the development of the portion of the Heavenly Man which is not included in the active centers is under the supervision of the Deva Kingdom—the fully

157. Dường như sự phát triển của phần nơi Đấng Thiên Nhân không được bao gồm trong các trung tâm hoạt động nằm dưới sự

Self-consciousness members of this kingdom.

giám sát của Giới Thiên Thần—những thành viên hoàn toàn có ngã thức của giới này.

158. We also may remember that there are a number of members of the Deva Kingdom who work closely with the Spiritual Hierarchy of our planet. Some of these devas could be said to be *members* of the Occult Hierarchy.

158. Chúng ta cũng có thể nhớ rằng có một số thành viên của Giới Thiên Thần làm việc mật thiết với Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta. Một số thiên thần này có thể được xem là *thành viên* của Thánh Đoàn Huyền Bí.

Perhaps some idea of what I seek to convey [Page 643] may be gathered from an illustration. The occult Hierarchy is concerned with the unfoldment of the nine-petalled Lotus in the Heavenly Man, and in man (the former through reflex action between the cosmic physical and the cosmic mental),

Có lẽ có thể nắm được phần nào ý tưởng về điều tôi muốn truyền đạt [Page 643] qua một minh họa. Thánh Đoàn huyền bí quan tâm đến sự khai mở của Hoa sen chín cánh nơi Đấng Thiên Nhân, và nơi con người (trường hợp trước là thông qua tác động phản xạ giữa cõi hồng trần vũ trụ và cõi trí vũ trụ),

159. The nine-petalled lotus of the Heavenly Man consists of the major nine petals in His twelve-petalled causal body.

159. Hoa sen chín cánh của Đấng Thiên Nhân gồm chín cánh chính trong thể nguyên nhân mười hai cánh của Ngài.

160. It is interesting that the unfoldment of the egoic lotus of the human being is part of a reflex response to the unfoldment of the causal body of the Planetary Logos. This is probably true on all planets.

160. Điều đáng chú ý là sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã nơi con người là một phần của đáp ứng phản xạ đối với sự khai mở của thể nguyên nhân của Hành Tinh Thượng Đế. Điều này có lẽ đúng trên mọi hành tinh.

161. We often think that egoic unfoldment is strictly the result of human effort and the initiation process, but the process has still deeper and larger causes.

161. Chúng ta thường nghĩ rằng sự khai mở chân ngã hoàn toàn là kết quả của nỗ lực con người và tiến trình điểm đạo, nhưng tiến trình ấy còn có những nguyên nhân sâu xa và lớn lao hơn nữa.

while the great deva Hierarchy is concerned with the permanent atoms, with the egoic body, and with the development of the spirillae.

trong khi huyền giai thiên thần vĩ đại quan tâm đến các Nguyên tử trường tồn, đến thể chân ngã, và đến sự phát triển của các loa tuyến.

162. This is a very important statement, differentiating the work of the Occult

162. Đây là một phát biểu rất quan trọng, phân biệt công việc của Thánh Đoàn Huyền

Hierarchy with that of the great Deva Hierarchy.

163. Let us tabulate the work of the Deva Hierarchy: It is—

a. Concerned with the permanent atoms

b. Concerned with the egoic body

c. Concerned with the development of the spirillae

164. It would seem that *both* the Occult Hierarchy and the Deva Hierarchy are concerned with the unfoldment of the egoic lotus which can be called the "egoic body".

Thus the function of the Agnichaitans of the lowest furnaces—macrocosmically and microcosmically—will be seen and comprehended by the wise student.

165. The lowest group of Agnichaitans are called "Agnichaitans of the lowest furnaces".

166. Cosmically considered, the entire cosmic physical plane is the province of the Agnichaitans. Thus, cosmically, they will be concerned with the unfoldment of the microcosmic egoic lotus, and with the human permanent atoms and the development of the spirillae of man.

167. We remember that Group C. Agnichaitans, even when understood from the cosmic perspective, do not function in a manner which could be called "cosmic etheric". The ethers constitute the sphere of functioning for Group B. Agnichaitans.

Bí với công việc của huyền giai Thiên Thần vĩ đại.

163. Chúng ta hãy lập bảng công việc của Huyền Giai Thiên Thần: đó là—

a. Quan tâm đến các Nguyên tử trường tồn

b. Quan tâm đến thể chân ngã

c. Quan tâm đến sự phát triển của các loa tuyến

164. Dường như *cả* Thánh Đoàn Huyền Bí lẫn Huyền Giai Thiên Thần đều quan tâm đến sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã, vốn có thể được gọi là "thể chân ngã".

Như vậy chức năng của các Agnichaitans của những lò lửa thấp nhất—xét theo đại thiên địa và tiểu thiên địa—sẽ được đạo sinh minh triết nhìn thấy và thấu hiểu.

165. Nhóm Agnichaitans thấp nhất được gọi là "Agnichaitans của những lò lửa thấp nhất".

166. Xét theo vũ trụ, toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ là phạm vi của các Agnichaitans. Vì vậy, xét theo vũ trụ, họ sẽ quan tâm đến sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã vi mô, và đến các Nguyên tử trường tồn của con người cùng sự phát triển các loa tuyến của con người.

167. Chúng ta nhớ rằng Nhóm C. Agnichaitans, ngay cả khi được hiểu từ góc độ vũ trụ, cũng không hoạt động theo cách có thể gọi là "dĩ thái vũ trụ". Các cõi dĩ thái tạo thành khối cầu hoạt động của Nhóm B. Agnichaitans.

Group B. Agnichaitans. In taking up the matter of the second group of Agnichaitans —Group B—we are dealing with that important group of devas who are designated in some works as the "devas of the shadows."

Nhóm B. Agnichaitans. Khi bàn đến nhóm Agnichaitans thứ hai—Nhóm B—chúng ta đang đề cập đến nhóm quan trọng gồm các thiên thần được gọi trong một số tác phẩm là "thiên thần của bóng tối."

168. We understand that "devas of the shadows" are etheric. This is the case whether we are considering these devas from a systemic or cosmic perspective.

168. Chúng ta hiểu rằng "thiên thần của bóng tối" là dĩ thái. Điều này đúng dù chúng ta xét các thiên thần này từ góc độ hệ thống hay vũ trụ.

169. It is important to disabuse our minds of the notion that Agnichaitans express through the purely dense physical levels. They have important etheric expressions as well—in fact, *more* important.

169. Điều quan trọng là phải loại bỏ khỏi trí óc chúng ta quan niệm cho rằng Agnichaitans biểu lộ qua các cấp độ hồng trần đậm đặc thuần túy. Họ cũng có những biểu lộ dĩ thái quan trọng—thật ra còn *quan trọng hơn*.

Their function is primarily a fourfold one,

Chức năng của họ trước hết là một chức năng tứ phân,

170. This would fit with the fact that there are *four* etheric subplanes, both systemically and cosmically.

170. Điều này phù hợp với sự kiện rằng có *bốn* cõi phụ dĩ thái, cả trong hệ thống lẫn trong vũ trụ.

and they are the basis of motion or of activity on all planes,

và họ là nền tảng của chuyển động hay hoạt động trên mọi cõi,

171. This is an important concept. These devas of the shadows are concerned with vitality and, therefore, naturally, with activity.

171. Đây là một khái niệm quan trọng. Các thiên thần của bóng tối này liên quan đến sinh lực và do đó, một cách tự nhiên, liên quan đến hoạt động.

which activity is produced by the interplay of the negative and positive aspects of Brahma, the manifested God.

mà hoạt động ấy được tạo ra bởi sự tương tác giữa các phương diện âm và dương của Brahma, Thượng đế biểu hiện.

172. We recall that the intermediate group of Agnichaitans are associated with prana and have a magnetic and linking function.

172. Chúng ta nhớ rằng nhóm trung gian của Agnichaitans liên kết với prana và có chức năng từ tính và nối kết.

173. This is an important explanation of the origin of activity.

173. Đây là một giải thích quan trọng về nguồn gốc của hoạt động.

174. Prana is the source of activity within the lower fields, but is, itself, a magnetic fluid which brings together the negative and positive aspect of Brahma.

174. Prana là nguồn của hoạt động trong các trường thấp, nhưng bản thân nó là một lưu chất từ tính đưa các phương diện âm và dương của Brahma lại với nhau.

First, they are the builders of the etheric bodies of all sentient existences, and primarily of all the etheric bodies of men.

Thứ nhất, họ là các đấng kiến tạo các thể dĩ thái của mọi hiện hữu hữu cảm, và trước hết là của mọi thể dĩ thái của những người nam và nữ.

175. We are speaking of Group B. Agnichaitans.

175. Chúng ta đang nói về Nhóm B. Agnichaitans.

176. Group C. Agnichaitans are builders of the physical bodies of men and planets. Group B. Agnichaitans work in subtler matter.

176. Nhóm C. Agnichaitans là các đấng kiến tạo các thể xác của con người và các hành tinh. Nhóm B. Agnichaitans làm việc trong chất liệu tinh tế hơn.

Second, they are the transmitters of prana.

Thứ hai, họ là những vị truyền dẫn prana.

177. This group of Agnichaitans has a relation to two principles (as principles are usually considered)—both to the etheric body and to prana.

177. Nhóm Agnichaitans này có liên hệ với hai nguyên khí (theo cách các nguyên khí thường được xét đến)—vừa với thể dĩ thái vừa với prana.

Third, they perform a very definite function in the evolutionary process of linking up the four kingdoms of nature, being essentially the transmuters and transmitters of the lower into the higher.

Thứ ba, họ thực hiện một chức năng rất xác định trong tiến trình thăng thượng tiến hoá là nối kết bốn giới của thiên nhiên, về bản chất là những vị chuyển hoá và truyền dẫn cái thấp lên cái cao.

178. The ethers have a linking function. All the lower kingdoms of nature are interrelated and energy-force is always passing from one to the others.

178. Các cõi dĩ thái có chức năng nối kết. Tất cả các giới thấp của thiên nhiên đều liên hệ với nhau và năng lượng-mãnh lực luôn luôn chuyển từ giới này sang giới khác.

179. In this linking function, Group B. Agnichaitans will be related to the planet Mercury.

179. Trong chức năng nối kết này, Nhóm B. Agnichaitans sẽ liên hệ với hành tinh Sao Thủy.

180. Let us briefly tabulate the functions of this group of Agnichaitans as given so far:

180. Chúng ta hãy ngắn gọn lập bảng các chức năng của nhóm Agnichaitans này như đã được nêu cho đến nay:

a. They build etheric bodies

a. Họ kiến tạo các thể dĩ thái

b. They transmit prana

b. Họ truyền dẫn prana

c. The link the four lower kingdoms

c. Họ nối kết bốn giới thấp

They build between each kingdom—mineral, vegetable, animal and human—**that which in each case corresponds to the antaskarana**,

Họ kiến tạo giữa mỗi giới—kim thạch, thực vật, động vật và nhân loại—**điều tương ứng trong mỗi trường hợp với antahkarana**,

181. Here, in the case of man, is another confirmation of the relation of this group of Agnichaitans to Mercury for Mercury rules the Antahkarana.

181. Ở đây, trong trường hợp con người, lại có thêm một xác nhận nữa về mối liên hệ của nhóm Agnichaitans này với Sao Thủy, vì Sao Thủy cai quản antahkarana.

or the bridge linking higher and lower manas, and which therefore is the **channel for the transmission of the life from out of the lower human kingdom into the higher spiritual one.**

hay cây cầu nối kết manas cao và thấp, và vì thế là **kênh truyền dẫn sự sống từ giới nhân loại thấp lên giới tinh thần cao hơn.**

182. As time passes the members of a given kingdom rise into the next higher kingdom. They do this via a kind of antahkarana built by Agnichaitans of this class, Class B.

182. Theo thời gian, các thành viên của một giới nhất định vươn lên giới cao hơn kế tiếp. Họ làm điều này qua một loại antahkarana do các Agnichaitans thuộc loại này, Loại B, kiến tạo.

It will be found that between each of the different stages of consciousness (from the subconscious through the self-conscious to the superconscious) there is a period of linking, of building, and of bridging, and this is carried out by the agency of [Page

Người ta sẽ thấy rằng giữa mỗi giai đoạn khác nhau của tâm thức (từ tiềm thức qua ngã thức đến siêuthức) đều có một thời kỳ nối kết, kiến tạo và bắt cầu, và điều này được

644] certain groups of devas on all the planes.

183. The activities on which we are focusing are linking, building and bridging. We understand a reasonable amount about how this process proceeds within the human kingdom but little if anything about the bridging process between the lower kingdoms.

184. DK extends the picture and informs us that there is a bridging process found in relation to *all* kingdoms, including those possessed of super-consciousness. This is another ways of saying that Agnichaitans (at least *cosmically* considered) exist on all levels of the cosmic physical plane.

These three groups on the physical plane find their counterparts and their work paralleled on higher levels.

185. There are ways to bridge from the human kingdom to the Kingdom of Souls, and from the Kingdom of Souls to the Kingdom of Planetary Lives, and, by inference, from the Kingdom of Planetary Lives to the Kingdom of Solar Lives.

186. There are definitely counterparts to the Agnichaitans (as usually considered) to be found on the higher systemic planes of the cosmic physical plane. Thus, there are higher and lower Agnichaitans.

187. It can be said, for instance, that Agnisuryans (systemically considered) are a type of Agnichaitan *cosmically* considered.

The point to be remembered is that this work of bridging from one stage or from one

thực hiện nhờ tác động của [Page 644] một số nhóm thiên thần trên mọi cõi.

183. Các hoạt động mà chúng ta đang tập trung vào là nối kết, kiến tạo và bắt cầu. Chúng ta hiểu được một mức độ hợp lý về cách tiến trình này diễn ra trong giới nhân loại, nhưng hầu như không biết gì về tiến trình bắt cầu giữa các giới thấp.

184. Chân sư DK mở rộng bức tranh và cho chúng ta biết rằng có một tiến trình bắt cầu được tìm thấy liên hệ với *mọi* giới, kể cả những giới sở hữu siêu thức. Đây là một cách khác để nói rằng Agnichaitans (ít nhất khi xét theo *vũ trụ*) tồn tại trên mọi cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ.

Ba nhóm này trên cõi hồng trần có các đối phần của chúng và công việc của chúng được song hành trên các cấp độ cao hơn.

185. Có những cách để bắt cầu từ giới nhân loại sang giới các linh hồn, và từ giới các linh hồn sang giới các Sự Sống Hành tinh, và theo suy luận, từ giới các Sự Sống Hành tinh sang giới các Sự sống Thái Dương.

186. Chắc chắn có những đối phần của Agnichaitans (theo cách thường được hiểu) được tìm thấy trên các cõi hệ thống cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ. Vì vậy, có Agnichaitans cao và thấp.

187. Chẳng hạn, có thể nói rằng Agnisuryans (xét theo hệ thống) là một loại Agnichaitan khi xét theo *vũ trụ*.

Điểm cần ghi nhớ là công việc bắt cầu này từ giai đoạn này hay từ giới này sang giới khác

kingdom to another has to be performed under the following conditions:

a. As the result of an impulse emanating from the lower, or originating in the active desire of the lower to embrace or contact the higher.

188. Human beings who wish to contact a higher energy or expand their expression within a lower field are told to "ask" for expansion or elevation. There must be a reaching towards a higher or more expansive state if such a state is to be achieved.

189. Man must learn to aspire if he would climb to a greater height.

190. In one way or another, this is also true of the members of lower kingdoms. They must, in their own unconscious way, reach out and up.

191. For that matter it may be considered true of all forms of life in cosmos, even of the Universal Logos (at the 'End Times' cosmically considered).

This is of paramount importance, for all progress must be self-induced, self-initiated, and be the result of an inner activity.

192. It is unlawful for the members of a higher kingdom to uplift the members of a lower without the aspiration or application of the members of the lower.

193. When unsolicited uplift does occur through compassionate but unwise intervention, the result will not be a lasting

phải được thực hiện dưới những điều kiện sau:

a. Là kết quả của một xung lực phát ra từ cái thấp, hay khởi nguồn trong khát vọng tích cực của cái thấp muốn ôm lấy hay tiếp xúc với cái cao.

188. Những con người muốn tiếp xúc với một năng lượng cao hơn hay mở rộng sự biểu lộ của mình trong một trường thấp hơn được dạy phải "cầu xin" sự mở rộng hay nâng cao. Phải có một sự vươn tới một trạng thái cao hơn hay bao quát hơn nếu trạng thái ấy muốn được đạt đến.

189. Con người phải học cách khát vọng nếu y muốn leo lên một tầm cao lớn hơn.

190. Theo cách này hay cách khác, điều đó cũng đúng với các thành viên của những giới thấp. Họ phải, theo cách vô thức riêng của mình, vươn ra và vươn lên.

191. Xét cho cùng, điều này có thể được xem là đúng với mọi hình thức sự sống trong vũ trụ, ngay cả với Thượng đế Vũ Trụ (vào "Thời Cuối" nếu xét theo vũ trụ).

Điều này có tầm quan trọng tối thượng, vì mọi tiến bộ đều phải do chính mình khơi dậy, do chính mình khởi xướng, và là kết quả của một hoạt động bên trong.

192. Việc các thành viên của một giới cao hơn nâng các thành viên của một giới thấp hơn lên mà không có khát vọng hay sự ứng dụng của các thành viên giới thấp là trái luật.

193. Khi sự nâng đỡ không được thỉnh cầu vẫn xảy ra do sự can thiệp đầy từ bi nhưng thiếu minh triết, kết quả sẽ không bền vững

one and delaying complications will almost certainly arise.

và những biến chứng gây trì hoãn hầu như chắc chắn sẽ phát sinh.

b. As the result of reflex action from the higher stage or kingdom; it is brought about by the activity of the lower which calls forth a response from the higher.

b. Là kết quả của tác động phản xạ từ giai đoạn hay giới cao hơn; nó được tạo ra bởi hoạt động của cái thấp, hoạt động này gọi ra một đáp ứng từ cái cao.

194. We will recognize in this description the universal dynamic of invocation and evocation.

194. Chúng ta sẽ nhận ra trong mô tả này động lực phổ quát của Khẩn Cầu và Gợi Lên.

195. The principle of free will is closely related to this dynamic. One cannot impose freedom, expansion and uplift.

195. Nguyên lý ý chí tự do liên hệ mật thiết với động lực này. Người ta không thể áp đặt tự do, sự mở rộng và sự nâng cao.

All vibration, it must be remembered, travels along waves of living substance.

Cần nhớ rằng mọi rung động đều truyền đi dọc theo những làn sóng của chất liệu sống.

196. DK is speaking of the antahkaranic process. We will here recognize the stage of "Projection" in the antahkaranic process. A vibration is projected from 'low' to 'high' and it travels along the waves of living substance existing in the antahkaranic bridge.

196. Chân sư DK đang nói về tiến trình antahkarana. Ở đây chúng ta sẽ nhận ra giai đoạn "phóng chiếu" trong tiến trình antahkarana. Một rung động được phóng chiếu từ "thấp" lên "cao" và nó di chuyển dọc theo những làn sóng của chất liệu sống hiện hữu trong cây cầu antahkarana.

c. As the result of extraneous stimulation produced by the activity of certain conscious powers, interested in the process of evolutionary development.

c. Là kết quả của sự kích thích từ bên ngoài do hoạt động của một số quyền năng hữu thức tạo ra, những quyền năng này quan tâm đến tiến trình phát triển thăng thượng tiến hoá.

197. There is "help from above", but it must not violate the principle of free will.

197. Có "sự trợ giúp từ trên cao", nhưng nó không được vi phạm nguyên lý ý chí tự do.

198. In certain ways the lower can be *invoked* by the higher. This may precede the invocation by the lower of the higher and the subsequent evocation of the higher.

198. Theo một số cách, cái thấp có thể được *khẩn cầu* bởi cái cao. Điều này có thể đi trước sự khẩn cầu của cái thấp đối với cái cao và sự gợi lên tiếp theo của cái cao.

199. We have just considered a threefold process relating to the Science of Invocation and Evocation:

a. An impulse from the 'lower' reaching towards the 'higher'

b. A reflex action by the 'higher' when the uprising impulse from the 'lower' reaches it.

c. Extraneous stimulation from higher energies assisting the 'lower' to rise

All these conditions can be seen in the process of the initiation of man, and of his transference from the fourth kingdom into the spiritual.

200. It requires an antahkarana to do this—and antahkarana built in two stages: one stage to connect the mental unit with the egoic lotus and the other to connect the mental unit with the manasic permanent atom.

His efforts must be self-induced, or the effect of his own self-conscious endeavour; they will meet with a response from his superconsciousness, the atmic aspect or Spirit and this dual interplay will be further aided by the Guardians of the Rites of Initiation.

201. Here it seems that superconsciousness is being defined as the atmic aspect. Interestingly, whereas the Monad is usually defined as the "Spirit", in this case Spirit is assigned to the atmic plane.

202. The law holds good. If we make invocative application in the right manner,

199. Chúng ta vừa xem xét một tiến trình tam phân liên hệ với Khoa Học về Khẩn Cầu và Gợi Lên:

a. Một xung lực từ "cái thấp" vươn tới "cái cao"

b. Một tác động phản xạ của "cái cao" khi xung lực dâng lên từ "cái thấp" chạm đến nó.

c. Sự kích thích từ bên ngoài từ các năng lượng cao hơn hỗ trợ "cái thấp" vươn lên

Tất cả những điều kiện này đều có thể thấy trong tiến trình điểm đạo của con người, và trong sự chuyển dịch của y từ giới thứ tư vào giới tinh thần.

200. Để làm được điều này cần có một antahkarana—một antahkarana được xây dựng trong hai giai đoạn: một giai đoạn để nối kết đơn vị hạ trí với Hoa Sen Chân Ngã và giai đoạn kia để nối kết đơn vị hạ trí với nguyên tử trường tồn manas.

Nỗ lực của y phải do chính y khơi dậy, hay là hiệu quả của nỗ lực ngã thức của chính y; chúng sẽ gặp được một đáp ứng từ siêu thức của y, từ phương diện atma hay tinh thần, và sự tương tác nhị phân này sẽ còn được hỗ trợ thêm bởi các Đấng Giữ Gìn Nghi Thức Điểm đạo.

201. Ở đây dường như siêu thức đang được định nghĩa là phương diện atma. Điều thú vị là, trong khi chân thần thường được định nghĩa là "Tinh thần", thì trong trường hợp này tinh thần lại được gán cho cõi atma.

202. Quy luật này luôn đúng. Nếu chúng ta thực hiện sự thỉnh cầu khẩn cầu theo đúng

the superconsciousness will necessarily respond, by reflex.

cách, siêu thức tất yếu sẽ đáp ứng bằng phản xạ.

203. The Guardians of the Rites of Initiation are those "conscious powers, interested in the process of evolutionary development".

203. Các Đấng Giữ Gìn Nghi Thức Điểm đạo là những "quyền năng hữu thức, quan tâm đến tiến trình phát triển thăng thượng tiến hoá".

204. We, thus, see all the ways in which interplay between kingdoms arises and is furthered.

204. Như vậy, chúng ta thấy mọi cách mà sự tương tác giữa các giới phát sinh và được thúc đẩy thêm.

205. It must be said that when kingdoms in which self-consciousness has not been achieved are considered, the impulse to rise is unconscious and instinctual but, nevertheless, present.

205. Cần phải nói rằng khi xét đến những giới trong đó ngã thức chưa đạt được, xung lực vươn lên là vô thức và theo bản năng, nhưng dù vậy vẫn hiện diện.

Yet all three effects are felt in spirit-matter; all proceed under the law of vibration, and **this law is literally the response of deva substance to force emanating from some conscious or unconscious source.**

Tuy nhiên cả ba hiệu quả đều được cảm nhận trong tinh thần-vật chất; tất cả đều diễn ra dưới định luật rung động, và **định luật này theo nghĩa đen là sự đáp ứng của chất liệu thiên thần đối với mãnh lực phát ra từ một nguồn hữu thức hay vô thức nào đó.**

206. DK has given us three ways in which interplay between higher and lower kingdoms is produced and sustained. He tells us that the deva kingdom is intimately involved in this interplay.

206. Chân sư DK đã cho chúng ta ba cách mà sự tương tác giữa các giới cao và thấp được tạo ra và duy trì. Ngài cho chúng ta biết rằng giới thiên thần tham dự mật thiết vào sự tương tác này.

207. A very important definition of the Law of Vibration is here given. Vibration is devic response. It would seem that according to the nature, quality and intensity of the source, so will be the resultant vibration.

207. Ở đây có một định nghĩa rất quan trọng về Định luật Rung động. Rung động là sự đáp ứng của thiên thần. Dường như tùy theo bản chất, phẩm tính và cường độ của nguồn phát mà rung động kết quả sẽ như thế.

Fourth, these "devas of the shadows," perform certain activities of an interesting and varied kind, but [Page 645] of such diversity as to make enumeration wellnigh impossible.

Thứ tư, các "thiên thần của bóng tối" này thực hiện một số hoạt động thuộc loại thú vị và đa dạng, nhưng [Page 645] quá đa tạp đến mức gần như không thể liệt kê hết.

208. Let us re-tabulate the functions (already listed) of the Devas of the Shadows:

208. Chúng ta hãy lập lại bảng các chức năng (đã được liệt kê) của các Thiên Thần của Bóng Tối:

a. They build etheric bodies

a. Họ kiến tạo các thể dĩ thái

b. They transmit prana

b. Họ truyền dẫn prana

c. The link the four lower kingdoms

c. Họ nối kết bốn giới thấp

We might attempt with brevity to state a few of these functions, remembering ever that what can be predicated of them on the physical plane can also be predicated of their correspondences on all the planes. This we can leave to the student to work out for himself, begging him again to bear in mind that **we are dealing with the devas on the evolutionary arc**, which may be divided into the following classes, amongst many others.

Chúng ta có thể thử, một cách ngắn gọn, nêu ra vài chức năng trong số đó, luôn ghi nhớ rằng điều gì có thể được khẳng định về họ trên cõi hồng trần thì cũng có thể được khẳng định về các tương ứng của họ trên mọi cõi. Điều này chúng ta có thể để cho đạo sinh tự mình tìm ra, và lại xin y ghi nhớ rằng **chúng ta đang đề cập đến các thiên thần trên cung thăng thượng tiến hoá**, vốn có thể được chia thành các loại sau đây, trong số nhiều loại khác.

209. DK is reminding us that these Devas of the Shadows are not elementals but are on the evolutionary arc.

209. Chân sư DK đang nhắc chúng ta rằng các Thiên Thần của Bóng Tối này không phải là các hành khí mà đang ở trên cung thăng thượng tiến hoá.

210. A further subdivision is now undertaken. The Devas of the Shadows in Group B. can be further subdivided as follows:

210. Giờ đây một sự phân chia phụ nữa được thực hiện. Các Thiên Thần của Bóng Tối trong Nhóm B. có thể được phân chia thêm như sau:

Class 1. The special agents of magic. They are peculiarly susceptible to the building vibrations of the seven rays.

Loại 1. Các tác nhân đặc biệt của huyền thuật. Họ đặc biệt nhạy cảm với các rung động kiến tạo của bảy cung.

211. With these devas white magicians will work. Perhaps they can also be manipulated by selfish magicians as well.

211. Các nhà huyền thuật chánh đạo sẽ làm việc với các thiên thần này. Có lẽ họ cũng có thể bị các nhà huyền thuật ích kỷ thao túng nữa.

212. These are building devas and the seven ray is a building ray, as is the second.

212. Đây là các thiên thần kiến tạo, và cung bảy là một cung kiến tạo, cũng như cung hai vậy.

Class 2. A group of Agnichaitans who manifest as physical plane electricity. They are a group who are coming somewhat under the control of man, and will be more and more dominated by him.

Loại 2. Một nhóm Agnichaitan biểu hiện thành điện năng cõi hồng trần. Họ là một nhóm đang phần nào đi vào dưới sự kiểm soát của con người, và sẽ ngày càng bị con người chi phối nhiều hơn.

213. This is a familiar group of devas because, during the last one hundred twenty five years physical plane electricity has come to a significant extent under human control.

213. Đây là một nhóm thiên thần quen thuộc vì trong một trăm hai mươi lăm năm qua, điện năng cõi hồng trần đã ở dưới sự kiểm soát của con người ở một mức độ đáng kể.

Class 3. A group who form the health auras of all the three middle kingdoms of nature (vegetable, animal and human) either collectively or individually.

Loại 3. Một nhóm tạo thành các hào quang sức khỏe của cả ba giới trung gian của bản chất (giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại), hoặc tập thể hoặc cá biệt.

214. We note that the vegetable, animal and human kingdoms are called "middle kingdoms". They are flanked by the mineral kingdom on the lower side and the Kingdom of Souls on the higher.

214. Chúng ta lưu ý rằng giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại được gọi là "các giới trung gian". Chúng được kẹp giữa giới kim thạch ở phía dưới và Giới các Linh Hồn ở phía trên.

215. These kingdoms all have health auras, but, apparently, this cannot be said for the lives within the mineral kingdom.

215. Tất cả các giới này đều có hào quang sức khỏe, nhưng dường như không thể nói như vậy đối với các sự sống trong giới kim thạch.

216. These devas are, it would seem, etheric emanations. They must be directly responsive to the condition of the centers (the activity of which is so intimately involved with health or its absence).

216. Có vẻ như các thiên thần này là những phát xạ dĩ thái. Họ hẳn phải trực tiếp đáp ứng với tình trạng của các trung tâm, mà hoạt động của chúng liên hệ mật thiết đến sức khỏe hay sự thiếu vắng sức khỏe.

Man is coming into contact with them along medical lines and beginning somewhat to recognise them.

Con người đang tiếp xúc với họ theo hướng y học và bắt đầu phần nào nhận biết họ.

217. This recognition, already beginning in 1925 when TCF was first published, is now widespread.

217. Sự nhận biết này, đã bắt đầu từ năm 1925 khi Luận về Lửa Vũ Trụ lần đầu được xuất bản, nay đã trở nên phổ biến rộng rãi.

One of the great errors into which the human family has fallen has been the endeavour to administer mineral drugs to man for medicinal purposes. It has resulted in a combination of deva substances which was never intended.

Một trong những sai lầm lớn mà gia đình nhân loại đã sa vào là nỗ lực dùng các dược chất khoáng cho con người vào mục đích trị liệu. Điều đó đã dẫn đến một sự kết hợp các chất liệu thiên thần vốn không bao giờ được dự định.

218. Such use of mineral drugs was promoted by Paracelsus.

218. Việc sử dụng dược chất khoáng như thế đã được Paracelsus cổ vũ.

The relation of man to the lower kingdoms, and particularly to the animal and mineral, has brought about a peculiar condition in the deva world and has tended to complicate deva evolution.

Mối liên hệ của con người với các giới thấp, và đặc biệt với giới động vật và giới kim thạch, đã tạo ra một tình trạng đặc biệt trong thế giới thiên thần và có khuynh hướng làm phức tạp thêm sự tiến hoá của thiên thần.

219. Humanity fails to realize how responsible it is for the welfare and development of the lower members of the Deva Kingdom.

219. Nhân loại không nhận ra mình chịu trách nhiệm đến mức nào đối với phúc lợi và sự phát triển của các thành phần thấp hơn trong giới thiên thần.

220. Human ignorance has caused these complications. Such complication has led to delayed development and difficulties in achieving the intended cooperation between man and deva.

220. Chính sự vô minh của con người đã gây ra những phức tạp này. Sự phức tạp ấy đã dẫn đến sự phát triển bị trì hoãn và những khó khăn trong việc đạt được sự hợp tác đã được dự định giữa con người và thiên thần.

The use of animal food (and the use of minerals as medicine in a lesser degree) has produced **a commingling of deva substance, and of vibrations which are not attuned to each other.**

Việc dùng thức ăn động vật (và ở mức độ thấp hơn, việc dùng khoáng chất làm thuốc) đã tạo ra **sự pha trộn chất liệu thiên thần và những rung động không hòa điệu với nhau.**

221. The harmony of nature has be violated.

221. Sự hài hòa của bản chất đã bị vi phạm.

222. There are many arguments pro and con for vegetarianism. Here is an argument which does not deal exclusively with human welfare but also with the welfare of the devas as a parallel kingdom.

222. Có nhiều lập luận thuận và chống đối với việc ăn chay. Đây là một lập luận không chỉ bàn đến riêng phúc lợi của con người mà còn bàn đến phúc lợi của các thiên thần như một giới song hành.

223. The fourth ray of Harmony through Conflict is involved in this process. Evolution is very much a process of musical composition and, thus, of the resolution of dissonance through attunement. It seems however, that humanity through ignorance has produced some unintended dissonances in Nature.

223. Cung bốn của Hài Hòa xuyên qua Xung Đột có liên quan đến tiến trình này. Tiến hoá phần lớn là một tiến trình sáng tác âm nhạc, và do đó là sự giải quyết bất hòa qua sự hòa điệu. Tuy nhiên, có vẻ như nhân loại do vô minh đã tạo ra một số bất hòa không chủ ý trong Thiên Nhiên.

The vegetable kingdom is in a totally different situation, and part of its karma has lain in the providing of food for man;

Giới thực vật ở trong một tình thế hoàn toàn khác, và một phần nghiệp quả của nó là cung cấp thức ăn cho con người;

224. We note in this regard that the vegetable kingdom is ruled by Venus, a planet which tends to induce harmony.

224. Về phương diện này, chúng ta lưu ý rằng giới thực vật được Sao Kim cai quản, một hành tinh có khuynh hướng tạo ra sự hài hòa.

225. We note that only a *part* of the karma of the vegetable kingdom is to provide food for man.

225. Chúng ta lưu ý rằng chỉ một *phần* nghiệp quả của giới thực vật là cung cấp thức ăn cho con người.

this has resulted in a needed transmutation of the life [Page 646] of that kingdom into the higher stage (the animal) which is its goal.

điều này đã dẫn đến một sự chuyển hoá cần thiết của sự sống [Page 646] của giới ấy sang giai đoạn cao hơn (giới động vật), là mục tiêu của nó.

226. We see that to become “food for the gods” is to become, eventually godlike. We should ponder on the statement that “the fifth feeds on the fourth” (Rule VI for Disciples and Initiates). This has something to do with the tendency of man to become a

226. Chúng ta thấy rằng trở thành “thức ăn cho các vị thần” là rốt cuộc trở nên giống thần linh. Chúng ta nên suy ngẫm về phát biểu rằng “giới thứ năm nuôi bằng giới thứ tư” (quy luật VI dành cho các Đệ tử và Điểm đạo đồ). Điều này có liên quan đến khuynh hướng của con người trở thành một Thái

Solar Angel, or at least a member of the Kingdom of Souls.

dương Thiên Thần, hay ít nhất là một thành viên của Giới các Linh Hồn.

The transmutation of vegetable life takes place necessarily on the physical plane. Hence its availability as food.

Sự chuyển hoá của sự sống thực vật tất yếu diễn ra trên cõi hồng trần. Vì thế nó sẵn có làm thức ăn.

227. We may judge this to be the case because the vegetable kingdom has its roots in the mineral kingdom.

227. Chúng ta có thể phán đoán như vậy vì giới thực vật có gốc rễ trong giới kim thạch.

The transmutation of the life of the animal into the human kingdom takes place on kamamanasic levels. Hence the non-availability, esoterically understood, of the animal as food for man. This is an argument for vegetarian living which needs due consideration.

Sự chuyển hoá sự sống của động vật vào giới nhân loại diễn ra trên các cấp độ trí-cảm. Vì thế, xét theo nghĩa huyền bí, động vật không thích hợp làm thức ăn cho con người. Đây là một lập luận ủng hộ đời sống ăn chay cần được cân nhắc đúng mức.

228. DK has given us a truly occult argument for vegetarian living. If we respect the animal kingdom, we shall have to live in such as way that its transmutation into the human kingdom can be accomplished with no undue delay.

228. Chân sư DK đã đưa cho chúng ta một lập luận thật sự huyền bí ủng hộ đời sống ăn chay. Nếu chúng ta tôn trọng giới động vật, chúng ta sẽ phải sống theo cách sao cho sự chuyển hoá của nó vào giới nhân loại có thể được hoàn thành mà không bị trì hoãn quá mức.

229. We have been speaking of transmutative bridges between the lower kingdoms of nature. We have discussed these bridges in relation to the Agnichaitans of Group B. Class 3 of the Group B. Agnichaitans are particularly related to the health considerations under discussion.

229. Chúng ta đã nói về những cây cầu chuyển hoá giữa các giới thấp của bản chất. Chúng ta đã bàn đến các cây cầu này trong liên hệ với các Agnichaitan của Nhóm B. Loại 3 của các Agnichaitan Nhóm B đặc biệt liên hệ đến những cân nhắc về sức khỏe đang được thảo luận.

Class 4. A very important class of etheric devas (as far as man is concerned) who are **definitely the constituent substance of his centres**.

Loại 4. Một loại thiên thần dĩ thái rất quan trọng (xét theo phương diện con người) là những vị **chắc chắn là chất liệu cấu thành các trung tâm của y**.

230. We have just dealt with Group B. Agnichaitans who constituted the health aura of three kingdoms. Now we deal with

230. Chúng ta vừa bàn đến các Agnichaitan Nhóm B tạo thành hào quang sức khỏe của ba giới. Giờ đây chúng ta bàn đến các

Agnichaitans who constituted the substance of man's centers.

Agnichaitan tạo thành chất liệu của các trung tâm của con người.

They occupy this position for karmic reasons, and are, from many angles, **some of the most highly evolved of the devas of the shadows.**

Họ chiếm vị trí này vì những lý do nghiệp quả, và xét từ nhiều góc độ, **họ là một số trong những thiên thần của bóng tối tiến hoá cao nhất.**

231. We can compare this statements with the enumeration of the Devas of the Shadows as expressive of four colors, all of them shades of violet or purple.

231. Chúng ta có thể so sánh phát biểu này với sự liệt kê các thiên thần của bóng tối như biểu lộ của bốn màu sắc, tất cả đều là những sắc thái của tím hay tía.

They are distinguished by their ability to respond to a particular set of planetary vibrations in a peculiar manner, and in their essential essence, and in their own peculiar sphere enable man to react to Ray stimulation.

Họ được phân biệt bởi khả năng đáp ứng theo một cách đặc biệt với một tập hợp rung động hành tinh nhất định, và trong tinh chất cốt yếu của họ, trong khối cầu đặc thù của riêng họ, họ giúp con người đáp ứng với sự kích thích của cung.

232. This is a fascinating piece of information. From our studies we have gathered that each chakra or center is ruled by a certain ray or by certain rays and has a connection with certain planets.

232. Đây là một mẩu thông tin rất hấp dẫn. Từ những nghiên cứu của mình, chúng ta đã rút ra rằng mỗi chakra hay trung tâm đều được một cung nào đó hoặc những cung nào đó cai quản và có liên hệ với những hành tinh nhất định.

233. We can understand why the devic substance of the centers would have to be planetarily responsive and responsive also to certain rays. We may gather that the substance of each chakra is different according to the ray-sensitivity and planetary responsiveness of its substance.

233. Chúng ta có thể hiểu vì sao chất liệu thiên thần của các trung tâm phải có khả năng đáp ứng với hành tinh và cũng đáp ứng với những cung nhất định. Chúng ta có thể suy ra rằng chất liệu của mỗi chakra là khác nhau tùy theo tính nhạy cảm với cung và khả năng đáp ứng hành tinh của chất liệu ấy.

Each centre is under the influence of one or other of the planets. In this fact lies the ability of man eventually—through the agency of his centres — to put himself en rapport with the sevenfold soul of the world.

Mỗi trung tâm đều ở dưới ảnh hưởng của hành tinh này hay hành tinh khác. Chính trong sự kiện này có khả năng để con người rốt cuộc—thông qua tác nhân là các trung tâm của mình—đặt mình vào sự tương thông với linh hồn thất phân của thế giới.

234. It sounds like the sevenfold soul of the world is equivalent to consciousness *as qualified by* the seven rays and/or by the planets which distribute these rays.

234. Nghe có vẻ như linh hồn thất phân của thế giới tương đương với tâm thức *được phẩm định bởi* bảy cung và/hoặc bởi các hành tinh phân phối các cung này.

235. We can see the value of learning how to attune our consciousness *through the utilization of the centers.* Each center, having a certain vibrational quality, helps us attune to a certain stratum in the "sevenfold soul of the world".

235. Chúng ta có thể thấy giá trị của việc học cách hòa điệu tâm thức của mình *qua việc sử dụng các trung tâm.* Mỗi trung tâm, có một phẩm tính rung động nhất định, giúp chúng ta hòa điệu với một tầng lớp nhất định trong "linh hồn thất phân của thế giới".

236. According to the major ray structure of an individual, so may be the stage of development of these devas of the chakras. There will be lines of promoted and retarded devic development according to the major rays of the M/man.

236. Tùy theo cấu trúc cung chính của một cá nhân mà giai đoạn phát triển của các thiên thần của các chakra này có thể như thế. Sẽ có những đường phát triển thiên thần được thúc đẩy hay bị trì hoãn tùy theo các cung chính của con người.

Class 5. We have here a very important group of devas, who are peculiarly active and esoterically dominant during this round; **they are the Agnichaitans who form the centre which vibrates to the measure of kundalini in its many forms and demonstrations;** this is the centre at the base of the spine.

Loại 5. Ở đây chúng ta có một nhóm thiên thần rất quan trọng, đặc biệt hoạt động và chiếm ưu thế một cách huyền bí trong cuộc tuần hoàn này; **họ là các Agnichaitan tạo thành trung tâm rung động theo nhịp độ của kundalini trong nhiều hình thức và biểu lộ của nó;** đây là trung tâm ở đáy cột sống.

237. DK singles out this particular chakra as worthy of special attention.

237. Chân sư DK nêu riêng chakra đặc biệt này như đáng được chú ý đặc biệt.

238. We learn that kundalini has a "measure" or vibration and, thus, a rhythm.

238. Chúng ta biết rằng kundalini có một "nhịp độ" hay rung động, và do đó có một nhịp điệu.

239. Since the base of the spine center is the lowest of the centers and since the Agnichaitans are the lowest of the orders of devas that we will be discussing, there must be connection between this particular center (the base of the spine center) and this particular group of devas (Agnichaitans).

239. Vì trung tâm đáy cột sống là thấp nhất trong các trung tâm và vì các Agnichaitan là thấp nhất trong các cấp thiên thần mà chúng ta sẽ bàn đến, hẳn phải có một mối liên hệ giữa trung tâm đặc biệt này (trung tâm đáy cột sống) và nhóm thiên thần đặc biệt này (Agnichaitan).

240. What we notice is that *each* center is formed by devas. We have already learned that the devas are of differing quality in each of the chakras.

240. Điều chúng ta nhận thấy là *mỗi* trung tâm đều được tạo thành bởi các thiên thần. Chúng ta đã biết rằng các thiên thần có phẩm tính khác nhau trong mỗi chakra.

241. What, then, may be the difference between the devas of the base of the spine center and the devas of the other chakras? They appear to be in different classes—Class 5 and Class 4.

241. Vậy thì, sự khác biệt giữa các thiên thần của trung tâm đáy cột sống và các thiên thần của những chakra khác có thể là gì? Có vẻ như họ thuộc những loại khác nhau—Loại 5 và Loại 4.

In this centre we have a very effective display of the two polarities, for the petals of the centre which is the seat of kundalini, and the fire or vitality which animates them are negative and positive to each other. This centre is to be found in some form or other in all sentient beings and upon it largely depends:

Trong trung tâm này chúng ta có một sự biểu lộ rất hiệu quả của hai cực tính, vì các cánh hoa của trung tâm là chỗ ngự của kundalini, và lửa hay sinh lực làm sinh động chúng thì âm và dương đối với nhau. Trung tâm này được tìm thấy dưới hình thức này hay hình thức khác trong mọi hữu thể có tri giác và phần lớn tùy thuộc vào nó là:

242. Some very occult information is here offered. We have

242. Ở đây có một số thông tin rất huyền bí được đưa ra. Chúng ta có

a. The petals of the base of the spine center

a. Các cánh hoa của trung tâm đáy cột sống

b. The fire which animates the petals

b. Ngọn lửa làm sinh động các cánh hoa

243. It would seem that the fire which animates the petals are *positive* to the substance of the petals themselves. We gather that petal substance is negative to the animating fire.

243. Có vẻ như ngọn lửa làm sinh động các cánh hoa là *dương* đối với chính chất liệu của các cánh hoa. Chúng ta suy ra rằng chất liệu cánh hoa là âm đối với ngọn lửa làm sinh động.

244. As we have seen from earlier studies, this center (the base of the spine center) is found in some form in the Planetary Logoi and the Solar Logos, and also in lower forms of life.

244. Như chúng ta đã thấy từ những nghiên cứu trước, trung tâm này (trung tâm đáy cột sống) được tìm thấy dưới một hình thức nào đó trong các Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, và cả trong những hình thức sự sống thấp hơn.

[Page 647]

[Page 647]

a. Consciousness at one of its seven stages.

a. Tâm thức ở một trong bảy giai đoạn của nó.

b. Continuity of existence.

b. Sự liên tục của hiện hữu.

c. Perpetuation of species or reproduction on some or other of the planes.

c. Sự duy trì giống loài hay sự sinh sản trên cõi này hay cõi khác.

245. We are not told that this center is responsible for consciousness at *all* of its seven stages, but only one.

245. Chúng ta không được bảo rằng trung tâm này chịu trách nhiệm cho tâm thức ở *mọi* giai đoạn trong bảy giai đoạn của nó, mà chỉ ở một giai đoạn.

246. The base of the spine center has been associated with "survival". This is "continuity of existence".

246. Trung tâm đáy cột sống đã được liên kết với "sự sinh tồn". Đó là "sự liên tục của hiện hữu".

247. Interestingly, it is also, apparently, associated with the sacral center through which reproduction occurs. Apparently, the sacral center alone is not enough to sustain the reproductive function.

247. Điều thú vị là, dường như nó cũng được liên kết với trung tâm xương cùng, qua đó sự sinh sản diễn ra. Rõ ràng chỉ riêng trung tâm xương cùng là không đủ để duy trì chức năng sinh sản.

It might be of interest here to note that this centre is literally a fourfold radiation, and the "Cross of the Holy Spirit," the equal armed Cross, is its symbol. This four-petalled lotus is the result of evolution.

Ở đây có lẽ đáng lưu ý rằng trung tâm này theo nghĩa đen là một bức xạ tứ phân, và "Thập Giá của Chúa Thánh Thần," thập giá có bốn cánh bằng nhau, là biểu tượng của nó. Hoa sen bốn cánh này là kết quả của tiến hoá.

248. The mental unit is also the result of evolution and also has a cross as its symbol.

248. Đơn vị hạ trí cũng là kết quả của tiến hoá và cũng có thập giá làm biểu tượng của nó.

249. Because the "equal armed cross" is the symbol of the base of the spine center, this center must also be associated with the equal-armed Aquarian Cross. We remember that the sign Aquarius rules the lowest or seventh of the manifested Creative Hierarchies. It can be inferred that this

249. Vì "thập giá có bốn cánh bằng nhau" là biểu tượng của trung tâm đáy cột sống, trung tâm này hẳn cũng liên hệ với Thập Giá Bảo Bình có bốn cánh bằng nhau. Chúng ta nhớ rằng dấu hiệu Bảo Bình cai quản Huyền Giai Sáng Tạo Biểu Hiện thấp nhất hay thứ bảy. Có thể suy ra rằng Huyền Giai Sáng Tạo

lowest and material Creative Hierarchy is associated with the Holy Spirit.

thấp nhất và vật chất này liên hệ với Chúa Thánh Thần.

250. Frequently, the number *four* (a material number, from one perspective) is associated with the *third* aspect of divinity.

250. Thường thì con số *bốn* (một con số vật chất, theo một góc nhìn) được liên kết với *phương diện* thứ của thiên tính.

In the first kingdom of nature, the mineral, through which a specific Entity is manifesting,

Trong giới thứ nhất của bản chất, giới kim thạch, qua đó một Thực Thể đặc thù đang biểu hiện,

251. This Entity is, in a way, the soul of the mineral kingdom. Although the units of the mineral kingdom are not self-conscious the Great Life which informs the mineral kingdom throughout the solar system must be Self-conscious.

251. Thực Thể này, theo một nghĩa nào đó, là linh hồn của giới kim thạch. Dù các đơn vị của giới kim thạch không có ngã thức, Sự Sống Vĩ Đại thấm nhuần giới kim thạch khắp hệ mặt trời hẳn phải có ngã thức.

this centre is a unity on etheric levels, for only one petal is to be seen. In the vegetable kingdom, viewing it as the expression of a great Existence, two petals are becoming active. In the third kingdom, the animal, the centre at the base of the spine will be found to have three petals, whereas in man, the lotus is vibrating in a fourfold manner.

trung tâm này là một hợp nhất trên các cấp độ dĩ thái, vì chỉ thấy một cánh hoa. Trong giới thực vật, khi xem nó như biểu lộ của một Hiện Hữu vĩ đại, hai cánh hoa đang trở nên hoạt động. Trong giới thứ ba, giới động vật, trung tâm ở đáy cột sống sẽ được thấy có ba cánh hoa, trong khi ở con người, hoa sen rung động theo cách tứ phân.

252. We can see how rationally predictable are the numerical characteristics of the petals associated with the base of the spine center in the various kingdoms.

252. Chúng ta có thể thấy các đặc tính số học của những cánh hoa liên hệ với trung tâm đáy cột sống trong các giới khác nhau có thể được dự đoán hợp lý đến mức nào.

253. Creation and its structures can be interpreted through number.

253. Sự sáng tạo và các cấu trúc của nó có thể được diễn giải qua số.

254. We may judge that other chakras in the system (for instance) of an animal, will be based upon multiples of the number three rather than multiples of four, as in the case of the human kingdom. The number of petals in the base of the spine center is *foundational* and upon it depends the number of petals in higher centers.

254. Chúng ta có thể phán đoán rằng các chakra khác trong hệ thống chẳng hạn của một con vật sẽ dựa trên các bội số của số ba hơn là các bội số của số bốn như trong trường hợp giới nhân loại. Số cánh hoa trong trung tâm đáy cột sống là *nền tảng* và số cánh hoa trong các trung tâm cao hơn tùy thuộc vào đó.

At each initiation of the great Being Who is manifesting through our planet, one of these petals becomes unfolded on etheric levels, so that at individualisation, the four became active, and His self-conscious activity was brought right down on to the physical plane.

Ở mỗi lần điểm đạo của Đấng vĩ đại đang biểu hiện qua hành tinh chúng ta, một trong những cánh hoa này được khai mở trên các cấp độ dĩ thái, để rồi vào lúc biệt ngã hóa, cả bốn đều trở nên hoạt động, và hoạt động có ngã thức của Ngài được đưa xuống tận cõi hồng trần.

255. We can see that individualization was, indeed, a *planetary* event.

255. Chúng ta có thể thấy rằng biệt ngã hóa quả thật là một biến cố *hành tinh*.

256. It is as if man's self-consciousness is an aspect of the Self-consciousness of the Planetary Logos.

256. Dường như ngã thức của con người là một phương diện của Ngã thức của Hành Tinh Thượng Đế.

257. Should it be said that one of the "petals" becomes unfolded at each of the four initiations of the Planetary Logos, or that one of the lotuses is thus unfolded—for instance, first the base of the spine center of the Entity of the mineral kingdom; then the base of the spine center of the Great Existence Who ensouls the vegetable kingdom; and so forth for the Existences ensouling the animal and human kingdoms?

257. Có nên nói rằng một trong các "cánh hoa" được khai mở ở mỗi một trong bốn lần điểm đạo của Hành Tinh Thượng Đế, hay rằng một trong các hoa sen được khai mở theo cách ấy—thí dụ, trước hết là trung tâm đáy cột sống của Thực Thể của giới kim thạch; rồi trung tâm đáy cột sống của Hiện Hữu Vĩ Đại phú linh giới thực vật; và cứ thế đối với các Hiện Hữu phú linh giới động vật và giới nhân loại?

The analogy can be seen typified at His great Initiation which took place in the fourth round and the third rootrace; the correspondence between the third kingdom and the fourth, and their production of the esoteric seven is one of the lines of study for the occultist.

Sự tương đồng có thể được thấy được tiêu biểu hóa trong lần Điểm đạo lớn lao của Ngài diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ tư và giống dân gốc thứ ba; sự tương ứng giữa giới thứ ba và giới thứ tư, và việc chúng tạo ra số bảy huyền bí, là một trong những đường nghiên cứu dành cho nhà huyền bí học.

258. At this “great Initiation” it would seem that the base of the spine center of the Entity Who ensouls the human kingdom was unfolded.

258. Trong “lần Điểm đạo lớn lao” này, có vẻ như trung tâm đáy cột sống của Thực Thể phú linh giới nhân loại đã được khai mở.

259. If the initiation taken by the Planetary Logos at Individualization was a “great Initiation”, was it a kind of *third* initiation? It cannot yet have been the fourth, as that lies imminently ahead for our Planetary Logos. (cf. TCF 384)

259. Nếu lần điểm đạo mà Hành Tinh Thượng Đế trải qua vào lúc Biệt ngã hóa là một lần Điểm đạo “lớn lao”, thì đó có phải là một loại lần điểm đạo thứ *ba* không? Nó chưa thể là lần thứ tư, vì điều đó đang ở ngay phía trước đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. (x. TCF 384)

260. It seems that the production of the human kingdom from the animal kingdom produced an “esoteric seven”.

260. Có vẻ như việc sản sinh giới nhân loại từ giới động vật đã tạo ra một “số bảy huyền bí”.

261. The four over the three (i.e., the relation between the human kingdom and the animal kingdom), suggests the relationship between the four ethers and the three dense subplanes. The animal kingdom would, thus, be correlated with the dense physical vehicle while humanity would be correlated with the four ethers.

261. Bốn trên ba (tức là mối liên hệ giữa giới nhân loại và giới động vật) gợi ý mối liên hệ giữa bốn dĩ thái và ba cõi phụ đậm đặc. Vì vậy, giới động vật sẽ tương ứng với vận cụ hồng trần đậm đặc, trong khi nhân loại sẽ tương ứng với bốn dĩ thái.

262. At the initiation of each kingdom, a different esoteric number will be have been produced:

262. Ở lần điểm đạo của mỗi giới, một con số huyền bí khác nhau sẽ được tạo ra:

a. An esoteric three when the Entity ensouling the vegetable kingdom was initiated—the *first* kingdom plus the *second.*

a. Một số ba huyền bí khi Thực Thể phú linh giới thực vật được điểm đạo—giới *thứ nhất* cộng với giới *thứ hai.*

b. An esoteric five when the Entity ensouling the animal kingdom was initiated—the *second* kingdom plus the *third.*

b. Một số năm huyền bí khi Thực Thể phú linh giới động vật được điểm đạo—giới *thứ hai* cộng với giới *thứ ba.*

c. An esoteric seven, as stated, for the human kingdom—the *third* kingdom plus the *fourth.*

c. Một số bảy huyền bí, như đã nói, đối với giới nhân loại—giới *thứ ba* cộng với giới *thứ tư.*

d. And an esoteric nine when the Kingdom of Souls will be initiated-the *fourth* kingdom plus the *fifth*.

d. Và một số chín huyền bí khi Giới các Linh Hồn sẽ được điểm đạo—giới *thứ tư* cộng với giới *thứ năm*.

e. At least this is the result of pursuing analogical thinking.

e. Ít nhất đó là kết quả của việc theo đuổi lối tư duy tương đồng.

As each of the petals of the etheric centres becomes vibrant, or an at-one-ment is brought about in deva substance, **a quickening takes place on allied levels in the cosmic etheric body of the planetary Logos, and of the solar Logos.**

Khi mỗi cánh hoa của các trung tâm dĩ thái trở nên rung động, hay một sự hợp nhất được tạo ra trong chất liệu thiên thần, **một sự tiếp sinh lực diễn ra trên các cấp độ tương ứng trong thể dĩ thái vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế.**

263. Vibrancy within the etheric centers arises through at-one-ment in deva substance.

263. Tính rung động trong các trung tâm dĩ thái phát sinh qua sự hợp nhất trong chất liệu thiên thần.

264. The vibrancy of etheric centers has a direct effect upon the quickening of deva substance in the cosmic etheric body of the Planetary Logos. The quickening proceeds according to principles of resonance.

264. Tính rung động của các trung tâm dĩ thái có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tiếp sinh lực của chất liệu thiên thần trong thể dĩ thái vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế. Sự tiếp sinh lực diễn ra theo các nguyên lý cộng hưởng.

265. It would seem that we are still speaking of the base of the spine center of the lower four kingdoms.

265. Có vẻ như chúng ta vẫn đang nói về trung tâm đáy cột sống của bốn giới thấp.

266. It seems that the petals of the base of the spine center chakras of the three Kingdom Entities, does not occur simultaneously (in the case of those Entities the base of the spine of which is represented by more than one petal).

266. Có vẻ như sự khai mở các cánh hoa của các chakra đáy cột sống của ba Thực Thể Giới không xảy ra đồng thời (trong trường hợp các Thực Thể mà trung tâm đáy cột sống của họ được biểu hiện bằng hơn một cánh hoa).

267. We may assume that, for the Planetary Logos, the base of the spine center of all four Entities discussed (the ensouling Entities of the mineral, vegetable, animal and human kingdoms) is to be found on the cosmic

267. Chúng ta có thể giả định rằng, đối với Hành Tinh Thượng Đế, trung tâm đáy cột sống của cả bốn Thực Thể được bàn đến (các Thực Thể phú linh giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại) được tìm

etheric levels or those (perhaps slightly lower etheric levels) which correlate with the etheric body of the Planetary Logos. What is etheric to a Planetary Logos may not be etheric to a Solar Logos.

thấy trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ hoặc trên những cấp độ dĩ thái ấy (có lẽ hơi thấp hơn) tương ứng với thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế. Điều gì là dĩ thái đối với một Hành Tinh Thượng Đế có thể không là dĩ thái đối với một Thái dương Thượng đế.

268. The point for us to gather is that these great Logoi (the Planetary Logoi) are in process of quickening Their etheric bodies. This occurs as the petals of the etheric lotuses of the Entities Who ensoul the four lower kingdoms are unfolded.

268. Điều chúng ta cần rút ra là các Thượng đế vĩ đại này (các Hành Tinh Thượng Đế) đang trong tiến trình tiếp sinh lực cho các thể dĩ thái của Các Ngài. Điều này xảy ra khi các cánh hoa của các hoa sen dĩ thái của các Thực Thể phú linh bốn giới thấp được khai mở.

269. We cannot be sure at this point whether DK is still speaking *only* of the petals in the base of the spine center of these four Entities.

269. Ở điểm này, chúng ta không thể chắc liệu Chân sư DK có còn đang chỉ nói *duy nhất* về các cánh hoa trong trung tâm đáy cột sống của bốn Thực Thể này hay không.

270. As for the location of these chakras, it is not possible that they could be located on any systemic planes other than those which are considered *etheric* for the Planetary Logos (or, perhaps, Solar Logos). Etheric chakras are located on etheric planes, but the designation of what constitutes an etheric level of vibration may change with the spiritual stature of the E/entity considered.

270. Về vị trí của các chakra này, không thể nào chúng lại nằm trên bất kỳ cõi hệ thống nào khác ngoài những cõi được xem là *dĩ thái* đối với Hành Tinh Thượng Đế (hoặc có lẽ đối với Thái dương Thượng đế). Các chakra dĩ thái nằm trên các cõi dĩ thái, nhưng cách gọi thế nào là một cấp độ rung động dĩ thái có thể thay đổi theo tầm vóc tinh thần của Thực Thể được xét đến.

Certain correspondences in the petals of the egoic lotus of the different units of the human family, and (on cosmic levels) in the solar and planetary egoic bodies become apparent.

Một số tương ứng trong các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã của các đơn vị khác nhau trong gia đình nhân loại, và (trên các cấp độ vũ trụ) trong các thể chân ngã thái dương và hành tinh, trở nên hiển nhiên.

271. The correspondence here suggested is easy to understand.

271. Sự tương ứng được gợi ý ở đây rất dễ hiểu.

272. The petal unfoldments in the egoic lotuses of human beings cause unfoldment

272. Sự khai mở cánh hoa trong các Hoa Sen Chân Ngã của con người gây ra sự khai mở

upon the lower eighteen subplanes of the cosmic physical plane.

trên mười tám cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

273. Unfoldments in the egoic lotuses of Solar Logoi and Planetary Logoi cause corresponding unfoldments in the vehicles of Solar and Planetary Logoi—vehicles expressing on the lower eighteen *cosmic* subplanes found upon the cosmic physical plane, the cosmic astral plane and the lower cosmic mental plane.

273. Sự khai mở trong các Hoa Sen Chân Ngã của các Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế gây ra những sự khai mở tương ứng trong các vận cụ của các Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế—những vận cụ biểu lộ trên mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và cõi hạ trí vũ trụ.

274. We have already mentioned that as greater egoic lotuses unfold, the lesser, microcosmic egoic lotuses also unfold. The relationship between the higher and lower levels is (we might judge) *reciprocal.*

274. Chúng ta đã đề cập rằng khi các Hoa Sen Chân Ngã lớn hơn khai mở, thì các Hoa Sen Chân Ngã vi mô nhỏ hơn cũng khai mở. Mối liên hệ giữa các cấp độ cao và thấp là (theo chúng ta có thể phán đoán) *hỗ tương.*

It should also be borne in mind that these basic centres, wherein the [Page 648] kundalini fire lies hidden, are found in the following Existences, as They function in physical bodies:

Cũng cần ghi nhớ rằng các trung tâm căn bản này, trong đó [Page 648] lửa kundalini ẩn tàng, được tìm thấy trong các Thực Thể sau đây, khi Các Ngài hoạt động trong các thể xác hồng trần:

275. It becomes apparent that we are still speaking of the base of the spine center as that center manifests in the Planetary Logos and the Solar Logos and in other beings included within Their ring-pass-not.

275. Rõ ràng là chúng ta vẫn đang nói về trung tâm đáy cột sống khi trung tâm ấy biểu hiện trong Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, cũng như trong các hữu thể khác nằm trong vòng-giới-hạn của Các Ngài.

276. We note that the kundalini "lies hidden" in these basic centers. We may assume that some occult mystery is involving in this *hidden* state.

276. Chúng ta lưu ý rằng kundalini "ẩn tàng" trong các trung tâm căn bản này. Chúng ta có thể giả định rằng có một huyền nhiệm huyền bí nào đó liên quan đến trạng thái *ẩn tàng* này.

277. Here is a list of the E/entities and types of E/entities in which the kundalini fire lies hidden—hidden in that (which in Their subtle energy system) corresponds to the center at the base of the spine.

277. Đây là danh sách các Thực Thể và các loại Thực Thể trong đó lửa kundalini ẩn tàng—ẩn tàng trong cái mà (trong hệ thống năng lượng vi tế của Các Ngài) tương ứng với trung tâm ở đáy cột sống.

1. A solar Logos.

2. A planetary Logos.

3. Those Entities Who are the sumtotal of consciousness as it expresses itself through the different kingdoms of nature—manifesting through them as a man manifests through his body.

278. These are solar systemic Entities.

4. The Lord of a chain.

279. This is one of those statements which confirms that there are such Lords.

5. The Lord of a globe.

280. This is also a statement which confirms that there are such Lords.

281. Since these Entities subsidiary to a Planetary Logos are not often mentioned, some might doubt whether They, in fact, exist.

6. Certain Beings Who form the life of specific groups. They are esoteric, and Their function is one of the secrets of initiation.

282. Here we have a very vague entry, but if we check the table of those E/entities who function through various numbers of permanent atoms (TCF 533-534), we may intuit the nature of those indicated by the Tibetan.

1. Một Thái dương Thượng đế.

2. Một Hành Tinh Thượng Đế.

3. Những Thực Thể là tổng thể tâm thức khi nó biểu lộ qua các giới khác nhau của bản chất—biểu hiện qua chúng như con người biểu hiện qua thể của y.

278. Đây là các Thực Thể thuộc hệ mặt trời.

4. Chúa Tể của một Dãy.

279. Đây là một trong những phát biểu xác nhận rằng có những Chúa Tể như thế.

5. Chúa Tể của một bầu hành tinh.

280. Đây cũng là một phát biểu xác nhận rằng có những Chúa Tể như thế.

281. Vì các Thực Thể phụ thuộc vào một Hành Tinh Thượng Đế này không thường được nhắc đến, một số người có thể nghi ngờ liệu Các Ngài có thực sự hiện hữu hay không.

6. Một số Hữu thể tạo thành sự sống của những nhóm đặc thù. Các Ngài thuộc huyền bí học, và chức năng của Các Ngài là một trong những bí mật của điểm đạo.

282. Ở đây chúng ta có một mục rất mơ hồ, nhưng nếu đối chiếu bảng về những Thực Thể hoạt động qua các số lượng khác nhau của các Nguyên tử trường tồn (TCF 533-534), chúng ta có thể trực giác được bản chất của những vị được Chân sư Tây Tạng chỉ ra.

7. Man.

8. Animals.

283. We have learned that Entity ensouling the vegetable kingdom has two petals in its base of the spine center and that the Entity ensouling the mineral kingdom has one such petal.

284. The question remains: do such beings also contain the kundalini fire? Is the fire of kundalini, whether in one form or another, universal in nature? Or is it necessary to reach the animal kingdom (with its rulership by Mars—one of the major planets of kundalini) in order for the serpent fire to appear in a form we recognize as kundalini.

It should be here also remarked that in the logoic manifestation **one of the planetary schemes forms the centre in the logoic body which harbours kundalini.**

285. This is a really important statement as it is rationally possible to associate *several* planets (not just one) with the base of the spine center—whether we are speaking of the base of the spine center of a human being or of a Solar Logos.

286. We definitely know that the planet Earth is associated with kundalini.

287. The following references through light on this relationship:

It relates finally the lowest centre at the base of the spine to the highest centre, the head centre. This is a correspondence to the

7. Con người.

8. Động vật.

283. Chúng ta đã biết rằng Thực Thể phú linh giới thực vật có hai cánh hoa trong trung tâm đáy cột sống của nó và Thực Thể phú linh giới kim thạch có một cánh hoa như thế.

284. Câu hỏi còn lại là: những hữu thể như thế cũng có chứa lửa kundalini chăng? Lửa kundalini, dù dưới hình thức này hay hình thức khác, có mang tính phổ quát trong bản chất không? Hay có cần phải đạt đến giới động vật (với sự cai quản của Sao Hỏa—một trong những hành tinh chính của kundalini) thì hỏa xà mới xuất hiện dưới một hình thức mà chúng ta nhận ra là kundalini.

Ở đây cũng cần nhận xét rằng trong sự biểu hiện logoic, **một trong các hệ hành tinh tạo thành trung tâm trong thể logoic, trung tâm này chứa đựng kundalini.**

285. Đây là một phát biểu thật sự quan trọng vì về mặt hợp lý có thể liên kết *một số* hành tinh (không chỉ một) với trung tâm đáy cột sống—dù chúng ta đang nói về trung tâm đáy cột sống của một con người hay của một Thái dương Thượng đế.

286. Chúng ta chắc chắn biết rằng hành tinh Trái Đất có liên hệ với kundalini.

287. Những trích dẫn sau đây soi sáng mối liên hệ này:

Cuối cùng nó liên hệ trung tâm thấp nhất ở đáy cột sống với trung tâm cao nhất, trung tâm đầu. Đây là một tương ứng với mối liên

relation of the Earth to the Sun. Think this out. (EA 25)

A hint lies in the fact that the constellation of the Dragon has the same relation to the ONE greater than our Logos as the centre at the base of the spine has to a human being. It concerns stimulation, and vitalisation with a consequent co-ordination of the manifesting fires. (TCF 1204)

it may be here said that at the present point in evolution of the logoic centres, Venus, Earth and Saturn form one triangle of great interest. It is a triangle that is at this time undergoing vivification [Page 182] through the action of kundalini; (TCF 181-182)

288. The word "harbours" seem very important, because if an energy is harboured, it may be present but not released. When thinking about the relationship of kundalini to the Earth-scheme, we may justly describe it in terms of being "harboured". Earth, not being a sacred planet, does not have the base of the spine center much developed and, thus, the full release of kundalini is not possible.

289. From another perspective, if logoic kundalini is directed towards Earth, Venus, Saturn (and also Uranus), can Earth be the *principal source* of logoic kundalini? This would not make sense. Yet the Earth-scheme could "harbour" logoic kundalini.

This scheme, whose name must not as yet be revealed, **is largely given over to deva control**—the two groups of devas meeting there, and performing their function of animating the dense physical body of the Logos in the same way as the kundalini in

hệ của Trái Đất với Mặt Trời. Hãy suy ngẫm điều này. (EA 25)

Một gợi ý nằm trong sự kiện rằng chòm sao Rồng có cùng mối liên hệ với Đấng Duy Nhất vĩ đại hơn Logos của chúng ta như trung tâm ở đáy cột sống có với một con người. Điều này liên quan đến sự kích thích và tiếp sinh lực, với hệ quả là sự phối hợp các ngọn lửa đang biểu hiện. (TCF 1204)

Ở đây có thể nói rằng tại điểm tiến hoá hiện nay của các trung tâm logoic, Sao Kim, Trái Đất và Sao Thổ tạo thành một tam giác rất đáng quan tâm. Đó là một tam giác hiện đang trải qua sự tiếp sinh lực [Page 182] nhờ tác động của kundalini; (TCF 181-182)

288. Từ "chứa đựng" dường như rất quan trọng, bởi vì nếu một năng lượng được chứa đựng, nó có thể hiện diện nhưng chưa được giải phóng. Khi suy nghĩ về mối liên hệ của kundalini với hệ Trái Đất, chúng ta có thể mô tả một cách chính đáng bằng thuật ngữ "được chứa đựng". Trái Đất, vì không phải là một hành tinh thiêng liêng, không có trung tâm đáy cột sống phát triển nhiều, và do đó sự giải phóng trọn vẹn kundalini là không thể.

289. Từ một góc nhìn khác, nếu kundalini logoic được hướng về Trái Đất, Sao Kim, Sao Thổ (và cả Sao Thiên Vương), thì Trái Đất có thể là *nguồn chính yếu* của kundalini logoic chăng? Điều này sẽ không hợp lý. Tuy nhiên, hệ Trái Đất có thể "chứa đựng" kundalini logoic.

Hệ này, mà tên của nó chưa được tiết lộ, **phần lớn được giao cho sự kiểm soát của thiên thần**—hai nhóm thiên thần gặp nhau tại đó, và thực hiện chức năng làm sinh động thể xác đậm đặc của Logos theo cùng cách như kundalini trong con người ở giai đoạn

man at this stage animates his dense physical vehicle.

290. From what is here stated, we may wonder whether that scheme (actually, He calls it *this* scheme!) is, in fact, the Earth-scheme. We could say with justification that the Earth "is largely given over to deva control". We might also say that there are two principal groups of devas—lunar and solar—and that they are involved in the animation of the dense physical body (of the Earth, at least). It might be quite a stretch to think of these devas (were they on the Earth) as animating the dense physical body of the Logos.

291. This treatise was written before the discovery of the planet Pluto (the importance of which DK later emphasized). Could Pluto be the planet here referenced? We know that Pluto is, at least microcosmically, associated with the kundalini—in the case of both average human being and disciples.

Later, as the third major scheme assimilates the life-activity of the lower four,

292. This is Saturn assimilating the life activity of the *major* four of the lower schemes (and also of the minor schemes related to the major ones).

293. Because a "third major scheme" is mentioned, we may infer that there may be a 'third minor scheme'.

this kundalini fire will be withdrawn, and will be transmuted into the activity of the logoic Throat centre.

này làm sinh động vận cụ hồng trần đậm đặc của y.

290. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có thể tự hỏi liệu hệ đó (thực ra, Ngài gọi nó là hệ *này*!) có thật sự là hệ Trái Đất hay không. Chúng ta có thể nói một cách chính đáng rằng Trái Đất "phần lớn được giao cho sự kiểm soát của thiên thần". Chúng ta cũng có thể nói rằng có hai nhóm thiên thần chính—thái âm và thái dương—và họ có liên quan đến việc làm sinh động thể xác đậm đặc (ít nhất là của Trái Đất). Sẽ là một sự kéo giãn khá xa nếu nghĩ rằng các thiên thần này (nếu họ ở trên Trái Đất) đang làm sinh động thể xác đậm đặc của Logos.

291. Bộ luận này được viết trước khi hành tinh Sao Diêm Vương được khám phá (mà sau này Chân sư DK đã nhấn mạnh tầm quan trọng của nó). Liệu Sao Diêm Vương có phải là hành tinh được nhắc đến ở đây không? Chúng ta biết rằng ít nhất ở cấp vi mô, Sao Diêm Vương có liên hệ với kundalini—trong trường hợp của cả con người trung bình lẫn các đệ tử.

Về sau, khi hệ lớn thứ ba đồng hoá hoạt động sự sống của bốn hệ thấp hơn,

292. Đây là Sao Thổ đang đồng hoá hoạt động sự sống của bốn hệ thấp hơn *chính yếu* (và cả các hệ phụ liên hệ với các hệ chính yếu).

293. Vì một "hệ lớn thứ ba" được nhắc đến, chúng ta có thể suy ra rằng có thể có một "hệ phụ thứ ba".

lửa kundalini này sẽ được rút lại, và sẽ được chuyển hoá thành hoạt động của trung tâm cổ họng logoic.

294. Saturn (whether we consider the planet in its exoteric or esoteric expression) is a planet of the third ray (monadically) and is thus directly related to the logoic throat center.

294. Sao Thổ (dù chúng ta xét hành tinh này trong biểu hiện ngoại môn hay nội môn của nó) là một hành tinh cung ba (về mặt chân thần) và do đó liên hệ trực tiếp với trung tâm cổ họng logoic.

295. A question arises whether logoic kundalini is to be largely focussed in one particular planet or whether (within the Sun itself) the kundalini can be found.

295. Một câu hỏi được đặt ra là liệu kundalini logoic có được tập trung phần lớn trong một hành tinh đặc biệt nào đó hay không, hay là kundalini có thể được tìm thấy trong chính Mặt Trời.

296. The following reference also has a role to play in throwing light on our present subject:

296. Trích dẫn sau đây cũng có vai trò soi sáng chủ đề hiện tại của chúng ta:

The Heavenly Man of the scheme in which the Ray of Ceremonial Magic is embodied is one of the main transmitters of radiation from the Sun to the system and has a close connection with logoic kundalini. Herein lies a hint. (TCF 443)

Đấng Thiên Nhân của hệ trong đó Cung huyền thuật nghi lễ được nhập thể là một trong những vị truyền dẫn chính của bức xạ từ Mặt Trời đến hệ và có mối liên hệ mật thiết với kundalini logoic. Chính trong đây có một gợi ý. (TCF 443)

297. Could the unnamed scheme be that of Uranus?

297. Liệu hệ không được nêu tên có thể là hệ của Sao Thiên Vương chăng?

In the physical body we have the fires of the lower nature (the animal plane) centralised at the base of the spine. They are situated at a spot which stands in relation to the physical body as the physical sun to the solar system. This central point of heat radiates in all directions, using the spinal column as its main artery, but working in close connection with certain central ganglia, wherever located, and having a special association with the spleen. (TCF 55)

Trong thể hồng trần, chúng ta có các ngọn lửa của bản chất thấp (cõi động vật) được tập trung tại đáy cột sống. Chúng nằm tại một điểm có mối liên hệ với thể hồng trần như mặt trời vật lý có với hệ mặt trời. Điểm nhiệt trung tâm này bức xạ theo mọi hướng, dùng cột sống làm động mạch chính của nó, nhưng hoạt động trong mối liên hệ chặt chẽ với một số hạch trung tâm, ở bất cứ nơi nào chúng tọa lạc, và có một liên hệ đặc biệt với lá lách. (TCF 55)

298. From this, it is apparent that the physical sun has a close connection to the center at the base of the spine.

298. Từ đây, rõ ràng là mặt trời vật lý có một liên hệ mật thiết với trung tâm ở đáy cột sống.

In planetary manifestation, one of the chains performs a similar work in the evolutionary process of the planetary Logos.

Trong biểu hiện hành tinh, một trong các Dãy thực hiện một công việc tương tự trong tiến trình tiến hoá của Hành Tinh Thượng Đế.

299. We have an analogy. Just as one of the planetary schemes "harbours" kundalini in relation to the Solar Logos, so, at the scheme level, one of the chains harbours kundalini in relation to a Planetary Logos.

299. Chúng ta có một phép loại suy. Cũng như một trong các hệ hành tinh "chứa đựng" kundalini trong liên hệ với Thái dương Thượng đế, thì ở cấp độ hệ, một trong các Dãy chứa đựng kundalini trong liên hệ với một Hành Tinh Thượng Đế.

Again the same can be predicated of one of the globes in a chain.

Một lần nữa, điều tương tự có thể được khẳng định về một trong các bầu hành tinh trong một Dãy.

300. The analogy holds good as we consider a descending order of beings. One of the aspects of such beings is the one harbouring kundalini, apparently moreso than the other aspects.

300. Phép loại suy vẫn đúng khi chúng ta xét một trật tự giáng dần của các hữu thể. Một trong các phương diện của những hữu thể như thế là phương diện chứa đựng kundalini, dường như nhiều hơn các phương diện khác.

301. Again, we seem to be speaking of the Solar Logos.

301. Một lần nữa, dường như chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế.

In this fourth round, therefore, it can be seen why **the fire at the base of the spine** (viewing it in its esoteric significance, and in connection with the Logos, and the Logoi, and not only in connection with man) plays so dominant a part in the stimulation of [Page 649] the logoic Quaternary, or of His Lower Self.

Do đó, trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, có thể thấy vì sao **lửa ở đáy cột sống** (xét nó trong thâm nghĩa huyền bí của nó, và trong liên hệ với Logos, và các Logoi, chứ không chỉ trong liên hệ với con người) đóng một vai trò nổi trội đến thế trong việc kích thích [Page 649] Bộ Tứ logoic, hay Hạ Ngã của Ngài.

302. We have already seen that (where "M/man" is concerned—and by now we are familiar with several categories of "M/men") the structure of the chakra at the base of the spine is closely related to the configuration of the "Cross", and is esoterically, a "Cross of

302. Chúng ta đã thấy rằng (khi liên quan đến con người—và đến nay chúng ta đã quen thuộc với một số loại "con người") cấu trúc của luân xa ở đáy cột sống liên hệ chặt chẽ với cấu hình của "Thập giá", và về mặt huyền bí, là một "Thập Giá của Chúa Thánh Thần". Con số gắn với các thập giá là *bốn*.

the Holy Spirit". The number associated with crosses is *four.*

303. The importance of the base of the spine center in relation to our Planetary Logos and our Solar Logos emerges when we realize that *both* of them are passing through a kind of fourth initiation.

303. Tầm quan trọng của trung tâm đáy cột sống trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Thái dương Thượng đế của chúng ta xuất hiện khi chúng ta nhận ra rằng *cả hai* đều đang trải qua một loại lần điểm đạo thứ tư.

304. The full activation of the base of the spine center comes at the fifth initiation (R&I 340), but its power is prominent at the fourth initiation as well. It is not a stretch of the imagination to posit the planet Pluto (and Earth) as significant at the fourth degree.

304. Sự hoạt hóa trọn vẹn của trung tâm đáy cột sống đến vào lần điểm đạo thứ năm (R&I 340), nhưng quyền năng của nó cũng nổi bật ở lần điểm đạo thứ tư. Không phải là một sự kéo giãn của trí tưởng tượng khi giả định rằng hành tinh Sao Diêm Vương (và Trái Đất) có ý nghĩa ở cấp độ thứ tư.

Herein is found the mystery of present evil, the source of present distress, and the basis of planetary experience. The kundalini fire in the logoic body **is at the height of its activity in stimulating His physical body**—our lower three systemic planes—and the four petals of that particular centre are coming into full activity in this fourth round.

Chính trong đây tìm thấy huyền nhiệm của điều ác hiện tại, nguồn gốc của nỗi khốn khổ hiện tại, và nền tảng của kinh nghiệm hành tinh. Lửa kundalini trong thể logoic **đang ở đỉnh cao hoạt động của nó trong việc kích thích thể hồng trần của Ngài**—ba cõi phụ hệ thống thấp hơn của chúng ta—và bốn cánh hoa của trung tâm đặc biệt đó đang đi vào hoạt động trọn vẹn trong cuộc tuần hoàn thứ tư này.

305. We must be watchful to see whether DK is speaking logoically (i.e., in relation to the Solar Logos) or also in terms of the Planetary Logos.

305. Chúng ta phải tỉnh táo để thấy liệu Chân sư DK đang nói theo nghĩa logoic (tức là trong liên hệ với Thái dương Thượng đế) hay cũng theo nghĩa của Hành Tinh Thượng Đế.

306. DK is relating the activity of the logoic base of the spine center to the present evil and distress. We know this evil and distress exists abundantly within *our* planetary scheme. Can we further infer that it is a general *systemic* condition?

306. Chân sư DK đang liên hệ hoạt động của trung tâm đáy cột sống logoic với điều ác và nỗi khốn khổ hiện tại. Chúng ta biết điều ác và nỗi khốn khổ này hiện hữu rất nhiều trong *hệ* hành tinh của chúng ta. Liệu chúng ta có thể suy ra thêm rằng đó là một tình trạng *hệ thống* tổng quát không?

307. We learn that the kundalini fire of the Solar Logos is presently at the height of its activity as regard the dense physical body of the Solar Logos. This involves all the three lower systemic planes, since the logoic physical body expresses on these three planes.

307. Chúng ta biết rằng lửa kundalini của Thái dương Thượng đế hiện đang ở đỉnh cao hoạt động của nó đối với thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Điều này bao gồm cả ba cõi phụ hệ thống thấp hơn, vì thể hồng trần logoic biểu hiện trên ba cõi này.

308. The logoic base of the spine center has four petals which, in this "fourth round", have come into full activity. (The fourfoldness of the base of the spine center seems to apply both to the human kingdom and to the Planetary Logos considered as a Heavenly *Man*.) But what kind of "round" is DK suggesting? A *chain* round in relation to our Earth-chain? A *scheme* round in our Earth-scheme? Or it is a *solar systemic round* in relation to all the planetary schemes of our solar system? It may be inferred that our Solar Logos is in the midst of a system wide round, probably the fourth such.

308. Trung tâm đáy cột sống logoic có bốn cánh hoa mà trong "cuộc tuần hoàn thứ tư" này đã đi vào hoạt động trọn vẹn. (Tính tứ phân của trung tâm đáy cột sống dường như áp dụng cho cả giới nhân loại lẫn Hành Tinh Thượng Đế được xét như một Đấng Thiên *Nhân*.) Nhưng Chân sư DK đang gợi ý loại "cuộc tuần hoàn" nào? Một cuộc tuần hoàn của *Dãy* trong liên hệ với Dãy Địa Cầu của chúng ta? Một cuộc tuần hoàn của *hệ* trong hệ Trái Đất của chúng ta? Hay đó là một *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời* trong liên hệ với tất cả các hệ hành tinh của hệ mặt trời chúng ta? Có thể suy ra rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ở giữa một cuộc tuần hoàn trên toàn hệ, có lẽ là cuộc tuần hoàn thứ tư như thế.

309. As well, do we have the implication that the Earth-scheme (since it is so frequently associated with the logoic base of the spine center) is, in some way (and with respect to the energy system of the Solar Logos) a *four*-petalled lotus?

309. Ngoài ra, liệu chúng ta có hàm ý rằng hệ Trái Đất (vì nó thường xuyên được liên hệ với trung tâm đáy cột sống logoic) theo một cách nào đó (và xét theo hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế) là một hoa sen bốn cánh chăng?

310. We see that with a more careful reading, much is indicated that may be withheld from a casual understanding of this section.

310. Chúng ta thấy rằng với một cách đọc cẩn trọng hơn, rất nhiều điều được chỉ ra mà một sự hiểu biết hời hợt về phần này có thể bỏ qua.

311. There is no question that the Earth-scheme is related to the number *four,* being the fourth scheme (if Vulcan is counted) from the Sun. The Earth-scheme is presently the scene of an initiation being undergone

311. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng hệ Trái Đất liên hệ với con số *bốn,* vì là hệ thứ tư (nếu tính cả Vulcan) tính từ Mặt Trời. Hệ Trái Đất hiện là hiện trường của một cuộc điểm đạo đang được cả Hành Tinh Thượng

by both the Planetary Logos of the Earth and our Solar Logos. The Earth-scheme is, thus, tremendously stimulated, and this correlates with the stimulation of the entire physical body of the Solar Logos.

Đế của Trái Đất lẫn Thái dương Thượng đế của chúng ta trải qua. Vì thế, hệ Trái Đất được kích thích vô cùng mạnh mẽ, và điều này tương quan với sự kích thích của toàn bộ thể hồng trần của Thái dương Thượng đế.

312. We might way that the Earth-scheme has an intimate connection with the dense physical body of the Solar Logos—a body which is *not* a principle. Within the Earth-scheme, we are very much the inheritors of the energies generated within the previous solar system.

312. Chúng ta có thể nói rằng hệ Trái Đất có một liên hệ mật thiết với thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế—một thể *không* phải là một nguyên khí. Trong hệ Trái Đất, chúng ta rất nhiều là những kẻ thừa hưởng các năng lượng được tạo ra trong hệ mặt trời trước.

313. Thus, it seems that there is evil (expressed with unusual intensity) both upon our planet and within the solar system (using our planet as a locale on and in which evil may be confronted).

313. Do đó, dường như có điều ác (được biểu lộ với cường độ khác thường) cả trên hành tinh chúng ta lẫn trong hệ mặt trời (dùng hành tinh chúng ta như một địa điểm nơi điều ác có thể được đối diện).

It must be remembered that He is the sum-total of all the centres in manifestation, and the aggregate of all the fires of kundalini in every department of nature.

Cần nhớ rằng Ngài là tổng thể của tất cả các trung tâm đang biểu hiện, và là tổng hợp của tất cả các lửa kundalini trong mọi bộ phận của bản chất.

314. Presumably we are still speaking of the Solar Logos. Every planetary scheme has its kundalinic fires and its departments of nature. The Solar Logos is the sum of all centers expressing through all planetary schemes and through all kingdoms of nature.

314. Có lẽ chúng ta vẫn đang nói về Thái dương Thượng đế. Mỗi hệ hành tinh đều có các lửa kundalini và các bộ phận của bản chất riêng của nó. Thái dương Thượng đế là tổng số của mọi trung tâm biểu hiện qua tất cả các hệ hành tinh và qua mọi giới của bản chất.

315. If we wish to confine ourselves to a consideration of our Planetary Logos, we could also say of Him that (within His field of expression) He is the "sum-total of all centres in and the aggregate of all the fires of kundalini in every department of nature."

315. Nếu chúng ta muốn giới hạn mình trong việc xem xét Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, chúng ta cũng có thể nói về Ngài rằng (trong phạm vi biểu hiện của Ngài) Ngài là "tổng thể của tất cả các trung tâm đang biểu hiện và là tổng hợp của tất cả các lửa kundalini trong mọi bộ phận của bản chất."

The trouble in our planet, and likewise the hope for our planet, lies in this very fact.

Rắc rối trên hành tinh chúng ta, và cũng như niềm hy vọng cho hành tinh chúng ta, nằm trong chính sự kiện này.

316. Behind our planetary expression lie two great Lives—our Planetary Logos and the Solar Logos, Who expresses through our planet (just as He expresses through all other planets within His solar system) and is presently taking a significant and painful initiate through *our* planet. (cf. TCF 384)

316. Đằng sau biểu hiện hành tinh của chúng ta là hai Sự sống vĩ đại—Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Thái dương Thượng đế, Đấng biểu hiện qua hành tinh chúng ta (cũng như Ngài biểu hiện qua mọi hành tinh khác trong hệ mặt trời của Ngài) và hiện đang trải qua một cuộc điểm đạo quan trọng và đau đớn qua *hành tinh* của chúng ta. (x. TCF 384)

The etheric centre of our planetary Logos being in matter of the fourth cosmic ether (the buddhic plane) stimulates at present His lower quaternary, our three worlds of human endeavour.

Trung tâm dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta ở trong vật chất của dĩ thái vũ trụ thứ tư (cõi Bồ đề) hiện đang kích thích bộ tứ thấp hơn của Ngài, ba cõi giới của nỗ lực nhân loại của chúng ta.

317. We know from a study of the chakras in the human energy system that the etheric body of man is found on all *four* of the systemic ethers. If this were not the case, the higher chakras could not express, for they express through the three higher ethers (cf. Chart VIII, 817)

317. Từ việc nghiên cứu các luân xa trong hệ thống năng lượng con người, chúng ta biết rằng thể dĩ thái của con người được tìm thấy trên cả *bốn* dĩ thái của hệ thống. Nếu không như vậy, các luân xa cao hơn không thể biểu hiện, vì chúng biểu hiện qua ba dĩ thái cao hơn (x. Biểu đồ VIII, 817)

318. Is it correct to say, then, that the etheric body of our Planetary Logos is found *only* in matter of the fourth cosmic ether, or is there a viable analogy between the etheric body of our Planetary Logos and that of the microcosm, man.

318. Vậy có đúng không khi nói rằng thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chỉ được tìm thấy *duy nhất* trong vật chất của dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay có một phép loại suy khả dụng giữa thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và thể dĩ thái của tiểu thiên địa, con người.

319. The important thing to note is that via this planetary etheric body, it is principally the three worlds of human endeavor which are being stimulated

319. Điều quan trọng cần lưu ý là qua thể dĩ thái hành tinh này, chủ yếu chính ba cõi giới của nỗ lực nhân loại đang được kích thích

The direction of the force lies here, and not until the next round (when three-fifths of

Hướng của mãnh lực nằm ở đây, và mãi cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp (khi ba phần năm

the human kingdom will be developing the buddhic vehicle), will the point of equilibrium for Him be reached, and the direction of the serpent fire be directed higher.

320. Within out planetary scheme (or at least within our chain and on our planet) the serpent fire is being directed into the planetary logoic quaternary—the personality nature of the Planetary Logos.

321. Not before the "Judgment Day" occurs will this fire be directed higher.

322. A number of things are said about the manner in which humanity will evolve *following* the "Judgment Day". Although the statement given in the Tibetan's text above, is not especially time-specific, we see that three fifths of the human kingdom (presumably the three-fifths remaining with our planet after the "Judgment Day") will be developing the buddhic vehicle.

323. This suggests that the buddhic vehicle is developed when man steps on the Path, because at that time, three-fifths will, minimally, be on the Path.

324. The following is said of the development of those who remain after the "Judgment Day", but as we see, the three fifths described above cannot be found in the following enumeration of remaining groups:

One fifth will mantrically sound the words "I am That I am. "

Two fifths will achieve the fifth Initiation and will know themselves as "I am That."

của giới nhân loại sẽ phát triển vận cụ Bồ đề), điểm quân bình đối với Ngài mới đạt được, và hướng của hỏa xà mới được hướng lên cao hơn.

320. Trong hệ hành tinh của chúng ta (hay ít nhất trong Dãy của chúng ta và trên hành tinh của chúng ta), hỏa xà đang được hướng vào bộ tứ hành tinh logoic—bản chất phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế.

321. Chỉ đến khi "Ngày Phán Xét" xảy ra thì ngọn lửa này mới được hướng lên cao hơn.

322. Một số điều đã được nói về cách thức nhân loại sẽ tiến hoá *sau* "Ngày Phán Xét". Mặc dù phát biểu được nêu trong bản văn trên của Chân sư Tây Tạng không đặc biệt xác định thời gian, chúng ta thấy rằng ba phần năm của giới nhân loại (có lẽ là ba phần năm còn lại với hành tinh chúng ta sau "Ngày Phán Xét") sẽ phát triển vận cụ Bồ đề.

323. Điều này gợi ý rằng vận cụ Bồ đề được phát triển khi con người bước lên Con Đường, bởi vì vào lúc đó, tối thiểu ba phần năm sẽ ở trên Con Đường.

324. Điều sau đây được nói về sự phát triển của những người còn lại sau "Ngày Phán Xét", nhưng như chúng ta thấy, ba phần năm được mô tả ở trên không thể được tìm thấy trong sự liệt kê sau đây về các nhóm còn lại:

Một phần năm sẽ xướng bằng mantram những lời "Ta là Cái Đó mà Ta là."

Hai phần năm sẽ đạt lần điểm đạo thứ năm và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó." Họ cũng sẽ vun bồi sự đáp ứng với âm điệu cao hơn.

They will also be cultivating response to the higher note.

One fifth and a half will attain the third Initiation, and will know themselves as "I am That" in full consciousness.

The remaining units will be those who are treading the Path, and beginning to know themselves as the group. (TCF 422)

This holds the clue to much.

325. Thus, our difficulties on this planet have very much to do with the degree of elevation and the polarization of planetary forces.

A further clue to the sad condition to be seen in the world (especially along sex lines) lies in the fact that those units of the human family who contribute to the constitution of **this particular centre** out of the seven, are frequently at this stage over-vitalised, the physical vehicle vitality indicating to them the line of least resistance.

326. Our center (the Earth-scheme) is considered to be one of seven centers.. This will only make sense if we exclude the two major synthesizing planets, Uranus and Neptune. Pluto also must be excluded as in Chart VI, TCF 373.

327. We are to recognize that human beings on our planet have over-vitalized physical vehicles. This means that the part of themselves which is definitely not *principled,* is over-vitalized.

Một phần năm rưỡi sẽ đạt lần điểm đạo thứ ba, và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó" trong tâm thức trọn vẹn.

Những đơn vị còn lại sẽ là những người đang bước trên Con Đường, và bắt đầu biết mình là nhóm. (TCF 422)

Điều này nắm giữ chìa khóa cho nhiều điều.

325. Do đó, những khó khăn của chúng ta trên hành tinh này có liên hệ rất nhiều với mức độ nâng cao và sự phân cực của các mãnh lực hành tinh.

Một đầu mối khác về tình trạng đáng buồn đang thấy trong thế giới (đặc biệt theo các tuyến tính dục) nằm trong sự kiện rằng những đơn vị của gia đình nhân loại góp phần vào cấu tạo của **trung tâm đặc biệt này** trong số bảy trung tâm, thường ở giai đoạn này bị tiếp sinh lực quá mức, sức sống của vận cụ hồng trần chỉ cho họ con đường ít trở ngại nhất.

326. Trung tâm của chúng ta (hệ Trái Đất) được xem là một trong bảy trung tâm. Điều này chỉ có ý nghĩa nếu chúng ta loại trừ hai hành tinh tổng hợp lớn là Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương. Sao Diêm Vương cũng phải bị loại trừ như trong Biểu đồ VI, TCF 373.

327. Chúng ta phải nhận ra rằng con người trên hành tinh chúng ta có các vận cụ hồng trần bị tiếp sinh lực quá mức. Điều này có nghĩa là phần nơi họ vốn rõ ràng không phải là *nguyên khí,* lại bị tiếp sinh lực quá mức.

328. We can see that this fact ties present human expression to the expression found in the previous solar system.

328. Chúng ta có thể thấy rằng sự kiện này gắn biểu hiện hiện tại của con người với biểu hiện được tìm thấy trong hệ mặt trời trước.

To word it otherwise: The deva forces who form the centre,

Nói theo cách khác: Các mãnh lực thiên thần tạo thành trung tâm,

329. We are speaking of the Earth-scheme considered as a chakra or center and the deva forces of this center.

329. Chúng ta đang nói về hệ Trái Đất được xem như một luân xa hay trung tâm và các mãnh lực thiên thần của trung tâm này.

and are likewise the activity of the centre, are as yet over-dominant, and the power they acquired in the earlier solar system has not yet been transmuted into spiritual power.

và cũng là hoạt động của trung tâm, hiện vẫn còn quá trội, và quyền năng mà họ đạt được trong hệ mặt trời trước vẫn chưa được chuyển hoá thành quyền năng tinh thần.

330. The statement above emphasizes the activity of certain devas (connected with the dense physical body of the Planetary Logos and especially with the physical body of man). These devas acquired a certain type of power in the earlier solar system, and this power still conditions them. The powers of the present solar system do not condition them to the same extent. They are still, therefore, under the spell of retrogression.

330. Phát biểu trên nhấn mạnh hoạt động của một số thiên thần nào đó (liên hệ với thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế và đặc biệt với thể xác của con người). Các thiên thần này đã đạt được một loại quyền năng nào đó trong hệ mặt trời trước, và quyền năng này vẫn còn tác động lên họ. Các quyền năng của hệ mặt trời hiện tại không tác động lên họ ở cùng mức độ ấy. Vì vậy, họ vẫn còn ở dưới bùa chú của sự thoái chuyển.

331. DK is telling us something about the power of the lunar devas within our Earth-scheme (and especially within our chain and upon our planet). Our planet (as a center within the energy system of the Solar Logos) is still conditioned by devic energies which vibrate to the patterns characteristic of the previous solar system.

331. Chân sư DK đang nói với chúng ta điều gì đó về quyền năng của các thiên thần thái âm trong hệ Trái Đất của chúng ta (và đặc biệt trong Dãy của chúng ta và trên hành tinh chúng ta). Hành tinh chúng ta (như một trung tâm trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế) vẫn còn bị tác động bởi các năng lượng thiên thần rung động theo các mô hình đặc trưng của hệ mặt trời trước.

332. To correct this retrogressive condition, we are looking towards the transmutation of the number three into the number two.

332. Để sửa chữa tình trạng thoái chuyển này, chúng ta đang hướng đến sự chuyển hoá con số ba thành con số hai.

We have above considered a few of the devas of the ethers but have of necessity left many untouched.

Ở trên chúng ta đã xét một vài thiên thần của các dĩ thái nhưng tất yếu đã để nhiều vị khác chưa được đụng đến.

333. This is important to remember. Our subject has been the Group B. Agnichaitans and some of these devas and their functions have been enumerated:

333. Điều này quan trọng cần nhớ. Chủ đề của chúng ta là Nhóm B. Agnichaitans và một số thiên thần này cùng các chức năng của họ đã được liệt kê:

a. Those who transmit prana

a. Những vị truyền dẫn prana

b. Those who build the etheric body

b. Những vị kiến tạo thể dĩ thái

c. Those who link the four lower kingdoms

c. Những vị liên kết bốn giới thấp

d. A fourth group including various classes:

d. Một nhóm thứ tư bao gồm nhiều loại khác nhau:

i. Class 1: Those who are the special agents of magic

i. Loại 1: Những vị là các tác nhân đặc biệt của huyền thuật

ii. Class 2: Those who generate physical plane electricity

ii. Loại 2: Những vị tạo ra điện năng cõi hồng trần

iii. Class 3: Those who formed the health aura

iii. Loại 3: Những vị đã tạo thành hào quang sức khỏe

iv. Class 4: Those who formed the substance of the centers, whether of man or of centers in greater Beings.

iv. Loại 4: Những vị đã tạo thành chất liệu của các trung tâm, dù là của con người hay của các trung tâm trong những Đấng vĩ đại hơn.

v. Class 5: Those who formed the substance of the base of the spine center, particularly

v. Loại 5: Những vị đã tạo thành chất liệu của trung tâm đáy cột sống, đặc biệt là

The vastness of our subject will be apparent when it is remembered that in dealing with the devas we are dealing [Page 650] with that which is the basic substance of manifestation, or Spirit-matter;

Sự bao la của đề tài chúng ta sẽ trở nên hiển nhiên khi nhớ rằng khi bàn đến các thiên thần, chúng ta đang đề cập [Page 650] đến điều vốn là chất liệu căn bản của biểu hiện, hay Tinh thần-vật chất;

334. We have been dealing with only a few of the Agnichaitans which are a small group in relation to the entirety of the members of the Deva Kingdom—including Agnisuryans, Agnishvattas, and many other kinds of devas, etc.

334. Chúng ta mới chỉ bàn đến một số ít Agnichaitan, là một nhóm nhỏ so với toàn thể các thành viên của giới thiên thần—bao gồm Agnisuryan, Agnishvatta, và nhiều loại thiên thần khác, v.v.

335. It is important for students of this treatise to gain a healthy sense of proportion. We are not about to master all that is hinted about the devas in this great work. We are only at the very beginning phase, becoming acquainted with the stupendous scope of our subject.

335. Điều quan trọng đối với các đạo sinh của bộ luận này là đạt được một Ý thức về tỉ lệ lành mạnh. Chúng ta không sắp sửa làm chủ được tất cả những gì được gợi ra về các thiên thần trong tác phẩm vĩ đại này. Chúng ta chỉ mới ở ngay giai đoạn khởi đầu, làm quen với phạm vi đồ sộ của đề tài mình.

with the negative or the mother aspect, in the divine duality, and with the sum total of all that is. We are concerned with the tangible form, **using the word "tangible" as that which can be apprehended by consciousness in one or other of its many states.**

với phương diện âm hay phương diện mẫu thân, trong nhị nguyên tính thiêng liêng, và với tổng thể của mọi cái đang hiện hữu. Chúng ta đang quan tâm đến hình tướng hữu hình, **dùng từ "hữu hình" theo nghĩa là điều có thể được tâm thức nắm bắt trong trạng thái này hay trạng thái khác của vô số trạng thái của nó.**

336. Tangibility is a relative term. What is tangible for the consciousness of a Planetary Logos or Solar Logos, is utterly intangible for the present consciousness of man.

336. Tính hữu hình là một thuật ngữ tương đối. Điều hữu hình đối với tâm thức của một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế thì hoàn toàn vô hình đối với tâm thức hiện nay của con người.

The utter impossibility of cataloguing the forms and aspects of deva substance, or of tabulating the myriad groups and classes will be borne in on our comprehension.

Sự bất khả tuyệt đối trong việc liệt kê các hình tướng và phương diện của chất liệu thiên thần, hay lập bảng vô số nhóm và loại sẽ dần dần in sâu vào sự thấu hiểu của chúng ta.

337. DK is telling us that we cannot possibly tabulate all the myriad groups and classes of devas related to the Mother aspect. We shall be fortunate to gain some introductory idea regarding just a few of them and their relations to various levels of the planetary and systemic schemes.

337. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể nào lập bảng tất cả vô số nhóm và loại thiên thần liên hệ với phương diện Mẹ. Chúng ta sẽ là may mắn nếu đạt được một ý niệm nhập môn nào đó về chỉ một vài nhóm trong số ấy và các liên hệ của

chúng với những cấp độ khác nhau của các hệ hành tinh và hệ thống.

338. We are beginning to understand the great complexity and intricacy of Creation. We are utter neophytes as regards our knowledge of these matters.

338. Chúng ta đang bắt đầu hiểu sự phức tạp và tinh vi lớn lao của Sáng Tạo. Xét về tri thức của mình đối với những vấn đề này, chúng ta là những người sơ cơ hoàn toàn.

On all the planes these three groups will be found, and all are recipients of force.

Trên mọi cõi, ba nhóm này đều sẽ được tìm thấy, và tất cả đều là những bên tiếp nhận mãnh lực.

339. We have been dealing with many groupings of devas. In the tabulation below, DK takes the idea of three groups and assigns them to the entire range of the cosmic physical plane. Yet we have also been dealing with groupings of three as they relate simply to systemic planes (with their seven subplanes). Even within a systemic subplane, we could find groupings of three. So, again, we have to remain alert when thinking about the vibrational levels on which such groupings of three are to be found.

339. Chúng ta đã bàn đến nhiều nhóm thiên thần. Trong bảng liệt kê dưới đây, Chân sư DK lấy ý niệm về ba nhóm và gán chúng cho toàn bộ phạm vi của cõi hồng trần vũ trụ. Tuy nhiên, chúng ta cũng đã bàn đến những nhóm bộ ba chỉ liên hệ đơn thuần với các cõi hệ thống (với bảy cõi phụ của chúng). Ngay trong một cõi phụ hệ thống, chúng ta cũng có thể tìm thấy những nhóm bộ ba. Vì vậy, một lần nữa, chúng ta phải luôn tỉnh táo khi suy nghĩ về các cấp độ rung động mà trên đó những nhóm bộ ba như thế được tìm thấy.

An analogy likewise exists between these three groups of devas on the systemic physical plane, and their correspondences on the cosmic physical plane.

Tương tự như vậy, cũng có một sự tương ứng giữa ba nhóm thiên thần này trên cõi hồng trần hệ thống và các đối ứng của chúng trên cõi hồng trần vũ trụ.

340. DK emphasizes the analogy which links devic distribution on systemic planes which such distribution on cosmic planes.

340. Chân sư DK nhấn mạnh sự tương đồng nối kết sự phân bố thiên thần trên các cõi hệ thống với sự phân bố như thế trên các cõi vũ trụ.

Briefly it might be pointed out that we have:

Tóm lại, có thể chỉ ra rằng chúng ta có:

Group A.....The plane Adi.....Divine evolution.

Nhóm A.....Cõi Adi.....Tiến hoá thiêng liêng.

Systemic atomic.

Nguyên tử hệ thống.

Group B.....The three worlds of the Triad.....Spiritual evolution.

Logoic etheric.

Group C.....The three worlds.....Human evolution.

Logoic dense physical.

341. We remember that the method of ordering the devas with respect to the planes has been 1—3—3.

342. It is not surprising to see that human evolution proceeds in the three worlds. Actually, the logoic dense physical body includes the higher three systemic subplanes of the systemic mental plane.

343. The extent of "Spiritual evolution" may surprise us as it seems to include the monadic level where we may have thought "Divine evolution" was proceeding.

344. In this tabulation, however, the process known as "Divine evolution" is reserved only for the plane of Adi. Different references will indicate different perspectives. Generally, it is correct to think of the Monad as involved in "Divine Life".

345. The cosmic atomic subplane of the cosmic physical plane is *also* etheric, even though atomic.

346. If the monadic, atmic and buddhic systemic planes can be called "Logoic etheric" then the systemic logoic plane could

Nhóm B.....Ba cõi của Tam nguyên tinh thần.....Tiến hoá tinh thần.

Dĩ thái của Logos.

Nhóm C.....Ba cõi giới.....Tiến hoá nhân loại.

Hồng trần đậm đặc của Logos.

341. Chúng ta nhớ rằng phương pháp sắp xếp các thiên thần theo các cõi là 1—3—3.

342. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy tiến hoá nhân loại diễn ra trong ba cõi giới. Thực ra, thể hồng trần đậm đặc của Logos bao gồm ba cõi phụ hệ thống cao hơn của cõi trí hệ thống.

343. Phạm vi của "tiến hoá tinh thần" có thể làm chúng ta ngạc nhiên vì dường như nó bao gồm cấp độ chân thần, nơi mà chúng ta có thể đã nghĩ rằng tiến hoá "thiêng liêng" đang diễn ra.

344. Tuy nhiên, trong bảng liệt kê này, tiến trình được biết đến như "tiến hoá thiêng liêng" chỉ được dành riêng cho cõi Adi. Những chỗ tham chiếu khác nhau sẽ chỉ ra những góc nhìn khác nhau. Nói chung, thật đúng khi nghĩ về chân thần như đang dự phần vào "Sự sống Thiêng liêng".

345. Cõi phụ nguyên tử vũ trụ của cõi hồng trần vũ trụ *cũng* là dĩ thái, dù là nguyên tử.

346. Nếu các cõi hệ thống chân thần, atma và Bồ đề có thể được gọi là "dĩ thái của Logos" thì cõi logoic hệ thống có thể được gọi là "nguyên tử của Logos", dù chúng ta có thể

be called “Logoic atomic”, though we can understand why DK does not use this term.

hiểu vì sao Chân sư DK không dùng thuật ngữ này.

In this lies much of interest for the student as it makes clear the correspondence between the evolution of substance and the evolution of spirit.

Chính trong điều này có nhiều điều đáng quan tâm đối với đạo sinh, vì nó làm sáng tỏ sự tương ứng giữa tiến hoá của chất liệu và tiến hoá của tinh thần.

347. Spirit is evolving cosmically. Substance is evolving systemically.

347. Tinh thần đang tiến hoá về mặt vũ trụ. Chất liệu đang tiến hoá về mặt hệ thống.

348. That which the microcosm calls “Spirit” can, however, be considered as cosmic *substance.* The “Spirit” of humanity (the members of the Fourth Creative Hierarchy) evolves on the very substantial cosmic physical plane.

348. Tuy nhiên, điều mà tiểu thiên địa gọi là “Tinh thần” có thể được xem là chất liệu *vũ trụ.* “Tinh thần” của nhân loại (các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư) tiến hoá trên cõi hồng trần vũ trụ rất thực chất.

As regards the devas of Group B, little more can be said. Only a few more generalities are advisable.

Về các thiên thần của Nhóm B, có thể nói thêm rất ít. Chỉ nên nêu thêm một vài khái quát mà thôi.

349. We are still dealing with Group B. Agnichaitans—those which have a connection to etheric levels and not to the dense physical plane, whether systemic or cosmic.

349. Chúng ta vẫn đang bàn về Nhóm B. Agnichaitan—những vị có liên hệ với các cấp dĩ thái chứ không phải với cõi hồng trần đậm đặc, dù là hệ thống hay vũ trụ.

These devas, especially those of the fourth ether, are so closely connected with man that one of the immediate developments ahead will be **his awakening to a realisation of their existence, and his consequent gradual domination of them.**

Các thiên thần này, đặc biệt là những vị của dĩ thái thứ tư, có liên hệ mật thiết với con người đến nỗi một trong những phát triển sắp tới trước mắt sẽ là **sự thức tỉnh của y để chứng nghiệm sự hiện hữu của họ, và do đó dần dần chế ngự họ.**

350. The book was published in 1925. Since that time much realization of the presence and nature of these devas has occurred, though the general public does not recognize them as devas, nor call them by name according to occult terminology.

350. Cuốn sách được xuất bản năm 1925. Từ đó đến nay, đã có nhiều chứng nghiệm về sự hiện diện và bản chất của các thiên thần này, dù công chúng nói chung không nhận biết họ là thiên thần, cũng không gọi họ bằng tên theo thuật ngữ huyền bí học.

351. Our relative mastery of the power of what we usually call electricity speaks to the gradual domination of this group of devas. It is also so that the release of atomic energy is an even more impressive example of our interplay with these devas. A question remains, however, whether we shall dominate them or they us.

351. Sự làm chủ tương đối của chúng ta đối với quyền năng của điều mà chúng ta thường gọi là điện năng cho thấy sự chế ngự dần dần nhóm thiên thần này. Cũng đúng là việc giải phóng năng lượng nguyên tử là một ví dụ còn ấn tượng hơn về sự tương tác của chúng ta với các thiên thần này. Tuy nhiên, vẫn còn một câu hỏi: liệu chúng ta sẽ chế ngự họ hay họ sẽ chế ngự chúng ta.

This domination will be the result of several things but will only be complete when he can function on the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

Sự chế ngự này sẽ là kết quả của nhiều điều nhưng chỉ hoàn toàn khi y có thể hoạt động trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

352. We see that man must achieve much in terms of his spiritual development (buddhically) before a full domination of Group B. Agnichaitans (as they function on the fourth ether) will be possible.

352. Chúng ta thấy rằng con người phải đạt được rất nhiều về mặt phát triển tinh thần của mình (theo Bồ đề) trước khi sự chế ngự trọn vẹn đối với Nhóm B Agnichaitan (khi họ hoạt động trên dĩ thái thứ tư) trở nên khả hữu.

One of the things the Hierarchy at this stage is seeking to do, is to **retard** this awakening of the mass of mankind to this realisation, for that event will necessitate [Page 651] many adjustments, and, at the beginning, may produce many apparently evil effects.

Một trong những điều mà Thánh đoàn ở giai đoạn này đang tìm cách thực hiện, là **làm chậm lại** sự thức tỉnh này của đại đa số nhân loại đối với sự chứng nghiệm ấy, vì biến cố đó sẽ đòi hỏi [Page 651] nhiều sự điều chỉnh, và lúc ban đầu có thể tạo ra nhiều hậu quả có vẻ là xấu xa.

353. Here we have a warning about the results of establishing close interconnection with the devas of the fourth systemic ether.

353. Ở đây chúng ta có một lời cảnh báo về các kết quả của việc thiết lập sự liên kết chặt chẽ với các thiên thần của dĩ thái hệ thống thứ tư.

354. How interesting that the Hierarchy is not only a stimulating, promotive force, but can act, with wisdom, to retard premature exposure to certain forces.

354. Thật thú vị biết bao khi Thánh đoàn không chỉ là một mãnh lực kích thích, thúc đẩy, mà còn có thể hành động một cách minh triết để làm chậm sự tiếp xúc quá sớm với một số mãnh lực nhất định.

355. Of what "realisation" are we speaking? Not of the realization of the buddhic plane,

355. Chúng ta đang nói đến "sự chứng nghiệm" nào? Không phải là sự chứng

but of the realization of the existence of the devas of the fourth ether. The difficulties humanity may enter will probably appear during the emerging magical age.

nghiệm cõi Bồ đề, mà là sự chứng nghiệm về sự hiện hữu của các thiên thần của dĩ thái thứ tư. Những khó khăn mà nhân loại có thể bước vào có lẽ sẽ xuất hiện trong kỷ nguyên huyền thuật đang ló dạng.

356. If more human beings understood the necessity of contacting the buddhic plane and receiving buddhic energy into the consciousness, some of the impending dangers would be obviated.

356. Nếu nhiều con người hơn hiểu được sự cần thiết phải tiếp xúc với cõi Bồ đề và tiếp nhận năng lượng Bồ đề vào tâm thức, thì một số hiểm nguy đang đến gần sẽ được hóa giải.

The development of the physical eye is a thing which is proceeding under the Law, and inevitably the whole race of men will at length attain that dual focus which will enable man to see both the dense and the etheric forms. At this stage his inability to do so is largely due to a lack of pranic vitality.

Sự phát triển của mắt hồng trần là một điều đang tiến hành dưới Định luật, và tất yếu toàn thể nhân loại rốt cuộc sẽ đạt được tiêu điểm kép giúp con người thấy được cả các hình tướng đậm đặc lẫn các hình tướng dĩ thái. Ở giai đoạn này, việc y không thể làm được như vậy phần lớn là do thiếu sinh lực prana.

357. We gather than humanity, through the growing powers of the physical eye, is becoming increasingly aware of etheric forms and their relation to physical forms.

357. Chúng ta suy ra rằng nhân loại, thông qua các năng lực ngày càng tăng của mắt hồng trần, đang ngày càng ý thức hơn về các hình tướng dĩ thái và mối liên hệ của chúng với các hình tướng hồng trần.

358. Interestingly, it is lack of pranic vitality which is inhibiting this registration.

358. Điều đáng chú ý là chính sự thiếu sinh lực prana đang ngăn trở sự ghi nhận này.

359. We see that when during the Aquarian Age, the race becomes more vital (due to proper nutrition and care of both the physical and etheric bodies) etheric sight will surely develop.

359. Chúng ta thấy rằng khi trong Kỷ nguyên Bảo Bình, nhân loại trở nên sinh động hơn (nhờ dinh dưỡng đúng đắn và sự chăm sóc cả thể xác lẫn thể dĩ thái), thì thị giác dĩ thái chắc chắn sẽ phát triển.

This is mainly the result of wrong conditions of living, and the misuse of food. The present general trend towards juster and purer conditions of life, the return of man to simpler and saner ways, the widespread feeling for bathing, fresh air, and sunlight, and the greater desire for

Điều này chủ yếu là kết quả của những điều kiện sống sai lầm, và sự lạm dụng thực phẩm. Khuynh hướng chung hiện nay hướng tới những điều kiện sống công bằng hơn và thanh sạch hơn, sự trở về của con người với những lối sống đơn giản hơn và lành mạnh hơn, cảm nhận rộng khắp đối với

vegetable, and nut foods, will result inevitably in a more ready assimilation of the pranic fluids.

việc tắm rửa, không khí trong lành và ánh nắng mặt trời, cùng ước muốn lớn hơn đối với thực phẩm từ rau củ và các loại hạt, tất yếu sẽ dẫn đến sự đồng hoá dễ dàng hơn các lưu chất prana.

360. We are told of how greater pranic vitality may be achieved. The instructions are completely clear. We know what is at stake and so are invited to follow the recommenced approach as soon as may be possible.

360. Chúng ta được cho biết làm thế nào để đạt được sinh lực prana lớn hơn. Những chỉ dẫn hoàn toàn rõ ràng. Chúng ta biết điều gì đang bị đặt cược, và vì thế được mời gọi noi theo phương pháp được khuyến nghị ấy sớm nhất có thể.

361. It is important that "juster...conditions of life" be achieved so that there may be a more equable distribution of energies within the human race and on this planet.

361. Điều quan trọng là phải đạt được "những điều kiện sống công bằng hơn..." để có thể có một sự phân phối năng lượng đồng đều hơn trong nhân loại và trên hành tinh này.

This will produce certain changes, and improvements, in the physical organs, and in the vitality of the etheric body.

Điều này sẽ tạo ra những thay đổi và cải thiện nhất định trong các cơ quan hồng trần, và trong sinh lực của thể dĩ thái.

362. We know what we may expect. The results will be desirable on a number of accounts. These developments may be expected as we pass through our present crises and enter more fully into the Aquarian Age.

362. Chúng ta biết mình có thể mong đợi điều gì. Các kết quả sẽ là điều đáng mong muốn trên nhiều phương diện. Có thể trông đợi những phát triển này khi chúng ta đi qua các cuộc khủng hoảng hiện nay và bước đầy đủ hơn vào Kỷ nguyên Bảo Bình.

Therefore, those of us who see somewhat of the Plan are **urged to spread the knowledge of the Wisdom Religion**, and above all to break loose from the preconceived dogmas of pre-war days.

Do đó, những ai trong chúng ta thấy được phần nào Thiên Cơ được **thúc giục truyền bá tri thức về Minh Triết Ngàn Đời**, và trên hết là thoát khỏi những giáo điều định kiến của thời kỳ trước chiến tranh.

363. Here will have one of the major reasons why the Wisdom Religion (with its many practical suggestions concerning the improvement of the quality of daily living) must be spread widely throughout the human race.

363. Ở đây chúng ta có một trong những lý do chính vì sao Minh Triết Ngàn Đời (với nhiều gợi ý thực tiễn của nó liên quan đến việc cải thiện phẩm tính của đời sống hằng ngày) phải được truyền bá rộng rãi khắp nhân loại.

364. It must be obvious to all of us that this spreading of the Ageless Wisdom is of the utmost importance in the redemption of humanity.

364. Hẳn là điều hiển nhiên đối với tất cả chúng ta rằng việc truyền bá Minh Triết Ngàn Đời này có tầm quan trọng tối cao trong sự cứu chuộc nhân loại.

It should be pointed out here that **the war was a great occult event**, and caused a vital change in many of the plans and arrangements of the Hierarchy.

Cần chỉ ra ở đây rằng **cuộc chiến là một biến cố huyền bí học lớn lao**, và đã gây ra một thay đổi thiết yếu trong nhiều kế hoạch và sự sắp đặt của Thánh đoàn.

365. We have been told that in the third year of that war, the Solar Logos almost intervened in the affairs of our planet. The stakes must have been unusually critical if such an intervention was contemplated.

365. Chúng ta đã được cho biết rằng vào năm thứ ba của cuộc chiến ấy, Thái dương Thượng đế gần như đã can thiệp vào các công việc của hành tinh chúng ta. Hẳn là tình thế đã đặc biệt nghiêm trọng nếu một sự can thiệp như thế đã được cân nhắc.

366. On a number of occasions during the 20th century, the plans contemplated by Hierarchy have undergone considerable change. This was also the case, as far as we know, following the close of WWII.

366. Trong một số dịp trong thế kỷ 20, các kế hoạch do Thánh đoàn dự tính đã trải qua những thay đổi đáng kể. Theo điều chúng ta biết, điều này cũng đã xảy ra sau khi Thế Chiến II kết thúc.

Modifications have been necessitated, and some events will have to be delayed whilst others will be hastened.

Những sửa đổi đã trở nên cần thiết, và một số biến cố sẽ phải bị trì hoãn trong khi những biến cố khác sẽ được thúc đẩy nhanh hơn.

367. Only a hint is given. Was one of the events to be hastened the Reappearance of the Christ (in whatever form that "Reappearance" may have been conceived following WWI)

367. Chỉ một gợi ý được đưa ra. Có phải một trong những biến cố được thúc đẩy nhanh hơn là Sự Tái Lâm của Đức Christ (dưới bất cứ hình thức nào mà "Sự Tái Lâm" ấy đã được hình dung sau Thế Chiến I)

One of the profoundest effects of the war was felt among the devas of the shadows, and primarily among those of the fourth order. The etheric web which protected certain groups in the human and animal kingdoms was rent in various places, and the results of that disaster have to be offset.

Một trong những ảnh hưởng sâu xa nhất của cuộc chiến đã được cảm nhận giữa các thiên thần của bóng tối, và chủ yếu là giữa những vị thuộc cấp thứ tư. Mạng lưới dĩ thái vốn bảo vệ một số nhóm trong giới nhân loại và giới động vật đã bị xé rách ở nhiều nơi, và các kết quả của tai họa đó phải được hóa giải.

368. DK seems to tell us that these human and deva groups are now at the mercy of certain influences from the astral plane. He calls the rending a "disaster".

368. Chân sư DK dường như cho chúng ta biết rằng các nhóm người và thiên thần này hiện nay đang ở dưới sự chi phối của một số ảnh hưởng từ cõi cảm dục. Ngài gọi sự xé rách ấy là một "tai họa".

369. Elsewhere, He suggests that the release of atomic energy has destroyed the etheric web in certain places. Whether this was altogether undesirable remains to be seen.

369. Ở nơi khác, Ngài gợi ý rằng việc giải phóng năng lượng nguyên tử đã phá hủy mạng lưới dĩ thái ở một số nơi. Liệu điều này hoàn toàn là không mong muốn hay không thì vẫn còn phải chờ xem.

370. The following statement from EXH hints at desirable, unifying results from the tearing process:

370. Phát biểu sau đây từ EXH gợi ra những kết quả đáng mong muốn, có tính hợp nhất từ tiến trình xé rách:

The world war marked a climax in the history of mankind, and its subjective effect was far more potent than has hitherto been grasped. **Through the power of prolonged sound, carried forward as a great experiment on the battlefields all over the world during a period of four years (1914-1918), and through the intense emotional strain of the entire planetary populace, the web of etheric matter (called the "veil of the temple") which separates the physical and astral planes was rent or torn asunder, and the amazing process of unifying the two worlds of physical plane living and of astral plane experience was begun and is now slowly going on.** It will be obvious, therefore, that this must bring about vast changes and alterations in the human consciousness. Whilst it will usher in the age of understanding, of brotherhood and of illumination, **it will also bring about states of reaction and the letting loose of psychic forces which today menace the uncontrolled and ignorant,** and warrant the sounding of a note of warning and of caution. (EXH 3)

Cuộc thế chiến đã đánh dấu một đỉnh điểm trong lịch sử nhân loại, và hiệu quả chủ quan của nó mạnh mẽ hơn rất nhiều so với điều từ trước đến nay đã được nắm bắt. **Nhờ quyền năng của âm thanh kéo dài, được duy trì như một thí nghiệm lớn trên các chiến trường khắp thế giới trong suốt bốn năm (1914-1918), và nhờ sự căng thẳng cảm xúc mãnh liệt của toàn thể dân cư hành tinh, mạng lưới vật chất dĩ thái (được gọi là "bức màn của ngôi đền") vốn ngăn cách cõi hồng trần và cõi cảm dục đã bị xé rách hay bị xé toạc, và tiến trình kỳ diệu hợp nhất hai thế giới của đời sống cõi hồng trần và kinh nghiệm cõi cảm dục đã bắt đầu và hiện nay đang chậm rãi tiếp diễn.** Vì vậy, hiển nhiên là điều này phải mang lại những thay đổi và biến đổi to lớn trong tâm thức con người. Trong khi nó sẽ mở ra kỷ nguyên của sự thấu hiểu, của tình huynh đệ và của sự soi sáng, **nó cũng sẽ mang lại những trạng thái phản ứng và sự giải phóng các mãnh lực thông linh mà ngày nay đang đe dọa những người không được kiểm soát và vô minh,** và biện minh cho việc cất lên một âm điệu cảnh báo và thận trọng. (EXH 3)

371. We always find the Hierarchy ready to bring good out of apparent disaster.

371. Chúng ta luôn thấy Thánh đoàn sẵn sàng rút ra điều thiện từ tai họa bề ngoài.

Another effect upon the devas resulting from the war, as it worked, can be seen among the devas of **Group A, or those devas who are (in an occult sense) the physical permanent atoms of all self-conscious beings.**

Một ảnh hưởng khác lên các thiên thần phát sinh từ cuộc chiến, khi nó diễn ra, có thể thấy nơi các thiên thần của **Nhóm A, hay những thiên thần mà (theo nghĩa huyền bí) là các nguyên tử trường tồn hồng trần của mọi hữu thể tự ý thức.**

372. We have an important hint. Certain devas (the devas of Group A. of the Agnichaitans) can be occultly considered as the physical permanent atoms of all self-conscious beings.

372. Chúng ta có một gợi ý quan trọng. Một số thiên thần nhất định (các thiên thần của Nhóm A trong Agnichaitan) có thể được xem một cách huyền bí là các nguyên tử trường tồn hồng trần của mọi hữu thể tự ý thức.

373. These permanent atoms constituted the seventh principle of the various vehicles. The devas concerned, therefore, see to the activation and expression of this seventh principle which is to the vehicles concerned what the principle of atma is to the seven principles in man.

373. Các nguyên tử trường tồn này cấu thành nguyên khí thứ bảy của các vận cụ khác nhau. Vì vậy, các thiên thần liên hệ đảm trách việc hoạt hóa và biểu lộ nguyên khí thứ bảy này, vốn đối với các vận cụ liên hệ cũng như nguyên khí atma đối với bảy nguyên khí trong con người.

374. We are gathering that war, for all its horror, can serve as a great stimulation to occult progress.

374. Chúng ta đang nhận ra rằng chiến tranh, dù với tất cả sự kinh hoàng của nó, vẫn có thể phục vụ như một sự kích thích lớn lao đối với tiến bộ huyền bí học.

The fourth spirilla was tremendously stimulated, and its evolution hastened [Page 652] to an extraordinary degree, so that some of the lesser evolved men, through the stress of danger and experience, had this fourth spirilla brought up to, and beyond, that of normal humanity.

Loa tuyến thứ tư đã được kích thích mãnh liệt, và sự tiến hoá của nó được thúc đẩy nhanh [Page 652] đến một mức độ phi thường, đến nỗi một số người kém tiến hoá hơn, nhờ sức ép của hiểm nguy và kinh nghiệm, đã có loa tuyến thứ tư này được nâng lên tới, và vượt quá, mức của nhân loại bình thường.

375. The fourth spirilla of the permanent atoms is the one especially associated with the development of the human kingdom.

375. Loa tuyến thứ tư của các nguyên tử trường tồn là loa tuyến đặc biệt liên hệ với sự phát triển của giới nhân loại. Các loa tuyến

The lower spirillae correlate with the development of the lower kingdoms.

376. The two lower permanent atoms and the mental unit all have a fourth spirilla. We have not been told which of the permanent atoms had its fourth spirillae intensively stimulated or whether this was true for all three members of the atomic triangle.

377. In wars, as they have been fought through most of humanity's history, it is often the "lesser evolved men" who bear the immediate brunt of savage battles. Their reward for participating successfully in such experiences is to have their evolution greatly stimulated.

378. We may assume that with the intensified development of the fourth spirilla, parallel developments have occurred in the chakras and in the petals of the egoic lotus.

379. Again, we conclude that the right kind of stress promotes occult development.

Through this stimulation of the fourth spirilla of the units of the **fourth Creative Hierarchy in this fourth round on the fourth globe in this fourth scheme, a tremendous push onward along the evolutionary path has been effected**, and hence one of the great objects of the war has been achieved.

380. We are told of those who evolve upon the fourth ray, that they may be capable of very rapid evolution, if they avoid the

thấp hơn tương ứng với sự phát triển của các giới thấp hơn.

376. Hai nguyên tử trường tồn thấp hơn và đơn vị hạ trí đều có một loa tuyến thứ tư. Chúng ta chưa được cho biết nguyên tử trường tồn nào đã có loa tuyến thứ tư của nó được kích thích mạnh mẽ, hay điều này có đúng với cả ba thành viên của tam giác nguyên tử hay không.

377. Trong các cuộc chiến, như chúng đã được tiến hành trong phần lớn lịch sử nhân loại, thường chính những "người kém tiến hoá hơn" là những người trực tiếp gánh chịu sức nặng của các trận chiến tàn bạo. Phần thưởng của họ khi tham dự thành công vào những kinh nghiệm như thế là sự tiến hoá của họ được kích thích mạnh mẽ.

378. Chúng ta có thể giả định rằng cùng với sự phát triển tăng cường của loa tuyến thứ tư, những phát triển song song cũng đã xảy ra trong các luân xa và trong các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã.

379. Một lần nữa, chúng ta kết luận rằng loại sức ép đúng đắn sẽ thúc đẩy sự phát triển huyền bí học.

Nhờ sự kích thích loa tuyến thứ tư của các đơn vị thuộc **Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư trong cuộc tuần hoàn thứ tư này trên bầu hành tinh thứ tư trong hệ hành tinh thứ tư này, một sự thúc đẩy tiến lên mãnh liệt dọc theo con đường thăng thượng tiến hoá đã được thực hiện**, và do đó một trong những mục tiêu lớn của cuộc chiến đã được hoàn thành.

380. Chúng ta được cho biết về những người tiến hoá trên cung bốn rằng họ có thể có khả năng tiến hoá rất nhanh, nếu họ tránh được

opposite consequence of becoming a “n’ere do well”.

hậu quả đối nghịch là trở thành một kẻ vô dụng.

381. We may judge that the occurrence of WWI and also of WWII was related to the process of a fourth initiation through which the Planetary Logos is passing.

381. Chúng ta có thể phán đoán rằng sự xuất hiện của Thế Chiến I và cả Thế Chiến II có liên hệ với tiến trình của lần điểm đạo thứ tư mà Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua.

A still more terrific stimulation was given in the fourth rootrace during the war of that period, and the result was the passing on to the Path of Initiation of many who normally would not even now be treading it.

Một sự kích thích còn khủng khiếp hơn nữa đã được ban ra trong giống dân gốc thứ tư trong cuộc chiến của thời kỳ đó, và kết quả là nhiều người đã bước vào Con Đường Điểm Đạo, trong khi bình thường thì ngay cả bây giờ họ cũng chưa bước trên con đường ấy.

382. This is one of the most surprising and promising statements regarding the unsuspected occult virtues of war. The war of which DK speaks may have taken place more than four million years ago. The occult result of that war was astonishing. Let us imagine some four million years of human development. In all that time certain individuals who began treading the Path of Initiation four million years ago (all because of the stimulation produced by the excessive strain of that war) would not even now have set foot on that Path.

382. Đây là một trong những phát biểu đáng ngạc nhiên và đầy hứa hẹn nhất liên quan đến những đức tính huyền bí học không ngờ của chiến tranh. Cuộc chiến mà Chân sư DK nói đến có thể đã diễn ra hơn bốn triệu năm trước. Kết quả huyền bí học của cuộc chiến ấy thật đáng kinh ngạc. Hãy tưởng tượng khoảng bốn triệu năm phát triển của nhân loại. Trong suốt thời gian đó, một số cá nhân đã bắt đầu bước trên Con Đường Điểm Đạo từ bốn triệu năm trước (hoàn toàn do sự kích thích được tạo ra bởi sức ép quá mức của cuộc chiến ấy) thì ngay cả bây giờ, nếu không có điều đó, họ cũng chưa đặt chân lên Con Đường ấy.

383. We have often been told of the rapid Path “up the mountain” and the long, slow Path. Here we have a graphic illustration of the two Paths.

383. Chúng ta thường được nghe nói về Con Đường nhanh “lên núi” và Con Đường dài, chậm. Ở đây chúng ta có một minh họa sống động về hai Con Đường ấy.

A similar effect can be looked for at this time,

Một hiệu quả tương tự có thể được trông đợi vào lúc này,

384. This is a most important statement and would be easy to overlook in passing.

384. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng và rất dễ bị bỏ qua khi đọc lướt qua.

385. The "terrific stimulation" experienced at the time of the great Atlantean War is about to be re-experienced. Does this indicate that humanity will be passing through an equivalently horrific experience (with equal potential for advancing human evolution)?

385. "Sự kích thích khủng khiếp" đã được trải nghiệm vào thời cuộc Đại Chiến Atlantis sắp được tái trải nghiệm. Điều này có cho thấy rằng nhân loại sẽ đi qua một kinh nghiệm kinh hoàng tương đương (với tiềm năng tương đương để thúc đẩy tiến hoá nhân loại) hay không?

and the Hierarchy is preparing itself for the taking over of much of an extra-planetary nature owing to the almost immediate availability of comparatively large numbers of the sons of man.

và Thánh đoàn đang tự chuẩn bị để đảm nhận nhiều điều có bản chất ngoài hành tinh hơn do số lượng tương đối lớn những người con của nhân loại gần như ngay lập tức trở nên sẵn sàng.

386. It seems that Hierarchy is preparing for and inevitable elevation. Its attention has been turned hitherto to much of a *planetary* nature, but now due to the rising of many Sons of Men towards Hierarchy, and the incorporation of these rising ones in the Hierarchy, the present Members of Hierarchy will have to refocus Their consciousness onto higher, "extra-planetary" vibratory levels.

386. Dường như Thánh đoàn đang chuẩn bị cho một sự nâng cao tất yếu. Cho đến nay sự chú ý của Thánh đoàn đã hướng đến nhiều điều có bản chất *hành tinh*, nhưng nay do nhiều Con của Nhân Loại đang vươn lên hướng về Thánh đoàn, và do sự hội nhập của những người đang vươn lên ấy vào Thánh đoàn, các Thành Viên hiện tại của Thánh đoàn sẽ phải tái tập trung tâm thức của Các Ngài vào những cấp độ rung động cao hơn, "ngoài hành tinh".

We must not forget that this stimulation of the spirillae affects the matter aspect, or deva substance**. Man is literally deva substance, and a God, thus being a true reflection of the solar Logos.**[12,13]

Chúng ta không được quên rằng sự kích thích các loa tuyến này ảnh hưởng đến phương diện vật chất, hay chất liệu thiên thần**. Con người theo nghĩa đen là chất liệu thiên thần, và là một Thượng đế, do đó là một phản ánh chân thực của Thái dương Thượng đế.**[12,13]

387. This is such an important statement. Except for his Spirit aspect, "man is literally deva substance". With the addition of Spirit, man is a *God* as well. The Solar Logos and all Solar Logoi are literally deva substance *and a God.*

387. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Ngoại trừ phương diện Tinh thần của mình, "con người theo nghĩa đen là chất liệu thiên thần". Với sự bổ sung của Tinh thần, con người cũng là một *Thượng đế.* Thái dương Thượng đế và mọi Thái dương Thượng đế theo nghĩa đen đều là chất liệu thiên thần *và là một Thượng đế.*

388. As spirillae are stimulated, the consciousness of man is elevated and also the quality of the vehicles through which he manifests.

388. Khi các loa tuyến được kích thích, tâm thức của con người được nâng cao và phẩm tính của các vận cụ mà qua đó y biểu hiện cũng được nâng cao.

FOOTNOTE: 12

CHÚ THÍCH: 12

“Thus God dwells in all,

“Như thế Thượng đế ngự trong muôn loài,

From life's minute beginnings, up at last

Từ những khởi đầu nhỏ bé của sự sống, rồi cuối cùng vươn lên

To man—the consummation of this scheme

Đến con người—sự viên mãn của hệ hành tinh này

Of being, the completion of this sphere

Của hiện hữu, sự hoàn tất của khối cầu này

Of life: whose attributes had here and there

Của sự sống: mà các thuộc tính của y ở đây và kia

Been scattered o'er the visible world before,

Đã từng được rải khắp thế giới hữu hình từ trước,

Asking to be combined, dim fragments meant

Đòi hỏi được kết hợp, những mảnh vụn mờ nhạt được định

To be united in some wondrous whole,

Để hợp nhất trong một toàn thể kỳ diệu nào đó,

Imperfect qualities throughout creation,

Những phẩm tính bất toàn xuyên suốt toàn thể tạo vật,

Suggesting some one creature yet to make,

Gợi ý về một tạo vật nào đó còn phải được tạo nên,

Some point where all those scattered rays should meet

Một điểm nào đó nơi mọi cung tia tản mác kia phải hội tụ

Convergent in the faculties of man....

Đồng quy trong các năng lực của con người....

When all the race is perfected alike	Khi toàn thể nhân loại đều được hoàn thiện như nhau
As man, that is; all tended to mankind	Như con người, nghĩa là vậy; mọi sự đều hướng đến nhân loại
And, man produced, all has its end thus far:	Và khi con người được tạo ra, mọi sự đến đó là kết thúc:
But in completed man begins anew	Nhưng trong con người đã hoàn tất lại bắt đầu anew
A tendency to God. Prognostics told	Một khuynh hướng hướng về Thượng đế. Những điềm báo đã nói lên
Man's near approach; so in man's self arise	Sự tiếp cận gần kề của con người; vì thế trong chính con người nảy sinh
August anticipations, symbols, types	Những dự cảm uy nghi, những biểu tượng, những nguyên mẫu
Of a dim splendour ever on before	Về một vẻ huy hoàng mờ ẩn luôn ở phía trước
In that eternal circle life pursues.	Trong vòng tròn vĩnh cửu mà sự sống theo đuổi.
For men begin to pass their nature's bound	Vì con người bắt đầu vượt qua giới hạn của bản chất mình
And find new hopes and cares which fast supplant	Và tìm thấy những hy vọng và ưu tư mới nhanh chóng thay thế
Their proper joys and griefs; they grow too great	Những niềm vui và nỗi buồn riêng của họ; họ trở nên quá lớn
For narrow creeds of right and wrong, which fade	Đối với những tín điều chật hẹp về đúng và sai, những điều phai mờ

Before the unmeasured thirst for good; while peace

Rises within them ever more and more.

Such men are even now upon the earth,

Serene amid the half formed creatures round

—Paracelsus by Robert Browning.

389. What a marvelous selection from the poem Paracelsus! There is no question but that Robert Browning was/is an initiate. Some say He is now a Master.

390. The destiny of man is inspiringly presented in this fragment which would be worthy of memorization.

FOOTNOTE 13:

1. Man is an animal, plus a living God, within his physical Shell.—S. D., II, 85. S. D., II, 284.

391. It is fair to say the same of each *deva* Monad.

a. Man is the Macrocosm for the animal, therefore he contains all that is meant by the term animal.—S. D., II, 179, 187.

392. It is in the adjusting of the animal soul and the human soul that the struggle of humanity is epitomized.

Trước cơn khát điều thiện vô lượng; trong khi sự bình an

Dâng lên trong họ ngày càng nhiều hơn.

Những con người như thế ngay cả lúc này cũng đang ở trên Trái Đất,

Tĩnh lặng giữa những tạo vật nửa thành hình chung quanh

—Paracelsus của Robert Browning.

389. Thật là một đoạn trích kỳ diệu từ bài thơ Paracelsus! Không còn nghi ngờ gì nữa, Robert Browning đã là/vẫn là một điểm đạo đồ. Có người nói rằng hiện nay Ngài là một Chân sư.

390. Định mệnh của con người được trình bày đầy cảm hứng trong đoạn văn này, một đoạn rất đáng để ghi nhớ.

CHÚ THÍCH 13:

1. Con người là một con vật, cộng với một Thượng đế sống động, bên trong cái vỏ hồng trần của mình.—S. D., II, 85. S. D., II, 284.

391. Có thể nói điều tương tự về mỗi chân thần *deva*.

a. Con người là Đại thiên địa đối với loài vật, vì vậy y chứa đựng tất cả những gì được hàm ý bởi thuật ngữ loài vật.—S. D., II, 179, 187.

392. Chính trong sự điều chỉnh giữa hồn thú và hồn người mà cuộc đấu tranh của nhân loại được tóm lược.

b. Divine consciousness is received from the living God.—S. D., II, 103.

393. As human beings, we are *one* with the "living God". His Identity is our essential identity.

c. The animal forms the basis and the contrast for the divine.—S. D., II, 100.

394. The animal forms are composed of deva substance.

395. If our vehicles are compose of matter-substance-energy-force we can equally say they are composed of deva substance which is matter-substance- energy-force—'msef'.

d. The light of the Logos is awakened in animal man.—S. D., II, 45.

396. This occurred through the coming of the Lords of the Flame

2. Man is the Tabernacle, the vehicle only, of his God.—S. D., I, 233, 281; II, 316; III, 66.

397. The word "Tabernacle" (which is a lesser Temple) suggests the lunar vehicles of man.

Compare S. D., II, 174. Read Proverbs VIII.

Study Biblical description of Tabernacle:—

b. Tâm thức thiêng liêng được tiếp nhận từ Thượng đế sống động.—S. D., II, 103.

393. Là những con người, chúng ta là *một* với "Thượng đế sống động". Bản Sắc của Ngài là bản sắc cốt yếu của chúng ta.

c. Loài vật tạo thành nền tảng và sự tương phản cho cái thiêng liêng.—S. D., II, 100.

394. Các hình tướng động vật được cấu thành bằng chất liệu deva.

395. Nếu các vận cụ của chúng ta được cấu thành từ vật chất-chất liệu-năng lượng-mãnh lực, thì chúng ta cũng có thể nói rằng chúng được cấu thành từ chất liệu deva, tức vật chất-chất liệu-năng lượng-mãnh lực —'msef'.

d. Ánh sáng của Logos được đánh thức trong người thú.—S. D., II, 45.

396. Điều này đã xảy ra qua sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa

2. Con người là Nhà Tạm, chỉ là vận cụ của Thượng đế của mình.—S. D., I, 233, 281; II, 316; III, 66.

397. Từ "Nhà Tạm" (vốn là một Đền thờ nhỏ hơn) gợi đến các vận cụ nguyệt tính của con người.

So sánh S. D., II, 174. Đọc Châm Ngôn VIII.

Nghiên cứu mô tả trong Kinh Thánh về Nhà Tạm:—

a. Outer court, the place of animal sacrifice and purification.

398. The energies of Mars and the Moon are made pure within the Tabernacle.

b. The Holy place, the place of consecration and service.

c. The Holy of Holies.

399. Three levels in the life of man have, thus, been symbolized.

The first corresponds to the life of the personality.

The second to that of the Ego, or Higher Self.

The last to that of the Monad, or Divine Self.

400. To this grouping we should add:

a. The Holy City—Shamballa

b. The New Jerusalem—Hierarchy

c. The City Standing Foursquare—Humanity (cf. DON 23)

3. Man contains in himself every element found in the universe.—S. D., I, 619; III, 584.

401. This is holographic theory, a modern reflection of Hylozoism.

a. Sân ngoài, nơi hiến tế loài vật và thanh tẩy.

398. Các năng lượng của Sao Hỏa và Mặt Trăng được làm cho thanh khiết bên trong Nhà Tạm.

b. Nơi Thánh, nơi thánh hiến và phụng sự.

c. Nơi Chí Thánh.

399. Như vậy, ba cấp độ trong sự sống của con người đã được biểu tượng hóa.

Cấp độ thứ nhất tương ứng với đời sống của phàm ngã.

Cấp độ thứ hai tương ứng với đời sống của Chân ngã, hay Bản Ngã Cao Siêu.

Cấp độ cuối cùng tương ứng với đời sống của chân thần, hay Bản Ngã Thiêng Liêng.

400. Vào nhóm này chúng ta nên thêm vào:

a. Thánh Thành—Shamballa

b. Tân Jerusalem—Thánh Đoàn

c. Thành Vuông Bốn Cạnh—Nhân loại (x. DON 23)

3. Con người chứa trong chính mình mọi nguyên tố được tìm thấy trong vũ trụ.—S. D., I, 619; III, 584.

401. Đây là lý thuyết toàn ảnh, một phản ánh hiện đại của thuyết vật hoạt.

a. All in nature tends to become Man.—S. D., II, 179.

402. We presume this to be a true statement, but must interpret carefully. It does not mean that every atom of substance will become a man. The art of grouping many to make synthesized wholes must be considered.

b. All the impulses of the dual, centripetal and centrifugal force are directed towards one point—Man.—S. D., II, 179.

403. The "dual, centripetal and centrifugal force" are symbolized by the energies of Venus and Mars, respectively. The two types of forces work under the Law of Attraction (and Repulsion), and so aggregate the various lives in cosmos that the Divine Pattern may be realized.

c. Man is the storehouse...he unites in himself all forms.—S. D. II, 303.

404. We have been studying man in various modes, microcosmic and macrocosmic. We may say that in microcosmic man, all forms are at least reflected. Paracelsus is said to have said: "For every star in the heavens there is a star in man".

d. The potentiality of every organ useful to animal life is locked up in Man.—S. D., II, 723.

405. Whatever the animal can achieve, the fully developed man can achieve to a far greater extent. The greater includes the lesser.

a. Mọi sự trong thiên nhiên đều có khuynh hướng trở thành Con Người.—S. D., II, 179.

402. Chúng ta giả định đây là một phát biểu đúng, nhưng phải diễn giải cẩn trọng. Điều đó không có nghĩa là mọi nguyên tử chất liệu đều sẽ trở thành một con người. Phải xét đến nghệ thuật kết nhóm nhiều đơn vị để tạo thành các toàn thể tổng hợp.

b. Mọi xung lực của mãnh lực kép, hướng tâm và ly tâm, đều được hướng về một điểm —Con Người.—S. D., II, 179.

403. "Mãnh lực kép, hướng tâm và ly tâm" được biểu tượng hóa lần lượt bởi các năng lượng của Sao Kim và Sao Hỏa. Hai loại mãnh lực này hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn (và Đẩy Lùi), và do đó kết tập các sự sống khác nhau trong vũ trụ để Mô Hình Thiêng Liêng có thể được chứng nghiệm.

c. Con người là kho tàng... y hợp nhất trong chính mình mọi hình tướng.—S. D. II, 303.

404. Chúng ta đã nghiên cứu con người trong nhiều phương diện khác nhau, vi mô và vĩ mô. Chúng ta có thể nói rằng trong con người vi mô, mọi hình tướng ít nhất đều được phản chiếu. Paracelsus được cho là đã nói: "Với mỗi ngôi sao trên trời, có một ngôi sao trong con người".

d. Tiềm năng của mọi cơ quan hữu ích cho đời sống động vật đều được khóa kín trong Con Người.—S. D., II, 723.

405. Bất cứ điều gì loài vật có thể đạt được, con người phát triển đầy đủ có thể đạt được ở mức độ lớn hơn rất nhiều. Cái lớn hơn bao gồm cái nhỏ hơn.

4. Man tends to become a God and then God, like every other atom in the universe.—S. D., I, 183.

406. Man is, occultly considered, an "atom in the universe".

407. Gods are included within the All-Inclusive God.

408. Again, we approach with caution what it means to "become a God" or become God. *The process by which the many become* One must be carefully considered.

Compare the atom and the Microcosm, man. Illustration:—S. D., I, 174. Every atom has seven planes of being.—S. D., I, 205. Read S. D., I, 201.

409. Man is an atom and the structures of the atom of the scientist and the atom, man, are parallel.

a. Every atom contains the germ from which he may raise the tree of knowledge. (Of good and evil, therefore conscious discrimination).—S. D., II, 622.

410. The essence of every atom is the cosmically omnipotent Deity, Himself. All potentials are found in every form of life, even though the potentials be latent in most.

411. Although the intelligence of the atom of the scientist is unconscious, through such an atom the faculty of discrimination is at work.

4. Con người có khuynh hướng trở thành một vị thần rồi thành Thượng đế, như mọi nguyên tử khác trong vũ trụ.—S. D., I, 183.

406. Xét theo huyền bí học, con người là một "nguyên tử trong vũ trụ".

407. Các vị thần được bao hàm trong Thượng đế Bao Gồm Tất Cả.

408. Một lần nữa, chúng ta tiếp cận một cách thận trọng ý nghĩa của việc "trở thành một vị thần" hay trở thành Thượng đế. *Tiến trình nhờ đó số nhiều trở thành* Đấng Duy Nhất phải được xem xét cẩn trọng.

So sánh nguyên tử và Tiểu thiên địa, con người. Minh họa:—S. D., I, 174. Mọi nguyên tử đều có bảy cõi hiện hữu.—S. D., I, 205. Đọc S. D., I, 201.

409. Con người là một nguyên tử và các cấu trúc của nguyên tử theo nhà khoa học và nguyên tử là con người thì song song với nhau.

a. Mọi nguyên tử đều chứa mầm từ đó y có thể nâng lên cây tri thức. (Về thiện và ác, do đó là sự phân biện có ý thức).—S. D., II, 622.

410. Tinh túy của mọi nguyên tử là chính Thượng đế toàn năng vũ trụ. Mọi tiềm năng đều được tìm thấy trong mọi hình thức sự sống, dù các tiềm năng ấy còn tiềm ẩn trong phần lớn trường hợp.

411. Mặc dù trí thông minh của nguyên tử theo nhà khoa học là vô thức, nhưng qua một nguyên tử như thế, năng lực phân biện vẫn đang hoạt động.

b. It is the spiritual evolution of the inner immortal man that forms the fundamental tenet of the occult sciences.—S. D., I, 694.

412. The modern presentation of occultism works for the expansion of consciousness. The focus is on the consciousness aspect and not, per se, on the development of the matter aspect.

413. In a way, it matters not what becomes of the matter aspect in any one incarnation, so long as the consciousness of the inner immortal man profits.

c. Atoms and souls are synonymous terms in the language of the initiates.—S. D., I, 620-621.

414. There is no such thing as an atom un-ensouled. The entire cosmos, itself, is an ensouled Atom.

5. Human beings...those Intelligences who have reached the appropriate equilibrium between Spirit and Matter.—S. D., I, 132.

415. According to this definition, humanity is not confined to Earth. Anywhere in our solar system or within cosmos, when an appropriate equilibrium between Spirit and Matter is produced, the human being appears.

Read also carefully:—S. D., I, 267, 449; S. D., II, 190.

a. On the descending arc Spirit becomes material.—S. D., I, 693.

b. Chính sự tiến hoá tinh thần của con người nội tại bất tử tạo thành giáo điều nền tảng của các khoa học huyền bí.—S. D., I, 694.

412. Sự trình bày hiện đại của huyền bí học hoạt động vì sự mở rộng tâm thức. Trọng tâm đặt trên phương diện tâm thức chứ không phải, chính nó, trên sự phát triển của phương diện vật chất.

413. Theo một nghĩa nào đó, phương diện vật chất sẽ ra sao trong bất kỳ một kiếp lâm phàm nào cũng không quan trọng, miễn là tâm thức của con người nội tại bất tử được lợi ích.

c. Nguyên tử và linh hồn là những thuật ngữ đồng nghĩa trong ngôn ngữ của các điểm đạo đồ.—S. D., I, 620-621.

414. Không hề có cái gọi là một nguyên tử không được phú linh. Toàn thể vũ trụ, tự thân nó, là một Nguyên tử được phú linh.

5. Những con người...những Trí Tuệ đã đạt đến sự quân bình thích hợp giữa Tinh thần và Vật chất.—S. D., I, 132.

415. Theo định nghĩa này, nhân loại không bị giới hạn trên Trái Đất. Ở bất cứ đâu trong hệ mặt trời của chúng ta hay trong vũ trụ, khi một sự quân bình thích hợp giữa Tinh thần và Vật chất được tạo ra, con người xuất hiện.

Cũng hãy đọc cẩn thận:—S. D., I, 267, 449; S. D., II, 190.

a. Trên cung đi xuống, Tinh thần trở nên vật chất.—S. D., I, 693.

416. Through the process of emanation, Spirit not only becomes material but remains what it is on the higher planes. When a Great Candle lights a descending series of lesser candles, the flame of the Great Candle still remains.

416. Qua tiến trình phát xạ, Tinh thần không những trở nên vật chất mà còn vẫn là chính nó trên các cõi cao hơn. Khi một Ngọn Nến Vĩ Đại thắp sáng một chuỗi đi xuống gồm những ngọn nến nhỏ hơn, ngọn lửa của Ngọn Nến Vĩ Đại vẫn còn nguyên.

b. On the middle turn of the base both meet in man.—S. D., I, 214, 271.

b. Ở khúc quanh giữa của đáy, cả hai gặp nhau trong con người.—S. D., I, 214, 271.

417. We can say that man represents a fair equality between Spirit and Matter.

417. Chúng ta có thể nói rằng con người biểu hiện một sự bình đẳng tương đối giữa Tinh thần và Vật chất.

c. On the ascending arc Spirit asserts itself at the expense of the material.

c. Trên cung đi lên, Tinh thần tự khẳng định với cái giá của vật chất.

418. The materialization of Spirit is retracted in this ascent. Spirit is still what is always was, but the degree of its materialization (i.e., its complexification and Self-objectification) lessens.

418. Sự hiện hình của Tinh thần được rút lại trong cuộc đi lên này. Tinh thần vẫn là điều nó luôn luôn là, nhưng mức độ hiện hình của nó (tức sự phức hợp hóa và sự tự-khách thể-hóa của nó) giảm bớt.

d. This is true of Gods and of men. See S. D., II, 88.

d. Điều này đúng với các vị thần cũng như với con người. Xem S. D., II, 88.

419. The Gods are Men of a kind. Progress along the 'Great Arc' is parallel in both instances.

419. Các vị thần là những Con Người thuộc một loại nào đó. Sự tiến bộ dọc theo 'Đại Cung' là song song trong cả hai trường hợp.

e. Man is therefore a compound of Spirit and matter.—S. D., II, 45.

e. Vì vậy, con người là một hợp thể của Tinh thần và vật chất.—S. D., II, 45.

f. In man the intelligence links the two.—S. D., II, 102, 103.

f. Trong con người, trí thông minh nối kết hai điều ấy.—S. D., II, 102, 103.

420. Solar mind is the linking principle The Solar Angels are called "Benign Uniters", and the Fifth Ray Lord is called "The Great Connecter".

420. Trí tuệ thái dương là nguyên khí nối kết. Các Thái dương Thiên Thần được gọi là "Những Đấng Hợp Nhất Từ Hòa", và Đấng Chúa Tể Cung năm được gọi là "Đấng Kết Nối Vĩ Đại".

See note to S. D., II, 130. Compare S. D., II, 394.

[Page 653]

Group A. Agnichaitans. We have seen that on all planes the groups of devas can be divided into three [Page 654] main groups, even though usually studied in their dual capacity of involutionary and evolutionary force units.

421. The more explicit three lie behind the more frequently presented two.

422. When DK speaks of "all the planes", He means

a. The cosmic physical plane

b. Each systemic plane

c. Each systemic subplane

Broadly speaking, these groups can be viewed as:

a. Those which embody the positive aspect, or positive electrical phenomena.

423. This is the correspondence among the Agnichaitans of electric fire—the Shiva aspect.

b. Those which embody the negative aspect.

424. This is the correspondence within the Agnichaitans of fire by friction—the Brahma aspect.

Xem ghi chú cho S. D., II, 130. So sánh S. D., II, 394.

[Page 653]

Nhóm A. Agnichaitans. Chúng ta đã thấy rằng trên mọi cõi các nhóm deva có thể được chia thành ba [Page 654] nhóm chính, mặc dù chúng thường được nghiên cứu trong năng lực kép của chúng như những đơn vị mãnh lực giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá.

421. Bộ ba minh nhiên hơn này nằm phía sau bộ hai thường được trình bày hơn.

422. Khi Chân sư DK nói về "mọi cõi", Ngài muốn nói đến

a. Cõi hồng trần vũ trụ

b. Mỗi cõi của hệ mặt trời

c. Mỗi cõi phụ của hệ mặt trời

Nói một cách khái quát, các nhóm này có thể được xem là:

a. Những nhóm thể hiện phương diện dương, hay các hiện tượng điện dương.

423. Đây là sự tương ứng nơi các Agnichaitans của Lửa Điện—phương diện Shiva.

b. Những nhóm thể hiện phương diện âm.

424. Đây là sự tương ứng trong các Agnichaitans của Lửa ma sát—phương diện Brahma.

c. That group which—in time and space—is the union of the two aspects and which—during evolution—demonstrates the third type of electrical phenomena.

c. Nhóm mà—trong thời gian và không gian—là sự hợp nhất của hai phương diện, và mà—trong tiến hoá—biểu lộ loại hiện tượng điện thứ ba.

425. Here we are speaking of a central type of electricity—equilibrizing electrical phenomena—the Vishnu/Surya aspect.

425. Ở đây chúng ta đang nói về một loại điện trung tâm—các hiện tượng điện quân bình hóa—phương diện Vishnu/Surya.

426. No matter on what type of plane, the intermediate type of equilibrizing electricity will demonstrate.

426. Bất kể trên loại cõi nào, loại điện trung gian quân bình hóa cũng sẽ biểu lộ.

Another grouping of this triplicity can be made which brings them into line with the order of manifestation as laid down in the ancient cosmogony, and this we followed when we enumerated the groups of Agnichaitans.

Một cách phân nhóm khác của bộ ba này có thể được thực hiện, đưa chúng phù hợp với trật tự biểu hiện như đã được nêu trong vũ trụ luận cổ xưa, và đó là cách chúng ta đã theo khi liệt kê các nhóm Agnichaitans.

427. DK is helping us understand the enumeration of the Agnichaitans from various perspectives.

427. Chân sư DK đang giúp chúng ta hiểu sự liệt kê các Agnichaitans từ nhiều góc nhìn khác nhau.

Group A—Corresponds to the manifestations of existence as seen on the highest plane, or that aspect which is understood by the term Agni.

Nhóm A—Tương ứng với các biểu hiện của hiện hữu như được thấy trên cõi cao nhất, hay phương diện được hiểu qua thuật ngữ Agni.

428. DK reaffirms the linking of Agni with the first aspect of divinity and the first plane, the planet of Adi.

428. Chân sư DK tái khẳng định sự liên kết của Agni với phương diện thứ nhất của thiên tính và cõi thứ nhất, cõi Adi.

Group B—Corresponds to the Vishnu-Surya aspect.

Nhóm B—Tương ứng với phương diện Vishnu-Surya.

429. We notice that DK recently began introducing the word “Surya” whereas, usually, in the earlier parts of the book, He had spoken only of Vishnu.

429. Chúng ta nhận thấy rằng gần đây Chân sư DK bắt đầu đưa vào từ “Surya”, trong khi thông thường, ở các phần trước của sách, Ngài chỉ nói đến Vishnu.

430. We see that these two terms are roughly equivalent, both of them pertaining to the second aspect of divinity and closely related to the Law of Attraction.

430. Chúng ta thấy rằng hai thuật ngữ này gần như tương đương, cả hai đều liên hệ đến phương diện thứ hai của thiên tính và gắn bó chặt chẽ với Định luật Hấp Dẫn.

Group C—Corresponds to the Brahma or the creative Logos aspect.

Nhóm C—Tương ứng với phương diện Brahma hay phương diện Thượng đế sáng tạo.

431. It is a very good idea to think of Brahma as the "creative Logos". DK's preferred name of the Lord of the Third Ray is the "Ray of *Creative Intelligence*".

431. Đó là một ý tưởng rất hay khi nghĩ về Brahma như "Thượng đế sáng tạo". Tên gọi được Chân sư DK ưa dùng cho Chúa Tể của cung ba là "Cung của *Trí Tuệ Sáng Tạo*".

We have recapitulated thus, as it is desirable to have the thought clearly defined.

Như vậy chúng ta đã tóm lược lại, vì điều đáng mong muốn là tư tưởng được xác định rõ ràng.

432. The didactic method of recapitulation is more than necessary given the great detail of this presentation on the devas. Or should it be said that for us, the presentation may seem to contain a wealth of detail. For DK, however, the presentation is but a thumbnail sketch.

432. Phương pháp giảng dạy bằng cách tóm lược còn hơn cả cần thiết, xét đến chi tiết rất lớn của phần trình bày này về các deva. Hay nên nói rằng đối với chúng ta, phần trình bày này dường như chứa một sự phong phú chi tiết. Tuy nhiên, đối với Chân sư DK, phần trình bày ấy chỉ là một phác thảo rất sơ lược.

We have touched upon the two lower groups of devas. Now, we might take up the consideration of Group A, the most important group on the physical plane from the standpoint of creation, and of objectivity, for they are the **life of matter itself** and **the intelligence animating the forms of all that exists on the systemic physical** [Page 655] **plane**; they are not self-conscious intelligence, but consciousness as understood by the occultist.

Chúng ta đã chạm đến hai nhóm deva thấp hơn. Giờ đây, chúng ta có thể xét đến Nhóm A, nhóm quan trọng nhất trên cõi hồng trần theo quan điểm sáng tạo và khách thể tính, vì họ là **sự sống của chính vật chất** và **trí thông minh làm sinh động các hình tướng của mọi sự hiện hữu trên cõi hồng trần của hệ mặt trời** [Page 655]; họ không phải là trí thông minh ngã thức, mà là tâm thức như được nhà huyền bí học hiểu.

433. Here DK wisely differentiates between consciousness (as the occultist understands that term) and self-consciousness. These

433. Ở đây Chân sư DK phân biệt một cách khôn ngoan giữa tâm thức (theo cách nhà huyền bí học hiểu thuật ngữ ấy) và ngã thức.

devas on the evolutionary arc are *conscious* but not *self-conscious.*

Những deva này trên cung tiến hoá là *hữu thức* nhưng không phải là *ngã thức.*

434. What does He say of these Group A. Agnichaitans?

434. Ngài nói gì về các Agnichaitans Nhóm A này?

a. They are the most important devas of the physical plane from the standpoint of creation and objectivity.

a. Họ là những deva quan trọng nhất của cõi hồng trần theo quan điểm sáng tạo và khách thể tính.

b. They are the life of matter itself.

b. Họ là sự sống của chính vật chất.

c. They are the intelligence animating all forms which exist on the systemic physical plane. If they *animate,* there is something in them akin to the soul aspect in relation to the personality.

c. Họ là trí thông minh làm sinh động mọi hình tướng hiện hữu trên cõi hồng trần của hệ mặt trời. Nếu họ *làm sinh động,* thì trong họ có điều gì đó tương tự phương diện linh hồn trong tương quan với phàm ngã.

Each of the atomic subplanes in the solar system is closely interrelated with the others,

Mỗi cõi phụ nguyên tử trong hệ mặt trời đều liên hệ mật thiết với các cõi khác,

435. This is the 'atomic channel' which allows rapid transmission from one atomic plane to the others.

435. Đây là "kênh nguyên tử" cho phép sự truyền dẫn nhanh chóng từ một cõi nguyên tử sang các cõi khác.

and the seven atomic subplanes of all the planes form a unity, and are essentially the cosmic physical plane as the term is occultly understood.

và bảy cõi phụ nguyên tử của mọi cõi tạo thành một hợp nhất, và về bản chất là cõi hồng trần vũ trụ như thuật ngữ này được hiểu theo huyền bí học.

436. Fohat as the Third Logos works upon the atomic subplanes. The energy of the Second Logos creates the molecular combinations of matter which characterize the six subsidiary subplanes.

436. Fohat với tư cách Logos thứ ba hoạt động trên các cõi phụ nguyên tử. Năng lượng của Logos thứ hai tạo ra các tổ hợp phân tử của vật chất vốn đặc trưng cho sáu cõi phụ thứ yếu.

437. Occultly understood, these seven atomic subplanes are the entire cosmic physical plane. If this is the case, we can say that the seven Raja Deva Lords compose

437. Theo huyền bí học, bảy cõi phụ nguyên tử này là toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ. Nếu đúng như vậy, chúng ta có thể nói rằng bảy Raja Deva Lords cấu thành (theo huyền bí học) bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

(occultly) the seven subplanes of the cosmic physical plane.

The subplanes of which they are the originating source bear the same relationship to them as the six principles do to the seventh.

Các cõi phụ mà các Ngài là nguồn gốc phát sinh có cùng mối tương quan với các Ngài như sáu nguyên khí đối với nguyên khí thứ bảy.

438. This is a clear statement. It becomes apparent that the six subsidiary principles are in some manner derivative from the seventh.

438. Đây là một phát biểu rõ ràng. Hiển nhiên là sáu nguyên khí thứ yếu theo một cách nào đó đều phát sinh từ nguyên khí thứ bảy.

439. The atoms of the six molecular subplanes are combinations of the atoms of the atomic subplanes of their particular systemic plane.

439. Các nguyên tử của sáu cõi phụ phân tử là những tổ hợp của các nguyên tử thuộc cõi phụ nguyên tử của cõi hệ mặt trời tương ứng của chúng.

Therefore, the devas of Group A are the concentrated creative force of the subplanes, the origin of the objective side of physical manifestation, and the source of the seven Breaths of the creative Logos on the physical plane.

Vì vậy, các deva của Nhóm A là mãnh lực sáng tạo cô đọng của các cõi phụ, nguồn gốc của phương diện khách thể của sự biểu hiện hồng trần, và là nguồn của bảy Hơi Thở của Thượng đế sáng tạo trên cõi hồng trần.

440. To deal clearly with the nature of the Group A. Agnichaitans, let us tabulate the statements about their nature:

440. Để bàn đến rõ ràng bản chất của các Agnichaitans Nhóm A, chúng ta hãy lập bảng các phát biểu về bản chất của họ:

a. They are the concentrated creative force of the subplanes. Their concentration relates them to the principle of will.

a. Họ là mãnh lực sáng tạo cô đọng của các cõi phụ. Sự cô đọng của họ liên hệ họ với nguyên khí ý chí.

b. They are the origin of the objective side of physical manifestation. We know that the permanent atoms are responsible for the building of the lunar vehicles. Group A. Agnichaitans work in relation to these permanent atoms and in fact are the *substance* of these permanent atoms.

b. Họ là nguồn gốc của phương diện khách thể của sự biểu hiện hồng trần. Chúng ta biết rằng các Nguyên tử trường tồn chịu trách nhiệm xây dựng các vận cụ nguyệt tính. Các Agnichaitans Nhóm A hoạt động trong mối liên hệ với các Nguyên tử trường tồn này và thực ra là *chất liệu* của các Nguyên tử trường tồn ấy.

c. They are the source of the seven Breaths of the creative Logos (Brahma) on the physical plane. We are learning that on each systemic plane there are seven creative Breaths. "Breaths" are incoming energy activations and outgoing energy de-activations.

c. Họ là nguồn của bảy Hơi Thở của Thượng đế sáng tạo (Brahma) trên cõi hồng trần. Chúng ta đang học rằng trên mỗi cõi của hệ mặt trời đều có bảy Hơi Thở sáng tạo. "Hơi Thở" là những sự hoạt hóa năng lượng đi vào và những sự ngưng hoạt năng lượng đi ra.

But it must be remembered that in each scheme the creative impulse or will is the planetary Logos of the scheme, Who as truly creates His body of Manifestation under the Law (His dense physical planet) as man—under the same Law—creates his physical body, or as the solar Logos (at the other end of the scale) creates His body, a solar system.

Nhưng phải nhớ rằng trong mỗi hệ hành tinh xung lực sáng tạo hay ý chí là Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh ấy, Đấng cũng thực sự tạo ra thể Biểu Hiện của Ngài dưới Định luật (hành tinh hồng trần đậm đặc của Ngài) như con người—dưới cùng Định luật ấy—tạo ra thể xác của mình, hay như Thái dương Thượng đế (ở đầu kia của thang bậc) tạo ra thân thể của Ngài, một hệ mặt trời.

441. The implication of this statement is that the Planetary Logos of any scheme (as the creative impulse or will of the scheme) works through the Group A. Agnichaitans and through the permanent atoms constituted of Group A. Agnichaitans.

441. Hàm ý của phát biểu này là Hành Tinh Thượng Đế của bất kỳ hệ hành tinh nào (với tư cách xung lực sáng tạo hay ý chí của hệ hành tinh) hoạt động thông qua các Agnichaitans Nhóm A và thông qua các Nguyên tử trường tồn được cấu thành bởi các Agnichaitans Nhóm A.

442. The Logos, therefore, of any "M/man" is ultimately responsible for creating His body of manifestation, and utilizes in the process Group A. Agnichaitans.

442. Vì vậy, Thượng đế của bất kỳ "M/con người" nào rốt cuộc đều chịu trách nhiệm tạo ra thể biểu hiện của Ngài, và trong tiến trình ấy sử dụng các Agnichaitans Nhóm A.

This has a definite and esoteric bearing upon the subject under discussion, and **the essential differences between the Heavenly Men seeking manifestation will be seen in Their schemes**, and therefore **in the types of devas through whom They function**, and out of whose essence Their form is made.

Điều này có một liên hệ xác định và huyền bí với chủ đề đang được bàn đến, và **những khác biệt cốt yếu giữa các Đấng Thiên Nhân đang tìm cách biểu hiện sẽ được thấy trong các hệ hành tinh của Các Ngài**, và do đó **trong các loại thiên thần mà qua đó Các Ngài hoạt động**, và từ tinh chất của họ mà hình tướng của Các Ngài được tạo nên.

443. Heavenly Men are different from each other. We learned that Group B. Agnichaitans found as the substance of the

443. Các Đấng Thiên Nhân khác nhau với nhau. Chúng ta đã học rằng Nhóm B. Agnichaitans, được tìm thấy như chất liệu

various chakras were especially attuned to certain rays and astrological influences. This can equally be said of those Group B. Agnichaitans who go to the formation of those chakras in the Solar Logos which the Heavenly Men represent.

của các luân xa khác nhau, đặc biệt được chỉnh hợp với một số cung và các ảnh hưởng chiêm tinh nhất định. Điều này cũng có thể được nói về những Agnichaitans Nhóm B. tạo thành các luân xa ấy trong Thái dương Thượng đế mà các Đấng Thiên Nhân đại diện.

444. On a systemic scale, the different Heavenly Men (representing different chakras in the Solar Logos) are composed of different kinds of deva substance, differentially attuned to greater systemic and also cosmic sources and influences.

444. Trên quy mô hệ thống, các Đấng Thiên Nhân khác nhau (đại diện cho các luân xa khác nhau trong Thái dương Thượng đế) được cấu thành từ những loại chất liệu thiên thần khác nhau, được chỉnh hợp khác biệt với các nguồn và ảnh hưởng lớn hơn của hệ thống và cả vũ trụ.

It might be expressed thus: Just as each man has a body which, in its main characteristics and form, resembles other bodies, yet in its quality and personal distinctive features is unique, so each of the Heavenly Men builds for Himself a body out of deva substance or spirit-matter which is of the same nature as that of His brothers, and yet which is distinctive, coloured by His own peculiar colouring, vibrant to His own particular key, and able to demonstrate His own unique quality.

Điều này có thể được diễn đạt như sau: Cũng như mỗi người đều có một thể mà, trong những đặc điểm chính và hình tướng của nó, giống với các thể khác, nhưng trong phẩm tính và những nét riêng biệt cá nhân thì độc nhất, thì mỗi Đấng Thiên Nhân cũng tự xây dựng cho Ngài một thể từ chất liệu thiên thần hay tinh thần-vật chất vốn có cùng bản chất như của các huynh đệ của Ngài, nhưng lại đặcthù, được nhuốm màu bởi sắc thái riêng của Ngài, rung động theo chủ âm riêng của Ngài, và có thể biểu lộ phẩm tính độc đáo riêng của Ngài.

445. Again the analogy is clear. Each human being is the same as every other human being, yet distinctive. So it is with the Planetary Logoi, and the differences between Them is accounted for by the type of deva essence used in the construction of Their vehicles of manifestation.

445. Một lần nữa, phép loại suy thật rõ ràng. Mỗi con người đều giống như mọi con người khác, nhưng vẫn đặc thù. Các Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy, và những khác biệt giữa Các Ngài được giải thích bởi loại tinh chất thiên thần được dùng trong việc kiến tạo các vận cụ biểu hiện của Các Ngài.

446. Of the constitution of each Planetary Logos it is said:

446. Về cấu tạo của mỗi Hành Tinh Thượng Đế, người ta nói rằng:

a. Each Planetary Logos has a distinctive nature

a. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế có một bản chất đặc thù

b. Each Planetary Logos has His own peculiar coloring

b. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế có sắc thái riêng của Ngài

c. Each Planetary Logos is vibrant to His own peculiar key

c. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế rung động theo chủ âm riêng của Ngài

d. Each Planetary Logos is expressive of His own unique quality.

d. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ phẩm tính độc đáo riêng của Ngài.

This is produced through the peculiar type of deva [Page 656] essence He chooses, or (to word it perhaps more occultly) **it has involved the response of certain peculiar groups of devas to His note**.

Điều này được tạo ra qua loại tinh chất thiên thần đặc thù mà [Page 656]Ngài chọn, hoặc (nói theo cách có lẽ huyền bí hơn) **nó đã bao hàm sự đáp ứng của một số nhóm thiên thần đặc thù đối với âm điệu của Ngài**.

447. The occult basis to the distinction between Planetary Logoi is given. It is not so much that different Planetary Logoi "choose" different deva essences to constitute Their vehicles, but that different groups of devas are summoned for construction and participation in the vehicles of a Planetary Logos because of their relation to the note which He occultly sounds as the process of manifestation begins.

447. Nền tảng huyền bí của sự khác biệt giữa các Hành Tinh Thượng Đế đã được nêu ra. Không hẳn là các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau "chọn" các tinh chất thiên thần khác nhau để cấu thành các vận cụ của Các Ngài, mà đúng hơn là các nhóm thiên thần khác nhau được triệu gọi để kiến tạo và tham dự vào các vận cụ của một Hành Tinh Thượng Đế do mối liên hệ của họ với âm điệu mà Ngài xướng lên một cách huyền bí khi tiến trình biểu hiện bắt đầu.

They embody in themselves just those constituents which He requires to build His body or scheme.

Họ hiện thân trong chính mình đúng những thành phần mà Ngài cần để xây dựng thể hay hệ hành tinh của Ngài.

448. The note the Planetary Logos sounds gives the necessary occult 'information' regarding just the type of deva constituents He requires for His body of scheme.

448. Âm điệu mà Hành Tinh Thượng Đế xướng lên cung cấp "thông tin" huyền bí cần thiết về chính loại thành phần thiên thần mà Ngài cần cho thể của hệ hành tinh của Ngài.

It will, therefore, be recognised that the devas of Group A, being what we might call the **key-devas**, are of prime importance, and, from our present standpoint, must remain abstract and esoteric.

Do đó, sẽ được nhận ra rằng các thiên thần của Nhóm A, là điều mà chúng ta có thể gọi là các **thiên thần chủ âm**, có tầm quan trọng hàng đầu, và, từ quan điểm hiện nay của

chúng ta, phải vẫn còn trừu tượng và huyền bí.

449. Esoteric "key-notes" are always found on atomic subplanes—whether for the vehicles of various vibrational strata or for the vehicles of "M/men".

449. Các "chủ âm" huyền bí luôn được tìm thấy trên các cõi phụ nguyên tử—dù là đối với các vận cụ của những tầng rung động khác nhau hay đối với các vận cụ của "M/ nhân loại".

450. When keynotes are sounded, they are sounded on atomic subplanes.

450. Khi các chủ âm được xướng lên, chúng được xướng lên trên các cõi phụ nguyên tử.

451. Those who can control the sounding of keynotes can control all manifestation which occurs as a result of that sounding.

451. Những ai có thể kiểm soát việc xướng lên các chủ âm thì có thể kiểm soát mọi biểu hiện xảy ra như là kết quả của sự xướng lên đó.

If we consider this under the Law of Analogy, and study the essentially esoteric nature of the plane of the Logos (the first plane, called Adi) the reason for this will be apparent.

Nếu chúng ta xem xét điều này dưới định luật tương đồng, và nghiên cứu bản chất huyền bí cốt yếu của cõi của Thượng đế (cõi thứ nhất, gọi là Adi) thì lý do của điều này sẽ trở nên hiển nhiên.

452. The "esoteric nature" of the Planetary Logos would be increasingly revealed through the study of the esoteric nature of the *plane* of the Logos—the adic plane.

452. "Bản chất huyền bí" của Hành Tinh Thượng Đế sẽ ngày càng được mặc khải qua việc nghiên cứu bản chất huyền bí của *cõi* của Thượng đế—cõi adi.

If the devas of Group A could be recognised, or even contacted by advanced men, the study of their nature, colouring and tone would reveal to unprepared humanity the colouring and tone of our particular planetary Logos. For this knowledge the race is not ready.

Nếu các thiên thần của Nhóm A có thể được nhận biết, hay thậm chí được tiếp xúc bởi những người nam và nữ tiến bộ, thì việc nghiên cứu bản chất, sắc thái và âm điệu của họ sẽ tiết lộ cho nhân loại chưa được chuẩn bịsắc thái và âm điệu của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của hành tinh chúng ta. Nhân loại chưa sẵn sàng cho tri thức này.

453. DK is telling us that, possessed of such knowledge, unprepared humanity could meddle in the creative process of its own Planetary Logos.

453. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng, nếu sở hữu tri thức như thế, nhân loại chưa được chuẩn bị có thể can thiệp vào tiến trình sáng tạo của chính Hành Tinh Thượng Đế của mình.

454. The notes sounding on the plane of Adi is the note of our Solar Logos with respect to the cosmic physical plane.

454. Các âm điệu được xướng lên trên cõi Adi là âm điệu của Thái dương Thượng đế của chúng ta đối với cõi hồng trần vũ trụ.

455. The differentiated notes sounding on the second subplane of the cosmic physical plane pertain to qualities of the various Planetary Logoi.

455. Các âm điệu biệt phân được xướng lên trên cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ liên quan đến các phẩm tính của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau.

456. There are three types of atomic subplanes with which we are concerned:

456. Có ba loại cõi phụ nguyên tử mà chúng ta quan tâm:

a. The plane of Adi

a. Cõi Adi

b. The atomic subplane of the each of the seven systemic planes

b. Cõi phụ nguyên tử của mỗi một trong bảy cõi hệ thống

c. The atomic division of each of the forty-nine systemic subplanes, whatever such a division may be called.

c. Phân khu nguyên tử của mỗi một trong bốn mươi chín cõi phụ hệ thống, dù một phân khu như thế có thể được gọi là gì đi nữa.

457. Wherever there is recognition of keynotes sounding on atomic subplanes, the possibility exists to gain control over that atomic subplane and over the lesser subplanes which are related to that atomic subplane.

457. Bất cứ nơi nào có sự nhận biết các chủ âm được xướng lên trên các cõi phụ nguyên tử, thì ở đó tồn tại khả năng giành được quyền kiểm soát cõi phụ nguyên tử ấy và các cõi phụ thấp hơn có liên hệ với cõi phụ nguyên tử đó.

458. We have been given some knowledge of the ray and coloring of our own Planetary Logos, but we do not know how the ray (really there are three major rays), the coloring, and the tones associated with the coloring will be modified by expression on each subplane level. The matter would be exceedingly intricate. Real control of subplane processes requires far more than the generalities which have been conferred upon us.

458. Chúng ta đã được ban cho một số tri thức về cung và sắc thái của chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, nhưng chúng ta không biết cung ấy (thật ra có ba cung chính), sắc thái ấy, và các âm điệu gắn liền với sắc thái ấy sẽ được biến đổi như thế nào khi biểu lộ trên mỗi cấp độ cõi phụ. Vấn đề này sẽ cực kỳ phức tạp. Sự kiểm soát thực sự các tiến trình cõi phụ đòi hỏi nhiều hơn rất xa những khái quát đã được ban cho chúng ta.

459. We know that our Planetary Logos expresses the first, second and third rays. This, however, tells us little about how these notes (one of them, two of them or all of them) sound forth on the various atomic subplanes (and subdivisions) within the cosmic physical plane.

459. Chúng ta biết rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta biểu lộ cung một, cung hai và cung ba. Tuy nhiên, điều này cho chúng ta biết rất ít về cách các âm điệu này (một trong chúng, hai trong chúng hay tất cả chúng) được xướng ra trên các cõi phụ nguyên tử khác nhau (và các phân khu) bên trong cõi hồng trần vũ trụ.

It would reveal also, through the study of the Law of Action and Reaction, which of the incarnating Egos were on the ray of this Logos;

Điều đó cũng sẽ tiết lộ, qua việc nghiên cứu Định luật Hành Động và Phản Ứng, những Chân ngã đang lâm phàm nào thuộc về cung của Thượng đế này;

460. Different Monads and Egos within our Earth-scheme manifestation have different Planetary Logoi are their Sources.

460. Các Chân thần và Chân ngã khác nhau bên trong biểu hiện hệ Địa Cầu của chúng ta có các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau là Nguồn gốc của họ.

461. If such information were in the hands of those who were intelligent but morally selfish, they could exert control over the Monads and Egos they encountered and could also (through the mobilization of unified ray groups) invoke and evoke planetary and extra-planetary energies (perhaps even cosmic energies) for which the Earth-scheme was unprepared. Serious energy imbalances could eventuate.

461. Nếu thông tin như thế rơi vào tay những người thông minh nhưng ích kỷ về mặt đạo đức, họ có thể tác động quyền kiểm soát lên các Chân thần và Chân ngã mà họ gặp, và cũng có thể (qua việc huy động các nhóm cung hợp nhất) khẩn cầu và gợi lên các năng lượng hành tinh và ngoài hành tinh (có lẽ ngay cả các năng lượng vũ trụ) mà hệ Địa Cầu chưa được chuẩn bị để tiếp nhận. Những mất cân bằng năng lượng nghiêm trọng có thể xảy ra.

the deductions from this would lead men into dangerous realms, and put power into hands as yet unprepared to wield it wisely.

những suy luận từ điều này sẽ dẫn con người vào những lĩnh vực nguy hiểm, và đặt quyền năng vào những bàn tay còn chưa được chuẩn bị để sử dụng nó một cách minh triết.

462. DK can see far ahead regarding the uses of the knowledge which He dispenses and which He *could* dispense. Probably, as yet, we have little idea of how certain kinds of knowledge could be used or misused.. In His wisdom, He can foresee possible uses and

462. Chân sư DK có thể thấy rất xa về phía trước liên quan đến những cách sử dụng tri thức mà Ngài ban ra và mà Ngài *có thể* ban ra. Có lẽ, cho đến nay, chúng ta vẫn ít có ý niệm về việc một số loại tri thức nhất định có thể được dùng hay bị lạm dụng như thế nào.. Trong minh triết của Ngài, Ngài có thể

potential misuses. This is the foresight of the Master.

thấy trước những cách dùng khả dĩ và những lạm dụng tiềm tàng. Đây là sự tiên liệu của Chân sư.

Therefore, Group A of Agnichaitans must remain profoundly esoteric, and their true nature can only be revealed to the Adept of the great Law.

Do đó, Nhóm A của Agnichaitans phải vẫn còn hết sức huyền bí, và bản chất chân thực của họ chỉ có thể được tiết lộ cho chân sư của đại Định luật.

463. Thus, when one is a Master of the Wisdom, the true esoteric nature of the Group A. Agnichaitans, can be revealed and not before.

463. Vì vậy, chỉ khi một người là một Chân sư Minh triết thì bản chất huyền bí chân thực của Nhóm A. Agnichaitans mới có thể được tiết lộ, chứ không phải trước đó.

464. We have often been told that the fourth and third ether are considered exoteric and the second and first ethers, esoteric. The first ether (and the devic lives who make it what it is) is the most esoteric of all the four ethers. We have been told why this is the case.

464. Chúng ta thường được bảo rằng dĩ thái thứ tư và thứ ba được xem là ngoại môn, còn dĩ thái thứ hai và thứ nhất là nội môn. Dĩ thái thứ nhất (và các sự sống thiên thần làm cho nó là chính nó) là huyền bí nhất trong cả bốn dĩ thái. Chúng ta đã được cho biết vì sao điều này là như vậy.

Thus only a few hints are permissible, and these deal simply with the relationship of man to these entities.

Vì thế chỉ một vài gợi ý là được phép, và những gợi ý này chỉ đơn giản bàn đến mối liên hệ của con người với các thực thể này.

465. One must have great knowledge, indeed, to know what knowledge is permissible for dispensation. Probably many of us who have only a little knowledge cannot refrain from discussing things, which under the circumstances, we should not. Our knowledge of implications and ramifications is so small.

465. Quả thật, người ta phải có tri thức lớn lao mới biết tri thức nào được phép ban truyền. Có lẽ nhiều người trong chúng ta, những người chỉ có chút ít tri thức, không thể ngăn mình bàn luận về những điều mà trong hoàn cảnh hiện tại, lẽ ra chúng ta không nên bàn. Tri thức của chúng ta về các hàm ý và hệ quả còn quá ít ỏi.

He is related to them primarily because his physical permanent atom is directly energised by them, being a part of their essential nature, and having a place in their form.

Y có liên hệ với họ chủ yếu vì nguyên tử trường tồn hồng trần của y được họ trực tiếp tiếp sinh lực, vì nó là một phần trong bản chất cốt yếu của họ, và có một vị trí trong hình tướng của họ.

466. Here is one of the most succinct statements concerning the relation of Group A. Agnichaitans to man.

466. Đây là một trong những phát biểu súc tích nhất liên quan đến mối liên hệ của Nhóm A. Agnichaitans với con người.

467. Man's physical permanent atoms are:

467. Các nguyên tử trường tồn hồng trần của con người là:

a. Directly energised by Group A. Agnichaitans

a. Được Nhóm A. Agnichaitans trực tiếp tiếp sinh lực

b. Group A. Agnichaitans are part of the essential nature of man's physical permanent atom

b. Nhóm A. Agnichaitans là một phần trong bản chất cốt yếu của nguyên tử trường tồn hồng trần của con người

c. Group A. Agnichaitans (how many of such devas we do not know, whether one or more) have place in the form of the physical permanent atom of any particular man.

c. Nhóm A. Agnichaitans (chúng ta không biết có bao nhiêu thiên thần như thế, là một hay nhiều) có chỗ trong hình tướng của nguyên tử trường tồn hồng trần của bất kỳ người nào.

It will be apparent to any student that if the permanent atoms of the lower man are within the causal periphery the devas of the three worlds on the atomic subplanes must work in the closest co-operation; there must be unity of purpose and of plan.

Điều này sẽ hiển nhiên đối với bất kỳ đạo sinh nào rằng nếu các nguyên tử trường tồn của phàm nhân ở trong chu vi nhân thể thì các thiên thần của ba cõi giới trên các cõi phụ nguyên tử phải hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ nhất; phải có sự hợp nhất về mục đích và về Thiên Cơ.

468. The devas of the atomic subplanes (found in the physical permanent atom and the astral permanent atom of man, but not, apparently, in the fourfold mental unit), must work in the closest cooperation with the Solar Angels who direct the processes within the causal body and in the personality vehicles via the two lower permanent atoms and the mental unit.

468. Các thiên thần của các cõi phụ nguyên tử (được tìm thấy trong nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục của con người, nhưng dường như không có trong đơn vị hạ trí tứ phân), phải hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ nhất với các Thái dương Thiên Thần, những Đấng điều khiển các tiến trình bên trong thể nguyên nhân và trong các vận cụ phàm ngã qua hai nguyên tử trường tồn thấp hơn và đơn vị hạ trí.

The devas of the atomic levels of all the planes in our scheme work in close affiliation:

469. Since there is a channel from atomic subplane to atomic subplane, this closely interdependent work is to be expected.

470. We may say that such devas and their close interrelation provide the synthetic factor in the matter of the cosmic physical plane.

[Page 657]

471. Immediately below we deal with the types of interplay to be expected among these types of devas.

a. With each other, thus making seven groups who are the sumtotal of the Brahma aspect of our planetary Logos.

472. From what is here said, we may gather that the Brahma aspect of our Planetary Logos relates to *all seven* atomic subplanes.

473. This is interesting, as the expression of the Planetary Logos seems to be more focussed upon the second cosmic subplane of the cosmic physical plane than upon the first or adic subplane, yet His presence cannot be removed from the logoic plane (since He has higher vehicles on the cosmic astral plane and the cosmic lower mental plane.

474. The Group A. Agnichaitans, cosmically considered, must be closely related to Agni, with each one of the seven sub-groups being

Các thiên thần của các cấp độ nguyên tử trên mọi cõi trong hệ hành tinh của chúng ta hoạt động trong sự liên kết chặt chẽ:

469. Vì có một kênh từ cõi phụ nguyên tử này sang cõi phụ nguyên tử khác, nên công việc phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ này là điều có thể được mong đợi.

470. Chúng ta có thể nói rằng các thiên thần như thế và mối tương liên chặt chẽ của họ cung cấp yếu tố tổng hợp trong vật chất của cõi hồng trần vũ trụ.

[Page 657]

471. Ngay bên dưới, chúng ta bàn đến các loại tương tác có thể được mong đợi giữa các loại thiên thần này.

a. Với nhau, nhờ đó tạo thành bảy nhóm là tổng thể của phương diện Brahma của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

472. Từ những gì được nói ở đây, chúng ta có thể suy ra rằng phương diện Brahma của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta liên hệ với *cả bảy* cõi phụ nguyên tử.

473. Điều này thật thú vị, vì sự biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế dường như tập trung nhiều hơn vào cõi phụ vũ trụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ hơn là vào cõi phụ thứ nhất hay cõi adi, tuy nhiên sự hiện diện của Ngài không thể bị tách khỏi cõi logoic (vì Ngài có các vận cụ cao hơn trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi hạ trí vũ trụ.

474. Nhóm A. Agnichaitans, xét theo vũ trụ, hẳn phải có liên hệ chặt chẽ với Agni, với mỗi một trong bảy phân nhóm là một

an aspect of expression of one of the Raja Deva Lords.

b. With the seven groups who constitute the atomic matter of that scheme which is the polar opposite of ours.

475. That scheme is the Venus-scheme. Raja Deva Lords of our scheme must be closely related to the corresponding Raja Deva Lords of the Venus-scheme.

c. With that particular group in that scheme which is one of the points in a systemic triangle of which our scheme and our opposite scheme are the other two.

476. We may propose that the atomic interaction embraces the seven Raja Deva Lords of the Mars-scheme.

d. With corresponding groups in lesser degree in all the systemic schemes.

477. The major devic interrelation is with the two planetary schemes which form a triangle with our own. Yet, interaction with corresponding devic groups within the seven Raja Deva Lords of the seven planes of other planetary schemes also takes place.

e. With the scheme which corresponds to the first aspect, or the plane of Adi.

478. Is this scheme the Uranus Scheme? The monadic ray of the Uranus scheme is hinted as the first (EP I, 430); the monadic ray of the Earth-scheme is *given* as the first.

f. With those devas who form the spirit-substance of the manifestation of that

phương diện biểu lộ của một trong các Chúa Tể Raja Deva.

b. Với bảy nhóm cấu thành vật chất nguyên tử của hệ hành tinh là đối cực của hệ chúng ta.

475. Hệ hành tinh đó là hệ Kim Tinh. Các Chúa Tể Raja Deva của hệ chúng ta hẳn phải có liên hệ chặt chẽ với các Chúa Tể Raja Deva tương ứng của hệ Kim Tinh.

c. Với nhóm đặc thù trong hệ hành tinh ấy là một trong những điểm trong một tam giác hệ thống mà hệ của chúng ta và hệ đối cực của chúng ta là hai điểm còn lại.

476. Chúng ta có thể đề xuất rằng sự tương tác nguyên tử bao gồm bảy Chúa Tể Raja Deva của hệ Hỏa Tinh.

d. Với các nhóm tương ứng ở mức độ thấp hơn trong mọi hệ hành tinh của hệ thống.

477. Mối tương liên thiên thần chủ yếu là với hai hệ hành tinh tạo thành một tam giác với hệ của chúng ta. Tuy nhiên, sự tương tác với các nhóm thiên thần tương ứng bên trong bảy Chúa Tể Raja Deva của bảy cõi của các hệ hành tinh khác cũng diễn ra.

e. Với hệ hành tinh tương ứng với phương diện thứ nhất, hay cõi Adi.

478. Đây có phải là hệ Sao Thiên Vương không? Cung chân thần của hệ Sao Thiên Vương được gợi ý là cung một (EP I, 430); cung chân thần của hệ Địa Cầu được *nêu* là cung một.

f. Với những thiên thần tạo thành tinh thần-chất liệu của sự biểu hiện của vị Rishi đặc

particular Rishi of the Great Bear Who is the prototype of our particular planetary Logos.

thù của Đại Hùng Tinh nào là nguyên mẫu của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta.

479. How are Prototypes within the Great Bear related to Planetary Logoi within our solar system for which They (the Seven Rishis of the Bear) are Prototypes? Is it via one of the rays? The monadic ray, for instance? The soul-ray, possibly? The mode of relationship may change with the developmental stage of the Planetary Logos concerned and perhaps with the development of particular Rishis of the Bear.

479. Các Nguyên Mẫu trong Đại Hùng Tinh liên hệ như thế nào với các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời của chúng ta mà Các Ngài (Bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh) là Nguyên Mẫu? Có phải qua một trong các cung không? Chẳng hạn cung chân thần? Có thể là cung linh hồn? Phương thức liên hệ có thể thay đổi theo giai đoạn phát triển của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ và có lẽ theo sự phát triển của các vị Rishi đặc thù của Đại Hùng Tinh.

480. We note that the relationship is with devas who form the "spirit-substance" of one of these Rishis, meaning substance as it pertains to the cosmic ethers and not to the dense physical plane of the Rishi concerned —IF such Rishis even have dense substance.

480. Chúng ta lưu ý rằng mối liên hệ này là với các thiên thần tạo thành "chất liệu-tinh thần" của một trong các vị Rishi này, nghĩa là chất liệu trong chừng mực nó liên quan đến các dĩ thái vũ trụ chứ không phải đến cõi hồng trần đậm đặc của vị Rishi liên hệ—NẾU các vị Rishi như thế thậm chí có chất liệu đậm đặc.

481. Given that our Earth-scheme functions *at this time* very much upon the third ray, there may be (again, at this time) a close connection between the third star Alioth and the Earth. Later the star Mizar and later still Benetnasch, (stars expressing the second and first rays respectively) may have a special connection with the Logos of the Earth-scheme.

481. Với điều kiện hệ Địa Cầu của chúng ta hoạt động *vào lúc này* rất nhiều trên cung ba, có thể có (một lần nữa, vào lúc này) một liên hệ chặt chẽ giữa ngôi sao thứ ba Alioth và Trái Đất. Về sau ngôi sao Mizar và về sau nữa Benetnasch, (các ngôi sao biểu lộ lần lượt cung hai và cung một) có thể có một liên hệ đặc biệt với Thượng đế của hệ Địa Cầu.

g. With those devas who form the substance of that one of those esoteric existences who are spoken of *in the Secret Doctrine*[14] [S. D., II, 579-582.] as "The wives of the seven Rishis," or the seven sisters, the Pleiades. One of these seven sisters has a close connection with our Heavenly Man, and therefore we have an interesting cosmic interplay as follows:

g. Với những thiên thần tạo thành chất liệu của một trong những Hiện Hữu huyền bí được nói đến *trong Giáo Lý Bí Nhiệm*14 [S. D., II, 579-582.] là "Những người vợ của bảy vị Rishi," hay bảy chị em, tức Thất Nữ Tinh. Một trong bảy chị em này có liên hệ chặt chẽ với Đấng Thiên Nhân của chúng ta, và do đó chúng ta có một sự tương tác vũ trụ thú vị như sau:

482. It appears that we are speaking of the Pleiad, Maya. At any rate it is the *third* Pleiad as the distributor of the third ray.

482. Dường như chúng ta đang nói về ngôi sao Maya trong Thất Nữ Tinh. Dù sao đi nữa, đó là ngôi sao Thất Nữ Tinh *thứ ba* với tư cách là đấng phân phối cung ba.

1. One of the seven Rishis of the Great Bear.

1. Một trong bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh.

2. One of the seven Sisters, or a Pleiad.

2. Một trong bảy Chị Em, hay một ngôi sao Thất Nữ Tinh.

3. The Heavenly Man of our scheme.

3. Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta.

483. This cosmic triangle (or rather a maladjustment within this triangle) is, we are told, responsible for the cosmic evil which overflows our Earth.

483. Tam giác vũ trụ này (hay đúng hơn là một sự mất điều chỉnh trong tam giác này) được cho biết là chịu trách nhiệm về điều ác vũ trụ tràn ngập Trái Đất của chúng ta.

484. We are being presented with a vast picture of devic resonance and interdependency. We see that the Law of Vibration as it demonstrates on our planet, and which has to do with action and reaction within devic substance, reflects relationships are not only interplanetary but cosmic as well.

484. Chúng ta đang được trình bày một bức tranh rộng lớn về sự cộng hưởng và phụ thuộc lẫn nhau của giới thiên thần. Chúng ta thấy rằng Định luật Rung động khi biểu lộ trên hành tinh chúng ta, và có liên quan đến hành động và phản ứng bên trong chất liệu thiên thần, phản ánh những mối liên hệ không chỉ liên hành tinh mà còn vũ trụ nữa.

This interplay will be threefold

Sự tương tác này sẽ là tam phân

485. We are speaking of a threefold *cosmic* interplay.

485. Chúng ta đang nói về một sự tương tác *vũ trụ* tam phân.

and as far as we are concerned just now will involve a transmission of life force through the atomic matter of our planes, circulating in deva substance.

và trong chừng mực chúng ta đang quan tâm lúc này, nó sẽ bao hàm một sự truyền dẫn sinh lực qua vật chất nguyên tử của các cõi chúng ta, lưu chuyển trong chất liệu thiên thần.

486. Life force circulates in devic substance —especially through the atomic matter of our planes. Via atomic matter of the various systemic atomic subplanes, a great matrix of planetary, extra-planetary and cosmic energies can be and, in fact, *are* interconnected.

486. Sinh lực lưu chuyển trong chất liệu thiên thần—đặc biệt qua vật chất nguyên tử của các cõi chúng ta. Qua vật chất nguyên tử của các cõi phụ nguyên tử khác nhau của hệ thống, một ma trận lớn của các năng lượng hành tinh, ngoài hành tinh và vũ trụ có thể được, và trên thực tế *đang* được, liên kết với nhau.

487. The information given here can be related to the modus operandi of esoteric astrology, dependent as it is on systemic and cosmic etheric circulations of energies and forces.

487. Thông tin được đưa ra ở đây có thể được liên hệ với phương thức hoạt động của Chiêm Tinh Học Nội Môn, vốn phụ thuộc vào các sự lưu chuyển năng lượng và mãnh lực dĩ thái của hệ thống và của vũ trụ.

This will materially affect certain types of humanity more than others, according to their ray and nature, and this effect will demonstrate in [Page 658] a vivification of the spirillae of the permanent atoms and of the centres.

Điều này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến một số loại nhân loại hơn những loại khác, tùy theo cung và bản chất của họ, và ảnh hưởng này sẽ biểu lộ trong [Page 658] sự làm sống động các loa tuyến của các nguyên tử trường tồn và của các trung tâm.

488. We are dealing with an exact occult science. Although the relations described are even cosmic in extent, they affect the microcosm man in certain specific ways.

488. Chúng ta đang bàn đến một khoa học huyền bí chính xác. Mặc dù các mối liên hệ được mô tả có phạm vi thậm chí là vũ trụ, chúng vẫn ảnh hưởng đến tiểu thiên địa con người theo một số cách đặc thù.

489. We are gathering some small idea of the great importance of these esoteric, Group A. Agnichaitans. They are powerful receivers and transmitters and bring the cosmos into our planetary system and into the microcosmic participants within that system.

489. Chúng ta đang thu thập được một ý niệm nhỏ nào đó về tầm quan trọng lớn lao của những Agnichaitans huyền bí này thuộc Nhóm A. Họ là những bộ phận tiếp nhận và truyền dẫn mạnh mẽ, và đưa vũ trụ vào hệ hành tinh của chúng ta và vào những thành phần tham dự vi mô bên trong hệ ấy.

490. If we have wondered about the sources of energy which reach our Earth and man, and the means of transmission, much, in principle, is revealed by this account of the functions and interplay of various types of Agnichaitans from various sources—systemic and cosmic.

490. Nếu chúng ta từng tự hỏi về các nguồn năng lượng đến với Trái Đất và con người, và về các phương tiện truyền dẫn, thì nhiều điều, về nguyên tắc, được tiết lộ qua bản tường thuật này về các chức năng và sự tương tác của nhiều loại Agnichaitans khác nhau từ nhiều nguồn khác nhau—thuộc hệ thống và thuộc vũ trụ.

491. A picture of interdependency, cosmic in scope, has been presented.

491. Một bức tranh về sự phụ thuộc lẫn nhau, có tầm mức vũ trụ, đã được trình bày.

492. Thus far, we have discussed only Agnichaitans (the devas of the cosmic physical plane) when considering this type of devic life from the cosmic perspective. We have yet to discuss the Agnisuryans related not only the cosmic physical plane physical plane but to the cosmic astral plane, and Agnishvattas, related, again, not only to the cosmic physical plane, but to the cosmic mental plane.

492. Cho đến nay, chúng ta mới chỉ bàn đến Agnichaitans (các thiên thần của cõi hồng trần vũ trụ) khi xem xét loại sự sống thiên thần này từ góc độ vũ trụ. Chúng ta vẫn còn phải bàn đến các Agnisuryans liên hệ không chỉ với cõi hồng trần vũ trụ mà còn với cõi cảm dục vũ trụ, và Agnishvattas, lại một lần nữa, liên hệ không chỉ với cõi hồng trần vũ trụ mà còn với cõi trí vũ trụ.

TCF 658 - 668: S6S8 Part I

8 - 23 January 2008

8 - 23 tháng Giêng 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. So please read an entire paragraph and then study the analysis.

Người ta gợi ý rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. Vì vậy xin hãy đọc

trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích.

Agnisuryans—Astral Plane Devas.

Agnisuryans—Các thiên thần cõi cảm dục.

We start here upon a consideration of those groups of devas who are the substance of the astral plane, the Agnisuryans.

Ở đây chúng ta bắt đầu xem xét những nhóm thiên thần là chất liệu của cõi cảm dục, tức các Agnisuryans.

1. We are to remember that this group of devas is also found on the buddhic plane.

1. Chúng ta cần nhớ rằng nhóm thiên thần này cũng được tìm thấy trên cõi Bồ đề.

They may be considered in the following manner, and by the employment of synonymous terms, some general idea of their function may be arrived at before we begin to differentiate them into groups

Chúng có thể được xem xét theo cách sau đây, và bằng việc sử dụng các thuật ngữ đồng nghĩa, có thể đạt được một ý niệm tổng quát nào đó về chức năng của chúng trước khi chúng ta bắt đầu biệt phân chúng thành các nhóm

2. The principle of order is required in this exacting study. The devas are typified by orderly action and a correct approach to understanding them will have to body done in an orderly manner.

2. Nguyên lý trật tự là điều cần thiết trong công trình nghiên cứu đòi hỏi chính xác này. Các thiên thần được tiêu biểu bởi hành động có trật tự và một cách tiếp cận đúng đắn để thấu hiểu họ sẽ phải được thực hiện một cách có trật tự.

and study their relation to:

và nghiên cứu mối liên hệ của chúng với:

1. The various entities who are the soul of the differing kingdoms, or groups, such as the animal kingdom, the human kingdom, and higher in the scale of consciousness than men—the planetary Logos.

1. Các thực thể khác nhau là linh hồn của các giới khác nhau, hay các nhóm, chẳng hạn như giới động vật, giới nhân loại, và cao hơn trên thang tâm thức so với những người nam và nữ—Hành Tinh Thượng Đế.

3. We will study the relation of the Agnisuryans to great ensouling Entities—i.e., in relation to the ensouling consciousness of groups.

3. Chúng ta sẽ nghiên cứu mối liên hệ của các Agnisuryans với các Thực Thể phú linh vĩ đại—tức là, trong mối liên hệ với tâm thức phú linh của các nhóm.

2. Man himself.

2. Chính con người.

4. This is man considered as the microcosm.

4. This is man considered as a microcosm.

4. Đây là con người được xét như tiểu thiên địa.

5. The manifestation of man is inseparable from his interplay with the deva kingdom.

5. Sự biểu hiện của con người không thể tách rời khỏi sự tương tác của y với giới thiên thần.

3. The plane as a totality.

3. Cõi như một toàn thể.

6. We may be considering the astral plane or other planes in relation to the astral plane.

6. Chúng ta có thể đang xem xét cõi cảm dục hoặc các cõi khác trong tương quan với cõi cảm dục.

7. The evolutionary devas we are considering are the *positive* forces of the planes.

7. Các thiên thần thăng thượng tiến hoá mà chúng ta đang xét đến là những mãnh lực *tích cực* của các cõi.

We might consider these devas:

Chúng ta có thể xem xét các thiên thần này:

First, as the substance of the astral plane in its seven grades.

Thứ nhất, như chất liệu của cõi cảm dục trong bảy cấp độ của nó.

8. Each systemic subplane *is* distinct grade of substance. There are seven systemic subplanes in one systemic plane.

8. Mỗi cõi phụ hệ thống *là* một cấp độ chất liệu riêng biệt. Có bảy cõi phụ hệ thống trong một cõi hệ thống.

9. The Agnisuryans are particularly the energy-force-substance of the astral plane. They are not, however, the involutionary, elemental essence of that plane.

9. Các Agnisuryan đặc biệt là năng lượng-mãnh lực-chất liệu của cõi cảm dục. Tuy nhiên, các vị ấy không phải là tinh chất hành khí giáng hạ tiến hoá của cõi đó.

Second, as that aspect of logoic manifestation which corresponds to the liquid subplane in the systemic physical plane.

Thứ hai, như phương diện của biểu hiện logoic tương ứng với cõi phụ lỏng trong cõi hồng trần hệ thống.

10. The systemic astral plane is the liquid subplane of the *cosmic* physical plane. When we think in strictly *systemic* terms and look for the liquid subplane of the systemic physical plane, our focus is upon the subplane above the lowest of the forty-nine

10. Cõi cảm dục hệ thống là cõi phụ lỏng của cõi hồng trần *vũ trụ*. Khi chúng ta suy nghĩ theo những thuật ngữ hoàn toàn *hệ thống* và tìm cõi phụ lỏng của cõi hồng trần hệ thống, sự chú ý của chúng ta đặt vào cõi phụ ở trên cõi thấp nhất trong bốn mươi chín cõi phụ

systemic sub-planes—either the second subplane or the forty-eighth depending on whether one is counting from below or above.

hệ thống—hoặc là cõi phụ thứ hai hoặc cõi phụ thứ bốn mươi tám tùy theo việc người ta đếm từ dưới lên hay từ trên xuống.

11. DK is telling us that the astral plane (in which the Agnisuryans are the positive devic substance) is a liquid plane and corresponds (cosmically and logoically) to the liquidity of the sixth subplane (counting from above) on the solar systemic physical plane.

11. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng cõi cảm dục (trong đó các Agnisuryan là chất liệu thiên thần tích cực) là một cõi lỏng và tương ứng (về mặt vũ trụ và logoic) với tính lỏng của cõi phụ thứ sáu (đếm từ trên xuống) trên cõi hồng trần hệ mặt trời.

12. The word "substance" is sometimes difficult to understand. It can mean

12. Từ "chất liệu" đôi khi khó hiểu. Nó có thể có nghĩa là

a. Essential Being, as in the ABSOLUTE DEITY is the ONLY SUBSTANCE—THAT WHICH SUBSTANDS ALL-

a. Bản Thể cốt yếu, như trong THƯỢNG ĐẾ TUYỆT ĐỐI là CHẤT LIỆU DUY NHẤT—ĐIỀU NÂNG ĐỠ TẤT CẢ—

b. Energy substanding force

b. Năng lượng làm nền cho mãnh lực

c. Force substanding matter

c. Mãnh lực làm nền cho vật chất

d. Matter

d. Vật chất

13. When we encounter the word "substance" in discussing the devas we have to think of it principally as energy-force.

13. Khi gặp từ "chất liệu" trong khi bàn đến các thiên thần, chúng ta phải nghĩ về nó chủ yếu như năng lượng-mãnh lực.

Third, as the vehicle of the deva lord Varuna.

Thứ ba, như vận cụ của thiên thần chúa tể Varuna.

14. Each of the subplanes of the cosmic physical plane is ruled by a great Deva Lord —a Raja Deva Lord. We are not given the names of these system-wide Raja Deva Lords.

14. Mỗi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều do một Đại Thiên Thần Chúa Tể cai quản—một Raja Deva Lord. Chúng ta không được cho biết tên của các Raja Deva Lord trên phạm vi hệ thống này.

15. The Lord Varuna is the Raja Deva Lord of the systemic astral plane of our Planetary Logos. The Lord Varuna (allied to Neptune)

15. Đức Chúa Tể Varuna là Raja Deva Lord của cõi cảm dục hệ thống của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Đức Chúa Tể

uses the Agnisuryans as His vehicle of expression.

16. Above Him stand the Solar Lord of the system-wide astral plane and the Cosmic Lord of the cosmic astral vehicle of the Solar Logos.

Fourth, as the animating lives of that involutionary matter of the astral plane which we call the elemental essence, and as the **vitality** energising the desire elementals of all that is sentient.

14. Let us be clear—the Agnisuryans are not the involutionary matter of the astral plane called "elemental essence".

15. Rather, the Agnisuryans are the "vitality energizing the desire elementals of all that is sentient".

16. We may say that the (lower) Agnisuryans, though unconscious, are on the evolutionary path and the elemental essence of the astral plane (the desire elementals) is not.

Viewed in this aspect in connection especially with man, they are the correspondence on the astral plane to the "devas of the shadows," **for the desire bodies of all human beings are composed of matter of the second, third and fourth subplanes of the astral plane.**

17. The "devas of the shadows" are found, apparently, on all the four systemic ethers of the etheric-physical plane. Thus, we may infer because they are described in four classes of four differing shakes of violet.

Varuna (liên kết với Sao Hải Vương) dùng các Agnisuryan làm vận cụ biểu hiện của Ngài.

16. Trên Ngài còn có Đức Chúa Tể Thái Dương của cõi cảm dục toàn hệ thống và Đức Chúa Tể Vũ Trụ của vận cụ cảm dục vũ trụ của Thái dương Thượng đế.

Thứ tư, như các sự sống linh hoạt hóa thứ vật chất giáng hạ tiến hoá của cõi cảm dục mà chúng ta gọi là tinh chất hành khí, và như **sinh lực** tiếp năng lượng cho các hành khí dục vọng của mọi hữu thể có tri giác.

14. Chúng ta hãy làm rõ—các Agnisuryan không phải là vật chất giáng hạ tiến hoá của cõi cảm dục được gọi là "tinh chất hành khí".

15. Đúng hơn, các Agnisuryan là "sinh lực tiếp năng lượng cho các hành khí dục vọng của mọi hữu thể có tri giác".

16. Chúng ta có thể nói rằng các Agnisuryan (thấp), dù vô thức, vẫn ở trên đường thăng thượng tiến hoá, còn tinh chất hành khí của cõi cảm dục (các hành khí dục vọng) thì không.

Xét trong phương diện này, đặc biệt liên hệ với con người, chúng là sự tương ứng trên cõi cảm dục với "các thiên thần của bóng tối," **vì các thể dục vọng của mọi con người đều được cấu tạo bằng vật chất của các cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư của cõi cảm dục.**

17. "Các thiên thần của bóng tối" dường như được tìm thấy trên cả bốn dĩ thái hệ thống của cõi dĩ thái-hồng trần. Vì vậy, chúng ta có thể suy ra điều đó vì chúng được mô tả thành bốn loại với bốn sắc tím khác nhau.

18. However, it appears that the astral bodies of *all* human beings are composed of matter of the second, third and fourth subplanes of the astral plane.

19. This is somewhat surprising, as only the sixth and seventh subplanes of the astral plane are considered inappropriate for the human constitution and for human focus and the fifth astral subplane (counting from above) is *not.*

20. In this connection, the following references must be compared as it seems to give an alternative indication:

Another cause of difference can be due to the polarization of the bodies. Unless this too meets with recognition in dealing with people lack of comprehension ensues. When you use the term: "a man polarized in his astral body"—you really mean a man whose ego works principally through that vehicle. Polarity indicates the clarity of the channel. Let me illustrate. The ego of the average [Page 113] man has its home on the third sub-plane of the mental plane. If a man has an astral vehicle largely composed of third sub-plane astral matter, and a mental vehicle mostly on the fifth sub-plane, the ego will centre his endeavour on the astral body**. If he has a mental body of fourth sub-plane matter and an astral body of fifth sub-plane, the polarization will be mental.** (TWM 112)

18. Tuy nhiên, dường như các thể cảm dục của *mọi* con người đều được cấu tạo bằng vật chất của các cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư của cõi cảm dục.

19. Điều này có phần đáng ngạc nhiên, vì chỉ các cõi phụ thứ sáu và thứ bảy của cõi cảm dục mới được xem là không thích hợp cho cấu tạo con người và cho sự tập trung của con người, còn cõi phụ cảm dục thứ năm (đếm từ trên xuống) thì *không phải.*

20. Trong mối liên hệ này, các trích dẫn sau đây phải được so sánh vì dường như chúng đưa ra một chỉ dẫn thay thế:

Một nguyên nhân khác của sự khác biệt có thể là do sự phân cực của các thể. Trừ phi điều này cũng được thừa nhận khi đề cập đến con người, nếu không sẽ nảy sinh sự thiếu thấu hiểu. Khi bạn dùng thuật ngữ: "một người phân cực trong thể cảm dục của y"—thì bạn thực sự muốn nói một người mà chân ngã hoạt động chủ yếu qua vận cụ đó. Sự phân cực chỉ ra độ trong suốt của kênh dẫn. Hãy để tôi minh họa. Chân ngã của người trung bình [Page 113] có nơi cư ngụ trên cõi phụ thứ ba của cõi trí. Nếu một người có vận cụ cảm dục được cấu tạo phần lớn bằng vật chất cảm dục cõi phụ thứ ba, và một vận cụ trí tuệ phần lớn ở cõi phụ thứ năm, thì chân ngã sẽ tập trung nỗ lực của y vào thể cảm dục**. Nếu y có một thể trí bằng vật chất cõi phụ thứ tư và một thể cảm dục thuộc cõi phụ thứ năm, thì sự phân cực sẽ là trí tuệ.** (TWM 112)

Counting, therefore, from the bottom upwards it is only the third subplane on the physical and the astral planes which mark the commencement of human effort, leaving five subplanes to be subdued. (TCF 188)

Vì vậy, khi đếm từ dưới lên trên, chỉ cõi phụ thứ ba trên cõi hồng trần và cõi cảm dục mới đánh dấu sự khởi đầu của nỗ lực con người, để lại năm cõi phụ cần được chế ngự. (TCF 188)

When it is realised that the physical body is not a principle but that the kama-manasic principle (or desire-mind principle) is one of the most vital to man then the period or cycle in which **a man functions on the fifth subplane of the astral** (the fundamentally kama-manasic plane) will assume its rightful place. (TCF 303)

Khi chứng nghiệm được rằng thể xác không phải là một nguyên khí mà nguyên khí trí-cảm (hay nguyên khí dục vọng-trí tuệ) lại là một trong những nguyên khí thiết yếu nhất đối với con người, thì thời kỳ hay chu kỳ trong đó **một người hoạt động trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục** (cõi căn bản là trí-cảm) sẽ đảm nhận vị trí đúng đắn của nó. (TCF 303)

Etc.

Vân vân.

21. It is clear that the fifth sub-plane in this instance is reached counting from above to below. The fifth subplane is lower than the fourth which reveals that the fifth does not really mean the third.

21. Rõ ràng trong trường hợp này cõi phụ thứ năm được đạt đến khi đếm từ trên xuống dưới. Cõi phụ thứ năm thấp hơn cõi thứ tư, điều này cho thấy rằng cõi thứ năm thực sự không có nghĩa là cõi thứ ba.

22. We appear to have a contradiction. When DK writes of "all human beings" does He seek to distinguish the *human* being from the more *animal* type of man? This could be one explanation. Yet, kama-manas is not a principle for animalistic man. His manas is too undeveloped.

22. Dường như chúng ta có một mâu thuẫn. Khi Chân sư DK viết về "mọi con người", Ngài có tìm cách phân biệt hữu thể *nhân loại* với kiểu người *thú tính* hơn chăng? Đây có thể là một cách giải thích. Tuy nhiên, kama-manas không phải là một nguyên khí đối với người còn thú tính. Manas của y còn quá kém phát triển.

23. In any case, it is clear, from some references at least, that some human beings have a majority of fifth subplane astral substance in their astral bodies.

23. Dù sao đi nữa, từ ít nhất một số trích dẫn, rõ ràng là một số con người có đa số chất liệu cảm dục cõi phụ thứ năm trong các thể cảm dục của họ.

24. Interestingly, on the astral plane, the fourth through first subplanes constitute what we can call the 'astral ethers'. All systemic planes have a portion of their

24. Điều đáng chú ý là trên cõi cảm dục, các cõi phụ từ thứ tư đến thứ nhất cấu thành điều mà chúng ta có thể gọi là các "dĩ thái cảm dục". Mọi cõi hệ thống đều có một phần

subplane structure which corresponds to the etheric subplanes of the etheric-physical plane. On such subplanes of the various systemic planes, the chakras of those systemic planes are found. (CF Chart VII, TCF, 817)

trong cấu trúc cõi phụ của chúng tương ứng với các cõi phụ dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần. Trên các cõi phụ như thế của những cõi hệ thống khác nhau, các luân xa của những cõi hệ thống ấy được tìm thấy. (CF Chart VII, TCF, 817)

25. An initiate of the fourth degree has an astral body composed mostly or even entirely of atomic matter. Why, then, is the first subplane of the astral plane eliminated when describing the astral bodies of human beings? Is it because once a person has one hundred percent astral atomic subplane matter in his astral vehicle, he is no longer to be considered a *human* being? This is most unlikely, as even an Master of the Wisdom is considered a human being.

25. Một điểm đạo đồ cấp bốn có thể cảm dục được cấu tạo phần lớn hoặc thậm chí hoàn toàn bằng vật chất nguyên tử. Vậy thì tại sao cõi phụ thứ nhất của cõi cảm dục lại bị loại ra khi mô tả các thể cảm dục của con người? Có phải vì một khi một người có một trăm phần trăm vật chất cõi phụ nguyên tử cảm dục trong vận cụ cảm dục của y, thì y không còn được xem là một hữu thể *nhân loại* nữa chăng? Điều này rất khó có thể đúng, vì ngay cả một Chân sư Minh triết cũng được xem là một con người.

26. Sometimes, given what we know and our present interpretations of what is written, it is impossible to resolve the contradictions we think we perceive.

26. Đôi khi, với những gì chúng ta biết và với các diễn giải hiện nay của chúng ta về điều đã được viết ra, không thể giải quyết được những mâu thuẫn mà chúng ta nghĩ là mình nhận thấy.

This is a point which should be closely considered, and the analogy between the etheric body, the vehicle of prana vitalising the dense physical, and [Page 659] man's astral body, and the method of its vitalisation will be found illuminating.

Đây là một điểm cần được xem xét kỹ lưỡng, và sự tương đồng giữa thể dĩ thái, vận cụ của prana tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc, và [Page 659] thể cảm dục của con người, cùng phương pháp tiếp sinh lực cho nó, sẽ được thấy là soi sáng.

27. If the higher four planes of the etheric-physical plane vitalize the lower three, “dense” subplanes, can we say that the higher four ‘etheric’ subplanes of the systemic astral plane vitalize the lower three (which then would be considered astrally ‘dense’? It is certainly true that the higher *three* mental subplanes vitalize the lower four. The fourth mental subplane is in an ambiguous position.

27. Nếu bốn cõi cao hơn của cõi dĩ thái-hồng trần tiếp sinh lực cho ba cõi phụ “đậm đặc” thấp hơn, thì chúng ta có thể nói rằng bốn cõi phụ “dĩ thái” cao hơn của cõi cảm dục hệ thống tiếp sinh lực cho ba cõi thấp hơn (khi đó sẽ được xem là “đậm đặc” về cảm dục) chăng? Chắc chắn là đúng khi ba cõi phụ trí tuệ cao hơn tiếp sinh lực cho bốn cõi thấp hơn. Cõi phụ trí tuệ thứ tư ở vào một vị trí mơ hồ.

28. Are the higher four subplanes of *any* systemic plane the most *pranically sensitive* of the seven subplanes of any systemic plane.

28. Liệu bốn cõi phụ cao hơn của *bất kỳ* cõi hệ thống nào có phải là những cõi *nhạy cảm prana nhất* trong bảy cõi phụ của bất kỳ cõi hệ thống nào không.

29. We can look for parallels between the etheric nature and the astral nature, especially if we focus on the higher three or four subplanes of the astral plane.

29. Chúng ta có thể tìm những điểm song hành giữa bản chất dĩ thái và bản chất cảm dục, đặc biệt nếu tập trung vào ba hoặc bốn cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục.

30. In both cases however, it is difficult to find any good reason why the atomic astral plane (etheric or astral) should be excluded from our consideration.

30. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, thật khó tìm được bất kỳ lý do xác đáng nào giải thích vì sao cõi nguyên tử cảm dục (dĩ thái hay cảm dục) lại bị loại khỏi sự xem xét của chúng ta.

31. For one thing the head center of all human beings is located in the atomic etheric solar plexus. This should be analogically true of the astral head center.

31. Trước hết, trung tâm đầu của mọi con người nằm trong tùng thái dương dĩ thái nguyên tử. Điều này theo phép tương đồng cũng phải đúng đối với trung tâm đầu cảm dục.

32. As well, a translucent lavender is given as the color of those devas of the shadows who inhabit the etheric atomic subplane. So man definitely uses all four systemic ethers. Why not all four of the higher astral subplanes of the systemic astral plane?

32. Ngoài ra, màu oải hương trong suốt được nêu là màu của những thiên thần của bóng tối cư ngụ trên cõi phụ nguyên tử dĩ thái. Vì vậy con người chắc chắn sử dụng cả bốn dĩ thái hệ thống. Vậy tại sao không phải cả bốn cõi phụ cảm dục cao hơn của cõi cảm dục hệ thống?

33. In other words, if we are to analogize from the four systemic ethers to the four higher subplanes of the astral plane, there should be a one-to-one correspondence and the highest astral subplane should not be left out of the picture.

33. Nói cách khác, nếu chúng ta suy theo phép tương đồng từ bốn dĩ thái hệ thống sang bốn cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục, thì phải có một sự tương ứng một-một, và cõi phụ cảm dục cao nhất không nên bị bỏ ra ngoài bức tranh.

34. When apparent contradictions of this nature seem to appear, we must simply suspend judgment until we know more.

34. Khi những mâu thuẫn bề ngoài thuộc loại này dường như xuất hiện, chúng ta đơn giản phải đình chỉ phán đoán cho đến khi biết nhiều hơn.

Fifth, from the standpoint of the physical plane, as the sumtotal of **material activity** (even though subjective) which produces that which is tangible and objective.

Thứ năm, từ quan điểm của cõi hồng trần, như tổng số của **hoạt động vật chất** (dù là chủ quan) tạo ra điều hữu hình và khách quan.

35. DK is telling us that the Agnisuryans (who are subjectively "material" because they are part of the *dense* physical plane of the Planetary Logos and Solar Logos) are a form of "material activity" which produces that which is tangible and objective on the outer physical plane.

35. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các Agnisuryan (vốn "vật chất" một cách chủ quan vì chúng là một phần của cõi hồng trần *đậm đặc* của Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế) là một dạng "hoạt động vật chất" tạo ra điều hữu hình và khách quan trên cõi hồng trần bên ngoài.

36. He justifies this (below) by tracing objectivity to desire (which the Agnisuryans embody).

36. Ngài biện minh cho điều này (ở dưới) bằng cách truy nguyên tính khách quan về dục vọng (điều mà các Agnisuryan thể hiện).

37. Let us remember that from the cosmic perspective of the Solar Logos (and also the Planetary Logos), the activity of the Agnisuryans takes place within the liquid aspect of His *dense* physical body and is thus "material activity".

37. Chúng ta hãy nhớ rằng từ quan điểm vũ trụ của Thái dương Thượng đế (và cả Đức Hành Tinh Thượng Đế), hoạt động của các Agnisuryan diễn ra trong phương diện lỏng của thể hồng trần *đậm đặc* của Ngài và do đó là hoạt động "vật chất".

38. Note the use of the word "subjective" here. In esotericism the term "subjective" (in contradistinction to its use in modern psychology) is usually used to refer to the soul level, but here it is used in relation to one of the "subtle" bodies. This may be important to consider when we come to defining the nature and 'location' of the "subjective Sun"

38. Hãy lưu ý việc dùng từ "chủ quan" ở đây. Trong huyền bí học, thuật ngữ "chủ quan" (đối lập với cách dùng của nó trong tâm lý học hiện đại) thường được dùng để chỉ cấp độ linh hồn, nhưng ở đây nó được dùng liên hệ với một trong các thể "vi tế". Điều này có thể quan trọng để xem xét khi chúng ta đi đến việc xác định bản chất và "vị trí" của "Mặt Trời chủ quan"

Just as the solar system is a "Son of Necessity," or of desire, **so the physical bodies of all that exist are the product of the desire of some greater or lesser entity within the system.**

Cũng như hệ mặt trời là một "Con của Tất Yếu", hay của dục vọng, **thì thể xác của mọi hữu thể hiện hữu đều là sản phẩm của dục vọng của một thực thể lớn hơn hay nhỏ hơn nào đó trong hệ thống.**

39. Physical bodies are the product of desire. It is interesting that the sacral center (which

39. Các thể xác là sản phẩm của dục vọng. Điều đáng chú ý là trung tâm xương cùng

produces physical bodies) has six petals—the number six corresponding to the sixth ray and to the form-making activity of the sacral center.

(vốn tạo ra các thể xác) có sáu cánh hoa—con số sáu tương ứng với cung sáu và với hoạt động tạo hình tướng của trung tâm xương cùng.

40. In some respects, the number *six* is considered the number of form.

40. Trong một số phương diện, số *sáu* được xem là con số của hình tướng.

41. We cannot, it seems, divorce physicality from astrality. The planet Mars is powerfully involved in both materiality and the desire which produces material conditions.

41. Dường như chúng ta không thể tách tính hồng trần khỏi tính cảm dục. Hành tinh Sao Hỏa can dự mạnh mẽ vào cả tính vật chất lẫn dục vọng tạo ra các điều kiện vật chất.

It might be apposite here to point out the lines along which energy—whether manasic, pranic, or astral—enters the system and reaches a particular plane, thus finding its way to all units of consciousness, from an atom to a solar Logos.

Ở đây có lẽ thích hợp để chỉ ra những đường lối mà năng lượng—dù là manas, prana hay cảm dục—đi vào hệ thống và đến một cõi nhất định, nhờ đó tìm đường đến mọi đơn vị tâm thức, từ một nguyên tử đến một Thái dương Thượng đế.

42. DK is an expert in tracing lines of energy transmission. Much can be learned from these lines. They can be meditatively and imaginatively utilized to promote enhanced energy flows. In the section on the Techniques of Fusion in EP II, He does just this.

42. Chân sư DK là bậc chuyên gia trong việc truy vết các đường truyền dẫn năng lượng. Có thể học được rất nhiều từ các đường này. Chúng có thể được sử dụng trong tham thiền và bằng sự tưởng tượng để thúc đẩy các dòng năng lượng tăng cường. Trong phần về Kỹ Thuật Dung Hợp trong EP II, Ngài làm đúng như vậy.

The dense physical plane itself is energised via:

Bản thân cõi hồng trần đậm đặc được tiếp năng lượng qua:

a. The planetary etheric body.

a. Thể dĩ thái hành tinh.

b. The mental plane, or the cosmic gaseous subplane.

b. Cõi trí, hay cõi phụ khí vũ trụ.

c. The atmic plane, or the third cosmic ether.

c. Cõi atma, hay dĩ thái vũ trụ thứ ba.

d. The plane of adi, or the first cosmic ether.

d. Cõi adi, hay dĩ thái vũ trụ thứ nhất.

43. Here is the 1—3—5—7 line of energizing. When tracing lines of energy downflow or inflow, numerical resonance is definitely to be considered.

43. Đây là đường tiếp năng lượng 1—3—5—7. Khi truy các đường năng lượng tuôn xuống hay chảy vào, cộng hưởng số học chắc chắn cần được xem xét.

44. We note that in this context DK is putting the systemic planes in a *cosmic* context. Thus the highest systemic planes of our cosmic physical plane become *ethers.*

44. Chúng ta lưu ý rằng trong ngữ cảnh này Chân sư DK đang đặt các cõi hệ thống vào một bối cảnh *vũ trụ*. Vì vậy các cõi hệ thống cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta trở thành các *dĩ thái.*

and inferentially (by means of the logoic permanent atom) a similar flow of force enters from cosmic levels.

và theo suy luận (nhờ nguyên tử trường tồn logoic) một dòng mãnh lực tương tự đi vào từ các cấp độ vũ trụ.

45. This entry from cosmic levels would, presumably, also occur along a hard-line concatenation.

45. Có lẽ sự đi vào này từ các cấp độ vũ trụ cũng sẽ xảy ra dọc theo một chuỗi nối kết tuyến tính chặt chẽ.

46. We can infer that the cosmic mental plane would be involved in this downflow from cosmic planes, and one could attempt to trace still higher cosmic planar sources.

46. Chúng ta có thể suy ra rằng cõi trí vũ trụ sẽ can dự vào dòng tuôn xuống này từ các cõi vũ trụ, và người ta có thể cố gắng truy tìm những nguồn cõi vũ trụ còn cao hơn nữa.

47. When it comes to dealing with the actualities of the cosmic planes, inference is the only tool we have.

47. Khi bàn đến các thực tại của các cõi vũ trụ, suy luận là công cụ duy nhất chúng ta có.

The astral plane is energised via:

Cõi cảm dục được tiếp năng lượng qua:

a. The buddhic plane, the fourth cosmic ether.

a. Cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư.

b. The monadic plane, the second cosmic ether.

b. Cõi chân thần, dĩ thái vũ trụ thứ hai.

c. **The cosmic astral plane, and thus to the Heart of all Being.**

c. **Cõi cảm dục vũ trụ, và do đó đến Trái Tim của mọi Bản Thể.**

48. The line of descent is along the 2—4—6 line.

48. Đường giáng hạ đi theo tuyến 2—4—6.

49. DK seems to relate the cosmic astral plane to the "Heart of all Being". Is that "Heart" to be found 'there' or within the causal body of the Solar Logos—the Heart of the Sun.

The mental plane is energised via:

a. The atmic plane, the third cosmic ether.

b. The plane adi, the first cosmic ether.

c. The cosmic mental plane, beyond which it is unnecessary for us to go.

50. Again, the line is determined by numerical resonance.

51. The connection between the cosmic mental plane and the adic plane is to be remembered. There is much of what we interpret as *will* descending from the cosmic mental plane, thus to see the plane of adi in line with this descent is reasonable.

52. DK rarely discusses anything beyond the cosmic mental plane. Chart V (TCF 344) takes us (visually and symbolically) beyond the cosmic mental plane, as does a mention of the cosmic buddhic plane and cosmic buddhi (TCF 1162) but the direct references are rare.

53. We can understand why this must be the case; the great majority of us are not even conscious on the higher levels of the *systemic* mental plane.

It will be noted by the careful student that these planes might be looked at in

49. Chân sư DK dường như liên hệ cõi cảm dục vũ trụ với "Trái Tim của mọi Bản Thể". "Trái Tim" đó được tìm thấy 'ở đó' hay trong thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế —Trái Tim của Mặt Trời.

Cõi trí được tiếp năng lượng qua:

a. Cõi atma, dĩ thái vũ trụ thứ ba.

b. Cõi adi, dĩ thái vũ trụ thứ nhất.

c. Cõi trí vũ trụ, vượt quá đó thì chúng ta không cần đi xa hơn.

50. Một lần nữa, đường này được xác định bởi cộng hưởng số học.

51. Cần ghi nhớ mối liên hệ giữa cõi trí vũ trụ và cõi adi. Có nhiều điều mà chúng ta diễn giải là *ý chí* giáng xuống từ cõi trí vũ trụ, vì vậy việc thấy cõi adi nằm trên cùng tuyến với sự giáng xuống này là hợp lý.

52. Chân sư DK hiếm khi bàn đến bất cứ điều gì vượt quá cõi trí vũ trụ. Biểu đồ V (TCF 344) đưa chúng ta (về mặt thị giác và biểu tượng) vượt quá cõi trí vũ trụ, cũng như một chỗ nhắc đến cõi Bồ đề vũ trụ và Bồ đề vũ trụ (TCF 1162), nhưng các dẫn chiếu trực tiếp thì hiếm.

53. Chúng ta có thể hiểu vì sao phải như vậy; đại đa số chúng ta thậm chí còn chưa có ý thức trên các cấp độ cao hơn của cõi trí *hệ thống*.

Cần lưu ý rằng đối với đạo sinh cẩn trọng, các cõi này có thể được xem xét trong liên hệ

connection with the three worlds [Page 660] as demonstrating two types of force,

—first, a force which tends to differentiation such as on the mental plane (the **plane of inherent separation**) and on the physical plane (the plane of **actual** separation);

54. The force which tends to differentiation obviously involves the odd numbered planes.

55. The name used for the mental plane is arresting—"the plane of inherent separation".

56. The seeds of separation which are actualized on the physical plane are sown on the mental plane.

secondly, a force which tends to unity, such as on the astral plane, and on **the plane of essential harmony**, the buddhic plane.

57. Planes on the even line of energy are planes of unity.

58. We are given an excellent name for the buddhic plane: "the plane of essential harmony". By the time consciousness is focussed on the buddhic plane, conflict (in the ordinary human sense) has been superseded.

59. Harmony is considered the higher aspect of the fourth ray and conflict, the lower.

It must be remembered that we are considering force as it flows through, or permeates, deva substance.

với ba cõi giới [Page 660] như biểu lộ hai loại mãnh lực,

—thứ nhất, một mãnh lực có khuynh hướng dẫn đến biến phân như trên cõi trí (**cõi của sự phân ly cố hữu**) và trên cõi hồng trần (cõi của sự phân ly **thực sự**);

54. Mãnh lực có khuynh hướng dẫn đến biến phân rõ ràng liên quan đến các cõi mang số lẻ.

55. Tên dùng cho cõi trí thật đáng chú ý —"cõi của sự phân ly cố hữu".

56. Những hạt giống của sự phân ly được hiện thực hóa trên cõi hồng trần được gieo trên cõi trí.

thứ hai, một mãnh lực có khuynh hướng dẫn đến hợp nhất, như trên cõi cảm dục, và trên **cõi của sự hài hòa cốt yếu**, cõi Bồ đề.

57. Các cõi nằm trên tuyến năng lượng chẵn là các cõi của hợp nhất.

58. Chúng ta được cho một tên gọi rất hay cho cõi Bồ đề: "cõi của sự hài hòa cốt yếu". Đến khi tâm thức được tập trung trên cõi Bồ đề, xung đột (theo nghĩa thông thường của con người) đã bị vượt qua.

59. Sự hài hòa được xem là phương diện cao hơn của cung bốn, còn xung đột là phương diện thấp hơn.

Cần nhớ rằng chúng ta đang xem xét mãnh lực khi nó chảy qua, hay thấm nhập, chất liệu thiên thần.

60. The Agnisuryans are the substance through which higher energies flow.

60. Các Agnisuryan là chất liệu mà qua đó các năng lượng cao hơn chảy qua.

61. We must bear in mind however that deva substance comes in two grades—one positive and evolutionary and the other negative and involutionary. Not always is the term "deva" differentiated from the term "elemental", even though there is a very great difference.

61. Tuy nhiên, chúng ta phải ghi nhớ rằng chất liệu thiên thần có hai cấp độ—một tích cực và thăng thượng tiến hoá, còn một tiêu cực và giáng hạ tiến hoá. Không phải lúc nào thuật ngữ "thiên thần" cũng được phân biệt với thuật ngữ "hành khí", dù giữa chúng có một khác biệt rất lớn.

62. How 'flow-through' or permeation really occurs is one of the mysteries of occult physics. There is much more to the problem than meets the eye.

62. Việc "chảy xuyên qua" hay sự thấm nhập thực sự diễn ra như thế nào là một trong những huyền nhiệm của vật lý học huyền bí. Vấn đề này còn nhiều hơn những gì mắt thấy.

A hint as to the truth lies in the fact that at present the astral body of man is positive to the physical plane, negative to the mental, and positive to the buddhic plane. As evolution proceeds, the astral body should become positive to the mental, and thus prove incapable of being swayed by thought currents, and the separative processes of that plane, and negative to the buddhic plane, or receptive to the forces from that plane.

Một gợi ý về chân lý nằm ở sự kiện rằng hiện nay thể cảm dục của con người tích cực đối với cõi hồng trần, tiêu cực đối với cõi trí, và tích cực đối với cõi Bồ đề. Khi tiến hoá tiếp diễn, thể cảm dục sẽ phải trở nên tích cực đối với cõi trí, và do đó chứng tỏ không thể bị các dòng tư tưởng làm dao động, cũng như các tiến trình phân ly của cõi đó, và tiêu cực đối với cõi Bồ đề, hay tiếp nhận các mãnh lực từ cõi ấy.

63. When we analyze this section of text we have to define very carefully the words "positive" and "negative". In this case, "positive" means resistant, repellent of energies which would influence. "Negative" means receptive, capable of being influenced.

63. Khi phân tích đoạn văn này, chúng ta phải xác định thật cẩn thận các từ "tích cực" và "tiêu cực". Trong trường hợp này, "tích cực" có nghĩa là kháng cự, đẩy lùi các năng lượng có thể gây ảnh hưởng. "Tiêu cực" có nghĩa là tiếp nhận, có khả năng bị ảnh hưởng.

64. We see that the astral body resists the influence of the physical plane (and that is as it should be) but is negative to the mental plane, thus is constantly swayed by thought currents, as water is roiled by the wind.

64. Chúng ta thấy rằng thể cảm dục kháng lại ảnh hưởng của cõi hồng trần (và điều đó là đúng như phải thế) nhưng lại tiêu cực đối với cõi trí, vì vậy nó liên tục bị các dòng tư tưởng làm dao động, như nước bị gió khuấy động.

65. The astral body is positive or presently resistant to the harmonious currents of the buddhic plane. This is especially true when Mars rules the astral body. When Neptune rules the astral body, receptivity to the higher ideals, harmonies and currents of love from the buddhic plane is more possible.

65. Thể cảm dục là tích cực hay hiện đang kháng cự các dòng hài hòa của cõi Bồ đề. Điều này đặc biệt đúng khi Sao Hỏa cai quản thể cảm dục. Khi Sao Hải Vương cai quản thể cảm dục, khả năng tiếp nhận các lý tưởng cao hơn, các hòa điệu và các dòng bác ái từ cõi Bồ đề trở nên khả dĩ hơn.

66. Our goal is to be positive to the mental plane and negative to the buddhic plane. We are to swayed by buddhic love rather than separative thought.

66. Mục tiêu của chúng ta là tích cực đối với cõi trí và tiêu cực đối với cõi Bồ đề. Chúng ta phải được tình thương Bồ đề chi phối hơn là tư tưởng phân ly.

67. It would be advisable for us to ponder these polarities, as a clear understanding of them will help us orient properly to higher and lower energy fields.

67. Chúng ta nên suy ngẫm về các cực tính này, vì sự thấu hiểu rõ ràng về chúng sẽ giúp chúng ta định hướng đúng đắn đối với các trường năng lượng cao hơn và thấp hơn.

68. And, of course, we can and should evaluate the condition of our vehicles—their positivity or negativity to each other, and ponder ways of inducing the type of polarization which DK suggests as desirable.

68. Và, dĩ nhiên, chúng ta có thể và nên đánh giá tình trạng các vận cụ của mình—tính tích cực hay tiêu cực của chúng đối với nhau, và suy ngẫm về những cách tạo ra loại sự phân cực mà Chân sư DK gợi ý là đáng mong muốn.

When it **has attained equilibrium**, and the forces are evenly balanced, the astral body should become the transmitter from the buddhic plane, the fourth cosmic ether, **via the gaseous**, to the dense physical plane.

Khi nó **đã đạt đến trạng thái quân bình**, và các mãnh lực được cân bằng đồng đều, thể cảm dục sẽ trở thành bộ truyền dẫn từ cõi Bồ đề, cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư, **qua cõi khí**, đến cõi hồng trần đậm đặc.

69. Libra is the sign of equilibrium and so we may infer that the influence of Libra is very important in bringing equilibrium to the

69. Thiên Bình là dấu hiệu của sự quân bình và vì thế chúng ta có thể suy ra rằng ảnh hưởng của Thiên Bình rất quan trọng trong việc đem lại sự quân bình cho các mãnh lực

forces of the astral body. The forces which disrupt the astral body, rendering it turbulent, emanate from Mars (a planet which, interestingly, is weakened in Libra). Through Libra and other planetary influences (Venus, the ruler of Libra among them) the subduing of the Martian forces in the astral body is accomplished.

của thể cảm dục. Những mãnh lực làm xáo trộn thể cảm dục, khiến nó trở nên hỗn loạn, phát ra từ Sao Hỏa (một hành tinh mà, điều thú vị là, bị suy yếu trong Thiên Bình). Qua Thiên Bình và những ảnh hưởng hành tinh khác (trong đó có Sao Kim, chủ tinh của Thiên Bình), việc chế ngự các mãnh lực Hỏa tinh trong thể cảm dục được hoàn thành.

70. We have been given a very interesting statement. It is well known that the astral body is eventually to transmit buddhic energy; the necessary correspondence is present. However, we notice that this transmission is to reach the dense physical plane "via the gaeous".

70. Chúng ta đã được trao cho một phát biểu rất thú vị. Điều ai cũng biết là thể cảm dục rốt cuộc sẽ truyền dẫn năng lượng Bồ đề; sự tương ứng cần thiết hiện diện ở đó. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng sự truyền dẫn này sẽ đến được vận cụ hồng trần đậm đặc "qua cõi khí".

71. We have to pause to interpret this and the correct interpretation will not be long in coming. We must question the word "gaseous" as relating *only* to the systemic, physical plane.

71. Chúng ta phải dừng lại để giải thích điều này, và cách giải thích đúng sẽ không chậm xuất hiện. Chúng ta phải đặt vấn đề về từ "khí" khi liên hệ *chỉ* với cõi hồng trần của hệ thống.

72. The Tibetan may not entirely bypass the mental plane (especially, the higher mental or soul plane which is, through its second ray conditioning—the Venusian influence) resonant with the astral plane. We have long been told that just as the personality expresses through the physical body, and the Monad through the mental body, so the soul expresses through the astral body.

72. Chân sư Tây Tạng có thể không hoàn toàn bỏ qua cõi trí (đặc biệt là cõi thượng trí hay cõi linh hồn, vốn—qua sự tác động của cung hai, tức ảnh hưởng Kim tinh—cộng hưởng với cõi cảm dục). Từ lâu chúng ta đã được dạy rằng cũng như phàm ngã biểu lộ qua thể xác, và chân thần qua thể trí, thì linh hồn biểu lộ qua thể cảm dục.

73. If DK were discussing in a *cosmic* context, the mental plane would be considered as cosmic "gaseous" plane.

73. Nếu Chân sư DK đang bàn trong một bối cảnh *vũ trụ*, thì cõi trí sẽ được xem là cõi "khí" vũ trụ.

74. We should also bring into this discussion the fact that in occultism, the buddhic plane is considered the plane of "air"; this is the element (of the four elements) which rules this fourth level of the cosmic physical plane.

74. Chúng ta cũng nên đưa vào cuộc bàn luận này sự kiện rằng trong huyền bí học, cõi Bồ đề được xem là cõi của "khí"; đây là nguyên tố (trong bốn nguyên tố) cai quản cấp độ thứ tư này của cõi hồng trần vũ trụ.

75. Naturally buddhic rulership by "air" relates it to the cosmic gaseous plane and, very likely, to the systemic gaseous plane, for "air" is a "gas".

75. Một cách tự nhiên, việc cõi Bồ đề được "khí" cai quản liên hệ nó với cõi khí vũ trụ và, rất có thể, với cõi khí của hệ thống, vì "khí" là một "chất khí".

76. But it is not primarily the *cosmic* gaeous plane upon which DK is focusing (even though at a point of achieved mental polarization it can easily be seen as part of the transmission).

76. Nhưng Chân sư DK không chủ yếu tập trung vào cõi khí *vũ trụ* (dù rằng tại một điểm đã đạt được sự phân cực trí tuệ, nó có thể dễ dàng được thấy như một phần của sự truyền dẫn).

77. The word "via" suggests that buddhic energy is transmitted to the astral body and to the dense physical plane "via" the gaeous subplane of the system physical plane.

77. Từ "qua" gợi ý rằng năng lượng Bồ đề được truyền đến thể cảm dục và đến cõi hồng trần đậm đặc "qua" cõi phụ khí của cõi hồng trần hệ thống.

78. Notice how DK keeps us questioning. He does not follow the word "gaseous" with a noun, thus rendering "gaseous" an adjectival noun. It is for us to determine the meaning of "gaseous"—whether cosmic or systemic.

78. Hãy lưu ý cách Chân sư DK luôn khiến chúng ta phải đặt câu hỏi. Ngài không theo sau từ "khí" bằng một danh từ, do đó khiến "khí" trở thành một danh từ tính từ. Việc xác định ý nghĩa của "khí"—là vũ trụ hay hệ thống—là phần việc của chúng ta.

79. We have determined that in this context, it is the *systemic* gaseous.

79. Chúng ta đã xác định rằng trong ngữ cảnh này, đó là cõi khí của *hệ thống*.

This thought should be studied in connection with the burning of the etheric web of the planet, thus illumination may come.

Tư tưởng này nên được nghiên cứu trong liên hệ với việc đốt cháy màng lưới dĩ thái của hành tinh; nhờ đó sự soi sáng có thể đến.

80. We have been given conditions under which we may expect progress in the burning of the etheric web. The alignment suggested above provides those conditions. It may be that the application of buddhic energy to the ethers ('from the other side' as it were) facilitates this burning.

80. Chúng ta đã được cho biết những điều kiện trong đó có thể mong đợi sự tiến bộ trong việc đốt cháy màng lưới dĩ thái. Sự chỉnh hợp được gợi ý ở trên cung cấp những điều kiện ấy. Có thể việc áp dụng năng lượng Bồ đề vào các cõi dĩ thái ("từ phía bên kia", có thể nói như vậy) tạo thuận lợi cho sự đốt cháy này.

81. When the etheric web is burned, the energies of the astral plane (and other higher

81. Khi màng lưới dĩ thái bị đốt cháy, các năng lượng của cõi cảm dục (và các cõi cao

planes) can reach the dense physical vehicle. They are not blocked by the etheric web.

hơn khác) có thể đến được vận cụ hồng trần đậm đặc. Chúng không còn bị màng lưới dĩ thái ngăn chặn.

82. In this burning process the systemic gaseous plane is involved. Certain breathing exercises (summoning the fire) promote the burning of the etheric web. There is one breathing exercise called the "Breath of Fire".

82. Trong tiến trình đốt cháy này, cõi khí của hệ thống có liên quan. Một số bài tập hô hấp nhất định (triệu gọi lửa) thúc đẩy việc đốt cháy màng lưới dĩ thái. Có một bài tập hô hấp được gọi là "Hơi Thở của Lửa".

83. In one respect, when the etheric web of the planet is burned, illumination will *surely* come, because forces obstructive to illumination will be eliminated. But DK is speaking of the illumination which may come to our mind if we ponder his points.

83. Ở một phương diện, khi màng lưới dĩ thái của hành tinh bị đốt cháy, sự soi sáng *chắc chắn* sẽ đến, vì các mãnh lực cản trở sự soi sáng sẽ bị loại bỏ. Nhưng Chân sư DK đang nói về sự soi sáng có thể đến với trí tuệ của chúng ta nếu chúng ta suy ngẫm về các điểm Ngài nêu ra.

84. It seems we should extend the alignment until it looks something like this:

84. Có vẻ như chúng ta nên mở rộng sự chỉnh hợp cho đến khi nó trông gần như thế này:

a. Buddhic plane

a. Cõi Bồ đề

b. Higher mental plane (cosmic gaseous)

b. Cõi thượng trí (cõi khí vũ trụ)

c. Mental plane (still cosmic gaseous)

c. Cõi trí (vẫn là cõi khí vũ trụ)

d. Astral plane

d. Cõi cảm dục

e. Etheric subplanes

e. Các cõi phụ dĩ thái

f. Systemic gaeous plane

f. Cõi khí của hệ thống

g. Dense physical plane

g. Cõi hồng trần đậm đặc

85. The occult properties of the systemic gaeous plane (the forty-seventh or third subplane) and its role in the enfiring of the ethers has much to be studied.

85. Các đặc tính huyền bí của cõi khí của hệ thống (cõi phụ thứ bốn mươi bảy hay cõi phụ thứ ba) và vai trò của nó trong việc làm bốc lửa các cõi dĩ thái còn rất nhiều điều phải nghiên cứu.

86. The etheric web is burned through aspiration and also through the evocation of soul and triadal energy. Once the antahkarana is built, the process of burning will be hastened, as contact with the fiery will aspect is facilitated.

86. Màng lưới dĩ thái bị đốt cháy nhờ khát vọng và cũng nhờ sự gợi lên năng lượng linh hồn và năng lượng Tam nguyên tinh thần. Một khi antahkarana được xây dựng, tiến trình đốt cháy sẽ được đẩy nhanh, vì sự tiếp xúc với phương diện ý chí đầy lửa được tạo điều kiện thuận lợi.

87. As well, how is the "breath" related to the acquisition of buddhic energy? There must be a connection between the systemic gaseous subplane and the systemic plane of air, the buddhic plane. Certain rhythms of breathing may facilitate access to the intuition.

87. Ngoài ra, "hơi thở" liên hệ thế nào với việc đạt được năng lượng Bồ đề? Hẳn phải có một mối liên hệ giữa cõi phụ khí của hệ thống và cõi khí của hệ thống, tức cõi Bồ đề. Một số nhịp điệu hô hấp nhất định có thể tạo thuận lợi cho việc tiếp cận trực giác.

Literally, there is no such division on the astral plane as we find on the mental or on the physical planes.

Theo nghĩa đen, trên cõi cảm dục không có sự phân chia như chúng ta thấy trên cõi trí hay trên các cõi hồng trần.

88. If we study the various charts carefully, Chart VIII of TCF, 817, for instance, we will see this to be the case. A separating dotted line appears on both the systemic mental and systemic physical planes.

88. Nếu chúng ta nghiên cứu cẩn thận các biểu đồ khác nhau, chẳng hạn Biểu đồ VIII của Luận về Lửa Vũ Trụ, 817, chúng ta sẽ thấy đúng là như vậy. Một đường chấm phân cách xuất hiện trên cả cõi trí hệ thống lẫn cõi hồng trần hệ thống.

On both those planes, we have a division into two: the mental plane being divided into higher and lower, rupa and arupa, concrete and abstract, and the physical plane into the etheric levels and the dense subplanes.

Trên cả hai cõi ấy, chúng ta có một sự phân chia thành hai: cõi trí được chia thành cao và thấp, rupa và arupa, cụ thể và trừu tượng, còn cõi hồng trần được chia thành các cấp dĩ thái và các cõi phụ đậm đặc.

89. VSK suggests, "This relationship of astral to buddhi may be hinted at in the meditation work prescribed in LOM on colour; by bringing yellow into the astral".

89. VSK gợi ý, "Mối liên hệ này giữa cảm dục và Bồ đề có thể được ám chỉ trong công việc tham thiền được quy định trong LOM về màu sắc; bằng cách đưa màu vàng vào thể cảm dục".

There is, therefore, a correspondence between these two.

Vì vậy, có một sự tương ứng giữa hai cõi này.

90. The correspondence is obvious—the abstract mind corresponds to the etheric subplanes, and the concrete mind to the dense physical subplanes. But the correspondence is not numerically correct, for the ratio is three to four and four to three.

90. Sự tương ứng là hiển nhiên—trí trừu tượng tương ứng với các cõi phụ dĩ thái, còn trí cụ thể tương ứng với các cõi phụ hồng trần đậm đặc. Nhưng sự tương ứng này không đúng về mặt số lượng, vì tỉ lệ là ba với bốn và bốn với ba.

The reason for this apparent division (considering the question apart from the states of consciousness of a human being) is due to the stage of development of the great devas who embody the plane, who ensoul it, and who manifest through it as a man manifests through his body.

Lý do của sự phân chia biểu kiến này (xét vấn đề tách khỏi các trạng thái tâm thức của con người) là do giai đoạn phát triển của các đại thiên thần hiện thân cho cõi ấy, phú linh cho nó, và biểu hiện qua nó như con người biểu hiện qua thể của mình.

91. Usually we explain the divided systemic mental and physical planes in terms of the microcosm.

91. Thông thường chúng ta giải thích các cõi trí và hồng trần hệ thống bị phân chia theo tiểu thiên địa.

92. Here we are offered a far more profound reason. The Raja Deva Lords Who ensoul the various systemic planes are at various stages of development.

92. Ở đây chúng ta được đưa ra một lý do sâu xa hơn nhiều. Các Chúa Tể Raja Deva phú linh cho các cõi hệ thống khác nhau đang ở những giai đoạn phát triển khác nhau.

Varuna, the Lord of the astral plane, has achieved a more unified conscious control than His brothers of [Page 661] the mental and physical planes.

Varuna, Chúa Tể của cõi cảm dục, đã đạt được sự kiểm soát hữu thức thống nhất hơn so với các huynh đệ của Ngài trên [Page 661] các cõi trí và hồng trần.

93. Since Varuna has "more unified conscious control" than Lord Kshiti or the lesser Lord Agni, He has managed to integrate the substance of the astral body of the Planetary Logos. The other two Raja Deva Lords have not yet managed this, though integration is now in process.

93. Vì Varuna có "sự kiểm soát hữu thức thống nhất hơn" so với Chúa Tể Kshiti hay Chúa Tể Agni thấp hơn, Ngài đã xoay xở để tích hợp chất liệu của thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế. Hai Chúa Tể Raja Deva kia vẫn chưa làm được điều này, dù sự tích hợp hiện đang diễn ra.

94. We must pause to realize that sometimes Lord Varuna is considered the Raja Deva Lord Who ensouls the astral body of our Planetary Logos and sometimes He is given

94. Chúng ta phải dừng lại để nhận ra rằng đôi khi Chúa Tể Varuna được xem là Chúa Tể Raja Deva phú linh cho thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và đôi

dominion over the entire systemic astral plane, as in the following quotation:

khi Ngài được trao quyền cai quản toàn bộ cõi cảm dục hệ thống, như trong trích dẫn sau đây:

We should therefore bear in mind that the Deva Lords, Agni, Varuna, Kshiti,[4] represent in the exoteric teaching **the substance aspect of the dense body of the Logos** whilst the force aspect as flowing through the etheric body of the Logos is considered under various names, such as Shiva, Surya, Brahma. (TCF 625-626)

Do đó chúng ta nên ghi nhớ rằng các Chúa Tể Deva, Agni, Varuna, Kshiti,4 trong giáo huấn ngoại môn đại diện cho **phương diện chất liệu của thể đậm đặc của Thượng đế**, trong khi phương diện mãnh lực khi tuôn chảy qua thể dĩ thái của Thượng đế thì được xét dưới nhiều danh xưng khác nhau, như Shiva, Surya, Brahma. (TCF 625-626)

95. Here the opposite is given:

95. Ở đây điều ngược lại được nêu ra:

Agnisuryan.....6th subplane.....Astral.....Liquid.....Varuna

cosmic physical (TCF 633)

Agnisuryan.....6th subplane.....Astral.....Liquid.....Varuna

cosmic physical (TCF 633)

The Raja-Lord of the Plane, the great deva Varuna, Who is the central Life of the substance of the astral plane **of our planetary scheme**. (TCF 676)

Chúa Tể Raja của Cõi, đại thiên thần Varuna, Đấng là Sự sống trung tâm của chất liệu của cõi cảm dục **của hệ hành tinh chúng ta**. (TCF 676)

The Raja Lord of the astral plane, Varuna [Page 913] and his brother Kshiti, have been called to the council chamber of the Hierarchy for specific consultation, and just as the Masters are endeavouring to prepare humanity for service when the World Teacher comes, so these Raja Lords are working along similar lines in connection with the devas. They are arduous in Their work, intense in Their zeal, but much obstructed by man. (TCF 912-913)

Chúa Tể Raja của cõi cảm dục, Varuna [Page 913] và huynh đệ của Ngài là Kshiti, đã được triệu đến phòng hội đồng của Thánh đoàn để tham vấn đặc biệt, và cũng như các Chân sư đang nỗ lực chuẩn bị nhân loại cho sự phụng sự khi Đức Chưởng Giáo đến, thì các Chúa Tể Raja này cũng đang làm việc theo những đường hướng tương tự liên hệ với các thiên thần. Các Ngài chuyên cần trong công việc, mãnh liệt trong nhiệt tâm, nhưng bị con người cản trở rất nhiều. (TCF 912-913)

96. Perhaps there are greater and lesser Varunas.

96. Có lẽ có những Varuna lớn hơn và nhỏ hơn.

97. Trong phần này, Ngài được xét chủ yếu trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của

97. In this section He is considered mostly in relation to our Planetary Logos and the systemic astral body of that Planetary Logos.

chúng ta và thể cảm dục hệ thống của Hành Tinh Thượng Đế ấy.

He comes into manifestation in connection with one of the Heavenly Men, Who is the Lord of a major Ray.

Ngài đi vào biểu hiện trong mối liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân, Đấng là Chúa Tể của một Cung chính.

98. We are given a potent occult hint. From the excerpt below, we understand that Lord Varuna is an emanation of the planet Neptune.

98. Chúng ta được trao cho một gợi ý huyền bí đầy mãnh lực. Từ đoạn trích dưới đây, chúng ta hiểu rằng Chúa Tể Varuna là một Xuất lộ/phát xạ của hành tinh Sao Hải Vương.

One of the most occult of the planets, Neptune, presides over the "devas of the waters"; their presiding deva Lord, Varuna, the Raja of the astral plane, being an emanation from that planet. (TCF 897)

Một trong những hành tinh huyền bí nhất, Sao Hải Vương, chủ trì "các thiên thần của nước"; Chúa Tể deva chủ trì của họ, Varuna, Raja của cõi cảm dục, là một phát xạ từ hành tinh ấy. (TCF 897)

99. Usually, however, Neptune is considered to be the Lord of a *minor* Ray, unless there is a very thorough search of the qualities of Neptune.

99. Tuy nhiên, thông thường Sao Hải Vương được xem là Chúa Tể của một Cung *phụ*, trừ phi có một sự khảo cứu rất thấu đáo về các phẩm tính của Sao Hải Vương.

100. In EP I, 420, we find that the "esoteric ray" (i.e., the monadic ray) of Neptune is actually the second Ray of Love-Wisdom.

100. Trong EP I, 420, chúng ta thấy rằng "cung huyền bí" (tức cung chân thần) của Sao Hải Vương thực ra là cung hai của Bác Ái – Minh Triết.

101. Not only is the second ray a "major ray", but it is, for our solar system, *the* "major Ray".

101. Cung hai không chỉ là một "Cung chính", mà đối với hệ mặt trời của chúng ta, nó còn là "Cung chính".

102. The fact that Varuna emanates from Neptune suggests that Kshiti may emanate from Saturn and Agni from Uranus.

102. Sự kiện Varuna phát ra từ Sao Hải Vương gợi ý rằng Kshiti có thể phát ra từ Sao Thổ và Agni từ Sao Thiên Vương.

103. Something about the (perhaps unsuspected) strength of Neptune is also suggested. Because Varuna is further advanced than His Brothers, perhaps

103. Một điều gì đó về sức mạnh (có lẽ không được ngờ tới) của Sao Hải Vương cũng được gợi ra. Bởi vì Varuna tiến bộ hơn các Huynh đệ của Ngài, có lẽ Sao Hải Vương (nguồn của

Neptune (the source of Varuna) is, in some way, also further advanced than the two Lords of Saturn and Uranus. Saturn, however, seems to be older.

Varuna) cũng, theo một cách nào đó, tiến bộ hơn hai Chúa Tể của Sao Thổ và Sao Thiên Vương. Tuy nhiên, Sao Thổ dường như cổ xưa hơn.

104. Even if it is not the case that Neptune is more advanced than Saturn and Uranus, it may well be that Neptune is to considered *the major planet* in our solar system—a second ray solar system.

104. Ngay cả nếu không phải trường hợp Sao Hải Vương tiến bộ hơn Sao Thổ và Sao Thiên Vương, thì rất có thể Sao Hải Vương phải được xem là *hành tinh chính* trong hệ mặt trời của chúng ta—một hệ mặt trời cung hai.

105. Yet, from another perspective, Neptune is said not to belong to our solar system at all. This may be an oblique way of saying that it belongs more to the cosmic *astral* plane than to the cosmic *physical* plane—the plane whereon the solar system can be found.

105. Tuy vậy, từ một góc nhìn khác, Sao Hải Vương được nói là hoàn toàn không thuộc hệ mặt trời của chúng ta. Đây có thể là một cách nói gián tiếp rằng nó thuộc về cõi cảm dục *vũ trụ* nhiều hơn là cõi hồng trần *vũ trụ*—cõi mà trên đó có thể tìm thấy hệ mặt trời.

The other two are linked up with the Lords of a minor Ray. There is a suggestive hint for students in this information.

Hai vị kia được nối kết với các Chúa Tể của một Cung phụ. Trong thông tin này có một gợi ý đáng suy ngẫm cho các đạo sinh.

106. We are here told that Kshiti and lesser Agni are linked with Lords of minor Rays. (This does not mean that They could not also be linked with the other two synthesizing planets.)

106. Ở đây chúng ta được cho biết rằng Kshiti và Agni thấp hơn được nối kết với các Chúa Tể của các Cung phụ. (Điều này không có nghĩa là Các Ngài không thể cũng được nối kết với hai hành tinh tổng hợp kia.)

107. I call the Agni who rules the systemic mental body of our Planetary Logos "lesser" because the Great Lord Agni expresses through the entire personality of the Solar Logos!

107. Tôi gọi Agni cai quản thể trí hệ thống của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là "thấp hơn" vì Chúa Tể Agni Vĩ Đại biểu lộ qua toàn bộ phàm ngã của Thái dương Thượng đế!

108. Uranus (although the monadic Lord of the First Ray) is, from another perspective, Lord of the Seventh Ray, and, thus, has a Kshiti connection.

108. Sao Thiên Vương (dù là Chúa Tể chân thần của Cung một) từ một góc nhìn khác lại là Chúa Tể của cung bảy, và do đó có một mối liên hệ với Kshiti.

109. He is known as the Lord of the Seventh Ray (a minor Ray), *yet* since He is Lord of the First Ray (monadically) He can be related

109. Ngài được biết đến là Chúa Tể của cung bảy (một Cung phụ), *thế nhưng* vì Ngài là Chúa Tể của Cung một (về mặt chân thần)

directly to Agni (who always seems to connect with first ray expressions).

nên Ngài có thể được liên hệ trực tiếp với Agni (Đấng dường như luôn nối kết với các biểu hiện cung một).

110. Saturn, however, cannot easily be linked with a minor ray and is, definitely, connected with the systemic physical plane and with the cosmic physical plane as well.

110. Tuy nhiên, Sao Thổ không thể dễ dàng được liên hệ với một cung phụ và chắc chắn được nối kết với cõi hồng trần hệ thống cũng như với cõi hồng trần vũ trụ.

111. Neptune, Uranus and Saturn stand together and are not easily separated.

111. Sao Hải Vương, Sao Thiên Vương và Sao Thổ đứng cùng nhau và không dễ tách rời.

112. We cannot ascertain exactly which planets DK is hinting when mentioning that the Lord of the planetary physical plane and the Lord of the planetary mental plane are related to Lords of minor rays.

112. Chúng ta không thể xác định chính xác Chân sư DK đang ám chỉ những hành tinh nào khi nói rằng Chúa Tể của cõi hồng trần hành tinh và Chúa Tể của cõi trí hành tinh có liên hệ với các Chúa Tể của các Cung phụ.

113. Kshiti could be directly related to Earth which, from one perspective, is a Lord of a minor or non-sacred *planet*—though its personality ray is the third—a major ray..

113. Kshiti có thể liên hệ trực tiếp với Trái Đất, vốn từ một góc nhìn là Chúa Tể của một hành tinh *phụ* hay không thiêng liêng—dù cung phàm ngã của nó là cung ba, một Cung chính..

114. Agni fits with few if any planets other than Uranus, who, in one respect *is* a Lord of a minor Ray (as the seventh ray conditions the soul of Uranus). Uranus also has much of the fifth ray which fits with the fact that lesser Agni conditions the mental body of the Planetary Logos.

114. Agni hầu như không phù hợp với hành tinh nào khác ngoài Sao Thiên Vương, vốn ở một phương diện *là* một Chúa Tể của Cung phụ (vì cung bảy tác động lên linh hồn của Sao Thiên Vương). Sao Thiên Vương cũng có nhiều cung năm, điều này phù hợp với sự kiện Agni thấp hơn tác động lên thể trí của Hành Tinh Thượng Đế.

115. We will leave this subject having offered some speculations which can be pondered.

115. Chúng ta sẽ rời chủ đề này sau khi đã đưa ra một số suy đoán có thể được suy ngẫm.

116. One thing to consider—whereas we are told that Varuna is an “emanation” of Neptune, we are told merely that the other two Brother are “linked up” with “the Lords of minor Ray”. To be “linked up” may not be the same as to be an emanation.

116. Có một điều cần cân nhắc—trong khi chúng ta được bảo rằng Varuna là một “phát xạ” của Sao Hải Vương, thì về hai Huynh đệ kia chúng ta chỉ được nói rằng Các Ngài “được nối kết” với “các Chúa Tể của Cung

phụ". "Được nối kết" có thể không giống như là một phát xạ.

117. In other words, Kshiti could be an emanation of Saturn and Agni an emanation of Uranus, and yet these two Raja Deva Lords could still be "linked up" with *other* Ray Lords of minor Rays.

117. Nói cách khác, Kshiti có thể là một phát xạ của Sao Thổ và Agni là một phát xạ của Sao Thiên Vương, nhưng hai Chúa Tể Raja Deva này vẫn có thể "được nối kết" với các Chúa Tể Cung *khác* của các Cung phụ.

We may justly ask why, if this is so, it should apparently manifest so disastrously in connection with man?

Chúng ta có thể chính đáng đặt câu hỏi tại sao, nếu đúng như vậy, điều này lại dường như biểu hiện một cách tai hại đến thế trong liên hệ với con người?

118. The question is, if Lord Varuna, Who presides over the lesser Deva Lords of the planetary astral plane and over the Agnisuryans of our planet in general is linked up with a planetary Lord Who expresses a *major* Ray, why does the astral plane manifest so disastrously in the life of man and the planet at this time?

118. Câu hỏi là, nếu Chúa Tể Varuna, Đấng chủ trì các Chúa Tể Deva thấp hơn của cõi cảm dục hành tinh và các Agnisuryan của hành tinh chúng ta nói chung, được nối kết với một Chúa Tể hành tinh biểu lộ một Cung *chính*, thì tại sao cõi cảm dục lại biểu hiện tai hại đến thế trong đời sống con người và hành tinh vào lúc này?

There are several reasons for this, one being that the force flowing through the vehicle of the great deva, the plane,

Có nhiều lý do cho điều này, một trong số đó là mãnh lực tuôn chảy qua vận cụ của đại thiên thần, tức cõi ấy,

119. Is "the plane" to be considered "the force flowing through the vehicle of the great deva"?

119. Có phải "cõi ấy" được xem là "mãnh lực tuôn chảy qua vận cụ của đại thiên thần" không?

is consequently stronger than in the other two cases,

do đó mạnh hơn trong hai trường hợp kia,

and this is owing to His more advanced stage of development and also to the fact that the Logos Himself is polarised in His astral body.

và điều này là do giai đoạn phát triển cao hơn của Ngài và cũng do chính Thượng đế phân cực trong thể cảm dục của Ngài.

120. The disastrous effect of the astral plane, we are told, has to do with the excessive potency pouring through it because of the

120. Chúng ta được bảo rằng tác động tai hại của cõi cảm dục có liên quan đến năng lực quá mức tuôn qua nó vì năng lực lớn lao của

great potency of Lord Varuna (as well as the astral polarization of the Solar Logos)

Chúa Tể Varuna (cũng như sự phân cực cảm dục của Thái dương Thượng đế)

121. In occultism, overstimulation is often a greater danger and threat than under-stimulation.

121. Trong huyền bí học, sự kích thích quá mức thường là một nguy hiểm và đe dọa lớn hơn sự kích thích không đủ.

122. Man, our Planetary Logos and our Solar Logos are all wrestling with potent astral bodies. We can say that man's problem arises because of the astral polarization of the Planetary Logos, and the Planetary Logos' problem arises because of the astral polarization of the Solar Logos, but is there another Being (a Cosmic Logos) Who is also astrally polarized and Whose astral polarization greatly stimulates the astral polarization of the Solar Logos?

122. Con người, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Thái dương Thượng đế của chúng ta đều đang vật lộn với những thể cảm dục đầy mãnh lực. Chúng ta có thể nói rằng vấn đề của con người phát sinh vì sự phân cực cảm xúc của Hành Tinh Thượng Đế, và vấn đề của Hành Tinh Thượng Đế phát sinh vì sự phân cực cảm xúc của Thái dương Thượng đế, nhưng liệu có một Đấng nào khác (một Thượng đế Vũ trụ) cũng phân cực cảm dục và sự phân cực cảm dục của Đấng ấy kích thích mạnh mẽ sự phân cực cảm dục của Thái dương Thượng đế hay không?

123. There is reason for thinking this may be the case, for our Solar Logos may be a member of a Cosmic Logos Who expresses the solar plexus center in the "One About Whom Naught May Be Said".

123. Có lý do để nghĩ rằng điều này có thể đúng, vì Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể là một thành viên của một Thượng đế Vũ trụ biểu lộ trung tâm tùng thái dương trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị".

124. In any case, when judging the strength and relative ungovernability of the astral plane on our pt, we have been told that the greater development of Lord Varuna and the astral polarization of the Solar Logos account for this condition.

124. Dù sao đi nữa, khi đánh giá sức mạnh và tính tương đối khó kiểm soát của cõi cảm dục trên hành tinh chúng ta, chúng ta đã được bảo rằng sự phát triển lớn hơn của Chúa Tể Varuna và sự phân cực cảm dục của Thái dương Thượng đế giải thích cho tình trạng này.

125. Another reason is now given.

125. Giờ đây một lý do khác được đưa ra.

Another reason is that **he** has a peculiar link with the Ruler of the animal kingdom, and **as the human being has not yet dissociated himself from, nor learnt to control, his**

Một lý do khác là **Ngài** có một mối liên hệ đặc biệt với Chúa Tể cai quản giới động vật, và **vì con người vẫn chưa tách mình ra khỏi, cũng chưa học được cách kiểm soát,**

animal nature, he too comes under the influence of this tremendous force.

126. The animal kingdom (in its upper brackets at least) is a *kamic* kingdom. The principle of desire is paramount.

127. The explanations above grow only more occult. It would seem that the Lord of the Animal Kingdom is a great and turbulent Being with Whom Lord Varuna is associated, just as man is associated with his animal nature.

128. The lunar lords are closely associated with the astral plane and ruled by the planet Mars, a *sixth* ray planet, just as the astral plane is the *sixth* plane. (cf. EA 35)

129. Eventually, Neptune/Varuna are to subdue the passion of Mars, but this is not yet the case. The Martian element of the astral plane is still strongly in control, and thus presents a problem to the higher Neptune influence (just as the Being Who informs the Animal Kingdom presents a problem of rebellion to Lord Varuna). There are wild horses on the astral plane!

130. Just as the astral body of our Planetary Logos has to come under the sway of Neptune rather than Mars, what, do we suppose, is the great Constellational Lord under Whom the astral body of the Solar Logos must re-conditioned? The analogies ascend.

There are other reasons hidden in the karma of our Heavenly Man, but the above reasons suffice.

bản chất động vật của mình, nên y cũng chịu ảnh hưởng của mãnh lực to lớn này.

126. Giới động vật (ít nhất trong các cấp cao của nó) là một giới *kama*. Nguyên khí dục vọng là tối thượng.

127. Những giải thích trên chỉ càng trở nên huyền bí hơn. Có vẻ như Chúa Tể của Giới Động Vật là một Đấng vĩ đại và đầy xáo động mà Chúa Tể Varuna có liên hệ, cũng như con người có liên hệ với bản chất động vật của mình.

128. Các nguyệt tinh quân có liên hệ chặt chẽ với cõi cảm dục và được hành tinh Sao Hỏa cai quản, một hành tinh cung *sáu*, cũng như cõi cảm dục là cõi thứ *sáu*. (x. EA 35)

129. Rốt cuộc, Sao Hải Vương/Varuna sẽ chế ngự đam mê của Sao Hỏa, nhưng điều này chưa xảy ra. Yếu tố Hỏa tinh của cõi cảm dục vẫn còn kiểm soát rất mạnh, và do đó gây ra một vấn đề cho ảnh hưởng cao hơn của Sao Hải Vương (cũng như Đấng thấm nhuần Giới Động Vật gây ra một vấn đề phản nghịch cho Chúa Tể Varuna). Có những con ngựa hoang trên cõi cảm dục!

130. Cũng như thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phải chịu dưới sự chi phối của Sao Hải Vương thay vì Sao Hỏa, vậy theo chúng ta, Đấng Chúa Tể Chòm Sao vĩ đại nào là Đấng mà dưới quyền Ngài thể cảm dục của Thái dương Thượng đế phải được tác động lại? Các phép tương đồng cứ thế đi lên.

Có những lý do khác ẩn trong nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân của chúng ta, nhưng các lý do trên là đủ.

131. Some such reasons may be found in the Moon-chain disaster.

131. Một vài lý do như thế có thể được tìm thấy trong thảm họa của Dãy Mặt Trăng.

132. Other reasons relate to the karma of personality to which our Planetary Logos is subject.

132. Những lý do khác liên hệ với nghiệp quả của phàm ngã mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phải chịu.

1. The Function of the Agnisuryans. The devas of the astral plane are those with whom man is very specially connected at this time owing to his astral polarisation,, and to the place desire and feeling play in his development.

1. Chức năng của các Agnisuryan. Các thiên thần của cõi cảm dục là những vị mà con người hiện nay có liên hệ đặc biệt mật thiết do sự phân cực cảm dục của mình, và do vị trí mà dục vọng và cảm xúc giữ trong sự phát triển của y.

133. An understanding of the Agnisuryans is, therefore, at this time in human development crucial.

133. Vì vậy, vào lúc này trong sự phát triển của nhân loại, việc thấu hiểu các Agnisuryan là điều cốt yếu.

134. The majority of human being are still astrally polarized and, thus, Atlantean in their consciousness.

134. Đa số con người vẫn còn phân cực cảm dục và do đó, trong tâm thức của họ, vẫn là Atlantis.

Consciousness expands through contact, through intelligent appreciation of that which is contacted, and through realisation of that which is to be gained through a specific contact.

Tâmthức mở rộng qua tiếp xúc, qua sự đánh giá thông tuệ về điều được tiếp xúc, và qua sự chứng nghiệm thực sự về điều sẽ đạt được nhờ một tiếpxúc đặc thù.

135. This is a valuable section of text. We often speak of the expansion of consciousness. Here we are given the manner in which consciousness expands:

135. Đây là một đoạn văn có giá trị. Chúng ta thường nói về sự mở rộng của tâm thức. Ở đây, chúng ta được cho biết cách thức tâm thức mở rộng:

a. Consciousness expand through contact. That which is contacted has something additional to that which contacts it. That which it (i.e., that which is contacted) has is absorbed by that which contacts.

a. Tâm thức mở rộng qua tiếp xúc. Điều được tiếp xúc có một cái gì đó bổ sung cho điều đang tiếp xúc với nó. Điều mà nó (tức điều được tiếp xúc) có sẽ được hấp thụ bởi điều đang tiếp xúc.

b. Consciousness expands through intelligent appreciation of that which is contacted. This is another way of say that

b. Tâm thức mở rộng qua sự đánh giá thông tuệ về điều được tiếp xúc. Đây là một cách khác để nói rằng hành tinh Sao Kim là yếu tố

the planet Venus is integral to the expansion of consciousness since Venus is uniquely the planet of "intelligent appreciation".

thiết yếu đối với sự mở rộng của tâm thức vì Sao Kim là hành tinh độc đáo của "sự đánh giá thông tuệ".

c. Consciousness expands through realization of that which is to be gained through a specific contact. This requires the activation of foresight and the sense of purpose. Thus, forethought expands the consciousness.

c. Tâm thức mở rộng qua sự chứng nghiệm về điều sẽ đạt được nhờ một tiếp xúc đặc thù. Điều này đòi hỏi sự hoạt hóa của viễn kiến và ý thức về mục đích. Do đó, sự tiên liệu làm mở rộng tâm thức.

That which is contacted depends upon reciprocal vibration,

Điều được tiếp xúc tùy thuộc vào sự rung động tương hỗ,

136. If there is going to be intelligent appreciation of that which is contacted, and a realization of that which is to be gained through contact, then reciprocal vibration (a feedback process, an interplay between that which contacts and that which is contacted) is necessary.

136. Nếu phải có sự đánh giá thông tuệ về điều được tiếp xúc, và một sự chứng nghiệm về điều sẽ đạt được nhờ tiếp xúc, thì sự rung động tương hỗ (một tiến trình phản hồi, một sự tương tác giữa điều đang tiếp xúc và điều được tiếp xúc) là điều cần thiết.

and the place therefore of desire (which is the going out after sensation) and of feeling (which is the reflex of that desire) is of real importance; they put man constantly in touch—even though he realises it not—with deva substance of some kind or another.

và vì thế vị trí của dục vọng (là sự vươn ra để tìm cảm giác) và của cảm xúc (là phản xạ của dục vọng ấy) có tầm quan trọng thực sự; chúng đặt con người vào sự tiếp xúc liên tục —dù y không nhận ra điều đó—với chất liệu thiên thần thuộc loại này hay loại khác.

113. Important definitions are given here:

113. Ở đây có những định nghĩa quan trọng:

a. Desire is the going out after sensation. Desire is always for the sake of *contact.* Desired contact is made in the anticipation of fulfillment.

a. Dục vọng là sự vươn ra để tìm cảm giác. Dục vọng luôn luôn là vì mục đích *tiếp xúc.* Sự tiếp xúc được mong muốn được tạo ra trong sự mong đợi được thỏa mãn.

b. Feeling is the reflex of that desire. Feeling arises through mutual impression between that which contacts and that which is contacted.

b. Cảm xúc là phản xạ của dục vọng ấy. Cảm xúc phát sinh qua sự gây ấn tượng lẫn nhau giữa điều đang tiếp xúc và điều được tiếp xúc.

114. Both desire and feeling put a man constantly in touch with deva substance of some kind.

114. Cả dục vọng lẫn cảm xúc đều đặt con người vào sự tiếp xúc liên tục với một loại chất liệu thiên thần nào đó.

115. One cannot live within the three worlds without be constantly in touch with deva substance of some kind. We live in a veritable *ocean* of devic substance.

115. Không ai có thể sống trong ba cõi thấp mà không liên tục tiếp xúc với một loại chất liệu thiên thần nào đó. Chúng ta sống trong một *đại dương* đích thực của chất liệu thiên thần.

Even when man has reached a relatively high stage of evolution, the demonstration of that point of attainment is seen in the type of not-self which he contacts;

Ngay cả khi con người đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá tương đối cao, sự biểu lộ của điểm thành tựu ấy được thấy trong loại phi-ngã mà y tiếp xúc;

116. It is interesting to realize that there is a vast multiplicity of types of "not-self". According to the nature of one's desires, such is the nature of that toward which desire will extend itself and will, therefore, be contacted.

116. Thật thú vị khi nhận ra rằng có một sự đa tạp vô cùng lớn của các loại "phi-ngã". Tùy theo bản chất của dục vọng của một người, bản chất của điều mà dục vọng sẽ vươn tới và do đó sẽ được tiếp xúc cũng như vậy.

117. The Law of Attraction is intimately involved in the process of what we may call the 'direction of desire'. We are dealing with the attraction between substances of various qualities.

117. Định luật Hấp Dẫn có liên hệ mật thiết với tiến trình mà chúng ta có thể gọi là "sự định hướng của dục vọng". Chúng ta đang bàn đến sự hấp dẫn giữa các chất liệu có những phẩm tính khác nhau.

118. A simple way of looking at this is to say that *our contacts reveal our point of spiritual attainment.*

118. Một cách đơn giản để nhìn vấn đề này là nói rằng *những tiếp xúc của chúng ta bộc lộ điểm thành tựu tinh thần của chúng ta.*

it is only when he is an initiate that [Page 662] he begins to approximate, and to know the meaning of the essential unity which lies at the heart of Being, and to comprehend the oneness of the Universal Soul, and the Unity of that subjective Life which secretes itself behind form of every kind.

chỉ khi y là một điểm đạo đồ thì [Page 662] y mới bắt đầu tiệm cận, và biết ý nghĩa của sự hợp nhất cốt yếu nằm ở trung tâm của Bản Thể, và thấu hiểu tính duy nhất của Đại Hồn Vũ Trụ, và sự hợp nhất của Sự sống chủ quan đang ẩn mình sau mọi loại hình tướng.

119. This is a beautiful description of the consciousness of the initiate.

119. Đây là một mô tả đẹp đẽ về tâm thức của điểm đạo đồ.

120. Great ideas expressing the realization of the initiate are suggested:

120. Những ý tưởng lớn diễn tả sự chứng nghiệm của điểm đạo đồ được gợi ra:

a. Essential Unity

a. Sự Hợp Nhất Cốt Yếu

b. The Heart of Being

b. Trái Tim của Bản Thể

c. The Oneness of the Universal Soul

c. Tính Duy Nhất của Đại Hồn Vũ Trụ

d. The Unity of the subjective Life. It is a *hidden* unity, secreting itself behind forms of every kind.

d. Sự Hợp Nhất của Sự Sống chủ quan. Đó là một sự hợp nhất *ẩn kín*, đang ẩn mình sau mọi loại hình tướng.

It should never be forgotten that the matter aspect is found on all planes;

Không bao giờ nên quên rằng phương diện vật chất được tìm thấy trên mọi cõi;

121. Does this apply to *cosmic* planes as well? Certain plans are designated as "prakritic" planes. Such are the seven systemic planes of the cosmic physical plane. We have to question whether and in what way such planes as the cosmic astral plane or the cosmic mental plane may be "prakritic". From the super-cosmic perspective, they certainly must be.

121. Điều này có áp dụng cho cả các cõi *vũ trụ* không? Một số cõi được gọi là các cõi "prakritic". Đó là bảy cõi hệ thống của cõi hồng trần vũ trụ. Chúng ta phải đặt câu hỏi liệu và theo cách nào những cõi như cõi cảm dục vũ trụ hay cõi trí vũ trụ có thể là "prakritic". Từ quan điểm siêu vũ trụ, chắc chắn chúng phải như vậy.

122. Can there be *form* without *matter* (or "prakriti")? This question has profound implications.

122. Có thể có *hình tướng* mà không có *vật chất* (hay "prakriti") không? Câu hỏi này có những hàm ý sâu xa.

123. Another related question: "Is all matter particulate?"

123. Một câu hỏi liên hệ khác: "Mọi vật chất đều có tính hạt chăng?"

also that forms are ever to be found, until the solar ring-pass-not is transcended and the Logos escapes from His present limitation.

và cũng rằng hình tướng luôn luôn được tìm thấy, cho đến khi vòng-giới-hạn mặt trời được vượt qua và Thượng đế thoát khỏi giới hạn hiện tại của Ngài.

124. Form exists on all levels of the cosmic physical plane (even the so-called "formless" levels, the arupa planes). If such form is to

124. Hình tướng tồn tại trên mọi cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ (ngay cả những cấp độ được gọi là "vô tướng", các cõi arupa). Nếu

exist until the Logos' fourth initiation (the initiation at which He escapes from His present limitation and the solar system manifesting on the cosmic physical plane ceases to exist) the factor of desire which impels the creation of form will remain potent in the solar system until that time. This says something about the perpetuation of solar logoic sacral center energy and also solar logoic throat center energy.

hình tướng như thế sẽ tồn tại cho đến lần điểm đạo thứ tư của Thượng đế (lần điểm đạo mà tại đó Ngài thoát khỏi giới hạn hiện tại của Ngài và hệ mặt trời biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ chấm dứt tồn tại), thì yếu tố dục vọng thúc đẩy sự tạo thành hình tướng sẽ vẫn còn mạnh mẽ trong hệ mặt trời cho đến lúc ấy. Điều này nói lên điều gì đó về sự duy trì năng lượng trung tâm xương cùng của Thái dương Thượng đế và cả năng lượng trung tâm cổ họng của Thái dương Thượng đế.

125. In this context, DK seems to be pointing especially to the forms which are found on the systemic physical plane. These, too, will exist until the Solar Logos escapes from His present limitation for physical incarnation is a necessity until the fourth initiation is reached.

125. Trong bối cảnh này, Chân sư DK dường như đặc biệt chỉ đến những hình tướng được tìm thấy trên cõi hồng trần hệ thống. Những hình tướng này cũng sẽ tồn tại cho đến khi Thái dương Thượng đế thoát khỏi giới hạn hiện tại của Ngài vì sự lâm phàm hồng trần là một điều tất yếu cho đến khi đạt đến lần điểm đạo thứ tư.

Owing to this the devas of the astral plane assume a very important place in the three worlds.

Do điều này mà các thiên thần của cõi cảm dục giữ một vị trí rất quan trọng trong ba cõi thấp.

126. Why should this be the case? It is the devas of the astral plane which are the material activity (material within the dense physical body of the Solar Logos) which is responsible for the appearance of form. The impulse form creation.

126. Tại sao lại như vậy? Chính các thiên thần của cõi cảm dục là hoạt động vật chất (vật chất bên trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế) chịu trách nhiệm cho sự xuất hiện của hình tướng. Xung lực tạo hình tướng.

127. In other worlds, without the form-impulsing activities of the Agnisuryans, the solar system cannot remain in manifestation until the Day of Liberation—which it must.

127. Nói cách khác, nếu không có các hoạt động thúc đẩy hình tướng của các Agnisuryan, hệ mặt trời không thể tiếp tục ở trong biểu hiện cho đến Ngày Giải Thoát—mà nó phải như vậy.

Previously, we considered them in a fivefold aspect, dividing them into five groups. **At this point we will limit our consideration to the relationship of self-conscious units**

Trước đây, chúng ta đã xét họ trong một phương diện ngũ phân, chia họ thành năm nhóm. **Tại điểm này chúng ta sẽ giới hạn sự khảoxét của mình vào mối liên hệ của các đơn vị tự ngã thức như Con Người và**

such as Man and the planetary Logos to this deva substance.

128. The subject can be studied by differentiating and categorizing the various groups of Agnisuryans and other devas. We can also discuss the relationship of Man and the Planetary Logos *to* the Agnisuryans. This seems to be the method we will now pursue.

A great distinction exists between man and his prototype, a Heavenly Man.

129. There are compelling analogies between the two, but the Planetary Logos is a Dragon of Wisdom, having developed much of the love nature, whereas a human being is simply working on the development of manas which the Planetary Logos developed mahakalpas ago.

The astral plane plays a very real part in the evolution of man, having a close connection with one of his principles.

130. We can assume this principle to be *kama.* The astral plane is also related to the principle called kama-manas (at least kama-manas is, in some enumerations, considered a principle). (cf. TCF 261, 264, 265)

131. But principle of buddhi is also closely connected to the astral plane.

Astral matter and vibration is one of the controlling factors in the lives of the great majority of people.

132. Perhaps this is the case for eighty to eighty-five percent of the people and, at this time, for the majority of Earth-chain

Hành Tinh Thượng Đế với chất liệu thiên thần này.

128. Chủ đề này có thể được nghiên cứu bằng cách biến phân và phân loại các nhóm Agnisuryan khác nhau và các thiên thần khác. Chúng ta cũng có thể bàn đến mối liên hệ của Con Người và Hành Tinh Thượng Đế *với* các Agnisuryan. Đây dường như là phương pháp mà giờ đây chúng ta sẽ theo đuổi.

Có một sự khác biệt lớn giữa con người và nguyên mẫu của y, một Đấng Thiên Nhân.

129. Có những tương đồng đầy sức thuyết phục giữa hai bên, nhưng Hành Tinh Thượng Đế là một Rồng Minh Triết, đã phát triển nhiều bản chất bác ái, trong khi một con người chỉ đơn giản đang nỗ lực phát triển manas, điều mà Hành Tinh Thượng Đế đã phát triển từ nhiều đại kiếp trước.

Cõi cảm dục đóng một vai trò rất thực trong sự tiến hoá của con người, vì có liên hệ chặt chẽ với một trong các nguyên khí của y.

130. Chúng ta có thể giả định nguyên khí này là *kama.* Cõi cảm dục cũng liên hệ với nguyên khí được gọi là trí-cảm (ít nhất trí-cảm, trong một số cách liệt kê, được xem là một nguyên khí). (xem TCF 261, 264, 265)

131. Nhưng nguyên khí Bồ đề cũng có liên hệ chặt chẽ với cõi cảm dục.

Vật chất và rung động cảm dục là một trong những yếu tố kiểm soát trong đời sống của đại đa số con người.

132. Có lẽ điều này đúng với tám mươi đến tám mươi lăm phần trăm nhân loại và, vào

humanity, and some of Moon-chain humanity.

lúc này, với đa số nhân loại Dãy Địa Cầu, và một phần nhân loại Dãy Mặt Trăng.

To the Heavenly Man, astral matter corresponds to the liquid portion in the physical body of man, and is for Him therefore no principle.

Đối với Đấng Thiên Nhân, vật chất cảm dục tương ứng với phần lỏng trong thể xác của con người, và vì thế đối với Ngài nó không phải là một nguyên khí.

133. This is clear. For the human being the liquid portion of his physical body is not a principle, and thus it is for the Planetary Logos in relation to the systemic astral plane.

133. Điều này thật rõ ràng. Đối với con người, phần lỏng trong thể xác của y không phải là một nguyên khí, và vì vậy cũng thế đối với Hành Tinh Thượng Đế trong liên hệ với cõi cảm dục hệ thống.

The astral plane is man's principal battle-ground and the area of **his most intense field of sensation**,—mental sensation (esoterically understood) is for him as yet only a possibility.

Cõi cảm dục là chiến trường chính yếu của con người và là khu vực của **trường cảm giác mãnh liệt nhất của y**,—cảm giác trí tuệ (được hiểu theo nghĩa huyền bí) hiện vẫn chỉ là một khả năng đối với y.

134. Sensation is the registration of contact —sentiency. It means more than the sentiency which arises from strictly *physical* contact.

134. Cảm giác là sự ghi nhận tiếp xúc—tính cảm tri. Nó có nghĩa nhiều hơn thứ cảm tri phát sinh từ tiếp xúc thuần túy *hồng trần*.

135. There is, of course, sensation on the physical and mental planes, but the degree of its impact is presently far less than on the highly energized astral plane.

135. Dĩ nhiên có cảm giác trên cõi hồng trần và cõi trí, nhưng mức độ tác động của nó hiện nay nhỏ hơn rất nhiều so với trên cõi cảm dục được nạp năng lượng mạnh mẽ.

136. We might say that as man developed to his present stage, he has transcended to a great extent the impact of sensation arising in relation to the stimuli of the physical plane. He is not yet sufficiently unfolded to register sensation of upon the mental plane with any degree of intensity, but this kind of "sensation" does, we are told, exist.

136. Chúng ta có thể nói rằng khi con người phát triển đến giai đoạn hiện tại, y đã vượt qua ở mức độ lớn tác động của cảm giác phát sinh liên hệ với các kích thích của cõi hồng trần. Y vẫn chưa đủ khai mở để ghi nhận cảm giác trên cõi trí với bất kỳ mức độ mãnh liệt nào, nhưng loại "cảm giác" này, như chúng ta được cho biết, quả thực có tồn tại.

137. On the astral plane there are the greatest number of contending forces, vigorously engaged. It is for most a battlefield.

137. Trên cõi cảm dục có số lượng lớn nhất những mãnh lực tranh chấp, đang hoạt động mạnh mẽ. Đối với đa số, đó là một chiến trường.

138. Sentiency is possible on *all* of the systemic planes. It arises from 'touch' (the primary sense in our astral-buddhic solar system) and the interplay between that which 'touches' and that which is 'touched'.

138. Tính cảm tri có thể có trên *mọi* cõi hệ thống. Nó phát sinh từ "sự chạm" (giác quan sơ khởi trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề của chúng ta) và sự tương tác giữa điều "chạm" và điều được "chạm".

139. We notice, however, that when DK speaks of "mental sensation" He qualifies the term by telling us it must be "esoterically understood". If the dynamics of sentiency are to be clearly understood we must know a great deal about the physics of the planes in which that sentiency is taking place.

139. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng khi Chân sư DK nói về "cảm giác trí tuệ", Ngài xác định thêm thuật ngữ này bằng cách cho chúng ta biết rằng nó phải được "hiểu theo nghĩa huyền bí". Nếu động lực học của tính cảm tri phải được hiểu rõ, chúng ta phải biết rất nhiều về vật lý học của các cõi nơi tính cảm tri ấy đang diễn ra.

The astral body is the seat of man's most violent vibration, and these vibrations are a potent cause of his physical plane activities.

Thể cảm dục là trụ sở của những rung động dữ dội nhất của con người, và những rung động này là một nguyên nhân mạnh mẽ của các hoạt động của y trên cõi hồng trần.

140. The potent influence of the non-sacred planet Mars is suggested.

140. Ảnh hưởng mạnh mẽ của hành tinh không thiêng liêng Sao Hỏa được gợi ra.

141. Violent vibrations on the astral plane lead to violent activities on the physical plane.

141. Những rung động dữ dội trên cõi cảm dục dẫn đến những hoạt động dữ dội trên cõi hồng trần.

142. By what are most men swayed? By what are they impelled to act? By the impelling energy of desire originating on the astral plane. For most human beings, the physical plane is negative to the astral body whereas it should be negative to the mental body as that mental body should be negative to the buddhic vehicle as should the astral body.

142. Đa số người ta bị chi phối bởi điều gì? Họ bị thúc đẩy hành động bởi điều gì? Bởi năng lượng thúc đẩy của dục vọng phát sinh trên cõi cảm dục. Đối với đa số con người, cõi hồng trần là âm đối với thể cảm dục, trong khi lẽ ra nó phải âm đối với thể trí, cũng như thể trí ấy phải âm đối với vận cụ Bồ đề, và thể cảm dục cũng phải như vậy.

If man only realised it, **the devas of the astral plane at present very largely control what he does and says**, and his goal of evolution (his immediate goal) is to liberate himself from their control in order that he, the real Ego or thinker, may be the dominating influence.

Nếu con người chỉ nhận ra điều đó, **thì các thiên thần của cõi cảm dục hiện nay phần lớn kiểm soát điều y làm và nói**, và mục tiêu tiến hoá của y (mục tiêu trước mắt của y) là giải thoát mình khỏi sự kiểm soát của họ để y, chân ngã hay thức giả thực sự, có thể là ảnh hưởng chi phối.

143. DK tells us how very much we are controlled by the devas of the astral plane and how little we realize that we are.

143. Chân sư DK cho chúng ta biết chúng ta bị các thiên thần của cõi cảm dục kiểm soát nhiều đến mức nào và chúng ta ít nhận ra điều đó đến mức nào.

144. The human being is predominantly emotional and from this emotional control he must liberate himself. Man has many goals, but liberation from his emotions is his first priority. When we examine the chaotic condition of human interaction in today's world, we can only affirm DK's evaluation.

144. Con người chủ yếu là cảm xúc và khỏi sự kiểm soát cảm xúc này y phải tự giải thoát. Con người có nhiều mục tiêu, nhưng giải thoát khỏi cảm xúc của mình là ưu tiên hàng đầu của y. Khi chúng ta khảo sát tình trạng hỗn loạn của sự tương tác nhân loại trong thế giới ngày nay, chúng ta chỉ có thể khẳng định sự đánh giá của Chân sư DK.

145. Man en masse is far from being dominated by the Ego or the soul. Man en masse is not yet either the thinker or the Thinker.

145. Con người nói chung còn rất xa mới được chân ngã hay linh hồn chi phối. Con người nói chung chưa phải là thức giả cũng chưa phải là Đấng Tư Tưởng.

146. Until a human being has liberated himself from the control of the astral devas he remains (in his astral nature) positive and resistant to the influence of solar fire on the higher mental plane. The "waves that rise upon the stormy sea of life" indeed "engulf the swimmer, shut out the sun and render all plans futile". (Counsels to the Wise, TWM, 473)

146. Cho đến khi một con người tự giải thoát khỏi sự kiểm soát của các thiên thần cảm dục, y vẫn còn (trong bản chất cảm dục của mình) là dương và kháng cự ảnh hưởng của Lửa Thái dương trên Cõi thượng trí. Quả thật, "những làn sóng dâng lên trên biển đời giông tố" "nhấn chìm người bơi, che khuất mặt trời và làm cho mọi kế hoạch trở nên vô ích". (Counsels to the Wise, TWM, 473)

147. As the Hierarchy and the Christ approach, this vulnerable, rather thoughtless and insufficiently spiritual state of being will gradually be superseded. Emotion is not love. Humanity as a whole does not yet realize this, but the

147. Khi Thánh đoàn và Đức Christ đến gần, trạng thái hiện hữu dễ tổn thương, khá thiếu suy nghĩ và chưa đủ tinh thần này sẽ dần dần được thay thế. Cảm xúc không phải là bác ái. Nhân loại nói chung chưa nhận ra

Reappearance of the Christ will promote this realization.

điều này, nhưng Sự Tái Lâm của Đức Christ sẽ thúc đẩy sự nhận biết ấy.

To be explicit, and thus to illustrate this point: the little elemental lives which form the body of the emotions, and **the positive** [Page 663] **life of any evolutionary deva who (through similarity of vibration) is linked to any particular man** and who gives to him an astral body of a coherent and positive power, are as yet practically in control of the majority.

Nói rõ ra, và nhờ đó minh họa điểm này: những sự sống hành khí nhỏ bé tạo thành thể cảm xúc, và **sự sống** [Page 663]**dương của bất kỳ thiên thần thăng thượng tiến hoá nào mà (qua sự tương đồng rung động) được liên kết với một con người cụ thể** và ban cho y một thể cảm dục có năng lực cố kết và dương tính, hiện vẫn thực tế kiểm soát đa số.

148. DK again differentiates between the elemental lives and the lives known as evolutionary devas who are linked to a particular human being.

148. Chân sư DK một lần nữa phân biệt giữa các sự sống hành khí và các sự sống được biết như những thiên thần thăng thượng tiến hoá vốn được liên kết với một con người cụ thể.

149. The elemental lives "form the body of the emotions".

149. Các sự sống hành khí "tạo thành thể cảm xúc".

150. Evolutionary devas (and it seems that in the astral body of the human being there are many) make of his astral body "a coherent and positive power". It does not seem that DK is speaking only of *one* evolutionary deva per human astral body, even though He uses the singular form, "deva".

150. Các thiên thần thăng thượng tiến hoá (và dường như trong thể cảm dục của con người có nhiều vị) làm cho thể cảm dục của y thành "một năng lực cố kết và dương tính". Dường như Chân sư DK không chỉ nói về *một* thiên thần thăng thượng tiến hoá cho mỗi thể cảm dục của con người, dù Ngài dùng hình thức số ít là "thiên thần".

151. There is probably a *hierarchy* of evolutionary astral devas associated with the astral body of man, including one which is paramount.

151. Có lẽ có một *Huyền Giai* các thiên thần cảm dục thăng thượng tiến hoá liên kết với thể cảm dục của con người, trong đó có một vị giữ địa vị tối thượng.

152. Certain astral devas are drawn to a particular man through "similarity of vibration". We may say that according to the vibratory quality of a man's elemental substance (really according to the vibratory condition of his astral permanent atom), so

152. Một số thiên thần cảm dục bị hút đến với một con người cụ thể qua "sự tương đồng rung động". Chúng ta có thể nói rằng tùy theo phẩm tính rung động của chất liệu hành khí của một người (thực ra là tùy theo tình trạng rung động của nguyên tử trường tồn cảm dục của y), các thiên thần có một

devas of a certain vibration or quality will be linked to him.

153. Perhaps some of these devas have a long association with him and are not drawn in anew with every incarnation. The regathering by the incarnating human unit of previously conditioned personality substance is proposed by DK.

154. The point is that these elementals and their controlling devas *control* the majority of human beings.

Man usually does as his desires and instincts prompt him.

155. This is the simple meaning of the control of man by the devas of the astral plane.

156. The more advanced man will think, "I want to, however…", and the desires are held in check by thought and purpose.

If this evolutionary deva is of a high order (as will be the case in a highly developed man) **the vibration will be high, and the desires and instincts will be good and exoterically right.**

157. First DK uses the singular, "deva", and then (in the next section) a plural, "them".

158. We seem to speaking of a number of Agnisuryans who are associated with the astral body of man and not only one. This would necessarily be the case as there are so many different kinds of astrally related

rung động hay phẩm tính nhất định sẽ được liên kết với y.

153. Có lẽ một số thiên thần này đã có sự liên kết lâu dài với y và không bị thu hút lại mới trong mỗi lần lâm phàm. Chân sư DK đã nêu ra việc đơn vị nhân loại đang lâm phàm thu hồi lại chất liệu phàm ngã đã được tác động từ trước.

154. Điểm chính là các hành khí này và các thiên thần kiểm soát của chúng *kiểm soát* đa số nhân loại.

Con người thường làm theo điều mà dục vọng và bản năng của y thúc đẩy.

155. Đây là ý nghĩa đơn giản của sự kiểm soát con người bởi các thiên thần của cõi cảm dục.

156. Con người tiến bộ hơn sẽ nghĩ: "Tôi muốn, tuy nhiên…", và các dục vọng được giữ trong vòng kiểm soát bởi tư tưởng và mục đích.

Nếu thiên thần thăng thượng tiến hoá này thuộc một cấp bậc cao (như sẽ là trường hợp nơi một con người phát triển cao) **thì rung động sẽ cao, và các dục vọng cùng bản năng sẽ tốt đẹp và đúng đắn theo nghĩa ngoại môn.**

157. Trước hết Chân sư DK dùng số ít, "thiên thần", rồi sau đó (trong phần kế tiếp) dùng số nhiều, "họ".

158. Dường như chúng ta đang nói đến một số Agnisuryan liên kết với thể cảm dục của con người chứ không chỉ một. Điều này tất yếu phải như vậy vì trong con người có quá

energy flows or currents in the human being.

159. The higher the order of the evolutionary astral deva, the higher the vibration of the astral body, the higher the desires and instincts, which will be aligned with Good and will not cause spiritual damage upon the physical plane.

Nevertheless, if the man is controlled by **them**, he is as yet under deva influence, and must free himself.

160. Probably many highly developed, well-intended people are under this influence and do not suspect it. Even if they suspected it, they might see nothing wrong in it.

161. There are, however, higher energies to be expressed and the center controlling the astral body is meant to be, at this stage, the Ego, with which the advanced disciple and initiate has identified himself.

162. Whether astral promptings are high or low, man must not automatically follow them but, focussed upon the plane of mind (at first lower then higher mind), must learn to control them.

If the deva life is of a low order, the man will demonstrate low and vicious instincts, and desires of a vile calibre.

163. Most people do not think in these terms. Most do not realize that devas of different orders, when linked to the vehicles of the personality, contribute to different types of behaviour, ranging from low, vicious and vile to elevated and worthy.

nhiều loại dòng hay luồng năng lượng liên hệ với cảm dục khác nhau.

159. Cấp bậc của thiên thần cảm dục thăng thượng tiến hoá càng cao thì rung động của thể cảm dục càng cao, dục vọng và bản năng càng cao, sẽ chỉnh hợp với Điều Thiện và sẽ không gây tổn hại tinh thần trên cõi hồng trần.

Tuy nhiên, nếu con người bị **họ** chi phối, thì y vẫn còn ở dưới ảnh hưởng của thiên thần, và phải tự giải thoát.

160. Có lẽ nhiều người phát triển cao, có thiện ý, đang ở dưới ảnh hưởng này mà không ngờ tới. Ngay cả nếu họ nghi ngờ điều đó, họ có thể cũng không thấy có gì sai trong đó.

161. Tuy nhiên, có những năng lượng cao hơn cần được biểu lộ và trung tâm kiểm soát thể cảm dục, ở giai đoạn này, được định là chân ngã, với chân ngã ấy đệ tử tiến bộ và điểm đạo đồ đã đồng hoá chính mình.

162. Dù các thúc đẩy cảm dục là cao hay thấp, con người không được tự động làm theo chúng mà phải, tập trung trên cõi trí (lúc đầu là hạ trí rồi đến thượng trí), học cách kiểm soát chúng.

Nếu sự sống thiên thần thuộc cấp thấp, con người sẽ biểu lộ những bản năng thấp hèn và hung ác, cùng những dục vọng có phẩm cấp đê tiện.

163. Đa số người không suy nghĩ theo những thuật ngữ này. Đa số không nhận ra rằng các thiên thần thuộc những cấp bậc khác nhau, khi được liên kết với các vận cụ của phàm ngã, góp phần tạo nên những loại hành vi

khác nhau, từ thấp hèn, hung ác và đê tiện cho đến cao thượng và đáng quý.

If these remarks are rightly apprehended, some understanding will come of what is meant when the deva evolution is spoken of as being a "parallel evolution" to that of man.

Nếu những nhận xét này được lĩnh hội đúng đắn, một phần thấu hiểu sẽ đến về điều được hàm ý khi nói rằng sự tiến hoá thiên thần là một "sự tiến hoá song song" với sự tiến hoá của con người.

164. The term "parallel" must be carefully pondered. The term suggests that each of the kingdoms has its own line of development but that these lines influence each other.

164. Thuật ngữ "song song" phải được suy ngẫm cẩn thận. Thuật ngữ này gợi ý rằng mỗi giới đều có đường phát triển riêng của mình nhưng những đường này ảnh hưởng lẫn nhau.

165. It also suggests that for every grade of development in one kingdom there is a corresponding or parallel grade of development in the other.

165. Nó cũng gợi ý rằng với mỗi cấp độ phát triển trong một giới đều có một cấp độ phát triển tương ứng hay song song trong giới kia.

166. We are told that the Raja Deva Lord's such as Kshiti or Varuna have a stage of consciousness equivalent to that of a Chohan and are on occasion called into the Council Chamber in Shamballa for consultation.

166. Chúng ta được cho biết rằng các Chúa Tể Raja Deva như Kshiti hay Varuna có một giai đoạn tâm thức tương đương với một Chohan và đôi khi được mời vào Phòng Hội Đồng tại Shamballa để tham vấn.

In the three worlds the two lines of evolution parallel each other, and must not be consciously one.

Trong ba cõi thấp, hai đường tiến hoá song song với nhau, và không được có ý thức là một.

167. Mixing and blending are not always occultly desirable. Although there is to be cooperation, the two kingdoms must not be consciously one—*in the three worlds.* In higher worlds, harmonizing, blending and merging are to be achieved.

167. Sự pha trộn và hòa lẫn không phải lúc nào cũng đáng mong muốn theo huyền bí học. Dù phải có sự hợp tác, hai giới không được có ý thức là một—*trong ba cõi thấp.* Ở các thế giới cao hơn, sự hài hòa, hòa lẫn và hợp nhất sẽ phải được thành tựu.

168. Of importance at this time is the realization that man must not identify with the devas of the three worlds—i.e., with the devas in the dense physical plane of the Solar Logos or more specifically, the Planetary

168. Điều quan trọng vào lúc này là sự chứng nghiệm rằng con người không được đồng hoá với các thiên thần của ba cõi thấp—tức là với các thiên thần trong cõi hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế hay cụ thể

Logos. That which makes the Black Lodge evil may be precisely this type of identification.

hơn là của Hành Tinh Thượng Đế. Điều làm cho Hắc đoàn trở nên tà ác có thể chính là loại đồng hoá này.

In the planes of the Triad they are known as a unity, producing the **Divine Hermaphrodite, or the Heavenly Man**,—the self-conscious human units embodying the three aspects of divinity, while the conscious deva units embody the divine attributes.

Trong các cõi của Tam nguyên tinh thần, họ được biết như một hợp nhất, tạo ra **Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng, hay Đấng Thiên Nhân**,—các đơn vị nhân loại tự ngã thức thể hiện ba phương diện của thiên tính, trong khi các đơn vị thiên thần hữu thức thể hiện các thuộc tính thiêng liêng.

169. Notice the word "in" in the phrase "in the planes of the Triad". It seems to have a different feel than the preposition "on".

169. Hãy lưu ý từ "trong" trong cụm từ "trong các cõi của Tam nguyên tinh thần". Nó dường như mang một sắc thái khác với giới từ "trên".

170. The Planetary Logos is known as the Divine Hermaphrodite. What entitles Him to this appellation? We learn here that it is the union of human beings and devas (of Hermes and Aphrodite, respectively) which lies at the root of this name.

170. Hành Tinh Thượng Đế được biết đến như Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng. Điều gì khiến Ngài xứng với danh xưng này? Ở đây chúng ta biết rằng chính sự hợp nhất của con người và thiên thần (lần lượt là của Hermes và Aphrodite) nằm ở gốc rễ của danh xưng ấy.

171. Hermes is Mercury and is associate with human beings. Mercury rules the Fourth or Human Creative Hierarchy. Aphrodite is Venus and is associated with the devas.

171. Hermes là Sao Thủy và được liên kết với con người. Sao Thủy cai quản Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư hay Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại. Aphrodite là Sao Kim và được liên kết với các thiên thần.

172. The Mercury and Venus factors, when taken together, are the divinely hermaphroditic unit in our solar system.

172. Các yếu tố Sao Thủy và Sao Kim, khi được xét cùng nhau, là đơn vị lưỡng tính thiêng liêng trong hệ mặt trời của chúng ta.

173. One of the ways of differentiating devas from human beings is by considering their relationship to the *aspects* of divinity and to the *attributes* of divinity.

173. Một trong những cách để phân biệt thiên thần với con người là xét mối liên hệ của họ với các *phương diện* của thiên tính và với các *thuộc tính* của thiên tính.

174. Human beings embody the divine *aspects* of divinity. Devas embody the divine *attributes* of divinity.

174. Con người thể hiện các *phương diện* thiêng liêng của thiên tính. Thiên thần thể

hiện các *thuộc tính* thiêng liêng của thiên tính.

175. The relationship is that of the triangle to the square.

175. Mối liên hệ ấy là mối liên hệ của tam giác với hình vuông.

The two, blended together, form the body of manifestation, the centres and substance of the Heavenly Man.

Hai bên, khi được hòa trộn với nhau, tạo thành thể biểu hiện, các trung tâm và chất liệu của Đấng Thiên Nhân.

176. The body of manifestation of the Heavenly Man consists of the energy centers and substance.

176. Thể biểu hiện của Đấng Thiên Nhân gồm các trung tâm năng lượng và chất liệu.

177. As usual, the human being is associated with the centers and the devas with the substance.

177. Như thường lệ, con người được liên kết với các trung tâm và thiên thần với chất liệu.

178. We have already seen, however, on numerous occasions, that deva Monads (like human Monads) *also* go to the constitution of the *centers* of a Heavenly Man.

178. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy nhiều lần rằng các chân thần thiên thần (cũng như các chân thần nhân loại) *cũng* góp phần vào cấu tạo của các *trung tâm* của một Đấng Thiên Nhân.

Great is the mystery, and until man knows his place within the conscious whole, he should reserve his opinion as to the meaning thereof.

Mầu nhiệm này thật lớn lao, và cho đến khi con người biết vị trí của mình trong toàn thể hữu thức, y nên dè dặt trong ý kiến của mình về ý nghĩa của điều đó.

179. DK is suggesting that we, "man", do not yet know our place within the conscious whole. We are learning and have much of great interest to study, but our actual knowledge of our place is rather slight. This is, perhaps, hard to accept.

179. Chân sư DK đang gợi ý rằng chúng ta, "con người", vẫn chưa biết vị trí của mình trong toàn thể hữu thức. Chúng ta đang học hỏi và có rất nhiều điều vô cùng lý thú để nghiên cứu, nhưng tri thức thực sự của chúng ta về vị trí của mình thì khá ít ỏi. Có lẽ điều này khó chấp nhận.

It will be apparent, therefore, in view of the connection between the astral plane with its unified work, and the buddhic plane with the **conscious harmony there experienced**,

Do đó, sẽ thấy rõ rằng, xét theo mối liên hệ giữa cõi cảm dục với công việc hợp nhất của nó, và cõi Bồ đề với sự **hài hòa hữu thức được kinhnghiệm** tại đó, thể cảm dục của

that the astral body of man calls for the closest study and understanding.

180. DK is building a case for the importance of the astral body.

181. He points to the "unified work" of the astral plane and the "conscious harmony" experienced on the buddhic plane. The astral vehicle is "unified", i.e., undivided and thus works with potency.

182. The alliance between these two vehicles is what makes the more accessible astral body of such great importance.

183. It is interesting, is it not, to think of the buddhic plane as the plane whereon "conscious harmony" is experienced? Perhaps in those moments of life when we have experienced the greatest harmony, there has been for us a touch of the buddhic energy.

A link will be found through its medium with the buddhic plane and harmonious activity on the physical plane will be produced.

184. This is of great practical import. Troubled humanity has often wondered how it is to produce harmony on the physical plane. The necessary alignment to produce this harmony is the buddhic plane —the astral plane—the physical plane. Responsiveness to the fourth systemic ether will be of importance in promoting this alignment.

185. Creating this alignment is the responsibility of those with much fourth ray in their system: the buddhic plane is the fourth plane and through it the fourth ray

con người đòi hỏi sự nghiên cứu và thấu hiểu sát sao nhất.

180. Chân sư DK đang xây dựng một luận cứ về tầm quan trọng của thể cảm dục.

181. Ngài chỉ ra "công việc hợp nhất" của cõi cảm dục và "sự hài hòa hữu thức" được kinh nghiệm trên cõi Bồ đề. Vận cụ cảm dục là "hợp nhất", tức là không phân chia và vì thế hoạt động với mãnh lực mạnh mẽ.

182. Sự liên minh giữa hai vận cụ này là điều khiến thể cảm dục dễ tiếp cận hơn trở nên quan trọng đến thế.

183. Thật thú vị, phải không, khi nghĩ về cõi Bồ đề như cõi nơi "sự hài hòa hữu thức" được kinh nghiệm? Có lẽ trong những khoảnh khắc của đời sống khi chúng ta đã kinh nghiệm sự hài hòa lớn lao nhất, đã có nơi chúng ta một sự chạm đến của năng lượng Bồ đề.

Một mối liên kết sẽ được tìm thấy qua trung gian của nó với cõi Bồ đề, và hoạt động hài hòa trên cõi hồng trần sẽ được tạo ra.

184. Điều này có tầm quan trọng thực tiễn rất lớn. Nhân loại đầy xáo trộn thường tự hỏi làm thế nào để tạo ra sự hài hòa trên cõi hồng trần. Sự chỉnh hợp cần thiết để tạo ra sự hài hòa này là: cõi Bồ đề—cõi cảm dục—cõi hồng trần. Sự đáp ứng với dĩ thái thứ tư của hệ sẽ có tầm quan trọng trong việc thúc đẩy sự chỉnh hợp này.

185. Việc tạo ra sự chỉnh hợp này là trách nhiệm của những người có nhiều cung bốn trong hệ thống của mình: cõi Bồ đề là cõi thứ tư và qua đó cung bốn biểu lộ mạnh mẽ; cõi

expresses powerfully; the astral plane is the plane of the "dual forces", presently a battle-ground which requires the harmonizing influence of the fourth ray; the physical plane is the *fourth* plane when considering the four personality divisions—lower mental, astral, etheric and dense physical.

cảm dục là cõi của "các mãnh lực nhị nguyên", hiện nay là một bãi chiến trường cần đến ảnh hưởng điều hòa của cung bốn; cõi hồng trần là cõi *thứ tư* khi xét bốn phân bộ của phàm ngã—hạ trí, cảm dục, dĩ thái và hồng trần đậm đặc.

186. It is interesting that within the United Nations (an organization dedicated through its ideals to world peace) there are working a number of fourth ray souls. Fourth ray souls are rarely in incarnation at this particular time in history.

186. Điều đáng chú ý là trong Liên Hiệp Quốc (một tổ chức tận hiến qua các lý tưởng của mình cho hòa bình thế giới) có một số linh hồn cung bốn đang hoạt động. Các linh hồn cung bốn hiếm khi đang lâm phàm vào đúng thời điểm đặc biệt này của lịch sử.

187. We understand, then, that the reconditioning of the astral body will render it more receptive to the harmonizing buddhic energy and a positive feedback loop between these two planes will be created. The resulting harmony on the astral plane will condition the quality of desires there found and the newly harmonized desires will contribute to the harmonization of the physical plane. Thus, peace will come.

187. Như vậy, chúng ta hiểu rằng việc tái điều kiện hóa thể cảm dục sẽ khiến nó dễ tiếp nhận hơn đối với năng lượng Bồ đề điều hòa, và một vòng phản hồi tích cực giữa hai cõi này sẽ được tạo ra. Sự hài hòa phát sinh trên cõi cảm dục sẽ tác động lên phẩm tính của các dục vọng được tìm thấy tại đó, và các dục vọng vừa được điều hòa sẽ góp phần vào sự điều hòa của cõi hồng trần. Như thế, hòa bình sẽ đến.

The student of occultism should study carefully in this connection:

Đạo sinh huyền bí học nên nghiên cứu cẩn thận trong mối liên hệ này:

188. The "this" which is to be studied is the link between the buddhic plane, the astral plane and the physical plane.

188. "Điều này" cần được nghiên cứu là mối liên kết giữa cõi Bồ đề, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

[Page 664]

[Page 664]

a. The physical sun, and its relation to prana and the etheric body.

a. Mặt trời vật lý, và mối liên hệ của nó với prana và thể dĩ thái.

189. The physical Sun is of the fourth order (at least this is true of the Solar Logos). When the fourth ether is stimulated by solar prana, the desirable harmonizing effect (resulting from the alliance between the

189. Mặt Trời vật lý thuộc bậc thứ tư (ít nhất điều này đúng đối với Thái dương Thượng đế). Khi dĩ thái thứ tư được kích thích bởi prana mặt trời, hiệu quả điều hòa đáng mong muốn (phát sinh từ sự liên minh giữa

buddhic plane an the astral plane) will more easily reach the dense physical body of the planet. The line of descent will be via the number four.

cõi Bồ đề và cõi cảm dục) sẽ dễ dàng đến được thể xác đậm đặc của hành tinh hơn. Đường giáng hạ sẽ đi qua số bốn.

b. The subjective sun, and its connection with the astral plane, with the kama-manasic principle, and the astral body.

b. Mặt trời chủ quan, và mối liên hệ của nó với cõi cảm dục, với nguyên khí trí-cảm, và với thể cảm dục.

190. By the "subjective sun", it is the Heart of the Sun which is most often meant.

190. Với "mặt trời chủ quan", điều thường được hàm ý nhất là Trái Tim của Mặt Trời.

191. There is the possibility, however, that the Solar Logos' manifestation through His astral body on the cosmic astral plane can also be called the "subjective sun".

191. Tuy nhiên, cũng có khả năng rằng sự biểu hiện của Thái dương Thượng đế qua thể cảm dục của Ngài trên cõi cảm dục vũ trụ cũng có thể được gọi là "mặt trời chủ quan".

192. In this case, the words "subjective sun" could also be translated as 'subtle sun'.

192. Trong trường hợp này, các từ "mặt trời chủ quan" cũng có thể được dịch là "mặt trời vi tế".

193. The fact that in this tabulation the Heart of the Sun is listed separately from the "subjective sun" alerts us to the possibility of a difference between the two.

193. Sự kiện rằng trong bảng liệt kê này Trái Tim của Mặt Trời được liệt kê riêng biệt với "mặt trời chủ quan" khiến chúng ta lưu ý đến khả năng có sự khác biệt giữa hai điều ấy.

194. The soul always has an archetypal relation to the astral body, just as the personality to the physical body and the Monad to the mind.

194. Linh hồn luôn có một mối liên hệ nguyên mẫu với thể cảm dục, cũng như phàm ngã với thể xác và chân thần với trí tuệ.

195. The egoic lotus on the higher mental plane is a blend primarily of the second and fifth rays. This is true also for the egoic lotus of the Solar Logos on the cosmic higher mental plane.

195. Hoa Sen Chân Ngã trên Cõi thượng trí chủ yếu là một sự pha trộn của cung hai và cung năm. Điều này cũng đúng đối với Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế trên cõi thượng trí vũ trụ.

196. The second ray of the egoic lotus connects it with the astral plane and the astral body and with the "kama" aspect of kama-manas. The fifth ray component of the

196. Cung hai của Hoa Sen Chân Ngã nối nó với cõi cảm dục và thể cảm dục, cũng như với phương diện "kama" của kama-manas. Thành phần cung năm của Hoa Sen Chân

egoic lotus connects it with the manasic component of kama-manas.

197. We can extend the alignment bringing harmonization to the dense physical plane as follows:

a. Buddhic vehicle

b. Egoic lotus on the higher mental plane

c. Kama-manas

d. Astral body

e. The fourth ether

f. The dense physical body—the fourth vehicle or the personality (from one way of counting)

c. The central spiritual sun, and its relation to the Spirit or atma in man.[15] [S[S. D., II, 250, 251.]

198. We have to discriminate here. Should the Spirit in man be called "atma" or the "Atman". There are good reasons to think the latter. In this case, "atma" would refer to the highest of man's principles.

199. We can expect that the Central Spiritual Sun (considering it as the Monad of the Solar Logos) would have a line of connection to the Monad in man and, thence, to his atmic principle.

200. Again Chart VIII, TCF 817, shows this connection.

Ngã nối nó với thành phần manas của kama-manas.

197. Chúng ta có thể mở rộng sự chỉnh hợp mang lại sự điều hòa cho thể xác đậm đặc như sau:

a. Vận cụ Bồ đề

b. Hoa Sen Chân Ngã trên Cõi thượng trí

c. Kama-manas

d. Thể cảm dục

e. Dĩ thái thứ tư

f. Thể xác đậm đặc—vận cụ thứ tư hay phàm ngã (theo một cách đếm)

c. Mặt trời Tinh thần Trung Ương, và mối liên hệ của nó với Tinh thần hay atma trong con người.15 [S[S. D., II, 250, 251.]

198. Ở đây chúng ta phải phân biện. Tinh thần trong con người nên được gọi là "atma" hay "Atman"? Có những lý do xác đáng để nghĩ là cách sau. Trong trường hợp này, "atma" sẽ chỉ nguyên khí cao nhất của con người.

199. Chúng ta có thể mong đợi rằng Mặt trời Tinh thần Trung Ương (xét nó như chân thần của Thái dương Thượng đế) sẽ có một đường nối với chân thần trong con người và từ đó đến nguyên khí atma của y.

200. Một lần nữa, Biểu đồ VIII, TCF 817, cho thấy mối liên hệ này.

d. The heart of the sun, and its relation to the lower and higher mental bodies, producing that peculiar manifestation we call the causal body.

d. Trái tim của mặt trời, và mối liên hệ của nó với các thể trí thấp và cao, tạo ra sự biểu hiện đặc thù mà chúng ta gọi là thể nguyên nhân.

201. We notice here that the "heart of the sun" is differentiated from the "subjective sun" and that the differentiation is evident in this very tabulation.

201. Ở đây chúng ta nhận thấy rằng "trái tim của mặt trời" được phân biệt với "mặt trời chủ quan" và sự phân biệt ấy hiển nhiên ngay trong chính bảng liệt kê này.

202. As earlier suggested: we are certain that the Heart of the Sun relates to the egoic lotus of the Solar Logos. May it be that the "subjective sun" relates to the *astral* expression of the Solar Logos?

202. Như đã gợi ý trước đây: chúng ta chắc chắn rằng Trái Tim của Mặt Trời liên hệ với Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế. Có thể chăng "mặt trời chủ quan" liên hệ với biểu hiện *cảm dục* của Thái dương Thượng đế?

203. Why should the Heart of the Sun be related to the lower mental body? We remember that the Hierarchy of Agnishvattas is related not only the *higher* mind but to the *lower* mind as well, for it is a *dual* Hierarchy.

203. Tại sao Trái Tim của Mặt Trời lại phải liên hệ với thể trí thấp? Chúng ta nhớ rằng Huyền Giai của các Agnishvatta không chỉ liên hệ với *thượng trí* mà còn với cả *hạ trí* nữa, vì đó là một Huyền Giai *kép*.

204. As the Agnishvattas emanate from the Heart of the Sun, a connection is created between the Heart of the Sun, the Agnishvattas and *both* the higher and lower mental bodies.

204. Vì các Agnishvatta phát xạ từ Trái Tim của Mặt Trời, một mối liên hệ được tạo ra giữa Trái Tim của Mặt Trời, các Agnishvatta và *cả hai* thể trí cao lẫn thấp.

In this connection it must be remembered that the force which flows from the heart of the sun, works through a triangle formed by the Venusian scheme, the Earth and the sun.

Trong mối liên hệ này cần nhớ rằng mãnh lực tuôn chảy từ trái tim của mặt trời hoạt động qua một tam giác được tạo thành bởi hệ hành tinh Kim Tinh, Trái Đất và mặt trời.

205. A major *solar* triangle is offered four our consideration: the Sun, the Venus-scheme and the Earth.

205. Một tam giác *mặt trời* lớn được đưa ra để chúng ta xem xét: Mặt Trời, hệ Kim Tinh và Trái Đất.

206. The Heart of the Sun works through these three. The sun is, in this instance, the vehicle of the Heart of the Sun.

206. Trái Tim của Mặt Trời hoạt động qua ba yếu tố này. Trong trường hợp này, mặt trời là vận cụ của Trái Tim của Mặt Trời.

207. Each of the members of the triangle is distinguished by a powerful second ray: the soul and personality of the Solar Logos are both on the second ray; Venus is hypothesized as having a second ray personality and a second ray Monad; the Earth (or, really, the Planetary Logos of the Earth) has a second ray soul.

207. Mỗi thành viên của tam giác đều được phân biệt bởi một cung hai mạnh mẽ: linh hồn và phàm ngã của Thái dương Thượng đế đều thuộc cung hai; Sao Kim được giả định là có phàm ngã cung hai và chân thần cung hai; Trái Đất (hay đúng hơn là Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất) có linh hồn cung hai.

208. When we think of the 'descent' of the Solar Angels, this triangle is involved. The Solar Angels (having emanated from Sirius, cf. TCF 844), are gathered into the Heart of the Sun, journey thence to Venus and, then, through descent into several spheres, reach the dense physical globe of Earth.

208. Khi chúng ta nghĩ đến "sự giáng hạ" của các Thái dương Thiên Thần, tam giác này có liên quan. Các Thái dương Thiên Thần (đã phát xạ từ Sirius, xem TCF 844), được tập hợp vào Trái Tim của Mặt Trời, từ đó du hành đến Sao Kim, rồi qua sự giáng hạ vào một số khối cầu, đến được bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của Trái Đất.

209. DK is now about share some hints about the formation of triangles.

209. Giờ đây Chân sư DK sắp chia sẻ vài gợi ý về sự hình thành các tam giác.

That another triangle was **also** formed involving two planets was to be expected under the law, and the triangles vary according to the scheme involved.

Việc một tam giác khác **cũng** được hình thành liên quan đến hai hành tinh là điều có thể được mong đợi theo định luật, và các tam giác thay đổi tùy theo hệ hành tinh liên quan.

210. Apparently (because He used the word "also") the triangle here mentioned is not Sun, Venus, Earth. Yet this additional triangle also probably involves the Sun.

210. Rõ ràng (vì Ngài dùng từ "cũng") tam giác được nhắc đến ở đây không phải là Mặt Trời, Sao Kim, Trái Đất. Tuy vậy, tam giác bổ sung này có lẽ cũng liên quan đến Mặt Trời.

211. We have been speaking principally of the relationship between the buddhic and the astral planes. Mercury is closely related to the buddhic plane and Mars to the astral.

211. Chúng ta chủ yếu đã bàn đến mối liên hệ giữa cõi Bồ đề và cõi cảm dục. Sao Thủy liên hệ chặt chẽ với cõi Bồ đề và Sao Hỏa với cõi cảm dục.

212. It is possible that the triangle Sun/ Mercury/Mars was also formed. In various Theosophical charts and tabulations Mercury and Mars are closely related.

212. Có thể tam giác Mặt Trời/Sao Thủy/Sao Hỏa cũng đã được hình thành. Trong nhiều biểu đồ và bảng liệt kê của Thông Thiên Học, Sao Thủy và Sao Hỏa có liên hệ chặt chẽ với nhau.

213. Under law, when one triangle is formed, must another also be formed?

213. Theo định luật, khi một tam giác được hình thành, có phải một tam giác khác cũng phải được hình thành không?

214. It seems that there must always be a relation between a planetary scheme and the Sun. DK seems to be suggesting that according to the nature of a particular planet related to the Sun, an additional planet (related to the first planet) will be involved.

214. Dường như luôn phải có một mối liên hệ giữa một hệ hành tinh và Mặt Trời. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng tùy theo bản chất của một hành tinh đặc biệt liên hệ với Mặt Trời, một hành tinh bổ sung (liên hệ với hành tinh thứ nhất) sẽ được lôi cuốn vào.

215. We do not yet know enough to explore this hypothesis.

215. Chúng ta vẫn chưa biết đủ để khảo sát giả thuyết này.

Cosmically there is a very interesting **series of triangles** which will be found by the **student of esoteric astronomy and of occult cycles.**

Về mặt vũ trụ có một **chuỗi tam giác** rất lý thú mà sẽ được tìm ra bởi **đạo sinh thiên văn học huyền bí và các chu kỳ huyền môn.**

216. By "esoteric astronomy" may be meant the study of the relative positions and cycles of stars and constellations as these positions and cycles reveal subjective energies and qualities. When they are esoterically considered, the positions and cycles will be shown to reveal the interrelated purposes of great Lives.

216. Với "thiên văn học huyền bí" có thể được hiểu là việc nghiên cứu các vị trí tương đối và các chu kỳ của các ngôi sao và chòm sao khi những vị trí và chu kỳ ấy biểu lộ các năng lượng và phẩm tính chủ quan. Khi được xem xét một cách huyền bí, các vị trí và chu kỳ ấy sẽ cho thấy các mục đích tương liên của những Sự sống vĩ đại.

They originate in the central sun of **our particular group of solar systems.**

Chúng bắt nguồn từ mặt trời trung tâm của **nhóm hệ mặt trời đặc thù của chúng ta.**

217. Our particular group of solar systems may be considered the "Seven Solar Systems of Which Ours is One", if the term "solar system" means what it *usually* means—a system of planets with one or perhaps two central stars around which the planets revolve.

217. Nhóm hệ mặt trời đặc thù của chúng ta có thể được xem là "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một", nếu thuật ngữ "hệ mặt trời" mang nghĩa mà nó *thường* mang—một hệ các hành tinh với một hay có lẽ hai ngôi sao trung tâm mà quanh đó các hành tinh quay vòng.

218. Of the seven major stars in our particular grouping, one of them may,

218. Trong bảy ngôi sao lớn của nhóm đặc thù của chúng ta, có lẽ một ngôi có thể được

perhaps, be considered the “central sun”. It is hypothesized, relative to our particular group of solar systems, that Sirius is that central Sun.

xem là “mặt trời trung tâm”. Có giả thuyết cho rằng, đối với nhóm hệ mặt trời đặc thù của chúng ta, Sirius là Mặt Trời trung tâm ấy.

219. In some enumerations of our group of solar systems, some stars larger and more radiant than Sirius are included, such, for instance, as Vega. Given that our particular solar system is moving towards Vega, this motion might contain a hint about Vega and the central sun of our group of seven solar systems.

219. Trong một số cách liệt kê nhóm hệ mặt trời của chúng ta, có những ngôi sao lớn hơn và rực sáng hơn Sirius được bao gồm, chẳng hạn như Vega. Xét việc hệ mặt trời đặc thù của chúng ta đang chuyển động về phía Vega, chuyển động này có thể hàm chứa một gợi ý về Vega và mặt trời trung tâm của nhóm bảy hệ mặt trời của chúng ta.

220. The central sun of our particular group may or may, however, not be tangible. It may, for instance, be considered to be a Cosmic Logos as a whole, expressing through seven stars.

220. Tuy nhiên, mặt trời trung tâm của nhóm đặc thù của chúng ta có thể có hoặc không có tính hữu hình. Chẳng hạn, nó có thể được xem là một Thượng đế Vũ Trụ như một toàn thể, biểu lộ qua bảy ngôi sao.

221. On the other hand, Alcyone is often considered to be a kind of “central sun” (the Central Spiritual Sun to be exact) and may be central to our particular group of solar systems, if by “solar systems” is meant groupings of seven major stars.

221. Mặt khác, Alcyone thường được xem là một loại “mặt trời trung tâm” (chính xác là Mặt trời Tinh thần Trung Ương) và có thể là trung tâm của nhóm hệ mặt trời đặc thù của chúng ta, nếu “hệ mặt trời” được hiểu là những nhóm gồm bảy ngôi sao lớn.

This series involves the Pleiades.

Chuỗi này liên quan đến Pleiades.

222. Just as the series of systemic triangles always includes the Sun (Sun/Venus/Earth, or, proposed, Sun/Mercury/Mars), so the Pleiades as a whole (perhaps in their entirety —more than eight hundred stars) would, on a higher turn of the spiral, act as the Sun. The real local cosmic Central Spiritual Sun would be the Pleiades in their entirety and especially the Super-Constellational Logos expressing through them—namely, the “One About Whom Naught May Be Said”.

222. Cũng như chuỗi các tam giác hệ thống luôn bao gồm Mặt Trời (Mặt Trời/Sao Kim/Trái Đất, hay như được đề xuất, Mặt Trời/Sao Thủy/Sao Hỏa), thì toàn thể Pleiades (có lẽ trong toàn bộ của chúng—hơn tám trăm ngôi sao) ở một vòng xoắn cao hơn sẽ hoạt động như Mặt Trời. Mặt trời Tinh thần Trung Ương cục bộ vũ trụ thực sự sẽ là toàn thể Pleiades, và đặc biệt là Thượng đế Siêu Chòm Sao biểu lộ qua chúng—tức là, Đấng Bất Khả Tư Nghị.

223. The correspondences to the planets, lesser than the “Sun”, would be Cosmic Logoi

223. Những tương ứng với các hành tinh, nhỏ hơn “Mặt Trời”, sẽ là các Thượng đế Vũ

and Their systems—the Logoi of certain of the great constellations in our local cosmos such as the Great Bear, Little Bear, Orion, Draco, etc.

Trụ và các hệ của Các Ngài—các Thượng đế của một số chòm sao lớn trong vũ trụ cục bộ của chúng ta như Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh, Orion, Draco, v.v.

The fact that this is so will not be known until the last decade of the present century,

Sự kiện này sẽ không được biết cho đến thập niên cuối của thế kỷ hiện tại,

224. We might ask, "Known by whom"? This discovery will not come from contemporary science. In fact the last decade of the twentieth century has come and gone and this piece of knowledge has not emerged in the scientific community.

224. Chúng ta có thể hỏi, "Được biết bởi ai?" Khám phá này sẽ không đến từ khoa học đương đại. Thật vậy, thập niên cuối của thế kỷ hai mươi đã đến rồi qua đi, và mảnh tri thức này vẫn chưa xuất hiện trong cộng đồng khoa học.

225. Perhaps it is among esotericists and students of occult astronomy and cosmic cycles that the indicated hypotheses must be put forth. Certainly, at our stage of development, we have hypothesis and not confirmed knowledge.

225. Có lẽ chính trong giới các nhà bí truyền học và những người nghiên cứu thiên văn học huyền môn cùng các chu kỳ vũ trụ mà các giả thuyết được chỉ ra này phải được đưa ra. Chắc chắn, ở giai đoạn phát triển của chúng ta, chúng ta có giả thuyết chứ chưa có tri thức được xác nhận.

and will not be recognised by science till that time when certain lines of knowledge and discovery **will bring scientists to a realisation that there is a third type of electricity, which ever balances and forms the apex of the triangle.** But the time is not yet.

và sẽ không được khoa học côngnhận cho đến thời điểm khi một số đường hướng tri thức và khám phá **sẽ đưa các nhà khoa học đến chỗ chứng nghiệm rằng có một loại điện thứ ba, luôn luôn quân bình và tạo thành đỉnh của tam giác.** Nhưng thời điểm ấy vẫn chưa đến.

226. As far as we known, equilibrizing electricity has not been discovered.

226. Theo như chúng ta biết, điện năng quân bình hóa vẫn chưa được khám phá.

227. From one perspective, we would expect to find at the apex of the triangle that which balances Spirit and matter, positive and negative.

227. Từ một góc nhìn, chúng ta sẽ mong tìm thấy ở đỉnh của tam giác điều quân bình tinh thần và vật chất, dương và âm.

228. In the triangle Sun/Venus/Earth, does Venus play this role? If there were a triangle, Sun/Mercury/Mars, would Mercury play this role?

228. Trong tam giác Mặt Trời/Sao Kim/Trái Đất, có phải Sao Kim đóng vai trò này không? Nếu có một tam giác Mặt Trời/Sao

Thủy/Sao Hỏa, có phải Sao Thủy sẽ đóng vai trò này không?

All that is here said is expressed in terms of deva groups and deva forces, which form (in their aggregate) **substance responsive to analogous vibration.**

Tất cả những gì được nói ở đây đều được diễn đạt theo các nhóm thiên thần và các mãnh lực thiên thần, những yếu tố tạo thành (trong tổng thể của chúng) **chất liệu đáp ứng với rung động tương tự.**

229. Forces which interplay harmoniously do so because they share "analogous vibration".

229. Các mãnh lực tương tác hài hòa với nhau làm như vậy vì chúng chia sẻ "rung động tương tự".

230. In the triangle Sun/Venus/Earth, groups related by analogous vibration are to be found and hence the transmission.

230. Trong tam giác Mặt Trời/Sao Kim/Trái Đất, có thể tìm thấy các nhóm liên hệ bởi rung động tương tự, và do đó có sự truyền dẫn.

This is occultly expressed under certain definite names.

Điều này được diễn đạt một cách huyền bí dưới những danh xưng xác định nào đó.

231. We can question whether these names are for exoteric consumption. From the scrupulous blinding process use, apparently they are not.

231. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu những danh xưng này có dành cho sự tiếp nhận ngoại môn hay không. Từ tiến trình làm mù che cẩn mật được sử dụng, rõ ràng là không.

It is possible, therefore, to transmit safely information of a character incomprehensible to the profane

Do đó, có thể truyền đạt một cách an toàn thông tin có tính chất không thể hiểu được đối với kẻ phàm tục

232. DK uses the old terminology. Occultly, "the profane" are those who stand outside the entry, gate or perimeter of the Temple.

232. Chân sư DK dùng thuật ngữ cổ. Theo huyền môn, "kẻ phàm tục" là những người đứng bên ngoài lối vào, cổng hay chu vi của Đền Thờ.

in such a phrase, for instance, as: "The triangle of...of...and of Group...of the Agnisuryans formed itself, and in the turning of the Wheel produced the third."

trong một cụm từ, chẳng hạn như: "Tam giác của...của...và của Nhóm...của các Agnisuryan đã tự hình thành, và trong sự quay của Bánh Xe đã tạo ra thứ ba."

233. The real information is hidden in number. To give the *number* of a particular

233. Thông tin thực sự được ẩn trong con số. Việc nêu ra *con số* của một nhóm Agnisuryan

group of Agnisuryans is not to reveal the nature and function of that group, except to those who are knowers.

đặc biệt không phải là tiết lộ bản chất và chức năng của nhóm ấy, ngoại trừ đối với những thức giả.

234. If to "the profane" it is said that the "turning of the Wheel produced the third", immediately the questions arise, "What Wheel?" "The third what?"

234. Nếu với "kẻ phàm tục" mà nói rằng "sự quay của Bánh Xe đã tạo ra thứ ba", thì lập tức các câu hỏi nảy sinh: "Bánh Xe nào?" "Thứ ba là gì?"

This conveys to the mind of the occultist the knowledge [Page 665] that in the flow of force from a particular constellation, outside our system altogether, through a particular planetary scheme, and thus through the astral body of a planetary Logos, a condition was brought about which produced the appearance of the third kingdom in nature, the sentient conscious animal kingdom.

Điều này truyền đạt cho trí tuệ của nhà huyền bí học tri thức [Page 665] rằng trong dòng chảy của mãnh lực từ một chòm sao đặc biệt, hoàn toàn ở ngoài hệ của chúng ta, qua một hệ hành tinh đặc biệt, và như thế qua thể cảm dục của một Hành Tinh Thượng Đế, một điều kiện đã được tạo ra, điều kiện ấy đã tạo nên sự xuất hiện của giới thứ ba trong thiên nhiên, giới động vật hữu cảm hữu thức.

235. DK seems to be using this description only as an example, but perhaps He is conveying something more?

235. Chân sư DK dường như chỉ dùng mô tả này như một ví dụ, nhưng có lẽ Ngài đang truyền đạt điều gì đó hơn nữa chăng?

236. Could it be (hypothetically) that from the constellation—let us say— Scorpius (outside our solar system altogether) and through the planetary scheme of Mars and thus through the astral body of *our* Planetary Logos (involving the 'x' group of Agnisuryans), the third kingdom in nature (the animal kingdom), ruled by Mars, was made to appear.

236. Có thể chăng (theo giả thuyết) rằng từ chòm sao—chúng ta hãy nói là—Hổ Cáp (hoàn toàn ở ngoài hệ mặt trời của chúng ta) và qua hệ hành tinh Sao Hỏa, rồi như thế qua thể cảm dục của *Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (liên quan đến nhóm Agnisuryan 'x'), giới thứ ba trong thiên nhiên (giới động vật), do Sao Hỏa cai quản, đã được làm cho xuất hiện.

237. In this connection we may also wish to consider the relation of the constellation Orion (the Hunter) to the animal kingdom.

237. Trong mối liên hệ này, chúng ta cũng có thể muốn xem xét mối liên hệ của chòm sao Orion (Thợ Săn) với giới động vật.

3. The animal kingdom—The Moon and Mars (EP I 245)

3. Giới động vật—Mặt Trăng và Sao Hỏa (EP I 245)

Some such similar phrase embodies also the deva connection with man's

Một cụm từ tương tự nào đó cũng hàm chứa mối liên hệ thiên thần với sự biệt ngã hóa

individualisation, but it profits not to pass it on;

238. Could it be (hypothetically) that from the constellation Sirius (considering Sirius as a constellation and not just a star) and through the planetary scheme of Venus, and thus through the *mental* body of our Planetary Logos (involving the 'x' group of Agnishvattas), the fourth kingdom of nature (the human kingdom), ruled by Venus, was made to appear.

239. Humanity as a Creative Hierarchy is ruled by Mercury but as the individualized human kingdom, by Venus (ruling the Solar Angels who provided the causal body).

the above is only quoted in order to do three things:

1. Demonstrate somewhat the nature and extent of the forces flowing through our system.

240. We see that these forces flow through B/beings of widely varying vibratory level, scope and quality. A Constellational Logos is far greater than a Planetary Logos Who is far greater than the Raja Deva Lord of a plane, Who is far greater than the evolutionary devas who guide the response of vehicles composed of elemental substance within the plane ruled by the Raja Deva Lord.

241. DK, we see, is not revealing exact information, but is offering sufficient hints to indicate the nature of that which He may be concealing.

của con người, nhưng không ích gì khi truyền lại nó;

238. Có thể chăng (theo giả thuyết) rằng từ chòm sao Sirius (xét Sirius như một chòm sao chứ không chỉ là một ngôi sao) và qua hệ hành tinh Sao Kim, rồi như thế qua thể *trí* của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (liên quan đến nhóm Agnishvatta 'x'), giới thứ tư trong thiên nhiên (giới nhân loại), do Sao Kim cai quản, đã được làm cho xuất hiện.

239. Nhân loại như một Huyền Giai Sáng Tạo được Sao Thủy cai quản, nhưng như giới nhân loại đã được biệt ngã hóa thì do Sao Kim cai quản (cai quản các Thái dương Thiên Thần, những Đấng đã cung cấp thể nguyên nhân).

điều trên đây chỉ được trích dẫn nhằm làm ba việc:

1. Chứng minh phần nào bản chất và phạm vi của các mãnh lực chảy qua hệ của chúng ta.

240. Chúng ta thấy rằng các mãnh lực này chảy qua những Hữu thể có cấp độ rung động, tầm mức và phẩm tính rất khác nhau. Một Thượng đế Chòm Sao vĩ đại hơn rất nhiều so với một Hành Tinh Thượng Đế, Đấng lại vĩ đại hơn rất nhiều so với Chúa Tể Raja Deva của một cõi, Đấng lại vĩ đại hơn rất nhiều so với các thiên thần thăng thượng tiến hoá hướng dẫn sự đáp ứng của các vận cụ được cấu thành từ chất liệu hành khí trong cõi do Chúa Tể Raja Deva cai quản.

241. Như chúng ta thấy, Chân sư DK không tiết lộ thông tin chính xác, nhưng đưa ra đủ những gợi ý để chỉ ra bản chất của điều mà Ngài có thể đang che giấu.

2. Show the close connection we have with the deva evolution.

2. Cho thấy mối liên hệ mật thiết của chúng ta với tiến hoá thiên thần.

242. Humanity would not have been created (at least on our chain) without the involvement of the deva kingdom.

242. Nhân loại đã không thể được tạo ra (ít nhất là trên dãy của chúng ta) nếu không có sự tham dự của giới thiên thần.

243. In fact we can think of humanity as 'deva substance plus a god'.

243. Thật vậy, chúng ta có thể nghĩ về nhân loại như là "chất liệu thiên thần cộng với một vị thần".

244. From what DK say, the animal kingdom, as well, necessitated the involvement of the Agnisuryans.

244. Từ điều Chân sư DK nói, giới động vật cũng đòi hỏi sự tham dự của các Agnisuryan.

245. We remember reading of the close connection between Varuna and the Entity ensouling the animal kingdom.

245. Chúng ta nhớ đã đọc về mối liên hệ mật thiết giữa Varuna và Thực Thể phú linh cho giới động vật.

3. Emphasise the triangular nature and interrelation of all that eventuates.

3. Nhấn mạnh bản chất tam giác và sự tương liên của mọi điều được tạo thành.

246. It seems that if some new factor in manifestation is to emerge, that emergence depends upon a triangular interplay of energies.

246. Dường như nếu một yếu tố mới nào đó trong biểu hiện sắp xuất hiện, thì sự xuất hiện ấy tùy thuộc vào một sự tương tác tam giác của các năng lượng.

247. Think how the Eye of Shiva does not emerge until there is a triangular interplay between the crown center, the ajna center and the alta major center.

247. Hãy nghĩ xem Mắt của Shiva không xuất hiện cho đến khi có sự tương tác tam giác giữa trung tâm đỉnh đầu, trung tâm ajna và trung tâm alta major.

It might be advisable here to bring out a point in connection with the devas of the lower planes (those with whom man is peculiarly connected).

Ở đây có lẽ nên nêu ra một điểm liên quan đến các thiên thần của các cõi thấp (những vị mà con người có liên hệ đặc biệt).

248. Though it is not safe for average man to consciously attempt to manipulate or control these devas, he cannot avoid interacting with them.

248. Dù con người trung bình không an toàn khi cố ý thức thao túng hay kiểm soát các thiên thần này, y không thể tránh khỏi việc tương tác với họ.

They can be divided into certain groups, indicating their place in the scale of consciousness.

Họ có thể được chia thành một số nhóm nhất định, cho thấy vị trí của họ trên thang tâm thức.

249. There are scales of form and scales of consciousness. In modern occultism, we are particularly concerned with scales of consciousness.

249. Có những thang hình tướng và những thang tâm thức. Trong huyền bí học hiện đại, chúng ta đặc biệt quan tâm đến những thang tâm thức.

Perhaps the question may here be asked why we are dealing only with those deva groups which are to be found in the three worlds. Occultly understood, these devas (of the type we are considering) are only found in the dense physical body of the Logos,—being the substance of the lower three subplanes of the cosmic physical.

Có lẽ ở đây có thể đặt câu hỏi vì sao chúng ta chỉ bàn đến những nhóm thiên thần được tìm thấy trong ba cõi giới. Theo nghĩa huyền bí, các thiên thần này (thuộc loại chúng ta đang xem xét) chỉ được tìm thấy trong thể xác đậm đặc của Thượng đế, — là chất liệu của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

250. While, until the third initiation is passed, we are advised not to attempt conscious interplay with such devas, they are the unavoidable participants in the life of man in the three lower worlds.

250. Trong khi, cho đến khi vượt qua lần điểm đạo thứ ba, chúng ta được khuyên không nên cố gắng tương tác có ý thức với các thiên thần như thế, họ vẫn là những thành phần tham dự không thể tránh khỏi trong đời sống của con người trong ba cõi thấp.

The old Commentary says as follows:

Cổ Luận nói như sau:

"The spheres of fire seek location upon the lower three. They originate by medium of the fifth, yet merge upon the planes of yoga. When the fiery essences permeate all, then there is no more the fifth nor sixth, nor seventh, but only the three shining by medium of the fourth."

"Các khối cầu lửa tìm chỗ định vị trên ba cõi thấp. Chúng phát nguyên qua trung gian của cõi thứ năm, nhưng hợp nhất trên các cõi yoga. Khi các tinh chất lửa thấm nhập mọi sự, thì không còn cõi thứ năm, thứ sáu hay thứ bảy nữa, mà chỉ còn ba cõi chiếu sáng qua trung gian của cõi thứ tư."

251. DK is using the same method of 'numerical blinding' which He discussed above. The various groups are numbered, but no explicit information is given concerning exactly which groups are meant.

251. Chân sư DK đang dùng cùng một phương pháp "làm mù bằng số" mà Ngài đã bàn ở trên. Các nhóm khác nhau được đánh số, nhưng không có thông tin minh nhiên nào được đưa ra về chính xác những nhóm nào được hàm ý.

252. We can attempt a rather microcosmic interpretation—one which has it deficiencies. As we learn below, there is an interpretation which concerns more than man.

252. Chúng ta có thể thử một cách giải thích khá vi mô — một cách có những thiếu sót của nó. Như chúng ta sẽ thấy ở dưới, có một cách giải thích liên quan đến nhiều hơn là con người.

253. The Monads may be the spheres of fire. When they go forth on their Pilgrimage, "they seek location upon the lower three". In other words, they seek to demonstrate within the lower three worlds.

253. Các Chân thần có thể là những khối cầu lửa. Khi các Ngài lên đường trong cuộc Hành Hương của mình, "các Ngài tìm chỗ định vị trên ba cõi thấp". Nói cách khác, các Ngài tìm cách biểu lộ trong ba cõi thấp.

254. Following this line (which may or may not be correct), the spheres of fire emerge onto the lower three through the medium ("by medium") of the Fifth Creative Hierarchy, the Agnishvattas, who make this emergence, *as man,* possible.

254. Theo đường lối này (có thể đúng mà cũng có thể không), các khối cầu lửa xuất hiện trên ba cõi thấp qua trung gian ("by medium") của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm, các Agnishvatta, những vị làm cho sự xuất hiện này, *như con người,* trở nên khả hữu.

255. From a much higher perspective, emergence "by medium of the fifth" may reference the cosmic mental plane.

255. Từ một viễn tượng cao hơn nhiều, sự xuất hiện "qua trung gian của cõi thứ năm" có thể quy chiếu đến cõi trí vũ trụ.

256. The "planes of yoga" are particularly the higher two planes of the spiritual triad and especially the buddhic plane.

256. "Các cõi yoga" đặc biệt là hai cõi cao của Tam nguyên tinh thần và nhất là cõi Bồ đề.

257. The causal bodies of humanity are related to each other on the mental plane but their essence merges on the buddhic plane, presumably after the fourth initiation is experienced.

257. Các thể nguyên nhân của nhân loại có liên hệ với nhau trên cõi trí nhưng tinh túy của chúng hợp nhất trên cõi Bồ đề, có lẽ sau khi lần điểm đạo thứ tư được kinh nghiệm.

258. The fiery essences, permeating all, can indicate a stage of complete soul infusion of the lower three worlds (inspired by the Solar Angels). The energies provided by the Fifth Creative Hierarchy would have flowed into the spheres of the lower devic lives, infusing and redeeming those spheres.

258. Các tinh chất lửa, thấm nhập mọi sự, có thể chỉ ra một giai đoạn linh hồn thấm nhuần hoàn toàn ba cõi thấp (được các Thái dương Thiên Thần truyền cảm hứng). Những năng lượng do Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm cung cấp hẳn đã tuôn vào các khối cầu của các sự sống thiên thần thấp, thấm nhuần và cứu chuộc các khối cầu ấy.

259. Then there would be no need for vehicles in the dense physical plane of the Planetary Logos, and thus the fifth, sixth and seventh groups of devas (the lower Agnishvattas, the astral Agnisuryans and the Agnichaitans) would disappear as would the planes which represent the non-principled substance of the Planetary Logos. Then only, the spiritual triad (the three) would shine forth through the medium of the Fourth Creative Hierarchy (the human Creative Hierarchy). The life of the Planetary Logos would then be completely centered in His etheric body (cosmically considered).

259. Khi đó sẽ không còn cần đến các vận cụ trong cõi hồng trần đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và như thế các nhóm thiên thần thứ năm, thứ sáu và thứ bảy (các Agnishvatta thấp, các Agnisuryan cảm dục và các Agnichaitan) sẽ biến mất, cũng như các cõi vốn tượng trưng cho chất liệu không nguyên khí của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Chỉ khi ấy, Tam Nguyên Tinh Thần (ba) mới chiếu sáng qua trung gian của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư (Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại). Khi đó sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế sẽ hoàn toàn tập trung trong thể dĩ thái của Ngài (xét theo nghĩa vũ trụ).

260. Even if this interpretation is incorrect in part or entirely, it give a sense of the different groupings which can be signified by numbers. Numbers remain what they are, but the B/beings which they reference change constantly.

260. Ngay cả nếu cách giải thích này sai một phần hay hoàn toàn, nó vẫn đem lại một cảm nhận về những nhóm khác nhau có thể được biểu thị bằng các con số. Các con số vẫn là chính chúng, nhưng các B/bản thể mà chúng quy chiếu đến thì thay đổi không ngừng.

261. Only those who are very well versed in the occult lore can be sure of their interpretation.

261. Chỉ những ai rất tinh thông tri thức huyền bí mới có thể chắc chắn về cách giải thích của mình.

Therefore, for the purposes of our present study, the devas are only to be found in the three worlds.

Vì vậy, cho mục đích của cuộc nghiên cứu hiện tại của chúng ta, các thiên thần chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới.

262. We have not yet reached the point of planetary development when the three are shining forth through the medium of the fourth. Thus, we study that which lies immediately before us—the devas which are to be found in the three worlds.'

262. Chúng ta chưa đạt đến điểm phát triển hành tinh khi ba cõi đang chiếu sáng qua trung gian của cõi thứ tư. Vì thế, chúng ta nghiên cứu điều nằm ngay trước mắt mình — các thiên thần được tìm thấy trong ba cõi giới.'

263. I do not think that DK means to suggest that *all* members of the deva kingdom are to be found *only* in the three lower worlds.

263. Tôi không nghĩ rằng Chân sư DK muốn gợi ý rằng *mọi* thành viên của giới thiên thần chỉ được tìm thấy *duy nhất* trong ba cõi thấp.

Beyond those three planes we have the three aspects of [Page 666] the major three manifesting through the fourth; we have consequently the spheres of the planetary Logoi upon the plane of buddhi.

Vượt lên trên ba cõi ấy, chúng ta có ba phương diện của [Page 666] ba đấng đại biểu hiện qua đấng thứ tư; do đó chúng ta có các khối cầu của các Hành Tinh Thượng Đế trên cõi Bồ đề.

264. DK seems to be offering more hints concerning the meaning of the paragraph interpreted above.

264. Chân sư DK dường như đang đưa ra thêm những gợi ý về ý nghĩa của đoạn văn đã được giải thích ở trên.

265. These hints point to the potentially macrocosmic nature of the interpreted paragraph. DK seems to be speaking in terms of Planetary Logoi.

265. Những gợi ý này chỉ đến bản chất có thể là đại thiên địa của đoạn văn được giải thích. Chân sư DK dường như đang nói theo thuật ngữ của các Hành Tinh Thượng Đế.

266. We are perhaps presented with a picture of three major Logoi focussed on the higher three cosmic ethers and manifesting through those Planetary Logoi connected especially with the fourth cosmic ether.

266. Có lẽ chúng ta được trình bày một bức tranh về ba Thượng đế lớn tập trung trên ba dĩ thái vũ trụ cao và biểu hiện qua những Hành Tinh Thượng Đế đặc biệt liên hệ với dĩ thái vũ trụ thứ tư.

267. If we review the Chart VIII (TCF,817) and examine the etheric microcosmic structure (and then extrapolate to the possible planetary significance of this structure) we shall find ourselves contemplating a triangle of centers hovering above a fourth dimension or plane where a number of other centers are expressing. The Chart shows three hovering above four.

267. Nếu chúng ta xem lại Biểu đồ VIII (TCF,817) và khảo sát cấu trúc vi mô dĩ thái (rồi ngoại suy sang ý nghĩa hành tinh khả dĩ của cấu trúc này), chúng ta sẽ thấy mình đang chiêm ngưỡng một tam giác các trung tâm lơ lửng phía trên một chiều kích hay cõi thứ tư, nơi một số trung tâm khác đang biểu lộ. Biểu đồ cho thấy ba ở phía trên bốn.

268. What DK said earlier about Aspects and Attributes may also be referenced when we attempt to interpret the paragraph. It seems that all Attributes but one are disappearing, the fourth Attribute synthesizing the lower three. The three Aspects express through this synthesizing fourth Attribute.

268. Điều Chân sư DK đã nói trước đó về Các Cung Trạng Thái và Các Cung Thuộc Tính cũng có thể được quy chiếu đến khi chúng ta cố gắng giải thích đoạn văn này. Dường như mọi Thuộc Tính trừ một đều đang biến mất, Thuộc Tính thứ tư tổng hợp ba thuộc tính thấp. Ba Trạng Thái biểu lộ qua Thuộc Tính thứ tư có tính tổng hợp này.

269. We must remember that the buddhic plane serves as a concrete vehicle for the higher three cosmic etheric planes.

269. Chúng ta phải nhớ rằng cõi Bồ đề phục vụ như một vận cụ cụ thể cho ba cõi dĩ thái vũ trụ cao hơn.

270. In a general sense, DK may also be describing progressive relationships between the seven systemic planes and thus between seven Raja Deva Lords.

270. Theo một nghĩa tổng quát, Chân sư DK cũng có thể đang mô tả những mối liên hệ tiến triển giữa bảy cõi hệ thống và do đó giữa bảy Raja Deva Lords.

271. It seems there will come a time with the three lower systemic planes will be abstracted and the higher three will manifest through the fourth.

271. Dường như sẽ đến một thời điểm khi ba cõi hệ thống thấp được rút trừu tượng ra và ba cõi cao sẽ biểu hiện qua cõi thứ tư.

272. From another perspective, Kshiti, Varuna and lower Agni will be abstracted, withdrawn or absorbed into synthetic Indra, and the Raja Deva Lords Who correlated with Shiva, Vishnu and Brahma will manifest through synthetic Indra.

272. Từ một viễn tượng khác, Kshiti, Varuna và Agni thấp sẽ được rút ra, thu hồi hay hấp thu vào Indra tổng hợp, và các Raja Deva Lords tương ứng với Shiva, Vishnu và Brahma sẽ biểu hiện qua Indra tổng hợp.

273. In any case, we have to get used to interpreting obscure occult paragraphs (which offer us only numbers) to designate various orders of B/beings and their interrelationships. It is not easy, but with practice (and many mistakes—as I am sure exist in the interpretations above) we shall know what is *really* meant by the blinded communications.

273. Dù sao đi nữa, chúng ta phải làm quen với việc giải thích những đoạn huyền bí tối nghĩa (chỉ cho chúng ta các con số) để chỉ định những cấp bậc B/bản thể khác nhau và các tương liên của chúng. Điều này không dễ, nhưng với thực hành (và nhiều sai lầm — như tôi chắc chắn có trong các cách giải thích trên) chúng ta sẽ biết điều gì *thực sự* được hàm ý bởi những truyền đạt đã bị làm mù.

They synthesise all that has been developing through the denser manifestation.

Chúng tổng hợp tất cả những gì đã phát triển qua biểu hiện đậm đặc hơn.

274. DK continues to speak of Planetary Logoi, and, it would seem, of the three synthesizing planets.

274. Chân sư DK tiếp tục nói về các Hành Tinh Thượng Đế, và dường như là về ba hành tinh tổng hợp.

From the standpoint of the esoteric philosophy, the cosmic physical plane on

Từ quan điểm của triết học huyền bí, cõi hồng trần vũ trụ, trên đó toàn bộ hệ mặt trời

which our entire solar system has its place must be studied in a dual manner:

275. We remember that the solar system is only the etheric-physical body of our Solar Logos. He has other vehicles which, technically, are not part of His solar system.

1. From the point of view of the Heavenly Men, covering the evolutions of the four higher planes, or the etheric levels. Of these we can know practically nothing until after initiation,

276. Namely the *third* initiation.

277. An analogy stands forth. Human beings develop within the dense physical body of the Solar Logos. Heavenly Men serve and express within the etheric body of the Solar Logos and, of course, through the medium of their own etheric bodies—at least three of the four cosmic ethers.

at which time the consciousness of the human being is transferred gradually on to the cosmic etheric planes.

278. We are under no illusions regarding the focus of consciousness of the majority of us; it is still within the dense physical body of the Solar Logos and not even focused within the highest level of that dense physical body.

2. From the standpoint of the human being in the three worlds. Man is the consummating evolution in the three worlds, just as the Heavenly Men are in the higher four.

của chúng ta có vị trí của nó, phải được nghiên cứu theo hai cách:

275. Chúng ta nhớ rằng hệ mặt trời chỉ là thể hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Ngài có những vận cụ khác mà, về mặt kỹ thuật, không thuộc về hệ mặt trời của Ngài.

1. Từ quan điểm của các Đấng Thiên Nhân, bao trùm các tiến hoá của bốn cõi cao hơn, hay các cấp dĩ thái. Về những điều này, trên thực tế chúng ta hầu như không thể biết gì cho đến sau điểm đạo,

276. Cụ thể là lần điểm đạo *thứ ba*.

277. Một sự tương đồng hiện ra rõ rệt. Con người phát triển trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Các Đấng Thiên Nhân phụng sự và biểu lộ trong thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế và, dĩ nhiên, qua trung gian các thể dĩ thái riêng của Các Ngài — ít nhất là ba trong bốn dĩ thái vũ trụ.

vào lúc mà tâm thức của con người được chuyển dịch dần sang các cõi dĩ thái vũ trụ.

278. Chúng ta không có ảo tưởng nào về tiêu điểm tâm thức của đa số chúng ta; nó vẫn còn ở trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và thậm chí còn chưa tập trung trong cấp độ cao nhất của thể xác đậm đặc ấy.

2. Từ quan điểm của con người trong ba cõi giới. Con người là tiến hoá hoàn tất trong ba cõi giới, cũng như Đấng Thiên Nhân là như vậy trong bốn cõi cao hơn.

279. This is an excellent comparison. However, the analogy must be closely studied. Whereas man can undertake his evolution up to the third initiation within the dense physical body of the Solar Logos, the Heavenly Man *cannot* undertake His evolution up to the third initiation or even the second if His consciousness remains focussed only within the cosmic ethers.

279. Đây là một sự so sánh rất hay. Tuy nhiên, sự tương đồng này phải được nghiên cứu kỹ. Trong khi con người có thể đảm nhận tiến hoá của mình cho đến lần điểm đạo thứ ba trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế, thì Đấng Thiên Nhân *không thể* đảm nhận tiến hoá của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ ba hay thậm chí lần thứ hai nếu tâm thức của Ngài chỉ còn tập trung trong các dĩ thái vũ trụ.

In the three worlds, we have the parallel evolutions—deva and human in their many varying grades—the human naturally concerning us the most intimately, **though the two evolve through interaction with each other.**

Trong ba cõi giới, chúng ta có những tiến hoá song hành — thiên thần và nhân loại trong nhiều cấp bậc khác nhau của họ — dĩ nhiên nhân loại liên hệ với chúng ta mật thiết nhất, **mặc dù cả hai tiến hoá qua sự tương tác với nhau.**

280. It has been said by Alexander Pope that "the proper study of mankind is man". As interested as we may be in the deva kingdom (and as students of occultism, we *must* be interested), we must realize that because we are human beings the study of the human kingdom concerns us most intimately. Of course, that study necessarily involves the study of certain particular devas.

280. Alexander Pope đã nói rằng "đối tượng nghiên cứu thích đáng của nhân loại là con người". Dù chúng ta có thể quan tâm đến giới thiên thần đến đâu (và với tư cách đạo sinh huyền bí học, chúng ta *phải* quan tâm), chúng ta phải nhận ra rằng vì chúng ta là con người nên việc nghiên cứu giới nhân loại liên hệ với chúng ta mật thiết nhất. Dĩ nhiên, việc nghiên cứu ấy tất yếu bao hàm việc nghiên cứu một số thiên thần đặc thù.

281. We understand the neither man nor deva can evolve without interaction with the other. Though these two kingdoms are parallel, they are, mutually dependent.

281. Chúng ta hiểu rằng cả con người lẫn thiên thần đều không thể tiến hoá nếu không có sự tương tác với bên kia. Dù hai giới này là song hành, chúng vẫn phụ thuộc lẫn nhau.

In the higher four worlds, we have this duality viewed as a unity, and the aspect of the synthetic evolution of the Heavenly Men is the one considered.

Trong bốn cõi cao hơn, chúng ta thấy nhị nguyên tính này được nhìn như một hợp nhất, và phương diện của tiến hoá tổng hợp của các Đấng Thiên Nhân là điều được xem xét.

282. The duality meant is the duality formed by the relationship of humans and devas.

282. Nhị nguyên tính được nói đến là nhị nguyên tính được hình thành bởi mối liên hệ giữa con người và thiên thần.

283. There are number of quotations which tell us that on the higher planes (the buddhic plane and the monadic plane) the two kingdoms approximate each other, begin to blend and finally merge.

283. Có nhiều trích dẫn cho chúng ta biết rằng trên các cõi cao (cõi Bồ đề và cõi chân thần), hai giới này xích lại gần nhau, bắt đầu hòa trộn và cuối cùng hợp nhất.

284. The higher planes (the cosmic ethers) are planes of synthesis. They concern the life of the Planetary Logos and on those planes the ancient enmity between man and deva is dissolved and one phase of the "battle of the sexes" is resolved.

284. Các cõi cao (các dĩ thái vũ trụ) là những cõi tổng hợp. Chúng liên hệ đến sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế và trên những cõi ấy, mối thù nghịch cổ xưa giữa con người và thiên thần được giải tan, và một phương diện của "cuộc chiến giữa hai giới tính" được giải quyết.

It would interest us much could we but understand a little of the point of view of those great devas Who co-operate intelligently in the plan of evolution.

Điều đó sẽ khiến chúng ta rất quan tâm nếu chúng ta có thể hiểu được đôi chút quan điểm của những thiên thần vĩ đại đang cộng tác một cách thông tuệ trong kế hoạch tiến hoá.

285. Here we are speaking of the Raja Deva Lords of the systemic planes.

285. Ở đây chúng ta đang nói về các Raja Deva Lords của các cõi hệ thống.

They have Their own method of expressing these ideas, the medium being colour which can be heard, and sound which can be seen. Man reverses the process and sees colors and hears sounds.

Các Ngài có phương pháp riêng để biểu đạt những ý tưởng này, với môi giới là màu sắc có thể được nghe thấy, và âm thanh có thể được nhìn thấy. Con người đảo ngược tiến trình ấy và thấy màu sắc, nghe âm thanh.

286. DK is suggesting that the abstruse matters He is discussing are *also* expressed by the highly evolved devas although in a manner quite the opposite of the manner used by humanity.

286. Chân sư DK đang gợi ý rằng những vấn đề thâm áo mà Ngài đang bàn đến *cũng* được các thiên thần tiến hoá cao biểu đạt, tuy theo một cách hoàn toàn đối nghịch với cách mà nhân loại sử dụng.

287. These high devas also need to impart what they know. They too have accessed

287. Những thiên thần cao này cũng cần truyền đạt điều họ biết. Họ cũng đã tiếp cận

ideas which they need to convey to those they instruct.

288. There are some human beings equipped with special abilities which resemble what DK is here discussing: they can see sound and hear color. The experience has been called “synthesia”.

289. Color and sound are distinguished by different vibratory frequencies. According to human knowledge, color is the result of frequencies far higher than those heard as sound, but we cannot take man’s very relative point of view and think that it expresses the complete truth. It is reasonable to think that there are colors expressing at very low frequencies and sounds, at very high.

290. Perhaps a simple approach would be to think that that which the human being experiences as color, the deva experiences as sound, and that which the human being experiences a sound, the deva experiences as color.

291. Subjectively (as representations in consciousness) sound is sound and color is color. We are given to understand that sound and color are experienced by *both* human beings and devas. But the same range of frequencies (we are led to believe) will produce contrasting subjective effects in man and deva—color in one, sound in the other.

A hint lies here as to **the necessity for symbols**, for **they are signs which convey cosmic truths**, and instruction, and **can be comprehended alike by the evolved of both evolutions.**

những ý tưởng mà họ cần chuyển đạt cho những người họ huấn luyện.

288. Có một số con người được trang bị những khả năng đặc biệt tương tự điều Chân sư DK đang bàn ở đây: họ có thể thấy âm thanh và nghe màu sắc. Kinh nghiệm này được gọi là “synthesia”.

289. Màu sắc và âm thanh được phân biệt bởi những tần số rung động khác nhau. Theo tri thức của con người, màu sắc là kết quả của những tần số cao hơn rất nhiều so với những gì được nghe như âm thanh, nhưng chúng ta không thể lấy quan điểm rất tương đối của con người mà nghĩ rằng nó biểu đạt toàn bộ chân lý. Thật hợp lý khi nghĩ rằng có những màu sắc biểu lộ ở tần số rất thấp và những âm thanh ở tần số rất cao.

290. Có lẽ một cách tiếp cận đơn giản là nghĩ rằng điều con người kinh nghiệm như màu sắc thì thiên thần kinh nghiệm như âm thanh, và điều con người kinh nghiệm như âm thanh thì thiên thần kinh nghiệm như màu sắc.

291. Về mặt chủ quan (như những biểu tượng trong tâm thức), âm thanh là âm thanh và màu sắc là màu sắc. Chúng ta được cho hiểu rằng cả âm thanh lẫn màu sắc đều được kinh nghiệm bởi *cả* con người lẫn thiên thần. Nhưng cùng một dải tần số (như chúng ta được dẫn đến để tin) sẽ tạo ra những hiệu quả chủ quan tương phản nơi con người và thiên thần — màu sắc ở bên này, âm thanh ở bên kia.

Ở đây có một gợi ý về **sự cần thiết của các biểu tượng**, vì **chúng là những dấu hiệu chuyển tải các chân lý vũ trụ**, sự huấn thị, và **có thể được những thực thể tiến hoá của cả hai tiến hoá thấu hiểu như nhau.**

292. Those systems of spiritual education which employ symbols extensively in the instruction they offer, have the possibility of communicating more readily with the deva kingdom. One thinks of Masonry in this regard.

292. Những hệ thống giáo dục tinh thần sử dụng biểu tượng một cách rộng rãi trong sự huấn luyện mà chúng cung cấp có khả năng giao tiếp dễ dàng hơn với giới thiên thần. Người ta nghĩ đến Hội Tam Điểm về phương diện này.

293. The members of the deva kingdom (the higher ones) communicate in symbol. We can wonder about the crop circle phenomenon. Something intelligent (even wise), so it appears, is definitely being communicated and the medium of communication is symbol. Are great devas behind this form of communication—a communication ostensibly intended to reach the understanding of man.

293. Các thành viên của giới thiên thần (những vị cao hơn) giao tiếp bằng biểu tượng. Chúng ta có thể tự hỏi về hiện tượng vòng tròn trên đồng ruộng. Một điều gì đó có trí tuệ (thậm chí minh triết), dường như vậy, chắc chắn đang được truyền đạt và môi giới truyền đạt là biểu tượng. Có phải những thiên thần vĩ đại đứng sau hình thức truyền đạt này — một sự truyền đạt bề ngoài nhằm đạt đến sự thấu hiểu của con người chăng.

294. It is constantly to be borne in mind that in the Aquarius there will be an increasing necessity for conscious communication to occur between the human and deva kingdoms. What is here said about the fact that the evolved in both groups can comprehend the meaning of symbols is a most important hint concerning how this future communication may proceed.

294. Cần luôn ghi nhớ rằng trong Bảo Bình sẽ ngày càng có nhu cầu để sự giao tiếp có ý thức diễn ra giữa giới nhân loại và giới thiên thần. Điều được nói ở đây về sự kiện rằng những thực thể tiến hoá trong cả hai nhóm đều có thể thấu hiểu ý nghĩa của các biểu tượng là một gợi ý rất quan trọng về cách sự giao tiếp tương lai này có thể tiến hành.

It should be borne in mind, as earlier pointed out, that:

Cần ghi nhớ, như đã được chỉ ra trước đây, rằng:

295. We are reviewing in summary that which has been presented.

295. Chúng ta đang điểm lại một cách tóm tắt điều đã được trình bày.

[Page 667]

[Page 667]

a. Man is demonstrating the aspects of divinity. The devas are demonstrating the attributes of divinity.

a. Con người đang biểu lộ các phương diện của thiên tính. Các thiên thần đang biểu lộ các thuộc tính của thiên tính.

296. Mối liên hệ là của ba với bốn. Con người là tam giác và các thiên thần là bộ bốn.

296. The relationship is of the three to the four. Man is the triangle and the devas the quaternary.

297. Might we also say that man is the pyramid and the devas the tetrahedron? This involves a different number for man.

297. Chúng ta cũng có thể nói rằng con người là kim tự tháp và các thiên thần là tứ diện chăng? Điều này bao hàm một con số khác cho con người.

b. Man is evolving the inner vision and must learn to see.

b. Con người đang tiến hoá linh thị bên trong và phải học cách thấy.

298. Man is evolving the eye of synthetic comprehension. It is the eye which allows man to abstract himself from identification with the part and enter into identification as the Whole.

298. Con người đang tiến hoá con mắt của sự thấu hiểu tổng hợp. Chính con mắt này cho phép con người rút mình ra khỏi sự đồng hoá với bộ phận và đi vào sự đồng hoá như Toàn Thể.

The devas are evolving the inner hearing and must learn to hear.

Các thiên thần đang tiến hoá thính giác bên trong và phải học cách nghe.

299. The devas are evolving the 'ear of obedience'. They hear and they obey the *dictates* of their superiors. They are auditorily responsive to the will.

299. Các thiên thần đang tiến hoá "tai của sự tuân phục". Họ nghe và tuân theo những *mệnh lệnh* của các đấng bề trên. Họ đáp ứng bằng thính giác đối với ý chí.

c. Both are as yet imperfect, and an imperfect world is the result.

c. Cả hai hiện vẫn chưa hoàn hảo, và kết quả là một thế giới bất toàn.

300. In philosophy the question is often asked: "Is God imperfect?" Depending upon the definition of "God", occultism says "Yes". This does not deny the ABSOLUTE PERFECTION of the ABSOLUTE DEITY.

300. Trong triết học, câu hỏi thường được đặt ra: "Thượng đế có bất toàn không?" Tùy theo định nghĩa về "Thượng đế", huyền bí học trả lời "Có". Điều này không phủ nhận SỰ TOÀN HẢO TUYỆT ĐỐI của THƯỢNG ĐẾ TUYỆT ĐỐI.

301. We can see that as the adjustment between man and deva is harmonized and beautified, a far more perfect world will result.

301. Chúng ta có thể thấy rằng khi sự điều chỉnh giữa con người và thiên thần được hài hòa và làm cho đẹp đẽ, một thế giới hoàn hảo hơn rất nhiều sẽ là kết quả.

d. Man is evolving by means of contact and experience. He expands.

302. This is a Jupiterian dynamic and Uranian to a degree. There is the expansion of the ring-pass-not (Jupiter) and its final breaking (Uranus).

The devas evolve by means of the lessening of contact. Limitation is the law for them.

303. This is a Saturnian dynamic and Vulcanian to a degree. We can think of how a nebula becomes a solar system.

304. We see that the devas are ruled by a dominating third ray and man by the second ray.

305. Yet, from another perspective, the devas are a feminine kingdom (ruled by the acquiescent second ray) and man is a masculine kingdom (ruled by the dominating first ray)

306. Once earlier in these commentaries (place yet to be discovered) I offered a tabulation suggesting the ray natures of men and devas.

d. Con người tiến hoá bằng phương tiện tiếp xúc và kinh nghiệm. Y mở rộng.

302. Đây là một động lực của Sao Mộc và ở một mức độ nào đó của Sao Thiên Vương. Có sự mở rộng của vòng-giới-hạn (Sao Mộc) và sự phá vỡ cuối cùng của nó (Sao Thiên Vương).

Các thiên thần tiến hoá bằng phương tiện làm giảm bớt tiếp xúc. Giới hạn là định luật đối với họ.

303. Đây là một động lực của Sao Thổ và ở một mức độ nào đó của Vulcan. Chúng ta có thể nghĩ đến cách một tinh vân trở thành một hệ mặt trời.

304. Chúng ta thấy rằng các thiên thần được cai quản bởi một cung ba chi phối, còn con người bởi cung hai.

305. Tuy nhiên, từ một viễn tượng khác, các thiên thần là một giới nữ tính (được cai quản bởi cung hai thuận phục) còn con người là một giới nam tính (được cai quản bởi cung một chi phối)

306. Trước đây một lần trong những phần bình luận này (chỗ ấy còn phải tìm lại), tôi đã đưa ra một bảng gợi ý về bản chất cung của con người và thiên thần.

Rays	Men	Devas
Ray 1	Ray 1	
Ray 2	**Ray 2**	**Ray 2**
Ray 3		Ray 3

307. What is evident from this little tabulation is that men and devas share the second ray in common. No wonder their most successful communication begins on the buddhic plane and is consummated on the monadic plane.

307. Điều hiển nhiên từ bảng nhỏ này là con người và thiên thần cùng chia sẻ cung hai. Không lạ gì sự giao tiếp thành công nhất của họ bắt đầu trên cõi Bồ đề và được hoàn tất trên cõi chân thần.

308. Ray Two is the Ray of the Divine Pattern, hence the possibility of communication through symbols which are meaningful patterns.

308. Cung Hai là Cung của Mô Hình Thiêng Liêng, do đó có khả năng giao tiếp qua các biểu tượng là những mô hình đầy ý nghĩa.

e. Man aims at self-control.

e. Con người nhắm đến sự tự kiểm soát.

309. The human being, whether male or female in a particular incarnation, must become (at length) *self-determining.*

309. Con người, dù là nam hay nữ trong một lần lâm phàm cụ thể, cuối cùng phải trở nên *tự quyết định.*

Devas must develop by being controlled.

Các thiên thần phải phát triển bằng cách được kiểm soát.

310. Devas are acquiescent and suppliant. They cannot help but obey. It is for man to help the devas which he can influence to align which the best sources to obey.

310. Các thiên thần thuận phục và cầu khẩn. Họ không thể không tuân theo. Bổn phận của con người là giúp những thiên thần mà y có thể ảnh hưởng chỉnh hợp với những nguồn tốt nhất để tuân theo.

f. Man is innately Love,—the Force which produces coherency. The devas are innately intelligence,—the force which produces activity.

f. Con người bẩm sinh là Tình thương,—Mãnh lực tạo ra sự cố kết. Các thiên thần bẩm sinh là trí tuệ,—mãnh lực tạo ra hoạt động.

311. This dichotomy relates to the tabulation. While man is "innately love", he may be *essentially* will. while the devas may be "innately intelligence", they may be *essentially* love.

311. Sự phân đôi này liên hệ đến bảng trên. Trong khi con người "bẩm sinh là tình thương", y có thể *cốt yếu* là ý chí. Trong khi các thiên thần có thể "bẩm sinh là trí tuệ", họ có thể *cốt yếu* là tình thương.

312. That which is "innate" is found deep within the nature, but the *essence* is nuclear.

312. Điều gì là "bẩm sinh" thì được tìm thấy sâu trong bản chất, nhưng *tinh túy* thì có tính hạt nhân.

313. We cannot forget that man evolves through destruction of ring-pass-nots and devas through holding them coherent, upholding limitation.

313. Chúng ta không thể quên rằng con người tiến hoá bằng cách phá vỡ các vòng-giới-hạn còn các thiên thần thì bằng cách giữ cho chúng cố kết, duy trì giới hạn.

f. The third type of force, that of **Will, the balancing equilibrium of electrical phenomena,** has to play equally upon and through both evolutions, but in the one **it demonstrates as self-consciousness**, and in the other as **constructive vibration.**

f. Loại mãnh lực thứ ba, tức mãnh lực của **Ý chí, sự quân bình cân bằng của các hiện tượng điện,** phải tác động như nhau lên và xuyên qua cả hai tiến hoá, nhưng trong một bên **nó biểu lộ như ngã thức**, và trong bên kia như **rung động kiến tạo.**

314. This is an amazing statement. Usually the force of love is considered to be the equilibrizing, balancing force. Perhaps determination of the equilibrizing force depend much upon which two factors (of three) in a triangle are being related. The one which is not related may become the equilibrizer.

314. Đây là một phát biểu đáng kinh ngạc. Thông thường mãnh lực của tình thương được xem là mãnh lực quân bình, cân bằng. Có lẽ việc xác định mãnh lực quân bình phụ thuộc nhiều vào việc hai yếu tố nào (trong ba yếu tố) của một tam giác đang được liên hệ. Yếu tố không được liên hệ có thể trở thành yếu tố quân bình.

315. DK has often hinted at a third type of electrical phenomenon, but in those cases it was a type which would neutralize or harmonize the interplay between positive (electric fire) and negative (fire by friction).

315. Chân sư DK thường đã ám chỉ đến một loại hiện tượng điện thứ ba, nhưng trong những trường hợp ấy, đó là một loại có thể trung hòa hoặc điều hòa sự tương tác giữa dương cực (Lửa Điện) và âm cực (Lửa ma sát).

316. The first ray potentials of the energy of Libra are suggested. It is the sign of equilibrization and there is much first ray pouring through it via Saturn.

316. Các tiềm năng cung một của năng lượng Thiên Bình được gợi ra. Đây là dấu hiệu của sự quân bình hóa, và có nhiều cung một tuôn đổ qua nó thông qua Sao Thổ.

317. We may gather that the devas outstrip man in their capacity for "constructive vibration" and human beings outstrip the devas in their capacity for "self-consciousness". This does not mean that men are devoid of constructive vibration or

317. Chúng ta có thể suy ra rằng các thiên thần vượt con người về năng lực "rung động kiến tạo", còn con người vượt các thiên thần về năng lực "ngã thức". Điều này không có nghĩa là con người thiếu rung động kiến tạo

that devas are devoid of self-consciousness. Perhaps they each learn from the other.

hay các thiên thần thiếu ngã thức. Có lẽ mỗi bên đều học hỏi từ bên kia.

318. Because the will aspect emerges last, we may gather that both self-consciousness and constructive vibration are consummated relatively late in the developmental process.

318. Bởi vì phương diện ý chí xuất hiện sau cùng, chúng ta có thể suy ra rằng cả ngã thức lẫn rung động kiến tạo đều được hoàn tất ở giai đoạn tương đối muộn trong tiến trình phát triển.

319. Later in the commentary DK speaks again of the equilibrizing form of electricity, but relates it to the second aspect rather than the first. This type of relation is a better fit with the Law of Correspondences.

319. Về sau trong phần bình luận, Chân sư DK lại nói đến hình thức điện quân bình hóa, nhưng liên hệ nó với phương diện thứ hai thay vì phương diện thứ nhất. Loại tương quan này phù hợp hơn với định luật tương ứng.

In the Heavenly Man these two great aspects of divinity are equally blended, and in the course of the mahamanvantara the imperfect Gods become perfect.

Trong Đấng Thiên Nhân, hai phương diện lớn lao này của thiên tính được hòa trộn đồng đều, và trong tiến trình của Đại giai kỳ sinh hóa, các vị Thượng đế bất toàn trở nên hoàn hảo.

320. DK seems to be calling men and devas "two great aspects of divinity". We cannot know exactly what He means by "equally blended". In different great Beings there are different proportions of human to deva Monads. (In our present solar system there are 140 billion deva Monads and 60 human Monads.)

320. Chân sư DK dường như đang gọi con người và các thiên thần là "hai phương diện lớn lao của thiên tính". Chúng ta không thể biết chính xác Ngài muốn nói gì qua cụm từ "được hòa trộn đồng đều". Trong những Đấng vĩ đại khác nhau có những tỉ lệ khác nhau giữa các Chân thần người và các Chân thần thiên thần. (Trong hệ mặt trời hiện nay của chúng ta có 140 tỉ Chân thần thiên thần và 60 Chân thần người.)

321. In any case, the imperfect human beings and the imperfect devas at length become perfect as the Heavenly Man evolves and as the Solar Logos also evolves through the long course of the mahamanvantara.

321. Dù sao đi nữa, những con người bất toàn và những thiên thần bất toàn cuối cùng đều trở nên hoàn hảo khi Đấng Thiên Nhân tiến hoá và khi Thái dương Thượng đế cũng tiến hoá qua tiến trình dài lâu của Đại giai kỳ sinh hóa.

322. Usually when the words "aspects of divinity" are used, the first, second and third aspects are indicated. In the foregoing

322. Thông thường, khi các từ "các phương diện của thiên tính" được dùng, thì phương diện thứ nhất, thứ hai và thứ ba được chỉ

discussing the second and third aspects were discussed in relation to man and the devas *respectively.* These two aspects are not yet, however, "equally blended", though in the life of expression of *our* particular Heavenly Man, the blending of the second and third aspects is a focal undertaking necessary for His fourth minor initiation.

định. Trong phần bàn luận trước đó, phương diện thứ hai và thứ ba đã được bàn đến trong liên hệ với con người và các thiên thần *theo thứ tự ấy.* Tuy nhiên, hai phương diện này vẫn chưa được "hòa trộn đồng đều", mặc dù trong đời sống biểu lộ của *Đấng Thiên Nhân* đặc thù của chúng ta, sự hòa trộn của phương diện thứ hai và thứ ba là một công cuộc trọng điểm cần thiết cho lần điểm đạo phụ thứ tư của Ngài.

323. The fourth initiation involves the buddhic plane and upon the buddhic plane, men and devas harmonize and begin to merge.

323. Lần điểm đạo thứ tư liên quan đến cõi Bồ đề, và trên cõi Bồ đề, những người nam và nữ cùng các thiên thần hòa hợp và bắt đầu dung nhập.

These broad and general distinctions are pointed out as they throw light upon the relationship of Man to the devas.

Những phân biệt rộng lớn và tổng quát này được nêu ra vì chúng soi sáng mối liên hệ của Con Người với các thiên thần.

324. The forgoing series of contrasts between the human and deva kingdoms is of great synthetic value and should be studied closely as it presents the contrasts with great clarity.

324. Chuỗi đối chiếu vừa qua giữa giới nhân loại và giới thiên thần có giá trị tổng hợp rất lớn và cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, vì nó trình bày các tương phản với sự minh bạch lớn lao.

TCF 668 - 679: S6S8

8 - 23 January 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

8 - 23 January 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued,

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục,

many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

The devas of the physical plane, though divided into the three groups A, B, C, are under another grouping spoken of as *"the Devas of the Seventh Order."*

Các thiên thần của cõi hồng trần, tuy được chia thành ba nhóm A, B, C, còn thuộc về một cách phân nhóm khác được gọi là *"các Thiên thần của Đẳng cấp Thứ Bảy."*

1. This division should be familiar to us. There devas are divided according to subplanes—the devas of Group A are the substance-directing agencies of the first subplane; those of Group Body are focussed on the second, third and fourth subplanes; those of Group C upon the fifth, sixth and seventh subplanes—the dense subplanes.

1. Sự phân chia này hẳn phải quen thuộc với chúng ta. Ở đây các thiên thần được phân chia theo các cõi phụ—các thiên thần của Nhóm A là những tác nhân điều hướng chất liệu của cõi phụ thứ nhất; những vị của Nhóm B tập trung trên các cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư; những vị của Nhóm C trên các cõi phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy—các cõi phụ đậm đặc.

The seventh order is peculiarly linked to the devas of the first order on the first plane.

Đẳng cấp thứ bảy có liên hệ đặc biệt với các thiên thần của đẳng cấp thứ nhất trên cõi thứ nhất.

2. This is numerologically fitting.

2. Điều này phù hợp về mặt số học huyền bí.

3. We are speaking of systemic *planes* and not of systemic subplanes.

3. Chúng ta đang nói về các *cõi* của hệ thống chứ không phải các cõi phụ của hệ thống.

4. Devas of the seventh order are Agnichaitans. Devas of the first order (who work in relation to the logoic subplane) are linked to the Agnichaitans of the seventh order. In a way, all devas on the cosmic physical plane are Agnichaitans *cosmically* considered.

4. Các thiên thần của đẳng cấp thứ bảy là các Agnichaitan. Các thiên thần của đẳng cấp thứ nhất (những vị hoạt động trong liên hệ với cõi phụ logoic) được liên kết với các Agnichaitan của đẳng cấp thứ bảy. Theo một cách nào đó, tất cả các thiên thần trên cõi hồng trần vũ trụ đều là Agnichaitan nếu được xét *theo quan điểm vũ trụ.*

5. The Agnichaitans are particularly linked with Vulcan and so is the logoic subplane of the cosmic physical plane.

5. Các Agnichaitan đặc biệt liên kết với Vulcan, và cõi phụ logoic của cõi hồng trần vũ trụ cũng vậy.

They are the reflectors of the mind of God of which the first order is the expression, and

Họ là những phản chiếu thể của Trí của Thượng đế mà đẳng cấp thứ nhất là sự biểu

manifest it as it has worked through **from the** [Page 668] **archetypal plane**.

6. Devas of the Seventh Order are "reflectors" of the Mind of God. A reflection is more passive than an expression, which can be considered dynamic. The devas of the first order on the logoic plane are the "expression" of the Mind of God.

7. From this perspective, we are to relate the Leo Creative Hierarchy with the Mind of God. Leo does have a relation to the cosmic mental plane from whence the Mind of God, (considering God as the Solar Logos) can be said to emanate.

8. It has often been debated: which plane is the "archetypal plane"? There are several answers, but in this instance, we find that the first or logoic plane is called the "archetypal plane".

Upon the mental plane they are sounded by the Lord of the fifth Ray, causing a vibration not only in what we might call "the lower levels" but producing response **on the first or archetypal plane** and on the cosmic mental plane likewise. (TCF 449-450)

9. Surely the energy patterns found therein are archetypal in relation to the remainder of the cosmic physical plane—i.e., its lower subplanes.

10. The following is what is said of Shamballa, the heights of which can be reasonably 'located' on the systemic logoic plane.

lộ, và biểu hiện nó như nó đã vận hành qua **từ** [Page 668] **cõi nguyên mẫu**.

6. Các thiên thần của Đẳng cấp Thứ Bảy là những "phản chiếu thể" của Trí của Thượng đế. Một sự phản chiếu thụ động hơn một sự biểu lộ, vốn có thể được xem là năng động. Các thiên thần của đẳng cấp thứ nhất trên cõi logoic là "sự biểu lộ" của Trí của Thượng đế.

7. Từ góc nhìn này, chúng ta phải liên hệ Huyền Giai Sáng Tạo Sư Tử với Trí của Thượng đế. Sư Tử quả có một liên hệ với cõi trí vũ trụ, từ đó Trí của Thượng đế, (nếu xem Thượng đế là Thái dương Thượng đế) có thể được nói là phát xạ ra.

8. Người ta thường tranh luận: cõi nào là "cõi nguyên mẫu"? Có một số câu trả lời, nhưng trong trường hợp này, chúng ta thấy rằng cõi thứ nhất hay cõi logoic được gọi là "cõi nguyên mẫu".

Trên cõi trí, chúng được xướng lên bởi Đấng Chúa Tể Cung năm, gây ra một rung động không chỉ trong điều mà chúng ta có thể gọi là "các cấp độ thấp hơn" mà còn tạo ra sự đáp ứng **trên cõi thứ nhất hay cõi nguyên mẫu** và đồng thời trên cõi trí vũ trụ. (TCF 449-450)

9. Chắc chắn các mô hình năng lượng được tìm thấy ở đó là nguyên mẫu trong liên hệ với phần còn lại của cõi hồng trần vũ trụ—tức là các cõi phụ thấp hơn của nó.

10. Sau đây là điều được nói về Shamballa, mà các đỉnh cao của nó có thể được "định vị" một cách hợp lý trên cõi logoic của hệ thống.

It is a world of pure energy, of light and of directed force; it can be seen as streams and centres of force, **all forming a pattern of consummate beauty**, all potently invocative of the world of the soul and of the world of phenomena; it therefore constitutes in a very real sense the **world of causes** and of initiation. (DINA II 293)

Đó là một thế giới của năng lượng thuần túy, của ánh sáng và của mãnh lực được định hướng; nó có thể được thấy như những dòng và những trung tâm mãnh lực, **tất cả cùng tạo thành một mô hình của vẻ đẹp viên mãn**, tất cả đều có năng lực khẩn cầu mạnh mẽ đối với thế giới của linh hồn và thế giới hiện tượng; vì vậy, theo một ý nghĩa rất thực, nó cấu thành **thế giới của các nguyên nhân** và của điểm đạo. (DINA II 293)

This seventh order of devas is directly under the influence of the seventh Ray, and the planetary Logos of that Ray works in close co-operation with the Raja-Lord of the seventh plane.

Đẳng cấp thiên thần thứ bảy này trực tiếp dưới ảnh hưởng của cung bảy, và Hành Tinh Thượng Đế của cung ấy hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với Raja-Lord của cõi thứ bảy.

11. We have a numerological relationship or concatenation: the seventh order of devas, the "seventh Ray", the Planetary Logos of the "seventh Ray" and the Raja Deva Lord who expresses the "seventh Ray".

11. Chúng ta có một mối liên hệ hay chuỗi nối kết về mặt số học huyền bí: đẳng cấp thiên thần thứ bảy, "cung bảy", Hành Tinh Thượng Đế của "cung bảy" và Raja Deva Lord biểu lộ "cung bảy".

12. We have discussed which of the Planetary Logoi can be considered the Logos of the seventh ray. Obviously Uranus is a prime candidate even though (so it is hypothesized) the seventh ray (for this great Planetary Logos) expresses on the soul level and not on the monadic level.

12. Chúng ta đã bàn đến việc Hành Tinh Thượng Đế nào có thể được xem là Thượng đế của cung bảy. Hiển nhiên Sao Thiên Vương là một ứng viên hàng đầu mặc dù (theo giả thuyết như vậy) cung bảy (đối với Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại này) biểu lộ ở cấp độ linh hồn chứ không phải ở cấp độ chân thần.

13. There are no other planets which, according to what DK has given thus far, express the seventh ray. Saturn probably does on some level of its being and Vulcan as well. Jupiter certainly does, but we gather this from inference since Jupiter is the 'Lord of Ritualistic Worship'.

13. Không có hành tinh nào khác mà, theo những gì Chân sư DK đã đưa ra cho đến nay, biểu lộ cung bảy. Có lẽ Sao Thổ biểu lộ nó ở một cấp độ nào đó của sự tồn tại của nó, và Vulcan cũng vậy. Chắc chắn Sao Mộc cũng biểu lộ, nhưng chúng ta suy ra điều này bằng suy luận vì Sao Mộc là 'Chúa Tể của Sự Thờ Phượng Nghi Lễ'.

14. We may reasonably assume that the seventh order of devas and the Raja Deva

14. Chúng ta có thể giả định một cách hợp lý rằng đẳng cấp thiên thần thứ bảy và Raja

Lord Kshiti, have a close relationships with the planet Uranus. Just as Lord Varuna is an emanation of Neptune, could Lord Kshiti be an emanation of Uranus?

Deva Lord Kshiti có mối liên hệ chặt chẽ với hành tinh Sao Thiên Vương. Cũng như Lord Varuna là một phát xạ của Sao Hải Vương, liệu Lord Kshiti có thể là một phát xạ của Sao Thiên Vương chăng?

15. We may also assume that the first order of devas on the logoic plane equally have a close relationship to Uranus (Whose monadic ray is reasonably the first). (cf. EP I 420)

15. Chúng ta cũng có thể giả định rằng các thiên thần của đẳng cấp thứ nhất trên cõi logoic cũng có một mối liên hệ chặt chẽ với Sao Thiên Vương (Đấng mà cung chân thần có thể hợp lý là cung một). (x. EP I 420)

As the goal of evolution for the devas is the inner hearing, it will be apparent why mantric sounds and balanced modulations are the method of contacting them, and of producing varying phenomena.

Vì mục tiêu của tiến hoá đối với các thiên thần là nội nhĩ, nên sẽ hiển nhiên vì sao các âm thanh mantram và các sự điều biến cân bằng là phương pháp để tiếp xúc với họ, và để tạo ra các hiện tượng khác nhau.

16. Hearing is the first sense to appear and is related to the seventh plane (and also to the fifth plane).

16. Thính giác là giác quan đầu tiên xuất hiện và có liên hệ với cõi thứ bảy (và cũng với cõi thứ năm).

17. Hearing is associated with the throat center which, at man's *disciplic* stage of evolution is ruled by the seventh ray (and, thus, probably under the influence of magical Uranus).

17. Thính giác gắn liền với trung tâm cổ họng, trung tâm mà ở giai đoạn *đệ tử* trong tiến hoá của con người được cai quản bởi cung bảy (và do đó, có lẽ dưới ảnh hưởng của Sao Thiên Vương huyền thuật).

18. The words "balanced modulations" are suggestive. From pondering them we may infer that it is not only the forms of sound intoned which are of importance, but the manner in which they are intoned—their volume and quality relative to each other.

18. Các từ "các sự điều biến cân bằng" rất gợi ý. Khi suy ngẫm về chúng, chúng ta có thể suy ra rằng không chỉ các hình thức âm thanh được xướng lên là quan trọng, mà cả cách thức chúng được xướng lên—âm lượng và phẩm tính của chúng trong tương quan với nhau.

19. The purposes of mantra are control and creation. There is no control unless there is a balanced application of energy. The words and sounds intoned have to be kept in correct proportion with each other otherwise the mantram will not keep its integrity.

19. Mục đích của mantra là kiểm soát và sáng tạo. Không có sự kiểm soát nào nếu không có sự vận dụng năng lượng một cách cân bằng. Các từ và âm thanh được xướng lên phải được giữ trong tỉ lệ đúng đắn với nhau, nếu không mantram sẽ không giữ được tính toàn vẹn của nó.

20. Modulation in music is a method by which the musician can more from one key to another during the course of a piece, or even during the playing of a melody. It is possible that it is necessary to move from key to key, from tonic to tonic (musically considered) when attempting to work with the certain devas for certain effects. Different devas have different key-notes. The tonic in the normal diatonic musical scale serves as the keynote.

20. Điều biến trong âm nhạc là một phương pháp nhờ đó nhạc sĩ có thể chuyển từ một giọng sang một giọng khác trong tiến trình của một tác phẩm, hay thậm chí trong khi trình tấu một giai điệu. Có thể cần phải chuyển từ giọng này sang giọng khác, từ âm chủ này sang âm chủ khác (xét về mặt âm nhạc) khi cố gắng làm việc với một số thiên thần nhất định để tạo ra những hiệu quả nhất định. Những thiên thần khác nhau có những chủ âm khác nhau. Âm chủ trong thang âm nhạc trưởng thứ bậc thông thường đóng vai trò là chủ âm.

21. For the modern human mind, the science of mantra is still in its infancy as is the science which reveals the occultism hidden in music.

21. Đối với trí tuệ con người hiện đại, khoa học về mantra vẫn còn ở thời kỳ sơ khai, cũng như khoa học tiết lộ huyền bí học ẩn giấu trong âm nhạc.

This seventh order of devas is the one with which the workers on the left hand path are concerned, working through **vampirism and the devitalisation of their victims**.

Đẳng cấp thiên thần thứ bảy này là đẳng cấp mà những người hoạt động trên tả đạo quan tâm đến, hoạt động thông qua **sự hút sinh lực và sự làm mất sinh lực nơi các nạn nhân của họ**.

22. It is fascinating that certain parts of the world most associated with the seventh ray are also associated with vampirism.

22. Thật lý thú khi một số vùng trên thế giới gắn liền nhất với cung bảy cũng đồng thời gắn liền với hiện tượng hút sinh lực.

23. If we think of Transylvania (as part of Hungary) it is associated not only with the seventh ray Master R. but with the so-called Count Dracula—the symbol in the modern mind for vampirism.

23. Nếu chúng ta nghĩ đến Transylvania (như một phần của Hungary), nó không chỉ gắn liền với Chân sư R. của cung bảy mà còn với cái gọi là Bá tước Dracula—biểu tượng trong tâm trí hiện đại cho hiện tượng hút sinh lực.

24. Vampirism is a profound form of spiritual theft. Naturally, it concerns the etheric body directly and the draining of its vitality. The etheric body, we know, is archetypally conditioned by the seventh ray.

24. Sự hút sinh lực là một hình thức trộm cắp tinh thần sâu xa. Tự nhiên, nó liên quan trực tiếp đến thể dĩ thái và việc rút cạn sinh lực của thể này. Như chúng ta biết, thể dĩ thái được cung bảy tác động theo nguyên mẫu.

25. Certain of these seventh order devas are called "Devas of the Shadows" and are associated with the seventh ray, the color violet and with the Moon (the crescent Moon, we are told, is to be seen upon their foreheads).

25. Một số thiên thần của đẳng cấp thứ bảy này được gọi là "các Thiên thần của Bóng Tối" và gắn liền với cung bảy, màu tím và Mặt Trăng (người ta cho biết hình trăng lưỡi liềm được thấy trên trán của họ).

The devas of the ethers carry on their foreheads a translucent symbol in the form of a crescent moon, and by this they may be distinguished from the astral devas by those able to see clairvoyantly. (TCF 915)

Các thiên thần của các cõi dĩ thái mang trên trán một biểu tượng trong suốt dưới hình thức trăng lưỡi liềm, và nhờ đó họ có thể được phân biệt với các thiên thần cảm dục bởi những ai có thể thấy bằng thông nhãn. (TCF 915)

26. Can these devas be directed for good or for ill?

26. Liệu các thiên thần này có thể được điều khiển cho điều thiện hay điều ác chăng?

They deal with the etheric bodies of their enemies, and by means of sounds affect deva substance, thus producing the desired results.

Họ đề cập đến các thể dĩ thái của kẻ thù mình, và bằng các âm thanh tác động đến chất liệu thiên thần, nhờ đó tạo ra các kết quả mong muốn.

27. So the workers on the left hand path work with the seventh ray, with the etheric bodies of their enemies and utilize sound to achieve their results.

27. Vì vậy, những người hoạt động trên tả đạo làm việc với cung bảy, với các thể dĩ thái của kẻ thù họ, và sử dụng âm thanh để đạt được kết quả của mình.

28. We can understand there are certain sound and words to which one does not wish to be exposed!

28. Chúng ta có thể hiểu rằng có những âm thanh và từ ngữ nhất định mà người ta không muốn bị phơi bày trước chúng!

29. It is apparent that they use certain sounds to drain off the vitality of those they seek to neutralize or overcome.

29. Hiển nhiên là họ dùng một số âm thanh nhất định để rút cạn sinh lực của những người mà họ tìm cách trung hòa hay chế ngự.

30. With the induction of dissonance comes devitalization.

30. Cùng với việc gây ra sự bất hòa là sự mất sinh lực.

31. Perhaps it would be wise to think of the various devitalizing influences ordinary life and see how they might be related to this type of nefarious activity. Much that transpires on the astral plane is also devitalizing.

31. Có lẽ sẽ là khôn ngoan nếu suy nghĩ về những ảnh hưởng làm mất sinh lực khác nhau trong đời sống thường nhật và xem chúng có thể liên hệ thế nào với loại hoạt động hiểm ác này. Nhiều điều diễn ra trên cõi cảm dục cũng làm mất sinh lực.

The white Magician does not work on the physical plane with physical substance. He transfers His activities to a higher level, and **hence deals with desires and motives**. He works through the devas of the sixth order.

Nhà huyền thuật chánh đạo không làm việc trên cõi hồng trần với chất liệu hồng trần. Ngài chuyển các hoạt động của Ngài lên một cấp độ cao hơn, và **do đó đề cập đến các dục vọng và động cơ**. Ngài làm việc thông qua các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu.

32. It is interesting to see that the white magician is not working etherically (although it is evident that exceptions will be found). In the field of esoteric healing, the methods for etheric work are suggested and those who thus work are on the side of the Light.

32. Thật thú vị khi thấy rằng nhà huyền thuật chánh đạo không làm việc theo cách dĩ thái (mặc dù hiển nhiên sẽ có những ngoại lệ). Trong lĩnh vực Trị Liệu Huyền Môn, các phương pháp cho công việc dĩ thái đã được gợi ra, và những ai làm việc như thế đều đứng về phía Ánh sáng.

33. When we are told that the white magician does not work on the physical plane with physical substance, we have to discern whether Master DK is discriminating dense *physical* matter from *etheric* substance. We can quite readily convince ourselves that the white magician will not work on the very densest systemic

33. Khi được cho biết rằng nhà huyền thuật chánh đạo không làm việc trên cõi hồng trần với chất liệu hồng trần, chúng ta phải phân biện xem Chân sư DK có đang phân biệt vật chất *hồng trần* đậm đặc với chất liệu *dĩ thái* hay không. Chúng ta có thể khá dễ dàng tự thuyết phục mình rằng nhà huyền thuật chánh đạo sẽ không làm việc trên các cõi

subplanes, but it is not entirely convincing to think that he will not work etherically.

phụ đậm đặc nhất của hệ thống, nhưng không hoàn toàn thuyết phục nếu cho rằng y sẽ không làm việc theo cách dĩ thái.

34. If the white magician works with desires and motives, he is working in relation to the astral and mental planes, for these is much of mentality in the determination of motive.

34. Nếu nhà huyền thuật chánh đạo làm việc với các dục vọng và động cơ, y đang làm việc trong liên hệ với cõi cảm dục và cõi trí, vì có rất nhiều yếu tố trí tuệ trong việc xác định động cơ.

The devas of the sixth order are those of the astral plane, and are the devas who have the most to do with the forces which produce the phenomena we call love, sex impulse, instinct, or the driving urge and motive which demonstrates later on the physical plane in activity of some kind.

Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu là những vị của cõi cảm dục, và là những thiên thần có liên hệ nhiều nhất với các mãnh lực tạo ra những hiện tượng mà chúng ta gọi là tình thương, xung lực tính dục, bản năng, hay sự thôi thúc và động cơ thúc đẩy mà về sau biểu lộ trên cõi hồng trần thành một loại hoạt động nào đó.

35. Devas of the seventh order are systemic Agnichaitans.

35. Các thiên thần của đẳng cấp thứ bảy là các Agnichaitan của hệ thống.

36. The devas of the sixth order are related to the astral plane, and are the Agnisuryans.

36. Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu có liên hệ với cõi cảm dục, và là các Agnisuryan.

37. Let us tabulate the forces with which they most work:

37. Chúng ta hãy lập bảng các mãnh lực mà họ làm việc nhiều nhất:

a. With the forces which produce the phenomena we call love

a. Với các mãnh lực tạo ra hiện tượng mà chúng ta gọi là tình thương

b. With the forces which produce the sex impulse

b. Với các mãnh lực tạo ra xung lực tính dục

c. With the forces which produce instinct

c. Với các mãnh lực tạo ra bản năng

d. With the forces which result in the driving urge or motive which demonstrates later on the physical plane as activity of some kind.

d. Với các mãnh lực dẫn đến sự thôi thúc hay động cơ thúc đẩy mà về sau biểu lộ trên cõi hồng trần thành một loại hoạt động nào đó.

38. These Agnisuryans are clearly *activators.* They impulse the creation of form and are the mainspring to activity on the physical plane.

38. Các Agnisuryan này rõ ràng là những vị *kích hoạt.* Họ thúc đẩy sự sáng tạo hình tướng và là động lực chính của hoạt động trên cõi hồng trần.

The positive vibration set up on the astral plane produces results on the physical and that is why the White Brother, if He works with the devas at all, **works only on the astral plane and with the positive aspect.**

Rung động dương cực được thiết lập trên cõi cảm dục tạo ra các kết quả trên cõi hồng trần, và đó là lý do vì sao Huynh đệ Chánh đạo, nếu Ngài có làm việc với các thiên thần chút nào đi nữa, thì **chỉ làm việc trên cõi cảm dục và với phương diện dương cực.**

39. We have the answer to our question. It seems that the Whit Brother does not work with Agnichaitans of any kind, even etheric. Yet we know that in the Department of the Manu much work is done with Agnichaitans. As we do not know the details, we are not in a position to solve the apparent discrepancy.

39. Chúng ta đã có câu trả lời cho câu hỏi của mình. Dường như Huynh đệ Chánh đạo không làm việc với bất kỳ loại Agnichaitan nào, ngay cả loại dĩ thái. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng trong Ban của Đức Manu có rất nhiều công việc được thực hiện với các Agnichaitan. Vì chúng ta không biết các chi tiết, nên chúng ta không ở vào vị thế để giải quyết sự bất nhất bề ngoài này.

40. The White Brother appears to be the Master. The Master is more than the white magician, who may be, perhaps, an initiate of the third degree. May it be possible that while the White Brother does not work with the devas of the ethers, the white magician who is not yet a Master or an Arhat, may do so?

40. Huynh đệ Chánh đạo dường như là Chân sư. Chân sư còn hơn cả nhà huyền thuật chánh đạo, mà có lẽ chỉ là một điểm đạo đồ bậc ba. Liệu có thể chăng rằng trong khi Huynh đệ Chánh đạo không làm việc với các thiên thần của các cõi dĩ thái, thì nhà huyền thuật chánh đạo chưa phải là Chân sư hay một Arhat lại có thể làm như vậy?

41. We are learning here that the White Brother may not work with the lower devas at all.

41. Ở đây chúng ta đang học rằng Huynh đệ Chánh đạo có thể hoàn toàn không làm việc với các thiên thần thấp.

42. The astral plane is *positive* to the physical plane, which is why the White Brother may work with the Agnisuryans rather than the Agnichaitans (unless, presumably, He is in the department of the Manu—though even there the work may be more with greater

42. Cõi cảm dục là *dương cực* đối với cõi hồng trần, đó là lý do vì sao Huynh đệ Chánh đạo có thể làm việc với các Agnisuryan thay vì các Agnichaitan (trừ phi, có lẽ, Ngài ở trong ban của Đức Manu—mặc dù ngay cả ở đó công việc có thể là nhiều hơn với các thiên thần lớn hơn, rồi các vị này mới làm việc với các Agnichaitan thấp hơn).

devas who then work with the lower Agnichaitans).

43. We remember the connection between the Agnisuryans, the soul and the buddhic plane. It would be such influences that the White Brother would hope to see precipitate on the physical plane. He is not a manipulator of lower matter, per se, unless with purpose and deliberation under circumstances which demand such manipulation.

43. Chúng ta nhớ mối liên hệ giữa các Agnisuryan, linh hồn và cõi Bồ đề. Chính những ảnh hưởng như thế mà Huynh đệ Chánh đạo hy vọng sẽ thấy được ngưng tụ trên cõi hồng trần. Ngài không phải là người thao túng vật chất thấp, chính nó, trừ khi với mục đích và sự chủ ý trong những hoàn cảnh đòi hỏi sự thao túng như thế.

44. In general, and using the words in a general sense, we can say that the White Brother is *positive* and the black brother *negative.*

44. Nói chung, và dùng các từ theo nghĩa tổng quát, chúng ta có thể nói rằng Huynh đệ Chánh đạo là *dương cực* còn huynh đệ bóng tối là *âm cực.*

These devas of the sixth order, as might be expected, are closely linked with those of the second order on the monadic plane, and with the heart centre of the particular Heavenly Man on Whose Ray they may be found.

Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu này, như có thể được chờ đợi, liên kết chặt chẽ với những vị của đẳng cấp thứ hai trên cõi chân thần, và với trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân đặc thù mà trên cung của Ngài họ có thể được tìm thấy.

45. Much is revealed in this section. As regard “orders” of devas, we learn that the orders are related to the seven systemic planes. On the monadic plane (the second systemic plane) there are devas of the second order, just as there are devas of the first order on the logoic plane and devas of the seventh order on the systemic physical plane.

45. Nhiều điều được tiết lộ trong phần này. Xét về các “đẳng cấp” thiên thần, chúng ta học được rằng các đẳng cấp này liên hệ với bảy cõi của hệ thống. Trên cõi chân thần (cõi thứ hai của hệ thống) có các thiên thần của đẳng cấp thứ hai, cũng như có các thiên thần của đẳng cấp thứ nhất trên cõi logoic và các thiên thần của đẳng cấp thứ bảy trên cõi hồng trần của hệ thống.

46. The link between one and seven, and two and six has been made apparent.

46. Mối liên kết giữa một và bảy, và hai và sáu đã trở nên hiển nhiên.

47. From what is said above, we gather that these devas of the sixth order are to be found on *all* the rays, which is fitting if they are to be involved in the vehicular expression of all ray-types of human beings.

47. Từ những gì được nói ở trên, chúng ta suy ra rằng các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu này được tìm thấy trên *mọi* cung, điều này là thích hợp nếu họ phải tham gia vào sự

biểu lộ qua vận cụ của mọi loại người thuộc các cung khác nhau.

48. So there are ray-differentiations within the devas of the sixth order. Each of them is found on a particular ray and is, thus, related to a particular Heavenly Man.

48. Vì vậy có những sự biến phân theo cung bên trong các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu. Mỗi vị được tìm thấy trên một cung đặc thù và do đó có liên hệ với một Đấng Thiên Nhân đặc thù.

49. The devas of the sixth order are all linked with the heart centers of various Heavenly Men. Each Heavenly Man (being a "Man") naturally has a heart center.

49. Các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu đều liên kết với các trung tâm tim của những Đấng Thiên Nhân khác nhau. Mỗi Đấng Thiên Nhân (vì là một "Con Người") tự nhiên đều có một trung tâm tim.

50. If we think that a particular planetary chain through which a Heavenly Man expresses is His heart center, then we will find these devas of the sixth order linked with a particular planetary chain in one or other of the planetary schemes. A link we a specific globe also, no doubt, exists. We get the sense of a wonderful interlocking of entities and energies.

50. Nếu chúng ta nghĩ rằng một dãy hành tinh đặc thù mà qua đó một Đấng Thiên Nhân biểu lộ là trung tâm tim của Ngài, thì chúng ta sẽ thấy các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu này liên kết với một dãy hành tinh đặc thù trong hệ hành tinh này hay hệ hành tinh khác. Hẳn nhiên cũng có một mối liên kết với một bầu hành tinh đặc thù. Chúng ta có được cảm nhận về một sự đan kết kỳ diệu của các thực thể và các năng lượng.

They are allied too to the deva forces on the buddhic plane and in these three great orders of devas we have a powerful triangle of electrical force,—the three types of electricity which are met with in occult books.

Họ cũng liên minh với các mãnh lực thiên thần trên cõi Bồ đề, và trong ba đẳng cấp thiên thần lớn lao này chúng ta có một tam giác mãnh lực điện mạnh mẽ,—ba loại điện được gặp trong các sách huyền bí.

51. We may infer that devas of the fourth order are to be found expressing on the buddhic plane.

51. Chúng ta có thể suy ra rằng các thiên thần của đẳng cấp thứ tư được tìm thấy đang biểu lộ trên cõi Bồ đề.

52. Thus the devas of the second, fourth and sixth orders are all linked.

52. Như vậy các thiên thần của đẳng cấp thứ hai, thứ tư và thứ sáu đều được liên kết với nhau.

53. We are told of a powerful triangle of electrical force—presumably the electricity of intelligence, of love and of will.

53. Chúng ta được cho biết về một tam giác mãnh lực điện mạnh mẽ—có lẽ là điện của trí tuệ, của bác ái và của ý chí.

54. A little earlier (in the previous Commentary) we learned that the will was allied with the equilibrizing, balancing type of electricity. When we attempt to apportion the three types of devas here discussed, we *may* wish to remember this. However, DK seems to present a different model or pattern.

54. Sớm hơn một chút (trong phần Bình Luận trước), chúng ta đã học rằng ý chí liên kết với loại điện quân bình hóa, cân bằng. Khi cố gắng phân định ba loại thiên thần được bàn đến ở đây, chúng ta *có thể* muốn nhớ điều này. Tuy nhiên, Chân sư DK dường như trình bày một mô hình hay khuôn mẫu khác.

55. If we followed the perspective earlier presented when assigning devas to the third aspect and man to the second, then the devas of the sixth order would be related to the electricity of intelligence; the devas of the fourth order would be related to the electricity of love; the devas of the second order would hold the equilibrizing, balancing function between the two, being devas of the will. In a way, this would be reasonable.

55. Nếu chúng ta theo góc nhìn đã được trình bày trước đó khi gán các thiên thần cho phương diện thứ ba và con người cho phương diện thứ hai, thì các thiên thần của đẳng cấp thứ sáu sẽ liên hệ với điện của trí tuệ; các thiên thần của đẳng cấp thứ tư sẽ liên hệ với điện của bác ái; các thiên thần của đẳng cấp thứ hai sẽ giữ chức năng quân bình hóa, cân bằng giữa hai loại kia, vì là các thiên thần của ý chí. Theo một cách nào đó, điều này sẽ là hợp lý.

56. Clearly the division between the three suggests Spirit, soul and body—second order, fourth order and sixth order. But does this sequence accord with the three types of electricity: equilibrizing electricity, positive electricity, and negative electricity—in that order?

56. Rõ ràng sự phân chia giữa ba loại này gợi ra tinh thần, linh hồn và thể—đẳng cấp thứ hai, đẳng cấp thứ tư và đẳng cấp thứ sáu. Nhưng liệu chuỗi này có phù hợp với ba loại điện: điện quân bình hóa, điện dương cực và điện âm cực—theo đúng thứ tự ấy chăng?

57. We have to notice that even the devas associated with the Monad and with will are qualified by the *second* ray and not the first. In this solar system, the second ray expresses not only the love aspect but the will aspect as well.

57. Chúng ta phải lưu ý rằng ngay cả các thiên thần liên hệ với Chân thần và với ý chí cũng được phẩm định bởi cung *hai* chứ không phải cung một. Trong hệ mặt trời này, cung hai biểu lộ không chỉ phương diện bác ái mà cả phương diện ý chí nữa.

58. Now, however, the true pattern is revealed.

58. Tuy nhiên, giờ đây mô hình đích thực được tiết lộ.

59. We will now see that the first aspect is no longer to be considered the equilibrizing factor, but (as accords more closely with reason) that the second aspect holds the equilibrizing position.

59. Giờ đây chúng ta sẽ thấy rằng phương diện thứ nhất không còn được xem là yếu tố quân bình nữa, mà (phù hợp với lý trí hơn) chính phương diện thứ hai giữ vị trí quân bình.

It should be borne in mind that the equilibrising [Page 669] type of force (**at present an unknown type**) flows in from the buddhic plane at this time, and the apex of the triangle is there.

Cần ghi nhớ rằng loại mãnh lực quân bình [Page 669] (**hiện nay là một loại chưa được biết đến**) vào lúc này tuôn xuống từ cõi Bồ đề, và đỉnh của tam giác ở đó.

60. The apex of the triangle always represents the equilibrizing force. Even though the second order devas of the monadic plane are 'higher' (i.e., the usual meaning of "apex") than the devas of the buddhic plane, the fourth order devas hold the apex positioning the triangle.

60. Đỉnh của tam giác luôn luôn tượng trưng cho mãnh lực quân bình. Dù các thiên thần bậc hai của cõi chân thần "cao hơn" (tức theo nghĩa thông thường của "đỉnh") các thiên thần của cõi Bồ đề, các thiên thần bậc bốn vẫn giữ vị trí đỉnh của tam giác.

61. DK has told us elsewhere that *two* types of electricity are presently known—positive and negative, presumably the electricity associated with the nucleus of the atom (the first aspect) and that associated with the flow of electrons (the third aspect).

61. Chân sư DK đã nói với chúng ta ở nơi khác rằng hiện nay đã biết đến *hai* loại điện —điện dương và điện âm, có lẽ là điện liên hệ với hạt nhân của nguyên tử (phương diện thứ nhất) và điện liên hệ với dòng chảy của các electron (phương diện thứ ba).

62. The electricity of the third aspect has been known for a long time. With the discovery of what we call atomic energy, the electricity of the first aspect has been discovered.

62. Điện của phương diện thứ ba đã được biết đến từ lâu. Với việc khám phá điều chúng ta gọi là năng lượng nguyên tử, điện của phương diện thứ nhất đã được khám phá.

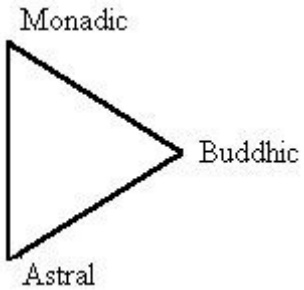

63. In this diagram the apex (which is usually the top of a triangle) is represented to the side, to keep it in line with the position of the buddhic plane relative to the monadic plane and the astral plane.

63. Trong sơ đồ này, đỉnh (vốn thường là phần trên cùng của một tam giác) được đặt sang bên, để giữ cho nó phù hợp với vị trí của cõi Bồ đề tương quan với cõi chân thần và cõi cảm dục.

64. The diagram illustrates the harmonizing power of the buddhic plane relative to monadic energy and astral force. Its position to the side marks buddhi as an equilibrizing energy.

64. Sơ đồ minh họa quyền năng điều hòa của cõi Bồ đề đối với năng lượng chân thần và mãnh lực cảm dục. Vị trí đặt sang bên của nó đánh dấu Bồ đề như một năng lượng quân bình.

65. We can assume that with the fast emerging discovery of the force of the fourth ether (linked as it is to the buddhic plane) the nature of equilibrizing, balancing and presumably, harmonizing electricity will emerge in the consciousness of humanity.

65. Chúng ta có thể giả định rằng cùng với sự khám phá đang nhanh chóng xuất hiện về mãnh lực của dĩ thái thứ tư (vốn liên kết với cõi Bồ đề), bản chất của điện quân bình, cân bằng và có lẽ là điều hòa sẽ xuất hiện trong tâm thức của nhân loại.

These three orders are (in this solar system) the most potent, especially in this fourth round.

Ba bậc này là (trong hệ mặt trời này) mạnh mẽ nhất, đặc biệt trong cuộc tuần hoàn thứ tư này.

66. This is the fourth round; the number four is closely related to and resonant with the numbers two and six.

66. Đây là cuộc tuần hoàn thứ tư; số bốn có liên hệ mật thiết và cộng hưởng với các số hai và sáu.

67. Because this is the fourth round we may expect that it is the equilibrizing type of electricity which is to emerge, particularly. Four is the central number in a series of seven numbers, and holding the middlemost point, is naturally the equilibrizer.

67. Bởi vì đây là cuộc tuần hoàn thứ tư, chúng ta có thể mong đợi rằng chính loại điện quân bình sẽ đặc biệt xuất hiện. Bốn là con số trung tâm trong một dãy bảy số, và vì giữ điểm chính giữa nên tự nhiên là yếu tố quân bình.

68. The New Group of World Servers, ruled by the fourth ray, harmonize the past and the present of humanity. They also represent the ajna center of Sanat Kumara, and the ajna center expresses the fourth ray through Mercury, one of its rulers.

68. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, do cung bốn cai quản, điều hòa quá khứ và hiện tại của nhân loại. Họ cũng tượng trưng cho trung tâm ajna của Đức Sanat Kumara, và trung tâm ajna biểu lộ cung bốn qua Sao Thủy, một trong các chủ tinh của nó.

69. With the Externalization of the Hierarchy and the Reappearance of the Christ imminent, this type of electricity will more easily be apprehended by humanity for a great 'Era of Peace' (peace as balance and equilibrium) supervene following the 'Era of the Sword'. Christ will inaugurate the 'Era of the Sword—*of* discrimination) and will preside over the 'Era of Peace'.

69. Với Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn và sự Tái Lâm của Đức Christ đang cận kề, loại điện này sẽ dễ được nhân loại lĩnh hội hơn, vì một "Kỷ Nguyên Hòa Bình" lớn lao (hòa bình như sự cân bằng và quân bình) sẽ tiếp nối sau "Kỷ Nguyên của Thanh Gươm". Đức Christ sẽ khai mở "Kỷ Nguyên của Thanh Gươm—*của* sự phân biện) và sẽ chủ trì "Kỷ Nguyên Hòa Bình".

They influence particularly the fourth kingdom of nature, and are the basis of that search for balance, of that aspiration towards harmony, union and yoga which distinguishes man in all grades;

Các vị này đặc biệt ảnh hưởng đến giới thứ tư trong thiên nhiên, và là nền tảng của sự tìm kiếm quân bình, của khát vọng hướng đến hài hòa, hợp nhất và yoga vốn phân biệt con người ở mọi cấp độ;

70. We may have noticed that the Monads of the Fourth Creative Hierarchy find their area of expression on the fourth systemic or buddhic plane.

70. Chúng ta có thể đã nhận thấy rằng các Chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư tìm thấy lĩnh vực biểu lộ của mình trên cõi hệ thống thứ tư hay cõi Bồ đề.

71. It is on this plane that balance, harmony, union and yoga are to be found.

71. Chính trên cõi này mà sự cân bằng, hài hòa, hợp nhất và yoga được tìm thấy.

72. We remember that man (in distinction to the devas) is qualified by the second ray, *and* he is meant, especially, to express *through buddhi* and in relation to the fourth systemic plane (a state achieved through the fourth initiation). We can see therefore, why the three orders of devas listed above—of the second, fourth and sixth orders—would influence him particularly.

72. Chúng ta nhớ rằng con người (phân biệt với các thiên thần) được cung hai định tính, *và* y được dự định, đặc biệt, sẽ biểu lộ *qua Bồ đề* và trong liên hệ với cõi hệ thống thứ tư (một trạng thái đạt được qua lần điểm đạo thứ tư). Vì vậy chúng ta có thể thấy tại sao ba bậc thiên thần được liệt kê ở trên—thuộc bậc hai, bậc bốn và bậc sáu—lại đặc biệt ảnh hưởng đến y.

it shows <u>in its lower manifestation</u> as the sex instinct as we know it, and in its higher as longing for union with God.

điều đó biểu lộ <u>trong biểu hiện thấp của nó</u> như bản năng tính dục như chúng ta biết, và trong biểu hiện cao của nó như sự khát khao hợp nhất với Thượng đế.

73. Here we seem to be speaking of the astral manifestations of the three devic orders discussed above.

73. Ở đây dường như chúng ta đang nói về các biểu hiện cảm dục của ba bậc thiên thần đã được bàn đến ở trên.

74. The sex instinct arises on the astral plane—presumably, some of the lower levels of the astral plane. The "longing for union with God" is characteristic of the higher levels of the astral plane.

74. Bản năng tính dục phát sinh trên cõi cảm dục—có lẽ ở một số cấp thấp của cõi cảm dục. "Sự khát khao hợp nhất với Thượng đế" là đặc trưng của các cấp cao hơn của cõi cảm dục.

75. True "union with God", however, is achieved on the buddhic plane.

75. Tuy nhiên, sự "hợp nhất với Thượng đế" đích thực được đạt tới trên cõi Bồ đề.

These devas of the sixth order come under the special influence of the Lord of the sixth Ray of Abstract Idealism, and it is their connection with Him which facilitates the working through of the archetypal idea on to the physical plane.

Các thiên thần bậc sáu này chịu ảnh hưởng đặc biệt của Đấng Chúa Tể cung sáu của Chủ Nghĩa Duy Tâm Trừu Tượng, và chính mối liên hệ của họ với Ngài tạo điều kiện cho sự triển khai ý tưởng nguyên mẫu xuống cõi hồng trần.

76. Who is this Ray Lord? Is He an intra-planetary Ray Lord or a planetary Ray Lord?

76. Đấng Chúa Tể Cung này là ai? Ngài là một Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh hay một Đấng Chúa Tể Cung hành tinh?

77. The proper answer is probably "both".

77. Câu trả lời thích đáng có lẽ là "cả hai".

78. The monadic plane (on which, for man, the geometry of sound and light is sourced) is a plane of archetypal ideas. When the Monad descends to express in the lower worlds, the archetypal idea which each Monad represents finds expression on the lowest plane.

78. Cõi chân thần (nơi, đối với con người, hình học của âm thanh và ánh sáng phát nguyên) là một cõi của các ý tưởng nguyên mẫu. Khi chân thần giáng xuống để biểu lộ trong các cõi thấp, ý tưởng nguyên mẫu mà mỗi chân thần đại diện sẽ tìm được sự biểu lộ trên cõi thấp nhất.

79. The idealism commonly found upon the astral plane finds its true source in the monadic *idea.*

79. Chủ nghĩa duy tâm thường thấy trên cõi cảm dục tìm thấy nguồn gốc đích thực của nó trong *ý tưởng* chân thần.

80. From a planetary perspective, the Lord of the Sixth Ray of Abstract Idealism is Neptune. Mars, with its powerful sixth ray, and, to some degree, Jupiter, must not be excluded. From a very high perspective, Venus (with its sixth ray Monad—subsidiary to its second ray Monad), also, must be included.

80. Từ góc độ hành tinh, Đấng Chúa Tể Cung sáu của Chủ Nghĩa Duy Tâm Trừu Tượng là Sao Hải Vương. Sao Hỏa, với cung sáu mạnh mẽ của nó, và ở một mức độ nào đó, Sao Mộc, không thể bị loại trừ. Từ một góc nhìn rất cao, Sao Kim (với chân thần cung sáu của nó—phụ thuộc vào chân thần cung hai của nó) cũng phải được kể đến.

The sixth Creative Hierarchy likewise is specially connected with this particular order of devas, and **through this dual influence is produced that physical manifestation which is definitely objective**,

Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu cũng vậy có liên hệ đặc biệt với bậc thiên thần đặc thù này, và **qua ảnh hưởng kép này mà biểu hiện hồng trần rõ rệt khách quan ấy được tạo ra**,

81. The Sixth Creative Hierarchy is the Hierarchy of Lunar Lords.

81. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu là Huyền Giai của các nguyệt tinh quân.

82. The Lunar Lords and the devas of the sixth order, together, create a dual influence which is the impulse towards objective, physical manifestation.

82. Các nguyệt tinh quân và các thiên thần bậc sáu, cùng nhau, tạo ra một ảnh hưởng kép là xung lực hướng tới biểu hiện khách quan, hồng trần.

83. The following is an important definition of the "sixth Creative Hierarchy":

83. Sau đây là một định nghĩa quan trọng về "Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu":

For purposes of clarification and of generalisation, it might be noted that the seventh Hierarchy is the life or energy found at the heart of every atom, its positive aspect, **and the sixth Hierarchy is the life of the forms of all the etheric bodies of every tangible object**. (EA 49-50)

Để làm sáng tỏ và khái quát hóa, cần lưu ý rằng Huyền Giai thứ bảy là sự sống hay năng lượng được tìm thấy nơi trung tâm của mọi nguyên tử, phương diện dương của nó, **và Huyền Giai thứ sáu là sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái của mọi vật thể hữu hình**. (EA 49-50)

84. When we are told that the sixth Hierarchy of lunar lords is the "life of the forms of all the etheric bodies of every tangible object", we must carefully define the meaning of "etheric bodies".

84. Khi chúng ta được bảo rằng Huyền Giai thứ sáu của các nguyệt tinh quân là "sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái của mọi vật thể hữu hình", chúng ta phải cẩn thận xác định ý nghĩa của "các thể dĩ thái".

85. On the astral plane, too, there are subplanes which could be called 'astrally-etheric' (the higher four subplanes). What is the relation of these subplanes to the general substance of the astral plane and to the astral body of man?

85. Trên cõi cảm dục cũng có những cõi phụ có thể được gọi là "dĩ thái-cảm dục" (bốn cõi phụ cao hơn). Quan hệ của các cõi phụ này với chất liệu tổng quát của cõi cảm dục và với thể cảm dục của con người là gì?

86. Do lunar lords (since they are ruled by astral 'planets' such as the Moon and Mars) not have a close connection with astral life? Are they connected only with etheric life (as the term "etheric" is usually defined)? If so, the Creative Hierarchy of Lunar Lords has nothing to do with man's astral body (which does not seem reasonable).

86. Phải chăng các nguyệt tinh quân (vì họ được cai quản bởi các "hành tinh" cảm dục như Mặt Trăng và Sao Hỏa) không có một liên hệ mật thiết với sự sống cảm dục? Phải chăng họ chỉ liên hệ với sự sống dĩ thái (theo cách thuật ngữ "dĩ thái" thường được định nghĩa)? Nếu vậy, Huyền Giai Sáng Tạo của các nguyệt tinh quân không liên quan gì đến thể cảm dục của con người (điều này dường như không hợp lý).

—one type of force working through the etheric manifestation, and the other through the dense physical.

—một loại mãnh lực hoạt động qua biểu hiện dĩ thái, và loại kia qua hồng trần đậm đặc.

87. This is a very important and revelatory statement though it is uncertain whether it can be completely clarified. Later, DK tells us we cannot.

87. Đây là một phát biểu rất quan trọng và đầy mặc khải, dù không chắc có thể được làm sáng tỏ hoàn toàn. Về sau, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể.

88. The devas of the sixth order are not the Creative Hierarchy or Lunar Lords (though later in the text, the Lunar Lords are called evolutionary devas).

88. Các thiên thần bậc sáu không phải là Huyền Giai Sáng Tạo hay các nguyệt tinh quân (mặc dù về sau trong bản văn, các nguyệt tinh quân được gọi là các thiên thần thăng thượng tiến hoá).

89. While DK does not indicate the truth of the matter with certainty, we may infer that the Lunar Lords (the Lunar Elementals) work in relation to the etheric levels "as they are the life of the forms of all the etheric bodies", and the devas of the sixth order (although Agnisuryans) in relation to the dense physical manifestation impulsing through desire manifestation upon that densest level. (One would imagine, however,

89. Dù Chân sư DK không chỉ ra chân lý của vấn đề này một cách chắc chắn, chúng ta có thể suy ra rằng các nguyệt tinh quân (các hành khí thái âm) hoạt động liên hệ với các cấp dĩ thái "vì họ là sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái", còn các thiên thần bậc sáu (dù là Agnisuryans) thì liên hệ với biểu hiện hồng trần đậm đặc, thúc đẩy qua biểu hiện dục vọng trên cấp đậm đặc nhất ấy. (Tuy nhiên, người ta có thể hình

that the impulse from the Agnisuryans would have to pass also through the etheric levels.)

dung rằng xung lực từ các Agnisuryans cũng phải đi qua các cấp dĩ thái.)

90. We can ponder which way the assignment should occur.

90. Chúng ta có thể suy ngẫm xem sự phân định ấy nên diễn ra theo cách nào.

91. Note in the following that Lunar Pitris are evolutionary devas:

91. Hãy lưu ý trong đoạn sau rằng các thái âm tổ phụ là các thiên thần thăng thượng tiến hoá:

We have been considering somewhat the devas of evolutionary tendency who are grouped roughly together as the lunar Pitris.[20] (TCF 681)

Chúng ta đã phần nào xem xét các thiên thần có khuynh hướng thăng thượng tiến hoá, được nhóm lại một cách đại khái thành các thái âm tổ phụ.20 (TCF 681)

92. But note also that "lunar Pitris" are equivalent to Lunar Lords:

92. Nhưng cũng hãy lưu ý rằng "các thái âm tổ phụ" tương đương với các nguyệt tinh quân:

It affects the lunar bodies, and therefore relates to the lunar Lords or Pitris, causing a weakening of their hold upon the lesser builders, bringing them more under the force streams from the solar Angels, and leading to a situation which will eventually result in a return of the lunar Pitris of all degrees to the central point for force substance. (TCF 886)

Nó ảnh hưởng đến các thể thái âm, và do đó liên hệ đến các nguyệt tinh quân hay các thái âm tổ phụ, làm suy yếu sự nắm giữ của họ đối với các vị tiểu kiến tạo, đặt các vị này nhiều hơn dưới các dòng mãnh lực từ các Thái dương Thiên Thần, và dẫn đến một tình trạng mà cuối cùng sẽ đưa đến sự trở về của các thái âm tổ phụ ở mọi cấp độ về điểm trung tâm của chất liệu mãnh lực. (TCF 886)

93. The Sixth Creative Hierarchy are called "Lunar Lords".

93. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu được gọi là "các nguyệt tinh quân".

6. The Planetary Ruler of a Hierarchy.—In this particular case, this planet is Mars, ruling the sixth Creative Hierarchy, the lunar Lords (the elementals of the threefold personality) who have to be brought under the control of the solar Lord. (EA 186)

6. Chủ Tinh Hành Tinh của một Huyền Giai.—Trong trường hợp đặc biệt này, hành tinh ấy là Sao Hỏa, cai quản Huyền Giai Sáng Tạo thứ sáu, các nguyệt tinh quân (các hành khí của phàm ngã tam phân) là những vị phải được đặt dưới sự kiểm soát của nhật tinh quân. (EA 186)

94. We may now judge, according to some definitions that:

a. Lunar Pitris are evolutionary (though sometimes they are associated with deva essence which is *involutionary*

b. Lunar Lords are Lunar Pitris and are, therefore, evolutionary

c. Devas of the sixth order are evolutionary

We must ever keep clearly in mind that we are dealing in this section with the evolutionary devas who are the positive Life animating involutionary matter or deva substance. (TCF 672)

95. All the devas we have been dealing with are of evolutionary tendency (as we see from TCF 844, Tabulation).

96. DK has distinguished **the members of the Sixth Creative Hierarchy from the devas of the sixth order,** and although the terminology used can be confusing at times, we must keep this basic distinction in mind.

97. Other than the elemental substance or essence, all the devas we have been considering are of evolutionary tendency, and the term Lunar Pitris is sometimes used to indicate them, roughly.

98. But DK is clear that **the Sixth Creative Hierarchy or Lunar Lords or Lunar Pitris are *not* the Agnisuryans**, per se (the

94. Giờ đây chúng ta có thể phán đoán, theo một số định nghĩa, rằng:

a. Các thái âm tổ phụ là thăng thượng tiến hoá (dù đôi khi họ được liên kết với tinh chất thiên thần vốn là *giáng hạ tiến hoá*

b. Các nguyệt tinh quân là các thái âm tổ phụ và do đó là thăng thượng tiến hoá

c. Các thiên thần bậc sáu là thăng thượng tiến hoá

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ rõ rằng trong phần này chúng ta đang đề cập đến các thiên thần thăng thượng tiến hoá là Sự sống dương linh hoạt hóa vật chất giáng hạ tiến hoá hay chất liệu thiên thần. (TCF 672)

95. Tất cả các thiên thần mà chúng ta đã bàn đến đều có khuynh hướng thăng thượng tiến hoá (như chúng ta thấy từ TCF 844, Bảng tổng hợp).

96. Chân sư DK đã phân biệt **các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu với các thiên thần bậc sáu,** và mặc dù thuật ngữ được dùng đôi khi có thể gây nhầm lẫn, chúng ta phải ghi nhớ sự phân biệt căn bản này.

97. Ngoài chất liệu hành khí hay tinh chất hành khí ra, tất cả các thiên thần mà chúng ta đã xem xét đều có khuynh hướng thăng thượng tiến hoá, và thuật ngữ các thái âm tổ phụ đôi khi được dùng để chỉ họ một cách đại khái.

98. Nhưng Chân sư DK nói rõ rằng **Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu hay các nguyệt tinh quân hay các thái âm tổ phụ *không* phải chính là các Agnisuryans**, chính chúng (các

Agnisuryans with their many enumerate functions).

99. Perhaps if we keep this simple distinction clear, we will not be misled by the similar terminology sometimes applied to these different groups.

This will as yet prove an insoluble mystery to the student, but in the significance of numbers much can be discovered.

100. We have been assured that the matter is insoluble to us but we may speculate.

101. The number *six* is very important in this entire matter. Six is the number of the Creative Hierarchy of Lunar Lords and six is the number of the order of devas with which we are concerning ourselves.

This **angle** of the matter should be studied in order to bring out the true meaning of this sixth order of devas, whose symbol is the six-pointed Star set at a particular angle and in full manifestation.

102. Another amazing piece of occult information. The six-pointed star is a symbol used to describe many types of occult relationship—from the most exalted, involving great Constellational Lords to the relatively lowly—the one here described.

103. When DK uses the phrase "the angle of the matter" He is giving an occult hint.

104. It is fascinating to realize that the six-pointed star can be set at different angles. If

Agnisuryans với nhiều chức năng được liệt kê của chúng).

99. Có lẽ nếu chúng ta giữ rõ sự phân biệt đơn giản này, chúng ta sẽ không bị dẫn lạc bởi thuật ngữ tương tự đôi khi được áp dụng cho các nhóm khác nhau này.

Điều này hiện vẫn sẽ là một huyền nhiệm không thể giải được đối với đạo sinh, nhưng trong thâm nghĩa của các con số có thể khám phá được nhiều điều.

100. Chúng ta đã được bảo đảm rằng vấn đề này là không thể giải được đối với chúng ta, nhưng chúng ta có thể suy đoán.

101. Con số *sáu* rất quan trọng trong toàn bộ vấn đề này. Sáu là con số của Huyền Giai Sáng Tạo của các nguyệt tinh quân và sáu là con số của bậc thiên thần mà chúng ta đang quan tâm.

Góc độ này của vấn đề nên được nghiên cứu để làm nổi bật ý nghĩa đích thực của bậc thiên thần thứ sáu này, mà biểu tượng của nó là Ngôi Sao sáu cánh được đặt ở một góc độ đặc biệt và trong sự biểu hiện trọn vẹn.

102. Lại thêm một mẩu thông tin huyền bí đáng kinh ngạc. Ngôi sao sáu cánh là một biểu tượng được dùng để mô tả nhiều loại quan hệ huyền bí—từ cao siêu nhất, liên quan đến các Đấng Chúa Tể Chòm Sao vĩ đại, cho đến tương đối thấp hơn—là loại được mô tả ở đây.

103. Khi Chân sư DK dùng cụm từ "góc độ của vấn đề", Ngài đang đưa ra một gợi ý huyền bí.

104. Thật hấp dẫn khi nhận ra rằng ngôi sao sáu cánh có thể được đặt ở những góc độ

set at sixty degrees there will no difference in the appearance of the star (unless the points of the star are distinctly differentiated from each other).

105. Only by setting the star as angles which do not coincide with sixty degrees will a difference in the star be noticed.

106. One wonders whether the axial inclination of the Earth has anything to do with this setting.

107. The symbol of the sixth order of devas is also the six-pointed star "in full manifestation". The star can also symbolize certain energy relationships which, thus far, cannot possibly be in full manifestation.

The six-pointed star is the sign that a "Son of Necessity" [Page 670] (no matter whether God or man) has **sought** physical incarnation.

108. We see that there are a number of B/beings to whom the six-pointed star can be related.

109. The *seeking* of physical incarnation is one thing; it suggests the *desire* to incarnate. The act of seeking is definitely connected with the sixth ray and the number six.

110. The *taking* of incarnation is another and necessitates the cooperation of the lower order of devas associated with the etheric-physical plane.

The devas of the sixth order, the Agnisuryans, are a prime factor in bringing this about.

khác nhau. Nếu được đặt ở sáu mươi độ thì sẽ không có khác biệt nào trong hình dạng của ngôi sao (trừ phi các đỉnh của ngôi sao được phân biệt rõ rệt với nhau).

105. Chỉ khi đặt ngôi sao ở những góc độ không trùng với sáu mươi độ thì mới nhận thấy sự khác biệt nơi ngôi sao.

106. Người ta tự hỏi liệu độ nghiêng trục của Trái Đất có liên quan gì đến cách đặt này hay không.

107. Biểu tượng của bậc thiên thần thứ sáu cũng là ngôi sao sáu cánh "trong sự biểu hiện trọn vẹn". Ngôi sao này cũng có thể tượng trưng cho một số quan hệ năng lượng mà cho đến nay không thể nào ở trong sự biểu hiện trọn vẹn được.

Ngôi sao sáu cánh là dấu hiệu cho thấy một "Con của Tất Yếu" [Page 670] (dù là Thượng đế hay con người) đã **tìm kiếm** sự lâm phàm hồng trần.

108. Chúng ta thấy rằng có một số H/hữu thể mà ngôi sao sáu cánh có thể liên hệ đến.

109. Sự *tìm kiếm* lâm phàm hồng trần là một điều; nó gợi ý *dục vọng* nhập thể. Hành vi tìm kiếm rõ ràng liên hệ với cung sáu và số sáu.

110. Sự *đón lấy* nhập thể là một điều khác và đòi hỏi sự hợp tác của bậc thiên thần thấp hơn liên hệ với cõi dĩ thái-hồng trần.

Các thiên thần bậc sáu, các Agnisuryans, là một yếu tố chủ yếu trong việc làm phát sinh điều này.

111. We must relate the Agnisuryans, the number six, and the sign Cancer to the taking of physical incarnation. Cancer is related to the 'ocean' of the astral plane wherein the Agnisuryans are found and, since it transmits the third and seventh rays, also to the dense physical plane wherein incarnation occurs.

111. Chúng ta phải liên hệ các Agnisuryans, số sáu, và dấu hiệu hoàng đạo Cự Giải với việc đón lấy sự lâm phàm hồng trần. Cự Giải liên hệ với "đại dương" của cõi cảm dục nơi các Agnisuryans được tìm thấy và, vì nó truyền dẫn cung ba và cung bảy, cũng liên hệ với cõi hồng trần đậm đặc nơi sự nhập thể xảy ra.

In the sixth round these devas will begin to make their presence felt more and more potently, **but the strength of their vibration will be very gradually turned upwards, and not downwards into the physical plane.**

Trong cuộc tuần hoàn thứ sáu, các thiên thần này sẽ bắt đầu làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận ngày càng mạnh mẽ hơn, **nhưng sức mạnh rung động của họ sẽ rất dần dần được chuyển hướng lên trên, chứ không hướng xuống cõi hồng trần.**

112. The correspondences continue to hold good. Many lines of relationship can be discovered simply by 'following the numbers'.

112. Các tương ứng vẫn tiếp tục đúng đắn. Có thể khám phá nhiều đường liên hệ chỉ bằng cách "lần theo các con số".

113. When we read that the strength of vibration of the Agnisuryans will gradually be turned upwards, we are speaking of the process of etherializing the dense physical plane, and, in general, the dense physical body of the Planetary Logos.

113. Khi chúng ta đọc rằng sức mạnh rung động của các Agnisuryans sẽ dần dần được chuyển hướng lên trên, chúng ta đang nói đến tiến trình dĩ thái hóa cõi hồng trần đậm đặc, và nói chung là thể hồng trần đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

114. We must remember the relationship of the Agnisuryans to the sacral center and to the taking of dense form. There will come a time (probably very much under the influence of the number six) when the sacral center (the sixth major center, counting from above) will (for a number of human beings) wane in its power and when the tendency to incarnate will be much reduced.

114. Chúng ta phải nhớ mối liên hệ của các Agnisuryans với trung tâm xương cùng và với việc đón lấy hình tướng đậm đặc. Sẽ đến một thời điểm (có lẽ rất nhiều dưới ảnh hưởng của số sáu) khi trung tâm xương cùng (trung tâm lớn thứ sáu, tính từ trên xuống) sẽ suy giảm quyền năng của nó và khi khuynh hướng nhập thể sẽ giảm đi rất nhiều đối với một số người.

115. We have been told that the waning influence of the sacral center will not occur until two thirds of humanity is "on the Path" (and this may not be until the next round), but the directions in which the Agnisuryans

115. Chúng ta đã được cho biết rằng ảnh hưởng suy giảm của trung tâm xương cùng sẽ không xảy ra cho đến khi hai phần ba nhân loại "ở trên Con Đường", (và điều này có thể phải đến cuộc tuần hoàn kế tiếp),

focus will have a determining effect on the strength of that center and on its tendency to produce human 'Sons of Necessity'—physical incarnations of human beings.

nhưng những hướng mà các Agnisuryans tập trung vào sẽ có một tác động quyết định lên sức mạnh của trung tâm ấy và lên khuynh hướng của nó trong việc tạo ra các "Con của Tất Yếu" của nhân loại—các sự lâm phàm hồng trần của con người.

The Sacral Centre. This centre is located in the lower part of the lumbar area and is a very powerful centre, controlling as it does the sex life. **One of the interesting things about this centre is that it must always remain a powerful centre until two-thirds of mankind have taken initiation**, for the generative processes must go on and remain active in order to provide bodies for incoming souls. (EH 176)

Trung Tâm Xương Cùng. Trung tâm này nằm ở phần dưới của vùng thắt lưng và là một trung tâm rất mạnh, vì nó kiểm soát đời sống tính dục. **Một trong những điều thú vị về trung tâm này là nó luôn luôn phải còn là một trung tâm mạnh cho đến khi hai phần ba nhân loại đã được điểm đạo**, vì các tiến trình sinh sản phải tiếp tục và duy trì hoạt động để cung cấp các thể cho những linh hồn đang đi vào. (EH 176)

This will involve the transmutation of desire into aspiration, and will produce eventually the liberation of the planetary Logos,

Điều này sẽ bao hàm sự chuyển hoá dục vọng thành khát vọng, và cuối cùng sẽ tạo ra sự giải thoát của Hành Tinh Thượng Đế,

116. The Planetary Logos will be liberated from the dense physical plane and eventually from His entire dense physical vehicle which includes the lower eighteen systemic subplanes.

116. Đức Hành Tinh Thượng Đế sẽ được giải thoát khỏi cõi hồng trần đậm đặc và cuối cùng khỏi toàn bộ vận cụ hồng trần đậm đặc của Ngài, vốn bao gồm mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn.

117. We have learned, then, that the Agnisuryans are very much involved not only in holding the Planetary Logos in dense physical incarnation (as is presently the case) but in eventually contributing to His liberation.

117. Như vậy, chúng ta đã học được rằng các Agnisuryans can dự rất nhiều không chỉ trong việc giữ Đức Hành Tinh Thượng Đế trong sự lâm phàm hồng trần đậm đặc (như hiện nay đang là trường hợp), mà còn cuối cùng góp phần vào sự giải thoát của Ngài.

118. We also remember that the Lunar Pitris (assuming that we differentiate them from the Agnisuryans) also have a very powerful hold on the lunar elementals—a hold which loosens as the energy of the Solar Angels and of the Monad becomes more influential in the life of the personality.

118. Chúng ta cũng nhớ rằng các thái âm tổ phụ (giả sử chúng ta phân biệt họ với các Agnisuryans) cũng có một sự nắm giữ rất mạnh đối với các hành khí thái âm—một sự nắm giữ được nới lỏng khi năng lượng của các Thái dương Thiên Thần và của chân thần trở nên có ảnh hưởng hơn trong đời sống của phàm ngã.

and bring a manvantara (**or His cycle of physical incarnation**) to a close.

119. In the Teaching there are a number of meanings given for the term "manvantara". Sometimes it is a chain round. It could probably mean a scheme round as well. Here it is related to the "cycle of physical incarnation" of a Planetary Logos.

120. Does this bring the lowest chain and lowest globe of a planetary scheme to a close? So much depends on how we define the cycle of physical incarnation for a Planetary Logos.

121. Are we speaking only of incarnation upon the systemic dense physical plane or upon the *cosmic* dense physical plane? There are a number of chains (for instance in our Earth-scheme) which have globes which have vehicles included in the dense physical plane of the Planetary Logos—our systemic physical, etheric, astral and lower mental planes.

122. So, either the cycle which sees the Planetary Logos incarnating within the systemic dense physical plane comes to a close or the larger cycle which sees Him incarnating on the lower eighteen systemic subplanes comes to a close. Either cycle could be called a "manvantara". It is a very versatile term and its duration is not precisely given for the various Planetary Logoi and for the various *manvantaric cycles* within the process of manifestation.

và đưa một Giai kỳ sinh hóa (**hay chu kỳ lâm phàm hồng trần của Ngài**) đến chỗ kết thúc.

119. Trong Giáo Huấn có một số ý nghĩa được gán cho thuật ngữ "Giai kỳ sinh hóa". Đôi khi đó là một cuộc tuần hoàn của một dãy. Có lẽ nó cũng có thể có nghĩa là một cuộc tuần hoàn của một hệ hành tinh. Ở đây nó được liên hệ với "chu kỳ lâm phàm hồng trần" của một Hành Tinh Thượng Đế.

120. Điều này có đưa dãy thấp nhất và bầu hành tinh thấp nhất của một hệ hành tinh đến chỗ kết thúc không? Rất nhiều điều tùy thuộc vào cách chúng ta định nghĩa chu kỳ lâm phàm hồng trần của một Hành Tinh Thượng Đế.

121. Phải chăng chúng ta chỉ đang nói về sự nhập thể trên cõi hồng trần đậm đặc của hệ thống hay trên cõi hồng trần đậm đặc *vũ trụ*? Có một số dãy (thí dụ trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta) có những bầu hành tinh với các vận cụ được bao gồm trong cõi hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế—các cõi hồng trần hệ thống, dĩ thái, cảm dục và hạ trí của chúng ta.

122. Vì vậy, hoặc chu kỳ chứng kiến Đức Hành Tinh Thượng Đế nhập thể trong cõi hồng trần đậm đặc của hệ thống đi đến chỗ kết thúc, hoặc chu kỳ lớn hơn chứng kiến Ngài nhập thể trên mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn đi đến chỗ kết thúc. Cả hai chu kỳ đều có thể được gọi là một "Giai kỳ sinh hóa". Đây là một thuật ngữ rất linh hoạt và thời lượng của nó không được nêu chính xác đối với các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau và đối với các *chu kỳ giai kỳ sinh hóa* khác nhau trong tiến trình biểu hiện.

Withdrawal of the force of desire results likewise in the cessation of man's physical existence.

Sự rút lui của mãnh lực dục vọng cũng dẫn đến sự chấm dứt sự tồn tại hồng trần của con người.

123. DK is drawing the analogy between the death of a human being and the death of a Heavenly Man.

123. Chân sư DK đang nêu ra phép loại suy giữa cái chết của một con người và cái chết của một Đấng Thiên Nhân.

124. In a way, man's physical existence is not only the cycle of his expression through a physical vehicle on the systemic dense physical plane. His entire personality life (through the four vehicles of the lower quaternary) is also a form of physical existence, distinct from his subjective existence as a soul on the higher mental plane.

124. Theo một cách nào đó, sự tồn tại hồng trần của con người không chỉ là chu kỳ biểu lộ của y qua một vận cụ hồng trần trên cõi hồng trần đậm đặc của hệ thống. Toàn bộ đời sống phàm ngã của y (qua bốn vận cụ của bộ tứ thấp) cũng là một hình thức tồn tại hồng trần, phân biệt với sự tồn tại chủ quan của y như một linh hồn trên Cõi thượng trí.

125. When it comes to considering the human being, however, physical existence is generally regarded as incarnational existence within a dense physical body and this is the way we will consider it.

125. Tuy nhiên, khi xét đến con người, sự tồn tại hồng trần thường được xem là sự tồn tại nhập thể trong một thể xác đậm đặc, và đó là cách chúng ta sẽ xem xét nó.

The old Commentary expresses this truth in the following words:

Cổ Luận diễn tả chân lý này bằng những lời sau đây:

"The Sixth retire within themselves; they turn towards the Fifth, leaving the Seventh alone."

"Thứ Sáu rút lui vào bên trong chính mình; họ quay về phía Thứ Năm, để lại Thứ Bảy đơn độc."

126. This is a fascinating way of considering death—whether of a human being or a Planetary Logos.

126. Đây là một cách thật hấp dẫn để xem xét cái chết—dù là của một con người hay của một Hành Tinh Thượng Đế.

127. Which way shall desire turn—downwards towards physical incarnation or upwards towards the devas of the fifth order on the mental plane (whether systemic mental or cosmic mental).

127. Dục vọng sẽ quay theo hướng nào—hướng xuống sự lâm phàm hồng trần hay hướng lên các thiên thần bậc năm trên cõi trí (dù là cõi trí hệ thống hay cõi trí vũ trụ).

128. When the seventh are left alone, disintegration sets in due to the loss of the desire which brings etheric-physical plane coherence.

128. Khi loại thứ bảy bị để riêng một mình, sự tan rã bắt đầu do mất đi dục vọng vốn đem lại sự cố kết của cõi dĩ thái-hồng trần.

In continuing our consideration of these deva orders, it should be pointed out that **these three lower deva orders—the lower fifth, the sixth and the seventh—have a close connection with the moon.**

Tiếp tục việc xem xét các cấp thiên thần này, cần chỉ ra rằng **ba cấp thiên thần thấp này—thứ năm thấp, thứ sáu và thứ bảy—có liên hệ mật thiết với Mặt Trăng.**

129. The entire dense physical body of the Planetary Logos have a close connection with the Moon. This lowest of the planetary vehicles is composed of unredeemed substance inherited from the first solar system and qualified by the vibration of the Moon-chain.

129. Toàn bộ thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế có liên hệ mật thiết với Mặt Trăng. Hiện thể hành tinh thấp nhất này được cấu thành từ chất liệu chưa được cứu chuộc, thừa hưởng từ hệ mặt trời thứ nhất và được phẩm định bởi rung động của Dãy Mặt Trăng.

130. Note that the entirety of the fifth order of devas is not included, but only the "lower fifth"—distinct from what the Agnishvattas (as we usually consider them).

130. Xin lưu ý rằng không phải toàn bộ cấp thiên thần thứ năm đều được bao gồm, mà chỉ có "thứ năm thấp"—phân biệt với các Agnishvatta (theo cách chúng ta thường quan niệm về họ).

131. These are the devas utilized in lunar magic—the kind employed by the dark brothers.

131. Đây là các thiên thần được sử dụng trong ma thuật nguyệt tính—loại được các huynh đệ bóng tối sử dụng.

132. The term Lunar Pitris can be used in a *general sense,* to refer to the various types of evolutionary devas we have been discussing and not only in a specific sense related to the devas which hold a man's lunar vehicles in coherence.

132. Thuật ngữ thái âm tổ phụ có thể được dùng theo *nghĩa tổng quát,* để chỉ các loại thiên thần tiến hoá khác nhau mà chúng ta đang bàn đến, chứ không chỉ theo nghĩa chuyên biệt liên hệ đến các thiên thần giữ cho các hiện thể nguyệt tính của con người được cố kết.

They are the building agents which (working on the involutionary matter of the three worlds) construct the lower three bodies of incarnating man.

Họ là các tác nhân kiến tạo, những vị (hoạt động trên chất liệu giáng hạ tiến hoá của ba cõi giới) xây dựng ba thể thấp của con người đang lâm phàm.

133. These devas of the seventh, sixth and fifth order are *not* the involutionary matter of the three worlds. They are not elemental life, but rather work upon it constructing the vehicles of man.

133. Các thiên thần thuộc cấp thứ bảy, thứ sáu và thứ năm này *không* phải là chất liệu giáng hạ tiến hoá của ba cõi giới. Họ không phải là sự sống hành khí, mà đúng hơn là hoạt động trên nó để kiến tạo các hiện thể của con người.

134. It must be remembered, therefore, that these devas are evolutionary devas.

134. Vì vậy, phải nhớ rằng các thiên thần này là các thiên thần tiến hoá.

They are a branch of the lunar Pitris,

Họ là một nhánh của các thái âm tổ phụ,

135. We are reminded that the terms "lunar Pitris" is a rather generic term and covers a variety of devas with different functions.

135. Chúng ta được nhắc rằng thuật ngữ "thái âm tổ phụ" là một thuật ngữ khá tổng quát và bao trùm nhiều loại thiên thần với các chức năng khác nhau.

but the fact should be remembered that this particular branch of pitris are those functioning in our particular scheme, **and are closely allied to our planetary Logos.**

nhưng cần nhớ rằng nhánh tổ phụ đặc biệt này là những vị đang hoạt động trong hệ hành tinh đặc thù của chúng ta, **và có liên hệ rất mật thiết với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.**

136. This is an important statement. Earlier we seemed to be differentiating between the devas of the sixth order and the Lunar Lords.

136. Đây là một phát biểu quan trọng. Trước đó dường như chúng ta đã phân biệt giữa các thiên thần thuộc cấp thứ sáu và các nguyệt tinh quân.

137. The Lunar Lords *are* Lunar Pitris, but, apparently, they are not the *only* Lunar Pitris.

137. Các nguyệt tinh quân *là* các thái âm tổ phụ, nhưng rõ ràng họ không phải là *những* thái âm tổ phụ duy nhất.

138. We come to the conclusion that all the evolutionary devas under discussion are linked to the Moon and are, in that sense, Lunar Pitris, but not all of them are the Lunar Lords who are the lives controlling man's vehicles of elemental essence.

138. Chúng ta đi đến kết luận rằng tất cả các thiên thần tiến hoá đang được bàn đến đều liên kết với Mặt Trăng và, theo nghĩa đó, đều là thái âm tổ phụ; nhưng không phải tất cả họ đều là các nguyệt tinh quân, tức những sự sống kiểm soát các hiện thể của con người bằng tinh chất hành khí.

139. DK is informing us that there are a number of types of lunar Pitris. The kind

139. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng có nhiều loại thái âm tổ phụ. Loại đang được

here discussed (the branch here discussed) work in *our* scheme and are closely linked to *our* Planetary Logos.

bàn ở đây (nhánh đang được bàn ở đây) hoạt động trong hệ hành tinh *của chúng ta* và có liên hệ mật thiết với Đức Hành Tinh Thượng Đế *của chúng ta*.

140. Presumably, there are elsewhere in our solar system other varieties of lunar Pitris linked with other Planetary Logos. Why they should be called "lunar" when some of these other Planetary Logoi do not have moons attached to Their expression, can be debated.

140. Có lẽ ở những nơi khác trong hệ mặt trời của chúng ta còn có những loại thái âm tổ phụ khác liên kết với các Đức Hành Tinh Thượng Đế khác. Vì sao chúng lại được gọi là "nguyệt tính" khi một số Đức Hành Tinh Thượng Đế khác này không có mặt trăng gắn với biểu hiện của Các Ngài, điều đó có thể còn được bàn luận.

Groups of these Pitris are found wherever man is in incarnation in all the schemes,

Các nhóm tổ phụ này được tìm thấy ở bất cứ nơi nào con người đang lâm phàm trong mọi hệ hành tinh,

141. Apparently, there will always be substance related to the first solar system through which the various Planetary Logoi must at first express.

141. Rõ ràng sẽ luôn luôn có chất liệu liên hệ với hệ mặt trời thứ nhất, qua đó các Đức Hành Tinh Thượng Đế khác nhau lúc đầu phải biểu hiện.

142. This type of substance can, generically, be called "lunar". Perhaps there is oblique reference here to the "Cosmic Moon" which is to our entire solar system what Earth's satellite (which we call the Moon) is to the Earth-scheme.

142. Loại chất liệu này, theo nghĩa tổng quát, có thể được gọi là "nguyệt tính". Có lẽ ở đây có một ám chỉ gián tiếp đến "Mặt Trăng Vũ Trụ", vốn đối với toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta cũng như vệ tinh của Trái Đất (mà chúng ta gọi là Mặt Trăng) đối với hệ hành tinh Địa Cầu.

143. That Cosmic Moon may be the carcass of the defunct star through which our Solar Logos expressed in the previous solar system.

143. Mặt Trăng Vũ Trụ đó có thể là xác chết của ngôi sao đã tắt, qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đã biểu hiện trong hệ mặt trời trước.

but in other schemes they differ somewhat from ours, as the "Mystery of the Moon" is connected with a peculiar esoteric condition which concerns our own planetary Logos.

nhưng trong các hệ hành tinh khác, chúng có phần khác với loại của chúng ta, vì "Huyền nhiệm của Mặt Trăng" có liên hệ với một điều kiện huyền bí đặc thù liên quan đến chính Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

144. Is DK saying that in other schemes the lunar Pitris are similar to each other but the lunar Pitris in our scheme are distinct from all the others?

144. Phải chăng Chân sư DK đang nói rằng trong các hệ hành tinh khác, các thái âm tổ phụ tương tự nhau, nhưng các thái âm tổ phụ trong hệ của chúng ta thì khác biệt với tất cả các loại khác?

145. May it be that in our scheme the lunar Pitris have a more retarding effect on the incarnating soul than in other planetary schemes?

145. Phải chăng trong hệ của chúng ta, các thái âm tổ phụ có tác động trì kéo đối với linh hồn đang nhập thể mạnh hơn trong các hệ hành tinh khác?

146. May it be that the Lunar Pitris in our scheme, chain and planet are closely connected to greater Lunar Pitris of a cosmic kind which retard the progress of our Solar Logos just as the pitris associated with Earth's Moon retard the progress of the Planetary Logos of the Earth?

146. Phải chăng các thái âm tổ phụ trong hệ, dãy và hành tinh của chúng ta có liên hệ mật thiết với những thái âm tổ phụ lớn hơn thuộc loại vũ trụ, những vị làm chậm bước tiến của Thái dương Thượng đế của chúng ta, cũng như các tổ phụ liên hệ với Mặt Trăng của Trái Đất làm chậm bước tiến của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất?

Wherever man is in incarnation, the Builders of his bodies are to be found but they will differ in:

Ở bất cứ nơi nào con người đang lâm phàm, các Đấng kiến tạo những thể của y đều hiện diện, nhưng họ sẽ khác nhau về:

147. All the orders of devas we are discussing are "Builders" of the bodies of man. They are evolutionary and not involutionary. They build using involutionary elemental essence.

147. Tất cả các cấp thiên thần mà chúng ta đang bàn đến đều là các "Đấng kiến tạo" các thể của con người. Họ là tiến hoá chứ không phải giáng hạ tiến hoá. Họ xây dựng bằng tinh chất hành khí giáng hạ tiến hoá.

148. Some of the evolutionary devas discussed are not only builders of activators and impellers of the bodies of man.

148. Một số thiên thần tiến hoá được bàn đến không chỉ là các đấng kiến tạo mà còn là những vị hoạt hoá và thúc đẩy các thể của con người.

a. Their rate of vibration.

a. Tốc độ rung động của họ.

b. Their stage of development. [Page 671]

b. Giai đoạn phát triển của họ. [Page 671]

c. Consciousness.

c. Tâm thức.

d. Fohatic, magnetic and dynamic force.

149. This methods of discrimination are not out of line with methods of discriminating the nature of other entities, such as human beings, Planetary Logoi, etc.

150. Their rate of vibration should correlate with their stage of development and their degree of consciousness.

151. If we look the three terms of point “d.”, we shall see words which represent the force of the third, second and first rays, in that order.

152. “Fohatic” is a good descriptor of third aspect force. “Dynamic” serves well as a descriptor of first aspect force. We are accustomed to applying the term “magnetic” to second aspect force.

It should be remembered also that each round sees the deva substance or the deva evolution changing;

153. This makes sense because each round sees the application of forces according with different numbers.

154. With each round the keynotes which apply to different deva groups will change according to the number of the round and related numbers.

d. Mãnh lực fohat, từ tính và động lực.

149. Những phương pháp phân biện này không khác với các phương pháp phân biện bản chất của những thực thể khác, như con người, các Đức Hành Tinh Thượng Đế, v.v.

150. Tốc độ rung động của họ phải tương ứng với giai đoạn phát triển và mức độ tâm thức của họ.

151. Nếu chúng ta xem ba thuật ngữ ở điểm “d.”, chúng ta sẽ thấy những từ biểu thị mãnh lực của cung ba, cung hai và cung một, theo đúng thứ tự đó.

152. “Fohatic” là một từ mô tả rất thích hợp cho mãnh lực phương diện thứ ba. “Dynamic” rất thích hợp để mô tả mãnh lực phương diện thứ nhất. Chúng ta vốn quen áp dụng thuật ngữ “magnetic” cho mãnh lực phương diện thứ hai.

Cũng cần nhớ rằng mỗi cuộc tuần hoàn đều chứng kiến chất liệu thiên thần hay sự tiến hoá thiên thần thay đổi;

153. Điều này hợp lý vì mỗi cuộc tuần hoàn đều chứng kiến việc áp dụng các mãnh lực phù hợp với những con số khác nhau.

154. Với mỗi cuộc tuần hoàn, các chủ âm áp dụng cho những nhóm thiên thần khác nhau sẽ thay đổi tùy theo số của cuộc tuần hoàn và các con số liên hệ.

they also evolve and, therefore, **the subject of the devas in their dual aspect as the negative and positive substance which produces objectivity** must be **studied in a threefold manner** if a true idea is to be approximated.

họ cũng tiến hoá, và vì vậy, **chủ đề về các thiên thần trong phương diện kép của họ như chất liệu âm và dương tạo ra tính khách quan** phải được **nghiên cứu theo cách tam phân** nếu muốn tiếp cận một ý tưởng chân thực.

155. We must keep in mind the evolution of the devic forces. Just as members of the human kingdom evolve, so do members of the deva kingdom.

155. Chúng ta phải ghi nhớ sự tiến hoá của các mãnh lực thiên thần. Cũng như các thành viên của giới nhân loại tiến hoá, các thành viên của giới thiên thần cũng vậy.

156. The term "devas" is sometimes indiscriminately applied to elemental life, for instance—"deva substance". This occurs now and then in this section of text. Usually the elemental essence is considered negative and the devas, positive, but not always.

156. Thuật ngữ "thiên thần" đôi khi được áp dụng một cách không phân biệt cho sự sống hành khí, chẳng hạn như "chất liệu thiên thần". Điều này thỉnh thoảng xảy ra trong phần văn bản này. Thông thường tinh chất hành khí được xem là âm, còn các thiên thần là dương, nhưng không phải lúc nào cũng vậy.

157. However, the devas of the lower orders may be considered negative in relation to the devas of the positive orders.

157. Tuy nhiên, các thiên thần thuộc các cấp thấp có thể được xem là âm trong tương quan với các thiên thần thuộc các cấp dương.

Therefore, **the devas—who are the sum-total of substance**—

Vì vậy, **các thiên thần—là tổng thể của chất liệu**—

158. If "substance" includes elemental essence, we can see how the term "devas" is used to describe involutionary as well as evolutionary beings.

158. Nếu "chất liệu" bao gồm tinh chất hành khí, chúng ta có thể thấy thuật ngữ "thiên thần" được dùng để mô tả cả các hữu thể giáng hạ tiến hoá lẫn tiến hoá.

must be considered from:

phải được xem xét từ:

The standpoint of round development.

Quan điểm của sự phát triển theo cuộc tuần hoàn.

The standpoint of any particular planetary Logos as they form His body of manifestation, a scheme.

Quan điểm của bất kỳ Đức Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào khi họ tạo thành thể biểu hiện của Ngài, một hệ hành tinh.

The standpoint of the human kingdom.

159. DK is revealing the threefold manner in which devas must be studied to gain a truer picture of their nature.

160. Each round will see different conditioning forces exerted upon the deva kingdom. Devas will differ also, depending upon the Planetary Logos in Whom they find expression. As there are different types of human beings on the different planets, the devas which interact with differing types of humanity will also be influenced and influential in various ways.

161. We are given a definition of devas as the "sum-total of substance". Much will depend upon how we define "substance". We will find that substance (defined philosophically as 'That which Substands') may extend to the very 'heights' of the universe.

162. From the very highest philosophical perspective, SUBSTANCE is the ABSOLUTE DEITY.

When this is not done, a wrong and narrow idea is the result.

163. So DK asks us to enlarge our perspective to gather a truer picture of the Deva Kingdom.

In future time, as may be seen from a study of *the Secret Doctrine,*[16] [See S. D., I, 288; II, 179, 187] the Logos in His septenary Nature will be seen as the Macrocosm for Man, whilst the Microcosm, Man himself, will be

Quan điểm của giới nhân loại.

159. Chân sư DK đang tiết lộ cách tam phân mà theo đó các thiên thần phải được nghiên cứu để đạt được một bức tranh chân thực hơn về bản chất của họ.

160. Mỗi cuộc tuần hoàn sẽ chứng kiến những mãnh lực tác động khác nhau được exerted lên giới thiên thần. Các thiên thần cũng sẽ khác nhau tùy theo Đức Hành Tinh Thượng Đế mà trong Ngài họ tìm được sự biểu hiện. Cũng như có những loại người khác nhau trên các hành tinh khác nhau, các thiên thần tương tác với những loại nhân loại khác nhau cũng sẽ bị ảnh hưởng và gây ảnh hưởng theo nhiều cách khác nhau.

161. Chúng ta được trao cho một định nghĩa về các thiên thần như là "tổng thể của chất liệu". Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào cách chúng ta định nghĩa "chất liệu". Chúng ta sẽ thấy rằng chất liệu (được định nghĩa theo triết học là 'Cái Nâng Đỡ') có thể vươn tới chính những "đỉnh cao" của vũ trụ.

162. Từ quan điểm triết học cao nhất, CHẤT LIỆU là THƯỢNG ĐẾ TUYỆT ĐỐI.

Khi điều này không được thực hiện, kết quả là một ý niệm sai lầm và chật hẹp.

163. Vì vậy Chân sư DK yêu cầu chúng ta mở rộng viễn tượng để có được một bức tranh chân thực hơn về Giới Thiên Thần.

Trong tương lai, như có thể thấy qua việc nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm,*16 [See S. D., I, 288; II, 179, 187] Thượng đế trong Bản Chất thất phân của Ngài sẽ được thấy là Đại thiên địa đối với Con Người, trong khi Tiểu thiên

seen also as the Macrocosm for the three lower kingdoms.

164. Man as macrocosm to the lower kingdoms, will be focussed on the synthetic buddhic plane. It is from this dimension that man is meant to harmonize and synthesize the lower kingdoms.

165. The comparison between man and the Solar Logos (as we have commented on several occasions) is often more accurate than the analogy between man and the Planetary Logos.

This is simply one way of studying the evolution of the conscious Entity—God, Man, or lesser life—by means of deva substance;

166. The study of the various types of E/entities necessitates a study of deva substance through which these E/entities express.

167. The development of the deva substance through which these E/entities express will give the clue to the evolutionary status of the E/entities concerned.

it involves the study of the positive and negative interaction.

168. In this case the E/entity will represent the positive pole and the deva(s) the negative.

169. It will also be necessary to consider a triplicity:

a. The E/entity

địa, chính con người, cũng sẽ được thấy là Đại thiên địa đối với ba giới thấp.

164. Con người, với tư cách là đại thiên địa đối với các giới thấp, sẽ được tập trung trên cõi Bồ đề tổng hợp. Chính từ chiều kích này mà con người được dự định sẽ điều hoà và tổng hợp các giới thấp.

165. Sự so sánh giữa con người và Thái dương Thượng đế (như chúng ta đã bình luận nhiều lần) thường chính xác hơn phép tương đồng giữa con người và Đức Hành Tinh Thượng Đế.

Đây chỉ đơn giản là một cách nghiên cứu sự tiến hoá của Thực Thể hữu thức—Thượng đế, Con Người, hay sự sống nhỏ hơn—thông qua chất liệu thiên thần;

166. Việc nghiên cứu các loại Thực thể khác nhau đòi hỏi phải nghiên cứu chất liệu thiên thần qua đó các Thực thể này biểu hiện.

167. Sự phát triển của chất liệu thiên thần qua đó các Thực thể này biểu hiện sẽ cho manh mối về tình trạng tiến hoá của các Thực thể liên hệ.

nó bao hàm việc nghiên cứu sự tương tác dương và âm.

168. Trong trường hợp này, Thực thể sẽ đại diện cho cực dương và thiên thần sẽ là cực âm.

169. Cũng cần phải xem xét một bộ ba:

a. Thực thể

b. The evolutionary devas or evolutionary devic substance

b. Các thiên thần tiến hoá hay chất liệu thiên thần tiến hoá

c. Involutionary, elemental substance sometimes called 'negative deva substance'

c. Chất liệu hành khí giáng hạ tiến hoá, đôi khi được gọi là 'chất liệu thiên thần âm'

As says the old Commentary again:

Như Cổ Luận lại nói:

170. The section of text from the Old Commentary is extraordinarily deep dealing with the Mysteries of Being.

170. Đoạn văn từ Cổ Luận này vô cùng sâu sắc, bàn đến các Huyền nhiệm của Bản Thể.

"When Father approaches Mother, that which will be taketh form. The union of the two concealeth the true mystery of Being.

"Khi Cha tiến đến gần Mẹ, cái sẽ là liền mang lấy hình tướng. Sự hợp nhất của hai Đấng che giấu huyền nhiệm chân thực của Bản Thể.

171. We are speaking of the birth or objectification of the "Son".

171. Chúng ta đang nói về sự sinh ra hay sự khách thể hoá của "Người Con".

172. "Being descends to manifest". (DINA II, 284)

172. "Bản Thể giáng xuống để biểu hiện". (DINA II, 284)

When the two great devas seek each other, when they meet and merge, the promise of life is fulfilled.

Khi hai thiên thần vĩ đại tìm đến nhau, khi họ gặp nhau và dung hợp, lời hứa của sự sống được hoàn thành.

173. The term "devas" can also mean "shining ones" or "gods".

173. Thuật ngữ "thiên thần" cũng có thể có nghĩa là "những đấng sáng chói" hay "các thần".

174. Here, it appears that Father and Mother are considered as "two great devas".

174. Ở đây, dường như Cha và Mẹ được xem là "hai thiên thần vĩ đại".

When the one who sees and knows stands midway between his parents,

Khi đấng thấy và biết đứng ở giữa cha mẹ mình,

175. This is the soul.

175. Đây là linh hồn.

176. “The One between comes forth and knows both time and God”. (DINA II 285)

176. “Đấng ở giữa xuất hiện và biết cả thời gian lẫn Thượng đế”. (DINA II 285)

then can be seen the fruition of knowledge, and all is known upon the planes of consciousness.

thì khi ấy có thể thấy được quả thành của tri thức, và mọi sự đều được biết trên các cõi của tâm thức.

177. This is the growth and expansion of the “Son” until consciousness on all levels is rounded out and whole.

177. Đây là sự tăng trưởng và mở rộng của “Người Con” cho đến khi tâm thức trên mọi cấp độ được viên mãn và toàn vẹn.

When Anu, the infinitesimal, is seen to contain Ishvara in His potency,

Khi Anu, cái vô cùng nhỏ bé, được thấy là chứa đựng Ishvara trong tiềm năng của Ngài,

178. “Ishvara” is another name for the Planetary Logos or greater Logoi.

178. “Ishvara” là một tên gọi khác của Đức Hành Tinh Thượng Đế hay các Thượng đế lớn hơn.

179. The part contains the Whole. It does not seem to make sense logically, but to the ‘identificatory apprehension’ it does. Synthesis is then realized.

179. Phần chứa đựng Toàn thể. Điều này dường như không hợp lý về mặt logic, nhưng đối với ‘sự nắm bắt bằng đồng hoá’ thì lại đúng. Khi ấy sự tổng hợp được chứng nghiệm.

when the lesser spheres and cycles expand into the [Page 672] circle of the Heavens, then shall the essential Unity be cognised and manifested fully.

khi các khối cầu và chu kỳ nhỏ hơn mở rộng vào [Page 672] vòng tròn của các cõi Trời, khi ấy Hợp Nhất cốt yếu sẽ được nhận biết và biểu hiện trọn vẹn.

180. Here we are speaking of the process of obscuration and absorption. The lesser spheres become (or re-become), eventually, the One Universal Sphere.

180. Ở đây chúng ta đang nói về tiến trình làm mờ đi và hấp thụ. Các khối cầu nhỏ hơn cuối cùng trở thành (hay lại trở thành) Khối Cầu Vũ Trụ Duy Nhất.

181. The “circle of the Heavens” is the One Great Wheel or the One Great Cycle.

181. “Vòng tròn của các cõi Trời” là Đại Luân Duy Nhất hay Đại Chu Kỳ Duy Nhất.

When the One that holds the life becomes the three behind which that life is hidden;

Khi Đấng nắm giữ sự sống trở thành ba đằng sau đó sự sống ấy được che giấu;

182. This is a tetrahedral relationship. On the human level, we have the Monad and expressing through the spiritual triad.

182. Đây là một tương quan tứ diện. Trên cấp độ con người, chúng ta có chân thần biểu hiện qua Tam Nguyên Tinh Thần.

183. The One always expresses through the Three.

183. Đấng Duy Nhất luôn luôn biểu hiện qua Bộ Ba.

when the three by revolution become the seven and the ten;

khi ba, qua sự xoay chuyển, trở thành bảy và mười;

184. This occurs through the process of emanation in which, apparently, the process of "revolution" is involved.

184. Điều này xảy ra qua tiến trình phát xạ, trong đó rõ ràng có bao hàm tiến trình "xoay chuyển".

185. The Science of Cycles and the Science of Emanation are closely related.

185. Khoa Học về Chu Kỳ và Khoa Học về Phát Xạ có liên hệ mật thiết với nhau.

when the thirty million crores of deva lives repeat the revolution;

khi ba mươi triệu crore sự sống thiên thần lặp lại vòng xoay;

186. An Indian "crore", we are told in the Wikipedia, is ten million.

186. Theo Wikipedia, một "crore" của Ấn Độ là mười triệu.

187. Thirty million crores of deva lives would be then, thirty trillion deva lives or 30,000,000,000,000 deva lives.

187. Vậy ba mươi triệu crore sự sống thiên thần sẽ là ba mươi ngàn tỉ sự sống thiên thần, hay 30,000,000,000,000 sự sống thiên thần.

188. If this figure is applied to our solar system, it is considerably larger than the 140,000,000,000 deva units which are said to be involved in the expression of this our second solar system.

188. Nếu con số này được áp dụng cho hệ mặt trời của chúng ta, nó lớn hơn đáng kể so với 140,000,000,000 đơn vị thiên thần được nói là có liên quan đến sự biểu hiện của hệ mặt trời thứ hai này của chúng ta.

2. In the present system, the second, there are two dominant evolutions, the human and the deva; there are—as earlier stated—sixty thousand million human monads. Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand

2. Trong hệ hiện tại, hệ thứ hai, có hai cuộc tiến hoá chi phối, nhân loại và thiên thần; có —như đã nói trước đây—sáu mươi ngàn triệu chân thần nhân loại. Cộng thêm vào đó cuộc tiến hoá nữ tính của các thiên thần, gồm 140 ngàn triệu, và các bạn có con số cần thiết là hai trăm ngàn triệu. Điều này làm

million. This elucidates my statement anent this being a feminine system. (EH 109)

189. We do not know, however, what *kind* or devic lives are being included.

when the central point is reached and reveals the three, the nine, and the inner blazing JEWEL,

190. These numbers appear to relate to the twelve-petalled structure of the egoic lotus —whether of man or some larger Entity.

191. There are nine sacrifice petals, three synthesis petals and one Jewel in the Lotus.

192. However, we must remember that we are speaking macrocosmically.

then is the circle of manifestation consummated, and the One again becomes the ten, the seven, the three and the point."

193. This summation could be applied to many different orders of being.

194. We recall the discussion of planetary schemes using exactly these numbers: 10—7—3—1 in various orders, as the following suggests.

Forget not that the schemes manifest as seven, as ten, as three from the angle of the Eternal Now, or—from the point of view of a Heavenly Man—the manifestation may be written as (3|7) (put a circle around the 3|7—ed.). In time and space the order might be stated to be 7-3-10, and at certain stages 10-7-3. As the opposites merge the ten

sáng tỏ phát biểu của tôi về việc đây là một hệ thống nữ tính. (EH 109)

189. Tuy nhiên, chúng ta không biết loại*nào* của các sự sống thiên thần đang được bao gồm.

khi điểm trung tâm đạt tới và làm lộ ra ba, chín, và VIÊN NGỌC rực cháy bên trong,

190. Những con số này dường như liên hệ đến cấu trúc mười hai cánh của hoa sen chân ngã—dù là của con người hay của một Thực thể lớn hơn nào đó.

191. Có chín cánh hoa hi sinh, ba cánh hoa tổng hợp và một Viên Ngọc trong Hoa Sen.

192. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng mình đang nói theo nghĩa đại thiên địa.

thì vòng tròn biểu hiện được hoàn tất, và Đấng Duy Nhất lại trở thành mười, bảy, ba và điểm."

193. Sự tổng kết này có thể được áp dụng cho nhiều cấp bậc hiện hữu khác nhau.

194. Chúng ta nhớ lại cuộc thảo luận về các hệ hành tinh sử dụng chính những con số này: 10—7—3—1 theo nhiều trật tự khác nhau, như đoạn sau gợi ý.

Đừng quên rằng các hệ hành tinh biểu hiện thành bảy, thành mười, thành ba từ góc độ của Hiện Tại Vĩnh Cửu, hoặc—từ quan điểm của một Đấng Thiên Nhân—sự biểu hiện có thể được viết là (3|7) (hãy đặt một vòng tròn quanh 3|7—người biên tập). Trong thời gian và không gian, trật tự có thể được nêu là 7-3-10, và ở một số giai đoạn là 10-7-3. Khi

become the seven and the three, and it is during this process that entire chains and globes, and eventually schemes, will apparently vanish from objectivity, and drop out of sight. They will be simply absorbed. During the twofold process of evolution, it might be numerically expressed as:

các cặp đối cực dung hợp, mười trở thành bảy và ba, và chính trong tiến trình này mà toàn bộ các dãy và các bầu hành tinh, và cuối cùng là các hệ hành tinh, rõ ràng sẽ biến mất khỏi tính khách quan và khuất khỏi tầm nhìn. Chúng sẽ đơn giản được hấp thụ. Trong tiến trình nhị phân của tiến hoá, điều này có thể được diễn tả bằng số như sau:

During involution the sequence is seen as three, then seven and finally ten.

Trong giáng hạ tiến hoá, chuỗi thứ tự được thấy là ba, rồi bảy và cuối cùng là mười.

During evolution the sequence is ten, then seven and finally three. (TCF 414-415)

Trong tiến hoá, chuỗi thứ tự là mười, rồi bảy và cuối cùng là ba. (TCF 414-415)

195. We could say that it is being applied to the entire universe! Perhaps the scope of the unit involved can be estimated in relation to the thirty million crores of devas.

195. Chúng ta có thể nói rằng điều này đang được áp dụng cho toàn thể vũ trụ! Có lẽ phạm vi của đơn vị liên quan có thể được ước lượng trong tương quan với ba mươi triệu crore thiên thần.

196. In any case, a cycle of detachment, retraction, obscuration and absorption is indicated—perhaps a great cosmic cycle of *simplification.*

196. Dù sao đi nữa, ở đây có chỉ ra một chu kỳ tách rời, co rút, làm mờ đi và hấp thụ—có lẽ là một chu kỳ vũ trụ lớn của *sự đơn giản hoá.*

Herein lies the key to the mystic marriage, and to the student of occultism much may be revealed through the study of these pairs of opposites;

Chính trong đây có chiếc chìa khóa của cuộc hôn phối thần bí, và đối với đạo sinh huyền bí học, nhiều điều có thể được mặc khải qua việc nghiên cứu các cặp đối cực này;

197. We are speaking of "Father and Mother" but also of the duality Man and Deva.

197. Chúng ta đang nói về "Cha và Mẹ" nhưng cũng nói về nhị nguyên tính Con Người và Thiên Thần.

198. The "mystic marriage" demands the coming together of the Human Kingdom and the Deva Kingdom.

198. "Cuộc hôn phối thần bí" đòi hỏi sự hội tụ của Giới Nhân Loại và Giới Thiên Thần.

199. In a larger sense, "Father" is Spirit and "Mother" is the entire deva kingdom.

199. Theo nghĩa rộng hơn, "Cha" là Tinh thần và "Mẹ" là toàn bộ giới thiên thần.

it will cause the revelation of the process (in time and space) whereby this union and its fruit is consummated, and the resultant creation of the divine Hermaphrodite is seen upon His Own high plane.

nó sẽ làm lộ ra tiến trình (trong thời gian và không gian) nhờ đó sự hợp nhất này và quả của nó được hoàn tất, và sự sáng tạo kết quả của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng được thấy trên chính cõi cao siêu của Ngài.

200. Not only must the 'Mystic Union' or "Mystic Marriage" be consummated, but the "Son" which arises through this union must come to full fruition. In the solar systemic this means the emergence of "God the Sun" and His fulfillment through our solar system and later, beyond.

200. Không những "Sự Hợp Nhất Thần Bí" hay "Cuộc Hôn Phối Thần Bí" phải được hoàn tất, mà "Người Con" phát sinh qua sự hợp nhất này cũng phải đạt đến quả thành trọn vẹn. Trong hệ mặt trời, điều này có nghĩa là sự xuất hiện của "Thượng đế Mặt Trời" và sự hoàn thành của Ngài qua hệ mặt trời của chúng ta và về sau, vượt xa hơn nữa.

201. The entire process is contained in the six philosophical statements found in DINA II, 284-285.

201. Toàn bộ tiến trình này được chứa đựng trong sáu mệnh đề triết học tìm thấy trong DINA II, 284-285.

1. God IS. The Lord for aye stands firm. Being exists alone. Naught else is.

1. Thượng đế LÀ. Chúa Tể muôn đời đứng vững. Bản Thể tồn tại đơn độc. Không gì khác hiện hữu.

2. Time IS. Being descends to manifest. Creation is. [Page 285] Time then and form agree. Being and time do not agree.

2. Thời gian LÀ. Bản Thể giáng xuống để biểu hiện. Sáng tạo hiện hữu. [Page 285] Khi ấy thời gian và hình tướng hòa hợp. Bản Thể và thời gian không hòa hợp.

3. Unity IS. The One between comes forth and knows both time and God. But time destroys that middle One and only Being IS.

3. Hợp Nhất LÀ. Đấng ở giữa xuất hiện và biết cả thời gian lẫn Thượng đế. Nhưng thời gian hủy diệt Đấng ở giữa ấy và chỉ Bản Thể LÀ.

4. Space IS. Time and space reverberate and veil the One who stands behind. Pure Being IS—unknown and unafraid, untouched, for aye unchanged.

4. Không gian LÀ. Thời gian và không gian vang dội và che phủ Đấng đứng phía sau. Bản Thể thuần túy LÀ—không được biết đến và không sợ hãi, không bị chạm đến, muôn đời không đổi.

5. God IS. Time, space, the middle One (with form and process) go, and yet for aye remain. Pure reason then suffices.

5. Thượng đế LÀ. Thời gian, không gian, Đấng ở giữa (cùng với hình tướng và tiến

trình) qua đi, nhưng vẫn còn mãi. Khi ấy lý trí thuần túy là đủ.

6. Being cries forth and says:... (untranslatable). Death crumbles all. Existence disappears, yet all for aye remains —untouched, immutably the same. God IS. (DINA II 284-285)

6. Bản Thể cất tiếng và nói:... (không thể dịch). Cái chết làm mọi sự tan vụn. Sự tồn tại biến mất, nhưng mọi sự vẫn còn mãi— không bị chạm đến, bất biến như nhau. Thượng đế LÀ. (DINA II 284-285)

We must ever keep clearly in mind **that we are dealing in this section with the evolutionary devas who are the positive Life animating involutionary matter or deva substance.**

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ rõ ràng **rằng trong phần này chúng ta đang bàn đến các thiên thần tiến hoá là Sự sống dương linh hoạt chất liệu giáng hạ tiến hoá hay chất liệu thiên thần.**

202. Again we see the possibility that the term "devas" is sometimes used to represent *involutionary* lives.

202. Một lần nữa chúng ta thấy khả năng rằng thuật ngữ "devas" đôi khi được dùng để biểu thị các sự sống *giáng hạ tiến hoá*.

203. We are told of "evolutionary devas" but we are also told that "involutionary matter" can be called "deva substance".

203. Chúng ta được cho biết về "các deva thăng thượng tiến hoá", nhưng chúng ta cũng được cho biết rằng "vật chất giáng hạ tiến hoá" có thể được gọi là "chất liệu deva".

204. Caution is required to make sure we are discriminating properly when dealing with this subject.

204. Cần phải thận trọng để bảo đảm rằng chúng ta đang phân biện đúng đắn khi bàn đến chủ đề này.

Consequently, the correspondence of the mystic marriage of Spirit and matter can be seen working out also in deva substance itself, through the **interaction of negative and positive deva lives.**

Do đó, sự tương ứng của cuộc hôn phối thần bí giữa Tinh thần và vật chất cũng có thể được thấy đang vận hành ngay trong chính chất liệu deva, thông qua **sự tương tác của các sự sống deva âm và dương.**

205. Here is an important point. The term "deva substance" used in this section includes *both* positive deva lives and negative deva lives, even though the main topic of discussion is the "evolutionary devas".

205. Đây là một điểm quan trọng. Thuật ngữ "chất liệu deva" được dùng trong phần này bao gồm *cả* các sự sống deva dương lẫn các sự sống deva âm, dù chủ đề chính của cuộc thảo luận là "các deva thăng thượng tiến hoá".

206. The Great "Mystic Marriage" is generally between Spirit and Matter.

206. "Cuộc Hôn Phối Thần Bí" vĩ đại nói chung là giữa Tinh thần và Vật chất.

207. Within deva substance itself, however, a reflection of this mystic marriage can be seen to occur—the marriage between the positive evolutionary devic lives and the lower elemental, involutionary 'devic' lives.

207. Tuy nhiên, ngay trong chính chất liệu deva, có thể thấy xảy ra một sự phản chiếu của cuộc hôn phối thần bí này—cuộc hôn phối giữa các sự sống deva thăng thượng tiến hoá dương và các sự sống 'deva' hành khí thấp, giáng hạ tiến hoá.

208. This interaction is occurring with the vehicles of man at all times.

208. Sự tương tác này đang xảy ra với các vận cụ của con người vào mọi lúc.

Substance itself represents essential duality; forms repeat the same duality,

Bản thân chất liệu biểu thị tính nhị nguyên tính cốt yếu; các hình tướng lặp lại cùng nhị nguyên tính ấy,

209. I.e., there are involutionary and evolutionary forms just as there is involutionary and evolutionary deva substance.

209. Tức là, có những hình tướng giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá, cũng như có chất liệu deva giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá.

and when we arrive at man himself again, we have duality plus a third factor.

và khi chúng ta lại đến với chính con người, chúng ta có nhị nguyên tính cộng thêm một yếu tố thứ ba.

210. Usually we discuss the polarity of man and the devas.

210. Thông thường chúng ta bàn về cực tính của con người và các deva.

211. By dividing the devas into positive and negative and then introducing man we have created a triangle.

211. Bằng cách chia các deva thành dương và âm rồi đưa con người vào, chúng ta đã tạo ra một tam giác.

212. Thus is a very important triangle created:

212. Như vậy một tam giác rất quan trọng được tạo thành:

a. Involutionary, elemental devic substance

a. Chất liệu deva giáng hạ tiến hoá, hành khí

b. Positive evolutionary devic substance

b. Chất liệu deva thăng thượng tiến hoá dương

c. Man

213. It is increasingly clear that man must learn to choose sides with the evolutionary devas, and especially with the self-consciousness evolutionary devas.

These **three orders** of deva substance—the lower fifth, the sixth and seventh—are a very mysterious group as far as man is concerned.[17]

214. Perhaps this is the case because they come from a previous solar system and sustain the patterns of that solar system, whereas the essence of 'modern' man (not the type of man who individualized during the previous solar system) is keyed to the program of the second solar system.

215. Mysterious to man though these devas may be, it is precisely they with whom man unadvisedly often seeks to tamper.

216. When we look at the footnote below, we might wonder why it has been inserted at this juncture.

FOOTNOTE 17:

Sankaracharya and Buddha.

The great sage Sankaracharya who is known to us all as the leading head of the adwaitic movement that was set on foot subsequent to the time of the equally great Sage known as Gautama Buddha, the head of the doctrine of Buddhi or Buddhism.

c. Con người

213. Ngày càng rõ ràng rằng con người phải học cách chọn đứng về phía các deva thăng thượng tiến hoá, và đặc biệt là các deva thăng thượng tiến hoá có ngã thức.

Ba **trật tự** này của chất liệu deva—thứ năm thấp, thứ sáu và thứ bảy—là một nhóm rất huyền bí đối với con người.17

214. Có lẽ là như vậy vì chúng đến từ một hệ mặt trời trước đây và duy trì các mô hình của hệ mặt trời ấy, trong khi tinh chất của con người 'hiện đại' (không phải loại người đã biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước) lại được điều chỉnh theo chương trình của hệ mặt trời thứ hai.

215. Dù các deva này có thể huyền bí đối với con người, chính họ lại là những vị mà con người thường thiếu khôn ngoan khi tìm cách can thiệp vào.

216. Khi nhìn vào cước chú bên dưới, chúng ta có thể tự hỏi vì sao nó lại được chèn vào đúng chỗ này.

CƯỚC CHÚ 17:

Sankaracharya và Đức Phật.

Đại hiền triết Sankaracharya, người mà tất cả chúng ta đều biết là vị lãnh đạo hàng đầu của phong trào bất nhị được khởi xướng sau thời của vị Đại Hiền Triết vĩ đại không kém được biết đến là Gautama Buddha, vị đứng đầu giáo lý về Bồ đề hay Phật giáo.

217. Adwaita là Học thuyết Bất Nhị.

217. Adwaita is the Doctrine of Non-Dualism.

218. The actual birth date of Sankaracharya is disputed. Some sources place His appearance as late as 800 AD.

Both are great Masters of compassion and may be conceived as the two hemispheres of the burning globe of light that is placed on the central mental mount to impart light to the East and the West.

219. In the Teaching of Master DK, both Sankaracharya and the Buddha have been associated with the second ray. The Buddha however, is associated as well with the third ray (monadically). Can we say that Sankaracharya is associated with the first ray?

220. If this is the case, then, the Buddha representing the third and second rays will correspond to the deva kingdom and Sankaracharya representing the first and second rays will correspond to the human kingdom—one to Man and one to Deva.

221. It is clear that we have been discussing (with Man and Deva) a great polarity.'

222. Now DK brings calls our attention to two great Teachers Who represent, so the author of this note suggests, a great polarity of East and West.

The two great Masters are mystically connected, if you will listen to H. P. B., and to understand the natures of these two beings is to understand the nature of the entire cosmos divisible as two hemispheres, the

218. Ngày sinh thực sự của Sankaracharya còn có tranh luận. Một số nguồn đặt sự xuất hiện của Ngài muộn đến tận năm 800 sau Công nguyên.

Cả hai đều là những Chân sư vĩ đại của lòng từ bi và có thể được hình dung như hai bán cầu của quả cầu ánh sáng rực cháy được đặt trên đỉnh núi trí tuệ trung tâm để ban ánh sáng cho Đông và Tây.

219. Trong Giáo Huấn của Chân sư DK, cả Sankaracharya lẫn Đức Phật đều được liên kết với cung hai. Tuy nhiên, Đức Phật cũng được liên kết với cung ba (về mặt chân thần). Chúng ta có thể nói rằng Sankaracharya được liên kết với cung một chăng?

220. Nếu đúng như vậy, thì Đức Phật, biểu trưng cho cung ba và cung hai, sẽ tương ứng với giới deva, còn Sankaracharya, biểu trưng cho cung một và cung hai, sẽ tương ứng với giới nhân loại—một vị với Con Người và một vị với Deva.

221. Rõ ràng là chúng ta đã bàn đến (với Con Người và Deva) một cực tính lớn lao.'

222. Giờ đây Chân sư DK hướng sự chú ý của chúng ta đến hai Huấn sư vĩ đại, những Đấng đại diện, theo gợi ý của tác giả ghi chú này, cho một cực tính lớn lao giữa Đông và Tây.

Hai vị Chân sư vĩ đại này được nối kết một cách thần bí, nếu bạn lắng nghe H. P. B., và thấu hiểu bản chất của hai Đấng này là thấu hiểu bản chất của toàn thể vũ trụ có thể chia

one being the land of the sun-rise of thought eternal

thành hai bán cầu, một bên là miền đất của mặt trời mọc của tư tưởng vĩnh cửu

223. This would be Sankaracharya.

223. Đó sẽ là Sankaracharya.

224. As for the mystical connection, there are some schools of thought which see the Buddha and Sankaracharya as the *same Being.* Their approaches, however, were very different, though complementary.

224. Về mối liên hệ thần bí ấy, có một số trường phái tư tưởng xem Đức Phật và Sankaracharya là *cùng một Đấng.* Tuy nhiên, cách tiếp cận của các Ngài rất khác nhau, dù bổ sung cho nhau.

225. We are not in a position to arrive at this assertion of sameness.

225. Chúng ta không ở vào vị thế để đi đến khẳng định về sự đồng nhất này.

and the other being "the Pillar to the West upon whose face the rising sun of thought eternal poureth forth its most glorious waves."

và bên kia là "Trụ Cột ở phương Tây, trên gương mặt của nó mặt trời đang lên của tư tưởng vĩnh cửu tuôn đổ những làn sóng huy hoàng nhất của mình."

226. This would be the Buddha.

226. Đó sẽ là Đức Phật.

227. When we contrast the East and the West, the East represents essential identity and the West, the devas through whom essential identity is expressed.

227. Khi chúng ta đối chiếu Đông và Tây, phương Đông biểu thị bản sắc cốt yếu, còn phương Tây biểu thị các deva, qua đó bản sắc cốt yếu được biểu lộ.

They are representatives for us (the poor children of the dust of the ground) of the two great powers known in the Puranas as Siva and Vishnu,

Đối với chúng ta (những đứa con đáng thương của bụi đất), các Ngài là những vị đại diện cho hai quyền năng lớn được biết trong các Purana là Siva và Vishnu,

228. The Siva aspect is represented by Sankaracharya; he Vishnu aspect by the Buddha.

228. Phương diện Siva được Sankaracharya biểu trưng; phương diện Vishnu được Đức Phật biểu trưng.

229. Sankaracharya represents the Universal Deity, abstracted from all relation to objectivity.

229. Sankaracharya biểu trưng cho Thượng đế Vũ Trụ, được trừu xuất khỏi mọi liên hệ với tính khách quan.

230. The Buddha represents "Suchness"—all objectivity as "Suchness" and yet empty of 'Self-Being'.

230. Đức Phật biểu trưng cho "Như Thị"—toàn bộ tính khách quan như "Như Thị" mà vẫn rỗng không đối với 'Tự Hữu'.

the universal sower and reaper, who by their interaction are said to support the universe of progress.—*Some Thoughts on the Gita,* pp. 92-3.

người gieo và gặt hái vũ trụ, mà qua sự tương tác của các Ngài, vũ trụ của tiến bộ được nói là được nâng đỡ.—*Một vài suy tưởng về Gita,* tr. 92-3.

231. It cannot be denied that the first ray formed part of the Buddha's energy equipment. DK tells us that He has a first ray personality. However, in Sankaracharya, the first ray runs much deeper. In Sankaracharya's thought, all objectivity is destroyed and is forever resolved into the ONE AND ONLY.

231. Không thể phủ nhận rằng cung một tạo thành một phần trong trang bị năng lượng của Đức Phật. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Ngài có cung phàm ngã một. Tuy nhiên, nơi Sankaracharya, cung một đi sâu hơn nhiều. Trong tư tưởng của Sankaracharya, mọi tính khách quan đều bị hủy bỏ và vĩnh viễn được giải quyết vào trong ĐẤNG DUY NHẤT VÀ ĐỘC NHẤT.

232. From an astrological perspective, we could conceive of Sankaracharya as Aries in which the Sun is exalted and the Buddha as the Taurus, in which the Moon is exalted.

232. Từ góc độ chiêm tinh học, chúng ta có thể hình dung Sankaracharya là Bạch Dương, trong đó Mặt Trời được tôn vinh, và Đức Phật là Kim Ngưu, trong đó Mặt Trăng được tôn vinh.

233. Aries, from the highest perspective, is the home of Absolute, Universal Being—Homogeneous Spirit. Taurus, with its exalted Moon, represents the entirety of the Deva Kingdom, the entirety of objectivity.

233. Bạch Dương, từ quan điểm cao nhất, là nơi cư ngụ của Bản Thể Tuyệt Đối, Vũ Trụ—Tinh thần Đồng Nhất. Kim Ngưu, với Mặt Trăng được tôn vinh, biểu trưng cho toàn thể giới Deva, toàn thể tính khách quan.

[Page 673]

[Page 673]

They [*the three orders of devas substance*] have scarcely been hinted at as yet in occult literature, but they contain within themselves the secret of our planetary individualisation.

Chúng [*ba trật tự của chất liệu deva*] cho đến nay hầu như chưa được gợi nhắc trong văn liệu huyền bí học, nhưng chúng chứa đựng trong chính mình bí mật của sự biệt ngã hóa hành tinh của chúng ta.

234. Man, as the projection of the Fourth Creative Hierarchy, manifests through the

234. Con người, như sự phóng chiếu của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư, biểu lộ qua các

members of the lower fifth, the sixth and seventh deva hierarchies.

235. But we are here speaking of "orders" of devas and not of the Creative Hierarchies, per se. Although the difference between deva "orders" and deva hierarchies is not easy to understand with clarity, DK has taken pains to indicate that there is a distinction.

They were the group which had much to do with the "sin of the mindless," and are very closely associated with animal man.

236. This "sin of the mindless" emerged as a result of the tendencies of the devic life inherited from the previous solar system.

237. Animality is associated with Mars and Mars (and the Moon) with the Sixth Creative Hierarchy. This is the Creative Hierarchy of the Lunar Lords or Lunar Pitris.

238. The "sin of the mindless" was an unillumined, Martian act. The light of Venus (conferred at individualization) had not sufficiently penetrated the consciousness of those who sinned by mating with those who were definitely animals.

239. Yet, it is probably of those Agnisuryans associated with the sex impulse, that we are speaking. They are members of the sixth order of devas and are not, per se, members of the Sixth Creative Hierarchy.

The devas of the sixth order are those of the astral plane, and are the devas who have the most to do with the forces which produce

thành viên của huyền giai deva thứ năm thấp, thứ sáu và thứ bảy.

235. Nhưng ở đây chúng ta đang nói về các "trật tự" deva chứ không phải về các Huyền Giai Sáng Tạo, chính chúng. Dù sự khác biệt giữa các "trật tự" deva và các huyền giai deva không dễ được hiểu một cách rõ ràng, Chân sư DK đã cẩn trọng chỉ ra rằng có một sự phân biệt.

Chúng là nhóm có liên quan rất nhiều đến "tội lỗi của những kẻ vô trí", và được liên kết rất chặt chẽ với người thú.

236. "Tội lỗi của những kẻ vô trí" này xuất hiện như kết quả của các khuynh hướng của sự sống deva được thừa hưởng từ hệ mặt trời trước.

237. Tính thú vật được liên kết với Sao Hỏa, và Sao Hỏa (cùng Mặt Trăng) với Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu. Đây là Huyền Giai Sáng Tạo của các nguyệt tinh quân hay thái âm tổ phụ.

238. "Tội lỗi của những kẻ vô trí" là một hành động Sao Hỏa không được soi sáng. Ánh sáng của Sao Kim (được ban vào lúc biệt ngã hóa) đã chưa thâm nhập đủ vào tâm thức của những kẻ phạm tội bằng cách giao phối với những kẻ rõ ràng là thú vật.

239. Tuy nhiên, có lẽ chính là những Agnisuryan liên kết với xung lực tính dục mà chúng ta đang nói đến. Họ là các thành viên của trật tự deva thứ sáu và không phải, tự chúng, là các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu.

Các deva của trật tự thứ sáu là những deva của cõi cảm dục, và là những deva có liên quan nhiều nhất đến các mãnh lực tạo ra

the phenomena we call love, sex impulse, instinct, or the driving urge and motive which demonstrates later on the physical plane in activity of some kind. The positive vibration set up on the astral plane produces results on the physical and that is why the White Brother, if He works with the devas at all, works only on the astral plane and with the positive aspect. (TCF 668)

những hiện tượng mà chúng ta gọi là tình thương, xung lực tính dục, bản năng, hay sự thôi thúc và động cơ thúc đẩy, những điều về sau biểu lộ trên cõi hồng trần thành một loại hoạt động nào đó. Rung động dương được thiết lập trên cõi cảm dục tạo ra kết quả trên cõi hồng trần, và đó là lý do vì sao huynh đệ Chánh đạo, nếu Ngài có làm việc với các deva đi nữa, thì chỉ làm việc trên cõi cảm dục và với phương diện dương. (TCF 668)

To the power and control which these pitris

Đối với quyền lực và sự kiểm soát mà các pitri này

240. Notice here that though DK is speaking of the lower "orders" of devas, He calls them "pitris", even though the members of the orders are not the Lunar Lords considered as the lord of the physical elemental, the lord of astral elemental, and the lord of the mental elemental..

240. Hãy lưu ý ở đây rằng dù Chân sư DK đang nói về các "trật tự" deva thấp, Ngài gọi chúng là "pitri", dù các thành viên của các trật tự ấy không phải là các nguyệt tinh quân được xem như chúa tể của hành khí thể xác, chúa tể của hành khí cảm dục, và chúa tể của hành khí trí tuệ..

assumed must be ascribed much of the disastrous early happenings referred to in *the Secret Doctrine,* such as the above mentioned "sin," and also the early "failures" in building suitable vehicles for Spirits seeking incarnation.

đã nắm giữ, phải quy phần lớn những biến cố tai hại thời kỳ đầu được nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* như "tội lỗi" đã đề cập ở trên, và cả những "thất bại" ban đầu trong việc xây dựng các vận cụ thích hợp cho các Tinh thần đang tìm cách lâm phàm.

241. These lower orders of devas were inherited from the Moon-chain and perhaps from the previous solar system. They did not (in those early days) conform to the Spiritual Program intended for our planet.

241. Các trật tự deva thấp này được thừa hưởng từ Dãy Mặt Trăng và có lẽ từ cả hệ mặt trời trước. Trong những thời kỳ đầu ấy, chúng đã không phù hợp với Chương Trình tinh thần được dự định cho hành tinh chúng ta.

242. If we read *The Secret Doctrine* carefully we shall find it calling our attention to two "sins" of very early man:

242. Nếu chúng ta đọc *Giáo Lý Bí Nhiệm* một cách cẩn thận, chúng ta sẽ thấy tác phẩm ấy hướng sự chú ý của chúng ta đến hai "tội lỗi" của con người thời rất sơ khai:

a. The "sin of the mindless"

a. "Tội lỗi của những kẻ vô trí"

b. The failures to build suitable vehicles for the Spirits seeking incarnation. These failures were related to the creative activities of building entities of spirits related to the Earth and not to Venus and the Solar Angels.

b. Những thất bại trong việc xây dựng các vận cụ thích hợp cho các Tinh thần đang tìm cách lâm phàm. Những thất bại này liên quan đến các hoạt động sáng tạo của các thực thể kiến tạo thuộc các tinh thần liên hệ với Trái Đất chứ không phải với Sao Kim và các Thái dương Thiên Thần.

243. These three lower order of pitris had undue power in those days because they were not yet subdued by the Solar Angels.

243. Ba trật tự pitri thấp này có quyền lực quá mức trong những ngày ấy vì chúng chưa bị các Thái dương Thiên Thần chế ngự.

244. They *still* have great power and in some human beings are still in danger of escaping from control.

244. Chúng *vẫn* còn có quyền lực lớn và nơi một số con người vẫn còn nguy cơ thoát khỏi sự kiểm soát.

Here also may be found the beginnings of that mysterious divergence which we call the "left and right hand paths," which conditions (existing within the body logoic and consequently being part of the divine consciousness) originated in the remote "space of time," when the sons of God were seeking form.

Ở đây cũng có thể tìm thấy những khởi đầu của sự phân kỳ huyền bí mà chúng ta gọi là "tả đạo và chánh đạo," sự phân kỳ này tác động (tồn tại trong thân thể của Thượng đế và do đó là một phần của tâm thức thiêng liêng) đã phát sinh trong "khoảng thời gian" xa xăm, khi những người con của Thượng đế đang tìm kiếm hình tướng.

245. The lower three classes of pitris are here implicated in the formation of the left hand path.

245. Ba loại pitri thấp ở đây được hàm ý là có liên quan đến sự hình thành của tả đạo.

246. The Brothers of the Black Lodge originated in the previous solar system and reached a high level of achievement in that earlier system.

246. Các Huynh Đệ của Hắc đoàn bắt nguồn từ hệ mặt trời trước và đã đạt đến một cấp độ thành tựu cao trong hệ thống trước đó.

247. The three lower orders of devic lives (who work within the dense physical body of the Solar Logos) can probably be traced to the previous solar system and are presently carrying energy patterns of that earlier system.

247. Ba trật tự thấp của các sự sống deva (những vị hoạt động trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế) có lẽ có thể được truy nguyên về hệ mặt trời trước và hiện đang mang các mô hình năng lượng của hệ thống trước đó.

248. The “remote space of time” may be considered the substantial and temporal manifestation of the previous solar system.

248. “Khoảng thời gian xa xăm” có thể được xem là biểu hiện về chất liệu và thời gian của hệ mặt trời trước.

249. Was it at that time that the “sons of God were seeking form”?

249. Có phải chính vào thời ấy mà “những người con của Thượng đế đang tìm kiếm hình tướng” không?

250. We will be compelled to say so. This form-seeking cannot have occurred in our present solar system, because the Black Initiates are an inheritance from the immediately earlier system.

250. Chúng ta sẽ buộc phải nói là đúng như vậy. Việc tìm kiếm hình tướng này không thể đã xảy ra trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta, vì các Điểm đạo đồ Hắc đạo là di sản từ hệ thống ngay trước đó.

251. Perhaps it was in the seeking of form that they came to *identify completely* with the devas of the three lower orders and, through identification, fell under the sway of certain great devic lives who contain these lower orders in their expression.

251. Có lẽ chính trong việc tìm kiếm hình tướng mà họ đã đi đến chỗ *đồng hoá hoàn toàn* với các deva của ba trật tự thấp, và qua sự đồng hoá ấy, rơi vào dưới quyền chi phối của một số sự sống deva lớn lao chứa đựng các trật tự thấp này trong sự biểu lộ của chúng.

252. Those who tend towards the left hand path reject participation in the higher energies along the *solar* line. They reject solar fire. They dedicate themselves entirely to fire by friction which is the expression of the three lower orders of devas as is the inheritance from the previous solar system.

252. Những ai có khuynh hướng về tả đạo từ chối tham dự vào các năng lượng cao hơn theo tuyến *thái dương*. Họ từ chối Lửa Thái dương. Họ hiến mình hoàn toàn cho Lửa ma sát, vốn là sự biểu lộ của ba trật tự deva thấp như là di sản từ hệ mặt trời trước.

It has to do with **a special condition in the astral body of our planetary Logos,** and with His history as it lies hidden in the astral light.

Điều này liên quan đến **một tình trạng đặc biệt trong thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta,** và với lịch sử của Ngài như nó ẩn giấu trong ánh sáng cảm dục.

253. We cannot possibly say what this condition may be except that on our planet, there is a real problem with the direction in which desire is oriented. Will desire be oriented towards the world of the soul and the still higher worlds, or will it seek its

253. Chúng ta hoàn toàn không thể nói tình trạng này có thể là gì, ngoại trừ rằng trên hành tinh của chúng ta có một vấn đề thực sự về hướng mà dục vọng được định hướng. Dục vọng sẽ được định hướng về thế giới của linh hồn và những thế giới còn cao hơn nữa,

satisfaction within the force-residue of the earlier solar system?

254. We have been told that our Planetary Logos is still struggling on the cosmic astral plane with his cosmic desire elemental. His struggles have been intense, but now He seeks to move His focus (and is succeeding) to the fifth cosmic astral subplane (the fifth from below) from the fourth.

255. DK seems to suggest that it may be possible to "read" in the astral light the history of the astral condition of our Planetary Logos, but it is not possible for us.

256. Elsewhere we have been told of the unusual personality issues of our Planetary Logos.

Herein lies the mystery of our planet, the most mysterious of all the planets. Just as the karma of individuals differs, so differs the karma of the various Logoi, and the **karma of our planetary Logos has been a heavy one, and veiled in the mystery of personality at this time. (TCF 207)**

257. The personality ray of our Heavenly Man is the third, relating Him to these three orders of lower devas and to the past solar system. The third ray personality will (as things stand at present) always respond to the pull of the past.

258. The "mystery of personality" and the mystery of His astral condition may go together. He is, it would seem, in need of a

hay nó sẽ tìm sự thỏa mãn của mình trong tàn dư mãnh lực của hệ mặt trời trước?

254. Chúng ta đã được cho biết rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn còn đang vật lộn trên cõi cảm dục vũ trụ với hành khí dục vọng vũ trụ của Ngài. Những cuộc vật lộn của Ngài đã rất mãnh liệt, nhưng giờ đây Ngài tìm cách chuyển tiêu điểm của Ngài (và đang thành công) từ cõi phụ cảm dục vũ trụ thứ tư lên cõi phụ thứ năm (thứ năm tính từ dưới lên).

255. Chân sư DK dường như gợi ý rằng có thể "đọc" trong ánh sáng cảm dục lịch sử của tình trạng cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, nhưng điều đó không thể đối với chúng ta.

256. Ở nơi khác, chúng ta đã được cho biết về những vấn đề phàm ngã bất thường của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

Chính trong đó có huyền nhiệm của hành tinh chúng ta, hành tinh huyền bí nhất trong tất cả các hành tinh. Cũng như nghiệp quả của các cá nhân khác nhau, nghiệp quả của các Thượng đế khác nhau như vậy, và **nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một nghiệp quả nặng nề, và hiện nay được che phủ trong huyền nhiệm của phàm ngã. (TCF 207)**

257. Cung phàm ngã của Đấng Thiên Nhân của chúng ta là cung ba, liên hệ Ngài với ba trật tự deva thấp này và với hệ mặt trời quá khứ. Phàm ngã cung ba, theo tình trạng hiện nay, sẽ luôn đáp ứng với sức hút của quá khứ.

258. "Huyền nhiệm của phàm ngã" và huyền nhiệm về tình trạng cảm dục của Ngài có thể đi cùng nhau. Có vẻ như Ngài cần một sự tái

great astral reorientation. He has, we have been told, the psychology of a "Divine Rebel".

định hướng cảm dục lớn lao. Chúng ta đã được cho biết rằng Ngài có tâm lý của một "Kẻ Phản Loạn Thiêng Liêng".

It concerns that which He has to surmount and many of the problems which face the occultist, including the "sin of the mindless," the failure in Atlantean days, and even that mysterious "failure" of the Buddha (which has a planetary significance only hinted at in *the Secret Doctrine)*[18] can be traced back to the condition of the deva substance of which the astral body of our planet, and the astral bodies of all forms are formed.

Điều này liên quan đến điều mà Ngài phải vượt qua và nhiều vấn đề đối diện với nhà huyền bí học, bao gồm "tội lỗi của những kẻ vô trí," thất bại trong thời Atlantis, và ngay cả "thất bại" huyền bí của Đức Phật (chỉ được gợi nhắc về ý nghĩa hành tinh của nó trong *Giáo Lý Bí Nhiệm)*18 đều có thể được truy nguyên về tình trạng của chất liệu deva mà từ đó thể cảm dục của hành tinh chúng ta, và các thể cảm dục của mọi hình tướng, được tạo thành.

259. We are localizing the problem somewhat. All three lower orders of devas are involved in the difficulties through which our Planetary Logos continues to pass, yet it is particularly the devas of the sixth order (the Agnisuryans) which are involved in the problem.

259. Chúng ta đang khu biệt vấn đề phần nào. Cả ba trật tự deva thấp đều liên quan đến những khó khăn mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn tiếp tục trải qua; tuy nhiên, đặc biệt chính là các deva của trật tự thứ sáu (các Agnisuryan) có liên quan đến vấn đề này.

260. We remember that Buddha's main objective was to tackle the problem of Desire—holding humanity in chains, i.e., in attachment to the three lower orders of devas. The Buddha's sixth ray mind was uniquely suited to this task—to deal with the sixth order of devas in a masterful mental manner.

260. Chúng ta nhớ rằng mục tiêu chính của Đức Phật là giải quyết vấn đề Dục vọng—đang trói buộc nhân loại trong xiềng xích, tức là trong sự dính mắc với ba trật tự deva thấp. Trí tuệ cung sáu của Đức Phật đặc biệt thích hợp với nhiệm vụ này—để xử lý trật tự deva thứ sáu theo một cách trí tuệ đầy bậc thầy.

261. For the sake of impact, let us tabulate the three "failures" related to the condition of the astral substance in the astral body of our Planetary Logos:

261. Vì mục đích tạo ấn tượng, chúng ta hãy lập bảng ba "thất bại" liên hệ với tình trạng của chất liệu cảm dục trong thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta:

a. The "sin of the mindless"

a. "Tội lỗi của những kẻ vô trí"

b. The failure to build adequate vehicles for incoming Spirits

b. Thất bại trong việc xây dựng các vận cụ thích đáng cho các Tinh thần đi vào

c. The failure in Atlantean days

d. The mysterious "failure" or "sin" of the Buddha. This involve lingering too long (from the perspective of the Planetary Logos) in relation to the elemental substance of the lower three planes and the three orders of devas to be found working upon those planes—all for because of His profound compassion for all sentient beings confined to those worlds.

FOOTNOTE 18: The Stanzas at the beginning of Volume II of *the Secret Doctrine* make these failures apparent.—S. D., II, 195, 201, 721, 728. The Failure of the Buddha. See S. D., III, 376-588. The Imperfect Gods are referred to in S. D., I, 214, 449; II, 223; III, 209.

262. The three volume set of *The Secret Doctrine* must be utilized in this research.

263. We can wonder at the pagination referring to the failure of the Buddha. Can it really be 376-588 or is it 376-388? [It is 388 - LVK] It seems unlikely that two hundred and twelve pages would be devoted to the subject.

264. Research is encouraged for those who have time to pursue it.

Our planetary Logos is one of the Lords spoken of as being a lesser lord, and more "full of passion" than the higher three.

265. Who, in this context, are the "higher three"? Can we mean the Lords of the three synthesizing planets, or another higher

c. Thất bại trong thời Atlantis

d. "Thất bại" hay "tội lỗi" huyền bí của Đức Phật. Điều này liên quan đến việc lưu lại quá lâu (từ quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế) trong mối liên hệ với chất liệu hành khí của ba cõi thấp và ba trật tự deva được thấy đang hoạt động trên các cõi ấy—tất cả là vì lòng từ bi sâu xa của Ngài đối với mọi chúng sinh hữu tình bị giam hãm trong những thế giới đó.

CƯỚC CHÚ 18: Các Bài Kệ ở đầu Tập II của *Giáo Lý Bí Nhiệm* làm cho những thất bại này trở nên hiển nhiên.—S. D., II, 195, 201, 721, 728. Thất Bại của Đức Phật. Xem S. D., III, 376-588. Các Thượng đế Bất Toàn được nhắc đến trong S. D., I, 214, 449; II, 223; III, 209.

262. Bộ ba tập của *Giáo Lý Bí Nhiệm* phải được sử dụng trong công trình nghiên cứu này.

263. Chúng ta có thể thắc mắc về số trang liên quan đến thất bại của Đức Phật. Liệu thật sự là 376-588 hay là 376-388? [It is 388 - LVK] Có vẻ khó có khả năng là hai trăm mười hai trang lại được dành cho chủ đề này.

264. Việc nghiên cứu được khuyến khích đối với những ai có thời gian theo đuổi nó.

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một trong các Đấng được nói đến như là một vị chúa tể thấp hơn, và "đầy đam mê" hơn ba vị cao hơn.

265. Trong ngữ cảnh này, "ba vị cao hơn" là ai? Chúng ta có thể muốn nói đến các Chúa Tể của ba hành tinh tổng hợp, hay một bộ ba

three? Venus, Jupiter and Saturn presently represent the three "super-principles" in our solar system. Of course, each of them is sacred and, consequently less "full of passion" than the Planetary Logos of the Earth-scheme.

cao hơn nào khác? Sao Kim, Sao Mộc và Sao Thổ hiện nay biểu trưng cho ba "siêu nguyên khí" trong hệ mặt trời của chúng ta. Dĩ nhiên, mỗi vị trong các Ngài đều là thiêng liêng và do đó ít "đầy đam mê" hơn Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Trái Đất.

266. Our Planetary Logos is also a member of the logoic quaternary, but there is no immediately compelling reason to assume that the other three Planetary Logoi Who are also to be found within the quaternary are *necessarily* "higher" than our Planetary Logos.

266. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng là một thành viên của bộ tứ của Thượng đế, nhưng không có lý do thật sự thuyết phục nào để giả định rằng ba Hành Tinh Thượng Đế khác cũng được tìm thấy trong bộ tứ ấy *nhất thiết* "cao hơn" Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

267. The important thing to note is that our Planetary Logos has an astral condition described here as being "full of passion".

267. Điều quan trọng cần lưu ý là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có một tình trạng cảm dục được mô tả ở đây là "đầy đam mê".

268. It would seem that a great task for humanity (as a pivotal kingdom within the manifestation of our Planetary Logos) is to become dispassionate.

268. Có vẻ như một nhiệm vụ lớn lao của nhân loại (với tư cách là một giới bản lề trong sự biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) là trở nên vô dục.

Not even yet is His work completed, and deva [Page 674] substance in its various living orders is not yet brought fully under His control. The deva evolution has far to travel.

Ngay cả đến nay công việc của Ngài vẫn chưa hoàn tất, và chất liệu deva [Page 674] trong các trật tự sống khác nhau của nó vẫn chưa được đặt hoàn toàn dưới sự kiểm soát của Ngài. Tiến hoá deva còn phải đi một chặng đường dài.

269. We see the stupendous nature of the redemptive task in which our Planetary Logos is engaged. We realize that all of us as human beings (and certain members of the animal kingdom) are very much involved in the pain and agony of this task.

269. Chúng ta thấy bản chất phi thường của nhiệm vụ cứu chuộc mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang dấn thân. Chúng ta nhận ra rằng tất cả chúng ta với tư cách con người (và một số thành viên của giới động vật) đều liên hệ rất nhiều đến nỗi đau và sự thống khổ của nhiệm vụ này.

270. Mankind, also, is too "full of passion". The Way of the Buddha was intended to serve as a great Path towards dispassion.

270. Nhân loại cũng quá "đầy đam mê". Con đường của Đức Phật được dự định để phụng sự như một Con đường lớn lao hướng đến trạng thái vô dục.

If this idea be extended to the solar system, it will be apparent that the astral vehicles of the different planetary Logoi differ.

Nếu ý tưởng này được mở rộng đến hệ mặt trời, sẽ hiển nhiên rằng các thể cảm dục của những Hành Tinh Thượng Đế khác nhau là khác nhau.

271. This must be obvious. Some of the Planetary Logoi are Directors of sacred planets, and some, such as the Planetary Logos of the Earth, ensoul non-sacred planets.

271. Điều này hẳn phải là hiển nhiên. Một số Hành Tinh Thượng Đế là Đấng Điều Hành các hành tinh thiêng liêng, và một số khác, như Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất, phú linh các hành tinh không thiêng liêng.

272. Is DK suggesting, in the extending of the idea, that our Solar Logos, also, is too full of passion—cosmically considered?

272. Phải chăng Chân sư DK đang gợi ý, khi mở rộng ý tưởng này, rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng quá đầy dục vọng—xét theo vũ trụ?

This difference is necessarily dependent upon Their cosmic astral life which directly affects the systemic astral, or the physical liquid subplane of the cosmic physical.

Sự khác biệt này tất yếu tùy thuộc vào đời sống cảm dục vũ trụ của Các Ngài, vốn trực tiếp ảnh hưởng đến cõi cảm dục hệ thống, hay cõi phụ lưu chất hồng trần của cõi hồng trần vũ trụ.

273. We have been told something about the cosmic astral life of the Logoi of our planet and of Venus.

273. Chúng ta đã được cho biết đôi điều về đời sống cảm dục vũ trụ của các Thượng đế của hành tinh chúng ta và của Sao Kim.

274. The Logos of Venus has an astral body which is already buddhically responsive. The Logos of our planet is attempting to achieve a degree of illumination which will help subdue His present astral condition. We are told that He is succeeding.

274. Thượng đế của Sao Kim có một thể cảm dục đã đáp ứng với Bồ đề. Thượng đế của hành tinh chúng ta đang cố đạt đến một mức độ soi sáng sẽ giúp chế ngự trạng thái cảm dục hiện tại của Ngài. Chúng ta được cho biết rằng Ngài đang thành công.

275. It must be evident that the astral bodies of the Planetary Logoi are composed of matter of the cosmic astral plane.

275. Hiển nhiên là các thể cảm dục của các Hành Tinh Thượng Đế được cấu thành từ vật chất của cõi cảm dục vũ trụ.

This is a point but little realised. The dense physical body of the planetary Logos exists, as we know, in a threefold condition — dense, liquid, and gaseous—and each is

Đây là một điểm rất ít được chứng nghiệm. Thể hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế tồn tại, như chúng ta biết, trong một trạng thái tam phân — đậm đặc, lưu

acted upon directly from the corresponding cosmic plane.

276. When we speak of the dense body of the Planetary Logos, we are speaking of His etheric-physical body, His astral body and His lower mental body.

277. Chart Vehicle (TCF 344) will help to illustrate this.

278. The correspondence between cosmic and systemic planes is to be borne in mind.

The condition of the various physical planets will some day be found to be dependent upon this fact.

279. We have been told in a more microcosmic context how much astral activity is related to the process of form-taking, objectification and to appearance upon the dense physical plane. This is true for man as for the Planetary Logos and Solar Logos.

280. It is not only the astral body of man or Logos which has an effect upon the dense physical plane, but the other vehicles as well.

281. The threefold physical bodies of Planetary Logoi, He tells us, reflect the physical, astral and mental condition of the Planetary Logoi Who are using the physical plane as a body of manifestation.

282. The planetary logoic mind on the cosmic mental plane is reflected in the systemic mental plane; the planetary logoic astral nature on the cosmic astral plane is reflected in the systemic astral plane; the

chất, và khí thể—và mỗi trạng thái đều chịu tác động trực tiếp từ cõi vũ trụ tương ứng.

276. Khi chúng ta nói về thể đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta đang nói về thể dĩ thái-hồng trần của Ngài, thể cảm dục của Ngài và thể trí thấp của Ngài.

277. Biểu đồ Vận cụ (TCF 344) sẽ giúp minh họa điều này.

278. Cần ghi nhớ sự tương ứng giữa các cõi vũ trụ và các cõi hệ thống.

Tình trạng của các hành tinh hồng trần khác nhau một ngày nào đó sẽ được thấy là tùy thuộc vào sự kiện này.

279. Trong một bối cảnh vi mô hơn, chúng ta đã được cho biết hoạt động cảm dục liên hệ nhiều đến tiến trình nhận lấy hình tướng, sự khách thể hóa và sự xuất hiện trên cõi hồng trần đậm đặc như thế nào. Điều này đúng với con người cũng như với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

280. Không chỉ thể cảm dục của con người hay của Thượng đế có ảnh hưởng lên cõi hồng trần đậm đặc, mà các thể khác cũng vậy.

281. Ngài cho chúng ta biết rằng các thể hồng trần tam phân của các Hành Tinh Thượng Đế phản ánh tình trạng hồng trần, cảm dục và trí tuệ của các Hành Tinh Thượng Đế đang dùng cõi hồng trần như một thể biểu hiện.

282. Trí tuệ logoi hành tinh trên cõi trí vũ trụ được phản ánh trong cõi trí hệ thống; bản chất cảm dục logoi hành tinh trên cõi cảm dục vũ trụ được phản ánh trong cõi cảm dục hệ thống; thể dĩ thái-hồng trần logoi

planetary logoic etheric-physical body is reflected within the systemic etheric-physical body of the Planetary Logos.

hành tinh được phản ánh trong thể dĩ thái-hồng trần hệ thống của Hành Tinh Thượng Đế.

283. We have quite a 'science-project' before us but it will be *occult* science and will be studied in the distant future.

283. Trước mắt chúng ta là cả một "dự án khoa học", nhưng đó sẽ là khoa học *huyền bí* và sẽ được nghiên cứu trong tương lai xa.

When the psychic nature of the planetary Logos is understood (which knowledge is entered upon after initiation, being a part of the Wisdom)

Khi bản chất thông linh của Hành Tinh Thượng Đế được thấu hiểu (tri thức này được bước vào sau điểm đạo, vì là một phần của Minh triết)

284. It is as if the "Wisdom", per se, cannot be accessed until after the third degree.

284. Dường như chính "Minh triết" tự nó không thể được tiếp cận cho đến sau cấp độ thứ ba.

285. It is the third degree which puts the initiate en rapport with the soul nature and the soul nature is the true psyche.

285. Chính cấp độ thứ ba đặt điểm đạo đồ vào sự tương thông với bản chất linh hồn, và bản chất linh hồn là psyche đích thực.

the nature of the different schemes, as regards their watery aspect, for instance, will be found to be connected with a particular astral state.

bản chất của các hệ hành tinh khác nhau, chẳng hạn xét về phương diện thủy tính của chúng, sẽ được thấy là có liên hệ với một trạng thái cảm dục đặc thù.

286. The "astral state" the state of the systemic astral body of the Planetary Logos (for, Him, part of His dense physical plane) and the state of His cosmic astral body.

286. "Trạng thái cảm dục" ấy là trạng thái của thể cảm dục hệ thống của Hành Tinh Thượng Đế (đối với Ngài, là một phần của cõi hồng trần đậm đặc của Ngài) và trạng thái của thể cảm dục vũ trụ của Ngài.

287. What is to be regarded as the "watery aspect" of the various schemes? The Planetary Logoi of the various schemes certainly have astral bodies, but do they all have *water* as we recognize water on our planet.

287. Điều gì phải được xem là "phương diện thủy tính" của các hệ hành tinh khác nhau? Các Hành Tinh Thượng Đế của các hệ hành tinh khác nhau chắc chắn có các thể cảm dục, nhưng liệu tất cả Các Ngài đều có *nước* như chúng ta nhận biết nước trên hành tinh mình không?

288. Whatever the composition of 'water' may be, these schemes have a "watery aspect" we are told. Humanity will first have

288. Dù thành phần của "nước" có thể là gì đi nữa, chúng ta được bảo rằng các hệ hành tinh này có một "phương diện thủy tính".

to discover this as a fact, and then relate the discovery to still more abstruse knowledge concerning the systemic and cosmic astral bodies of the various Planetary Logoi.

Trước hết nhân loại sẽ phải khám phá điều này như một sự kiện, rồi liên hệ khám phá ấy với tri thức còn huyền áo hơn về các thể cảm dục hệ thống và vũ trụ của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau.

289. Three factors will have to be correlated. Using our own planet as an example:

289. Ba yếu tố sẽ phải được liên kết tương quan. Lấy hành tinh của chúng ta làm ví dụ:

a. The qualities of water upon our dense physical planet will have to be studied

a. Các phẩm tính của nước trên hành tinh hồng trần đậm đặc của chúng ta sẽ phải được nghiên cứu

b. The qualities of the astral plane of our planet will have to be studied

b. Các phẩm tính của cõi cảm dục của hành tinh chúng ta sẽ phải được nghiên cứu

c. The qualities of the astral body of our Planetary Logos will eventually have to be understood and also its relations with the systemic astral plane and to water as it is found on the systemic dense physical plane.

c. Các phẩm tính của thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta rốt cuộc sẽ phải được thấu hiểu, cùng với các liên hệ của nó với cõi cảm dục hệ thống và với nước như được tìm thấy trên cõi hồng trần đậm đặc hệ thống.

As the initiate progresses in wisdom, he intuitively comprehends the essential nature of the seven groups, or of the logoic Septenate, which is that concerning their colour or quality.

Khi điểm đạo đồ tiến bộ trong minh triết, y bằng trực giác thấu hiểu bản chất cốt yếu của bảy nhóm, hay của Thất Nguyên logoi, tức là điều liên quan đến màu sắc hay phẩm tính của chúng.

290. We presume that this means that the nature of the various Planetary Logoi become more intuitively evident to the progressing initiate.

290. Chúng ta giả định rằng điều này có nghĩa là bản chất của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau trở nên ngày càng hiển nhiên hơn bằng trực giác đối với điểm đạo đồ đang tiến bộ.

291. The “essential nature” of the “logoic Septenate” may refer to the monadic nature of each Planetary Logos.

291. “Bản chất cốt yếu” của “Thất Nguyên logoi” có thể chỉ đến bản chất chân thần của mỗi Hành Tinh Thượng Đế.

292. The task of recognizing both the soul and monadic coloring of the various planetary Logoi lies before us.

292. Nhiệm vụ nhận biết cả sắc thái linh hồn lẫn sắc thái chân thần của các Hành Tinh

Thượng Đế khác nhau đang ở trước mắt chúng ta.

This colour or quality is dependent upon the psychic nature of any particular planetary Logos, and His emotional or desire nature can thereby be somewhat studied by the initiate.

Màu sắc hay phẩm tính này tùy thuộc vào bản chất thông linh của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào, và nhờ đó bản chất cảm xúc hay dục vọng của Ngài có thể được điểm đạo đồ nghiên cứu phần nào.

293. When we speak of the "psychic nature" of a Planetary Logos, we are primarily discussing His *soul* nature, but the emotional or desire nature may be considered a *reflection* of this and will be influenced by His astral body on the cosmic astral plane.

293. Khi chúng ta nói về "bản chất thông linh" của một Hành Tinh Thượng Đế, trước hết chúng ta đang bàn đến bản chất *linh hồn* của Ngài, nhưng bản chất cảm xúc hay dục vọng có thể được xem như một *sự phản ánh* của điều này và sẽ chịu ảnh hưởng bởi thể cảm dục của Ngài trên cõi cảm dục vũ trụ.

This will lead eventually to a scientific consideration of the effect of this nature upon His dense physical body, and particularly that portion of it which we call the astral plane, the liquid sub-plane of the cosmic physical plane.

Điều này rốt cuộc sẽ dẫn đến một sự khảo cứu khoa học về ảnh hưởng của bản chất này lên thể hồng trần đậm đặc của Ngài, và đặc biệt là phần của thể ấy mà chúng ta gọi là cõi cảm dục, cõi phụ lưu chất của cõi hồng trần vũ trụ.

294. As we apprehend the soul nature of the various Planetary Logoi, we will find that we can learn something about the dense physical body of the Logoi.

294. Khi chúng ta lĩnh hội bản chất linh hồn của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau, chúng ta sẽ thấy rằng mình có thể học được đôi điều về thể hồng trần đậm đặc của các Thượng đế ấy.

295. We remember that the dense physical body of a Planetary Logos consists of his physical, astral and lower mental natures.

295. Chúng ta nhớ rằng thể hồng trần đậm đặc của một Hành Tinh Thượng Đế gồm các bản chất hồng trần, cảm dục và hạ trí của ngài.

296. It is particularly the astral nature of the Planetary Logos which will call for the closest study. There is, as we may realize, a close connection between the soul/psyche and the astral nature, just as the mind is related to the Monad and the physical body to the personality.

296. Chính bản chất cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế sẽ đòi hỏi sự nghiên cứu sát sao nhất. Như chúng ta có thể nhận ra, có một liên hệ mật thiết giữa linh hồn/psyche và bản chất cảm dục, cũng như trí tuệ liên hệ với chân thần và thể xác liên hệ với phàm ngã.

297. Why should the astral body be of such importance? We are living in an astral-buddhic solar system and therefore the astral bodies of all those Heavenly Men Who manifest as major corporate parts of that solar system are the vehicles receiving the greatest stimulation and focus during the course of the system.

297. Tại sao thể cảm dục lại quan trọng đến thế? Chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề, và vì vậy các thể cảm dục của tất cả những Đấng Thiên Nhân đang biểu hiện như những bộ phận tập thể lớn của hệ mặt trời ấy là những vận cụ nhận được sự kích thích và tập trung lớn nhất trong suốt tiến trình của hệ thống.

A reflection of this (or a further working out, if that term is preferred) is found in the liquid portions of the physical planet.

Một sự phản ánh của điều này (hay một sự triển khai thêm nữa, nếu thích dùng thuật ngữ ấy) được tìm thấy trong các phần lưu chất của hành tinh hồng trần.

298. Here DK does not refer to the "watery aspect" of the manifestation of the Planetary Logos but only to the "liquid portions of the physical planet". This may or may not be "watery"—i.e., have the composition of what we recognize on Earth as "water".

298. Ở đây Chân sư DK không nói đến "phương diện thủy tính" của sự biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế mà chỉ nói đến "các phần lưu chất của hành tinh hồng trần". Điều này có thể là hoặc không là "thủy tính"—tức có thành phần giống điều chúng ta nhận biết trên Trái Đất là "nước".

The seventh subplane of the cosmic physical plane can be subdivided into seven, which are our seven physical [Page 675] subplanes. **It is this knowledge which enables a magician to work.**

Cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ có thể được phân chia thành bảy, tức là bảy cõi phụ hồng trần của chúng ta. [Page 675] **Chính tri thức này giúp một nhà huyền thuật có thể hoạt động.**

299. The magician works very much in relation to the etheric-physical plane. He must discriminate between each of the seven physical subplanes—i.e., between the seven systemic subplanes of the systemic etheric-physical plane.

299. Nhà huyền thuật hoạt động rất nhiều trong liên hệ với cõi dĩ thái-hồng trần. Y phải phân biện giữa từng cõi phụ trong bảy cõi phụ hồng trần—tức là giữa bảy cõi phụ hệ thống của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

300. Knowing the keys, vibratory rates and words of power of each of these subplanes would be a necessity.

300. Biết các chìa khóa, các tốc độ rung động và các Quyền năng từ của từng cõi phụ này là điều tất yếu.

301. We remember that the White Brother does not usually work upon the systemic etheric-physical plane but white magicians

301. Chúng ta nhớ rằng Huynh đệ Chánh đạo thường không hoạt động trên cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống, nhưng các nhà huyền

who are not yet Masters, may, on some occasions, work etherically.

thuật chánh đạo chưa phải là Chân sư đôi khi có thể hoạt động trên cõi dĩ thái.

Given a certain physical phenomenon—such as the weight of water, for instance, upon a planet—and **an initiate of the higher orders can form deductions from it as to the quality of the exalted Life manifesting through a plane.**

Cho một hiện tượng hồng trần nhất định—chẳng hạn như trọng lượng của nước trên một hành tinh—và **một điểm đạo đồ thuộc các cấp cao hơn có thể từ đó suy luận về phẩm tính của Sự sống cao cả đang biểu hiện qua một cõi.**

302. This would be, for us, quite an amazing extrapolation.

302. Đối với chúng ta, đây hẳn là một sự ngoại suy hết sức đáng kinh ngạc.

303. From the weight and quality of water on a planet, such an initiate can learn much about the cosmic astral body of the Planetary Logos manifesting through that planet. Since the soul nature is always related to the astral body, something about the true psyche or soul nature of the Planetary Logos may also be inferred.

303. Từ trọng lượng và phẩm tính của nước trên một hành tinh, một điểm đạo đồ như thế có thể học được nhiều điều về thể cảm dục vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế đang biểu hiện qua hành tinh ấy. Vì bản chất linh hồn luôn liên hệ với thể cảm dục, nên cũng có thể suy ra đôi điều về psyche đích thực hay bản chất linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế.

304. We can expect that since our Planetary Logos is achieving some degree of victory on the cosmic astral plane, there should be noticeable changes in the physical water of our planet. Perhaps purification of the waters will lie immediately ahead.

304. Chúng ta có thể chờ đợi rằng vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang đạt được một mức độ chiến thắng nào đó trên cõi cảm dục vũ trụ, nên hẳn phải có những thay đổi đáng chú ý trong nước hồng trần của hành tinh chúng ta. Có lẽ sự thanh lọc các nguồn nước đang ở ngay phía trước.

He arrives at this knowledge through a process of reasoning from the liquid (sixth) subplane of the systemic physical plane to:

Y đạt đến tri thức này qua một tiến trình suy luận từ cõi phụ lưu chất (thứ sáu) của cõi hồng trần hệ thống đến:

a. The liquid subplane of the cosmic physical, our systemic **astral** plane.

a. cõi phụ lưu chất của cõi hồng trần vũ trụ, tức cõi **cảm dục** hệ thống của chúng ta.

b. The fourth cosmic ether, the **buddhic** plane.

b. dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi **Bồ đề**.

c. The second cosmic ether, the **monadic** plane, or the plane of the seven Heavenly Men.

c. dĩ thái vũ trụ thứ hai, tức cõi **chân thần**, hay cõi của bảy Đấng Thiên Nhân.

d. The **cosmic astral** plane, thus getting in touch with the desire nature of the God.

d. cõi **cảm dục vũ trụ**, nhờ đó tiếp xúc được với bản chất dục vọng của Thượng đế.

305. Again we follow a line of ascent based upon numerical resonance.

305. Một lần nữa chúng ta theo một đường đi lên dựa trên sự cộng hưởng số học.

306. We can see that our efforts to establish accurate alignment between the various aspects of our nature (in this case those lying along the same ray line) will pay big dividends later in our development.

306. Chúng ta có thể thấy rằng những nỗ lực của mình nhằm thiết lập sự chỉnh hợp chính xác giữa các phương diện khác nhau của bản chất mình (trong trường hợp này là những phương diện nằm trên cùng một tuyến cung) sẽ đem lại lợi ích lớn về sau trong sự phát triển của chúng ta.

307. God, in this case, may be the Solar Logos. We have been given a line of ascent which will, eventually and if followed in the correct manner, reveal something of the desire nature of—first, the Planetary Logos, and then, perhaps, of the Solar Logos.

307. Trong trường hợp này, Thượng đế có thể là Thái dương Thượng đế. Chúng ta đã được trao cho một đường đi lên mà rốt cuộc, nếu được theo đúng cách, sẽ tiết lộ đôi điều về bản chất dục vọng trước hết của Hành Tinh Thượng Đế, rồi có lẽ của cả Thái dương Thượng đế.

This method naturally involves a vast knowledge of the deva substance and predicates an intuitive realisation of their orders and groups, the keynotes of those orders and of the planes, and also of the triple nature of substance and a knowledge of how to work with the **third type of electrical force**, which is the type of energy which puts a man in touch with extra-systemic phenomena.

Phương pháp này tự nhiên bao hàm một tri thức rộng lớn về chất liệu thiên thần và đòi hỏi một sự chứng nghiệm trực giác về các cấp và các nhóm của họ, các chủ âm của những cấp ấy và của các cõi, cùng cả bản chất tam phân của chất liệu và tri thức về cách hoạt động với **loại mãnh lực điện thứ ba**, tức loại năng lượng đặt con người vào tiếp xúc với các hiện tượng ngoài hệ thống.

308. The requirements for successfully following out such a line of inference are staggering.

308. Những đòi hỏi để theo đuổi thành công một đường suy luận như thế thật choáng ngợp.

309. Let us tabulate the requirements for the sake of impact. Such an initiate will need:

309. Để tạo ấn tượng rõ hơn, chúng ta hãy liệt kê các đòi hỏi ấy. Một điểm đạo đồ như thế sẽ cần:

a. vast knowledge of the deva substance

a. tri thức rộng lớn về chất liệu thiên thần

b. an intuitive realisation of the orders and groups of the devas involved in the ascent

b. một sự chứng nghiệm trực giác về các cấp và các nhóm thiên thần liên quan trong đường đi lên

c. the keynotes of those orders

c. các chủ âm của những cấp ấy

d. the keynotes of the planes involved

d. các chủ âm của các cõi liên quan

e. knowledge of the triple nature of substance

e. tri thức về bản chất tam phân của chất liệu

f. knowledge of how to work with the third type of electrical force

f. tri thức về cách hoạt động với loại mãnh lực điện thứ ba

310. Earlier, the third type of force, equilibrizing force or electricity, was correlated with the buddhic plane.

310. Trước đây, loại mãnh lực thứ ba, mãnh lực quân bình hay điện lực, đã được liên hệ với cõi Bồ đề.

311. It is this third type of electrical force which can put the initiate in touch with extra-systemic phenomena. This seems a big stretch if the type of force we are discussing is to be found upon the buddhic plane.

311. Chính loại mãnh lực điện thứ ba này có thể đặt điểm đạo đồ vào tiếp xúc với các hiện tượng ngoài hệ thống. Điều này dường như là một bước nhảy rất lớn nếu loại mãnh lực đang được bàn đến được tìm thấy trên cõi Bồ đề.

312. The cosmic astral plane, we must remember, is, strictly speaking, “extra-systemic”. The solar system, per se, is only found upon the cosmic physical plane.

312. Chúng ta phải nhớ rằng, nói cho đúng, cõi cảm dục vũ trụ là “ngoài hệ thống”. Chính hệ mặt trời chỉ được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ mà thôi.

313. We seem to be speaking of a type of knowledge which is not about to acquired by many at this time—perhaps not even in this round.

313. Dường như chúng ta đang nói đến một loại tri thức mà vào lúc này không nhiều người sắp đạt được—có lẽ ngay cả trong cuộc tuần hoàn này cũng chưa.

Hence that force still remains unknown, and is only contacted as yet by high Initiates.

Do đó mãnh lực ấy vẫn còn chưa được biết đến, và cho đến nay chỉ được các điểm đạo đồ cao cấp tiếp xúc mà thôi.

314. The force of which we are speaking is contacted not just by normal initiates of the third degree, but perhaps only by initiates of the fourth or fifth degrees.

314. Mãnh lực mà chúng ta đang nói đến không chỉ được tiếp xúc bởi các điểm đạo đồ bình thường ở cấp độ thứ ba, mà có lẽ chỉ bởi các điểm đạo đồ ở cấp độ thứ tư hay thứ năm.

315. It would seem that equilibrizing electricity has a direct connection with the harmonizing powers expressed upon the buddhic plane.

315. Dường như điện lực quân bình có một liên hệ trực tiếp với các quyền năng điều hòa được biểu lộ trên cõi Bồ đề.

316. It is possible that it is sufficient to be an initiate of the fourth degree because it is at that time that the nature and presence buddhic force becomes a great reality in the life.

316. Có thể chỉ cần là một điểm đạo đồ cấp độ thứ tư là đủ, bởi vì chính vào lúc ấy bản chất và sự hiện diện của mãnh lực Bồ đề trở thành một thực tại lớn lao trong đời sống.

It will again be apparent why the Agnisuryans are of such supreme importance;

Một lần nữa sẽ hiển nhiên vì sao các Agnisuryans lại có tầm quan trọng tối thượng;

317. The word is “supreme”. We are not to gloss over this point.

317. Từ ở đây là “tối thượng”. Chúng ta không được lướt qua điểm này.

they embody force which is a direct emanation from the cosmic astral plane and which reveals—when triply blended—the desire nature of our Heavenly Man, and of any particular planetary Logos.

họ hiện thân cho mãnh lực là một phát xạ trực tiếp từ cõi cảm dục vũ trụ và bộc lộ—khi được hòa trộn tam phân—bản chất dục vọng của Đấng Thiên Nhân của chúng ta, và của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào.

318. We usually begin by thinking of the Agnisuryans as expressing on the systemic astral plane. We later learned that there are Agnisuryans expressing on the buddhic plane.

318. Chúng ta thường bắt đầu bằng cách nghĩ về các Agnisuryans như biểu lộ trên cõi cảm dục hệ thống. Về sau chúng ta biết rằng có những Agnisuryans biểu lộ trên cõi Bồ đề.

319. Now we learn that the line of Agnisuryans may extend to much higher dimensional levels—even to the cosmic astral plane. I did not say, '*vibrational* levels', because the substantial nature of the cosmic astral plane is unknown to us. Is anything *vibrating* on the cosmic astral plane? Is there cosmic astral matter?

319. Giờ đây chúng ta biết rằng tuyến Agnisuryans có thể vươn đến những cấp độ chiều kích cao hơn nhiều—thậm chí đến cả cõi cảm dục vũ trụ. Tôi không nói "các cấp độ *rung động*", vì bản chất chất liệu của cõi cảm dục vũ trụ là điều chúng ta chưa biết. Có điều gì đang *rung động* trên cõi cảm dục vũ trụ không? Có vật chất cảm dục vũ trụ không?

320. We gather that 'agnisuryanic force' is traceable to the cosmic astral plane.

320. Chúng ta hiểu rằng "mãnh lực agnisuryan" có thể được truy nguyên đến cõi cảm dục vũ trụ.

321. The triple blending of this 'agnisuryanic force' probably suggests the blending of the energies of the second, fourth and sixth orders of devas.

321. Sự hòa trộn tam phân của "mãnh lực agnisuryan" này có lẽ gợi ý sự hòa trộn các năng lượng của các cấp thiên thần thứ hai, thứ tư và thứ sáu.

322. In our solar system, Desire is really the main issue. We are being shown ways to understand it, to trace it to its origins, to note the types of devic lives which embody it, etc. It is obviously a vast subject of the greatest import for humanity, our planet and even for our Solar Logos.

322. Trong hệ mặt trời của chúng ta, Dục vọng thực sự là vấn đề chính. Chúng ta đang được chỉ cho những cách để hiểu nó, truy nguyên nó về nguồn gốc của nó, ghi nhận các loại sự sống thiên thần hiện thân cho nó, v.v. Rõ ràng đây là một chủ đề bao la có tầm quan trọng lớn lao nhất đối với nhân loại, hành tinh chúng ta và ngay cả đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

In the two opposites, which are called by the theologians "Heaven and Hell," we have two of these types of force hinted at, and in this thought we have indicated one of the keys to the astral plane.

Trong hai đối cực, được các nhà thần học gọi là "Thiên Đàng và Địa Ngục", chúng ta có hai loại mãnh lực này được gợi ý đến, và trong tư tưởng này chúng ta có một trong những chìa khóa của cõi cảm dục.

323. Conventionally, heavenly worlds and hellish worlds are found on the different levels of the astral plane.

323. Theo cách hiểu thông thường, các cõi thiên đàng và các cõi địa ngục được tìm thấy trên những cấp độ khác nhau của cõi cảm dục.

324. Hell is a condition of bondage cause by downward-tending desire. Heaven is a

324. Địa ngục là một trạng thái bị trói buộc do dục vọng hướng xuống gây ra. Thiên

condition of release prepared by upward-tending desire.

đàng là một trạng thái giải thoát được chuẩn bị bởi dục vọng hướng lên.

325. It would seem that Agnisuryans are involved in both phenomena. The lower levels of the astral plane are the "hell worlds". The upper levels, the "heaven worlds"—or at least what has been called a kind of "summer-land".

325. Dường như các Agnisuryans có liên quan trong cả hai hiện tượng. Các cấp thấp của cõi cảm dục là các "cõi địa ngục". Các cấp cao là các "cõi thiên đàng"—hay ít nhất là điều từng được gọi là một loại "miền hạ".

326. It is the responsibility of the initiate to transcend both "Heaven and Hell". he must learn to walk between these pairs of opposites if he is ever to achieve release from Desire.

326. Trách nhiệm của điểm đạo đồ là vượt lên trên cả "Thiên Đàng và Địa Ngục". Y phải học cách bước đi giữa những cặp đối cực này nếu y muốn đạt được sự giải thoát khỏi Dục vọng.

2. Summary. [of "1. *The Function of the Agnisuryans*" p. 661] Before passing to the consideration of [Page 676] **those devas who are concerned with the construction of man's causal body, and who are the linking group between the Triad and the Quaternary**, both in man and the Logos,

2. Tóm lược. [của "1. *Chức Năng của các Agnisuryans*" tr. 661] Trước khi chuyển sang việc xem xét [Page 676] **những thiên thần liên quan đến việc kiến tạo thể nguyên nhân của con người, và là nhóm nối kết giữa Tam nguyên tinh thần và Bộ Tứ**, cả trong con người lẫn trong Thượng đế,

327. In the sentence immediately above, DK has just given a brief summary of the nature of the Agnishvattas.

327. Trong câu ngay phía trên, Chân sư DK vừa đưa ra một bản tóm lược ngắn về bản chất của các Agnishvattas.

328. We will have to attend carefully to the nature of the Agnishvattas and see if,and to what extent, the devas of the lower mental plane are to be numbered among them.

328. Chúng ta sẽ phải chú ý cẩn thận đến bản chất của các Agnishvattas và xem liệu, và ở mức độ nào, các thiên thần của cõi hạ trí có được kể vào số họ hay không.

we will briefly enumerate the principal groups of Agnisuryans on the systemic astral plane, as they, in their totality, form the body of manifestation of the great deva or Raja-Lord of the plane.

chúng ta sẽ ngắn gọn liệt kê các nhóm Agnisuryans chính trên cõi cảm dục hệ thống, vì họ, trong tổng thể của mình, tạo thành thể biểu hiện của vị đại thiên thần hay Raja-Lord của cõi ấy.

329. We now focus on matters "closer to home", enumerating certain devic groups which are to be found on the systemic astral plane.

329. Giờ đây chúng ta tập trung vào những vấn đề "gần gũi hơn", liệt kê một số nhóm thiên thần được tìm thấy trên cõi cảm dục hệ thống.

First. The Raja-Lord of the Plane, **the great deva Varuna, Who is the central Life of the substance of the astral plane of our planetary scheme**. He is Himself an outpost of the consciousness of **that greater Deva** Who embodies the substance of the solar astral plane, or the sixth subplane of the cosmic physical plane. He again in His turn reflects His prototype, that **great cosmic Entity** Who ensouls the cosmic astral plane.

Thứ nhất. Raja-Lord của Cõi, **đại thiên thần Varuna, Đấng là Sự sống trung tâm của chất liệu của cõi cảm dục trong hệ hành tinh của chúng ta**. Chính Ngài là một tiền đồn của tâm thức của **Đại Thiên thần lớn hơn ấy** là Đấng hiện thân cho chất liệu của cõi cảm dục thái dương, hay cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ. Đến lượt mình, Ngài lại phản ánh nguyên mẫu của Ngài, tức **Thực Thể vũ trụ vĩ đại** phú linh cõi cảm dục vũ trụ.

330. Some very important information is given here. When we think of the great Raja Deva Lords such as Kshiti, Varuna, lesser Agni, Indra, etc., we are liable to think in *systemic* terms. This, we see, would be incorrect.

330. Ở đây có một số thông tin rất quan trọng được đưa ra. Khi chúng ta nghĩ đến các đại Raja Deva Lords như Kshiti, Varuna, Agni nhỏ hơn, Indra, v.v., chúng ta dễ nghĩ theo các thuật ngữ *hệ thống*. Như chúng ta thấy, điều đó là không đúng.

331. We learn the following:

331. Chúng ta học được những điều sau:

a. Varuna is the Raja Deva Lord of the astral plane of our Earth-scheme *only.* We can see that this makes sense as Varuna is a kind of emanation from the planet Neptune, which would hardly be the case if He were the Raja Deva Lord for the entire astral plane (from which plane even the astral body of Neptune would be derived)

a. Varuna là Raja Deva Lord của cõi cảm dục chỉ riêng của hệ Địa Cầu chúng ta mà thôi. Chúng ta có thể thấy điều này hợp lý vì Varuna là một loại phát xạ từ Sao Hải Vương, điều khó có thể đúng nếu Ngài là Raja Deva Lord của toàn bộ cõi cảm dục (một cõi mà ngay cả thể cảm dục của Sao Hải Vương cũng sẽ được rút ra từ đó)

b. There exists a still greater Raja Deva Lord Who ensouls the *solar* astral plane—the astral plane as it is found throughout the solar system. No name is given to this great Devic Lord.

b. Có tồn tại một Raja Deva Lord còn vĩ đại hơn nữa, Đấng phú linh cõi cảm dục *thái dương*—cõi cảm dục như nó được tìm thấy khắp hệ mặt trời. Không có tên nào được nêu ra cho vị Devic Lord vĩ đại này.

c. There exists a mighty Devic Lord Who is the Life of the cosmic astral plane throughout the solar system.

c. Có tồn tại một Devic Lord hùng mạnh là Sự sống của cõi cảm dục vũ trụ xuyên suốt hệ mặt trời.

332. These three Deva Lords are all interrelated.

332. Ba Deva Lords này đều có liên hệ với nhau.

Second. Seven great Devas, who are the positive force of each of the seven subplanes of the systemic astral plane.

Thứ hai. Bảy đại thiên thần, là mãnh lực dương của mỗi một trong bảy cõi phụ của cõi cảm dục hệ thống.

333. We are not studying the seven great Devas who are the positive force of the other systemic planes—only those related to the systemic astral plane.

333. Chúng ta không nghiên cứu bảy đại thiên thần là mãnh lực dương của các cõi hệ thống khác—chỉ nghiên cứu những vị liên hệ với cõi cảm dục hệ thống.

334. We notice that although they ensoul *only* systemic subplanes, they are still considered "great".

334. Chúng ta lưu ý rằng dù các vị ấy chỉ phú linh *các* cõi phụ hệ thống, các vị ấy vẫn được xem là "vĩ đại".

335. They embody and express "positive" force. This is to be noted.

335. Các vị ấy hiện thân và biểu lộ mãnh lực "dương". Điều này cần được lưu ý.

Third. Various groups of devas, performing different functions carrying out varying activities, and producing constructive results. They might be enumerated as follows, bearing in mind the fact that we are but touching upon a few of the many groups, **and that there are numbers whose name is utterly unknown to man and would be unintelligible if mentioned:**

Thứ ba. Nhiều nhóm thiên thần khác nhau, thực hiện những chức năng khác nhau, tiến hành những hoạt động khác nhau, và tạo ra những kết quả kiến tạo. Chúng có thể được liệt kê như sau, đồng thời ghi nhớ rằng chúng ta chỉ đang đề cập đến một vài trong rất nhiều nhóm, và rằng có những số lượng mà tên gọi hoàn toàn không được con người biết đến và sẽ không thể hiểu nổi nếu được nêu ra:

336. These are the subsidiary groups.

336. Đây là các nhóm phụ thuộc.

337. DK's knowledge of this subject is much wider and deeper than can ever be shared, even in such a book as *A Treaties on Cosmic Fire.*

337. Kiến thức của Chân sư DK về chủ đề này rộng lớn và sâu xa hơn nhiều so với bất cứ điều gì có thể được chia sẻ, ngay cả trong một cuốn sách như *Luận về Lửa Vũ Trụ.*

338. The subject is stupendous, and truthfully, we are being given the opportunity to grasp only the ABC's.

1. Those devas who form the permanent atomic substance of all the Monads, both in and out of physical incarnation.

They are divided into seven groups according to the Ray of the Monad.

339. From this it is quite obvious that there are Monads on all the seven rays, even if the major or primary ray of the Monad can only be one of the major three.

340. By "permanent atomic substance" is meant the substance of the permanent atoms of the Monad. Man has five such permanent atoms and an additional mental unit. However, it appears that we are only speaking of the devas who form the atomic substance of the astral permanent atom.

2. Those devas who form the "liquid" aspect in the physical body of the planetary Logos and of the solar Logos. They are myriads in number, and include deva existences ranging all the way from those who ensoul the astral plane, and the **astral currents** of the highest religious and aspirational nature, to the little water [Page 677] spirits which are reflections of such astral entities precipitated in watery physical matter.

341. DK is discussing a vast range of deva existences found mostly upon the systemic astral plane, both within the body of expression of the Planetary Logos and

338. Chủ đề này thật mênh mông, và nói đúng ra, chúng ta chỉ đang được trao cơ hội để nắm lấy những điều ABC mà thôi.

1. Những thiên thần tạo thành chất liệu nguyên tử trường tồn của mọi chân thần, cả đang lâm phàm lẫn không ở trong lâm phàm hồng trần.

Chúng được chia thành bảy nhóm tùy theo cung của chân thần.

339. Từ đây khá hiển nhiên rằng có những chân thần trên cả bảy cung, dù cung chính hay cung sơ cấp của chân thần chỉ có thể là một trong ba cung chính.

340. Bởi "chất liệu nguyên tử trường tồn" là muốn nói đến chất liệu của các nguyên tử trường tồn của chân thần. Con người có năm nguyên tử trường tồn như thế và thêm một đơn vị hạ trí. Tuy nhiên, dường như ở đây chúng ta chỉ đang nói đến những thiên thần tạo thành chất liệu nguyên tử của nguyên tử trường tồn cảm dục.

2. Những thiên thần tạo thành phương diện "lưu chất" trong thể xác của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế. Chúng có số lượng vô số, và bao gồm những hiện hữu thiên thần trải dài từ những vị phú linh cõi cảm dục, và các **dòng chảy cảm dục** có bản chất tôn giáo và khát vọng cao nhất, cho đến những tinh linh nước nhỏ bé [Page 677] là những phản chiếu của các thực thể cảm dục như thế được ngưng tụ trong vật chất hồng trần thuộc nước.

341. Chân sư DK đang bàn đến một phạm vi rất rộng các hiện hữu thiên thần, phần lớn được tìm thấy trên cõi cảm dục của hệ, cả trong thể biểu hiện của Hành Tinh Thượng

within the dense physical body of the Solar Logos in His entirety.

342. We have already mentioned those great devas who ensoul the systemic astral plane and its divisions. As far as our Earth is concerned, Varuna is greatest of these devas. The seven great Devas Who ensoul the astral subplanes are subsidiary to Varuna.

343. It may be possible to think of a deva as a stream of energy or a "current".

344. Some devas of the systemic astral plane contribute to the sustained existence of inspiring religious impulses. These would be found upon the higher levels of the astral plane.

345. Other devas are water spirits who are reflections in physical plane water of the more developed devas found on the higher subplanes of the systemic astral plane.

346. With the word "precipitated" are given an important hint. Higher devas can be reflected by lower devas (who, in fact, *are reflections* of the higher devas). These reflections are in the nature of precipitations. A precipitation of deva substance found upon the systemic astral plane can even be precipitated into dense physical matter, finding expression in a division of physical matter which corresponds to the astral levels on which the higher devas are found.

347. When I think of ways of describing deva and their bodies, I think of "conscious currents of energy-force" or "strands of

Đế lẫn trong toàn bộ thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

342. Chúng ta đã nhắc đến những thiên thần vĩ đại phú linh cõi cảm dục của hệ và các phân bộ của nó. Xét về Trái Đất của chúng ta, Varuna là vị vĩ đại nhất trong các thiên thần này. Bảy Đại thiên thần phú linh các cõi phụ cảm dục đều phụ thuộc vào Varuna.

343. Có thể hình dung một thiên thần như một dòng năng lượng hay một "dòng chảy".

344. Một số thiên thần của cõi cảm dục của hệ góp phần vào sự tồn tại bền vững của những xung lực tôn giáo đầy cảm hứng. Chúng được tìm thấy trên các cấp độ cao hơn của cõi cảm dục.

345. Những thiên thần khác là các tinh linh nước, là những phản chiếu trong nước của cõi hồng trần của các thiên thần phát triển hơn được tìm thấy trên các cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục của hệ.

346. Với từ "ngưng tụ", một gợi ý quan trọng đã được đưa ra. Các thiên thần cao hơn có thể được phản chiếu bởi các thiên thần thấp hơn (mà thật ra *là những phản chiếu* của các thiên thần cao hơn). Những phản chiếu này có bản chất của các sự ngưng tụ. Một sự ngưng tụ của chất liệu thiên thần được tìm thấy trên cõi cảm dục của hệ thậm chí có thể được ngưng tụ vào vật chất hồng trần đậm đặc, tìm thấy sự biểu hiện trong một phân bộ của vật chất hồng trần tương ứng với các cấp độ cảm dục nơi các thiên thần cao hơn được tìm thấy.

347. Khi tôi nghĩ đến những cách mô tả thiên thần và các thể của họ, tôi nghĩ đến "những dòng mãnh lực-năng lượng có tâm thức" hay "những sợi mãnh lực-năng lượng

conscious energy-force". Some are currents and strands of *self*-conscious energy-force.

có tâm thức". Một số là những dòng và những sợi mãnh lực-năng lượng có *ngã thức*.

3. A group of devas, who form the desire body of that great entity who ensouls the animal kingdom. **They are the total kamic manifestation (divorced from mentality) of animal desire in its incentive impulsive aspect.**

3. Một nhóm thiên thần tạo thành thể dục vọng của thực thể vĩ đại phú linh giới động vật. **Chúng là toàn bộ biểu hiện kama (tách rời khỏi trí tuệ) của dục vọng động vật trong phương diện xung lực thúc đẩy của nó.**

348. These are a lower group of devas than those who form the desire body of that great entity who ensouls the human kingdom.

348. Đây là một nhóm thiên thần thấp hơn những vị tạo thành thể dục vọng của thực thể vĩ đại phú linh giới nhân loại.

349. Kama is desire and it is an animal impulse. These devas do not mix with manasic devas. There is, in relation to them, no kama-manas. So often with respect to the human emotional response, kama and manas are closely interrelated.

349. Kama là dục vọng và là một xung lực động vật. Những thiên thần này không hòa trộn với các thiên thần manas. Liên hệ với chúng, không có trí-cảm. Rất thường, đối với đáp ứng cảm xúc của con người, kama và manas liên hệ chặt chẽ với nhau.

350. These devas are streams and currents of animal desire as it provides animal-incentive and animal-impulse. When these devas are activated the animal moves to fulfill its desires.

350. Những thiên thần này là các dòng và các luồng của dục vọng động vật khi nó cung cấp động cơ và xung lực cho động vật. Khi những thiên thần này được hoạt hóa, con vật chuyển động để thỏa mãn các dục vọng của nó.

4. Certain devas who—being of the third order—form the Heaven of the average orthodox Christian or believer of any faith.

4. Một số thiên thần—thuộc về trật tự thứ ba—tạo thành Thiên Đàng của người Kitô hữu chính thống trung bình hay của tín đồ thuộc bất kỳ đức tin nào.

351. We gather that this type of "Heaven" is found upon the third subplane of the astral plane. It is the correspondence in the astral body of the egoic lotus on the third subplane of the higher mental plane (the mental subplane whereon the egoic lotus of such average, 'believing' individuals is likely to be found).

351. Chúng ta có thể suy ra rằng loại "Thiên Đàng" này được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục. Nó là sự tương ứng trong thể cảm dục của hoa sen chân ngã trên cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí (cõi phụ trí tuệ nơi hoa sen chân ngã của những cá nhân trung bình, "có đức tin" như thế có khả năng được tìm thấy).

Another group—being the seventh order—form the Hell for the same class of thinker.

Một nhóm khác—thuộc về trật tự thứ bảy—tạo thành Địa Ngục cho cùng loại người suy tưởng ấy.

352. This is a hint concerning 'where' this type of "Hell" can be found. We may infer that it is to be found on the *seventh* subplane of the astral plane.

352. Đây là một gợi ý về "nơi" có thể tìm thấy loại "Địa Ngục" này. Chúng ta có thể suy ra rằng nó được tìm thấy trên cõi phụ thứ *bảy* của cõi cảm dục.

353. We notices that the seventh, sixth and fifth orders of evolutionary devas were found on systemic planes seven, six and five.

353. Chúng ta nhận thấy rằng các trật tự thứ bảy, thứ sáu và thứ năm của các thiên thần thăng thượng tiến hoá được tìm thấy trên các cõi của hệ thứ bảy, thứ sáu và thứ năm.

354. We are now dealing with lesser orders of devas found upon the subplanes of the systemic astral plane, but they too have their orders and if we follow the analogy, these orders will correlate with astral subplanes just as the groups of devas of higher order correlated with the *cosmic* subplanes—our normal systemic planes.

354. Hiện nay chúng ta đang bàn đến những trật tự thiên thần thấp hơn được tìm thấy trên các cõi phụ của cõi cảm dục của hệ, nhưng chúng cũng có các trật tự của mình, và nếu theo định luật tương đồng, các trật tự này sẽ tương quan với các cõi phụ cảm dục cũng như các nhóm thiên thần thuộc trật tự cao hơn đã tương quan với các cõi phụ *vũ trụ* —tức các cõi bình thường của hệ chúng ta.

355. What is interesting about the seventh subplane of the systemic astral plane is that matter of this type (and of the sixth type) does not enter the composition of the astral body of the human being. The human being is to have nothing to do with the seventh and sixth astral subplanes, and so it is somehow fitting that the "Hell Worlds" (as usually conceived by the average believer or thinker) are to be found upon subplanes which are, as it were, "off limits" for the normal human being.

355. Điều thú vị về cõi phụ thứ bảy của cõi cảm dục của hệ là vật chất thuộc loại này (và loại thứ sáu) không đi vào thành phần cấu tạo của thể cảm dục con người. Con người không được có liên hệ gì với các cõi phụ cảm dục thứ bảy và thứ sáu, và vì vậy có phần thích hợp khi các "Thế giới Địa Ngục" (như thường được người tín đồ hay người suy tưởng trung bình hình dung) lại được tìm thấy trên những cõi phụ vốn, có thể nói, là "ngoài giới hạn" đối với con người bình thường.

356. Whether demons inhabit such worlds is a possibility.

356. Khả năng có các quỷ dữ cư ngụ trong những thế giới như thế là điều có thể.

5. Those devas who form the astral life of any thought-form. These we will deal with

5. Những thiên thần tạo thành sự sống cảm dục của bất kỳ hình tư tưởng nào. Những vị

later when studying thought-form construction.

357. Many thoughtforms carry an astral charge or impact. This is the case because of the energy-force of the astral deva appended to various kama-manasic thoughts.

358. We have been told as well that it is possible to construct 'astral thoughtforms' but perhaps it would be wiser to call them '*desire* forms'.

6. A mysterious group of devas intimately connected at this time with the sex expression in the human family on the physical plane. They are a group who are, at this juncture, swept into being, and **they embody the fire of sex expression as we understand it.**

359. This must be a prominent group at this time when the sacral center of humanity is so excessively stimulated through the incoming of the seventh ray (which rules the sacral center).

360. If, however, we compared today's sex expression with that which was extant in Lemurian and certain periods of the Atlantean civilization, it would seem tame.

361. DK calls this group "mysterious". The "mystery of sex" is often a theme of human thought. The mysterious nature of this group may account somewhat for the "mystery of sex".

They are the impulse, or instinct, back of physical sex desire.

này chúng ta sẽ bàn đến sau khi nghiên cứu việc kiến tạo hình tư tưởng.

357. Nhiều hình tư tưởng mang một điện tích hay tác động cảm dục. Điều này xảy ra do mãnh lực-năng lượng của thiên thần cảm dục được gắn vào nhiều tư tưởng trí-cảm khác nhau.

358. Chúng ta cũng đã được cho biết rằng có thể kiến tạo các "hình tư tưởng cảm dục", nhưng có lẽ khôn ngoan hơn nếu gọi chúng là các hình thức *dục vọng*.

6. Một nhóm thiên thần huyền bí có liên hệ mật thiết vào lúc này với sự biểu hiện tính dục trong gia đình nhân loại trên cõi hồng trần. Chúng là một nhóm hiện đang được cuốn vào hiện hữu, và **chúng thể hiện lửa của sự biểu hiện tính dục như chúng ta hiểu nó.**

359. Đây hẳn phải là một nhóm nổi bật vào lúc này khi trung tâm xương cùng của nhân loại đang bị kích thích quá mức do sự đi vào của cung bảy (cung cai quản trung tâm xương cùng).

360. Tuy nhiên, nếu chúng ta so sánh sự biểu hiện tính dục ngày nay với điều đã tồn tại trong Lemuria và trong một số thời kỳ của nền văn minh Atlantis, thì nó có vẻ còn nhẹ.

361. Chân sư DK gọi nhóm này là "huyền bí". "Bí ẩn của tính dục" thường là một chủ đề trong tư tưởng nhân loại. Bản chất huyền bí của nhóm này có thể phần nào giải thích cho "bí ẩn của tính dục".

Chúng là xung lực, hay bản năng, đứng sau dục vọng tính dục hồng trần.

362. Let us notice the use of words. The devas *are* "the impulse or instinct". They are a *moving energy or force* which manifests as physical sex desire.

They were peculiarly dominant in the fourth root-race, at which time sex conditions reached a stage of unbelievable horror from our point of view.

363. DK is suggesting that sex conditions in Atlantis were even worse than those in Lemuria (where, we have been told, extremes were also reached).

364. The Black Lodge emerged into prominence in the fourth rootrace and so we can see why dire conditions in sexual expression occurred.

365. The number four suggests polarities and the relationship between male and female, whether inharmonious or harmonious.

366. Note the phrase "from our point of view". Perhaps the Atlanteans did not view the then prevalent conditions of sex expression as unbelievably horrible.

They are gradually being controlled, and when the last of the Lemurian Egos has passed into the fifth root-race they will be slowly passed out of the solar system altogether.

367. This will not occur any time soon, perhaps not until later rounds, and presumably, not before the fifth.

362. Hãy lưu ý cách dùng từ. Các thiên thần *là* "xung lực hay bản năng". Chúng là một *năng lượng hay mãnh lực chuyển động* biểu hiện thành dục vọng tính dục hồng trần.

Chúng đặc biệt chiếm ưu thế trong giống dân gốc thứ tư, vào thời điểm mà các điều kiện tính dục đã đạt đến một giai đoạn kinh hoàng không thể tin nổi theo quan điểm của chúng ta.

363. Chân sư DK đang gợi ý rằng các điều kiện tính dục ở Atlantis còn tệ hơn cả ở Lemuria (nơi, như chúng ta đã được biết, những cực đoan cũng đã bị đẩy tới mức cao).

364. Hắc đoàn đã nổi lên thành thế lực nổi bật trong giống dân gốc thứ tư, và vì thế chúng ta có thể hiểu tại sao những điều kiện khủng khiếp trong sự biểu hiện tính dục lại xảy ra.

365. Con số bốn gợi ý các cực tính và mối liên hệ giữa nam và nữ, dù bất hòa hay hài hòa.

366. Hãy lưu ý cụm từ "theo quan điểm của chúng ta". Có lẽ người Atlantis không xem các điều kiện biểu hiện tính dục đang phổ biến khi ấy là kinh hoàng không thể tin nổi.

Chúng đang dần dần được kiểm soát, và khi chân ngã cuối cùng của Lemuria đã chuyển sang giống dân gốc thứ năm chúng sẽ từ từ bị loại ra khỏi toàn bộ hệ mặt trời.

367. Điều này sẽ không xảy ra trong thời gian gần, có lẽ không cho đến các cuộc tuần hoàn sau, và có lẽ không trước cuộc tuần hoàn thứ năm.

368. The majority of the Lemurian Egos are still focussed within the first tier of petals of the egoic lotus and probably within the first and second petals of that tier.

368. Đa số các chân ngã Lemuria vẫn còn tập trung trong tầng cánh hoa thứ nhất của hoa sen chân ngã và có lẽ trong cánh hoa thứ nhất và thứ hai của tầng ấy.

369. If we take the hint, we shall realize that there are quite a number of those who individualized in Lemuria who are *still* in the Atlantean rootrace, at least in terms of their consciousness.

369. Nếu chúng ta nắm được gợi ý này, chúng ta sẽ nhận ra rằng có khá nhiều người đã biệt ngã hóa ở Lemuria mà *vẫn* còn ở trong giống dân gốc Atlantis, ít nhất là xét theo tâm thức của họ.

370. It seems that conditions on Earth are in a retarded state. We can deduce this from the thought that when certain developments have occurred on Earth, these devas of physical passion will pass out of the *solar system* and not only away from our *planet*. It is as if the rest of the solar system has been waiting for us to accomplish certain adjustments and achieve a certain control.

370. Dường như các điều kiện trên Trái Đất đang ở trong một trạng thái chậm tiến. Chúng ta có thể suy ra điều này từ ý nghĩ rằng khi một số phát triển nhất định đã xảy ra trên Trái Đất, các thiên thần của đam mê hồng trần này sẽ rời khỏi *hệ mặt trời* chứ không chỉ rời khỏi *hành tinh* của chúng ta. Dường như phần còn lại của hệ mặt trời đã chờ chúng ta hoàn tất một số điều chỉnh và đạt được một mức kiểm soát nhất định.

They are connected with the passional "fire" of the solar Logos and with one of His centres in particular;

Chúng có liên hệ với "lửa" đam mê của Thái dương Thượng đế và đặc biệt với một trong các trung tâm của Ngài;

371. In astrology, passional fire is usually associated with Mars. Mars has been hypothesized as the sacral center of the Solar Logos.

371. Trong chiêm tinh học, lửa đam mê thường được liên kết với Sao Hỏa. Sao Hỏa đã được giả thuyết là trung tâm xương cùng của Thái dương Thượng đế.

372. Yet our Planetary Logos is "too full of passion". Still, our Planetary Logos is further advanced that the Planetary Logos of Mars, and the sixth ray of Mars naturally accords with this group of agnisuryanic devas associated with sixth or sacral center.

372. Tuy vậy, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta lại "quá đầy đam mê". Dẫu sao, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tiến hóa hơn Hành Tinh Thượng Đế của Sao Hỏa, và cung sáu của Sao Hỏa tự nhiên phù hợp với nhóm thiên thần agnisuryan này liên kết với trung tâm thứ sáu hay trung tâm xương cùng.

this centre is being gradually obscured

trung tâm này đang dần dần bị che mờ

373. We are also told in The Secret Doctrine that Mars is in a state of obscuration.

373. Chúng ta cũng được nói trong Giáo Lý Bí Nhiệm rằng Sao Hỏa đang ở trong một trạng thái che mờ.

and its fire transferred into a higher centre.

và lửa của nó được chuyển dịch vào một trung tâm cao hơn.

374. This transference, however, is uncertain, as Mars still has a long way to go in this solar system before its development is complete. In the fifth round upon our planet, the "Judgment Day" will occur. At that time two fifths of the Egos on Earth will be transferred to another planet, probably Mars. So it is necessary for Mars to remain in manifestation for millions of years.

374. Tuy nhiên, sự chuyển dịch này còn chưa chắc chắn, vì Sao Hỏa vẫn còn một chặng đường dài phải đi trong hệ mặt trời này trước khi sự phát triển của nó hoàn tất. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm trên hành tinh chúng ta, "Ngày Phán Xét" sẽ xảy ra. Vào lúc đó, hai phần năm các chân ngã trên Trái Đất sẽ được chuyển sang một hành tinh khác, có lẽ là Sao Hỏa. Vì thế Sao Hỏa cần phải tiếp tục biểu hiện trong hàng triệu năm.

These two fifths will pass into temporary pralaya, preparatory to their transference to another scheme, as the Earth scheme will no longer provide for them an adequate place of nurture. (TCF 391)

Hai phần năm này sẽ đi vào Giai kỳ qui nguyên tạm thời, để chuẩn bị cho sự chuyển dịch của họ sang một hệ hành tinh khác, vì hệ hành tinh Địa Cầu sẽ không còn cung cấp cho họ một nơi nuôi dưỡng thích hợp nữa. (TCF 391)

375. Of course the planet cited could be other than Mars. Venus is entering a state of obscuration, but it does not seem correct to connect Venus, which has been so victorious in the struggle for redemption, with the "passional fires" of the solar system.

375. Dĩ nhiên, hành tinh được nêu ra có thể không phải là Sao Hỏa. Sao Kim đang đi vào một trạng thái che mờ, nhưng dường như không đúng khi liên kết Sao Kim, vốn đã chiến thắng đến thế trong cuộc đấu tranh cứu chuộc, với các "ngọn lửa đam mê" của hệ mặt trời.

376. We recall that our Planetary Logos was more "full of passion" than His Brothers. Could the planet in question be our own Earth?

376. Chúng ta nhớ rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta "đầy đam mê" hơn các Huynh Đệ của Ngài. Liệu hành tinh được nói đến có thể là chính Trái Đất của chúng ta chăng?

7. There is also a group of devas connected with the Lodge of Masters, whose work it is

7. Cũng có một nhóm thiên thần liên kết với Thánh đoàn các Chân sư, công việc của chúng là xây dựng các hình thức khát vọng

to build the aspirational forms towards which average man may aspire.

377. This is an uplifting and inspiring group of forms constructed by the Masters.

378. The higher visions of aspirants and disciples may be ensouled or stimulated by this group of devas.

They are divided into certain groups—three in number—connected with science, religion and philosophy,

379. Each of these vehicles offers a means for humanity to rise.

380. These devas ensoul forms which become the 'dreams' of advancing scientists, religionists and philosophers.

and through these groups of deva substance the Heads of the three departments reach men.

381. We are speaking of the Manu, the Bodhisattva and the Mahachohan.

382. Great visions of possibilities are ensouled by these devas.

It is one of Their [Page 678] channels for work.

mà con người trung bình có thể khát vọng hướng tới.

377. Đây là một nhóm hình thức nâng cao và truyền cảm hứng được các Chân sư kiến tạo.

378. Những linh ảnh cao hơn của người chí nguyện và đệ tử có thể được nhóm thiên thần này phú linh hoặc kích thích.

Chúng được chia thành một số nhóm—ba nhóm—liên kết với khoa học, tôn giáo và triết học,

379. Mỗi vận cụ này đều mang lại một phương tiện để nhân loại vươn lên.

380. Những thiên thần này phú linh các hình thức trở thành những "giấc mơ" của các nhà khoa học, tín đồ tôn giáo và triết gia đang tiến bộ.

và thông qua các nhóm chất liệu thiên thần này, các Đấng đứng đầu ba ban tiếp cận con người.

381. Chúng ta đang nói đến Đức Manu, Đức Bồ Tát và Đức Mahachohan.

382. Những linh ảnh lớn lao về các khả năng được các thiên thần này phú linh.

Đó là một trong những [Page 678] kênh hoạt động của Các Ngài.

383. We have sometimes wondered what Masters actually *do,* subjectively. Here we have been given one of Their lines of work. The Masters build forms into which are 'built' the types of devas we are discussing.

383. Đôi khi chúng ta tự hỏi các Chân sư thật sự *làm gì,* trên phương diện chủ quan. Ở đây chúng ta đã được cho biết một trong những đường hoạt động của Các Ngài. Các Chân sư xây dựng những hình thức mà trong đó các loại thiên thần chúng ta đang bàn đến được "xây vào".

The Master Jesus is particularly active at this time along this line, working in collaboration with certain adepts on the scientific line, who—**through the desired union of science and religion—seek to shatter the materialism of the west on the one hand and on the other the sentimental devotion of the many devotees of all faiths**.

Chân sư Jesus đặc biệt hoạt động tích cực vào lúc này theo đường này, làm việc cộng tác với một số chân sư trên đường khoa học, những vị—**thông qua sự hợp nhất mong muốn giữa khoa học và tôn giáo—tìm cách phá tan chủ nghĩa duy vật của phương Tây ở một phía và ở phía kia là lòng sùng tín cảm tính của nhiều tín đồ thuộc mọi đức tin**.

384. The Master Jesus is building forms which offer a vision of that (the union of religion and science) which will magnetize the striving of the many devotees associated with Him.

384. Chân sư Jesus đang xây dựng những hình thức mang lại một linh ảnh về điều đó (sự hợp nhất giữa tôn giáo và khoa học), điều sẽ từ hóa nỗ lực vươn lên của nhiều tín đồ liên kết với Ngài.

385. The cooperation between the sixth and fifth ray Ashrams is interesting and important.

385. Sự hợp tác giữa các ashram cung sáu và cung năm thật đáng chú ý và quan trọng.

386. We understand that the Master Jesus and the Master Hilarion work in close cooperation and that Hilarion, on the fifth ray, has even taken some of Master Jesus' students for training.

386. Chúng ta hiểu rằng Chân sư Jesus và Chân sư Hilarion làm việc trong sự hợp tác chặt chẽ, và rằng Chân sư Hilarion, trên cung năm, thậm chí đã nhận một số đạo sinh của Chân sư Jesus để huấn luyện.

In the same way the Master Hilarion is lifting a good deal of the work of training sixth ray disciples off the shoulders of the Master Jesus. (DINA I 624)

Theo cùng cách ấy, Chân sư Hilarion đang gánh bớt khá nhiều công việc huấn luyện các đệ tử cung sáu khỏi vai Chân sư Jesus. (DINA I 624)

387. Each of these rays has what the other needs.

387. Mỗi cung này đều có điều mà cung kia cần.

388. Fifth ray concrete thought can lead to materialism; thoughtless sixth ray tendencies can lead to an unrealistic, childishly sentimental devotion.

388. Tư tưởng cụ thể cung năm có thể dẫn đến chủ nghĩa duy vật; các khuynh hướng cung sáu thiếu suy nghĩ có thể dẫn đến một lòng sùng tín phi thực tế, cảm tính non nớt.

This is made possible now through the passing out of the sixth Ray and the coming in of the seventh.

Điều này hiện nay trở nên khả hữu nhờ sự rút đi của cung sáu và sự đi vào của cung bảy.

389. It is interesting how the merging of two rays (one of them passing out) can be facilitated by the coming in of the seventh ray. Perhaps this seventh ray induces greater realism in the sixth ray types and a higher and more subtle reach in the fifth ray types.

389. Thật thú vị khi sự hòa nhập của hai cung (một trong số đó đang rút đi) có thể được tạo điều kiện bởi sự đi vào của cung bảy. Có lẽ cung bảy này tạo ra tính hiện thực lớn hơn nơi những người thuộc cung sáu và một tầm vươn cao hơn, tinh tế hơn nơi những người thuộc cung năm.

390. Already we can see certain physicists (clearly working on the fifth ray) responding to the transcendental idealism of the sixth ray.

390. Ngay từ bây giờ chúng ta đã có thể thấy một số nhà vật lý học (rõ ràng hoạt động trên cung năm) đang đáp ứng với chủ nghĩa duy tâm siêu việt của cung sáu.

It should be borne in mind by all students when considering the planes, plane substance and energy that they are in a condition of flux and change all the time.

Mọi đạo sinh cần ghi nhớ khi xem xét các cõi, chất liệu cõi và năng lượng rằng chúng luôn luôn ở trong một tình trạng lưu chuyển và biến đổi.

391. Everything is in motion and the higher we ascend the greater the motion.

391. Mọi sự đều đang chuyển động, và chúng ta càng đi lên cao thì chuyển động càng lớn.

The matter of all planes circulates, and cyclically certain portions become more energised than others;

Vật chất của mọi cõi đều tuần hoàn, và theo chu kỳ, một số phần nhất định trở nên được tiếp năng lượng nhiều hơn những phần khác;

392. Matter on the various planes is of seven qualities. Certain streams of matter will become energized while others will find their activity reduced—all depending on ray and astrological cycles.

392. Vật chất trên các cõi khác nhau có bảy phẩm tính. Một số dòng vật chất sẽ trở nên được tiếp năng lượng trong khi những dòng khác sẽ thấy hoạt động của mình giảm xuống—tất cả tùy thuộc vào các chu kỳ cung và chiêm tinh.

393. Also the planar circulation from East to West may contribute to the selective energizing of which DK speaks.

393. Ngoài ra, sự tuần hoàn theo cõi từ Đông sang Tây cũng có thể góp phần vào sự tiếp năng lượng có chọn lọc mà Chân sư DK đang nói đến.

the matter of the planes is thus under a threefold influence, or—to word it otherwise—deva substance is subjected to a threefold cyclic stimulation:

vì thế vật chất của các cõi chịu một ảnh hưởng tam phân, hay—nói cách khác—chất liệu thiên thần chịu một sự kích thích chu kỳ tam phân:

394. The following are very real and effective energies.

394. Sau đây là những năng lượng rất thực và hữu hiệu.

1. Ray stimulation, dependent upon any Ray being in or out of power. It is inter-systemic and planetary.

1. Sự kích thích của cung, tùy thuộc vào việc một cung nào đó đang ở trong hay ngoài quyền lực. Nó có tính liên-hệ-thống và hành tinh.

395. Ray stimulation comes also from the other solar systems allied with our own—those which are part of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One". This assumes that DK is not using the word "inter-systemic" to mean '*intra*-systemic'.

395. Sự kích thích của cung cũng đến từ các hệ mặt trời khác liên kết với hệ của chúng ta—những hệ là một phần của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một". Điều này giả định rằng Chân sư DK không dùng từ "liên-hệ-thống" để có nghĩa là '*nội*-hệ-thống'.

396. Ray stimulation comes via the planetary Ray Lords Who ensoul planetary schemes. When He speaks of "inter-systemic" stimulation, He *might* mean such stimulation as occurs between planets in the same solar system.

396. Sự kích thích của cung đến qua các Đấng Chúa Tể Cung hành tinh phú linh các hệ hành tinh. Khi Ngài nói về sự kích thích "liên-hệ-thống", Ngài *có thể* muốn nói đến loại kích thích xảy ra giữa các hành tinh trong cùng một hệ mặt trời.

397. Ray stimulation can also arise *within* the planet itself. Planetary Ray Lords in Shamballa are the source of such cyclic stimulation. The intra-planetary Kumara may also be involved in this stimulation.

397. Sự kích thích của cung cũng có thể phát sinh từ *bên trong* chính hành tinh. Các Đấng Chúa Tể Cung hành tinh trong Shamballa là nguồn của loại kích thích chu kỳ này. Các Kumara nội hành tinh cũng có thể liên quan đến sự kích thích này.

2. Zodiacal stimulation, which is an extra-systemic stimulation, and is also cosmic and cyclic.

398. The Lords of the zodiacal constellations are extra-systemic, even cosmic beings. Cyclic stimulation comes via these Entities through such cycles as the precession of the equinoxes.

399. Right now, on our planet, we are preparing to receive zodiacal stimulation from the Lord of the Constellation Aquarius.

3. Solar stimulation, or the impact of direct solar force or energy upon the substance of a plane; this emanates from the "Heart of the Sun" and is peculiarly potent.

400. The Sun itself is a great and direct source of stimulation for the matter of the various planes.

401. The Heart of the Sun is the Egoic nature of the Solar Logos. There are obviously cycles, unknown to man, through which the Heart of the Sun acts upon our planet and, in fact, upon all the planets.

402. Sun spot cycles are an indication of a solar cycle, but we cannot be sure if such cycles represent the pulsations of the solar "Heart".

All the planes are subjected to this threefold influence but in the case of the buddhic and

2. Sự kích thích hoàng đạo, là một sự kích thích ngoài-hệ-thống, và cũng có tính vũ trụ và chu kỳ.

398. Các Chúa Tể của các chòm sao hoàng đạo là những thực thể ngoài-hệ-thống, thậm chí là các thực thể vũ trụ. Sự kích thích chu kỳ đến qua các Thực Thể này thông qua những chu kỳ như sự tiến động của điểm phân.

399. Ngay lúc này, trên hành tinh chúng ta, chúng ta đang chuẩn bị tiếp nhận sự kích thích hoàng đạo từ Chúa Tể của Chòm Sao Bảo Bình.

3. Sự kích thích thái dương, hay tác động của mãnh lực hay năng lượng thái dương trực tiếp lên chất liệu của một cõi; điều này phát xuất từ "Trái Tim của Mặt Trời" và đặc biệt mãnh liệt.

400. Chính Mặt Trời là một nguồn kích thích lớn lao và trực tiếp đối với vật chất của các cõi khác nhau.

401. Trái Tim của Mặt Trời là bản chất chân ngã của Thái dương Thượng đế. Hiển nhiên có những chu kỳ, con người chưa biết đến, qua đó Trái Tim của Mặt Trời tác động lên hành tinh chúng ta và thật ra là lên mọi hành tinh.

402. Các chu kỳ vết đen mặt trời là một dấu hiệu của một chu kỳ thái dương, nhưng chúng ta không thể chắc rằng những chu kỳ như thế có đại diện cho các nhịp đập của "Trái Tim" thái dương hay không.

Mọi cõi đều chịu ảnh hưởng tam phân này nhưng trong trường hợp của cõi Bồ đề và cõi

the astral planes, the force of this third stimulation is very great.

403. This stands to reason. The intended occurrence of the Externalization and Reappearance may well be timed (at least in part) with the Heart of the Sun cycle.

The adepts—working in conjunction with the great devas—utilise cyclic opportunity to effect definitely constructive results.

404. What might be called the 'Law of Opportunity' and the "Law of Cycles" are closely correlated.

405. If the times and seasons are known, full advantage can be taken of the energy available for application.

406. Transformational opportunities and timing are inseparable.

8. A group of devas closely connected with the mysteries of initiation. They form what is esoterically called the "path of the Heart," and are the bridge between the astral and the buddhic planes.

407. For this reason, these devas will be found involved in the conscious building of the antahkarana as, during the phase called Imagination, a link is made between the astral and buddhic planes.

408. During the phase of Projection the line of living light may well touch the buddhic plane.

409. The 'energy feelings' which arise in us at certain moments of high contact are the

cảm dục, mãnh lực của sự kích thích thứ ba này là rất lớn.

403. Điều này là hợp lý. Sự dự định xảy ra của Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn và sự Tái Lâm rất có thể được định thời theo chu kỳ của Trái Tim của Mặt Trời.

Các chân sư—làm việc phối hợp với các đại thiên thần—sử dụng cơ hội chu kỳ để tạo ra những kết quả có tính kiến tạo rõ rệt.

404. Điều có thể được gọi là "Định luật Cơ Hội" và "Định luật Chu Kỳ" có tương quan chặt chẽ với nhau.

405. Nếu thời điểm và mùa kỳ được biết, có thể tận dụng đầy đủ năng lượng sẵn có để ứng dụng.

406. Các cơ hội chuyển đổi và sự định thời là không thể tách rời.

8. Một nhóm thiên thần có liên hệ mật thiết với các huyền nhiệm của điểm đạo. Họ tạo thành điều được gọi một cách huyền bí là "Con Đường của Trái Tim," và là cây cầu nối giữa cõi cảm dục và cõi Bồ đề.

407. Vì lý do này, các thiên thần này sẽ được thấy là có dự phần vào việc xây dựng antahkarana một cách có ý thức vì, trong giai đoạn được gọi là Sự tưởng tượng, một mối liên kết được tạo ra giữa cõi cảm dục và cõi Bồ đề.

408. Trong giai đoạn Phóng chiếu, đường ánh sáng sống động rất có thể chạm tới cõi Bồ đề.

409. Những 'cảm giác năng lượng' phát sinh trong chúng ta vào những lúc nhất định của

activation of certain devic currents and streams which bridge from a lower dimension to a higher and vise-versa.

sự tiếp xúc cao là sự hoạt hóa của một số dòng và luồng thiên thần nhất định, vốn bắt cầu từ một chiều thấp lên một chiều cao hơn và ngược lại.

They are in no way [Page 679] connected with the permanent atoms in the causal body, but are very definitely associated with the central tier of petals in the egoic lotus, or with the "petals of love."

Chúng hoàn toàn không [Page 679] liên hệ với các nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân, nhưng lại rất rõ rệt gắn liền với tầng cánh hoa trung tâm trong Hoa Sen Chân Ngã, hay với "các cánh hoa bác ái."

410. A different group of devas—who form the "permanent atomic substance" of the permanent atoms must be distinguished from these devas who form the "Path of the Heart".

410. Một nhóm thiên thần khác—những vị tạo thành "chất liệu nguyên tử trường tồn" của các nguyên tử trường tồn—phải được phân biệt với các thiên thần tạo thành "Con Đường của Trái Tim" này.

411. We might expect that as the love petals open, these devas will become increasingly active.

411. Chúng ta có thể mong đợi rằng khi các cánh hoa bác ái khai mở, các thiên thần này sẽ ngày càng hoạt động mạnh hơn.

412. The line of energy involved suggests movement from the astral body, through the love petals of the egoic lotus and to the buddhic vehicle. This is a triple alignment. From a certain point of view, the antahkarana can be conceived as triangular. One can touch the buddhic plane through direct projection from the soul-infused mental unit, but it also seems possible to touch buddhi through the meditation of the manasadevic energies associated with the love petals.

412. Đường năng lượng liên hệ ở đây gợi ý một chuyển động từ thể cảm dục, xuyên qua các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã và đến vận cụ Bồ đề. Đây là một sự chỉnh hợp tam phân. Từ một quan điểm nào đó, antahkarana có thể được hình dung như có tính tam giác. Người ta có thể chạm tới cõi Bồ đề qua sự phóng chiếu trực tiếp từ đơn vị hạ trí được linh hồn thấm nhuần, nhưng dường như cũng có thể chạm tới buddhi qua sự tham thiền của các năng lượng manasadeva liên hệ với các cánh hoa bác ái.

Force interacts between these three petals on the one hand,

Mãnh lực tương tác giữa ba cánh hoa này ở một phía,

413. These are manasadevic forces…

413. Đây là các mãnh lực manasadeva…

and the devas who form the "Path of the Heart" upon the other, those who are the bridge of astral-buddhic matter whereby

và các thiên thần tạo thành "Con Đường của Trái Tim" ở phía kia, tức những vị là cây cầu của chất liệu cảm dục-Bồ đề nhờ đó các điểm

initiates of a certain mystic type make the "great approach."

414. We are not so much talking about the deliberate, *occult* building of the antahkarana. Rather we are talking about *mystical* aspiration resulting in mystical ecstasy and inspiration. These are two distinct lines of approach, one approach involving the egoic lotus and the other, as it were, "bypassing the soul".

415. These devas must be known for their 'spontaneous arising'. It does not seem that they can be easily controlled or compelled. They become activated when conditions between the two termini of the bridge are correct and factors of resonance suitable.

416. They can, as it seems, be trained to respond by the deliberate, scientific building of the antahkarana.

9. Devas of all degrees and vibratory capacity who make up the bulk of the desire forms of every kind.

417. These are not astral thoughtforms but rather desire forms.

418. The astral body is a form-building vehicle. So often the arising of desire is accompanied by a rather concrete desire-image of that which is desired.

419. It is of such forms that DK is speaking.

10. The devas of transmutative force. They are a peculiar group of devas who embody

đạo đồ thuộc một loại thần bí nhất định thực hiện "sự tiếp cận vĩ đại."

414. Chúng ta không hẳn đang nói về việc xây dựng antahkarana một cách có chủ ý, *huyền bí học*. Đúng hơn, chúng ta đang nói về khát vọng *thần bí* dẫn đến xuất thần thần bí và cảm hứng. Đây là hai đường tiếp cận riêng biệt, một đường tiếp cận liên quan đến Hoa Sen Chân Ngã và đường kia, có thể nói, "đi vòng qua linh hồn".

415. Các thiên thần này phải được biết đến vì sự 'tự phát sinh khởi' của họ. Dường như họ không thể dễ dàng bị kiểm soát hay cưỡng bách. Họ được hoạt hóa khi các điều kiện giữa hai đầu mút của cây cầu là đúng đắn và các yếu tố cộng hưởng là thích hợp.

416. Dường như họ có thể được huấn luyện để đáp ứng qua việc xây dựng antahkarana một cách có chủ ý và khoa học.

9. Các thiên thần ở mọi cấp độ và năng lực rung động, tạo thành phần lớn của mọi loại hình tướng dục vọng.

417. Đây không phải là các hình tư tưởng cảm dục mà đúng hơn là các hình tướng dục vọng.

418. Thể cảm dục là một vận cụ tạo hình. Rất thường khi sự phát sinh của dục vọng đi kèm với một hình ảnh dục vọng khá cụ thể về điều được ham muốn.

419. Chính về những hình tướng như thế mà Chân sư DK đang nói.

10. Các thiên thần của mãnh lực chuyển hoá. Họ là một nhóm thiên thần đặc biệt, hiện thân cho **"những ngọn lửa của sự chuyển**

the **"fires of transmutation"** and are called by various names, such as:

The furnaces of purifications.

The melting elements.

The gods of incense.

420. The names are beautiful. These seem to be devas involved in the Alchemical Process.

421. Aspirational fires are involved in purification.

422. The term "melting elements" suggests a connection with the fusing and melting fires of the buddhic plane.

423. Incense suggests a sublimatory rising of energy.

424. Let us think of the following definition of transmutation:

"Transmutation is the passage across from one state of being to another, through the agency of fire." (TCF 476)

425. The following definition of transmutation should be considered in this context:

3. *Transmutation*—the method whereby that which is lower is absorbed by the higher, whereby force is transmuted into energy, whereby the energy of the three lower centres is carried up into the three higher centres (head, heart and throat) and which later enables the initiate to centralise all the energies in the three directing centres in the head. This

hoá" và được gọi bằng nhiều tên khác nhau, như:

Các lò thanh luyện.

Các nguyên tố nung chảy.

Các vị thần của hương trầm.

420. Những tên gọi này thật đẹp. Dường như đây là các thiên thần dự phần vào Tiến Trình luyện kim.

421. Những ngọn lửa khát vọng có liên hệ đến sự thanh luyện.

422. Thuật ngữ "các nguyên tố nung chảy" gợi ý một liên hệ với những ngọn lửa dung hợp và nung chảy của cõi Bồ đề.

423. Hương trầm gợi ý một sự thăng hoa đi lên của năng lượng.

424. Chúng ta hãy suy nghĩ về định nghĩa sau đây của sự chuyển hoá:

"Chuyển hoá là sự đi qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác, thông qua tác nhân của lửa." (TCF 476)

425. Định nghĩa sau đây về sự chuyển hoá nên được xem xét trong bối cảnh này:

3. *Chuyển hoá*—phương pháp nhờ đó cái thấp được cái cao hấp thu, nhờ đó mãnh lực được chuyển hoá thành năng lượng, nhờ đó năng lượng của ba trung tâm thấp được đưa lên ba trung tâm cao (đầu, tim và cổ họng) và về sau giúp điểm đạo đồ tập trung mọi năng lượng vào ba trung tâm chỉ đạo trong đầu. Tiến trình chuyển hoá này diễn ra dưới

transmuting process goes forward under the pressure of daily life experience, under the magnetic effect of soul contact, and as the inevitable result of evolution itself. (R&I 278-279)

426. One of the names of the Seventh Ray Lord is appropriate when considering the uplifting process of transmutation:

The One Who lifts to Life (EP I 85)

It is impossible to enumerate more now, and likewise profitless and it has only been deemed advisable to bring these many types of deva substance to the notice of students **on account of the pre-eminent importance of the astral body in the three worlds.**

427. DK is possessed of vastly more knowledge than we can ever absorb. Although at times that which is conveyed may seem overwhelming, it is, from His perspective, only a very little—that which will be profitable and can be used.

It is by the domination of these deva lives, and the "transmutation of desire" into aspiration, and by the purificatory fires of the astral plane that man eventually succeeds in attaining buddhic consciousness.

428. If we have wondered how we may access buddhi, it is not only through the building of the antahkarana. Success in that building process requires previously applied purification and the "transmutation of desire" into aspiration.

429. The one who has not aspired and who does not continue to aspire will have

áp lực của kinh nghiệm đời sống hằng ngày, dưới hiệu ứng từ tính của sự tiếp xúc với linh hồn, và như kết quả tất yếu của chính tiến hoá. (R&I 278-279)

426. Một trong những danh hiệu của Đấng Chúa Tể Cung bảy là thích hợp khi xem xét tiến trình nâng lên của sự chuyển hoá:

Đấng Nâng lên đến Sự sống (EP I 85)

Hiện giờ không thể liệt kê thêm nữa, và cũng không có ích; chỉ được xem là thích đáng khi đưa nhiều loại chất liệu thiên thần này đến sự chú ý của các đạo sinh **vì tầm quan trọng nổi trội của thể cảm dục trong ba cõi thấp.**

427. Chân sư DK sở hữu tri thức rộng lớn hơn rất nhiều so với điều chúng ta có thể hấp thu. Dù đôi khi điều được truyền đạt có vẻ quá sức, nhưng từ quan điểm của Ngài, đó chỉ là một phần rất nhỏ—phần có ích và có thể được sử dụng.

Chính nhờ sự chế ngự các sự sống thiên thần này, và sự "chuyển hoá dục vọng" thành khát vọng, và nhờ những ngọn lửa thanh luyện của cõi cảm dục mà con người cuối cùng thành công trong việc đạt tới tâm thức Bồ đề.

428. Nếu chúng ta từng tự hỏi làm thế nào có thể tiếp cận buddhi, thì không chỉ qua việc xây dựng antahkarana. Thành công trong tiến trình xây dựng đó đòi hỏi phải có sự thanh luyện được áp dụng từ trước và "sự chuyển hoá dục vọng" thành khát vọng.

429. Người chưa từng khát vọng và không tiếp tục khát vọng sẽ gặp khó khăn trong

difficulty in working up sufficient intensity to build the bridge.

việc khơi dậy đủ cường độ để xây dựng cây cầu.

It has been the recognition of the cleansing power of the occult fluids—water and blood—that has led to the emphasis laid by Christians (even though erroneously interpreted) upon these two.

Chính sự nhìn nhận quyền năng tẩy sạch của các lưu chất huyền bí—nước và máu— đã dẫn đến sự nhấn mạnh mà các tín đồ Cơ Đốc đặt lên hai điều này (dù được giải thích sai lạc).

430. VSK suggests: "This may relate then to the blue and red, blue and red/rose of the astral plane, as the colours of blood; or of water and wine."

430. VSK gợi ý: "Điều này có thể liên hệ đến màu xanh lam và đỏ, xanh lam và đỏ/hồng của cõi cảm dục, như các màu của máu; hoặc của nước và rượu."

431. When speaking of purification both water and blood are involved and both are related to the sixth ray.

431. Khi nói về sự thanh luyện thì cả nước lẫn máu đều có liên hệ, và cả hai đều liên hệ với cung sáu.

432. Water is related to Neptune and Mars to the blood and the color red.

432. Nước liên hệ với Sao Hải Vương và Sao Hỏa liên hệ với máu và màu đỏ.

the sixth ray energy of Mars is transmuted into the sixth ray energy of Neptune, for the one is "objective and full of blood" and the other is "subjective and full of life." (EA 217)

năng lượng cung sáu của Sao Hỏa được chuyển hoá thành năng lượng cung sáu của Sao Hải Vương, vì một bên thì "khách quan và đầy máu" còn bên kia thì "chủ quan và đầy sự sống." (EA 217)

433. The "clear cold light" of the buddhic plane relates to the transparent condition of water and the waters once they have been purified by passing through many bloody, sacrificial experiences.

433. "Ánh sáng trong trẻo lạnh lẽo" của cõi Bồ đề liên hệ với trạng thái trong suốt của nước và của những dòng nước một khi chúng đã được thanh luyện bằng cách đi qua nhiều kinh nghiệm đẫm máu, hi sinh.

434. We have been speaking largely of the astral plane and of higher correspondences to that plane—the buddhic plane, the monadic plane, and the cosmic astral plane.

434. Chúng ta phần lớn đã nói về cõi cảm dục và về các tương ứng cao hơn của cõi đó—cõi Bồ đề, cõi chân thần, và cõi cảm dục vũ trụ.

435. There is a fluid element connected with all of them and all of them are involved in the cleansing and purifying process which

435. Có một nguyên tố lưu chất liên hệ với tất cả các cõi ấy, và tất cả đều dự phần vào tiến trình tẩy sạch và thanh luyện mà lúc

at first is experience on the systemic astral plane.

436. On our planet and in our solar system it is particularly the astral nature which must be cleansed, and particularly the Agnisuryans which are involved in the cleansing process. Buddhic Agnisuryans enter later to create harmony. Are there Agnisuryans connected with the monadic plane? There are certainly higher correspondences to Agnisuryans on the cosmic astral plane.

437. These devas have been designated as of paramount importance to man on this planet and in this astral-buddhic solar system.

438. After reading this section of text we should have a better reason why this is so.

đầu là kinh nghiệm trên cõi cảm dục của hệ mặt trời.

436. Trên hành tinh của chúng ta và trong hệ mặt trời của chúng ta, đặc biệt chính bản chất cảm dục là điều phải được tẩy sạch, và đặc biệt các Agnisuryan là những vị dự phần vào tiến trình tẩy sạch. Các Agnisuryan Bồ đề đi vào sau để tạo ra hài hòa. Có những Agnisuryan liên hệ với cõi chân thần chăng? Chắc chắn có những tương ứng cao hơn với Agnisuryan trên cõi cảm dục vũ trụ.

437. Các thiên thần này đã được chỉ định là có tầm quan trọng tối thượng đối với con người trên hành tinh này và trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề này.

438. Sau khi đọc phần văn bản này, chúng ta nên có lý do rõ hơn vì sao điều đó là như vậy.

TCF 679-692: S6S9

23 January – 6 February 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

23 tháng 1 – 6 tháng 2 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. We now begin a very important section on the Solar Angels or Agnishvattas.

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu một phần rất quan trọng về các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta.

2. We may notice that, although we have discussed the Agnichaitans and the Agnisuryans, it does not seem that the devas which work upon the lower mental plane are named or discussed in this section. We must decide whether this is really the case.

2. Chúng ta có thể nhận thấy rằng, dù đã bàn đến các Agnichaitan và các Agnisuryan, dường như các thiên thần hoạt động trên cõi hạ trí không được nêu tên hay bàn đến trong phần này. Chúng ta phải quyết định liệu điều này có thật sự là như vậy hay không.

3. THE SOLAR ANGELS, THE AGNISHVATTAS.

3. CÁC THÁI DƯƠNG THIÊN THẦN, CÁC AGNISHVATTA.

Introductory Remarks.

Những nhận xét mở đầu.

We start here upon the consideration of the Agnishvattas, or the Fire devas of the mental plane,

Ở đây chúng ta bắt đầu việc xem xét các Agnishvatta, hay các thiên thần Lửa của cõi trí,

3. It is not specified whether only the higher mental plane is meant or *all* aspects of the mental plane.

3. Không xác định rõ liệu chỉ cõi thượng trí được nói đến hay *mọi* phương diện của cõi trí.

4. The names of all these evolutionary devas we have been studying begin with the word "Agni", so they must necessarily all be *fire* devas.

4. Tên của tất cả các thiên thần thăng thượng tiến hoá mà chúng ta đã nghiên cứu đều bắt đầu bằng từ "Agni", vì thế tất yếu tất cả họ đều phải là các thiên thần *lửa*.

5. Sometimes the fire devas of the mental plane are called "manasadevas". It is not clear that all manasadevas are Solar Angels.

5. Đôi khi các thiên thần lửa của cõi trí được gọi là "manasadeva". Không rõ rằng mọi manasadeva đều là Thái dương Thiên Thần.

and are [Page 680] thus launched upon the most stupendous subject in connection with our planetary evolution;

và như thế [Page 680] chúng ta được đưa vào đề tài kỳ vĩ nhất liên quan đến tiến hoá hành tinh của chúng ta;

6. Indeed, this is *the* subject, and in many respects, the most important subject of *the Secret Doctrine.*

6. Quả thật, đây là *chính* đề tài, và trên nhiều phương diện, là đề tài quan trọng nhất của *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

it is the one having the most occult significance for man, for these solar Angels[19] concern his own essential nature, and are also the creative power by which he works.

đó là đề tài có ý nghĩa huyền bí học lớn nhất đối với con người, vì các Thái dương Thiên Thần này19 liên quan đến bản chất cốt yếu của chính y, và cũng là quyền năng sáng tạo mà nhờ đó y hoạt động.

7. Let us note this carefully:

7. Chúng ta hãy lưu ý điều này thật cẩn thận:

a. The subject relates to the *essence* of man—considering man as a soul and not as a Monad.

a. Đề tài này liên hệ đến *bản chất tinh túy* của con người—xét con người như một linh hồn chứ không phải như một chân thần.

b. The subject relates to the "creative power" through which a man works.

b. Đề tài này liên hệ đến "quyền năng sáng tạo" mà qua đó một người hoạt động.

8. There is no occultism (as we know it) without a thorough understanding of the Solar Angels.

8. Không có huyền bí học nào (như chúng ta biết) nếu không có sự thấu hiểu thấu đáo về các Thái dương Thiên Thần.

FOOTNOTE 19:

CHÚ THÍCH 19:

Solar angels are therefore entities of a high spiritual order—with a refined consciousness that corresponds to the material substance in which they are clothed.

Do đó, các Thái dương Thiên Thần là những thực thể thuộc một trật tự tinh thần cao—với một tâm thức tinh luyện tương ứng với chất liệu vật chất mà họ khoác lấy.

9. In what material substance are they clothed? Is it the substance of the higher mental plane? Is "their own plane" the higher mental plane or a plane much higher?

9. Họ được khoác trong chất liệu vật chất nào? Có phải là chất liệu của cõi thượng trí không? "Cõi riêng của họ" là cõi thượng trí hay là một cõi cao hơn nhiều?

10. There are certainly some manasadevas who express through petal substance of the egoic lotus on the higher mental plane. We must determine to what extent all manasadevas can be called Solar Angels.

10. Chắc chắn có một số manasadeva biểu lộ qua chất liệu cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã trên cõi thượng trí. Chúng ta phải xác định đến mức nào mọi manasadeva đều có thể được gọi là Thái dương Thiên Thần.

In order to connect this with what I have said already, you may consider the solar

Để nối điều này với những gì tôi đã nói trước đây, bạn có thể xem các Thái dương Thiên

angels as collectively forming the Lord Brahma of the lotus isle.

Thần như cùng nhau tạo thành Chúa Brahma của đảo hoa sen.

11. The Solar Angels are associated with the Brahmic energy of intelligence as well as with love.

11. Các Thái dương Thiên Thần liên hệ với năng lượng Brahma của trí tuệ cũng như với bác ái.

12. We note the words "lotus isle" and can connect them with the egoic *lotuses* through which the Solar Angels express part of their nature.

12. Chúng ta lưu ý các từ "đảo hoa sen" và có thể nối chúng với các *hoa sen* chân ngã mà qua đó các Thái dương Thiên Thần biểu lộ một phần bản chất của họ.

The angels are called by various names as planetary spirits, Asuras, etc.,

Các thiên thần được gọi bằng nhiều tên khác nhau như các tinh thần hành tinh, Asura, v.v.,

13. Their names are, indeed, many, and in the many names are important hints as to their diversified nature.

13. Quả thật tên gọi của họ rất nhiều, và trong nhiều tên gọi ấy có những gợi ý quan trọng về bản chất đa dạng của họ.

14. The Asuras have an unjustified bad reputation. The Secret Doctrine tells us they have been vilified as demons when exactly the opposite is the truth.

14. Các Asura mang một tiếng xấu không chính đáng. Giáo Lý Bí Nhiệm cho chúng ta biết họ đã bị phỉ báng như ma quỷ trong khi sự thật hoàn toàn ngược lại.

15. As for "planetary spirits" we must be careful not to associate them with the "spirit of the planet"—an involutionary entity. The Planetary Spirit is a Great Being (a Logos); "planetary spirits" are Solar Angels who, one day, collectively, are destined to form a Planetary Logos. The "Sprit of the Planet" is a vast, unconscious involutionary entity.

15. Còn về "các tinh thần hành tinh", chúng ta phải cẩn thận không liên kết họ với "tinh linh địa cầu"—một thực thể giáng hạ tiến hoá. Vị Tinh Thần Hành Tinh là một Đấng Vĩ Đại (một Logos); còn "các tinh thần hành tinh" là các Thái dương Thiên Thần, những vị mà một ngày kia, với tư cách tập thể, được định sẵn sẽ tạo thành một Hành Tinh Thượng Đế. "Tinh linh của Hành Tinh" là một thực thể giáng hạ tiến hoá rộng lớn, vô thức.

16. Thus, we see how carefully we must read if we wish to discriminate properly with orders of B/beings entirely different from each other.

16. Như vậy, chúng ta thấy mình phải đọc cẩn thận đến mức nào nếu muốn phân biện đúng đắn giữa các cấp bậc H/hữu thể hoàn toàn khác nhau.

but in order to get a proper idea of their nature, you may consider them as standing in the same relation to the spiritually regenerated and released world Brahmins or the Nirmanakayas as these stand to the ordinary humanity.

17. Here we are given an astonishing analogy which should confer upon us a sense of proportion.

18. The "spiritually release world Brahmans or Nirmanakayas" are initiates of the sixth degree minimally. If they were simply "released" we could consider them initiates of the fourth degree, but because they are "spiritually released" they are released from the spiritual planes, which are the planes of the spiritual triad (including atma) and must thus be minimally initiates of the sixth degree focussed on the monadic plane.

19. Nirmanakayas can also be of a higher order than the sixth degree.

20. Now let us seek to understand the proportion. The Solar Angels are much higher than the Masters (a Master per se, is not even an initiate of the sixth degree). In fact, these Angels are called "initiates of all degrees" (meaning, probably, all degrees open to the human being). In a previous mahamanvantara they were human beings.

The applicant has become soul conscious, and is therefore an initiate; remember always that *the soul on its own plane is an initiate of all degrees.* (R&I 247)

21. This is a profound statement causing one the need to research the meaning of the phrase "on its own plane"—a occult blind

nhưng để có được một ý niệm đúng đắn về bản chất của họ, bạn có thể xem họ đứng trong cùng một tương quan đối với các Bà-la-môn thế giới đã được tái sinh tinh thần và giải thoát, hay các Nirmanakaya, như những vị này đứng đối với nhân loại bình thường.

17. Ở đây chúng ta được trao cho một phép loại suy đáng kinh ngạc, điều nên ban cho chúng ta một Ý thức về tỉ lệ.

18. Các "Bà-la-môn thế giới được giải thoát tinh thần hay các Nirmanakaya" tối thiểu là các điểm đạo đồ cấp sáu. Nếu họ chỉ đơn giản là "được giải thoát" thì chúng ta có thể xem họ là các điểm đạo đồ cấp bốn, nhưng vì họ được "giải thoát tinh thần" nên họ được giải thoát khỏi các cõi tinh thần, tức các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần (bao gồm atma), và do đó tối thiểu phải là các điểm đạo đồ cấp sáu tập trung trên cõi chân thần.

19. Các Nirmanakaya cũng có thể thuộc một trật tự cao hơn cấp sáu.

20. Giờ đây chúng ta hãy tìm cách hiểu tỉ lệ này. Các Thái dương Thiên Thần cao hơn các Chân sư rất nhiều (một Chân sư, chính Ngài, thậm chí chưa phải là một điểm đạo đồ cấp sáu). Thật vậy, các Thiên Thần này được gọi là "các điểm đạo đồ của mọi cấp" (có lẽ có nghĩa là mọi cấp mở ra cho con người). Trong một Đại giai kỳ sinh hóa trước, họ đã là những con người.

Người thỉnh cầu đã trở nên có tâm thức linh hồn, và do đó là một điểm đạo đồ; hãy luôn nhớ rằng *linh hồn trên cõi riêng của nó là một điểm đạo đồ của mọi cấp.* (R&I 247)

21. Đây là một phát biểu sâu sắc khiến người ta cần phải nghiên cứu ý nghĩa của cụm từ "trên cõi riêng của nó"—một bức màn huyền

may be therein hidden. It would not make entire sense for "its own plane" to mean the higher mental plane, for even a Master (to whom the Solar Angel is as an advanced Being) is focussed on planes higher than the higher mental.

bí học có thể được che giấu ở đó. Sẽ không hoàn toàn hợp lý nếu "cõi riêng của nó" có nghĩa là cõi thượng trí, vì ngay cả một Chân sư (mà đối với Ngài Thái dương Thiên Thần là một Hữu thể tiến bộ hơn) cũng tập trung trên những cõi cao hơn cõi thượng trí.

22. The gulf between a Master or Nirmanakaya and the average man can perhaps be likened to the spiritual distance between an average man and an animal. We can begin to understand something of the exalted spiritual of the Solar Angel.

22. Khoảng cách giữa một Chân sư hay một Nirmanakaya với con người trung bình có lẽ có thể được ví với khoảng cách tinh thần giữa một người trung bình và một con vật. Chúng ta có thể bắt đầu hiểu được phần nào tính tinh thần cao cả của Thái dương Thiên Thần.

The angels were such Brahmins in previous Mahamanvantaras,

Các thiên thần đã là những Bà-la-môn như thế trong các Đại giai kỳ sinh hóa trước,

23. Presumably, this means Masters and great Initiates. The Solar Angels had attained in a "previous mahamanvantaras" a spiritual status which a human initiate would consider elevated.

23. Có lẽ điều này có nghĩa là các Chân sư và các Điểm đạo đồ vĩ đại. Các Thái dương Thiên Thần đã đạt được trong "các Đại giai kỳ sinh hóa trước" một địa vị tinh thần mà một điểm đạo đồ nhân loại sẽ xem là cao cả.

24. Now if "Mahamanvantaras" are occult centuries, Solar Angels may have reached a very high spiritual status not only in the previous Mahamanvantara, but in Mahamanvantaras preceding it.

24. Giờ đây nếu "Đại giai kỳ sinh hóa" là các thế kỷ huyền bí, thì các Thái dương Thiên Thần có thể đã đạt tới một địa vị tinh thần rất cao không chỉ trong Đại giai kỳ sinh hóa trước mà còn trong những Đại giai kỳ sinh hóa đi trước nó.

25. If the word "Mahamanvantaras" means occult century, then the Solar Angels can be *very old* beings when compared to the human being.

25. Nếu từ "Đại giai kỳ sinh hóa" có nghĩa là thế kỷ huyền bí, thì các Thái dương Thiên Thần có thể là những Hữu thể *rất cổ xưa* khi so với con người.

26. Usually we consider that they passed through all human stages of initiation in *the* previous Mahamanvantara. Here, however, we are given the plural —"Mahamanvantaras", and this expands our estimation of their antiquity.

26. Thông thường chúng ta cho rằng họ đã đi qua mọi giai đoạn điểm đạo của con người trong *đại* giai kỳ sinh hóa trước. Tuy nhiên ở đây, chúng ta được cho ở dạng số nhiều —"các Đại giai kỳ sinh hóa", và điều này mở rộng sự ước lượng của chúng ta về tính cổ xưa của họ.

who spent those enormous periods in suffering and toil for the sake of rearing wisdom in the world

những vị đã trải qua các thời kỳ khổng lồ ấy trong đau khổ và lao nhọc vì mục đích nuôi dưỡng minh triết trong thế gian

27. The Solar Angels seem to have been following what we would call the vow of the Bodhisattva.

27. Các Thái dương Thiên Thần dường như đã đi theo điều mà chúng ta gọi là lời nguyện của Đức Bồ Tát.

28. Occult centuries are "enormous periods"—according to the occult chronology, literally hundreds of trillions of years.

28. Các thế kỷ huyền bí là "những thời kỳ khổng lồ"—theo niên đại huyền bí học, đúng nghĩa là hàng trăm ngàn tỉ năm.

29. There is, however, no way for us to confirm the duration of occult centuries. We simply have the information we have been given which is disputed by some high initiates such as Sri Yukteswar, the Teacher of Yogananda.

29. Tuy nhiên, chúng ta không có cách nào xác nhận thời lượng của các thế kỷ huyền bí. Chúng ta chỉ đơn giản có thông tin đã được trao, và thông tin ấy bị một số điểm đạo đồ cao cấp như Sri Yukteswar, huấn sư của Yogananda, tranh luận.

and hence they emerged as angels from the infinite womb of Aditi under their karmic impulse after a period of Mahapralaya.

và do đó họ xuất hiện như các thiên thần từ lòng dạ vô biên của Aditi dưới xung lực nghiệp quả của họ sau một thời kỳ Đại giai kỳ qui nguyên.

30. A very interesting idea is here revealed. The pralaya discussed is not that of the entire Cosmos, but only of our Solar Logos, yet it is called "Mahapralaya". Our Solar Logos is, relatively, only the tiniest of Beings, from the cosmic perspective. We must be watchful when terms like "maha" are used. We may think the term refers to the vast entirety of Universal Cosmos, but in fact it probably has a much more restricted meaning, as it does in this instance.

30. Ở đây một ý tưởng rất thú vị được mặc khải. Giai kỳ qui nguyên được bàn đến không phải là của toàn thể Vũ trụ mà chỉ của Thái dương Thượng đế của chúng ta, tuy vậy nó vẫn được gọi là "Đại giai kỳ qui nguyên". Xét từ quan điểm vũ trụ, Thái dương Thượng đế của chúng ta tương đối chỉ là một trong những Hữu thể nhỏ bé nhất. Chúng ta phải cảnh giác khi những thuật ngữ như "maha" được dùng. Chúng ta có thể nghĩ thuật ngữ ấy chỉ toàn thể bao la của Vũ trụ phổ quát, nhưng thật ra có lẽ nó mang một ý nghĩa hạn định hơn nhiều, như trong trường hợp này.

31. Gaining a clear conception of the nature of the Solar Angels is one of the most important things we can do as students of

31. Có được một quan niệm rõ ràng về bản chất của các Thái dương Thiên Thần là một trong những điều quan trọng nhất mà

occultism, yet there are fundamental mysteries involved with this subject and it is not easy to penetrate despite some apparently clear things said about these Angels.

chúng ta có thể làm với tư cách đạo sinh huyền bí học, tuy nhiên có những huyền nhiệm căn bản gắn với đề tài này và không dễ thâm nhập, dù có một số điều dường như khá rõ ràng đã được nói về các Thiên Thần này.

—Some Thoughts on the Gita, page 137.

—Vài Suy Tưởng về Gita, trang 137.

32. Because we are referencing a book by T. Subba Row, there is no way to know whether he uses such terms as "Mahamanvantara", "Mahamanvantaras" or "Mahapralaya" in the same way the Tibetan does.

32. Vì chúng ta đang tham chiếu một quyển sách của T. Subba Row, nên không có cách nào biết được liệu ông có dùng những thuật ngữ như "Đại giai kỳ sinh hóa", "các Đại giai kỳ sinh hóa" hay "Đại giai kỳ qui nguyên" theo cùng cách như Chân sư Tây Tạng hay không.

For all practical purposes, and for the elucidation of the spiritual evolution of man, this immediate section is of the greatest interest and importance;

Xét cho mọi mục đích thực tiễn, và để làm sáng tỏ sự tiến hoá tinh thần của con người, phần ngay trước mắt này có mối quan tâm và tầm quan trọng lớn nhất;ual evolution of man, this immediate section is of the greatest interest and importance;

33. Many wonderful things are written in *A Treatise on Cosmic Fire,* but the section of text we are now undertaking is for us the most important.

33. Nhiều điều kỳ diệu được viết trong *Luận về Lửa Vũ Trụ,* nhưng phần văn bản mà giờ đây chúng ta đang đảm nhận là phần quan trọng nhất đối với chúng ta.

it should be one of the most widely studied sections of this treatise.

nó nên là một trong những phần được nghiên cứu rộng rãi nhất của bộ luận này.

34. Much more widely studied than the first section of the text which dealt mostly with the fires of matter.

34. Rộng rãi hơn nhiều so với phần đầu của văn bản vốn chủ yếu bàn về các lửa của vật chất.

35. Our great and immediate objective is the unfoldment of consciousness.

35. Mục tiêu lớn lao và cấp thiết của chúng ta là sự khai mở tâm thức.

Man is ever profoundly interested in himself,

Con người luôn luôn quan tâm sâu sắc đến chính mình,

36. This is the Leo tendency in the human psyche. We remember how important is the sign Leo is the individualization of man and also in the initiatory process, beginning with the first initiation.

36. Đây là khuynh hướng Sư Tử trong tâm lý con người. Chúng ta nhớ dấu hiệu Sư Tử quan trọng thế nào trong sự biệt ngã hóa của con người và cả trong tiến trình điểm đạo, bắt đầu với lần điểm đạo thứ nhất.

37. The Delphic Injunction, “Man, Know Thyself” remains profoundly important for modern man in search of his soul.

37. Huấn lệnh Delphi, “Hỡi người, hãy biết chính mình” vẫn còn vô cùng quan trọng đối với con người hiện đại đang tìm kiếm linh hồn mình.

and before he can duly develop must comprehend scientifically the laws of his own nature, and the constitution of his own "mode of expression."

và trước khi có thể phát triển đúng mức, y phải thấu hiểu một cách khoa học các định luật của bản chất riêng của mình, và cấu tạo của “phương thức biểu lộ” riêng của mình.

38. Thus, it is critically that man understand his own nature, *and* it must be an accurate, scientific important understanding.

38. Vì vậy, điều tối quan trọng là con người phải thấu hiểu bản chất riêng của mình, *và* đó phải là một sự thấu hiểu chính xác, khoa học và quan trọng.

39. Interestingly, the acquisition of this type of understanding involves the fifth ray which, with the first ray, conditions the sign Leo.

39. Điều thú vị là việc đạt được loại thấu hiểu này liên quan đến cung năm, cung cùng với cung một tác động lên dấu hiệu Sư Tử.

40. Man is the Monad. All other vehicles he possesses are, to him, *instrumental,* and simply modes of expression.

40. Con người là chân thần. Tất cả các vận cụ khác mà y sở hữu, đối với y, đều chỉ có tính *công cụ,* và đơn giản chỉ là các phương thức biểu lộ.

He must realise likewise somewhat of the inter-relation of the three fires in order that he may himself at some future date "blaze forth."

Tương tự, y cũng phải chứng nghiệm phần nào mối tương quan của ba ngọn lửa để chính y vào một ngày nào đó trong tương lai có thể “bừng cháy.”

41. This blazing forth is consummated for the strictly human being at the fourth initiation.

41. Sự bừng cháy này được hoàn tất đối với con người theo nghĩa thuần nhân loại ở lần điểm đạo thứ tư.

42. We notice that the understanding of the three fires need not be complete. Only later,

42. Chúng ta lưu ý rằng sự thấu hiểu về ba ngọn lửa không nhất thiết phải hoàn toàn

following well after the fourth initiation will the relationship between electric fire, electric fire and fire by friction be fully understood.

trọn vẹn. Chỉ về sau, khá lâu sau lần điểm đạo thứ tư, mối liên hệ giữa Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát mới được hiểu đầy đủ.

The question of these **Fire Dhyanis**

Vấn đề về các **Hỏa Dhyani**

43. Thus far we have been given five names for these great Beings. There are quite a few more:

43. Cho đến nay chúng ta đã được cho năm tên gọi của các Hữu thể vĩ đại này. Còn có khá nhiều tên khác nữa:

a. Agnishvattas

a. Agnishvatta

b. Planetary spirits

b. Các tinh thần hành tinh

c. Asuras

c. Asura

d. Solar Angels

d. Thái dương Thiên Thần

e. Fire Dhyanis

e. Hỏa Dhyanis

f. We have also called them “manasadevas”

f. Chúng ta cũng đã gọi các Ngài là “manasadevas”

and their relation to man is a most profound mystery,

và mối liên hệ của các Ngài với con người là một huyền nhiệm hết sức thâm sâu,

44. At first it may not seem to be the case, but carefully investigation into the matter will reveal how thoroughly the subject is occultly blinded. This can be frustrating. However, even if we do not entirely understand the origin of the Solar Angels and their modus operandi in relation to man, we can access the energy they radiate throughout the egoic lotus and through the permanent atoms.

44. Thoạt đầu có thể dường như không phải vậy, nhưng sự khảo cứu cẩn trọng về vấn đề này sẽ cho thấy chủ đề ấy bị che mờ một cách huyền bí đến mức nào. Điều này có thể gây nản lòng. Tuy nhiên, ngay cả nếu chúng ta không hoàn toàn hiểu nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần và phương thức hoạt động của các Ngài liên hệ với con người, chúng ta vẫn có thể tiếp cận năng lượng mà các Ngài phát ra khắp Hoa Sen Chân Ngã và xuyên qua các Nguyên tử trường tồn.

and the entire matter is so clothed in intricate legends that students are apt to

và toàn bộ vấn đề này được bao phủ trong những huyền thoại rắc rối đến thế khiến các đạo sinh dễ tuyệt vọng vì không bao giờ đạt

despair of ever arriving at the desired, and necessary clarity of thought.

được sự sáng tỏ tư tưởng cần thiết và mong muốn.

45. Those who have made a sincere study of the matter can only confirm what DK is saying.

45. Những ai đã chân thành nghiên cứu vấn đề này chỉ có thể xác nhận điều mà Chân sư DK đang nói.

46. There are many parts and pieces to these legends, all of which mean something symbolically but which are very difficult to reconcile with parallel legends in other systems of thought.

46. Có nhiều phần và mảnh của các huyền thoại này, tất cả đều mang ý nghĩa biểu tượng nào đó, nhưng rất khó dung hòa với những huyền thoại song hành trong các hệ tư tưởng khác.

47. We might wonder, 'How can Beings who are so close to man seem so remote to his understanding?'

47. Chúng ta có thể tự hỏi: 'Làm sao những Đấng gần gũi với con người đến thế lại dường như xa vời đối với sự thấu hiểu của y đến vậy?'

Not yet will it be possible entirely to dispel the clouds which veil the central mystery,

Hiện עדיין chưa thể hoàn toàn làm tan đi những đám mây che phủ huyền nhiệm trung tâm,

48. There is, perhaps, an occult hint in the Tibetan's phraseology. One of the names of the Fifth Ray Lord is "The Cloud upon the Mountain Top". As we may know, the Fifth Ray Lord is intimately related to the Solar Angels and Their manifestation.

48. Có lẽ có một gợi ý huyền bí trong cách dùng từ của Chân sư Tây Tạng. Một trong những danh xưng của Đấng Chúa Tể Cung năm là "Đám Mây trên Đỉnh Núi". Như chúng ta có thể biết, Đấng Chúa Tể Cung năm có liên hệ mật thiết với các Thái dương Thiên Thần và sự biểu hiện của Các Ngài.

49. What does that "cloud" conceal? What will be revealed when the clouds surrounding this subject of the Solar Angels are dispelled?

49. "Đám mây" ấy che giấu điều gì? Điều gì sẽ được mặc khải khi những đám mây bao quanh chủ đề các Thái dương Thiên Thần này được làm tan đi?

50. We might say that the Mystery of the Solar Angels is the "central mystery" of man and one that it is vital for him to solve.

50. Chúng ta có thể nói rằng Huyền Nhiệm của các Thái dương Thiên Thần là "huyền nhiệm trung tâm" của con người và là điều tối quan trọng để y giải quyết.

but perhaps, by due tabulation and synthesis, and by a cautious amplification of the data already imparted, the thoughts of

nhưng có lẽ, bằng sự lập bảng và tổng hợp thích đáng, cùng bằng một sự khai triển thận trọng đối với dữ kiện đã được truyền

the wise student may become somewhat less confused.

đạt, tư tưởng của đạo sinh minh triết có thể bớt phần nào rối rắm.

51. We are not really offered the possibility of clarification, but only of reducing our confusion. Shall we "take what we can get"?

51. Thực ra chúng ta không được trao cho khả năng làm sáng tỏ, mà chỉ là khả năng giảm bớt sự rối rắm của mình. Chúng ta có nên "nhận lấy điều gì có thể nhận được" không?

52. What approach shall we use to reduce our confusion:

52. Chúng ta sẽ dùng cách tiếp cận nào để giảm bớt sự rối rắm của mình:

a. We shall tabulate

a. Chúng ta sẽ lập bảng

b. We shall synthesize

b. Chúng ta sẽ tổng hợp

c. We shall amplify the data already imparted, but only cautiously so. Great leaps to conclusion are not warranted

c. Chúng ta sẽ khai triển dữ kiện đã được truyền đạt, nhưng chỉ một cách thận trọng. Những bước nhảy vọt đến kết luận là không có cơ sở

There are two statements *in the Secret Doctrine* which are often overlooked by the casual reader but which, if [Page 681] duly pondered upon, convey much information.

Có hai phát biểu *trong Giáo Lý Bí Nhiệm* thường bị độc giả hời hợt bỏ qua, nhưng nếu được [Page 681] suy ngẫm đúng mức, chúng sẽ chuyển tải nhiều thông tin.

53. One of the most important things we learn when studying *The Secret Doctrine* and *A Treatise on Cosmic Fire* is that, if one wishes to understanding, one cannot read casually. The Tibetan is extremely careful in His use of words. Thus, does He both reveal and conceal much. Are we aware of when He is revealing and when concealing?

53. Một trong những điều quan trọng nhất chúng ta học được khi nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm* và *Luận về Lửa Vũ Trụ* là, nếu muốn thấu hiểu, người ta không thể đọc một cách hời hợt. Chân sư Tây Tạng cực kỳ cẩn trọng trong cách Ngài dùng từ. Vì thế, Ngài vừa mặc khải vừa che giấu rất nhiều. Chúng ta có nhận ra khi nào Ngài đang mặc khải và khi nào đang che giấu không?

Let us make note of these two statements:

Chúng ta hãy ghi nhận hai phát biểu này:

1. Two connecting principles are needed. This requires a living spiritual Fire of the middle principle from the Fifth and third

1. Cần có hai nguyên khí nối kết. Điều này đòi hỏi một Hỏa tinh thần sống động của nguyên khí trung gian từ các trạng thái thứ

states of Pleroma. This fire is the possession of the Triangles.

Năm và thứ ba của Pleroma. Hỏa này là sở hữu của các Tam Giác.

54. When we speak of the "Fifth and third states of Pleroma" one is probably speaking of the dimensions we know as the seven systemic planes. We can wonder why the word "Fifth" is capitalized and the word "third" is not.

54. Khi nói về "các trạng thái thứ Năm và thứ ba của Pleroma", có lẽ người ta đang nói đến những chiều kích mà chúng ta biết là bảy cõi hệ thống. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao từ "Năm" được viết hoa còn từ "ba" thì không.

55. To follow capitalizations carefully is often revealing, but there is often no telling when editorial choice (or merely inattention to detail) has determined the capitalization and not the Tibetan at all.

55. Theo dõi cẩn thận cách viết hoa thường thường rất gợi mở, nhưng nhiều khi không thể biết được liệu việc viết hoa là do lựa chọn biên tập (hay chỉ đơn thuần là thiếu chú ý đến chi tiết) chứ hoàn toàn không phải do Chân sư Tây Tạng.

56. As we attempt to interpret this statement, we remember that B/beings are *fires,* and that souls or Solar Angels are called "Triangles".

56. Khi cố gắng diễn giải phát biểu này, chúng ta nhớ rằng các H/hữu thể là *những ngọn lửa,* và rằng các linh hồn hay Thái dương Thiên Thần được gọi là "Tam Giác".

57. When we consider this first sentence, we have to wonder to what degree the Solar Angels are connected with the "Triple Flowers" or the Builders who are called "Lesser Builders" and who are representative of the Third Creative Hierarchy. As "Triple Flowers" they are also "Triads" and "Triangles".

57. Khi xét câu đầu tiên này, chúng ta phải tự hỏi các Thái dương Thiên Thần có liên hệ đến mức nào với "Những Hoa Tam Phân" hay các đấng kiến tạo được gọi là "vị tiểu kiến tạo" và là đại diện của Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba. Với tư cách là "Những Hoa Tam Phân", các Ngài cũng là "Tam Nguyên" và "Tam Giác".

58. Refusing to be trained by the Solar Angel is very much like refusing to become a Christ (achieved through alignment with "the Triads"). Unlike the Solar Angels, however, they stand "aloof from incarnation". While the entirety of the Solar Angel does not incarnate in man, a certain presence or aspect of the Solar Angel *does.*

58. Từ chối được Thái dương Thiên Thần huấn luyện rất giống với việc từ chối trở thành một Christ (đạt được qua sự chỉnh hợp với "các Tam Nguyên"). Tuy nhiên, không giống các Thái dương Thiên Thần, các Ngài đứng "tách biệt khỏi sự lâm phàm". Dù toàn thể Thái dương Thiên Thần không nhập thể vào con người, một sự hiện diện hay phương diện nào đó của Thái dương Thiên Thần *thì có.*

2. These Beings are Nirvanis from a preceding Mahamanvantara.

2. Các Hữu thể này là các nirvani từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước đó.

59. This statement echoes that by T. Subba Row initiate *Some Thoughts on the Gita.*

59. Phát biểu này vang vọng điều do điểm đạo đồ T. Subba Row nêu ra trong *Một Vài Tư Tưởng về Gita.*

60. Our Solar Logos has had a number of incarnations and those whom we now call Solar Angels had achieve a type of Nirvana perhaps in *the* previous incarnation of our Solar Logos—perhaps in *the* previous solar system. This is the probability.

60. Thái dương Thượng đế của chúng ta đã có một số lần lâm phàm, và những vị mà hiện nay chúng ta gọi là các Thái dương Thiên Thần đã đạt được một loại Niết Bàn có lẽ trong *lần* lâm phàm trước của Thái dương Thượng đế của chúng ta—có lẽ trong *hệ mặt trời* trước. Đây là khả năng có xác suất cao.

61. But there is no certainty that the achievement of all of them took place in *the* preceding Mahamanvantara. The word "a" is used and not "the", so the achievement may have taken place two or three Mahamanvantaras ago.

61. Nhưng không có gì chắc chắn rằng thành tựu của tất cả các vị ấy đã diễn ra trong *Đại giai kỳ sinh hóa* ngay trước đó. Từ "một" được dùng chứ không phải "đó", nên thành tựu ấy có thể đã diễn ra từ hai hay ba Đại giai kỳ sinh hóa trước.

62. These are mysteries buried in the mists of time and we are in no position to clarify them.

62. Đây là những huyền nhiệm bị chôn vùi trong màn sương của thời gian và chúng ta không ở vị thế để làm sáng tỏ chúng.

We have been considering somewhat the **devas of evolutionary tendency who are grouped roughly together as the lunar Pitris**.[20]

Chúng ta đã phần nào xem xét **các thiên thần của xuhướng tiến hoá mà được gom lại một cách đại khái thành các thái âm tổ phụ**.[20]

63. This is a most important statement. There have been references which make it easy to think of the Lunar Pitris as *involutionary.*

63. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Đã có những tham chiếu khiến người ta dễ nghĩ về các thái âm tổ phụ như là *giáng hạ tiến hoá.*

64. There are many references in which the terms "Lunar Pitris" and Lunar Lords are equivalent.

64. Có nhiều chỗ tham chiếu trong đó các thuật ngữ "các thái âm tổ phụ" và nguyệt tinh quân là tương đương.

65. What seems to be important is to differentiate an elemental life from a Lunar Pitri or Lunar Lord.

65. Điều có vẻ quan trọng là phải phân biệt một sự sống hành khí với một thái âm tổ phụ hay nguyệt tinh quân.

66. An elemental life is *involutionary*; a Lunar Pitri is *evolutionary.*

66. Một sự sống hành khí là *giáng hạ tiến hoá*; một thái âm tổ phụ là *thăng thượng tiến hoá.*

Karma demonstrates in those streams of energy and of primordial substance which pour into and through the created world, including the lower three worlds **where work the lunar pitris and the elemental essences of all forms.** (EH 292)

Nghiệp quả biểu lộ trong những dòng năng lượng và chất liệu nguyên sơ tuôn vào và xuyên qua thế giới được tạo thành, kể cả ba cõi thấp **nơi các thái âm tổ phụ và các tinh chất hành khí của mọi hình tướng hoạt động.** (EH 292)

67. From the above it will be evident that elemental essences and Lunar Pitris are distinct. The word "and" is important in this respect.

67. Từ điều trên, hiển nhiên rằng tinh chất hành khí và các thái âm tổ phụ là khác biệt. Từ "và" rất quan trọng về phương diện này.

68. There is some ambiguity in this whole subject as the term "elemental" is usually associated with a life which is *involutionary.* Yet "elementals" can be associated, as below, with "Lunar Lords" and Lunar Lords with Lunar Pitris (which, we have been told, are *evolutionary* devas).

68. Có một ít mơ hồ trong toàn bộ chủ đề này vì thuật ngữ "hành khí" thường gắn với một sự sống là *giáng hạ tiến hoá.* Tuy nhiên, "các hành khí" có thể được liên kết, như dưới đây, với "các nguyệt tinh quân", và các nguyệt tinh quân với các thái âm tổ phụ (mà chúng ta đã được cho biết là các thiên thần *thăng thượng tiến hoá*).

In theosophical literature, there is much talk anent the **various elementals or lunar lords which compose, constitute and control the lower nature**.

Trong văn liệu Thông Thiên Học, có rất nhiều bàn đến **các hành khí khác nhau hay các nguyệt tinh quân cấu thành, tạo nên và kiểm soát bản chất thấp**.

69. To "constitute" is one thing but to "control" may be quite another.

69. "Tạo nên" là một chuyện, nhưng "kiểm soát" có thể lại là chuyện hoàn toàn khác.

These, in their triple totality, form the personality. **They are of man's own creation, and form the basis of the problem which he, as a soul, has always to face until the final liberation is achieved.** The mental

Những vị này, trong tổng thể tam phân của mình, tạo thành phàm ngã. **Chúng là do chính con người tạo ra, và tạo thành nền tảng của vấn đề mà y, với tư cách một linh hồn, luôn luôn phải đối diện cho đến khi**

elemental, the astral elemental and the physical elemental have a definite life of their own which is coloured by the rays upon which these various bodies or elementals have their being, until the man has reached a relatively high point in evolution. (EP II 290)

70. Note immediately below that the "lunar Lords" are also called "Pitris". Yet the "Pitris" are *evolutionary.* So, we have Lunar Lords called "elementals" and Lunar Lords called "Pitris". Elementals are, however, *not* evolutionary.

3. Essential fire, or the fire elementals who are themselves the essence of fire. They are mainly divided into two groups:

a. Fire devas or evolutionary entities.

b. Fire elementals or involutionary entities. (TCF 52)

The violet devas are on the evolutionary path; the elementals are on the involutionary path, the goal for them being to pass into the deva kingdom of violet hue. (TCF 914)

c. The aggregate of these lives which constitute in themselves four types of elementals or separate coherent, though not self-conscious, existences. **These four lunar lords constitute what the Ageless Wisdom teaching calls "the four sides of the square." They are the "lower quaternary," "the imprisoning cubes," or the cross upon which the inner spiritual Man is to be crucified. These four elementals have an**

đạt được sự giải thoát cuối cùng. Hành khí trí tuệ, hành khí cảm dục và tinh linh thể xác có một đời sống xác định của riêng chúng, được tô màu bởi các cung mà trên đó các thể hay các hành khí khác nhau này tồn tại, cho đến khi con người đã đạt đến một điểm tiến hoá tương đối cao. (EP II 290)

70. Hãy lưu ý ngay bên dưới rằng các "nguyệt tinh quân" cũng được gọi là "Pitris". Tuy nhiên, các "Pitris" lại là *thăng thượng tiến hoá.* Vì vậy, chúng ta có các nguyệt tinh quân được gọi là "hành khí" và các nguyệt tinh quân được gọi là "Pitris". Tuy nhiên, các hành khí thì *không* thăng thượng tiến hoá.

3. Hỏa cốt yếu, hay các hành khí của lửa vốn chính là tinh chất của lửa. Chúng chủ yếu được chia thành hai nhóm:

a. Các thiên thần lửa hay các thực thể thăng thượng tiến hoá.

b. Các hành khí của lửa hay các thực thể giáng hạ tiến hoá. (TCF 52)

Các thiên thần tím ở trên con đường tiến hoá; các hành khí ở trên con đường giáng hạ tiến hoá, mục tiêu của chúng là đi vào giới thiên thần sắc tím. (TCF 914)

c. Tổng thể của các sự sống này, tự chúng cấu thành bốn loại hành khí hay những hiện hữu riêng biệt có tính cố kết, tuy không có ngã thức. **Bốn nguyệt tinh quân này cấu thành điều mà giáo huấn Minh Triết Ngàn Đời gọi là "bốn cạnh của hình vuông". Chúng là "bộ tứ thấp", "những khối lập phương giam hãm", hay thập giá mà trên đó Con Người tinh thần nội tại phải bị đóng đinh. Bốn hành khí này có một trí tuệ riêng của chúng, ở trên cung giáng hạ tiến hoá,**

intelligence all their own, are upon the involutionary arc,

71. Here we must ask whether it is the "four elementals", per se, who are upon the involutionary arc or whether it is the elemental essence of the lunar bodies which is upon that arc.

71. Ở đây chúng ta phải hỏi liệu chính "bốn hành khí", chính chúng, ở trên cung giáng hạ tiến hoá hay là tinh chất hành khí của các thể thái âm mới ở trên cung đó.

are following the law of their own being when they tend to become powerful, and thereby fully express that which is in them. (R&I 9)

đang tuân theo định luật của chính hiện hữu của chúng khi chúng có xu hướng trở nên mạnh mẽ, và nhờ đó biểu lộ trọn vẹn điều vốn có trong chúng. (R&I 9)

71. We really need to distinguish between "elemental essence" and "elementals", with elemental essence being *definitely* involutionary, and "elementals" when considered as Lunar Pitris or Lunar Lords (and only when so considered) deemed *evolutionary*—though, of course, unconscious. This is one of the main potential confusions—between the stuff of the lunar bodies and the lives evolutionary though unconscious lives ("elementals") which have a *grip* upon those evolutionary lives.

71. Thực sự chúng ta cần phân biệt giữa "tinh chất hành khí" và "các hành khí", trong đó tinh chất hành khí thì *rõ ràng* là giáng hạ tiến hoá, còn "các hành khí" khi được xem như các thái âm tổ phụ hay nguyệt tinh quân (và chỉ khi được xem như vậy) thì được coi là *thăng thượng tiến hoá*—dù dĩ nhiên là vô thức. Đây là một trong những chỗ dễ gây nhầm lẫn chính—giữa chất liệu của các thể thái âm và các sự sống thăng thượng tiến hoá nhưng vô thức ("các hành khí") vốn có một *sự nắm giữ* đối với những sự sống thăng thượng tiến hoá ấy.

72. If there is any question whether Lunar Pitris are evolutionary (and remember, they are sometimes called "Lunar Lords") the following excerpt delineating their next steps forward should clarify.

72. Nếu có bất kỳ nghi vấn nào về việc các thái âm tổ phụ có phải là thăng thượng tiến hoá hay không (và hãy nhớ, đôi khi chúng cũng được gọi là "nguyệt tinh quân"), thì đoạn trích sau đây, phác họa những bước tiến tiếp theo của chúng, sẽ làm sáng tỏ.

7.The lunar PitrisTo become men. They will in their higher grades pass directly into the animal evolution of the next cycle and so eventually individualise. Their three higher grades will become animal-men, and the lower four will contribute to the quaternic forms of the men of the next creation. (TCF 844)

7.Các thái âm tổ phụTrở thành người. Ở các cấp cao hơn, chúng sẽ trực tiếp đi vào tiến hoá động vật của chu kỳ kế tiếp và như thế cuối cùng sẽ biệt ngã hóa. Ba cấp cao hơn của chúng sẽ trở thành người-thú, và bốn cấp thấp hơn sẽ góp phần vào các hình tướng tứ phân của con người trong cuộc sáng tạo kế tiếp. (TCF 844)

73. In the next excerpt, we may be differentiating between the "lunar bodies" composed of elemental essence and the "lunar Lords or Pitris" who are related to those bodies. Though their effect upon the elevating of the fires is deleterious, there is nothing below to make us suspect that they are not *evolutionary* beings—even if unconscious.

73. Trong đoạn trích kế tiếp, có lẽ chúng ta đang phân biệt giữa "các thể thái âm" được cấu thành từ tinh chất hành khí và "các nguyệt tinh quân hay Pitris" có liên hệ với những thể ấy. Dù tác động của chúng đối với việc nâng cao các ngọn lửa là có hại, không có gì bên dưới khiến chúng ta nghi ngờ rằng chúng không phải là các hữu thể *thăng thượng tiến hoá*—dù là vô thức.

The *material effect*, or the result of this stimulation [monadic stimulation] upon the forms and upon the atoms in the forms, is to render them radioactive, or to set loose the energy of substance. This is the liberating of the energy imprisoned within the form, and concerns the Brahma aspect, and the evolution of matter itself. **It affects the lunar bodies, and therefore relates to the lunar Lords or Pitris**, causing **a weakening of their hold upon the lesser builders**, bringing them more under the force streams from the solar Angels, and leading to a situation which will eventually result in a return of the lunar Pitris of all degrees to the central point for force substance. (TCF 885-886)

Tác động vật chất, hay kết quả của sự kích thích này [kích thích chân thần] lên các hình tướng và lên các nguyên tử trong các hình tướng, là làm cho chúng trở nên phóng xạ, hay giải phóng năng lượng của chất liệu. Đây là sự giải thoát năng lượng bị giam giữ bên trong hình tướng, và liên quan đến phương diện Brahma, cũng như sự tiến hoá của chính vật chất. **Nó tác động đến các thể thái âm, và do đó liên hệ đến các nguyệt tinh quân hay Pitris**, gây ra **sự suy yếu trong sự nắm giữ của chúng đối với các vị tiểu kiến tạo**, khiến các vị này chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ các dòng mãnh lực của các Thái dương Thiên Thần, và dẫn đến một tình trạng mà cuối cùng sẽ đưa đến sự trở về của các thái âm tổ phụ ở mọi cấp độ về điểm trung tâm của chất liệu-mãnh lực. (TCF 885-886)

74. The "lesser builders" in this instance, can be considered as "elemental essence"—definitely involutionary. Remember, however, that "the Triads" are also called "Lesser Builders"—thus, the need of terminological caution.

74. Trong trường hợp này, "các vị tiểu kiến tạo" có thể được xem là "tinh chất hành khí"—rõ ràng là giáng hạ tiến hoá. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng "các Tam Nguyên" cũng được gọi là "vị tiểu kiến tạo"—do đó cần phải thận trọng về thuật ngữ.

75. No wonder there is some degree of confusion about these matters because consistency of terminology is not to be found.

75. Không lạ gì khi có một mức độ nhầm lẫn nào đó về những vấn đề này, bởi không thể tìm thấy sự nhất quán trong thuật ngữ.

a. Lunar Lords can be considered involutionary or evolutionary

a. Các nguyệt tinh quân có thể được xem là giáng hạ tiến hoá hoặc thăng thượng tiến hoá

b. Lunar Pitris associated with Lunar Lords can be considered involutionary or evolutionary

b. Các thái âm tổ phụ gắn với các nguyệt tinh quân có thể được xem là giáng hạ tiến hoá hoặc thăng thượng tiến hoá

c. Evolutionary devas are called "Lunar Pitris"

c. Các thiên thần thăng thượng tiến hoá được gọi là "các thái âm tổ phụ"

76. It is very important to note when DK is speaking of evolutionary devas (even if they are not self-consciousness) and where he is speaking of involutionary lives, whether of tiny elemental lives or of aggregates of those elemental lives we sometimes call our "lunar elementals". It may be, however, that the "lunar Lords" are more than aggregates of elemental essence. Thus let us hold in mind the possible distinction between--

76. Điều rất quan trọng là phải lưu ý khi nào Chân sư DK đang nói về các thiên thần thăng thượng tiến hoá (dù chúng không có ngã thức) và khi nào Ngài đang nói về các sự sống giáng hạ tiến hoá, dù là những sự sống hành khí nhỏ bé hay những tập hợp của các sự sống hành khí ấy mà đôi khi chúng ta gọi là "các hành khí thái âm" của mình. Tuy nhiên, có thể "các nguyệt tinh quân" còn hơn cả những tập hợp của tinh chất hành khí. Vì vậy, chúng ta hãy ghi nhớ sự phân biệt có thể có giữa--

a. Elemental essence, definitely involutionary

a. Tinh chất hành khí, rõ ràng là giáng hạ tiến hoá

b. Aggregated and formed elemental essence, still involutionary and sometimes called "lunar elementals".

b. Tinh chất hành khí được tập hợp và tạo hình, vẫn là giáng hạ tiến hoá và đôi khi được gọi là "các hành khí thái âm".

c. Lunar Lords who are associated with elemental essence and bring about the aggregation of that elemental essence into lunar bodies, *but* who, themselves, are evolutionary even though unconscious.

c. Các nguyệt tinh quân gắn với tinh chất hành khí và tạo ra sự tập hợp của tinh chất hành khí ấy thành các thể thái âm, *nhưng* bản thân chúng lại là thăng thượng tiến hoá dù vô thức.

d. When attempting to remain clear about the terminology usually used in discussing these matters, it may be of the utmost importance to distinguish Lunar Lords who are Lunar Pitris from "lunar elementals"

d. Khi cố gắng giữ cho rõ ràng về thuật ngữ thường được dùng khi bàn đến những vấn đề này, có lẽ điều tối quan trọng là phải phân biệt các nguyệt tinh quân vốn là các thái âm tổ phụ với "các hành khí thái âm" là những

which are aggregations of elemental essence. This should be pondered.

tập hợp của tinh chất hành khí. Điều này cần được suy ngẫm.

20: The Lunar Pitris are all Nature Spirits.—S. D., II, 107.

20: Các thái âm tổ phụ đều là các tinh linh tự nhiên.—S. D., II, 107.

77. Since DK has just called Lunar Pitris "devas of evolutionary tendency" and since Lunar Pitris are "Nature Spirits", we must consider at least *some* Nature Spirits as "devas of evolutionary tendency".

77. Vì Chân sư DK vừa gọi các thái âm tổ phụ là "các thiên thần có xu hướng tiến hoá", và vì các thái âm tổ phụ là "các tinh linh tự nhiên", nên ít nhất chúng ta phải xem *một số* tinh linh tự nhiên là "các thiên thần có xu hướng tiến hoá".

1. The Spiritual Hierarchy of our planet, nature spirits or angels and human spirits, who stand at a peculiar point **on the ladder of evolution**. (TWM 47)

1. Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta, các tinh linh tự nhiên hay thiên thần và các tinh thần nhân loại, đứng tại một điểm đặc biệt **trên nấc thang tiến hoá**. (TWM 47)

1. They possess, or are the containers of the fire of the third aspect.—S. D., II, 81.

1. Chúng sở hữu, hay là những vật chứa của hỏa thuộc phương diện thứ ba.—S. D., II, 81.

78. We are speaking of fire by friction.

78. Chúng ta đang nói về Lửa ma sát.

3. Their work precedes that of the Solar Angels.—S. D., I, 268.

3. Công việc của chúng đi trước công việc của các Thái dương Thiên Thần.—S. D., I, 268.

79. These Lunar Pitris are aspects of the Raja Deva Lord of the plane upon which they are working.

79. Các thái âm tổ phụ này là những phương diện của Chúa Tể Raja Deva của cõi mà trên đó chúng đang hoạt động.

80. They build the lower bodies of man and animal out of elemental essence—in a way building themselves into these bodies.

80. Chúng xây dựng các thể thấp của người và thú từ tinh chất hành khí—theo một nghĩa nào đó, xây chính mình vào trong các thể ấy.

3. They exist in seven classes as do the Solar Angels.—S. D., II, 96.

3. Chúng tồn tại trong bảy loại cũng như các Thái dương Thiên Thần.—S. D., II, 96.

81. This is an intriguing thought. The seven classes, whether of Solar Angels or Lunar

81. Đây là một ý tưởng hấp dẫn. Bảy loại, dù là của các Thái dương Thiên Thần hay các

Pitris must be divided according to ray or, perhaps, according to evolutionary status.

thái âm tổ phụ, hẳn phải được phân chia theo cung hoặc có lẽ theo trạng thái tiến hoá.

a. Three incorporeal, which are the three elemental kingdoms of nature, providing man with his etheric, astral and mental bodies.

a. Ba loại vô thể, là ba giới hành khí của thiên nhiên, cung cấp cho con người thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí của y.

82. We can see how the Lunar Pitris (working upon elemental essence) could *provide* man with his etheric astral and mental bodies. The Lunar Pitris are *not* the elemental essence of those bodies, but build the bodies or, as it were, 'hold the field' for the formation of those bodies.

82. Chúng ta có thể thấy cách các thái âm tổ phụ (hoạt động trên tinh chất hành khí) có thể *cung cấp* cho con người thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí của y. Các thái âm tổ phụ *không* phải là tinh chất hành khí của các thể ấy, mà xây dựng các thể, hay có thể nói là "giữ hiện trường" cho sự hình thành các thể ấy.

83. Caution again—the "three elemental *kingdoms* of nature" may be evolutionary, but not the elemental essence with which they work.

83. Lại một lần nữa cần thận trọng—"ba *giới* hành khí của thiên nhiên" có thể là thăng thượng tiến hoá, nhưng tinh chất hành khí mà chúng làm việc cùng thì không.

84. One wonders whether these "kingdoms" were inherited from the Moon-chain when the seeds of its lives were transported to after pralaya to the fourth or Earth-chain.

84. Người ta tự hỏi liệu các "giới" này có được thừa hưởng từ Dãy Mặt Trăng khi các hạt giống của các sự sống của nó được chuyển sau Giai kỳ qui nguyên sang dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu hay không.

b. Four corporeal which are the forms of the four kingdoms of nature.—S. D., II, 93.

b. Bốn loại hữu thể là các hình tướng của bốn giới trong thiên nhiên.—S. D., II, 93.

85. Must those builders we call Lunar Pitris consist, in their own energy bodies, of corporeal matter? Could they build in corporeal matter without themselves being composed of that matter?

85. Có phải những đấng kiến tạo mà chúng ta gọi là các thái âm tổ phụ, trong chính các thể năng lượng của mình, phải gồm vật chất hữu thể không? Liệu chúng có thể xây dựng trong vật chất hữu thể mà bản thân không được cấu thành từ vật chất ấy không?

86. These are the kinds of questions which arise when we seek to careful about the language we are using.

86. Đây là những loại câu hỏi nảy sinh khi chúng ta tìm cách cẩn trọng với ngôn ngữ mình đang dùng.

87. The question is, are there four order of Lunar Pitris who, themselves, are corporeal (i.e., whose bodies are composed of dense material substance—dense, liquid and gaeous) OR do these Lunar Pitris build vehicles of dense, liquid and gaseous matter from within and, as it were, 'behind' such matter.

87. Câu hỏi là, có phải có bốn cấp thái âm tổ phụ mà bản thân chúng là hữu thể (tức là các thể của chúng được cấu thành từ chất liệu vật chất đậm đặc—rắn, lỏng và khí) HAY là các thái âm tổ phụ này xây dựng các vận cụ bằng vật chất rắn, lỏng và khí từ bên trong và, có thể nói, "đằng sau" loại vật chất ấy.

88. As usual, we are trying to keep the distinction between involutionary lives and evolutionary lives.

88. Như thường lệ, chúng ta đang cố giữ sự phân biệt giữa các sự sống giáng hạ tiến hoá và các sự sống thăng thượng tiến hoá.

c. See S. D., II, 233.

c. Xem S. D., II, 233.

These lunar Pitris are divided into four groups and are concerned with the building of man's dual physical body, with his astral body and with his lower mental body;

Các thái âm tổ phụ này được chia thành bốn nhóm và liên quan đến việc xây dựng thể hồng trần kép của con người, thể cảm dục của y và thể hạ trí của y;

89. We should keep in mind that there are "builders" and more primitive substance (elemental essence) which is used as building material by the builders.

89. Chúng ta nên ghi nhớ rằng có những "đấng kiến tạo" và có chất liệu nguyên sơ hơn (tinh chất hành khí) được các đấng kiến tạo dùng làm vật liệu xây dựng.

90. We are dealing with greater forces using lesser forces. All these forces have consciousness. We are dealing with the union of two kinds of conscious (though not self-conscious) forces—one evolutionary and the other involutionary.

90. Chúng ta đang xử lý các mãnh lực lớn hơn sử dụng các mãnh lực nhỏ hơn. Tất cả các mãnh lực này đều có tâm thức. Chúng ta đang xử lý sự kết hợp của hai loại mãnh lực hữu thức (dù không có ngã thức)—một loại thăng thượng tiến hoá và loại kia giáng hạ tiến hoá.

91. DK's description of the "Lunar Pitris" is a little different from that of HPB. DK is not listing the Lunar Pitris in seven groups as did HPB, but rather according to the type of matter they work with and the type of vehicles they construct—namely the four vehicles of the personality, even though, from another perspective, there are only three.

91. Mô tả của Chân sư DK về "các thái âm tổ phụ" hơi khác với mô tả của HPB. Chân sư DK không liệt kê các thái âm tổ phụ thành bảy nhóm như HPB đã làm, mà đúng hơn là theo loại vật chất mà chúng làm việc cùng và loại vận cụ mà chúng kiến tạo—cụ thể là bốn vận cụ của phàm ngã, dù từ một góc nhìn khác thì chỉ có ba.

92. Notice that we are speaking of "Lunar Pitris" working with the *lower* mental body. Agnishvattas are those Pitris which are usually considered in relation to the higher mental plane. Are some Agnishvattas also to be considered *lunar* Pitris? When we are told that the Fifth Creative Hierarchy is "dual" could a division between a solar aspect of the Hierarchy and the a lunar aspect account for its duality? Or is the duality of this Hierarchy to be accounted for in a different manner?

92. Hãy lưu ý rằng chúng ta đang nói về "các thái âm tổ phụ" làm việc với thể trí *thấp*. Agnishvattas là những Pitris thường được xét trong liên hệ với Cõi thượng trí. Có phải một số Agnishvattas cũng được xem là các Pitris *thái âm* không? Khi chúng ta được cho biết rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm là "kép", liệu sự phân chia giữa một phương diện thái dương của Huyền Giai và một phương diện thái âm có giải thích được tính nhị nguyên của nó không? Hay tính nhị nguyên của Huyền Giai này phải được giải thích theo một cách khác?

these sheaths are energised by their force through the medium of the permanent atoms.

các lớp vỏ này được tiếp năng lượng bởi mãnh lực của chúng qua trung gian của các Nguyên tử trường tồn.

93. We are learning that the evolutionary devas under consideration work *through* the permanent atoms.

93. Chúng ta đang học rằng các thiên thần thăng thượng tiến hoá đang được xét đến hoạt động *xuyên qua* các Nguyên tử trường tồn.

94. We are also leaning that elemental essence is energized (and held coherent) by their force—the force of these Lunar Pitris who are often called "Lunar Lords".

94. Chúng ta cũng đang học rằng tinh chất hành khí được tiếp năng lượng (và được giữ cố kết) bởi mãnh lực của chúng—mãnh lực của các thái âm tổ phụ này, những vị thường được gọi là "các nguyệt tinh quân".

But for the purposes of the subjective nature of man, they are to be considered in their three groups—etheric, astral and lower mental.

Nhưng đối với các mục đích của bản chất chủ quan của con người, chúng phải được xét trong ba nhóm của chúng—dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

95. In this case, "subjective" means "subtle". The dense physical elemental is in a category of its own and accounts for the densest level of ancient, unredeemed substance (unredeemed according to the standard of *this* solar system).

95. Trong trường hợp này, "chủ quan" có nghĩa là "vi tế". Tinh linh thể xác đậm đặc thuộc một phạm trù riêng của nó và giải thích cấp độ đậm đặc nhất của chất liệu cổ xưa, chưa được cứu chuộc (chưa được cứu chuộc theo tiêu chuẩn của *hệ mặt trời* này).

The work of the Agnishvattas (the self-conscious principles, the Builders or

Công việc của các Agnishvattas (các nguyên khí có ngã thức, các đấng kiến tạo hay kiến

constructors of the egoic body on the higher mental levels) is to unite the higher three principles—atma, buddhi, manas—and the lower three, and thus become in very truth the **middle principle in man**.

96. In this instance, we see the Agnishvattas definitely separated from the Lunar Pitris of the *lower* mental plane. The Agnishvattas are considered constructors of the *higher* mental body and not at all of the *lower* mental body.

97. Thus, via the work of the Agnishvattas, a link is made between atma, buddhi and manas (which are, in many respects, *solar*) and the lower mental body, the astral body and etheric body.

98. Two more names have been added to our list of names for the Solar Angels.

a. The self-consciousness principles

b. The Builders of the egoic body, and adding the names previously mentioned, we have…

c. Agnishvattas

d. Planetary spirits

e. Asuras

f. Solar Angels

g. Fire Dhyanis

h. We have also called them “manasadevas”

trúc sư của thể chân ngã trên các cấp độ thượng trí) là hợp nhất ba nguyên khí cao hơn—atma, buddhi, manas—và ba nguyên khí thấp hơn, và như thế thực sự trở thành **nguyên khí trung gian trong con người**.

96. Trong trường hợp này, chúng ta thấy các Agnishvattas được tách biệt rõ ràng khỏi các thái âm tổ phụ của cõi trí *thấp*. Các Agnishvattas được xem là những đấng kiến tạo của thể trí *cao* chứ hoàn toàn không phải của thể trí *thấp*.

97. Như vậy, qua công việc của các Agnishvattas, một mối liên kết được tạo ra giữa atma, buddhi và manas (vốn, về nhiều phương diện, là *thái dương*) với thể trí thấp, thể cảm dục và thể dĩ thái.

98. Hai tên gọi nữa đã được thêm vào danh sách tên gọi của chúng ta dành cho các Thái dương Thiên Thần.

a. Các nguyên khí có ngã thức

b. Các Đấng Kiến Tạo của thể chân ngã, và thêm vào các tên đã nêu trước đây, chúng ta có…

c. Agnishvattas

d. Các tinh thần hành tinh

e. Asuras

f. Các Thái dương Thiên Thần

g. Hỏa Dhyanis

h. Chúng ta cũng đã gọi các Ngài là “manasadevas”

i. Later in text we encounter another name: "Sons of Wisdom". And also the following terms…

j. The vehicles of the Divine Mind

k. The dhyan-chohanic forces

l. The aggregate of the Ah-hi

They themselves originate from the logoic middle principle.[21] [S. D., II, 83] **Thus the esoteric seven is completed.** The physical body in its denser manifestation is, as we know, not esoterically considered a principle.

99. This is a very important section of text.

100. We have studied the seven principles of man quite carefully in an earlier commentary. (Semester 3, Section 5) It was then sometimes questioned whether the soul or Solar Angel should be considered as a principle. Here the matter is clearly stated.

101. The principles would then be:

a. Atma

b. Buddhi

c. Manas

d. A solar principle arising through the presence of the Agnishvattas or Solar Angels constituting the "middle principle" of man

i. Về sau trong văn bản, chúng ta gặp một tên gọi khác: "Các Con của Minh Triết". Và cả những thuật ngữ sau đây…

j. Các vận cụ của Trí thiêng liêng

k. Các mãnh lực dhyan-chohanic

l. Tổng thể của Ah-hi

Chính các Ngài phát sinh từ nguyên khí trung gian của Thượng đế.21 [S. D., II, 83] **Như vậy bộ bảy huyền bí được hoàn tất.** Thể xác trong biểu hiện đậm đặc hơn của nó, như chúng ta biết, không được xem là một nguyên khí theo huyền bí học.

99. Đây là một đoạn văn hết sức quan trọng.

100. Chúng ta đã nghiên cứu bảy nguyên khí của con người khá cẩn thận trong một phần bình giải trước đây. (Học kỳ 3, Phần 5) Khi ấy đôi lúc người ta đặt câu hỏi liệu linh hồn hay Thái dương Thiên Thần có nên được xem là một nguyên khí hay không. Ở đây vấn đề được phát biểu rõ ràng.

101. Khi đó các nguyên khí sẽ là:

a. Atma

b. Buddhi

c. Manas

d. Một nguyên khí thái dương phát sinh qua sự hiện diện của các Agnishvattas hay các Thái dương Thiên Thần, cấu thành "nguyên khí trung gian" của con người

e. Nguyên khí gắn với cõi hạ trí, hạ manas

e. The principle associated with the lower mental plane, lower manas

f. The principle associated with the astral body, kama

g. The principle associated with the etheric body—prana. Sometimes the etheric body, itself, is listed as a principle

102. The Agnishvattas originate from the causal body of the Solar Logos—the "logoic middle principle".

The devas of the lower mental levels in relation to [Page 682] man work through the mental unit,

103. This is how they work upon the bodies of elemental substance.

104. It is not only the lower-but-evolutionary devas who work through the members of the atomic triangle. The Solar Angels work constantly through the members of that triangle, including the mental unit.

and are, roughly speaking, divided into four groups, being in fact the first condensation of the threefold lower body of man.

105. The lower body of man is threefold and is considered a condensation. The mental vehicle is the first condensation in the general precipitation of higher forces we call the threefold lower body of man..

f. Nguyên khí gắn với thể cảm dục, kama

g. Nguyên khí gắn với thể dĩ thái—prana. Đôi khi chính thể dĩ thái cũng được liệt kê như một nguyên khí

102. Các Agnishvattas phát sinh từ thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế —"nguyên khí trung gian của Thượng đế".

Các thiên thần của các cấp độ hạ trí trong liên hệ với [Page 682] con người hoạt động qua đơn vị hạ trí,

103. Đây là cách họ tác động lên các thể bằng chất liệu hành khí.

104. Không chỉ các thiên thần hạ cấp nhưng thuộc thăng thượng tiến hoá mới hoạt động qua các thành phần của tam giác nguyên tử. Các Thái dương Thiên Thần liên tục hoạt động qua các thành phần của tam giác ấy, kể cả đơn vị hạ trí.

và, nói một cách khái quát, được chia thành bốn nhóm, thực ra là sự ngưng tụ đầu tiên của thể thấp tam phân của con người.

105. Thể thấp của con người là tam phân và được xem là một sự ngưng tụ. Vận cụ trí tuệ là sự ngưng tụ đầu tiên trong tiến trình ngưng tụ tổng quát của các mãnh lực cao hơn mà chúng ta gọi là thể thấp tam phân của con người.

106. The four groups of devas of the lower mental levels exist because there are four subplanes on the lower mental plane.

106. Bốn nhóm thiên thần của các cấp độ hạ trí tồn tại vì có bốn cõi phụ trên cõi hạ trí.

They form part of his lunar body.

Họ tạo thành một phần của thể nguyệt tinh của y.

107. It is significant that these devas not only *manipulate* the elemental substance which comprises the vehicles of the lunar bodies but actually form "part of his lunar body". It is very important for us to know exactly what kind of lives go to the formation of the lunar body.

107. Điều có thâm nghĩa là các thiên thần này không chỉ *vận dụng* chất liệu hành khí cấu thành các vận cụ của các thể nguyệt tinh mà thực sự còn tạo thành "một phần của thể nguyệt tinh của y". Điều rất quan trọng đối với chúng ta là phải biết chính xác loại sự sống nào góp phần tạo thành thể nguyệt tinh.

108. Somehow, the force of these devas of the lower mental plane *also* goes to the constitution of the lower mental body as well as the force of the mental elemental essence.

108. Bằng cách nào đó, mãnh lực của các thiên thần thuộc cõi hạ trí này *cũng* góp phần vào cấu tạo của thể hạ trí cũng như mãnh lực của Tinh chất hành khí trí tuệ.

109. The devas of the lower mental plane form *part* of the human being's *lunar* body. This is true of the devas of the astral plane, of the etheric plane and the dense physical plane. But, none of these devas form the *entirety* his lunar body. Elemental essence *also* goes to this formation.

109. Các thiên thần của cõi hạ trí tạo thành *một phần* của thể *nguyệt tinh* của con người. Điều này cũng đúng với các thiên thần của cõi cảm dục, của cõi dĩ thái và của cõi hồng trần đậm đặc. Nhưng không thiên thần nào trong số này tạo thành *toàn thể* thể nguyệt tinh của y. Tinh chất hành khí *cũng* góp phần vào sự hình thành này.

110. We need to understand how force is combined with force—lesser force with greater force.

110. Chúng ta cần hiểu cách mãnh lực được kết hợp với mãnh lực—mãnh lực nhỏ hơn với mãnh lực lớn hơn.

They are directly linked with the **highest** spiritual essences,

Họ được nối kết trực tiếp với các tinh chất **cao nhất** tinh thần,

111. How high, we may ask? Apparently, as high as the cosmic mental plane.

111. Cao đến đâu, chúng ta có thể hỏi? Rõ ràng là cao đến tận cõi trí vũ trụ.

112. Why, however, is the word "highest" used, when the Agnishvattas of the cosmic higher mental plane are higher still.

112. Tuy nhiên, tại sao lại dùng từ "cao nhất", khi các Agnishvatta của cõi thượng trí vũ trụ còn cao hơn nữa.

and represent the lowest manifestation of force emanating from the cosmic mental plane,

và biểu hiện thấp nhất của mãnh lựcphát ra từ cõi trí vũ trụ,

113. There are *Great* Agnishvattas on the cosmic mental plane. But there may also be higher counterparts of lower mental devas on the cosmic mental plane—i.e., on the *lower* four subplanes of the cosmic mental plane.

113. Có những Agnishvatta *Vĩ Đại* trên cõi trí vũ trụ. Nhưng cũng có thể có những đối phần cao hơn của các thiên thần hạ trí trên cõi trí vũ trụ—tức là trên bốn cõi phụ *thấp* của cõi trí vũ trụ.

War wages cosmically as yet between the systemic "lunar" lords, and those Entities who are analogous to the solar Lords on cosmic levels. Until our students extend their concept to include in their calculations the logoic astral and mental bodies as the Logos seeks to express emotion and mind on the physical plane (through His physical body, a solar system) they will not progress far towards the heart of the solar mystery. Until the force of the cosmic lunar Lords is sought for, the fact of there being entire constellations beyond our solar system in process of disintegration in time and space in a manner similar to the disintegration of the moon will not be known nor the effects of this traced. (TCF 834-835)

Chiến tranh vẫn đang diễn ra trên bình diện vũ trụ giữa các chúa tể "nguyệt tinh" của hệ, và những Thực Thể tương tự với các Chúa Tể thái dương trên các cấp độ vũ trụ. Chừng nào các đạo sinh của chúng ta chưa mở rộng khái niệm của mình để bao gồm trong các tính toán của họ các thể cảm dục và thể trí logoic, khi Logos tìm cách biểu lộ cảm xúc và trí tuệ trên cõi hồng trần (qua thể xác của Ngài, là một hệ mặt trời), thì họ sẽ không tiến xa được đến trung tâm của huyền nhiệm thái dương. Chừng nào mãnh lực của các Chúa Tể nguyệt tinh vũ trụ chưa được truy tìm, thì sự kiện có những chòm sao trọn vẹn bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta đang trong tiến trình tan rã trong thời gian và không gian theo cách tương tự như sự tan rã của mặt trăng sẽ không được biết đến, và các hiệu quả của điều này cũng sẽ không được truy nguyên. (TCF 834-835)

114. Because the devas of the systemic mental plane are the *lowest* manifestation of force emanating from the cosmic mental plane, we might infer that the systemic Agnishvattas are a somewhat *higher* manifestation of force emanating from the cosmic mental plane.

114. Bởi vì các thiên thần của cõi trí hệ thống là biểu hiện *thấp nhất* của mãnh lực phát ra từ cõi trí vũ trụ, chúng ta có thể suy ra rằng các Agnishvatta hệ thống là một biểu hiện *cao hơn* đôi chút của mãnh lực phát ra từ cõi trí vũ trụ.

115. The link between of systemic devas the cosmic devas is an important fact.

115. Mối liên kết giữa các thiên thần hệ thống và các thiên thần vũ trụ là một sự kiện quan trọng.

and finding its link with the human Hierarchy through the mental units.

và tìm thấy mối liên kết của mình với Huyền Giai nhân loại qua các đơn vị hạ trí.

116. A great deal is here being revealed.

116. Ở đây rất nhiều điều đang được tiết lộ.

117. We have a link from the lower cosmic mental plane, to the lower systemic mental plane and from thence to the mental units of human beings. We should ponder on this linking.

117. Chúng ta có một mối liên kết từ cõi hạ trí vũ trụ đến cõi hạ trí hệ thống và từ đó đến các đơn vị hạ trí của con người. Chúng ta nên suy ngẫm về sự nối kết này.

They [the lower mental devas] are the gaseous devas of the logoic physical body.

Họ [the lower mental devas] là các thiên thần thể khí của thể xác logoic.

118. We are speaking of the evolutionary devas of the systemic mental plane.

118. Chúng ta đang nói về các thiên thần thuộc thăng thượng tiến hoá của cõi trí hệ thống.

119. We might ask, "To what extent can the Agnishvattas who control the systemic higher mental plane be considered gaseous devas of the logoic physical body?"

119. Chúng ta có thể hỏi: "Ở mức độ nào các Agnishvatta kiểm soát cõi thượng trí hệ thống có thể được xem là các thiên thần thể khí của thể xác logoic?"

We will not deal with them in greater detail at this moment for as we study the subject of the fifth principle certain points will become clearer;

Hiện giờ chúng ta sẽ không bàn đến họ chi tiết hơn, vì khi nghiên cứu chủ đề về nguyên khí thứ năm, một số điểm nhất định sẽ trở nên sáng tỏ hơn;

120. We must keep clear and distinct in our minds the discussions concerning the Agnishvattas which control the systemic higher mental plane and those evolutionary devas who are *more lunar* (whatever their name might be) in nature and who control the systemic lower mental plane.

120. Chúng ta phải giữ thật rõ ràng và phân biệt trong trí óc mình các bàn luận liên quan đến các Agnishvatta kiểm soát cõi thượng trí hệ thống và các thiên thần thuộc thăng thượng tiến hoá có bản chất *nguyệt tinh hơn* (dù tên gọi của họ là gì) và kiểm soát cõi hạ trí hệ thống.

121. This section of the book is given mostly to the Agnishvattas (considered as the Lords

121. Phần này của sách chủ yếu dành cho các Agnishvatta (được xem như các Chúa Tể

of the systemic *higher* mental plane. Information on the evolutionary devas of the lower mental plane will also be found and must be attended to closely.

của cõi *thượng* trí hệ thống. Thông tin về các thiên thần thuộc thăng thượng tiến hoá của cõi hạ trí cũng sẽ được tìm thấy và phải được chú ý kỹ lưỡng.

their work in connection with man can be enlarged upon as we proceed.

công việc của họ liên hệ với con người có thể được khai triển thêm khi chúng ta tiếp tục.

More detail at this moment would but serve to complicate.

Chi tiết hơn vào lúc này chỉ làm cho vấn đề thêm phức tạp.

96. DK as pedagogue is cautious.

96. Chân sư DK với tư cách nhà sư phạm là người thận trọng.

Let us be quite clear in our minds just what we are in process of considering. We are dealing with:

Chúng ta hãy thật rõ ràng trong trí óc mình về chính điều mà chúng ta đang xem xét. Chúng ta đang bàn đến:

1. That fifth state of consciousness called the mental plane,

1. Trạng thái tâm thức thứ năm ấy được gọi là cõi trí,

97. This is the case whether we are speaking of the systemic mental plane or the cosmic mental plane.

97. Điều này đúng dù chúng ta đang nói về cõi trí hệ thống hay cõi trí vũ trụ.

2. The substance of that plane as it exists in its dual aspect, rupa and arupa,[22] [see pages 615, 616]

2. Chất liệu của cõi ấy như nó tồn tại trong phương diện kép của nó, rupa và arupa,22 [see pages 615, 616]

98. This is true of both the *systemic* mental plane and the *cosmic* mental plane.

98. Điều này đúng cho cả cõi trí *hệ thống* lẫn cõi trí *vũ trụ*.

99. Rupa means “form”. Arupa means “formless”.

99. Rupa có nghĩa là “hình tướng”. Arupa có nghĩa là “vô tướng”.

3. The lives who ensoul that matter, especially in their relation to man,

3. Các sự sống phú linh chất liệu ấy, đặc biệt trong liên hệ của họ với con người,

100. There are lives who ensoul rupa levels and those who ensoul arupa levels.

100. Có những sự sống phú linh các cấp độ rupa và những sự sống phú linh các cấp độ arupa.

101. When thinking about the systemic mental plane, the Agnishvattas ensoul the arupa levels of the systemic mental plane and the mental evolutionary devas ensoul the lower four rupa levels of the systemic mental plane.

101. Khi suy nghĩ về cõi trí hệ thống, các Agnishvatta phú linh các cấp độ arupa của cõi trí hệ thống và các thiên thần thuộc thăng thượng tiến hoá trí tuệ phú linh bốn cấp độ rupa thấp của cõi trí hệ thống.

4. The Egos or the self-conscious units who form the middle point in manifestation,

4. Các Chân ngã hay các đơn vị ngã thức tạo thành điểm ở giữa trong biểu hiện,

102. The Solar Angels are *more* than the Egos, but there would be no Egos without the participation of the Solar Angels. "Having pervaded the entire universe with a fragment of myself, I remain."

102. Các Thái dương Thiên Thần còn *hơn* cả các Chân ngã, nhưng sẽ không có Chân ngã nếu không có sự tham dự của các Thái dương Thiên Thần. "Sau khi thấm nhuần toàn thể vũ trụ bằng một mảnh của chính ta, ta vẫn tồn tại."

103. They *form* the middle point but are not entirely the middle point.

103. Họ *tạo thành* điểm ở giữa nhưng không hoàn toàn là điểm ở giữa.

5. The building of the causal body, the opening of the egoic Lotus, and the construction of those groups we call egoic groups,

5. Việc xây dựng thể nguyên nhân, sự khai mở Hoa Sen Chân Ngã, và sự kiến tạo những nhóm mà chúng ta gọi là các nhóm chân ngã,

104. The initial building of the causal body takes place at individualization.

104. Việc xây dựng ban đầu của thể nguyên nhân diễn ra vào lúc biệt ngã hóa.

105. The opening of the causal body takes place over millions of years.

105. Sự khai mở của thể nguyên nhân diễn ra trong hàng triệu năm.

106. Egoic groups are based upon ray similarities and, to an extent, upon phases of egoic development.

106. Các nhóm chân ngã dựa trên những điểm tương đồng về cung và, ở một mức độ nào đó, trên các giai đoạn phát triển chân ngã.

107. They may also be grouped according to monadic ray.

107. Chúng cũng có thể được nhóm lại theo cung chân thần.

108. Just a little of what has been revealed about the constitution of egoic groups

108. Chỉ một ít điều đã được tiết lộ về cấu tạo của các nhóm chân ngã cũng cho thấy sự

shows how very logical and yet complex the formation of such groups can be.

hình thành của những nhóm như thế vừa rất hợp lý vừa rất phức tạp.

6. The individuality of those Existences whom we call:

6. Tính cá thể của những Hiện Hữu mà chúng ta gọi là:

a. Agnishvattas.

a. Agnishvattas.

b. Manasa devas.

b. Manasa devas.

c. Fire dhyanis.

c. Fire dhyanis.

d. Solar angels, or solar Pitris.

d. Các Thái dương Thiên Thần, hay thái dương tổ phụ.

e. The Asuras.

e. Các Asura.

and many other names mentioned in the occult books.

và nhiều tên gọi khác được nhắc đến trong các sách huyền bí học.

109. Here are five names for the Solar Angels or Solar Pitris.

109. Ở đây là năm tên gọi dành cho các Thái dương Thiên Thần hay thái dương tổ phụ.

110. We will have to watch carefully the name “Manas devas” to see to what rank of Agnishvatta it applies.

110. Chúng ta sẽ phải theo dõi cẩn thận tên gọi “Manas devas” để xem nó áp dụng cho cấp bậc Agnishvatta nào.

[Page 683]

[Page 683]

Much confusion exists in the minds of students as to **the distinction between the Agnishvattas who incarnated in man, and those who simply were responsible for the implanting of the manasic or mental spark in animal man.**

Trong trí óc của các đạo sinh tồn tại nhiều nhầm lẫn liên quan đến **sự phân biệt giữa các Agnishvatta đã nhập thể vào con người, và những vị chỉ chịu trách nhiệm cấy vào người thú tia lửa manas hay tia lửa trí tuệ.**

111. Here is mentioned a most important distinction.

111. Ở đây có nhắc đến một sự phân biệt hết sức quan trọng.

112. Many were the Agnishvattas who were responsible for implanting the manasic spark or mental spark in animal man.

112. Có rất nhiều Agnishvatta chịu trách nhiệm cấy tia lửa manas hay tia lửa trí tuệ vào người thú.

113. Far fewer were those who made the great sacrifice of incarnating in the "huge tabernacles of clay" which were the physical vehicles of animal man.

113. Ít hơn rất nhiều là những vị đã thực hiện sự hi sinh lớn lao là nhập thể vào những "nhà tạm bằng đất sét khổng lồ", vốn là các vận cụ hồng trần của người thú.

This opens up for us the entire question of individualisation itself, and the incarnation of certain spiritual existences who—when in bodily form—are spoken of as Avatars, as Buddhas of Activity, or as direct manifestations of the Logos.

Điều này mở ra cho chúng ta toàn bộ vấn đề về chính sự biệt ngã hóa, và sự nhập thể của một số hiện hữu tinh thần—những vị mà khi ở trong hình hài thể xác thì được gọi là các Đấng Hoá Thân, các Đức Phật Hoạt Động, hay những biểu hiện trực tiếp của Logos.

114. From this sentence we gather (apparently) that the process of individualization involved the Buddhas of Activity Who are also known as Avatars. We have been told, in fact, that one of the Buddhas of Activity was very much involved in the individualization process.

114. Từ câu này chúng ta rút ra được (dường như là) rằng tiến trình biệt ngã hóa có liên quan đến các Đức Phật Hoạt Động, các Ngài cũng được biết đến như các Đấng Hoá Thân. Thật vậy, chúng ta đã được cho biết rằng một trong các Đức Phật Hoạt Động đã liên quan rất nhiều đến tiến trình biệt ngã hóa.

115. It does not seem to be saying that the Solar Angels *are* Buddhas of Activity and Avatars, though it is possible that a Solar Angel, fully in incarnation, could be considered as an Avatar.

115. Dường như câu này không nói rằng các Thái dương Thiên Thần *là* các Đức Phật Hoạt Động và các Đấng Hoá Thân, dù có thể một Thái dương Thiên Thần, khi hoàn toàn nhập thể, có thể được xem như một Đấng Hoá Thân.

The entire mystery

Toàn bộ huyền nhiệm

116. Are we speaking of the Mystery of the Solar Angels or the mystery of difference between those Solar Angels who implanted the spark of mind in animal man and those who incarnated directly.

116. Chúng ta đang nói về Huyền nhiệm của các Thái dương Thiên Thần hay huyền nhiệm về sự khác biệt giữa những Thái dương Thiên Thần đã cấy tia lửa trí tuệ vào người thú và những vị đã trực tiếp nhập thể.

is hidden in the relationship of the individual Monads who form the various centres in the body of a planetary Logos and

được ẩn giấu trong mối liên hệ giữa các Chân thần cá biệt tạo thành các trung tâm khác nhau trong thân thể của một Hành Tinh

the self-conscious Identity of that planetary Logos Himself.

Thượng Đế và Bản Sắc ngã thức của chính Hành Tinh Thượng Đế ấy.

117. Human Monads (Monads within the Fourth Creative Hierarchy) go to the constitution of various of the centres of a Planetary Logos. This is also true of some deva Monads. Is it true of the Monads of Solar Angels? Or would this have been the case when the Solar Angels were human beings in a previous mahamanvantara?

117. Các Chân thần nhân loại (các Chân thần trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư) góp phần vào cấu tạo của nhiều trung tâm khác nhau của một Hành Tinh Thượng Đế. Điều này cũng đúng với một số Chân thần thiên thần. Có đúng như vậy đối với các Chân thần của các Thái dương Thiên Thần không? Hay điều này đã từng đúng khi các Thái dương Thiên Thần là những con người trong một Đại giai kỳ sinh hóa trước đó?

118. What is the relationship between a Planetary Logos and the monadic units who go to the constitution of His centres? And are Solar Angels to be numbered among such units? These are questions we cannot yet resolve.

118. Mối liên hệ giữa một Hành Tinh Thượng Đế và các đơn vị chân thần góp phần vào cấu tạo các trung tâm của Ngài là gì? Và các Thái dương Thiên Thần có được tính vào những đơn vị như thế không? Đây là những câu hỏi mà chúng ta chưa thể giải quyết.

119. We know that Solar Angels have or are Monads, and it is Monads which go to the constitution of the cosmic etheric centers of the Planetary Logos, but it is not certain on which systemic or *cosmic* plane the Monads of the Solar Angels may be focussed. Perhaps such Monads are focussed on the cosmic astral plane. If this were the case, any planetary logoic centers of which they might be constituent parts would be *cosmic astral centers.* Of course, if the analogy holds good, there will be cosmic astral chakras just as there are systemic astral chakras, etc.

119. Chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần có hoặc là các Chân thần, và chính các Chân thần góp phần vào cấu tạo các trung tâm dĩ thái vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế, nhưng không chắc các Chân thần của các Thái dương Thiên Thần có thể được tập trung trên cõi hệ thống hay cõi *vũ trụ* nào. Có lẽ các Chân thần như thế được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ. Nếu đúng như vậy, thì bất kỳ trung tâm hành tinh logoic nào mà chúng có thể là thành phần cấu tạo sẽ là các *trung tâm cảm dục vũ trụ.* Dĩ nhiên, nếu phép loại suy là đúng, sẽ có các luân xa cảm dục vũ trụ cũng như có các luân xa cảm dục hệ thống, v.v.

The student must here bear in mind the fact that the mental plane is the first aspect of the dense physical body of the planetary Logos, the buddhic plane being a cosmic etheric plane, and the one whereon are to be found the etheric centres of a Heavenly Man.

Ở đây đạo sinh phải ghi nhớ sự kiện rằng cõi trí là phương diện đầu tiên của thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế, còn cõi Bồ đề là một cõi dĩ thái vũ trụ, và là cõi nơi có thể tìm thấy các trung tâm dĩ thái của một Đấng Thiên Nhân.

120. This distinction seems clear enough.

120. Sự phân biệt này dường như đủ rõ ràng.

121. Can it truly be said that *all* the centers of a Heavenly Man are to be found on the buddhic plane? It would seem that certain of the centers (the ones of which human Monads most likely form a part) are to be found as well on the third and second cosmic ethers but, not the first cosmic ether —i.e., the atmic and monadic ethers, but not the logoic ether. This inference is gathered by studying Chart VIII, TCF 817, in which four chakras of man are to be found on the fourth *systemic* ether, the throat center on the third ether, the heart center on the second ether and the head center on the atomic ether.

121. Liệu có thể thật sự nói rằng *mọi* trung tâm của một Đấng Thiên Nhân đều được tìm thấy trên cõi Bồ đề không? Có vẻ như một số trung tâm nào đó (những trung tâm mà các Chân thần nhân loại rất có thể là một phần của chúng) cũng được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ ba và thứ hai, nhưng không phải dĩ thái vũ trụ thứ nhất—tức là các dĩ thái atma và chân thần, nhưng không phải dĩ thái logoic. Suy luận này được rút ra khi nghiên cứu Biểu đồ VIII, TCF 817, trong đó bốn luân xa của con người được tìm thấy trên dĩ thái *hệ thống* thứ tư, trung tâm cổ họng trên dĩ thái thứ ba, trung tâm tim trên dĩ thái thứ hai và trung tâm đầu trên dĩ thái nguyên tử.

122. The analogy (if valid) probably breaks down when comparing the systemic atomic ether with the *cosmic* atomic ether (the logoic plane) because the human Monad, from what our diagrams indicate, can (as a Monad within a monadic vehicle) ascend no higher than the monadic plane (and still maintain the kind of monadic structure it now possesses). Of course, it *can and must* ascend beyond the monadic plane eventually, but this will be after the destruction of the "Temple of Ezekiel" on the monadic plane, and so that which we call the Monad will be differently habilitated.

122. Phép loại suy này (nếu có giá trị) có lẽ không còn đúng khi so sánh dĩ thái nguyên tử hệ thống với dĩ thái nguyên tử *vũ trụ* (cõi logoic), bởi vì Chân thần nhân loại, theo những gì các sơ đồ của chúng ta chỉ ra, có thể (với tư cách một Chân thần trong một vận cụ chân thần) thăng lên không cao hơn cõi chân thần (mà vẫn duy trì loại cấu trúc chân thần mà nó hiện có). Dĩ nhiên, cuối cùng nó *có thể và phải* thăng vượt quá cõi chân thần, nhưng điều này sẽ xảy ra sau sự hủy diệt của "Đền thờ Ezekiel" trên cõi chân thần, và khi đó cái mà chúng ta gọi là Chân thần sẽ được trang bị theo một cách khác.

123. If we are told that human Monads form part of the centers of the Planetary Logos and those center are on the buddhic plane, how is it that Monads-as-Monads (focussed on the monadic plane) can focus on the buddhic plane? The Monads so focussing would have to focus through a buddhic vehicle and if focussed on the atmic plane,

123. Nếu chúng ta được bảo rằng các Chân thần nhân loại tạo thành một phần của các trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế và các trung tâm ấy ở trên cõi Bồ đề, thì làm sao các Chân thần-với-tư-cách-Chân-thần (được tập trung trên cõi chân thần) lại có thể tập trung trên cõi Bồ đề? Các Chân thần tập trung như thế sẽ phải tập trung qua một vận cụ Bồ đề và nếu tập trung trên cõi atma, thì qua một

then through an atmic vehicle. These are, for us at least, mysteries.

vận cụ atma. Ít nhất đối với chúng ta, đây là những huyền nhiệm.

124. It makes one wonder *through which* centers of the Planetary Logos the human Monads may focus? There are seven great wheels upon the monadic plane. Are *those* the centers in which the human Monad is to be considered a constituent? Yet the Planetary Logos has chakras on planes other than the monadic!

124. Điều này khiến người ta tự hỏi *qua những* trung tâm nào của Hành Tinh Thượng Đế mà các Chân thần nhân loại có thể tập trung? Có bảy bánh xe lớn trên cõi chân thần. Liệu *những* trung tâm ấy có phải là những trung tâm mà Chân thần nhân loại được xem là một thành phần cấu tạo không? Tuy nhiên Hành Tinh Thượng Đế lại có các luân xa trên những cõi khác ngoài cõi chân thần!

From the buddhic plane (in a planetary or solar sense) comes the vitality and impulse which galvanises the dense physical vehicle into purposeful and coherent action;

Từ cõi Bồ đề (theo nghĩa hành tinh hay thái dương) phát ra sinh lực và xung lực làm cho vận cụ thể xác đậm đặc được tiếp sinh lực để hành động có mục đích và cố kết;

125. This makes sense of course. We would have to wonder why the higher cosmic ethers were not also sources of vitality for the dense physical vehicle. If we think of man, is not his throat center vitalized from the third systemic ether and his heart from the second?

125. Điều này dĩ nhiên là hợp lý. Chúng ta sẽ phải tự hỏi vì sao các dĩ thái vũ trụ cao hơn cũng không là những nguồn sinh lực cho vận cụ thể xác đậm đặc. Nếu nghĩ đến con người, chẳng phải trung tâm cổ họng của y được tiếp sinh lực từ dĩ thái hệ thống thứ ba và trung tâm tim từ dĩ thái hệ thống thứ hai sao?

126. Almost inevitably, the higher cosmic ethers would also have to be sources of vitalization, however, perhaps the vitalization of which the atmic cosmic ether and the monadic cosmic ether are the source would have to pass through the buddhic plane in order to reach the dense physical vehicle so the Planetary Logos.

126. Gần như tất yếu, các dĩ thái vũ trụ cao hơn cũng phải là những nguồn tiếp sinh lực; tuy nhiên, có lẽ sự tiếp sinh lực mà dĩ thái vũ trụ atma và dĩ thái vũ trụ chân thần là nguồn phát ra sẽ phải đi qua cõi Bồ đề để đến được vận cụ thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế.

it is on the mental plane, therefore, that this impulse is first felt and the contact between the two realised.

do đó, chính trên cõi trí mà xung lực này được cảm nhận đầu tiên và sự tiếp xúc giữa hai bên được chứng nghiệm.

127. As the lower mental plane is the first precipitation of the dense physical body of

127. Vì cõi hạ trí là sự ngưng tụ đầu tiên của thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế,

the Planetary Logos, it is on the lower mental plane that the first effect of cosmic etheric vitalization will be felt.

nên chính trên cõi hạ trí mà hiệu quả đầu tiên của sự tiếp sinh lực dĩ thái vũ trụ sẽ được cảm nhận.

128. The higher mental plane will also feel the effects of cosmic etheric vitalization, but whereas the egoic structures on the higher mental plane are in the dense physical plane of the *Solar* Logos, they are, from all appearances, *above* the dense physical plane of the *Planetary* Logos.

128. Cõi thượng trí cũng sẽ cảm nhận các hiệu quả của sự tiếp sinh lực dĩ thái vũ trụ, nhưng trong khi các cấu trúc chân ngã trên cõi thượng trí nằm trong cõi xác thân đậm đặc của *Thái dương* Thượng đế, thì theo mọi biểu hiện, chúng lại ở *trên* cõi xác thân đậm đặc của *Hành Tinh* Thượng Đế.

Herein lies a hint which will serve a purpose if pondered upon. The student should study the place and purpose of the mental plane, and its relation to the planetary Logos and a solar Logos.

Chính trong đây có một gợi ý sẽ hữu ích nếu được suy ngẫm. Đạo sinh nên nghiên cứu vị trí và mục đích của cõi trí, cùng mối liên hệ của nó với Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế.

129. We have suggested some thoughts concerning the relationship of the Planetary Logos and Solar Logos to the lower part of the cosmic gaseous plane.

129. Chúng ta đã gợi ra một số tư tưởng liên quan đến mối liên hệ của Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế với phần thấp của cõi thể khí vũ trụ.

130. For the Planetary Logos, the *lower* mental plane is the first precipitation of His dense physical plane (or more specifically, his lower mental body is the first precipitation within His dense physical body). For the Solar Logos, the *higher* mental plane is the first precipitation of His dense physical plane (and more specifically, the higher mental plane holds the first precipitation of the solar logoic dense physical body).

130. Đối với Hành Tinh Thượng Đế, cõi trí *thấp* là sự ngưng tụ đầu tiên của cõi xác thân đậm đặc của Ngài (hay nói chính xác hơn, thể hạ trí của Ngài là sự ngưng tụ đầu tiên bên trong thể xác đậm đặc của Ngài). Đối với Thái dương Thượng đế, cõi trí *cao* là sự ngưng tụ đầu tiên của cõi xác thân đậm đặc của Ngài (và nói cụ thể hơn, cõi thượng trí chứa sự ngưng tụ đầu tiên của thể xác đậm đặc thái dương logoic).

131. The gaseous plane always serves as a linking intermediary between the ethers, the liquid and truly dense portions of the dense physical body whether of a Logos or a man.

131. Cõi thể khí luôn đóng vai trò trung gian nối kết giữa các dĩ thái, phần lỏng và các phần thật sự đậm đặc của thể xác đậm đặc, dù là của một Logos hay của con người.

132. Hence the special effectiveness of breathing exercises to bring etheric

132. Do đó có hiệu quả đặc biệt của các bài tập thở trong việc đưa sự tiếp sinh lực dĩ thái

vitalization into the lowest levels of the dense physical body—whether of a man or a greater Logos.

vào các cấp độ thấp nhất của thể xác đậm đặc—dù là của con người hay của một Logos lớn hơn.

As he investigates more closely the nature of his own etheric body, he must extend that knowledge to higher levels, and must endeavour to comprehend the constitution of the greater sphere of which he is but a part.

Khi y khảo sát kỹ hơn bản chất của chính thể dĩ thái của mình, y phải mở rộng tri thức ấy lên các cấp độ cao hơn, và phải cố gắng thấu hiểu cấu tạo của khối cầu lớn hơn mà y chỉ là một phần của nó.

133. This we have been attempting to do, and it is this attempt which leads us to speculate upon the role of chakras on the higher cosmic ethers in the vitalization of the dense physical vehicle of the Planetary Logos and Solar Logos.

133. Đây là điều chúng ta đã cố gắng thực hiện, và chính nỗ lực này dẫn chúng ta đến chỗ suy đoán về vai trò của các luân xa trên các dĩ thái vũ trụ cao hơn trong việc tiếp sinh lực cho vận cụ thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

As the nature of his own centres, and their effective action upon his own dense physical body, is better understood, he will pass to a fuller comprehension of the corresponding effect in the body of the Logos.

Khi bản chất của các trung tâm của chính y, và tác động hữu hiệu của chúng lên chính thể xác đậm đặc của y, được hiểu rõ hơn, y sẽ tiến đến một sự thấu hiểu đầy đủ hơn về hiệu quả tương ứng trong thể của Logos.

134. From our own experience we will be able to generalize to a more factual understanding of the functioning of parallel structures in the Planetary Logos and the Solar Logos.

134. Từ kinh nghiệm của chính mình, chúng ta sẽ có thể khái quát hóa thành một sự hiểu biết thực tế hơn về hoạt động của các cấu trúc song hành trong Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

a. At this time in our development, we are undertaking increasing etheric vitalization. We are seeking a more direct and conscious contact between our etheric body and our dense physical body. This will be one of the major objectives of the very *etherically-focused* Aquarian Age.

a. Vào lúc này trong sự phát triển của chúng ta, chúng ta đang đảm nhận sự tiếp sinh lực dĩ thái ngày càng tăng. Chúng ta đang tìm kiếm một sự tiếp xúc trực tiếp và hữu thức hơn giữa thể dĩ thái và thể xác đậm đặc của mình. Đây sẽ là một trong những mục tiêu lớn của Kỷ Nguyên Bảo Bình rất *tập trung vào dĩ thái*.

It is on the mental plane (the reflection in the three worlds of the third and fifth states

Chính trên cõi trí (sự phản chiếu trong ba cõi giới của trạng thái thứ ba và thứ năm của

of Pleroma), that the full force of etheric vitality is felt.

Pleroma), mà toàn bộ mãnh lực của sinh lực dĩ thái được cảm nhận.

135. The mental plane borders the etheric planes and so it is natural that it would feel the full force of etheric vitality.

135. Cõi trí tiếp giáp với các cõi dĩ thái, vì vậy việc nó cảm nhận toàn bộ mãnh lực của sinh lực dĩ thái là điều tự nhiên.

136. Further, the element of "air" so closely associated with the etheric levels (especially the fourth etheric) can also be assigned with reason to the lower mental subplanes.

136. Hơn nữa, yếu tố "khí" gắn bó rất chặt với các cấp độ dĩ thái (đặc biệt là dĩ thái thứ tư) cũng có thể được gán một cách hợp lý cho các cõi phụ hạ trí.

137. Let us think of the states of Pleroma as the seven dimensions of the cosmic physical plane. The fifth state of Pleroma is, in this instance, the higher mental plane. The third state of Pleroma would be the third cosmic ether, the atmic plane.

137. Chúng ta hãy nghĩ về các trạng thái của Pleroma như bảy chiều kích của cõi hồng trần vũ trụ. Trong trường hợp này, trạng thái thứ năm của Pleroma là cõi thượng trí. Trạng thái thứ ba của Pleroma sẽ là dĩ thái vũ trụ thứ ba, tức cõi atma.

138. When DK speaks of "the three worlds", does He speak only of the lower mental plane and planes below or is the higher mental plane, in this instance, included?

138. Khi Chân sư DK nói về "ba cõi giới", liệu Ngài chỉ nói về cõi hạ trí và các cõi bên dưới, hay trong trường hợp này cõi thượng trí cũng được bao gồm?

A hint as to the [Page 684] significance of this

Một gợi ý về [Page 684] thâm nghĩa của điều này

139. That the full force of cosmic etheric vitality is to be felt on the systemic mental plane…

139. rằng toàn bộ mãnh lực của sinh lực dĩ thái vũ trụ sẽ được cảm nhận trên cõi trí hệ thống…

may be found in the fact that the etheric body of man receives, and transmits prana directly to the physical body,

có thể được tìm thấy trong sự kiện rằng thể dĩ thái của con người tiếp nhận và truyền prana trực tiếp đến thể xác,

140. This is probably accomplished via the gaseous layer of the systemic dense physical subplanes and is related to the physical breath.

140. Điều này có lẽ được thực hiện qua lớp thể khí của các cõi phụ xác thân đậm đặc hệ thống và có liên hệ với hơi thở hồng trần.

and that the vitality of the physical frame is to be gauged largely by the condition and action of the heart.

và rằng sinh lực của khung thể xác phần lớn được đo bằng tình trạng và hoạt động của tim.

141. The etheric heart center for man is situated, we are shown, on the second systemic ether and transmits its vitality through the chakras on the fourth systemic ether and thence via the dense gaseous subplane.

141. Trung tâm tim dĩ thái của con người, như chúng ta được chỉ ra, nằm trên dĩ thái hệ thống thứ hai và truyền sinh lực của nó qua các luân xa trên dĩ thái hệ thống thứ tư rồi từ đó qua cõi phụ thể khí đậm đặc.

142. Since the fourth cosmic ether is closely connected to the second ray and to the functioning of the planetary logoic heart center (the Hierarchy), it is reasonable to assume that the human heart center is also closely connected with the fourth *systemic* ether, though its 'position' is shown on the second systemic ether (TCF, Chart VII, 817)

142. Vì dĩ thái vũ trụ thứ tư có liên hệ chặt chẽ với cung hai và với hoạt động của trung tâm tim hành tinh logoic (Thánh đoàn), nên hợp lý khi giả định rằng trung tâm tim của con người cũng liên hệ chặt chẽ với dĩ thái *hệ thống* thứ tư, dù "vị trí" của nó được chỉ ra là ở trên dĩ thái hệ thống thứ hai (TCF, Biểu đồ VII, 817)

143. Given the heart center's close relation to the second and fourth cosmic and systemic ethers, we can infer that the relation of these ethers to the dense physical body of either man or a greater Logos determines the vitality of that dense physical body.

143. Với mối liên hệ chặt chẽ của trung tâm tim với dĩ thái thứ hai và thứ tư, cả vũ trụ lẫn hệ thống, chúng ta có thể suy ra rằng mối liên hệ của các dĩ thái này với thể xác đậm đặc của con người hay của một Logos lớn hơn quyết định sinh lực của thể xác đậm đặc ấy.

The heart circulates vitality to the myriads of cells that constitute the dense physical sheath;

Tim tuần hoàn sinh lực đến vô số tế bào cấu thành vỏ bọc thể xác đậm đặc;

144. The physical heart is the direct recipient of the vitality conferred upon the dense physical body by the etheric heart center.

144. Tim hồng trần là cơ quan tiếp nhận trực tiếp sinh lực được trung tâm tim dĩ thái ban cho thể xác đậm đặc.

145. We must remember that the heart is not only the seat of the energy of *love* but of the principle of *life*. The "life-thread" or sutratma is anchored in the heart.

145. Chúng ta phải nhớ rằng tim không chỉ là chỗ ngự của năng lượng *bác ái* mà còn của nguyên khí *sự sống*. "sinh mệnh tuyến" hay sutratma được neo trong tim.

146. The dense solar logoic heart (manifesting through the egoic groups) must analogically circulate vitality to the myriad of cells which constitute the dense physical body of the Solar Logos.

146. Theo phép loại suy, tim đậm đặc của Thái dương Thượng đế (biểu lộ qua các nhóm chân ngã) hẳn phải tuần hoàn sinh lực đến vô số tế bào cấu thành thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

something analogous is seen in the fact that these fire devas are "the Heart of the Dhyan chohanic body,"[23] [This name is given to them in *the Secret Doctrine, Vol. II,* p. 96] for their energy comes from the spiritual sun, in the same sense that the energy of the pranic devas of the etheric body comes from the physical sun.

một điều tương tự được thấy trong sự kiện rằng các thiên thần lửa này là "Trái Tim của thể Dhyan chohanic,"23 [Tên gọi này được dành cho họ trong *Giáo Lý Bí Nhiệm, Tập II,* tr. 96] vì năng lượng của họ đến từ mặt trời tinh thần, theo cùng ý nghĩa mà năng lượng của các thiên thần prana của thể dĩ thái đến từ mặt trời vật chất.

147. We are still speaking of the Solar Angels or Agnishvattas. They are considered “the Heart of the Dhyan chohanic body”.

147. Chúng ta vẫn đang nói về các Thái dương Thiên Thần hay Agnishvatta. Họ được xem là “Trái Tim của thể Dhyan chohanic”.

148. We have an analogy between “pranic devas” and “fire devas” or “Fire Dhyanis”.

148. Chúng ta có một phép loại suy giữa “các thiên thần prana” và “các thiên thần lửa” hay “Fire Dhyanis”.

149. We are told of a “spiritual sun”. Elsewhere we are told of a “subjective sun” and, of course, of the Heart of the Sun.

149. Chúng ta được nói đến một “mặt trời tinh thần”. Ở nơi khác, chúng ta được nói đến một “mặt trời chủ quan” và dĩ nhiên là Trái Tim của Mặt Trời.

150. Does the term “spiritual sun” refer only to the Heart of the Sun or also to the Central Spiritual Sun? We are told that the Solar Angels, depending on what type they are, come from *both.*

150. Thuật ngữ “mặt trời tinh thần” có chỉ riêng Trái Tim của Mặt Trời hay còn chỉ cả Mặt trời Tinh thần Trung Ương? Chúng ta được cho biết rằng các Thái dương Thiên Thần, tùy theo loại của họ, đến từ *cả hai.*

The four lower groups of solar Pitris return to the heart of the subjective sun, or to that inmost centre of the system from whence they came, whilst the three higher groups are carried (by the force and energy generated in the fiery furnace and blaze, and through the stimulation produced by the blazing forth of the central jewel) straight to

Bốn nhóm thấp của các thái dương tổ phụ quay về trái tim của mặt trời chủ quan, hay về trung tâm nội tại nhất của hệ thống mà từ đó các Ngài đã đến, trong khi ba nhóm cao được mang đi (bởi mãnh lực và năng lượng được tạo ra trong lò lửa và ngọn lửa rực cháy, và nhờ sự kích thích do viên ngọc trung tâm bừng sáng tạo nên) thẳng đến Mặt trời Tinh

the central spiritual sun, there to abide until another kalpa calls them forth to sacrifice Themselves, this time as planetary Logoi. (TCF 878)

thần Trung Ương, để ở đó cho đến khi một kalpa khác gọi các Ngài ra để hi sinh Chính Mình, lần này như các Hành Tinh Thượng Đế. (TCF 878)

This energy of the Agnishvattas manifests on the mental plane, the gaseous subplane of the cosmic physical just as the energy of the etheric centres on the fourth etheric subplane manifests first and potently on the gaseous matter of the physical body.

Năng lượng này của các Agnishvatta biểu hiện trên cõi trí, cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ, cũng như năng lượng của các trung tâm dĩ thái trên cõi phụ dĩ thái thứ tư của cõi biểu hiện trước tiên và mạnh mẽ trên vật chất khí của thể xác.

151. The analogy is clear. The gaseous subplane (whether systemic or cosmic) is the most receptive to etheric vitality.

151. Sự tương đồng thì rõ ràng. Cõi phụ khí (dù thuộc hệ thống hay vũ trụ) là cõi dễ tiếp nhận sinh lực dĩ thái nhất.

152. If the gaseous subplane of the systemic etheric-physical plane is the conduit to the systemic dense and liquid subplanes, then the lower mental plane must be the conduit for cosmic etheric vitality to the *cosmic* dense and liquid subplanes—our systemic astral plane and systemic etheric-physical plane.

152. Nếu cõi phụ khí của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống là ống dẫn đến các cõi phụ đậm đặc và lỏng của hệ thống, thì cõi hạ trí hẳn phải là ống dẫn cho sinh lực dĩ thái vũ trụ đến các cõi phụ đậm đặc và lỏng *vũ trụ*—tức cõi cảm dục hệ thống và cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống của chúng ta.

This is why the Sons of Wisdom, embodying the buddhic principle, the life force, or love aspect, are nevertheless known on the fifth plane as the self-conscious principles;

Đây là lý do vì sao các Con của Minh Triết, hiện thân nguyên khí Bồ đề, sinh lực, hay phương diện bác ái, tuy vậy vẫn được biết đến trên cõi thứ năm như các nguyên khí tự-ngã-thức;

153. The term “Sons of Wisdom” is another name for the Solar Angels.

153. Thuật ngữ “Các Con của Minh Triết” là một tên gọi khác của các Thái dương Thiên Thần.

154. It is clear that the Sons of Wisdom are even more closely related to the buddhic principle than to mind (as it is found on the higher systemic mental plane). This being the case, the higher mental plane *cannot* apply when we speak of the “soul on its own plane”. Its own plane must be higher than the mental.

154. Rõ ràng là các Con của Minh Triết còn liên hệ mật thiết với nguyên khí Bồ đề hơn cả với trí tuệ (như nó được tìm thấy trên cõi thượng trí hệ thống). Nếu vậy, cõi thượng trí *không thể* được áp dụng khi chúng ta nói về “linh hồn trên cõi riêng của nó”. Cõi riêng của nó hẳn phải cao hơn cõi trí.

155. There is a very close connection between buddhi and manas.

155. Có một mối liên hệ rất mật thiết giữa Bồ đề và manas.

156. The egoic lotus or vehicle of the Solar Angel is largely inspired by buddhi and is largely a representative of buddhic energy.

156. Hoa Sen Chân Ngã hay vận cụ của Thái dương Thiên Thần phần lớn được Bồ đề truyền cảm hứng và phần lớn là một đại diện của năng lượng Bồ đề.

157. Notice the equivalence between the buddhic principle, the life force and love aspect. Both love and life are centered in the heart, which is the centre, above all, which gives access to the buddhic plane.

157. Hãy lưu ý sự tương đương giữa nguyên khí Bồ đề, sinh lực và phương diện bác ái. Cả bác ái lẫn sự sống đều tập trung nơi tim, là trung tâm, trên hết, mở lối vào cõi Bồ đề.

158. Another way of putting this is that if we wish to *live*, we must *love*.

158. Một cách nói khác là nếu chúng ta muốn *sống*, chúng ta phải *yêu thương*.

buddhi uses manas as a vehicle, and occult writers often speak in terms of the vehicle.

Bồ đề dùng manas như một vận cụ, và các tác giả huyền bí học thường nói theo thuật ngữ của vận cụ.

159. The soul, is the soul of love. Manas is the instrument of buddhi. Buddhi is the Christ Principle which gradually infuses the egoic lotus which is its instrument in the dense physical vehicle of the Solar Logos. The egoic lotus is meant to be the instrument of buddhi.

159. Linh hồn là linh hồn của bác ái. Manas là công cụ của Bồ đề. Bồ đề là Nguyên khí Christ, dần dần thấm nhuần Hoa Sen Chân Ngã là công cụ của nó trong vận cụ hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Hoa Sen Chân Ngã được dự định là công cụ của Bồ đề.

The Ego, or the self-conscious Identity **is in essence and in truth Love-Wisdom**, but manifests primarily as intelligent consciousness.

Chân ngã, hay Bản Sắc tự-ngã-thức, **về bản chất và trong chân lý là Bác Ái – Minh Triết**, nhưng biểu hiện chủ yếu như tâm thức thông minh tự giác.

160. The innermost petals of the egoic lotus arose from a downflow of buddhic energy.

160. Những cánh hoa trong cùng của Hoa Sen Chân Ngã phát sinh từ một dòng năng lượng Bồ đề tuôn xuống.

161. It may be said that when the egoic lotus is on the verge of destruction that it carries the maximum of Love-Wisdom of which it is capable.

161. Có thể nói rằng khi Hoa Sen Chân Ngã ở bên bờ hủy diệt, nó mang mức Bác Ái – Minh Triết tối đa mà nó có khả năng mang.

162. The transition within the Ego from intelligent consciousness to Love-Wisdom begins at the first initiation.

162. Sự chuyển tiếp bên trong Chân ngã từ tâm thức thông minh sang Bác Ái – Minh Triết bắt đầu ở lần điểm đạo thứ nhất.

163. The Ego, as "the self-conscious Identity" is not the same thing as the Solar Angel. The real Ego is the spiritual triad and is reflected on the higher mental plane as the egoic lotus.

163. Chân ngã, với tư cách "Bản Sắc tự-ngã-thức", không phải là cùng một điều với Thái dương Thiên Thần. Chân ngã thực sự là Tam nguyên tinh thần và được phản chiếu trên cõi thượng trí như Hoa Sen Chân Ngã.

164. The "Ego" is man as a Higher Self, but not usually, man-the-Monad.

164. "Chân ngã" là con người như một Bản Ngã Cao Siêu, nhưng thường không phải là con người-như-chân thần.

165. The presence of the Solar Angel (and Solar Angels—as a number of manasadevas are involved in the manifestation of an egoic lotus) makes it possible for the Monad (through the spiritual triad) to become an Ego-in-expression on the higher mental plane.

165. Sự hiện diện của Thái dương Thiên Thần (và các Thái dương Thiên Thần—vì có một số manasadeva tham gia vào sự biểu hiện của một Hoa Sen Chân Ngã) khiến cho chân thần (thông qua Tam nguyên tinh thần) có thể trở thành một Chân ngã-đang-biểu-lộ trên cõi thượng trí.

We should endeavor to study carefully the following statement which is concerned with kama-manas, and which deals with the conditions which produce individualisation, or which call forth into self-conscious Being the Monads seeking full self-expression.

Chúng ta nên cố gắng nghiên cứu cẩn thận phát biểu sau đây liên quan đến trí-cảm, và bàn đến những điều kiện tạo ra sự biệt ngã hóa, hay gọi các chân thần đang tìm kiếm sự tự biểu lộ trọn vẹn đi vào Bản Thể tự-ngã-thức.

166. Before the point of individualization the Monads have many kinds of expression but have not yet expressed as limited self-conscious Beings, which, apparently, is a necessity.

166. Trước điểm biệt ngã hóa, các chân thần có nhiều loại biểu lộ nhưng chưa biểu lộ như những Bản Thể tự-ngã-thức hữu hạn, điều mà dường như là một tất yếu.

167. This is an important definition of Individualization—the calling forth of the Monads into self-consciousness Being.

It is as follows:

Only as the heart centre of a Heavenly Man (each in His cycle and each differing cyclically) becomes vitalised and attains a certain vibratory capacity does the individualisation of the Monads become possible under the Law.

168. The heart center of different Planetary Logoi awaken at different times according to different cycles.

169. It is the awakening of the heart center in a Planetary Logos that calls in Solar Angels so that the individualization of the Monad can become possible. At least this is the case during those systems in which the intervention of Beings (i.e., Agnishvattas) representing the fusing power of divine love is the order of the day, for individualization did not always occur through the intervention of Solar Angels.

170. The Solar Angels are called "Hearts of Fiery Love". Their ability to express buddhic love is, thus, evident. Their appearance correlates with the awakening of the heart center of the Planetary Logos in Whose body of manifestation they are serving.

171. Interestingly, the sources of the Solar Angels (Venus, proximately and Sirius, remotely) are both associated with the

167. Đây là một định nghĩa quan trọng về Biệt ngã hóa—sự gọi các chân thần đi vào Bản Thể tự-ngã-thức.

Nó như sau:

Chỉ khi trung tâm tim của một Đấng Thiên Nhân (mỗi Đấng trong chu kỳ của Ngài và mỗi Đấng khác nhau theo chu kỳ) được tiếp sinh lực và đạt đến một năng lực rung động nhất định thì sự biệt ngã hóa của các chân thần mới trở nên khả hữu dưới Định luật.

168. Trung tâm tim của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau thức tỉnh vào những thời điểm khác nhau theo những chu kỳ khác nhau.

169. Chính sự thức tỉnh của trung tâm tim trong một Hành Tinh Thượng Đế gọi các Thái dương Thiên Thần vào để sự biệt ngã hóa của chân thần có thể trở nên khả hữu. Ít nhất điều này đúng trong những hệ thống mà sự can thiệp của các Bản Thể (tức các Agnishvatta) đại diện cho quyền năng dung hợp của bác ái thiêng liêng là trật tự đang chi phối, vì sự biệt ngã hóa không phải lúc nào cũng xảy ra thông qua sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần.

170. Các Thái dương Thiên Thần được gọi là "Những Trái Tim của Bác Ái Rực Lửa". Vì thế, khả năng biểu lộ bác ái Bồ đề của các Ngài là điều hiển nhiên. Sự xuất hiện của các Ngài tương ứng với sự thức tỉnh của trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế mà trong thể biểu hiện của Ngài các Ngài đang phụng sự.

171. Điều thú vị là các nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần (Sao Kim, gần; và Sirius, xa) đều gắn liền với sự biểu lộ của trí-cảm—chủ đề của phần này trong Cổ Luận.

expression of kama-manas—the subject of this section from the Old Commentary.

172. There is present in this section of text the implication that the monadic plane must be involved in the coming forth of the Solar Angels. If the heart center of the Heavenly Man is found on the second cosmic ether just as the heart center of the human being is found on the second *systemic* ether, then the awakening of the planetary logoic heart center involves the systemic monadic plane and brings a new type of activation to the human Monads, and probably to the devic Monads which are also to be found upon the systemic monadic plane.

173. The Spiritual Hierarchy is said to be the heart center of the Planetary Logos. Usually the Spiritual Hierarchy is considered to be 'located' upon the buddhic plane, but we can see that this 'location' is far too restrictive. Masters of the Wisdom are focussed atmically as well as buddhically, and the Christ (as Head of the Hierarchy) can focus on the logoic plane. Chohans in the Hierarchy can, by implication, focus monadically, on the second cosmic ether.

174. In some way, therefore, it seems that the heart center of the Heavenly Man (if we consider that heart center as the Spiritual Hierarchy) involves all or almost all of the cosmic ethers and must not exclude the monadic plane (whereon the solar logoic cosmic etheric heart center should find its location).

175. It is at this point that we look for the relative closeness of analogies. There is usually a very close analogy between the human being and the Solar Logos, so that the heart center of the human being (found on the second systemic etheric subplane)

172. Trong phần văn bản này có hàm ý rằng cõi chân thần hẳn phải tham dự vào sự xuất hiện của các Thái dương Thiên Thần. Nếu trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ hai cũng như trung tâm tim của con người được tìm thấy trên dĩ thái *hệ thống* thứ hai, thì sự thức tỉnh của trung tâm tim hành tinh logoic liên quan đến cõi chân thần hệ thống và mang đến một loại hoạt hóa mới cho các chân thần nhân loại, và có lẽ cả cho các chân thần thiên thần cũng được tìm thấy trên cõi chân thần hệ thống.

173. Thánh đoàn tinh thần được nói là trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế. Thông thường Thánh đoàn tinh thần được xem là 'tọa lạc' trên cõi Bồ đề, nhưng chúng ta có thể thấy rằng 'vị trí' này quá hạn hẹp. Các Chân sư Minh triết tập trung ở atma cũng như ở Bồ đề, và Đức Christ (với tư cách là Vị đứng đầu Thánh Đoàn) có thể tập trung trên cõi logoic. Các Chohan trong Thánh Đoàn, theo hàm ý, có thể tập trung một cách chân thần, trên dĩ thái vũ trụ thứ hai.

174. Vì vậy, dường như theo một cách nào đó, trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân (nếu chúng ta xem trung tâm tim ấy là Thánh đoàn tinh thần) bao gồm toàn bộ hay gần như toàn bộ các dĩ thái vũ trụ và không được loại trừ cõi chân thần (nơi trung tâm tim dĩ thái vũ trụ của Thái dương Thượng đế nên được đặt tại đó).

175. Chính tại điểm này chúng ta tìm kiếm sự gần gũi tương đối của các phép tương đồng. Thường có một sự tương đồng rất gần giữa con người và Thái dương Thượng đế, đến nỗi trung tâm tim của con người (được tìm thấy trên cõi phụ dĩ thái hệ thống thứ

should suggest a solar logoic etheric heart center on the second *cosmic* etheric subplane.

hai) phải gợi ý một trung tâm tim dĩ thái của Thái dương Thượng đế trên cõi phụ dĩ thái *vũ trụ* thứ hai.

176. But what of the Planetary Logos or Heavenly Man? Should His heart center *also* be found on the systemic monadic plane, or should it be found one plane 'lower' on the systemic atmic plane, or even on the systemic buddhic plane (presently, the major focus of the Spiritual Hierarchy and the major field of expression, eventually, for the human Monad)?

176. Nhưng còn Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân thì sao? Trung tâm tim của Ngài *cũng* nên được tìm thấy trên cõi chân thần hệ thống, hay nên được tìm thấy thấp hơn một cõi trên cõi atma hệ thống, hay thậm chí trên cõi Bồ đề hệ thống (hiện nay là tiêu điểm chính của Thánh đoàn tinh thần và về sau là lĩnh vực biểu lộ chủ yếu của chân thần nhân loại)?

177. The analogy concerning the relative positioning of chakras is closer between man and the Solar Logos than between man and the Planetary Logos or Heavenly Man.

177. Sự tương đồng liên quan đến vị trí tương đối của các luân xa gần gũi hơn giữa con người và Thái dương Thượng đế so với giữa con người và Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân.

178. One other point: if it is Monads, per se, (human and deva) which go to the constitution of the chakras of the Planetary Logos/Heavenly Man, then, in some way, the seven chakras of the Heavenly Man must be found upon the systemic monadic plane. If we check TCF, Chart V, 344 we notice that on the cosmic monadic plane there are seven large circles which must represent vast cosmic chakras. If we analogize to the systemic monadic plane, we would also find seven large circles which could be considered etheric chakras in a Planetary Logos and a Solar Logos.

178. Một điểm khác nữa: nếu chính các chân thần (nhân loại và thiên thần) cấu thành nên các luân xa của Hành Tinh Thượng Đế/ Đấng Thiên Nhân, thì theo một cách nào đó, bảy luân xa của Đấng Thiên Nhân hẳn phải được tìm thấy trên cõi chân thần hệ thống. Nếu chúng ta kiểm tra TCF, Biểu đồ V, 344, chúng ta nhận thấy rằng trên cõi chân thần vũ trụ có bảy vòng tròn lớn hẳn phải tượng trưng cho những luân xa vũ trụ bao la. Nếu chúng ta suy theo sự tương đồng đến cõi chân thần hệ thống, chúng ta cũng sẽ thấy bảy vòng tròn lớn có thể được xem là các luân xa dĩ thái trong một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế.

179. Regarding the etheric chakras of a Planetary Logos or Solar Logos We have three points of view which must be reconciled. Focusing on the Planetary Logoi —

179. Liên quan đến các luân xa dĩ thái của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, chúng ta có ba quan điểm phải được dung hòa. Tập trung vào các Hành Tinh Thượng Đế—

a. All the etheric chakras of a Planetary Logos are found on the systemic buddhic

a. Tất cả các luân xa dĩ thái của một Hành Tinh Thượng Đế đều được tìm thấy trên cõi

plane. (Analogically, this does not make sense, though DK seems to have suggested, more than once, that his is the case).

Bồ đề hệ thống. Theo phép tương đồng, điều này không hợp lý, dù Chân sư DK dường như đã gợi ý, hơn một lần, rằng đây là trường hợp như vậy.

b. Some of the etheric chakras are found on the systemic buddhic plane and others on still higher cosmic ethers. We also have to finally determine whether the higher mental plane should be considered *etheric* with respect to a Planetary Logos.

b. Một số luân xa dĩ thái được tìm thấy trên cõi Bồ đề hệ thống và những luân xa khác trên các dĩ thái vũ trụ còn cao hơn. Chúng ta cũng phải cuối cùng xác định liệu cõi thượng trí có nên được xem là *dĩ thái* đối với một Hành Tinh Thượng Đế hay không.

c. All of the chakras of a Planetary Logos are somehow prototypically represented on the systemic monadic plane as the human and deva Monads go to the formation of the chakras of a Planetary Logos. But as there are *two* sets of chakras—"the greater seven and the lesser seven"—in any human being, this may also be the case for the Planetary Logos and Solar Logos. Some quite interesting possibilities arise if this analogy is followed out.

c. Tất cả các luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế đều được biểu hiện nguyên mẫu theo một cách nào đó trên cõi chân thần hệ thống, vì các chân thần nhân loại và thiên thần góp phần vào sự hình thành các luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế. Nhưng vì trong bất kỳ con người nào cũng có *hai* bộ luân xa—"bảy lớn và bảy nhỏ"—nên điều này cũng có thể đúng đối với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế. Một số khả năng khá thú vị xuất hiện nếu phép tương đồng này được theo đuổi đến cùng.

d. Seven comments below, I offer a solution which relates the systemic monadic plane to the *head center* and *head centers* of the Planetary Logos and to the etheric *heart center* of the Solar Logos. (Is the heart center sevenfold just as head center is? There is reason to suspect this is the case and the section of the Old Commentary below points to this likelihood)

d. Bảy nhận xét bên dưới, tôi đưa ra một giải pháp liên hệ cõi chân thần hệ thống với *trung tâm đầu* và *các trung tâm đầu* của Hành Tinh Thượng Đế và với trung tâm *tim* dĩ thái của Thái dương Thượng đế. (Phải chăng trung tâm tim cũng thất phân như trung tâm đầu? Có lý do để nghi ngờ rằng đúng là như vậy và phần Cổ Luận bên dưới chỉ ra khả năng này)

e. If we think carefully, we can see that the problem of locating the chakras of Planetary Logos is a little complicated.

e. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta có thể thấy rằng vấn đề xác định vị trí các luân xa của Hành Tinh Thượng Đế có phần phức tạp.

Again, it is only as the threefold dense physical body of a planetary Logos (as expressed by our three worlds, the mental,

Một lần nữa, chỉ khi thể hồng trần đậm đặc tam phân của một Hành Tinh Thượng Đế (như được biểu lộ qua ba cõi giới của chúng ta, cõi trí,

180. Presumably the *lower* mental plane.

180. Có lẽ là cõi trí *hạ*.

astral and dense physical planes) has reached [Page 685] a corresponding vibration and retraced the cyclic development of the previous mahamanvantara, that there is produced that vibratory contact which causes the shining out upon the mental plane of the egoic groups.

cõi cảm dục và cõi hồng trần đậm đặc) đã đạt tới [Page 685] một rung động tương ứng và truy hồi sự phát triển theo chu kỳ của đại giai kỳ sinh hóa trước đó, thì mới tạo ra được sự tiếp xúc rung động gây nên sự chiếu sáng ra trên cõi trí của các nhóm chân ngã.

181. The dense physical body of the Planetary Logos does not include the higher mental plane.

181. Thể hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế không bao gồm cõi thượng trí.

182. When the heart center of the Planetary Logos becomes vitalized (as per the quoted section of the Old Commentary), then there arises the "shining out upon the mental plane of the egoic groups*.

182. Khi trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế được tiếp sinh lực (theo phần Cổ Luận được trích dẫn), thì phát sinh "sự chiếu sáng ra trên cõi trí của các nhóm chân ngã".

183. We are speaking of developmental recapitulation in the life of the Planetary Logos. When He is ready for the coming of the Solar Angels, He has reached the same stage of development as He achieved in the previous mahamanvantara—the previous solar system.

183. Chúng ta đang nói về sự tái diễn phát triển trong sự sống của Hành Tinh Thượng Đế. Khi Ngài sẵn sàng cho sự xuất hiện của các Thái dương Thiên Thần, Ngài đã đạt đến cùng giai đoạn phát triển mà Ngài đã đạt được trong đại giai kỳ sinh hóa trước—hệ mặt trời trước.

184. Incidentally, this is another confirmation of the fact that our Planetary Logos, and other Planetary Logoi, were present and active during the previous mahamanvantara.

184. Nhân tiện, đây là một sự xác nhận khác cho sự kiện rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và các Hành Tinh Thượng Đế khác, đã hiện diện và hoạt động trong đại giai kỳ sinh hóa trước.

It brings forth a manifestation of the heart impulses of the Heavenly Man, and thus swings into objectivity those Monads (energised by the life of the Heart) who form various centres.

Nó đưa ra một biểu hiện của các xung lực tim của Đấng Thiên Nhân, và như thế đưa vào tính khách quan những chân thần ấy (được tiếp năng lượng bởi sự sống của Trái Tim) là những chân thần tạo thành các trung tâm khác nhau.

185. All Monads (since they focus on the *second* cosmic ether) are examples of the "life of the Heart" (for the *second* principle is embodied in the heart) and find a source in the great Solar Logos, Who is a greater 'Heart of Fiery Love'—having both His personality and His soul upon the second ray of Love-Wisdom.

185. Mọi chân thần (vì chúng tập trung trên dĩ thái vũ trụ *thứ hai*) đều là những ví dụ của "sự sống của Trái Tim" (vì nguyên khí *thứ hai* được hiện thân trong tim) và tìm thấy một nguồn nơi Thái dương Thượng đế vĩ đại, Đấng là một "Trái Tim của Bác Ái Rực Lửa" lớn hơn—với cả phàm ngã lẫn linh hồn của Ngài đều ở trên cung hai Bác Ái – Minh Triết.

186. We can see that the awakening of the planetary heart center not only invokes the descent of Solar Angels but stimulates the *human Monads* (definitely) and, perhaps, deva Monads (in other ways, but not towards individualization as we understand that term).

186. Chúng ta có thể thấy rằng sự thức tỉnh của trung tâm tim hành tinh không chỉ khẩn cầu sự giáng hạ của các Thái dương Thiên Thần mà còn kích thích các *chân thần nhân loại* (chắc chắn) và có lẽ cả các chân thần thiên thần (theo những cách khác, nhưng không hướng đến sự biệt ngã hóa như chúng ta hiểu thuật ngữ đó).

187. There is no question but that the human Monads (found on the second, and thus heart-related systemic plane) are related to the etheric planetary heart center (as well as to the solar logoic etheric heart center). So when that planetary heart center awakens, the human Monads are especially stimulated. This stimulation contributes to their emergence into Self-conscious being—i.e., to the process of the individualization of those Monads.

187. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng các chân thần nhân loại (được tìm thấy trên cõi hệ thống thứ hai, và do đó liên hệ với tim) có liên hệ với trung tâm tim dĩ thái hành tinh (cũng như với trung tâm tim dĩ thái của Thái dương Thượng đế). Vì vậy khi trung tâm tim hành tinh ấy thức tỉnh, các chân thần nhân loại được kích thích đặc biệt. Sự kích thích này góp phần vào sự xuất hiện của chúng vào Bản Thể tự-ngã-thức—tức là vào tiến trình biệt ngã hóa của những chân thần ấy.

188. The systemic monadic plane seems, however, analogically related to the etheric *head c*enter of the Planetary Logos. When it is said that human Monads go to the constitution of the centers or chakras of a Planetary Logos, could we be speaking of the *seven head centers of chakras* each of which has control over one of the lesser centers (which, presumably) could be found upon lower cosmic ethers? We should ponder on this possibility, as it may help us resolve the discrepancy concerning the *location* of

188. Tuy nhiên, theo phép tương đồng, cõi chân thần hệ thống dường như liên hệ với trung tâm *đầu* dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế. Khi nói rằng các chân thần nhân loại góp phần vào sự cấu thành các trung tâm hay luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế, liệu chúng ta có thể đang nói đến *bảy luân xa đầu* mà mỗi luân xa kiểm soát một trong các trung tâm nhỏ hơn (mà có lẽ) có thể được tìm thấy trên các dĩ thái vũ trụ thấp hơn hay không? Chúng ta nên suy ngẫm về khả năng này, vì nó có thể giúp chúng ta giải quyết sự sai biệt liên quan đến

planetary logoic chakras to which I pointed within the last ten comments.

189. Individualization signals the emergence into objectivity of the Monads which go to the constitution of the various centers of the Planetary Logos.

190. We must be speaking of Monads of the Fourth Creative Hierarchy and not of deva Monads (who *also* go the constitution of the centers of a Heavenly Man) because deva Monads do not individualize in this manner.

191. The Solar Angels, for instance, individualized in "a" or "the" previous mahamanvantara altogether.

The old Commentary says:

"When the Heart of the Body throbs with spiritual energy, when its sevenfold content thrills under the spiritual impulse, then the currents spread and circulate and divine manifestation becomes a Reality; the divine Man incarnates."

192. The Body is that of the Planetary Logos. The "divine Man" is the Planetary Logos, but the analogy necessarily applies to the Solar Logos as well.

193. Every heart has a sevenfold content. The association of the number *four* with the heart is familiar. The number *seven* is also a heart number. It is suggested that every heart has seven streams of vital energy. Each stream is related to a monadic type.

vị trí của các luân xa hành tinh logoic mà tôi đã chỉ ra trong mười nhận xét vừa qua.

189. Biệt ngã hóa báo hiệu sự xuất hiện vào tính khách quan của các chân thần góp phần vào sự cấu thành các trung tâm khác nhau của Hành Tinh Thượng Đế.

190. Hẳn chúng ta đang nói đến các chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư chứ không phải các chân thần thiên thần (những vị *cũng* góp phần vào sự cấu thành các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân) bởi vì các chân thần thiên thần không biệt ngã hóa theo cách này.

191. Chẳng hạn, các Thái dương Thiên Thần đã biệt ngã hóa hoàn toàn trong "một" hay "đại giai kỳ sinh hóa" trước đó.

Cổ Luận nói:

"Khi Trái Tim của Thể rung động với năng lượng tinh thần, khi nội dung thất phân của nó rung lên dưới xung lực tinh thần, thì các dòng chảy lan tỏa và tuần hoàn và sự biểu hiện thiêng liêng trở thành một Thực Tại; con Người thiêng liêng nhập thể."

192. Thể ấy là thân thể của Hành Tinh Thượng Đế. "Con Người thiêng liêng" là Hành Tinh Thượng Đế, nhưng phép tương đồng tất yếu cũng áp dụng cho Thái dương Thượng đế.

193. Mỗi trái tim đều có một nội dung thất phân. Sự liên hệ của con số *bốn* với tim là điều quen thuộc. Con số *bảy* cũng là một con số của tim. Có ý kiến cho rằng mỗi trái tim có bảy dòng năng lượng sinh lực. Mỗi dòng liên hệ với một loại chân thần.

194. The currents are the heart energy of the Heavenly Man which bring the seven types of Monads into incarnation through their individualization.

194. Các dòng chảy là năng lượng tim của Đấng Thiên Nhân, đưa bảy loại chân thần vào lâm phàm thông qua sự biệt ngã hóa của chúng.

195. Essentially, however, there are only three types of *major* Monads (those on the first three rays) and so the other four types must be considered substance-categories of the major three types.

195. Tuy nhiên, về bản chất chỉ có ba loại chân thần *chính* (những chân thần trên ba cung đầu tiên), vì vậy bốn loại còn lại phải được xem là các phạm trù chất liệu của ba loại chính.

196. The Divine Man is the Planetary Logos and takes an incarnation through the newly manifesting Monads—manifesting through the power of the process of individualization.

196. Con Người thiêng liêng là Hành Tinh Thượng Đế và nhận một lần lâm phàm thông qua các chân thần mới biểu hiện—biểu hiện nhờ quyền năng của tiến trình biệt ngã hóa.

197. We cannot overlook the presence of the Solar Logos both behind and within this process. When the planetary heart (for instance of *our* Planetary Logos) awakened, there was necessarily an awakening within a chakra of the Solar Logos as well.

197. Chúng ta không thể bỏ qua sự hiện diện của Thái dương Thượng đế vừa ở đằng sau vừa ở bên trong tiến trình này. Khi trái tim hành tinh (chẳng hạn của *Hành Tinh Thượng Đế* của chúng ta) thức tỉnh, tất yếu cũng có một sự thức tỉnh bên trong một luân xa của Thái dương Thượng đế.

The physical plane analogy is seen at the life stimulation which is felt between the third and fourth month during the prenatal period, when the heart of the child thrills with life and individual existence becomes a possibility.

Phép tương đồng trên cõi hồng trần được thấy nơi sự kích thích sự sống được cảm nhận giữa tháng thứ ba và thứ tư trong thời kỳ tiền sản, khi trái tim của đứa trẻ rung lên với sự sống và sự tồn tại cá thể trở thành một khả năng.

198. This is the "quickening" which stimulates the heart of the unborn child.

198. Đây là sự "linh động hóa" kích thích trái tim của đứa trẻ chưa sinh.

199. We are being told that the stimulation of the heart makes "individual existence…a possibility". We see the close connection of the *heart* to *the appearance of the viable individual.* The heart will sustain the human being coming to birth. Before the heart awakens, the newly forming human being

199. Chúng ta được cho biết rằng sự kích thích của tim làm cho "sự tồn tại cá thể… trở thành một khả năng". Chúng ta thấy mối liên hệ mật thiết của *tim* với *sự xuất hiện của cá thể có khả năng sống được.* Tim sẽ duy trì con người đang đi đến sinh ra. Trước khi tim thức tỉnh, con người mới hình thành sẽ hoàn

would be completely dependent on the mother and the beating of the mother's heart.

toàn lệ thuộc vào người mẹ và nhịp đập của trái tim người mẹ.

200. Analogously, it is the awakening of the heart center of the Planetary Logos which makes His expression through individualized human existence a possibility. He begins to take an incarnation in a newly formed human kingdom.

200. Theo phép tương đồng, chính sự thức tỉnh của trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế làm cho sự biểu lộ của Ngài thông qua sự tồn tại nhân loại đã biệt ngã hóa trở thành khả hữu. Ngài bắt đầu nhận một lần lâm phàm trong một giới nhân loại mới được hình thành.

201. The human kingdom is the *fourth* kingdom, and the heart is the fourth center just as the buddhic plane from which stimulation arises (impulsed from the second plane) is the fourth plane and the intended, eventual field of expression of the Fourth Creative Hierarchy (the human Creative Hierarchy).

201. Giới nhân loại là *giới thứ tư*, và tim là trung tâm thứ tư cũng như cõi Bồ đề, từ đó sự kích thích phát sinh (được thúc đẩy từ cõi thứ hai), là cõi thứ tư và là lĩnh vực biểu lộ được dự định, về sau, của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư (Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại).

202. It is the stimulation of the fourth center which makes possible an incarnational appearance on the fifth, sixth and seventh planes.

202. Chính sự kích thích của trung tâm thứ tư làm cho sự xuất hiện lâm phàm trên các cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy trở nên khả hữu.

This life vibration emanates from the soul of the mother (the correspondence to the Pleroma or universal soul) and is coincident with the awakening of the third spirilla in the permanent physical atom of the infant.

Rung động sự sống này phát ra từ linh hồn của người mẹ (tương ứng với Pleroma hay linh hồn vũ trụ) và trùng hợp với sự thức tỉnh của loa tuyến thứ ba trong nguyên tử trường tồn hồng trần của đứa trẻ sơ sinh.

203. There are Pleiadian associations here. Alcyone at the center of the Pleiades is called "the Star of the Individual".

203. Ở đây có những liên hệ với Pleiades. Alcyone ở trung tâm Pleiades được gọi là "Ngôi Sao của Cá Thể".

204. The "life vibration" "from the soul of the mother" makes individual existence possible.

204. "Rung động sự sống" "từ linh hồn của người mẹ" làm cho sự tồn tại cá thể trở nên khả hữu.

205. Is the "soul of the mother" equivalent to the Anima Mundi? Is Pleroma the soul of the solar system? Is the solar system to be

205. "Linh hồn của người mẹ" có tương đương với Anima Mundi không? Pleroma có phải là linh hồn của hệ mặt trời không? Hệ

considered the “universe”, as that term is used here?

206. Is the awakening of the third spirilla signaling the awakening of viable *animal* life, for the physical mechanism is *animated* by the awakening of the inner and outer heart. The *ani*mal kingdom is the *third* kingdom and this *anima*tion occurs following the third month of pregnancy.

207. It may be that the moment of birth is coincident with the awakening (or re-stimulation in the infant) of the fourth spirilla, for the fourth spirilla awakened in the beings who were formerly animal man when the human kingdom came to birth.

208. In any case, there is a movement from the three to the four (the three considered as ‘lower’ than the four). The movement is from the third kingdom into the fourth, and from the life of the mother (third aspect) into an independent human unit of life (under the number four).

It must be borne in mind that just as in each round all the preceding stages are rapidly recapitulated, and just as in the prenatal period the foetus recapitulates during the formative process the history of the preceding kingdoms, so in the solar system a similar procedure can be seen.

209. The principle (as it applies to human biology) is—“Ontogeny recapitulates phylogeny”. The development of the individual recapitulates the evolutionary history of the race.

210. Apparently it was not long ago (in terms of planetary time) that the Planetary Logos succeeded in recapitulating His

mặt trời có nên được xem là “vũ trụ”, như thuật ngữ ấy được dùng ở đây, hay không?

206. Phải chăng sự thức tỉnh của loa tuyến thứ ba báo hiệu sự thức tỉnh của sự sống *động vật* khả dụng, vì bộ máy hồng trần được *tiếp sinh lực* bởi sự thức tỉnh của trái tim bên trong và bên ngoài. *Giới* động vật là giới *thứ ba* và sự *tiếp sinh lực* này xảy ra sau tháng thứ ba của thai kỳ.

207. Có thể khoảnh khắc sinh ra trùng hợp với sự thức tỉnh (hay tái kích thích nơi đứa trẻ) của loa tuyến thứ tư, vì loa tuyến thứ tư đã thức tỉnh nơi những hữu thể trước kia là người thú khi giới nhân loại ra đời.

208. Trong mọi trường hợp, có một sự chuyển động từ ba sang bốn (ba được xem là ‘thấp’ hơn bốn). Đó là sự chuyển động từ giới thứ ba sang giới thứ tư, và từ sự sống của người mẹ (phương diện thứ ba) sang một đơn vị sự sống nhân loại độc lập (dưới con số bốn).

Cần ghi nhớ rằng cũng như trong mỗi cuộc tuần hoàn mọi giai đoạn trước đó đều được tái diễn nhanh chóng, và cũng như trong thời kỳ tiền sản bào thai tái diễn trong tiến trình hình thành lịch sử của các giới đi trước, thì trong hệ mặt trời cũng có thể thấy một tiến trình tương tự.

209. Nguyên lý (khi áp dụng vào sinh học con người) là—“Sự phát triển cá thể tái diễn sự phát triển chủng loại”. Sự phát triển của cá thể tái diễn lịch sử tiến hoá của nhân loại.

210. Rõ ràng cách đây không lâu (xét theo thời gian hành tinh), Hành Tinh Thượng Đế đã thành công trong việc tái diễn sự phát

development in the previous solar system. This signaled the coming in of the Solar Angels.

triển của Ngài trong hệ mặt trời trước. Điều này báo hiệu sự đi vào của các Thái dương Thiên Thần.

211. Has the Solar Logos recapitulated His development in His immediately previous solar system? It would seem that He has, and perhaps the kinds of initiation our particular planet is undergoing is an indication of the completion of that recapitulation.

211. Thái dương Thượng đế đã tái diễn sự phát triển của Ngài trong hệ mặt trời ngay trước đó của Ngài chưa? Có vẻ như Ngài đã làm như vậy, và có lẽ những loại điểm đạo mà hành tinh đặc thù của chúng ta đang trải qua là một dấu hiệu cho sự hoàn tất của sự tái diễn ấy.

212. Apparently it was not long ago (in terms of planetary time) that the Planetary Logos succeeded in recapitulating His development in the previous solar system. This signaled the coming in of the Solar Angels.

212. Rõ ràng cách đây không lâu (xét theo thời gian hành tinh), Hành Tinh Thượng Đế đã thành công trong việc tái diễn sự phát triển của Ngài trong hệ mặt trời trước. Điều này báo hiệu sự đi vào của các Thái dương Thiên Thần.

213. Has the Solar Logos recapitulated His development in His immediately previous solar system? It would seem that He has, and perhaps the kinds of initiates our particular planet is undergoing is an indication of the completion of that recapitulation.

213. Thái dương Thượng đế đã tái diễn sự phát triển của Ngài trong hệ mặt trời ngay trước đó của Ngài chưa? Có vẻ như Ngài đã làm như vậy, và có lẽ những loại điểm đạo đồ mà hành tinh đặc thù của chúng ta đang trải qua là một dấu hiệu cho sự hoàn tất của sự tái diễn ấy.

214. Perhaps the ability of the Solar Logos to develop the human kingdom on a *system-wide basis,* is an indication the successful completion of that recapitulation.

214. Có lẽ khả năng của Thái dương Thượng đế trong việc phát triển giới nhân loại trên một *cơ sở toàn hệ thống,* là một dấu hiệu cho sự hoàn tất thành công của sự tái diễn ấy.

215. If various of the Planetary Logoi saw the coming in of the “returning Nirvanis” knows as Solar Angels, what type of Being may have ‘returned’ when the Solar Logos completed His recapitulation of previous development. It seems that they would have to have been still greater Beings than the Solar Angels—perhaps Beings in which the Solar Angels form a part, collectively.

215. Nếu nhiều Hành Tinh Thượng Đế đã chứng kiến sự đi vào của các “Nirvani trở về” được biết như các Thái dương Thiên Thần, thì loại Bản Thể nào có thể đã ‘trở về’ khi Thái dương Thượng đế hoàn tất sự tái diễn sự phát triển trước đây của Ngài. Có vẻ như các vị ấy hẳn phải là những Bản Thể còn vĩ đại hơn các Thái dương Thiên Thần—có lẽ là những Bản Thể mà các Thái dương Thiên Thần, xét tập thể, tạo thành một phần của các vị ấy.

When a certain point is reached and the lower three planes are vibrating, or energised, then **cosmic incarnation** becomes a possibility; the "Heart" occultly awakens, and the "Son of God," the expression of the desire and love of the Logos, is born.[24,25]

Khi đạt đến một điểm nhất định và ba cõi thấp đang rung động, hay được tiếp năng lượng, thì **sự lâm phàm vũ trụ** trở thành một khả năng; "Trái Tim" thức tỉnh một cách huyền bí, và "Con của Thượng đế", biểu hiện của dục vọng và bác ái của Thượng đế, được sinh ra.24,25

216. This is a recapitulatory sentence and one that very clearly shows the relationship between the occult awakening of the "Heart" and the appearance of an individualized "Son of God". However, we are now considering the matter in a cosmic context.

216. Đây là một câu tóm lược và là câu cho thấy rất rõ mối liên hệ giữa sự thức tỉnh huyền bí của "Trái Tim" và sự xuất hiện của một "Con của Thượng đế" đã biệt ngã hóa. Tuy nhiên, giờ đây chúng ta đang xét vấn đề này trong một bối cảnh vũ trụ.

217. Are we, however, speaking only of a Planetary Logos only, or could the statement equally be applied to our Solar Logos? Or to still greater Logoi?

217. Tuy nhiên, phải chăng chúng ta chỉ đang nói về một Hành Tinh Thượng Đế, hay phát biểu này cũng có thể được áp dụng ngang nhau cho Thái dương Thượng đế của chúng ta? Hay cho những Các Thượng đế còn vĩ đại hơn nữa?

218. If we take the microcosmic psycho-spiritual analogy, we shall see that the personality vehicles must reach a certain frequency of vibration before it is possible for the Solar Angel via the Ego to set up a conscious rapport with those vehicles.

218. Nếu lấy phép tương đồng tâm lý-tinh thần của tiểu thiên địa, chúng ta sẽ thấy rằng các vận cụ phàm ngã phải đạt đến một tần số rung động nhất định trước khi Thái dương Thiên Thần, thông qua Chân ngã, có thể thiết lập một sự tương giao hữu thức với các vận cụ ấy.

[24]: Compare S. D., I, 203; II, 108, 122, 279.

24: So sánh S. D., I, 203; II, 108, 122, 279.

[25]: These three planes are the correspondences to the three lower spirillae in the physical permanent atom of the solar Logos and the planetary Logos.

25: Ba cõi này là những tương ứng với ba loa tuyến thấp trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế.

219. We are familiar with the idea that for a Planetary Logos or Solar Logos *planes* are as spirillae.

219. Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng đối với một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, các *cõi* giống như các loa tuyến.

220. Notice that we are not here differentiating between the lower mental plane and the higher mental plane. The note simply speaks of the "three planes" as the correspondence to the three lower spirillae in the physical permanent atom of the Solar Logos *and* the Planetary Logos. Where as the three lower planes in their entirety are the correspondence to the three lower spirillae for the Solar Logos, one wonders whether the same can be said of a Planetary Logos for whom that aspect of the mental plane called the higher mental plane means something different than it does to a Solar Logos.

220. Hãy lưu ý rằng ở đây chúng ta không phân biệt giữa cõi hạ trí và cõi thượng trí. Ghi chú chỉ đơn giản nói về "ba cõi" như sự tương ứng với ba loa tuyến thấp trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế *và* Hành Tinh Thượng Đế. Trong khi ba cõi thấp trong toàn bộ của chúng là sự tương ứng với ba loa tuyến thấp đối với Thái dương Thượng đế, người ta tự hỏi liệu điều tương tự có thể được nói về một Hành Tinh Thượng Đế hay không, đối với Ngài phương diện của cõi trí được gọi là cõi thượng trí mang một ý nghĩa khác với ý nghĩa của nó đối với Thái dương Thượng đế.

221. It is significant that the seven spirillae which one would expect to be present in a mental permanent atom are *split* between the mental unit and the manasic permanent atom—four spirillae for the mental unit and three (greater) for the manasic permanent atom.

221. Điều đáng chú ý là bảy loa tuyến mà người ta mong đợi hiện diện trong một nguyên tử trường tồn trí tuệ lại được *phân chia* giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas—bốn loa tuyến cho đơn vị hạ trí và ba loa tuyến (lớn hơn) cho nguyên tử trường tồn manas.

222. Correspondingly, the mental plane is split between a lower four and a higher three. We remember, in this context, that for the greater Logoi, spirillae are planes (or subplanes).

222. Tương ứng, cõi trí được phân chia thành Bốn Thấp và Ba Cao. Trong bối cảnh này, chúng ta nhớ rằng đối với các Thượng đế lớn hơn, các loa tuyến là các cõi (hay các cõi phụ).

The cosmic incarnation of certain exalted Beings is consummated, and one of the indications of this is the appearance of the egoic groups [Page 686] on mental levels, and the resultant individualisation.

Sự lâm phàm vũ trụ của một số Đấng cao cả nào đó được hoàntất, và một trong những dấu hiệu của điều này là sự xuất hiện của các nhóm chân ngã [Page 686] trên các cấp độ trí tuệ, và sự biệt ngã hóa phát sinh từ đó.

223. We may be speaking of the incarnation of Planetary Logoi and Solar Logoi considered as "exalted Beings".

223. Có thể chúng ta đang nói đến sự lâm phàm của các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế, được xem như những "Đấng cao cả".

224. We also may have hinted the idea that certain Beings far greater than Solar Angels (of the kind who express within the solar

224. Chúng ta cũng có thể đã gợi ra ý tưởng rằng một số Đấng còn vĩ đại hơn nhiều so với các Thái dương Thiên Thần (thuộc loại biểu

system) are incarnating *cosmically* just as Solar Angels do, systemically.

hiện bên trong hệ mặt trời) đang lâm phàm một cách *vũ trụ* cũng như các Thái dương Thiên Thần lâm phàm một cách hệ thống.

225. The Solar Angels who individualize man are undertaking *systemic* incarnations. Any Being undertaking a *cosmic* incarnation must be greater than such Solar Angels.

225. Các Thái dương Thiên Thần biệt ngã hóa con người đang đảm nhận những sự lâm phàm *hệ thống*. Bất kỳ Đấng nào đảm nhận một sự lâm phàm *vũ trụ* đều phải vĩ đại hơn các Thái dương Thiên Thần như thế.

226. We remember in this connection that there are far greater Solar Angels Who serve as *cosmic* Solar Angels for the Solar Logos and probably for the Planetary Logos just as the Solar Angels (with which we think we are familiar) serve in relation to man.

226. Trong mối liên hệ này, chúng ta nhớ rằng có những Thái dương Thiên Thần còn vĩ đại hơn nhiều, Đấng phụng sự như các Thái dương Thiên Thần *vũ trụ* cho Thái dương Thượng đế và có lẽ cho cả Hành Tinh Thượng Đế, cũng như các Thái dương Thiên Thần (mà chúng ta nghĩ rằng mình quen thuộc) phụng sự trong tương quan với con người.

227. Perhaps these greater Beings work through egoic groups (as at least one form of their expression), and thus through *many* Solar Angels.

227. Có lẽ các Đấng lớn hơn này hoạt động thông qua các nhóm chân ngã (như ít nhất là một hình thức biểu hiện của Các Ngài), và do đó thông qua *nhiều* Thái dương Thiên Thần.

228. We should remind ourselves that egoic groups are as chakras for the Planetary Logoi and that greater egoic groups (found perhaps throughout the solar system) are as chakras for the Solar Logos.

228. Chúng ta nên tự nhắc mình rằng các nhóm chân ngã là các luân xa đối với các Hành Tinh Thượng Đế, và rằng các nhóm chân ngã lớn hơn (có lẽ hiện diện khắp hệ mặt trời) là các luân xa đối với Thái dương Thượng đế.

229. Let us remember, however, that there are many kinds of chakras within the energy expression of Planetary Logoi and Solar Logoi. Egoic groups (smaller and larger) may be one very minor kind. Globes and chains are larger chakras within the Planetary Logoi and globes, chains *and schemes* can be considered chakras within a Solar Logos.

229. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ rằng có nhiều loại luân xa bên trong biểu hiện năng lượng của các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế. Các nhóm chân ngã (nhỏ hơn và lớn hơn) có thể là một loại rất thứ yếu. Các bầu hành tinh và các dãy là những luân xa lớn hơn bên trong các Hành Tinh Thượng Đế, và các bầu hành tinh, các dãy *và các hệ hành tinh* có thể được xem là các luân xa bên trong một Thái dương Thượng đế.

Method and time may vary according to the nature of any particular planetary Logos, but for each and all the "Heart of the Body" has to thrill with awakening life before the response comes from the lower.

Phương pháp và thời gian có thể thay đổi tùy theo bản chất của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào, nhưng đối với từng vị và tất cả, "Trái Tim của Thể" phải rung động với sự sống đang thức tỉnh trước khi đáp ứng đến từ phần thấp hơn.

230. The “Heart of the Body” is that which, thrilling with awakening life, brings response from the lower three. This will be true of the returning Christ in relation to humanity (still very much an expression of the lower three).

230. “Trái Tim của Thể” là điều mà, khi rung động với sự sống đang thức tỉnh, sẽ mang lại đáp ứng từ ba phần thấp. Điều này sẽ đúng đối với Đức Christ tái lâm trong tương quan với nhân loại (vẫn còn rất nhiều là một biểu hiện của ba phần thấp).

231. Another way of stating the principle involved is to say that Hierarchy invokes and evokes humanity.

231. Một cách khác để phát biểu nguyên lý liên hệ là nói rằng Thánh đoàn khẩn cầu và gợi lên nhân loại.

232. New possibilities for lower forms of life arise when higher centers within the whole which contain those lower forms awaken.

232. Những khả năng mới cho các hình thức sự sống thấp hơn phát sinh khi các trung tâm cao hơn bên trong toàn thể vốn chứa đựng các hình thức thấp hơn ấy thức tỉnh.

The lunar Pitris have to carry on their work in our scheme and system before the solar angels, thrilling with expectancy, take possession of the forms prepared through their endeavour, and **stimulate them into self-conscious life and separated existence.**

Các thái âm tổ phụ phải tiếp tục công việc của mình trong hệ hành tinh và hệ thống của chúng ta trước khi các thái dương Thiên Thần, rung động với sự mong đợi, chiếm hữu các hình tướng đã được chuẩn bị nhờ nỗ lực của họ, và **kích thích chúng vào sự sống ngã thức và sự hiện hữubiệt lập.**

233. The Lunar Pitris confer a kind of consciousness upon the deeply immersed Monad during the evolution of the lower three kingdoms of nature, but it is only the Solar Angels who can stimulate these lower forms of life (once they have reached the stage of advanced animal) into “self-conscious life” and the perception of “separated existence”.

233. Các thái âm tổ phụ ban cho Chân thần bị dìm sâu một loại tâm thức trong suốt tiến trình tiến hoá của ba giới thấp của bản chất, nhưng chỉ các Thái dương Thiên Thần mới có thể kích thích các hình thức sự sống thấp hơn này (một khi chúng đã đạt đến giai đoạn động vật cao cấp) đi vào “sự sống ngã thức” và sự nhận biết “sự hiện hữu biệt lập”.

234. From one perspective, Spirit immerse in the lower worlds slowly awakens to its true nature.

234. Từ một góc nhìn, tinh thần bị dìm trong các cõi thấp chậm rãi thức tỉnh đối với bản chất chân thực của nó.

235. Ever-widening consciousness promoted by the evolutionary devas (generally, the Lunar Pitris) is not the same as *self-consciousness* promoted by the Solar Pitris.

235. Tâm thức ngày càng mở rộng do các thiên thần tiến hoá thúc đẩy (nói chung là các thái âm tổ phụ) không giống với *ngã thức* do các thái dương tổ phụ thúc đẩy.

Thus the four great schemes in the solar system, which are the vehicles for four of the planetary Logoi (Who constitute the logoic Quaternary), have to reach a certain stage of vibratory capacity, and of consciousness before a similar happening occurs in its fullness in the solar system, and the lower four and higher three are synthesised.

Như vậy, bốn hệ hành tinh lớn trong hệ mặt trời, là các vận cụ cho bốn Hành Tinh Thượng Đế (Các Ngài cấu thành Bộ Tứ của Thượng đế), phải đạt đến một giai đoạn nhất định về năng lực rung động và về tâm thức trước khi một biến cố tương tự xảy ra trọn vẹn trong hệ mặt trời, và Bốn Thấp cùng Ba Cao được tổng hợp.

236. We are now speaking of a process which (on a solar logoic scale) parallels the process of man's individualization.

236. Giờ đây chúng ta đang nói về một tiến trình mà (trên quy mô thái dương thượng đế) song hành với tiến trình biệt ngã hóa của con người.

237. We are speaking of an integration and fusion process within the solar system as a whole.

237. Chúng ta đang nói về một tiến trình tích hợp và dung hợp bên trong toàn thể hệ mặt trời.

238. Is DK saying that the coming of the Solar Angels only occur in relation to the four lower Planetary Logoi who constitute the logoic quaternary?

238. Có phải Chân sư DK đang nói rằng sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần chỉ xảy ra trong tương quan với bốn Hành Tinh Thượng Đế thấp hơn cấu thành bộ tứ của Thượng đế?

239. Or is He saying that if a cosmic coming of those Beings Who are higher correspondences of Solar Angels is to occur, those schemes which represent the lower quaternary of the Solar Logos must reach a point of sufficient vibration to stimulate the descent of a kind of *cosmic* heart which will

239. Hay Ngài đang nói rằng nếu một sự giáng lâm vũ trụ của những Đấng là các tương ứng cao hơn của các Thái dương Thiên Thần sắp xảy ra, thì những hệ hành tinh đại diện cho bộ tứ thấp hơn của Thái dương Thượng đế phải đạt đến một điểm rung động đủ để kích thích sự giáng hạ của một loại trái tim *vũ trụ*, điều này sẽ đồng

be coincident with the coming of cosmic Solar Angels?

240. We recall that Solar Angels, being a kind of "middle principle", make possible the synthesizing of the lower four and the higher three.

241. Cosmically, a higher kind of Solar Angel may play this role in relation to the synthesizing of a higher three and lower four within the vehicle of manifestation of a Solar Logos.

242. Within the solar system, a bridge will be needed between the lower four and the higher three, and Solar Angel of a *cosmic* kind will serve as that bridge.

243. Some of what transpires should occur on *cosmic* planes and not only within the solar system on the cosmic physical plane.

244. Members of the lower quaternary of the Solar Logos should, through this process, be stimulated by a type of *cosmic* Solar Angel, gradually transmuting, transforming and transfiguring Their vehicles on the lower eighteen *cosmic* subplanes on the cosmic physical plane, the cosmic astral plane and the cosmic lower mental plane.

245. Just as the Solar Angel for man anchors a stream of energy in his brain (and thus in his physical body, but also in relation to the energy units in his atomic triangle—the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit) so should the *cosmic* Solar Angel for the Heavenly Man anchor a stream of energy in His *cosmic* brain on the lower three systemic planes (and, thus, in His physical body), but should also stimulate and appropriate the

thời với sự xuất hiện của các Thái dương Thiên Thần vũ trụ?

240. Chúng ta nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần, là một loại "nguyên khí trung gian", làm cho việc tổng hợp Bốn Thấp và Ba Cao trở nên khả hữu.

241. Về mặt vũ trụ, một loại Thái dương Thiên Thần cao hơn có thể đóng vai trò này trong tương quan với sự tổng hợp một Ba Cao và một Bốn Thấp bên trong vận cụ biểu hiện của một Thái dương Thượng đế.

242. Bên trong hệ mặt trời, sẽ cần có một cây cầu giữa Bốn Thấp và Ba Cao, và Thái dương Thiên Thần thuộc loại *vũ trụ* sẽ phụng sự như cây cầu ấy.

243. Một phần những gì diễn ra nên xảy ra trên các cõi *vũ trụ* chứ không chỉ bên trong hệ mặt trời trên cõi hồng trần vũ trụ.

244. Các thành viên của bộ tứ thấp hơn của Thái dương Thượng đế, thông qua tiến trình này, nên được kích thích bởi một loại Thái dương Thiên Thần *vũ trụ*, dần dần chuyển hoá, chuyển đổi và Biến hình các vận cụ của Các Ngài trên mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp hơn thuộc cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và cõi hạ trí vũ trụ.

245. Cũng như Thái dương Thiên Thần đối với con người neo giữ một dòng năng lượng trong bộ não của y (và do đó trong thể xác của y, nhưng cũng trong tương quan với các đơn vị năng lượng trong tam giác nguyên tử của y—nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí), thì Thái dương Thiên Thần *vũ trụ* đối với Đấng Thiên Nhân cũng nên neo giữ một dòng năng lượng trong bộ não *vũ trụ* của Ngài trên ba cõi hệ thống thấp hơn (và do đó

members of the atomic triangle of the Heavenly Man on the two and a half lower *cosmic* planes—the planetary logoic physical permanent atom, the planetary logoic astral permanent atom and the planetary logoic mental unit).

trong thể xác của Ngài), nhưng cũng nên kích thích và chiếm dụng các thành viên của tam giác nguyên tử của Đấng Thiên Nhân trên hai cõi rưỡi *vũ trụ* thấp hơn—nguyên tử trường tồn hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế, nguyên tử trường tồn cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế và đơn vị hạ trí của Hành Tinh Thượng Đế).

246. The analogies should hold good.

246. Các phép loại suy nên đứng vững.

The logoic heart is thrilling, and response comes already from all the schemes, as three spirillae are vibrating in all of them, **but the Son of God is not yet fully and cosmically self-conscious.** As response comes the centres awaken.

Trái tim của Thượng đế đang rung động, và đáp ứng đã đến từ tất cả các hệ hành tinh, vì ba loa tuyến đang rung động trong tất cả chúng, **nhưng Con của Thượng đế vẫn chưa hoàn toàn và một cách vũ trụ có ngã thức.** Khi đáp ứng đến, các trung tâm thức tỉnh.

247. We are speaking here of the birth of the "Cosmic Christ" systemically considered. Thus, we are speaking of the thrilling of the heart of the *Solar* Logos. Do we notice how we have been speaking of different "hearts"—first of the "Heart" of the Heavenly Man or Planetary Logos and then of the "Heart" of the Solar Logos.

247. Ở đây chúng ta đang nói về sự sinh ra của "Đức Christ Vũ Trụ" xét theo phương diện hệ thống. Như vậy, chúng ta đang nói về sự rung động của trái tim của *Thái dương* Thượng đế. Chúng ta có nhận thấy rằng mình đã nói về những "trái tim" khác nhau không—trước hết là "Trái Tim" của Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế, rồi đến "Trái Tim" của Thái dương Thượng đế.

248. The "Son of God" is "God the Son"—the Solar Logos considered from the perspective of His second or soul aspect.

248. "Con của Thượng đế" là "Thượng đế Con"—Thái dương Thượng đế được xét từ góc độ phương diện thứ hai hay phương diện linh hồn của Ngài.

249. We are also speaking of a kind of *cosmic individualization* (leading eventually to full, cosmic Self-consciousness). As stated in earlier commentaries, individualization for a Planetary Logos or Solar Logos is a group affair (or one involving many, many groups) and not the strictly individual matter it is for a human being.

249. Chúng ta cũng đang nói về một loại *biệt ngã hóa vũ trụ* (cuối cùng dẫn đến ngã thức vũ trụ trọn vẹn). Như đã nêu trong các phần bình luận trước, sự biệt ngã hóa đối với một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế là một công việc nhóm (hay một việc liên quan đến rất, rất nhiều nhóm), chứ không phải là vấn đề hoàn toàn cá nhân như đối với con người.

250. The kind of thing here described is occurring on *cosmic* planes whereas the individualization of man occurs on systemic planes.

250. Loại sự việc được mô tả ở đây đang xảy ra trên các cõi *vũ trụ*, trong khi sự biệt ngã hóa của con người xảy ra trên các cõi hệ thống.

251. When is any "M/man" "fully… self-conscious"? Certainly not at the dawn of individualization. A significant point is reached at the third initiation but an even greater fulness of self-consciousness is to be expected at the fourth.

251. Khi nào bất kỳ "người/Người" nào "hoàn toàn… có ngã thức"? Chắc chắn không phải vào buổi đầu của sự biệt ngã hóa. Một điểm quan trọng đạt được ở lần điểm đạo thứ ba, nhưng một sự viên mãn ngã thức còn lớn hơn nữa được mong đợi ở lần điểm đạo thứ tư.

252. Our Solar Logos has not yet achieved the third *cosmic* initiation, and thus, is not yet, fully and cosmically Self-conscious.

252. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa đạt lần điểm đạo thứ ba *vũ trụ*, và do đó, vẫn chưa hoàn toàn và một cách vũ trụ có ngã thức.

253. We may recall how long it took (some three million years) before the newly individualized human being awoke to the fact that he had been individualized and was a distinct and separate unit.

253. Chúng ta có thể nhớ lại đã mất bao lâu (khoảng ba triệu năm) trước khi con người vừa được biệt ngã hóa thức tỉnh trước sự kiện rằng y đã được biệt ngã hóa và là một đơn vị riêng biệt, tách rời.

"The sons of God shot forth like arrows from the bow. The forms received the impulse and lo! a God was born. **The tiny babe knew not the great event."** (TWM 440)

"Các Con của Thượng đế phóng ra như những mũi tên từ cây cung. Các hình tướng tiếp nhận xung lực và kìa! một vị Thượng đế được sinh ra. **Đứa hài nhi bé nhỏ không biết biến cố lớn lao ấy."** (TWM 440)

254. Something of a similar process of slow awakening to even preliminary self-consciousness (in the cosmic sense) may occur in relation to the Solar Logos or Planetary Logoi.

254. Một tiến trình tương tự như vậy của sự thức tỉnh chậm chạp ngay cả đối với ngã thức sơ khởi (theo nghĩa vũ trụ) có thể xảy ra trong tương quan với Thái dương Thượng đế hay các Hành Tinh Thượng Đế.

One logoic centre is responding fully to the heart stimulation, and that is Venus, who is passing through the final round.

Một trung tâm của Thượng đế đang đáp ứng trọn vẹn với sự kích thích của tim, và đó là Sao Kim, hành tinh đang đi qua cuộc tuần hoàn cuối cùng.

255. Let us remember that Venus holds place within the logoic *quaternary*.

255. Chúng ta hãy nhớ rằng Sao Kim giữ vị trí bên trong bộ tứ *của Thượng đế*.

256. We remember that it is those planets in the logoic quaternary to which the Solar Angels are to come. Venus is one of the "four great schemes in the solar system" which are vehicles for the logoic quaternary.

256. Chúng ta nhớ rằng chính những hành tinh trong bộ tứ của Thượng đế là nơi các Thái dương Thiên Thần sẽ đến. Sao Kim là một trong "bốn hệ hành tinh lớn trong hệ mặt trời" là các vận cụ cho bộ tứ của Thượng đế.

257. Venus has achieved responsiveness to the buddhic aspect of the cosmic astral plane and thus, we might presume, is responding somewhat resonantly to the cosmic buddhic plane.

257. Sao Kim đã đạt được khả năng đáp ứng đối với phương diện Bồ đề của cõi cảm dục vũ trụ, và do đó, chúng ta có thể giả định rằng hành tinh này đang đáp ứng phần nào một cách cộng hưởng với cõi Bồ đề vũ trụ.

258. The final round through which Venus is passing is hypothesized as the fifth *scheme* round.

258. Cuộc tuần hoàn cuối cùng mà Sao Kim đang đi qua được giả thuyết là cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh* thứ năm.

259. Venus, as we have been told, has completed its full development in five rounds (presumably scheme rounds) instead of the usual seven.

259. Như chúng ta đã được cho biết, Sao Kim đã hoàn tất sự phát triển trọn vẹn của mình trong năm cuộc tuần hoàn (có lẽ là các cuộc tuần hoàn hệ hành tinh) thay vì bảy như thường lệ.

260. In this respect (and if the analogy is not pushed to extremes) Venus is among certain of His planetary Brothers, what the Christ is in relation to His human brothers—the one Who evolved most rapidly.

260. Về phương diện này (và nếu phép loại suy không bị đẩy đến cực đoan), Sao Kim ở giữa một số Huynh đệ hành tinh của Ngài cũng như Đức Christ trong tương quan với các huynh đệ nhân loại của Ngài—Đấng đã tiến hoá nhanh nhất.

If the student endeavours to dissociate our solar system from that which preceded it, and if he considers the pralaya at the close of this mahamanvantara to be a final one, and the utter consummation of all things, he errs.

Nếu đạo sinh cố gắng tách rời hệ mặt trời của chúng ta khỏi điều đã đi trước nó, và nếu y xem giai kỳ qui nguyên vào lúc kết thúc đại giai kỳ sinh hóa này là một giai kỳ cuối cùng, và là sự hoàn tất tuyệt đối của vạn vật, thì y sai lầm.

261. It is fairly obvious that for a Solar Logos as relatively small as ours, any systemic

261. Khá hiển nhiên rằng đối với một Thái dương Thượng đế tương đối nhỏ như của

pralaya cannot be the final one—*given the stupendous duration of the entire greater Universe.*

chúng ta, bất kỳ giai kỳ qui nguyên hệ thống nào cũng không thể là giai kỳ cuối cùng—*xét đến thời lượng khổng lồ của toàn thể Đại vũ trụ lớn hơn.*

262. He is also hinting that our Solar Logos has yet another solar system through which to express, and that the pralaya which is to come at the end of this particular mahamanvantara is definitely *not* the final pralaya for our Solar Logos in relation to the series of solar systems through which He I expressing.

262. Ngài cũng đang gợi ý rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta còn một hệ mặt trời khác nữa để biểu hiện qua đó, và rằng giai kỳ qui nguyên sẽ đến vào cuối đại giai kỳ sinh hóa đặc thù này chắc chắn *không* phải là giai kỳ qui nguyên cuối cùng đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta trong tương quan với chuỗi các hệ mặt trời mà qua đó Ngài đang biểu hiện.

263. Because human beings have such a limited point of view, they are always assuming that the ending of the larger system in which they live and move and have their being is the "consummation of all things".

263. Bởi vì con người có quan điểm rất hạn hẹp, họ luôn giả định rằng sự chấm dứt của hệ thống lớn hơn trong đó họ sống, vận động và hiện hữu là "sự hoàn tất của vạn vật".

264. In reflection of this attitude, there are many who consider Nirvana to be a final state of release instead of but "the beginning of the Endless Way".

264. Phản ánh thái độ này, có nhiều người xem Niết Bàn là một trạng thái giải thoát cuối cùng thay vì chỉ là "khởi đầu của Con Đường Vô Tận".

In the preceding system the cosmic physical plane attained a certain vibratory capacity, and the devas of the internal furnaces became (relatively speaking) highly evolved, the "fires of matter" then blazing forth.

Trong hệ thống trước, cõi hồng trần vũ trụ đã đạt đến một năng lực rung động nhất định, và các thiên thần của những lò lửa bên trong đã trở nên (nói một cách tương đối) rất tiến hoá, các "ngọn lửa của vật chất" khi ấy bùng cháy.

265. The hint is here offered (through the use of the words "relatively speaking") that the devas of the internal furnaces will become even more highly developed in this solar system, even though the purpose of this solar system is not specifically focussed on *their* development.

265. Ở đây có một gợi ý được đưa ra (qua việc dùng các từ "nói một cách tương đối") rằng các thiên thần của những lò lửa bên trong sẽ còn trở nên phát triển cao hơn nữa trong hệ mặt trời này, dù mục đích của hệ mặt trời này không đặc biệt tập trung vào sự phát triển của *họ*.

266. From the *cosmic* perspective, we can consider the devas of the internal furnaces as the fires related to all the seven subplanes of the cosmic physical plane even though the greater concentration would have been upon *five* of those subplanes—the lower five. We may even question whether, in that earlier system, there were only five subplanes on the cosmic physical plane. This, however, seems less likely than the thought that five of seven were emphasized.

267. Cosmically considered, "latent fire" is found in the lower three cosmic subplanes and "active, radiatory fire" on the higher four.

Certain Existences attained self-consciousness in that earlier system, and are the "nirvanis" spoken of by H. P. B.[26] [See S. D., II, 83, 84 243]

268. These "Existences (and let us note the capitalization of the word—it may be significant) are the Solar Angels or "returning nirvanis" from a previous mahamanvantara—i.e., from our previous solar system.

269. We note that here we are no longer speaking of "a" previous mahamanvantara but of "the" previous solar system.

270. From whence are they returning? May we say, "from Sirius", whither they went for 'training' in the wielding of both manas and love.

As might be expected, they are characterised by active intelligence, achieved and developed by means of material evolution during a previous mahamanvantara.

266. Từ góc độ *vũ trụ*, chúng ta có thể xem các thiên thần của những lò lửa bên trong như các ngọn lửa liên hệ với cả bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, dù sự tập trung lớn hơn hẳn sẽ đặt vào *năm* cõi phụ ấy—năm cõi thấp hơn. Chúng ta thậm chí có thể đặt câu hỏi liệu trong hệ thống trước đó, có phải chỉ có năm cõi phụ trên cõi hồng trần vũ trụ hay không. Tuy nhiên, điều này dường như kém có khả năng hơn ý nghĩ rằng năm trong bảy đã được nhấn mạnh.

267. Xét theo vũ trụ, "lửa tiềm ẩn" được tìm thấy trong ba cõi phụ vũ trụ thấp hơn và "lửa hoạt động, phóng xạ" trong bốn cõi cao hơn.

Một số Hiện Hữu đã đạt ngã thức trong hệ thống trước đó, và là những "nirvani" được H. P. B. nói đến.26 [See S. D., II, 83, 84 243]

268. Những "Hiện Hữu" này (và chúng ta hãy lưu ý việc viết hoa của từ này—điều đó có thể có ý nghĩa) là các Thái dương Thiên Thần hay những "nirvani trở về" từ một đại giai kỳ sinh hóa trước—tức là từ hệ mặt trời trước của chúng ta.

269. Chúng ta lưu ý rằng ở đây chúng ta không còn nói về "một" đại giai kỳ sinh hóa trước nữa mà là "hệ mặt trời" trước.

270. Họ đang trở về từ đâu? Chúng ta có thể nói, "từ Sirius", nơi họ đã đến để được 'huấn luyện' trong việc vận dụng cả manas lẫn bác ái.

Như có thể được mong đợi, họ được đặc trưng bởi trí thông minh hoạt động, đạt được và phát triển bằng phương tiện tiến

hoá vật chất trong một đại giai kỳ sinh hoá trước.

271. Within the previous solar system, *both* material activity and intelligence were developed. That system was, it seems, under the sway of the Third Ray of Active Intelligence.

271. Trong hệ mặt trời trước, *cả* hoạt động vật chất lẫn trí thông minh đều đã được phát triển. Dường như hệ thống ấy nằm dưới sự chi phối của cung ba của Trí Thông Minh Hoạt Động.

272. The fifth ray was also important in the previous solar system and can be considered an aspect of the third ray.

272. Cung năm cũng quan trọng trong hệ mặt trời trước và có thể được xem là một phương diện của cung ba.

273. The colors green yellow and orange were all important in the last system. The color orange, exoterically, is associated with the fifth ray.

273. Các màu lục, vàng và cam đều quan trọng trong hệ thống trước. Màu cam, theo ngoại môn, được liên kết với cung năm.

They [Page 687] are the Manasa devas and in their totality are the vehicles of the Divine mind, the dhyan-chohanic forces, the aggregate of the Ah-hi.

Các Ngài [Page 687] là các thiên thần Manasa và trong tổng thể là các vận cụ của Trí của Thượng đế, các mãnh lực dhyan-chohan, tổng thể của Ah-hi.

274. Here is another summary section in which we are given another definition of the Solar Angels.

274. Đây là một phần tóm lược khác trong đó chúng ta được trao cho một định nghĩa khác về các Thái dương Thiên Thần.

275. They are

275. Các Ngài là

a. Manasa devas

a. các thiên thần Manasa

b. The vehicles of the Divine Mind

b. các vận cụ của Trí của Thượng đế

c. The dhyan-chohanic forces

c. các mãnh lực dhyan-chohan

d. The aggregate of the Ah-hi

d. tổng thể của Ah-hi

276. Is it only the Solar Angels Who fulfill these requirements?

276. Có phải chỉ các Thái dương Thiên Thần mới đáp ứng những điều kiện này?

277. The Divine Mind may be considered *cosmic* mind as it manifests upon the cosmic

277. Trí của Thượng đế có thể được xem là trí tuệ *vũ trụ* khi nó biểu hiện trên cõi trí vũ

mental plane. The Solar Angels are an outpost of that type of mind but the greater, cosmic Solar Angels represent it far more fully.

trụ. Các Thái dương Thiên Thần là một tiền đồn của loại trí tuệ ấy, nhưng các Thái dương Thiên Thần lớn hơn, vũ trụ, biểu hiện nó đầy đủ hơn nhiều.

278. The Ah-hi, it seems, have not been specifically or entirely associated with Solar Angels.

278. Dường như Ah-hi không được liên kết một cách đặc thù hay hoàn toàn với các Thái dương Thiên Thần.

279. If the Solar Angels are the Ah-hi, then, from the following references, we may learn more about the planes upon which the Solar Angels function:

279. Nếu các Thái dương Thiên Thần là Ah-hi, thì từ những trích dẫn sau, chúng ta có thể biết thêm về các cõi mà trên đó các Thái dương Thiên Thần hoạt động:

The Ah-hi, the greater Builders,[71] Who are the Lords working out the will of the solar Logos, mainly use two planes for communication with each other and with Their cohorts:

Ah-hi, các đấng đại kiến tạo,71 là các Chúa Tể đang thực hiện ý chí của Thái dương Thượng đế, chủ yếu sử dụng hai cõi để giao tiếp với nhau và với các đoàn ngũ của Các Ngài:

First, the second plane, where They communicate by means of a spiritual medium incomprehensible to man at present.

Thứ nhất, cõi thứ hai, nơi Các Ngài giao tiếp bằng một trung gian tinh thần mà hiện nay con người không thể hiểu được.

Second, the mental plane, where They communicate with all lesser lives by means of a type of mental telepathy. (TCF 851)

Thứ hai, cõi trí, nơi Các Ngài giao tiếp với mọi sự sống thấp hơn bằng một loại viễn cảm trí tuệ. (TCF 851)

280. This section of text would associated the Solar Angels (were they Ah-hi) with the monadic plane.

280. Phần văn bản này sẽ liên kết các Thái dương Thiên Thần (nếu họ là Ah-hi) với cõi chân thần.

281. Interestingly, those who are called the “Greater Builders” (EA 35) have their focus on the systemic monadic plane, one of the planes above which (according to text above) the Ah-hi use.

281. Điều thú vị là, những vị được gọi là “các Đấng Đại Kiến Tạo” (EA 35) có tiêu điểm của mình trên cõi chân thần hệ thống, là một trong những cõi mà bên trên đó (theo đoạn văn trên) Ah-hi sử dụng.

The building devas[96] are the Ah-hi, or Universal Mind. They contain within their consciousness the plan logoic, [Page 616] and inherently possess the power to work it

Các thiên thần kiến tạo96 là Ah-hi, hay Vũ Trụ Trí. Các Ngài chứa đựng trong tâm thức của mình Thiên Cơ của Thượng đế, [Page 616] và vốn sẵn có quyền năng để thực hiện

out in time and space, being the conscious forces of evolution. (TCF 615-616)

282. If Solar Angels are equivalent to Ah-hi, then either they have association with planes in relation to which they have not usually been mentioned, or a number of great Devas (which we have not considered to be Solar Angels) must be considered as Solar Angels. For instance, are the great Devas Who express upon the logoic plane to be considered as a kind of Solar Angel?

283. We may speculate that the Solar Angels (although they can be numbered among the Ah-hi, should not be considered as the *only* kind of Ah-hi. The Ah-hi are contain more than Solar Angels (as we usually understand the words "Solar Angels"—as Members of the Fifth Creative Hierarchy).

In this solar system the vibration of **the cosmic astral plane is becoming dominant**, and through that vibration, travelling via the fourth cosmic ether (whereon as earlier stated are the etheric centres of the planetary Logoi)

284. Of *all* of them?

285. As that vibration becomes dominant, the power of cosmic buddhi will enter our solar system more completely.

286. Our solar system is astral-buddhic in nature, but presently more astral than buddhic. This can be said because our Solar Logos has not yet achieved cosmic mental polarization.

nó trong thời gian và không gian, vì là các mãnh lực hữu thức của tiến hoá. (TCF 615-616)

282. Nếu các Thái dương Thiên Thần tương đương với Ah-hi, thì hoặc là họ có liên hệ với những cõi mà trong tương quan với đó họ thường không được nhắc đến, hoặc là một số thiên thần vĩ đại (mà chúng ta không xem là các Thái dương Thiên Thần) phải được xem là các Thái dương Thiên Thần. Chẳng hạn, có phải các thiên thần vĩ đại biểu hiện trên cõi của Thượng đế phải được xem là một loại Thái dương Thiên Thần không?

283. Chúng ta có thể suy đoán rằng các Thái dương Thiên Thần (mặc dù có thể được kể vào hàng Ah-hi) không nên được xem là loại Ah-hi *duy nhất*. Ah-hi bao hàm nhiều hơn các Thái dương Thiên Thần (theo cách chúng ta thường hiểu các từ "Thái dương Thiên Thần"—như các Thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm).

Trong hệ mặt trời này, rung động của **cõi cảm dục vũ trụ đang trở nên trội vượt**, và thông qua rung động ấy, truyền qua dĩ thái vũ trụ thứ tư (nơi, như đã nói trước đây, là các trung tâm dĩ thái của các Hành Tinh Thượng Đế)

284. Của *tất cả* các vị ấy sao?

285. Khi rung động ấy trở nên trội vượt, quyền năng của Bồ đề vũ trụ sẽ đi vào hệ mặt trời của chúng ta đầy đủ hơn.

286. Hệ mặt trời của chúng ta có bản chất cảm dục-Bồ đề, nhưng hiện nay cảm dục nhiều hơn Bồ đề. Có thể nói như vậy vì Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa đạt sự phân cực trí tuệ vũ trụ.

and our systemic astral plane, certain eventualities become possible.

287. It is important to realize how profoundly our solar system is influenced from the cosmic astral plane.

The "Sons of desire," logoic or human, can learn certain lessons, undergo certain experiences, and add the faculty of love-wisdom to the intelligence earlier gained.

288. Our Solar Logos can be considered a 'Son of Desire'; so can the human being.

289. These "Sons of Desire" are intelligent but have not yet fully acquired the faculty of Love-Wisdom—a buddhic faculty transmitted via the astral plane (whether systemic or cosmic).

Our solar Logos, and the Heavenly Men, are polarised on the cosmic astral plane,

290. This is a very important statement. Whereas the Planetary Logoi have not yet taken (so it seems from TCF 384) the second *cosmic* initiation, our Solar Logos *has,* and yet is still polarized on the cosmic astral plane perhaps because He has not yet "made the grade" (i.e., passed the midway point between the second and third cosmic initiations).

and the effect of Their life energy as it flows through the systemic "Heart" can be seen in the activity of the astral plane, and in the part sex and passion play in the development of man.

và cõi cảm dục hệ thống của chúng ta, một số khả năng cuối cùng trở nên khả hữu.

287. Điều quan trọng là phải nhận ra hệ mặt trời của chúng ta bị ảnh hưởng sâu sắc đến mức nào từ cõi cảm dục vũ trụ.

"Các Con của dục vọng", dù là của Thượng đế hay của con người, có thể học một số bài học, trải qua một số kinh nghiệm, và thêm năng lực Bác Ái – Minh Triết vào trí thông minh đã đạt được trước đó.

288. Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể được xem là một 'Con của Dục Vọng'; con người cũng vậy.

289. Những "Con của Dục Vọng" này thì thông minh nhưng vẫn chưa hoàn toàn đạt được năng lực Bác Ái – Minh Triết—một năng lực Bồ đề được truyền qua cõi cảm dục (dù là hệ thống hay vũ trụ).

Thái dương Thượng đế của chúng ta, và các Đấng Thiên Nhân, được phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ,

290. Đây là một phát biểu rất quan trọng. Trong khi các Hành Tinh Thượng Đế vẫn chưa nhận lần điểm đạo thứ hai *vũ trụ* (dường như vậy theo TCF 384), thì Thái dương Thượng đế của chúng ta *đã* nhận, nhưng vẫn còn phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ, có lẽ vì Ngài vẫn chưa "đạt chuẩn" (tức là chưa vượt qua Điểm ở giữa giữa lần điểm đạo vũ trụ thứ hai và thứ ba).

và hiệu quả của năng lượng sự sống của Các Ngài khi chảy qua "Trái Tim" hệ thống có thể được thấy trong hoạt động của cõi cảm dục, và trong vai trò mà tính dục và đam mê đảm nhiệm trong sự phát triển của con người.

291. These great Beings are polarized on the cosmic astral plane and so their energy flows through the systemic "Heart" as it is found on the planes of the solar system—the subplanes of the cosmic physical plane.

291. Những Đấng vĩ đại này được phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ, và vì thế năng lượng của Các Ngài chảy qua "Trái Tim" hệ thống như nó được tìm thấy trên các cõi của hệ mặt trời—các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

292. The etheric heart of the Solar Logos and Planetary Logoi will be found upon the cosmic ethers of the solar system.

292. Trái tim dĩ thái của Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế sẽ được tìm thấy trên các dĩ thái vũ trụ của hệ mặt trời.

293. We appear to be speaking not only of man on planet Earth but of man throughout the solar system.

293. Dường như chúng ta đang nói không chỉ về con người trên hành tinh Trái Đất mà còn về con người khắp hệ mặt trời.

294. From what is here said, sex and passion play a major role in the development of man on all planetary schemes, not just on the Earth-scheme. Probably on the Earth-scheme, the role of sex and passion is rather greater as our particular Planetary Logos is so "full of passion" (TCF 673)—cosmically considered.

294. Từ những gì được nói ở đây, tính dục và đam mê đóng một vai trò lớn trong sự phát triển của con người trên mọi hệ hành tinh, không chỉ trên hệ Địa Cầu. Có lẽ trên hệ Địa Cầu, vai trò của tính dục và đam mê còn lớn hơn phần nào vì Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta quá "đầy đam mê" (TCF 673)—xét theo vũ trụ.

295. From what we can gather, cosmic astral influences and the influence of the Solar Logos and Planetary Logoi polarized on the cosmic astral plane, as well as the etheric heart influences of these Logoi (on the systemic monadic and buddhic planes) are all involved in the stimulation of sex and passion as they play their role in the development of man—not only on our planet but throughout the solar system.

295. Từ những gì chúng ta có thể thu thập được, các ảnh hưởng cảm dục vũ trụ và ảnh hưởng của Thái dương Thượng đế cùng các Hành Tinh Thượng Đế được phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ, cũng như các ảnh hưởng của trái tim dĩ thái của các Thượng đế này (trên các cõi chân thần và Bồ đề hệ thống), tất cả đều liên quan đến sự kích thích tính dục và đam mê khi chúng đảm nhiệm vai trò của mình trong sự phát triển của con người—không chỉ trên hành tinh chúng ta mà khắp hệ mặt trời.

At the close of this mahamanvantara there will be ready for manifestation in the coming third system nirvanis who will be, in very essence, "active intelligent love";

Vào lúc kết thúc đại giaikỳ sinh hóa này sẽ có những nirvani sẵn sàng biểu hiện trong hệ thống thứ ba sắp đến, những vị mà trong chính bản chất sẽ là "bác ái thông minh hoạt động";

296. These nirvanis may be some of the present members of the Fourth Creative Hierarchy—"Sons of Desire".

296. Những nirvani này có thể là một số thành viên hiện nay của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư—"Các Con của Dục Vọng".

297. They will have added the quality of love to their manasic accomplishments and will, thus, be of a higher order than the present "returning nirvanis" (i.e., Solar Angels) who entered this second major solar system and our planet to assist the development of humanity..

297. Họ sẽ đã thêm phẩm tính bác ái vào những thành tựu manas của mình, và do đó sẽ thuộc một cấp bậc cao hơn những "nirvani trở về" hiện nay (tức các Thái dương Thiên Thần) đã đi vào hệ mặt trời lớn thứ hai này và hành tinh của chúng ta để hỗ trợ sự phát triển của nhân loại..

they will have to wait until the five lower planes of the system have reached a stage of vibratory development which will permit them to enter, as the nirvanis in this system waited until the three lower planes became adequate in vibratory response.

họ sẽ phải chờ cho đến khi năm cõi thấp của hệ thống đạt đến một giai đoạn phát triển rung động cho phép họ đi vào, cũng như các nirvani trong hệ thống này đã chờ cho đến khi ba cõi thấp trở nên đầy đủ về đáp ứng rung động.

298. When comparing the quality of the returning nirvanis of major system two with the quality of those in major system three, we see an *elevation.* We also see that a higher standard of preparation will be required in system three than was required in system two.

298. Khi so sánh phẩm tính của các nirvani trở về của hệ thống lớn thứ hai với phẩm tính của những vị trong hệ thống lớn thứ ba, chúng ta thấy có một sự *nâng cao.* Chúng ta cũng thấy rằng trong hệ thống thứ ba sẽ đòi hỏi một tiêu chuẩn chuẩn bị cao hơn so với điều đã được đòi hỏi trong hệ thống thứ hai.

299. Again the numbers three and five are associated with the "returning nirvanis".

299. Một lần nữa, các con số ba và năm được liên kết với các "nirvani trở về".

300. The five lower subplanes of the cosmic physical plane will be considered densely material in relation to the higher, 'nirvanic', redeeming forces.

300. Năm cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ sẽ được xem là vật chất đậm đặc trong tương quan với các mãnh lực cứu chuộc cao hơn, 'nirvani'.

301. The returning nirvanis will, it seems, focus upon the monadic plane just as the now focus on the higher mental plane.

301. Dường như các nirvani trở về sẽ tập trung trên cõi chân thần cũng như hiện nay họ tập trung trên Cõi thượng trí.

302. Always a foundation for invocatory process must be prepared. The altitude of

302. Luôn luôn phải chuẩn bị một nền tảng cho tiến trình khẩn cầu. Độ cao của nền tảng

this foundation continues to rise from one solar system to the next.

này tiếp tục tăng lên từ hệ mặt trời này sang hệ mặt trời kế tiếp.

We are here speaking in terms of the Heavenly Men.

Ở đây chúng ta đang nói theo thuật ngữ của các Đấng Thiên Nhân.

303. All the brahmic planes (of which there are five, crowned with the atmic plane) will be energized in invocatorily activated.

303. Tất cả các cõi brahmic (trong đó có năm cõi, được đội vương miện bởi cõi atma) sẽ được tiếp năng lượng trong trạng thái được hoạt hóa bằng khẩn cầu.

In the Earth scheme, the analogy is hidden in the advent of the Egos in the third round, in the third root race and in the third chain.

Trong hệ Địa Cầu, phép loại suy được che giấu trong sự giáng lâm của các Chân ngã vào cuộc tuần hoàn thứ ba, trong giống dân gốc thứ ba và trong dãy thứ ba.

304. The type of individualization here discussed is of a different kind that individualization as divine intervention.

304. Loại biệt ngã hóa được bàn đến ở đây thuộc một loại khác với biệt ngã hóa như sự can thiệp thiêng liêng.

305. Either that, or the Solar Angels did indeed appear on the Moon-chain, which seems contradicted in other passages which speaks of the self-generated individualization of animal man in the third chain (and perhaps in the previous solar system). But this would seem unlikely, as the planetary "Heart" would not have awakened sufficiently to invoke their descent.

305. Hoặc là như vậy, hoặc là các Thái dương Thiên Thần quả thực đã xuất hiện trên Dãy Mặt Trăng, điều dường như bị mâu thuẫn bởi những đoạn khác nói về sự biệt ngã hóa tự phát sinh của người thú trong dãy thứ ba (và có lẽ trong hệ mặt trời trước). Nhưng điều này dường như khó có thể xảy ra, vì "Trái Tim" hành tinh hẳn chưa thức tỉnh đủ để khẩn cầu sự giáng hạ của Các Ngài.

306. The "advent of the Egos" in this case was not an intervention but an *appearance* or *emergence* stimulated through the invocation by that which lies below the spiritual potencies which focussed above.

306. Trong trường hợp này, "sự giáng lâm của các Chân ngã" không phải là một sự can thiệp mà là một *sự xuất hiện* hoặc *sự nổi lên* được kích thích qua sự khẩn cầu từ điều nằm bên dưới các tiềm năng tinh thần vốn được tập trung ở bên trên.

Individualisation, as we understand it, was not possible until the "third state of pleroma" was reached, either **universally** where a Heavenly Man is concerned, or relatively in connection with a human unit.

Biệtngãhóa, theo cách chúng ta hiểu, đã không thể có cho đến khi "trạng thái thứ ba của pleroma" đạt tới, hoặc **một cách phổ quát** khi liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, hoặc tương đối trong liên hệ với một đơn vị nhân loại.

307. Again, Pleroma, seems related to the states of activation and consciousness which express through the seven subplanes of the cosmic physical plane.

307. Một lần nữa, Pleroma dường như liên hệ với các trạng thái hoạt hóa và tâm thức biểu lộ qua bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

308. The "third state of pleroma" is associated with the activation of the lower three subplanes of the cosmic physical plane (not counting the highest part of the third cosmic subplane—i.e., the systemic higher mental plane).

308. "Trạng thái thứ ba của pleroma" gắn liền với sự hoạt hóa của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ (không tính phần cao nhất của cõi phụ vũ trụ thứ ba—tức là Cõi thượng trí của hệ).

309. The term "universally" relates to process within our solar system and to the necessity of a certain activation of the systemic lower mental plane before individualization was possible.

309. Thuật ngữ "một cách phổ quát" liên hệ đến tiến trình bên trong hệ mặt trời của chúng ta và đến sự cần thiết phải có một mức độ hoạt hóa nào đó của cõi hạ trí của hệ trước khi biệt ngã hóa có thể xảy ra.

310. However, we can extend the idea of Pleroma into a *cosmic* context, in which case the lower cosmic mental plane would have to achieved a degree of invocatory activation to call down the descent of those cosmic Beings Who embodied cosmic buddhi.

310. Tuy nhiên, chúng ta có thể mở rộng ý niệm Pleroma vào một bối cảnh *vũ trụ*, trong trường hợp đó cõi hạ trí vũ trụ sẽ phải đạt được một mức độ hoạt hóa khẩn cầu để gọi xuống sự giáng hạ của những Đấng vũ trụ hiện thân cho Bồ đề vũ trụ.

311. In this case, the term "universally" definitely would refer to the Planetary Logos or the Solar Logos, but *not* only to the seven subplanes of the etheric-physical solar system—the cosmic physical plane.

311. Trong trường hợp này, thuật ngữ "một cách phổ quát" chắc chắn sẽ quy chiếu đến Hành Tinh Thượng Đế hoặc Thái dương Thượng đế, nhưng *không* chỉ đến bảy cõi phụ của hệ mặt trời dĩ thái-hồng trần—cõi hồng trần vũ trụ.

312. If we wish to understand these statements about Individualization, we shall have to study the three types of individualization as they occurred in the

312. Nếu muốn hiểu những phát biểu này về Biệt ngã hóa, chúng ta sẽ phải nghiên cứu ba loại biệt ngã hóa như chúng đã xảy ra trong hệ mặt trời trước và Dãy Mặt Trăng, trong hệ

previous solar system and the Moon-chain, within our present solar system, and as intended to occur in the solar system yet to come—i.e., the third major solar system.

mặt trời hiện tại của chúng ta, và như được dự định sẽ xảy ra trong hệ mặt trời còn chưa đến—tức là hệ mặt trời lớn thứ ba.

Considering the same subject from below upwards it is the animal in the third kingdom which **individualises**. Viewing it from above downwards it is the fifth kingdom, the spiritual, which **ensouls** the third and produces the fourth, or self-conscious human kingdom.

Xét cùng chủ đề ấy từ dưới lên trên, chính con vật trong giới thứ ba là cái **biệt ngã hóa**. Xét từ trên xuống dưới, chính giới thứ năm, giới tinh thần, là cái **phú linh** cho giới thứ ba và tạo ra giới thứ tư, hay giới nhân loại tự ngã thức.

313. The animal kingdom *individualizes* and the fifth kingdom *ensouls*

313. Giới động vật *biệt ngã hóa* và giới thứ năm *phú linh*

314. We have to be cautious here as the "fifth kingdom" the "spiritual kingdom" is not the same as the Fifth Creative Hierarchy. The fifth kingdom is composed of spiritualized humanity. The Fifth Creative Hierarchy is composed of those who only long ago were humanity and who passed through all possible human incarnations.

314. Ở đây chúng ta phải thận trọng vì "giới thứ năm", "giới tinh thần", không đồng nhất với Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm. Giới thứ năm được cấu thành bởi nhân loại đã được tinh thần hóa. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm được cấu thành bởi những Đấng từ rất lâu trước kia đã từng là nhân loại và đã đi qua mọi lần lâm phàm có thể có của con người.

315. We could wonder whether it might not be more accurate to say that the Fifth Creative Hierarchy *ensouls.* It is not the fifth kingdom which provides the soul nature for man on the systemic higher mental plane, but, rather, the Fifth Creative Hierarchy—the Solar Angels.

315. Chúng ta có thể tự hỏi liệu có phải sẽ chính xác hơn nếu nói rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm *phú linh.* Không phải giới thứ năm cung cấp bản chất linh hồn cho con người trên Cõi thượng trí của hệ, mà đúng hơn là Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm—các Thái dương Thiên Thần.

316. Once, however, individualization takes place and the Fifth Creative Hierarchy engages with animal man creating the fourth kingdom, then the fifth kingdom begins to grow and the time comes when an Ego emerges on the higher mental plane as an independent, directing center which can be said to *ensoul* the *fourth* kingdom.

316. Tuy nhiên, một khi biệt ngã hóa diễn ra và Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm gắn kết với người thú để tạo nên giới thứ tư, thì giới thứ năm bắt đầu tăng trưởng và thời điểm đến khi một chân ngã xuất hiện trên cõi thượng trí như một trung tâm độc lập, chỉ đạo, có thể được nói là *phú linh* cho giới *thứ tư.*

These figures [Page 688] should be studied for they hold the mystery hid, and though the true occult meaning will not be revealed until the third major Initiation,

317. By this is meant either the third initiation (or the transfiguration initiation) or the fifth initiation, as the third initiation is considered the first *major* initiation.

318. The number three is always associated with mathematics and cycles. Aquarius, in which sign the Science of Cycles is mastered, is the third zodiacal sign counting clockwise from Aries.

nor fully comprehended until the fifth, yet light may stream in on a difficult point.

319. By "the fifth", DK probably means the Initiation of Mastership, and yet the fifth *major* initiation is really the seventh.

Equally so in the next solar system, individualisation (if such an inadequate term may be applied to a state of consciousness inconceivable even to an initiate of the third Initiation) will not be possible until the second or sixth stage of Pleroma.

320. By the second or sixth stage of Pleroma, the activity and consciousness of the monadic plane is indicated—the second plane from one perspective and the sixth from another.

321. The individualization in the third solar system will not be individualization as we

Những hình này [Page 688] cần được nghiên cứu vì chúng nắm giữ huyền nhiệm ẩn tàng, và dù ý nghĩa huyền bí đích thực sẽ không được tiết lộ cho đến lần Điểm đạo lớn thứ ba,

317. Điều này có nghĩa là hoặc lần điểm đạo thứ ba (hay điểm đạo Biến hình) hoặc lần điểm đạo thứ năm, vì lần điểm đạo thứ ba được xem là lần điểm đạo *lớn* đầu tiên.

318. Con số ba luôn gắn liền với toán học và các chu kỳ. Bảo Bình, dấu hiệu hoàng đạo trong đó Khoa Học về Các Chu Kỳ được làm chủ, là dấu hiệu hoàng đạo thứ ba nếu đếm theo chiều kim đồng hồ từ Bạch Dương.

cũng không được thấu hiểu trọn vẹn cho đến lần thứ năm, tuy vậy ánh sáng có thể tuôn vào một điểm khó.

319. Với "lần thứ năm", Chân sư DK có lẽ muốn nói đến Điểm đạo Chân sư, tuy nhiên lần điểm đạo *lớn* thứ năm thực ra là lần thứ bảy.

Tương tự như vậy trong hệ mặt trời kế tiếp, biệt ngã hóa (nếu một thuật ngữ không đầy đủ như thế có thể được áp dụng cho một trạng thái tâm thứckhông thể nghĩ bàn ngay cả đối với một điểm đạo đồ của lần Điểm đạo thứ ba) sẽ không thể có cho đến giai đoạn thứ hai hoặc thứ sáu của Pleroma.

320. Bởi giai đoạn thứ hai hoặc thứ sáu của Pleroma, hoạt động và tâm thức của cõi chân thần được chỉ ra—là cõi thứ hai từ một góc nhìn và là cõi thứ sáu từ một góc nhìn khác.

321. Sự biệt ngã hóa trong hệ mặt trời thứ ba sẽ không phải là biệt ngã hóa như chúng ta đã kinh nghiệm trong hệ mặt trời thứ hai.

have experienced it in the second solar system.

322. If the spark of mind (with the latent potentials of the other two aspects) was planted, will the presence of both intelligence and love-wisdom be established at the outset, with the will aspect latent, though 'up for development'?

323. DK is telling us of a fivefold development which must occur before that which (in the third solar system) will be called individualization can transpire.

Consciousness will blaze forth then on the Monadic plane, and it will be the plane of individualisation.

324. The monadic plane becomes the plane of individualization in the third major solar system.

325. It is consciousness that will blaze forth. Sometimes it is said that consciousness is abrogated once the realm of the spiritual triad is entered. The sense of this thought is probably that "consciousness as we know it" is abrogated.

326. The consciousness which will blaze forth will not express the unit of the higher mental plane but the sense of participatory identification characteristic of the monadic plane—yet, who really can describe what that consciousness will be?

All states of consciousness below that high level will be to the Logos what the consciousness of the three worlds is to Him now.

322. Nếu tia lửa của trí tuệ (với các tiềm năng tiềm ẩn của hai phương diện kia) đã được gieo trồng, thì liệu sự hiện diện của cả thông tuệ lẫn Bác Ái – Minh Triết sẽ được thiết lập ngay từ đầu, với phương diện ý chí còn tiềm ẩn, dù "sẵn để phát triển" chăng?

323. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về một sự phát triển ngũ phân phải xảy ra trước khi điều mà (trong hệ mặt trời thứ ba) sẽ được gọi là biệt ngã hóa có thể diễn ra.

Tâm thức khi ấy sẽ bùng cháy rực lên trên cõi chân thần, và đó sẽ là cõi của biệt ngã hóa.

324. Cõi chân thần trở thành cõi của biệt ngã hóa trong hệ mặt trời lớn thứ ba.

325. Chính tâm thức sẽ bùng cháy rực lên. Đôi khi người ta nói rằng tâm thức bị bãi bỏ một khi lĩnh vực của Tam Nguyên Tinh Thần được đi vào. Ý nghĩa của tư tưởng này có lẽ là "tâm thức như chúng ta biết" bị bãi bỏ.

326. Tâm thức sẽ bùng cháy rực lên ấy sẽ không biểu lộ đơn vị của cõi thượng trí mà là cảm thức đồng hoá tham dự đặc trưng của cõi chân thần—nhưng ai thực sự có thể mô tả tâm thức ấy sẽ là gì?

Mọi trạng thái tâm thức dưới cấp độ cao ấy sẽ đối với Thượng đế cũng như tâm thức của ba cõi giới đối với Ngài hiện nay.

327. We appear to be speaking (at least initially) of the Solar Logos and not of the Planetary Logos.

327. Dường như chúng ta đang nói đến (ít nhất là lúc đầu) Thái dương Thượng đế chứ không phải Hành Tinh Thượng Đế.

328. The five will replace the three as being non-principled.

328. Năm sẽ thay thế ba như là cái không nguyên khí.

329. May it be that just as there is a division upon the mental plane in this solar system, there will be a division upon the atmic plane in the next solar system, with the Solar Logos considering *all* five lower subplanes of the cosmic physical plane as non-principled whereas the Planetary Logos will consider the same systemic planes as unprincipled (with the exception of the higher three systemic subplanes of the atmic plane)?

329. Có thể chăng cũng như có một sự phân chia trên cõi trí trong hệ mặt trời này, sẽ có một sự phân chia trên cõi atma trong hệ mặt trời kế tiếp, với việc Thái dương Thượng đế xem *tất cả* năm cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ là không nguyên khí, trong khi Hành Tinh Thượng Đế sẽ xem cùng những cõi của hệ ấy là không nguyên khí (ngoại trừ ba cõi phụ cao của cõi atma của hệ)?

Just as the physical body of man is not a principle, so all planes at this time below the fourth cosmic ether are not considered by the Logos to be a principle.

Cũng như thể xác của con người không phải là một nguyên khí, thì vào lúc này mọi cõi dưới dĩ thái vũ trụ thứ tư đều không được Thượng đế xem là một nguyên khí.

330. We are speaking of the Solar Logos and not the Planetary Logos.

330. Chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế chứ không phải Hành Tinh Thượng Đế.

331. The dimension on which the egoic lotus is to be found is, therefore, not considered principled by the Solar Logos.

331. Do đó, chiều kích trong đó Hoa Sen Chân Ngã được tìm thấy không được Thái dương Thượng đế xem là có nguyên khí.

Our present solar Angels or fire devas will then have a position analogous to that of the lunar Pitris now,

Các Thái dương Thiên Thần hay hỏa thiên thần hiện nay của chúng ta khi ấy sẽ có một vị trí tương tự như vị trí của các thái âm tổ phụ hiện nay,

332. This is a most intriguing statement. Will our *present* Solar Angels still remain with the next solar system, even though they have already been to Sirius once in order to become the Solar Angels they now are?

332. Đây là một phát biểu hết sức gợi tò mò. Liệu các Thái dương Thiên Thần *hiện nay* của chúng ta vẫn sẽ còn ở lại với hệ mặt trời kế tiếp chăng, dù các Ngài đã từng đến Sirius một lần để trở thành các Thái dương Thiên Thần như hiện nay?

333. We read that certain of the *present* solar angelic groups re to be breathed forth as Planetary Logoi in a later kalpa—presumably, the next mahamanvantara.

333. Chúng ta đọc thấy rằng một số nhóm thiên thần thái dương *hiện nay* sẽ được thở ra như các Hành Tinh Thượng Đế trong một kalpa về sau—có lẽ là trong Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp.

whilst the three higher groups are carried (by the force and energy generated in the fiery furnace and blaze, and through the stimulation produced by the blazing forth of the central jewel) straight to the central spiritual sun, **there to abide until another kalpa calls them forth to sacrifice Themselves, this time as planetary Logoi.** (TCF 878)

trong khi ba nhóm cao hơn được mang đi (bởi mãnh lực và năng lượng được tạo ra trong lò lửa và ngọn lửa rực cháy, và qua sự kích thích do viên ngọc trung tâm bùng sáng tạo nên) thẳng đến Mặt trời Tinh thần Trung Ương, **để ở đó cho đến khi một kalpa khác gọi các Ngài ra để hi sinh chính Các Ngài, lần này như các Hành Tinh Thượng Đế.** (TCF 878)

334. Perhaps if we knew the meaning of "another kalpa" we could solve the problem.

334. Có lẽ nếu chúng ta biết ý nghĩa của "một kalpa khác" thì có thể giải được vấn đề này.

335. It is hard to imagine that our "present solar Angels or fire devas" (Who are already far more advanced than the human Monad on its own plane—because they, or at least some of them, are "initiates of all degrees") could be subject to that which will individualize on the monadic plane in the next solar system. There are many mysteries here.

335. Thật khó hình dung rằng "các Thái dương Thiên Thần hay hỏa thiên thần hiện nay" của chúng ta (Những Đấng vốn đã tiến bộ hơn rất nhiều so với chân thần con người trên chính cõi của nó—bởi vì các Ngài, hay ít nhất một số trong các Ngài, là "những điểm đạo đồ ở mọi cấp độ") lại có thể lệ thuộc vào điều sẽ biệt ngã hóa trên cõi chân thần trong hệ mặt trời kế tiếp. Ở đây có nhiều huyền nhiệm.

336. Much of present day, humanity, however, *will* pass to Sirius and there become Solar Angels. They will return to the third solar system (if the analogy holds), and should be, it is hinted, even higher then than present day Solar Angels are now. To what types of lives could they/we (as Solar Angels of the future) be subject? To those Lives which are known as "Spirits of Darkness"?

336. Tuy nhiên, phần lớn nhân loại ngày nay *sẽ* đi đến Sirius và ở đó trở thành các Thái dương Thiên Thần. Họ sẽ trở lại trong hệ mặt trời thứ ba (nếu phép loại suy còn đúng), và như được ám chỉ, khi ấy hẳn sẽ còn cao hơn cả các Thái dương Thiên Thần ngày nay hiện đang là. Chúng ta/họ (với tư cách các Thái dương Thiên Thần của tương lai) có thể lệ thuộc vào những loại sự sống nào? Có phải là những Sự Sống được biết đến như "Các Tinh thần Bóng tối" chăng?

337. In any case, simplifying the matter greatly, DK seems to be telling us that the principle of love will be secondary to the principle of will.

337. Dù sao đi nữa, nếu đơn giản hóa vấn đề rất nhiều, Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng nguyên khí bác ái sẽ là thứ yếu so với nguyên khí ý chí.

338. What type of Being will be considered superior to those who are now Solar Angels expressive of solar fire? Certainly not the type of man who will individualize only in the third solar system or who will simply continue at that time the human development begun in this solar system.

338. Loại Hữu thể nào sẽ được xem là cao hơn những Đấng hiện nay là các Thái dương Thiên Thần biểu lộ lửa thái dương? Chắc chắn không phải loại người sẽ chỉ biệt ngã hóa trong hệ mặt trời thứ ba hoặc khi ấy chỉ đơn thuần tiếp tục sự phát triển nhân loại đã khởi đầu trong hệ mặt trời này.

339. Yet present man, if he becomes a Solar Angel, will return to our solar system during the next mahamanvantara and will continue to evolve during that mahamanvantara. It is just that his form of evolution will be very different to that pursued by present-day Solar Angels in this mahamanvantara.

339. Tuy nhiên, con người hiện nay, nếu trở thành một Thái dương Thiên Thần, sẽ trở lại hệ mặt trời của chúng ta trong Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp và sẽ tiếp tục tiến hoá trong Đại giai kỳ sinh hóa ấy. Chỉ là hình thức tiến hoá của y sẽ rất khác với hình thức mà các Thái dương Thiên Thần ngày nay đang theo đuổi trong Đại giai kỳ sinh hóa này.

340. If in the present solar system, the Solar Angels are embodiments of buddhi but become expressive on the systemic higher mental plane, will it be possible that in the next solar system, the Solar Angels will be embodiments of the energy of the second systemic plane, and become expressive on the higher atmic plane of that system?

340. Nếu trong hệ mặt trời hiện nay, các Thái dương Thiên Thần là những hiện thân của Bồ đề nhưng trở nên biểu lộ trên Cõi thượng trí của hệ, thì có thể chăng trong hệ mặt trời kế tiếp, các Thái dương Thiên Thần sẽ là những hiện thân của năng lượng của cõi thứ hai của hệ, và trở nên biểu lộ trên cõi atma cao của hệ ấy?

341. What I am suggesting is that the division in the mental plane characteristic of our present solar system will become a division in the atmic plane during the next solar system.

341. Điều tôi đang gợi ý là sự phân chia trong cõi trí đặc trưng cho hệ mặt trời hiện nay của chúng ta sẽ trở thành một sự phân chia trong cõi atma trong hệ mặt trời kế tiếp.

for all will form a part of the divine consciousness, and yet, will be esoterically considered as "below the threshold" of consciousness.

vì tất cả sẽ tạo thành một phần của tâm thức thiêng liêng, nhưng về mặt huyền bí vẫn sẽ được xem là “ở dưới ngưỡng” của tâm thức.

342. The threshold will be that energy barrier separating the fifth from the sixth cosmic subplane of the cosmic physical plane (or the third from the second)—depending on the way of counting.

342. Ngưỡng ấy sẽ là rào cản năng lượng phân cách cõi phụ vũ trụ thứ năm với cõi phụ vũ trụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ (hay cõi thứ ba với cõi thứ hai)—tùy theo cách đếm.

343. It will be analogous to the barrier which presently separates the fifth cosmic subplane (counting from above) from the fourth.

343. Nó sẽ tương tự với rào cản hiện đang phân cách cõi phụ vũ trụ thứ năm (nếu đếm từ trên xuống) với cõi thứ tư.

344. There is also (in our present solar system) a barrier separating the lower mental plane from the higher mental plane. This division may be the anticipation of a situation in which the lower atmic subplanes will be separated from the higher three atmic subplanes of the future system.

344. Cũng có (trong hệ mặt trời hiện nay của chúng ta) một rào cản phân cách cõi hạ trí với Cõi thượng trí. Sự phân chia này có thể là sự báo trước của một tình huống trong đó các cõi phụ atma thấp sẽ bị tách khỏi ba cõi phụ atma cao của hệ tương lai.

345. If lunar devas were characteristic of the first major solar system, and solar devas of the second, shall it be Spirit-devas Who are characteristic of the next solar system? And would such 'Spirit-devas' be related to the "Spirits of Darkness".

345. Nếu các thiên thần thái âm là đặc trưng của hệ mặt trời lớn thứ nhất, và các thiên thần thái dương là đặc trưng của hệ thứ hai, thì liệu có phải các thiên thần-tinh thần sẽ là đặc trưng của hệ mặt trời kế tiếp chăng? Và liệu những 'thiên thần-tinh thần' như thế có liên hệ với "Các Tinh thần Bóng tối" chăng.

Man has to learn to control, guide and use the deva substances of which his lower sheaths are made; **this goal involves the development of full self-consciousness,** which is brought about through the agency of the solar Angels or builders and vitalisers of the egoic body; they are those through whom self-consciousness becomes a fact.

Con người phải học cách kiểm soát, hướng dẫn và sử dụng các chất liệu thiên thần mà các vỏ bọc thấp của y được tạo nên từ đó; **mục tiêu này bao hàm sự phát triển của ngã thức trọn vẹn,** điều được mang lại qua tác nhân của các Thái dương Thiên Thần hay các đấng kiến tạo và tiếp sinh lực cho thể chân ngã; các Ngài là những Đấng nhờ đó ngã thức trở thành một sự kiện.

346. Control of the un-self-conscious evolutionary devas is, in this solar system, achieved through the agency of the Solar Angels.

346. Sự kiểm soát các thiên thần thăng thượng tiến hoá chưa tự ngã thức, trong hệ mặt trời này, được đạt tới qua tác nhân của các Thái dương Thiên Thần.

347. Through the development of full self-consciousness (a gift impulsed and nourished by the Solar Angels) this type of control is achieved.

347. Qua sự phát triển của ngã thức trọn vẹn (một tặng phẩm được các Thái dương Thiên Thần thúc đẩy và nuôi dưỡng), loại kiểm soát này được đạt tới.

348. What type of control will be required in the next solar system? Will it be the control of the unitive impulse, ensuring that it does not contravene Divine Will and Divine Purpose?

348. Loại kiểm soát nào sẽ được đòi hỏi trong hệ mặt trời kế tiếp? Liệu đó có phải là sự kiểm soát xung lực hợp nhất, bảo đảm rằng nó không đi ngược lại Ý Chí thiêng liêng và Thiên Ý chăng?

In the next solar system they too will no longer embody the type of consciousness towards which **man** aspires; he will have to rise to still greater realisations, and again by occultly "putting his foot upon" them these higher realisations will become possible.

Trong hệ mặt trời kế tiếp, chính các Ngài cũng sẽ không còn hiện thân cho loại tâm thức mà **con người** khát vọng hướng tới; y sẽ phải vươn lên đến những chứng nghiệm còn lớn lao hơn nữa, và một lần nữa bằng cách huyền bí "đặt chân lên" các Ngài, những chứng nghiệm cao hơn này sẽ trở nên khả hữu.

349. It seems that some type of manasa-deva (expressive of love-wisdom and solar fire) will, indeed, abide in the next solar system, but that the man of that system will have a different attitude towards them.

349. Dường như một loại manasa-deva nào đó (biểu lộ Bác Ái – Minh Triết và lửa thái dương) quả thực sẽ còn tồn tại trong hệ mặt trời kế tiếp, nhưng con người của hệ ấy sẽ có một thái độ khác đối với họ.

350. He will, occultly, have to put his foot upon them.

350. Về mặt huyền bí, y sẽ phải đặt chân lên họ.

351. Are we saying that the type of "man" of the next solar system will rise 'above' the manasadevas? This could be a paradoxical, at best problematical, assertion.

351. Có phải chúng ta đang nói rằng loại "con người" của hệ mặt trời kế tiếp sẽ vươn 'cao hơn' các manasadeva chăng? Đây có thể là một khẳng định nghịch lý, ít nhất cũng rất đáng nghi vấn.

352. We cannot imagine that the spiritual progress of man will have outstripped the progress of those who are *now* Solar Angels, for they are already "initiates of all degrees" and it would not make sense that their progress should cease while man's advanced.

352. Chúng ta không thể tưởng tượng rằng sự tiến bộ tinh thần của con người sẽ vượt qua sự tiến bộ của những Đấng *hiện nay* là các Thái dương Thiên Thần, vì các Ngài đã là "những điểm đạo đồ ở mọi cấp độ", và sẽ không hợp lý nếu sự tiến bộ của các Ngài

dừng lại trong khi sự tiến bộ của con người lại tiếp tục.

353. But apparently, there will be bearers of solar fire in that system, and monadic man (on whatever plane His Monad will be originating and expressing) will have to dominate the solar fire expressed by these manasadevas.

353. Nhưng rõ ràng, sẽ có những đấng mang lửa thái dương trong hệ ấy, và con người chân thần (trên bất cứ cõi nào mà Chân thần của y sẽ khởi nguyên và biểu lộ) sẽ phải chế ngự lửa thái dương được biểu lộ bởi các manasadeva này.

In this solar system he has to mount by the putting his foot upon the serpent of matter.

Trong hệ mặt trời này y phải leo lên bằng cách đặt chân lên con rắn của vật chất.

354. "Matter" is considered to be the unprincipled substance of the lower eighteen systemic subplanes.

354. "Vật chất" được xem là chất liệu không nguyên khí của mười tám cõi phụ thấp của hệ.

He rises by domination of matter and becomes himself a serpent of wisdom.

Y vươn lên bằng sự chế ngự vật chất và chính y trở thành một con rắn minh triết.

355. A "serpent of wisdom" is a being who is expressive of both intelligence and love-wisdom. A Master (in the present solar system) is a "serpent of wisdom".

355. Một "con rắn minh triết" là một hữu thể biểu lộ cả thông tuệ lẫn Bác Ái – Minh Triết. Một Chân sư (trong hệ mặt trời hiện nay) là một "con rắn minh triết".

In the next solar system he will mount upward by means of the "serpent of wisdom," and by the domination [Page 689] and control of the Agnishvattas,

Trong hệ mặt trời kế tiếp y sẽ đi lên nhờ "con rắn minh triết", và nhờ sự chế ngự [Page 689] và kiểm soát các Agnishvatta,

356. The question is—*who* will be the Agnishvattas? Since perhaps eighty percent of present humanity is going to tread the Path to Sirius to become Solar Angels, what will their relation be to life and process in the next solar system?

356. Câu hỏi là—*ai* sẽ là các Agnishvatta? Vì có lẽ khoảng tám mươi phần trăm nhân loại hiện nay sẽ bước trên Con đường đến Sirius để trở thành các Thái dương Thiên Thần, nên mối liên hệ của họ với sự sống và tiến trình trong hệ mặt trời kế tiếp sẽ là gì?

357. What will be the function of Solar Angels in the next solar system? How is it that in the present solar system, the Agnishvattas are definitely of greater spiritual status than man, while in the next solar system, man will be of greater status

357. Chức năng của các Thái dương Thiên Thần trong hệ mặt trời kế tiếp sẽ là gì? Làm sao mà trong hệ mặt trời hiện nay, các Agnishvatta rõ ràng có địa vị tinh thần cao hơn con người, trong khi trong hệ mặt trời kế tiếp, con người lại sẽ có địa vị cao hơn các

than the Agnishvattas? We must assume that there is much pertinent knowledge which is not at our disposal.

358. Will the "man" of that solar system be *other* than those who have trodden the Path to Sirius after achieving the sixth initiation in this solar system? Will such "men" dominate those who (as men in the present solar system) have gone to that distant Source and returned in the next solar system as Solar Angels?

359. Not all men of the present solar system will travel to Sirius to become Solar Angels. Will those who do not, but who appear again in the next solar system, be in advance of those who have gone to Sirius to become manasadevas?

360. It does not really make sense that those who are *presently* Solar Angels will be inferior to those who, presently, are only men.

361. Further, it seems evident that those who are *presently* manasadevas will no longer be so in the next solar system. Will they not be Planetary Logoi of greater or lesser stature? (cf. TCF 844)

362. We can see that there are some intriguing questions here and they arise if one studies the material carefully and searches for implications.

363. We presently live in an astral-buddhic solar system in which, it seems, the Solar Angels are superior in their power to man. The next solar system will no longer be

Agnishvatta? Chúng ta phải giả định rằng có nhiều tri thức thích đáng hiện không nằm trong tầm tay chúng ta.

358. Liệu "con người" của hệ mặt trời ấy có phải là những kẻ *khác* với những người đã bước trên Con đường đến Sirius sau khi đạt lần điểm đạo thứ sáu trong hệ mặt trời này chăng? Liệu những "con người" như thế sẽ chế ngự những kẻ mà (với tư cách con người trong hệ mặt trời hiện nay) đã đi đến Nguồn xa xôi ấy và trở lại trong hệ mặt trời kế tiếp như các Thái dương Thiên Thần chăng?

359. Không phải mọi người trong hệ mặt trời hiện nay đều sẽ đi đến Sirius để trở thành các Thái dương Thiên Thần. Liệu những người không đi, nhưng lại xuất hiện lần nữa trong hệ mặt trời kế tiếp, có sẽ đi trước những người đã đến Sirius để trở thành các manasadeva chăng?

360. Thật ra không hợp lý khi những Đấng *hiện nay* là các Thái dương Thiên Thần lại thấp hơn những kẻ hiện nay chỉ mới là con người.

361. Hơn nữa, dường như hiển nhiên rằng những Đấng *hiện nay* là các manasadeva sẽ không còn như thế trong hệ mặt trời kế tiếp. Chẳng phải các Ngài sẽ là những Hành Tinh Thượng Đế với tầm vóc lớn hay nhỏ hơn sao? (xem TCF 844)

362. Chúng ta có thể thấy rằng ở đây có một số câu hỏi rất gợi tò mò, và chúng nảy sinh nếu người ta nghiên cứu tài liệu một cách cẩn thận và truy tìm các hàm ý.

363. Hiện nay chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề, trong đó dường như các Thái dương Thiên Thần vượt trội con người về quyền năng. Hệ mặt trời kế tiếp

astral buddhic, but a love-will solar system. Perhaps that is the reason why man will be superior to the manasadevas.

sẽ không còn là cảm dục-Bồ đề nữa, mà là một hệ mặt trời bác ái-ý chí. Có lẽ đó là lý do vì sao con người sẽ vượt trội các manasadeva.

achieve something of which even the illuminated mind of the highest Dhyan-chohan can not yet conceive.

đạt được một điều mà ngay cả trí tuệ được soi sáng của vị Dhyan-chohan cao nhất cũng chưa thể hình dung nổi.

364. "Matter", however, will be indicated by *five* cosmic subplanes.

364. Tuy nhiên, "vật chất" sẽ được chỉ định bởi *năm* cõi phụ vũ trụ.

365. It seems that what is to be considered matter is relative.

365. Dường như điều được xem là vật chất là tương đối.

366. The "highest Dhyan-chohan" may well include those who are presently Solar Angels.

366. "Vị Dhyan-chohan cao nhất" rất có thể bao gồm những Đấng hiện nay là các Thái dương Thiên Thần.

367. What is being said is that any of those whom we presently call Masters or Chohans (as well as, perhaps, those we call Solar Angels) cannot conceive of the spiritual developments intended for the next solar system.

367. Điều đang được nói là bất kỳ ai trong số những Đấng mà hiện nay chúng ta gọi là các Chân sư hay Chohan (cũng như, có lẽ, những Đấng chúng ta gọi là các Thái dương Thiên Thần) đều không thể hình dung những phát triển tinh thần được dự định cho hệ mặt trời kế tiếp.

368. How can DK speak of these things when He is not yet a high Chohan or even a Solar Angel?

368. Làm sao Chân sư DK có thể nói về những điều này khi Ngài chưa phải là một Chohan cao hay thậm chí là một Thái dương Thiên Thần?

369. At least He must be able to see the trend even though realizing it is beyond His own complete comprehension and the comprehension of Those Who are of greater spiritual status than He.

369. Ít nhất Ngài hẳn phải có thể thấy được xu hướng, dù nhận ra rằng điều ấy vượt quá sự thấu hiểu trọn vẹn của chính Ngài và của Những Đấng có địa vị tinh thần cao hơn Ngài.

TCF 689-698: S6S10

Part I

7 – 14 February 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

1. Our study in this section of text focuses on the Fifth Logoic Principle.

2. We continue our study of the Agnishvattas.

a. The Fifth Principle.

The solar Angels are the Pitris, the builders of the body of the Ego, and the producers of individualisation or the realised consciousness, the Agnishvattas, the great devas of Mind.

3. Let us tabulate these terms for clarity, adding names which have been accumulating in our studies: The Solar Angels are:

Phần I

7 – 14 tháng 2 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị nên **đọc phần Bình luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. Việc nghiên cứu của chúng ta trong phần văn bản này tập trung vào Nguyên khí Logoic thứ năm.

2. Chúng ta tiếp tục nghiên cứu các Agnishvatta.

a. Nguyên khí thứ năm.

Các Thái dương Thiên Thần là các Pitri, những đấng kiến tạo thể của chân ngã, và là những đấng tạo ra biệt ngã hóa hay tâm thức được chứng nghiệm, các Agnishvatta, những đại thiên thần của Trí Tuệ.

3. Hãy lập bảng các thuật ngữ này cho rõ ràng, đồng thời thêm vào những danh xưng đã tích lũy trong quá trình nghiên cứu của chúng ta: Các Thái dương Thiên Thần là:

a. Builders of the body of the Ego

b. Produces of individualization

c. Producers of realized consciousness

d. The Agnishvattas

e. The “great devas of Mind”.

f. And we can add the following names which have been accumulating:

g. The self-consciousness principles

h. The Builders of the egoic body

i. Planetary spirits

j. Asuras

k. Solar Angels

l. Fire Dhyanis

m. Manasadevas

n. “Sons of Wisdom”

o. The vehicles of the Divine Mind

p. The dhyan-chohanic forces

q. The aggregate of the Ah-hi

4. An important thing is here said: individualization is “realised consciousness”. This calls the our attention

a. Những đấng kiến tạo thể của Chân ngã

b. Những đấng tạo ra biệt ngã hóa

c. Những đấng tạo ra tâm thức được chứng nghiệm

d. Các Agnishvatta

e. “Những đại thiên thần của Trí Tuệ”.

f. Và chúng ta có thể thêm những danh xưng sau đây đã được tích lũy:

g. Các nguyên khí ngã thức

h. Những Đấng Kiến Tạo của thể chân ngã

i. Các tinh thần hành tinh

j. Các Asura

k. Các Thái dương Thiên Thần

l. Các Hỏa Dhyanis

m. Các Manasadeva

n. “Các Con của Minh Triết”

o. Các vận cụ của Trí Tuệ thiêng liêng

p. Các mãnh lực dhyan-chohanic

q. Tổng thể của các Ah-hi

4. Ở đây có một điều quan trọng được nói ra: biệt ngã hóa là “tâm thức được chứng nghiệm”. Điều này khiến chúng ta chú ý đến

the fact that there is, indeed, consciousness before there is "realized consciousness".

sự kiện rằng quả thực có tâm thức trước khi có "tâm thức được chứng nghiệm".

5. There is knowing before there is knowing that there is knowing.

5. Có sự biết trước khi có sự biết rằng có sự biết.

6. There is consciousness before consciousness becomes an object of that very consciousness.

6. Có tâm thức trước khi tâm thức trở thành một đối tượng của chính tâm thức ấy.

7. Knowing itself becomes an object of consciousness.

7. Chính sự biết trở thành một đối tượng của tâm thức.

8. "I" know that there is an "I" and of that "I", "I" am conscious.

8. "Tôi" biết rằng có một "tôi" và về "tôi" ấy, "tôi" có tâm thức.

Certain broad and general affirmations have been laid down with the purpose in view of opening up this stupendous and practical subject, and in an endeavour to link up this solar system in its fundamental manasic aspect with the past and the future.

Một số khẳng định rộng lớn và tổng quát đã được nêu ra với mục đích mở ra chủ đề vừa vĩ đại vừa thực tiễn này, và trong nỗ lực liên kết hệ mặt trời này trong phương diện manas căn bản của nó với quá khứ và tương lai.

9. Our subject is manas in the present solar system and its relation to manas in the previous solar system.

9. Chủ đề của chúng ta là manas trong hệ mặt trời hiện nay và mối liên hệ của nó với manas trong hệ mặt trời trước.

The section we are now approaching concerns the development of the **divine Manasaputras**, viewing them as a collective whole, containing the Divine Mind, and considering the individual Monad, who responds to Their life as a part of the body of these Dhyani Buddhas.

Phần mà hiện nay chúng ta đang tiến gần đến liên quan đến sự phát triển của các **Manasaputra thiêng liêng**, xét các Ngài như một toàn thể tập thể, chứa đựng Trí Tuệ thiêng liêng, và xét chân thần cá biệt, vốn đáp ứng với sự sống của Các Ngài như một phần của thể của các Dhyani Buddha này.

10. This is quite an amazing statement with many implications.

10. Đây là một phát biểu thật đáng kinh ngạc với nhiều hàm ý.

11. The "divine Manasaputras" are not the Solar Angels (who are only "Manasaputras"), though there is one reference which says otherwise:

11. Các "Manasaputra thiêng liêng" không phải là các Thái dương Thiên Thần (vốn chỉ là "Manasaputra"), mặc dù có một tham chiếu nói khác đi:

They are the "quality names" of the Divine Manasaputras, the Agnishvattas who are ourselves. (EA 188)

12. Usually, however "Divine Manasaputras" are Heavenly Men.

The seven Heavenly Men, the seven Divine Manasaputras, or the seven types of wisdom-love. (TCF 216)

13. Collectively all the "Divine Manasaputras" are the Divine Mind (the Mind of the Solar Logos) and, in addition, there are hosts of "Manasaputras" which are expressions of the Divine Mind to be found within every planetary scheme.

14. "Divine Manasaputras", therefore, are Planetary Logoi and are called as well, Dhyani Buddhas.

15. It is rare to find the term "Dhyani Buddhas" applied to a Being so exalted as a Planetary Logos.

16. The Monads are part of the body of the Planetary Logoi (here called Dhyani Buddhas) but are not part of the body of Solar Angels (sometimes called "Dhyanis" and often referred to simply as "Manasaputras").

(a.) Cosmically considered. An occult sentence has its place here. It holds the key to the mystery of the fivefold Dhyanis:

Các Ngài là những "danh xưng phẩm tính" của các Manasaputra thiêng liêng, các Agnishvatta là chính chúng ta. (EA 188)

12. Tuy nhiên, thông thường "Manasaputra thiêng liêng" là các Đấng Thiên Nhân.

Bảy Đấng Thiên Nhân, bảy Manasaputra thiêng liêng, hay bảy loại minh triết-bác ái. (TCF 216)

13. Xét tập thể, tất cả các "Manasaputra thiêng liêng" là Trí Tuệ thiêng liêng (Trí của Thái dương Thượng đế), và ngoài ra còn có vô số "Manasaputra" là những biểu lộ của Trí Tuệ thiêng liêng được tìm thấy trong mọi hệ hành tinh.

14. Vì vậy, "các Manasaputra thiêng liêng" là các Hành Tinh Thượng Đế và cũng được gọi là các Dhyani Buddhas.

15. Hiếm khi thấy thuật ngữ "Dhyani Buddhas" được áp dụng cho một Hữu thể cao cả như một Hành Tinh Thượng Đế.

16. Các chân thần là một phần của thể của các Hành Tinh Thượng Đế (ở đây được gọi là các Dhyani Buddhas) nhưng không phải là một phần của thể của các Thái dương Thiên Thần (đôi khi được gọi là "Dhyanis" và thường được nhắc đến đơn giản là "Manasaputras").

(a.) Xét theo vũ trụ. Một câu huyền bí có chỗ đứng ở đây. Nó nắm giữ chìa khóa cho huyền nhiệm của các Dhyanis ngũ phân:

17. Presumably, these Dhyanis are the Planetary Logoi but there is a possibility that DK could be referring to the Dhyanis Who are Solar Angels.

"The higher Three in cyclic unison sought to know and to be known. The lower Three (for we count not here the eighth) knew not nor saw; they only heard and touched. The fourth had not a place. The Fifth (which also is the fourth) formed at the middle point a cosmic TAU, which was reflected on the cosmic Seventh."

18. We can interpret this section from the Old Commentary in several ways:

a. In a dual solar systemic manner

i. From the perspective of the Creative Hierarchies

ii. From the perspective of the Kingdoms

b. In a microcosmic manner

c. In a devic manner

d. In a macrocosmic manner.

17. In we interpret in terms of our solar system we may have some difficulty distinguishing the *kingdoms* found throughout our solar system from the Creative Hierarchy of the solar system. They are not the same though, at certain junctures, one suspects they merge into each other. There is no easy way through this.

18. From the perspective of the ***Creative Hierarchies***:

17. Có lẽ các Dhyanis này là các Hành Tinh Thượng Đế, nhưng cũng có khả năng Chân sư DK đang nói đến các Dhyanis là các Thái dương Thiên Thần.

"Ba Đấng cao hơn trong sự hợp nhất theo chu kỳ tìm cách biết và được biết. Ba Đấng thấp hơn (vì ở đây chúng ta không tính đến đấng thứ tám) không biết cũng không thấy; các đấng ấy chỉ nghe và chạm. Đấng thứ tư chưa có chỗ. Đấng thứ Năm (cũng là đấng thứ tư) đã hình thành tại điểm ở giữa một TAU vũ trụ, được phản chiếu trên Đấng thứ Bảy vũ trụ."

18. Chúng ta có thể diễn giải đoạn này từ Cổ Luận theo nhiều cách:

a. Theo cách nhị nguyên của hệ mặt trời

i. Từ góc nhìn của các Huyền Giai Sáng Tạo

ii. Từ góc nhìn của các Giới

b. Theo cách tiểu thiên địa

c. Theo cách thiên thần

d. Theo cách đại thiên địa.

17. Nếu chúng ta diễn giải theo hệ mặt trời của chúng ta, có thể sẽ gặp đôi chút khó khăn khi phân biệt các *giới* hiện diện khắp hệ mặt trời của chúng ta với Huyền Giai Sáng Tạo của hệ mặt trời. Chúng không giống nhau, dù tại một số điểm giao nhau, người ta nghi ngờ rằng chúng hòa nhập vào nhau. Không có lối đi dễ dàng nào qua vấn đề này.

18. Từ góc nhìn của các ***Huyền Giai Sáng Tạo***:

a. The “higher Three” could be the devic Lives Who are the three highest Creative Hierarchies: the Divine Flames (Creative Hierarchy I); the Divine Builders (Creative Hierarchy II; the Lesser Builders or Triple Flowers (Creative Hierarchy III)

a. “Ba Đấng cao hơn” có thể là các Sự sống thiên thần là ba Huyền Giai Sáng Tạo cao nhất: các Ngọn Lửa Thiêng (Huyền Giai Sáng Tạo I); các Đấng Kiến Tạo Thiêng Liêng (Huyền Giai Sáng Tạo II); các vị tiểu kiến tạo hay các Hoa Tam Phân (Huyền Giai Sáng Tạo III)

b. The “lower Three” could be considered as the three lowest Creative Hierarchies: the lower part of the Fifth Creative Hierarchy who embody the “Human Personality”; the Sixth Creative Hierarchy or Lunar Lords; the Seventh Creative Hierarchy or Elemental Lives.

b. “Ba Đấng thấp hơn” có thể được xem là ba Huyền Giai Sáng Tạo thấp nhất: phần thấp của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm, vốn hiện thân cho “Phàm ngã Con Người”; Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu hay các nguyệt tinh quân; Huyền Giai Sáng Tạo thứ Bảy hay các sự sống hành khí.

c. The Fourth Creative Hierarchy of Human Monads existed long before the Fourth Kingdom (the Human *Kingdom*). The Fourth Creative Hierarchy “had not a place” (at least within the lower worlds) until the Fourth *Kingdom* had been created by the coming of the Higher Fifth (that part of the dual Fifth Creative Hierarchy represented by the Solar Angels).

c. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư của các chân thần nhân loại đã hiện hữu rất lâu trước khi có giới thứ tư (giới nhân loại *Giới*). Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư “chưa có chỗ” (ít nhất là trong các cõi thấp) cho đến khi giới thứ Tư *Giới* được tạo ra bởi sự xuất hiện của Đấng thứ Năm Cao Hơn (phần đó của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm nhị nguyên được đại diện bởi các Thái dương Thiên Thần).

d. The Fifth Creative Hierarchy “also is the fourth” (a strange statement in a way) because the Fourth Creative Hierarchy could not manifest or ‘have place’ on the lower planes as the Fourth *Kingdom* without the participation of the Fifth Creative Hierarchy.

d. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm “cũng là thứ tư” (theo một nghĩa nào đó là một phát biểu lạ) bởi vì Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư không thể biểu hiện hay ‘có chỗ’ trên các cõi thấp như giới thứ Tư *Giới* nếu không có sự tham dự của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm.

e. As for the “eighth”, we may assume that there is a Hierarchy of Lives related to the past and now living below the threshold of human consciousness. DK tells us of such lower life forms.

e. Còn về “đấng thứ tám”, chúng ta có thể giả định rằng có một Huyền Giai của các sự sống liên hệ với quá khứ và hiện đang sống dưới ngưỡng của tâm thức con người. Chân sư DK cho chúng ta biết về những dạng sống thấp hơn như thế.

19. From the perspective of ***Kingdoms*** we might say:

19. Từ góc nhìn của các ***Giới*** chúng ta có thể nói:

a. The “higher Three” could be the three highest Kingdoms—the Kingdom of Solar Lives (Seventh Kingdom), the Kingdom of Planetary Lives (Sixth Kingdom), the Spiritual Kingdom of Souls (Fifth Kingdom).

a. “Ba Đấng cao hơn” có thể là ba Giới cao nhất—Giới của các Sự sống Thái Dương (Giới thứ Bảy), Giới của các Sự sống Hành tinh (Giới thứ Sáu), Giới tinh thần của các linh hồn (Giới thứ Năm).

b. The “lower Three” could be seen as the lower three Kingdoms of Nature— the animal, vegetable and mineral kingdoms.

b. “Ba Đấng thấp hơn” có thể được xem là ba Giới thấp của Thiên Nhiên—giới động vật, giới thực vật và giới kim thạch.

c. The “eighth” is a group of lives, the existence of which is only hinted and which is lower than any of the evolving kingdoms.

c. “Đấng thứ tám” là một nhóm các sự sống, sự hiện hữu của nhóm này chỉ được ám chỉ và thấp hơn bất kỳ giới tiến hóa nào.

d. “The fourth had not a place” because the fourth or Human Kingdom did not yet exist, i.e., before the intervention of the Fifth Creative Hierarchy.

d. “Đấng thứ tư chưa có chỗ” bởi vì giới thứ tư hay giới Nhân Loại khi ấy chưa hiện hữu, tức là trước sự can thiệp của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm.

e. The “Fifth” can be interpreted as the Hierarchy of Solar Angels.

e. “Đấng thứ Năm” có thể được diễn giải là Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần.

f. The “Fifth” is “also the fourth” because it participates intimately in the manifested life of the Fourth Creative Hierarchy, and also in defining the Self-consciousness of the fourth kingdom—the human. We must wonder why the word “fourth” is not capitalized. If there is anything to be gained from studying the capitalization, the term “fourth” (lower case) would refer to the Human Kingdom and the word “Fourth” (higher case) would refer to the Fourth Creative Hierarchy.

f. “Đấng thứ Năm” “cũng là thứ tư” bởi vì đấng ấy tham dự mật thiết vào sự sống biểu hiện của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư, và cũng vào việc xác định ngã thức của giới thứ tư—con người. Chúng ta phải tự hỏi vì sao từ “thứ tư” lại không được viết hoa. Nếu có điều gì có thể đạt được từ việc nghiên cứu cách viết hoa, thì thuật ngữ “thứ tư” (chữ thường) sẽ chỉ giới Nhân Loại và từ “Thứ Tư” (chữ hoa) sẽ chỉ Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư.

g. If, however, we use the this interpretation (and, really, anything but a truly *cosmic* interpretation), we cannot remain entirely faithful to this Old Commentary Section, for the reflection takes place on the *systemic* seventh and not on the entire “cosmic Seventh”.

g. Tuy nhiên, nếu chúng ta dùng cách diễn giải này (và thật ra, bất cứ cách nào ngoài một cách diễn giải thực sự *vũ trụ*), chúng ta không thể hoàn toàn trung thành với đoạn Cổ Luận này, vì sự phản chiếu diễn ra trên đấng thứ bảy *của hệ thống* chứ không phải trên toàn bộ “Đấng thứ Bảy vũ trụ”.

20. In we interpret ***microcosmically***, we can only interpret in part.:

a. The "higher three" are the three aspects of the spiritual triad or the three higher principles—atma, buddhi and manas.

b. The "lower three" are the three lower principles or vehicles: lower mind, kama and prana/etheric body.

c. The lower three did not yet *see*—they are evolutionary devas which touch and hear but do not see.

d. The "eighth" which is not counted is the dense physical body.

e. The "fourth" in this instance is the self-consciousness man—with a *personality* arising because of the individualization process.

f. Again, the "Fifth" is the Fifth Creative Hierarchy which is responsible for producing the soul and its increasingly self-conscious personality.

21. From the perspective of the ***devas*** we will have to consider the following:

a. Three higher groups of Devas who seek to know and be known. These are devas of the higher three systemic planes—logoic, monadic and atmic.

b. The "lower Three" can be considered as

20. Nếu chúng ta diễn giải theo cách ***tiểu thiên địa***, chúng ta chỉ có thể diễn giải từng phần mà thôi:

a. "Ba đấng cao hơn" là ba phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần hay ba nguyên khí cao hơn—atma, Bồ đề và manas.

b. "Ba đấng thấp hơn" là ba nguyên khí hay vận cụ thấp hơn: hạ trí, kama và prana/thể dĩ thái.

c. Ba đấng thấp hơn vẫn chưa *thấy*—chúng là các thiên thần tiến hóa biết chạm và nghe nhưng không thấy.

d. "Đấng thứ tám" không được tính đến là thể xác đậm đặc.

e. "Đấng thứ tư" trong trường hợp này là con người có ngã thức—với một *phàm ngã* phát sinh do tiến trình biệt ngã hóa.

f. Một lần nữa, "Đấng thứ Năm" là Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm, chịu trách nhiệm tạo ra linh hồn và phàm ngã ngày càng có ngã thức của nó.

21. Từ góc nhìn của các ***thiên thần***, chúng ta sẽ phải xét đến những điều sau:

a. Ba nhóm thiên thần cao hơn tìm cách biết và được biết. Đây là các thiên thần của ba cõi cao hơn của hệ thống—logoic, chân thần và atma.

b. "Ba Đấng thấp hơn" có thể được xem là

i. The mental evolutionary devas (of the lower mental plane) who may or not be called lower Agnishvattas.

ii. The Agnisuryans

iii. The Agnichaitans

c. The higher Agnishvattas who are the "Fifth" can be considered as embodying the energy of buddhi and ensuring that the "fourth" or Human Kingdom emerges and has "a place".

22. In we interpret **macrocosmically**, interpretation can be complete but becomes difficult:

a. The fact that there is a reflection on the "cosmic Seventh" shows the tremendous magnitude of the processes described, for the "cosmic Seventh" is the cosmic physical plane.

b. We may not be able to determine the meaning of the "higher Three" and the "lower Three", but we are probably speaking of events which were to occur on the cosmic mental plane, and "the Fifth", instead of being the Fifth Creative Hierarchy, may be considered the higher correspondence of that Hierarchy—those super 'Solar Angels' responsible for the Individualization of the Grand Heavenly Man.

c. The individualization of that great Being (and of the Planetary Logoi upon the cosmic mental plane) resulted in a cosmic physical incarnation—incarnation upon the "cosmic Seventh".

i. các thiên thần tiến hóa trí tuệ (của cõi hạ trí), có thể được gọi hoặc không được gọi là các Agnishvatta thấp hơn.

ii. các Agnisuryans

iii. các Agnichaitans

c. Các Agnishvatta cao hơn là "Đấng thứ Năm" có thể được xem là hiện thân cho năng lượng của Bồ đề và bảo đảm rằng "đấng thứ tư" hay giới Nhân Loại xuất hiện và có "một chỗ".

22. Nếu chúng ta diễn giải theo cách **đại thiên địa**, sự diễn giải có thể trọn vẹn nhưng trở nên khó khăn:

a. Sự kiện có một sự phản chiếu trên "Đấng thứ Bảy vũ trụ" cho thấy tầm mức to lớn phi thường của các tiến trình được mô tả, vì "Đấng thứ Bảy vũ trụ" là cõi hồng trần vũ trụ.

b. Chúng ta có thể không xác định được ý nghĩa của "Ba Đấng cao hơn" và "Ba Đấng thấp hơn", nhưng có lẽ chúng ta đang nói đến những biến cố sẽ xảy ra trên cõi trí vũ trụ, và "Đấng thứ Năm", thay vì là Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm, có thể được xem là tương ứng cao hơn của Huyền Giai ấy—những 'Thái dương Thiên Thần' siêu việt chịu trách nhiệm cho sự biệt ngã hóa của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

c. Sự biệt ngã hóa của Hữu thể vĩ đại đó (và của các Hành Tinh Thượng Đế trên cõi trí vũ trụ) đã dẫn đến một lần lâm phàm hồng trần vũ trụ—sự lâm phàm trên "Đấng thứ Bảy vũ trụ".

23. There is certainly an interpretation of the Old Commentary section which involves Planetary Logoi as a "higher Three" and a "lower Three", but one is too likely to fall into error in the process of attempting to set it forth.

23. Chắc chắn có một cách diễn giải đoạn Cổ Luận này liên quan đến các Hành Tinh Thượng Đế như một "Ba Đấng cao hơn" và một "Ba Đấng thấp hơn", nhưng người ta quá dễ rơi vào sai lầm trong tiến trình cố gắng trình bày nó.

24. Perhaps it is in such a higher interpretation that a "cosmic TAU" would emerge. We can think of it as three arms of a Cosmic Cross perhaps involving certain zodiacal constellations.

24. Có lẽ chính trong một cách diễn giải cao hơn như thế mà một "TAU vũ trụ" sẽ xuất hiện. Chúng ta có thể nghĩ về nó như ba cánh tay của một Thập Giá Vũ Trụ, có lẽ liên quan đến một số chòm sao hoàng đạo nhất định.

25. It must be stated that it is not yet possible to untangle the relationship between:

25. Phải nói rằng hiện vẫn chưa thể tháo gỡ mối liên hệ giữa:

a. Creative Hierarchies

a. các Huyền Giai Sáng Tạo

b. Kingdoms

b. các Giới

c. Orders of Devic Lives

c. các cấp bậc của các Sự sống thiên thần

26. They all seem to blend together at various junctures and to merge one into another.

26. Tất cả chúng dường như hòa lẫn vào nhau tại nhiều điểm giao nhau khác nhau và nhập vào nhau.

27. For instance, the Human Kingdom, Kingdom of Souls and Kingdom of Planetary Lives are *all* members of the *Fourth* Creative Hierarchy. As human Monads also express through in-mineralization, in-vegetalization and in-zoonation, it could be said the human Monads of the Fourth Creative Hierarchy also express through the lower kingdoms of nature.

27. Thí dụ, giới Nhân Loại, giới các Linh Hồn và giới các Sự sống Hành tinh đều *đều* là thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo *Thứ Tư*. Vì các chân thần nhân loại cũng biểu lộ qua sự khoáng vật hóa, thực vật hóa và động vật hóa, nên có thể nói rằng các chân thần nhân loại của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư cũng biểu lộ qua các giới thấp của thiên nhiên.

28. What is the relation, for instance, between the Raja Deva Lords (of the higher three systemic planes) and Their substance-planar subordinates to the three highest Creative Hierarchies and to the three highest

28. Chẳng hạn, mối liên hệ giữa các Raja Deva Lords (của ba cõi cao hơn của hệ thống) và các thuộc hạ chất liệu-cõi của Các Ngài với ba Huyền Giai Sáng Tạo cao nhất và với ba Giới cao nhất là gì? Chúng dường như không

Kingdoms? They do not appear to be the same (i.e., their origin is quite different as is their function) but they seem to focus *on some of the same systemic planes* and yet we do not know enough truly to distinguish them).

phải là một (tức là, nguồn gốc của chúng khá khác nhau cũng như chức năng của chúng) nhưng chúng dường như tập trung *trên một số cõi của hệ thống giống nhau* và tuy vậy chúng ta không biết đủ để thực sự phân biệt chúng).

29. Let us close by saying that all these types of lives are involved in a great interplay upon the cosmic physical plane. Each group of lives, it seems, undergoes processes which are somewhat parallel to each of the other groups. The parallels exist between:

29. Chúng ta hãy kết thúc bằng cách nói rằng mọi loại sự sống này đều tham dự vào một sự tương tác lớn trên cõi hồng trần vũ trụ. Mỗi nhóm sự sống, dường như vậy, đều trải qua những tiến trình phần nào song song với từng nhóm khác. Các sự song song tồn tại giữa:

a. Planetary Logoi

a. các Hành Tinh Thượng Đế

b. Creative Hierarchies

b. các Huyền Giai Sáng Tạo

c. Kingdoms

c. các Giới

d. Devic Lives of the planes and subplanes

d. các Sự sống thiên thần của các cõi và cõi phụ

e. The principles of man

e. các nguyên khí của con người

30. We can conclude that the sentences from the Old Commentary are not easy to interpret and have, as well, several possible layers of interpretation.

30. Chúng ta có thể kết luận rằng các câu từ Cổ Luận không dễ diễn giải và cũng có nhiều tầng diễn giải khả dĩ.

H. P. B. states[27,28] [S.D. I, 200, 201; & S.D. I, 201; II 251, 252]

H. P. B. phát biểu27,28 [S.D. I, 200, 201; & S.D. I, 201; II 251, 252]

that the individualised Monad has more spiritual consciousness than the monad itself <u>on its own plane, the second</u>.

rằng chân thần đã được biệt ngã hóa có nhiều tâm thức tinh thần hơn chính chân thần trên cõi riêng của nó <u>là cõi thứ hai</u>.

31. We must certainly try to understand the meaning of this statement. Much will depend upon the meaning of the words “spiritual consciousness”. Certainly for the

31. Chúng ta chắc chắn phải cố gắng hiểu ý nghĩa của phát biểu này. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa của các từ “tâm thức tinh thần”. Chắc chắn đối với chân thần, sự biệt

Monad, individualization is a form of limitation (even though it offers opportunity on lower planes).

ngã hóa là một hình thức giới hạn (dù nó mang lại cơ hội trên các cõi thấp hơn).

32. It seems that HPB often associates the word "spiritual" with individuality.

32. Dường như HPB thường liên kết từ "tinh thần" với tính cá thể.

33. Perhaps we must consider "spiritual consciousness" to be a limitation on the state of "monadic awareness" (the consciousness of the Monad on its own plane—which cannot be negligible).

33. Có lẽ chúng ta phải xem "tâm thức tinh thần" là một sự giới hạn đối với trạng thái "nhận biết chân thần" (tâm thức của chân thần trên cõi riêng của nó—điều này không thể là không đáng kể).

34. HPB gives the impression that the human Monad is *passive.* This is not the same impression received from DK.

34. HPB tạo ấn tượng rằng chân thần con người là *thụ động.* Đây không phải là cùng một ấn tượng nhận được từ Chân sư DK.

It must be remembered here that the planetary Logoi are only in physical incarnation in our system,

Cần ghi nhớ ở đây rằng các Hành Tinh Thượng Đế chỉ đang lâm phàm hồng trần trong hệ thống của chúng ta,

35. In our solar system...which does not extend to the cosmic astral plane and beyond.

35. Trong hệ mặt trời của chúng ta...điều này không vươn tới cõi cảm dục vũ trụ và cao hơn nữa.

36. The physical incarnation of the Planetary Logoi is taken on the cosmic physical plane.

36. Sự lâm phàm hồng trần của các Hành Tinh Thượng Đế diễn ra trên cõi hồng trần vũ trụ.

their bodies of individualisation being on the cosmic mental plane,

các thể biệt ngã hóa của Các Ngài ở trên cõi trí vũ trụ,

37. "Bodies of individualisation" are causal bodies or egoic lotuses of the Planetary Logoi.

37. "Các thể biệt ngã hóa" là các thể nguyên nhân hay các Hoa Sen Chân Ngã của các Hành Tinh Thượng Đế.

therefore full expression for them [Page 690] is impossible during manifestation.

vì vậy sự biểu lộ trọn vẹn đối với Các Ngài [Page 690] là điều bất khả trong thời kỳ biểu hiện.

38. This is equivalent to saying that full manifestation is impossible for a human

38. Điều này tương đương với việc nói rằng sự biểu hiện trọn vẹn là bất khả đối với một

being upon the systemic physical plane because there is so much more to the man than can possibly manifest on that level.

con người trên cõi hồng trần của hệ thống, bởi vì nơi con người còn có nhiều điều hơn rất nhiều so với những gì có thể biểu hiện ở cấp độ đó.

39. When we spoke above of the cosmic or macrocosmic interpretation of the section of the Old Commentary under consideration, it was right to speak of the involvement of the cosmic mental plane and of a kind of "Fifth" which would be active in relation to the *cosmic* mental plane and not only to the systemic mental plane.

39. Khi ở trên chúng ta nói về cách diễn giải vũ trụ hay đại thiên địa của đoạn Cổ Luận đang được xem xét, thì việc nói đến sự liên hệ của cõi trí vũ trụ và của một loại "Đấng thứ Năm" sẽ hoạt động liên hệ với cõi trí *vũ trụ* chứ không chỉ với cõi trí của hệ thống là điều đúng đắn.

40. The kinds of Solar Angels involved with the human being have their *cosmic Counterparts.*

40. Những loại Thái dương Thiên Thần liên hệ với con người có các *Đối phần vũ trụ* của mình.

Relatively therefore, *during manifestation,* man is able to express *himself* fully when he attains the "consciousness of the high places."

Do đó, một cách tương đối, *trong thời kỳ biểu hiện,* con người có thể biểu lộ *chính mình* một cách trọn vẹn khi y đạt đến "tâm thức của những nơi cao".

41. For man, this would mean that he had achieved causal consciousness.

41. Đối với con người, điều này có nghĩa là y đã đạt được tâm thức nguyên nhân.

42. Given the stage of development of the Solar Logos and of our Planetary Logoi, this is not yet *cosmically* possible. Even the Solar Logos has not achieved the cosmic third initiation and thus does not have *cosmic causal consciousness.* This is even more the case for the Planetary Logoi Who—most of Them, it would seem—are working towards the cosmic *second* initiation in the series of initiation which pertain to Planetary Logoi.

42. Với giai đoạn phát triển của Thái dương Thượng đế và của các Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, điều này vẫn chưa thể có được một cách *vũ trụ*. Ngay cả Thái dương Thượng đế cũng chưa đạt đến lần điểm đạo thứ ba vũ trụ và do đó chưa có *tâm thức nguyên nhân vũ trụ.* Điều này lại càng đúng hơn đối với các Hành Tinh Thượng Đế, là những Đấng—dường như phần lớn trong Các Ngài—đang nỗ lực hướng tới lần điểm đạo *thứ hai* vũ trụ trong chuỗi điểm đạo liên hệ đến các Hành Tinh Thượng Đế.

43. The series of initiations which pertain to Planetary Logoi and the series which pertains to Solar Logoi may not be (in fact, probably are not) identical. Just as the series

43. Chuỗi điểm đạo liên hệ đến các Hành Tinh Thượng Đế và chuỗi liên hệ đến các Thái dương Thượng đế có thể không giống nhau (thật ra, có lẽ là không giống nhau).

of initiations through which man passes (even when man begins to pass through what are called "cosmic initiations" is almost certainly not identical with the "cosmic" initiations of Planetary Logoi and Solar Logoi.

Cũng như chuỗi điểm đạo mà con người đi qua (ngay cả khi con người bắt đầu đi qua những gì được gọi là "các điểm đạo vũ trụ") gần như chắc chắn không đồng nhất với các điểm đạo "vũ trụ" của các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế.

It should, therefore, be pointed out at the very beginning of our study of this fifth principle that the **divine Manasaputras** on their own plane must be considered from the standpoint of physical incarnation,

Vì vậy, ngay từ đầu việc nghiên cứu nguyên khí thứ năm này, cần chỉ ra rằng các **Manasaputra thiêng liêng** trên cõi riêng của Các Ngài phải được xem xét từ quan điểm của sự lâm phàm hồng trần,

44. Again, we are speaking of Planetary Logoi as "divine Manasaputras" and not of the "Manasadevas" or Solar Angels.

44. Một lần nữa, chúng ta đang nói về các Hành Tinh Thượng Đế như những "Manasaputra thiêng liêng" chứ không phải về các "Manasadevas" hay các Thái dương Thiên Thần.

45. This is as far as our limited understanding will permit us to go, and even then, only with the help of a super-mind such as Master DK.

45. Đây là mức xa nhất mà sự thấu hiểu giới hạn của chúng ta cho phép đi tới, và ngay cả như vậy cũng chỉ với sự trợ giúp của một siêu trí như Chân sư DK.

46. Human consciousness cannot reach higher than the heights of the cosmic physical plane (and even that is only possible for the highest Chohans that the Fourth Creative Hierarchy produces). We cannot, therefore, know anything at all (experientially, that is) of our Planetary Logos or Solar Logos as They express Themselves on the cosmic astral plane and cosmic mental plane.

46. Tâm thức con người không thể vươn cao hơn các đỉnh cao của cõi hồng trần vũ trụ (và ngay cả điều đó cũng chỉ có thể đối với các Chohan cao nhất mà Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư tạo ra). Vì vậy, chúng ta hoàn toàn không thể biết gì (theo kinh nghiệm trực tiếp, tức là như vậy) về Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế của chúng ta khi Các Ngài biểu lộ chính mình trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

whereas man can be considered from what is, for him, a spiritual aspect.[29]

trong khi con người có thể được xem xét từ điều mà, đối với y, là một phương diện tinh thần.29

47. When we consider the heights of the cosmic physical plane, we are considering planes upon which man unfolds *spiritually.*

47. Khi chúng ta xét đến các đỉnh cao của cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta đang xét đến những cõi mà trên đó con người khai mở *về mặt tinh thần.*

48. We are learning that it is possible to know much more about man *spiritually* than it is to know about the Divine Manasaputras *spiritually.*

48. Chúng ta đang học rằng có thể biết nhiều hơn về con người *về mặt tinh thần* so với việc biết về các Manasaputra Thiêng Liêng *về mặt tinh thần.*

1.

2.

3.

4.

Kingdom..... Principle.

1.

2.

3.

4.

Giới..... Nguyên khí.

5.

6.

7.

8.

5.

6.

7.

8.

This has a cosmic and systemic significance and to throw light upon that occurrence which concerns our own scheme, the Stanzas on the coming of the Lords of Flame should here be studied.

Điều này có một thâm nghĩa vũ trụ và hệ thống, và để soi sáng cho biến cố liên quan đến hệ hành tinh của chính chúng ta, các Bài Kệ về sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa nên được nghiên cứu ở đây.

49. The diagram above has, apparently, both a cosmic and systemic significance. To understand the cosmic significance one must study the lesser significance.

49. Sơ đồ trên, rõ ràng, vừa có thâm nghĩa vũ trụ vừa có thâm nghĩa hệ thống. Muốn hiểu thâm nghĩa vũ trụ, người ta phải nghiên cứu thâm nghĩa nhỏ hơn.

50. The Lords of the Flame interposed themselves between the numbers four and five in the diagram above.

50. Các Đấng Chúa Tể của Lửa đã xen mình vào giữa các số bốn và năm trong sơ đồ trên.

51. The “5” represents lower manas; the “6”, the astral nature; the “7”, the etheric nature and the “8” the dense physical body.

51. “5” tượng trưng cho hạ trí; “6” là bản chất cảm dục; “7” là bản chất dĩ thái; và “8” là thể xác đậm đặc.

52. The numbers 1, 2, 3, and 4 represent beings and occurrences upon the cosmic ethers of the cosmic physical plane.

52. Các số 1, 2, 3 và 4 tượng trưng cho các hữu thể và các biến cố trên các dĩ thái vũ trụ của cõi hồng trần vũ trụ.

53. We can apply the diagram to either the systemic planes (i.e., the cosmic physical plane) or to the cosmic planes, in which case the “8” will represent the dense physical body of the Solar Logos.

53. Chúng ta có thể áp dụng sơ đồ này cho các cõi của hệ thống (tức là cõi hồng trần vũ trụ) hoặc cho các cõi vũ trụ, trong trường hợp đó “8” sẽ tượng trưng cho thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

Human individualisation, or the emergence of the self-conscious units on the mental plane, is involved in a larger development,

Sự biệt ngã hóa của con người, hay sự xuất hiện của các đơn vị có ngã thức trên cõi trí, nằm trong một sự phát triển lớn hơn,

54. We recall that the activation of the *heart* of the Planetary Logos is the cause of human individualisation.

54. Chúng ta nhớ rằng sự hoạt hóa *tim* của Hành Tinh Thượng Đế là nguyên nhân của sự biệt ngã hóa của con người.

55. We are interested in the *planetary* perspective. What does “human individualization” mean to the Planetary Logos?

55. Chúng ta quan tâm đến góc nhìn *hành tinh*. “Sự biệt ngã hóa của con người” có nghĩa gì đối với Hành Tinh Thượng Đế?

for it synchronizes with the appropriation of a dense physical body by the Planetary Logos; this body is composed of matter of our three lower planes.

vì nó đồng bộ với việc Hành Tinh Thượng Đế tiếp nhận một thể xác đậm đặc; thể này được cấu thành từ vật chất của ba cõi thấp của chúng ta.

56. As that body was always present, we have to think carefully about the meaning of “appropriation”.

56. Vì thể đó luôn hiện diện, chúng ta phải suy nghĩ cẩn thận về ý nghĩa của từ “tiếp nhận”.

57. There is probably a parallel between the process through which individualized man begins the process of cyclic incarnation through a dense physical plane and the process by means of which the Planetary Logos appropriates a dense physical body.

57. Có lẽ có một sự song hành giữa tiến trình qua đó con người đã biệt ngã hóa bắt đầu tiến trình lâm phàm theo chu kỳ qua cõi hồng trần đậm đặc và tiến trình nhờ đó Hành Tinh Thượng Đế tiếp nhận một thể xác đậm đặc.

58. We may say that the *higher principles and vehicles* of either type of "man" become related to the lower principles and vehicles.

58. Chúng ta có thể nói rằng các *nguyên khí và vận cụ cao hơn* của một trong hai loại "con người" đều trở nên liên hệ với các nguyên khí và vận cụ thấp hơn.

As **the etheric centres of the Manasaputras** on the fourth cosmic etheric plane become vitalised,

Khi **các trung tâm dĩ thái của các Manasaputra** trên cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư được tiếp sinh lực,

59. Again, we are probably speaking of the lower centers of the Manasaputras, as suggested in Chart VIII, TCF, 817.

59. Một lần nữa, có lẽ chúng ta đang nói về các trung tâm thấp hơn của các Manasaputra, như được gợi ý trong Biểu đồ VIII, TCF, 817.

60. Notice that here DK is not bothering to call the Divine Manasaputras *divine,* but simply Manasaputras.

60. Hãy lưu ý rằng ở đây Chân sư DK không bận tâm gọi các Manasaputra Thiêng Liêng là *thiêng liêng,* mà chỉ đơn giản là Manasaputras.

they produce increased activity on the systemic mental plane, the cosmic gaseous, and the consciousness of the Heavenly Man and His life energy begins to make itself felt.

chúng tạo ra hoạt động gia tăng trên cõi trí của hệ thống, tức cõi khí vũ trụ, và tâm thức của Đấng Thiên Nhân cùng năng lượng sự sống của Ngài bắt đầu được cảm nhận.

61. Here we have the study of the transference of activity from a plane to the most proximate lower plane.

61. Ở đây chúng ta có sự nghiên cứu về sự chuyển dịch hoạt động từ một cõi xuống cõi thấp gần nhất.

62. From this (and from the perspective of the present day), we can gather that the activation of Ashrams upon the systemic buddhic plane produces activation of the egoic groups upon the systemic higher mental plane and also in the human chakra

62. Từ điều này (và từ góc nhìn của thời hiện nay), chúng ta có thể suy ra rằng sự hoạt hóa các ashram trên cõi Bồ đề của hệ thống tạo ra sự hoạt hóa các nhóm chân ngã trên cõi thượng trí của hệ thống và cả trong các luân xa con người được tìm thấy trên cấp độ thứ tư của cõi trí của hệ thống.

which are found on the fourth level of the systemic mental plane.

63. Of course, we are mainly speaking of an individualization process which occurred long ago and so this type of activation on the systemic buddhic plane occurred long before the Ashrams, per se, had been transferred there.

64. We are talking about the manner in which the Heavenly Man makes His presence felt on those planes which for Him are not a principle.

Simultaneously, under the Law, mind force or manasic energy pours in from the fifth cosmic plane, the cosmic mental.

65. There is a direct connection between the *systemic* mental plane and the *cosmic* mental plane.

66. The Solar Angels which relate themselves to the human Monads are also related to greater Solar Angels Who are their (the Solar Angels') higher correspondences on the cosmic mental plane.

67. The point third initiation gather is that *cosmic planes* are involved in what appears to be the process of human individualization.

This dual energy,

68. The energy of the etheric centers of the Planetary Logos and the energy from the cosmic mental plane…

contacting that which is inherent in the dense physical body of the Logos itself,

63. Dĩ nhiên, chúng ta chủ yếu đang nói về một tiến trình biệt ngã hóa đã xảy ra từ rất lâu, và vì vậy loại hoạt hóa này trên cõi Bồ đề của hệ thống đã diễn ra rất lâu trước khi chính các ashram, tự chúng, được chuyển dịch đến đó.

64. Chúng ta đang nói về cách thức mà Đấng Thiên Nhân làm cho sự hiện diện của Ngài được cảm nhận trên những cõi mà đối với Ngài không phải là một nguyên khí.

Đồng thời, dưới Định luật, mãnh lực trí tuệ hay năng lượng manas tuôn vào từ cõi vũ trụ thứ năm, tức cõi trí vũ trụ.

65. Có một mối liên hệ trực tiếp giữa cõi trí *của hệ thống* và cõi trí *vũ trụ*.

66. Các Thái dương Thiên Thần liên hệ với các chân thần nhân loại cũng liên hệ với những Thái dương Thiên Thần vĩ đại hơn, là các tương ứng cao hơn của họ (của các Thái dương Thiên Thần) trên cõi trí vũ trụ.

67. Điểm mà lần điểm đạo thứ ba giúp chúng ta nhận ra là các *cõi vũ trụ* có liên quan đến điều dường như là tiến trình biệt ngã hóa của con người.

Năng lượng nhị nguyên này,

68. năng lượng của các trung tâm dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế và năng lượng từ cõi trí vũ trụ…

tiếp xúc với điều vốn cố hữu trong chính thể xác đậm đặc của Thượng đế,

69. The three lower systemic subplanes and the systemic mental plane especially…

produces **correspondences to the centres upon that plane and the egoic groups appear.**

70. The egoic groups are correspondences on the systemic higher mental plane of the chakras (on the buddhic plane) of the Planetary Logos.

71. Clearly, then, the different human egoic groups have different chakric functions.

72. Who knows to what *cosmic* structures on the cosmic mental plane the egoic groups on the systemic mental plane correspond? By analogy we can imagine that on the cosmic mental plane there are also *super* Egoic Groups in which the egoic lotuses of Planetary Logoi constitute such groups.

73. We must remember that it is not a foregone conclusion that *all* etheric chakras of the Planetary Logos are found upon the buddhic plane. Other of His chakras may be found on the atmic plane and the monadic plane. The basic point of reference for this assertion is Chart VIII, TCF 823.

74. If we are speaking of the etheric chakras of the Solar Logos, there are lesser and greater of these chakras. The Planetary Logoi (in Their cosmic etheric aspect), may serve as greater chakras in the etheric body of the Solar Logos and perhaps it is on the monadic plane that we should look for these chakras. As for lesser chakras within the etheric body of the Solar Logos, there are certainly to be found on the buddhic plane and probably

69. đặc biệt là ba cõi phụ thấp của hệ thống và cõi trí của hệ thống…

tạo ra **những tương ứng với các trung tâm trên cõi đó và các nhóm chân ngã xuất hiện.**

70. Các nhóm chân ngã là những tương ứng trên cõi thượng trí của hệ thống của các luân xa (trên cõi Bồ đề) của Hành Tinh Thượng Đế.

71. Rõ ràng, như vậy, các nhóm chân ngã nhân loại khác nhau có những chức năng luân xa khác nhau.

72. Ai biết được các nhóm chân ngã trên cõi trí của hệ thống tương ứng với những cấu trúc *vũ trụ* nào trên cõi trí vũ trụ? Theo định luật tương đồng, chúng ta có thể hình dung rằng trên cõi trí vũ trụ cũng có những Nhóm Chân Ngã *siêu việt*, trong đó các Hoa Sen Chân Ngã của các Hành Tinh Thượng Đế cấu thành những nhóm như thế.

73. Chúng ta phải nhớ rằng không phải là điều hiển nhiên rằng *mọi* luân xa dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế đều được tìm thấy trên cõi Bồ đề. Những luân xa khác của Ngài có thể được tìm thấy trên cõi atma và cõi chân thần. Điểm quy chiếu căn bản cho khẳng định này là Biểu đồ VIII, TCF 823.

74. Nếu chúng ta đang nói về các luân xa dĩ thái của Thái dương Thượng đế, thì có những luân xa nhỏ hơn và lớn hơn. Các Hành Tinh Thượng Đế (trong phương diện dĩ thái vũ trụ của Các Ngài) có thể đóng vai trò như những luân xa lớn hơn trong thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế, và có lẽ chính trên cõi chân thần mà chúng ta nên tìm những luân xa này. Còn về những luân xa nhỏ hơn trong thể dĩ thái của Thái dương

(depending on what type of chakra we are considering) on still higher cosmic ethers such as the systemic atmic plane. As for chakras on the systemic logoic plane—this too is a possibility.

Thượng đế, chắc chắn chúng được tìm thấy trên cõi Bồ đề và có lẽ (tùy thuộc vào loại luân xa mà chúng ta đang xét) trên những dĩ thái vũ trụ còn cao hơn nữa như cõi atma của hệ thống. Còn về các luân xa trên cõi logoic của hệ thống—điều này cũng là một khả năng.

They blend in latency the three types of electricity, and are themselves electrical phenomena.

Chúng hòa trộn trong trạng thái tiềm ẩn ba loại điện và bản thân chúng là những hiện tượng điện.

75. It would seem that we are still speaking of the egoic groups formed by the impact of planetary logoic chakric energy and energy from the cosmic mental plane upon the matter of the systemic higher mental plane.

75. Có vẻ như chúng ta vẫn đang nói về các nhóm chân ngã được hình thành bởi tác động của năng lượng luân xa của Hành Tinh Thượng Đế và năng lượng từ cõi trí vũ trụ lên vật chất của cõi thượng trí của hệ thống.

76. The three types of electricity are:

76. Ba loại điện là:

a. Positive electricity

a. Điện dương

b. Equilibrizing or neutral electricity

b. Điện quân bình hay điện trung tính

c. Negative electricity

c. Điện âm

77. In every egoic lotus (and in egoic groups of egoic lotuses) the three aspects of divinity are represented.

77. Trong mỗi Hoa Sen Chân Ngã (và trong các nhóm chân ngã của các Hoa Sen Chân Ngã), ba phương diện của thiên tính đều được biểu hiện.

78. Within the human egoic lotus, for instance, the Jewel in the Lotus represents the first aspect, the members of the atomic triangle the third aspect and the petals of the egoic lotus the second aspect.

78. Chẳng hạn, trong Hoa Sen Chân Ngã của con người, Ngọc trong Hoa Sen biểu hiện phương diện thứ nhất, các thành viên của tam giác nguyên tử biểu hiện phương diện thứ ba, và các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã biểu hiện phương diện thứ hai.

79. All chakras on etheric planes are likewise are threefold. This being the case, it is reasonable to consider that they too blend in themselves the three types of electricity.

79. Mọi luân xa trên các cõi dĩ thái cũng đều là tam phân. Vì là như vậy, thật hợp lý khi xét rằng chúng cũng hòa trộn trong chính mình ba loại điện ấy.

They [the egoic groups] are composed of those atoms, or types of lives, which are a part of the fourth [Page 691] Creative Hierarchy, the aggregate of purely human Monads.

Chúng [các nhóm chân ngã] được cấu thành bởi những nguyên tử, hay những loại sự sống, vốn là một phần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tổng thể các chân thần thuần túy nhân loại.[Page 691]

80. We appear to continue speaking of "egoic groups".

80. Có vẻ như chúng ta tiếp tục nói về "các nhóm chân ngã".

81. The egoic group are composed of the egoic outposts of the human Monads (which, themselves, go to the constitution of "centers" within the Planetary Logos).

81. Các nhóm chân ngã được cấu thành bởi các tiền đồn chân ngã của các chân thần nhân loại (mà chính chúng lại góp phần vào cấu tạo của các "trung tâm" bên trong Hành Tinh Thượng Đế).

82. The human Monads are not within the egoic groups *as Monads* but, rather, as egoic projections of the Monad.

82. Các chân thần nhân loại không ở trong các nhóm chân ngã *với tư cách là các chân thần* mà đúng hơn là với tư cách những phóng chiếu chân ngã của chân thần.

83. We remember however that the centers (perhaps all or perhaps only certain centers) in the Planetary Logos are composed of atoms/lives/Monads which—*as Monads*—are part of the Fourth Creative Hierarchy.

83. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng các trung tâm (có lẽ là tất cả hoặc có lẽ chỉ một số trung tâm) trong Hành Tinh Thượng Đế được cấu thành bởi các nguyên tử/sự sống/chân thần mà—*với tư cách là các chân thần*—là một phần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

84. We do remember, however, that the chakras of a Planetary Logos also have *deva* Monads, forming part of their constitution.

84. Tuy nhiên, chúng ta cũng nhớ rằng các luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế cũng có các chân thần *deva,* hợp thành một phần trong cấu tạo của chúng.

Similarly, this triple force, produced by this conscious appropriation by the Heavenly Man,

Tương tự, mãnh lực tam phân này, được tạo ra bởi sự chiếm hữu có ý thức này của Đấng Thiên Nhân,

85. We are speaking of a conscious appropriation of a dense physical body and of the three types of electricity to be found within the egoic groups as the Planetary Logos begins to express Himself upon the systemic higher mental plane.

85. Chúng ta đang nói về một sự chiếm hữu có ý thức một thể xác hồng trần đậm đặc và ba loại điện được tìm thấy trong các nhóm chân ngã khi Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu biểu lộ chính Ngài trên cõi thượng trí của hệ thống.

animates deva substance and the dense physical body of the planetary Logos is manifested objectively.

86. One wonders whether DK is speaking of the first and fiery manifestation of the dense physical planet, or whether the dense physical planet had long been manifested before the Planetary Logos (in His higher aspects) decided to *connect* with His own lower objective manifestation.

87. It is through the animation of deva substance of the systemic lower three planes that the Planetary Logos is able to manifest objectively, but, again, we must be cautious about the meaning of the words "manifested objectively". We have to choose between:

a. Raw appearance

b. And the informing and permeation of that raw appearance.

This is what is meant by the statements that devas are found only in the three worlds.

88. DK is qualifying an enigmatical statement He made earlier in the text.

89. He still is referring to the devas of the three lower systemic planes.

90. There are, of course, *higher* devas, but for the moment He seems to be reserving the term "devas" for the lower expressions of devic life.

tiếp sinh lực cho chất liệu deva và thể xác hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế được biểu hiệnmột cách khách quan.

86. Người ta tự hỏi liệu Chân sư DK đang nói về sự biểu hiện đầu tiên và rực lửa của hành tinh hồng trần đậm đặc, hay liệu hành tinh hồng trần đậm đặc ấy đã biểu hiện từ lâu trước khi Hành Tinh Thượng Đế (trong các phương diện cao hơn của Ngài) quyết định *kết nối* với biểu hiện khách quan thấp hơn của chính Ngài.

87. Chính nhờ sự tiếp sinh lực cho chất liệu deva của ba cõi thấp của hệ thống mà Hành Tinh Thượng Đế có thể biểu hiện một cách khách quan, nhưng một lần nữa, chúng ta phải thận trọng về ý nghĩa của các từ "được biểu hiện một cách khách quan". Chúng ta phải chọn giữa:

a. Sự xuất hiện thô sơ

b. Và sự thấm nhuần cùng sự thẩm thấu vào sự xuất hiện thô sơ ấy.

Đây là điều được hàm ý bởi những phát biểu rằng deva chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới.

88. Chân sư DK đang làm rõ một phát biểu bí ẩn mà Ngài đã nêu trước đó trong bản văn.

89. Ngài vẫn đang quy chiếu đến các deva của ba cõi thấp của hệ thống.

90. Dĩ nhiên, có những deva *cao hơn*, nhưng hiện giờ có vẻ như Ngài đang dành thuật ngữ "deva" cho các biểu hiện thấp hơn của sự sống deva.

It is a statement analogous to the one that humanity is only found in the three worlds;

Đó là một phát biểu tương tự như phát biểu cho rằng nhân loại chỉ được tìm thấy trong ba cõi giới;

91. This statement is not literally true because a member of the Fourth Creative Hierarchy is considered human even when the stage of Mastership is reached, and Masters and fourth degree initiates need not be 'found' within the three lower worlds.

91. Phát biểu này không đúng theo nghĩa đen vì một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư vẫn được xem là con người ngay cả khi đã đạt đến giai đoạn Chân sư, và các Chân sư cùng các điểm đạo đồ cấp bốn không nhất thiết phải được "tìm thấy" trong ba cõi thấp.

92. Yet, the human being is characterized by successive incarnations in the lower three worlds and when the end of the strictly human phase of development is being reached, the evolving unit no longer finds it necessary to incarnate in the three worlds.

92. Tuy nhiên, con người được đặc trưng bởi những lần lâm phàm kế tiếp nhau trong ba cõi thấp, và khi sắp đạt đến phần cuối của giai đoạn phát triển thuần túy nhân loại, đơn vị đang tiến hoá không còn thấy cần thiết phải lâm phàm trong ba cõi giới nữa.

93. Further, DK may be using the term "humanity" in a special and limited sense, not taking into consideration (at least in this context) the higher reaches of human nature.

93. Hơn nữa, Chân sư DK có thể đang dùng thuật ngữ "nhân loại" theo một nghĩa đặc biệt và giới hạn, không xét đến (ít nhất trong ngữ cảnh này) những tầm mức cao hơn của bản chất con người.

nevertheless, the human Monads in their seven types are found on the plane of spirit —as it is the plane of duality—**the deva monads are likewise found there.**

tuy vậy, các chân thần nhân loại trong bảy loại của chúng được tìm thấy trên cõi tinh thần—vì đó là cõi của nhị nguyên tính—**các chân thần deva cũng được tìm thấy ở đó tương tự.**

94. We are given to understand that there are seven types of Monads. They are found on the "plane of spirit" (which, in this case, means the *monadic* plane).

94. Chúng ta được cho hiểu rằng có bảy loại chân thần. Chúng được tìm thấy trên "cõi tinh thần" (trong trường hợp này có nghĩa là cõi *chân thần*).

95. While there are "seven types" of Monads there are only three *major* types.

95. Dù có "bảy loại" chân thần, chỉ có ba loại *chính*.

96. Since the "plane of spirit" is the *second* subplane of the cosmic physical plane, it is a plane of duality. Love and Wisdom are there

96. Vì "cõi tinh thần" là cõi phụ *thứ hai* của cõi hồng trần vũ trụ, nên đó là một cõi của nhị nguyên tính. Tình thương và minh triết

found in expression and both sound and light are potent factors.

được tìm thấy đang biểu lộ ở đó, và cả âm thanh lẫn ánh sáng đều là những yếu tố đầy mãnh lực.

97. Regarding this duality on the plane of Spirit, both *life* and *consciousness* are strongly represented.

97. Liên quan đến nhị nguyên tính này trên cõi Tinh thần, cả *sự sống* lẫn *tâm thức* đều được biểu hiện mạnh mẽ.

98. As well, the duality of the plane is represented by the presence of both human and deva Monads. As important centers of the Planetary Logos are to be found on the monadic plane, it is easy to see how both human and deva Monads go to the constitution of those centers.

98. Đồng thời, nhị nguyên tính của cõi này được biểu hiện bởi sự hiện diện của cả chân thần nhân loại lẫn chân thần deva. Vì các trung tâm quan trọng của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi chân thần, nên thật dễ thấy cả chân thần nhân loại lẫn chân thần deva đều góp phần vào cấu tạo của các trung tâm ấy.

99. When we speak here of deva Monads, we are speaking of the Monads of evolutionary devas, but it is not necessarily the case that the Monads of the "returning Nirvanis" (i.e., the Solar Angels) find their monadic 'home' on this plane. It is entirely possible that their Monads will find on the cosmic astral plane the "Father's Home".

99. Khi ở đây chúng ta nói về các chân thần deva, chúng ta đang nói về các chân thần của các deva tiến hoá, nhưng không nhất thiết các chân thần của các "nirvani hồi quy" (tức các Thái dương Thiên Thần) lại tìm thấy "quê nhà" chân thần của mình trên cõi này. Hoàn toàn có thể là các chân thần của họ sẽ tìm thấy "Nhà của Cha" trên cõi cảm dục vũ trụ.

Students should ever bear in mind that these occult subjects can be expressed in a twofold manner:

Các đạo sinh nên luôn ghi nhớ rằng những chủ đề huyền bí này có thể được diễn đạt theo cách nhị phân:

In terms of the three worlds, or from the standpoint of the logoic dense physical body.

Theo thuật ngữ của ba cõi giới, hoặc từ quan điểm của thể hồng trần đậm đặc của Logos.

100. We are dealing here with material expression, considered both microcosmically and macrocosmically.

100. Ở đây chúng ta đang bàn đến biểu hiện vật chất, được xét cả theo tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

101. When we speak of the three worlds we are speaking largely in human terms. These are, at this time, the three worlds within which human consciousness is focussed.

101. Khi nói về ba cõi giới, phần lớn chúng ta đang nói theo thuật ngữ của con người. Hiện nay, đó là ba cõi giới trong đó tâm thức con người được tập trung.

102. This same material expression can be considered macrocosmically as to the lowest aspect of the *Solar* Logos, apparently—His dense physical body.

102. Cùng biểu hiện vật chất này có thể được xét theo đại thiên địa như là phương diện thấp nhất của *Thái dương* Thượng đế, rõ ràng là—thể xác hồng trần đậm đặc của Ngài.

103. We are not sure here whether DK is here referring to the *Planetary* Logos or the *Solar* Logos. Usually, when the term "Logos" is used by itself, the *Solar* Logos is meant.

103. Ở đây chúng ta không chắc Chân sư DK đang quy chiếu đến Hành Tinh Thượng Đế *Hành Tinh* hay *Thái dương* Thượng đế. Thông thường, khi thuật ngữ "Logos" được dùng riêng, người ta muốn nói đến *Thái dương* Thượng đế.

104. However, the "three worlds" usually do not include the higher mental plane and if they do not, then DK is speaking of a Planetary Logos, for the dense physical body of a Planetary Logos do *not* include the higher mental plane.

104. Tuy nhiên, "ba cõi giới" thường không bao gồm cõi thượng trí, và nếu không bao gồm, thì Chân sư DK đang nói về một Hành Tinh Thượng Đế, vì thể xác hồng trần đậm đặc của một Hành Tinh Thượng Đế *không* bao gồm cõi thượng trí.

In terms of force or energy, or from the standpoint of the logoic body of prana or vitality, the four cosmic ethers.

Theo thuật ngữ của mãnh lực hay năng lượng, hoặc từ quan điểm của thể prana hay sinh lực của Logos, bốn dĩ thái vũ trụ.

105. This is the higher perspective, the perspective of the arupa planes of the cosmic ethers.

105. Đây là viễn tượng cao hơn, viễn tượng của các cõi vô sắc của các dĩ thái vũ trụ.

106. So we have two perspectives:

106. Vì vậy, chúng ta có hai viễn tượng:

a. The *material* perspective

a. Viễn tượng *vật chất*

b. The *ethereal* perspective

b. Viễn tượng *dĩ thái*

What we understand by the **fifth principle** is but the expression on the causal plane of that **force or energy which emanates from the logoic causal body on the fifth cosmic plane, via the logoic correspondence to the mental unit.**

Điều chúng ta hiểu là **nguyên khí thứ năm** chỉ là sự biểulộ trên cõi nguyên nhân của **mãnh lực hay năng lượng phát ra từ thể nguyên nhân của Logos trên cõi vũ trụ thứ năm, thông qua đối phần của Logos với đơn vị hạ trí.**

107. It becomes evident that the Logos has a mental unit. This lifts the existence of the

107. Rõ ràng là Logos có một đơn vị hạ trí. Điều này nâng sự hiện hữu của đơn vị hạ trí

mental unit from being a *special instance* applicable only to the human being.

lên khỏi chỗ là một *trường hợp đặc biệt* chỉ áp dụng cho con người.

108. We have to learn whether the mental unit of the Logos appears in a manner analogous to the appearance of the mental unit of humanity (a mental unit which appears on the fourth subplane of the mental plane as "instinct approximates mentality"). If the analogy holds good on the cosmic planes, we will have to speak in terms of *cosmic* instinct and *cosmic* mentality.

108. Chúng ta phải tìm hiểu xem đơn vị hạ trí của Logos có xuất hiện theo cách tương tự với sự xuất hiện của đơn vị hạ trí nơi nhân loại hay không (một đơn vị hạ trí xuất hiện trên cõi phụ thứ tư của cõi trí khi "bản năng tiến gần đến trí tuệ"). Nếu phép tương đồng này đúng trên các cõi vũ trụ, chúng ta sẽ phải nói theo thuật ngữ của bản năng *vũ trụ* và trí tuệ *vũ trụ*.

109. We are given an excellent definition of the "fifth principle" and we see that it has a *cosmic* source.

109. Chúng ta được trao cho một định nghĩa rất hay về "nguyên khí thứ năm", và thấy rằng nó có một nguồn gốc *vũ trụ*.

110. The human mind is simply an extension of cosmic mind.

110. Trí tuệ con người chỉ đơn giản là một sự mở rộng của trí tuệ vũ trụ.

111. Who, then, *really* is the Thinker?

111. Vậy thì ai *thật sự* là Đấng Tư Tưởng?

(These correspondences involve a concept far in advance of what is possible even to an initiate at this time).

(Những tương ứng này bao hàm một khái niệm vượt xa điều có thể có ngay cả đối với một điểm đạo đồ vào lúc này).

112. By an initiate, DK means an initiate of the third degree, at least.

112. Khi nói đến một điểm đạo đồ, Chân sư DK muốn nói ít nhất là một điểm đạo đồ cấp ba.

113. We are given a correspondence involving the cosmic mental plane, but for us it must remain only a correspondence, the factual nature of which is entirely beyond our range of immediately possible experience.

113. Chúng ta được trao cho một tương ứng liên quan đến cõi trí vũ trụ, nhưng đối với chúng ta nó chỉ có thể vẫn là một tương ứng mà bản chất sự kiện của nó hoàn toàn vượt ngoài phạm vi kinh nghiệm có thể có ngay tức khắc của chúng ta.

In the fifth round, the inner significance may become more apparent to the disciple.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, thâm nghĩa bên trong có thể trở nên hiển nhiên hơn đối với đệ tử.

114. What is suggested is that the relationship between man and the Solar Angels may be much greater in the fifth round than it is now. In that case, an understanding of the fifth principle, as it originates from the cosmic mental plane, will probably be clearer.

114. Điều được gợi ý là mối liên hệ giữa con người và các Thái dương Thiên Thần có thể lớn lao hơn nhiều trong cuộc tuần hoàn thứ năm so với hiện nay. Trong trường hợp đó, sự thấu hiểu nguyên khí thứ năm, như nó phát sinh từ cõi trí vũ trụ, có lẽ sẽ rõ ràng hơn.

115. The numerical resonance then in effect will facilitate this understanding.

115. Khi ấy, sự cộng hưởng số học đang có hiệu lực sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự thấu hiểu này.

As the logoic will is gradually transmuted into desire and thus the physical incarnation is produced,

Khi ý chí của Logos dần dần được chuyển hoá thành dục vọng và như thế sự lâm phàm hồng trần được tạo ra,

116. We note the sequence for the production of incarnation—will/desire/incarnation.

116. Chúng ta lưu ý chuỗi trình tự tạo ra sự lâm phàm—ý chí/dục vọng/lâm phàm.

a tremendous downflow of **vitalising force from the fifth cosmic plane takes place**, until it arrives at our fifth plane, the mental.

một dòng tuôn đổ mãnh liệt của **mãnh lực tiếp sinh lực từ cõi vũ trụ thứ năm diễn ra**, cho đến khi nó đến cõi thứ năm của chúng ta, cõi trí.

117. We are seeing that not only is human individualization a *planetary* event involving the Planetary Logos but, apparently, a *solar logoic* event.

117. Chúng ta thấy rằng không chỉ biệt ngã hóa của con người là một biến cố *hành tinh* liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế mà rõ ràng còn là một biến cố của *Thái dương Thượng đế*.

118. There is no certainty whether the term "Logos" (in the past few sections of text) has meant *Planetary* Logos or *Solar* Logos. Maybe the term "the three worlds" gives the clue.

118. Không có gì chắc chắn rằng thuật ngữ "Logos" (trong vài đoạn văn vừa qua) có nghĩa là Hành Tinh Thượng Đế *Hành Tinh* hay *Thái dương* Thượng đế. Có lẽ thuật ngữ "ba cõi giới" cho ta đầu mối.

119. It probably does not make that much difference as it can be inferred that because the Solar Logos is undergoing a type of fourth initiation through our Earth-scheme, He is probably involved in the initiation

119. Có lẽ điều đó không tạo nên khác biệt quá lớn, vì có thể suy ra rằng bởi Thái dương Thượng đế đang trải qua một loại lần điểm đạo thứ tư thông qua hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta, nên có lẽ Ngài có liên quan đến

undergone by our Planetary Logos as human individualization takes place and a dense physical plane is appropriated.

cuộc điểm đạo mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trải qua khi sự biệt ngã hóa của con người diễn ra và một cõi hồng trần đậm đặc được chiếm hữu.

This force it is which—at the correct cyclic moment — causes certain eventualities in time and space and in the three worlds, His dense physical body.

Chính mãnh lực này—vào đúng thời điểm chu kỳ—gây ra những kết quả nhất định trong thời gian và không gian và trong ba cõi giới, thể xác hồng trần đậm đặc của Ngài.

120. The "force" of which we are speaking is the force from the fifth cosmic plane, emanating form the logoic causal body.

120. "Mãnh lực" mà chúng ta đang nói đến là mãnh lực từ cõi vũ trụ thứ năm, phát ra từ thể nguyên nhân của Logos.

121. We wondered whether DK had been talking of the appearance of the objective vehicle of a Logos or of the infusion of the already present lower vehicles of that Logos by the higher principles of that Logos. The latter option seemed to be correct. When we think of how the coming of Sanat Kumara is described, His coming pertains to the second process.

121. Chúng ta đã tự hỏi liệu Chân sư DK đang nói về sự xuất hiện của vận cụ khách quan của một Logos hay về sự thấm nhập của các vận cụ thấp vốn đã hiện diện của Logos ấy bởi các nguyên khí cao hơn của Logos ấy. Phương án sau dường như là đúng. Khi nghĩ đến cách sự giáng lâm của Đức Sanat Kumara được mô tả, sự giáng lâm của Ngài thuộc về tiến trình thứ hai.

122. DK now seems to be switching between solar logoic and planetary events and will be speaking of the actual tangible appearance of the physical body of a Logos—whether solar or planetary.

122. Giờ đây Chân sư DK dường như đang chuyển đổi giữa các biến cố của Thái dương Thượng đế và các biến cố hành tinh, và sẽ nói về sự xuất hiện thực sự hữu hình của thể xác hồng trần của một Logos—dù là thái dương hay hành tinh.

123. From what is said in the section immediately following, it appears that we will *first* be speaking of the Solar Logos and then of Planetary Logoi.

123. Từ điều được nói trong đoạn ngay sau đây, có vẻ như *trước hết* chúng ta sẽ nói về Thái dương Thượng đế rồi sau đó về các Hành Tinh Thượng Đế.

The first of these events is the appropriation *by the Logos* of that dense physical vehicle, and **the flashing into manifestation** [Page 692] **of the physical Sun and the physical planets.**

Biến cố thứ nhất trong số này là sự chiếm hữu *bởi Logos* vận cụ hồng trần đậm đặc ấy, và **sự lóe bừng vào biểu hiện** [Page 692] **của Mặt Trời hồng trần và các hành tinh hồng trần.**

124. We are speaking of certain great cosmic/systemic events.

125. We are definitely speaking of the *objectification* of the solar system of the Solar Logos. This is the *literal appearance* of the dense physical plane.

126. We had also been speaking of another kind of appropriation which was equivalent to a greater *presence* or *focus of consciousness* by a Logos in His lower vehicles.

127. For the Solar Logos, this "appropriation" must be a type of initiation just as the appropriation of a dense physical body by our Planetary Logos is a type of initiation.

128. Even the physical Sun does not flash into manifestation without an impulse from the logoic egoic lotus on the cosmic mental plane.

Though this, from our standpoint, covers an inconceivably vast period of time, to the Logos it is but the brief period of gestation which all bodies undergo.

129. The Hindu Chronology indicates to us how long a solar system may last—100 Years of Brahma. Much of the duration of a manifestation of a Solar Logos occurs 'above' the cosmic physical plane and certainly above the *dense* layers of the cosmic physical plane.

130. The process here discussed has probably occurred a number of times—once for each incarnation of our Solar Logos.

124. Chúng ta đang nói về một số biến cố vũ trụ/hệ thống lớn lao.

125. Chúng ta rõ ràng đang nói về sự *khách thể hóa* của hệ mặt trời của Thái dương Thượng đế. Đây là sự *xuất hiện theo nghĩa đen* của cõi hồng trần đậm đặc.

126. Chúng ta cũng đã nói về một loại chiếm hữu khác tương đương với một *sự hiện diện* hay một *tiêu điểm tâm thức* lớn hơn của một Logos trong các vận cụ thấp của Ngài.

127. Đối với Thái dương Thượng đế, sự "chiếm hữu" này hẳn phải là một loại điểm đạo, cũng như việc Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chiếm hữu một thể xác hồng trần đậm đặc là một loại điểm đạo.

128. Ngay cả Mặt Trời hồng trần cũng không lóe bừng vào biểu hiện nếu không có một xung lực từ Hoa Sen Chân Ngã của Logos trên cõi trí vũ trụ.

Mặc dù điều này, từ quan điểm của chúng ta, bao trùm một khoảng thời gian rộng lớn không thể nghĩ bàn, đối với Logos đó chỉ là thời kỳ thai nghén ngắn ngủi mà mọi thể đều phải trải qua.

129. Niên đại học Ấn Độ cho chúng ta biết một hệ mặt trời có thể kéo dài bao lâu—100 Năm của Brahma. Phần lớn thời lượng của một biểu hiện của Thái dương Thượng đế diễn ra "bên trên" cõi hồng trần vũ trụ và chắc chắn ở bên trên các tầng *đậm đặc* của cõi hồng trần vũ trụ.

130. Tiến trình được bàn ở đây có lẽ đã xảy ra nhiều lần—mỗi lần cho một lần lâm phàm của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

131. We are speaking of a kind of *cosmic* birth which, naturally, must be preceded by a *cosmic* gestation process.

131. Chúng ta đang nói về một loại sinh ra *vũ trụ* mà dĩ nhiên phải được đi trước bởi một tiến trình thai nghén *vũ trụ*.

132. The cosmic gestation process must occur on planes other than those on which the physical body of a Solar Logos (or Planetary Logos) appears.

132. Tiến trình thai nghén vũ trụ phải diễn ra trên những cõi khác với những cõi mà trên đó thể xác hồng trần của một Thái dương Thượng đế (hay Hành Tinh Thượng Đế) xuất hiện.

133. To the perception of man such a process would be invisible and would occur on the cosmic ethers, on the cosmic astral plane and also the cosmic mental plane.

133. Đối với tri giác của con người, một tiến trình như thế sẽ là vô hình và sẽ diễn ra trên các dĩ thái vũ trụ, trên cõi cảm dục vũ trụ và cả cõi trí vũ trụ.

A second momentous occurrence is the appropriation by the various *Prajapatis,*[30] or Heavenly Men of their physical bodies—again at varying times and according to their evolutionary stage.

Một biến cố trọng đại thứ hai là sự chiếm hữu bởi các *Prajapatis,*30 hay Đấng Thiên Nhân, các thể xác hồng trần của Các Ngài—một lần nữa vào những thời điểm khác nhau và tùy theo giai đoạn tiến hoá của Các Ngài.

134. In answer to our questions above regarding the focus of DK's thoughts (whether *solar* logoic or *planetary* logoic), it appears that we are speaking about *both* solar logoic processes *and* planetary logoic processes.

134. Để trả lời những câu hỏi ở trên của chúng ta về tiêu điểm tư tưởng của Chân sư DK (dù là tiến trình của Thái dương Thượng đế hay của Hành Tinh Thượng Đế), có vẻ như chúng ta đang nói về *cả* các tiến trình của Thái dương Thượng đế *lẫn* các tiến trình của Hành Tinh Thượng Đế.

135. DK is speaking of the way in which these great Beings appropriate bodies and how They flash into objectivity.

135. Chân sư DK đang nói về cách các Hữu Thể Vĩ Đại này chiếm hữu các thể và cách Các Ngài lóe bừng vào tính khách quan.

136. To review—there may be at least two approaches to appropriating a dense physical vehicle:

136. Để ôn lại—có thể có ít nhất hai cách tiếp cận đối với việc chiếm hữu một vận cụ hồng trần đậm đặc:

a. In the first of these approaches the focus is on the way in which the dense physical vehicle of the Logos or Planetary Logos *appears*, or flashes into objectivity.

a. Trong cách tiếp cận thứ nhất, trọng tâm là cách vận cụ hồng trần đậm đặc của Logos hay Hành Tinh Thượng Đế *xuất hiện*, hay lóe bừng vào tính khách quan.

b. In the second of these approaches, the focus in on the way in which Logos or Planetary Logos creates an especially focal *presence* within the already objectified dense physical vehicle. This, too, is called "taking an incarnation".

b. Trong cách tiếp cận thứ hai, trọng tâm là cách Logos hay Hành Tinh Thượng Đế tạo ra một *sự hiện diện* đặc biệt tập trung bên trong vận cụ hồng trần đậm đặc đã được khách thể hóa. Điều này cũng được gọi là "đảm nhận một lần lâm phàm".

137. We note that not all Prajapatis appropriate a physical body at the same time. The time of appropriation depends somewhat on Their evolutionary status, though there is not necessarily an easy formula to determine this and to compare evolutionary status to any easily understood sequence of planetary manifestation.

137. Chúng ta lưu ý rằng không phải mọi Prajapati đều chiếm hữu một thể xác hồng trần cùng một lúc. Thời điểm chiếm hữu phần nào tùy thuộc vào tình trạng tiến hoá của Các Ngài, dù không nhất thiết có một công thức dễ dàng để xác định điều này và để so sánh tình trạng tiến hoá với bất kỳ trình tự biểu hiện hành tinh nào dễ hiểu.

138. When we speak of the physical body of a Prajapati, we realize that we are not only speaking of the manifestation upon the *systemic* dense physical plane, but upon the *cosmic* dense physical plane, which includes the systemic astral and mental planes.

138. Khi nói về thể xác hồng trần của một Prajapati, chúng ta nhận ra rằng mình không chỉ nói về sự biểu hiện trên cõi hồng trần đậm đặc *của hệ thống*, mà còn trên cõi hồng trần đậm đặc *vũ trụ*, vốn bao gồm các cõi cảm dục và cõi trí của hệ thống.

30: Prajapatis. The Progenitors; the givers of life to all on this

30: Prajapatis. Những Đấng Sinh Thành; những Đấng ban sự sống cho mọi sự trên

earth. They are seven and then ten corresponding to the seven and ten Sephiroth.

địa cầu này. Có bảy vị rồi đến mười vị, tương ứng với bảy và mười Sephiroth.

139. The numbering of the Prajapatis is related to the Tree of Life.

139. Số lượng các Prajapati có liên hệ với Cây Sự Sống.

140. As we have often stated, in occultism, whenever there is a seven there is implied a ten.

140. Như chúng ta thường nói, trong huyền bí học, hễ có bảy thì hàm ý có mười.

141. The Progenitors give life not only to "this earth" but to all the planets which are Their vehicles.

141. Những Đấng Sinh Thành không chỉ ban sự sống cho "địa cầu này" mà còn cho mọi hành tinh là các vận cụ của Các Ngài.

Cosmically, they are the seven Rishis of the Great Bear;

Về mặt vũ trụ, Các Ngài là bảy Rishi của Đại Hùng Tinh;

142. The Seven Rishis correspond to the Seven Planetary Logoi. There are systemic Prajapatis (the seven major Planetary Logoi) and cosmic Prajapatis (the seven Rishis of the Great Bear).

142. Bảy Rishi tương ứng với Bảy Hành Tinh Thượng Đế. Có các Prajapati của hệ thống (bảy Hành Tinh Thượng Đế chính) và các Prajapati vũ trụ (bảy Rishi của Đại Hùng Tinh).

143. We might think of the Seven Rishis as giving life to each of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" as well as to the lesser Prajapatis—the Planetary Logoi.

143. Chúng ta có thể nghĩ đến Bảy Rishi như ban sự sống cho từng "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một" cũng như cho các Prajapati nhỏ hơn—các Hành Tinh Thượng Đế.

systemically they are the seven planetary Logoi, and from the standpoint of our planet they are the seven Kumaras. [see S.D. I, 109, 122, 459, 661; II, 33, 36; note 80.]

về mặt hệ thống, Các Ngài là bảy Hành Tinh Thượng Đế, và từ quan điểm của hành tinh chúng ta, Các Ngài là bảy Kumara. [xem Giáo Lý Bí Nhiệm I, 109, 122, 459, 661; II, 33, 36; chú thích 80.]

144. We are given some important correspondences: The Seven Rishis are reflected in the Seven Planetary Logoi, Who are reflected (on our planet at least) by our "Seven Kumaras" of which Sanat Kumara is One (the First Kumara as well as the Fourth Kumara).

144. Chúng ta được trao cho một số tương ứng quan trọng: Bảy Rishi được phản chiếu trong Bảy Hành Tinh Thượng Đế, các Ngài này lại được phản chiếu (ít nhất trên hành tinh chúng ta) bởi "Bảy Kumara" của chúng ta mà Đức Sanat Kumara là Một trong số đó (Kumara Thứ Nhất cũng như Kumara Thứ Tư).

This is of later date for the seven than for the three.

Điều này đến muộn hơn đối với bảy vị so với ba vị.

145. Are we speaking here of the appropriation by Prajapatis of dense physical bodies?

145. Ở đây có phải chúng ta đang nói về việc các Prajapati chiếm hữu các thể xác hồng trần đậm đặc không?

146. We seem to be given certain hints about the moment of objectification of the Heavenly Men.

146. Có vẻ như chúng ta được trao cho một số gợi ý về thời điểm khách thể hóa của các Đấng Thiên Nhân.

147. Is it here suggested that the three greater Heavenly Men appropriate Their dense physical bodies *earlier* in the solar systemic process than the lesser Planetary Logoi (even thought they may unfold later in the solar systemic process than the lesser Planetary Logoi).

147. Ở đây có phải đang gợi ý rằng ba Đấng Thiên Nhân lớn hơn chiếm hữu các thể xác hồng trần đậm đặc của Các Ngài *sớm hơn* trong tiến trình hệ mặt trời so với các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ hơn (dù các Ngài có thể khai mở muộn hơn trong tiến trình hệ mặt trời so với các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ hơn).

148. Since, however, the planet Venus lasts throughout the mahamanvantara, a complication arises, since Venus is, obviously, not one of the synthesizing planets or of the true Greater Three. It is however the conduit for one of the three super-principles at this particular phase of solar systemic development.

148. Tuy nhiên, vì hành tinh Sao Kim tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa, nên nảy sinh một sự phức tạp, vì Sao Kim rõ ràng không phải là một trong các hành tinh tổng hợp hay thuộc về Ba Đấng Vĩ Đại đích thực. Tuy vậy, nó là ống dẫn cho một trong ba siêu nguyên khí ở giai đoạn đặc biệt này của sự phát triển hệ mặt trời.

An idea of the meaning of this distinction can be gleaned by the student, as he studies the process of the incarnating ego.

Đạo sinh có thể lĩnh hội được một ý niệm về ý nghĩa của sự phân biệt này khi y nghiên cứu tiến trình của chân ngã đang lâm phàm.

149. When matters become abstruse, we must resort to the clarifying power of analogy. We focus on what we *can* grasp in the attempt to fathom the dimension outlines of what we *cannot* yet grasp.

149. Khi các vấn đề trở nên quá trừu tượng, chúng ta phải dùng đến năng lực làm sáng tỏ của phép tương đồng. Chúng ta tập trung vào điều mình *có thể* nắm bắt trong nỗ lực dò thấu những đường nét chiều kích của điều mình *chưa thể* nắm bắt.

What do we consequently find? First of all, impulse, or the will-to-be, emanating from the mental plane; then desire, emanating from the astral plane, producing manifestation on the dense physical.

Vậy hệ quả là chúng ta thấy gì? Trước hết là xung lực, hay ý chí-tồn tại, phát ra từ cõi trí; rồi đến dục vọng, phát ra từ cõi cảm dục, tạo ra sự biểu hiện trên cõi hồng trần đậm đặc.

150. This is the normal manifestational process which occurs within the microcosm.

150. Đây là tiến trình biểu hiện bình thường xảy ra trong tiểu thiên địa.

151. The will-to-be is followed by desire which, in turn, is followed body the manifestation of the dense physical body.

151. Ý chí-tồn tại được tiếp theo bởi dục vọng, rồi đến lượt nó được tiếp theo bởi sự biểu hiện của thể xác hồng trần đậm đặc.

This idea must be extended to the three Logoi or logoic Aspects and we then have the key to the mystery of the nine Sephiroth, the triple Trimurti.

Ý tưởng này phải được mở rộng đến ba Logos hay các Phương diện của Logos, và khi ấy chúng ta có chìa khóa cho huyền nhiệm của chín Sephiroth, Tam Vị Trimurti.

152. We are speaking of the logoic Trinity surrounding the Solar Logos.

152. Chúng ta đang nói về Ba Ngôi của Logos bao quanh Thái dương Thượng đế.

153. The "three Logoi or logoic Aspects" do not express through only one planet, but through three at a time.

153. "Ba Logos hay các Phương diện của Logos" không biểu lộ chỉ qua một hành tinh, mà qua ba hành tinh cùng một lúc.

154. We might wonder whether the objectifications of the Planetary Logoi, per se, begin to appear as the "three Logoi or logoic Aspects" move towards manifestation.

154. Chúng ta có thể tự hỏi liệu các sự khách thể hóa của chính các Hành Tinh Thượng Đế có bắt đầu xuất hiện khi "ba Logos hay các Phương diện của Logos" tiến về phía biểu hiện hay không.

155. To clarify these thoughts we should consult EP II, 99.

155. Để làm sáng tỏ những tư tưởng này, chúng ta nên tham khảo EP II, 99.

156. The three great *Lives* which each express through three of our usual planets are, it seems, involved with the nine Sephiroth and the "triple Trimurti".

156. Ba *Sự sống* lớn, mỗi Sự sống biểu lộ qua ba hành tinh quen thuộc của chúng ta, dường như có liên quan đến chín Sephiroth và "Tam Vị Trimurti".

157. The three groups are:

157. Ba nhóm là:

a. Earth, Mars and Saturn for the Third Ray Life

a. Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Thổ cho Sự Sống Cung ba

b. Venus, Jupiter and Uranus for the Second Ray Life

b. Sao Kim, Sao Mộc và Sao Thiên Vương cho Sự Sống Cung hai

c. Vulcan, Neptune and Pluto for the First Ray Life

c. Vulcan, Sao Hải Vương và Sao Diêm Vương cho Sự Sống Cung một

d. Mercury, the Divine Intermediary, links all together and is not associated with any one of these Great logoic Lives.

d. Sao Thủy, Đấng Trung Gian thiêng liêng, liên kết tất cả lại với nhau và không gắn với bất kỳ một Sự Sống logoic Vĩ Đại nào trong số này.

158. Given what we know about the mahamanvantaric duration of Venus, however, it is difficult to say that the planets appear in order of the appearance of the Three Logoi containing them (in the usual three, two, one sequence).

158. Tuy nhiên, xét theo điều chúng ta biết về thời lượng Đại giai kỳ sinh hóa của Sao Kim, thật khó để nói rằng các hành tinh xuất hiện theo thứ tự xuất hiện của Ba Thượng đế chứa đựng chúng (theo trình tự thông thường ba, hai, một).

159. What we are suggesting is that the third aspect of divinity usually manifests first in the threefold sequence, followed by the second aspect and finally by the first aspect.

159. Điều chúng tôi muốn gợi ý là phương diện thứ ba của thiên tính thường biểu hiện trước tiên trong trình tự tam phân, tiếp theo là phương diện thứ hai và sau cùng là phương diện thứ nhất.

The other event might be noted,—the appropriation at a still later period in time and space by the individual Monads of their bodies of manifestation.

Biến cố khác cũng có thể được lưu ý,—đó là sự chiếm hữu, vào một thời kỳ còn muộn hơn nữa trong thời gian và không gian, của các chân thần cá biệt đối với các thể biểu hiện của chúng.

112. We continue to discuss "certain eventualities in time and space".

112. Chúng ta tiếp tục bàn đến "một số khả tính chung cuộc trong thời gian và không gian".

113. We are dealing with three periods of appropriation:

113. Chúng ta đang đề cập đến ba thời kỳ chiếm hữu:

a. The appropriation of the Solar Logos of a body of manifestation

a. Sự chiếm hữu của Thái dương Thượng đế đối với một thể biểu hiện

b. The appropriation by the Planetary Logoi or Prajapatis or Progenitors of a body of manifestation.

b. Sự chiếm hữu của các Hành Tinh Thượng Đế hay các Prajapati hay các Đấng Tiên Tổ đối với một thể biểu hiện.

c. The appropriation by the "individual Monads" of a body of manifestation.

c. Sự chiếm hữu của các "chân thần cá biệt" đối với một thể biểu hiện.

114. We note, here, that the Monads are called "individual"—a term usually reserved to the individualized aspects of them expressing through egoic lotuses.

114. Ở đây, chúng ta lưu ý rằng các chân thần được gọi là "cá biệt"—một thuật ngữ thường dành cho các phương diện đã được biệt ngã hóa của chúng đang biểu lộ qua các hoa sen chân ngã.

The pouring in of this force of energy, emanating from the fifth logoic Principle, brings about two things:

Sự tuôn đổ vào của mãnh lực năng lượng này, phát ra từ nguyên khí logoic thứ năm, đem lại hai điều:

The appropriation by the sevenfold Logos of His dense physical body.

Sự chiếm hữu của Thượng đế thất phân đối với thể xác đậm đặc của Ngài.

The appearance on the fifth systemic plane of the causal bodies of the human Monads.

Sự xuất hiện trên cõi thứ năm của hệ thống của các thể nguyên nhân của các chân thần nhân loại.

160. These two statements are in the nature of a review of what has been stated in the foregoing sections of text.

160. Hai phát biểu này có tính chất như một sự điểm lại những gì đã được trình bày trong các phần văn bản trước.

161. The two occurrences are separated by a vast period of time.

161. Hai biến cố này cách nhau bởi một khoảng thời gian mênh mông.

162. This appearance of the causal bodies does not, as we have studied, occur at the same time with regard to all the Planetary Logoi.

162. Như chúng ta đã nghiên cứu, sự xuất hiện này của các thể nguyên nhân không xảy ra đồng thời đối với mọi Hành Tinh Thượng Đế.

163. Once the Solar Logos has flashed forth into physical manifestation through the physical Sun and the dense physical bodies of planets, it will be a very long time before the causal bodies of the human Monads appear on the fifth systemic plane. A number of systemic, scheme and chain rounds must run their courses.

163. Một khi Thái dương Thượng đế đã bừng phát vào biểu hiện hồng trần qua Mặt Trời vật lý và các thể xác đậm đặc của các hành tinh, thì sẽ còn rất lâu nữa trước khi các thể nguyên nhân của các chân thần nhân loại xuất hiện trên cõi thứ năm của hệ thống. Một số cuộc tuần hoàn của hệ thống, hệ hành tinh và dãy phải hoàn tất tiến trình của chúng.

164. Intermediary between these processes is the process of the appearance of the dense physical bodies of the Planetary Logoi.

164. Trung gian giữa các tiến trình này là tiến trình xuất hiện của các thể xác đậm đặc của các Hành Tinh Thượng Đế.

or

hay

For the greater Life it was incarnation.

Đối với Sự sống lớn hơn, đó là sự lâm phàm.

165. We are learning that the appearance of the dense physical body of the Solar Logos should not be called "Individualization". Perhaps the time of that type of *cosmic individualization* occurred five solar systems ago when He Who is now the Solar Logos expressed in a completely physical incarnation—a cosmically *Lemurian* incarnation.

165. Chúng ta đang học rằng sự xuất hiện của thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế không nên được gọi là "Biệt ngã hóa". Có lẽ thời điểm của loại *biệt ngã hóa vũ trụ* ấy đã xảy ra cách đây năm hệ mặt trời khi Đấng hiện nay là Thái dương Thượng đế biểu lộ trong một lần lâm phàm hoàn toàn hồng trần—một lần lâm phàm *Lemuria* theo nghĩa vũ trụ.

For the lesser lives it was individualisation.

Đối với các sự sống nhỏ hơn, đó là sự biệt ngã hóa.

166. The pouring in of force from the fifth cosmic plane causes these two events (really three, if the appropriation of a body of manifestation by the Planetary Logoi is considered), but the events take a long time to occur. That which is caused, is caused in sequence and not simultaneously, although in *The Secret Doctrine* we are told that the Sun and His seven Brothers appeared more or less simultaneously—as comets!

166. Sự tuôn đổ vào của mãnh lực từ cõi vũ trụ thứ năm gây ra hai biến cố này (thật ra là ba, nếu tính cả sự chiếm hữu một thể biểu hiện của các Hành Tinh Thượng Đế), nhưng các biến cố ấy cần một thời gian dài mới xảy ra. Điều được gây ra, được gây ra theo trình tự chứ không đồng thời, mặc dù trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* chúng ta được cho biết rằng Mặt Trời và bảy Huynh Đệ của Ngài đã xuất hiện gần như đồng thời—như những sao chổi!

167. It is probable that for each type of conscious L/life there is a period and type of individualization unique to the nature and scope of that L/life.

167. Có lẽ đối với mỗi loại Sự sống/sự sống có tâm thức đều có một thời kỳ và một loại biệt ngã hóa độc nhất theo bản chất và tầm mức của Sự sống/sự sống ấy.

168. A human Monad has its own kind of individualization; so does a Planetary Logos (an Individualization of a cosmic nature). A Planetary Logos did not individualize *as a* ***human*** *Monad* but as a **planetary logoic** Monad. A Solar Logos also has its own kind of Individualization (also of a cosmic nature).

168. Một chân thần nhân loại có loại biệt ngã hóa riêng của nó; một Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy (một sự Biệt ngã hóa có bản chất vũ trụ). Một Hành Tinh Thượng Đế đã không biệt ngã hóa *như một* ***chân thần nhân loại*** mà như một chân thần **hành tinh logoic**. Một Thái dương Thượng đế cũng có loại Biệt ngã hóa riêng của Ngài (cũng mang bản chất vũ trụ).

169. This means, for instance, that although the units of life (Monads) which go to the formation of the centres of a Planetary Logos undergo a type of *microcosmic*

169. Điều này có nghĩa, chẳng hạn, rằng mặc dù các đơn vị sự sống (các chân thần) góp phần tạo thành các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế trải qua một loại biệt ngã

individualization, the Planetary Logos *as a group Being consisting of many microcosmically individualized Monads,* undergoes a kind of *cosmic* Individualization which is far in advance of the individualization undergone by a human Monad. An extension and elevation of this process can be applied to the individualization of a Solar Logos.

hóa *tiểu thiên địa*, thì Hành Tinh Thượng Đế, *với tư cách một Hữu thể nhóm gồm nhiều chân thần đã được biệt ngã hóa theo cách tiểu thiên địa,* lại trải qua một loại Biệt ngã hóa *vũ trụ* vượt xa sự biệt ngã hóa mà một chân thần nhân loại trải qua. Sự mở rộng và nâng cao của tiến trình này có thể được áp dụng cho sự biệt ngã hóa của một Thái dương Thượng đế.

170. The matter is not easy to solve. Microcosmic individualization and cosmic Individualization (experienced by Planetary Logoi, Solar Logoi and Cosmic Logoi) are each of a very different nature, and each of these type of Individualization is *distinct*.

170. Vấn đề này không dễ giải quyết. Biệt ngã hóa tiểu thiên địa và Biệt ngã hóa vũ trụ (được các Hành Tinh Thượng Đế, các Thái dương Thượng đế và các Vũ trụ Thượng đế kinh nghiệm) mỗi loại đều có bản chất rất khác nhau, và mỗi loại Biệt ngã hóa này đều *riêng biệt*.

This needs pondering upon.

Điều này cần được suy ngẫm.

115. We can do that, but the entire question will remain obscure until we understand how groups of Solar Angels 'become' Planetary Logoi and how groups of Planetary Logoi 'become' Solar Logoi, etc.

115. Chúng ta có thể làm điều đó, nhưng toàn bộ vấn đề vẫn sẽ còn mờ tối cho đến khi chúng ta hiểu được cách các nhóm Thái dương Thiên Thần "trở thành" các Hành Tinh Thượng Đế và cách các nhóm Hành Tinh Thượng Đế "trở thành" các Thái dương Thượng đế, v.v.

116. What might be called the 'cosmic, pyramidal, amalgamative group process' must be fathomed.

116. Điều có thể được gọi là "tiến trình nhóm vũ trụ, hình tháp, dung hợp" phải được thấu hiểu.

117. The trouble lies with our understanding of the principle of *hierarchy* in a *cosmic* sense. Is it built up from below or does it descend from above or *both*?

117. Khó khăn nằm ở sự thấu hiểu của chúng ta về nguyên lý *thứ bậc* theo một nghĩa *vũ trụ*. Nó được xây dựng từ dưới lên, hay giáng xuống từ trên, hay là *cả hai*?

[Page 693]

[Page 693]

It will, therefore, be apparent to all thinkers why this fifth principle stirred the third aspect into self-conscious activity.

Do đó, mọi nhà tư tưởng sẽ thấy rõ vì sao nguyên khí thứ năm này đã khuấy động phương diện thứ ba vào hoạt động ngã thức.

171. DK has been explaining how it happened.

172. It seems that a dual stimulation (both systemically-buddhic relating to the chakras of the Planetary Logos or Solar Logos, and cosmically mental) was applied, and that causal bodies arose simultaneously with a bridging initiative (towards the third aspect) from the Fifth Creative Hierarchy which represents the far greater energy from the cosmic mental plane.

(b.) Hylozoistically considered.[31]

31: Hylozoism:—From Greek "ule," matter; "zoon," animal; and "ism." Ism is a suffix embodying the doctrine or abstract idea of the noun to which it is attached. **Hylozoism is the doctrine that all matter is endowed with life.**

173. It is most needed that this doctrine enter modern thought. Its entry would end the illusory split in men's minds as they consider that which appears to them as 'alive' or organic and that which appears 'dead' or inorganic—animate and inanimate substance.

"When we have attained to this conception of hylozoism of a living material universe, the mystery of nature will be solved."—Standard Dictionary.

118. The universe is to be considered one great, animated, living 'body'.

171. Chân sư DK đã giải thích điều đó đã xảy ra như thế nào.

172. Dường như một sự kích thích kép (vừa có tính hệ thống-Bồ đề liên hệ đến các luân xa của Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, vừa có tính trí tuệ vũ trụ) đã được áp dụng, và các thể nguyên nhân phát sinh đồng thời với một sáng kiến bắt cầu (hướng tới phương diện thứ ba) từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm, vốn tượng trưng cho năng lượng lớn lao hơn nhiều từ cõi trí vũ trụ.

*(b.) Xét theo thuyết vật hoạt luận.*31

31: Hylozoism:—Từ tiếng Hy Lạp "ule", vật chất; "zoon", động vật; và "ism". Ism là một tiếp vĩ ngữ bao hàm học thuyết hay ý niệm trừu tượng của danh từ mà nó gắn vào. **Thuyết vật hoạt luận là học thuyết cho rằng mọi vật chất đều được phú cho sự sống.**

173. Học thuyết này hết sức cần được đưa vào tư tưởng hiện đại. Sự đi vào của nó sẽ chấm dứt sự phân chia ảo tưởng trong tâm trí những người nam và nữ khi họ xem xét điều hiện ra với họ là "sống" hay hữu cơ và điều hiện ra là "chết" hay vô cơ—chất liệu hữu sinh và vô sinh.

"Khi chúng ta đạt tới quan niệm này về thuyết vật hoạt luận của một vũ trụ vật chất sống động, thì bí ẩn của thiên nhiên sẽ được giải quyết."—Từ điển Chuẩn.

118. Vũ trụ phải được xem là một "thể" vĩ đại, sống động, được linh hoạt.

119. Học thuyết Vật Hoạt Luận giúp chúng ta vượt qua "Đại Tà thuyết về sự tách biệt".

119. The Doctrine of Hylozoism helps us overcome the "Great Heresy of Separateness".

In continuing our consideration of the **fifth logoic Principle**, we will now view it in its hylozoistic aspect. **We have seen that it can be regarded as the force, the energy or the quality which emanates from the logoic mental unit on the cosmic mental plane**;

174. If analogy holds, the logoic mental unit will be found on the fourth cosmic subplane of the cosmic mental plane.

175. We suspect, however, that the energy pouring through the logoic mental unit must originate within the logoic causal body or egoic lotus. There does not seem to be any good reason to exclude the cosmic higher mental plane as the Source of the fifth principle or of logoic manas.

176. In fact, Sources can be inferred upon the Super-Cosmic Planes.

this necessarily has a definite effect on the fifth systemic plane,

177. Presumably, on the *entirety* of the fifth systemic plane.

and on the fifth subplane of the physical plane, the gaseous.

178. On the *entirety* of the systemic gaseous plane and not on four sevenths of it.

Before taking up the subject of the Agnishvattas in detail, there are three points which should be borne in mind.

Khi tiếp tục xem xét **nguyên khí logoic thứ năm**, giờ đây chúng ta sẽ nhìn nó trong phương diện vật hoạt luận của nó. **Chúng ta đã thấy rằng nó có thể được xem như mãnh lực, năng lượng hay phẩm tính phát ra từ đơn vị hạ trí logoic trên cõi trí vũ trụ**;

174. Nếu định luật tương đồng đúng, đơn vị hạ trí logoic sẽ được tìm thấy trên cõi phụ vũ trụ thứ tư của cõi trí vũ trụ.

175. Tuy nhiên, chúng ta nghi ngờ rằng năng lượng tuôn qua đơn vị hạ trí logoic hẳn phải phát sinh bên trong thể nguyên nhân logoic hay hoa sen chân ngã. Dường như không có lý do xác đáng nào để loại trừ cõi thượng trí vũ trụ như là Nguồn của nguyên khí thứ năm hay của manas logoic.

176. Thật ra, có thể suy ra các Nguồn trên các cõi Siêu Vũ Trụ.

điều này tất yếu có một tác động xác định trên cõi thứ năm của hệ thống,

177. Có lẽ là trên *toàn thể* cõi thứ năm của hệ thống.

và trên cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần, tức cõi khí.

178. Trên *toàn thể* cõi khí của hệ thống chứ không phải trên bốn phần bảy của nó.

Trước khi bàn chi tiết về các Agnishvatta, có ba điểm cần được ghi nhớ.

First, it should be remembered that all the planes of our system, viewing them as deva substance,

179. This means that we view our systemic planes as *both* elemental substance and the substance of the evolutionary devas.

form the spirillae in the physical permanent atom of the solar Logos.

180. This is another of those very important statements. Systemic planes are solar logoic spirillae.

181. We know that the degree of activation of the spirillae of the permanent atoms of the human beings correspond with the stage of evolution at which a human being stands. We can analogically infer that the degree of activation or stimulation of the systemic planes relates to the evolutionary stage at which a Planetary Logos or Solar Logos stands.

This has earlier been pointed out, but needs re-emphasising here. **All consciousness, all memory, all faculty is stored up in the permanent atoms, and we are consequently dealing here with that consciousness**;

182. We are dealing with the consciousness, memory and faculty of a Planetary Logos or Solar Logos, as that consciousness, memory or faculty applies to the cosmic physical plane.

183. Let us compare the memory chips of modern computer technology with the

Thứ nhất, cần nhớ rằng mọi cõi của hệ thống chúng ta, nếu xem chúng như chất liệu thiên thần,

179. Điều này có nghĩa là chúng ta xem các cõi hệ thống của mình vừa là chất liệu hành khí vừa là chất liệu của các thiên thần tiến hoá.

tạo thành các loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế.

180. Đây là một phát biểu rất quan trọng khác. Các cõi hệ thống là các loa tuyến của Thái dương Thượng đế.

181. Chúng ta biết rằng mức độ hoạt hóa của các loa tuyến trong các nguyên tử trường tồn của con người tương ứng với giai đoạn tiến hoá mà một con người đang đứng ở đó. Theo phép loại suy, chúng ta có thể suy ra rằng mức độ hoạt hóa hay kích thích của các cõi hệ thống liên hệ với giai đoạn tiến hoá mà một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế đang đứng ở đó.

Điều này đã được chỉ ra trước đây, nhưng cần được nhấn mạnh lại ở đây. **Mọi tâm thức, mọi ký ức, mọi năng lực đều được tích trữ trong các nguyên tử trường tồn, và do đó ở đây chúng ta đang đề cập đến tâm thức ấy**;

182. Chúng ta đang đề cập đến tâm thức, ký ức và năng lực của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, khi tâm thức, ký ức hay năng lực ấy được áp dụng vào cõi hồng trần vũ trụ.

183. Hãy so sánh các chip nhớ của công nghệ máy tính hiện đại với những "chip nhớ" tinh

incomparably more sophisticated 'memory chips' represented by the permanent atoms.

vi hơn không thể so sánh được do các nguyên tử trường tồn tượng trưng.

the student should nevertheless bear in mind that it is on the atomic subplanes that the logoic consciousness (remote as even that may be from the Reality) centres itself.

tuy vậy đạo sinh vẫn nên ghi nhớ rằng chính trên các cõi phụ nguyên tử mà tâm thức logoic (dù ngay cả điều đó vẫn còn xa với Thực Tại) tự tập trung.

184. DK may also be saying that the solar logoic consciousness expresses itself through the systemic atomic planes of the systemic planes—at least through the atomic subplanes of the cosmic ethers.

184. Chân sư DK cũng có thể đang nói rằng tâm thức thái dương logoic biểu lộ qua các cõi nguyên tử hệ thống của các cõi hệ thống —ít nhất là qua các cõi phụ nguyên tử của các dĩ thái vũ trụ.

185. If we are speaking cosmically, then the subplanes have to be considered from the *cosmic* perspective.

185. Nếu chúng ta đang nói theo nghĩa vũ trụ, thì các cõi phụ phải được xét từ quan điểm *vũ trụ*.

186. The logoic subplane of the cosmic physical plane is the *atomic subplane* for the cosmic physical plane. The Solar Logos will express especially through the logoic physical permanent atom on the logoic level of the cosmic physical plane.

186. Cõi phụ logoic của cõi hồng trần vũ trụ là *cõi phụ nguyên tử* của cõi hồng trần vũ trụ. Thái dương Thượng đế sẽ biểu lộ đặc biệt qua nguyên tử trường tồn hồng trần logoic trên cấp độ logoic của cõi hồng trần vũ trụ.

187. We could wonder about solar logoic expression on the atomic subplane of the cosmic astral plane. It may be that the Solar Logos is not yet developmentally ready to work with the permanent atom found on the atomic level of the cosmic mental plane.

187. Chúng ta có thể tự hỏi về sự biểu lộ thái dương logoic trên cõi phụ nguyên tử của cõi cảm dục vũ trụ. Có thể là Thái dương Thượng đế chưa sẵn sàng về mặt phát triển để làm việc với nguyên tử trường tồn được tìm thấy trên cấp độ nguyên tử của cõi trí vũ trụ.

188. The Reality of the Solar Logos is far from even His highest level of etheric expression—i.e., His expression through His physical permanent atom.

188. Thực Tại của Thái dương Thượng đế còn xa ngay cả mức biểu lộ dĩ thái cao nhất của Ngài—tức là sự biểu lộ của Ngài qua nguyên tử trường tồn hồng trần của Ngài.

This permanent atom of the solar system, which holds the same relation to the logoic physical body as the human permanent atom does to that of a man,

Nguyên tử trường tồn này của hệ mặt trời, vốn giữ cùng một tương quan với thể hồng trần logoic như nguyên tử trường tồn của con người đối với thể xác của một người,

189. We are speaking of the logoic physical permanent atom on the first or logoic cosmic subplane of the cosmic physical plane.

189. Chúng ta đang nói về nguyên tử trường tồn hồng trần logoic trên cõi phụ vũ trụ thứ nhất hay cõi phụ logoic của cõi hồng trần vũ trụ.

190. In this case the analogical relationship between man and the Solar Logos is closer than that between man and the Planetary Logos.

190. Trong trường hợp này, mối tương quan loại suy giữa con người và Thái dương Thượng đế gần hơn mối tương quan giữa con người và Hành Tinh Thượng Đế.

is a recipient of force, and is, therefore, receptive to force emanations from another extra-systemic source.

là một nơi tiếp nhận mãnh lực, và do đó tiếp nhận được các phát xạ mãnh lực từ một nguồn ngoài hệ thống khác.

191. We must be cautious when we encounter the term "extra-systemic". It can simply mean a source which is 'above' the cosmic physical plane. It can also mean a source which is entirely beyond the ring-pass-not of the entire aura of the Solar Logos.

191. Chúng ta phải thận trọng khi gặp thuật ngữ "ngoài hệ thống". Nó có thể chỉ đơn giản có nghĩa là một nguồn ở "bên trên" cõi hồng trần vũ trụ. Nó cũng có thể có nghĩa là một nguồn hoàn toàn vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của toàn bộ hào quang của Thái dương Thượng đế.

Some idea of the **illusory character of manifestation**, both human and logoic, may be gathered from the relation of the permanent atoms to the rest of the structure. Apart [Page 694] from the permanent atom, the human physical body does not exist.

Một ý niệm nào đó về **tính chất ảo tưởng của biểu hiện**, cả nơi con người lẫn logoic, có thể được rút ra từ mối liên hệ của các nguyên tử trường tồn với phần còn lại của cấu trúc. Ngoài [Page 694] nguyên tử trường tồn ra, thể xác của con người không tồn tại.

120. The physical permanent atom has engendered the entire etheric-physical body of the human being. The physical permanent atom is, at least, relatively permanent, whereas the physical body, per se, is extremely transitory, a maya, an illusion.

120. Nguyên tử trường tồn hồng trần đã sinh ra toàn bộ thể dĩ thái-hồng trần của con người. Nguyên tử trường tồn hồng trần, ít nhất, là tương đối trường tồn, trong khi thể xác, chính nó, lại cực kỳ tạm bợ, là ảo lực, là ảo tưởng.

121. DK has referred to the physical body as a "congestion":

121. Chân sư DK đã gọi thể xác là một "sự tắc nghẽn":

the dense physical vehicle is not so much the result of their work as it is the result of the meeting of the seven streams of force or electricity, which causes that apparent congestion in matter that we call the dense physical planes (the three lower subplanes). This apparent congestion is, after all, but the exceeding electronic activity or energy of the mass of negative atoms awaiting the stimulation that will result from the presence of a certain number of positive atoms. This needs to be borne in mind. (TCF 321)

thể hồng trần đậm đặc không hẳn là kết quả công việc của các Ngài cho bằng là kết quả của sự gặp gỡ của bảy dòng mãnh lực hay điện lực, gây nên sự tắc nghẽn biểu kiến trong vật chất mà chúng ta gọi là các cõi hồng trần đậm đặc (ba cõi phụ thấp). Sự tắc nghẽn biểu kiến này, rốt cuộc, chỉ là hoạt động điện tử hay năng lượng cực độ của khối các nguyên tử âm đang chờ sự kích thích sẽ phát sinh từ sự hiện diện của một số nguyên tử dương nhất định. Điều này cần được ghi nhớ. (TCF 321)

Again, forms differ as do kingdoms according to the nature of the force flowing through them.

Một lần nữa, các hình tướng khác nhau cũng như các giới khác nhau tùy theo bản chất của mãnh lực chảy qua chúng.

122. It is the interplay of forces which produces the form and the appearance of that form.

122. Chính sự tương tác của các mãnh lực tạo ra hình tướng và sắc tướng của hình tướng ấy.

123. Forces and forms will make a worthy study. Through the form of each kingdom diversified forces flow. Which and why?

123. Các mãnh lực và các hình tướng sẽ là một đề tài nghiên cứu xứng đáng. Qua hình tướng của mỗi giới, các mãnh lực đa dạng chảy qua. Là những mãnh lực nào và vì sao?

In the animal kingdom that which corresponds to the permanent atom responds to force of an involutionary character, emanating from a particular group.

Trong giới động vật, điều tương ứng với nguyên tử trường tồn đáp ứng với mãnh lực có tính chất giáng hạ tiến hoá, phát ra từ một nhóm đặc biệt.

124. We seem still to be speaking of the physical permanent atom.

124. Dường như chúng ta vẫn đang nói về nguyên tử trường tồn hồng trần.

125. Let us assume that DK is speaking of the physical permanent atom (though it would also make sense, in this case, to speak of the astral permanent atom).

125. Chúng ta hãy giả định rằng Chân sư DK đang nói về nguyên tử trường tồn hồng trần (mặc dù trong trường hợp này, nói về nguyên tử trường tồn cảm dục cũng có ý nghĩa).

126. The physical permanent atom of the animal directs its physical nature in a manner which holds the animal within the lower worlds of form.

126. Nguyên tử trường tồn hồng trần của con vật điều khiển bản chất hồng trần của nó theo cách giữ con vật ở trong các thế giới thấp của hình tướng.

127. We might ask the nature of the "particular group" which DK mentions. Group of what?

127. Chúng ta có thể hỏi bản chất của "nhóm đặc biệt" mà Chân sư DK nhắc đến là gì. Nhóm của cái gì?

The human permanent atom responds to force emanating from a group on the evolutionary arc

Nguyên tử trường tồn của con người đáp ứng với mãnh lực phát ra từ một nhóm trên cung tiến hoá

128. DK is still ambiguous about the "group" which stimulates various kinds of permanent atoms—in this permanent atom of the animal kingdom and the permanent atom of the human kingdom.

128. Chân sư DK vẫn còn mơ hồ về "nhóm" kích thích các loại nguyên tử trường tồn khác nhau—trong nguyên tử trường tồn của giới động vật và nguyên tử trường tồn của giới nhân loại này.

129. We could assume that He is referring to groups of devas. We already have discovered that the permanent atoms of man are stimulated by various kinds of evolutionary devas.

129. Chúng ta có thể giả định rằng Ngài đang nói đến các nhóm thiên thần. Chúng ta đã khám phá rằng các nguyên tử trường tồn của con người được kích thích bởi nhiều loại thiên thần tiến hoá khác nhau.

130. Are there involutionary lives which stimulate the permanent atoms of the animal kingdom and the other lower kingdoms?

130. Có phải có những sự sống giáng hạ tiến hoá kích thích các nguyên tử trường tồn của giới động vật và các giới thấp khác không?

131. Is there a good reason, however, for supposing that there are no evolutionary devas (of the Agnichaitans or Agnisuryans type) stimulating the permanent atoms of the members of the animal kingdom? The animal kingdom is, as we know, an *evolutionary* kingdom.

131. Tuy nhiên, có lý do xác đáng nào để giả định rằng không có các thiên thần tiến hoá (thuộc loại Agnichaitan hay Agnisuryan) kích thích các nguyên tử trường tồn của các thành viên trong giới động vật không? Giới động vật, như chúng ta biết, là một giới *tiến hoá*.

and the Ray of a particular planetary Logos in Whose body a human Monad as a definite place.

và cung của một Hành Tinh Thượng Đế đặc biệt mà trong thân thể của Ngài một chân thần nhân loại có một vị trí xác định.

132. Each human Monad has place within the body of a particular Planetary Logos.

132. Mỗi chân thần nhân loại có vị trí trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế đặc biệt.

133. Although each of us as Monads can be said to hold place within a particular center of the Planetary Logos of the Earth-scheme, it is inferred that, as Monads, we *also* have a definite place in another and greater Planetary Logos (probably one of the Planetary Logoi working through a sacred planet).

133. Mặc dù mỗi chúng ta với tư cách các chân thần có thể được nói là giữ vị trí trong một trung tâm đặc biệt của Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu, nhưng có thể suy ra rằng, với tư cách các chân thần, chúng ta *cũng* có một vị trí xác định trong một Hành Tinh Thượng Đế khác và lớn hơn (có lẽ là một trong các Hành Tinh Thượng Đế đang hoạt động qua một hành tinh thiêng liêng).

134. We are not told which Ray of the Planetary Logos stimulates the permanent atoms. Is it the personality ray? This would be likely when we consider the lower permanent atoms. Or is it the soul ray, which might be more likely in relation to the higher or triadal permanent atoms?

134. Chúng ta không được cho biết cung nào của Hành Tinh Thượng Đế kích thích các nguyên tử trường tồn. Có phải là cung phàm ngã không? Điều này có vẻ hợp lý khi chúng ta xét các nguyên tử trường tồn thấp. Hay là cung linh hồn, điều có thể hợp lý hơn liên hệ đến các nguyên tử trường tồn cao hơn hay các nguyên tử trường tồn tam nguyên tinh thần?

135. With respect to the animal kingdom, we are not told that its permanent atom is stimulated by any ray of the Planetary Logos but only by an involutionary group. Animals are evolving, but not evolving self-consciously.

135. Đối với giới động vật, chúng ta không được cho biết rằng nguyên tử trường tồn của nó được kích thích bởi bất kỳ cung nào của Hành Tinh Thượng Đế mà chỉ bởi một nhóm giáng hạ tiến hoá. Động vật đang tiến hoá, nhưng không tiến hoá một cách ngã thức.

Secondly, it must be noted that in view of the above it will be apparent that we are, at this period of manasic inflow and development, concerned with the coming into full vitality and activity of the fifth logoic spirilla;

Thứ hai, cần lưu ý rằng xét theo điều trên, sẽ rõ ràng rằng trong thời kỳ hiện nay của sự tuôn đổ vào và phát triển của manas, chúng ta đang quan tâm đến sự đi vào sinh lực và hoạt động trọn vẹn của loa tuyến logoic thứ năm;

136. If systemic planes are spirillae for the Solar Logos, can we infer that it is fifth spirilla (counting from above) that is coming into full vitality? Or should we think that it

136. Nếu các cõi hệ thống là các loa tuyến đối với Thái dương Thượng đế, liệu chúng ta có thể suy ra rằng chính loa tuyến thứ năm (đếm từ trên xuống) đang đi vào sinh lực trọn vẹn không? Hay chúng ta nên nghĩ rằng

is the spirilla that corresponds to the systemic atmic plane?

137. We must remember that a Solar Logos is a cosmic Initiate of the *second* degree and has not yet taken His third cosmic initiation.

138. Man has four spirillae activated and when He begins to come under the influence of his soul ray, it is his *fifth* spirilla that is activated and then, also under the egoic ray, the sixth.

139. If the analogy holds good, and the Solar Logos is pushing towards His cosmic *third* initiation, it should be His fifth spirilla which is coming into full vitality (that fifth spirilla being *higher* than His fourth, and thus correlating with the atmic systemic plane).

140. These conclusions are drawn upon the basis that for the Solar Logos, systemic planes are spirillae.

141. Yet, the text below indicates the importance of the *mental* plane in connection with the fifth spirilla, and when a man has his fifth spirilla stimulated, he is entering the fifth kingdom (the Kingdom of Souls) and thus for him, the higher mental plane *and* the lower mental plane as well, are coming into intense stimulation.

142. So, perhaps, for the Solar Logos, the counting is done from 'above' to 'below' and the fifth spirillae is, indeed, the systemic mental plane.

143. From another perspective, it is unlikely that the logoic atmic plane would be

đó là loa tuyến tương ứng với cõi atma của hệ thống?

137. Chúng ta phải nhớ rằng một Thái dương Thượng đế là một Điểm đạo đồ vũ trụ bậc *hai* và Ngài chưa nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba của Ngài.

138. Con người có bốn loa tuyến được hoạt hóa và khi y bắt đầu chịu ảnh hưởng của cung linh hồn của mình, thì loa tuyến *thứ năm* của y được hoạt hóa và rồi, cũng dưới cung chân ngã, loa tuyến thứ sáu được hoạt hóa.

139. Nếu phép loại suy là đúng, và Thái dương Thượng đế đang tiến tới lần điểm đạo vũ trụ *thứ ba* của Ngài, thì hẳn là loa tuyến thứ năm của Ngài đang đi vào sinh lực trọn vẹn (loa tuyến thứ năm ấy *cao hơn* loa tuyến thứ tư của Ngài, và do đó tương ứng với cõi atma của hệ thống).

140. Những kết luận này được rút ra trên cơ sở rằng đối với Thái dương Thượng đế, các cõi hệ thống là các loa tuyến.

141. Tuy vậy, đoạn văn dưới đây cho thấy tầm quan trọng của cõi *trí* liên hệ với loa tuyến thứ năm, và khi một người có loa tuyến thứ năm được kích thích, y đang đi vào giới thứ năm (Thiên Giới của các linh hồn) và do đó đối với y, cõi thượng trí *và* cả cõi hạ trí nữa đều đang đi vào sự kích thích mãnh liệt.

142. Vì vậy, có lẽ đối với Thái dương Thượng đế, sự đếm được thực hiện từ "trên" xuống "dưới" và loa tuyến thứ năm quả thực là cõi trí của hệ thống.

143. Từ một góc nhìn khác, khó có khả năng cõi atma logoic lại đang đạt đến sự kích thích

achieving full stimulation because the Solar Logos is not yet a sufficiently high cosmic Initiate to warrant such stimulation.

144. Perhaps only when the Solar Logos is a Cosmic Master will the atmic plane (as a spirilla) be stimulated.

this vitalisation shows itself in the intense activity of the mental plane, and the threefold nature of the electrical phenomena to be witnessed upon it.

a. The atomic subplane...manasic permanent atoms...Positive

b. The fourth subplane....mental units.....Negative

c. The egoic groups.....causal bodies.....Equilibrium or neutral

145. The egoic groups must be especially connected with the third kind of electricity —equilibrizing electricity even though they contain within them all three types.

146. The triangle of force to be found upon mental planes (whether systemic or cosmic) display the archetypal relationship between positive, negative and neutral (harmonizing or equilibrizing).

147. We may also infer that the energy of the sign Libra has much to do with the egoic groups as the type of electricity concerned brings equilibrium.

This is in process of demonstration during the course of evolution.

trọn vẹn vì Thái dương Thượng đế chưa phải là một Điểm đạo đồ vũ trụ đủ cao để xứng với sự kích thích như vậy.

144. Có lẽ chỉ khi Thái dương Thượng đế là một Chân sư Vũ trụ thì cõi atma (như một loa tuyến) mới được kích thích.

sự tiếp sinh lực này biểu lộ trong hoạt động mãnh liệt của cõi trí, và bản chất tam phân của các hiện tượng điện lực có thể được chứng kiến trên đó.

a. Cõi phụ nguyên tử...các nguyên tử trường tồn manas...Dương

b. Cõi phụ thứ tư....các đơn vị hạ trí.....Âm

c. Các nhóm chân ngã.....các thể nguyên nhân.....Quân bình hay trung tính

145. Các nhóm chân ngã hẳn phải đặc biệt liên hệ với loại điện lực thứ ba—điện lực quân bình hóa, dù chúng chứa trong mình cả ba loại.

146. Tam giác mãnh lực được tìm thấy trên các cõi trí (dù là hệ thống hay vũ trụ) biểu lộ mối tương quan nguyên mẫu giữa dương, âm và trung tính (điều hòa hay quân bình hóa).

147. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng năng lượng của dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình có liên hệ rất nhiều với các nhóm chân ngã vì loại điện lực được bàn đến đem lại sự quân bình.

Điều này đang trong tiến trình được chứng minh trong suốt diễn trình tiến hoá.

148. Upon the mental plane, Sprit, soul and body are all represented.

148. Trên cõi trí, tinh thần, linh hồn và thể đều được biểu hiện.

149. The three types of electricity are unfolded in manifestation sequentially.

149. Ba loại điện lực được khai mở trong biểu hiện theo trình tự.

We are dealing here with the substance aspect and considering energy in its various manifestations. The response of deva substance to **the inflow of force on the mental plane** has a threefold effect in connection with the Logos or the Septenate:

Ở đây chúng ta đang đề cập đến phương diện chất liệu và xem xét năng lượng trong các biểu hiện khác nhau của nó. Sự đáp ứng của chất liệu thiên thần đối với **sự tuôn đổ vào của mãnh lực trên cõi trí** có một tác động tam phân liên hệ với Thượng đế hay Thất Nguyên:

150. We are still dealing with the Solar Logos and that which is taking place within His body of manifestation.

150. Chúng ta vẫn đang đề cập đến Thái dương Thượng đế và điều đang diễn ra trong thể biểu hiện của Ngài.

1. It produces a greatly **increased vitality in the logoic centres on the fourth cosmic ether**, due to reflex action, which is felt both above and below the plane of activity.

1. Nó tạo ra một **sinh lực gia tăng rất lớn trong các trung tâm logoic trên dĩ thái vũ trụ thứ tư**, do tác động phản hồi, được cảm nhận cả bên trên lẫn bên dưới cõi hoạt động.

151. We are speaking of the inflow of force from the cosmic mental plane to the systemic mental plane.

151. Chúng ta đang nói về sự tuôn đổ vào của mãnh lực từ cõi trí vũ trụ xuống cõi trí của hệ thống.

152. The main recipient of force from the cosmic mental plane is the systemic mental plane, the plane *below* the buddhic plane.

152. Nơi tiếp nhận chính của mãnh lực từ cõi trí vũ trụ là cõi trí của hệ thống, cõi *bên dưới* cõi Bồ đề.

153. But as we see, the reflex action here discussed "is felt both above and below the plane of activity".

153. Nhưng như chúng ta thấy, tác động phản hồi được bàn đến ở đây "được cảm nhận cả bên trên lẫn bên dưới cõi hoạt động".

154. We have a feedback loop created. Those chakras of the Planetary Logos or Solar Logos found upon the fourth cosmic ether cause stimulation on the systemic mental plane and the stimulation coming to the systemic mental plane from the cosmic

154. Một vòng phản hồi đã được tạo ra. Những luân xa của Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ tư gây ra sự kích thích trên cõi trí của hệ thống, và sự kích thích đến với cõi trí của hệ thống từ cõi trí vũ trụ

mental plane causes stimulation in the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

lại gây ra sự kích thích trong dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

2. It stimulates the efforts of the highest specimens of the third kingdom, and a dual effect is produced [Page 695] through this, for the fourth kingdom in nature makes its appearance on the physical plane and the Triads are reflected on the mental plane in the causal bodies to be found thereon.

2. Nó kích thích các nỗ lực của những mẫu mực cao nhất của giới thứ ba, và qua đó một tác động kép được tạo ra [Page 695], vì giới thứ tư trong thiên nhiên xuất hiện trên cõi hồng trần và các Tam nguyên tinh thần được phản chiếu trên cõi trí trong các thể nguyên nhân được tìm thấy tại đó.

155. Stimulation from the cosmic mental plane as it affects the systemic mental plane, stimulates the highest specimens of animal man and also causes the appearance of the fourth kingdom.

155. Sự kích thích từ cõi trí vũ trụ khi tác động lên cõi trí của hệ thống sẽ kích thích những mẫu mực cao nhất của người thú và cũng gây ra sự xuất hiện của giới thứ tư.

156. We have a very clear statement telling us that the spiritual triad is reflected in the causal body. Chart X, TCF 961, shows the triad (the higher Ego) reflected in the Ego as it expresses on the higher mental plane.

156. Chúng ta có một phát biểu rất rõ cho biết rằng Tam Nguyên Tinh Thần được phản chiếu trong thể nguyên nhân. Biểu đồ X, TCF 961, cho thấy tam nguyên tinh thần (chân ngã cao hơn) được phản chiếu trong Chân ngã khi nó biểu lộ trên cõi thượng trí.

157. It stands to reason that the spiritual triad antedates the establishing of the causal body.

157. Có lý khi nói rằng Tam Nguyên Tinh Thần có trước việc thiết lập thể nguyên nhân.

3. As earlier said, the dense physical is linked and co-ordinated with the etheric bodies of the solar logos and of the planetary Logos. Therefore, the lower three planes are synthesised with the higher four, and the devas of an earlier mahamanvantara or solar cycle are brought into conjunction with those of a newer order who were awaiting just conditions.

3. Như đã nói trước đây, thể hồng trần đậm đặc được liên kết và phối hợp với các thể dĩ thái của thái dương thượng đế và của Hành Tinh Thượng Đế. Do đó, ba cõi thấp được tổng hợp với bốn cõi cao, và các thiên thần của một Đại giai kỳ sinh hóa hay chu kỳ mặt trời trước được đưa vào đồng vị với những thiên thần thuộc một trật tự mới hơn đang chờ đợi những điều kiện thích đáng.

158. It is quite obvious that a kind of 'marriage' is taking place—the old is being merged with the new under the influence of Libra, the sign of the "just".

158. Rõ ràng là một loại "hôn phối" đang diễn ra—cái cũ đang được hòa nhập với cái mới dưới ảnh hưởng của Thiên Bình, dấu hiệu của sự "công chính".

159. It is reiterated that the devas of the lower three planes are from an earlier mahamanvantara.

159. Một lần nữa, điều này được nhắc lại rằng các thiên thần của ba cõi thấp là từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước.

160. We read of the reflex action above and below. The synthesizing of which we are here speaking pertains to the reflex action applying to planes below the systemic higher mental plane.

160. Chúng ta đọc về tác động phản hồi ở trên và ở dưới. Sự tổng hợp mà ở đây chúng ta đang nói đến liên quan đến tác động phản hồi áp dụng cho các cõi bên dưới cõi thượng trí của hệ thống.

The physical incarnation of the Logos is completed

Sự lâm phàm hồng trần của Thượng đế được hoàn tất

161. The linking of the four and the three constitutes the physical incarnation of the Solar Logos.

161. Sự liên kết của bốn và ba cấu thành sự lâm phàm hồng trần của Thái dương Thượng đế.

162. We discussed, above, two types of incarnation for the Solar Logos. This is the second kind. In this type of incarnation, the dense levels of the cosmic physical plane already exists, but a linking process occurs allowing the Presence of the Solar Logos to be focussed in relation to those lower, non-principled planes.

162. Ở trên, chúng ta đã bàn đến hai loại lâm phàm của Thái dương Thượng đế. Đây là loại thứ hai. Trong loại lâm phàm này, các cấp độ đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ đã hiện hữu sẵn, nhưng một tiến trình liên kết xảy ra, cho phép Sự Hiện Diện của Thái dương Thượng đế được tập trung trong tương quan với những cõi thấp, không nguyên khí ấy.

The lower three kingdoms, being negative to the higher force, the mutual attraction of these two and their interaction bring into being the fourth or human kingdom. **The three fires of mind, Spirit and matter are brought together and the work of full self-consciousness begun**.

Ba giới thấp, vốn âm tính đối với mãnh lực cao hơn, sự hấp dẫn hỗ tương của hai bên này và sự tương tác của chúng làm phát sinh giới thứ tư hay giới nhân loại. **Ba ngọn lửa của trí tuệ, tinh thần và vật chất được đưa lại với nhau và công việc của ngã thức trọn vẹn được bắt đầu**.

163. We can see that to produce self-consciousness it is not enough to link solar fire with fire by friction. Rather, all three fires must be brought together. The Monad/Spirit is definitely involved.

163. Chúng ta có thể thấy rằng để tạo ra ngã thức thì chỉ liên kết Lửa Thái dương với Lửa ma sát là chưa đủ. Đúng hơn, cả ba ngọn lửa phải được đưa lại với nhau. Chân thần/Tinh thần chắc chắn có dự phần.

164. The Monad, as we realized, establishes its presence as the "central flame" within the egoic lotus.

164. Như chúng ta đã chứng nghiệm, chân thần thiết lập sự hiện diện của nó như "ngọn lửa trung tâm" bên trong Hoa Sen Chân Ngã.

Finally, the student should very carefully study here the significance of the numbers three, four and five in the evolution of consciousness.

Sau cùng, đạo sinh nên nghiên cứu ở đây thật cẩn thận thâm nghĩa của các số ba, bốn và năm trong sự tiến hoá của tâm thức.

165. These are the number which most concern the development of three kingdoms —our own and the kingdoms most proximate to ours, the animal kingdom and the Kingdom of Souls.

165. Đây là những con số liên hệ nhiều nhất đến sự phát triển của ba giới—giới của chính chúng ta và những giới gần với chúng ta nhất, giới động vật và giới các linh hồn.

166. We are not speaking as much of the evolution of form as of consciousness. The three numbers suggest animal consciousness, human consciousness and soul consciousness.

166. Chúng ta không nói nhiều về sự tiến hoá của hình tướng bằng nói về tâm thức. Ba con số ấy gợi ra tâm thức động vật, tâm thức con người và tâm thức linh hồn.

167. As well, certain of the Creative Hierarchies are also brought into close cooperation via these numbers.

167. Đồng thời, một số Huyền Giai Sáng Tạo cũng được đưa vào sự hợp tác mật thiết qua các con số này.

a. The Fourth Creative Hierarchy of Human Monads

a. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các Chân thần nhân loại

b. The Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels

b. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm của các Thái dương Thiên Thần

c. The Third Creative Hierarchy of "Triple Flowers" Who are instrumental in relaying the Christ Consciousness to the developing human being.

c. Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba của các "Hoa Tam phân", những Đấng có vai trò truyền chuyển Tâm thức Christ đến con người đang phát triển.

168. We notice that the three numbers sum to twelve, which is a number of completion and the number of all heart centers

168. Chúng ta nhận thấy rằng ba con số này cộng lại thành mười hai, là con số của sự hoàn tất và là con số của mọi trung tâm tim

Numerology has hitherto been studied primarily, and rightly, from the substance

Cho đến nay, số học chủ yếu đã được nghiên cứu, và đúng như vậy, từ phương diện chất

aspect, but not so much from the standpoint of conscious energy.

liệu, nhưng không nhiều từ quan điểm của năng lượng có tâm thức.

169. We might say the same of astrology, for it is the personal astrology which has so much occupied the attention of those who might be interested.

169. Chúng ta cũng có thể nói như vậy về chiêm tinh học, vì chính chiêm tinh học cá nhân đã chiếm nhiều sự chú ý của những ai có thể quan tâm.

The Triad, for instance, is usually looked upon by our students as the triangle formed by the manasic-buddhic and atmic permanent atoms; the cube stands for the lower material man, and the five-pointed star has frequently a very material interpretation.

Chẳng hạn, Tam nguyên tinh thần thường được các đạo sinh của chúng ta xem là tam giác được tạo thành bởi các nguyên tử trường tồn manas, Bồ đề và atma; khối lập phương tượng trưng cho con người vật chất thấp; còn ngôi sao năm cánh thường có một cách giải thích rất vật chất.

170. The triangle, the cube and the five-pointed star also have correspondences in consciousness.

170. Tam giác, khối lập phương và ngôi sao năm cánh cũng có những tương ứng trong tâm thức.

171. The triangle represents liberated consciousness—liberated from the confines of the egoic nature on the higher mental plane. Essentially full triadal consciousness is liberated consciousness.

171. Tam giác tượng trưng cho tâm thức được giải thoát—được giải thoát khỏi những giới hạn của bản chất chân ngã trên Cõi thượng trí. Về căn bản, tâm thức tam nguyên tinh thần trọn vẹn là tâm thức được giải thoát.

172. The cube represents consciousness within the limitations of the three worlds of illusion.

172. Khối lập phương tượng trưng cho tâm thức ở trong những giới hạn của ba cõi thấp của ảo tưởng.

173. The five-pointed star represents transfigured soul consciousness.

173. Ngôi sao năm cánh tượng trưng cho tâm thức linh hồn đã được Biến hình.

All these angles of vision are necessary, and must precede the study of the subjective aspect, but they lay the emphasis upon the material rather than upon the subjective; the subject nevertheless should be studied psychologically.

Tất cả những góc độ tầm nhìn này đều cần thiết, và phải đi trước việc nghiên cứu phương diện chủ quan, nhưng chúng nhấn mạnh vào vật chất hơn là vào chủ quan; tuy nhiên chủthể vẫn nên được nghiên cứu theo tâm lý học.

174. As human beings develop they pass through various stages of consciousness represented by various numbers.

174. Khi con người phát triển, họ đi qua nhiều giai đoạn tâm thức khác nhau được biểu thị bằng những con số khác nhau.

175. Psychology has much to do with the state of consciousness in which a man finds himself and how to relate that consciousness to the environment in which he finds himself.

175. Tâm lý học liên hệ rất nhiều đến trạng thái tâm thức mà một người đang ở trong đó và cách liên hệ tâm thức ấy với môi trường mà y đang ở trong đó.

In this solar system, the above numbers are the most important from the angle of the evolution of consciousness.

Trong hệ mặt trời này, các con số trên là quan trọng nhất xét từ góc độ tiến hoá của tâm thức.

176. This is a solar system in which the soul aspect of the Solar Logos is emerging into prominence. The numbers three, four and five (central numbers) are associated with that emergence—the emergence of the "Middle Principle".

176. Đây là một hệ mặt trời trong đó phương diện linh hồn của Thái dương Thượng đế đang nổi bật lên. Các số ba, bốn và năm (những số trung tâm) gắn liền với sự xuất hiện ấy—sự xuất hiện của "Nguyên Khí Trung Gian".

[Page 696] In the earlier system, the numbers six and seven held the mystery hid.

[Page 696] Trong hệ trước, các số sáu và bảy che giấu huyền nhiệm.

177. The previous system (or systems) was involved with the development of the irrational part of the Solar Logos—the desire aspect and the physical activity aspect.

177. Hệ trước đó (hay các hệ trước đó) liên quan đến sự phát triển phần phi lý trí của Thái dương Thượng đế—phương diện dục vọng và phương diện hoạt động hồng trần.

178. We should not expect to see the mental aspect missing as it was a very mental and intelligent solar system. The number five can be conceived as important to that kind of evolution, but it would be five as applied to the lower concrete mind.

178. Chúng ta không nên mong đợi phương diện trí tuệ vắng mặt, vì đó là một hệ mặt trời rất trí tuệ và thông minh. Số năm có thể được xem là quan trọng đối với loại tiến hoá ấy, nhưng đó sẽ là số năm áp dụng cho hạ trí cụ thể.

179. In addition to stimulation from the cosmic physical plane, there must have been stimulation from the cosmic astral plane in that earlier solar system.

179. Ngoài sự kích thích từ cõi hồng trần vũ trụ, hẳn còn phải có sự kích thích từ cõi cảm dục vũ trụ trong hệ mặt trời trước đó.

180. We notice that the numbers progress: 7,6,5,4,3.

180. Chúng ta nhận thấy các con số tiến triển: 7,6,5,4,3.

In the next system, it will be two and one.

Trong hệ kế tiếp, sẽ là hai và một.

181. Thus, the sequence will be complete.

181. Như vậy, chuỗi này sẽ hoàn tất.

182. The suggestion is that the monadic and logoic planes will be strongly involved in the next solar system.

182. Hàm ý ở đây là các cõi chân thần và logoic sẽ dự phần mạnh mẽ trong hệ mặt trời kế tiếp.

This refers only to the psychical development.

Điều này chỉ nói đến sự phát triển tâm thức.

183. If the numbers refer to psychical development or the development of consciousness, we will have to relate these numbers to the seven principles, numbering from below.

183. Nếu các con số nói đến sự phát triển tâm thức hay sự phát triển của tâm thức, chúng ta sẽ phải liên hệ các con số này với bảy nguyên khí, đếm từ dưới lên.

184. There may or may not be a one-to-one correspondence of these numbers to the numbering of the planes.

184. Có thể có hoặc không có một sự tương ứng một-một giữa các con số này với cách đánh số các cõi.

Let me illustrate: The **five-pointed star on the mental plane** signifies (among other things) the evolution, by means of the five senses in the three worlds (which are also capable of a fivefold differentiation) of the fifth principle, the attainment of self-consciousness, and the development of the fifth spirilla.

Hãy để tôi minh hoạ: **ngôi sao năm cánh trên cõi trí** biểu thị (trong nhiều điều khác) sự tiến hoá, bằng phương tiện của năm giác quan trong ba cõi giới (vốn cũng có khả năng biến phân ngũ phân), của nguyên khí thứ năm, sự đạt đến ngã thức, và sự phát triển của loa tuyến thứ năm.

185. In this section of text and following we are discussing the difference of meaning to be assigned when comparing the five-pointed star upon the mental plane to the star of initiation as it flashes forth on the buddhic plane when the initiations of manas are begun.

185. Trong phần văn bản này và phần tiếp theo, chúng ta đang bàn đến sự khác biệt về ý nghĩa cần được gán khi so sánh ngôi sao năm cánh trên cõi trí với ngôi sao điểm đạo khi nó loé sáng trên cõi Bồ đề lúc các điểm đạo của manas được bắt đầu.

186. We may remember from earlier studies (cf. TCF 185-202) that each of the five senses were discussed in terms of their correspondences on *five* planes—physical, astral, mental, buddhic and atmic.

186. Chúng ta có thể nhớ từ những nghiên cứu trước đây (x. TCF 185-202) rằng mỗi một trong năm giác quan đã được bàn đến theo những tương ứng của chúng trên *năm* cõi—hồng trần, cảm dục, trí tuệ, Bồ đề và atma.

187. Let us tabulate that which the five-pointed star represent in relation to the mental plane.

187. Chúng ta hãy lập bảng những gì mà ngôi sao năm cánh biểu thị trong liên hệ với cõi trí.

a. The evolution of the fifth principle through the development of the five senses in the three worlds

a. Sự tiến hoá của nguyên khí thứ năm qua sự phát triển của năm giác quan trong ba cõi giới

b. The attainment of self-consciousness

b. Sự đạt đến ngã thức

c. The development of the fifth spirilla

c. Sự phát triển của loa tuyến thứ năm

188. We see that the same symbol means different things in relation to the same plane and naturally in relation to different planes.

188. Chúng ta thấy rằng cùng một biểu tượng mang những ý nghĩa khác nhau trong liên hệ với cùng một cõi và dĩ nhiên trong liên hệ với những cõi khác nhau.

On the buddhic plane, when flashing forth **at initiation**, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan,

Trên cõi Bồ đề, khi loé sáng **lúc điểm đạo**, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của Chân ngã trên năm Cung dưới Đức Mahachohan,

189. The star flashes forth at each of the first three initiations. The appearance of the star also occurs at later initiations but the initiate has different relationship to it than as a witness.

189. Ngôi sao loé sáng ở mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu tiên. Sự xuất hiện của ngôi sao cũng xảy ra ở các lần điểm đạo sau, nhưng điểm đạo đồ có một tương quan khác với nó chứ không chỉ như một người chứng kiến.

190. The flashing forth here described definitely suggests the *first* initiation as, at that time, the cycle of development is complete with respect to the five brahmic rays (at least as they apply to the personality

190. Sự loé sáng được mô tả ở đây rõ ràng gợi đến lần điểm đạo *thứ nhất* vì vào lúc đó, chu kỳ phát triển đã hoàn tất đối với năm cung brahmic (ít nhất là khi chúng áp dụng cho phàm ngã và các phương diện của nó). Chân

and its aspects). The Ego completes the cycle here described by working on the five brahmic personality rays. Rays one and two on the level of personality are not part of this completed cycle for one cannot have them as personality rays until one begins to tread the Path.

ngã hoàn tất chu kỳ được mô tả ở đây bằng cách hoạt động trên năm cung phàm ngã brahmic. Cung một và cung hai ở cấp độ phàm ngã không thuộc chu kỳ hoàn tất này vì người ta không thể có chúng làm cung phàm ngã cho đến khi bắt đầu bước đi trên Con Đường.

191. From the first initiation onwards, the ray of the Bodhisattva is the focus. Approach is being made to the soul after the cycle of personality has been *mostly* fulfilled.

191. Kể từ lần điểm đạo thứ nhất trở đi, cung của Đức Bồ Tát là tiêu điểm. Sự tiếp cận đang được thực hiện đối với linh hồn sau khi chu kỳ phàm ngã đã được hoàn tất *phần lớn*.

192. We remember that the fifth principle has been referred to the mental unit and thus to the lower concrete mind.

192. Chúng ta nhớ rằng nguyên khí thứ năm đã được quy về đơn vị hạ trí và do đó về hạ trí cụ thể.

193. Yet it is problematic to think of the "full development of the fifth principle or quality" not including the fifth principle as it expresses on the higher mental plane. A "full development" defined in this way would suggest the third initiation.

193. Tuy nhiên, thật khó chấp nhận khi nghĩ rằng "sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm" lại không bao gồm nguyên khí thứ năm khi nó biểu lộ trên Cõi thượng trí. Một "sự phát triển trọn vẹn" được định nghĩa theo cách này sẽ gợi đến lần điểm đạo thứ ba.

and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. **It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation.**

và sự đồng hoá tất cả những gì cần phải học trên các cung ấy, và sự đạt đến—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm mà trong đó một người được tìm thấy. **Điều này hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng.**

194. We see how much is conveyed by the flashing forth of a symbol and how careful one must be in assigning interpretations.

194. Chúng ta thấy biết bao điều được chuyển tải qua sự loé sáng của một biểu tượng và người ta phải cẩn trọng biết bao khi gán các cách giải thích.

195. While we might expect that the five-pointed star would flash forth on the mental plane at the third initiation and that a flashing forth of the buddhic level would suggest the experience of the fourth

195. Dù chúng ta có thể mong đợi rằng ngôi sao năm cánh sẽ loé sáng trên cõi trí ở lần điểm đạo thứ ba và rằng một sự loé sáng ở cấp độ Bồ đề sẽ gợi đến kinh nghiệm của lần

initiation, a closer reading reveals that this is not the case.

196. The flashing forth of the star *at initiation*, it appears, always occurs in relation to the buddhic plane *even at the first initiation*.

197. We cannot restrict *to the fourth initiation alone* the flashing forth of the star of initiation on the buddhic plane. If it were only at the fourth initiation that the star flashed forth upon the buddhic plane, it would not be possible that four petals of the egoic lotus would still remain to be unfolded when first the star flashed forth. In fact, *all* of them are unfolded by the time the *third* initiation is taken.

198. So lesser initiations will have to be included in relation to the flashing forth of the star of initiation on the buddhic plane.

199. What, then, is the meaning of the "final initiation" in this context? It would appear to be the *third* initiation, at which time nine of the petals of the egoic lotus are fully opened.

200. DK seems to be suggesting that by the time the first initiation is taken *five* of the petals of the egoic lotus are in "full unfoldment", even though work is being done upon the sacrifice tier of petals.

201. The unfoldment of the seventh petal at the first initiation may not be *full* unfoldment but simply unfoldment (to be become *complete* unfoldment by the time the third initiation is taken).

điểm đạo thứ tư, nhưng đọc kỹ hơn cho thấy không phải như vậy.

196. Có vẻ như sự loé sáng của ngôi sao *lúc điểm đạo* luôn luôn xảy ra trong liên hệ với cõi Bồ đề *ngay cả ở lần điểm đạo thứ nhất*.

197. Chúng ta không thể giới hạn *chỉ riêng lần điểm đạo thứ tư* sự loé sáng của ngôi sao điểm đạo trên cõi Bồ đề. Nếu chỉ ở lần điểm đạo thứ tư mà ngôi sao loé sáng trên cõi Bồ đề, thì không thể nào bốn cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã vẫn còn phải khai mở khi ngôi sao lần đầu loé sáng. Thực ra, *tất cả* chúng đều đã được khai mở vào lúc lần điểm đạo *thứ ba* được tiếp nhận.

198. Vì vậy, các điểm đạo thấp hơn cũng phải được bao gồm trong liên hệ với sự loé sáng của ngôi sao điểm đạo trên cõi Bồ đề.

199. Vậy thì, "lần điểm đạo cuối cùng" trong ngữ cảnh này có nghĩa là gì? Có vẻ như đó là lần điểm đạo *thứ ba*, vào lúc đó chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã đều mở trọn vẹn.

200. DK dường như đang gợi ý rằng vào lúc lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận, *năm* cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã đã ở trong tình trạng "khai mở trọn vẹn", dù công việc vẫn đang được thực hiện trên tầng cánh hoa hi sinh.

201. Sự khai mở của cánh hoa thứ bảy ở lần điểm đạo thứ nhất có thể không phải là sự khai mở *trọn vẹn* mà chỉ đơn giản là sự khai mở (để trở thành sự khai mở *hoàn toàn* vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận).

202. Perhaps by the time of the second initiation, the sixth petal experiences *full* unfoldment, just as, apparently, at the first initiation, the fifth petal is fully unfolded.

202. Có lẽ vào lúc lần điểm đạo thứ hai, cánh hoa thứ sáu trải qua sự khai mở *trọn vẹn*, cũng như, dường như, ở lần điểm đạo thứ nhất, cánh hoa thứ năm đã được khai mở trọn vẹn.

203. By the time the third initiation is taken *all* the nine petals of the egoic lotus are fully unfolded. The final stages of unfoldment, therefore, must occur very rapidly, with the *full* unfoldment of the final tier occurring as the third initiation is being taken.

203. Vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận, *tất cả* chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã đều được khai mở trọn vẹn. Vì vậy, các giai đoạn cuối của sự khai mở hẳn phải diễn ra rất nhanh, với sự khai mở *trọn vẹn* của tầng cuối cùng xảy ra khi lần điểm đạo thứ ba đang được tiếp nhận.

204. Let us tabulate for the sake of clarity. On the buddhic plane the flashing forth of the five-pointed star means the following:

204. Chúng ta hãy lập bảng cho rõ. Trên cõi Bồ đề, sự loé sáng của ngôi sao năm cánh có nghĩa như sau:

a. The full development of the fifth principle or quality

a. Sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm

b. The completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan

b. Chu kỳ hoàn tất của Chân ngã trên năm Cung dưới Đức Mahachohan

c. The assimilation of all that is to be learned upon those rays

c. Sự đồng hoá tất cả những gì cần phải học trên các cung ấy

d. The attainment of full self-consciousness

d. Sự đạt đến ngã thức trọn vẹn

e. The attainment of consciousness of the group in which the man is found. (Note, this is probably not *full* consciousness of the group.)

e. Sự đạt đến tâm thức của nhóm mà người ấy được tìm thấy trong đó. (Lưu ý, đây có lẽ không phải là tâm thức *trọn vẹn* của nhóm.)

205. Again, the attainment of *full* self-consciousness must be questioned. Can this be achieved at the first initiation? Even full self-consciousness as a personality? Yet it does not make sense to think of four more of the nine petals needing to be unfolded if the initiation at which the star flashes forth on the buddhic plane is the *third* initiation!

205. Một lần nữa, việc đạt đến ngã thức *trọn vẹn* cần phải được đặt thành vấn đề. Điều này có thể đạt được ở lần điểm đạo thứ nhất chăng? Ngay cả ngã thức trọn vẹn với tư cách một phàm ngã? Tuy nhiên, sẽ không hợp lý nếu nghĩ rằng còn bốn trong chín cánh hoa cần phải khai mở nữa nếu lần điểm đạo mà

tại đó ngôi sao loé sáng trên cõi Bồ đề là lần điểm đạo *thứ ba*!

The five-pointed star at the initiations on the mental plane flashes out above the head of the initiate.

Ngôi sao năm cánh tại các lần điểm đạo trên cõi trí loé sáng phía trên đầu của điểm đạo đồ.

206. We are not told here whether the star of initiation appears on the mental plane or the buddhic plane. It is not necessarily a foregone conclusion that a star of initiation cannot flash forth on the *buddhic* plane when the initiate is taking the first three initiations on the *mental* plane.

206. Ở đây chúng ta không được cho biết liệu ngôi sao điểm đạo xuất hiện trên cõi trí hay cõi Bồ đề. Không nhất thiết là một kết luận hiển nhiên rằng ngôi sao điểm đạo không thể loé sáng trên cõi *Bồ đề* khi điểm đạo đồ đang tiếp nhận ba lần điểm đạo đầu tiên trên cõi *trí*.

207. Now let us think of the word "head". If the first three initiations (and even the fourth, to a degree) are taken in the causal body, how can a "head" be involved. The causal body, per se, has no *head*.

207. Bây giờ hãy nghĩ đến từ "đầu". Nếu ba lần điểm đạo đầu tiên (và ngay cả lần thứ tư, ở một mức độ nào đó) được tiếp nhận trong thể nguyên nhân, thì làm sao một "đầu" lại có thể liên quan? Chính thể nguyên nhân không có *đầu*.

208. We may be able to interpret the appearance of the initiate's head in these circumstances, by imagining that the candidate stands before the Initiator in *all* his subtle vehicles—these vehicles being included within the periphery of the causal body of the initiate.

208. Chúng ta có thể giải thích được sự xuất hiện của đầu điểm đạo đồ trong những hoàn cảnh này bằng cách hình dung rằng ứng viên đứng trước Đấng Điểm đạo trong *tất cả* các hiện thể vi tế của y—những hiện thể này được bao gồm trong chu vi của thể nguyên nhân của điểm đạo đồ.

209. It seems that the Initiator, as He faces the candidate, must have access not only to the petals of the egoic lotus but to all the chakras of the subtle vehicles and that, the *subtle correspondence to the head* must be involved. This correspondence would necessarily be *etheric*.

209. Có vẻ như Đấng Điểm đạo, khi Ngài đối diện ứng viên, phải có khả năng tiếp cận không chỉ các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã mà còn tất cả các luân xa của các hiện thể vi tế, và rằng *tương ứng vi tế với đầu* phải có liên quan. Tương ứng này tất yếu sẽ là *dĩ thái*.

This concerns the first three initiations which are undergone in the causal vehicle.

Điều này liên quan đến ba lần điểm đạo đầu tiên được trải qua trong hiện thể nguyên nhân.

210. This makes sense. Since, however, the causal body is also involved at the fourth initiation (for its destruction is then precipitated) and still exists until the completion of the fourth initiation, it would seem that at least certain parts of that initiation are taken "in the causal vehicle".

210. Điều này hợp lý. Tuy nhiên, vì thể nguyên nhân cũng có liên quan ở lần điểm đạo thứ tư (vì sự hủy diệt của nó khi ấy được làm ngưng tụ) và vẫn còn tồn tại cho đến khi lần điểm đạo thứ tư hoàn tất, nên có vẻ như ít nhất một số phần của lần điểm đạo ấy được tiếp nhận "trong hiện thể nguyên nhân".

It has been said that the **first two initiations take place upon the astral plane and this is correct**, but has given rise to a misunderstanding.

Đã có lời nói rằng **hai lần điểm đạo đầu tiên diễn ra trên cõi cảm dục và điều này là đúng**, nhưng điều đó đã làm nảy sinh một sự hiểu lầm.

211. If the statement is correct (to a degree) we must discover exactly the manner in which it is correct.

211. Nếu phát biểu ấy là đúng (ở một mức độ nào đó), chúng ta phải khám phá chính xác cách thức mà nó đúng.

They are felt profoundly in connection with the astral and physical bodies and with the lower mental, and effect their control.

Chúng được cảm nhận sâu sắc trong liên hệ với thể cảm dục và thể xác cùng với hạ trí, và tạo ra sự kiểm soát đối với chúng.

212. The main effect of the first three initiations are felt, respectively, in the physical-etheric body, the astral body and the lower mental body. However, even the first initiation, we are told, has a profound impact upon the astral body.

212. Tác động chính của ba lần điểm đạo đầu tiên được cảm nhận lần lượt trong thể hồng trần-dĩ thái, thể cảm dục và thể hạ trí. Tuy nhiên, ngay cả lần điểm đạo thứ nhất, như chúng ta được cho biết, cũng có một tác động sâu sắc lên thể cảm dục.

The chief effect being felt in those bodies, the initiate may interpret them as having taken place on the planes concerned,

Vì tác động chủ yếu được cảm nhận trong những thể ấy, điểm đạo đồ có thể diễn giải rằng chúng đã xảy ra trên các cõi liên hệ,

213. And by this, DK would mean, ***only*** on one of the planes concerned:

213. Và bởi điều này, DK muốn nói, ***chỉ*** trên một trong những cõi liên hệ:

a. The first initiation *only* in the physical-etheric body (and, therefore, upon the systemic physical plane).

a. Lần điểm đạo thứ nhất *chỉ* trong thể hồng trần-dĩ thái (và do đó, trên cõi hồng trần của hệ).

b. The second initiation *only* in the astral body

b. Lần điểm đạo thứ hai *chỉ* trong thể cảm dục

c. The third initiation *only* in the lower mental body.

c. Lần điểm đạo thứ ba *chỉ* trong thể hạ trí.

for the vividness of the effect, and the stimulation works out largely in the astral body.

vì tính sống động của tác động, và sự kích thích phần lớn biểu lộ trong thể cảm dục.

214. Even though the first three initiation are, respectively, correlated with the physical-etheric body, the astral body and the lower mental body, the astral body is affected by the greatest "vividness of effect" when dealing with the first two initiations, especially.

214. Dù ba lần điểm đạo đầu tiên lần lượt tương ứng với thể hồng trần-dĩ thái, thể cảm dục và thể hạ trí, thể cảm dục vẫn bị ảnh hưởng bởi "tính sống động của tác động" mạnh nhất, đặc biệt khi xét đến hai lần điểm đạo đầu tiên.

215. As these initiations are given by the Christ Who is Neptune ("God of the Waters"—the *astral* waters) the effect of vividness upon the astral plane makes sense.

215. Vì các điểm đạo này được ban bởi Đức Christ, Đấng là Sao Hải Vương ("Thượng đế của Nước"—những dòng nước *cảm dục*), nên tác động sống động trên cõi cảm dục là điều hợp lý.

But it must ever be remembered that the major initiations are taken in the causal body or—dissociated from that body—on the buddhic plane.

Nhưng phải luôn luôn nhớ rằng các điểm đạo chính yếu được tiếp nhận trong thể nguyên nhân hoặc—khi tách rời khỏi thể ấy—trên cõi Bồ đề.

216. The five initiations with which we are most familiar are here called "major initiations". This, however, is not always the case. Sometimes it is said that the *major* initiations begin only with the third.

216. Năm lần điểm đạo mà chúng ta quen thuộc nhất ở đây được gọi là những điểm đạo "chính yếu". Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng vậy. Đôi khi người ta nói rằng các điểm đạo *chính yếu* chỉ bắt đầu từ lần thứ ba.

217. If the fourth and fifth initiations are here numbered as *major* initiations (which they are), it could be said that both of them are taken in a state of consciousness dissociated from the causal body. In the case of the fourth initiation, the causal body still

217. Nếu ở đây lần điểm đạo thứ tư và thứ năm được kể là những điểm đạo *chính yếu* (và đúng là như vậy), thì có thể nói rằng cả hai đều được tiếp nhận trong một trạng thái tâm thức tách rời khỏi thể nguyên nhân. Trong trường hợp lần điểm đạo thứ tư, thể

exists. In the case of the fifth initiation, the causal body has been destroyed and so the dissociation from it is complete (unless some 'debris' still remaining from the destruction which occurred at the fourth prevents complete dissociation).

nguyên nhân vẫn còn tồn tại. Trong trường hợp lần điểm đạo thứ năm, thể nguyên nhân đã bị hủy diệt và vì thế sự tách rời khỏi nó là hoàn toàn (trừ phi một số "mảnh vụn" còn lại từ sự hủy diệt xảy ra ở lần thứ tư ngăn cản sự tách rời hoàn toàn).body. In the case of the fourth initiation, the causal body still exists. In the case of the fifth initiation, the causal body has been destroyed and so the dissociation from it is complete (unless some 'debris' still remaining from the destruction which occurred at the fourth prevents complete dissociation).

At the final two initiations, which set a man free from the three worlds and enable him to function in the logoic body of vitality and to wield the force which animates that logoic [Page 697] vehicle, **the initiate becomes the five-pointed star, and it descends upon him, merges in him, and he is seen *at its very centre*.**

Ở hai lần điểm đạo cuối cùng, vốn giải thoát con người khỏi ba cõi giới và giúp y có thể hoạt động trong thể sinh lực logoic và vận dụng mãnh lực làm sinh động hiện thể logoic ấy, [Page 697] hiện thể, **điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, và nó giáng xuống trên y, hòa nhập vào y, và y được thấy *ngay tại trung tâm của nó*.**

218. The final two initiations are, in this context, the fourth and fifth initiations, because it is the taking of these initiations which set a man free from the dense physical body of the Solar Logos and allow the man to function upon the cosmic etheric planes.

218. Hai lần điểm đạo cuối cùng, trong ngữ cảnh này, là lần điểm đạo thứ tư và thứ năm, vì chính việc tiếp nhận các điểm đạo này giải thoát con người khỏi thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và cho phép con người hoạt động trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

219. At the fourth and fifth initiations the man can not only wield forces which affect the dense physical body of the Solar Logos (and the dense physical body of the Planetary Logos), but can wield forces which animate the logoic etheric body.

219. Ở lần điểm đạo thứ tư và thứ năm, con người không chỉ có thể vận dụng những mãnh lực tác động đến thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế (và thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế), mà còn có thể vận dụng những mãnh lực làm sinh động thể dĩ thái logoic.

220. At these two initiations, the initiate has a different relation to the five-pointed star which he has *seen* at the first three initiations. At these latter initiations, the initiate *becomes* the five-pointed star. In this

220. Ở hai lần điểm đạo này, điểm đạo đồ có một tương quan khác với ngôi sao năm cánh mà y đã *thấy* ở ba lần điểm đạo đầu tiên. Ở các lần điểm đạo sau này, điểm đạo đồ *trở thành* ngôi sao năm cánh. Xét theo phương

respect he *becomes* a consciously functioning aspect of the Planetary Logos.

diện này, y *trở thành* một phương diện hoạt động có ý thức của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

221. Let us tabulate the processes which relate the initiate to the fourth and fifth initiations:

221. Chúng ta hãy lập bảng các tiến trình liên hệ điểm đạo đồ với lần điểm đạo thứ tư và thứ năm:

a. The initiate *becomes* the five-pointed star

a. Điểm đạo đồ *trở thành* ngôi sao năm cánh

b. The five-pointed star descends upon the initiate

b. Ngôi sao năm cánh giáng xuống trên điểm đạo đồ

c. The five-pointed star merges *in* the initiate

c. Ngôi sao năm cánh hòa nhập *vào* điểm đạo đồ

d. The initiate is seen at the very center of the five-pointed star

d. Điểm đạo đồ được thấy ngay tại trung tâm của ngôi sao năm cánh

This descent is brought about through the action of the Initiator,

Sự giáng xuống này được thực hiện qua hành động của Đấng Điểm đạo,

222. In the cases of the fourth and fifth initiations we are dealing with Sanat Kumara.

222. Trong các trường hợp của lần điểm đạo thứ tư và thứ năm, chúng ta đang nói đến Đức Sanat Kumara.

wielding the Rod of Power, **and puts a man in touch with the centre in the Body of the planetary Logos of which he is a part; this is consciously effected**.

vận dụng Thần Trượng Điểm đạo, **và đặt con người vào sự tiếp xúc với trung tâm trong Thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó; điều này được thực hiện một cách có ý thức**.

223. If it is the Monad of a man which forms a part of a specific center in the Planetary Logos, then at the fourth and fifth initiations a man is put in touch with his *Monad,* otherwise he could not be purpose en rapport with that center in the Planetary Logos of which he is a part.

223. Nếu chính chân thần của một người tạo thành một phần của một trung tâm đặc thù trong Đức Hành Tinh Thượng Đế, thì ở lần điểm đạo thứ tư và thứ năm, con người được đặt vào sự tiếp xúc với *chân thần* của mình, nếu không thì y không thể có sự tương thông về mục đích với trung tâm ấy trong Đức Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó.

224. To be in quite intimate touch with the Monad at the fourth and fifth initiations is not unreasonable as such a touch is established even at the third degree.

224. Việc có sự tiếp xúc khá mật thiết với chân thần ở lần điểm đạo thứ tư và thứ năm không phải là điều vô lý, vì sự tiếp xúc như thế đã được thiết lập ngay ở cấp độ thứ ba.

225. The particular center in the Planetary Logos of which the initiate (as a Monad) forms a part *may* be a question of the Monadic ray.

225. Trung tâm đặc thù trong Đức Hành Tinh Thượng Đế mà điểm đạo đồ (với tư cách một chân thần) tạo thành một phần *có thể* là một vấn đề của cung chân thần.

226. It is clear that we have been speaking of the fourth and fifth initiations as DK undertakes to discuss the sixth and seventh in the next section of text.

226. Rõ ràng là chúng ta đã nói về lần điểm đạo thứ tư và thứ năm, vì DK bắt đầu bàn đến lần thứ sáu và thứ bảy trong phần văn bản kế tiếp.

The two initiations, called the sixth and seventh, take place on the atmic plane;

Hai lần điểm đạo, được gọi là thứ sáu và thứ bảy, diễn ra trên cõi atma;

227. Since, in this context, the sixth and seventh initiations are said to take place on the atmic plane, we may infer that the fourth and fifth initiations take place on the buddhic plane and all earlier initiations on the higher aspects of the mental plane.

227. Vì trong ngữ cảnh này, lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy được nói là diễn ra trên cõi atma, chúng ta có thể suy ra rằng lần điểm đạo thứ tư và thứ năm diễn ra trên cõi Bồ đề và mọi lần điểm đạo trước đó diễn ra trên các phương diện cao hơn của cõi trí.

228. However, the sixth and seventh initiations *also* relate to the sixth and seventh systemic planes (as is shown in other contexts).

228. Tuy nhiên, lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy *cũng* liên hệ với cõi thứ sáu và thứ bảy của hệ (như được cho thấy trong những ngữ cảnh khác).

the five-pointed star "blazes forth from within itself" as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters into the Flame.

ngôi sao năm cánh "bừng cháy từ bên trong chính nó" như cụm từ thần bí đã nói, và trở thành ngôi sao bảy cánh; nó giáng xuống trên con người và y đi vào trong Ngọn Lửa.

229. The description of the processes occurring at the sixth and seventh initiations is extremely occult.

229. Mô tả về các tiến trình xảy ra ở lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy là cực kỳ huyền bí học.

230. Let us tabulate the processes occurring at these two exalted initiations:

230. Chúng ta hãy lập bảng các tiến trình xảy ra ở hai lần điểm đạo cao cả này:

a. The five-pointed star “blazes forth from within itself”. The star must have a center and that center must be the Monad. The Monad in relation to the five planes of which the atmic plane is the highest, could be seen as the Monad within a five-pointed star.

a. Ngôi sao năm cánh “bừng cháy từ bên trong chính nó”. Ngôi sao hẳn phải có một trung tâm và trung tâm ấy hẳn phải là chân thần. Chân thần, trong liên hệ với năm cõi mà cõi atma là cõi cao nhất, có thể được xem như chân thần bên trong một ngôi sao năm cánh.

b. The five-pointed star becomes the seven-pointed star. One would imagine that this would take place especially in relation to the seventh initiation.

b. Ngôi sao năm cánh trở thành ngôi sao bảy cánh. Người ta có thể hình dung rằng điều này diễn ra đặc biệt trong liên hệ với lần điểm đạo thứ bảy.

c. The seven-pointed star descends upon the initiate

c. Ngôi sao bảy cánh giáng xuống trên điểm đạo đồ

d. The initiate enters into the flame. What is the “flame”? Can we think of it as the essence of the Monad? As *that*, which at the seventh initiation, is liberated into the "Sea of Fire"?

d. Điểm đạo đồ đi vào trong ngọn lửa. “Ngọn lửa” là gì? Chúng ta có thể nghĩ về nó như tinh túy của chân thần chăng? Như *điều đó*, mà ở lần điểm đạo thứ bảy, được giải thoát vào “Biển Lửa”?

Initiation and the mystery of numbers primarily concern consciousness, and not fundamentally "ability to function on a plane," nor the energy of matter, as might be gathered from so many occult books.

Điểm đạo và huyền nhiệm của các con số trước hết liên hệ đến tâm thức, chứ không căn bản liên hệ đến “khả năng hoạt động trên một cõi”, cũng không liên hệ đến năng lượng của vật chất, như người ta có thể rút ra từ rất nhiều sách huyền bí học.

231. DK differentiates consciousness from activity. In relation to activity He lists the following factors:

231. Chân sư DK phân biệt tâm thức với hoạt động. Liên hệ với hoạt động, Ngài liệt kê các yếu tố sau:

a. “Ability to function on a plane”

a. “Khả năng hoạt động trên một cõi”

b. The “energy of matter”

b. “năng lượng của vật chất”

They deal with the subjective life, life as part of the consciousness and self-realization of a

Chúng bàn đến sự sống chủ quan, sự sống như một phần của tâm thức và sự tự chứng

planetary Logos, or Lord of a Ray, and *not life in matter* as we understand it.

nghiệm của một Hành Tinh Thượng Đế, hay Chúa Tể của một cung, chứ không phải*sự sống trong vật chất* như chúng ta thấu hiểu.

232. We are being given hints about the value of *occult* numerology and its relationship to *consciousness*.

232. Chúng ta đang được ban cho những gợi ý về giá trị của số học *huyền bí* và mối liên hệ của nó với *tâm thức*.

233. The consciousness and self-realization of a Planetary Logos concerns the arupa systemic planes.

233. Tâm thức và sự tự chứng nghiệm của một Hành Tinh Thượng Đế liên quan đến các cõi vô sắc của hệ thống.

234. "Life in matter" is *activity.* Consciousness, per se, is not that.

234. "Sự sống trong vật chất" là *hoạt động.* Chính tâm thức, tự nó, không phải là điều đó.

A Heavenly Man functions in His pranic vehicle, and there His consciousness is to be found as far as we are concerned in this system; He works consciously through His centres.

Một Đấng Thiên Nhân hoạt động trong vận cụ prana của Ngài, và ở đó tâm thức của Ngài được tìm thấy, theo như chúng ta có liên hệ trong hệ thống này; Ngài hoạt động một cách hữu thức qua các trung tâm của Ngài.

235. Whereas DK has sometimes said of the human being that there is no *etheric* consciousness, He does not say this of a Planetary Logos.

235. Trong khi Chân sư DK đôi khi đã nói về con người rằng không có tâm thức *dĩ thái*, thì Ngài không nói điều này về một Hành Tinh Thượng Đế.

We now come to one of the most abstruse and difficult of all the rules for initiates; yet at the same time it is one of the most practical in application and of the greatest usefulness. It concerns the etheric levels of activity**. I would have you note that I did not say the etheric levels of consciousness, for there is no such thing as consciousness upon the etheric planes.** The four planes which constitute the etheric levels of the physical plane are the lowest correspondence to the four planes whereon the Monad and the Spiritual Triad are active, and—as I have oft told you—upon those levels there is no such thing as

Giờ đây chúng ta đi đến một trong những quy luật trừu tượng và khó hiểu nhất trong mọi quy luật dành cho các điểm đạo đồ; tuy nhiên đồng thời đây cũng là một trong những quy luật thực tiễn nhất trong việc áp dụng và hữu ích nhất. Nó liên quan đến các cấp độ hoạt động dĩ thái**. Tôi muốn các bạn lưu ý rằng tôi đã không nói các cấp độ tâm thức dĩ thái, vì không có cái gọi là tâm thức trên các cõi dĩ thái.** Bốn cõi cấu thành các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần là sự tương ứng thấp nhất với bốn cõi mà trên đó chân thần và Tam Nguyên Tinh Thần hoạt động, và—như tôi đã thường nói với các bạn—trên

consciousness as we understand it. (R&I 178)

236. It can be questioned whether for a Planetary Logos the first ether begins on the systemic buddhic plane or on the higher mental plane. For the Solar Logos, we know the first cosmic ether begins on the buddhic plane.

237. We note the phrase "as far as we are concerned". This suggests that the consciousness of the Planetary Logos is also to be found on other levels which do not concern *us.*

To sum up: There is a stage in the evolution of consciousness where the three, the four and the five blend and merge perfectly.

238. We could say that this "stage" is the stage of initiation.

239. At the third degree we have this perfect blending. By the time we reach the fourth degree, there is no longer the number three (in the lower sense). Consciousness within the three lower worlds is no longer necessary.

240. However, if the three represents the atmic plane, the three becomes increasingly prominent.

241. There is a way to view the three, four and five in such a way that the mental plane and the fifth principle are the lower factors —numerologically.

Confusion on this point arises from two causes which are the point of individual achievement of the student. We interpret

những cấp độ ấy không có cái gọi là tâm thức như chúng ta thấu hiểu. (R&I 178)

236. Có thể đặt câu hỏi rằng đối với một Hành Tinh Thượng Đế, dĩ thái thứ nhất bắt đầu trên cõi Bồ đề của hệ thống hay trên cõi thượng trí. Đối với Thái dương Thượng đế, chúng ta biết dĩ thái vũ trụ thứ nhất bắt đầu trên cõi Bồ đề.

237. Chúng ta lưu ý cụm từ "theo như chúng ta có liên hệ". Điều này gợi ý rằng tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế cũng được tìm thấy trên những cấp độ khác không liên quan đến *chúng ta.*

Tóm lại: Có một giai đoạn trong sự tiến hoá của tâm thức mà ở đó ba, bốn và năm hòa trộn và hợp nhất một cách hoàn hảo.

238. Chúng ta có thể nói rằng "giai đoạn" này là giai đoạn điểm đạo.

239. Ở cấp độ thứ ba chúng ta có sự hòa trộn hoàn hảo này. Đến khi đạt cấp độ thứ tư, số ba không còn nữa (theo nghĩa thấp). Tâm thức trong ba cõi thấp không còn cần thiết nữa.

240. Tuy nhiên, nếu số ba tượng trưng cho cõi atma, thì số ba lại càng ngày càng nổi bật.

241. Có một cách để xem số ba, bốn và năm sao cho cõi trí và nguyên khí thứ năm là các yếu tố thấp hơn—xét về mặt số học huyền bí.

Sự lẫn lộn về điểm này phát sinh từ hai nguyên nhân, vốn là điểm thành tựu cá nhân của đạo sinh. Chúng ta diễn giải và tô

and colour statements according to the state of our own inner consciousness.

242. This coloring is inevitable. It is very difficult to understand the limitations of the stage of consciousness in which one is immersed.

H. P. B. hints at this[32] when dealing with the principles;

243. We have already seen that according to the stage of evolution, so will be the way of enumerating the principles of man.

also the interpretation of these figures varies according to the key employed.

244. We have a number of "keys" to the Secret Doctrine. Within each key, numbers will have different meanings.

245. We have to be able to manipulate sequences so that either end of a limited sequence may represent the beginning or the conclusion.

246. Number blinds are some of the principal blinds used in occultism. The patterns to which the numbers may refer must be understood if the numbers are to be used meaningfully.

The fifth or spiritual kingdom is entered when the units of the fourth kingdom have succeeded in vitalizing the fifth spirilla in all the atoms of the threefold lower man;

247. This is a most important statement. The threefold lower man consists of the

màu các phát biểu tùy theo trạng thái tâm thức bên trong của chính mình.

242. Sự tô màu này là điều không thể tránh khỏi. Rất khó để hiểu các giới hạn của giai đoạn tâm thức mà người ta đang chìm trong đó.

H. P. B. gợi ý điều này32 khi bàn đến các nguyên khí;

243. Chúng ta đã thấy rằng tùy theo giai đoạn tiến hoá, cách liệt kê các nguyên khí của con người cũng sẽ như vậy.

đồng thời sự diễn giải các con số này cũng thay đổi tùy theo chìa khóa được sử dụng.

244. Chúng ta có một số "chìa khóa" để vào Giáo Lý Bí Nhiệm. Trong mỗi chìa khóa, các con số sẽ có những ý nghĩa khác nhau.

245. Chúng ta phải có khả năng vận dụng các chuỗi sao cho một trong hai đầu của một chuỗi hữu hạn đều có thể tượng trưng cho sự khởi đầu hoặc sự kết thúc.

246. Những màn che bằng số là một trong những màn che chính được dùng trong huyền bí học. Các mô hình mà những con số có thể quy chiếu đến phải được thấu hiểu nếu các con số được dùng một cách có ý nghĩa.

Giới thứ năm hay giới tinh thần được đi vào khi các đơn vị của giới thứ tư đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm trong mọi nguyên tử của phàm ngã tam phân;

physical-etheric body, the astral body and the lower mental body.

247. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Phàm ngã tam phân gồm thể xác-dĩ thái, thể cảm dục và thể hạ trí.

248. We can interpret the statement:

248. Chúng ta có thể diễn giải phát biểu này:

a. In relation to the permanent atoms of the atomic triangle

a. Liên hệ với các nguyên tử trường tồn của tam giác nguyên tử

b. In relation to *all* the atoms of the threefold lower man

b. Liên hệ với *mọi* nguyên tử của phàm ngã tam phân

249. Looking at the first interpretation, we may say that in connection with this lower man, the sources of vehicular generation are the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit—the so-called "atomic triangle".

249. Xét theo cách diễn giải thứ nhất, chúng ta có thể nói rằng liên hệ với phàm ngã thấp này, các nguồn phát sinh vận cụ là nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí—cái gọi là "tam giác nguyên tử".

250. Within this triangle, there are only two *full* permanent atoms with seven spirillae.

250. Trong tam giác này, chỉ có hai nguyên tử trường tồn *trọn vẹn* với bảy loa tuyến.

251. So in order to enter the Kingdom of God, the fifth spirillae of the physical permanent atom and the astral permanent atom must be vitalized, but there is no fifth spirilla in the mental unit. By the time a man is a full third degree initiate, the *all* spirillae of the mental unit are completely vitalized but this sums to only four.

251. Vì vậy để đi vào Thiên Giới, loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục phải được tiếp sinh lực, nhưng không có loa tuyến thứ năm trong đơn vị hạ trí. Đến khi một người là điểm đạo đồ trọn vẹn cấp ba, thì *mọi* loa tuyến của đơn vị hạ trí đều được tiếp sinh lực hoàn toàn nhưng tổng cộng chỉ là bốn.

252. We might question what degree of activation there is for the third and lowest spirilla of the *actual* manasic permanent atom—for it has only three spirillae. It would seem that in order to enter this kingdom some activation of the manasic permanent atom would have to occur. The activation of the third spirilla of the manasic permanent atom would be like a *fifth* mental

252. Chúng ta có thể đặt câu hỏi mức độ hoạt hóa nào có đối với loa tuyến thứ ba và thấp nhất của nguyên tử trường tồn manas *thực sự*—vì nó chỉ có ba loa tuyến. Có vẻ như để đi vào giới này, một sự hoạt hóa nào đó của nguyên tử trường tồn manas sẽ phải xảy ra. Sự hoạt hóa loa tuyến thứ ba của nguyên tử trường tồn manas sẽ giống như một loa tuyến trí tuệ *thứ năm*, nếu bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí được tính đến.

spirilla, if the four spirillae of the mental unit were counted.

253. From another perspective, however, we may not be talking of permanent atoms particularly but of *all* the atoms in the vehicles of the threefold lower man. Atoms on the lower mental plane, then, may be exempt from the structural deficiencies of the mental unit and may, indeed, have seven spirillae.

253. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, có thể chúng ta không đặc biệt nói về các nguyên tử trường tồn mà nói về *mọi* nguyên tử trong các vận cụ của phàm ngã tam phân. Khi đó, các nguyên tử trên cõi hạ trí có thể được miễn trừ khỏi những thiếu hụt cấu trúc của đơn vị hạ trí và quả thực có thể có bảy loa tuyến.

when they [Page 698] have unfolded three of the egoic petals and are in process of **unfolding the fourth and fifth** and when they are becoming conscious of the pranic force of the Heavenly Man.

khi họ [Page 698] đã khai mở ba cánh hoa chân ngã và đang trong tiến trình **khai mở cánh hoa thứ tư và thứ năm** và khi họ đang trở nên có ý thức về mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân.

254. We have some very important information given here and it must be linked up with the information given earlier in the text when studying more closely the petals of the egoic lotus.

254. Ở đây chúng ta được cung cấp một số thông tin rất quan trọng và nó phải được liên kết với thông tin đã được đưa ra trước đó trong bản văn khi nghiên cứu kỹ hơn các cánh hoa của hoa sen chân ngã.

255. Let us include again the following stated earlier in the text:

255. Chúng ta hãy lại bao gồm đoạn sau đã được nêu trước đó trong bản văn:

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. **It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation.** (TCF 696)

Trên cõi Bồ đề, khi bừng lóe ra lúc điểm đạo, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của Chân ngã trên năm cung dưới quyền Đức Mahachohan, và sự đồng hóa tất cả những gì phải học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm mà một người được tìm thấy trong đó. **Nó hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng.** (TCF 696)

256. For a reminder, we are speaking of entering the Kingdom of God, which is usually (but not always) correlated with

256. Để nhắc lại, chúng ta đang nói về việc đi vào Thiên Giới, điều thường (nhưng không

taking the first initiation. The requirements are:

a. The fifth spirilla will be awakening in all atoms of the lower threefold man

b. The fourth and fifth petal will be unfolding. In the reference immediately above we read of the "full unfoldment of five of the egoic petals".

c. The disciple will become aware of the pranic forces of the Heavenly Man (coming presumably from the cosmic ethers)

d. The disciple will be completed a cycle of the Ego concerned with the rays of Brahma and the personality

e. The disciple will be achieving full self-consciousness

f. The disciple will be attaining consciousness of his group

257. We must bear in mind that even as the fifth petal is fully unfolding, work is being done within the sacrifice tier and that that full unfolding of petal five is accompanied by the application of the Rod within petal seven and its *unfoldment* if not *full* unfoldment.

258. We are discussing the unfoldment of the petals of the egoic lotus in relation to the stages of man's evolution. We must be careful of the meaning of "unfolding" and "unfoldment". By these words several stages in the general process of petal-opening can be indicated.

phải luôn luôn) tương quan với việc nhận lần điểm đạo thứ nhất. Các yêu cầu là:

a. Loa tuyến thứ năm sẽ thức tỉnh trong mọi nguyên tử của phàm ngã tam phân thấp

b. Cánh hoa thứ tư và thứ năm sẽ khai mở. Trong đoạn dẫn ngay phía trên chúng ta đọc thấy "sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã".

c. Đệ tử sẽ trở nên nhận biết các mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân (có lẽ đến từ các dĩ thái vũ trụ)

d. Đệ tử sẽ hoàn tất một chu kỳ của Chân ngã liên quan đến các cung của Brahma và phàm ngã

e. Đệ tử sẽ đạt được ngã thức trọn vẹn

f. Đệ tử sẽ đạt được tâm thức về nhóm của mình

257. Chúng ta phải ghi nhớ rằng ngay cả khi cánh hoa thứ năm đang khai mở trọn vẹn, công việc vẫn đang được thực hiện trong tầng hi sinh và rằng sự khai mở trọn vẹn cánh hoa thứ năm ấy đi kèm với việc áp dụng Thần Trượng trong cánh hoa thứ bảy và sự *khai mở* của nó nếu không phải là sự *khai mở trọn vẹn*.

258. Chúng ta đang bàn về sự khai mở các cánh hoa của hoa sen chân ngã liên hệ với các giai đoạn tiến hoá của con người. Chúng ta phải cẩn thận với ý nghĩa của "đang khai mở" và "sự khai mở". Bằng những từ này, một số giai đoạn trong tiến trình tổng quát của việc mở cánh hoa có thể được chỉ ra.

259. Generally speaking, the Kingdom of God is entered at the first initiation. By this time, the entire first tier of petals are unfolded and are related to each other in a new manner involving the entire tier.

260. It is *possible* that the Kingdom of God is opening to the one who has not yet taken the first initiation, *for the initiate is always initiate before he is initiated*, but entry into the Kingdom is generally correlated with the taking of the Birth of the Christ in the Heart. We must ponder this, for one must, in a way, *enter* the Kingdom of God as a Self-created initiate before that status is confirmed by the initiator. In this respect the fifth petal may unfold indicating achievement of the necessary status and work may be done within the seventh petal before the 'Rod of Confirmation' is applied.

261. The same can be said of the entire second tier when the second initiation is taken—the petals within it are related to each other in a new way which concerns the entire tier of petals *as a tier.*

262. While later unfoldments are taking place in the second tier, the first initiation has been taken and some degree of petal unfoldment in the third or sacrifice tier has occurred in response to the application of the Rod.

263. It is important to realize that man is always *working ahead of the unfoldment of the petals.* The human being vitalizes and organizes the petals before unfoldment can occur and this is his chief labor. Unfoldment is *not* his labor. To realize this and also that the initiate is initiate before he is initiated

259. Nói chung, Thiên Giới được đi vào ở lần điểm đạo thứ nhất. Đến lúc này, toàn bộ tầng cánh hoa thứ nhất đã khai mở và liên hệ với nhau theo một cách mới bao gồm toàn bộ tầng ấy.

260. Điều *có thể* là Thiên Giới đang mở ra cho người chưa nhận lần điểm đạo thứ nhất, *vì điểm đạo đồ luôn là điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo*, nhưng việc đi vào Thiên Giới nói chung tương quan với việc tiếp nhận Sự Giáng Sinh của Đức Christ trong Tim. Chúng ta phải suy ngẫm điều này, vì theo một nghĩa nào đó, người ta phải *đi vào* Thiên Giới như một điểm đạo đồ tự tạo trước khi địa vị ấy được Đấng Điểm đạo xác nhận. Về phương diện này, cánh hoa thứ năm có thể khai mở, biểu thị việc đạt được địa vị cần thiết, và công việc có thể được thực hiện trong cánh hoa thứ bảy trước khi 'Thần Trượng Xác Nhận' được áp dụng.

261. Điều tương tự có thể được nói về toàn bộ tầng thứ hai khi lần điểm đạo thứ hai được nhận—các cánh hoa trong đó liên hệ với nhau theo một cách mới liên quan đến toàn bộ tầng cánh hoa *như một tầng.*

262. Trong khi những sự khai mở về sau đang diễn ra trong tầng thứ hai, lần điểm đạo thứ nhất đã được nhận và một mức độ khai mở cánh hoa nào đó trong tầng thứ ba hay tầng hi sinh đã xảy ra để đáp ứng với việc áp dụng Thần Trượng.

263. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng con người luôn luôn *đi trước sự khai mở của các cánh hoa.* Con người tiếp sinh lực và tổ chức các cánh hoa trước khi sự khai mở có thể xảy ra và đó là lao động chính của y. Sự khai mở *không* phải là lao động của y. Nhận ra điều này, và cả việc điểm đạo đồ là điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo, sẽ có những

will have deep implications when regarding the timing of petal unfoldment.

264. Therefore it is very possible that the first initiation can be taken, signifying work going on in the third tier and also the application of the Rod to that tier (enabling the seventh petal, for instance, to begin to unfold) while in the second tier the fourth and fifth petal are achieving *full unfoldment.*

265. Unless there is full unfoldment of the fifth petal, it does not seem reasonable that the first initiation can be taken. While full unfoldment of the fifth petal occurs, as least *some* unfoldment of seventh petal can be occurring through the application of the Rod. As for the sixth petal, it will be, generally, more unfolded that the seventh petal but less so than the fifth.

266. We may infer that the full unfoldment of the fifth petal is to be associated with the at least partial unfoldment of the seventh petal through the application of the Rod at the first initiation. As well, the full unfoldment of the sixth petal would be associated with the at least partial unfoldment of the eighth petal through the application of the Rod at the second initiation.

267. These things are probably very difficult to describe in words unless a kind of 'time-lapse' photographic process of the unfolding lotus can be seen *in action.*

268. As the fourth and fifth petal of the second tier are unfolding, man is becoming aware of the "pranic force of the Heavenly Man". This force is coming either from the higher mental plane or the buddhic plane or both. The pranic force of the Solar Logos

hàm ý sâu xa khi xét đến thời điểm khai mở cánh hoa.

264. Do đó rất có thể lần điểm đạo thứ nhất có thể được nhận, biểu thị công việc đang diễn ra trong tầng thứ ba và cả việc áp dụng Thần Trượng vào tầng ấy (chẳng hạn cho phép cánh hoa thứ bảy bắt đầu khai mở) trong khi ở tầng thứ hai cánh hoa thứ tư và thứ năm đang đạt đến *sự khai mở trọn vẹn.*

265. Trừ phi có sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ năm, dường như không hợp lý khi lần điểm đạo thứ nhất có thể được nhận. Trong khi sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ năm xảy ra, ít nhất *một phần* sự khai mở của cánh hoa thứ bảy có thể đang diễn ra qua việc áp dụng Thần Trượng. Còn đối với cánh hoa thứ sáu, nhìn chung nó sẽ khai mở nhiều hơn cánh hoa thứ bảy nhưng ít hơn cánh hoa thứ năm.

266. Chúng ta có thể suy ra rằng sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ năm phải được gắn liền với sự khai mở ít nhất một phần của cánh hoa thứ bảy qua việc áp dụng Thần Trượng ở lần điểm đạo thứ nhất. Đồng thời, sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ sáu sẽ gắn liền với sự khai mở ít nhất một phần của cánh hoa thứ tám qua việc áp dụng Thần Trượng ở lần điểm đạo thứ hai.

267. Những điều này có lẽ rất khó diễn tả bằng lời trừ phi có thể thấy một loại tiến trình chụp ảnh 'time-lapse' của hoa sen đang khai mở *trong hoạt động.*

268. Khi cánh hoa thứ tư và thứ năm của tầng thứ hai đang khai mở, con người đang trở nên nhận biết "mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân". Mãnh lực này đến hoặc từ cõi thượng trí hoặc từ cõi Bồ đề hoặc từ cả hai. Mãnh lực prana của Thái dương Thượng đế

comes definitely and only from the cosmic ethers, of which the first is the buddhic plane.

chắc chắn và chỉ đến từ các dĩ thái vũ trụ, mà dĩ thái thứ nhất là cõi Bồ đề.

269. As the fourth and fifth petals are unfolding, and especially as the fifth is unfolding, the influence of the soul on the higher mental plane is making itself felt in the consciousness and energy apparatus of the human being.

269. Khi cánh hoa thứ tư và thứ năm đang khai mở, và đặc biệt khi cánh hoa thứ năm đang khai mở, ảnh hưởng của linh hồn trên cõi thượng trí đang làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong tâm thức và bộ máy năng lượng của con người.

270. This is as it should be, for an orientation towards the soul is possible at the fifth petal, and the ability to become at least dimly aware of the higher aspect of the pairs of opposites is mentioned in relation to the fourth petal.

270. Điều này đúng như phải vậy, vì một sự định hướng về phía linh hồn là điều có thể ở cánh hoa thứ năm, và khả năng trở nên ít nhất mơ hồ nhận biết phương diện cao hơn của các cặp đối đãi được nhắc đến liên hệ với cánh hoa thứ tư.

TCF S6S10 (698-707)—Part II

14 – 21 February 2008

14 – 21 tháng 2 năm 2008

(c.) The Solar Angels and the Fifth Principle. We can now study the Entities concerned with this fifth principle and their effect upon the evolution of consciousness.

(c.) Các Thái dương Thiên Thần và Nguyên khí Thứ Năm. Giờ đây chúng ta có thể nghiên cứu các Thực Thể liên quan đến nguyên khí thứ năm này và ảnh hưởng của các Ngài lên sự tiến hoá của tâm thức.

1. We have seen the fifth principle associated with the mental unit of the Solar Logos. We know that the Solar Angels are carriers of the fifth principle, but shall we consider them associated only with the mental unit of the Logos or with the *causal body* of the Solar Logos on the cosmic higher mental plane? Certainly the higher Prototypes of the Solar Angels must be associated with the Egoic Lotus of the Solar Logos and thus, perhaps the same for Their reflections—i.e., for the Solar Angels who have associated themselves with man. Let us be alert to the possibility of answering this question.

1. Chúng ta đã thấy nguyên khí thứ năm được liên kết với đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế. Chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần là những vị mang nguyên khí thứ năm, nhưng liệu chúng ta có nên xem các Ngài chỉ liên hệ với đơn vị hạ trí của Thượng đế hay với *thể nguyên nhân* của Thái dương Thượng đế trên cõi thượng trí vũ trụ? Chắc chắn các Nguyên Mẫu cao hơn của các Thái dương Thiên Thần phải liên hệ với Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế và do đó, có lẽ điều tương tự cũng đúng với các phản chiếu của Các Ngài—tức là, với các Thái dương Thiên Thần đã liên kết

chính mình với con người. Chúng ta hãy tỉnh táo trước khả năng trả lời câu hỏi này.

Where man is concerned these solar Angels, the Agnishvattas, produce the union of the spiritual Triad, or divine Self, and the Quaternary, or lower self.

Ở nơi con người được xét đến, các Thái dương Thiên Thần này, các Agnishvatta, tạo ra sự hợp nhất của Tam nguyên tinh thần, hay Bản Ngã thiêng liêng, và Bộ Tứ, hay phàm ngã.

2. From this perspective, the Solar Angels are not concerned with the substance of the lower mental plane. They act as the bridge between the spiritual triad and the lower mental plane and are not, in this context, considered the 'substantial' in relation to the lower mental plane.

2. Từ góc nhìn này, các Thái dương Thiên Thần không liên quan đến chất liệu của cõi hạ trí. Các Ngài hoạt động như cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và cõi hạ trí và, trong bối cảnh này, không được xem là 'chất liệu' liên hệ với cõi hạ trí.

3. We note that the "spiritual Triad" is called the "divine Self" and the Quaternary the "lower self". Sometimes the term "divine Ego" is used as equivalent to the "spiritual Triad" or "divine Self".

3. Chúng ta lưu ý rằng "Tam nguyên tinh thần" được gọi là "Bản Ngã thiêng liêng" và Bộ Tứ được gọi là "phàm ngã". Đôi khi thuật ngữ "Chân ngã thiêng liêng" được dùng như tương đương với "Tam nguyên tinh thần" hay "Bản Ngã thiêng liêng".

4. From another perspective, the Monad, itself, can be called the "divine Self".

4. Từ một góc nhìn khác, chính chân thần cũng có thể được gọi là "Bản Ngã thiêng liêng".

Where the Logos is concerned, whether solar or planetary, they produce conditions whereby the etheric, and the dense physical become a unit.

Ở nơi Thượng đế được xét đến, dù là thái dương hay hành tinh, các Ngài tạo ra những điều kiện nhờ đó thể dĩ thái và thể xác đậm đặc trở thành một đơn vị.

5. The Solar Angels are Beings responsible for integration and fusion. They are working within the realm of systemic Agni and within the cosmic body of the greater Raja Deva Lord Who is the higher correspondence on the *cosmic* etheric-physical plane to the Lord Kshiti on the systemic physical plane.

5. Các Thái dương Thiên Thần là những Đấng chịu trách nhiệm về sự tích hợp và sự dung hợp. Các Ngài đang hoạt động trong phạm vi của Agni hệ thống và trong thể vũ trụ của vị Raja Deva Lord vĩ đại hơn, Đấng là sự tương ứng cao hơn trên cõi dĩ thái-hồng trần *vũ trụ* với Chúa Tể Kshiti trên cõi hồng trần của hệ thống.

A clue to the mystery lies also in the relation of this fifth group to the two contracting poles. They are the fivefold Links, the "Benign Uniters" and "the Producers of the Atonement." Esoterically, they are the "Saviours of the Race" and from Them emanates that principle which—in conjunction with the highest aspect—lifts the lower aspect up to Heaven. (TCF 1204)

Một đầu mối cho huyền nhiệm cũng nằm trong mối liên hệ của nhóm thứ năm này với hai cực co rút. Họ là những Mối Liên Kết ngũ phân, những "Đấng Hợp Nhất Từ Hòa" và "Những Đấng Tạo Ra Sự Chuộc Tội." Một cách huyền bí, họ là "Những Đấng Cứu Rỗi Nhân Loại" và từ Các Ngài phát ra nguyên khí ấy, nguyên khí mà—kết hợp với phương diện cao nhất—nâng phương diện thấp lên Thiên giới. (TCF 1204)

6. We can see how the Solar Angels are instrumental in the appropriation of a dense physical body by a Planetary Logos and also by a Solar Logos. This appropriation is a kind of initiation for these great logoic Beings.

6. Chúng ta có thể thấy các Thái dương Thiên Thần là những Đấng có vai trò công cụ trong việc một Hành Tinh Thượng Đế và cả một Thái dương Thượng đế chiếm hữu một thể xác đậm đặc. Sự chiếm hữu này là một loại điểm đạo đối với những Đấng logoi vĩ đại này.

a. One type of initiation is the 'Initiation of Incarnation', simply producing physical plane appearance (considering the lower three systemic planes as the dense physical body of the Solar Logos and the lower two and a half systemic planes as the dense physical body of the Planetary Logos).

a. Một loại điểm đạo là 'Điểm Đạo Lâm Phàm', đơn thuần tạo ra sự xuất hiện trên cõi hồng trần (xem ba cõi thấp của hệ thống như thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và hai cõi rưỡi thấp của hệ thống như thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế).

b. The later type of initiation is the 'Initiation of the Infusing Presence', as we can call it. This signals the 'descent' of the higher aspects of the Solar Logos or Planetary Logos at least into the cosmic ethers so that a new and more intimate relationship is developed between Them and their dense physical body. This is what is means for the etheric and dense physical bodies of these Beings become a "unit".

b. Loại điểm đạo về sau là 'Điểm Đạo của Hiện Diện Thấm Nhuần', như chúng ta có thể gọi như vậy. Điều này báo hiệu sự 'giáng xuống' của các phương diện cao hơn của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế ít nhất vào các dĩ thái vũ trụ để một mối liên hệ mới và mật thiết hơn được phát triển giữa Các Ngài và thể xác đậm đặc của Các Ngài. Đây là ý nghĩa của việc thể dĩ thái và thể xác đậm đặc của các Đấng này trở thành một "đơn vị".

c. We realize that when this union happens in the life of the human being it signals the *first* initiation. The etheric body exerts control over the dense physical body.

c. Chúng ta nhận ra rằng khi sự hợp nhất này xảy ra trong đời sống con người thì nó báo hiệu lần điểm đạo *thứ nhất*. Thể dĩ thái kiểm soát thể xác đậm đặc.

7. So the Solar Angels become active when the Planetary Logoi and Solar Logos are undergoing (or, perhaps, recapitulating) a certain initiation.

7. Vì vậy các Thái dương Thiên Thần trở nên hoạt động khi các Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế đang trải qua (hoặc có lẽ đang tái diễn) một điểm đạo nào đó.

They represent a peculiar type of electrical force;

Các Ngài tượng trưng cho một loại mãnh lực điện đặc biệt;

8. Can we call it 'equilibrizing electrical force'? It seems associated with the neutral type of electricity which contributes to bridging and balance.

8. Chúng ta có thể gọi nó là 'mãnh lực điện quân bình hóa' chăng? Nó dường như liên hệ với loại điện trung hòa góp phần vào việc bắt cầu và quân bình.

their work is to blend and fuse, and above all else they are the "transmuting fires" of the system, and are those agents who pass the life of God through their bodies of flame as it descends from the higher into the lower, and again as it ascends from the lower into the higher.

công việc của các Ngài là hòa trộn và dung hợp, và trên hết mọi điều các Ngài là những "ngọn lửa chuyển hóa" của hệ thống, và là những tác nhân chuyển sự sống của Thượng đế qua các thể lửa của mình khi nó giáng xuống từ cao xuống thấp, và lại một lần nữa khi nó thăng lên từ thấp lên cao.

9. Here we have a vivid description of the work of the Solar Angels within the solar system.

9. Ở đây chúng ta có một mô tả sinh động về công việc của các Thái dương Thiên Thần trong hệ mặt trời.

10. What do the Solar Angels do?

10. Các Thái dương Thiên Thần làm gì?

a. They blend and fuse

a. Các Ngài hòa trộn và dung hợp

b. They transmute

b. Các Ngài chuyển hoá

c. The pass the life of God through their bodies of flame

c. Các Ngài chuyển sự sống của Thượng đế qua các thể lửa của mình

11. They are closely connected with alchemy. We may think of them as future Lipika Lords and in connection with the second and (eventually) seventh Cosmic Paths on the Way of Higher Evolution.

11. Các Ngài có liên hệ mật thiết với thuật luyện kim. Chúng ta có thể nghĩ về các Ngài như những Chúa Tể Lipika trong tương lai và liên hệ với Con đường Vũ trụ thứ hai và (rốt cuộc) thứ bảy trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

12. Through transmutation they elevate the lower fires making the ascent of these fires possible. They also modify and modulate the higher fires so the can be applied constructively in lower spheres.

12. Qua sự chuyển hoá, các Ngài nâng các ngọn lửa thấp lên, làm cho sự thăng lên của các ngọn lửa này trở nên khả hữu. Các Ngài cũng biến đổi và điều biến các ngọn lửa cao hơn để chúng có thể được áp dụng một cách xây dựng trong các khối cầu thấp hơn.

13. The transmutative powers of the Solar Angels relate them to the alchemical, transmutative planet, Uranus, the planet of Selfhood.

13. Các quyền năng chuyển hoá của các Thái dương Thiên Thần liên hệ các Ngài với hành tinh luyện kim, chuyển hoá là Sao Thiên Vương, hành tinh của Bản Ngã.

14. We see how absorbent are the Solar Angels. They do not just manipulate fires. They offer themselves as channels or conduits for the passage of fires. They are bridging Beings, serving both a Mercurial and Venusian function. Mercury transmits and Venus transmutes.

14. Chúng ta thấy các Thái dương Thiên Thần có tính hấp thụ biết bao. Các Ngài không chỉ thao tác các ngọn lửa. Các Ngài hiến mình làm những kênh hay ống dẫn cho sự chuyển vận của các ngọn lửa. Các Ngài là những Đấng bắt cầu, phụng sự cả chức năng của Sao Thủy lẫn Sao Kim. Sao Thủy truyền dẫn và Sao Kim chuyển hoá.

They are **connected** in their highest groups with that portion of the logoic head centre which corresponds to the heart, and here is the clue to the mystery of kama-manas.

Các Ngài **được nối kết** trong các nhóm cao nhất của mình với phần ấy của trung tâm đầu logoi tương ứng với tim, và ở đây có đầu mối cho huyền nhiệm của kama-manas.

15. We have to pay careful attention as some of the mystery of the Solar Angels is slowly being revealed.

15. Chúng ta phải hết sức chú ý vì một phần huyền nhiệm của các Thái dương Thiên Thần đang dần dần được tiết lộ.

16. They manifest, just as any Creative Hierarchy does, in higher and lower groups.

16. Các Ngài biểu hiện, cũng như bất kỳ Huyền Giai Sáng Tạo nào, trong các nhóm cao và thấp.

17. We are being told something about connections which pertain to “their highest groups”.

17. Chúng ta đang được cho biết điều gì đó về những liên hệ thuộc về “các nhóm cao nhất của các Ngài”.

18. When the word “connected” is used it may not mean the same thing as ‘resident within’. A being can focus on a lower p and

18. Khi từ “được nối kết” được dùng, nó có thể không mang cùng ý nghĩa với ‘cư trú bên trong’. Một hữu thể có thể tập trung trên

be connected with centers and sources on higher planes.

19. From one perspective, they appear to be connected with the heart in the head center of the Solar Logos. If analogy from Chart VIII holds good, the heart in the head center will be found upon the logoic plane and this is probably the case for the entire logoic head center as well.

20. From another perspective, there are seven head centers within (or associated with) the major head center of the Solar Logos, and the Solar Angels here mentioned could also be connected with one of those seven head centers of the Solar Logos—the center which corresponds to the *heart* center.

21. We do not know which of these options is correct.

22. Whichever is correct, it would seem that the Solar Angels are necessarily *connected* with the logoic plane. Often we wonder about the number of higher systemic planes on which the Solar Angels are active. We know they are active on the higher mental plane, that they embody much buddhic energy and so are related to the buddhic plane, but we do not have many references which associated them with still higher cosmic ethers. We also do not know whether these Solar Angels (monadically considered) form any part of the centers of a Planetary Logos. Probably the devic Monads, who with the human Monads form part of those centers, are *other* than Solar Angels. This must be researched further.

một cõi thấp hơn và được nối kết với các trung tâm và nguồn trên các cõi cao hơn.

19. Từ một góc nhìn, các Ngài dường như được nối kết với tim trong trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế. Nếu phép tương đồng từ Biểu đồ VIII là đúng, tim trong trung tâm đầu sẽ được tìm thấy trên cõi logoi và điều này có lẽ cũng đúng đối với toàn bộ trung tâm đầu logoi.

20. Từ một góc nhìn khác, có bảy trung tâm đầu bên trong (hoặc liên kết với) trung tâm đầu chính của Thái dương Thượng đế, và các Thái dương Thiên Thần được nhắc đến ở đây cũng có thể được nối kết với một trong bảy trung tâm đầu ấy của Thái dương Thượng đế —trung tâm tương ứng với trung tâm *tim*.

21. Chúng ta không biết lựa chọn nào trong các lựa chọn này là đúng.

22. Dù lựa chọn nào là đúng, có vẻ như các Thái dương Thiên Thần nhất thiết phải *được nối kết* với cõi logoi. Chúng ta thường tự hỏi về số lượng các cõi cao của hệ thống mà trên đó các Thái dương Thiên Thần hoạt động. Chúng ta biết các Ngài hoạt động trên cõi thượng trí, rằng các Ngài thể hiện nhiều năng lượng Bồ đề và do đó liên hệ với cõi Bồ đề, nhưng chúng ta không có nhiều dẫn chiếu gắn các Ngài với những dĩ thái vũ trụ còn cao hơn nữa. Chúng ta cũng không biết liệu các Thái dương Thiên Thần này (xét về mặt chân thần) có tạo thành bất kỳ phần nào trong các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế hay không. Có lẽ các chân thần thiên thần, những vị cùng với các chân thần nhân loại tạo thành một phần của các trung tâm ấy, là những vị *khác* với các Thái dương Thiên Thần. Điều này cần được nghiên cứu thêm.

23. While the Solar Angels may be active triadally (and especially buddhically) they seem to be connected with and vitalized from still higher planes.

23. Trong khi các Thái dương Thiên Thần có thể hoạt động theo Tam nguyên tinh thần (và đặc biệt theo Bồ đề), các Ngài dường như được nối kết với và được tiếp sinh lực từ những cõi còn cao hơn nữa.

24. The First Creative Hierarchy expresses through the logoic plane and is ruled by Leo. This rulership links them directly to the Solar Angels.

24. Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất biểu lộ qua cõi logoi và được cai quản bởi Sư Tử. Quyền cai quản này nối kết trực tiếp họ với các Thái dương Thiên Thần.

25. The planet Vulcan which can be considered a ruler of this First Creative Hierarchy is also associated with the logoic plane and thus with the Solar Angels. Vulcan, we are told, is associated with the Heart of the Sun.

25. Hành tinh Vulcan, có thể được xem là một chủ tinh của Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất này, cũng liên hệ với cõi logoi và do đó với các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta được cho biết rằng Vulcan liên hệ với Trái Tim của Mặt Trời.

26. We can see that the mystery of the origin of the Solar Angels and their association with various cosmic planes and subplanes is not easy to unravel.

26. Chúng ta có thể thấy rằng huyền nhiệm về nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần và sự liên kết của các Ngài với các cõi và cõi phụ vũ trụ khác nhau không dễ tháo gỡ.

2. Vulcan.—The one who reveals that which is deeply hidden and brings it up into the light. Esoterically—the heart of the Sun. (EA 393)

2. Vulcan.—Đấng tiết lộ điều được che giấu sâu kín và đưa nó ra ánh sáng. Một cách huyền bí—trái tim của Mặt Trời. (EA 393)

27. In other ways, both Uranus and Neptune have links to this First Creative Hierarchy and, thus, to the Solar Angels.

27. Theo những cách khác, cả Sao Thiên Vương lẫn Sao Hải Vương đều có những liên hệ với Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất này và do đó với các Thái dương Thiên Thần.

28. This is not to say that the Solar Angels (as usually described) *are* the First Creative Hierarchy, but the links are definitely there.

28. Điều này không có nghĩa rằng các Thái dương Thiên Thần (như thường được mô tả) *là* Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất, nhưng các mối liên hệ ấy chắc chắn hiện hữu.

29. Some Solar Angels are connected with the Central Spiritual Sun as is the First

29. Một số Thái dương Thiên Thần được nối kết với Mặt trời Tinh thần Trung Ương cũng

Creative Hierarchy (of the manifested Hierarchies).

như Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất (trong các Huyền Giai biểu hiện).

30. The heart in the head center is clearly related to the Heart of the Sun. As well, that particular one of the seven logoic head centers related to the heart center found in the 'torso', must also be related to the Heart of the Sun.

30. Tim trong trung tâm đầu rõ ràng liên hệ với Trái Tim của Mặt Trời. Đồng thời, trung tâm đặc biệt ấy trong bảy trung tâm đầu logoi liên hệ với trung tâm tim được tìm thấy trong 'thân mình', cũng phải liên hệ với Trái Tim của Mặt Trời.

31. Regarding the association of the Solar Angels with kama manas, the head center as a whole is related to manas and the central portion of it (the heart in the head center) is related to. Or, from the other perspective we have been considering, that particular one of the seven logoic head centers related to the heart may be considered related to kama, yet it must also be related to manas because it is in the *head.*

31. Về sự liên kết của các Thái dương Thiên Thần với trí-cảm, toàn bộ trung tâm đầu liên hệ với manas và phần trung tâm của nó (tim trong trung tâm đầu) liên hệ với. Hoặc, từ góc nhìn khác mà chúng ta đang xét, trung tâm đặc biệt ấy trong bảy trung tâm đầu logoi liên hệ với tim có thể được xem là liên hệ với kama, tuy nhiên nó cũng phải liên hệ với manas vì nó ở trong *đầu.*

32. Both Venus and Sirius (as two great sources conditioning the Solar Angels) are said to be sources of kama-manas.

32. Cả Sao Kim lẫn Sirius (như hai nguồn lớn tác động lên các Thái dương Thiên Thần) đều được nói là những nguồn của kama-manas.

33. There is a type of mind in man which is midway between the lower concrete mind and the abstract mind. We can call it 'unitive mind' or the "Son of Mind". It is the higher correspondence of what we usually call kama-manas.

33. Có một loại trí tuệ trong con người ở giữa hạ trí cụ thể và trí trừu tượng. Chúng ta có thể gọi nó là 'trí tuệ hợp nhất' hay "Con của Trí Tuệ". Nó là sự tương ứng cao hơn của điều mà chúng ta thường gọi là kama-manas.

2. Venus—planetary astral vehicle, or Kama-manas. (EA 362)

2. Sao Kim—vận cụ cảm dục hành tinh, hay Kama-manas. (EA 362)

This particular group of devas emanate from a great force centre which we generalise by calling it by the name of the sun Sirius. Sirius-kama-manas—the cosmic astral plane—and the systemic astral plane—make a close interlocking chain, and form the line of

Nhóm thiên thần đặc biệt này phát xuất từ một trung tâm mãnh lực lớn mà chúng ta khái quát gọi bằng tên mặt trời Sirius. Sirius-kama-manas—cõi cảm dục vũ trụ—và cõi cảm dục của hệ thống—tạo thành một chuỗi móc nối chặt chẽ, và hình thành con đường

least resistance for a particular type of negative force to pour through. (TCF 624)

ít trở ngại nhất để một loại mãnh lực âm đặc biệt tuôn qua. (TCF 624)

34. DK tells us that there is a "mystery of kama-manas". It is related to the "mystery" of the Solar Angels. These two mysteries are both 'mysteries of the middle principle' and relate to the present mystery of equilibrizing electricity.

34. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng có một "huyền nhiệm của kama-manas". Nó liên hệ với "huyền nhiệm" của các Thái dương Thiên Thần. Cả hai huyền nhiệm này đều là 'huyền nhiệm của nguyên khí trung gian' và liên hệ với huyền nhiệm hiện nay của điện quân bình hóa.

The kamic angels are **vitalised** from the "heart" centre and the manasic angels from the logoic head centre, **via the point within that centre connected with the heart.**

Các thiên thần cảm dục được **tiếp sinh lực** từ trung tâm "tim" và các thiên thần manas từ trung tâm đầu của Thượng đế, **qua điểm bên trong trung tâm ấy được nối kết với tim.**

35. This is an extraordinary piece of occultism.

35. Đây là một đoạn huyền bí học phi thường.

36. We are being told something about the different orders of Solar Angels within the Fifth Creative Hierarchy.

36. Chúng ta đang được cho biết điều gì đó về những cấp bậc khác nhau của các Thái dương Thiên Thần trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm.

37. It is quite clear that certain Solar Angels are *connected* with the solar logoic heart center (probably to be found on the systemic monadic plane), for, as we learn microcosmically on Chart VIII, TCF 817, heart centers are found on the second ether. The monadic plane is the second ether cosmically considered.

37. Rõ ràng là một số Thái dương Thiên Thần có *liên hệ* với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế (có lẽ được tìm thấy trên cõi chân thần của hệ), vì như chúng ta học được ở tiểu thiên địa trên Biểu đồ VIII, TCF 817, các trung tâm tim được tìm thấy trên dĩ thái thứ hai. Cõi chân thần là dĩ thái thứ hai nếu xét theo vũ trụ.

38. The buddhic plane as well would have a close relationship to the logoic heart center. Solar Angels could be principally active upon the buddhic plane yet *connected* to the monadic or logoic planes.

38. Cõi Bồ đề cũng sẽ có một mối liên hệ mật thiết với trung tâm tim của Thượng đế. Các Thái dương Thiên Thần có thể chủ yếu hoạt động trên cõi Bồ đề nhưng lại *liên hệ* với các cõi chân thần hoặc cõi của Thượng đế.

39. But DK uses the word "point" when it comes to describing the manasic angels. The heart in the head center is far more than a "point" for it has twelve petals. But, perhaps

39. Nhưng Chân sư DK dùng từ "điểm" khi mô tả các thiên thần manas. Tim trong trung tâm đầu còn hơn rất nhiều một "điểm", vì nó có mười hai cánh hoa. Nhưng

that one of the seven head center of the Solar Logos which corresponds to the heart center in the torso could be called a “point”.

có lẽ một trong bảy trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế, tương ứng với trung tâm tim trong thân mình, có thể được gọi là một “điểm”.

40. In any case, even the manasic angels are connected with the energy of “heart”.

40. Dù sao đi nữa, ngay cả các thiên thần manas cũng liên hệ với năng lượng của “tim”.

41. When we say that the Solar Angels are “vitalised” from these logoic centers, we are speaking, probably, of vitalization from the logoic and monadic planes. This is, again, not the same thing as saying that the Solar Angels are ‘resident upon’ the monadic and logoic planes.

41. Khi chúng ta nói rằng các Thái dương Thiên Thần được “tiếp sinh lực” từ các trung tâm của Thượng đế này, có lẽ chúng ta đang nói đến sự tiếp sinh lực từ các cõi của Thượng đế và chân thần. Điều này, một lần nữa, không đồng nghĩa với việc nói rằng các Thái dương Thiên Thần “cư ngụ trên” các cõi chân thần và cõi của Thượng đế.

42. If it is correct to say that one of the seven head centers of the Solar Logos is the source of the more manasically conditioned Solar Angels, then Vulcan (which rules the seven head centers) is definitely involved with these Angels.

42. Nếu đúng khi nói rằng một trong bảy trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế là nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần được điều kiện hóa bởi manas nhiều hơn, thì Vulcan chắc chắn có liên quan đến các Thiên Thần này.

43. Since Venus is one of the ‘homes’ of the Solar Angels and since Vulcan is, in Greek Mythology, the ‘husband’ of Venus, this is a reasonable association.

43. Vì Sao Kim là một trong những “nơi cư ngụ” của các Thái dương Thiên Thần và vì Vulcan, trong Thần thoại Hy Lạp, là “phu quân” của Sao Kim, nên đây là một sự liên kết hợp lý.

44. Note we may infer that these two types of Solar Angels are “vitalised” from two respective sources on the logoic and monadic planes—the first and second cosmic ethers. This does not mean that the Solar Angels actually “come” from these planes.

44. Cần lưu ý rằng chúng ta có thể suy ra hai loại Thái dương Thiên Thần này được “tiếp sinh lực” từ hai nguồn tương ứng trên các cõi của Thượng đế và chân thần—dĩ thái vũ trụ thứ nhất và thứ hai. Điều này không có nghĩa là các Thái dương Thiên Thần thực sự “đến” từ các cõi này.

These two dominating groups are the sumtotal of kama-manas in all its manifestations.

Hai nhóm chi phối này là tổng thể của thể trí cảm trong mọi biểu hiện của nó.

45. We are being told that the Solar Angels are responsible for the appearance of kama-manas in all its manifestations.

45. Chúng ta đang được cho biết rằng các Thái dương Thiên Thần chịu trách nhiệm cho sự xuất hiện của trí-cảm trong mọi biểu hiện của nó.

46. Kama-manas, as we usually experience it in relation to the astral plane and lower mental plane, is something quite a bit lower than any energy which emanates from Solar Angels. We have only to understand that that which radiates from these Angels is both manasic and kamic. Since they have a definite relation to the fifth and second rays this is understandable. As well, they have a relation to the kamic sixth ray as do Venus and Sirius on a much higher turn of the spiral.

46. Trí-cảm, như chúng ta thường trải nghiệm nó trong liên hệ với cõi cảm dục và cõi hạ trí, là điều gì đó thấp hơn khá nhiều so với bất kỳ năng lượng nào phát xạ từ các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta chỉ cần hiểu rằng điều phát ra từ các Thiên Thần này vừa là manas vừa là cảm dục. Vì các Ngài có một liên hệ xác định với cung năm và cung hai nên điều này có thể hiểu được. Ngoài ra, các Ngài cũng có liên hệ với cung sáu cảm dục, cũng như Sao Kim và Sirius ở một vòng xoắn cao hơn nhiều.

47. There may be a number of kinds of Solar Angels, but these two kinds are the "dominating groups".

47. Có thể có nhiều loại Thái dương Thiên Thần, nhưng hai loại này là những "nhóm chi phối".

The solar angels exist in three groups, all of which are concerned with the self-consciousness aspect, all of which are energised and connected with the fifth spirilla of the logoic permanent atom, and all of which work as a unit.

Các Thái dương Thiên Thần tồn tại trong ba nhóm, tất cả đều liên quan đến phương diện ngã thức, tất cả đều được tiếp năng lượng và liên hệ với loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn của Thượng đế, và tất cả đều hoạt động như một đơn vị.

48. We now begin a focal study of the groups of Solar Angels.

48. Giờ đây chúng ta bắt đầu một nghiên cứu trọng tâm về các nhóm Thái dương Thiên Thần.

49. We are told certain things about these Angels:

49. Chúng ta được cho biết một số điều về các Thiên Thần này:

a. All of the members of these three groups are concerned with the self-consciousness aspect.

a. Tất cả các thành viên của ba nhóm này đều liên quan đến phương diện ngã thức.

b. All of them are *energized by* the fifth spirilla of the logoic permanent atom

b. Tất cả các vị ấy đều *được tiếp năng lượng bởi* loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn của Thượng đế

c. All of them are *connected with* the fifth spirilla of the logoic permanent atom. We add to this connection the previously discussed connection of the Angels with the heart center of the Logos and a point within the logoic head center corresponding to the heart. These are all *connections.*

c. Tất cả các vị ấy đều *liên hệ với* loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn của Thượng đế. Chúng ta thêm vào mối liên hệ này mối liên hệ đã được bàn trước đó của các Thiên Thần với trung tâm tim của Thượng đế và một điểm bên trong trung tâm đầu của Thượng đế tương ứng với tim. Tất cả những điều này đều là những *mối liên hệ.*

d. All of them work "as a unit"

d. Tất cả các vị ấy hoạt động "như một đơn vị"

50. If systemic planes are logoic spirillae, then the fifth spirillae should be the fifth plane.

50. Nếu các cõi của hệ là các loa tuyến của Thượng đế, thì loa tuyến thứ năm hẳn phải là cõi thứ năm.

51. Again we are faced with the problem of knowing from which direction to count—whether from 'above' or 'below'.

51. Một lần nữa chúng ta đối diện với vấn đề phải biết đếm từ hướng nào—từ "trên" xuống hay từ "dưới" lên.

52. It would seem that the systemic mental plane is the logoic spirilla linked to the Solar Angels. But there are references which speak of the dire fate of those to reject the "Triads". The Solar Angels are definitely linked to these Triads (which express through the third systemic plane (counting from 'above') even if they are *not* the Triads just as they are not assumed to be the members of the First Creative Hierarchy.

52. Có vẻ như cõi trí của hệ là loa tuyến của Thượng đế được nối kết với các Thái dương Thiên Thần. Nhưng có những đoạn nói về số phận khủng khiếp của những ai từ chối các "Tam nguyên tinh thần". Các Thái dương Thiên Thần chắc chắn được nối kết với các Tam nguyên tinh thần này (vốn biểu lộ qua cõi thứ ba của hệ nếu đếm từ "trên" xuống), dù các Ngài *không* phải là các Tam nguyên tinh thần ấy, cũng như các Ngài không được giả định là các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất.

It is the rejection of the Triadal lives by units in the fourth Hierarchy, that of the human Monads, which precipitates a man eventually into the eighth sphere. He refuses to become a Christ, a Saviour and remains self-centred. (EA 41)

Chính sự từ chối các sự sống Tam nguyên tinh thần bởi các đơn vị trong Huyền Giai thứ tư, tức các chân thần nhân loại, đã kết tủa khiến một người cuối cùng rơi vào khối cầu thứ tám. Y từ chối trở thành một Đức

Christ, một Đấng Cứu Thế và vẫn tập trung vào bản thân. (EA 41)

53. Finding the exact placement for the Solar Angels (the higher aspects of the Fifth Creative Hierarchy) on the Tabulation of Creative Hierarchies is not an entirely straightforward task.

53. Việc xác định vị trí chính xác của các Thái dương Thiên Thần (các phương diện cao hơn của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm) trên Bảng Liệt Kê các Huyền Giai Sáng Tạo không phải là một nhiệm vụ hoàn toàn đơn giản.

One group, the highest, is connected with the logoic head centre, whether solar or planetary.

Một nhóm, cao nhất, được nối kết với trung tâm đầu của Thượng đế, dù là thái dương hay hành tinh.

54. This may be the manasic group (of the two "dominating groups") which we were discussing above.

54. Đây có thể là nhóm manas (trong hai "nhóm chi phối") mà chúng ta đã bàn ở trên.

55. We know that the solar logoic head center should analogically be associated with the systemic logoic plane.

55. Chúng ta biết rằng trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế theo phép tương đồng phải được liên kết với cõi của Thượng đế của hệ.

56. Is the head center of the Planetary Logos to be associated with the systemic *logoic* plane or with the systemic *monadic* plane? The Planetary Logos always seems to be focussed one level 'lower' than the Solar Logos.

56. Trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế có nên được liên kết với cõi của hệ *của Thượng đế* hay với cõi của hệ *chân thần*? Hành Tinh Thượng Đế dường như luôn được tập trung ở một cấp độ "thấp" hơn Thái dương Thượng đế.

They work with the manasic permanent atoms and embody the will-to-be in dense physical incarnation.

Các vị ấy làm việc với các nguyên tử trường tồn manas và thể hiện ý chí-tồn tại trong sự lâm phàm hồng trần đậm đặc.

57. We are speaking of the highest group of Solar Angels.

57. Chúng ta đang nói về nhóm cao nhất của các Thái dương Thiên Thần.

58. Let us tabulate their connections:

58. Chúng ta hãy lập bảng các mối liên hệ của các vị ấy:

a. They are connected with the logoic head center

a. Các vị ấy được nối kết với trung tâm đầu của Thượng đế

b. They work with the manasic permanent atoms

b. Các vị ấy làm việc với các nguyên tử trường tồn manas

c. They embody the will-to-be in dense physical incarnation

c. Các vị ấy thể hiện ý chí-tồn tại trong sự lâm phàm hồng trần đậm đặc

59. We remember the discussion concerning the entrance into the and how the fifth spirilla of the human permanent atoms related to the lower worlds were stimulated at the point of such entrance.(In fact, the fifth spirilla of all atoms in the lower three vehicles were thus stimulated.) We also remember that the Solar Angels are always associated with the fifth human spirilla (and the sixth). We wondered about the stimulation of the third and lower spirilla of the manasic permanent atom at the point of entry into the. These ideas can be put together when we see that certain Solar Angels are related to the manasic permanent atoms.

59. Chúng ta nhớ lại cuộc thảo luận liên quan đến sự đi vào và cách loa tuyến thứ năm của các nguyên tử trường tồn nhân loại liên hệ với các cõi thấp đã được kích thích tại điểm đi vào ấy. (Thực ra, loa tuyến thứ năm của mọi nguyên tử trong ba vận cụ thấp đều đã được kích thích như vậy.) Chúng ta cũng nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần luôn được liên kết với loa tuyến thứ năm của con người (và cả loa tuyến thứ sáu). Chúng ta đã tự hỏi về sự kích thích của loa tuyến thứ ba và các loa tuyến thấp hơn của nguyên tử trường tồn manas tại điểm đi vào. Những ý tưởng này có thể được kết hợp lại khi chúng ta thấy rằng một số Thái dương Thiên Thần có liên hệ với các nguyên tử trường tồn manas.

60. Earlier in TCF we saw how the will aspect was represented on the highest levels of the systemic mental plane. All three aspects of divinity can be found expressing on the systemic mental plane (and this is probably true of the cosmic mental plane as well). The first aspect is expressive through the manasic permanent atom.

60. Trước đó trong TCF, chúng ta đã thấy phương diện ý chí được biểu hiện trên các cấp độ cao nhất của cõi trí của hệ. Cả ba phương diện của thiên tính đều có thể được tìm thấy đang biểu lộ trên cõi trí của hệ (và điều này có lẽ cũng đúng với cõi trí vũ trụ). Phương diện thứ nhất biểu lộ qua nguyên tử trường tồn manas.

Their power is felt on the atomic subplane and on the second; they are the [Page 699] substance and the life of those planes.

Quyền năng của các vị ấy được cảm nhận trên cõi phụ nguyên tử và cõi phụ thứ hai; các vị ấy là [Page 699] chất liệu và sự sống của các cõi ấy.

61. This highest group of Solar Angels, interestingly, has an influence on *both* the first subplane of the mental plane and on the second. The manasic permanent atom is found on the first subplane. The causal

61. Điều thú vị là nhóm cao nhất này của các Thái dương Thiên Thần có ảnh hưởng trên *cả* cõi phụ thứ nhất của cõi trí lẫn cõi phụ thứ hai. Nguyên tử trường tồn manas được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất. Các thể

bodies of those who have taken initiation (or are close to doing so) are found on the second subplane.

62. There is matter of a mental kind found on those subplanes, but these devas are the evolutionary devas who *substand* evolutionary process on those planes and who stimulate the plane to new forms of *life* expression.

63. It seems that this highest group is not connected so much with form as with the life which sustains and empowers those forms.

64. We fix in our minds that this group is connected with the logoic *head* center.

Another group is connected definitely with the causal bodies of all Egos and are of prime importance in this solar system.

65. Here we are speaking of the second of two groups of Solar Angels.

66. Even though some members of the first group were connected with the second subplane of the systemic higher mental plane, they were not directly connected with the causal bodies found on that second subplane.

67. During this solar system, the second aspect of divinity is being brought into full expression and the causal body is one of the principle vehicles in human development for the second aspect.

nguyên nhân của những người đã thọ điểm đạo (hoặc gần đạt đến điều đó) được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai.

62. Có vật chất thuộc loại trí tuệ được tìm thấy trên các cõi phụ ấy, nhưng các thiên thần này là các thiên thần thăng thượng tiến hoá những vị *nâng đỡ từ bên dưới* tiến trình tiến hoá trên các cõi ấy và kích thích cõi ấy đến những hình thức biểu hiện của *sự sống* mới.

63. Có vẻ như nhóm cao nhất này không liên hệ nhiều với hình tướng cho bằng với sự sống duy trì và trao quyền năng cho các hình tướng ấy.

64. Chúng ta ghi nhớ rằng nhóm này được nối kết với trung tâm *đầu* của Thượng đế.

Một nhóm khác được nối kết rõ rệt với các thể nguyên nhân của mọi chân ngã và có tầm quan trọng hàng đầu trong hệ mặt trời này.

65. Ở đây chúng ta đang nói về nhóm thứ hai trong hai nhóm Thái dương Thiên Thần.

66. Dù một số thành viên của nhóm thứ nhất có liên hệ với cõi phụ thứ hai của cõi thượng trí của hệ, các vị ấy không trực tiếp liên hệ với các thể nguyên nhân được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai ấy.

67. Trong hệ mặt trời này, phương diện thứ hai của thiên tính đang được đưa đến biểu hiện trọn vẹn, và thể nguyên nhân là một trong những vận cụ nguyên khí trong sự phát triển của con người đối với phương diện thứ hai.

They come from the heart centre, and express that force.

68. Apparently, this is the second of the "dominating groups", emanating from the logoic *heart* center.

69. Just as there are many type of human beings in the Fourth Creative Hierarchy, so there are many kinds of Solar Angels in the solar angelic Creative Hierarchy—ostensibly the fifth.

70. When we think of the Solar Angels sustaining the life and structures to be fond on the systemic higher mental plane, we should think of the factor of *logoic sustainment*—the role played by the solar logoic and planetary logoic head and heart centers in the energizing and vitalizing of these Solar Angels.

The third group, corresponding to the throat centre, show forth their power on the fourth subplane through the mental units.

71. These three groups of Solar Angels naturally correspond to the three aspects of divinity.

72. Interestingly, although it is usually thought that Solar Angels are active only in relation to the higher mental plane, we see them here definitely expressive on a subplane which pertains to the worlds of the dense physical body of the Planetary Logos.

73. Our ongoing question has been, "To what extent are the devas active on the levels of concrete mind to be called

Các vị ấy đến từ trung tâm tim, và biểu lộ mãnh lực ấy.

68. Rõ ràng đây là nhóm thứ hai trong các "nhóm chi phối", phát xạ từ trung tâm *tim* của Thượng đế.

69. Cũng như có nhiều loại người trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, thì cũng có nhiều loại Thái dương Thiên Thần trong Huyền Giai Sáng Tạo thiên thần thái dương —bề ngoài là huyền giai thứ năm.

70. Khi nghĩ đến các Thái dương Thiên Thần duy trì sự sống và các cấu trúc được tìm thấy trên cõi thượng trí của hệ, chúng ta nên nghĩ đến yếu tố *sự duy trì của Thượng đế*—vai trò do các trung tâm đầu và tim của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế đảm nhiệm trong việc tiếp năng lượng và tiếp sinh lực cho các Thái dương Thiên Thần này.

Nhóm thứ ba, tương ứng với trung tâm cổ họng, biểu lộ quyền năng của mình trên cõi phụ thứ tư qua các đơn vị hạ trí.

71. Ba nhóm Thái dương Thiên Thần này đương nhiên tương ứng với ba phương diện của thiên tính.

72. Điều thú vị là, dù người ta thường nghĩ các Thái dương Thiên Thần chỉ hoạt động liên hệ với cõi thượng trí, ở đây chúng ta thấy các vị ấy rõ ràng biểu lộ trên một cõi phụ thuộc về các thế giới của thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế.

73. Câu hỏi liên tục của chúng ta là: "Các thiên thần hoạt động ở các cấp độ của trí cụ thể đến mức nào thì được gọi là

Agnishvattas?". Here we find that some Agnishvattas are thus active.

74. This does not mean that the usual evolutionary devas of the lower mental plane are to be called Agnishvattas

They are the sumtotal of the power of the Ego to see, to hear and to speak (or sound) in the strictly occult sense.

75. Here are some very definite occult properties of this third group of Agnishvattas:

e. The power of the Ego to see

f. The power of the Ego to hear

g. The power of the Ego to speak or sound in the strictly occult sense

76. Toward of these potencies—to hear and to speak—are definitely associated with the throat center. The power to see is associated with the ajna center. Can some of these devas be associated with the logoic ajna center as well as the throat center?

77. The Solar Angels and the Ego are, technically, different from each other. We see that the power of the Ego arises *from* the Solar Angels. The Ego, itself, has much of *man* in it. It is not the Solar Angel, per se, but there is such a close blending of the Solar Angel and man on the higher mental plane, that the term Ego or soul is often used as if it were the Solar Angel.

Agnishvattas?" Ở đây chúng ta thấy một số Agnishvattas hoạt động như vậy.

74. Điều này không có nghĩa là các thiên thần thăng thượng tiến hoá thông thường của cõi hạ trí sẽ được gọi là Agnishvattas

Các vị ấy là tổng thể quyền năng của chân ngã để thấy, để nghe và để nói (hay xướng) theo nghĩa huyền bí nghiêm ngặt.

75. Đây là một số đặc tính huyền bí rất xác định của nhóm Agnishvattas thứ ba này:

e. Quyền năng của chân ngã để thấy

f. Quyền năng của chân ngã để nghe

g. Quyền năng của chân ngã để nói hay xướng theo nghĩa huyền bí nghiêm ngặt

76. Hai trong các năng lực này—nghe và nói—chắc chắn liên hệ với trung tâm cổ họng. Quyền năng thấy liên hệ với trung tâm ajna. Liệu một số thiên thần này có thể liên hệ với trung tâm ajna của Thượng đế cũng như trung tâm cổ họng không?

77. Về mặt kỹ thuật, các Thái dương Thiên Thần và chân ngã khác nhau. Chúng ta thấy rằng quyền năng của chân ngã phát sinh *từ* các Thái dương Thiên Thần. Bản thân chân ngã có nhiều yếu tố của *con người* trong đó. Chính nó không phải là Thái dương Thiên Thần, nhưng có một sự hòa trộn mật thiết đến thế giữa Thái dương Thiên Thần và con người trên cõi thượng trí, đến nỗi thuật ngữ chân ngã hay linh hồn thường được dùng như thể đó là Thái dương Thiên Thần.

78. What the Solar Angel does for man is rather well catalogued, but the "true plane" of the Solar Angel remains ambiguous.

78. Điều mà Thái dương Thiên Thần làm cho con người được liệt kê khá rõ, nhưng "cõi thực sự" của Thái dương Thiên Thần vẫn còn mơ hồ.

A hint may here be given to those who have power to see.

Ở đây có thể đưa ra một gợi ý cho những ai có quyền năng thấy.

79. The third group of Solar Angels is, among other things, the Ego's power to see. Those who are developing the "power to see" are doing so in coordination with this group of Solar Angels.

79. Nhóm Thái dương Thiên Thần thứ ba, trong số những điều khác, là quyền năng thấy của chân ngã. Những ai đang phát triển "quyền năng thấy" đang làm như vậy trong sự phối hợp với nhóm Thái dương Thiên Thần này.

80. We may be able to relate this third type of Solar Angel with the three faculties which man may develop in the higher mental plane:

80. Chúng ta có thể liên hệ loại Thái dương Thiên Thần thứ ba này với ba năng lực mà con người có thể phát triển trên cõi thượng trí:

a. Spiritual telepathy

a. viễn cảm tinh thần

b. Response to group vibration

b. đáp ứng với rung động nhóm

c. Spiritual discernment

c. phân biện tinh thần

Three constellations are connected with the fifth logoic principle in its threefold manifestation:

Ba chòm sao được nối kết với nguyên khí thứ năm của Thượng đế trong biểu hiện tam phân của nó:

81. The threefold manifestation is through three focal points on the systemic mental plane but are essentially *cosmic* in nature.

81. Biểu hiện tam phân này diễn ra qua ba tiêu điểm trên cõi trí của hệ nhưng về bản chất lại *thuộc vũ trụ*.

Sirius, two of the Pleiades, and a small constellation whose name must be ascertained by the intuition of the student.

Sirius, hai ngôi trong Pleiades, và một chòm sao nhỏ mà tên của nó phải được trực giác của đạo sinh khám phá.

82. Some have wondered whether the constellation Leo Minor is involved.

82. Một số người đã tự hỏi liệu chòm sao Leo Minor có liên quan hay không.

83. If we think of Leo and Leo Minor we may have pictured for ourself a constellational relationship between higher mind and lower mind.

83. Nếu chúng ta nghĩ đến Leo và Leo Minor, có thể chúng ta sẽ hình dung cho mình một mối liên hệ chòm sao giữa thượng trí và hạ trí.

84. We may wonder whether the small constellation has three principal parts to it, to correspond to the members of the atomic triangle.

84. Chúng ta có thể tự hỏi liệu chòm sao nhỏ ấy có ba phần chính hay không, để tương ứng với các thành viên của tam giác nguyên tử.

85. Sirius, we may suppose, is connected with the higher grouping in the collection of three groups.

85. Chúng ta có thể giả định rằng Sirius được nối kết với nhóm cao hơn trong tập hợp ba nhóm.

86. The two Pleiades may be connected with the second group as the smaller constellation (probably to be associated with the third aspect of divinity) with the third grouping.

86. Hai ngôi Pleiades có thể được nối kết với nhóm thứ hai, cũng như chòm sao nhỏ hơn (có lẽ nên được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính) với nhóm thứ ba.

87. This is speculative, however, and largely based upon the reasonableness of associating Sirius with the first aspect within the Sirian Solar System of seven Suns.

87. Tuy nhiên, đây chỉ là suy đoán, và phần lớn dựa trên tính hợp lý của việc liên kết Sirius với phương diện thứ nhất trong hệ mặt trời Sirian gồm bảy Mặt Trời.

88. The Pleiades are usually associated with the third aspect of divinity, but, they are also closely associated with cosmic buddhi and, thus, with the second aspect, cosmically.

88. Pleiades thường được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính, nhưng chúng cũng liên hệ mật thiết với Bồ đề vũ trụ và do đó, với phương diện thứ hai, xét theo vũ trụ.

These three govern the appropriation by the Logos of His dense body.

Ba chòm sao này cai quản sự chiếm dụng thể đậm đặc của Ngài bởi Thượng đế.

89. Three constellations govern the appropriation by the Logos of His dense body. Apparently this appropriation demands work with the cosmic manasic permanent atom, with the causal body and with the members of the atomic triangle—all *logoically* considered.

89. Ba chòm sao cai quản sự chiếm dụng thể đậm đặc của Ngài bởi Thượng đế. Rõ ràng sự chiếm dụng này đòi hỏi công việc với nguyên tử trường tồn manas vũ trụ, với thể nguyên nhân và với các thành viên của tam giác nguyên tử—tất cả đều được xét *theo phương diện Thượng đế*.

90. We are dealing with the three aspects of the fifth principle as these aspects are used to relate the etheric body of the Solar Logos to His dense physical body.

90. Chúng ta đang bàn đến ba phương diện của nguyên khí thứ năm khi các phương diện này được dùng để liên hệ thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế với thể xác đậm đặc của Ngài.

91. The human being began the process of incarnation *as a human being* when the Solar Angel became involved with his inner structure. Can we say the same about a Solar Logos or Planetary Logos—did They begin to incarnate *as Logoi* when a superordinate Solar Angel became involved with Their inner structure—i.e., with Their mental unit and manasic permanent atom?

91. Con người bắt đầu tiến trình nhập thể *với tư cách là con người* khi Thái dương Thiên Thần can dự vào cấu trúc bên trong của y. Chúng ta có thể nói điều tương tự về một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế không—Các Ngài có bắt đầu nhập thể *với tư cách là các Thượng đế* khi một Thái dương Thiên Thần siêu trội can dự vào cấu trúc bên trong của Các Ngài—tức là vào đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas của Các Ngài không?

When the last pralaya ended, and the etheric body had been co-ordinated,

Khi kỳ pralaya cuối cùng chấm dứt, và thể dĩ thái đã được phối hợp,

92. DK seems to be telling us something about the physical-etheric accomplishments of the last solar system.

92. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết điều gì đó về những thành tựu hồng trần-dĩ thái của hệ mặt trời trước.

a triangle in the Heavens was formed under law which permitted a flow of force, producing vibration on the fifth systemic plane.

một tam giác trên Thiên giới đã được hình thành theo định luật, cho phép một dòng mãnh lực lưu chuyển, tạo ra rung động trên cõi thứ năm của hệ.

93. This appears to be the very constellational triangle we are discussing.

93. Đây dường như chính là tam giác chòm sao mà chúng ta đang bàn tới.

That triangle still persists, and is the cause of the continued inflow of manasic force; it is connected with the spirillae in the logoic mental unit

Tam giác ấy vẫn còn tồn tại, và là nguyên nhân của dòng manas lực tiếp tục tuôn vào; nó được nối kết với các loa tuyến trong đơn vị hạ trí của Thượng đế

94. This means that the triangle is connected with the four lower subplanes of the cosmic mental plane.

94. Điều này có nghĩa là tam giác ấy được nối kết với bốn cõi phụ thấp của cõi trí vũ trụ.

95. Could the planet Uranus be involved here?

and as long as His will-to-be persists, the energy will continue to flow through. In the fifth round, it will be felt at its height.

96. The occult, cosmological hints are profound and probably, for us, impenetrable.

97. The triangle could consist of the three constellations just mentioned.

98. Or perhaps the triangle could consist of sources of a different nature and status, such as Sirius, Gemini and Mercury.

99. Another important manasic triangle would be Leo, Gemini and Venus.

100. Does the solar logoic mental unit also have only four spirillae? If so, these four spirillae are the four cosmic mental subplanes. Energy from these subplanes would correlate with the four lower systemic mental subplanes.

101. It sounds as if the force of the triangle under discussion is responsible for sustaining the physical incarnation of the Solar Logos.

102. Because the etheric body of the Solar Logos is involved in the expression of this triangle, the constellation Gemini and the planet Mercury come to mind. They both have a strong *etheric* connection and are also conduits for the energy of manas.

95. Liệu hành tinh Sao Thiên Vương có thể có liên quan ở đây không?

và chừng nào ý chí-tồn tại của Ngài còn kéo dài, năng lượng sẽ tiếp tục chảy qua. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, nó sẽ được cảm nhận ở mức cao nhất.

96. Những gợi ý huyền bí học và vũ trụ luận này thật sâu xa và có lẽ, đối với chúng ta, không thể xuyên thấu.

97. Tam giác ấy có thể gồm ba chòm sao vừa được nhắc đến.

98. Hoặc có lẽ tam giác ấy có thể gồm những nguồn có bản chất và địa vị khác, như Sirius, Gemini và Sao Thủy.

99. Một tam giác manas quan trọng khác sẽ là Leo, Gemini và Sao Kim.

100. Đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế cũng chỉ có bốn loa tuyến thôi sao? Nếu vậy, bốn loa tuyến này là bốn cõi phụ của cõi trí vũ trụ. Năng lượng từ các cõi phụ này sẽ tương ứng với bốn cõi phụ thấp của cõi trí của hệ.

101. Có vẻ như mãnh lực của tam giác đang được bàn đến chịu trách nhiệm duy trì sự lâm phàm hồng trần của Thái dương Thượng đế.

102. Vì thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế có liên quan đến sự biểu lộ của tam giác này, nên chòm sao Gemini và hành tinh Sao Thủy hiện lên trong tâm trí. Cả hai đều có một liên hệ *dĩ thái* mạnh mẽ và cũng là những kênh dẫn cho năng lượng của manas.

103. In this instance, we must also remember the connection of the constellation Aquarius to "Universal Mind" (which we can regard as the Mind of the Solar Logos), and also to the etheric body in general.

103. Trong trường hợp này, chúng ta cũng phải nhớ đến mối liên hệ của chòm sao Aquarius với "Vũ Trụ Trí" (mà chúng ta có thể xem là Trí của Thái dương Thượng đế), và cả với thể dĩ thái nói chung.

104. These cosmological studies will be undertaken in the early and later fifth round! As well, those in the advanced schools of occultism (one day to emerge) will address themselves to such matters.

104. Những nghiên cứu vũ trụ luận này sẽ được thực hiện trong cuộc tuần hoàn thứ năm đầu và muộn hơn! Ngoài ra, những người trong các trường huyền bí học cao cấp (một ngày nào đó sẽ xuất hiện) sẽ chuyên tâm vào những vấn đề như thế.

105. In any case, when thinking of the Fifth Logoic Principle, we can think of these three constellations. As there are seven major Pleiades as far as humanity I concerned, perhaps the Pleiads related to the third and fifth rays are the ones involved.

105. Dù sao đi nữa, khi nghĩ về nguyên khí thứ năm của Thượng đế, chúng ta có thể nghĩ đến ba chòm sao này. Vì có bảy Pleiades chính yếu đối với nhân loại, có lẽ những Pleiades liên hệ với cung ba và cung năm là những ngôi có liên quan.

In considering the Entities[33] who gave the manasic principle to man, we must remember that they are the beings who, in earlier manvantaras have achieved, **and who—in this round**—waited for a specific moment at [Page 700] which to enter, and so continue their work.

Khi xem xét các Thực Thể33 đã ban nguyên khí manas cho con người, chúng ta phải nhớ rằng các vị ấy là những hữu thể mà trong các giai kỳ sinh hóa trước đây đã thành tựu, **và trong cuộc tuần hoàn này**—đã chờ đợi một thời điểm đặc biệt tại [Page 700] đó để đi vào, và như thế tiếp tục công việc của mình.

106. We now return to considering the Solar Angels—those "who gave the manasic principle to man".

106. Giờ đây chúng ta quay lại xem xét các Thái dương Thiên Thần—những vị "đã ban nguyên khí manas cho con người".

107. That the Solar Angels had achieved much in the previous mahamanvantara is often mentioned. Here a general description is given and we are told that they achieved "in earlier manvantaras". Whether or not the achievement was in this mahamanvantara is not specified but other references indicate that this is the case.

107. Việc các Thái dương Thiên Thần đã đạt được nhiều thành tựu trong đại giai kỳ sinh hóa trước thường được nhắc đến. Ở đây một mô tả tổng quát được đưa ra và chúng ta được cho biết rằng các vị ấy đã thành tựu "trong các giai kỳ sinh hóa trước đây". Việc thành tựu ấy có diễn ra trong đại giai kỳ sinh hóa này hay không không được nói rõ, nhưng các đoạn khác cho thấy đúng là như vậy.

108. When we speak of the word "round" in this context, we must know what type of round we are discussing: it could be an ordinary chain round, or perhaps a scheme round or, perhaps, even a *solar* round. If this latter round, it would relate to a point is solar systemic development when, *from the solar perspective,* it was fitting that the Solar Angels begin their work.

108. Khi nói đến từ "cuộc tuần hoàn" trong ngữ cảnh này, chúng ta phải biết mình đang bàn đến loại cuộc tuần hoàn nào: đó có thể là một cuộc tuần hoàn thông thường của dãy, hoặc có lẽ là một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh, hay thậm chí là một cuộc tuần hoàn *thái dương*. Nếu là loại sau, nó sẽ liên hệ đến một điểm trong sự phát triển của hệ mặt trời khi, *xét từ quan điểm thái dương,* việc các Thái dương Thiên Thần bắt đầu công việc của mình là thích hợp.

109. If we think only of the relationship of the Solar Angels to our Planetary Logos, then in a certain *scheme round* (the fourth) and in relation to a certain chain (the fourth, when it was in its fourth round), the Solar Angels undertook their work.

109. Nếu chúng ta chỉ nghĩ đến mối liên hệ của các Thái dương Thiên Thần với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, thì trong một *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh* nhất định (cuộc tuần hoàn thứ tư) và liên hệ với một dãy nhất định (dãy thứ tư, khi nó ở trong cuộc tuần hoàn thứ tư), các Thái dương Thiên Thần đã đảm nhận công việc của mình.

110. The relationship of the Solar Angels to the number *four* should not be overlooked for they are very *buddhic* beings and in the Tabulation in EA 35, they are named in relation to the *fourth* systemic plane.

110. Không nên bỏ qua mối liên hệ của các Thái dương Thiên Thần với con số *bốn* vì các vị ấy là những hữu thể rất *Bồ đề* và trong Bảng Liệt Kê ở EA 35, các vị ấy được nêu tên liên hệ với cõi thứ *tư* của hệ.

111. Their work in connection with our planet would be but a aspect of the greater solar systemic work.

111. Công việc của các vị ấy liên hệ với hành tinh chúng ta chỉ là một phương diện của công việc lớn lao hơn trong toàn hệ mặt trời.

[33]: A very natural question might here be asked:—Why do we consider this matter of the devas of the middle system (as we might call those connected with this system and with buddhi and kama-manas) in our consideration of thought forms?

112. Our solar system is the "middle system". The devas under discussion are connected both with kama-manas and with buddhi. There are linking devas.

113. The human being is, from one perspective, a thoughtform, and the Solar Angels are instrumental in the creation of individualized and manifesting man.

For two reasons:—One is that <u>all that is in the solar system is but substance energised from the cosmic mental and astral planes, and built into form through the power of electrical Law;</u>

114. This is a very succinct way of considering all happenings in our solar system.

115. All form within our solar system (on the cosmic physical plane) is, in a way, *thought*-form.

116. It is arresting to read that it is "the power of electrical Law" which builds form.

117. Solar Angels working within the seven systemic planes of our solar system obviously work with "the power of electrical Law". This would also be true of the higher types of Solar Angels assisting in the

33: Ở đây có thể nêu ra một câu hỏi rất tự nhiên:—Tại sao chúng ta lại xem xét vấn đề các thiên thần của hệ giữa (như chúng ta có thể gọi những vị liên hệ với hệ này và với Bồ đề cùng trí-cảm) trong khi xem xét các hình tư tưởng?

112. Hệ mặt trời của chúng ta là "hệ giữa". Các thiên thần đang được bàn đến liên hệ với cả trí-cảm lẫn Bồ đề. Họ là các thiên thần nối kết.

113. Con người, từ một góc nhìn, là một hình tư tưởng, và các Thái dương Thiên Thần là những vị có vai trò công cụ trong việc sáng tạo con người đã được biệt ngã hóa và đang biểu hiện.

Vì hai lý do:—Một là <u>mọi sự trong hệ mặt trời chỉ là chất liệu được tiếp năng lượng từ các cõi trí và cảm dục vũ trụ, và được xây dựng thành hình tướng nhờ quyền năng của Định luật điện;</u>

114. Đây là một cách rất súc tích để xem xét mọi diễn biến trong hệ mặt trời của chúng ta.

115. Mọi hình tướng trong hệ mặt trời của chúng ta (trên cõi hồng trần vũ trụ) theo một nghĩa nào đó đều là *hình*tư tưởng.

116. Thật đáng chú ý khi đọc rằng chính "quyền năng của Định luật điện" xây dựng hình tướng.

117. Các Thái dương Thiên Thần hoạt động trong bảy cõi của hệ mặt trời chúng ta hiển nhiên làm việc với "quyền năng của Định luật điện". Điều này cũng đúng với các loại Thái dương Thiên Thần cao hơn đang hỗ trợ

individualized manifestation of the Solar Logos on the cosmic etheric-physical plane.

sự biểu hiện biệt ngã hóa của Thái dương Thượng đế trên cõi dĩ thái-hồng trần vũ trụ.

all that can be known is but forms ensouled by ideas.

mọi điều có thể được biết chỉ là những hình tướng được phú linh bởi các ý tưởng.

118. From whence do ideas arise? We can hardly say that ideas have their point of origin only on the cosmic physical plane. Why not the cosmic astral plane, or even more reasonably the cosmic mental plane… or even above that level of focus?

118. Các ý tưởng phát sinh từ đâu? Chúng ta khó có thể nói rằng các ý tưởng chỉ có điểm khởi nguồn trên cõi hồng trần vũ trụ. Tại sao không phải là cõi cảm dục vũ trụ, hay hợp lý hơn nữa là cõi trí vũ trụ… hoặc thậm chí còn trên cấp độ tập trung ấy?

119. We ask, "What is the birthplace of ideas?" Normally we would answer in terms of locations on the cosmic etheric-physical plane, but if we search more deeply, we shall see that the entire solar system is only a form ensouled by an idea—an idea which *must* have originated on still higher cosmic planes.

119. Chúng ta hỏi: "Nơi sinh ra của các ý tưởng là gì?" Thông thường chúng ta sẽ trả lời theo các vị trí trên cõi dĩ thái-hồng trần vũ trụ, nhưng nếu tìm sâu hơn, chúng ta sẽ thấy rằng toàn bộ hệ mặt trời chỉ là một hình tướng được phú linh bởi một ý tưởng—một ý tưởng *ắt hẳn* đã phát sinh trên những cõi vũ trụ còn cao hơn nữa.

Secondly, that in the knowledge of the creative processes of the system, man learns for himself how in time to become a creator.

Thứ hai, đó là trong sự hiểu biết về các tiến trình sáng tạo của hệ, con người tự học cho mình cách để theo thời gian trở thành một đấng sáng tạo.

120. We are within a great Creation, and from studying and living within its patterns man learns how to create.

120. Chúng ta ở trong một Sáng Tạo vĩ đại, và từ việc nghiên cứu cũng như sống trong các mô hình của nó, con người học được cách sáng tạo.

121. The greater is reflected in the lesser. Eventually, any capacity resident within the greater is transferred (though with much reduction of energy) to the lesser.

121. Cái lớn hơn được phản chiếu trong cái nhỏ hơn. Cuối cùng, bất kỳ năng lực nào cư ngụ trong cái lớn hơn cũng được chuyển dịch sang cái nhỏ hơn (dù với sự suy giảm năng lượng rất nhiều).

We might illustrate this by remarking that one of the main functions of the Theosophical movement in all its many branches is to build a form which can be

Chúng ta có thể minh họa điều này bằng cách nhận xét rằng một trong những chức năng chính của phong trào Thông Thiên Học trong mọi ngành nhánh của nó là xây dựng

ensouled, in due time, by the idea of Brotherhood.

một hình tướng có thể được phú linh, đúng lúc, bởi ý tưởng về Huynh đệ Đoàn.

122. The many branches of the Theosophical movement include the Theosophical Society but are not limited to this Society.

122. Nhiều ngành nhánh của phong trào Thông Thiên Học bao gồm Hội Thông Thiên Học nhưng không chỉ giới hạn ở Hội này.

123. We in the AAB Movement are part of this building process.

123. Chúng ta trong Phong trào AAB là một phần của tiến trình xây dựng này.

124. What is "due time"? Will we have to wait as long as the third decanate of the Aquarian Age—the Age of Brotherhood under Venus? That would be a long wait.

124. "Đúng thời điểm" là gì? Liệu chúng ta sẽ phải chờ lâu đến tận thập độ thứ ba của Kỷ Nguyên Bảo Bình—Kỷ Nguyên Huynh Đệ dưới Sao Kim chăng? Đó sẽ là một sự chờ đợi rất dài.

A parallel case can be seen at the entry—in Atlantean days—of Egos from the moon-chain. The parallel is not exact, as a peculiar condition prevailed on the moon, and a peculiar karmic purpose brought them all in at that time.

Một trường hợp song hành có thể được thấy nơi sự đi vào—trong thời Atlantis—của các chân ngã từ Dãy Mặt Trăng. Sự song hành này không hoàn toàn chính xác, vì một điều kiện đặc biệt đã chi phối trên Mặt Trăng, và một mục đích nghiệp quả đặc biệt đã đưa tất cả họ vào lúc ấy.

125. DK is relating the entry of the Solar Angels into our planetary scheme (fourth chain and fourth globe) to the entry of Moon-chain Egos into our fourth chain and globe.

125. Chân sư DK đang liên hệ sự đi vào của các Thái dương Thiên Thần vào hệ hành tinh của chúng ta (dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư) với sự đi vào của các chân ngã từ Dãy Mặt Trăng vào dãy thứ tư và bầu hành tinh thứ tư của chúng ta.

126. The Solar Angels (in relation to our planetary chain) came in during the middle of the fourth round.

126. Các Thái dương Thiên Thần (trong liên hệ với dãy hành tinh của chúng ta) đã đi vào trong khoảng giữa cuộc tuần hoàn thứ tư.

127. It may be that the Egos from the Moon-chain came in during the third sub-race of the fourth rootrace of the fourth round. So the entry of the Solar Angels preceded the entry onto our globe of Moon-chain Egos.

127. Có thể là các chân ngã từ Dãy Mặt Trăng đã đi vào trong giống dân phụ thứ ba của giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư. Vì vậy, sự đi vào của các Thái dương Thiên Thần đã đi trước sự đi vào bầu hành tinh của chúng ta của các chân ngã từ Dãy Mặt Trăng.

128. In any case, entries of energy units are *timed,* both karmically and dharmically. Entries must serve the purposes of the E/entity within which, and in relation to which, the entry occurs.

128. Trong mọi trường hợp, sự đi vào của các đơn vị năng lượng đều được *định thời*, cả theo nghiệp quả lẫn theo dharma. Các sự đi vào phải phụng sự các mục đích của Thực thể/thực thể mà trong đó, và trong liên hệ với đó, sự đi vào xảy ra.

It should here be remembered that in the moon the fifth principle of manas incubated normally,

Ở đây cần nhớ rằng trên Mặt Trăng, nguyên khí thứ năm là manas của con người đã được ấp ủ một cách bình thường,

129. The word "incubated" is suggestive. Incubation is a process in which heat is slowly applied to produce a manifestation of vitality.

129. Từ "ấp ủ" rất gợi ý. Sự ấp ủ là một tiến trình trong đó nhiệt được áp dụng từ từ để tạo ra một biểu hiện của sinh lực.

130. By normal incubation, we mean a process in which there was no intervention of Solar Angels to produce the expression of the fifth principle in the animal man of that earlier sphere of activity.

130. Bởi sự ấp ủ bình thường, chúng ta muốn nói đến một tiến trình trong đó không có sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần để tạo ra sự biểu lộ của nguyên khí thứ năm nơi người thú của khối cầu hoạt động sớm hơn ấy.

and **instinct gradually developed until it imperceptibly merged into manas, being of a similar nature;**

và **bản năng dần dần phát triển cho đến khi nó hòa nhập một cách không thể nhận thấy vào manas, vì có bản chất tương tự;**

131. The movement from instinct to intellect was a gradual process, not a relatively sudden on as was the case in our present solar system. Instinct is unconscious intelligence. When intelligence becomes conscious, it becomes intellect.

131. Sự chuyển động từ bản năng đến trí năng là một tiến trình dần dần, chứ không tương đối đột ngột như trường hợp trong hệ mặt trời hiện nay của chúng ta. Bản năng là trí tuệ vô thức. Khi trí tuệ trở nên có ý thức, nó trở thành trí năng.

132. It is interesting that the two of them—instinct and intellect—were considered of a *similar* nature. The common denominator here is intelligence.

132. Thật thú vị khi cả hai—bản năng và trí năng—được xem là có bản chất *tương tự*. Mẫu số chung ở đây là trí tuệ.

133. The gradual merging probably took place over an incredibly lengthy period when compared with the period in which

133. Sự hòa nhập dần dần ấy có lẽ đã diễn ra trong một thời kỳ dài đến khó tin khi so với

the emergence of manas occurred in our chain.

thời kỳ mà sự xuất hiện của manas đã xảy ra trong dãy của chúng ta.

in this round a peculiar condition necessitated extra-planetary stimulation,

trong cuộc tuần hoàn này, một điều kiện đặc biệt đã khiến sự kích thích ngoài hành tinh trở nên cần thiết,

134. Conditions were of a karmic nature and involved the so-called "Moon-chain failure" and the retardation of planetary development which arose due to that "failure".

134. Các điều kiện ấy mang bản chất nghiệp quả và liên quan đến cái gọi là "sự thất bại của Dãy Mặt Trăng" cùng sự trì hoãn trong sự phát triển hành tinh phát sinh do "sự thất bại" ấy.

and this special group of Pitris effected a transition of the lower into the higher through a downflow of energy via the Earth's Primary from an extra-systemic centre.

và nhóm Pitris đặc biệt này đã thực hiện một sự chuyển tiếp từ thấp lên cao thông qua một dòng năng lượng tuôn xuống qua Đấng Sơ Cấp của Trái Đất từ một trung tâm ngoài hệ.

135. We recall that the Solar Angels are the "transmutative fires" which, by passing higher energy through themselves, set up conditions in which that lower energy can be raised.

135. Chúng ta nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần là những "ngọn lửa chuyển hoá", những Đấng, bằng cách truyền năng lượng cao hơn qua chính mình, thiết lập các điều kiện trong đó năng lượng thấp hơn ấy có thể được nâng lên.

136. Animal man was raised into the human kingdom due to the stimulation of Venus, the "Earth's Primary".

136. Người thú đã được nâng lên vào giới nhân loại nhờ sự kích thích của Sao Kim, "Đấng Sơ Cấp của Trái Đất".

137. Via the energy of Venus, an new kingdom of nature was created.

137. Thông qua năng lượng của Sao Kim, một giới tự nhiên mới đã được tạo ra.

138. When we speak of "an extras-systemic centre" involved in the process, that centre is, very reasonably, Sirius.

138. Khi chúng ta nói đến "một trung tâm ngoài hệ" tham gia vào tiến trình này, trung tâm ấy, rất hợp lý, là Sirius.

The central three rounds, as in the planes and principles, are the most important for the evolution of the self-conscious units in this system, and this working towards perfection of the three, the four, and the five,

Ba cuộc tuần hoàn trung tâm, cũng như trong các cõi và các nguyên khí, là quan trọng nhất đối với sự tiến hoá của các đơn vị ngã thức trong hệ này, và hoạt động hướng đến sự hoàn thiện của bộ ba, bộ bốn và bộ năm này đánh dấu, đối với Hành Tinh

mark, for the planetary Logos, as for man, the cycle of maturity.

Thượng Đế cũng như đối với con người, chu kỳ trưởng thành.

139. Of seven rounds, third, fourth and fifth are “central”.

139. Trong bảy cuộc tuần hoàn, cuộc thứ ba, thứ tư và thứ năm là các cuộc “trung tâm”.

140. We are in the midst of a solar system in which the “middle principle” is up for development. This is the principle associated with the second aspect and with soul.

140. Chúng ta đang ở giữa một hệ mặt trời trong đó “nguyên khí trung gian” đang được phát triển. Đây là nguyên khí gắn liền với phương diện thứ hai và với linh hồn.

141. The middlemost planes are the mental, buddhic and atmic, and upon these three planes, that which we call the human kingdom undergoes its normal *and* spiritual development. That which distinguishes man from the animal occurs upon the third plane.

141. Các cõi ở giữa nhất là cõi trí, cõi Bồ đề và cõi atma, và trên ba cõi này, điều mà chúng ta gọi là giới nhân loại trải qua sự phát triển bình thường *và* tinh thần của nó. Điều phân biệt con người với động vật xảy ra trên cõi thứ ba.

142. As for the three central principles, we may understand them as lower manas, the “Son of Mind” and higher manas. By the time buddhi and atma are pivotal expressions for the human being, he is already more than merely a human being—he is a member of the fifth kingdom of nature, the Kingdom of Souls.

142. Đối với ba nguyên khí trung tâm, chúng ta có thể hiểu chúng là hạ trí, “Con của Trí Tuệ” và thượng trí. Vào lúc Bồ đề và atma trở thành những biểu hiện then chốt đối với con người, y đã hơn cả chỉ là một con người—y là một thành viên của giới thứ năm của tự nhiên, Thiên Giới của các linh hồn.

The earlier and later cycles mark that of growth towards maturity, and the garnering of the fruits of earlier experience.

Các chu kỳ sớm hơn và muộn hơn đánh dấu sự tăng trưởng hướng tới trưởng thành, và sự thu hoạch các quả của kinh nghiệm trước đó.

143. Buddhi and atma are synthetic principles.

143. Bồ đề và atma là các nguyên khí tổng hợp.

144. The etheric body, prana, and kama-manas are preparatory; they are the foundation upon which humanity is built. Their development is large associated with two planes. Kama-manas is considered faintly tinged with manas.

144. Thể dĩ thái, prana, và thể trí cảm là các yếu tố chuẩn bị; chúng là nền tảng trên đó nhân loại được xây dựng. Sự phát triển của chúng phần lớn gắn với hai cõi. Thể trí cảm được xem là thoáng nhuốm manas.

The three Halls again can be here considered from this aspect, and the central period allocated to the Hall of Learning.

Ba Phòng một lần nữa có thể được xét ở đây từ phương diện này, và thời kỳ trung tâm được phân cho Phòng Hiểu Biết.

145. Everything about development on our planet and in our solar system suggests an emphasis on *centrality.*

145. Mọi điều về sự phát triển trên hành tinh chúng ta và trong hệ mặt trời của chúng ta đều gợi ý một sự nhấn mạnh vào *tính trung tâm.*

146. The three Halls the Hall of Ignorance, the Hall of Learning and the Hall of Wisdom.

146. Ba Phòng là Phòng Vô Minh, Phòng Hiểu Biết và Phòng Minh triết.

147. The Hall of Learning is naturally correlated with the love petals of the egoic lotus. The learning which occurs is not so much about the outer world of the senses as about the inner, subjective world, involving focus on the higher of the pairs of opposites as well as upon the lower.

147. Phòng Hiểu Biết tự nhiên tương ứng với các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã. Sự học hỏi diễn ra ở đây không phải nhiều về thế giới bên ngoài của các giác quan cho bằng về thế giới bên trong, chủ quan, bao hàm sự tập trung vào mặt cao hơn của các cặp đối đãi cũng như vào mặt thấp hơn.

On all the planets these manasadevas are found working,

Trên mọi hành tinh, các manasadevas này đều được thấy đang hoạt động,

148. We note this—on *all* the planets.

148. Chúng ta lưu ý điều này—trên *mọi* hành tinh.

149. Are the manasadevas committed to *intervention* as on Earth, or are there other methods for them to work on the other planets?

149. Phải chăng các manasadevas dấn thân vào sự *can thiệp* như trên Trái Đất, hay còn có những phương pháp khác để họ hoạt động trên các hành tinh khác?

150. The way it occurred on Earth seems to have been an *emergency* intervention.

150. Cách điều đó xảy ra trên Trái Đất dường như là một sự can thiệp *khẩn cấp*.

ever in their three groups but varying the methods employed according to the stage of the evolution of the planet concerned, and the karma of its planetary Lord.

151. There will be differences in how they function on the different planets.

152. Yet the three groups—expressing through manasic permanent atoms, causal bodies and atomic triangles—will always be found.

153. With respect to the Planetary Logos of the Earth, the reason for the quite spectacular intervention of the Solar Angels was certainly karmic, but also had to do with the necessity for the awakening of the planetary heart.

154. We presume that as these Angels are "Hearts of Fiery Love", they would be instrumental in assisting with the awakening of all the planetary heart within *all* planets.

Their method of work on the Earth can be studied in *the Secret Doctrine* and has a most significant interest for men at this time.[34] [See all earlier part of *the Secret Doctrine,* V. II]

155. One of the great contributions of *The Secret Doctrine* relates precisely to the invaluable information on the coming of the Solar Angels which it conveys.

The three groups should be carefully considered from the standpoint of their occult work, which is hinted at under the terms of:

luôn luôn trong ba nhóm của họ nhưng thay đổi các phương pháp được sử dụng tùy theo giai đoạn tiến hoá của hành tinh liên quan, và nghiệp quả của Chúa Tể hành tinh của nó.

151. Sẽ có những khác biệt trong cách họ hoạt động trên các hành tinh khác nhau.

152. Tuy nhiên, ba nhóm—biểu lộ qua các nguyên tử trường tồn manas, các thể nguyên nhân và các tam giác nguyên tử—sẽ luôn luôn được tìm thấy.

153. Đối với Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất, lý do cho sự can thiệp khá ngoạn mục của các Thái dương Thiên Thần chắc chắn mang tính nghiệp quả, nhưng cũng liên quan đến sự cần thiết phải đánh thức trái tim hành tinh.

154. Chúng ta giả định rằng vì các Thiên Thần này là "Những Trái Tim của Tình Yêu Rực Lửa", nên họ sẽ là những Đấng có vai trò hỗ trợ việc đánh thức toàn bộ trái tim hành tinh trong *mọi* hành tinh.

Phương pháp hoạt động của họ trên Trái Đất có thể được nghiên cứu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và hiện nay có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với con người.34 [Xem toàn bộ phần trước của *Giáo Lý Bí Nhiệm,* Tập II]

155. Một trong những đóng góp lớn của *Giáo Lý Bí Nhiệm* chính là thông tin vô giá mà tác phẩm này truyền đạt về sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần.

Ba nhóm nên được xem xét cẩn thận từ quan điểm công việc huyền bí của họ, điều được ám chỉ dưới các thuật ngữ sau:

156. It is not that the three groups discussed above are *exactly* those described immediately below, but there is a connection.

156. Không phải là ba nhóm được bàn ở trên *chính xác* là những nhóm được mô tả ngay bên dưới, nhưng có một mối liên hệ.

a. Those who refused to incarnate.

a. Những vị từ chối nhập thể.

157. This group is to be associated with those who express upon the highest two subplanes of the mental plane. Work upon those planes cannot be considered incarnation in the usual sense.

157. Nhóm này cần được liên kết với những vị biểu lộ trên hai cõi phụ cao nhất của cõi trí. Hoạt động trên các cõi ấy không thể được xem là nhập thể theo nghĩa thông thường.

b. Those who implanted the spark of manas.

b. Những vị cấy tia lửa manas.

158. Perhaps the second group who express through the causal bodies of man has much to do with the implantation of the spark of mind.

158. Có lẽ nhóm thứ hai, những vị biểu lộ qua các thể nguyên nhân của con người, có liên hệ rất nhiều với việc cấy tia lửa trí tuệ.

c. Those who took bodies and moulded the type.

c. Những vị nhận lấy thể xác và nắn đúc kiểu mẫu.

159. We must see, however, whether those who work through the atomic triangle are the same as those who took bodies and moulded the racial type.

159. Tuy nhiên, chúng ta phải xem liệu những vị hoạt động qua tam giác nguyên tử có phải cũng chính là những vị đã nhận lấy thể xác và nắn đúc kiểu mẫu chủng tộc hay không.

160. Type “c.” had a most distinctive method of service.

160. Loại “c.” có một phương pháp phụng sự hết sức đặc thù.

161. Let us tabulate the types of Solar Angels thus far listed looking for relationship between them:

161. Chúng ta hãy lập bảng các loại Thái dương Thiên Thần đã được liệt kê cho đến nay để tìm mối liên hệ giữa chúng:

a. Those connected to the logoic head center, and especially to a point within that head center representing the heart. These work in relation to the manasic permanent atom and

a. Những vị liên kết với trung tâm đầu logoic, và đặc biệt với một điểm trong trung tâm đầu ấy tượng trưng cho trái tim. Các vị này hoạt động trong liên hệ với nguyên tử

upon the first and second subplanes of the higher mental plane.

b. Those connected to the logoic heart center. These work in connection with the egoic lotus.

c. Those connected to the logoic throat center. These work with the members of the atomic triangle—the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom-

d. Those who refused to incarnate. We may link them with those under "a."

e. Those who implanted the spark of manas. Are these linked with those under "b."?

f. Those who took bodies and moulded the type. These seem to be in their own special category.

g. Although not listed here, there are those who "fanned" the germ of intelligence—presumably the mental unit. We see below that they really belong to the second group under "e."

trường tồn manas và trên cõi phụ thứ nhất và thứ hai của Cõi thượng trí.

b. Những vị liên kết với trung tâm tim logoic. Các vị này hoạt động trong liên hệ với Hoa Sen Chân Ngã.

c. Những vị liên kết với trung tâm cổ họng logoic. Các vị này hoạt động với các thành phần của tam giác nguyên tử—đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần-

d. Những vị từ chối nhập thể. Chúng ta có thể liên kết họ với những vị dưới mục "a."

e. Những vị cấy tia lửa manas. Phải chăng các vị này được liên kết với những vị dưới mục "b."?

f. Những vị nhận lấy thể xác và nắn đúc kiểu mẫu. Những vị này dường như thuộc một phạm trù đặc biệt riêng.

g. Dù không được liệt kê ở đây, vẫn có những vị đã "quạt bùng" mầm trí tuệ—có lẽ là đơn vị hạ trí. Chúng ta sẽ thấy bên dưới rằng họ thực sự thuộc về nhóm thứ hai dưới mục "e."

[Page 701]

[Page 701]

The second group, the intermediate, can be subdivided into two lesser groups:

a. Those who implant the spark of manas,

b. Those who fan and feed the latent flame in the best types of animal man,

Nhóm thứ hai, nhóm trung gian, có thể được chia thành hai nhóm nhỏ hơn:

a. Những vị cấy tia lửa manas,

b. Những vị quạt bùng và nuôi dưỡng ngọn lửa tiềm ẩn trong những loại người thú ưu tú nhất,

162. This is a very important distinction relating as it does to two great classifications of human beings upon our planet

h. We are not speaking of the distinction between Moon-chain humanity and Earth-chain humanity.

i. Rather we are speaking of relatively advanced Moon-chain *and* normal Earth-chain humanity (on the one hand) and of those very primitive groups which consists of many of those belonging to the aboriginal races and those still remaining in the savage state.

j. Of course there are quite a number of advanced souls who have incarnated in the least developed races. The more advanced souls are those in whom the spark of mind has been implanted. Some of them may even be those who individualized on the Moon-chain and later became associated with a Solar Angel, once they begin to incarnate on the Earth-chain and who have undertaken a special piece of service in relation to the lower races.

thus again making five.

163. We have been told of three major types, with the second type subdivided into two. It seems we have four instead of five. How is the Tibetan counting?

164. Perhaps, we can find five types in the following way, by incorporating a category found in another list:

a. Those who refused to incarnate and express upon the first subplanes of the higher mental plane

162. Đây là một sự phân biệt rất quan trọng vì nó liên hệ đến hai phân loại lớn của loài người trên hành tinh chúng ta

h. Chúng ta không nói đến sự phân biệt giữa nhân loại Dãy Mặt Trăng và nhân loại Dãy Địa Cầu.

i. Đúng hơn, chúng ta đang nói đến nhân loại Dãy Mặt Trăng tương đối tiến bộ *và* nhân loại Dãy Địa Cầu bình thường (một mặt), và những nhóm rất nguyên thủy gồm nhiều người thuộc các chủng tộc thổ dân và những người vẫn còn ở trạng thái hoang dã.

j. Dĩ nhiên có khá nhiều linh hồn tiến bộ đã nhập thể trong những chủng tộc kém phát triển nhất. Những linh hồn tiến bộ hơn là những vị nơi họ tia lửa trí tuệ đã được cấy vào. Một số trong họ thậm chí có thể là những vị đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng và về sau được liên kết với một Thái dương Thiên Thần, một khi họ bắt đầu nhập thể trên Dãy Địa Cầu và đã đảm nhận một phần công việc phụng sự đặc biệt liên hệ với các chủng tộc thấp hơn.

do đó lại thành năm.

163. Chúng ta đã được nói về ba loại chính, với loại thứ hai được chia thành hai. Dường như chúng ta có bốn thay vì năm. Chân sư Tây Tạng đang đếm như thế nào?

164. Có lẽ chúng ta có thể tìm ra năm loại theo cách sau, bằng cách đưa vào một phạm trù tìm thấy trong một danh sách khác:

a. Những vị từ chối nhập thể và biểu lộ trên các cõi phụ thứ nhất của Cõi thượng trí

b. Those who implanted the spark of mind and are associated with the development of the causal bodies of men

b. Những vị cấy tia lửa trí tuệ và được liên kết với sự phát triển các thể nguyên nhân của con người

c. Those who fanned the spark (and, in a way, are also to be associated with the causal bodies of man).

c. Những vị đã quạt bùng tia lửa (và theo một nghĩa nào đó, cũng được liên kết với các thể nguyên nhân của con người).

d. Those associated with and tending the atomic triangle (this group comes from another list).

d. Những vị được liên kết với và chăm nom tam giác nguyên tử (nhóm này đến từ một danh sách khác).

e. Those who incarnated in the racial form and moulded it. This is a particular grouping and probably very much a minority.

e. Những vị đã nhập thể trong hình tướng chủng tộc và nắn đúc nó. Đây là một nhóm đặc biệt và có lẽ là thiểu số rất nhỏ.

These statements have been accepted at their face value, but little attention is paid to the real meaning.

Những phát biểu này đã được chấp nhận theo nghĩa bề mặt của chúng, nhưng rất ít sự chú ý được dành cho ý nghĩa thực sự.

165. We will learn much about the different types of human beings if we understand how the various types of Solar Angels acted to stimulate them.

165. Chúng ta sẽ học được nhiều điều về các loại người khác nhau nếu hiểu được các loại Thái dương Thiên Thần khác nhau đã hành động như thế nào để kích thích họ.

166. It begins to become evident that we have not just *one* Solar Angels working with the human being but a number of them, of different scope and status. Perhaps all of them are but emanations of a higher, superordinate type.

166. Dần dần trở nên hiển nhiên rằng chúng ta không chỉ có *một* Thái dương Thiên Thần hoạt động với con người mà là một số vị, với phạm vi và địa vị khác nhau. Có lẽ tất cả họ chỉ là những phát xạ của một loại cao hơn, siêu trội hơn.

Much profit would come if the student would study the subject from the standpoint of energy, and of magnetic interaction.

Sẽ rất hữu ích nếu đạo sinh nghiên cứu chủ đề này từ quan điểm năng lượng và sự tương tác từ tính.

167. DK is trying to keep us from our tendency to anthropomorphism.

167. Chân sư DK đang cố giữ chúng ta khỏi khuynh hướng nhân cách hóa mọi sự.

168. We are not so much dealing with personalities as with energy interplay. The

168. Chúng ta không bàn đến các phàm ngã nhiều cho bằng bàn đến sự tương tác năng lượng. Sự tương tác của các Thái dương

interplay of the Solar Angels with man is a fifth ray science.

Thiên Thần với con người là một khoa học cung năm.

Those who refused to incarnate or to energise with their life the prepared forms, were acting under Law, and their opposition to incarnation in these forms was based on *magnetic repulsion*.

Những vị từ chối nhập thể hoặc từ chối tiếp sinh lực bằng sự sống của mình cho các hình tướng đã được chuẩn bị, đã hành động theo Định luật, và sự phản đối của họ đối với việc nhập thể trong các hình tướng này dựa trên *sự đẩy lùi từ tính*.

169. This is an important realization and prevents us from attaching moral judgments to the 'behavior' of certain of the Agnishvattas. The tone of judgment, however, does seem to appear in *The Secret Doctrine*

169. Đây là một sự chứng nghiệm quan trọng và ngăn chúng ta gán các phán đoán đạo đức vào "hành vi" của một số Agnishvattas. Tuy nhiên, giọng điệu phán xét dường như quả có xuất hiện trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*

They could not energise the forms provided, for it involved the opposition of that which is *occultly the same*. The lesser was not negative to the greater Life.

Họ không thể tiếp sinh lực cho các hình tướng được cung cấp, vì điều đó bao hàm sự đối kháng của cái mà *một cách huyền bí là cùng một thứ*. Cái thấp hơn không mang tính âm đối với Sự sống lớn hơn.

170. We recall that *negativity* (in this context) is equivalent to *receptivity*. The lower forms could not receive the impulse from the Agnishvattas associated with the manasic permanent atom because that form was not "negative to the greater Life".

170. Chúng ta nhớ rằng *tính âm* (trong ngữ cảnh này) tương đương với *tính tiếp nhận*. Các hình tướng thấp hơn không thể tiếp nhận xung lực từ các Agnishvattas liên kết với nguyên tử trường tồn manas vì hình tướng ấy không "mang tính âm đối với Sự sống lớn hơn".

171. DK seems to be telling us that the lower life form and the Agnishvattas concerned were *both* electrically of the same polarity, though their relative status was vastly different.

171. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng hình tướng sự sống thấp hơn và các Agnishvattas liên hệ đều *cùng* có cùng cực tính điện, dù địa vị tương đối của chúng khác biệt vô cùng lớn.

172. It must be the case, however, that the "lesser" *was* negative to certain of the Agnishvattas who implanted the spark of mind.

172. Tuy nhiên, hẳn phải là trường hợp rằng cái "thấp hơn" *đã* mang tính âm đối với một số Agnishvattas đã cấy tia lửa trí tuệ.

Where the Spark was implanted we have the receptivity of the negative aspect to the positive force and therefore the progress of the work.

Nơi nào Tia Lửa được cấy vào, ở đó chúng ta có tính tiếp nhận của phương diện âm đối với mãnh lực dương và do đó có sự tiến triển của công việc.

173. The suggestion is that the form of animal man (and, we may infer, the mental unit which arose on the fourth subplane of the mental plane through the approximation of instinct to intellect) *was* negative to the second order of Agnishvattas.

173. Gợi ý ở đây là hình tướng của người thú (và, chúng ta có thể suy ra, đơn vị hạ trí đã phát sinh trên cõi phụ thứ tư của cõi trí thông qua sự xích lại gần giữa bản năng và trí năng) *đã* mang tính âm đối với cấp thứ hai của các Agnishvattas.

174. It is not easy to see why the mental unit and the manasic permanent atom (at that time) should have been of the same polarity and, thus, occultly repulsive to each other.

174. Không dễ thấy vì sao đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas (vào thời điểm đó) lại có cùng cực tính và do đó, một cách huyền bí, đẩy lùi lẫn nhau.

175. We might say, speculatively, that, with *respect to animal man*, the mental unit carried the energy of the first ray and that this was the case for the manasic permanent atom as well.

175. Chúng ta có thể nói, theo giả thuyết, rằng, *xét theo người thú*, đơn vị hạ trí mang năng lượng của cung một và điều này cũng đúng đối với nguyên tử trường tồn manas.

In every case we have deva substance of one polarity energised by another polarity with the goal in view of producing—through their mutual interaction—a balancing of forces, and the attainment of a third type of electrical phenomena.

Trong mọi trường hợp, chúng ta có chất liệu thiên thần của một cực tính được tiếp sinh lực bởi một cực tính khác với mục tiêu là tạo ra—thông qua sự tương tác hỗ tương của chúng—sự quân bình các mãnh lực, và sự đạt đến một loại hiện tượng điện thứ ba.

176. How may we conceive of polarity in simple terms? Perhaps as the tendency to move out and towards (positive) or the tendency to remain 'in position' and receive (negative).

176. Chúng ta có thể hình dung cực tính theo những thuật ngữ đơn giản như thế nào? Có lẽ như khuynh hướng đi ra ngoài và hướng tới (dương), hoặc khuynh hướng ở nguyên "vị trí" và tiếp nhận (âm).

177. The "third type of electrical phenomena" is, we may infer, equilibrizing electricity about man knows little of anything—according to DK. We may imagine this as 'relational electricity'.

177. "Loại hiện tượng điện thứ ba" ấy, chúng ta có thể suy ra, là điện quân bình hóa mà con người hầu như không biết gì cả—theo Chân sư DK. Chúng ta có thể hình dung nó như "điện quan hệ".

The question of the coming of the Lords of Flame is discussed hereafter under the heading "Individualisation." At this point we are only dealing with the work of these chohanic forces in a systemic and cosmic sense.

Vấn đề sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa sẽ được bàn đến sau dưới tiêu đề "Biệt ngã hóa." Tại điểm này chúng ta chỉ đang đề cập đến công việc của các mãnh lực chohanic này theo ý nghĩa hệ thống và vũ trụ.

178. There are two ways to study the coming of the Lords of Flame: one is from the macrocosmic perspective and the other in relation to man—i.e., the microcosmic perspective.

178. Có hai cách để nghiên cứu sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa: một là từ viễn cảnh đại thiên địa và cách kia là trong liên hệ với con người—tức viễn cảnh tiểu thiên địa.

179. We note that the Solar Angels are to be considered a "chohanic forces" or as Chohans—of very high degree, so it would seem, as they are initiates of all degrees (at least with respect to man).

179. Chúng ta lưu ý rằng các Thái dương Thiên Thần được xem là các "mãnh lực chohanic" hoặc là các Chohans—dường như ở cấp độ rất cao, vì họ là các điểm đạo đồ ở mọi cấp (ít nhất là đối với con người).

These solar entities, being **liberated intelligent Essences** **were in pralaya of a secondary nature** when the time came for their reappearance in manifestation.

Các thực thể thái dương này, vì là **các Tinh Túy thông tuệ được giải thoát** **đã ở trong giai kỳ qui nguyên có tính thứ cấp** khi thời điểm đến để họ tái xuất hiện trong biểu hiện.

180. Other names or terms for Solar Angels are given:

180. Những tên gọi hay thuật ngữ khác dành cho các Thái dương Thiên Thần được nêu ra:

a. Solar entities

a. Các thực thể thái dương

b. Liberated intelligent Essences (and we note the capitalization of the term, "Essences"). Devas are often called E/essences.

b. Các Tinh Túy thông tuệ được giải thoát (và chúng ta lưu ý việc viết hoa thuật ngữ "Tinh Túy"). Các thiên thần thường được gọi là các tinh túy/Tinh Túy.

181. What is "pralaya of a secondary nature"? Were they called from Sirius or were they already in a state of suspension or pralaya *within* our solar system?

181. "Giai kỳ qui nguyên có tính thứ cấp" là gì? Phải chăng họ được gọi đến từ Sirius hay họ đã ở trong một trạng thái đình chỉ hay giai kỳ qui nguyên *trong* hệ mặt trời của chúng ta rồi?

182. Obviously there are many kinds of pralayas, depending upon the type of B/

182. Hiển nhiên có nhiều loại giai kỳ qui nguyên, tùy thuộc vào loại Hữu thể đã đi vào

being who has entered pralaya. A planetary pralaya is not the same as a solar systemic pralaya, or the pralaya of a Cosmic Logos or a Galactic Logos.

giai kỳ qui nguyên. Một giai kỳ qui nguyên hành tinh không giống với một giai kỳ qui nguyên hệ mặt trời, hay giai kỳ qui nguyên của một Thượng đế Vũ Trụ hay một Thượng đế Thiên Hà.

183. Chains, globes and rounds have has pralayas associated with them.

183. Các dãy, các bầu hành tinh và các cuộc tuần hoàn đều có những giai kỳ qui nguyên gắn liền với chúng.

184. The kind of pralaya concerned is probably an inter-systemic pralaya—the kind found between the manifestation of two solar systems.

184. Loại giai kỳ qui nguyên được nói đến ở đây có lẽ là một giai kỳ qui nguyên liên-hệ-thống—loại được thấy giữa sự biểu hiện của hai hệ mặt trời.

When the WORD sounded forth which produced desire in the Triad for self-expression,

Khi LINH TỪ được xướng ra, tạo nên khát vọng trong Tam nguyên tinh thần đối với sự tự biểu lộ,

185. Note, this suggests the intelligent will of the spiritual triad *before* the time of individualization.

185. Lưu ý, điều này gợi ý ý chí thông tuệ của Tam Nguyên Tinh Thần *trước* thời điểm biệt ngã hóa.

186. We see the term “desire” associated with the spiritual triad, compelling us to recognize desire as a factor which may reach from below to above or from above to below.

186. Chúng ta thấy thuật ngữ “khát vọng” được gắn với Tam Nguyên Tinh Thần, buộc chúng ta phải nhận ra khát vọng như một yếu tố có thể vươn từ dưới lên trên hoặc từ trên xuống dưới.

187. The factor within the spiritual triad to be related to desire is the buddhic faculty.

187. Yếu tố trong Tam Nguyên Tinh Thần cần được liên hệ với khát vọng là năng lực Bồ đề.

188. The desire of the spiritual triad is really an extension into triplicity of the desire of the Monad.

188. Khát vọng của Tam Nguyên Tinh Thần thực ra là sự mở rộng thành bộ ba của khát vọng của chân thần.

189. The “WORD” may have been a planetary Word or a solar logoic Word, or both. The likelihood is that the “WORD” was primarily solar logoic in nature.

189. “LINH TỪ” có thể là một Linh từ hành tinh hoặc một Linh từ của Thái dương Thượng đế, hoặc cả hai. Khả năng lớn là “LINH TỪ” trước hết mang bản chất của Thái dương Thượng đế.

and when the sound of the lower manifestation had blended with it, and had risen up into the Heavens, as the occult books express it,

và khi âm thanh của biểu hiện thấp hơn đã hòa trộn với nó, và đã dâng lên các cõi trời, như các sách huyền bí diễn tả,

190. We may be speaking in *cosmic* terms and of events which concern the Solar Logos on His own level.

190. Chúng ta có thể đang nói theo những thuật ngữ *vũ trụ* và về những biến cố liên quan đến Thái dương Thượng đế trên cấp độ riêng của Ngài.

191. Such processes would, of course, have microcosmic reflections.

191. Dĩ nhiên, các tiến trình như thế sẽ có những phản chiếu tiểu thiên địa.

192. But let us confine our thoughts to the cosmic physical plane. Something is occurring within the energy system of the Solar Logos which is intended to relate His cosmic etheric nature to His dense physical body.

192. Nhưng chúng ta hãy giới hạn tư tưởng của mình vào cõi hồng trần vũ trụ. Một điều gì đó đang xảy ra trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế, nhằm liên kết bản chất dĩ thái vũ trụ của Ngài với thể xác đậm đặc của Ngài.

193. A "WORD" goes forth which evokes the blending of sounds representing different aspects of the Solar Logos' nature. That blended sound (having arisen in response to a "WORD") becomes *invocative*—apparently in a cosmic sense for it is constellations which respond to the blended sound.

193. Một "LINH TỪ" được phát ra, gợi lên sự hòa trộn của các âm thanh tượng trưng cho những phương diện khác nhau trong bản chất của Thái dương Thượng đế. Âm thanh hòa trộn ấy (đã phát sinh để đáp ứng với một "LINH TỪ") trở nên *khẩn cầu*—rõ ràng theo nghĩa vũ trụ vì chính các chòm sao đáp ứng với âm thanh hòa trộn ấy.

[Page 702] an effect was produced which caused a response in certain allied constellations;

[Page 702] một hiệu quả đã được tạo ra khiến một số chòm sao đồng minh đáp ứng;

194. We have been given the name of certain constellations involved with the descent of the fifth principle into our solar system:

194. Chúng ta đã được cho biết tên của một số chòm sao liên quan đến sự giáng hạ của nguyên khí thứ năm vào hệ mặt trời của chúng ta:

a. Sirius

a. Sirius

b. Two of the stars of the Pleiades

b. Hai ngôi sao của Pleiades

c. A smaller constellation the name of which has not been given

c. Một chòm sao nhỏ hơn mà tên của nó chưa được nêu ra

195. Even though we may be speaking of human individualization, we must remember that the origin of such an event is both planetary and solar logoic in origin.

195. Dù chúng ta có thể đang nói về sự biệt ngã hóa của con người, chúng ta phải nhớ rằng nguồn gốc của một biến cố như thế vừa có tính hành tinh vừa có tính của Thái dương Thượng đế.

196. As well the three air constellations—Gemini, Libra and Aquarius—are all closely related to the manifestation of the Mind aspect within the Solar Logos.

196. Đồng thời, ba chòm sao khí—Song Tử, Thiên Bình và Bảo Bình—đều liên hệ mật thiết với sự biểu hiện của phương diện Trí Tuệ trong Thái dương Thượng đế.

197. One cannot forget, as well, the constellation Draco, the Dragon.

197. Cũng không thể quên chòm sao Draco, Con Rồng.

198. DK has spoken in very veiled terms about the sources of Manas to our solar system. A number of constellations or stars are either named or implied, but the differences in their functions are not elaborated.

198. Chân sư DK đã nói bằng những thuật ngữ rất che kín về các nguồn của Manas đối với hệ mặt trời của chúng ta. Một số chòm sao hay ngôi sao được nêu tên hoặc được hàm ý, nhưng sự khác biệt trong chức năng của chúng không được khai triển.

this set loose energy which swept into the solar system, carrying with it those solar angels who "rested in the Heart of God until the hour was come."

điều này đã giải phóng năng lượng tràn vào hệ mặt trời, mang theo những Thái dương Thiên Thần "đã an nghỉ trong Trái Tim của Thượng đế cho đến khi giờ điểm."

199. We have been given an answer to the question whether the secondary pralaya in which the Solar Angels were resting was intra-systemic or extra-systemic. Since the Solar Angels were carried into the solar system, the pralaya was *extra*-systemic.

199. Chúng ta đã được cho một câu trả lời cho câu hỏi liệu giai kỳ qui nguyên thứ cấp mà trong đó các Thái dương Thiên Thần đang an nghỉ là nội-hệ hay ngoài-hệ. Vì các Thái dương Thiên Thần được mang vào hệ mặt trời, nên giai kỳ qui nguyên ấy là *ngoài*-hệ.

200. On TCF 844, it is clearly that training to become a Solar Angel is offered on Sirius.

200. Ở TCF 844, rõ ràng là việc huấn luyện để trở thành một Thái dương Thiên Thần được cung cấp trên Sirius.

201. From this perspective, Sirius can be considered as an *extra*-systemic "God" within Whom the Solar Angels rested until their time had come to enter our solar system.

202. The factor of "rest" however suggests a pralaya in which no star need be manifest. It is also possible that the Solar Angels, trained on Sirius, could have re-associated with our Solar Logos during the time that Logos was in pralaya. The causal body of the Solar Logos would not disappear during such a pralaya, but the personality of the Logos would disappear. The causal body of a Logos (whether our Solar Logos or the Sirian Logos) could be considered the "Heart of God" for the egoic lotus is a *heart* center within the monadic auric egg.

203. Since the manasadevas are active in relation to *all* planets in our solar system, we cannot call the coming of the Lords of the Flame (as described here generically) an event which pertained only to the Earth-scheme.

204. The term "God" is, in occultism, generic and applicable to many possible levels of life and consciousness. We must follow the hints if we wish to know the occult 'location' of the "Heart of God".

205. Whatever this "God" may be (whether the Sirian Logos or our own Solar Logos), it is significant that the Solar Angels rested in its "Heart". We remember, in this

201. Từ góc nhìn này, Sirius có thể được xem như một "Thượng đế" *ngoài*-hệ mà trong Ngài các Thái dương Thiên Thần đã an nghỉ cho đến khi thời điểm đến để họ đi vào hệ mặt trời của chúng ta.

202. Tuy nhiên, yếu tố "an nghỉ" gợi ý một giai kỳ qui nguyên trong đó không cần ngôi sao nào phải biểu hiện. Cũng có thể các Thái dương Thiên Thần, được huấn luyện trên Sirius, đã có thể tái liên kết với Thái dương Thượng đế của chúng ta trong thời gian Thượng đế ấy ở trong giai kỳ qui nguyên. Thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế sẽ không biến mất trong một giai kỳ qui nguyên như thế, nhưng phàm ngã của Thượng đế sẽ biến mất. Thể nguyên nhân của một Thượng đế (dù là Thái dương Thượng đế của chúng ta hay Thượng đế Sirian) có thể được xem là "Trái Tim của Thượng đế" vì Hoa Sen Chân Ngã là một trung tâm *tim* trong noãn hào quang chân thần.

203. Vì các manasadevas hoạt động trong liên hệ với *mọi* hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta, nên chúng ta không thể gọi sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa (như được mô tả ở đây theo nghĩa tổng quát) là một biến cố chỉ liên quan đến hệ hành tinh Trái Đất.

204. Thuật ngữ "Thượng đế" trong huyền bí học là một thuật ngữ tổng quát và có thể áp dụng cho nhiều cấp độ sự sống và tâm thức khác nhau. Chúng ta phải lần theo các gợi ý nếu muốn biết "vị trí" huyền bí của "Trái Tim của Thượng đế".

205. "Thượng đế" này là gì đi nữa (dù là Sirian Logos hay chính Thái dương Thượng đế của chúng ta), điều đáng chú ý là các Thái dương Thiên Thần đã an nghỉ trong "Trái

connection, the connection of the Solar Angels with the logoic heart center and with that portion of the logoic head center which corresponds to the heart center.

Tim" của Ngài. Liên hệ với điều này, chúng ta nhớ đến mối liên hệ của các Thái dương Thiên Thần với trung tâm tim logoic và với phần của trung tâm đầu logoic tương ứng với trung tâm tim.

206. The Solar Angels are "Hearts of Fiery Love" and will always be associated with the heart in one way or another.

206. Các Thái dương Thiên Thần là "Những Trái Tim của Bác Ái Rực Lửa" và sẽ luôn luôn được liên kết với tim theo cách này hay cách khác.

207. If the Solar Angels rested in the causal body of our own Solar Logos until their time had arrived, they had already returned to our solar system from their training on Sirius.

207. Nếu các Thái dương Thiên Thần đã an nghỉ trong thể nguyên nhân của chính Thái dương Thượng đế của chúng ta cho đến khi thời điểm của họ đến, thì họ hẳn đã trở về hệ mặt trời của chúng ta từ quá trình huấn luyện trên Sirius.

208. Putting a possible chronology together:

208. Ghép lại một niên biểu khả dĩ:

a. The Solar Angel worked as human beings in the last solar system through which our Solar Logos expressed

a. Thái dương Thiên Thần đã hoạt động như những người nam và nữ trong hệ mặt trời trước, qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu lộ

b. They went to Sirius for training to become Solar Angels

b. Họ đã đến Sirius để được huấn luyện trở thành các Thái dương Thiên Thần

c. Our Solar Logos underwent a pralaya. Perhaps the Logos of Sirius also, in the interim, underwent a pralaya.

c. Thái dương Thượng đế của chúng ta đã trải qua một Giai kỳ qui nguyên. Có lẽ Logos của Sirius cũng vậy, trong khoảng thời gian xen giữa, đã trải qua một Giai kỳ qui nguyên.

d. The Solar Angels rested in pralaya either within the pralaya of our Solar Logos or in the pralaya of Sirius

d. Các Thái dương Thiên Thần đã an nghỉ trong Giai kỳ qui nguyên hoặc bên trong Giai kỳ qui nguyên của Thái dương Thượng đế của chúng ta hoặc trong Giai kỳ qui nguyên của Sirius

e. Our Solar Logos emerged from His pralaya and created a new solar system.

e. Thái dương Thượng đế của chúng ta đã xuất hiện khỏi Giai kỳ qui nguyên của Ngài và tạo ra một hệ mặt trời mới.

f. When the time was right the Solar Angels (now trained)

i. Either came in from Sirius into our solar system and through the Central Spiritual Sun and Heart of the Sun of our Solar Logos, thence to the planetary spheres where they were needed.

ii. Or, participated in the pralaya of our Solar Logos (after having been trained on Sirius) and remained associated with the solar logoic causal body on the cosmic mental plane, entering the planetary spheres at the right time

g. We remember that during stellar pralayas the causal body of the Logoi concerned would not disappear but would be the source from which a fresh incarnation on the lower eighteen cosmic subplanes would be generated.

Their appearance upon the mental plane brought about the union of Spirit and matter, and from this union was born a self-conscious Identity, the Ego.

209. Here is an important definition of the Ego. The Ego is not the Solar Angel but is a center of self-consciousness within the entire range of the consciousness of man. The consciousness of the Solar Angel, however, *participates* in the consciousness if the Ego. That solar angelic consciousness is, as it were, 'loaned' to the human Monad so that self-consciousness within the lower three worlds can be achieved.

210. When studying occultism we have to understand how one type of consciousness can be present within another and how a lower type of consciousness can be

f. Khi thời điểm chín muồi, các Thái dương Thiên Thần (nay đã được huấn luyện)

i. Hoặc đã từ Sirius đi vào hệ mặt trời của chúng ta và qua Mặt trời Tinh thần Trung Ương cùng Trái Tim của Mặt Trời của Thái dương Thượng đế của chúng ta, rồi từ đó đến các khối cầu hành tinh nơi họ được cần đến.

ii. Hoặc đã tham dự vào Giai kỳ qui nguyên của Thái dương Thượng đế của chúng ta (sau khi đã được huấn luyện trên Sirius) và vẫn liên kết với thể nguyên nhân logoic thái dương trên cõi trí vũ trụ, đi vào các khối cầu hành tinh vào đúng thời điểm

g. Chúng ta nhớ rằng trong các Giai kỳ qui nguyên tinh tú, thể nguyên nhân của các Thượng đế liên hệ sẽ không biến mất mà sẽ là nguồn từ đó một lần lâm phàm mới trên mười tám cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ sẽ được phát sinh.

Sự xuất hiện của họ trên cõi trí đã mang lại sự hợp nhất của tinh thần và vật chất, và từ sự hợp nhất này đã sinh ra một Bản Sắc có ngã thức, tức chân ngã.

209. Đây là một định nghĩa quan trọng về chân ngã. Chân ngã không phải là Thái dương Thiên Thần mà là một trung tâm ngã thức trong toàn bộ phạm vi tâm thức của con người. Tuy nhiên, tâm thức của Thái dương Thiên Thần *tham dự* vào tâm thức của chân ngã. Tâm thức thái dương thiên thần ấy, có thể nói như vậy, được "cho mượn" cho chân thần con người để ngã thức trong ba cõi thấp có thể đạt được.

210. Khi nghiên cứu huyền bí học, chúng ta phải thấu hiểu cách một loại tâm thức có thể hiện diện bên trong một loại khác và cách một loại tâm thức thấp hơn có thể được mở

expanded because it focuses within the presence of a higher consciousness.

rộng vì nó tập trung trong sự hiện diện của một tâm thức cao hơn.

211. The Solar Angel in its own way and on its own plane is already an Ego (as are all the greater Self-conscious Beings). The Solar Angel is therefore in a position to confer upon the limited consciousness of unindividualised animal-man, 'Egoship'.

211. Thái dương Thiên Thần theo cách riêng của mình và trên cõi riêng của mình vốn đã là một chân ngã (cũng như mọi Hữu thể ngã thức lớn lao hơn). Vì vậy, Thái dương Thiên Thần ở vào vị thế có thể ban cho tâm thức hạn hẹp của người-thú chưa biệt ngã hóa "tính chân ngã".

212. The consciousness of the human Monad is confined and made individual and the consciousness of the lower man (which is essentially the unself-conscious consciousness of the Monad-in-extension), is *elevated* to the state of self-consciousness.

212. Tâm thức của chân thần con người bị giới hạn và được làm thành cá thể, còn tâm thức của phàm nhân (vốn về bản chất là tâm thức vô ngã thức của Chân Thần-trong-sự-mở-rộng) thì được *nâng lên* đến trạng thái ngã thức.

On cosmic levels,

Trên các cấp độ vũ trụ,

213. This tells us that DK has been speaking of matters which transpire on the systemic plane and concern the microcosm, man.

213. Điều này cho chúng ta biết rằng Chân sư DK đã nói về những vấn đề diễn ra trên cõi hệ thống và liên quan đến tiểu thiên địa, tức con người.

an analogous process occurs in connection with such stupendous Identities as a solar Logos, and the septenary Lives.

một tiến trình tương tự xảy ra trong mối liên hệ với những Bản Sắc vĩ đại đến mức kinh người như một Thái dương Thượng đế và các Sự Sống thất phân.

214. DK is telling us of the birth of the planetary logoic Ego and of the solar logoic Ego.

214. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về sự ra đời của chân ngã logoic hành tinh và của chân ngã logoic thái dương.

215. As we study these great Entities we have to gain some idea of what it means to come to Self-realization (i.e., cosmic Individualization) as a Group Entity (i.e., a Planetary Logos) or as a Super-Group Entity (i.e., as a Solar Logos).

215. Khi nghiên cứu các Thực Thể vĩ đại này, chúng ta phải đạt được một ý niệm nào đó về ý nghĩa của việc đi đến chỗ tự chứng nghiệm (tức biệt ngã hóa vũ trụ) như một Thực Thể Nhóm (tức một Hành Tinh Thượng Đế) hay như một Thực Thể Siêu-Nhóm (tức một Thái dương Thượng đế).

216. It is difficult enough for us to grasp what it means for unindividualised animal man to acquire a sense of distinct identity through individualization. What is the real meaning, *in consciousness,* for a Planetary Logos or a Solar Logos to acquire a higher sense of identity which corresponds to human individualization?

216. Đối với chúng ta, việc nắm bắt ý nghĩa của chuyện người-thú chưa biệt ngã hóa đạt được cảm thức về bản sắc riêng biệt qua biệt ngã hóa đã đủ khó. Vậy ý nghĩa thực sự, *trong tâm thức,* là gì khi một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế đạt được một cảm thức cao hơn về bản sắc tương ứng với sự biệt ngã hóa của con người?

As the energy of a human being [the egoic energy] seeking incarnation passes down from the **plane of intensive purpose, the mental plane,** into the physical vehicle on the gaseous or fifth subplane, so a somewhat analogous stimulation takes place in the body logoic.

Khi năng lượng của một con người [năng lượng chân ngã] đang tìm cách lâm phàm đi xuống từ **cõi của mục đích mãnh liệt, cõi trí,** vào vận cụ hồng trần trên cõi phụ khí thể hay cõi phụ thứ năm, thì một sự kích thích phần nào tương tự cũng diễn ra trong thể logoic.

217. We are offered an analogy comparing the incarnational process of a human being and that of a Solar Logos.

217. Chúng ta được đưa ra một phép tương đồng so sánh tiến trình lâm phàm của một con người với tiến trình lâm phàm của một Thái dương Thượng đế.

218. It is illuminating to consider the mental plane as the "plane of intensive purpose". We presume that we can include the *entire mental plane* in the concept of "intensive purpose".

218. Thật soi sáng khi xem cõi trí là "cõi của mục đích mãnh liệt". Chúng ta giả định rằng có thể bao gồm *toàn bộ cõi trí* trong khái niệm "mục đích mãnh liệt".

219. As the energy of the Solar Logos passes from the cosmic mental plane it reaches the gaseous subplane of the cosmic physical plane (the systemic mental plane) and confers the stimulation which make the individualization process possible.

219. Khi năng lượng của Thái dương Thượng đế đi từ cõi trí vũ trụ, nó đạt đến cõi phụ khí thể của cõi hồng trần vũ trụ (cõi trí hệ thống) và ban ra sự kích thích khiến tiến trình biệt ngã hóa trở nên khả hữu.

220. Microcosmically, energy passes from the human Ego to the gaeous subplane of the systemic physical plane and causes a type of stimulation which makes life possible upon the dense physical subplanes—it becomes possible then to draw breath and for the

220. Ở cấp vi mô, năng lượng đi từ chân ngã con người đến cõi phụ khí thể của cõi hồng trần hệ thống và gây ra một loại kích thích khiến sự sống trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc trở nên khả hữu—khi ấy việc hít thở trở nên có thể và cõi hồng trần đậm đặc có thể được tiếp sinh lực bởi hơi thở.

dense physical plane to be vitalized by the breath.

A somewhat similar process can also be seen in connection with this energy in a human body as it stimulates the life of the individual cell, and brings about relatively its intelligent co-operation in group work, and its ability to take its place in the body corporate. It is so with the human Monads, the cells in the body logoic.

Một tiến trình phần nào tương tự cũng có thể được thấy trong mối liên hệ với năng lượng này trong một thể người khi nó kích thích sự sống của tế bào cá biệt, và tương đối mang lại sự hợp tác thông minh của nó trong công việc nhóm, cùng khả năng đảm nhận vị trí của nó trong cơ thể tập thể. Điều này cũng đúng với các chân thần con người, những tế bào trong thể logoic.

221. It is the energy of the human Ego on the higher mental plane which has, relatively, the ultimate responsible for stimulating the life of the individual cell within the human body.

221. Chính năng lượng của chân ngã con người trên cõi thượng trí, một cách tương đối, chịu trách nhiệm tối hậu trong việc kích thích sự sống của tế bào cá biệt trong thể người.

222. The solar logoic Ego (via the planetary logoic Ego) stimulates, similarly, the human Monads who are as "cells in the body logoic".

222. Tương tự như vậy, chân ngã logoic thái dương (thông qua chân ngã logoic hành tinh) kích thích các chân thần con người, vốn như những "tế bào trong thể logoic".

223. We may infer that the energy of life always derives from higher planes than the planes on which animation occurs.

223. Chúng ta có thể suy ra rằng năng lượng sự sống luôn luôn phát sinh từ những cõi cao hơn các cõi nơi sự linh hoạt hóa diễn ra.

When science recognizes this fact (which will scarcely be yet awhile) attention will be turned to the volatile essences of the body, to the heart centre particularly, and its relation to these gaseous elements.

Khi khoa học công nhận sự kiện này (điều này hầu như còn chưa thể xảy ra trong một thời gian nữa), sự chú ý sẽ được hướng đến các tinh chất dễ bay hơi của thể, đặc biệt là trung tâm tim, và mối liên hệ của nó với các nguyên tố khí thể này.

224. The "vital airs" appear to be etheric in nature but have effects within the gaseous elements or "volatile essences" of the physical body. Perhaps when the "vital airs" contact the gaseous elements of the body, these elements become "volatile".

224. Các "khí sinh lực" dường như có bản chất dĩ thái nhưng có tác động bên trong các nguyên tố khí thể hay "các tinh chất dễ bay hơi" của thể xác. Có lẽ khi các "khí sinh lực" tiếp xúc với các nguyên tố khí thể của thể, các nguyên tố này trở nên "dễ bay hơi".

225. Interestingly, the “vital airs” are pranic in nature, even though a term related to the gaseous element is used (namely “airs”) and the “volatile essences” seem to be gaseous even thought devas, which are etheric (i.e., subtler than densely physical) are often called “essences”.

225. Điều thú vị là các “khí sinh lực” có bản chất prana, dù một thuật ngữ liên hệ với nguyên tố khí được dùng (tức là “khí”), và các “tinh chất dễ bay hơi” dường như thuộc khí thể dù các thiên thần, vốn là dĩ thái (tức tinh tế hơn hồng trần đậm đặc), thường cũng được gọi là “tinh chất”.

The student will not go far astray if he regards the sum total of prana in the human body as constituting the vital or etheric body. This etheric body is formed entirely of energy currents, and is the substratum of living substance which underlies the dense physical form.

Đạo sinh sẽ không đi quá xa khỏi chân lý nếu y xem tổng số prana trong thể người là cấu thành thể sinh lực hay thể dĩ thái. Thể dĩ thái này được tạo thành hoàn toàn bằng các dòng năng lượng, và là nền chất liệu của chất liệu sống nằm bên dưới hình tướng hồng trần đậm đặc.

One term applied to this energy is the "vital airs." Prana is fivefold in its manifestation, thus corresponding to the five states of mind, the fifth principle and to the five modifications of the thinking principle. (LOS 329)

Một thuật ngữ được áp dụng cho năng lượng này là “các khí sinh lực.” Prana là ngũ phân trong biểu hiện của nó, do đó tương ứng với năm trạng thái của trí tuệ, nguyên khí thứ năm và năm biến đổi của nguyên khí tư tưởng. (LOS 329)

226. We should note how the words “essence” or “essences” are used both in connection with devic life (of the Solar Angels were called “Essences” as are other devas) and in relation to both pranic and gaseous flows within the body.

226. Chúng ta nên lưu ý cách các từ “tinh chất” hay “các tinh chất” được dùng cả trong mối liên hệ với sự sống thiên thần (các Thái dương Thiên Thần được gọi là “Tinh Chất”, cũng như các thiên thần khác) lẫn trong mối liên hệ với cả các dòng prana và các dòng khí thể trong thể.

The heart will be found to be not only the engine which circulates the life fluids, but also the generator of a certain type of intelligent essence which is the positive factor in the life of the cell.

Tim sẽ được thấy là không chỉ là động cơ tuần hoàn các lưu chất sự sống, mà còn là bộ phát sinh một loại tinh chất thông minh nào đó, vốn là yếu tố dương trong sự sống của tế bào.

227. We cannot tell whether DK is speaking in strictly physical terms or whether He is including the etheric body. Is the “intelligent essence which is the positive factor in the life of the cell” to be considered etheric? In one respect, it would seem that there would

227. Chúng ta không thể biết liệu Chân sư DK đang nói theo nghĩa hồng trần nghiêm ngặt hay Ngài có bao gồm cả thể dĩ thái hay không. “Tinh chất thông minh vốn là yếu tố dương trong sự sống của tế bào” có nên được xem là dĩ thái không? Ở một phương diện,

be justification for this. But as He is talking about heart and not the heart center per se, it may be that the "intelligent essence" is related to the gaseous level.

dường như có cơ sở để nghĩ như vậy. Nhưng vì Ngài đang nói về tim chứ không phải chính trung tâm tim, nên có thể "tinh chất thông minh" này liên hệ với cấp độ khí thể.

228. Can we say that the dense physical body is moulded by "intelligent essence"? If "essence" is etheric rather than gaseous, then yes. It is patterned prana which moulds the dense physical body.

228. Chúng ta có thể nói rằng thể xác hồng trần đậm đặc được nắn khuôn bởi "tinh chất thông minh" không? Nếu "tinh chất" là dĩ thái thay vì khí thể, thì có. Chính prana được mô hình hóa nắn khuôn thể xác hồng trần đậm đặc.

229. We know that the 'morphogenic field" produces form in dense physical matter. What are the devic properties of the morphogenic field?

229. Chúng ta biết rằng "trường hình thái phát sinh" tạo ra hình tướng trong vật chất hồng trần đậm đặc. Những đặc tính thiên thần của trường hình thái phát sinh là gì?

Some idea can be gathered from this as to the microcosmic process, for the individualization of the units is brought about through a macrocosmic happening which produces effects in the microcosm.

Từ điều này có thể thu được một ý niệm nào đó về tiến trình vi mô, vì sự biệt ngã hóa của các đơn vị được mang lại thông qua một biến cố đại thiên địa tạo ra các hiệu quả trong tiểu thiên địa.

230. This is exactly the point. DK was speaking of large, macrocosmic events even when discussing the individualization of the human being. The process begins far 'above' and has an eventual microcosmic effect.

230. Đây chính xác là điểm then chốt. Chân sư DK đã nói về những biến cố lớn lao của đại thiên địa ngay cả khi bàn về sự biệt ngã hóa của con người. Tiến trình bắt đầu rất cao "ở trên" và cuối cùng có một hiệu quả vi mô.

231. We are comparing microcosmic and macrocosmic methods of individualization and trying to learn about each as we examine the other.

231. Chúng ta đang so sánh các phương pháp biệt ngã hóa vi mô và đại thiên địa, đồng thời cố gắng học về mỗi bên khi khảo sát bên kia.

232. We are establishing the fact that it is a macrocosmic happening which produces the microcosmic effect called the individualization of animal man.

232. Chúng ta đang xác lập sự kiện rằng chính một biến cố đại thiên địa tạo ra hiệu quả vi mô được gọi là sự biệt ngã hóa của người-thú.

233. This reminds us that we are definitely part of "One in Whom we live and move and have our being".

233. Điều này nhắc chúng ta rằng chúng ta chắc chắn là một phần của "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu".

A final point here needs emphasising. Occultly understood, the five Kumaras or the five Mind-born Sons of Brahma are the embodiers of this manasic force on [Page 703] our planet;

Một điểm cuối cùng ở đây cần được nhấn mạnh. Theo cách hiểu huyền bí học, năm Kumara hay năm Con của Brahma sinh ra từ Trí Tuệ là những đấng thể hiện mãnh lực manas này trên [Page 703] hành tinh của chúng ta;

234. Here we are dealing with *intra*-planetary Kumaras. We might consider these Kumaras as the expressions of the Rays of Brahma—the third through seventh rays.

234. Ở đây chúng ta đang bàn đến các Kumara *nội*-hành tinh. Chúng ta có thể xem các Kumara này như những biểu hiện của các Cung của Brahma—từ cung ba đến cung bảy.

but They only reflect (in the Hierarchy of our planet)

nhưng Các Ngài chỉ phản chiếu (trong Thánh đoàn của hành tinh chúng ta)

235. Note that the Kumaras (Who are Shamballa Beings) are considered Members of the *Hierarchy* of our planet.

235. Hãy lưu ý rằng các Kumara (là các Hữu thể Shamballa) được xem là Thành viên của *Thánh đoàn* của hành tinh chúng ta.

236. The idea of the Spiritual Hierarchy is not confined to the Masters of the Wisdom, the Chohans and the Christ but includes Beings Who are focused within Shamballa.

236. Ý niệm về Thánh đoàn tinh thần không chỉ giới hạn ở các Chân sư Minh triết, các Chohan và Đức Christ mà còn bao gồm các Hữu thể tập trung trong Shamballa.

the function of the five Kumaras or Rishis who are the Lords of the five Rays manifesting through the four lesser planets and the synthesising planet.

chức năng của năm Kumara hay Rishi là các Chúa Tể của năm cung biểu lộ qua bốn hành tinh nhỏ hơn và hành tinh tổng hợp.

237. Our planetary Kumaras are reflections of the solar systemic Kumaras—the Lords of the "four lesser planets and the synthesizing planet". This synthesizing planet must be Saturn.

237. Các Kumara hành tinh của chúng ta là những phản chiếu của các Kumara hệ mặt trời—các Chúa Tể của "bốn hành tinh nhỏ hơn và hành tinh tổng hợp". Hành tinh tổng hợp này hẳn phải là Sao Thổ.

238. There are complications which arise when we try to determine which Planetary Logoi are the Lords of the "four lesser planets". Uranus, in our solar system, is the Lord of the Seventh Ray, but Uranus hardly manifests through a "lesser" planet. We have dealt with these matters quite exhaustively in earlier commentaries which focussed on planetary interrelationships.

238. Có những phức tạp nảy sinh khi chúng ta cố xác định Hành Tinh Thượng Đế nào là Chúa Tể của "bốn hành tinh nhỏ hơn". Sao Thiên Vương, trong hệ mặt trời của chúng ta, là Chúa Tể Cung bảy, nhưng Sao Thiên Vương hầu như không biểu lộ qua một hành tinh "nhỏ hơn". Chúng ta đã bàn đến những vấn đề này khá cặn kẽ trong các phần bình giải trước đây tập trung vào các tương quan liên hành tinh.

239. In any case, each of the planetary Kumaras reflects an extra-planetary Kumara Who is a Planetary Logos or Man.

239. Dù sao đi nữa, mỗi Kumara hành tinh đều phản chiếu một Kumara ngoài-hành tinh, Đấng là một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân.

240. We may be fairly certain that the Lords of Saturn, Mercury, Venus and Mars are included among these *Brahmic* Kumaras of the Earth-scheme. It is difficult to asses which Planetary Logos is reflected in the Earth-scheme Kumara of the seventh ray.

240. Chúng ta có thể khá chắc rằng các Chúa Tể của Sao Thổ, Sao Thủy, Sao Kim và Sao Hỏa nằm trong số các Kumara *Brahma* này của hệ hành tinh Địa Cầu. Thật khó đánh giá Hành Tinh Thượng Đế nào được phản chiếu trong Kumara cung bảy của hệ hành tinh Địa Cầu.

241. We can judge that the intra-planetary Kumaras are active at a globe level, a chain level and, as seems a necessity, at the scheme level.

241. Chúng ta có thể phán đoán rằng các Kumara nội-hành tinh hoạt động ở cấp độ bầu hành tinh, cấp độ dãy và, như dường như là điều tất yếu, ở cấp độ hệ hành tinh.

242. The intra-systemic Kumaras are Planetary Logoi.

242. Các Kumara nội-hệ thống là các Hành Tinh Thượng Đế.

These five Kumaras are the channels for this force and one of Them, the Lord of the planet Venus, embodies in Himself the function of the fifth Hierarchy.

Năm Kumara này là các kênh dẫn cho mãnh lực này và một trong Các Ngài, Chúa Tể của hành tinh Sao Kim, thể hiện trong chính Ngài chức năng của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm.

243. The fact that Venus is one of the extra-planetary Kumaras is confirmed.

243. Sự kiện Sao Kim là một trong các Kumara ngoài-hành tinh được xác nhận.

244. The Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels is intimately related to Venus.

244. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm của các Thái dương Thiên Thần có liên hệ mật thiết với Sao Kim.

245. We may look at Venus as the planetary source which stimulates the functions of the Fifth Creative Hierarchy within the Earth-scheme.

245. Chúng ta có thể xem Sao Kim là nguồn hành tinh kích thích các chức năng của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm trong hệ hành tinh Địa Cầu.

This accounts for the activity of Venus at the moment of individualisation in this round.

Điều này giải thích cho hoạt động của Sao Kim vào thời điểm biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn này.

246. The esoteric approach of Venus *to our Planetary Logos* at the time of the individualization of animal man on our chain and globe parallels the lesser approach of certain members of the Fifth Creative Hierarchy (the Solar Angels) to animal man at the same time. This event, we realize, occurred during the third rootrace of our globe and during the fourth round.

246. Sự tiếp cận huyền bí của Sao Kim *đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta* vào thời điểm biệt ngã hóa của người-thú trên dãy và bầu hành tinh của chúng ta song hành với sự tiếp cận nhỏ hơn của một số thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm (các Thái dương Thiên Thần) đối với người-thú vào cùng thời điểm ấy. Chúng ta nhận ra rằng biến cố này đã xảy ra trong giống dân gốc thứ ba của bầu hành tinh chúng ta và trong cuộc tuần hoàn thứ tư.

247. On a macrocosmic level, we have one Planetary Logos (more developed) approaching another (less developed).

247. Ở cấp độ đại thiên địa, chúng ta có một Hành Tinh Thượng Đế (phát triển hơn) tiếp cận một Hành Tinh Thượng Đế khác (kém phát triển hơn).

In the next round, this fifth Hierarchy will be utilising our Earth scheme in this way, and we shall then see manas in full fruition working out in the human family.

Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, Huyền Giai thứ năm này sẽ sử dụng hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta theo cách này, và khi đó chúng ta sẽ thấy manas trong sự viên mãn trọn vẹn vận hành trong gia đình nhân loại.

248. The work of the Fifth Creative Hierarchy relates to our entire planetary scheme.

248. Công việc của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm liên hệ đến toàn bộ hệ hành tinh của chúng ta.

249. Apparently the mode of approach at that time will be similar to the approach during our present round.

249. Rõ ràng phương thức tiếp cận vào thời điểm đó sẽ tương tự với sự tiếp cận trong cuộc tuần hoàn hiện nay của chúng ta.

250. As the next round is the fifth, the factor of manas will be highly emphasized and the Fifth Creative Hierarchy will be more empowered than it is presently. We are not to expect the *full* fruition of manas (as the Fifth Creative Hierarchy can stimulate it) until the next round—probably during the middle of the round at the time of the "Judgment Day".

250. Vì cuộc tuần hoàn kế tiếp là cuộc tuần hoàn thứ năm, yếu tố manas sẽ được nhấn mạnh rất cao và Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm sẽ được tăng quyền năng hơn hiện nay. Chúng ta không nên mong đợi sự viên mãn *trọn vẹn* của manas (theo cách Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm có thể kích thích nó) cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp—có lẽ vào giữa cuộc tuần hoàn, vào thời điểm “Ngày Phán Xét”.

251. We have been told that Manas will reach its efflorescence in the next five hundred years, but this only concerns the present round.

251. Chúng ta đã được cho biết rằng Manas sẽ đạt đến sự nở rộ trong năm trăm năm tới, nhưng điều này chỉ liên quan đến cuộc tuần hoàn hiện nay.

and it is worth while to note particularly that as far as the evolution of manas in this round is concerned its highest efflorescence may be looked for during the next five hundred years. (TCF 498)

và điều đáng đặc biệt lưu ý là xét theo sự tiến hoá của manas trong cuộc tuần hoàn này, sự nở rộ cao nhất của nó có thể được trông đợi trong năm trăm năm tới. (TCF 498)

252. We see that “efflorescence” is not the same as “full fruition”.

252. Chúng ta thấy rằng “sự nở rộ” không đồng nghĩa với “sự viên mãn trọn vẹn”.

This fifth Hierarchy of Agnishvattas in their many grades embody the "I principle" and are the producers of self-consciousness, and the builders of man's body of realisation.

Huyền Giai thứ năm của các Agnishvatta này trong nhiều cấp bậc của họ thể hiện “nguyên khí Tôi” và là những đấng tạo ra ngã thức, đồng thời là những đấng kiến tạo thể chứng nghiệm của con người.

253. The causal body is the body of *self*-realization.

253. Thể nguyên nhân là thể của sự *tự*-chứng nghiệm.

254. We note that there are “many” grades of Agnishvattas, just as there are many grades of human beings.

254. Chúng ta lưu ý rằng có “nhiều” cấp bậc Agnishvatta, cũng như có nhiều cấp bậc con người.

255. The embodiment of the "I principle" means that the energy of these devas promotes that type of reflexive perception which reveals a center seen as an "I" in the midst of the field of consciousness.

255. Việc thể hiện "nguyên khí Tôi" có nghĩa là năng lượng của các thiên thần này thúc đẩy loại tri giác phản chiếu tự thân, loại tri giác làm lộ ra một trung tâm được thấy như một "Tôi" ở giữa trường tâm thức.

In time and space, and on the mental plane, they are Man himself in essential essence;

Trong thời gian và không gian, và trên cõi trí, họ chính là Con Người trong tinh chất cốt yếu;

256. At least this is their *mode of expression*. We realize that because they are "returning Nirvanis" they are far more than man.

256. Ít nhất thì đó là *phương thức biểu lộ* của họ. Chúng ta nhận ra rằng vì họ là những nirvani trở lại, họ còn hơn cả con người rất nhiều.

257. For all practical purposes man is, "in essential essence" a *soul.* Still more essentially, He is a Monad.

257. Xét cho mọi mục đích thực tiễn, con người, "trong tinh chất cốt yếu", là một *linh hồn.* Còn cốt yếu hơn nữa, y là một chân thần.

258. DK is qualifying His statement, however, by telling us that it relates to "time and space" and is confined to the "mental plane". On the planes of the spiritual triad and of the Monad man is 'more himself' and does not depend upon the Solar Angel to assist in the establishment of his identity as he does upon the mental plane.

258. Tuy nhiên, Chân sư DK đang giới hạn phát biểu của Ngài bằng cách cho chúng ta biết rằng nó liên hệ đến "thời gian và không gian" và bị giới hạn trong "cõi trí". Trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần và của chân thần, con người "là chính mình hơn" và không phụ thuộc vào Thái dương Thiên Thần để trợ giúp trong việc thiết lập bản sắc của mình như y phụ thuộc trên cõi trí.

they enable him to build his own body of causes,

họ giúp y xây dựng thể nguyên nhân của chính mình,

259. Whereas the Solar Angels were responsible for the original construction of the causal body, man, through experience in the three worlds, can be said to "build his own body of causes".

259. Trong khi các Thái dương Thiên Thần chịu trách nhiệm cho việc kiến tạo ban đầu của thể nguyên nhân, con người, thông qua kinh nghiệm trong ba cõi giới, có thể được nói là "xây dựng thể nguyên nhân của chính mình".

để khai mở Hoa Sen Chân Ngã của chính mình, và dần dần giải thoát mình khỏi

to unfold his own egoic lotus, and gradually to free himself from the limitations of the form which he has constructed,

những giới hạn của hình tướng mà y đã kiến tạo,

260. He has constructed the qualitative aspect of causal body (or at least brought to it that which the Solar Angel builds in as quality) and must free himself, eventually, from this construct.

260. Y đã kiến tạo phương diện phẩm tính của thể nguyên nhân (hoặc ít nhất đã mang đến cho nó điều mà Thái dương Thiên Thần xây dựng vào như phẩm tính) và cuối cùng phải giải thoát mình khỏi cấu trúc này.

and thus to put himself—in due course of time — into the line of another type of energy, that of buddhi.

và như thế, theo tiến trình thời gian, đặt mình vào con đường của một loại năng lượng khác, đó là năng lượng của Bồ đề.

261. When the initiate is freed from the influence of the causal body, he is liberated into the world of buddhi—a world in which the realization of divine harmony becomes possible.

261. Khi điểm đạo đồ được giải thoát khỏi ảnh hưởng của thể nguyên nhân, y được giải phóng vào thế giới của Bồ đề—một thế giới trong đó sự chứng nghiệm về hòa điệu thiêng liêng trở nên khả hữu.

262. Through the conscious ministration of the Solar Angels, man is led into the realization of buddhi—a divine principle with which the Solar Angels are abundantly endowed for they are embodiments of the buddhic energy.

262. Qua sự phụng sự có ý thức của các Thái dương Thiên Thần, con người được dẫn vào sự chứng nghiệm về Bồ đề—một nguyên khí thiêng liêng mà các Thái dương Thiên Thần được phú cho rất dồi dào, vì họ là những hiện thân của năng lượng Bồ đề.

To word it otherwise, through Their work man can become conscious without the manasic vehicle, <u>for manas is but the form through which a higher principle is making itself known</u>.

Nói cách khác, qua công việc của Các Ngài, con người có thể trở nên có tâm thức mà không cần vận cụ manas, <u>vì manas chỉ là hình tướng qua đó một nguyên khí cao hơn đang tự biểu lộ</u>.

263. Via the work of the Solar Angels man supersedes the need for a manasic vehicle. He still retains (for a period) the mind of the spiritual triad (the abstract mind) but focusses increasingly in the “transcendental mind” (the intuition) which transcends the faculty of abstract mind.

263. Thông qua công việc của các Thái dương Thiên Thần, con người vượt qua nhu cầu về một vận cụ manas. Y vẫn giữ lại (trong một thời gian) trí của Tam Nguyên Tinh Thần (trí trừu tượng) nhưng ngày càng tập trung trong “Trí Tuệ Siêu Việt” (trực giác), vốn vượt lên trên năng lực của trí trừu tượng.

264. We note that *formal* nature of manas as simply the vehicle for a higher and formless principle.

264. Chúng ta lưu ý bản chất *hình tướng* của manas như chỉ là vận cụ cho một nguyên khí cao hơn và vô tướng.

265. As we see from the 'positioning' of the Fourth Creative Hierarchy, it is intended to express itself primarily upon the buddhic plane.

265. Như chúng ta thấy từ "vị trí" của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, nó được dự định biểu lộ chính yếu trên cõi Bồ đề.

The life of God

Sự sống của Thượng đế

266. This life is the very *being* of God, destined for various kinds of limited experiences through form or objectivity.

266. Sự sống này chính là *bản thể* của Thượng đế, được định cho nhiều loại kinh nghiệm giới hạn khác nhau thông qua hình tướng hay tính khách quan.

comes cyclically under the influence of the different Hierarchies or forces, all of which temporarily build for it a vehicle,

theo chu kỳ đi vào dưới ảnh hưởng của các Huyền Giai hay các mãnh lực khác nhau, tất cả những Huyền Giai ấy tạm thời kiến tạo cho nó một vận cụ,

267. The Creative Hierarchies are *builders.* They build vehicles for the experience and expression of the Life of God.

267. Các Huyền Giai Sáng Tạo là các *đấng kiến tạo.* Họ kiến tạo các vận cụ cho kinh nghiệm và sự biểu lộ của Sự sống của Thượng đế.

pass it through their substance, give to it in this way a certain quality or colouring, and increase thereby its vibratory capacity until eventually the life is set free from hierarchical limitation.

đưa nó đi qua chất liệu của mình, nhờ đó ban cho nó một phẩm tính hay sắc thái nào đó, và từ đó gia tăng năng lực rung động của nó cho đến khi cuối cùng sự sống được giải thoát khỏi giới hạn của Huyền Giai.

268. Let us tabulate the relationship of the Creative Hierarchies to the Life of God:

268. Chúng ta hãy lập bảng mối liên hệ của các Huyền Giai Sáng Tạo với Sự sống của Thượng đế:

a. The Creative Hierarchies bring the Life of God cyclically under their influence

a. Các Huyền Giai Sáng Tạo đưa Sự sống của Thượng đế theo chu kỳ vào dưới ảnh hưởng của mình

b. The Creative Hierarchies build temporary vehicles for the Life of God

b. Các Huyền Giai Sáng Tạo kiến tạo các vận cụ tạm thời cho Sự sống của Thượng đế

c. The Creative Hierarchies pass the Life of God through their own substance

c. Các Huyền Giai Sáng Tạo đưa Sự sống của Thượng đế đi qua chất liệu riêng của mình

d. The Creative Hierarchies impart to the Life of God a certain quality of coloring

d. Các Huyền Giai Sáng Tạo truyền cho Sự sống của Thượng đế một phẩm tính sắc thái nào đó

e. The Creative Hierarchies increase the vibratory capacity of the Life of God

e. Các Huyền Giai Sáng Tạo gia tăng năng lực rung động của Sự sống của Thượng đế

f. The Creative Hierarchies make possible the liberation of the Life of God from their own influence, exchanging the degree of limitation to which they have subjected the Life of God for a lesser degree of limitation under another and higher Creative Hierarchy.

f. Các Huyền Giai Sáng Tạo làm cho sự giải thoát của Sự sống của Thượng đế khỏi ảnh hưởng riêng của mình trở nên khả hữu, đổi mức độ giới hạn mà họ đã đặt lên Sự sống của Thượng đế lấy một mức độ giới hạn ít hơn dưới một Huyền Giai Sáng Tạo khác và cao hơn.

It then returns to its eternal Source plus the gain of its experiences and with the increased energy which is the result of its various transitions.

Khi đó nó trở về Nguồn cội vĩnh cửu của mình cùng với thành quả của các kinh nghiệm của nó và với năng lượng gia tăng là kết quả của các chuyển tiếp khác nhau của nó.

269. By means of the Creative Hierarchies, the Life of God returns to its Source *enriched in quality.*

269. Nhờ các Huyền Giai Sáng Tạo, Sự sống của Thượng đế trở về Nguồn cội của nó *được làm phong phú về phẩm tính.*

270. Below, we are given an important relationship between the Rays and the Creative Hierarchy. Elsewhere in TCF, however, a different and apparently quite opposite relationship is suggested.

270. Ở dưới đây, chúng ta được cho một mối liên hệ quan trọng giữa các cung và Huyền Giai Sáng Tạo. Tuy nhiên, ở nơi khác trong TCF, một mối liên hệ khác và dường như hoàn toàn đối nghịch lại được gợi ý.

Let us bear carefully in mind, that the Rays are the positive aspect in manifestation and pass down into [Page 704] negative matter, deva or hierarchical substance, thus causing certain evidences of activity.

Chúng ta hãy cẩn thận ghi nhớ rằng các cung là phương diện dương trong biểu hiện và đi xuống vào [Page 704] vật chất âm, chất liệu thiên thần hay chất liệu huyền giai, nhờ đó gây ra những biểu hiện hoạt

The Hierarchies are the negative aspect as far as the Rays are concerned and are responsive to Ray impulse.

271. In the section immediately above we are told of the positivity of the Rays when compared with "negative matter, deva or hierarchical substance". The Creative Hierarchy are the "negative aspect as far as the Rays are concerned and responsive to Ray impulse".

272. However, quite a different perspective is given in the following section:

There must not be confusion as to the distinction between the hierarchies of Beings and the seven Rays, for though there is close connection, there is no resemblance. **The "Rays" are but the primordial forms of certain Lives who "carry in their Hearts" all the Seeds of Form. The Hierarchies are the manifold groups of lives, at all stages of unfoldment and growth who will use the forms.**[31] (TCF 1194-1195)

273. If we confine ourselves to the cosmic physical plane, we can associate the Rays with the monadic plane and the Hierarchies with the logoic plane. Seven primordial forms are to be found on the monadic plane.

274. From this perspective, the Rays are the Planetary Logoi and the Creative Hierarchy are the lives which are resident within the causal body of the Solar Logos.

275. Seven primordial sounds (inducing seven primordial geometrical relationships) are the "Seeds of Form".

động nhất định. Các Huyền Giai là phương diện âm xét theo các cung và đáp ứng với xung động cung.

271. Trong đoạn ngay bên trên, chúng ta được cho biết về tính dương của các cung khi so với "vật chất âm, chất liệu thiên thần hay chất liệu huyền giai". Các Huyền Giai Sáng Tạo là "phương diện âm xét theo các cung và đáp ứng với xung động cung".

272. Tuy nhiên, một quan điểm khá khác được đưa ra trong đoạn sau:

Không được nhầm lẫn về sự phân biệt giữa các huyền giai của các Hữu thể và bảy cung, vì dù có liên hệ chặt chẽ, chúng không giống nhau. **"Các cung" chỉ là những hình tướng nguyên thủy của một số Sự Sống nhất định, những Đấng "mang trong Trái Tim Các Ngài" mọi Hạt Giống của Hình Tướng. Các Huyền Giai là những nhóm sự sống đa tạp, ở mọi giai đoạn khai mở và tăng trưởng, sẽ sử dụng các hình tướng.**31 (TCF 1194-1195)

273. Nếu chúng ta giới hạn mình trong cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta có thể liên kết các cung với cõi chân thần và các Huyền Giai với cõi logoic. Bảy hình tướng nguyên thủy được tìm thấy trên cõi chân thần.

274. Từ quan điểm này, các cung là các Hành Tinh Thượng Đế và các Huyền Giai Sáng Tạo là các sự sống cư ngụ trong thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế.

275. Bảy âm thanh nguyên thủy (gây ra bảy tương quan hình học nguyên thủy) là "các Hạt Giống của Hình Tướng".

The Rays are vehicles and are, therefore, negative receivers. The Hierarchies are the users of the vehicles, and it is the nature of these lives and the quality of their vibration which under this great Law of Attraction brings to them the needed forms. These are the two primal distinctions, Life and Form, and these two are the "Son of God," the second Person of the Trinity in His form-building aspect. They are the Builders and equally exist in three groups with their lesser differentiations. It is not necessary here to place these groups on certain planes in the solar system. (TCF 1194-1195)

Các cung là các vận cụ và vì vậy là những bộ tiếp nhận âm. Các Huyền Giai là những đấng sử dụng các vận cụ, và chính bản chất của các sự sống này cùng phẩm tính rung động của chúng, dưới Định luật Hấp Dẫn vĩ đại này, mang đến cho chúng những hình tướng cần thiết. Đây là hai sự phân biệt nguyên sơ, Sự sống và Hình tướng, và hai điều này là "Con của Thượng đế", Ngôi thứ hai của Tam Vị trong phương diện kiến tạo hình tướng của Ngài. Họ là các Đấng Kiến Tạo và cũng hiện hữu trong ba nhóm với những biến phân nhỏ hơn của mình. Ở đây không cần đặt các nhóm này trên những cõi nhất định trong hệ mặt trời. (TCF 1194-1195)

276. We will have to think very carefully in the attempt to understand how both points of view can be correct.

276. Chúng ta sẽ phải suy nghĩ rất cẩn trọng trong nỗ lực thấu hiểu làm sao cả hai quan điểm đều có thể đúng.

277. It could not be more clearly stated that "the Rays are vehicles and are, therefore, negative receivers. The Hierarchies are the users of the vehicles, and it is the nature of these lives and the quality of their vibration which under this great Law of Attraction brings to them the needed forms."

277. Không thể nói rõ hơn rằng "các cung là các vận cụ và vì vậy là những bộ tiếp nhận âm. Các Huyền Giai là những đấng sử dụng các vận cụ, và chính bản chất của các sự sống này cùng phẩm tính rung động của chúng, dưới Định luật Hấp Dẫn vĩ đại này, mang đến cho chúng những hình tướng cần thiết."

278. In the attempt to resolve this very *evident* (though, doubtlessly, only *apparent* contradiction), we may think of the Creative Hierarchies in relation to both the third and first aspects of divinity, but not in relation to the second—except, *in another context*, as expressions of vibrations emanating from the second row of petals in the solar logoic lotus on the cosmic mental plane.

278. Trong nỗ lực giải quyết sự mâu thuẫn rất *hiển nhiên* này (dù chắc chắn chỉ là *bề ngoài*), chúng ta có thể nghĩ về các Huyền Giai Sáng Tạo trong mối liên hệ với cả phương diện thứ ba và thứ nhất của thiên tính, nhưng không phải với phương diện thứ hai—trừ phi, *trong một bối cảnh khác*, như những biểu hiện của các rung động phát ra từ hàng cánh hoa thứ hai trong hoa sen logoic thái dương trên cõi trí vũ trụ.

They are also the expression of a vibration emanating from the second row of petals in

the logoic Lotus on the cosmic mental plane. (TCF 1225)

Chúng cũng là biểu hiện của một rung động phát ra từ hàng cánh hoa thứ hai trong Hoa Sen logoic trên cõi trí vũ trụ. (TCF 1225)

279. According to this hypothesis, when the Hierarchies represent the *third* aspect, the Rays are positive to them. We are then speaking of the *substance* aspect of the Hierarchies. The Rays, generically, always represent the second aspect of divinity.

279. Theo giả thuyết này, khi các Huyền Giai biểu hiện phương diện *thứ ba*, thì các Cung là dương đối với chúng. Khi ấy, chúng ta đang nói về phương diện *chất liệu* của các Huyền Giai. Các Cung, theo nghĩa tổng quát, luôn luôn biểu hiện phương diện thứ hai của thiên tính.

280. When we speak of the Creative Hierarchies in their *first* aspect, or consider them as Monads, then they are to be considered as *positive* to the second aspect represented by the Rays (which, when compared to the lives, are *qualitative*—representing aspects and attributes of those *lives*).

280. Khi chúng ta nói về các Huyền Giai Sáng Tạo trong phương diện *thứ nhất* của chúng, hoặc xem chúng như các chân thần, thì chúng phải được xem là *dương* đối với phương diện thứ hai được biểu hiện bởi các Cung (mà, khi so với các sự sống, thì là *phẩm tính*—biểu hiện các phương diện và thuộc tính của những *sự sống* ấy).

281. The Creative Hierarchies of Monads are the Lives. The Rays are the geometrized forms used by the Monads or Lives. The Hierarchies in their substance aspect are that which the Rays geometrize, thus creating form-substance vehicles for the expression of the Creative Hierarchies of Monads.

281. Các Huyền Giai Sáng Tạo của các chân thần là các Sự Sống. Các Cung là những hình thể được hình học hóa do các chân thần hay các Sự Sống sử dụng. Các Huyền Giai trong phương diện chất liệu của chúng là cái mà các Cung hình học hóa, nhờ đó tạo ra các vận cụ hình tướng-chất liệu để biểu hiện các Huyền Giai Sáng Tạo của các chân thần.

282. We must remember that groups of lesser Hierarchies can be informed by greater Hierarchies in such a way that the lesser Hierarchies become *vehicular* to the greater.

282. Chúng ta phải nhớ rằng các nhóm Huyền Giai nhỏ hơn có thể được các Huyền Giai lớn hơn thấm nhuần theo cách mà các Huyền Giai nhỏ hơn trở thành *vận cụ* cho các Huyền Giai lớn hơn.

283. All Hierarchies are structured by greater Rays and all Rays are the geometrical expression of still greater Hierarchies.

283. Mọi Huyền Giai đều được cấu trúc bởi các Cung lớn hơn và mọi Cung đều là biểu hiện hình học của những Huyền Giai còn lớn hơn nữa.

284. The Rays can only be simultaneously superior and inferior to the Creative

284. Các Cung chỉ có thể đồng thời cao hơn và thấp hơn các Huyền Giai Sáng Tạo nếu các

Hierarchies if the Creative Hierarchies can be seen from two different perspectives.

Huyền Giai Sáng Tạo có thể được nhìn từ hai góc độ khác nhau.

285. We seem to have a never ending ladder of life and form, and life and form—superior Rays structuring lesser Hierarchies and greater Hierarchies informing and expressing through Rays which are lesser to these greater Hierarchies and which express them.

285. Dường như chúng ta có một chiếc thang vô tận của sự sống và hình tướng, và sự sống và hình tướng—các Cung cao hơn cấu trúc các Huyền Giai thấp hơn và các Huyền Giai lớn hơn thấm nhuần và biểu hiện qua các Cung vốn thấp hơn các Huyền Giai lớn hơn ấy và biểu hiện chúng.

But within each Ray and each Hierarchy in this system a dual force again will be found. The Sons of God are bisexual.

Nhưng bên trong mỗi Cung và mỗi Huyền Giai trong hệ thống này, lại sẽ tìm thấy một mãnh lực kép. Các Con của Thượng đế là lưỡng tính.

286. Independently of the positive or negative nature of the Rays and Hierarchies with respect to each other, they are in themselves *dual.*

286. Bất kể bản chất dương hay âm của các Cung và các Huyền Giai đối với nhau, tự thân chúng là *kép.*

The deva substance is also dual, for **the evolutionary devas are the positive energy of the atom, cell or subhuman form, for instance, while the electrons or lesser lives within the form are negative.**

Chất liệu thiên thần cũng là kép, vì **các thiên thần thăng thượng tiến hoá là năng lượng dương của nguyên tử, tế bào hay hình tướng dưới nhân loại, chẳng hạn, trong khi các electron hay các sự sống nhỏ hơn bên trong hình tướng là âm.**

287. Deva substance seems to be contrasted with both the Rays and the Hierarchies and, thus, to make a third factor.

287. Chất liệu thiên thần dường như được đặt đối lập với cả các Cung lẫn các Huyền Giai và, như vậy, tạo thành một yếu tố thứ ba.

a. Evolutionary devas are the positive energy of the atom, cell or subhuman form

a. Các thiên thần thăng thượng tiến hoá là năng lượng dương của nguyên tử, tế bào hay hình tướng dưới nhân loại

b. The electrons are the lesser lives within the form and are negative.

b. Các electron là những sự sống nhỏ hơn bên trong hình tướng và là âm.

288. DK suggests that there exists a positive and negative polarity within each Ray and each Creative Hierarchy.

289. May it be that the positive aspect of the Ray is positive to the negative aspect of the Creative Hierarchy and that the positive aspect of the Creative Hierarchy is positive to the negative aspect of the Ray?

290. If we combine the three dualities we shall have a six-pointed star.

a. Rays are dual

b. Hierarchies are dual

c. The deva kingdom is dual

291. When DK speaks of devas as the positive energy of the atom, we are reminded of the following.

For purposes of clarification and of generalisation, it might be noted that the seventh Hierarchy is the life or energy found at the heart of every atom, its positive aspect, and the sixth Hierarchy is the life of the forms of all the etheric bodies of every tangible object. (EA 49-50)

292. We judge, then, that Creative Hierarchy Seven must be seen as composed of "evolutionary devas"

293. The question is far from solved. We have a few threads which we can pursue.

288. Chân sư DK gợi ý rằng có một cực tính dương và âm bên trong mỗi Cung và mỗi Huyền Giai Sáng Tạo.

289. Có thể nào phương diện dương của Cung là dương đối với phương diện âm của Huyền Giai Sáng Tạo và phương diện dương của Huyền Giai Sáng Tạo là dương đối với phương diện âm của Cung chăng?

290. Nếu chúng ta kết hợp ba nhị nguyên tính này, chúng ta sẽ có một ngôi sao sáu cánh.

a. Các Cung là kép

b. Các Huyền Giai là kép

c. Giới thiên thần là kép

291. Khi Chân sư DK nói về các thiên thần như năng lượng dương của nguyên tử, chúng ta được nhắc nhớ đến điều sau đây.

Vì mục đích làm sáng tỏ và khái quát hóa, cần lưu ý rằng Huyền Giai thứ bảy là sự sống hay năng lượng được tìm thấy nơi trung tâm của mọi nguyên tử, phương diện dương của nó, và Huyền Giai thứ sáu là sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái của mọi vật hữu hình. (EA 49-50)

292. Vì vậy, chúng ta phán đoán rằng Huyền Giai Sáng Tạo Bảy phải được xem là gồm các "thiên thần thăng thượng tiến hoá"

293. Câu hỏi này còn lâu mới được giải quyết. Chúng ta có một vài sợi chỉ mà mình có thể lần theo.

294. There are so many kinds of interactive lives, however;

a. We are rarely given complete a complete picture of the membership of any group of lives

b. We are rarely told how they interact with others groups of lives, of whom we have, again, only an incomplete picture

295. We emerge with the thought that for every Creative Hierarchy there will be a greater Ray or greater Rays, and for each such Ray or group of Rays, there will be a greater Creative Hierarchy which expresses through it.

296. Depending upon the perspective taken, a Creative Hierarchy can either be a *vehicle* to a Ray or can be *the informing life* of the Ray which expresses that Creative Hierarchy in form.

The mystery of the Manasaputras is hidden in this, and in the function of the fifth Hierarchy, and it is not possible to reveal more of it.

297. When DK speaks of the Manasaputras He may be speaking of the Solar Angels or of the Divine Manasaputras (the Heavenly Men). The foregoing material, however, has been mostly focussed on the Agnishvattas.

298. Every Divine Manasaputra appropriates a dense physical vehicle through the use of both lesser Manasaputras or Solar Angels

294. Tuy nhiên, có quá nhiều loại sự sống tương tác với nhau;

a. Chúng ta hiếm khi được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh về thành phần của bất kỳ nhóm sự sống nào

b. Chúng ta hiếm khi được biết chúng tương tác với các nhóm sự sống khác như thế nào, mà về các nhóm ấy, một lần nữa, chúng ta cũng chỉ có một bức tranh không hoàn chỉnh

295. Chúng ta đi đến ý nghĩ rằng đối với mỗi Huyền Giai Sáng Tạo sẽ có một Cung lớn hơn hay các Cung lớn hơn, và đối với mỗi Cung như vậy hay nhóm Cung như vậy, sẽ có một Huyền Giai Sáng Tạo lớn hơn biểu hiện qua nó.

296. Tùy theo góc nhìn được chọn, một Huyền Giai Sáng Tạo hoặc có thể là một *vận cụ* cho một Cung, hoặc có thể là *sự sống thấm nhuần* của Cung biểu hiện Huyền Giai Sáng Tạo ấy trong hình tướng.

Bí nhiệm của các Manasaputra được ẩn giấu trong điều này, và trong chức năng của Huyền Giai thứ năm, và không thể tiết lộ thêm về nó.

297. Khi Chân sư DK nói về các Manasaputra, Ngài có thể đang nói về các Thái dương Thiên Thần hoặc các Divine Manasaputra (các Đấng Thiên Nhân). Tuy nhiên, phần tài liệu trên đây phần lớn đã tập trung vào các Agnishvatta.

298. Mỗi Divine Manasaputra chiếm dụng một vận cụ hồng trần đậm đặc qua việc sử dụng cả các Manasaputra nhỏ hơn hay các Thái dương Thiên Thần lẫn các siêu Thái

and super Solar Angels or greater Manasaputras.

299. The two methods of appropriation must again be remembered:

a. When speaking of creating a physical body or *appearance* the super Solar Angels are required

b. When informing (with higher principles) the lower vehicles already created, the lesser Solar Angels are utilized. The body of appearance already *exists;* it has but to be informed with higher principles.

300. We have been through some very obscure material reminding us that the mystery of the Solar Angels is indeed, a *mystery*.

The secret of Buddhi, the sixth or Christ principle, which concerns these Sons of God, and the secret of the **fifth Hierarchy which is the vehicle or recipient of buddhi**, cannot be mentioned outside initiated circles.

301. What is being mentioned to us is not the "secret" of Buddhi or of the Fifth Creative Hierarchy, but merely the fact that there are such secrets.

302. Since mention is restricted to "initiated circles", it would not be possible to include such material in a book which can be purchased by the general public.

303. The important thing to gather from this section of text is that the Fifth Creative

dương Thiên Thần hay các Manasaputra lớn hơn.

299. Hai phương pháp chiếm dụng lại phải được ghi nhớ:

a. Khi nói về việc tạo ra một thể xác hay *sắc tướng* thì cần đến các siêu Thái dương Thiên Thần

b. Khi thấm nhuần (bằng các nguyên khí cao hơn) các vận cụ thấp đã được tạo ra rồi, các Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn được sử dụng. Thể sắc tướng ấy đã *hiện hữu;* nó chỉ cần được thấm nhuần bằng các nguyên khí cao hơn.

300. Chúng ta đã đi qua một số tài liệu rất tối nghĩa nhắc cho chúng ta rằng bí nhiệm của các Thái dương Thiên Thần quả thật là một *bí nhiệm*.

Bí mật của Bồ đề, nguyên khí thứ sáu hay nguyên khí Christ, liên quan đến các Con của Thượng đế này, và bí mật của **Huyền Giai thứ năm là vận cụ hay kẻ tiếp nhận Bồ đề**, không thể được đề cập bên ngoài các vòng tròn điểm đạo.

301. Điều đang được đề cập với chúng ta không phải là "bí mật" của Bồ đề hay của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm, mà chỉ đơn thuần là sự kiện rằng có những bí mật như thế.

302. Vì việc đề cập bị giới hạn trong "các vòng tròn điểm đạo", nên không thể đưa tài liệu như vậy vào một cuốn sách mà công chúng nói chung có thể mua được.

Hierarchy is the “vehicle or recipient of buddhi”.

303. Điều quan trọng cần rút ra từ phần văn bản này là Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm là “vận cụ hay kẻ tiếp nhận Bồ đề”.

304. We are dealing with a mystery of buddhi-manas. If the cosmic mental plane is involved with the expression of the Solar Angels can the cosmic buddhic plane also be involved when dealing with the secret of buddhi of the Christ Principle?

304. Chúng ta đang bàn đến một bí nhiệm của buddhi-manas. Nếu cõi trí vũ trụ có liên quan đến sự biểu hiện của các Thái dương Thiên Thần, thì cõi Bồ đề vũ trụ cũng có thể liên quan khi bàn đến bí mật của Bồ đề của Nguyên khí Christ chăng?

305. Is energy from the cosmic astral plane involved in the Solar Angel’s reception and distribution of buddhi?

305. Năng lượng từ cõi cảm dục vũ trụ có liên quan đến việc Thái dương Thiên Thần tiếp nhận và phân phối Bồ đề chăng?

306. DK tells gives us a hint about where spiritual conversation may be pursued—or *not* pursued.

306. Chân sư DK cho chúng ta một gợi ý về nơi mà cuộc đàm luận tinh thần có thể được tiếp tục—hoặc *không* được tiếp tục.

It holds hid the possibility of egoic unfoldment, and keeps secret the karma of the Heavenly Men, the five Kumaras.

Nó che giấu khả năng khai mở chân ngã, và giữ kín nghiệp quả của các Đấng Thiên Nhân, năm Kumaras.

307. The occultism only deepens.

307. Huyền bí học chỉ càng thêm sâu kín.

308. The word “it” is used and yet there are *two* secrets. May we consider the “it” as referring to the *combined secrets*?

308. Từ “nó” được dùng, vậy mà lại có *hai* bí mật. Chúng ta có thể xem “nó” là chỉ đến *các bí mật kết hợp* chăng?

309. If so, then the combined secrets of buddhi and of the Fifth Creative Hierarchy “hold hid the possibility of egoic unfoldment”. This unfoldment is achieved through the steady and intensifying application (through initiation) of the principle of buddhi.

309. Nếu vậy, thì các bí mật kết hợp của Bồ đề và của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm “che giấu khả năng khai mở chân ngã”. Sự khai mở này đạt được qua việc áp dụng đều đặn và ngày càng tăng cường (thông qua điểm đạo) nguyên khí Bồ đề.

310. Every Heavenly Man has karma. The karma of even our own Heavenly Man is secret to us.

310. Mỗi Đấng Thiên Nhân đều có nghiệp quả. Nghiệp quả của ngay cả Đấng Thiên Nhân của chính chúng ta cũng là điều bí mật đối với chúng ta.

311. DK is telling us that in these two secrets (of buddhi and of the Fifth Creative Hierarchy) the karma of the Heavenly Men is concealed.

312. In this respect, we should remember that Solar Angels are agents of karma as (for our purposes) they emanate from Sirius wherefrom the Intermediary Law of Karma emanates.

313. Buddhi has much to do with the power of harmonization. Karma is to be intelligently balanced (requiring manas) and harmonized (requiring buddhi). Perhaps on the buddhic plane, there lies the secret of exactly *what* must be harmonized with respect to each of the Heavenly Men.

314. We note that in this section of text, the Five Kumaras are no longer intra-planetary, but, rather, Heavenly Men. The same term, "Five Kumaras" is frequently used to designate both types of Kumaras, thus it is necessary to read carefully.

The fifth principle of manas is embodied in the five Kumaras, and if the student studies the **significance of the first five petals which are unfolded in the egoic lotus**, he may touch upon the fringe of the mystery

315. Five of the seven Kumaras express fivefold manas.

316. We are dealing with Kumaras as Planetary Logoi.

317. Again, we have fivefold Brahma related to the unfoldment of the first five petals.

311. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng trong hai bí mật này (về Bồ đề và về Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm), nghiệp quả của các Đấng Thiên Nhân được che giấu.

312. Về phương diện này, chúng ta nên nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần là các tác nhân của nghiệp quả vì (đối với mục đích của chúng ta) chúng phát xạ từ Sirius, nơi mà Định luật Trung Gian của Nghiệp Quả phát ra.

313. Bồ đề có liên quan rất nhiều đến quyền năng điều hòa. Nghiệp quả phải được quân bình một cách thông minh (đòi hỏi manas) và được điều hòa (đòi hỏi Bồ đề). Có lẽ trên cõi Bồ đề, chính trong đó có bí mật về chính xác *điều gì* phải được điều hòa đối với mỗi Đấng Thiên Nhân.

314. Chúng ta lưu ý rằng trong phần văn bản này, Năm Kumaras không còn là nội hành tinh nữa, mà đúng hơn là các Đấng Thiên Nhân. Cùng một thuật ngữ, "Năm Kumaras", thường được dùng để chỉ định cả hai loại Kumaras, vì thế cần đọc cẩn thận.

Nguyên khí thứ năm là manas được nhập thể trong năm Kumaras, và nếu đạo sinh nghiên cứu **thâm nghĩa của năm cánh hoa đầu tiên được khai mở trong hoa sen chân ngã**, y có thể chạm đến rìa của bí nhiệm

315. Năm trong bảy Kumaras biểu hiện manas ngũ phân.

316. Chúng ta đang bàn đến các Kumaras như các Hành Tinh Thượng Đế.

317. Một lần nữa, chúng ta có Brahma ngũ phân liên hệ với sự khai mở của năm cánh hoa đầu tiên.

318. The complete unfoldment of the fifth petal of the egoic lotus brings us to the point where the personality is integrated and the first initiation may be taken. At the commencement of that initiation, the first state of manasic unfoldment is completed.

318. Sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ năm của hoa sen chân ngã đưa chúng ta đến điểm mà phàm ngã được tích hợp và lần điểm đạo thứ nhất có thể được tiếp nhận. Vào lúc bắt đầu cuộc điểm đạo ấy, trạng thái khai mở manas đầu tiên được hoàn tất.

319. The personality is fivefold in the following manner:

319. Phàm ngã là ngũ phân theo cách sau:

c. Three lunar vehicles

c. Ba vận cụ thái âm

d. One synthesizing lunar vehicle—the personality

d. Một vận cụ thái âm tổng hợp—phàm ngã

e. One uniting personal-solar factor called ahamkara.

e. Một yếu tố cá nhân-thái dương hợp nhất gọi là ahamkara.

320. Leo is the fifth sign and rules, in one respect, the personality integrated in relation to the third aspect of divinity.

320. Leo là dấu hiệu thứ năm và cai quản, theo một phương diện, phàm ngã tích hợp trong liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

321. Leo can also represent a higher aspect of manas which is provided by solar angelic contact.

321. Leo cũng có thể biểu hiện một phương diện cao hơn của manas được cung cấp bởi sự tiếp xúc thiên thần thái dương.

322. The fifth petal is both ahamkaric (selfishly solar) and unitively solar.

322. Cánh hoa thứ năm vừa có tính ahamkara (ích kỷ theo nghĩa thái dương) vừa có tính hợp nhất thái dương.

323. It would seem that the influence of the first five Kumaras lead man to the point of the first initiation.

323. Dường như ảnh hưởng của năm Kumaras đầu tiên dẫn con người đến điểm của lần điểm đạo thứ nhất.

. The fifth Ray, which is the Ray of the fifth Kumara, is potently responsive to the energy flowing through the fifth Hierarchy.

. Cung năm, là cung của Kumara thứ Năm, đáp ứng một cách mạnh mẽ với năng lượng tuôn chảy qua Huyền Giai thứ năm.

324. What we may grasp from the above is that the fifth ray (as if functions in the lower three worlds) is very responsive to the

324. Điều chúng ta có thể nắm bắt từ phần trên là cung năm (khi hoạt động trong ba cõi thấp) rất đáp ứng với năng lượng tuôn chảy

energy flowing through the Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels.

qua Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm của các Thái dương Thiên Thần.

325. We could also be speaking of the influence of the higher prototype of the Fifth Creative Hierarchy and its influence upon the Fifth Kumara and Fifth Ray Lord.

325. Chúng ta cũng có thể đang nói về ảnh hưởng của nguyên mẫu cao hơn của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm và ảnh hưởng của nó lên Kumara thứ Năm và Đấng Chúa Tể Cung năm.

326. There is naturally a link between the liberated Taurus Creative Hierarchy which is associated with the fifth ray and the unliberated Capricorn Creative Hierarchy of Solar Angels which is also associated with the fifth ray. (One could therefore naturally link:

326. Tự nhiên có một mối liên kết giữa Huyền Giai Sáng Tạo Kim Ngưu đã được giải thoát, vốn gắn liền với cung năm, và Huyền Giai Sáng Tạo Ma Kết chưa được giải thoát của các Thái dương Thiên Thần, cũng gắn liền với cung năm. (Do đó, người ta tự nhiên có thể liên kết:

a. The Third liberated Creative Hierarchy under Pisces with the third manifested Hierarchy under Libra

a. Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát Thứ Ba dưới Pisces với Huyền Giai biểu hiện thứ ba dưới Libra

b. The Fourth liberated Creative Hierarchy under Aries with the Fourth manifested Creative Hierarchy under Scorpio.

b. Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát Thứ Tư dưới Aries với Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện Thứ Tư dưới Scorpio.

c. The Fifth liberated Creative Hierarchy under Taurus with the Fifth manifested Creative Hierarchy under Capricorn.

c. Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát Thứ Năm dưới Taurus với Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện Thứ Năm dưới Capricorn.

d. The Sixth liberated Creative Hierarchy under Gemini with the Sixth manifested Creative Hierarchy under Sagittarius.

d. Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát Thứ Sáu dưới Gemini với Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện Thứ Sáu dưới Sagittarius.

e. The Seventh almost liberated Creative Hierarchy under Cancer with the Seventh manifested Creative Hierarchy under Aquarius.

e. Huyền Giai Sáng Tạo gần như được giải thoát Thứ Bảy dưới Cancer với Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện Thứ Bảy dưới Aquarius.

327. There are many energy flows which can be studied through a close examination of the two charts found in EA, 34 and 35.

327. Có nhiều dòng năng lượng có thể được nghiên cứu qua việc khảo sát kỹ hai biểu đồ trong EA, 34 và 35.

328. It is very clear that there is a close connection between the five liberated Creative Hierarchies (liberated from the cosmic physical plane—except for the Cancer Creative Hierarchy which is not *entirely* liberated), the five intra-planetary Kumaras, and the five Divine Kumaras or Heavenly Man Who were liberated from the previous solar system.

328. Rất rõ ràng là có một mối liên hệ chặt chẽ giữa năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát (được giải thoát khỏi cõi hồng trần vũ trụ—ngoại trừ Huyền Giai Sáng Tạo Cancer chưa được giải thoát *hoàn toàn*), năm Kumaras nội hành tinh, và năm Divine Kumaras hay Đấng Thiên Nhân đã được giải thoát khỏi hệ mặt trời trước.

The statement has been made with entire accuracy that **five Hierarchies out of the twelve have passed out and that seven remain**. Of these seven, our human Hierarchy is the fourth, making it literally the ninth when counting the entire twelve. **In this connection it would be well to link up the statements that have been made to the effect that the five Kumaras or Heavenly Men Who definitely embody the manasic principle** (or the five Rays over which the systemic correspondence to the Mahachohan presides) developed manas in an earlier system; They passed out of the wave of manasic influence *as far as their own Nature is concerned*. (TCF 363-364)

Lời khẳng định đã được đưa ra với sự chính xác hoàn toàn rằng **năm Huyền Giai trong số mười hai đã vượt ra ngoài và bảy Huyền Giai còn lại**. Trong bảy Huyền Giai này, Huyền Giai nhân loại của chúng ta là Huyền Giai thứ tư, khiến nó theo nghĩa đen là thứ chín khi tính toàn bộ mười hai. **Trong mối liên hệ này, sẽ là điều tốt nếu liên kết các phát biểu đã được đưa ra theo đó năm Kumaras hay các Đấng Thiên Nhân là những Đấng nhất định nhập thể nguyên khí manas** (hay năm Cung mà tương ứng hệ thống với Đức Mahachohan chủ trì) đã phát triển manas trong một hệ thống trước; Các Ngài đã vượt ra khỏi làn sóng ảnh hưởng manas *xét theo Bản chất riêng của Các Ngài*. (TCF 363-364)

329. What is the "systemic correspondence to the Mahachohan"? Can we say it is Saturn?

329. "Tương ứng hệ thống với Đức Mahachohan" là gì? Chúng ta có thể nói đó là Saturn chăng?

330. Can we definitely say that the five liberated Creative Hierarchies focussed on the cosmic astral plane—or, in one case, nearly so—are equivalent to the five intra-planetary Kumaras? This is a profound question and with no easy answer.

330. Chúng ta có thể khẳng định dứt khoát rằng năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ—hay, trong một trường hợp, gần như vậy—tương đương với năm Kumaras nội hành tinh chăng? Đây là một câu hỏi sâu xa và không có câu trả lời dễ dàng.

331. If one can link the five liberated Creative Hierarchies along with the five intra-planetary Kumaras, then one of the

331. Nếu người ta có thể liên kết năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát với năm Kumaras nội hành tinh, thì một trong các

Creative Hierarchies *is* Sanat Kumara (in one of His forms of expression). Could this be the Pisces Creative Hierarchy?

Huyền Giai Sáng Tạo *là* Đức Sanat Kumara (trong một trong những hình thức biểu hiện của Ngài). Có thể đó là Huyền Giai Sáng Tạo Pisces chăng?

332. We are told that the fifth ray is the ray of the Fifth Kumara. When we look at the Table of Liberated Hierarchies (EA 34), how can we justify the Taurus Creative Hierarchy as the *fifth.* We can only do so if two more Hierarchies (found above the Third Liberated Creative Hierarchy) are not designated.

332. Chúng ta được bảo rằng cung năm là cung của Kumara thứ Năm. Khi nhìn vào Bảng các Huyền Giai được Giải Thoát (EA 34), làm sao chúng ta có thể biện minh cho Huyền Giai Sáng Tạo Taurus là Huyền Giai *thứ năm*? Chúng ta chỉ có thể làm như vậy nếu hai Huyền Giai nữa (nằm trên Huyền Giai Sáng Tạo được Giải Thoát Thứ Ba) không được chỉ định.

333. It is not yet clear whether this line of thought is warranted. It is far from substantiated.

333. Hiện vẫn chưa rõ liệu đường lối tư tưởng này có xác đáng hay không. Nó còn lâu mới được chứng thực.

334. In the section below, VSK offers much food for thought. These matters will be taken up in greater detail when we reach the section of text indicated.

334. Trong phần dưới đây, VSK đưa ra nhiều điều đáng suy ngẫm. Những vấn đề này sẽ được bàn đến chi tiết hơn khi chúng ta đến phần văn bản được chỉ ra.

VSK offers some thoughts for pondering: The fifth ray Kumara is associated with the sign Taurus, and we note that its symbol (TCF1225) and the symbol of all liberated Hierarchies involve a bird. These are the only two living symbols. Taurus is “a bird with plumage dark and the eye of radiant fire”. All five taken as one is “a bird of green and gold plumage with five wings outspread” and escaping from a blazing altar. Are they not the same bird? The *five* is in a way an eye or way of escape and entrance for the bird, the spirit out of time and space, to enter from liberated life, back into the seventh subplane. Taurus would be the mind on the cosmic astral. Therefore, would all subplanes be controlled 'vitally' (e.g. an eye from the astral plane) -- via the mind of the cosmic astral? (Gemini then would be the sacral; Cancer base -- physical. Aries, fourth

VSK đưa ra một vài suy tưởng để chiêm nghiệm: Kumara cung năm gắn liền với dấu hiệu Taurus, và chúng ta lưu ý rằng biểu tượng của nó (TCF1225) và biểu tượng của mọi Huyền Giai được giải thoát đều bao hàm một con chim. Đây là hai biểu tượng sống duy nhất. Taurus là “một con chim với bộ lông sẫm và con mắt của lửa rực sáng”. Cả năm, khi được xem là một, là “một con chim với bộ lông xanh lục và vàng, năm cánh dang rộng” và thoát ra khỏi một bàn thờ rực cháy. Chẳng phải chúng là cùng một con chim sao? Con số *năm* theo một cách nào đó là một con mắt hay một lối thoát và lối vào cho con chim, tinh thần vượt ngoài thời gian và không gian, đi vào từ sự sống được giải thoát, trở lại cõi phụ thứ bảy. Taurus sẽ là trí tuệ trên cõi cảm dục vũ trụ. Vậy thì, phải chăng mọi cõi phụ đều được kiểm soát một cách “thiết yếu” (thí dụ, như một con mắt từ

ray Kumara, the buddhic vision, and Pisces, the third ray Kumara, as the most evolved (arguably) and so that which is, third solar system excellence, third ray, or atmic running in control (for this world period.) Anyway, in some way / level Taurus is the astral midway point -- the love-love petal, which is mind. Light through Knowledge.

cõi cảm dục) -- thông qua trí tuệ của cõi cảm dục vũ trụ? (Khi ấy Gemini sẽ là xương cùng; Cancer là đáy cột sống -- hồng trần. Aries, Kumara cung bốn, là linh thị Bồ đề, và Pisces, Kumara cung ba, là Đấng tiến hóa nhất (có thể tranh luận) và do đó là cái vốn là sự ưu việt của hệ mặt trời thứ ba, cung ba, hay atma vận hành trong sự kiểm soát (đối với chu kỳ thế giới này). Dù sao đi nữa, ở một cách thức / cấp độ nào đó Taurus là điểm ở giữa cảm dục -- cánh hoa bác ái-bác ái, vốn là trí tuệ. Ánh sáng xuyên qua Tri thức.

As the student of occultism knows, the Lord of the fifth Ray holds that place in the Septenary enumeration,

Như đạo sinh huyền bí học biết, Đấng Chúa Tể của cung năm giữ vị trí ấy trong sự liệt kê thất phân,

335. "That place" is the fifth place.

335. "Vị trí ấy" là vị trí thứ năm.

but under the fivefold classification, he holds the third or middle place.

nhưng dưới sự phân loại ngũ phân, ông giữ vị trí thứ ba hay vị trí ở giữa.

1. The cosmic Lord of Will or Power.

1. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Ý Chí hay Quyền Năng.

2. The cosmic Lord of Love-Wisdom.

2. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Bác Ái – Minh Triết.

3. The cosmic Lord of Active Intelligence.....1.

3. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Trí Tuệ Hoạt Động.....1.

4. The cosmic Lord of Harmony.....2.

4. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Hài Hòa.....2.

5. The cosmic Lord of Concrete Knowledge.....3.

5. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Tri Thức Cụ Thể.....3.

6. The cosmic Lord of Abstract Idealism.....4.

6. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Lý Tưởng Trừu Tượng.....4.

7. The cosmic Lord of Ceremonial Magic.....5.

7. Đấng Chúa Tể vũ trụ của Huyền Thuật Nghi Lễ.....5.

336. We studied this table earlier in our commentaries.

336. Chúng ta đã nghiên cứu bảng này trước đây trong các phần bình giải của mình.

337. It is important to realize the implications of the following relations:

337. Điều quan trọng là nhận ra các hàm ý của những tương quan sau:

f. 3—1

f. 3—1

g. 4—2

g. 4—2

h. 5—3

h. 5—3

i. 6—4

i. 6—4

j. 7—5

j. 7—5

338. These relationships have been quite thoroughly developed in an earlier Commentary.

338. Những tương quan này đã được triển khai khá kỹ trong một phần Bình Giải trước đó.

339. The atmic plane expresses both third and first ray energies

339. Cõi atma biểu hiện cả năng lượng cung ba lẫn cung một

340. The buddhic plane expresses both fourth and second ray energies.

340. Cõi Bồ đề biểu hiện cả năng lượng cung bốn lẫn cung hai.

341. The mental plane expresses both fifth and third ray energies

341. Cõi trí biểu hiện cả năng lượng cung năm lẫn cung ba

342. The astral plane expresses both sixth and fourth ray energies

342. Cõi cảm dục biểu hiện cả năng lượng cung sáu lẫn cung bốn

343. Does the dense physical plane express fifth ray energies as well as the usual seventh ray energies? Perhaps, as the fifth ray is one of the major rays of *concretion.* Vulcan, is much associated with the physical plane, with mineral kingdom, with the fifth ray of concretion and density and with the seventh ray of rhythm.

343. Cõi hồng trần đậm đặc có biểu hiện các năng lượng cung năm cũng như các năng lượng cung bảy thông thường chăng? Có lẽ có, vì cung năm là một trong những cung chính của sự *cụ thể hóa.* Vulcan gắn liền rất nhiều với cõi hồng trần, với giới kim thạch, với cung năm của sự cụ thể hóa và đậm đặc, và với cung bảy của nhịp điệu.

344. For a more thorough discussion consult the appropriate earlier commentary.

344. Để có một cuộc thảo luận thấu đáo hơn, hãy tham khảo phần bình giải thích hợp trước đó.

[Page 705]

[Page 705]

This should be pondered on, and His close connection therefore, as a transmitter of force within the Moon chain, the third chain, in connection with the third kingdom, the animal, and with the third round, must be borne in mind.

Điều này nên được chiêm ngưỡng, và vì thế mối liên hệ mật thiết của ông ở đó, như một kẻ truyền dẫn mãnh lực bên trong Dãy Mặt Trăng, dãy thứ ba, liên hệ với giới thứ ba, giới động vật, và với cuộc tuần hoàn thứ ba, phải được ghi nhớ.

345. DK is noting the link between the brahmic link between the Fifth Ray Lord and the number three.

345. Chân sư DK đang lưu ý mối liên kết Brahma giữa Đấng Chúa Tể Cung năm và con số ba.

346. DK links the Fifth Ray Lord to:

346. Chân sư DK liên kết Đấng Chúa Tể Cung năm với:

k. The Moon-chain—the *third* chain

k. Dãy Mặt Trăng—dãy *thứ ba*

l. The *third* kingdom, the animal kingdom

l. Giới *thứ ba*, giới động vật

m. The *third* round

m. Cuộc tuần hoàn *thứ ba*

347. The relationship between the numbers five and three (in relation to the Moon) are also evident in the following:

347. Mối liên hệ giữa các số năm và ba (liên quan đến Mặt Trăng) cũng hiển nhiên trong điều sau đây:

1. Individualisation upon the moon chain took place in the fifth race of the third round. (EP II 209)

1. Biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng đã diễn ra trong nhân loại thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ ba. (EP II 209)

One symbol that may be found in the archaic records in lieu of His Name or description is an **inverted five-pointed star**, with the luminous Triangle at the centre.

Một biểu tượng có thể được tìm thấy trong các cổ thư thay cho Danh xưng hay mô tả của ông là một **ngôi sao năm cánh ngược**, với Tam giác sáng chói ở trung tâm.

348. Vì biểu tượng này tượng trưng cho Chúa Tể của Tri Thức Cụ Thể, chúng ta

348. Since this symbol stands for the Lord of Concrete Knowledge, we cannot consider it a negative symbol.

348. không thể xem nó là một biểu tượng tiêu cực.

349. The inverted five-pointed star suggests concretion and is related to the most concrete of all the signs—Capricorn.

349. Ngôi sao năm cánh ngược gợi ý sự cụ thể hóa và liên hệ với dấu hiệu cụ thể nhất trong mọi dấu hiệu—Capricorn.

350. Two of the potentials found within the Fifth Ray Lord are indicated in this symbol:

350. Hai tiềm năng được tìm thấy bên trong Đấng Chúa Tể Cung năm được chỉ ra trong biểu tượng này:

a. The inverted five-pointed star stands for the *concrete* mind

a. Ngôi sao năm cánh ngược tượng trưng cho trí *cụ thể*

b. The "luminous Triangle at the center" stands for the soul and the soul potentials which arise when the concrete mind is properly used in relation to the principle of love.

b. "Tam giác sáng chói ở trung tâm" tượng trưng cho linh hồn và các tiềm năng của linh hồn phát sinh khi trí cụ thể được sử dụng đúng đắn trong liên hệ với nguyên khí bác ái.

c. We must ask, however, if the triangle is also inverted? If so, the meaning could be conceived as very negative and form-bound.

c. Tuy nhiên, chúng ta phải hỏi liệu tam giác ấy cũng có bị đảo ngược không? Nếu vậy, ý nghĩa có thể bị quan niệm là rất tiêu cực và bị trói buộc vào hình tướng.

It will be noted that the points involved in this symbol number eight—a picture of that peculiar state of consciousness brought about when the mind is seen to be the slayer of the Real.

Cần lưu ý rằng các điểm liên quan trong biểu tượng này là tám—một bức tranh về trạng thái tâm thức đặc thù được tạo ra khi trí tuệ được thấy là kẻ sát hại Thực Tại.

351. The *eight* suggests Scorpio and the Black Lodge. We remember the importance of the mental planet Mercury in relation to the sign Scorpio. Mercury can stand for the concrete mind and its amoral misuse. Mercury can represent deceit and illusion.

351. Con số *tám* gợi ý Hổ Cáp và Hắc đoàn. Chúng ta nhớ tầm quan trọng của hành tinh trí tuệ Sao Thủy trong liên hệ với dấu hiệu Hổ Cáp. Sao Thủy có thể tượng trưng cho trí cụ thể và sự lạm dụng phi đạo đức của nó. Sao Thủy có thể biểu hiện sự lừa dối và ảo tưởng.

352. However, the number *eight* is also the number of the Christ, showing the close

352. Tuy nhiên, con số *tám* cũng là con số của Đức Christ, cho thấy mối liên hệ chặt chẽ

relation of the Lord of the Fifth Ray (planetarily Venus) to the Christ Principle.

The secret of planetary avitchi[35] is hidden here,

353. If there is a "planetary avitchi" there must also be a 'systemic avitchi'.

354. Avitchi is the "eighth sphere" for which this eightfold symbol may stand.

355. One is plunged into planetary Avitchi when one rejects the Triads (who are the *eighth* Creative Hierarchy).

It is the rejection of the Triadal lives by units in the fourth Hierarchy, that of the human Monads, which precipitates a man eventually into the eighth sphere. He refuses to become a Christ, a Saviour and remains self-centred. (EA 41)

356. This inverted pentagram stands for the depth of human selfishness. When the luminous triangle is included at the center of the star, the promising prospects are offered.

357. If the downward pointing five-pointed star reverses itself and stands upright (the luminous triangle still at its center) we have a definite symbol of redemption.

358. Presumably the triangle would also be upward-pointing.

just as the third major scheme can be viewed as systemic avitchi,

của Đấng Chúa Tể Cung năm (xét theo hành tinh là Sao Kim) với Nguyên khí Christ.

Bí mật của avitchi hành tinh35 được ẩn giấu ở đây,

353. Nếu có một "avitchi hành tinh" thì cũng phải có một "avitchi hệ thống".

354. Avitchi là "khối cầu thứ tám" mà biểu tượng tám phân này có thể tượng trưng.

355. Người ta bị ném vào Avitchi hành tinh khi từ chối các Tam nguyên tinh thần (là Huyền Giai Sáng Tạo thứ *tám*).

Chính sự từ chối các sự sống Tam nguyên tinh thần bởi các đơn vị trong Huyền Giai thứ tư, tức Huyền Giai các chân thần nhân loại, đã làm ngưng tụ để cuối cùng đưa một người vào khối cầu thứ tám. Y từ chối trở thành một Đức Christ, một Đấng Cứu Rỗi và vẫn tập trung vào bản thân. (EA 41)

356. Ngôi sao năm cánh ngược này tượng trưng cho chiều sâu của tính ích kỷ nơi con người. Khi tam giác sáng chói được bao gồm ở trung tâm ngôi sao, những triển vọng đầy hứa hẹn được mở ra.

357. Nếu ngôi sao năm cánh chỉ xuống tự đảo ngược và đứng thẳng lên (tam giác sáng chói vẫn ở trung tâm của nó), chúng ta có một biểu tượng rõ rệt của sự cứu chuộc.

358. Có lẽ tam giác ấy cũng sẽ hướng lên trên.

cũng như hệ hành tinh lớn thứ ba có thể được xem như avitchi hệ thống,

359. The third major scheme can be understood as the Saturn scheme.

359. Hệ hành tinh lớn thứ ba có thể được hiểu là hệ hành tinh Saturn.

360. In the Agni Yoga Teaching we are told that there is a brown spot on Saturn which is prepared for the reception of those who do great evil on Earth.

360. Trong Giáo Huấn Agni Yoga, chúng ta được biết rằng có một đốm nâu trên Saturn được chuẩn bị để tiếp nhận những kẻ làm điều đại ác trên Trái Đất.

361. Saturn can represent the utterly material sphere which suffocates all spiritual life.

361. Saturn có thể tượng trưng cho khối cầu hoàn toàn vật chất làm ngạt thở mọi sự sống tinh thần.

and the moon at one time held an analogous position in connection with our scheme.

và Mặt Trăng đã từng giữ một vị trí tương tự liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta.

362. This is an important statement. The Moon is closely associated with the Black Lodge as is the number eight.

362. Đây là một phát biểu quan trọng. Mặt Trăng gắn liền chặt chẽ với Hắc đoàn cũng như con số tám.

363. We notice that the Saturn chain (and the Saturn-scheme is associated with solar systemic avitchi) has taken the place of the Moon-chain—once the third chain even as the Saturn-chain is now the third.

363. Chúng ta lưu ý rằng dãy Sao Thổ (và hệ hành tinh Sao Thổ có liên hệ với avitchi của hệ mặt trời) đã thay thế dãy Mặt Trăng—vốn từng là dãy thứ ba cũng như dãy Sao Thổ hiện nay là dãy thứ ba.

364. There are seven principles plus the dense physical body (the symbol for which is the Moon). The Moon is the 'rind of life', standing for that level of matter which was inherited from an earlier solar system and which is both unprincipled and unredeemed.

364. Có bảy nguyên khí cộng với thể xác đậm đặc (biểu tượng của nó là Mặt Trăng). Mặt Trăng là "vỏ của sự sống", tượng trưng cho cấp độ vật chất đã được thừa hưởng từ một hệ mặt trời trước kia và vừa vô nguyên khí vừa chưa được cứu chuộc.

365. Mercury and the Moon are related through the number eight and both have a close connection with the previous solar system.

365. Sao Thủy và Mặt Trăng có liên hệ với nhau qua số tám và cả hai đều có mối liên hệ chặt chẽ với hệ mặt trời trước.

366. The Moon presently is a decaying and evil presence in relation to the Earth. When we think of that which was prematurely released from captivity on the Moon-chain,

366. Hiện nay, Mặt Trăng là một hiện diện đang phân rã và xấu ác đối với Trái Đất. Khi chúng ta nghĩ đến điều đã được giải thoát non sớm khỏi sự giam cầm trên dãy Mặt

could it be forms of life who were confined to Earth-scheme avitchi?

Trăng, liệu đó có thể là những hình tướng sự sống từng bị giam trong avitchi của hệ hành tinh Địa Cầu chăng?

Footnote 35: Avitchi. A state of consciousness, not necessarily after death or between births for it can take place on earth as well. Literally it means "uninterrupted hell." The last of the eight hells we are told where "the culprits die and are reborn without interruption—yet not without hope of final redemption." See S. D., III, 510, 521, 528, 529.

Chú thích 35: Avitchi. Một trạng thái tâm thức, không nhất thiết là sau khi chết hay giữa các lần sinh, vì nó cũng có thể diễn ra trên trần gian. Theo nghĩa đen, nó có nghĩa là "địa ngục không gián đoạn." Chúng ta được cho biết đó là địa ngục cuối cùng trong tám địa ngục, nơi "những kẻ phạm tội chết đi và tái sinh không gián đoạn—nhưng không phải là không có hy vọng được cứu chuộc rốt ráo." Xem S. D., III, 510, 521, 528, 529.

367. The "culprits" are severed from the possibility of redemption. The Solar Angel is no longer related to them. The Christ principle can no longer permeate their substance.

367. "Những kẻ phạm tội" bị cắt đứt khỏi khả năng được cứu chuộc. Thái dương Thiên Thần không còn liên hệ với họ nữa. Nguyên khí Christ không còn có thể thấm nhập chất liệu của họ nữa.

368. Is this section of text suggesting that the process of reincarnation continues throughout Avitchi? If so, this thought must be correlated with the thought that the black magician has destroyed or severed his connection with the physical permanent atom and, thus, can no longer reincarnate. We are told that the true black magician is found on the astral plane and that no true black magician is found incarnating on the physical plane

368. Phải chăng phần văn bản này gợi ý rằng tiến trình luân hồi tiếp tục suốt trong Avitchi? Nếu vậy, tư tưởng này phải được liên hệ với tư tưởng rằng nhà hắc thuật đã phá hủy hoặc cắt đứt mối liên hệ của y với Nguyên tử trường tồn hồng trần và do đó không còn có thể tái sinh nữa. Chúng ta được cho biết rằng nhà hắc thuật chân chính được tìm thấy trên cõi cảm dục và rằng không có nhà hắc thuật chân chính nào được thấy đang lâm phàm trên cõi hồng trần

Let it be remembered that the true black magician (I refer not here to a person with a tendency to black magic) is a soulless entity. He is a being in whom the Ego is - as we understand the term today - non-existent. It is oft overlooked and seldom grasped or told that **they, therefore, do not exist in physical bodies**.. (TWM 544-545)

Hãy ghi nhớ rằng nhà hắc thuật chân chính (ở đây tôi không nói đến một người có khuynh hướng Hắc thuật) là một thực thể vô hồn. Y là một hữu thể trong đó chân ngã—như ngày nay chúng ta hiểu thuật ngữ này—không hiện hữu. Người ta thường bỏ qua và hiếm khi nắm bắt hay nói ra rằng **vì thế, họ không hiện hữu trong các thể xác**.. (TWM 544-545)

What the ignorant call a black magician on the physical plane is only some man or woman sensitive to or en rapport with a true black magician on the astral plane. This relationship is only possible when there have been many lives of selfishness, low desire, perverted intellectual aspiration, and love of the lower psychism, and this only when the man has been held willingly in thrall by them. Such men and women are few and far between, for unadulterated selfishness is rare indeed. Where it exists, it is exceedingly potent, as are all one-pointed tendencies. (TWM 545)

Điều mà kẻ vô minh gọi là một nhà hắc thuật trên cõi hồng trần chỉ là một người nam hay nữ nào đó nhạy cảm với hoặc có liên hệ với một nhà hắc thuật chân chính trên cõi cảm dục. Mối liên hệ này chỉ có thể có khi đã có nhiều kiếp sống ích kỷ, dục vọng thấp hèn, khát vọng trí tuệ lệch lạc, và sự yêu thích thông linh hạ đẳng, và điều này chỉ xảy ra khi con người ấy đã tự nguyện bị họ nô dịch. Những người nam và nữ như thế rất hiếm, vì sự ích kỷ thuần túy quả thật rất hiếm. Nơi nào nó hiện hữu, nó cực kỳ mãnh liệt, cũng như mọi khuynh hướng nhất tâm khác. (TWM 545)

This must be interpreted in terms of consciousness, and not of locality.

Điều này phải được giải thích theo phương diện tâm thức, chứ không phải theo địa điểm.

369. Localities are given (the Moon and Saturn—the "third major scheme"), but Avitchi is truly a state of degenerate, hopeless consciousness—a consciousness hopelessly imprisoned in matter—until the next cycle (whether planetary or systemic) offers new opportunity.

369. Các địa điểm được nêu ra (Mặt Trăng và Sao Thổ—"hệ hành tinh lớn thứ ba"), nhưng Avitchi thực sự là một trạng thái tâm thức suy đồi, vô vọng—một tâm thức bị giam hãm tuyệt vọng trong vật chất—cho đến khi chu kỳ kế tiếp (dù là hành tinh hay hệ thống) mang lại cơ hội mới.

370. Next we are told of developments in the fifth round. This information should be put together with information on the "Judgment Day" already given earlier in the text.

370. Tiếp theo, chúng ta được cho biết về những phát triển trong cuộc tuần hoàn thứ năm. Thông tin này nên được kết hợp với thông tin về "Ngày Phán Xét" đã được đưa ra trước đó trong văn bản.

In the fifth round, at its middle point, certain things will eventuate.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, tại điểm ở giữa của nó, một số điều nhất định sẽ xảy ra.

The **fifth Hierarchy will rise to its full power**.

Huyền Giai thứ năm **sẽ vươn lên đến trọn quyền năng của mình**.

371. By this we mean the Creative Hierarchy of Solar Angels.

371. Bởi điều này, chúng ta muốn nói đến Huyền Giai Sáng Tạo của các Thái dương Thiên Thần.

This will **precede** the Judgment Day, and will mark a point of tremendous struggle, for the manasic vehicle "manas" (which they embody) will rebel against the translation of the life within (the buddhi).

372. We must determine which aspect of the manasic vehicle we are discussing:

a. Is it the manasic vehicle in its *entirety*?

b. The *lower* manasic vehicle?

c. The *higher* manasic vehicle?

373. We would expect a rebellion of the *lower* manasic vehicle against the influence of the Solar Angels on the higher mental plane, but would we expect a rebellion of the *higher* manasic vehicle against the translation of the life from the Jewel in the Lotus into onto the buddhic plane and beyond?

374. Perhaps there will be two rebellions: one at the border land between the personality and the soul on the higher mental plane, and the other at the borderland between the higher mental plane and the buddhic plane.

375. Those who are focussed on the plane of higher mind but are not yet buddhically responsive are certainly *on the Path,* and all those who are on the Path are allowed to remain with the Earth after the "Judgment Day".

Điều này sẽ **đi trước** Ngày Phán Xét, và sẽ đánh dấu một điểm đấu tranh dữ dội, vì vận cụ manas “manas” (mà họ hiện thân) sẽ nổi loạn chống lại sự chuyển dịch của sự sống bên trong (buddhi).

372. Chúng ta phải xác định mình đang bàn đến phương diện nào của vận cụ manas:

a. Có phải là vận cụ manas trong *toàn thể* của nó không?

b. Vận cụ manas *thấp*?

c. Vận cụ manas *cao*?

373. Chúng ta sẽ chờ đợi một sự nổi loạn của vận cụ manas *thấp* chống lại ảnh hưởng của các Thái dương Thiên Thần trên Cõi thượng trí, nhưng liệu chúng ta có chờ đợi một sự nổi loạn của vận cụ manas *cao* chống lại sự chuyển dịch của sự sống từ Viên Ngọc trong Hoa Sen vào cõi Bồ đề và vượt lên trên nữa chăng?

374. Có lẽ sẽ có hai cuộc nổi loạn: một ở vùng biên giữa phàm ngã và linh hồn trên Cõi thượng trí, và cuộc kia ở vùng biên giữa Cõi thượng trí và cõi Bồ đề.

375. Những ai được tập trung trên cõi thượng trí nhưng chưa đáp ứng được với Bồ đề thì chắc chắn *đang ở trên Con Đường,* và tất cả những ai ở trên Con Đường đều được phép ở lại với Trái Đất sau “Ngày Phán Xét”.

376. Speaking of "translation" the following excerpt from Rule XI for Disciples and Initiates is relevant:

Let the group together move the fire within the Jewel in the Lotus into the Triad and let them find the Word which will carry out that task. (R&I22-23)

There will, therefore, be seen on a racial scale and involving millions simultaneously, a repetition of the self-same struggle which embroils the man who seeks to transcend mind and to live the life of Spirit.

377. We can see that the level of this struggle will be very high. Those who struggle in this way today are few and DK is speaking of a time when millions will be struggling simultaneously.

378. It is not simply the *lower* mind which is being transcended but the *higher* mind as well. The "life of the Spirit" is centered in the spiritual triad and especially in those parts of the triad which have their focus on the cosmic ethers (excluding the manasic permanent atom).

This will be the final Armageddon,

379. The suggestion is that there is more that one Armageddon. Perhaps we are entering a prelude to the final Armageddon now.

the planetary kurukshetra,

380. The earlier kurukshetra fought in Atlantean days was not planetary in scope.

376. Nói về "sự chuyển dịch", đoạn trích sau từ Quy luật XI dành cho Đệ tử và Điểm đạo đồ là thích hợp:

Hãy để nhóm cùng nhau chuyển ngọn lửa bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen vào Tam nguyên tinh thần và hãy để họ tìm ra Linh từ sẽ thực hiện nhiệm vụ đó. (R&I22-23)

Do đó, trên quy mô nhân loại và liên quan đến hàng triệu người đồng thời, sẽ thấy một sự lặp lại của chính cuộc đấu tranh ấy, cuộc đấu tranh cuốn người tìm cách vượt lên trên trí tuệ và sống đời sống của tinh thần.

377. Chúng ta có thể thấy rằng cấp độ của cuộc đấu tranh này sẽ rất cao. Ngày nay, những ai đấu tranh theo cách này thì ít, và Chân sư DK đang nói về một thời kỳ khi hàng triệu người sẽ đồng thời đấu tranh.

378. Không chỉ hạ trí đang được vượt qua mà cả thượng trí cũng vậy. "Đời sống của tinh thần" được đặt trung tâm trong Tam Nguyên Tinh Thần và đặc biệt trong những phần của tam nguyên có tiêu điểm trên các dĩ thái vũ trụ (không kể nguyên tử trường tồn manas).

Đây sẽ là Armageddon cuối cùng,

379. Gợi ý ở đây là có nhiều hơn một Armageddon. Có lẽ hiện nay chúng ta đang bước vào phần mở đầu của Armageddon cuối cùng.

kurukshetra hành tinh,

380. Kurukshetra trước đó, được chiến đấu trong thời Atlantis, không có quy mô hành tinh.

and will be succeeded by the Judgment Day when the Sons of Manas will be cast out and the Dragons of Wisdom rule.

381. When we think of the "Sons of Manas", we may also think of those who are ruled only by the concrete mind and for whom soul influence means nothing.

382. Those who remain with the Earth will minimally be "On the Path", but there are many "On the Path" who are not living the "life of the Spirit" but are simply learning the life of the soul.

383. The following tells us something of those who will remain on our planet.

One fifth will mantrically sound the words "I am That I am. " (This suggests the sixth initiation).

Two fifths will achieve the fifth Initiation and will know themselves as "I am That." They will also be cultivating response to the higher note.

One fifth and a half will attain the third Initiation, and will know themselves as "I am That" in full consciousness. (These, however, will not be cultivating a response to the higher note of "I Am That I Am")

The remaining units will be those who are treading the Path, and beginning to know themselves as the group. (TCF 422)

384. As we can see, *all* of those who remain will be minimally on the Path, but far from all will be living the "life of the Spirit" (i.e., focussing consciously in the spiritual triad).

và sẽ được tiếp nối bởi Ngày Phán Xét khi các Con của Trí Tuệ sẽ bị quăng ra ngoài và các Rồng Minh triết cai quản.

381. Khi nghĩ đến "Các Con của Trí Tuệ", chúng ta cũng có thể nghĩ đến những ai chỉ bị cai quản bởi trí cụ thể và đối với họ ảnh hưởng của linh hồn không có ý nghĩa gì.

382. Những ai ở lại với Trái Đất tối thiểu sẽ là "Ở trên Con Đường", nhưng có nhiều người "Ở trên Con Đường" mà không sống "đời sống của tinh thần" mà chỉ đơn giản đang học đời sống của linh hồn.

383. Điều sau đây cho chúng ta biết đôi điều về những ai sẽ ở lại trên hành tinh của chúng ta.

Một phần năm sẽ xướng bằng mantram những lời "Ta là Cái Đó Ta Là." (Điều này gợi ý lần điểm đạo thứ sáu).

Hai phần năm sẽ đạt lần điểm đạo thứ năm và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó." Họ cũng sẽ đang vun bồi sự đáp ứng với âm điệu cao hơn.

Một phần năm rưỡi sẽ đạt lần điểm đạo thứ ba, và sẽ biết mình là "Ta là Cái Đó" trong tâm thức trọn vẹn. (Tuy nhiên, những người này sẽ không vun bồi sự đáp ứng với âm điệu cao hơn của "Ta Là Cái Đó Ta Là")

Những đơn vị còn lại sẽ là những ai đang bước đi trên Con Đường, và bắt đầu biết mình là nhóm. (TCF 422)

384. Như chúng ta có thể thấy, *tất cả* những ai ở lại tối thiểu sẽ ở trên Con Đường, nhưng tuyệt nhiên không phải tất cả đều sẽ sống "đời sống của tinh thần" (tức là tập trung

một cách hữu thức trong Tam Nguyên Tinh Thần).

This only means that those in whom the manasic principle is over-potent or under-developed will be considered as failures and will [Page 706] have to wait for a more suitable period for development,

Điều này chỉ có nghĩa là những ai trong đó nguyên khí manas quá mạnh hoặc kém phát triển sẽ bị xem là những kẻ thất bại và sẽ [Page 706] phải chờ một thời kỳ thích hợp hơn cho sự phát triển,

385. Those in whom the manasic principle is underdeveloped cannot tread the Path. Those in whom the manasic principle is over-potent are in danger of treading the left hand path.

385. Những ai trong đó nguyên khí manas kém phát triển thì không thể bước trên Con Đường. Những ai trong đó nguyên khí manas quá mạnh thì có nguy cơ bước trên tả đạo.

while those who are living the buddhic life, and in whom it is waxing stronger—spiritual men, aspirants, disciples of various degrees, initiates and adepts—will be left to pursue the natural course of evolution on this scheme.

trong khi những ai đang sống đời sống Bồ đề, và trong họ đời sống ấy đang mạnh dần lên—những người tinh thần, những người chí nguyện, các đệ tử ở nhiều cấp độ khác nhau, các điểm đạo đồ và các chân sư—sẽ được để lại để theo đuổi tiến trình tiến hoá tự nhiên trên hệ hành tinh này.

386. We see that it is not necessary for those who remain on our planet to be focussed *entirely* within the spiritual triad (which may have been the impression received from reading some of the foregoing text). Even advanced human beings who have spiritual inclination will be allowed to remain.

386. Chúng ta thấy rằng không nhất thiết những ai ở lại trên hành tinh của chúng ta phải được tập trung *hoàn toàn* trong Tam Nguyên Tinh Thần (điều có thể là ấn tượng nhận được khi đọc một số đoạn văn trước đó). Ngay cả những con người tiến bộ có khuynh hướng tinh thần cũng sẽ được phép ở lại.

387. It is important to realize that when soul-influence is present, the energy of *buddhi* is making its presence felt. From the time of the first reversal of the wheel, at the time of concentration upon the development of the later fifth petal, buddhic influence is entering the life and consciousness via the Solar Angel.

387. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng khi ảnh hưởng của linh hồn hiện diện, năng lượng của *buddhi* đang làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận. Từ thời điểm đầu tiên của sự đảo ngược bánh xe, vào lúc tập trung vào sự phát triển của cánh hoa thứ năm về sau, ảnh hưởng Bồ đề đang đi vào đời sống và tâm thức qua Thái dương Thiên Thần.

388. So if human beings of that period are responsive to the soul focused on the higher mental plane, they will be receiving buddhic impression and will be, for practical purposes, minimally, “on the Path”.

388. Vì vậy, nếu những con người của thời kỳ đó đáp ứng với linh hồn tập trung trên Cõi thượng trí, họ sẽ tiếp nhận ấn tượng Bồ đề và, trên thực tế, tối thiểu sẽ là “ở trên Con Đường”.

389. From this perspective, those who are called “Sons of Manas” are not recipients of buddhic energy as are aspirants, disciples and initiates.

389. Từ góc nhìn này, những ai được gọi là “Các Con của Trí Tuệ” không phải là những người tiếp nhận năng lượng Bồ đề như những người chí nguyện, các đệ tử và các điểm đạo đồ.

The mystery of Capricorn is hidden in these five and in the Biblical words "the sheep and the goats."[36]

Huyền nhiệm của Ma Kết được ẩn giấu trong năm hạng người này và trong những lời trong Kinh Thánh “chiên và dê.”36

390. Which are “these five”? DK has just spoken of those who may remain—i.e., the “goats”:

390. “Năm hạng người này” là những ai? Chân sư DK vừa nói đến những ai có thể ở lại —tức là “dê”:

a. Spiritual men

a. Những người tinh thần

b. Aspirants

b. Những người chí nguyện

c. Disciples of various degrees

c. Các đệ tử ở nhiều cấp độ khác nhau

d. Initiates

d. Các điểm đạo đồ

e. Adepts

e. Các chân sư

The Christian hints at this when he speaks of the Christ reigning on earth a thousand years during which the serpent is imprisoned.

Người Kitô hữu ám chỉ điều này khi nói về việc Đức Christ trị vì trên Trái Đất một ngàn năm trong thời gian đó con rắn bị giam cầm.

391. There are many kinds of “serpents”. The “serpent” indicated here is the lower serpent of personality.

391. Có nhiều loại “rắn”. “Con rắn” được chỉ ra ở đây là con rắn thấp của phàm ngã.

The Christ principle will triumph for the remainder of the manvantara,

Nguyên khí Christ sẽ chiến thắng trong phần còn lại của manvantara,

392. Note, we are not speaking of the mahamanvantara, but either of the duration of the Earth-scheme or the Earth-chain, or perhaps merely of the duration of the fifth round.

392. Lưu ý, chúng ta không nói về Đại giai kỳ sinh hóa, mà hoặc là nói về thời lượng của hệ hành tinh Địa Cầu hay Dãy Địa Cầu, hoặc có lẽ chỉ nói về thời lượng của cuộc tuần hoàn thứ năm.

and the lower material nature and mind will be held in abeyance until the next round, when fresh opportunity will arise for certain groups of the discarded, though the majority will be held over until another system.

và bản chất vật chất thấp và trí tuệ sẽ bị giữ trong trạng thái đình chỉ cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp, khi cơ hội mới sẽ xuất hiện cho một số nhóm bị loại bỏ, dù đa số sẽ bị giữ lại cho đến một hệ mặt trời khác.

393. The next round would the *sixth* round. The chain concerned would still be the fourth or Earth-chain.

393. Cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ là cuộc tuần hoàn *thứ sáu*. Dãy liên quan vẫn sẽ là dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu.

394. Of course, there are also *scheme rounds,* and development within our Earth-scheme still requires three more such rounds. Perhaps the "fresh opportunity" of which DK speaks may be associated with such a larger round.

394. Dĩ nhiên, cũng có các *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh,* và sự phát triển trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta vẫn còn cần thêm ba cuộc tuần hoàn như thế nữa. Có lẽ "cơ hội mới" mà Chân sư DK nói đến có thể liên hệ với một cuộc tuần hoàn lớn hơn như vậy.

395. It has been suggested that 2/5^{ths} of Earth humanity will not continue their evolution with our planet, but may be transferred to another planet (probably Mars under Aries, home of the "sheep") for a developmental 'curriculum' more suitable to their qualifications.

395. Người ta đã gợi ý rằng 2/5 nhân loại Địa Cầu sẽ không tiếp tục tiến hoá cùng hành tinh của chúng ta, mà có thể được chuyển sang một hành tinh khác (có lẽ là Sao Hỏa dưới Bạch Dương, quê hương của "chiên") để theo một "chương trình" phát triển thích hợp hơn với trình độ của họ.

These two fifths will pass into temporary pralaya, **preparatory to their transference to another scheme**, as the Earth scheme will no longer provide for them an adequate place of nurture. (TCF 391)

Hai phần năm này sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời, **chuẩn bị cho việc chuyển sang một hệ hành tinh khác**, vì hệ hành tinh Địa Cầu sẽ không còn cung cấp cho họ một nơi nuôi dưỡng thích đáng nữa. (TCF 391)

Something similar again will take place on the fifth chain but as it concerns a centre in

Một điều tương tự sẽ lại diễn ra trên dãy thứ năm nhưng vì nó liên quan đến một trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế mà chúng

the planetary Logos of which we know but little, we need not here enlarge upon it.

ta biết rất ít, nên ở đây chúng ta không cần bàn rộng thêm.

396. Developments within the Earth-scheme move from chain to chain.

396. Những phát triển trong hệ hành tinh Địa Cầu chuyển từ dãy này sang dãy khác.

397. We have been speaking of developments in the fourth or Earth-chain.

397. Chúng ta đã nói về những phát triển trong dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu.

398. Each chain is a chakra within the Planetary Logos. The fifth chain may well be the ajna center, easily associated with the planet Mercury. The fifth chain in our Earth-scheme is the Mercurian chain.

398. Mỗi dãy là một luân xa trong Hành Tinh Thượng Đế. Dãy thứ năm rất có thể là trung tâm ajna, dễ dàng liên hệ với hành tinh Sao Thủy. Dãy thứ năm trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta là dãy Sao Thủy.

399. It is interesting that "Judgment Days" are not limited to our own chain.

399. Thật thú vị khi "Những Ngày Phán Xét" không chỉ giới hạn trong dãy của riêng chúng ta.

400. We can see that, though much unfoldment still lies ahead within our Earth-chain, still more unfoldment lies ahead for the Earth-scheme as a whole and this development will take place on chains other than our own.

400. Chúng ta có thể thấy rằng, dù vẫn còn nhiều sự khai mở ở phía trước trong Dãy Địa Cầu của chúng ta, vẫn còn nhiều sự khai mở hơn nữa ở phía trước cho toàn bộ hệ hành tinh Địa Cầu và sự phát triển này sẽ diễn ra trên những dãy khác ngoài dãy của chúng ta.

401. Beyond our own fourth chain are three more on which, presumably, there has been little focussed expression.

401. Vượt ra ngoài dãy thứ tư của chúng ta còn có ba dãy nữa mà trên đó, có lẽ, đã có rất ít biểu hiện tập trung.

The planetary chains embody centres, and as they are awakened and come under stimulation, they swing into physical incarnation certain types of manasaputras.

Các dãy hành tinh hiện thân các trung tâm, và khi chúng được đánh thức và chịu sự kích thích, chúng đưa vào lâm phàm hồng trần những loại manasaputra nhất định.

402. It is interesting that different types of manasaputras are associated with the different chains.

402. Thật thú vị khi những loại manasaputra khác nhau lại liên hệ với những dãy khác nhau.

403. It is as if the manasaputras associated with the other chains are still held in a state

403. Dường như các manasaputra liên hệ với những dãy khác vẫn còn bị giữ trong một

of latency—a state which cannot be considered physical incarnation.

trạng thái tiềm ẩn—một trạng thái không thể được xem là lâm phàm hồng trần.

404. We do not know how many types of manasaputras there are, but we know we do not know them all. We are, after all, dealing with a complete Creative Hierarchy consisting of billions of units. We know how complex humanity is and the Fourth Creative Hierarchy, so we can only try to imagine the complexity of the Fifth Creative Hierarchy.

404. Chúng ta không biết có bao nhiêu loại manasaputra, nhưng chúng ta biết rằng mình không biết hết tất cả. Rốt cuộc, chúng ta đang bàn đến một Huyền Giai Sáng Tạo hoàn chỉnh gồm hàng tỷ đơn vị. Chúng ta biết nhân loại và Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư phức tạp đến mức nào, vì vậy chúng ta chỉ có thể cố hình dung sự phức tạp của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm.

The type dominated by the fifth chain energy is little known as it is yet in process of evolution within another scheme, the fifth, so it is waste of our time to consider it.

Loại bị năng lượng của dãy thứ năm chi phối thì ít được biết đến vì nó vẫn còn đang trong tiến trình tiến hoá trong một hệ hành tinh khác, hệ thứ năm, nên việc xét đến nó là lãng phí thời gian của chúng ta.

405. The fifth scheme is the Mercurian scheme just as the fifth chain is the Mercurian chain.

405. Hệ thứ năm là hệ Sao Thủy cũng như dãy thứ năm là dãy Sao Thủy.

406. DK is telling us that the manasaputras (are they to be called Solar Angels?) which will focus within the fifth chain of the Earth-scheme are still evolving within the fifth scheme of the solar system.

406. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các manasaputra (có nên gọi họ là các Thái dương Thiên Thần chăng?) sẽ tập trung trong dãy thứ năm của hệ hành tinh Địa Cầu vẫn còn đang tiến hoá trong hệ thứ năm của hệ mặt trời.

407. We certainly see the connection between schemes of a certain number and the chains and globes (of other schemes) which share the same number.

407. Chúng ta chắc chắn thấy được mối liên hệ giữa các hệ hành tinh có cùng một số với các dãy và các bầu hành tinh (của những hệ khác) cùng chia sẻ số ấy.

408. How interesting that those who will be manasaputras on various schemes grow and develop on certain specific schemes before they emerge into their roles. Various planets, then, can be considered nurseries for manasaputras.

408. Thật thú vị biết bao khi những ai sẽ là manasaputra trên các hệ hành tinh khác nhau lại tăng trưởng và phát triển trên một số hệ hành tinh đặc thù nào đó trước khi họ xuất hiện trong vai trò của mình. Như vậy, các hành tinh khác nhau có thể được xem là những vườn ươm cho manasaputra.

409. Let us say that Venusian development within our solar system will climax (at least with respect to our *scheme*, the fourth) before Mercurian development will be the focus. However, the Venus-chain within our scheme is the *second.* In any case, development on Mercury, though Mercury is older, is behind that of development upon Venus.

409. Chúng ta hãy nói rằng sự phát triển Kim tinh trong hệ mặt trời của chúng ta sẽ đạt cực điểm (ít nhất là đối với *hệ hành tinh* của chúng ta, hệ thứ tư) trước khi sự phát triển Thủy tinh trở thành tiêu điểm. Tuy nhiên, dãy Kim tinh trong hệ hành tinh của chúng ta là dãy *thứ hai.* Dù sao đi nữa, sự phát triển trên Sao Thủy, dù Sao Thủy cổ hơn, vẫn đi sau sự phát triển trên Sao Kim.

It is connected with the unfoldment of the fifth egoic petal of a planetary Logos on His Own plane and consequently with the activity of the fifth spirilla.

Nó có liên hệ với sự khai mở của cánh hoa chân ngã thứ năm của một Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài và do đó với hoạt động của loa tuyến thứ năm.

410. Are we speaking of the Planetary Logos of the planet Mercury?

410. Phải chăng chúng ta đang nói về Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh Sao Thủy?

411. We recall from earlier text that the *complete* unfoldment of the fifth petal (for man) signified the first initiation, at least as an individual achievement even if not yet confirmed by the application of the Rod in the seventh petal.

411. Chúng ta nhớ lại từ phần văn bản trước rằng sự khai mở *trọn vẹn* của cánh hoa thứ năm (đối với con người) biểu thị lần điểm đạo thứ nhất, ít nhất như một thành tựu cá nhân dù chưa được xác nhận bằng việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo vào cánh hoa thứ bảy.

412. A Planetary Logos of this type would be entering the, *cosmically* considered.

412. Một Hành Tinh Thượng Đế thuộc loại này sẽ đang bước vào, *xét theo vũ trụ,*.

413. Yet, since Mercury is a sacred planet, it would certainly seem that it had taken the first initiation.

413. Tuy nhiên, vì Sao Thủy là một hành tinh thiêng liêng, chắc chắn dường như nó đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

414. Can this be said of the Planetary Logos of Mars, however? Qualitatively, Mars does not seem quite correct, but there is much fifth ray energy in Mars.

414. Tuy nhiên, liệu có thể nói điều này về Hành Tinh Thượng Đế của Sao Hỏa không? Về phẩm tính, Sao Hỏa dường như không hoàn toàn thích hợp, nhưng có rất nhiều năng lượng cung năm trong Sao Hỏa.

415. One can look ahead to the days of the advanced schools and see the intensive

415. Người ta có thể nhìn về những ngày của các trường học cao cấp và thấy sự suy tư chuyên sâu sẽ cần thiết đến mức nào để tiến

pondering which will be required to move a little closer to solving these abstruse issues.

gần hơn một chút tới việc giải quyết những vấn đề thâm áo này.

When the hour strikes, these units of energy will "come in" from another scheme on a stream of cosmic energy which will swing through a particular systemic triangle, just as when the egos came in this round.

Khi giờ điểm, những đơn vị năng lượng này sẽ “đi vào” từ một hệ hành tinh khác trên một dòng năng lượng vũ trụ sẽ chuyển động qua một tam giác hệ thống đặc biệt, cũng như khi các chân ngã đã đi vào trong cuộc tuần hoàn này.

416. We are speaking of the entry of certain manasadevas into the fifth chain of our Earth-scheme.

416. Chúng ta đang nói về sự đi vào của một số manasadeva nhất định vào dãy thứ năm của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta.

417. The stream of cosmic energy may still be Sirian. As for the systemic triangle, it will involve three planets.

417. Dòng năng lượng vũ trụ ấy có thể vẫn là từ Sirius. Còn về tam giác hệ thống, nó sẽ bao gồm ba hành tinh.

418. Would it be reasonable to think that Mercury and Venus would be involved, or Mercury and Saturn. We are speaking of the Earth as a major point of reception, and specifically of the Earth’s fifth chain.

418. Liệu có hợp lý không nếu nghĩ rằng Sao Thủy và Sao Kim sẽ liên quan, hoặc Sao Thủy và Sao Thổ. Chúng ta đang nói về Trái Đất như một điểm tiếp nhận chính, và cụ thể là về dãy thứ năm của Trái Đất.

It might here be pointed out that the solar Angels concerned with the fifth Hierarchy are naturally a potent factor in the evolution of the fifth or spiritual kingdom;

Ở đây có thể chỉ ra rằng các Thái dương Thiên Thần liên quan đến Huyền Giai thứ năm đương nhiên là một yếu tố mạnh mẽ trong sự tiến hoá của giới thứ năm hay giới tinh thần;

419. The Fifth Creative Hierarchy and the “spiritual kingdom” or are *not* the same.

419. Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm và “giới tinh thần” hay *không* phải là một.

420. The members of the Fifth Creative Hierarchy have a much greater spiritual status than do the members of the.

420. Các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm có địa vị tinh thần cao hơn rất nhiều so với các thành viên của.

they are that which make it possible, for they not only [Page 707] bridge the gap between the fourth and third kingdoms, but bridge that found between the fourth and fifth.

chính họ là điều làm cho điều đó trở nên khả hữu, vì họ không chỉ [Page 707] bắt cầu khoảng cách giữa giới thứ tư và giới thứ ba, mà còn bắt cầu khoảng cách giữa giới thứ tư và giới thứ năm.

421. The Solar Angels are active in relation to the human being for many millions of years. First of all, they *create* the human being; at least this is the case in our chain and on our globe. Secondly, they help the being who is well established in the fourth kingdom of nature to reach towards participation in the fifth kingdom. The members of the fifth kingdom (especially those of the first, second and third initiations) are particularly inspired by them.

421. Các Thái dương Thiên Thần hoạt động liên hệ với con người trong nhiều triệu năm. Trước hết, họ *tạo ra* con người; ít nhất điều này đúng trong dãy của chúng ta và trên bầu hành tinh của chúng ta. Thứ hai, họ giúp hữu thể đã được thiết lập vững chắc trong giới thứ tư của thiên nhiên vươn tới sự tham dự vào giới thứ năm. Các thành viên của giới thứ năm (đặc biệt là những vị ở lần điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba) được họ truyền cảm hứng một cách đặc biệt.

422. In a way then, the Solar Angels help that member of the Fourth Creative Hierarchy who becomes man, to span almost two kingdoms—the fourth and (in terms of years spent within a kingdom) the greater part of the fifth.

422. Như vậy, theo một nghĩa nào đó, các Thái dương Thiên Thần giúp thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, kẻ trở thành con người, bắc qua gần như hai giới—giới thứ tư và (xét theo số năm sống trong một giới) phần lớn giới thứ năm.

We need not consider any further this question of the fifth principle, for two reasons:

Chúng ta không cần xét thêm nữa câu hỏi về nguyên khí thứ năm này, vì hai lý do:

First, that the subject has been sufficiently covered for our purpose in an earlier section,

Thứ nhất, vì chủ đề này đã được trình bày đầy đủ cho mục đích của chúng ta trong một phần trước,

423. Yet repetition seems to be necessary.

423. Tuy vậy, sự lặp lại dường như là cần thiết.

and secondly, that the full revelation in connection with cosmic manas and the entities who come in on that influence may not further be revealed at this moment.

và thứ hai, vì sự mặc khải trọn vẹn liên quan đến manas vũ trụ và các thực thể đi vào trên ảnh hưởng đó hiện không thể được tiết lộ thêm.

424. When we speak of "cosmic manas" we are speaking of Intelligences of a cosmic kind such as Planetary Logoi and Solar Logoi. Particular Logoi are more related to cosmic manas, per se, than others. Sirius, as

424. Khi chúng ta nói về "manas vũ trụ", chúng ta đang nói về những Trí Tuệ thuộc loại vũ trụ như các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế. Một số Thượng đế đặc biệt liên hệ với manas vũ trụ, chính nó, nhiều hơn những vị khác. Sirius, như một Thượng đế sao, là một vị như thế—chắc

a stellar God, is one such—certainly more related than is our Solar Logos.

chắn liên hệ nhiều hơn so với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

That which is given in *the Secret Doctrine*, and supplemented here by further details, will suffice for the investigations of students for another generation.

Điều được đưa ra trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, và được bổ sung ở đây bằng những chi tiết thêm nữa, sẽ đủ cho những cuộc khảo cứu của các đạo sinh trong một thế hệ nữa.

425. Do we know the true meaning of the term "generation"? Can DK mean the usual twenty-five years or so? Or can He mean a "generation of enquirers", a kind of 'crop' of enquirers spread out over many centuries.

425. Chúng ta có biết ý nghĩa thật sự của thuật ngữ "thế hệ" không? Chân sư DK có thể muốn nói khoảng hai mươi lăm năm thông thường chăng? Hay Ngài có thể muốn nói một "thế hệ những người truy cứu", một loại "mùa vụ" những người truy cứu trải rộng qua nhiều thế kỷ.

426. Some of the material given in this book will, He says, not be studied with widespread interest until the early part of the fifth round.

426. Ngài nói rằng một số tài liệu được đưa ra trong quyển sách này sẽ chưa được nghiên cứu với sự quan tâm rộng rãi cho đến phần đầu của cuộc tuần hoàn thứ năm.

Each generation should produce those able to ascertain subjective fact for themselves; they will utilize that which is exoteric and known as stepping stones on the path to perfect knowledge.

Mỗi thế hệ nên sản sinh ra những người có khả năng tự mình xác định sự kiện chủ quan; họ sẽ sử dụng điều ngoại môn và đã biết như những hòn đá bước chân trên con đường dẫn đến tri thức hoàn hảo.

427. Exoteric knowledge is to be used as the basis for esoteric approach. Knowledge, per se, is not the objective of the quest. Knowledge is meant to further realization and identification.

427. Tri thức ngoại môn phải được dùng làm nền tảng cho cách tiếp cận nội môn. Tri thức, chính nó, không phải là mục tiêu của cuộc truy cầu. Tri thức nhằm thúc đẩy sự chứng nghiệm và sự đồng hoá với.

They will know, and they will give out, and only the next cycle of fifty years after their work is accomplished will see the recognition by the many of the truth revealed by the few.

Họ sẽ biết, và họ sẽ truyền ra, và chỉ đến chu kỳ năm mươi năm kế tiếp sau khi công việc của họ hoàn tất thì mới thấy được sự công nhận của số đông đối với chân lý được mặc khải bởi số ít.

428. Have we entered the period in which recognition by the many is now possible? Certainly there are many who recognize as reasonable and probably true that which is

428. Phải chăng chúng ta đã bước vào thời kỳ trong đó sự công nhận của số đông hiện nay là khả hữu? Chắc chắn có nhiều người công nhận là hợp lý và có lẽ đúng điều được

presented in this book. This does not mean, however, that they *recognize as true* that which they recognize as *reasonable*.

trình bày trong quyển sách này. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là họ *công nhận là đúng* điều mà họ công nhận là *hợp lý*.

In the case of H. P. B. this is apparent. On the tide of the present endeavour, *the Secret Doctrine* will be vindicated and her work justified.

Trong trường hợp của H. P. B., điều này là hiển nhiên. Trên làn sóng của nỗ lực hiện tại, *Giáo Lý Bí Nhiệm* sẽ được minh oan và công trình của bà sẽ được biện minh.

429. DK is saying that the second dispensation of the Teaching given by Him through AAB will vindicate the work of HPB in *The Secret Doctrine.*

429. Chân sư DK đang nói rằng lần ban truyền thứ hai của Giáo Huấn do Ngài trao qua AAB sẽ minh oan cho công trình của HPB trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

430. We may ask whether this has occurred. Certainly there are many *believers* throughout the world. Has *The Secret Doctrine*, however, been vindicated in the minds of the intelligentsia? Certainly, not completely so.

430. Chúng ta có thể hỏi liệu điều này đã xảy ra chưa. Chắc chắn có nhiều *người tin* trên khắp thế giới. Tuy nhiên, liệu *Giáo Lý Bí Nhiệm* đã được minh oan trong tâm trí của giới trí thức chưa? Chắc chắn là chưa hoàn toàn.

431. The next twenty or so years, however, may confirm much that has been awaiting confirmation.

431. Tuy nhiên, khoảng hai mươi năm tới có thể xác nhận nhiều điều đã chờ được xác nhận.

TCF 707-721: S6S11

February 21-Mar 8

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

21 tháng 2-8 tháng 3

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Xin đề nghị phần Bình Luận này được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. We continue our discussion of the Solar Angels and the individualization process.

1. Chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận về các Thái dương Thiên Thần và tiến trình biệt ngã hóa.

b. On Individualisation.

b. Về Biệt ngã hóa.

(a.) The Work of the Solar Angels. Let us briefly consider the general construction of the body of the Ego enumerating its component parts and bearing in mind that the form is ever prepared prior to occupancy.

(a.) Công việc của các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta hãy ngắn gọn xem xét cấu tạo tổng quát của thể chân ngã, liệt kê các thành phần cấu tạo của nó và ghi nhớ rằng hình tướng luôn luôn được chuẩn bị trước khi có sự cư ngụ.

1. This is important because the form is manasic and the occupant a great exponent of buddhic energy.

1. Điều này quan trọng vì hình tướng là manas và đấng cư ngụ là một đấng biểu hiện lớn lao của năng lượng Bồ đề.

2. From another perspective, it is the spiritual triad and the Monad which are the "occupants" of the prepared form.

2. Từ một góc nhìn khác, Tam nguyên tinh thần và chân thần mới là những "đấng cư ngụ" của hình tướng đã được chuẩn bị.

From the study of this body, we can get some idea of, and some light upon macrocosmic Individualisation.

Từ việc nghiên cứu thể này, chúng ta có thể có được một số ý niệm về, và một số ánh sáng soi rọi lên, Biệt ngã hóa vĩ mô.

2. It is important always to preserve the capacity to analogize in two directions—from the macrocosmic to the microcosmic (which is perhaps less prone to distortion) and from the microcosmic to the macrocosmic (which can still be illuminating even though we must not hold the generated analogies too tightly).

2. Điều quan trọng là luôn giữ gìn năng lực suy luận theo phép tương đồng theo hai hướng—từ vĩ mô đến vi mô (điều này có lẽ ít dễ bị bóp méo hơn) và từ vi mô đến vĩ mô (điều này vẫn có thể soi sáng dù chúng ta không được bám quá chặt vào các tương đồng được tạo ra).

The causal body, called sometimes (though inaccurately) the "karana sarira,"

Thể nguyên nhân, đôi khi được gọi (dù không chính xác) là "karana sarira,"

3. The term “karana sarira” derives from the Sanskrit *karana* or cause and *sarira* or body, bodily frame.

3. Thuật ngữ “karana sarira” bắt nguồn từ tiếng Phạn *karana* hay nguyên nhân và *sarira* hay thể, khung thể.

4. One wonders if the causal body is not rather a ‘body of effects’—constructed by means of qualities through experience in the lower worlds.

4. Người ta tự hỏi liệu thể nguyên nhân có đúng hơn là một ‘thể của các hiệu quả’—được kiến tạo bằng các phẩm tính thông qua kinh nghiệm trong các cõi thấp hay không.

5. It is also called the “Anandamaya-Kosha” or blissful sheath. It is considered the seed body which contains “Mulaprakriti-Ajnana” or the potentialities.

5. Nó cũng được gọi là “Anandamaya-Kosha” hay vỏ bọc chí phúc. Nó được xem là thể hạt giống chứa “Mulaprakriti-Ajnana” hay các tiềm năng.

has its place on the third subplane of the mental plane, the lowest abstract plane, and the one whereon the Ray of the third Logos provides the necessary "light for construction."

có vị trí của nó trên cõi phụ thứ ba của cõi trí, cõi trừu tượng thấp nhất, và là cõi nơi cung của Thượng đế thứ ba cung cấp “ánh sáng để kiến tạo” cần thiết.

6. A number of important points are made.

6. Một số điểm quan trọng được nêu ra.

7. The third subplane of the mental plane is where the causal bodies of the *majority* of human beings are found—i.e., those who are not “advanced men”, aspirants, disciples and initiates.

7. Cõi phụ thứ ba của cõi trí là nơi tìm thấy các thể nguyên nhân của *đa số* nhân loại—tức là những người không phải là “người tiến hóa cao”, người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đồ.

8. Even though the manasic permanent atom is located on the atomic subplane of the higher mental plane, and is the center within the spiritual triad of the “abstract mind”, all three higher subplanes of the mental plane (i.e., the subplanes of the higher mental plane) are all called “abstract” subplanes.

8. Dù nguyên tử trường tồn manas nằm trên cõi phụ nguyên tử của Cõi thượng trí, và là trung tâm trong Tam nguyên tinh thần của “trí trừu tượng”, cả ba cõi phụ cao của cõi trí (tức các cõi phụ của Cõi thượng trí) đều được gọi là các cõi phụ “trừu tượng”.

9. Each of the three Logoi is associated with one or other of the abstract planes of the higher mental plane:

9. Mỗi một trong ba Thượng đế đều liên hệ với một trong các cõi trừu tượng của Cõi thượng trí:

a. The Third Logos is associated with the third subplane

a. Thượng đế thứ ba liên hệ với cõi phụ thứ ba

b. The Second Logos is associated with the second subplane

b. Thượng đế thứ hai liên hệ với cõi phụ thứ hai

c. The First Logos with the first subplane.

c. Thượng đế thứ nhất liên hệ với cõi phụ thứ nhất.

10. We seem to be told that the Third Logos contributes to the construction of the causal body. The causal bodies of all human beings is constructed on the third subplane of the higher mental plane.

10. Dường như chúng ta được cho biết rằng Thượng đế thứ ba góp phần vào việc kiến tạo thể nguyên nhân. Các thể nguyên nhân của toàn thể nhân loại đều được kiến tạo trên cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí.

11. One of the names of the Third Ray Lord (Who is an expression of the Third Logos) is "The Builder of the Foundation" (cf. EP I, 68)

11. Một trong những danh xưng của Đấng Chúa Tể Cung ba (Đấng là một biểu hiện của Thượng đế thứ ba) là "Đấng Kiến Tạo Nền Móng" (x. EP I, 68)

(This is because each subplane comes specially under the influence of its Number, Name, or Lord.)

(Điều này là vì mỗi cõi phụ đặc biệt nằm dưới ảnh hưởng của Con Số, Danh Xưng, hay Chúa Tể của nó.)

12. We are told of the Number and Lord of the three subplanes of the higher mental plane, but not specifically the Names of the Lords or devas which control and expression upon these subplanes.

12. Chúng ta được cho biết về Con Số và Chúa Tể của ba cõi phụ của Cõi thượng trí, nhưng không được cho biết cụ thể các Danh Xưng của các Chúa Tể hay thiên thần kiểm soát và biểu hiện trên các cõi phụ này.

When the hour [Page 708] strikes and the vehicles for buddhi

Khi giờ khắc [Page 708] điểm đến và các vận cụ cho Bồ đề

13. i.e., the causal bodies…

13. tức là, các thể nguyên nhân…

are to be co-ordinated certain great Beings, Lords of the Flame, or Manasadevas, through driving external force, come in conjunction

phải được phối hợp, một số Đại Hữu, các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa, hay các Manasadeva, thông qua mãnh lực ngoại tại

with the material of that subplane, and vitalise it with Their Own energy.

thúc đẩy, đi vào kết hợp với chất liệu của cõi phụ ấy, và tiếp sinh lực cho nó bằng chính năng lượng của Các Ngài.

14. We assume that the "driving external force" is external to *them*—i.e., to the Lords of the Flame. This force is probably provided by the Planetary Logos within Whose body of expression the Lords of the Flame are serving. The Solar Logos is a still deeper source of the "driving external force" which sends the Solar Angels forth.

14. Chúng ta giả định rằng "mãnh lực ngoại tại thúc đẩy" là ở bên ngoài *Các Ngài*—tức là, bên ngoài các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa. Mãnh lực này có lẽ do Đức Hành Tinh Thượng Đế cung cấp, trong thể biểu hiện của Ngài các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa đang phụng sự. Thái dương Thượng đế là một nguồn còn sâu xa hơn của "mãnh lực ngoại tại thúc đẩy" đã phóng các Thái dương Thiên Thần ra đi.

15. Let us again view some of the names of these great Beings:

15. Chúng ta hãy lại xem một số danh xưng của các Đại Hữu này:

a. The self-consciousness principles

a. các nguyên khí ngã thức

b. The Builders of the egoic body, and adding the names previously mentioned, we have…

b. Các đấng kiến tạo của thể chân ngã, và thêm vào các danh xưng đã nêu trước đó, chúng ta có…

c. Agnishvattas

c. Agnishvattas

d. Planetary spirits

d. các tinh thần hành tinh

e. Asuras

e. Asuras

f. Solar Angels

f. các Thái dương Thiên Thần

g. Fire Dhyanis

g. các Hỏa Dhyanis

h. We have also called them "manasadevas"

h. Chúng ta cũng đã gọi các Ngài là "manasadevas"

i. Later in text we encounter another name: "Sons of Wisdom". And also the following terms…

i. Về sau trong văn bản, chúng ta gặp một danh xưng khác: "Các Con của Minh Triết". Và cả các thuật ngữ sau nữa…

j. The vehicles of the Divine Mind

k. The dhyan-chohanic forces

l. The aggregate of the Ah-hi

m. And now, the Lords of the Flame

16. We are being told that the Lords of the Flame bring their own energy to the systemic higher mental plane. It is an energy much higher than that of the higher mental plane.

17. How exactly does the energy of the Lords of the Flame come in contact with the substance-force of the higher mental plane? We are not yet in a position to understand the occult physics of this juncture.

They form a new and positive impulse which **co-ordinates the material** of the plane and **produces a temporary balancing of forces**.

18. When the energy of the Lords of the Flame comes in contact with the substance of the systemic higher mental plane, what happens?

a. The positive impulse provided by the Lords of the Flame coordinates the material of the systemic higher mental plane

b. The energy of the Lords of the Flame produces a temporary balancing of forces on the systemic higher mental plane

j. các vận cụ của Trí của Thượng đế

k. các mãnh lực dhyan-chohanic

l. tổng thể của Ah-hi

m. Và giờ đây, các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa

16. Chúng ta đang được cho biết rằng các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa mang năng lượng riêng của Các Ngài đến Cõi thượng trí của hệ thống. Đó là một năng lượng cao hơn rất nhiều so với năng lượng của Cõi thượng trí.

17. Chính xác thì năng lượng của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa tiếp xúc với mãnh lực-chất liệu của Cõi thượng trí như thế nào? Chúng ta chưa ở vào vị thế để hiểu vật lý học huyền bí của điểm tiếp giáp này.

Các Ngài tạo thành một xung lực mới và dương tính, xung lực này **phối hợp chất liệu** của cõi và **tạo ra một sự quân bìnhtạm thời của các mãnh lực**.

18. Khi năng lượng của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa tiếp xúc với chất liệu của Cõi thượng trí của hệ thống, điều gì xảy ra?

a. Xung lực dương tính do các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa cung cấp phối hợp chất liệu của Cõi thượng trí của hệ thống

b. Năng lượng của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa tạo ra một sự quân bình tạm thời của các mãnh lực trên Cõi thượng trí của hệ thống

Hence the meaning of the "white," or transparent condition of the new causal body.

Do đó có ý nghĩa của trạng thái “trắng”, hay trong suốt, của thể nguyên nhân mới.

19. The term “white” is equivalent to balanced and equilibrized. If the construction were colored, the coloration would indicate imbalance.

19. Thuật ngữ “trắng” tương đương với quân bình và cân bằng. Nếu cấu trúc ấy có màu sắc, màu sắc đó sẽ chỉ ra sự mất cân bằng.

20. White indicates a primitive synthesis of equilibrized proto-forces. After passing through various developmental phases in which different colors are emphasized, there will one day be a ‘return to white’.

20. Màu trắng chỉ ra một tổng hợp sơ khai của các proto-mãnh lực đã được cân bằng. Sau khi đi qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau trong đó các màu khác nhau được nhấn mạnh, một ngày kia sẽ có một ‘sự trở về với màu trắng’.

21. The final state of synthesis which is also equilibrized (for Libra sign of balanced and equilibrium, governs the ‘Road to Shamballa’) is also symbolically “white”.

21. Trạng thái tổng hợp tối hậu, vốn cũng được cân bằng (vì dấu hiệu hoàng đạo Libra của sự quân bình và cân bằng cai quản ‘Con Đường đến Shamballa’), cũng mang tính biểu tượng là “trắng”.

It remains with the new-born ego first to upset the equilibrium, and then to regain it, at the close of the process, producing a radiant form, full of primal colours.

Điều còn lại cho chân ngã mới sinh trước hết là phá vỡ sự quân bình, rồi sau đó lấy lại nó vào lúc kết thúc tiến trình, tạo ra một hình tướng rực rỡ, đầy những màu sắc nguyên sơ.

22. The “new-born ego” is not, as we see, the Solar Angel. The Solar Angels are responsible for setting up the conditions in which a distinct unit of consciousness called an “ego” can emerge. [The capital “E” and the lower case “e” are often used indiscriminately, though sometimes the capitalization or this word discriminates the higher Ego from the lower] The true “Ego” is the spiritual triad which is reflected in the “ego” or “Ego” on the higher mental plane. The capitalized term “Ego” is used for the center of life and consciousness on the higher mental plane as well as for the spiritual triad considered as a center of

22. Như chúng ta thấy, “chân ngã mới sinh” không phải là Thái dương Thiên Thần. Các Thái dương Thiên Thần chịu trách nhiệm thiết lập những điều kiện trong đó một đơn vị tâm thức riêng biệt gọi là một “ego” có thể xuất hiện. [Chữ “E” viết hoa và chữ “e” viết thường thường được dùng không phân biệt, dù đôi khi việc viết hoa của từ này phân biệt Ego cao với ego thấp] “Ego” đích thực là Tam nguyên tinh thần được phản chiếu trong “ego” hay “Ego” trên Cõi thượng trí. Thuật ngữ viết hoa “Ego” được dùng cho trung tâm của sự sống và tâm thức trên Cõi thượng trí cũng như cho Tam nguyên tinh thần được xem như một trung tâm của tâm thức biệt ngã hóa (đặc biệt sau lần điểm đạo thứ tư).

individualized consciousness (especially after the fourth initiation).

23. Apparently, it is possible to achieve a balance of colors and (one would think) sound.

24. The fully radiant multicolored form appears at the fourth initiation just before its destruction.

25. We note that the colors are called "primal". This does not mean that they are only primary colors (whether of light or pigment), for orange, violet and rose are included among them and such are not primary colors.

At the coming in of the Manasadevas to produce self-consciousness and to bring about **the incarnation of the divine Egos**, four things occur on that plane.

26. DK has been speaking of the "new-born ego". Now He speaks of "the incarnation of the divine Egos". What does He mean by "divine Egos"?

27. From one perspective, we can consider the Solar Angels as "divine Egos". From another, the spiritual triads of human beings are "divine Egos". An Ego is a Self and both Solar Angels and spiritual human beings are *Selves.*

23. Rõ ràng, có thể đạt được một sự cân bằng của màu sắc và (người ta sẽ nghĩ) cả âm thanh nữa.

24. Hình tướng đa sắc hoàn toàn rực rỡ xuất hiện vào lần điểm đạo thứ tư ngay trước khi nó bị hủy diệt.

25. Chúng ta lưu ý rằng các màu sắc được gọi là "nguyên sơ". Điều này không có nghĩa rằng chúng chỉ là các màu cơ bản (dù là của ánh sáng hay sắc tố), vì cam, tím và hồng cũng được kể vào trong đó, mà những màu ấy không phải là màu cơ bản.

Khi các Manasadeva đi vào để tạo ra ngã thức và làm phát sinh **sự nhập thể của các Chân ngã thiêng liêng**, bốn điều xảy ra trên cõi ấy.

26. Chân sư DK đã nói về "chân ngã mới sinh". Giờ đây Ngài nói về "sự nhập thể của các Chân ngã thiêng liêng". Ngài muốn nói gì bởi "các Chân ngã thiêng liêng"?

27. Từ một góc nhìn, chúng ta có thể xem các Thái dương Thiên Thần là "các Chân ngã thiêng liêng". Từ một góc nhìn khác, các Tam nguyên tinh thần của nhân loại là "các Chân ngã thiêng liêng". Một Ego là một Self, và cả các Thái dương Thiên Thần lẫn các hữu thể tinh thần nhân loại đều là *Những Bản Ngã.*

28. The Solar Angels are in the process of incarnating, but not fully so. The energy of the spiritual triad is also gradually and over time, making its way into expression in the lower worlds through 'etheric substitution'.

28. Các Thái dương Thiên Thần đang trong tiến trình nhập thể, nhưng chưa hoàn toàn như vậy. Năng lượng của Tam nguyên tinh thần cũng đang dần dần, theo thời gian, đi vào biểu hiện trong các cõi thấp thông qua 'sự thay thế dĩ thái'.

If the student adds to these four those which have been already imparted in various occult books anent the effect of individualisation on animal man and his appearance as a self-conscious identity on the physical plane, a working hypothesis is provided whereby man can scientifically undertake his own unfoldment.

Nếu đạo sinh thêm vào bốn điều này những điều đã được truyền đạt trong nhiều sách huyền bí khác liên quan đến hiệu quả của biệt ngã hóa đối với người thú và sự xuất hiện của y như một bản sắc có ngã thức trên cõi hồng trần, một giả thuyết công tác sẽ được cung cấp, nhờ đó con người có thể một cách khoa học đảm nhận sự khai mở của chính mình.

29. Herein lies a bit of research for those who wish to undertake it.

29. Chính trong đây có một chút công trình nghiên cứu cho những ai muốn đảm nhận nó.

30. We are attempting to catalogue what occurs on the higher mental plane when the Solar Angels begin to influence the substance to be found on that plane. This occurs, says the Tibetan, in four stages.

30. Chúng ta đang cố gắng liệt kê những gì xảy ra trên Cõi thượng trí khi các Thái dương Thiên Thần bắt đầu ảnh hưởng đến chất liệu được tìm thấy trên cõi ấy. Chân sư Tây Tạng nói rằng điều này xảy ra trong bốn giai đoạn.

31. If we search the CD Rom for under the heading "individualisation" we shall probably find what we are looking for.

31. Nếu chúng ta tra CD Rom dưới tiêu đề "individualisation" thì có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy điều mình đang tìm kiếm.

These four are **given in the order of their appearance in time and space:**

Bốn điều này được **trình bày theo thứ tự xuất hiện của chúng trong thời gian và không gian:**

32. To have a good sense of sequence is clarifying. In many occult processes there is much overlapping and simultaneity, but sequentiality still, to a degree, exists.

32. Có được một ý thức tốt về trình tự là điều làm sáng tỏ. Trong nhiều tiến trình huyền bí có rất nhiều sự chồng lấn và đồng thời tính, nhưng tính tuần tự vẫn, ở một mức độ nào đó, tồn tại.

First. There appear upon the **third subplane** of the mental plane certain vibratory impulses—nine in number—corresponding to the fivefold vibration of these Manasadevas in conjunction with the **fourfold vibration set up from below and inherent in the matter of this subplane, the fifth from the lower standpoint.**

Thứ nhất. Trên **cõi phụ thứ ba** của cõi trí xuất hiện một số xung lực rung động nhất định—chín về số lượng—tương ứng với rung động ngũ phân của các Manasadeva này kết hợp với **rung động tứ phân được thiết lập từ bên dưới và vốn cố hữu trong vật chất của cõi phụ này, cõi thứ năm nếu nhìn từ dưới lên.**

33. We have the union of five from above and four from below. The *five* are naturally related to the Manasadevas who are members of the *Fifth* Creative Hierarchy. The four can relate to the creation of the fourth kingdom

33. Chúng ta có sự hợp nhất của năm từ trên và bốn từ dưới. *Năm* dĩ nhiên liên hệ với các Manasadeva là thành viên của *Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm*. Bốn có thể liên hệ với việc sáng tạo giới thứ tư

34. It is interesting the four lower vibrations, presumably related to the vibrations of the concrete mental subplanes are "inherent in" the matter of the fifth subplane (the third from above). It is as if every succeeding subplane subsumes the vibrations of the subplanes preceding it.

34. Điều thú vị là bốn rung động thấp hơn, có lẽ liên hệ với các rung động của các cõi phụ trí cụ thể, lại "cố hữu trong" vật chất của cõi phụ thứ năm (cõi thứ ba tính từ trên xuống). Dường như mỗi cõi phụ kế tiếp đều bao hàm các rung động của những cõi phụ đi trước nó.

35. From this perspective, the sixth subplane from below would have five inherent vibrations related to the five subplanes below it, and the seventh or atomic subplane would have six inherent vibrations.

35. Từ góc nhìn này, cõi phụ thứ sáu tính từ dưới lên sẽ có năm rung động cố hữu liên hệ với năm cõi phụ bên dưới nó, và cõi phụ thứ bảy hay cõi phụ nguyên tử sẽ có sáu rung động cố hữu.

36. The five and the four together are interesting because what is transpiring is a cooperative union between the Fifth Creative Hierarchy and the Fourth Creative Hierarchy (of human Monads).

36. Năm và bốn cùng nhau thật đáng chú ý vì điều đang diễn ra là một sự hợp nhất hợp tác giữa Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm và Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư (của các chân thần nhân loại).

37. It can be presumed that the four lower vibrations will correspond to the construction of the four lowest petals of the egoic lotus which are related to the Moon; the five higher petals (petal five through petal nine) can be seen as corresponding to

37. Có thể giả định rằng bốn rung động thấp hơn sẽ tương ứng với việc kiến tạo bốn cánh hoa thấp nhất của Hoa Sen Chân Ngã vốn liên hệ với Mặt Trăng; năm cánh hoa cao hơn (từ cánh hoa thứ năm đến cánh hoa thứ chín) có thể được xem là tương ứng với Mặt

the Sun. The Manasadevas are profoundly *solar.*

Trời. Các Manasadeva có tính chất hết sức *thái dương.*

This produces "the ninefold egoic lotus," which is at this stage tightly closed, the nine petals folded one upon the other.

Điều này tạo ra "Hoa Sen Chân Ngã cửu phân", vào giai đoạn này còn khép chặt, chín cánh hoa gấp chồng lên nhau.

38. The “lotus in bud” or “bud lotus” has been created. The evolutionary unfoldment of the lotus has not yet begun.

38. “Hoa sen trong nụ” hay “nụ sen” đã được tạo ra. Sự khai mở tiến hóa của hoa sen vẫn chưa bắt đầu.

39. DK is describing what is ‘visible’ on the systemic higher mental plane through clairvoyant sight.

39. Chân sư DK đang mô tả điều ‘thấy được’ trên Cõi thượng trí của hệ thống qua linh thị thông nhãn.

They are vibrant, and scintillating "light" but not of excessive brightness.

Chúng là “ánh sáng” rung động và lấp lánh nhưng không quá chói sáng.

40. DK tells us that the petals are vibrant and are radiating light in a “scintillating” manner. The use of the word “scintillating” is interesting; it is used more as a verb/ gerund than as an adjective.

40. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các cánh hoa rung động và đang phát ra ánh sáng theo cách “lấp lánh”. Việc dùng từ “lấp lánh” thật thú vị; nó được dùng như một động từ/danh động từ hơn là như một tính từ.

41. One can sense the life inherent in the bud. The light gives evidence of the pulsation characteristic of the first ray.

41. Người ta có thể cảm nhận sự sống cố hữu trong nụ. Ánh sáng cho thấy sự rung mạch vốn là đặc trưng của cung một.

42. That which is constructed on the higher mental plane is a ‘light structure’ or a ‘light formation’. It is a ‘body of light’.

42. Điều được kiến tạo trên Cõi thượng trí là một ‘cấu trúc ánh sáng’ hay một ‘hình thành ánh sáng’. Nó là một ‘thể ánh sáng’.

These "lotus buds" are in groups,

Những "nụ sen" này ở thành nhóm,

43. We may presume (at length) *four* groups which will become the four tiers of petals. Of course the fourth group of lotuses are related directly to the buddhic plane but the final three lotuses are not considered in this part of the description.

43. Chúng ta có thể giả định (về sau) *bốn* nhóm sẽ trở thành bốn tầng cánh hoa. Dĩ nhiên nhóm hoa sen thứ tư liên hệ trực tiếp với cõi Bồ đề nhưng ba hoa sen cuối cùng không được xét đến trong phần mô tả này.

44. As for the fifth part of the lotus, will it be the Jewel in the Lotus?

44. Còn về phần thứ năm của hoa sen, liệu đó có phải là Ngọc trong Hoa Sen không?

according to the influence of the particular ones of the fivefold Dhyanis Who are acting upon it and Who form it out of Their own substance, colouring it faintly with the "fire of manas."

theo ảnh hưởng của những vị đặc thù trong các Dhyanis ngũ phân đang tác động lên nó và tạo thành nó từ chính chất liệu của Các Ngài, nhuộm nó một cách nhè nhẹ bằng "lửa của trí tuệ."

45. The Dhyanis or Solar Angels are *fivefold.* Are they are kind of 'group Entity'+ Do we have one Dhyani in five aspects or a composite Being made of five types of Dhyanis? Or is there truth in both possibilities?

45. Các Dhyanis hay các Thái dương Thiên Thần là *ngũ phân.* Phải chăng Các Ngài là một loại 'Thực Thể nhóm'? Chúng ta có một Dhyani trong năm phương diện hay một Hữu thể tổng hợp được tạo thành từ năm loại Dhyanis? Hay cả hai khả năng đều đúng?

46. Is the Solar Angels a fivefold (or even twelvefold) *emanative* ***group*** *Being*?

46. Các Thái dương Thiên Thần có phải là một Hữu thể *nhóm****phát xạ*** *ngũ phân (hay thậm chí thập nhị phân)*?

47. The egoic lotus is formed of substance of the third subplane of the mental plane. Yet, as well, the Dhyanis Who act upon this higher mental plane substance form the bud lotus "out of Their own substance"? How shall we understand this?

47. Hoa Sen Chân Ngã được tạo thành từ chất liệu của cõi phụ thứ ba của cõi trí. Tuy nhiên, đồng thời, các Dhyanis đang tác động lên chất liệu Cõi thượng trí này lại tạo thành nụ sen "từ chính chất liệu của Các Ngài"? Chúng ta phải hiểu điều này như thế nào?

48. We might think that They provide *a kind of energy-pattern* into which the mental elemental essence is drawn and to which it conforms.

48. Chúng ta có thể nghĩ rằng Các Ngài cung cấp *một loại mô hình năng lượng* để tinh chất hành khí trí tuệ bị hút vào đó và tuân theo nó.

49. The "substance" of the Dhyanis is "substance energy" and what the Dhyanis provide may be thought of as an 'energy form' which abides as the *form* of the lotus, with the elemental essence of the higher mental plane *built into* that solar-angelically-sustained form.

49. "Chất liệu" của các Dhyanis là "năng lượng-chất liệu", và điều các Dhyanis cung cấp có thể được xem như một 'hình thể năng lượng' tồn tại như *hình tướng* của hoa sen, với tinh chất hành khí của Cõi thượng trí được *xây vào trong* hình tướng được các Thái dương Thiên Thần duy trì ấy.

[Page 709]

[Page 709]

Second. There appears a triangle on the mental plane, produced by manasic activity, and this triangle of fire begins slowly to circulate between the manasic permanent atom, and a point at the centre of the egoic lotus, and thence to the **mental unit**, **which has appeared upon the fourth subplane through innate instinct approximating mentality.**

Thứ hai. Một tam giác xuất hiện trên cõi trí, được tạo ra bởi hoạt động manas, và tam giác lửa này bắt đầu chậm rãi lưu chuyển giữa nguyên tử trường tồn manas, và một điểm ở trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã, rồi từ đó đến **đơn vị hạ trí**, **đã xuất hiện trên cõi phụ thứ tư nhờ bản năng bẩm sinh xấp xỉ trí tuệ.**

50. This triangle of fire is depicted in TCF, Chart IX, 823.

50. Tam giác lửa này được mô tả trong TCF, Biểu đồ IX, 823.

51. We may judge that no mental unit appears in the case of non-individualized animal man.

51. Chúng ta có thể phán đoán rằng không có đơn vị hạ trí nào xuất hiện trong trường hợp người thú chưa được biệt ngã hóa.

52. We note that at first the circulation is not fast.

52. Chúng ta lưu ý rằng lúc đầu sự lưu chuyển không nhanh.

53. The mental unit, we understand, is *not given* by the Solar Angels as some may have supposed, but is a natural evocation arising from the extension of instinctual process.

53. Theo chúng ta hiểu, đơn vị hạ trí *không được ban cho* bởi các Thái dương Thiên Thần như một số người có thể đã giả định, mà là một sự gợi lên tự nhiên phát sinh từ sự mở rộng của tiến trình bản năng.

54. What is at the center of the egoic lotus? Can we think of it as a Divine Flame, the expression of the Monad through higher mental matter? Or as the seed of the Jewel in the Lotus?

54. Điều gì ở trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã? Chúng ta có thể nghĩ về nó như một Ngọn Lửa thiêng liêng, biểu hiện của chân thần thông qua vật chất thượng trí chăng? Hay như hạt giống của Ngọc trong Hoa Sen?

55. The driving instinctual force of intelligence within the animal kingdom will move towards the emergence of mentality. *Instinct* naturally (though unconsciously) seeks to become self-consciousness *mentality*.

55. Mãnh lực bản năng thúc đẩy của trí tuệ trong giới động vật sẽ tiến về sự xuất hiện của tâm trí. *Bản năng* một cách tự nhiên (dù vô thức) tìm cách trở thành ngã thức, thành *tâm trí.*

This triangle of fire, which is formed of **pure electrical manasic force**, waxes ever brighter until it produces an answering

Tam giác lửa này, được tạo thành từ **mãnh lực manas điện thuần túy**, ngày càng sáng

vibration from both the lower and the higher.

56. By the "higher" can be meant the world of the spiritual triad.

57. By the "lower" can be meant the world of the lower three lunar vehicles—the gradually emerging world of personality.

58. What might be the origin or "pure electrical manasic force"? It would seem to derive from the manasic permanent atom which is the source of purer manasic force than any manasic center below it, and which is also placed on the *first* subplane of the mental plane; thus the connection of the manasic permanent atom to electric fire—a fire more demonstrable on the first subplane of a series of seven subplanes than on any other.

59. In one respect, this "pure electrical manasic force" is an expression of electric fire.

60. We have seen earlier, however, how, in the second major solar system, there is no energy of pure will, but that the fire of will is derived from the highest level of the cosmic mental plane.

61. The "pure electrical" variety of any kind of force will always be found on the atomic subplane of the vibratory dimension by means of which that force is expressed.

This triangle is the nucleus of the antaskarana.

62. In a way the antahkarana, though eventually linear, is initially *triangular.*

hơn cho đến khi nó tạo ra một rung động đáp ứng từ cả phía thấp lẫn phía cao.

56. "Phía cao" có thể được hiểu là thế giới của Tam nguyên tinh thần.

57. "Phía thấp" có thể được hiểu là thế giới của ba vận cụ nguyệt tinh quân thấp hơn—thế giới phàm ngã đang dần xuất hiện.

58. Nguồn gốc của "mãnh lực manas điện thuần túy" này có thể là gì? Dường như nó phát sinh từ nguyên tử trường tồn manas, vốn là nguồn của mãnh lực manas tinh khiết hơn bất kỳ trung tâm manas nào bên dưới nó, và cũng được đặt trên cõi phụ *thứ nhất* của cõi trí; do đó có mối liên hệ của nguyên tử trường tồn manas với Lửa Điện—một ngọn lửa được biểu lộ rõ hơn trên cõi phụ thứ nhất của một chuỗi bảy cõi phụ so với bất kỳ cõi nào khác.

59. Ở một phương diện, "mãnh lực manas điện thuần túy" này là một biểu hiện của Lửa Điện.

60. Tuy nhiên, trước đây chúng ta đã thấy rằng trong hệ mặt trời lớn thứ hai, không có năng lượng của ý chí thuần túy, mà lửa của ý chí được rút ra từ cấp độ cao nhất của cõi trí vũ trụ.

61. Loại "điện thuần túy" của bất kỳ loại mãnh lực nào cũng sẽ luôn được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của chiều kích rung động mà nhờ đó mãnh lực ấy được biểu hiện.

Tam giác này là hạt nhân của antahkarana.

62. Theo một cách nào đó, antahkarana, dù cuối cùng mang tính tuyến tính, lúc ban đầu lại *có tính tam giác.*

63. Even at our present stage of development, the three 'lines' of the antahkarana can be utilized.

63. Ngay cả ở giai đoạn phát triển hiện nay của chúng ta, ba 'đường' của antahkarana vẫn có thể được sử dụng.

The work of the highly evolved man is to reduce this triangle to a unity, and by means of high **aspiration (which is simply transmuted desire affecting mental matter**) turn it into the Path

Công việc của con người tiến hóa cao là giảm tam giác này thành một hợp nhất, và bằng **khát vọng cao cả (vốn đơn giản là dục vọng đã được chuyển hoá tác động lên vật chất trí tuệ**) biến nó thành Con Đường

64. The most direct aspect of the threefold antahkarana is the line of energy connecting the mental unit with the manasic permanent atom.

64. Phương diện trực tiếp nhất của antahkarana tam phân là đường năng lượng nối đơn vị hạ trí với nguyên tử trường tồn manas.

65. Soul energy is attracted to and absorbed by the mental unit so there is no need to continue expending effort to achieve causal consciousness. As spiritual development proceeds, that line of energy is superseded. The line of energy from the center of the egoic lotus to the manasic permanent atom is also superseded.

65. Năng lượng linh hồn bị hút về và được hấp thụ bởi đơn vị hạ trí nên không còn cần tiếp tục nỗ lực để đạt tâm thức nguyên nhân nữa. Khi sự phát triển tinh thần tiến triển, đường năng lượng ấy bị thay thế. Đường năng lượng từ trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã đến nguyên tử trường tồn manas cũng bị thay thế.

66. This is a very good definition of "aspiration". We see that the energy or force of a lower plane can affect a higher.

66. Đây là một định nghĩa rất hay về "khát vọng". Chúng ta thấy rằng năng lượng hay mãnh lực của một cõi thấp có thể tác động lên một cõi cao hơn.

67. Transmuted desire is *elevated* desire.

67. Dục vọng đã được chuyển hoá là dục vọng *được nâng cao.*

68. DK seems to be telling us that all true aspiration has a mentally conceived objective.

68. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng mọi khát vọng chân chính đều có một mục tiêu được quan niệm bằng trí tuệ.

69. When transmuted desire touches the mental plane, the quality of thought which necessarily be elevated.

69. Khi dục vọng đã được chuyển hoá chạm đến cõi trí, phẩm tính của tư tưởng tất yếu sẽ được nâng cao.

and thus reproduce in a higher synthetic form the earlier "path" along which **the descending Spirit came to take possession of its vehicle, the causal body**, and from thence again work through the lower personal self.

và như thế tái tạo trong một hình thức tổng hợp cao hơn "con đường" trước kia mà theo đó **Tinh thần giáng hạ đã đến để chiếm hữu vận cụ của nó, thể nguyên nhân**, và từ đó lại hoạt động qua phàm ngã thấp hơn.

70. There are two paths along which the "descending Spirit" can take possession of the causal body. One is direct and one is indirect.

70. Có hai con đường mà theo đó "Tinh thần giáng hạ" có thể chiếm hữu thể nguyên nhân. Một là trực tiếp và một là gián tiếp.

71. The direct path sees the Monad extending itself as the very center of the egoic lotus. The Jewel in the Lotus is a reflection of the Monad. Perhaps it is more than a reflection.

71. Con đường trực tiếp cho thấy chân thần tự mở rộng như chính trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã. Ngọc trong Hoa Sen là một phản chiếu của chân thần. Có lẽ nó còn hơn cả một phản chiếu.

72. The indirect path sees the Monad reaching the egoic lotus via the permanent atoms of the spiritual triad.

72. Con đường gián tiếp cho thấy chân thần đạt đến Hoa Sen Chân Ngã thông qua các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần.

73. We are not told exactly when in the process the Spirit descends to take possession of the causal body, but that descent is surely of the utmost importance.

73. Chúng ta không được cho biết chính xác vào lúc nào trong tiến trình Tinh thần giáng xuống để chiếm hữu thể nguyên nhân, nhưng sự giáng xuống ấy chắc chắn có tầm quan trọng tối hậu.

74. We come to understand that it is not only the Solar Angel which is working through the lower personal self (via the permanent atoms) but that the Spirit does so as well. The Spirit has a direct connection with the five permanent atoms and eventually with the mental unit. During the second outpouring, the Spirit/Monad appropriated the five permanent atoms.

74. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng không chỉ Thái dương Thiên Thần đang hoạt động qua phàm ngã thấp hơn (thông qua các nguyên tử trường tồn) mà Tinh thần cũng làm như vậy. Tinh thần có một liên hệ trực tiếp với năm nguyên tử trường tồn và cuối cùng với đơn vị hạ trí. Trong lần tuôn đổ thứ hai, Tinh thần/chân thần đã chiếm dụng năm nguyên

There was at that early time, however, no mental unit to appropriate.

tử trường tồn. Tuy nhiên, vào thời kỳ sớm ấy chưa có đơn vị hạ trí nào để chiếm dụng.

75. Whenever the Monad extends itself to take possession, it is justifiable to consider that we are witnessing the sutratma in expression.

75. Bất cứ khi nào chân thần tự mở rộng để chiếm hữu, đều có thể chính đáng xem rằng chúng ta đang chứng kiến sutratma trong biểu hiện.

Third. At a certain stage of vibratory activity, the work of the **Lords of the Flame having produced a body or form** and a vibration calling for response, there occurs a practically simultaneous happening.

Thứ ba. Ở một giai đoạn nhất định của hoạt động rung động, khi công việc của các **Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa đã tạo ra một thể hay hình tướng** và một rung động kêu gọi sự đáp ứng, thì xảy ra một biến cố hầu như đồng thời trên thực tế.

76. By reading the "records", DK must have witnessed a process of individualization. There has not been an instance of such a process for millions of years.

76. Qua việc đọc các "biên niên ký", Chân sư DK hẳn đã chứng kiến một tiến trình biệt ngã hóa. Đã không có một trường hợp nào như thế trong hàng triệu năm.

77. Thus far, a ninefold vibration has appeared on the higher mental plane.

77. Cho đến lúc này, một rung động cửu phân đã xuất hiện trên Cõi thượng trí.

78. A triangle of fire (which is the seed of the antahkarana) has appeared uniting the manasic permanent atom, the center of the egoic lotus and the mental unit.

78. Một tam giác lửa (là hạt giống của antahkarana) đã xuất hiện, nối kết nguyên tử trường tồn manas, trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã và đơn vị hạ trí.

79. The Lords of the Flame are form-Builders.

79. Các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa là các đấng kiến tạo hình tướng.

80. They have created not only a body of the higher mental plane but a complex invocatory vibration. That vibration calls for a response, from above.

80. Các Ngài không chỉ tạo ra một thể của Cõi thượng trí mà còn tạo ra một rung động khẩn cầu phức hợp. Rung động ấy kêu gọi một sự đáp ứng từ bên trên.

A downflow of buddhi takes place along the line of the manasic triangle until it reaches a point at the very centre of the lotus.

Một sự tuôn đổ xuống của Bồ đề diễn ra dọc theo đường của tam giác manas cho đến khi nó đạt tới một điểm ngay tại trung tâm của hoa sen.

81. The solar angelically induced vibration on the higher mental plane has become invocative. Invocation is a mathematical process. Vibrations invoke or induce resonant vibrations.

81. Rung động do Thái dương Thiên Thần cảm ứng trên Cõi thượng trí nay đã trở nên có tính khẩn cầu. Khẩn Cầu là một tiến trình toán học. Các rung động khẩn cầu hay cảm ứng những rung động cộng hưởng.

82. Is the point at the very center of the lotus to be found (at this juncture of the evolutionary process) on the third subplane of the mental plane?

82. Có phải điểm ngay tại trung tâm của hoa sen được tìm thấy (ở chặng này của tiến trình tiến hoá) trên cõi phụ thứ ba của cõi trí không?

83. The manasic vibration (gathered into form by the still higher vibration of the Solar Angel) invokes a "downflow of buddhi" which reaches the center of the lotus where the Jewel in the Lotus will appear.

83. Rung động manas (được tập hợp thành hình tướng bởi rung động còn cao hơn của Thái dương Thiên Thần) khẩn cầu một "sự tuôn đổ xuống của Bồ đề", và sự tuôn đổ này chạm tới trung tâm của hoa sen, nơi Ngọc trong Hoa Sen sẽ xuất hiện.

84. It is very easy to read that there is a "downflow of buddhi" "along the line of the manasic triangle", but what really does it mean? Without understanding the superimposition and interpenetration of the planes, such a deceptively simple statement cannot be understood.

84. Thật rất dễ đọc rằng có một "sự tuôn đổ xuống của Bồ đề" "dọc theo đường của tam giác manas", nhưng điều đó thực sự có nghĩa là gì? Nếu không hiểu sự chồng phủ và xuyên thấm của các cõi, thì một phát biểu có vẻ đơn giản một cách đánh lừa như thế không thể được thấu hiểu.

85. The center of the lotus is, presumably, on the *mental* plane. So in what manner can any higher energy such as buddhi actually descend to a lower plane? Will not energy or force descending to a lower plane become the energy or force of the plane to which it descends? This is an intricate question in occult physics.

85. Trung tâm của hoa sen, có lẽ, nằm trên cõi *trí tuệ*. Vậy thì bằng cách nào một năng lượng cao hơn như Bồ đề lại có thể thực sự giáng xuống một cõi thấp hơn? Chẳng phải năng lượng hay mãnh lực giáng xuống một cõi thấp hơn sẽ trở thành năng lượng hay mãnh lực của chính cõi mà nó giáng xuống sao? Đây là một câu hỏi phức tạp trong vật lý học huyền bí.

86. However, it is possible to have the *detectable presence* of buddhic force on the higher mental plane or even on the systemic etheric-physical plane.

86. Tuy nhiên, có thể có *sự hiện diện có thể nhận biết được* của mãnh lực Bồ đề trên Cõi thượng trí hay thậm chí trên cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống.

87. Planes are interpenetrating and energy is accessible from 'positions' of lower vibration.

87. Các cõi xuyên thấm lẫn nhau, và năng lượng có thể tiếp cận được từ những 'vị trí' có rung động thấp hơn.

88. It would seem that the principle of resonance must be understood is the means of transmission is to be even slightly grasped.

88. Dường như nguyên lý cộng hưởng phải được thấu hiểu nếu phương tiện truyền dẫn muốn được nắm bắt dù chỉ đôi chút.

There, by the power of its own vibration,

Ở đó, bằng quyền năng của chính rung động của nó,

89. We appear to be speaking of the power or vibration of buddhi…

89. Dường như chúng ta đang nói về quyền năng hay rung động của Bồ đề…

it causes a change in the appearance of the lotus.

nó gây ra một sự thay đổi trong sắc tướng của hoa sen.

90. A new force-field is coming into the presence of lesser force-fields and is building new forms within those lesser force-fields. In other words, buddhi is building within the manasic field.

90. Một trường lực mới đang đi vào sự hiện diện của những trường lực nhỏ hơn và đang xây dựng những hình tướng mới bên trong những trường lực nhỏ hơn ấy. Nói cách khác, Bồ đề đang xây dựng bên trong trường manas.

91. The vibrations of one plane descend into that of another and lower plane when those higher vibrations induce resonant vibrations in the lower plane.

91. Các rung động của một cõi giáng xuống cõi khác và thấp hơn khi những rung động cao hơn ấy cảm ứng những rung động cộng hưởng trong cõi thấp hơn.

92. One must think carefully of that "descent" and "ascent" mean. It is not that buddhic atoms become mental atoms (descending) or that mental atoms become buddhic (ascending). Descent or ascent are *resonant induction.*

92. Người ta phải suy nghĩ cẩn thận về ý nghĩa của "giáng xuống" và "đi lên". Không phải là các nguyên tử Bồ đề trở thành các nguyên tử trí (khi giáng xuống), hay các nguyên tử trí trở thành Bồ đề (khi đi lên). Sự giáng xuống hay đi lên là *sự cảm ứng cộng hưởng.*

At the very heart of the lotus, three more petals appear which close in on the central flame,

Ngay tại trái tim của hoa sen, ba cánh hoa nữa xuất hiện, những cánh hoa này khép lại quanh ngọn lửa trung tâm,

93. That central flame was provided by monadic descent…We have not yet been told how the Monad descended as a central flame into the heart of the egoic lotus.

93. Ngọn lửa trung tâm ấy được cung cấp bởi sự giáng xuống của chân thần… Chúng ta vẫn chưa được cho biết chân thần đã giáng xuống như một ngọn lửa trung tâm vào trái tim của Hoa Sen Chân Ngã bằng cách nào.

covering it closely, and remaining closed until the time comes for the revelation of the "jewel in the Lotus."

che phủ nó sít sao, và vẫn khép kín cho đến khi thời điểm đến để mặc khải "Ngọc trong Hoa Sen."

94. It would seem that the central monadic flame must evolve into a reflection of the monadic Jewel. The Monad is indeed a Jewel and, it would seem, a truer, more essential Jewel than the Jewel in the Lotus.

94. Dường như ngọn lửa chân thần trung tâm phải tiến hoá thành một phản ánh của Ngọc chân thần. Quả thật chân thần là một Ngọc, và dường như là một Ngọc chân thực hơn, cốt yếu hơn Ngọc trong Hoa Sen.

95. Thus the occult evolution is from fire to crystal. How is this done?

95. Như vậy, tiến hoá huyền bí là từ lửa đến tinh thể. Điều này được thực hiện như thế nào?

The egoic lotus is now composed of twelve petals, nine of these appear at this stage in bud form and **three are completely hidden and mysterious.**

Hoa Sen Chân Ngã giờ đây gồm mười hai cánh hoa; chín cánh trong số đó ở giai đoạn này xuất hiện trong dạng nụ và **ba cánh hoàn toàn ẩn kín và huyền nhiệm.**

96. Buddhi is entirely latent within the lotus. With respect to the egoic lotus the three inner petals represent deep subjectivity.

96. Bồ đề hoàn toàn tiềm ẩn bên trong hoa sen. Xét đối với Hoa Sen Chân Ngã, ba cánh hoa bên trong biểu thị tính chủ quan sâu xa.

97. The central flame from which the Jewel in the Lotus will arise (or has arisen in essence) is still more completely hidden and mysterious.

97. Ngọn lửa trung tâm mà từ đó Ngọc trong Hoa Sen sẽ phát sinh (hay về bản chất đã phát sinh) còn ẩn kín và huyền nhiệm hơn nữa.

At the same time, the three permanent atoms are enclosed within the lotus,

Đồng thời, ba nguyên tử trường tồn được bao bọc bên trong hoa sen,

98. They existed before the formation of the lotus but are now gathered within its periphery.

98. Chúng đã hiện hữu trước khi hoa sen hình thành nhưng nay được tập hợp bên trong chu vi của nó.

99. So the appearance of a superior three (the mysterious synthesis petals in their most incipient stage) occurs at the same time as the enclosure of the members of the atomic triangle within the periphery of the causal body or lotus.

99. Vì vậy, sự xuất hiện của một bộ ba cao hơn (các cánh hoa tổng hợp huyền nhiệm trong giai đoạn sơ khởi nhất của chúng) xảy ra đồng thời với việc bao bọc các thành viên của tam giác nguyên tử bên trong chu vi của thể nguyên nhân hay hoa sen.

100. Note that the units enclosed are not *all of them* permanent atoms, strictly speaking.

100. Cần lưu ý rằng các đơn vị được bao bọc không phải *tất cả đều* là nguyên tử trường tồn, nói một cách nghiêm ngặt.

and are seen by the clairvoyant as three points of light **in the lower part of the bud, beneath** [Page 710] **the central portion.**

và được nhà thông nhãn thấy như ba điểm sáng **ở phần dưới của nụ, bên dưới** [Page 710] **phần trung tâm.**

101. We may be dealing with an arupic plane (from the perspective of man), but there are definitely spatial coordinates within this arupa level. Locality seems to mean very much what it does on the lower, rupa levels.

101. Chúng ta có thể đang đề cập đến một cõi vô sắc (từ góc nhìn của con người), nhưng chắc chắn có những toạ độ không gian trong cấp độ vô sắc này. Tính định vị dường như mang ý nghĩa rất gần với ý nghĩa của nó trên các cấp độ sắc tướng thấp hơn.

102. The words “lower part” indicate spatial location.

102. Những từ “phần dưới” chỉ ra vị trí không gian.

They form at this stage a dimly burning triangle.

Ở giai đoạn này, chúng tạo thành một tam giác cháy mờ.

103. So we have a triangle of “pure electrical manasic force” uniting the manasic permanent atom, the center of the egoic lotus-in-bud, and the mental unit and, also, another triangle, dimly burning, consisting of the three members of the lower atomic triangle—the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom.

103. Vì vậy, chúng ta có một tam giác của “mãnh lực manas điện thuần túy” nối kết nguyên tử trường tồn manas, trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã đang ở dạng nụ, và đơn vị hạ trí; đồng thời cũng có một tam giác khác, cháy mờ, gồm ba thành viên của tam giác nguyên tử thấp—đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần.

104. We see that one of the points (the mental unit) is found in *both* triangles.

104. Chúng ta thấy rằng một trong các điểm (đơn vị hạ trí) hiện diện trong *cả hai* tam giác.

105. Thus, in a sense, we have a *fivefold* structure.

105. Do đó, theo một nghĩa nào đó, chúng ta có một cấu trúc *ngũ phân*.

106. The light coming from the ninefold petal structure is not brilliant and the atomic triangle is only "dimly burning".

106. Ánh sáng phát ra từ cấu trúc chín cánh hoa không rực rỡ, và tam giác nguyên tử chỉ "cháy mờ".

The causal body, though only in an embryonic condition, is now ready for full activity as the eons slip away, and is complete in all its threefold nature.

Thể nguyên nhân, dù mới chỉ ở trong tình trạng phôithai, nay đã sẵn sàng cho hoạt động đầy đủ khi các đại kiếp trôi qua, và đã hoàn chỉnh trong toàn bộ bản chất tam phân của nó.

107. The proto-form of the causal body has now been sequentially built.

107. Nguyên mẫu sơ khai của thể nguyên nhân nay đã được xây dựng tuần tự.

108. Although its structure is embryonic of what it will one day become, the structure is foundationally complete.

108. Mặc dù cấu trúc của nó còn ở dạng phôi thai so với điều một ngày kia nó sẽ trở thành, nhưng về nền tảng, cấu trúc ấy đã hoàn chỉnh.

The matter aspect concerns the material form of the man in the three worlds, or his active intelligent personal self call be developed and controlled through the medium of the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom.

Phương diện vật chất liên quan đến hình tướng vật chất của con người trong ba cõi giới, hay phàm ngã thông minh năng động của y, có thể được phát triển và kiểm soát thông qua đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần.

109. This threefold collection is called the "atomic triangle". It is technically incorrect to say "the three lower permanent atoms" if the mental unit is included as the representative of mentality.

109. Bộ ba này được gọi là "tam giác nguyên tử". Nói "ba nguyên tử trường tồn thấp" là không chính xác về mặt kỹ thuật nếu đơn vị hạ trí được bao gồm như đại diện của trí tuệ.

110. As for the "matter aspect", when we discuss it, we usually mean the material form of man in the three worlds, but the causal body, although in an arupa state, is very much a part of the matter aspect—*solar-logically* considered.

110. Về "phương diện vật chất", khi bàn đến nó, chúng ta thường muốn nói đến hình tướng vật chất của con người trong ba cõi giới, nhưng thể nguyên nhân, dù ở trạng thái vô sắc, vẫn rất thuộc về phương diện vật chất—xét theo *logic của hệ mặt trời*.

The Spirit aspect lies concealed at the heart of the lotus,

111. Spirit is indeed represented within the egoic lotus, just as the spiritual triad is.

112. Note, we are not told *how* it arrived there or *when.*

in due course of time to stand revealed when the manasadevas have done their work. The **will that persists** forever is there.

113. When we think of the "will that persists" we cannot help but think of Vulcan which, interestingly, can be associated with all jewels and the pressure which makes jewels.

114. Vulcan is closely associated with the Heart of the Sun just as is the egoic lotus. With what *part* of the Heart of the Sun is Vulcan to be associated? The *jewel* association makes a lot of sense.

The consciousness aspect **embodying the love-wisdom of the divine Ego as it reveals itself by the means of mind is predominantly there**,

115. Something very important is being said here; we are locating the seat of the consciousness aspect within the egoic lotus We are essentially the Monad and when we, as the Monad, descend into the egoic lotus, monadic consciousness centralizes itself within the central flame at the heart of the lotus, essentially *within* the Jewel in the Lotus which will be formed over millions of years.

Phương diện Tinh thần ẩn kín tại trái tim của hoa sen,

111. Tinh thần quả thật được biểu hiện bên trong Hoa Sen Chân Ngã, cũng như Tam Nguyên Tinh Thần vậy.

112. Cần lưu ý, chúng ta không được cho biết *bằng cách nào* nó đã đến đó hay *vào lúc nào.*

để đến đúng thời sẽ đứng ra mặc khải khi các thiên thần manas đã hoàn tất công việc của họ. **Ý chí trường tồn** mãi mãi ở đó.

113. Khi nghĩ đến "Ý chí trường tồn", chúng ta không thể không nghĩ đến Vulcan, vốn thú vị thay, có thể được liên kết với mọi loại ngọc và với áp lực tạo nên ngọc.

114. Vulcan liên hệ mật thiết với Trái Tim Mặt Trời cũng như Hoa Sen Chân Ngã vậy. Vulcan phải được liên kết với *phần* nào của Trái Tim Mặt Trời? Sự liên hệ với *ngọc* thật rất có ý nghĩa.

Phương diện tâm thức **hiện thân Bác Ái – Minh Triết của chân ngã thiêng liêng khi nó tự bộc lộ qua phương tiện của trí tuệ, hiện diện ở đó một cách nổi trội**,

115. Ở đây đang nói một điều rất quan trọng; chúng ta đang xác định chỗ ngự của phương diện tâm thức bên trong Hoa Sen Chân Ngã. Về bản chất, chúng ta là chân thần, và khi chúng ta, với tư cách chân thần, giáng xuống Hoa Sen Chân Ngã, tâm thức chân thần tự tập trung vào ngọn lửa trung tâm tại trái tim của hoa sen, về căn bản là *bên trong* Ngọc trong Hoa Sen, vốn sẽ được hình thành qua hàng triệu năm.

116. Just the way a diamond is not formed immediately out of its carbon base, so, perhaps, the Jewel in the Lotus is not formed immediately from its matrix of flame. This is speculation and would have to be verified one way or the other.

116. Cũng như kim cương không được hình thành ngay lập tức từ nền carbon của nó, thì có lẽ Ngọc trong Hoa Sen cũng không được hình thành ngay lập tức từ khuôn nền bằng lửa của nó. Đây là suy đoán và cần được kiểm chứng theo cách này hay cách khác.

117. If wisdom is essentially buddhi, we can say that wisdom resides in the heart of the lotus because the three innermost petals are *part* of that heart. The three synthesis petals were created by a downflow of buddhic energy. The Jewel in the Lotus and the three central petals are, from one perspective, a unit of energy.

117. Nếu minh triết về bản chất là Bồ đề, chúng ta có thể nói rằng minh triết cư ngụ trong trái tim của hoa sen vì ba cánh hoa trong cùng là *một phần* của trái tim ấy. Ba cánh hoa tổng hợp được tạo ra bởi một sự tuôn đổ xuống của năng lượng Bồ đề. Ngọc trong Hoa Sen và ba cánh hoa trung tâm, từ một góc nhìn, là một đơn vị năng lượng.

118. The "divine Ego", again, may be considered the spiritual triad. Each of the three synthesis petals may be considered revelatory of one of the aspects of the spiritual triad.

118. "Chân ngã thiêng liêng", một lần nữa, có thể được xem là Tam Nguyên Tinh Thần. Mỗi một trong ba cánh hoa tổng hợp có thể được xem là mặc khải một trong các phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần.

119. Not only is the Solar Angel the expression of love-wisdom, but this can be said of the spiritual triad (in its true nature as the higher Ego), even though that triad can be directly associated with the Divine Will of the Monad. Really the spiritual triad is a bridge between the first and second aspect and partakes of both.

119. Không chỉ Thái dương Thiên Thần là biểu hiện của Bác Ái – Minh Triết, mà điều này cũng có thể nói về Tam Nguyên Tinh Thần (trong bản chất chân thực của nó như chân ngã cao hơn), dù tam nguyên ấy có thể được liên kết trực tiếp với Ý Chí thiêng liêng của chân thần. Thực ra Tam Nguyên Tinh Thần là một cây cầu giữa phương diện thứ nhất và thứ hai và dự phần vào cả hai.

and in the nine petals and their vibratory capacity lies hid all opportunity, all innate capacity to progress, and all the ability to function as a self-conscious unit, that entity we call Man.[37]

và trong chín cánh hoa cùng năng lực rungđộng của chúng ẩn giấu mọi cơ hội, mọi năng lực bẩm sinh để tiến bộ, và toàn bộ khả năng hoạt động như một đơn vị ngã thức, thực thể mà chúng ta gọi là Con Người.37

120. For the sake of visual clarity let us tabulate that which lies hid within the nine petals of the egoic lotus:

120. Vì sự rõ ràng trong hình dung, chúng ta hãy lập bảng những gì ẩn giấu trong chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã:

a. All opportunity

b. All innate capacity to progress

c. All ability to function as a self-conscious unit

121. Since the nine petals are directly stimulated by the spiritual triad (cf. TCF, Chart VIII, 817), the petals have a direction and developmental tendency which is not entirely dependent upon what man (as personality) brings to them from the lower worlds. The manasadevas direct the process of incorporation of human experience into the petal substance. Man merely *offers* his experience but cannot transmute it into egoic *quality.*

Footnote 37: *The Solar Lord, the Divine Ego.*

122. There is ambiguity here, for the Solar Lord both *is* and *is not* the Divine Ego. Yet, of course, there would be no Divine Ego expressing itself through a vehicle on the higher mental plane without the intervention of the Solar Lord of Solar Angel —at least in *our* solar system.

123. From another perspective, we, as a Divine Ego *are* a Solar Lord.

Of the two courses of soul development referred to by H. P. B. in her "Voice of the Silence" as the path of "Dhyana" and "Dharma" or the "Paramitas," Ramayana is based upon the latter.

a. Mọi cơ hội

b. Mọi năng lực bẩm sinh để tiến bộ

c. Toàn bộ khả năng hoạt động như một đơn vị ngã thức

121. Vì chín cánh hoa được Tam Nguyên Tinh Thần kích thích trực tiếp (x. TCF, Biểu đồ VIII, 817), nên các cánh hoa có một định hướng và xu hướng phát triển không hoàn toàn tùy thuộc vào điều con người (với tư cách phàm ngã) mang đến cho chúng từ các cõi thấp. Các thiên thần manas điều hướng tiến trình kết hợp kinh nghiệm của con người vào trong chất liệu cánh hoa. Con người chỉ đơn thuần *cung cấp* kinh nghiệm của mình nhưng không thể chuyển hoá nó thành *phẩm tính* chân ngã.

Chú thích 37: *Đấng Chúa Tể Thái Dương, Chân ngã thiêng liêng.*

122. Ở đây có sự mơ hồ, vì Đấng Chúa Tể Thái Dương vừa *là* vừa *không phải là* Chân ngã thiêng liêng. Tuy nhiên, dĩ nhiên, sẽ không có Chân ngã thiêng liêng nào tự biểu lộ qua một vận cụ trên Cõi thượng trí nếu không có sự can thiệp của Đấng Chúa Tể Thái Dương hay Thái dương Thiên Thần—ít nhất là trong *hệ mặt trời* của chúng ta.

123. Từ một góc nhìn khác, chúng ta, với tư cách một Chân ngã thiêng liêng, *là* một Đấng Chúa Tể Thái Dương.

Trong hai lộ trình phát triển linh hồn được H. P. B. đề cập trong "Tiếng Nói của Im Lặng" như con đường "Dhyana" và "Dharma" hay "Paramitas", Ramayana dựa trên con đường sau.

124. There are two Paths:

a. The Path of Dhyana (Dhyana refers to meditation.)

b. The Path of Dharma or the Paramitas (Dharma refers to right action,)

The "Seven Portals," referred to in the book of the same name, correspond very probably to the seven cantos of this sacred poem. But I have read only the first canto, and I shall give you the analysis of it, so far as I know. Excluding the preface to the poem, the first thing, in the first canto, is a description of the peculiar circumstances that attended Rama's birth in Dasaratha's family. Dasaratha is, as you all know, a descendant of solar kings, who began to rule over this earth from the time of Manu the Vyvaswatha.

125. There is a tradition of Solar Kings who directed the progress of humanity.

126. The very first Solar Kings were embodied Solar Angels themselves.

127. It is possible that certain Kumaras Who came to the Earth-globe with Sanat Kumara may also have served in the role of Solar Kings.

As his name implies, he is a king whose car can travel in ten directions, or taking the occult microcosmic sense he is king of the human body, which has ten senses of action and perception that connect it with the ten directions.

124. Có hai Con Đường:

a. Con đường Dhyana (Dhyana chỉ tham thiền.)

b. Con đường Dharma hay Paramitas (Dharma chỉ hành động đúng đắn,)

“Bảy Cổng”, được nhắc đến trong quyển sách cùng tên, rất có thể tương ứng với bảy khúc ca của bài thơ thiêng liêng này. Nhưng tôi chỉ mới đọc khúc ca thứ nhất, và tôi sẽ trình bày cho bạn phần phân tích của nó, trong phạm vi tôi biết. Nếu loại trừ lời tựa của bài thơ, điều đầu tiên trong khúc ca thứ nhất là một sự mô tả về những hoàn cảnh đặc biệt đi kèm với sự ra đời của Rama trong gia đình Dasaratha. Như tất cả các bạn đều biết, Dasaratha là hậu duệ của các vua Thái Dương, những vị đã bắt đầu cai quản trái đất này từ thời Đức Manu Vyvaswatha.

125. Có một truyền thống về các Vua Thái Dương đã định hướng sự tiến bộ của nhân loại.

126. Những Vua Thái Dương đầu tiên chính là các Thái dương Thiên Thần nhập thể.

127. Có thể một số Kumaras đã đến bầu Địa Cầu cùng với Đức Sanat Kumara cũng từng phụng sự trong vai trò các Vua Thái Dương.

Như tên gọi của ông hàm ý, ông là một vị vua có cỗ xe có thể đi theo mười hướng, hay nếu hiểu theo nghĩa huyền bí vi mô, ông là vua của thể người, thể này có mười giác quan hành động và tri giác nối nó với mười phương hướng.

128. This is pure Raja Yoga.

You are thoroughly familiar with the idea that our ancient philosophers used to describe the body as a town with nine gates. The nine gates are, as you know, the nine orifices of the human body. If you add to the nine one more for the orifice known as the Brahma-rundra or the door of Brahma, you get ten gates corresponding to the ten directions.

129. This would relate to the female reproductive organs.

The word "Dasaratha" indicates the consciousness connected with our senses, which consciousness is inferior to the consciousness which we call mind.

—*The Theosophist,* Vol. XIII, p. 340.

130. The mind is antecedent to the senses which are extensions of the mind.

Mahadeva sits at the heart,

131. Mahadeva is Spirit or Monad and is the *seat of consciousness* within the heart of the lotus.

132. Mahadeva is the Lord of the first aspect of divinity.

Surya or Vishnu reveals Him in His essence as the Wisdom of Love and the Love of Wisdom, and Brahma, the Creative Logos makes that revelation possible.

128. Đây là Raja Yoga thuần túy.

Bạn hoàn toàn quen thuộc với ý tưởng rằng các triết gia cổ xưa của chúng ta từng mô tả thể như một thành phố có chín cổng. Chín cổng ấy, như bạn biết, là chín lỗ mở của thể người. Nếu bạn cộng thêm vào chín cổng ấy một cổng nữa là lỗ mở được gọi là Brahma-rundra hay cửa Brahma, bạn sẽ có mười cổng tương ứng với mười phương hướng.

129. Điều này sẽ liên hệ đến các cơ quan sinh sản nữ.

Từ "Dasaratha" chỉ tâm thức gắn liền với các giác quan của chúng ta, tâm thức này thấp hơn tâm thức mà chúng ta gọi là trí tuệ.

—*The Theosophist,* Tập XIII, tr. 340.

130. Trí tuệ có trước các giác quan, vốn là những sự mở rộng của trí tuệ.

Mahadeva ngự tại trái tim,

131. Mahadeva là Tinh thần hay chân thần và là *chỗ ngự của tâm thức* bên trong trái tim của hoa sen.

132. Mahadeva là Chúa Tể của phương diện thứ nhất của thiên tính.

Surya hay Vishnu mặc khải Ngài trong bản chất của Ngài như Minh Triết của Tình thương và Tình thương của Minh Triết, còn Brahma, Đấng Sáng Tạo Thượng đế, làm cho sự mặckhải ấy trở nên khả hữu.

133. Surya and Vishnu (as we have seen when considering the Raja Deva Lords) are virtually equivalent terms.

133. Surya và Vishnu (như chúng ta đã thấy khi xem xét các Raja Deva Lords) hầu như là những thuật ngữ tương đương.

134. The second aspect is the Revealer. Its purpose is to reveal the first aspect.

134. Phương diện thứ hai là Đấng Mặc Khải. Mục đích của nó là mặc khải phương diện thứ nhất.

135. We could well ponder on the "Wisdom of Love" and the "Love of Wisdom". Perhaps the first of these is more difficult to understand, but it is clear that unless there is true Love, there can be no true Wisdom. Love, opens the door to Wisdom—the Wisdom of the Heart. We are familiar with the idea that Wisdom opens the door to Love.

135. Chúng ta rất nên suy ngẫm về "Minh Triết của Tình thương" và "Tình thương của Minh Triết". Có lẽ điều thứ nhất khó hiểu hơn, nhưng rõ ràng là nếu không có Tình thương chân thực thì không thể có Minh triết chân thực. Tình thương mở cánh cửa dẫn đến Minh triết—Minh triết của Trái Tim. Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng Minh triết mở cánh cửa dẫn đến Tình thương.

136. The wisdom aspect of divinity is often associated with the first ray aspect of the second ray. Those upon the wisdom line of the second ray go to Shamballa. Is DK telling us that the *essence* of Mahadeva is the Wisdom of Love or the Love of Wisdom? If so, it shows how closely the first aspect is connected to the second—especially in this solar system. The word "essence" should be pondered. We cannot, in this solar system, disconnect will from wisdom and love.

136. Phương diện minh triết của thiên tính thường được liên kết với phương diện cung một của cung hai. Những ai thuộc tuyến minh triết của cung hai sẽ đi đến Shamballa. Có phải Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng *bản chất* của Mahadeva là Minh Triết của Tình thương hay Tình thương của Minh triết không? Nếu vậy, điều đó cho thấy phương diện thứ nhất gắn bó mật thiết đến mức nào với phương diện thứ hai—đặc biệt trong hệ mặt trời này. Từ "bản chất" cần được suy ngẫm. Trong hệ mặt trời này, chúng ta không thể tách rời ý chí khỏi minh triết và tình thương.

137. Brahma makes the revelation possible on the eighteen lower subplanes.

137. Brahma làm cho sự mặc khải trở nên khả hữu trên mười tám cõi phụ thấp.

The Father in [Page 711] Heaven is to be revealed through the Christ, the Son, by the method of incarnation made possible through the work of the Holy Spirit.

Đức Cha trên [Page 711] Trời sẽ được mặc khải qua Đức Christ, Người Con, bằng phương pháp nhập thể được làm cho khả hữu nhờ công việc của Chúa Thánh Thần.

138. “No man commeth to the Father except by me.”

138. “Không ai đến được với Đức Cha ngoại trừ qua ta.”

139. The “Father” is, in a way, always in ‘darkness’ and requires revelation by His glorious “Son”.

139. “Đức Cha”, theo một nghĩa nào đó, luôn ở trong ‘bóng tối’ và cần được mặc khải bởi “Người Con” vinh quang của Ngài.

All this has been brought about by the sacrifice and instrumentality of **certain cosmic entities** who "offer Themselves" up in order that Man may be.

Tất cả điều này đã được mang lại bởi sự hi sinh và vai trò công cụ của **một số thực thể vũ trụ** những Đấng “hiến dâng Chính Các Ngài” để con người có thể hiện hữu.

140. DK seems to be calling the Solar Angels “cosmic” entities. If this is the case, it points to the monadic origin on the Solar Angels on levels higher than the cosmic physical plane, which is the plane of the solar system. Anything ‘above’ or ‘beyond’ the cosmic physical plane, can be considered, from one perspective, “cosmic”.

140. Dường như Chân sư DK đang gọi các Thái dương Thiên Thần là những thực thể “vũ trụ”. Nếu đúng như vậy, điều đó chỉ ra nguồn gốc chân thần của các Thái dương Thiên Thần ở những cấp độ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ, vốn là cõi của hệ mặt trời. Bất cứ điều gì ‘ở trên’ hay ‘vượt ngoài’ cõi hồng trần vũ trụ đều có thể, từ một góc nhìn, được xem là “vũ trụ”.

141. From another perspective, however, the Solar Angels are definitely part of still greater Angels on the cosmic mental plane—Beings Who can definitely be called *cosmic.*

141. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, các Thái dương Thiên Thần chắc chắn là một phần của những Thiên Thần còn vĩ đại hơn trên cõi trí vũ trụ—những Đấng chắc chắn có thể được gọi là *vũ trụ.*

From their very essence, they give out that which is needed to **produce the individualising principle**,

Từ chính bản chất của mình, các Ngài phát ra điều cần thiết để **tạo ra nguyên khí biệt ngã hóa**,

142. The “individualising principle” is a kind of *energy* which induces that type of perception we call “self-consciousness”.

142. “Nguyên khí biệt ngã hóa” là một loại *năng lượng* gây cảm ứng loại tri giác mà chúng ta gọi là “ngã thức”.

143. We are dealing with energies within energies and forces within forces. We must be careful not to overly materialize the various ‘characters’ involved in the drama of individualization.

143. Chúng ta đang đề cập đến những năng lượng trong các năng lượng và những mãnh lực trong các mãnh lực. Chúng ta phải cẩn thận đừng hiện hình hóa quá mức các ‘nhân vật’ khác nhau tham gia vào vở kịch của sự biệt ngã hóa.

and that which we call "self-consciousness,"

và điều mà chúng ta gọi là "ngãthức,"

144. There is always consciousness (inherent in cosmos), but if consciousness is to become *self*-consciousness, consciousness must *turn reflexive*, must turn back upon itself. Into the field of consciousness a center must be built and it must become, eventually and for a time, the most important content of consciousness.

144. Tâm thức luôn luôn hiện hữu (vốn cố hữu trong vũ trụ), nhưng nếu tâm thức muốn trở thành *ngã*-thức, tâm thức phải *quay trở lại phản chiếu chính nó*, phải quay trở lại trên chính nó. Trong trường tâm thức, một trung tâm phải được xây dựng, và cuối cùng, trong một thời gian, nó phải trở thành nội dung quan trọng nhất của tâm thức.

145. The process is achieved through 'centering' and 'dividing'. A center is cultivated and sustained and that center is divided from all other things. "This" and "that" come into existence.

145. Tiến trình này được thực hiện qua việc 'trung tâm hóa' và 'phân chia'. Một trung tâm được nuôi dưỡng và duy trì, và trung tâm ấy được tách ra khỏi mọi sự vật khác. "Cái này" và "cái kia" đi vào hiện hữu.

146. If we think of the first and fifth rays (the rays of a primary sign of individualization, Leo) we shall find this 'centering' and 'dividing' process.

146. Nếu chúng ta nghĩ đến cung một và cung năm (các cung của một dấu hiệu chủ yếu của sự biệt ngã hóa, Leo), chúng ta sẽ thấy tiến trình 'trung tâm hóa' và 'phân chia' này.

and thus enable the divine Spirit to enter into fuller life by means of limitation by form,

và như thế làm cho tinh thần thiêng liêng có thể đi vào sự sống đầy đủ hơn bằng phương tiện của sự giới hạn bởi hình tướng,

147. This almost seems a contradiction—to enter into that which is "fuller" through limitation. But, probably, the "divine Spirit", the Monad, would not have such an opportunity without the intervention of the Solar Angels. Any experience, however limiting, can be considered an expansion if it is an experience hitherto unpossessed.

147. Điều này gần như là một mâu thuẫn—đi vào điều "đầy đủ hơn" thông qua sự giới hạn. Nhưng có lẽ "tinh thần thiêng liêng", tức chân thần, sẽ không có cơ hội như vậy nếu không có sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần. Bất kỳ kinh nghiệm nào, dù có giới hạn đến đâu, cũng có thể được xem là một sự mở rộng nếu đó là một kinh nghiệm trước đây chưa từng có.

by means of the lessons garnered through a long pilgrimage, and through the "assimilation of manifold existences."

bằng những bài học thu lượm được qua một cuộc hành hương dài, và qua "sự đồng hoá nhiều kiếp hiện hữu."

148. We are given three ways in which the "divine Spirit" enters into fuller life:

148. Chúng ta được cho ba cách mà "tinh thần thiêng liêng" đi vào sự sống đầy đủ hơn:

a. By means of limitation of form

a. Bằng phương tiện của sự giới hạn của hình tướng

b. By means of the lessons garnered through a long pilgrimage

b. Bằng phương tiện của những bài học thu lượm được qua một cuộc hành hương dài

c. Through the "assimilation of manifold existences"

c. Qua "sự đồng hoá nhiều kiếp hiện hữu"

149. What is to be achieved? Full I-realization under the most limiting circumstances. There is no 'place' in time and space (however apparently circumscribed) where God shall not be "All in All" and know Himself to be "All in All".

149. Điều cần đạt được là gì? Sự chứng nghiệm trọn vẹn về cái Tôi trong những hoàn cảnh giới hạn nhất. Không có 'nơi chốn' nào trong thời gian và không gian (dù có vẻ bị giới hạn đến đâu) mà Thượng đế lại không là "Tất Cả trong Mọi Sự" và không tự biết mình là "Tất Cả trong Mọi Sự".

The fourth point to be noted is that when these three events have occurred, the light or fire that circulates along the manasic triangle is withdrawn to the centre of the lotus, and this "prototype" of the future antaskarana, if so it may be expressed, disappears.

Điểm thứ tư cần lưu ý là khi ba biến cố này đã xảy ra, ánh sáng hay lửa lưu chuyển dọc theo tam giác manas được rút về trung tâm của hoa sen, và "nguyên mẫu" này của antahkarana tương lai, nếu có thể nói như vậy, biến mất.

150. This is interesting as in the charts with which we are provided, this triangle is very much in evidence. (cf. Chart IX, TCF, 823)

150. Điều này thật thú vị vì trong các biểu đồ được cung cấp cho chúng ta, tam giác này hiện ra rất rõ. (x. Biểu đồ IX, TCF, 823)

151. Perhaps this chart represents conditions as they will exist for the highly developed disciple/initiate. That the triangle must refer to a high stage of development is evident because the egoic lotus is completely unfolded!

151. Có lẽ biểu đồ này biểu thị những điều kiện sẽ tồn tại đối với đệ tử/điểm đạo đồ phát triển cao. Rằng tam giác này hẳn phải chỉ một giai đoạn phát triển cao là điều hiển nhiên vì Hoa Sen Chân Ngã đã hoàn toàn khai mở!

152. We may presume that the light and fire circulating along the manasic triangle joins

152. Chúng ta có thể giả định rằng ánh sáng và lửa lưu chuyển dọc theo tam giác manas

the light and fire of Sprit already resident at the heart of the lotus.

hợp nhất với ánh sáng và lửa của Tinh thần vốn đã cư ngụ tại trái tim của hoa sen.

The threefold energy of the petals, the atoms and the "jewel" is now centralised, because impulse must now be generated which will produce a downflow of energy from the newly made causal vehicle into the three worlds of human endeavour.

Năng lượng tam phân của các cánh hoa, các nguyên tử và "ngọc" nay được tập trung hóa, vì xung lực giờ đây phải được phát sinh để tạo ra một sự tuônđổ xuống của năng lượng từ vận cụ nguyên nhân vừa được tạo thành vào ba cõi giới của nỗ lực nhân loại.

153. Before an initiative is undertaken, centralization is necessary. All is latent through potent.

153. Trước khi một sáng kiến được thực hiện, sự tập trung hóa là cần thiết. Mọi sự đều tiềm ẩn nhưng đầy uy lực.

154. We notice here that it is apparently not a question of the "jewel" being generated from the central fire over time. This reference suggests that the "jewel" exists from the beginning. The process surrounding the arising of the Jewel in the Lotus is still not explicitly presented.'

154. Ở đây chúng ta lưu ý rằng dường như không phải là vấn đề "ngọc" được tạo ra từ ngọn lửa trung tâm theo thời gian. Sự dẫn chiếu này gợi ý rằng "ngọc" hiện hữu ngay từ đầu. Tiến trình xoay quanh sự xuất hiện của Ngọc trong Hoa Sen vẫn chưa được trình bày minh nhiên.

155. Of course, we see the word "jewel" put in quotation marks, which may suggest that what is to be found at the heart of the lotus is, as are the twelve petals, far from existing in any final state of formation.

155. Dĩ nhiên, chúng ta thấy từ "ngọc" được đặt trong dấu ngoặc kép, điều này có thể gợi ý rằng điều được tìm thấy tại trái tim của hoa sen, cũng như mười hai cánh hoa, còn rất xa mới tồn tại trong bất kỳ trạng thái hình thành cuối cùng nào.

We have dealt with the method of individualisation through the coming in of the Lords of the Flame because **it is the prime method in this solar system**;

Chúng ta đã bàn đến phương pháp biệt ngã hóa thông qua sự xuất hiện của các Đấng Chúa Tể của Lửa vì **đó là phương pháp chủ yếu trong hệ mặt trời này**;

156. We presume, then, that it was not only the failure of our Planetary Logos through the Moon-chain which brought in the Lords of the Flame, but that *all* Planetary Logoi in *our* solar system would use a similar method, even if not in the same state of planetary duress as our Planetary Logos finds Himself.

156. Vậy thì chúng ta giả định rằng không chỉ sự thất bại của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta qua Dãy Mặt Trăng đã đưa các Đấng Chúa Tể của Lửa vào, mà *mọi* Hành Tinh Thượng Đế trong *hệ mặt trời* của chúng ta cũng sẽ dùng một phương pháp tương tự, dù không ở trong cùng trạng thái khốn khó hành tinh như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang thấy mình ở trong đó.

whatever methods may be pursued in the varying schemes and chains, this—at the middle stage—is the universal rule.

dù những phương pháp nào có thể được theo đuổi trong các hệ hành tinh và các Dãy khác nhau, thì đây—ở giai đoạn giữa—là quy luật phổ quát.

157. DK emphasizes this idea. It is universal within our solar system.

157. Chân sư DK nhấn mạnh ý tưởng này. Nó là phổ quát trong hệ mặt trời của chúng ta.

158. He also hints that varying methods may be used in other planetary schemes.

158. Ngài cũng gợi ý rằng những phương pháp khác nhau có thể được sử dụng trong các hệ hành tinh khác.

Karmic conditions having to do with a planetary Logos may effect modifications, and bring into action manasadevas whose activity may not be the same in working detail, but the results are ever similar, and the divine Egos in their causal bodies have analogous instruments to work through....

Những điều kiện nghiệp quả liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế có thể tạo ra những sửa đổi, và đưa vào hoạt động các thiên thần manas mà hoạt động của họ có thể không giống nhau trong chi tiết vận hành, nhưng kết quả thì luôn tương tự, và các chân ngã thiêng liêng trong các thể nguyên nhân của họ có những công cụ tương đồng để hoạt động qua đó....

159. The instruments are created through the work of the Solar Angels, however variously they may work.

159. Các công cụ ấy được tạo ra qua công việc của các Thái dương Thiên Thần, dù các Ngài có thể hoạt động khác nhau đến đâu.

160. It is still somewhat ambiguous whether the Solar Angels are to be called "divine Egos", but for the moment let us stay that the term seems to refer most to the higher part of man.

160. Vẫn còn phần nào mơ hồ liệu các Thái dương Thiên Thần có nên được gọi là "các chân ngã thiêng liêng" hay không, nhưng hiện thời chúng ta hãy nói rằng thuật ngữ này dường như chủ yếu chỉ phần cao hơn của con người.

161. There are one or two references in which Solar Angels are identified as "divine Egos".

161. Có một hoặc hai chỗ dẫn chiếu trong đó các Thái dương Thiên Thần được đồng nhất là "các chân ngã thiêng liêng".

162. VSK questions: "What part has been omitted here indicated by the ellipses?"

162. VSK đặt câu hỏi: "Phần nào đã bị lược bỏ ở đây, được chỉ ra bằng các dấu chấm lửng?"

A final point which is of profound significance is *that the Agnishvattas*

Một điểm *sau cùng* có ý nghĩa vô cùng sâu xa là *các Agnishvatta kiến tạo các cánh hoa từ*

construct the petals out of Their Own substance, which is substance energised by the principle [Page 712] *of "I-ness," or ahamkara.*

163. This is a vitally important statement. It does not suggest that there is no substance to be worked with on the higher mental plane, but that solar angelic *energy* is added to the energy of elemental substance on the higher mental plane and the result is the egoic lotus.

164. We must remember that substance is not 'stuff' but, really, energy.

165. If, in occultism, we could determine how energy is added to energy, or energy to force, or force to energy, or force to force, we would know much.

166. To answer this, laws of wave addition and laws of fusion would have to be studied.

167. The substance of the higher mental plane would not have conformed itself into the structure of the egoic lotus without the sustaining energy patterns provided by the Solar Angels or Manasadevas.

168. To understand the nature of substance energised by the principle of "I-ness" or ahamkara, we have to think of *energy* which *induces the perception* of I-ness or ahamkara. This is energy which builds a center within the field of consciousness and sustains that center with relative permanence when compared with the contents which enter consciousness in other ways. Due to the reflective and reflexive energy of the Manasadevas, that center in the field of

chính chất liệu của Các Ngài, tức chất liệu được tiếp sinh lực bởi nguyên khí [Page 712] *của "tính Tôi", hay ahamkara.*

163. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng. Điều này không gợi ý rằng không có chất liệu nào để làm việc trên Cõi thượng trí, mà là *năng lượng* thiên thần thái dương được thêm vào năng lượng của chất liệu hành khí trên Cõi thượng trí, và kết quả là Hoa Sen Chân Ngã.

164. Chúng ta phải nhớ rằng chất liệu không phải là "vật liệu" mà thực ra là năng lượng.

165. Nếu trong huyền bí học, chúng ta có thể xác định bằng cách nào năng lượng được thêm vào năng lượng, hay năng lượng vào mãnh lực, hay mãnh lực vào năng lượng, hay mãnh lực vào mãnh lực, thì chúng ta sẽ biết được rất nhiều.

166. Để trả lời điều này, các định luật về sự cộng sóng và các định luật về sự dung hợp sẽ phải được nghiên cứu.

167. Chất liệu của Cõi thượng trí hẳn đã không tự thích ứng thành cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã nếu không có các mô hình năng lượng duy trì do các Thái dương Thiên Thần hay các Manasadeva cung cấp.

168. Để hiểu bản chất của chất liệu được tiếp sinh lực bởi nguyên khí của "tính Tôi" hay ahamkara, chúng ta phải nghĩ đến *năng lượng gây ra sự tri giác* về tính Tôi hay ahamkara. Đây là năng lượng xây dựng một trung tâm trong trường tâm thức và duy trì trung tâm ấy với tính thường tồn tương đối khi so với những nội dung đi vào tâm thức bằng những cách khác. Do năng lượng phản chiếu và phản xạ của các Manasadeva, trung tâm ấy trong trường tâm thức có *sự liên tục*

consciousness has *continuity* and becomes, eventually, the most constant and real content of consciousness perceived.

và cuối cùng trở thành nội dung được tri giác bền vững và thực tại nhất của tâm thức.

They proceed to energise the permanent atoms with Their own positive force, so as to bring the fifth spirilla in due course of time into full activity and usefulness.

Các Ngài tiến hành tiếp sinh lực cho các nguyên tử trường tồn bằng chính mãnh lực dương của Các Ngài, để đưa loa tuyến thứ năm theo tiến trình thời gian vào hoạt động và công dụng trọn vẹn.

169. What is evident is that the fifth and other higher spirillae already exist within such permanent atoms, but that they are not *energized* into potency.

169. Điều hiển nhiên là loa tuyến thứ năm và các loa tuyến cao hơn khác đã hiện hữu sẵn trong các nguyên tử trường tồn như thế, nhưng chúng chưa được *tiếp sinh lực* đến mức hữu hiệu.

170. What energizes the spirillae? Certainly, upward striving must, but also the deliberate stimulation provided by the manasadevas.

170. Điều gì tiếp sinh lực cho các loa tuyến? Chắc chắn phải có sự vươn lên hướng thượng, nhưng cũng có sự kích thích có chủ ý do các manasadeva cung cấp.

171. As with all things unfolding, the spirillae have a range of possible unfoldment. The stage of early stimulation of the fifth spirilla is not the stage of the fullest stimulation and expression of that spirilla.

171. Cũng như với mọi điều đang khai mở, các loa tuyến có một phạm vi khai mở khả hữu. Giai đoạn kích thích ban đầu của loa tuyến thứ năm không phải là giai đoạn kích thích và biểu lộ đầy đủ nhất của loa tuyến ấy.

All possibility, all hopefulness and optimism, and all future success lies hid in these two points.

Mọi khả năng, mọi niềm hy vọng và lạcquan, và mọi thành công tương lai đều ẩn giấu trong hai điểm này.

172. Man has hopes for a beautiful and creative life pursued in freedom.

172. Con người có hy vọng về một đời sống đẹp đẽ và sáng tạo được theo đuổi trong tự do.

173. What are the two points which provide him with hope:

173. Hai điểm nào đem lại cho y niềm hy vọng:

a. That the Solar Angels construct the petals of his egoic lotus out of their own substance which is energized by the principle of I-ness

a. Rằng các Thái dương Thiên Thần kiến tạo các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã của y từ chính chất liệu của các Ngài, chất liệu ấy

được tiếp sinh lực bởi nguyên khí của tính Tôi

b. That the Solar Angels stimulate permanent atoms with their own positive force bringing the fifth spirilla eventually into a state of full stimulation. And can we say this also of the sixth spirilla? Or is this more stimulated by the spiritual triad, per se?

b. Rằng các Thái dương Thiên Thần kích thích các nguyên tử trường tồn bằng chính mãnh lực dương của các Ngài, cuối cùng đưa loa tuyến thứ năm vào trạng thái được kích thích hoàn toàn. Và chúng ta có thể nói điều này về loa tuyến thứ sáu nữa chăng? Hay loa tuyến này được kích thích nhiều hơn bởi chính Tam nguyên tinh thần?

c. As both fifth and sixth spirillae are related to processes within the Kingdom of Souls (from which one is almost graduated by the time of the fourth initiation) we might infer that the Solar Angels still have something to do with the stimulation of the sixth spirilla.

c. Vì cả loa tuyến thứ năm lẫn thứ sáu đều liên hệ đến các tiến trình bên trong Thiên Giới của các linh hồn (mà người ta hầu như đã tốt nghiệp khỏi đó vào thời điểm lần điểm đạo thứ tư), chúng ta có thể suy ra rằng các Thái dương Thiên Thần vẫn còn có điều gì đó liên quan đến sự kích thích loa tuyến thứ sáu.

The Egoic Ray concerns itself with the fifth spirilla and with the sixth, and is the cause of their emerging from latency and potentiality into power and activity. The Monadic Ray is the source of the stimulation of the seventh spirilla. (TCF 71-72)

Cung chân ngã liên quan đến loa tuyến thứ năm và thứ sáu, và là nguyên nhân khiến chúng thoát khỏi trạng thái tiềm ẩn và tiềm năng để đi vào quyền năng và hoạt động. Cung chân thần là nguồn gốc của sự kích thích loa tuyến thứ bảy. (TCF 71-72)

2. The fifth and sixth spirillae are more specifically under the egoic Ray, whatever that Ray may be. (TCF 531)

2. Loa tuyến thứ năm và thứ sáu đặc biệt nằm dưới cung chân ngã, bất kể cung ấy là cung nào. (TCF 531)

As we have seen, the work of the Agnishvattas on the mental plane resulted in a downflow of force or energy from the Monad (or Spirit)

Như chúng ta đã thấy, công việc của các Agnishvatta trên cõi trí đã dẫn đến một dòng mãnh lực hay năng lượng tuôn xuống từ chân thần (hay tinh thần)

174. The timing of this downflow from Spirit is not given. What we are shown is that it did not occur before the Agnishvattas began their building work on the higher mental plane.

174. Thời điểm của dòng tuôn xuống từ tinh thần này không được nêu ra. Điều được chỉ cho chúng ta thấy là nó đã không xảy ra trước khi các Agnishvatta bắt đầu công việc kiến tạo của mình trên Cõi thượng trí.

175. The downflow of force from the buddhic plane results in the formation of the three inmost petals—the synthesis petals.

175. Dòng mãnh lực tuôn xuống từ cõi Bồ đề dẫn đến sự hình thành của ba cánh hoa trong cùng nhất—các cánh hoa tổng hợp.

176. DK has suggested that the Monad or Spirit anchors itself as a divine flame at the very center of the lotus. When the divine flame becomes the Jewel in the Lotus remains to be seen. It could be immediately or there could be a timed process involved. Also the seed of the Jewel in the Lotus might still be a *jewel* but not the full formation of the seven-faceted Jewel in the Lotus:

176. Chân sư DK đã gợi ý rằng chân thần hay tinh thần tự neo mình như một ngọn lửa thiêng liêng ngay tại trung tâm của hoa sen. Khi nào ngọn lửa thiêng liêng trở thành Ngọc trong Hoa Sen thì vẫn còn phải chờ xem. Điều đó có thể xảy ra ngay lập tức hoặc có thể có một tiến trình theo thời gian. Ngoài ra, hạt mầm của Ngọc trong Hoa Sen vẫn có thể là một *viên ngọc* nhưng chưa phải là sự hình thành trọn vẹn của Ngọc trong Hoa Sen bảy mặt:

177. We gather that the work of the Agnishvattas serves as an invocation of the energy of the Monad. The second aspect (the Agnishvattas) prepares the way for the descent of the first aspect (the Monad).

177. Chúng ta hiểu rằng công việc của các Agnishvatta đóng vai trò như một sự khẩn cầu năng lượng của chân thần. Phương diện thứ hai (các Agnishvatta) chuẩn bị con đường cho sự giáng hạ của phương diện thứ nhất (chân thần).

178. In the preparation for individualization, there is cooperation between the first and second aspects.

178. Trong sự chuẩn bị cho biệt ngã hóa, có sự hợp tác giữa phương diện thứ nhất và thứ hai.

and this, in conjunction with the energy of the lower quaternary produced the appearance of the body of the Ego on the mental plane.

và điều này, kết hợp với năng lượng của bộ tứ thấp đã tạo ra sự xuất hiện của thể của Chân ngã trên cõi trí.

179. We see that the lower quaternary has something to do with the appearance of the body of the Ego on the mental plane. The atomic triangle is part of the body of the Ego we are told; thus the words, “in conjunction with”.

179. Chúng ta thấy rằng bộ tứ thấp có liên quan đến sự xuất hiện của thể của Chân ngã trên cõi trí. Chúng ta được cho biết rằng tam giác nguyên tử là một phần của thể của Chân ngã; vì thế mới có những lời “kết hợp với”.

180. We clearly see that if the body of the Ego on the mental plane is to appear three

types of energy, are, it would seem, simultaneously needed:

180. Chúng ta thấy rõ rằng nếu thể của Chân ngã trên cõi trí phải xuất hiện, thì dường như cần đồng thời có ba loại năng lượng:

a. The energy of the Agnishvattas

a. Năng lượng của các Agnishvatta

b. The energy of the Spirit or Monad

b. Năng lượng của tinh thần hay chân thần

c. The energy of the lower quaternary

c. Năng lượng của bộ tứ thấp

181. The body of the Ego does not appear before all three have worked together and in relation.

181. Thể của Chân ngã không xuất hiện trước khi cả ba cùng hoạt động với nhau và trong tương quan với nhau.

182. The causal body is not the Ego but is the "body of the Ego". The egoic lotus is also not the Ego, but the lotus which the Ego uses.

182. Thể nguyên nhân không phải là Chân ngã mà là "thể của Chân ngã". Hoa Sen Chân Ngã cũng không phải là Chân ngã, mà là hoa sen mà Chân ngã sử dụng.

183. What then is the "Ego"? We will have to stay that it is, essentially, the spiritual triad. The Monad and spiritual triad are reflected in the structure of the egoic lotus, through the Jewel in the Lotus and the twelve petals.

183. Vậy thì "Chân ngã" là gì? Chúng ta sẽ phải nói rằng về bản chất, đó là Tam nguyên tinh thần. Chân thần và Tam nguyên tinh thần được phản chiếu trong cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã, qua Ngọc trong Hoa Sen và mười hai cánh hoa.

In ordinary electric light, we have a faint illustration of the thought I seek to convey. By the approximation of the two polarities, light is created.

Trong ánh sáng điện thông thường, chúng ta có một minh họa mờ nhạt cho tư tưởng mà tôi tìm cách truyền đạt. Nhờ sự xích lại gần của hai cực tính, ánh sáng được tạo ra.

184. From relative darkness, light is created. Father and Mother, relatively are in darkness. Mother dwells in 'dark light' and Father has a light so intense that it appears to be darkness.

184. Từ bóng tối tương đối, ánh sáng được tạo ra. Cha và Mẹ, xét tương đối, ở trong bóng tối. Mẹ cư ngụ trong "ánh sáng tối", còn Cha có một ánh sáng mãnh liệt đến mức dường như là bóng tối.

By an analogous type of electrical phenomena, the light of the Monad shines forth,

Bằng một loại hiện tượng điện tương tự, ánh sáng của chân thần chiếu rạng,

185. It shines forth through the egoic lotus which is its vehicle and the vehicle of the "Son" aspect.

185. Nó chiếu rạng qua Hoa Sen Chân Ngã, là vận cụ của nó và là vận cụ của phương diện "Con".

but we have to extend the idea to the subtler planes, and deal with seven types of force or energy in connection with the one polarity and with four in connection with the other.

nhưng chúng ta phải mở rộng ý tưởng này đến các cõi vi tế hơn, và bàn đến bảy loại mãnh lực hay năng lượng liên hệ với một cực tính và bốn loại liên hệ với cực tính kia.

186. We have the number eleven. We remember that the number eleven is the number of the initiate.

186. Chúng ta có con số mười một. Chúng ta nhớ rằng số mười một là con số của điểm đạo đồ.

187. There are seven types of positive force —the force or energy of the seven rays.

187. Có bảy loại mãnh lực dương—mãnh lực hay năng lượng của bảy cung.

188. Note that DK does not in this context discriminating between force and energy.

188. Lưu ý rằng trong ngữ cảnh này Chân sư DK không phân biện giữa mãnh lực và năng lượng.

189. The forces associated with the negative polarity may be considered the forces of the four aspects of the lower quaternary—dense physical force, etheric force, astral force and lower mental force.

189. Các mãnh lực gắn với cực tính âm có thể được xem là các mãnh lực của bốn phương diện của bộ tứ thấp—mãnh lực hồng trần đậm đặc, mãnh lực dĩ thái, mãnh lực cảm dục và mãnh lực hạ trí.

190. From the numerological perspective, if we add

190. Từ góc độ số học huyền bí, nếu chúng ta cộng thêm

a. The seven forces associated with the positive polarity

a. bảy mãnh lực gắn với cực tính dương

b. The four forces associated with the lower quaternary

b. bốn mãnh lực gắn với bộ tứ thấp

c. The thirteen forces associated with the Agnishvattas—the twelve petals and the inmost jewel

c. mười ba mãnh lực gắn với các Agnishvatta —mười hai cánh hoa và viên ngọc trong cùng

d.

d.

e. we arrive at the number 24—the number of Shamballa.

191. If we add the number of the Solar Angel as a whole, our total number will be 25.

192. If we add the seven facets of the Jewel in the Lotus, our number will be 32.

193. If we add the energy of the grand entirety, our number will be the significant Christ number, 33.

A scientific formula for the process of individualisation conveys this dual approximation with its differing types of energy in one symbol and a number, but it cannot here be revealed.

194. This is promising. The Ageless Wisdom has encapsulated in symbolic form all the great ideas. The time will come for *revelation*. Before that time we must prove ourselves trustworthy and completely integrated in the *expression* of the Plan.

The Manasadevas are themselves **energised by force from the cosmic mental plane**—a force which has been in operation ever since the individualisation of the solar Logos in kalpas far distant.

195. This type individualization is not about the individualization of the Solar Logos *as a human man,* but as a Logos in His own right.

196. If we are talking about cosmic mental force, it is derivative from a type of Being Who provides higher cosmic manas to such

e. chúng ta đi đến con số 24—con số của Shamballa.

191. Nếu chúng ta cộng thêm con số của Thái dương Thiên Thần như một toàn thể, tổng số của chúng ta sẽ là 25.

192. Nếu chúng ta cộng thêm bảy mặt của Ngọc trong Hoa Sen, con số của chúng ta sẽ là 32.

193. Nếu chúng ta cộng thêm năng lượng của toàn thể vĩ đại, con số của chúng ta sẽ là con số Christ đầy ý nghĩa, 33.

Một công thức khoa học cho tiến trình biệt ngã hóa truyền đạt sự xích lại gần nhị nguyên này với các loại năng lượng khác nhau của nó trong một biểu tượng và một con số, nhưng ở đây không thể tiết lộ.

194. Điều này đầy hứa hẹn. Minh Triết Ngàn Đời đã hàm chứa trong hình thức biểu tượng mọi ý tưởng lớn lao. Thời điểm của sự *mặc khải* sẽ đến. Trước thời điểm ấy, chúng ta phải chứng tỏ mình đáng tin cậy và hoàn toàn tích hợp trong sự *biểu lộ* của Thiên Cơ.

Bản thân các Manasadeva **được tiếp sinh lực bởi mãnh lực từ cõi trí vũ trụ**—một mãnh lực đã hoạtđộng kể từ sự biệt ngã hóa của Thái dương Thượng đế trong những kalpa xa xăm.

195. Loại biệt ngã hóa này không nói về sự biệt ngã hóa của Thái dương Thượng đế *như một con người,* mà như một Logos theo quyền vị riêng của Ngài.

196. Nếu chúng ta đang nói về mãnh lực trí tuệ vũ trụ, thì nó phát sinh từ một loại Hữu thể cung cấp manas vũ trụ cao hơn cho

Beings as the Solar Logos. Just as the Solar Logos is a Man compared to the human man, so the cosmic Solar Angels are Angels compared with the Beings we usually call Solar Angels.

những Hữu thể như Thái dương Thượng đế. Cũng như Thái dương Thượng đế là một Con Người so với con người, thì các Thái dương Thiên Thần vũ trụ là các Thiên Thần so với những Hữu thể mà chúng ta thường gọi là Thái dương Thiên Thần.

197. As we have tried to explain in other commentaries, individualization for a great Group Being such as a Solar Logos is something far different from individualization for a man. It signifies becoming a *Cosmic Individual*—one who is cosmically Self-conscious—one Who can begin to *know Himself* as a *cosmic* Being.

197. Như chúng ta đã cố gắng giải thích trong các phần bình giải khác, biệt ngã hóa đối với một Hữu Thể Nhóm Vĩ Đại như Thái dương Thượng đế là điều hoàn toàn khác với biệt ngã hóa đối với một con người. Nó biểu thị việc trở thành một *Cá Thể Vũ Trụ*—một Đấng có ngã thức vũ trụ—một Đấng có thể bắt đầu *biết Chính Ngài* như một Hữu thể *vũ trụ*.

198. The following anent the Solar Logos (paralleling a similar phase in man—from individualization to the first initiation) applies in this context:

198. Điều sau đây liên quan đến Thái dương Thượng đế (song hành với một giai đoạn tương tự nơi con người—từ biệt ngã hóa đến lần điểm đạo thứ nhất) áp dụng trong ngữ cảnh này:

a. He [the Solar Logos] **has to attain to the full consciousness of His entire ring-pass-not, or of the seven planes of the solar system.** This covers a period wherein five of the Heavenly Men, or five of His centres, and therefore, five schemes, reach a stage of accurate response to contact and stimulation. (TCF 292)

a. Ngài [Thái dương Thượng đế] **phải đạt đến tâm thức trọn vẹn về toàn bộ vòng-giới-hạn của Ngài, hay về bảy cõi của hệ mặt trời.** Điều này bao trùm một thời kỳ trong đó năm Đấng Thiên Nhân, hay năm trung tâm của Ngài, và do đó năm hệ hành tinh, đạt đến một giai đoạn đáp ứng chính xác với tiếp xúc và kích thích. (TCF 292)

199. Individualization in this case, is the awakening of solar logoic consciousness to the cosmic ring-pass-not, just as newly individualized man must awaken to himself as a center in the three worlds and to that part of his nature which is called the "not-self".

199. Trong trường hợp này, biệt ngã hóa là sự thức tỉnh của tâm thức logoi thái dương đối với vòng-giới-hạn vũ trụ, cũng như con người vừa được biệt ngã hóa phải thức tỉnh với chính mình như một trung tâm trong ba cõi giới và với phần bản chất của y được gọi là "phi-ngã".

200. There are many beings which go to the constitution to the ring-pass-not of the Solar

200. Có nhiều hữu thể cấu thành vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế, và Ngài phải thức tỉnh đến sự tri giác rằng Ngài *là* họ.

Logos, and He has to awaken to the perception that He *is* them.

201. How many kalpas (probably mahamanvantaras) ago did this type of cosmic individualization take place? May we say five Mahakalpas ago? This is, after all, the fifth incarnation of our Solar Logos (*as a Solar Logos*).

202. When thinking of the Solar Angels or Manasadevas, let us always remember the cosmic mental connection.

They, **in Their corporate nature**,

203. We must remember that groups of Solar Angels (i.e., Solar Angels corporately considered) can become Planetary Logoi.

204. If groups of Solar Angels become Planetary Logoi, can groups of groups of Solar Angels become *Solar Logoi*?

205. The word "corporate" is very significant.

The student must bear in mind that in thinking of the Pitris, he must ever think in group terms. **The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi.**

The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine

201. Kiểu biệt ngã hóa vũ trụ này đã diễn ra cách đây bao nhiêu kalpa (có lẽ là các đại giai kỳ sinh hóa)? Chúng ta có thể nói là năm Đại giai kỳ sinh hóa trước chăng? Xét cho cùng, đây là lần lâm phàm thứ năm của Thái dương Thượng đế của chúng ta (*với tư cách một Thái dương Thượng đế*).

202. Khi nghĩ về các Thái dương Thiên Thần hay các Manasadeva, chúng ta hãy luôn nhớ đến mối liên hệ với cõi trí vũ trụ.

Các Ngài, **trong bản chất tập thể của Các Ngài**,

203. Chúng ta phải nhớ rằng các nhóm Thái dương Thiên Thần (tức các Thái dương Thiên Thần được xét một cách tập thể) có thể trở thành các Hành Tinh Thượng Đế.

204. Nếu các nhóm Thái dương Thiên Thần trở thành các Hành Tinh Thượng Đế, thì các nhóm của các nhóm Thái dương Thiên Thần có thể trở thành các *Thái dương Thượng đế* chăng?

205. Từ "tập thể" rất có ý nghĩa.

Đạo sinh phải ghi nhớ rằng khi nghĩ về các Pitri, y phải luôn nghĩ theo thuật ngữ nhóm. **Các Pitri đã tạo thành thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—tạo thành các Hành Tinh Thượng Đế.**

Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên quan đến đại công việc là những nhóm được nói đến, và chúng trở thành bốn mươi

planetary Logoi in connexion with seven solar systems. (TCF 878-879)

chín Hành Tinh Thượng Đế liên hệ với bảy hệ mặt trời. (TCF 878-879)

embody the will or purpose of the Logos, **and are the cosmic "prototypes" of our solar Angels.**

thể hiện ý chí hay mục đích của Logos, **và là các "nguyênmẫu" vũ trụ của các Thái dương Thiên Thần của chúng ta.**

206. Do our Solar Angels embody the will or purpose of a human man?

206. Các Thái dương Thiên Thần của chúng ta có thể hiện ý chí hay mục đích của một con người chăng?

207. Our Solar Angels are here to help expedite the purpose of our Monad. Can the same be said of the greater Solar Angels on the cosmic mental plane? Are They to help the Solar Logos as a *cosmic* Monad express cosmic monadic Will or Purpose?

207. Các Thái dương Thiên Thần của chúng ta ở đây để giúp xúc tiến mục đích của chân thần chúng ta. Điều tương tự có thể được nói về các Thái dương Thiên Thần lớn hơn trên cõi trí vũ trụ chăng? Các Ngài có phải để giúp Thái dương Thượng đế như một chân thần *vũ trụ* biểu lộ Ý Chí hay Mục Đích chân thần vũ trụ chăng?

208. Of course, the purpose of our Solar Logos also works through the more familiar type of Solar Angels who work on the systemic higher mental plane.

208. Dĩ nhiên, mục đích của Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng hoạt động qua loại Thái dương Thiên Thần quen thuộc hơn, những Đấng làm việc trên Cõi thượng trí của hệ thống.

209. We have one more possible angle of the statements above. The "Manasadevas" can be interpreted as Planetary Logoi, and then, would indeed, be energized by force from the cosmic mental plane.

209. Chúng ta còn một góc nhìn khả dĩ nữa về các phát biểu trên. "Các Manasadeva" có thể được diễn giải là các Hành Tinh Thượng Đế, và khi đó quả thực sẽ được tiếp sinh lực bởi mãnh lực từ cõi trí vũ trụ.

210. Just as man is energized by force from the systemic higher mental plane (Egoic force) so, if "Manasadevas", in this context, meant Planetary Logoi, They too would be energized by force from the causal levels of the cosmic mental plane.

210. Cũng như con người được tiếp sinh lực bởi mãnh lực từ Cõi thượng trí của hệ thống (mãnh lực chân ngã), thì nếu "Manasadeva", trong ngữ cảnh này, có nghĩa là các Hành Tinh Thượng Đế, Các Ngài cũng sẽ được tiếp sinh lực bởi mãnh lực từ các cấp độ nguyên nhân của cõi trí vũ trụ.

211. Or, the Manasadevas is question could be another name for the greater types of

211. Hoặc, các Manasadeva đang được nói đến có thể là một tên gọi khác của các loại Thái dương Thiên Thần vũ trụ lớn hơn, được

cosmic Solar Angels to be found energizing the higher cosmic mental plane.

212. We are left with the question: "Who or what may be the cosmic "prototypes" of our Solar Angels. We will state and ask:

a. Certain cosmic Solar Angels definitely are the cosmic prototypes of our Solar Angels.

b. Planetary Logoi are prototypical to man as a Monad.

c. Are Planetary Logoi impulsed from the causal levels of the cosmic mental plane *also* prototypical to *our* Solar Angels?

d. We must remember the thought that Planetary Logoi are formed of corporate groups of Solar Angels.

e. We have some intricate questions here. We must discriminate if we can, between:

i. Planetary Logoi focussed on the cosmic higher mental plane

ii. The cosmic prototypes of *our* Solar Angels considered to be a cosmic type of Solar Angel.

A solar Logos uses for His energy centres the planetary schemes, each of which embodies a peculiar type of energy, and each of which, therefore, **vibrates to the key of the logoic solar Angel,** of which the human solar Angel is a dim reflection. (TCF 1161)

tìm thấy đang tiếp sinh lực cho cõi thượng trí vũ trụ.

212. Chúng ta còn lại với câu hỏi: "Ai hay điều gì có thể là các "nguyên mẫu" vũ trụ của các Thái dương Thiên Thần của chúng ta?" Chúng ta sẽ nêu và hỏi:

a. Một số Thái dương Thiên Thần vũ trụ nhất định rõ ràng là các nguyên mẫu vũ trụ của các Thái dương Thiên Thần của chúng ta.

b. Các Hành Tinh Thượng Đế có tính nguyên mẫu đối với con người như một chân thần.

c. Các Hành Tinh Thượng Đế, được thúc đẩy từ các cấp độ nguyên nhân của cõi trí vũ trụ, có *cũng* mang tính nguyên mẫu đối với các Thái dương Thiên Thần *của* chúng ta chăng?

d. Chúng ta phải nhớ tư tưởng rằng các Hành Tinh Thượng Đế được hình thành từ các nhóm tập thể của các Thái dương Thiên Thần.

e. Ở đây chúng ta có một số câu hỏi phức tạp. Nếu có thể, chúng ta phải phân biện giữa:

i. Các Hành Tinh Thượng Đế tập trung trên cõi thượng trí vũ trụ

ii. Các nguyên mẫu vũ trụ của các Thái dương Thiên Thần *của* chúng ta, được xem là một loại Thái dương Thiên Thần vũ trụ.

Một Thái dương Thượng đế dùng các hệ hành tinh làm các trung tâm năng lượng của Ngài, mỗi hệ hành tinh thể hiện một loại năng lượng đặc thù, và do đó, mỗi hệ hành tinh **rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần logoi thái dương,** mà

Thái dương Thiên Thần của con người chỉ là một phản ánh mờ nhạt. (TCF 1161)

213. We may assume that if a Solar Logos has a "logoic solar Angel" (which must mean we are in the *second major incarnation* of a Cosmic Logos during which it is fitting for Solar Angels to intervene), then Planetary Logoi can certainly have *planetary* logoic Solar Angels.

213. Chúng ta có thể giả định rằng nếu một Thái dương Thượng đế có một "Thái dương Thiên Thần logoi" (điều này hẳn phải có nghĩa là chúng ta đang ở trong *lần lâm phàm lớn thứ hai* của một Thượng đế Vũ Trụ, trong đó việc các Thái dương Thiên Thần can thiệp là thích hợp), thì các Hành Tinh Thượng Đế chắc chắn có thể có các Thái dương Thiên Thần logoi *hành tinh*.

214. It becomes important to discover the relationship between *our* Solar Angels and our Planetary Logos or the Planetary Logoi in general. We know that the human Monad is part of the centers of a Planetary Logos. What can be said of a Solar Angel in this regard. While deva Monads also go to the constitution of the centers of a Solar Logos, do Solar Angels, specifically, find themselves in this type of role?

214. Điều quan trọng là phải khám phá mối liên hệ giữa các Thái dương Thiên Thần *của* chúng ta với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hay với các Hành Tinh Thượng Đế nói chung. Chúng ta biết rằng chân thần con người là một phần trong các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế. Vậy có thể nói gì về một Thái dương Thiên Thần trong phương diện này? Trong khi các chân thần thiên thần cũng góp phần vào cấu tạo các trung tâm của một Thái dương Thượng đế, thì riêng các Thái dương Thiên Thần có tự thấy mình trong loại vai trò này chăng?

The solar Angels on the mental plane of the system embody as much of that will and purpose as the Logos can work through in one single incarnation and as They, in Their groups, can develop.

Các Thái dương Thiên Thần trên cõi trí của hệ thống thể hiện chừng nào ý chí và mụcđích ấy mà Logos có thể vận hành qua trong một lần lâmphàm duy nhất và chừng nào mà chính Các Ngài, trong các nhóm của mình, có thể phát triển.

215. Our Solar Angels on the mental plane are recipients of the higher Will and Purpose as they are known on the cosmic mental plane—presumably by the Solar Angel of the Solar Logos and the Solar Angels of the Planetary Logoi (hypothesized).

215. Các Thái dương Thiên Thần của chúng ta trên cõi trí là những vị tiếp nhận Ý Chí và Mục Đích cao hơn như chúng được biết trên cõi trí vũ trụ—có lẽ bởi Thái dương Thiên Thần của Thái dương Thượng đế và các Thái dương Thiên Thần của các Hành Tinh Thượng Đế (theo giả thuyết).

216. Các nhóm Thái dương Thiên Thần dường như có tính *sáng tạo* đối với mục đích

216. Groups of Solar Angels seem to be *creative* with respect to solar logoic purpose, developing it as they sense it.

logoi thái dương, phát triển nó khi các Ngài cảm nhận được nó.

217. What is being said is that *cosmic* Purpose comes through our Solar Angels to *us,* though it obviously has a still higher Source.

217. Điều đang được nói là Mục Đích *vũ trụ* đi qua các Thái dương Thiên Thần của chúng ta đến *chúng ta,* dù hiển nhiên nó còn có một Nguồn cao hơn nữa.

218. The whole process of the individualization of man is *cosmically* impulsed and guided.

218. Toàn bộ tiến trình biệt ngã hóa của con người được thúc đẩy và hướng dẫn một cách *vũ trụ.*

219. We can begin to see who may be the Teachers of the ones we call Solar Angels.

219. Chúng ta có thể bắt đầu thấy ai có thể là các Huấn sư của những Đấng mà chúng ta gọi là các Thái dương Thiên Thần.

220. Solar Purpose is expressed through systemic Solar Angels. Is the purpose of a Cosmic Logos expressed through cosmic Solar Angels? Analogically, it would seem to be the case.

220. Mục Đích Thái dương được biểu lộ qua các Thái dương Thiên Thần của hệ thống. Mục đích của một Thượng đế Vũ Trụ có được biểu lộ qua các Thái dương Thiên Thần vũ trụ chăng? Theo định luật tương đồng, dường như là như vậy.

221. It appears that the two orders of B/beings—men and angels—rise distinct from one another through increasingly high levels of cosmic.

221. Có vẻ như hai giới H/hữu thể—những người nam và nữ và các thiên thần—thăng lên tách biệt với nhau qua những cấp độ vũ trụ ngày càng cao.

They work, therefore, through egoic groups and primarily, after individualisation, upon the mental units of the separated identities who go to the constituency of the groups.

Vì vậy, các Ngài làm việc qua các nhóm chân ngã và chủ yếu, sau khi biệtngãhóa, trên các đơn vị hạ trí của các bản sắc tách biệt cấu thành các nhóm ấy.

222. Solar Angels work through “egoic groups” which are gathered according to egoic ray and, perhaps, monadic ray, as well as period of individualization and degree of petal unfoldment.

222. Các Thái dương Thiên Thần làm việc qua “các nhóm chân ngã”, được tập hợp theo cung chân ngã và có lẽ theo cung chân thần, cũng như theo thời kỳ biệt ngã hóa và mức độ khai mở của các cánh hoa.

223. This type of work is one of the ways the solar logoic purpose is expressed through the individual.

223. Loại công việc này là một trong những cách mà mục đích logoi thái dương được biểu lộ qua cá nhân.

224. We are being told that the Solar Angels work upon the mental units of the newly formed separative identities we call "man", or a member of the fourth kingdom of nature.

224. Chúng ta được cho biết rằng các Thái dương Thiên Thần tác động lên các đơn vị hạ trí của những bản sắc phân ly mới hình thành mà chúng ta gọi là "con người", hay một thành viên của giới thứ tư trong thiên nhiên.

This is Their secondary work.

Đây là công việc thứ yếu của Các Ngài.

225. To work upon the mental unit of man is secondary work. Man, from his self-centered perspective, thinks of such work as primary.

225. Tác động lên đơn vị hạ trí của con người là công việc thứ yếu. Con người, từ góc nhìn tập trung vào bản thân của mình, nghĩ công việc ấy là chính yếu.

226. The primary work (in a large sense) is to carry forward solar logoic purpose—alone and in groups.

226. Công việc chính yếu (theo nghĩa rộng) là xúc tiến mục đích logoi thái dương—một mình và theo nhóm.

Their work in part might be described as follows: [Page 713]

Công việc của Các Ngài phần nào có thể được mô tả như sau: [Page 713]

227. Again, and from another perspective, we have a restatement of the primary and secondary purposes of the Solar Angels.

227. Một lần nữa, và từ một góc nhìn khác, chúng ta có sự trình bày lại các mục đích chính yếu và thứ yếu của các Thái dương Thiên Thần.

Primarily, **they bring about the union of the divine Ego and the lower personal self**. This has been dealt with.

Trước hết, **các Ngài mang lại sự hợp nhất giữa chân ngã thiêng liêng và phàm ngã thấp**. Điều này đã được bàn đến.

228. From this important section of text, we learn that the Solar Angel is *not* the "divine Ego", because the Angel is to provide a union of the "divine Ego" with the lower personal self.

228. Từ phần văn bản quan trọng này, chúng ta biết rằng Thái dương Thiên Thần *không* phải là "chân ngã thiêng liêng", bởi vì Thiên Thần phải tạo ra sự hợp nhất của "chân ngã thiêng liêng" với phàm ngã thấp.

229. This type of union has to be considered integral to the purposes of the Solar Logos.

229. Loại hợp nhất này phải được xem là thiết yếu đối với các mục đích của Thái dương Thượng đế.

230. When considering the "divine Ego", probably the best solution is to consider it as the spiritual triad. From another perspective, the threefold Monad may be considered the highest example of "divine Ego". When DK speaks of "Egos" on the first, second and third rays coming in from the Moon-chain, He is primarily speaking of Monads (working through pre-formed egoic lotuses). We assume that the stipulation holds: in early days (before the first initiation) it is not possible for individualized Egos to have soul rays other than the fourth, fifth, sixth and seventh rays.

230. Khi xét đến "chân ngã thiêng liêng", có lẽ giải pháp tốt nhất là xem nó như Tam nguyên tinh thần. Từ một góc nhìn khác, chân thần tam phân có thể được xem là ví dụ cao nhất của "chân ngã thiêng liêng". Khi Chân sư DK nói về các "Chân ngã" trên cung một, cung hai và cung ba đi vào từ Dãy Mặt Trăng, Ngài chủ yếu đang nói về các chân thần (hoạt động qua các Hoa Sen Chân Ngã đã được tạo sẵn). Chúng ta giả định rằng điều kiện ấy vẫn đúng: trong thời kỳ đầu (trước lần điểm đạo thứ nhất), các Chân ngã đã được biệt ngã hóa không thể có các cung linh hồn nào khác ngoài cung bốn, cung năm, cung sáu và cung bảy.

231. So their first task (i.e., the task of the Solar Angels) is to work as "Benign Uniters", fusing the highest and lowest aspect of man by bridging across the mental plane.

231. Vì vậy, nhiệm vụ đầu tiên của các Ngài (tức nhiệm vụ của các Thái dương Thiên Thần) là hoạt động như những "Đấng Hợp Nhất Từ Hòa", dung hợp phương diện cao nhất và thấp nhất của con người bằng cách bắt cầu ngang qua cõi trí.

Secondly, they work through the mental units, **impressing upon the atom that portion, microscopic as it may be, of the logoic purpose which the individual can work out on the physical plane.**

Thứ hai, các Ngài làm việc qua các đơn vị hạ trí, **ghidấu lên nguyên tử ấy phần mục đích logoi mà cá nhân có thể thực hiện trên cõi hồng trần, dù phần ấy có vi mô đến đâu.**

232. We know that the sense of purpose often arises in our mind. From where does it come?

232. Chúng ta biết rằng cảm thức về mục đích thường nảy sinh trong trí tuệ của chúng ta. Nó đến từ đâu?

233. Here we are told that the Solar Angels are working with the mental unit to impress upon it a microscopic portion of logoic purpose. Thus, we are indebted to the Solar Angels for that impression of purpose, and we must realize, that attenuated and

233. Ở đây chúng ta được cho biết rằng các Thái dương Thiên Thần đang làm việc với đơn vị hạ trí để ghi dấu lên nó một phần vi mô của mục đích logoi. Vì thế, chúng ta mang ơn các Thái dương Thiên Thần về ấn tượng mục đích ấy, và chúng ta phải nhận ra

microscopic though it may be, it is nevertheless *solar logoic* purpose.

rằng, dù có mỏng nhẹ và vi mô đến đâu, nó vẫn là mục đích *logoi thái dương*.

234. Our little plans, if rightly aligned, are helping to carry forth the purposes of the Solar Logos on our lower planes.

234. Những kế hoạch nhỏ bé của chúng ta, nếu được chỉnh hợp đúng đắn, đang giúp chuyển tải các mục đích của Thái dương Thượng đế trên các cõi thấp của chúng ta.

235. So if we may occasionally wonder "What's it all for?", our thoughts, with justification, could turn toward the Solar Logos and what He seeks to see accomplished—minutes, through *us!*

235. Vì vậy, nếu đôi khi chúng ta tự hỏi "Tất cả điều này để làm gì?", thì tư tưởng của chúng ta, một cách chính đáng, có thể hướng về Thái dương Thượng đế và điều mà Ngài tìm cách thấy được hoàn thành—nhỏ bé thôi, qua *chúng ta!*

236. Let us review the primary and secondary purposes of the Solar Angels:

236. Chúng ta hãy điểm lại các mục đích chính yếu và thứ yếu của các Thái dương Thiên Thần:

a. To bring about the union of the "divine Ego" and the lower personal self

a. Mang lại sự hợp nhất giữa "chân ngã thiêng liêng" và phàm ngã thấp

b. To work via the mental unit impressing upon the human atom its tiny portion of the solar logoic Plan.

b. Làm việc qua đơn vị hạ trí, ghi dấu lên nguyên tử con người phần nhỏ bé của Thiên Cơ logoi thái dương.

At first their influence is unconsciously assimilated, and the man responds to the plan blindly and ignorantly.

Lúc đầu, ảnh hưởng của các Ngài được đồng hóa một cách vô thức, và con người đáp ứng với Thiên Cơ một cách mù quáng và vô minh.

237. Yet there is guidance all the time. The Solar Angel may not yet be a "downward gazing soul", but the influence is very real and positive.

237. Tuy nhiên, luôn luôn có sự hướng dẫn. Thái dương Thiên Thần có thể chưa phải là một "linh hồn hướng nhìn xuống", nhưng ảnh hưởng ấy rất thực và tích cực.

238. Steadily, and really without our conscious awareness, we are being *built* into the Plan.

238. Một cách đều đặn, và thật ra không có sự nhận biết hữu thức của chúng ta, chúng ta đang được *xây dựng* vào trong Thiên Cơ.

239. We are to realize (and it is quite an astonishing realization) that the Plan and

239. Chúng ta phải chứng nghiệm (và đó là một sự chứng nghiệm hết sức đáng kinh

Purpose of the Solar Logos is being *built into us* via the mental unit through the agency of the Solar Angel.

Later, as evolution proceeds, **their work is recognised** by the man in a conscious co-operation with the plan of evolution.[38]

240. Before the third initiation, then, there must be conscious recognition of the impression being provided by the Solar Angel and the relation of that impression to the planetary logoic Plan and eventually to the solar logoic Plan.

241. The Plan is most related to the atmic plane. While the Plan can come through in a mediated manner before the third initiation, it is at that initiation that a significant touch of atma can be appropriated and hence a clear and first-hand registration of the Plan.

242. Guidance is built into us. It need not be sought in 'strange' places. But man ever leaves himself in search of something apparently more interesting, only to discover that the source of eternal fascination resides precisely within him.

After the third initiation, the will or purpose aspect predominates.

243. This does not mean that the work of the Solar Angels is quite over, as the Angel persists with the man until the fourth initiation.

Footnote 38: *The Sacrificer or Yajamana.*

ngạc) rằng Thiên Cơ và Thiên Ý của Thái dương Thượng đế đang được *xây dựng vào trong chúng ta* thông qua đơn vị hạ trí nhờ tác động của Thái dương Thiên Thần.

Về sau, khi tiến hoá tiếp diễn, **công việc của các Ngài được nhậnra** bởi con người trong một sự hợp tác hữu thức với kế hoạch tiến hoá.38

240. Vậy thì, trước lần điểm đạo thứ ba, phải có sự nhận biết hữu thức về ấn tượng do Thái dương Thiên Thần cung cấp và về mối liên hệ của ấn tượng ấy với Thiên Cơ của Hành Tinh Thượng Đế và cuối cùng với Thiên Cơ của Thái dương Thượng đế.

241. Thiên Cơ liên hệ nhiều nhất với cõi atma. Dù Thiên Cơ có thể đi xuyên qua theo cách trung gian trước lần điểm đạo thứ ba, nhưng chính ở lần điểm đạo ấy mà một tiếp xúc đáng kể với atma có thể được tiếp nhận, và do đó có sự ghi nhận rõ ràng và trực tiếp về Thiên Cơ.

242. Sự hướng dẫn được xây dựng vào trong chúng ta. Không cần tìm kiếm nó ở những nơi "lạ lùng". Nhưng con người luôn rời bỏ chính mình để tìm kiếm một điều gì đó dường như thú vị hơn, chỉ để khám phá rằng nguồn gốc của sức hấp dẫn vĩnh cửu lại cư ngụ chính xác ở bên trong y.

Sau lần điểm đạo thứ ba, phương diện ý chí hay mục đích chiếm ưuthế.

243. Điều này không có nghĩa là công việc của các Thái dương Thiên Thần hoàn toàn chấm dứt, vì Thiên Thần vẫn tiếp tục với con người cho đến lần điểm đạo thứ tư.

Cước chú 38: *Đấng Hi Sinh hay Yajamana.*

The **yajamana** is the person who has sacrificed himself for the good of the world and who has undertaken to mould the affairs of it, in obedience to the law.

yajamana là người đã hi sinh chính mình vì lợi ích của thế gian và đã đảm nhận việc uốn nắn các công việc của thế gian ấy, trong sự tuân phục định luật.

244. This is a Bodhisattva.

244. Đây là một Đức Bồ Tát.

If the human body be taken as the sacrificial ground, the manas in him is the yajamana.

Nếu lấy thể người làm vùng đất hi sinh, thì manas trong y là yajamana.

245. The sacrificial ground is the "burning ground".

245. Vùng đất hi sinh là "vùng đất cháy".

246. The manas in this case is the *higher* manas.

246. Manas trong trường hợp này là *thượng* manas.

All the doings of man in all his life from birth to death, form one grand yagnic process that is conducted by the true human entity called the Manas.

Mọi hành động của con người trong suốt cuộc đời từ sinh đến tử của y tạo thành một tiến trình yagnic vĩ đại được tiến hành bởi thực thể nhân loại chân chính được gọi là Manas.

247. This entity is the Ego manifesting through the causal body.

247. Thực thể này là Chân ngã biểu hiện qua thể nguyên nhân.

248. We must be cautious in dealing with the term "manas", as it can indicate either the higher or lower manas.

248. Chúng ta phải thận trọng khi đề cập đến thuật ngữ "manas", vì nó có thể chỉ thượng manas hoặc hạ manas.

He, who is willing to sacrifice his body, speech, and thought to the good of all the world, is a real yagnika and all the higher lokas are reserved for him.

Y, người sẵn lòng hi sinh thân, lời nói và tư tưởng của mình cho lợi ích của toàn thế gian, là một yagnika chân chính, và mọi loka cao hơn đều dành cho y.

249. We rise through sacrifice. We see that sacrifice is a consecration to a specific spiritual objective.

249. Chúng ta vươn lên qua sự hi sinh. Chúng ta thấy rằng hi sinh là sự thánh hiến cho một mục tiêu tinh thần nhất định.

The central keynote of yagnika's life is to do good unto all, irrespective of caste and creed even as the sun shines for all.

Chủ âm trung tâm của đời sống yagnika là làm điều thiện cho tất cả, bất kể đẳng cấp

hay tín ngưỡng, cũng như mặt trời chiếu sáng cho mọi người.

—*Some Thoughts on the Gita,* page 90.

—*Một vài suy tưởng về Gita,* trang 90.

250. Thus, a great and beautiful morality is expressed.

250. Do đó, một nền đạo đức cao cả và đẹp đẽ được biểu lộ.

It might here be noted that **it is the positive force of the Manasadevas that produces initiation.**

Ở đây cần lưu ý rằng **chính mãnh lực dương của các Manasadeva tạo ra điểm đạo.**

251. The Solar Angel is not simply a bystander in the ceremony of initiation. The Angel is present, we have learned.

251. Thái dương Thiên Thần không chỉ đơn giản là một kẻ đứng nhìn trong nghi lễ điểm đạo. Chúng ta đã học rằng Thiên Thần hiện diện.

In the earlier two initiations, the Angel of the Presence stood between the disciple-candidate and the Presence. **(R&I 176)**

Trong hai lần điểm đạo đầu, Thiên Thần của Hiện Diện đứng giữa đệ tử-dự tuyển và Hiện Diện. **(R&I 176)**

252. We are learning, however, that in the developmental process the Solar Angel impels the man towards initiation towards the pressure of solar angel energy upon the mental unit.'

252. Tuy nhiên, chúng ta đang học rằng trong tiến trình phát triển, Thái dương Thiên Thần thúc đẩy con người hướng tới điểm đạo, hướng tới áp lực của năng lượng thái dương thiên thần đè lên đơn vị hạ trí.'

253. Man is under constant pressure from the Solar Angel and this pressure increases and human consciousness grows.

253. Con người ở dưới áp lực thường hằng từ Thái dương Thiên Thần, và áp lực này gia tăng khi tâm thức con người tăng trưởng.

254. May is initiate before he is initiated and it is the spiritual pressure of the Solar Angel which brings him to the door of initiation *as an initiate*—not yet confirmed by the application of the Rod but an initiate nonetheless.

254. Con người có thể là điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo, và chính áp lực tinh thần của Thái dương Thiên Thần đưa y đến cánh cửa điểm đạo *như một điểm đạo đồ*—chưa được xác nhận bởi sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo nhưng dẫu sao vẫn là một điểm đạo đồ.

Their function is embodied by the Hierophant.

Chức năng của các Ngài được hiện thân bởi Đấng Điểm đạo Chủ lễ.

255. In a way the Solar Angel is represented by the Hierophant. They have the same purpose.

255. Theo một cách nào đó, Thái dương Thiên Thần được biểu trưng bởi Đấng Điểm đạo Chủ lễ. Các Ngài có cùng mục đích.

256. We remember that the Solar Angel is more advanced than any member of the Spiritual Hierarchy, per se. I am not speaking of the Beings Who founded Shamballa on our planet.

256. Chúng ta nhớ rằng Thái dương Thiên Thần tiến bộ hơn bất kỳ thành viên nào của chính Thánh đoàn tinh thần. Tôi không nói đến những Đấng đã sáng lập Shamballa trên hành tinh chúng ta.

He, seeing before Him the vehicle for buddhi,

Ngài, khi thấy trước mặt Ngài vận cụ cho Bồ đề,

257. This statement is of importance. Just what does the Hierophant see? Apparently not only the causal body but the buddhic vehicle and the lower vehicles as well, even though the initiation 'chamber' is on the higher mental plane. There are some mysteries here involving interpenetrating planes.

257. Phát biểu này rất quan trọng. Chính xác thì Đấng Điểm đạo Chủ lễ thấy gì? Dường như không chỉ thể nguyên nhân mà cả vận cụ Bồ đề và các vận cụ thấp nữa, dù "phòng" điểm đạo ở trên Cõi thượng trí. Ở đây có một số huyền nhiệm liên quan đến các cõi xuyên thấu lẫn nhau.

passes the voltage from the higher planes through His body,

truyền điện thế từ các cõi cao hơn qua thân thể của Ngài,

258. Presumably these are planes higher than the buddhic plane. We are even told that cosmic forces are available to the Hierophant and that He transforms them so they can reach the candidate.

258. Có lẽ đây là những cõi cao hơn cõi Bồ đề. Chúng ta thậm chí còn được cho biết rằng các mãnh lực vũ trụ sẵn có cho Đấng Điểm đạo Chủ lễ và Ngài chuyển đổi chúng để chúng có thể đến được với dự tuyển sinh.

259. The body of the Hierophant becomes an *instrument* for initiation during the initiation process.

259. Thể của Đấng Điểm đạo Chủ lễ trở thành một *khí cụ* cho điểm đạo trong tiến trình điểm đạo.

260. It would seem that the connection between the body of the Hierophant and the Rod of Initiation is seamless.

260. Có vẻ như sự nối kết giữa thể của Đấng Điểm đạo Chủ lễ và Thần Trượng Điểm đạo là liền mạch.

and by means of the Rod (charged with positive manasic force) transmits this higher manasic energy to the initiate so that

và bằng Thần Trượng (được nạp mãnh lực manas dương) truyền năng lượng thượng manas này cho điểm đạo đồ để y có thể biết

he is enabled to know consciously and to recognise the plan for his group-centre through the immensely increased stimulation.

một cách hữu thức và nhận ra kế hoạch dành cho trung tâm nhóm của mình nhờ sự kíchthích gia tăng vô cùng lớn lao.

261. What we learn here is that stimulation increases perception—the *right kind* of stimulation.

261. Điều chúng ta học được ở đây là sự kích thích làm gia tăng tri giác—loại kích thích *đúng đắn*.

262. Another way of saying this is that a sufficient point of tension permits of the perception of that which was hitherto unperceived.

262. Một cách khác để nói điều này là một điểm tập trung nhất tâm đầy đủ cho phép tri giác điều mà trước đây chưa được tri giác.

263. When we achieve a significantly elevated point of tension, we realize the low vibratory quality of the point of tension in which we habitually live.

263. Khi chúng ta đạt được một điểm tập trung nhất tâm được nâng cao đáng kể, chúng ta nhận ra phẩm tính rung động thấp của điểm tập trung nhất tâm mà chúng ta thường sống trong đó.

264. The Rod, minimally, is charged with triadal force, especially "higher manasic force". Since the focus of the initiate is on the higher mental plane, it is this type of force which can reach him.

264. Tối thiểu, Thần Trượng được nạp mãnh lực tam nguyên tinh thần, đặc biệt là "mãnh lực thượng manas". Vì tiêu điểm của điểm đạo đồ ở trên Cõi thượng trí, nên chính loại mãnh lực này có thể đến được với y.

265. It becomes clear that the Hierophant is working with the causal body of the initiate.

265. Rõ ràng là Đấng Điểm đạo Chủ lễ đang làm việc với thể nguyên nhân của điểm đạo đồ.

266. The initiate's "group center" is the Ashram which, itself, is part of a center or chakra within the Planetary Logos.

266. "Trung tâm nhóm" của điểm đạo đồ là Ashram, mà bản thân nó là một phần của một trung tâm hay luân xa bên trong Đức Hành Tinh Thượng Đế.

267. From another perspective, the egoic group to which the initiate belongs can be considered a group center.

267. Từ một góc nhìn khác, nhóm chân ngã mà điểm đạo đồ thuộc về có thể được xem là một trung tâm nhóm.

268. The Solar Angel is endowed with higher manas, and, in fact and necessarily, with all

268. Thái dương Thiên Thần được phú cho thượng manas, và thật ra, một cách tất yếu, với mọi năng lượng được tìm thấy trên các

energies to be found upon the planes of the spiritual triad and beyond.

269. One wonders whether the higher manasic energy which reaches the initiate via the Rod is not also, somehow, connected with the cosmic mental plane.

This force descends from the manasic permanent atom via the antaskarana and is directed to whichever centre the Hierophant —under the Law—sees should be stimulated.

270. One wonders about the avenue of direction. Does the force descend via the antahkarana *though* the petals of the egoic lotus and then into the chakric system?

271. We remember that Chart IX, TCF, 823, shows the triangular formation of the antahkarana.

272. Or does the force descend directly to the mental unit, by-passing the egoic lotus and directly from the mental unit into the mental chakras and, thence, other chakras?

273. It would seem that petals within the egoic lotus would have to receive attention at each of the first three initiations—the initiations of manas.

274. The Hierophant sees with archetypal vision and realizes what is needed correspond the next step in the rounding-out process.

275. The Law guides His choice and that Law is related to the nature and ray of the Monad concerned.

cõi của Tam Nguyên Tinh Thần và vượt lên trên nữa.

269. Người ta tự hỏi liệu năng lượng thượng manas đến với điểm đạo đồ qua Thần Trượng có phải cũng, theo một cách nào đó, liên hệ với cõi trí vũ trụ hay không.

Mãnh lực này giáng xuống từ nguyên tử trường tồn manas qua antahkarana và được hướng đến bất cứ trung tâm nào mà Đấng Điểm đạo Chủ lễ—chiếu theo Định luật—thấy là cần được kích thích.

270. Người ta tự hỏi về con đường định hướng. Mãnh lực ấy có giáng xuống qua antahkarana *xuyên qua* các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã rồi đi vào hệ thống luân xa hay không?

271. Chúng ta nhớ rằng Biểu đồ IX, Luận về Lửa Vũ Trụ, 823, cho thấy cấu trúc tam giác của antahkarana.

272. Hay mãnh lực ấy giáng xuống trực tiếp đến đơn vị hạ trí, bỏ qua Hoa Sen Chân Ngã, rồi từ đơn vị hạ trí đi thẳng vào các luân xa trí tuệ và từ đó sang các luân xa khác?

273. Có vẻ như các cánh hoa bên trong Hoa Sen Chân Ngã hẳn phải được chú ý ở mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu—các lần điểm đạo của manas.

274. Đấng Điểm đạo Chủ lễ thấy bằng linh thị nguyên mẫu và nhận ra điều gì là cần thiết tương ứng với bước kế tiếp trong tiến trình hoàn chỉnh.

275. Định luật hướng dẫn sự lựa chọn của Ngài, và Định luật ấy liên hệ với bản chất và cung của chân thần được xét.

He stabilises the force, and regulates its flow **as it circulates throughout the egoic Lotus,** so that when the work of unfoldment is accomplished the sixth principle at the Heart of the Lotus can stand revealed.

Ngài ổn định mãnh lực, và điều hòa dòng chảy của nó **khi nó lưu chuyển khắp Hoa sen chân ngã,** để khi công việc khai mở được hoàn tất thì nguyên khí thứ sáu tại Tâm của Hoa Sen có thể được hiển lộ.

276. In this section of text it seems that the egoic lotus is definitely involved, so at least one stream of energy from the Rod does *not* bypass the egoic lotus. In this case, the triangular construction of the antahkarana will be needed.

276. Trong đoạn văn này, dường như Hoa Sen Chân Ngã chắc chắn có liên quan, vì vậy ít nhất một dòng năng lượng từ Thần Trượng *không* bỏ qua Hoa Sen Chân Ngã. Trong trường hợp này, cấu trúc tam giác của antahkarana sẽ là cần thiết.

277. The stabilization of the force will require, it would seem, the balancing power of Libra.

277. Có vẻ như sự ổn định mãnh lực sẽ đòi hỏi quyền năng quân bình của Thiên Bình.

278. The sixth principle is buddhi and it resides at the heart of the lotus (which heart it was instrumental in constructing when the egoic lotus was first created).

278. Nguyên khí thứ sáu là Bồ đề, và nó cư ngụ tại tâm của hoa sen (chính cái tâm mà nó đã góp phần kiến tạo khi Hoa Sen Chân Ngã lần đầu được tạo thành).

279. We are speaking here of the revelation of the synthesis petals and the central Jewel in the Lotus.

279. Ở đây chúng ta đang nói về sự mặc khải của các cánh hoa tổng hợp và Viên Ngọc trong Hoa Sen ở trung tâm.

280. Apparently the Hierophant has the entire *energy* system of the candidate before His Eye and can see just what needs to be done in various aspects of this energy system.

280. Rõ ràng Đấng Điểm đạo Chủ lễ có toàn bộ hệ thống *năng lượng* của dự tuyển sinh trước Mắt Ngài và có thể thấy chính xác điều gì cần phải được thực hiện trong các phương diện khác nhau của hệ thống năng lượng này.

After each initiation the Lotus is more unfolded [Page 714] and **light from the centre begins to blaze forth—a light or fire which ultimately burns through the three enshrining petals,** and permits the full inner glory to be seen, and the electric fire of spirit to be manifested.

Sau mỗi lần điểm đạo, Hoa Sen khai mở hơn [Page 714] và **ánh sáng từ trung tâm bắt đầu bùng cháy—một ánh sáng hay lửa mà cuối cùng đốt xuyên qua ba cánh hoa bao bọc,** và cho phép toàn bộ vinh quang nội tại được nhìn thấy, và lửa điện của tinh thần được biểu lộ.

281. There is always a question of what burns and what induces the burning.

281. Luôn luôn có câu hỏi về điều gì cháy và điều gì gây ra sự cháy ấy.

282. Here we learn that the light from the central flame burns through what we come to call the synthesis petals.

282. Ở đây chúng ta học được rằng ánh sáng từ ngọn lửa trung tâm đốt xuyên qua điều mà chúng ta gọi là các cánh hoa tổng hợp.

283. After each initiation, one synthesis petal unfolds revealing more and more of the central mystery—the Jewel in the Lotus:

283. Sau mỗi lần điểm đạo, một cánh hoa tổng hợp khai mở, tiết lộ ngày càng nhiều hơn huyền nhiệm trung tâm—Viên Ngọc trong Hoa Sen:

284. The egoic lotus in increasingly glorious as evolution proceeds, but its *full* glory is only revealed when the Jewel in the Lotus is revealed.

284. Hoa Sen Chân Ngã ngày càng huy hoàng hơn khi tiến hoá tiếp diễn, nhưng vinh quang *trọn vẹn* của nó chỉ được tiết lộ khi Viên Ngọc trong Hoa Sen được tiết lộ.

285. The Hierophant sees the egoic lotus before Him and participates in the progressive revelation of the glory and, ultimately, of the *inner* glory.

285. Đấng Điểm đạo Chủ lễ thấy Hoa Sen Chân Ngã trước mặt Ngài và tham dự vào sự tiết lộ tuần tự của vinh quang và, cuối cùng, của vinh quang *nội tại*.

As **this is brought about on the second subplane of the mental plane** (whereon the egoic lotus is now situated) a **corresponding stimulation takes place in the dense substance which forms the petals or wheels of the centres on the astral and etheric levels**.

Vì **điều này được thực hiện trên cõi phụ thứ hai của cõi trí** (nơi Hoa Sen Chân Ngã hiện nay tọa lạc) nên một **sự kích thích tương ứng diễn ra trong chất liệu đậmđặc tạo thành các cánh hoa hay các bánh xe của các trung tâm ở các cấp độ cảm dục và dĩ thái**.

286. This is an important piece of occultism. We have often wondered whether the fourth initiation is consummated on the second subplane of the mental plane or on the first. Here, since the final blazing forth of the inner glory has been the topic of discussion, there seems to be no question but that the fourth initiation occurs on the *second* subplane.

286. Đây là một phần quan trọng của huyền bí học. Chúng ta thường tự hỏi liệu lần điểm đạo thứ tư được hoàn tất trên cõi phụ thứ hai của cõi trí hay trên cõi phụ thứ nhất. Ở đây, vì sự bùng cháy cuối cùng của vinh quang nội tại là chủ đề đang được bàn đến, dường như không còn nghi ngờ gì nữa rằng lần điểm đạo thứ tư xảy ra trên cõi phụ *thứ hai*.

287. Astral and etheric chakras are affected by the stimulation of the egoic lotus. The

287. Các luân xa cảm dục và dĩ thái bị ảnh hưởng bởi sự kích thích của Hoa Sen Chân

question remains about *direct* stimulation of the lower chakras or mediated stimulation via the egoic lotus. The Tibetan seems to be stating that there is mediated stimulation—the egoic lotus first. But this is not the final word on the matter.

Ngã. Câu hỏi vẫn còn là về sự kích thích *trực tiếp* các luân xa thấp hay sự kích thích trung gian qua Hoa Sen Chân Ngã. Chân sư Tây Tạng dường như đang nói rằng có sự kích thích trung gian—Hoa Sen Chân Ngã trước tiên. Nhưng đây chưa phải là lời cuối cùng về vấn đề này.

288. The petals of the lower chakra system which numerically correspond to the stimulated petals of the egoic lotus are the ones which receive stimulation resulting from the stimulation in the egoic lotus.

288. Những cánh hoa của hệ thống luân xa thấp tương ứng về số lượng với các cánh hoa được kích thích của Hoa Sen Chân Ngã là những cánh hoa nhận được sự kích thích phát sinh từ sự kích thích trong Hoa Sen Chân Ngã.

289. We can see what a tremendously intricate science it all is and how very much the Initiator must know in order to perform His task.

289. Chúng ta có thể thấy toàn bộ khoa học này phức tạp đến mức phi thường như thế nào và Đấng Điểm đạo phải biết rất nhiều biết bao để thực hiện nhiệm vụ của Ngài.

(b.) Individualisation and the races. If this treatise serves no other purpose than to direct the attention of the scientific and philosophic students to **the study of force or energy in man and in groups, and to interpret man and the human family in terms of electrical phenomena, much good will have been accomplished.**

(b.) Biệt ngã hóa và các giống dân. Nếu bộ luận này không phục vụ mục đích nào khác ngoài việc hướng sự chú ý của các đạo sinh khoa học và triết học đến **việc nghiên cứu mãnh lực hay năng lượng trong con người và trong các nhóm, và diễn giải con người và gia đình nhân loại theo các hiện tượng điện, thì nhiều điều tốt đẹp sẽ được hoàn thành.**

290. It is not primarily the mystical students who study this book but those on the scientific and philosophical line—those primarily on rays three and five.

290. Không phải chủ yếu các đạo sinh thần bí học nghiên cứu quyển sách này, mà là những người đi theo đường lối khoa học và triết học—những người chủ yếu thuộc cung ba và cung năm.

291. What is to arise through the study of this text:

291. Điều sẽ phát sinh qua việc nghiên cứu bản văn này là:

a. An appreciation of force or energy in man

a. Sự đánh giá đúng về mãnh lực hay năng lượng trong con người

b. An appreciation of force or energy in groups of men

b. Sự đánh giá đúng về mãnh lực hay năng lượng trong các nhóm người

c. The ability to interpret man and the human family in terms of electrical phenomena.

c. Khả năng diễn giải con người và gia đình nhân loại theo các hiện tượng điện.

292. Obviously we will have journeyed a long way towards impersonality when we are able to do this.

292. Hiển nhiên là chúng ta sẽ đi được một chặng đường dài hướng tới tính vô ngã khi có thể làm được điều này.

The polarity of a man, of a group, and of a congery of groups, the polarity of the planets and their relationship to each other and to the Sun, the polarity of the solar system and its relationship to other systems, the polarity of one plane to another, and of one principle to another, the polarity of the subtler vehicles, and the scientific application of the laws of electricity to the totality of existence on the physical plane will bring about a revolution upon the planet second only to that effected at the time of individualisation.

Sự phân cực của một con người, của một nhóm, và của một tập hợp các nhóm, sự phân cực của các hành tinh và mối liên hệ của chúng với nhau và với Mặt Trời, sự phân cực của hệ mặt trời và mối liên hệ của nó với các hệ khác, sự phân cực của cõi này với cõi khác, và của nguyên khí này với nguyên khí khác, sự phân cực của các vận cụ vi tế, và việc áp dụng một cách khoa học các định luật điện vào toàn thể sự tồn tại trên cõi hồng trần sẽ mang lại một cuộc cách mạng trên hành tinh chỉ đứng sau cuộc cách mạng đã được tạo ra vào thời kỳ biệt ngã hóa.

293. DK is speaking of a coming revolution in thought and practice through an understanding of polarity.

293. Chân sư DK đang nói về một cuộc cách mạng sắp đến trong tư tưởng và thực hành thông qua sự thấu hiểu về sự phân cực.

294. Let us tabulate the types of polarity which need to be studied and understood.

294. Chúng ta hãy lập bảng các loại phân cực cần được nghiên cứu và thấu hiểu.

a. The polarity of a man

a. Sự phân cực của một con người

b. The polarity of a group

b. Sự phân cực của một nhóm

c. The polarity of a congery of groups

c. Sự phân cực của một tập hợp các nhóm

d. The polarity of the planets and their relationship to each other and to the Sun

d. Sự phân cực của các hành tinh và mối liên hệ của chúng với nhau và với Mặt Trời

e. The polarity of the solar system.

e. Sự phân cực của hệ mặt trời.

f. The polarity of other solar systems and the relationship of our system to them

f. Sự phân cực của các hệ mặt trời khác và mối liên hệ của hệ chúng ta với chúng

g. The polarity of one plane to another

g. Sự phân cực của cõi này với cõi khác

h. The polarity of one system to another

h. Sự phân cực của hệ này với hệ khác

i. The polarity of the subtle vehicles

i. Sự phân cực của các vận cụ vi tế

j. The scientific application of the laws of electricity to the totality of existence on the physical plane

j. Việc áp dụng một cách khoa học các định luật điện vào toàn thể sự tồn tại trên cõi hồng trần

295. We are studying cosmic, systemic and planetary electricity. There is no true understanding of occultism without such a study of electrical phenomena—i.e., of the interplay of the three main types of electricity.

295. Chúng ta đang nghiên cứu điện vũ trụ, điện hệ thống và điện hành tinh. Không có sự thấu hiểu chân chính nào về huyền bí học nếu không có việc nghiên cứu như thế về các hiện tượng điện—tức là về sự tương tác của ba loại điện chính.

I would point out here a certain significant fact which students will do well carefully to consider.

Ở đây tôi muốn chỉ ra một sự kiện quan trọng nào đó mà các đạo sinh nên cẩn thận suy xét.

In the third rootrace[39] individualisation took place.

*Trong giống dân gốc thứ ba*39 đã diễn ra sự biệt ngã hóa.

296. It was the middle of the third rootrace, though we are not told precisely the time, whether in the third, the fourth or the fifth subrace.

296. Đó là vào giữa giống dân gốc thứ ba, dù chúng ta không được cho biết chính xác thời điểm, là ở giống dân phụ thứ ba, thứ tư hay thứ năm.

Footnote 39: Root races. *The Secret Doctrine teaches that these seven groups of human units inhabit seven continents during evolution.*

Cước chú 39: Các giống dân gốc. *Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng bảy nhóm đơn vị nhân loại này cư ngụ trên bảy lục địa trong tiến trình tiến hoá.*

297. This, of course, is a generalization. A continent must be conceived as something

297. Dĩ nhiên, đây là một sự khái quát hóa. Một lục địa phải được hình dung như một cái

much bigger than continents as usually conceived today.

—S. D., II, 6, 7, 8.

a. First raceThe Imperishable Sacred Land.

b. The 2nd raceThe Hyperborean Land.

c. The 3rd raceLemurian.

d. The 4th raceAtlantean.

e. The 5th raceAryan.

f. Two more races will succeed the present one.

298. The continent for the Lemurian civilization was Lemuria,

299. For the Atlantean civilization, Atlantis

300. There are many continents on which the members of the Fifth Rootrace live, simultaneously with many remnants of the four rootrace and some vestiges of the third. The present day being the time of the fifth rootrace, the divisions are many, for the fifth ray, in its lower aspect, induces cleavages.

301. We do not know the names of the continents to come, but we have been told in various occult books that a continent will rise in the middle of the Pacific Ocean and some have named it “Pacifica”.

gì đó lớn hơn rất nhiều so với các lục địa như ngày nay thường được quan niệm.

—S. D., II, 6, 7, 8.

a. Giống dân thứ nhấtVùng Đất Thiêng Bất Hoại.

b. Giống dân thứ 2Vùng Đất Hyperborea.

c. Giống dân thứ 3Lemuria.

d. Giống dân thứ 4Atlantis.

e. Giống dân thứ 5Arya.

f. Sẽ còn hai giống dân nữa tiếp nối giống dân hiện nay.

298. Lục địa của nền văn minh Lemuria là Lemuria,

299. Của nền văn minh Atlantis là Atlantis

300. Có nhiều lục địa mà trên đó các thành viên của Giống dân gốc thứ Năm đang sống, đồng thời với nhiều tàn dư của giống dân gốc thứ tư và một số dấu vết của giống dân gốc thứ ba. Hiện nay là thời kỳ của giống dân gốc thứ năm, nên các sự phân chia rất nhiều, vì cung năm, trong phương diện thấp của nó, gây ra các sự chia rẽ.

301. Chúng ta không biết tên các lục địa sẽ đến, nhưng trong nhiều sách huyền bí người ta đã nói rằng một lục địa sẽ trồi lên giữa Thái Bình Dương và một số người đã đặt tên cho nó là “Pacifica”.

302. The word pacific suggests a final stage of *peace.* If this occurs, perhaps it will be during the seventh rootrace.

302. Từ pacific gợi ý một giai đoạn cuối cùng của *hòa bình.* Nếu điều này xảy ra, có lẽ nó sẽ là trong giống dân gốc thứ bảy.

It was an event which became possible through certain conditions and polar relationships, and because the scientific laws were understood and the Knowers took [Page 715] advantage of a peculiar electrical condition to hasten the evolution of the race.

Đó là một biến cố trở nên khả hữu nhờ những điều kiện và những mối tương quan phân cực nào đó, và bởi vì các định luật khoa học đã được thấu hiểu và các thức giả đã lợi dụng một điều kiện điện đặc biệt để đẩy nhanh sự tiến hoá của nhân loại[Page 715].

303. Individualization, we have often been told, was an *electrical* process.

303. Chúng ta đã nhiều lần được bảo rằng biệt ngã hóa là một tiến trình *điện*.

304. DK told us earlier that the Manasadevas who "refused to incarnate" did so for reasons based upon identicality of polarity. Apparently greater participation in the individualization process was not electrically possible.

304. Trước đây Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng các Manasadeva "từ chối lâm phàm" đã làm như vậy vì những lý do dựa trên sự đồng nhất về phân cực. Rõ ràng việc tham gia nhiều hơn vào tiến trình biệt ngã hóa là điều không thể về mặt điện.

305. Certain polar relationship appeared within the energy system of the planet, and these made the coming of the Lords of the Flame possible and, with that coming, the possibility of individualization.

305. Một số mối tương quan phân cực nào đó đã xuất hiện trong hệ thống năng lượng của hành tinh, và những điều này làm cho sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa trở nên khả hữu và, cùng với sự giáng lâm ấy, là khả năng biệt ngã hóa.

306. Who were the Knowers? We might say that the Lords of the Flame were "Knowers" as were high Beings directly related to our Planetary Logos and, perhaps, even to the Solar Logos, for the individualization of man was a solar systemic process.

306. Các thức giả là ai? Chúng ta có thể nói rằng các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa là "các thức giả", cũng như các Đấng cao cả liên hệ trực tiếp với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và, có lẽ, thậm chí với Thái dương Thượng đế, vì sự biệt ngã hóa của con người là một tiến trình thuộc hệ mặt trời.

It was electrical phenomena of a stupendous kind, and produced the "lights which ever burn." It was the result of the knowledge of natural law and its adaptation to opportunity.

Đó là những hiện tượng điện thuộc loại phi thường, và đã tạo ra "những ánh sáng luôn luôn cháy". Đó là kết quả của sự hiểu biết về định luật tự nhiên và sự thích ứng của nó với cơ hội.

307. DK continues His discussion of individualization in relation to electrical phenomena.

307. Chân sư DK tiếp tục cuộc bàn luận của Ngài về biệt ngã hóa trong mối liên hệ với các hiện tượng điện.

308. We are told of the very destructive electrical storms which occurred at the time of individualization and which were responsible for the deaths of many animal forms.

308. Chúng ta được cho biết về những cơn bão điện có sức tàn phá rất lớn đã xảy ra vào thời kỳ biệt ngã hóa và chịu trách nhiệm cho cái chết của nhiều hình tướng động vật.

309. Who are the "lights which ever burn"? Are they the individualized Lemurians? Are they those in whom the Solar Angels implanted the spark of mind?

309. "Những ánh sáng luôn luôn cháy" là ai? Có phải đó là những người Lemuria đã được biệt ngã hóa không? Có phải đó là những người mà các Thái dương Thiên Thần đã cấy vào tia lửa trí tuệ không?

310. The Solar Angels, apparently, knew a great deal about natural law as expressed on the lower eighteen subplanes. They had to know much about both Spirit and matter (as we view those two areas of divine expression) if they were to function as the "Benign Uniters", linking the two.

310. Rõ ràng các Thái dương Thiên Thần biết rất nhiều về định luật tự nhiên như được biểu lộ trên mười tám cõi phụ thấp. Các Ngài phải biết nhiều về cả tinh thần lẫn vật chất (theo cách chúng ta nhìn hai lĩnh vực biểu lộ thiêng liêng ấy) nếu các Ngài muốn hoạt động như những "Đấng Hợp Nhất Từ Ái", nối kết hai lĩnh vực đó.

311. The word "burn" in this context, suggests fire by friction.

311. Từ "cháy" trong ngữ cảnh này gợi ý Lửa ma sát.

In the fourth rootrace another adaptation of force occurred.

Trong giống dân gốc thứ tư đã xảy ra một sự thích ứng mãnh lực khác.

312. There were two principal periods of individualization within the fourth chain of our planetary scheme.

312. Đã có hai thời kỳ biệt ngã hóa chính trong dãy thứ tư của hệ hành tinh chúng ta.

313. One occurred in middle Lemuria and the other in relatively early Atlantis leading also to the possibility of opening the Door of Initiation.

313. Một thời kỳ xảy ra vào giữa Lemuria và thời kỳ kia vào Atlantis tương đối sớm, cũng dẫn đến khả năng mở Cánh Cửa Điểm Đạo.

314. However, there was something new which occurred during the fourth rootrace.

Again time and opportunity were taken advantage of to open the door into the fifth kingdom by the method of forced initiation.

315. Some have theorized that here was no break in continuity between the period of individualization in middle Lemuria and a similar period in early Atlantis. The Tibetan's use of the word "again" suggests that there was a hiatus.

316. There seems to be a suggestion that the Door of Initiation was also opened to some in Lemuria. This is possible, though a truer and fuller opening occurred, we may infer, in Atlantis.

317. Speaking of initiates and initiation in Lemuria, DK says the following:

The first recognition of the plane of the emotions, of the astral plane, was evoked in the consciousness of the groups under preparation for the first initiation which was the highest initiation possible at that time. (GWP 108)

318. We note that the door into the Kingdom of Souls was opened in Atlantis and that is was a *forced* process.

319. We are passing through a similar forcing process at this very time and many are feeling the stress of it.

A third type of electricity played its part in bringing about this event, and **it is the effect of this electrical phenomenon upon the units (who are themselves centres of**

314. Tuy nhiên, đã có một điều mới xảy ra trong giống dân gốc thứ tư.

Một lần nữa thời gian và cơ hội đã được tận dụng để mở cánh cửa vào giới thứ năm bằng phương pháp điểm đạo cưỡng bức.

315. Một số người đã đưa ra giả thuyết rằng ở đây không có sự gián đoạn liên tục nào giữa thời kỳ biệt ngã hóa ở giữa Lemuria và một thời kỳ tương tự ở Atlantis sơ kỳ. Việc Chân sư Tây Tạng dùng từ "một lần nữa" gợi ý rằng đã có một khoảng gián đoạn.

316. Dường như có một gợi ý rằng Cánh Cửa Điểm Đạo cũng đã được mở cho một số người ở Lemuria. Điều này là có thể, dù chúng ta có thể suy ra rằng một sự mở ra chân thực và đầy đủ hơn đã xảy ra ở Atlantis.

317. Nói về các điểm đạo đồ và điểm đạo ở Lemuria, Chân sư DK nói như sau:

Sự nhận biết đầu tiên về cõi cảm xúc, về cõi cảm dục, đã được gợi lên trong tâm thức của các nhóm đang được chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất, vốn là lần điểm đạo cao nhất có thể có vào thời đó. (GWP 108)

318. Chúng ta lưu ý rằng cánh cửa vào Thiên Giới đã được mở ở Atlantis và đó là một tiến trình *cưỡng bức*.

319. Ngay lúc này chúng ta đang đi qua một tiến trình cưỡng bức tương tự, và nhiều người đang cảm thấy áp lực của nó.

Một loại điện thứ ba đã góp phần mang lại biến cố này, và **chính tác động của hiện tượng điện này lên các đơn vị (bản thân chúng là những trung tâm năng lượng) —**

energy) which—scientifically viewed—indicates a man's suitability for the ceremony of initiation, and his availability as a transmitter of spiritual energy to the world.

xét theo khoa học — cho thấy sự thíchhợp của một người đối với nghi lễ điểm đạo, và khả năng của y như một kẻ truyền dẫn năng lượng tinh thần cho thế giới.

320. Initiation always involves electric fire, at least on the soul level. The energy of the Monad is felt on the soul level from the time of the first initiation.

320. Điểm đạo luôn luôn bao hàm lửa điện, ít nhất ở cấp độ linh hồn. Năng lượng của chân thần được cảm nhận ở cấp độ linh hồn từ thời điểm của lần điểm đạo thứ nhất.

321. Obviously, only some are ready for the application of electric fire at any one time. Although the energy of the Monad (applied more directly) only occurs at the third initiation and following initiations, it is clear that electric fire is involved even in the Initiations of the Threshold.

321. Hiển nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào chỉ có một số người sẵn sàng cho việc áp dụng lửa điện. Dù năng lượng của chân thần (được áp dụng trực tiếp hơn) chỉ xảy ra ở lần điểm đạo thứ ba và các lần điểm đạo tiếp theo, rõ ràng lửa điện vẫn có liên quan ngay cả trong các Cuộc Điểm Đạo ở Ngưỡng Cửa.

322. The Masters consider men as units of force. This is an entirely impersonal way of understanding human nature.

322. Các Chân sư xem những người nam và nữ như những đơn vị mãnh lực. Đây là một cách hoàn toàn vô ngã để thấu hiểu bản chất con người.

Every initiate is technically a transmitter of force and his work is consequently threefold:

Mỗi điểm đạo đồ, về mặt kỹ thuật, là một kẻ truyền dẫn mãnh lực và công việc của y do đó có tính tam phân:

1. To provide a threefold vehicle capable of the necessary resistance to the force and able to receive and hold it.

1. Cung cấp một vận cụ tam phân có khả năng kháng cự cần thiết đối với mãnh lực và có thể tiếp nhận và giữ nó.

323. A strong and pure personality vehicle is necessary. Lower forces must 'contain' higher forces and not be leaky sieves.

323. Một vận cụ phàm ngã mạnh mẽ và thanh khiết là điều cần thiết. Các mãnh lực thấp phải "chứa đựng" các mãnh lực cao hơn và không được là những cái rây rò rỉ.

2. To transmit it as energy to the world which he serves.

2. Truyền nó như năng lượng đến thế giới mà y phụng sự.

324. Only a successful receiver can transmit.

324. Chỉ người tiếp nhận thành công mới có thể truyền đạt.

3. To store up a certain amount of it for a twofold purpose:

325. One must not release all energy received, or there is danger of depletion

a. To provide a reservoir of force for emergencies and for special work as required by the Great Ones.

326. The Masters can utilize (often in emergencies) the energy systems of Their chelas. How They do this is Their business, but we must present something which may be used.

327. DK speaks of the manner in which the Buddhas of Activity can use the Triangles Network in moments of planetary emergency.

b. To act as a dynamo for the immediate group which all advanced souls, disciples and initiates gather around them on some one or other of the planes in the three worlds.

328. Each advancing disciple is one who attracts others and inspires them. There must be enough energy to perform both of these functions—to provide a reservoir for use and to act as a dynamo.

329. So energy must be spent in service; be available to the Great Ones for planetary emergencies; and used to attract, hold and inspire future members of the disciples' Ashram.

3. Tích trữ một lượng nào đó của nó cho mục đích nhị phân:

325. Không được giải phóng toàn bộ năng lượng đã tiếp nhận, nếu không sẽ có nguy cơ cạn kiệt

a. Cung cấp một hồ chứa mãnh lực cho những tình huống khẩn cấp và cho công việc đặc biệt theo yêu cầu của Các Đấng Cao Cả.

326. Các Chân sư có thể sử dụng (thường là trong những tình huống khẩn cấp) các hệ thống năng lượng của các đệ tử của Các Ngài. Các Ngài làm điều này như thế nào là việc của Các Ngài, nhưng chúng ta phải trình ra điều gì đó có thể được sử dụng.

327. Chân sư DK nói về cách thức mà các Đức Phật Hoạt Động có thể sử dụng Mạng Lưới Tam Giác trong những lúc khẩn cấp của hành tinh.

b. Hoạt động như một máy phát điện cho nhóm trực tiếp mà mọi linh hồn tiến hóa, đệ tử và điểm đạo đồ tiên tiến đều quy tụ quanh mình trên cõi này hay cõi khác trong ba cõi thấp.

328. Mỗi đệ tử đang tiến bước là người thu hút những người khác và truyền cảm hứng cho họ. Phải có đủ năng lượng để thực hiện cả hai chức năng này—cung cấp một hồ chứa để sử dụng và hoạt động như một máy phát điện.

329. Vì vậy, năng lượng phải được dùng vào việc phụng sự; phải sẵn có cho Các Đấng Cao Cả trong những tình huống khẩn cấp của hành tinh; và được dùng để thu hút, giữ vững và truyền cảm hứng cho các thành viên tương lai của ashram của các đệ tử.

In the fifth rootrace, another tremendous happening may be looked for, and the time lies immediately ahead.

Trong giống dân gốc thứ năm, có thể chờ đợi một biến cố to lớn khác, và thời điểm ấy ở ngay phía trước.

330. What does the Tibetan mean by "immediately ahead"?

330. Chân sư Tây Tạng muốn nói gì qua cụm từ "ở ngay phía trước"?

331. We have been told that when the Christ returns, it will mean that human has taken its first initiation.

331. Chúng ta đã được bảo rằng khi Đức Christ trở lại, điều đó sẽ có nghĩa là nhân loại đã nhận lần điểm đạo thứ nhất.

It had its beginning in the energy which **eventually culminated in the world war.**

Nó đã bắt đầu trong năng lượng mà **cuối cùng đã lên đến tột đỉnh trong cuộc thế chiến.**

332. Modern readers of *A Treatise on Cosmic Fire,* must remember that it was written shortly after the First World War and well before the WWII.

332. Những độc giả hiện đại của *Luận về Lửa Vũ Trụ,* phải nhớ rằng tác phẩm này được viết ngay sau Thế Chiến Thứ Nhất và rất lâu trước Thế Chiến Thứ Hai.

333. We are being told that a strong subjective energy was at least the partial cause of WWI. The war was not all based on the poor decisions of humanity.

333. Chúng ta đang được cho biết rằng một năng lượng chủ quan mạnh mẽ ít nhất là nguyên nhân một phần của Thế Chiến Thứ Nhất. Cuộc chiến không hoàn toàn chỉ dựa trên những quyết định sai lầm của nhân loại.

334. Are we saying that the energy which culminated in WWI is the same energy which will lead to the Reappearance of the Christ and the Externalization of the Hierarchy.

334. Có phải chúng ta đang nói rằng năng lượng đã lên đến tột đỉnh trong Thế Chiến Thứ Nhất chính là năng lượng sẽ dẫn đến Sự Tái Lâm của Đức Christ và Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn.

The first effect of the appearance of fresh electrical **stimulation from extra-systemic** [Page 716] **centres**, is ever to bring about **a primary destruction leading on to revelation**.

Tác động đầu tiên của sự xuất hiện của một kích thích điện **mới mẻ từ các trung tâm** [Page 716] **ngoài-hệ**, luôn luôn là gây ra **một sự hủy diệt sơ khởi dẫn đến mặc khải**.

335. We are being told of the ingress of extra-systemic energy into our planetary system.

335. Chúng ta đang được cho biết về sự đi vào của năng lượng ngoài-hệ vào hệ hành tinh của chúng ta.

336. Our Solar Logos is undergoing initiation and His elevation must be stimulated from extra-systemic sources. The inflow from these sources will also affect the planets in the solar system and the lives upon such planets—such as ourselves.

336. Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trải qua điểm đạo và sự nâng cao của Ngài phải được kích thích từ các nguồn ngoài-hệ. Dòng tuôn đổ từ các nguồn này cũng sẽ ảnh hưởng đến các hành tinh trong hệ mặt trời và các sự sống trên những hành tinh ấy—chẳng hạn như chính chúng ta.

337. Just to put things in perspective, Aquarian energy is, technically, "extra-systemic".

337. Chỉ để đặt mọi sự vào đúng viễn cảnh, năng lượng Bảo Bình, về mặt kỹ thuật, là "ngoài-hệ".

338. It may be that the Shamballa Impacts which began in 1825 have carried extra-systemic energy into the energy system of our planet.

338. Có thể những Tác Động Shamballa bắt đầu vào năm 1825 đã mang năng lượng ngoài-hệ vào hệ thống năng lượng của hành tinh chúng ta.

339. An important principle is enunciated: primary destruction leads to revelation.

339. Một nguyên lý quan trọng được nêu ra: sự hủy diệt sơ khởi dẫn đến mặc khải.

340. The planet Pluto is a first ray planet related to Shamballa. It is also deeply related to the process if initiation. Pluto is Anubis leading the candidate into the Chamber of Judgment or the Chamber of Initiation. As humanity is on the verge of initiation, Pluto is active now (as if Vulcan).

340. Hành tinh Sao Diêm Vương là một hành tinh cung một liên hệ với Shamballa. Nó cũng liên hệ sâu sắc với tiến trình điểm đạo. Sao Diêm Vương là Anubis dẫn ứng viên vào Phòng Phán Xét hay Phòng Điểm Đạo. Vì nhân loại đang ở bên bờ điểm đạo, Sao Diêm Vương hiện đang hoạt động (như thể là Vulcan).

That which is imprisoned must be loosed. So it will be in this rootrace, the fifth.

Điều bị giam hãm phải được giải thoát. Vì vậy sẽ là như thế trong giống dân gốc này, giống dân thứ năm.

341. Consciousness is temporarily imprisoned in lunar forms. The process of initiation will release that consciousness into the consciousness of the fifth kingdom.

341. Tâm thức tạm thời bị giam hãm trong các hình tướng thái âm. Tiến trình điểm đạo sẽ giải phóng tâm thức ấy vào tâm thức của giới thứ năm.

Certain cosmic forces are at work and the full effect of their energy is not yet apparent.

Một số mãnh lực vũ trụ đang hoạt động và tác động trọn vẹn của năng lượng của chúng vẫn chưa biểu lộ rõ.

342. Energy from the constellation Aquarius must be included among these cosmic forces. There are obviously other forces—from Capricorn, Sirius, Antares, the Great Bear, the Little Bear, Draco, the Pleiades and the Pole Star, to name a few likely sources.

342. Năng lượng từ chòm sao Aquarius phải được kể vào các mãnh lực vũ trụ này. Hiển nhiên còn có những mãnh lực khác—từ Capricorn, Sirius, Antares, Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh, Draco, Pleiades và Sao Bắc Cực, chỉ nêu vài nguồn có khả năng.

This incoming force, the Hierarchy will avail itself of in order to push forward the planetary plans.

Thánh đoàn sẽ tận dụng mãnh lực đang đi vào này để thúc đẩy các kế hoạch hành tinh tiến lên.

343. The Members of the Hierarchy are Energy Receptors. They know the times and seasons, can invoke and can contain.

343. Các Thành viên của Thánh đoàn là những Bộ Tiếp Nhận Năng Lượng. Các Ngài biết thời điểm và mùa kỳ, có thể khẩn cầu và có thể chứa đựng.

344. The Members of Hierarchy live in accordance with systemic and cosmic ritual. They know the cycles and receive and transmit according to those cycles.

344. Các Thành viên của Thánh đoàn sống phù hợp với nghi lễ hệ thống và vũ trụ. Các Ngài biết các chu kỳ và tiếp nhận rồi truyền đạt theo các chu kỳ ấy.

In every case the effect of the phenomenon is felt in some one or other of the kingdoms beside the human. In the individualisation period, it is apparent that a tremendous stimulation took place in the *animal kingdom*—**a stimulation which has persisted, and which has led to the phenomenon of "domestic animals" as we call them, and their relatively high stage of intelligence as compared to the wild animals**.

Trong mọi trường hợp, tác động của hiện tượng này được cảm nhận trong một giới nào đó ngoài giới nhân loại. Trong thời kỳ biệt ngã hóa, rõ ràng là đã có một kích thích to lớn xảy ra trong *giới động vật*—**một kích thích đã kéo dài, và đã dẫn đến hiện tượng "thú vật nuôi trong nhà" như chúng ta gọi, cùng trình độ trí tuệ tương đối cao của chúng so với các thú hoang**.

345. It is very interesting that the process we call the individualization of animal man leading to the emergence of the fourth kingdom of nature brought about an elevation of the animal kingdom through the domestication of their higher species.

345. Thật rất thú vị khi tiến trình mà chúng ta gọi là sự biệt ngã hóa của người thú dẫn đến sự xuất hiện của giới thứ tư trong thiên nhiên đã mang lại một sự nâng cao cho giới động vật thông qua việc thuần hóa các loài cao hơn của chúng.

346. We can sense the influence of the planet Venus on the animal kingdom. The Venusian energy made animal man into

346. Chúng ta có thể cảm nhận ảnh hưởng của hành tinh Sao Kim trên giới động vật. Năng lượng Kim Tinh đã biến người thú

man-the-human, and the wild animals into domesticated animals.

thành con người-nhân loại, và biến các thú hoang thành các thú đã được thuần hóa.

In Atlantean days the opening of the door into the fifth kingdom, or into the stage of buddhic consciousness, had a profound effect upon the *vegetable kingdom.*

Trong những ngày Atlantis, việc mở cánh cửa vào giới thứ năm, hay vào giai đoạn tâm thức Bồ đề, đã có một tác động sâu sắc lên *giới thực vật.*

347. What type of consciousness characterizes the members of the fifth kingdom, the Kingdom of Souls? DK is telling us it is the buddhic consciousness. As well, the Members of the Fifth Creative Hierarchy (the Solar Angels) are embodiments of the buddhic consciousness.

347. Loại tâm thức nào đặc trưng cho các thành viên của giới thứ năm, Thiên Giới của các linh hồn? Chân sư DK đang cho chúng ta biết đó là tâm thức Bồ đề. Đồng thời, các Thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm (các Thái dương Thiên Thần) là những hiện thân của tâm thức Bồ đề.

348. At each initiation, there is an increasing access to buddhic energy.

348. Ở mỗi lần điểm đạo, có sự tiếp cận ngày càng tăng đối với năng lượng Bồ đề.

349. Numerically, the second (or sixth) principle, buddhi, is correlated to the second or vegetable kingdom. The planet Venus is involved in this correlation.

349. Về mặt số học, nguyên khí thứ hai (hay thứ sáu), buddhi, tương quan với giới thứ hai hay giới thực vật. Hành tinh Sao Kim có liên quan trong sự tương quan này.

350. True initiates are to nourish their physical vehicles from the vegetable kingdom. There is a direct relation between those who enter the Kingdom of God under Venus and the vegetable kingdom ruled by Venus.

350. Các điểm đạo đồ chân chính phải nuôi dưỡng các vận cụ hồng trần của mình từ giới thực vật. Có một liên hệ trực tiếp giữa những ai bước vào Thiên Giới dưới Sao Kim và giới thực vật do Sao Kim cai quản.

351. On the higher mental plane man is a *flower,* reflecting his close relation to the vegetable kingdom. Man expresses through the egoic lotus.

351. Trên Cõi thượng trí, con người là một *bông hoa,* phản ánh mối liên hệ mật thiết của y với giới thực vật. Con người biểu lộ qua Hoa Sen Chân Ngã.

This effect can be seen working out in such results as are achieved by Burbank, and which are of a nature corresponding to the initiatory process in man, involving a rapid achievement of relative perfection.

Tác động này có thể được thấy đang biểu hiện qua những kết quả mà Burbank đạt được, và chúng có bản chất tương ứng với tiến trình điểm đạo nơi con người, bao hàm sự đạt đến nhanh chóng một mức hoàn thiện tương đối.

352. Swami Yogananda and Luther Burbank were friends. The result of Burbank's knowledge of the plant kingdom can be seen at the Yogananda Self-Realization Fellowship headquarters (in Encinitas, CA and perhaps in Los Angeles) where the beauty of that kingdom is in full flowering.

352. Swami Yogananda và Luther Burbank là bạn bè. Kết quả của tri thức của Burbank về giới thực vật có thể được thấy tại trụ sở của Hội Tự Chứng Ngộ của Yogananda (ở Encinitas, California và có lẽ ở Los Angeles), nơi vẻ đẹp của giới ấy đang nở rộ trọn vẹn.

353. It would be interesting to analyze the influence of Venus in Luther Burbank's horoscope. Venus is in early Taurus (a position closely related to the vegetable kingdom) and sextile to Neptune in Pisces. (Neptune is the higher octave in Venus and has a relation to the vegetable kingdom through the sixth and second rays.) Burbank had a Pisces Sun-sign, in which Venus is exalted.

353. Sẽ rất thú vị nếu phân tích ảnh hưởng của Sao Kim trong lá số chiêm tinh của Luther Burbank. Sao Kim ở đầu Taurus (một vị trí liên hệ mật thiết với giới thực vật) và lục hợp chiếu với Sao Hải Vương ở Pisces. (Sao Hải Vương là quãng tám cao hơn của Sao Kim và có liên hệ với giới thực vật qua cung sáu và cung hai.) Burbank có dấu hiệu Mặt Trời Pisces, trong đó Sao Kim được tôn vinh.

In the tremendous event which is impending, in the great revelation which is near at hand, the Hierarchy will again take advantage of the time and the energy to bring about certain events which will work out primarily in the human kingdom but which will also be seen as force regeneration in the *mineral kingdom.*

Trong biến cố to lớn đang cận kề, trong sự mặc khải vĩ đại đang ở gần trong tầm tay, Thánh đoàn sẽ lại tận dụng thời cơ và năng lượng để làm phát sinh một số biến cố trước hết sẽ biểu hiện trong giới nhân loại nhưng cũng sẽ được thấy như sự tái sinh mãnh lực trong *giới kim thạch.*

354. A seventh ray Age is upon us and, thus, one in which the mineral kingdom (expressive on the seventh plane) can be stimulated.

354. Một Kỷ Nguyên cung bảy đang ở trên chúng ta và do đó là một thời kỳ trong đó giới kim thạch (biểu lộ trên cõi thứ bảy) có thể được kích thích.

355. We have seen how the various initiatory stimuli of humanity have resulted, during various eras, in the stimulation of the animal, vegetable and mineral kingdom respectively

355. Chúng ta đã thấy các kích thích điểm đạo khác nhau của nhân loại đã dẫn đến, trong những thời đại khác nhau, sự kích thích giới động vật, giới thực vật và giới kim thạch theo thứ tự tương ứng

356. The Lemurian race is related to the animal kingdom.

356. Nhân loại Lemuria liên hệ với giới động vật.

357. The Atlantean race is related to the vegetable kingdom.

357. Nhân loại Atlantis liên hệ với giới thực vật.

358. The Aryan race to the mineral kingdom.

358. Nhân loại Arya liên hệ với giới kim thạch.

359. We are studying man as the macrocosm for the three lower kingdoms.

359. Chúng ta đang nghiên cứu con người như đại thiên địa đối với ba giới thấp.

The energy,

Năng lượng ấy,

360. We are speaking of an energy which will lead to the initiation of humanity.

360. Chúng ta đang nói về một năng lượng sẽ dẫn đến điểm đạo của nhân loại.

when first felt in the human kingdom, brought about the conditions which caused the tremendous activity which resulted in war, and which is causing the present world stress;

khi lần đầu được cảm nhận trong giới nhân loại, đã tạo ra những điều kiện gây nên hoạt động to lớn dẫn đến chiến tranh, và đang gây ra sự căng thẳng thế giới hiện nay;

361. We remember how much the mineral kingdom has been involved in modern warfare.

361. Chúng ta nhớ giới kim thạch đã can dự nhiều đến mức nào trong chiến tranh hiện đại.

Hence the great use of minerals (iron, copper, etc.) in the World War II. It is literally a war in which the mineral kingdom is used against the human. Humanity had gone down into the caves and the depths of concretion and is ready now for an upward shift or move, this time consciously taken and taken all together. This is a most difficult situation for the average man to comprehend but the entire problem of the conscious use of that which exists upon the planet and also its destructive usage is tied together into one most critical situation. Part of the solution will come along similar lines and of this the prophecy now coming into the racial awareness that there are those "who sleep in the caves of the earth who will arise and bring liberation" has reference. But

Do đó có sự sử dụng rất lớn các khoáng chất (sắt, đồng, v.v.) trong Thế Chiến Thứ Hai. Theo nghĩa đen, đó là một cuộc chiến trong đó giới kim thạch được dùng chống lại con người. Nhân loại đã đi xuống các hang động và những tầng sâu của sự kết tinh đặc cứng, và nay đã sẵn sàng cho một sự chuyển dịch hay vận động đi lên, lần này được thực hiện một cách có ý thức và được thực hiện cùng nhau. Đây là một tình huống vô cùng khó để người bình thường thấu hiểu, nhưng toàn bộ vấn đề về việc sử dụng có ý thức điều đang tồn tại trên hành tinh và cả việc sử dụng có tính hủy diệt của nó đều gắn kết với nhau trong một tình thế cực kỳ nghiêm trọng. Một phần của giải pháp sẽ đến theo những đường hướng tương tự, và lời tiên tri hiện đang đi vào nhận thức của nhân loại rằng có những

be not too literal in interpretation for "that which is of the earth can also be found in the sky." (EA 386-387)

kẻ "ngủ trong các hang động của trái đất sẽ trỗi dậy và mang đến sự giải thoát" là nói đến điều đó. Nhưng đừng diễn giải quá theo nghĩa đen vì "điều gì thuộc về đất cũng có thể được tìm thấy trên trời." (EA 386-387)

362. Initiatory energy induces warfare in the field or area into which it is introduced.

362. Năng lượng điểm đạo gây ra chiến tranh trong lĩnh vực hay khu vực mà nó được đưa vào.

363. We all long for the impact of greater and higher energies little suspecting what may be the result in our vehicles.

363. Tất cả chúng ta đều khao khát tác động của những năng lượng lớn hơn và cao hơn mà ít ngờ được kết quả có thể xảy ra trong các vận cụ của mình.

in the mineral kingdom it affected certain of the minerals and elements, and **the radioactive substances made their appearance.**

trong giới kim thạch, nó đã ảnh hưởng đến một số khoáng chất và nguyên tố, và **các chất phóng xạ đã xuất hiện.**

364. What is to be said about the half-life of radioactive substances? Such a theory proposes that radioactive elements have always been with us. It does not look upon them as the evolutionary result of a long process of mineral evolution or as the effect of extra-systemic energies which bring about initiation in the human family as well as stimulation in the mineral kingdom.

364. Cần nói gì về chu kỳ bán rã của các chất phóng xạ? Một lý thuyết như thế cho rằng các nguyên tố phóng xạ luôn luôn đã ở cùng chúng ta. Nó không xem chúng như kết quả tiến hoá của một tiến trình dài của sự tiến hoá giới kim thạch hay như tác động của các năng lượng ngoài-hệ gây ra điểm đạo trong gia đình nhân loại cũng như sự kích thích trong giới kim thạch.

This characteristic (or radioactivity) of pitchblende [an ore of Uranium] and the other involved units is comparatively a new development under the evolutionary law, and one which, though latent, only [Page 717] needed the drawing forth of the type of energy now beginning to pour in on the earth.

Đặc tính này (hay tính phóng xạ) của pitchblende [một quặng của Uranium] và các đơn vị liên hệ khác, xét tương đối, là một sự phát triển mới dưới định luật tiến hoá, và là điều mà, dù còn tiềm ẩn, chỉ [Page 717] cần được rút ra bởi loại năng lượng hiện đang bắt đầu tuôn đổ vào trái đất.

365. One wonders about the effect of the planet Uranus (ruler of impending Aquarius) in drawing forth the potential for radioactivity in the mineral kingdom.

365. Người ta tự hỏi về tác động của hành tinh Sao Thiên Vương (chủ tinh của Aquarius đang đến gần) trong việc rút ra tiềm năng phóng xạ trong giới kim thạch.

366. Of course there have been a number of Ages of Aquarius and even large, Platonic Ages of Aquarius with a duration of 25,000 years, yet radioactivity has not made its appearance, according to occultism, until recent times. What larger cosmic impressions may be responsible?

366. Dĩ nhiên đã có một số Kỷ Nguyên Aquarius và thậm chí cả những Kỷ Nguyên Aquarius lớn theo Plato kéo dài 25.000 năm, thế nhưng theo huyền bí học, tính phóng xạ vẫn chưa xuất hiện cho đến thời hiện đại. Những ấn tượng vũ trụ lớn hơn nào có thể chịu trách nhiệm?

367. Perhaps we can say that the mineral kingdom of Earth is now ready to receive the 2500 year and 25,000 year influence of Aquarius in a new way which will cause the elevation of that kingdom.

367. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng giới kim thạch của Trái Đất nay đã sẵn sàng tiếp nhận ảnh hưởng 2.500 năm và 25.000 năm của Aquarius theo một cách mới, điều sẽ gây ra sự nâng cao của giới ấy.

This force began to flow in at the end of the eighteenth century, and its full effect is by no means yet felt, for it will be several hundred years before it passes away.

Mãnh lực này bắt đầu tuôn vào vào cuối thế kỷ mười tám, và tác động trọn vẹn của nó hoàn toàn vẫn chưa được cảm nhận, vì sẽ còn vài trăm năm nữa trước khi nó qua đi.

368. What else occurred at the end of the eighteenth century? The coming in the fifth ray cycle—1775.

368. Còn điều gì khác đã xảy ra vào cuối thế kỷ mười tám? Sự đi vào của chu kỳ cung năm —1775.

369. We are not to suspect that radioactivity will cease when this influence passes away (are we speaking of a 350 year fifth ray cycle or of something longer). It is just that the very focal stimulation to which the mineral kingdom has been exposed will no longer be so intense.

369. Chúng ta không nên cho rằng tính phóng xạ sẽ chấm dứt khi ảnh hưởng này qua đi (phải chăng chúng ta đang nói về một chu kỳ cung năm 350 năm hay điều gì dài hơn). Chỉ là sự kích thích tiêu điểm rất mạnh mà giới kim thạch đã phải chịu sẽ không còn mãnh liệt đến thế nữa.

370. From another angle, it may be that a number of those who are called Primary Lotuses (probably from Vulcan and having the first and third petals of the egoic lotus unfolding) may have entered with this incoming force at the end of the eighteenth century. This could account for the tremendous strides in science taken since that time.

370. Từ một góc độ khác, có thể một số người được gọi là các Hoa Sen Sơ Cấp (có lẽ từ Vulcan và có cánh hoa thứ nhất và thứ ba của Hoa Sen Chân Ngã đang khai mở) đã đi vào cùng với mãnh lực đang đến này vào cuối thế kỷ mười tám. Điều này có thể giải thích những bước tiến phi thường trong khoa học kể từ thời điểm ấy.

371. Towards the end of the eighteenth century may also be considered the point at

371. Cuối thế kỷ mười tám cũng có thể được xem là điểm mà các năng lượng Aquarius

which the incoming Aquarian energies and the outgoing Piscean energies were equally balanced.

đang đi vào và các năng lượng Pisces đang đi ra ở thế cân bằng ngang nhau.

By means of it, certain discoveries are possible, and the new order comes in upon it.

Nhờ nó, một số khám phá trở nên khả hữu, và trật tự mới đi vào trên nền tảng đó.

372. This stimulation seems related to the seventh ray and Uranus (the planet of radioactivity and also a planet related to the fifth ray). The force also seems related to Aquarius and the fifth ray.

372. Sự kích thích này dường như liên hệ với cung bảy và Sao Thiên Vương (hành tinh của tính phóng xạ và cũng là một hành tinh liên hệ với cung năm). Mãnh lực này cũng dường như liên hệ với Aquarius và cung năm.

373. Our equation so far is that great forces lead to great stimulations (and consequent destruction) but also to revelations.

373. Phương trình của chúng ta cho đến nay là các mãnh lực lớn dẫn đến những kích thích lớn (và sự hủy diệt hệ quả) nhưng cũng dẫn đến các mặc khải.

The Great Ones, Who know the time and the hour, will bring about, in our rootrace, that which corresponds to the occurrences in the earlier third and fourth races.

Các Đấng Cao Cả, Đấng biết thời gian và giờ khắc, sẽ làm phát sinh, trong giống dân gốc của chúng ta, điều tương ứng với những biến cố trong các giống dân thứ ba và thứ tư trước kia.

374. We are being told (somewhat vaguely) of a new evolutionary impulse. We are not told the nature of the energy which is now with us, but we may infer its composite nature from what we know of ray, zodiacal and planetary cycles.

374. Chúng ta đang được cho biết (khá mơ hồ) về một xung lực tiến hoá mới. Chúng ta không được cho biết bản chất của năng lượng hiện đang ở cùng chúng ta, nhưng có thể suy ra bản chất tổng hợp của nó từ điều chúng ta biết về các chu kỳ cung, hoàng đạo và hành tinh.

375. Occurrences in the earlier third and fourth rootraces were *initiatory* occurrences, and one even more powerful is on its way, imminently, in our fifth rootrace and fifth sub-race.

375. Những biến cố trong các giống dân gốc thứ ba và thứ tư trước kia là những biến cố *điểm đạo*, và một biến cố còn mạnh mẽ hơn đang trên đường đến, sắp xảy ra, trong giống dân gốc thứ năm và giống dân phụ thứ năm của chúng ta.

(c.) Methods of Individualisation. We have seen how the characteristic method of individualisation in this solar system is the

(c.) Các phương pháp biệt ngã hóa. Chúng ta đã thấy phương pháp biệt ngã hóa đặc trưng trong hệ mặt trời này là kết quả của **mãnh**

result of **force emanating from the cosmic mental plane,** which sweeps into activity **those entities whose function it is to form the body of the ego out of their own living substance on the mental plane** and thus, through their own quality and nature, endow human units on the physical plane with the faculty of self-consciousness, thus producing Man.

lực phát ra từ cõi trí vũ trụ, quét vào hoạt động **những thực thể có chức năng tạo thành thể của chân ngã từ chính chất liệu sống của họ trên cõi trí** và như thế, thông qua chính phẩm tính và bản chất của họ, ban cho các đơn vị nhân loại trên cõi hồng trần năng lực ngã thức, nhờ đó tạo ra Con Người.

376. This is one of those great encapsulating sentences which are to be observed as part of the Tibetan's teaching technique.

376. Đây là một trong những câu văn bao quát lớn cần được lưu ý như một phần trong kỹ thuật giảng dạy của Chân sư Tây Tạng.

377. The Solar Angels swept in as a result of force emanating from the cosmic mental plane. We note that that which impelled them is called "force" and not energy despite its very high source. It seems that energy in focused application is force.

377. Các Thái dương Thiên Thần quét vào như là kết quả của mãnh lực phát ra từ cõi trí vũ trụ. Chúng ta lưu ý rằng điều thúc đẩy họ được gọi là "mãnh lực" chứ không phải năng lượng mặc dù nguồn của nó rất cao. Dường như năng lượng trong sự áp dụng tập trung là mãnh lực.

378. The substance of the Solar Angel goes to the creation of causal bodies, and that substance is the presence of the Solar Angels upon the higher mental plane, but this does not mean that the entirety of the Solar Angels' consciousness is contained within the confines of the systemic higher mental plane.

378. Chất liệu của Thái dương Thiên Thần đi vào việc tạo ra các thể nguyên nhân, và chất liệu ấy là sự hiện diện của các Thái dương Thiên Thần trên Cõi thượng trí, nhưng điều này không có nghĩa là toàn bộ tâm thức của các Thái dương Thiên Thần đều bị chứa đựng trong giới hạn của cõi thượng trí hệ thống.

It is their work also to energise the mental units of all men, and to co-ordinate, by means of the force which they embody, and to energise the sheaths of the threefold lower man, so that they may in due course of time intelligently express the will and purpose of the indwelling Thinker.

Công việc của họ cũng là tiếp sinh lực cho các đơn vị hạ trí của mọi người, và phối hợp, bằng mãnh lực mà họ hiện thân, đồng thời tiếp sinh lực cho các vỏ bọc của phàm nhân tam phân, để đến đúng thời điểm chúng có thể biểu lộ một cách thông minh ý chí và mục đích của Đấng Tư Tưởng ngự bên trong.

379. The mental unit is a unit of influence and coordination, not just upon the mental

379. Đơn vị hạ trí là một đơn vị ảnh hưởng và phối hợp, không chỉ trên cõi trí, mà còn

plane, but in relation to the lower planes and vehicles as well.

trong liên hệ với các cõi thấp và các vận cụ nữa.

380. Let us tabulate again the role of the Solar Angels in relation to the personality aspects of man:

380. Chúng ta hãy lại lập bảng vai trò của các Thái dương Thiên Thần trong liên hệ với các phương diện phàm ngã của con người:

a. They energize the mental units of men

a. Họ tiếp sinh lực cho các đơn vị hạ trí của con người

b. They coordinate through their force the sheaths of the threefold lower man

b. Họ phối hợp qua mãnh lực của mình các vỏ bọc của phàm nhân tam phân

c. They energize through their force the sheaths of the threefold lower man

c. Họ tiếp sinh lực qua mãnh lực của mình cho các vỏ bọc của phàm nhân tam phân

d. They prepare these lower vehicles to intelligently express the will and purpose of the indwelling Thinker

d. Họ chuẩn bị các vận cụ thấp này để biểu lộ một cách thông minh ý chí và mục đích của Đấng Tư Tưởng ngự bên trong

381. Who is the "Thinker"? The Solar Angel is the Thinker but even more essentially, the "divine Ego" is the Thinker and for this Thinker the Solar Angels have prepared the vehicles.

381. "Đấng Tư Tưởng" là ai? Thái dương Thiên Thần là Đấng Tư Tưởng nhưng còn cốt yếu hơn nữa, "chân ngã thiêng liêng" là Đấng Tư Tưởng, và cho Đấng Tư Tưởng này các Thái dương Thiên Thần đã chuẩn bị các vận cụ.

Through the carrying out of this function in the case of the human family, certain planetary and systemic conditions are brought about.

Thông qua việc thực hiện chức năng này trong trường hợp của gia đình nhân loại, một số điều kiện hành tinh và hệ thống được tạo ra.

382. The effect of the work of the Solar Angels is not just planetary but systemic.

382. Tác động của công việc của các Thái dương Thiên Thần không chỉ là hành tinh mà còn là hệ thống.

383. Of course, the labor of Solar Angels is not just confined to the sphere of our planetary scheme, but is focussed in diverse ways upon and through all planetary schemes in our solar system.

383. Dĩ nhiên, lao động của các Thái dương Thiên Thần không chỉ giới hạn trong khối cầu của hệ hành tinh chúng ta, mà còn được tập trung theo nhiều cách khác nhau trên và xuyên qua mọi hệ hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta.

The dense and etheric bodies of the Logos and of the planetary Logoi are merged, **and one coherent vehicle of expression is provided for these cosmic Entities.**

384. We remember that in Lemurian days the dense and etheric bodies of early man were merged and that this constituted an initiation.

385. We may infer that DK is telling us about a type of initiation being undergone by *both* the Solar Logos and Planetary Logoi.

386. We remember that the dense physical bodies of Planetary Logoi (especially a non-sacred Planetary Logos such as the Logos of our Earth-scheme) consists of the lower eighteen subplanes. We cannot be sure if this is the case for all the Planetary Logoi, as some of the greater sacred planets may, like the Solar Logos, have a physical body consisting of twenty-one systemic subplanes, or at least of more subplanes than eighteen.

387. In any case, through the coming of the Solar Angels, that lower part of the energy expression of our Solar Logos which was generated in the previous solar systems is related to that part of His energy system which constitutes His *true* physical body—namely the vehicle which uses for its expression the energies of the four cosmic ethers.

388. The merging of the energies of the previous and present solar system is a process of the utmost importance for the integrated expression of our Solar Logos,

Các thể đậm đặc và dĩ thái của Thượng đế và của các Hành Tinh Thượng Đế được hợp nhất, **và một vận cụ biểu lộ cố kết được cung cấp cho các Thực Thể vũ trụ này.**

384. Chúng ta nhớ rằng trong thời Lemuria, các thể hồng trần đậm đặc và dĩ thái của con người sơ khai đã được hợp nhất và điều này cấu thành một điểm đạo.

385. Chúng ta có thể suy ra rằng Chân sư DK đang nói với chúng ta về một loại điểm đạo đang được trải qua bởi *cả* Thái dương Thượng đế lẫn các Hành Tinh Thượng Đế.

386. Chúng ta nhớ rằng các thể hồng trần đậm đặc của các Hành Tinh Thượng Đế (đặc biệt là một Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng như Thượng đế của hệ Địa Cầu chúng ta) gồm mười tám cõi phụ thấp. Chúng ta không thể chắc điều này có đúng với mọi Hành Tinh Thượng Đế hay không, vì một số hành tinh thiêng liêng lớn hơn có thể, giống như Thái dương Thượng đế, có một thể hồng trần gồm hai mươi mốt cõi phụ hệ thống, hoặc ít nhất là nhiều cõi phụ hơn mười tám.

387. Dù sao đi nữa, thông qua sự xuất hiện của các Thái dương Thiên Thần, phần thấp hơn của biểu lộ năng lượng của Thái dương Thượng đế chúng ta vốn được tạo ra trong các hệ mặt trời trước đây được liên kết với phần của hệ thống năng lượng của Ngài cấu thành thể hồng trần *đích thực* của Ngài—tức là vận cụ dùng các năng lượng của bốn dĩ thái vũ trụ để biểu lộ.

388. Sự hợp nhất các năng lượng của hệ mặt trời trước đây và hệ mặt trời hiện tại là một tiến trình có tầm quan trọng tối hậu đối với sự biểu lộ tích hợp của Thái dương Thượng đế chúng ta, và các Thái dương Thiên Thần

and the Solar Angels are instrumental in accomplishing this task.

là những tác nhân trong việc hoàn thành nhiệm vụ này.

In the producing of self-consciousness in the human family, the full conscious occupation by the Logos involved is consummated.

Trong việc tạo ra ngã thức trong gia đình nhân loại, sự chiếm ngự hoàn toàn có ý thức bởi Thượng đế liên hệ được hoàn tất.

389. Presumably, we are now speaking of *planetary* Logoi and not of the Solar Logos. Either that, or we are not speaking only of the human family *on Earth* but of humanity throughout the solar system.

389. Có lẽ giờ đây chúng ta đang nói về các *Hành Tinh* Thượng Đế chứ không phải Thái dương Thượng đế. Hoặc là như vậy, hoặc là chúng ta không chỉ nói về gia đình nhân loại *trên Trái Đất* mà là về nhân loại trong toàn hệ mặt trời.

390. What does the Planetary Logos *occupy*? He is able to establish occupied outposts in the lower three worlds in which is found His dense physical body.

390. Hành Tinh Thượng Đế *chiếm ngự* điều gì? Ngài có thể thiết lập các tiền đồn được chiếm ngự trong ba cõi thấp, nơi tìm thấy thể hồng trần đậm đặc của Ngài.

It is the moment of fruition, and (from a certain esoteric standpoint) marks the attainment of one perfected Septenary.

Đó là khoảnh khắc kết quả viên mãn, và (từ một quan điểm huyền bí nào đó) đánh dấu sự đạt được một Thất Phân hoàn hảo.

391. Of what "perfected septenary" can we be speaking? Perhaps we are referencing the cosmic physical plane, with its seven systemic planes (four etheric and three dense) now linked together into one functioning whole.

391. Chúng ta có thể đang nói về "thất phân hoàn hảo" nào? Có lẽ chúng ta đang quy chiếu đến cõi hồng trần vũ trụ, với bảy cõi hệ thống của nó (bốn cõi dĩ thái và ba cõi đậm đặc) nay được nối kết với nhau thành một toàn thể hoạt động thống nhất.

The three involutionary or elemental kingdoms and the three sub-human [Page 718] **kingdoms find their seventh principle in the fourth kingdom in nature, 3 + 4 = 7**.

Ba giới giáng hạ tiến hoá hay giới hành khí và ba giới dưới-người [Page 718] **tìm thấy nguyên khí thứ bảy của chúng trong giới thứ tư trong thiên nhiên, 3 + 4 = 7**.

392. The seventh principle is atma or the directing principle—the principle of spiritual will.

392. Nguyên khí thứ bảy là atma hay nguyên khí chỉ đạo—nguyên khí của ý chí tinh thần.

393. We are not talking about the evolutionary kingdom of Lunar Pitris, but of the mineral, vegetable and animal kingdoms and of the types of elemental essence which

393. Chúng ta không nói về giới tiến hoá của các thái âm tổ phụ, mà nói về giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật cùng các loại Tinh chất hành khí tương ứng với chúng—

correspond to them—the elemental essence of the three planes of the three lower worlds.

tinh chất hành khí của ba cõi trong ba cõi thấp.

When the life of God has circled through these seven kingdoms, then full self-consciousness is achieved from a certain relative standpoint, and the Son is on the way to attainment.

Khi sự sống của Thượng đế đã tuần hoàn qua bảy giới này, thì ngã thức trọn vẹn được đạt tới từ một quan điểm tương đối nào đó, và Con của Thượng đế đang trên đường đạt thành tựu.

394. The human kingdom is the acme of this sevenfold unit. When the life of god has circled through six of these kingdoms, it stands at that point of attainment when individualization can occur and the self-conscious human unit can make his appearance.

394. Giới nhân loại là đỉnh cao của đơn vị thất phân này. Khi sự sống của Thượng đế đã tuần hoàn qua sáu giới này, nó đứng tại điểm thành tựu mà ở đó sự biệt ngã hóa có thể xảy ra và đơn vị nhân loại tự ý thức có thể xuất hiện.

395. This circulation involves both an involutionary descent and an evolutionary ascent.

395. Sự tuần hoàn này bao gồm cả một sự đi xuống giáng hạ tiến hoá lẫn một sự đi lên tiến hoá.

This relative perfection has then to be carried on to other stages, but they are stages in which the separated self-consciousness of the Identities concerned (whether human or planetary) must eventually merge itself in universal consciousness.

Sự hoàn hảo tương đối này sau đó phải được tiếp tục sang các giai đoạn khác, nhưng đó là những giai đoạn trong đó ngã thức tách biệt của các Bản Sắc liên hệ (dù là nhân loại hay hành tinh) cuối cùng phải tự hòa nhập vào tâm thức phổ quát.

396. As greater relative perfections are reached, there is progress from the sense of separation to the sense of unification until "universal consciousness" is reached.

396. Khi những mức hoàn hảo tương đối lớn hơn được đạt tới, sẽ có sự tiến bộ từ cảm thức phân ly đến cảm thức hợp nhất cho đến khi đạt "tâm thức phổ quát".

397. We speak of the progress from individual consciousness to group consciousness to God-consciousness.

397. Chúng ta nói đến sự tiến bộ từ tâm thức cá nhân đến tâm thức nhóm rồi đến tâm thức Thượng đế.

Certain centres in the bodies logoic and planetary are also stimulated and the Rays (if it might be so expressed) become radioactive.

Một số trung tâm trong các thể của Thượng đế và của hành tinh cũng được kích thích và các Cung (nếu có thể diễn đạt như vậy) trở nên có tính phóng xạ.

398. This is quite a new angle on the subject.

398. Đây là một góc nhìn hoàn toàn mới về chủ đề này.

399. We might expect that, through the process of individualization, the centers in the Planetary Logos (or, in a greater sense, the centers of the Solar Logos) would be stimulated. His throat center, for instance, because humanity is His throat center. Or His heart center, because Hierarchy is His heart center.

399. Chúng ta có thể mong đợi rằng, thông qua tiến trình biệt ngã hóa, các trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế (hay theo nghĩa lớn hơn, các trung tâm của Thái dương Thượng đế) sẽ được kích thích. Chẳng hạn trung tâm cổ họng của Ngài, vì nhân loại là trung tâm cổ họng của Ngài. Hoặc trung tâm tim của Ngài, vì Thánh đoàn là trung tâm tim của Ngài.

400. But the radioactivity of the rays is a new idea. The Rays are Lives and probably have Their evolutionary cycles as well.

400. Nhưng tính phóng xạ của các cung là một ý tưởng mới. Các Cung là các Sự Sống và có lẽ cũng có các chu kỳ tiến hoá của riêng Các Ngài.

It is this radiation which will eventually bring about conscious group activity,

Chính sự bức xạ này cuối cùng sẽ làm phát sinh hoạt động nhóm có ý thức,

401. We are speaking of the radioactivity of the Rays.

401. Chúng ta đang nói về tính phóng xạ của các Cung.

which will lead to interaction between the planets, and which, under the Law of Attraction and Repulsion, will bring about eventual synthesis.

điều sẽ dẫn đến sự tương tác giữa các hành tinh, và dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, sẽ đưa đến sự tổng hợp cuối cùng.

402. Let us tabulate the three main effects of the induced radioactivity of the rays. It will bring about:

402. Chúng ta hãy lập bảng ba tác động chính của tính phóng xạ được gây ra nơi các cung. Nó sẽ mang lại:

a. Conscious group activity

a. Hoạt động nhóm có ý thức

b. The resultant interaction between planets

b. Sự tương tác hệ quả giữa các hành tinh

c. Eventual synthesis through the Law of Attraction and Repulsion

c. Sự tổng hợp cuối cùng thông qua Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi

403. Under their induced radioactivity we might expect the rays to merge and blend

403. Dưới tính phóng xạ được gây ra của chúng, chúng ta có thể mong đợi các cung

more readily with each other and to reach farther afield to effect various unions and syntheses.

hòa nhập và pha trộn với nhau dễ dàng hơn, đồng thời vươn xa hơn để tạo ra nhiều sự kết hợp và tổng hợp khác nhau.

On extra-systemic or cosmic levels, the individualisation process produces **a corresponding activity in the egoic body of the Logos**, and hence increased vibration in that centre in the body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID, which our Logos represents.

Trên các cấp độ ngoài-hệ hay vũ trụ, tiến trình biệt ngã hóa tạo ra **một hoạt động tương ứng trong thể chân ngã của Thượng đế**, và do đó làm gia tăng rung động trong trung tâm ấy trong thể của Đấng Bất Khả Tư Nghị mà Thượng đế của chúng ta đại diện.

404. We are now speaking of the individualization process not of man, the human, but of the Heavenly Men and of the Grand Heavenly Man (the Solar Logos).

404. Giờ đây chúng ta đang nói về tiến trình biệt ngã hóa không phải của con người, nhân loại, mà của các Đấng Thiên Nhân và của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại (Thái dương Thượng đế).

405. Our Logos represents a heart center in ***a*** "One About Whom Naught May Be Said", but in the greater "One About Whom Naught May Be Said", our Logos is only a minor center within a greater solar plexus center—thus we hypothesize.

405. Thượng đế của chúng ta đại diện cho một trung tâm tim trong ***một*** "Đấng Bất Khả Tư Nghị", nhưng trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị" lớn hơn, Thượng đế của chúng ta chỉ là một trung tâm nhỏ bên trong một trung tâm tùng thái dương lớn hơn—ít nhất chúng ta giả thuyết như vậy.

406. In any case, we are told of developments on the systemic higher mental plane at the time of individualization. There would be, according to the Law of Analogy, corresponding developments on the *cosmic* higher mental plane in relation to the individualization of great Beings such as the Solar Logos or Planetary Logos.

406. Dù sao đi nữa, chúng ta được cho biết về những phát triển trên cõi thượng trí hệ thống vào thời điểm biệt ngã hóa. Theo định luật tương đồng, hẳn cũng có những phát triển tương ứng trên cõi thượng trí *vũ trụ* liên hệ với sự biệt ngã hóa của các Đấng vĩ đại như Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế.

It also produces a reaction or "occult recognition" in the prototype of the Septenate, or in the seven Rishis of the Great Bear,

Điều đó cũng tạo ra một phản ứng hay một "sự nhận biết huyền bí" trong nguyên mẫu của Bộ Bảy, hay trong bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh,

407. We must assume that there is a deeper recognition on the part of the Planetary

407. Chúng ta phải giả định rằng Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế có một

Logoi and the Solar Logos of Their relationship with the sponsoring stellar Sources we know as the Seven Rishis of the Great Bear.

sự nhận biết sâu xa hơn về mối liên hệ của Các Ngài với các Nguồn tinh tú bảo trợ mà chúng ta biết là Bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh.

408. The Seven Rishis are the prototype of the Septenate consisting of the seven major Planetary Logoi, and also, perhaps, of the Seven Major Suns of which our Sun is one.

408. Bảy vị Rishi là nguyên mẫu của Bộ Bảy gồm bảy Hành Tinh Thượng Đế chính, và cũng có lẽ là của Bảy Mặt Trời Chính mà Mặt Trời của chúng ta là một trong số đó.

and this reaction in cosmic circles will persist until the end of the mahamanvantara, when the **Logos is set free (even though temporarily), from physical plane existence**.

và phản ứng này trong các vòng tròn vũ trụ sẽ tiếp diễn cho đến cuối đại giai kỳ sinh hóa, khi Đấng **Thượng đế được giải thoát (dù chỉ là tạm thời) khỏi sự tồn tại trên cõi hồng trần**.

409. So the individualization of a Planetary Logos or Solar Logos is a cosmic event and there is a response within cosmic Sources to such an event.

409. Vì vậy, sự biệt ngã hóa của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế là một biến cố vũ trụ, và có một sự đáp ứng trong các Nguồn vũ trụ đối với biến cố ấy.

410. Our Solar Logos will achieve the fourth or fifth cosmic initiation in this solar system. Normally that would set a Logos free from reincarnation on the cosmic physical plane.

410. Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ đạt lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc thứ năm trong hệ mặt trời này. Thông thường, điều đó sẽ giải thoát một Thượng đế khỏi sự tái sinh trên cõi hồng trần vũ trụ.

411. Perhaps incarnation will come again in the next solar system, but will not be on the lower part of the cosmic physical plane. We are told that the whole process of systemic individualization in that system will be impulsed from the monadic plane rather than from the higher layers of the systemic mental plane.

411. Có lẽ sự nhập thể sẽ lại đến trong hệ mặt trời kế tiếp, nhưng sẽ không ở phần thấp của cõi hồng trần vũ trụ. Chúng ta được cho biết rằng toàn bộ tiến trình biệt ngã hóa hệ thống trong hệ ấy sẽ được thúc đẩy từ cõi chân thần thay vì từ các tầng cao hơn của cõi trí hệ thống.

412. But the fact that there will be a third major (or sixth sequential) solar system, tells us that there will be a subsequent incarnation for the Solar Logos, because a solar system is, by definition, such an incarnation. That incarnation, however, will almost certainly be less dense than this one.

412. Nhưng sự kiện sẽ có một hệ mặt trời lớn thứ ba (hay thứ sáu theo tuần tự) cho chúng ta biết rằng sẽ có một lần nhập thể tiếp theo cho Thái dương Thượng đế, bởi vì một hệ mặt trời, theo định nghĩa, chính là một sự nhập thể như thế. Tuy nhiên, sự nhập thể ấy

gần như chắc chắn sẽ ít đậm đặc hơn sự nhập thể này.

It also brings about a setting loose of force from the cosmic mental plane which is cyclic in character. In this round, the fourth, the maximum force of this cycle was felt in the third root race.

Điều đó cũng đem lại một sự giải phóng mãnh lực từ cõi trí vũ trụ, có tính chu kỳ. Trong cuộc tuần hoàn này, cuộc tuần hoàn thứ tư, mãnh lực tối đa của chu kỳ này đã được cảm nhận trong giống dân gốc thứ ba.

413. We can have no true idea of a cosmic mental cycle.

413. Chúng ta không thể có một ý niệm chân thực nào về một chu kỳ trí tuệ vũ trụ.

414. It is interesting, however, that the process of man's individualization saw the maximum potency of this cosmic mental force release upon the Earth.

414. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là tiến trình biệt ngã hóa của con người đã chứng kiến hiệu lực tối đa của sự giải phóng mãnh lực trí tuệ vũ trụ này trên Trái Đất.

415. We do not know the duration of the maximum force, but only when that maximum force was felt on this fourth chain, in its fourth globe and the fourth round as it affected the fourth globe.

415. Chúng ta không biết thời lượng của mãnh lực tối đa ấy, mà chỉ biết khi nào mãnh lực tối đa ấy được cảm nhận trên dãy thứ tư này, trong bầu hành tinh thứ tư của nó và trong cuộc tuần hoàn thứ tư khi nó tác động lên bầu hành tinh thứ tư.

416. All in nature and super-nature is cyclic.

416. Mọi sự trong bản chất và siêu bản chất đều có tính chu kỳ.

In the next round, during the fourth root race, and for a very brief period, a fresh cycle will reach its zenith, and will again open the door of individualisation in order to permit the entry of **certain very advanced Egos who are seeking** [Page 719] **incarnation in order to carry out a special piece of work.**

Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, trong giống dân gốc thứ tư, và trong một thời kỳ rất ngắn, một chu kỳ mới sẽ đạt đến đỉnh điểm của nó, và sẽ lại mở cánh cửa biệt ngã hóa để cho phép sự nhập vào của **một số chân ngã rất tiến hóa đang tìm kiếm** [Page 719]**sự nhập thể nhằm thực hiện một công tác đặc biệt.**

417. We are speaking of another episode of individualization during the fourth rootrace of the *fifth* round."

417. Chúng ta đang nói về một giai đoạn biệt ngã hóa khác trong giống dân gốc thứ tư của *cuộc tuần hoàn thứ năm*."

418. But in what way are the Egos who will enter to be considered "advanced"? Are such Egos to be considered "advanced" even

418. Nhưng theo cách nào mà các chân ngã sẽ nhập vào lại được xem là "tiến hóa"? Những chân ngã như thế có được xem là

before the individualization process has occurred?

419. Are the advanced Egos, then, those who will individualize, or will there be, simultaneously, a new period of individualization for men newly made and *also* the entry of these advanced Egos?

420. Perhaps the advanced Egos will enter well after the new type of individualization process has made possible the development of bodies which will allow them to incarnate. From this perspective, they do not, themselves, individualize, but await the appearance of bodies adequate to their need —bodies produced, eventually, by those who *have* individualized.

421. The numbers five and four sum to nine which indicate the human Creative Hierarchy.

422. We are being exposed to a fascinating piece of prophecy. We are told of some developments in the next or fifth round. The following are such developments:

Many may succeed in unfolding it [the third petal] before the seventh rootrace of this round but **the bulk of them will unfold it in the second rootrace of the next round, and will stand ready before the close of the round to pass on to the probationary path,** having unfolded one tier of petals, and organised the second. (TCF 842)

This round will provide no bodies adequate to their need. The next round may do so if the plans proceed as anticipated.

"tiến hóa" ngay cả trước khi tiến trình biệt ngã hóa xảy ra chăng?

419. Vậy thì, các chân ngã tiến hóa ấy là những chân ngã sẽ biệt ngã hóa, hay đồng thời sẽ có một giai đoạn biệt ngã hóa mới cho những con người vừa mới được tạo thành và *cũng* là sự nhập vào của các chân ngã tiến hóa này?

420. Có lẽ các chân ngã tiến hóa sẽ nhập vào khá lâu sau khi loại tiến trình biệt ngã hóa mới đã làm cho sự phát triển của các thể cho phép họ nhập thể trở nên khả hữu. Từ góc nhìn này, chính họ không tự biệt ngã hóa, mà chờ sự xuất hiện của những thể thích hợp với nhu cầu của họ—những thể rốt cuộc được tạo ra bởi những người *đã* biệt ngã hóa.

421. Các số năm và bốn cộng lại thành chín, biểu thị Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại.

422. Chúng ta đang được tiếp xúc với một đoạn tiên tri đầy hấp dẫn. Chúng ta được cho biết về một số phát triển trong cuộc tuần hoàn kế tiếp hay cuộc tuần hoàn thứ năm. Sau đây là những phát triển ấy:

Nhiều người có thể thành công trong việc khai mở nó [cánh hoa thứ ba] trước giống dân gốc thứ bảy của cuộc tuần hoàn này nhưng **phần lớn họ sẽ khai mở nó trong giống dân gốc thứ hai của cuộc tuần hoàn kế tiếp, và sẽ sẵn sàng trước khi cuộc tuần hoàn kết thúc để bước lên Con Đường Dự Bị,** sau khi đã khai mở một tầng cánh hoa và tổ chức tầng thứ hai. (TCF 842)

Cuộc tuần hoàn này sẽ không cung cấp những thể thích hợp với nhu cầu của họ. Cuộc tuần hoàn kế tiếp có thể làm được điều

đó nếu các kế hoạch diễn tiến như đã dự kiến.ted.

423. We are speaking of the preparation of bodies adequate to the need of certain Egos who are *already* advanced and who, apparently, have individualized long before.

423. Chúng ta đang nói về việc chuẩn bị những thể thích hợp với nhu cầu của một số chân ngã *đã* tiến hóa và rõ ràng đã biệt ngã hóa từ rất lâu trước đây.

In this case the Manasadevas concerned will not individualise animal men as in the previous round**, but will stimulate the mental germ in those members of the present human family who—as H. P. B. says—though apparently men, are without the spark of mind.**[40]

Trong trường hợp này, các Manasadeva liên hệ sẽ không biệtngã hóa những người thú như trong cuộc tuần hoàn trước**, mà sẽ kíchthích mầm trí tuệ trong những thành viên của gia đình nhân loại hiện nay mà—như H. P. B. nói—dù bề ngoài là người, vẫn không có tia lửa trí tuệ.**40

424. This is a fascinating perspective. The idea is that there are now, on our planet, those who are *apparently* men but who are not *really* so—at least they are not that 'hot-house variety of man' produced by the divine interventions of the Solar Angels and the abiding of the Solar Angel within the energy system. They are individualized, in a way, but they do not contain the spark of mind that the Solar Angel provides. In fact, they are not associated with any Solar Angel even though it can be assumed that their mental germ had been somewhat "fanned" when they emerged out of the animal kingdom into the human, for they are, in fact, human beings.

424. Đây là một góc nhìn đầy hấp dẫn. Ý tưởng ở đây là hiện nay, trên hành tinh chúng ta, có những kẻ *bề ngoài* là người nhưng không *thật sự* như vậy—ít nhất họ không phải là loại "người nhà kính" được tạo ra bởi các sự can thiệp thiêng liêng của các Thái dương Thiên Thần và bởi sự lưu trú của Thái dương Thiên Thần trong hệ thống năng lượng. Theo một cách nào đó, họ đã được biệt ngã hóa, nhưng họ không chứa tia lửa trí tuệ mà Thái dương Thiên Thần cung cấp. Thực ra, họ không liên kết với bất kỳ Thái dương Thiên Thần nào, dù có thể giả định rằng mầm trí tuệ của họ đã phần nào được "quạt lên" khi họ xuất hiện từ giới động vật sang giới nhân loại, vì trên thực tế họ là con người.

40: Such are the Veddhas of Ceylon, the Bushman of Australia, and certain of the lowest of the African races. See S. D., II, 206, 300, 439.

40: Đó là những người Veddha ở Tích Lan, người Bushman ở Úc, và một số chủng tộc Phi châu thấp kém nhất. Xem Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 206, 300, 439.

425. Perhaps this is not a very popular point of view, but from the occult perspective very interesting and important. We need a certain objectivity about humanity in all its

425. Có lẽ đây không phải là một quan điểm được ưa chuộng lắm, nhưng từ góc nhìn huyền bí học thì rất thú vị và quan trọng. Chúng ta cần một mức độ khách quan nhất định đối với nhân loại trong mọi loại hình

categories, as divorced from sentiment as possible, but not divorced from love.

của nó, càng tách khỏi tình cảm càng tốt, nhưng không tách khỏi tình thương.

During the next seven hundred years, these low aboriginal races will practically die out and will not—in this round—reincarnate.

Trong bảy trăm năm tới, các chủng tộc thổ dân thấp kém này trên thực tế sẽ tuyệt diệt và sẽ không—trong cuộc tuần hoàn này—tái sinh.

426. We are assuming that the incarnation will occur in the fourth rootrace of the fifth round.

426. Chúng ta đang giả định rằng sự nhập thể sẽ xảy ra trong giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ năm.

427. What will the incoming of those very "advanced Egos" have to do with the precipitation of the "Judgment Day" in the middle of the next round?

427. Sự nhập vào của những "chân ngã tiến hóa" ấy sẽ liên quan thế nào đến sự ngưng tụ của "Ngày Phán Xét" vào giữa cuộc tuần hoàn kế tiếp?

They will be rejected.

Họ sẽ bị loại bỏ.

428. We are speaking of the low aboriginal races.

428. Chúng ta đang nói về các chủng tộc thổ dân thấp kém.

In the next round opportunity will again occur, and the Manasadevas will again renew their work of **forming individualistic nuclei for the development of self-consciousness.**

Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, cơ hội sẽ lại xuất hiện, và các Manasadeva sẽ lại tiếp tục công việc của mình là **hình thành các hạt nhân biệt ngã để phát triển ngã thức.**

429. We have here a very *technical* description of how the Manasadevas work —"forming individualistic nuclei for the development of self-consciousness". It is as if they implant an attractive center, a radiatory, irresistibly *noticeable* center within the field of consciousness and thus guarantee the emergence of self-consciousness.

429. Ở đây chúng ta có một mô tả rất *kỹ thuật* về cách các Manasadeva hoạt động —"hình thành các hạt nhân biệt ngã để phát triển ngã thức". Dường như họ cấy vào một trung tâm hấp dẫn, một trung tâm bức xạ, không thể cưỡng lại và *dễ nhận thấy* trong trường tâm thức, và nhờ đó bảo đảm sự xuất hiện của ngã thức.

430. Some degree of mystery surrounds what it is the Solar Angels are really doing when they implant the spark of mind in animal man, or fan the mental unit or mental germ. These are all metaphorical

430. Một mức độ huyền nhiệm nào đó bao quanh điều mà các Thái dương Thiên Thần thực sự làm khi họ cấy tia lửa trí tuệ vào người thú, hay quạt lên đơn vị hạ trí hoặc mầm trí tuệ. Tất cả những cách nói này đều

ways of speaking. The technicalities presently escape us.

mang tính ẩn dụ. Các chi tiết kỹ thuật hiện vẫn vượt ngoài tầm chúng ta.

The Egos awaiting opportunity will not, of course, enter in until the human type of that era is sufficiently refined for their purpose.

Dĩ nhiên, các chân ngã đang chờ cơ hội sẽ không nhập vào cho đến khi loại người của thời kỳ ấy được tinh luyện đủ cho mục đích của họ.

431. Yes, this is as it must be and was suspected above. Long years of development will be needed.

431. Đúng vậy, điều này hẳn phải như thế và đã được nghi ngờ ở trên. Sẽ cần nhiều năm dài phát triển.

They are concerned with the unfoldment of the sixth petal of the logoic egoic Lotus, and are of such a nature that we can scarcely conceive of them.

Họ liên hệ với sự khai mở cánh hoa thứ sáu của Hoa Sen Chân Ngã logoic, và có bản chất đến mức chúng ta khó lòng hình dung nổi.

432. We may wonder to what extent they will actually need causal bodies.

432. Chúng ta có thể tự hỏi họ thực sự sẽ cần thể nguyên nhân đến mức nào.

433. Every planetary scheme is associated with one of those petals, assuming there are twelve. From another perspective, there may be twenty-one petals, three in each of seven tiers.

433. Mỗi hệ hành tinh đều liên kết với một trong những cánh hoa ấy, giả sử có mười hai cánh. Từ một góc nhìn khác, có thể có hai mươi mốt cánh hoa, ba cánh trong mỗi một trong bảy tầng.

434. What might be the sixth scheme associated with the sixth petal of the logoic lotus? Could it be Venus, but will Venus again incarnate? Probably it will. Could it be Neptune? From a *ray* perspective, this may be possible. It is unlikely that Mars would be associated with the sixth petal of the logoic egoic lotus. Mars would seem to be of too low a development, relatively. But these are matters far beyond the possibility of convincing speculation.

434. Hệ thứ sáu nào có thể liên kết với cánh hoa thứ sáu của hoa sen logoic? Có thể là Sao Kim chăng, nhưng Sao Kim sẽ lại nhập thể chăng? Có lẽ là có. Có thể là Sao Hải Vương chăng? Từ góc nhìn *cung*, điều này có thể xảy ra. Khó có khả năng Sao Hỏa sẽ liên kết với cánh hoa thứ sáu của Hoa Sen Chân Ngã logoic. Tương đối mà nói, Sao Hỏa dường như có mức phát triển quá thấp. Nhưng đây là những vấn đề vượt xa khả năng suy đoán có sức thuyết phục.

They are on the line of the Buddhas of Activity, but the above named are free for this mahamanvantara, whereas these particular Egos have yet somewhat to work out.

Họ thuộc tuyến của các Đức Phật Hoạt Động, nhưng các Đấng vừa nêu ở trên thì đã được giải thoát trong đại giai kỳ sinh hóa này, còn các chân ngã đặc biệt này vẫn còn đôi điều phải hoàn tất.

435. We can judge that they are very "advanced Egos" indeed. The Buddhas of Activity surely have no need for causal bodies or human forms. We can wonder what type of forms may be needed by these advanced types when they incarnate.

435. Chúng ta có thể phán đoán rằng họ quả thật là những "chân ngã tiến hóa" rất cao. Các Đức Phật Hoạt Động hẳn không cần thể nguyên nhân hay hình hài con người. Chúng ta có thể tự hỏi loại hình tướng nào có thể cần thiết cho các loại tiến hóa này khi họ nhập thể.

436. Maybe the fact that they are seeking incarnation has little to do with their own need to reincarnate and everything to do with the special piece of work they must accomplish for our Planetary Logos.

436. Có lẽ việc họ tìm kiếm sự nhập thể ít liên quan đến nhu cầu tái sinh của chính họ mà hoàn toàn liên quan đến công tác đặc biệt họ phải hoàn thành cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

437. If on the line of the Buddhas of Activity, they must have much of the third and second ray in their nature. Wisdom and intelligence seem, generally, to characterize the Buddhas of Activity.

437. Nếu thuộc tuyến của các Đức Phật Hoạt Động, hẳn họ phải có rất nhiều cung ba và cung hai trong bản chất của mình. Minh triết và trí tuệ dường như nói chung là những đặc tính của các Đức Phật Hoạt Động.

They could only "come in" in the middle of the fifth round, and were a group of initiates who arrested their own evolution (technically speaking) **in order to take up a special piece of work on the planet Vulcan**;

Họ chỉ có thể "đi vào" vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, và là một nhóm điểm đạo đồ đã đình lại sự tiến hoá của chính mình (nói theo kỹ thuật) **để đảm nhận một công tác đặc biệt trên hành tinh Vulcan**;

438. As we are still in the fourth round, DK is definitely speaking of the future.

438. Vì chúng ta vẫn còn ở cuộc tuần hoàn thứ tư, Chân sư DK rõ ràng đang nói về tương lai.

439. By the "middle of the fifth round", DK clearly means the fourth rootrace of the fifth round.

439. Bởi "giữa cuộc tuần hoàn thứ năm", Chân sư DK rõ ràng muốn nói đến giống dân gốc thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ năm.

440. The "Judgment Day" is also to occur in the "middle of the fifth round".

440. "Ngày Phán Xét" cũng sẽ xảy ra vào "giữa cuộc tuần hoàn thứ năm".

441. It seems that there may have been an exchange of Egos between Vulcan and the Earth. We are told of the "Primary Lotuses" who came into our Earth-scheme to develop the second petal of the egoic lotus and proceed to the development of the second tier. When such influxes occur, there may also be an efflux, in order to preserve the balance.

441. Dường như có thể đã có một sự trao đổi chân ngã giữa Vulcan và Trái Đất. Chúng ta được cho biết về các "Hoa Sen Sơ Cấp" đã đi vào hệ Địa Cầu của chúng ta để phát triển cánh hoa thứ hai của hoa sen chân ngã và tiến tới sự phát triển của tầng thứ hai. Khi những dòng nhập lưu như thế xảy ra, cũng có thể có một dòng xuất lưu để giữ gìn sự quân bình.

442. We see that interplanetary exchanges do, indeed, occur and are part of the systemic balancing process.

442. Chúng ta thấy rằng những sự trao đổi liên hành tinh quả thật có xảy ra và là một phần của tiến trình quân bình hệ thống.

therefore, they must return

do đó, họ phải trở về

443. To the Earth-scheme…

443. Với hệ Địa Cầu…

to continue and complete that which has been left undone. Owing to the results of their experience on Vulcan, the physical vehicle necessitated is of such an order that they could not at this time, and in this round, incarnate without disaster.

để tiếp tục và hoàn tất điều đã bị bỏ dở. Do kết quả của kinh nghiệm của họ trên Vulcan, vận cụ hồng trần cần thiết có tính chất đến mức hiện nay, và trong cuộc tuần hoàn này, họ không thể nhập thể mà không gặp tai họa.

444. The disaster would probably be the shattering of any physical vehicle in which they undertook to incarnate.

444. Tai họa ấy có lẽ là sự tan vỡ của bất kỳ vận cụ hồng trần nào mà họ cố gắng nhập thể vào.

445. Vulcan is related to the Heart of the Sun and therefore the must be resonant to the sixth petal of the logoic egoic lotus, though in other respects Vulcan is very much *off* the two-four-six line.

445. Vulcan liên hệ với Trái Tim của Mặt Trời và do đó hẳn phải cộng hưởng với cánh hoa thứ sáu của Hoa Sen Chân Ngã logoic, dù ở những phương diện khác Vulcan rất *lệch* khỏi tuyến hai-bốn-sáu.

446. We can imagine that they acquired a great intensity of vibration on Vulcan—an intensity sufficient to destroy a normal physical vehicle.

446. Chúng ta có thể hình dung rằng họ đã đạt được một cường độ rung động lớn trên Vulcan—một cường độ đủ để phá hủy một vận cụ hồng trần bình thường.

Individualisation in the next round will begin to show indications of the third method,—that of the next system.

Biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ bắt đầu cho thấy những chỉ dấu của phương pháp thứ ba,—phương pháp của hệ kế tiếp.

447. Processes which will emerge fully far in the future are anticipated before they emerge.

447. Những tiến trình sẽ xuất hiện trọn vẹn trong tương lai xa được báo trước trước khi chúng xuất hiện.

448. The fifth round processes, in this case, will anticipate processes of individualization in the next solar system. We may recall that that method will have much to do with a mysterious process of "occult abstraction".

448. Trong trường hợp này, các tiến trình của cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ báo trước các tiến trình biệt ngã hóa trong hệ mặt trời kế tiếp. Chúng ta có thể nhớ rằng phương pháp ấy sẽ liên quan rất nhiều đến một tiến trình huyền nhiệm gọi là "trừu xuất huyền bí".

[Page 720] This method has been described as that of "occult abstraction." **It will concern itself with the withdrawal from out of the lowest type of the then existing men (through knowledge of the etheric constitution of the body) of the vitality latent in it, and a temporary turning of that latent fire to the increase of the activity of the germ or spark of mind;** this will be effected by a dynamic action of the will.

[Page 720] Phương pháp này đã được mô tả là phương pháp của "trừu xuất huyền bí". **Nó sẽ liên quan đến việc rút ra khỏi loại người thấp nhất đang hiện hữu lúc bấy giờ (thông qua tri thức về cấu tạo dĩ thái của thể) sinh lực tiềm ẩn trong đó, và tạm thời chuyển ngọn lửa tiềm ẩn ấy sang việc gia tăng hoạt động của mầm hay tia lửa trí tuệ;** điều này sẽ được thực hiện bằng một tác động năng động của ý chí.

449. DK has given us a very technical piece of information, adding more information to His earlier description of this process.

449. Chân sư DK đã cho chúng ta một mẩu thông tin rất kỹ thuật, bổ sung thêm thông tin cho mô tả trước đó của Ngài về tiến trình này.

450. The etheric body and the mental unit are very closely connected. Gemini is the astrological sign connecting them.

450. Thể dĩ thái và đơn vị hạ trí liên hệ rất chặt chẽ với nhau. Song Tử là dấu hiệu hoàng đạo nối kết chúng.

451. The more vital the type of man at that time, the more possible the vitalization of the mental unit, germ or spark of mind.

451. Loại người vào thời điểm ấy càng sinh động bao nhiêu, thì việc tiếp sinh lực cho đơn vị hạ trí, mầm hay tia lửa trí tuệ càng khả hữu bấy nhiêu.

452. Note that the term mental unit is not used in this connection (though it is implied). Rather we have the term "germ" or "spark of mind". Yet, technically, the spark of mind is something the Solar Angels implant. Yet, this will not be the case.

452. Lưu ý rằng thuật ngữ đơn vị hạ trí không được dùng trong mối liên hệ này (dù được hàm ý). Thay vào đó, chúng ta có thuật ngữ "mầm" hay "tia lửa trí tuệ". Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật, tia lửa trí tuệ là điều mà các Thái dương Thiên Thần cấy vào. Nhưng ở đây sẽ không phải như vậy.

453. Perhaps following the process of occult abstraction, the germ will become as a spark of mind—i.e. sufficiently vitalized to permit of its radiation and luminescence.

453. Có lẽ sau tiến trình trừu xuất huyền bí, mầm ấy sẽ trở thành như một tia lửa trí tuệ —tức là được tiếp sinh lực đủ để cho phép sự bức xạ và phát quang của nó.

This seems impossible, and well nigh senseless phraseology when considered in terms of consciousness and of spirituality, **but let the student study the phenomenon in terms of the cosmic physical plane, and from the standpoint of the gaseous and etheric subplanes, and he will see that in all these septenary fires it is ever the fire of matter in reality, and these sevenfold diversifications of electrical phenomena can ever affect each other**.

Điều này dường như là một lối diễn đạt bất khả và gần như vô nghĩa khi được xét theo tâm thức và tinh thần, **nhưng hãy để đạo sinh nghiên cứu hiện tượng này theo cõi hồng trần vũ trụ, và từ quan điểm của các cõi phụ khí và dĩ thái, rồi y sẽ thấy rằng trong tất cả những ngọn lửa thất phân này, đó luôn luôn thực sự là lửa của vật chất, và những biến phân thất phân này của các hiện tượng điện luôn có thể tác động lẫn nhau**.

454. We are now speaking of the individualization process as it affects man in this solar system. The main interchange which occurs in this process is between the mental plane (or cosmic gaseous subplane) and the buddhic plane (or fourth cosmic ether), for the present Solar Angels are embodiments of buddhi.

454. Giờ đây chúng ta đang nói về tiến trình biệt ngã hóa khi nó tác động lên con người trong hệ mặt trời này. Sự trao đổi chính xảy ra trong tiến trình này là giữa cõi trí (hay cõi phụ khí vũ trụ) và cõi Bồ đề (hay dĩ thái vũ trụ thứ tư), vì các Thái dương Thiên Thần hiện nay là những hiện thân của Bồ đề.

455. There comes a point in which the life of the egoic lotus on the cosmic gaseous subplane of the cosmic physical plane is transferred, abstracted or lifted up into the spiritual triad before final transference to the Monad.

455. Có một điểm mà tại đó sự sống của hoa sen chân ngã trên cõi phụ khí vũ trụ của cõi hồng trần vũ trụ được chuyển dịch, trừu xuất hay nâng lên vào Tam Nguyên Tinh Thần trước khi được chuyển dịch sau cùng vào chân thần.

456. DK is asking us to interpret the future process in terms electrical interplay. He

456. Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta diễn giải tiến trình tương lai theo sự tương tác

mentioned much about polarity and about the interplay of planes and principles of different polarity. He seems to be speaking of that exactly.

457. Not only do higher electrical states affect lower states but the there is reciprocal interplay.

Thus, in the mahamanvantara, the three methods of individualisation in connection with our planetary scheme are to be seen

a. In the Moon chain, the gradual evolution of self-consciousness under natural law.

458. This is the third ray method.

b. In the Earth chain that of achieved self-consciousness through the aid of extraneous agencies. It is the distinctive method of this system.

459. This is the second ray method.

c. In the next round and chain the method will be **abstraction through will power,** but this in an embryonic manner.

460. DK should be speaking of the next solar system as well, for He has spoken similarly about individualization in the next "system".

461. From whom will the act of "will power" emanate? It seems quite clear that it will be from the Manasadevas active at the time—whether in the next round, chain or solar system.

462. We will notice that DK has said very little about the method of individualization in the next *chain,* except to relate it to the

điện. Ngài đã nói nhiều về cực tính và về sự tương tác giữa các cõi và các nguyên khí có cực tính khác nhau. Dường như Ngài đang nói chính xác về điều đó.

457. Không những các trạng thái điện cao hơn tác động lên các trạng thái thấp hơn mà còn có sự tương tác hỗ tương.

Như vậy, trong đại giai kỳ sinh hóa, ba phương pháp biệtngãhóa liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta có thể được thấy

a. Trong Dãy Mặt Trăng, sự tiến hoá dần dần của ngã thức dưới định luật tự nhiên.

458. Đây là phương pháp cung ba.

b. Trong Dãy Địa Cầu là phương pháp đạt được ngã thức nhờ sự trợ giúp của các tác nhân ngoại lai. Đây là phương pháp đặc trưng của hệ này.

459. Đây là phương pháp cung hai.

c. Trong cuộc tuần hoàn và dãy kế tiếp, phương pháp sẽ là **trừu xuất bằng quyền năng ý chí,** nhưng theo cách phôi thai.

460. Chân sư DK hẳn cũng đang nói về hệ mặt trời kế tiếp, vì Ngài đã nói tương tự về biệt ngã hóa trong "hệ" kế tiếp.

461. Hành động của "quyền năng ý chí" sẽ phát ra từ ai? Có vẻ khá rõ rằng nó sẽ phát ra từ các Manasadeva hoạt động vào thời điểm ấy—dù là trong cuộc tuần hoàn, dãy hay hệ mặt trời kế tiếp.

462. Chúng ta sẽ nhận thấy rằng Chân sư DK nói rất ít về phương pháp biệt ngã hóa trong *dãy* kế tiếp, ngoại trừ việc liên hệ nó với

prophesied method in the next round and next solar system.

phương pháp được tiên tri trong cuộc tuần hoàn kế tiếp và hệ mặt trời kế tiếp.

in the next chain to ours on **the evolutionary arc individualisation will take place during the sixth race of the second round**,—in each case this refers to a planetary round through a chain of globes. (TCF 459)

trong dãy kế tiếp dãy của chúng ta trên **cung tiến hoá, biệt ngã hóa sẽ diễn ra trong nhân loại thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ hai**,—trong mỗi trường hợp, điều này chỉ một cuộc tuần hoàn hành tinh qua một dãy các bầu hành tinh. (TCF 459)

I have dealt with these three [methods of individualization] from the standpoint of our own scheme. In all the schemes whereon man is found at some period or another, these three methods will be contacted.

Tôi đã bàn đến ba [phương pháp biệt ngã hóa] này từ quan điểm của hệ hành tinh riêng của chúng ta. Trong mọi hệ hành tinh mà con người được tìm thấy vào lúc này hay lúc khác, cả ba phương pháp này đều sẽ được tiếp xúc.

463. It is important to emphasize that individualization, as it occurs on Earth at this time in this solar system, is not unique to our planet.

463. Điều quan trọng cần nhấn mạnh là biệt ngã hóa, như nó xảy ra trên Trái Đất vào thời điểm này trong hệ mặt trời này, không phải là điều độc nhất đối với hành tinh chúng ta.

They mark the gradual control by the Logos on cosmic levels of His threefold lower nature.

Chúng đánh dấu sự kiểm soát dần dần của Thượng đế trên các cấp độ vũ trụ đối với bản chất thấp tam phân của Ngài.

464. We remember that our Solar Logos is not yet a cosmic Initiate of the third degree and so His control of His cosmic mind is not complete. He still looks forward to the cosmic Transfiguration and His stimulation of His mental unit is not yet fully achieved.

464. Chúng ta nhớ rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa phải là một điểm đạo đồ vũ trụ bậc ba, nên sự kiểm soát của Ngài đối với trí tuệ vũ trụ của Ngài chưa hoàn toàn. Ngài vẫn còn hướng tới cuộc Biến hình vũ trụ, và sự kích thích đơn vị hạ trí của Ngài vẫn chưa hoàn toàn đạt được.

In the first, the correspondence lies in the latent consciousness of matter, and works under the Law of Economy. It concerns primarily the Self-consciousness of the Logos [Page 721] in His dense physical body, and His polarisation therein.

Trong phương pháp thứ nhất, sự tương ứng nằm trong tâm thức tiềm ẩn của vật chất, và hoạt động dưới Định luật Tiết Kiệm. Nó chủ yếu liên quan đến ngã thức của Thượng đế [Page 721] trong thể xác đậm đặc của Ngài, và sự phân cực của Ngài trong đó.

465. DK is telling us that in the previous solar system, the Logos was polarized in His

465. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng trong hệ mặt trời trước, Thượng đế đã phân

dense physical body. He was, shall we say, only a cosmic Initiate of the first degree, if that.

466. We do not know when His cosmic second degree was achieved (whether in this solar system or in the last) but perhaps in this. It is likely that since the last solar system was cosmically *personal,* not of the cosmic manasic initiations (just as the great human initiations are called "manasic") were then achieved.

It is likewise the same for a Heavenly Man, and a part of the mystery of evil is to be found in the readiness of certain of these cosmic entities (particularly our planetary Logos in the moon chain) **to remain polarised in the physical etheric body after having supposedly dominated the material aspect**, or gained the control of the third Fire in an earlier system.

s

467. It appears that our Planetary Logos was somewhat responsible for the induction of cosmic evil upon the Moon-chain of our planetary scheme.

468. We have been told that a White Brother will have nothing to do with the devas of the systemic etheric subplanes, or with the etheric devas. He works with astral devas and devas even higher, but not with the devas of the ethers.

469. It appears that our Planetary Logos (after having achieved control of fire by friction in a earlier system) retrogressed and

cực trong thể xác đậm đặc của Ngài. Có thể nói rằng Ngài khi ấy chỉ là một điểm đạo đồ vũ trụ bậc một, nếu được như vậy.

466. Chúng ta không biết khi nào bậc hai vũ trụ của Ngài đã đạt được (trong hệ mặt trời này hay hệ trước), nhưng có lẽ là trong hệ này. Có khả năng là vì hệ mặt trời trước mang tính *phàm ngã* về mặt vũ trụ, nên khi ấy không có cuộc điểm đạo manas vũ trụ nào (cũng như các cuộc điểm đạo lớn của con người được gọi là "manas") được đạt tới.

Điều này cũng tương tự đối với một Đấng Thiên Nhân, và một phần của huyền nhiệm về điều ác có thể được tìm thấy trong sự sẵn sàng của một số thực thể vũ trụ này (đặc biệt là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trong Dãy Mặt Trăng) **ở lại phân cực trong thể dĩ thái hồng trần sau khi được cho là đã chế ngự phương diện vật chất**, hay đã đạt được sự kiểm soát ngọn Lửa thứ ba trong một hệ trước.

s

467. Có vẻ như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phần nào chịu trách nhiệm về việc dẫn nhập điều ác vũ trụ vào Dãy Mặt Trăng của hệ hành tinh chúng ta.

468. Chúng ta đã được cho biết rằng một Huynh đệ Chánh đạo sẽ không dính dáng gì đến các thiên thần của các cõi phụ dĩ thái hệ thống, hay với các thiên thần dĩ thái. Ngài làm việc với các thiên thần cảm dục và các thiên thần còn cao hơn nữa, nhưng không làm việc với các thiên thần của các cõi dĩ thái.

469. Có vẻ như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (sau khi đã đạt được sự kiểm soát lửa ma sát trong một hệ trước) đã thoái bộ và

remained preoccupied with this fire (on etheric levels) instead of moving on to preoccupation with solar fire.

vẫn bận tâm với ngọn lửa này (trên các cấp dĩ thái) thay vì tiến lên để bận tâm với Lửa Thái dương.

470. Some other Heavenly Men also seem more prone to cosmic evil than others. The Logos of Mars is probably one.

470. Một số Đấng Thiên Nhân khác dường như cũng dễ nghiêng về điều ác vũ trụ hơn những vị khác. Thượng đế của Sao Hỏa có lẽ là một.

A hint lies here for the wise student anent present evil on this planet.

Ở đây có một gợi ý cho đạo sinh minh triết về điều ác hiện nay trên hành tinh này.

471. Evil is always the good which should have been outlived. In our system, it is adhesion to the third aspect of divinity in a second aspect solar system.

471. Điều ác luôn luôn là điều thiện đáng lẽ phải được vượt qua. Trong hệ của chúng ta, đó là sự bám chấp vào phương diện thứ ba của thiên tính trong một hệ mặt trời phương diện thứ hai.

472. We have a hint here concerning the reason that the White Brother works with devas of the astral plane rather than physical plane devas—even devas of the systemic ethers.

472. Ở đây chúng ta có một gợi ý liên quan đến lý do vì sao Huynh đệ Chánh đạo làm việc với các thiên thần của cõi cảm dục thay vì các thiên thần cõi hồng trần—ngay cả các thiên thần của các cõi dĩ thái hệ thống.

The second correspondence concerns the latent "consciousness of desire," and works under the Law of Attraction; it is the law for this system, and deals with the ability of the Logos to "love wisely," in the occult sense of the term.

Sự tương ứng thứ hai liên quan đến "tâm thức của dục vọng" tiềm ẩn, và hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn; đó là định luật của hệ này, và bàn đến khả năng của Thượng đế trong việc "yêu thương một cách minh triết," theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy.

473. Our Logos is polarized in His astral body but, it would seem is learning to appropriate buddhic energy, for this is an "astral-buddhic solar system".

473. Thượng đế của chúng ta phân cực trong thể cảm dục của Ngài nhưng dường như đang học cách chiếm hữu năng lượng Bồ đề, vì đây là một "hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề".

It has relation to the polarisation of the Logos in His astral body, and produces the phenomenon called "sex activity" on all planes in the system.

Nó có liên hệ với sự phân cực của Thượng đế trong thể cảm dục của Ngài, và tạo ra hiện tượng được gọi là "hoạt động tính dục" trên mọi cõi trong hệ.

474. We realize that "sex activity" is not strictly a *physical* activity but much

474. Chúng ta nhận ra rằng "hoạt động tính dục" không hẳn là một hoạt động *hồng trần*

dependent on the astral body wherein Mars, Pluto, Venus and Neptune have considerable influence. All of these planets are closely related to the sex impulse.

mà phụ thuộc rất nhiều vào thể cảm dục, trong đó Sao Hỏa, Sao Diêm Vương, Sao Kim và Sao Hải Vương có ảnh hưởng đáng kể. Tất cả các hành tinh này đều liên hệ chặt chẽ với xung lực tính dục.

In the earlier system, emancipation was effected through the faculty of discrimination, though that word as used to-day is but a faint indication of the systemic process in those days.

Trong hệ trước, sự giải thoát đã được thực hiện thông qua năng lực phân biện, dù từ ngữ ấy như được dùng ngày nay chỉ là một chỉ dấu rất mờ nhạt về tiến trình hệ thống trong những ngày ấy.

475. The Ray Lord known as "Divine Separator" (i.e., the Third Ray Lord) was clearly at work.

475. Đấng Chúa Tể Cung được biết đến như "Đấng Phân Ly Thiêng Liêng" (tức Đấng Chúa Tể Cung ba) rõ ràng đã hoạt động.

476. Even today, the fourth initiation of emancipation is achieved through the correct use of both Mercury and Saturn—two planets closely associated with the process of discrimination and with the third ray.

476. Ngay cả ngày nay, lần điểm đạo thứ tư của sự giải thoát cũng đạt được nhờ việc sử dụng đúng đắn cả Sao Thủy lẫn Sao Thổ—hai hành tinh liên hệ chặt chẽ với tiến trình phân biện và với cung ba.

Through the force engendered during the process that vibration was set up which persists today in matter.

Thông qua mãnh lực được tạora trong tiến trình ấy, rung động đó đã được thiết lập và vẫn còn tồn tại trong vật chất cho đến ngày nay.

477. Matter always tends eventually to separation. It has to be held together in unity by the second aspect. It operates according to the principle of rotary motion which induces separation.

477. Vật chất luôn luôn có khuynh hướng cuối cùng đi đến phân ly. Nó phải được giữ lại trong sự hợp nhất bởi phương diện thứ hai. Nó vận hành theo nguyên lý chuyển động quay, vốn gây ra sự phân ly.

It is evidenced by the active intelligence and the discriminative selective capacity of the atom of substance.

Điều này được biểu lộ qua trí tuệ năng động và năng lực chọn lọc có tính phân biện của nguyên tử chất liệu.

478. The higher “atoms” as well evidence this discriminative selectivity. The consciousness of man tends towards separation before the soul, the unitive factor within in, come into emergence.

478. Các “nguyên tử” cao hơn cũng biểu lộ tính chọn lọc có phân biện này. Tâm thức của con người có khuynh hướng hướng đến sự phân ly trước khi linh hồn, yếu tố hợp nhất bên trong y, xuất hiện.

In this system emancipation will be brought about through the line of occult dispassion; this likewise will leave its mark upon matter, tinging it in such a way that **in the third system, primordial substance will demonstrate a second quality**.

Trong hệ này, sự giải thoát sẽ được mang lại qua con đường vô dục huyền bí; điều này cũng sẽ để lại dấu ấn của nó trên vật chất, nhuộm màu nó theo cách mà **trong hệ thứ ba, chất liệu nguyên sơ sẽ biểu lộ một phẩm tính thứ hai**.

479. The longing of desire for form will be curtailed and desire will be reoriented towards finer forms and, eventually, towards the ‘acquisition’ of that which is formless. This process is really the process of identification.

479. Sự khao khát của dục vọng đối với hình tướng sẽ bị hạn chế, và dục vọng sẽ được định hướng lại về những hình tướng tinh tế hơn và cuối cùng hướng đến việc “đạt được” cái vô tướng. Tiến trình này thực sự là tiến trình đồng hoá với.

In the next system "**non-attachment through abstraction**" is as near as we can get to the method of the liberating process but it is useless for man to speculate upon this as his mind cannot conceive of the condition.

Trong hệ kế tiếp, “**không bám chấp thông qua trừu xuất**” là cách gần nhất mà chúng ta có thể tiếp cận phương pháp của tiến trình giải thoát, nhưng con người suy đoán về điều này là vô ích vì trí tuệ của y không thể hình dung được trạng thái ấy.

480. The power of love can lead to detachment. So can the power of abstracting oneself into *pure being*. Perhaps some of the yogi-saints of India have achieved a precursor of this state to a degree.

480. Quyền năng của tình thương có thể dẫn đến sự tách rời. Quyền năng tự trừu xuất chính mình vào *bản thể thuần túy* cũng vậy. Có lẽ một số thánh yogi của Ấn Độ đã đạt được một trạng thái tiền thân của điều này ở một mức độ nào đó.

481. The Buddha, although a Monad upon the third ray, had much of the first ray in His make up and eventually made His way to Shamballa. Was “occult abstraction” involved in this process?

481. Đức Phật, dù là một chân thần trên cung ba, vẫn có nhiều cung một trong cấu tạo của Ngài và cuối cùng đã tiến đến Shamballa. Liệu “trừu xuất huyền bí” có liên quan đến tiến trình này chăng?

TCF 721-732: S6S12

08 March–22 March 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

1. We begin work upon a subject of great interest—a study of higher Beings Who have descended into lower energy fields with the sole purpose of aiding those energy fields and those whose life is localized in such fields.

(d.) Avatars, Their nature and Their Work. We have, in our discussion above, connected the phenomenon of individualisation with the appropriation by the Logos, or by a planetary Logos, of Their dense physical vehicles, [Page 722] and Their self-conscious existence through the medium of the physical body.

2. DK speaks of a definite connection which we should have noticed as a result of our studies of the previous section. There is a close connection between individualization and appropriation.

08 Tháng Ba–22 Tháng Ba 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và chính cách trình bày cô đọng trong bản thân quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. Chúng ta bắt đầu công việc về một chủ đề rất đáng quan tâm—một nghiên cứu về các Đấng cao cả hơn đã giáng xuống những trường năng lượng thấp hơn với mục đích duy nhất là trợ giúp những trường năng lượng ấy và những ai có sự sống được định vị trong các trường ấy.

(d.) Các Avatar, bản chất của Các Ngài và Công việc của Các Ngài. Trong phần bàn luận ở trên, chúng ta đã nối kết hiện tượng biệt ngã hóa với việc Thượng đế, hay Hành Tinh Thượng Đế, chiếm dụng các vận cụ hồng trần đậm đặc của Các Ngài, và sự hiện hữu tự ngã thức của Các Ngài qua trung gian của thể xác. [Page 722]

2. Chân sư DK nói đến một mối liên hệ xác định mà lẽ ra chúng ta phải nhận thấy như là kết quả của việc nghiên cứu phần trước. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa biệt ngã hóa và sự chiếm dụng.

3. Through the process of individualization, the individualizing being appropriates a physical body and achieves self-conscious existence through the medium of that physical body.

3. Qua tiến trình biệt ngã hóa, hữu thể đang biệt ngã hóa chiếm dụng một thể xác và đạt được sự hiện hữu tự ngã thức qua trung gian của thể xác ấy.

A very difficult and mysterious subject might be touched upon here,—that of AVATARS, and though it will not be possible for us to expound it fully, as it is one of the most occult and secret of the mysteries, perhaps a little light may be thrown upon this profound subject.

Một chủ đề rất khó và huyền nhiệm có thể được chạm đến ở đây,—đó là chủ đề về các AVATAR, và dù chúng ta sẽ không thể trình bày đầy đủ về nó, vì đây là một trong những huyền nhiệm huyền bí và bí mật nhất, có lẽ một ít ánh sáng có thể được rọi vào chủ đề thâm sâu này.

4. The process of what we might call 'descent from above' appears to be shrouded in mystery. Perhaps, in general, the whole process of descent or ascent is thus shrouded.

4. Tiến trình của điều mà chúng ta có thể gọi là "giáng xuống từ bên trên" dường như bị bao phủ trong huyền nhiệm. Có lẽ, nói chung, toàn bộ tiến trình giáng xuống hay thăng lên đều được bao phủ như thế.

For purposes of clarity and in order to elucidate a matter of extreme difficulty to the occidental mind

Vì mục đích làm sáng tỏ và để minh giải một vấn đề cực kỳ khó đối với trí tuệ phương Tây

5. The occidental mind is simply not used to think with sufficient subtlety to grasp the true nature of such a doctrine.

5. Trí tuệ phương Tây đơn giản là chưa quen suy nghĩ với đủ mức độ tinh tế để nắm bắt bản chất chân thực của một giáo lý như thế.

above all (on account of the fact that it has not yet grasped the rationale of the process of reincarnation),

trên hết (do thực tế là nó vẫn chưa nắm được cơ sở hợp lý của tiến trình tái sinh),

6. It is not sufficient to *believe* in reincarnation (which is now the case with an increasing number of individuals in the West). One must grasp why it is a reasonable and probable doctrine.

6. Chỉ *tin* vào tái sinh thì chưa đủ (dù hiện nay đây là trường hợp của ngày càng nhiều cá nhân ở phương Tây). Người ta phải nắm được vì sao đó là một giáo lý hợp lý và có xác suất cao.

7. We can understand that the Doctrine of Avatars has much to do with coming into the "flesh" and departing, at will, therefrom.

7. Chúng ta có thể hiểu rằng Giáo lý về các Avatar có liên hệ rất nhiều đến việc đi vào "xác thịt" và tùy ý rời khỏi đó.

it would be wise to divide the differing types of avatars into five groups, bearing in mind that every avatar is a Ray, emanated from a pure spiritual source,

sẽ là khôn ngoan nếu chia các loại avatar khác nhau thành năm nhóm, đồng thời ghi nhớ rằng mọi avatar đều là một cung, được phát xạ từ một nguồn tinh thần thuần khiết,

8. This is an important conception—that "every avatar is a Ray". In essence we are all Rays of the ONE RAY of the ABSOLUTE which 'FLASHED FORTH' at Manvantaric Dawn.

8. Đây là một quan niệm quan trọng—rằng "mọi avatar đều là một cung". Về bản chất, tất cả chúng ta đều là các cung của MỘT CUNG của TUYỆT ĐỐI đã 'BỪNG PHÁT' vào Bình Minh Manvantara.

9. A Ray goes forth from a Hierarchy. A Ray (as the term is here used) is an extension of the presence and influence of a particular Hierarchy within a particular vibratory sphere 'lower' than the vibratory sphere from which the presence or influence emanated.

9. Một cung phát ra từ một Huyền Giai. Một cung (theo cách dùng thuật ngữ ở đây) là một sự mở rộng của sự hiện diện và ảnh hưởng của một Huyền Giai đặc thù trong một khối cầu rung động đặc thù 'thấp hơn' khối cầu rung động mà từ đó sự hiện diện hay ảnh hưởng đã phát xạ ra.

10. In short and in other language, a Ray is an *emanation*.

10. Nói ngắn gọn và bằng ngôn ngữ khác, một cung là một *phát xạ*.

11. DK tells us that the Avatar/Ray emanates from a "pure spiritual source". The word "pure" is related to "fire" and "fire" to "being". When considering the *archetype* of the avatar, we are speaking of the emanation of an *existential essence*—a *ray of pure being.*

11. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Avatar/Cung phát xạ từ một nguồn tinh thần "thuần khiết". Từ "thuần khiết" có liên hệ với "lửa" và "lửa" với "hữu thể". Khi xem xét *nguyên mẫu* của avatar, chúng ta đang nói đến sự phát xạ của một *tinh túy hiện sinh* —một *tia của hữu thể thuần khiết.*

and that a self-conscious entity only earns the right to this peculiar form of work through a previous series of lives of achievement.

và rằng một thực thể tự ngã thức chỉ giành được quyền đối với hình thức công việc đặc thù này thông qua một chuỗi kiếp sống thành tựu trước đó.

12. All avatars are self-conscious entities. Their emanation or descent is purposeful.

12. Mọi avatar đều là những thực thể tự ngã thức. Sự phát xạ hay giáng xuống của họ là có mục đích.

13. In a way, every Jiva who has achieved self-consciousness is an avatar to the lower worlds through which it expresses. The Jiva

13. Theo một cách nào đó, mọi Jiva đã đạt được tự ngã thức đều là một avatar đối với

went forth as an emanation from the Monad.

1. Cosmic Avatars.

2. Solar Avatars.

3. Inter-planetary Avatars.

4. Planetary Avatars.

5. Human Avatars.

14. We can see that the scope of 'avataric raying-forth' is immense and we are touching only the fringe of this great subject.

As just said, **an avatar is a Ray of effulgent and perfected glory**, clothing itself in matter for the purpose of service.

15. This is a beautiful definition. It suggests that avatars descend from a realm of glorious light.

16. We wonder whether it would apply to *all* avatars or only to those of the most exalted rank. Could, for instance, a human avatar be defined in such a manner?

17. We may say this, however: that compared to the light value of the realm into which the avatar descends, the realm *from which* the avatar descends is one of effulgence and glory. The avatar/ray carries that glory and, actually, *is* that glory.

các thế giới thấp mà nó biểu lộ qua đó. Jiva đã phát ra như một phát xạ từ chân thần.

1. Các Avatar Vũ Trụ.

2. Các Avatar Thái Dương.

3. Các Avatar Liên-Hành Tinh.

4. Các Avatar Hành Tinh.

5. Các Avatar Nhân Loại.

14. Chúng ta có thể thấy rằng phạm vi của sự 'phóng phát avatar' là vô cùng rộng lớn và chúng ta chỉ mới chạm đến phần rìa của chủ đề lớn lao này.

Như vừa nói, **một avatar là một Cung của vinh quang rực sáng và toàn hảo**, khoác lấy vật chất vì mục đích phụng sự.

15. Đây là một định nghĩa đẹp. Nó gợi ý rằng các avatar giáng xuống từ một cõi ánh sáng huy hoàng.

16. Chúng ta tự hỏi liệu điều này có áp dụng cho *mọi* avatar hay chỉ cho những vị thuộc cấp bậc cao nhất. Chẳng hạn, liệu một avatar nhân loại có thể được định nghĩa theo cách như vậy không?

17. Tuy nhiên, chúng ta có thể nói điều này: rằng so với giá trị ánh sáng của cõi mà avatar giáng xuống, thì cõi *mà từ đó* avatar giáng xuống là một cõi rực sáng và vinh quang. Avatar/cung mang theo vinh quang ấy và thật ra *chính là* vinh quang ấy.

18. A “Ray” is a bridge between worlds—in this context, a higher and lower world.

18. Một “Cung” là một cây cầu giữa các thế giới—trong ngữ cảnh này, là một thế giới cao hơn và một thế giới thấp hơn.

All avatars in the strict sense of the word are liberated souls, but the cosmic and solar avatars are liberated from the two lower planes of the cosmic planes.

Mọi avatar theo nghĩa nghiêm ngặt của từ này đều là những linh hồn được giải thoát, nhưng các avatar vũ trụ và thái dương được giải thoát khỏi hai cõi thấp của các cõi vũ trụ.

19. We are given the minimum requirement if one is to be an avatar; one must be, minimally, a “liberated soul”. From this perspective, Abraham Lincoln as a racial avatar was a “liberated soul”.

19. Chúng ta được cho biết yêu cầu tối thiểu nếu một người muốn là một avatar; tối thiểu, người ấy phải là một “linh hồn được giải thoát”. Từ góc nhìn này, Abraham Lincoln với tư cách một avatar chủng tộc là một “linh hồn được giải thoát”.

20. The highest ranking avatars listed above are cosmic and solar avatars. They are of so exalted rank that they have been liberated from both the cosmic physical plane and cosmic astral plane.

20. Những avatar có cấp bậc cao nhất được liệt kê ở trên là các avatar vũ trụ và thái dương. Họ thuộc cấp bậc cao siêu đến mức đã được giải thoát khỏi cả cõi hồng trần vũ trụ lẫn cõi cảm dục vũ trụ.

21. One can wonder whether our Planetary Logos has been liberated from the cosmic astral plane since, apparently, He still has much to master on that exalted level.

21. Người ta có thể tự hỏi liệu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã được giải thoát khỏi cõi cảm dục vũ trụ hay chưa vì, dường như, Ngài vẫn còn nhiều điều phải làm chủ trên cấp độ cao siêu ấy.

22. Can we think that cosmic and solar avatars are of higher rank than even Solar Logoi, or at least than *our* Solar Logos, as our Solar Logos is still polarized on the cosmic astral plane.

22. Liệu chúng ta có thể nghĩ rằng các avatar vũ trụ và thái dương có cấp bậc cao hơn ngay cả các Thái dương Thượng đế, hay ít nhất cao hơn *Thái dương Thượng đế* của chúng ta, vì Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn còn phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ.

While the planetary and the interplanetary avatars are liberated from the cosmic physical plane, our systemic planes, the human avatar has achieved freedom from the five planes of human endeavour.

Trong khi các avatar hành tinh và liên-hành tinh được giảithoát khỏi cõi hồng trần vũ trụ, tức các cõi hệ thống của chúng ta, avatar nhân loại đã đạt được tự do khỏi năm cõi của nỗ lực nhân loại.

23. We see that interplanetary and planetary avatars are of a higher rank than human avatars, which stands to reason.

23. Chúng ta thấy rằng các avatar liên-hành tinh và hành tinh có cấp bậc cao hơn các avatar nhân loại, điều này là hợp lý.

24. We note that the members of the Fifth Creative Hierarchy (on the verge of liberation from the cosmic physical plane) is not *yet* liberated. This gives us some appreciation for the rank of planetary and inter-planetary avatars.

24. Chúng ta lưu ý rằng các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm (đang ở ngưỡng giải thoát khỏi cõi hồng trần vũ trụ) *vẫn chưa* được giải thoát. Điều này cho chúng ta phần nào cảm nhận về cấp bậc của các avatar hành tinh và liên-hành tinh.

25. The five planes of human endeavor extend to and through the atmic plane. Although, for instance, Abraham Lincoln has been designated in our Teaching as a "racial avatar" (and was certainly a human being), it would not be warranted to say that he had "achieved freedom from the five planes of human endeavour" and was thus a "human avatar" in the sense specified above.

25. Năm cõi của nỗ lực nhân loại kéo dài đến và xuyên qua cõi atma. Chẳng hạn, dù Abraham Lincoln đã được chỉ định trong Giáo Huấn của chúng ta là một "avatar chủng tộc" (và chắc chắn là một con người), sẽ không có cơ sở để nói rằng ông đã "đạt được tự do khỏi năm cõi của nỗ lực nhân loại" và do đó là một "avatar nhân loại" theo nghĩa được nêu ở trên.

26. Perhaps a "human avatar" is, strictly speaking, in a category above that of "racial avatar".

26. Có lẽ một "avatar nhân loại", theo nghĩa nghiêm ngặt, thuộc một phạm trù cao hơn "avatar chủng tộc".

27. From this perspective, all Chohans are avatars in as much as They have achieved liberation from the five lower worlds.

27. Từ góc nhìn này, mọi Chohan đều là avatar vì Các Ngài đã đạt được sự giải thoát khỏi năm thế giới thấp.

In a strictly technical and lower sense, a Master in physical plane incarnation is a type of avatar, for He is a "freed soul" and therefore only chooses to incarnate for specific purpose, but we [Page 723] will not deal with Them.

Theo một nghĩa kỹ thuật nghiêm ngặt và thấp hơn, một Chân sư đang lâm phàm trên cõi hồng trần là một loại avatar, vì Ngài là một "linh hồn được giải thoát" và do đó chỉ chọn nhập thể vì một mục đích đặc thù, nhưng chúng ta [Page 723] sẽ không bàn đến Các Ngài.

28. Master DK "lowers the bar" somewhat when naming a Master of the Wisdom as an avatar. While a Master is a "freed soul", He focuses His consciousness on the atmic plane and not, specifically, on the monadic plane (although He certainly has

28. Chân sư DK phần nào "hạ thấp chuẩn" khi gọi một Chân sư Minh Triết là một avatar. Trong khi một Chân sư là một "linh hồn được giải thoát", Ngài tập trung tâm thức của mình trên cõi atma chứ không đặc biệt trên cõi chân thần (dù chắc chắn Ngài có

considerable access to monadic energy). Only a Chohan focuses or polarizes His consciousness 'above' the atmic plane.

khả năng tiếp cận đáng kể với năng lượng chân thần). Chỉ có một Chohan mới tập trung hay phân cực tâm thức của Ngài 'ở trên' cõi atma.

29. Of course, it must be remembered that the atmic plane is still involved in the initiation process of sixth and seventh degree initiates

29. Dĩ nhiên, phải nhớ rằng cõi atma vẫn còn liên quan trong tiến trình điểm đạo của các điểm đạo đồ cấp sáu và cấp bảy

30. We are leaning that a Master may definitely incarnate. Will that incarnation be only through a mayavirupa or can the natural processes of incarnation be pursued by one so elevated as a Master? The latter type of manifestation would seem a waste of time.

30. Chúng ta đang nghiêng về nhận định rằng một Chân sư chắc chắn có thể nhập thể. Liệu sự nhập thể ấy chỉ thông qua mayavirupa hay các tiến trình nhập thể tự nhiên cũng có thể được một Đấng cao cả như Chân sư sử dụng? Loại biểu hiện sau dường như là một sự phí thời gian.

31. In any case, for a Master, incarnation is a matter of choice and not of compulsion.

31. Dù sao đi nữa, đối với một Chân sư, nhập thể là vấn đề lựa chọn chứ không phải cưỡng bách.

Let us again subdivide these groups so as still further to clarify our ideas:

Chúng ta hãy lại phân chia nhỏ các nhóm này để làm sáng tỏ hơn nữa các ý tưởng của mình:

32. This, of course, is the fifth ray method.

32. Dĩ nhiên, đây là phương pháp cung năm.

1. *Cosmic Avatars:* They represent embodied force from the following cosmic centres among others:

1. *Các Avatar Vũ Trụ:* Các Ngài đại diện cho mãnh lực nhập thể từ những trung tâm vũ trụ sau đây, cùng những trung tâm khác:

33. The sources of such Avatars are great stars and starry systems.

33. Nguồn gốc của các Avatar như thế là những ngôi sao lớn và các hệ sao.

a. Sirius.

a. Sirius.

34. We have been told that a Being from Sirius has visited our solar system once.

34. Chúng ta đã được cho biết rằng một Hữu thể từ Sirius đã từng viếng thăm hệ mặt trời của chúng ta một lần.

b. That one of the seven stars of the Great Bear which is ensouled by the prototype of the Lord of our third major Ray.

35. This would be the star, Alioth—a star involved in some form of misalignment which is a doorway for the entry of cosmic evil into our solar system.

36. The stars of the Great Bear are sources even more mighty than Sirius, though, physically, farther away from our system and, thus, perhaps, less immediately influential.

c. Our cosmic centre.

37. This is a vague term. It can mean Alcyone around which our solar system revolves. Or it can mean the Pleiades as a whole. In any case, the Pleiades are the 'Hub of the Wheel', and very reasonably the starry system which physically represents the "One About Whom Naught May Be Said"—our Super-Cosmic Logos.

They represent entities as far removed from the consciousness of Man, as man is from the consciousness of the atom of substance.

38. All of them?

39. If our "cosmic center" is the star, Alcyone, then the scale is preserved. If our cosmic center is the Pleiades as a whole, then there would be a vast difference in scale between Sirius and Alioth (on the one hand) and the entirety of the Pleiades on the other.

b. Một trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh được phú linh bởi nguyên mẫu của Chúa Tể cung lớn thứ ba của chúng ta.

35. Đây sẽ là ngôi sao Alioth—một ngôi sao liên quan đến một dạng lệch chỉnh hợp nào đó, là cánh cửa cho sự xâm nhập của điều ác vũ trụ vào hệ mặt trời của chúng ta.

36. Các ngôi sao của Đại Hùng Tinh là những nguồn còn hùng mạnh hơn Sirius, dù về mặt vật lý chúng ở xa hệ thống của chúng ta hơn và do đó có lẽ ảnh hưởng trực tiếp kém hơn.

c. Trung tâm vũ trụ của chúng ta.

37. Đây là một thuật ngữ mơ hồ. Nó có thể có nghĩa là Alcyone mà quanh đó hệ mặt trời của chúng ta quay. Hoặc nó có thể có nghĩa là toàn bộ Thất Tỷ Muội. Dù sao đi nữa, Thất Tỷ Muội là 'Trục của Bánh Xe', và rất hợp lý là hệ sao đại diện về mặt vật lý cho "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—Thượng đế Siêu-Vũ Trụ của chúng ta.

Các Ngài đại diện cho những thực thể xa cách với tâm thứccủa con người cũng như con người xa cách với tâm thức của nguyên tử chất liệu.

38. Tất cả các Ngài sao?

39. Nếu "trung tâm vũ trụ" của chúng ta là ngôi sao Alcyone, thì quy mô được giữ nguyên. Nếu trung tâm vũ trụ của chúng ta là toàn bộ Thất Tỷ Muội, thì sẽ có một khác biệt rất lớn về quy mô giữa Sirius và Alioth (một bên) và toàn thể Thất Tỷ Muội ở bên kia.

40. We should pause and consider the scale suggested. The consciousness of man is as minute when compared to the consciousness of Sirius or Alioth as the consciousness of an atom is minute when compared with the consciousness of man.

40. Chúng ta nên dừng lại và suy xét về quy mô được gợi ra. Tâm thức của con người nhỏ bé so với tâm thức của Sirius hay Alioth cũng như tâm thức của một nguyên tử nhỏ bé so với tâm thức của con người.

41. The analogy can remain a generality, or we can begin counting intervening kingdoms to become more specific about the 'distance' between these E/entities.

41. Sự tương đồng có thể vẫn chỉ là một khái quát, hoặc chúng ta có thể bắt đầu đếm các giới trung gian để trở nên cụ thể hơn về 'khoảng cách' giữa các Thực thể/thực thể này.

Thousands of those great cycles which we call "a hundred years of Brahma" have passed since They approximated the human stage, and They embody force and consciousness which is concerned with the intelligent co-ordination of the starry Heavens.

Hàng ngàn những chu kỳ lớn lao mà chúng ta gọi là "một trăm năm của Brahma" đã trôi qua kể từ khi Các Ngài xấp xỉ giai đoạn nhân loại, và Các Ngài nhập thể mãnh lực và tâm thức liên quan đến sự phối hợp thông tuệ của các thiên giới đầy sao.

42. As great as these Beings may be, we are speaking only of the *local* starry heavens.

42. Dù các Hữu thể này có vĩ đại đến đâu, chúng ta vẫn chỉ đang nói về các thiên giới sao *cục bộ* mà thôi.

43. How much greater than are Solar Logos are the Logoi of Sirius, Alioth and perhaps, Alcyone? Are they *many* times greater?

43. Các Thượng đế của Sirius, Alioth và có lẽ Alcyone lớn lao hơn các Thái dương Thượng đế đến mức nào? Liệu Các Ngài lớn hơn *nhiều* lần chăng?

44. Are these Beings *composite*-Beings or are They unitary? Is but One Monad involved in Their Identity, or are They an amalgam of 'many Monads-as-One'? These are very difficult metaphysical questions. There is much to recommend that latter option.

44. Các Hữu thể này là những Hữu thể *tổng hợp*-hay là đơn nhất? Chỉ có Một Chân thần liên quan trong Bản Sắc của Các Ngài, hay Các Ngài là một sự hợp nhất của 'nhiều Chân thần-như-Một'? Đây là những câu hỏi siêu hình rất khó. Có nhiều điều ủng hộ lựa chọn sau.

45. We usually do not think that thousands of mahamanvantaras have past since our Solar Logos approximated the human stage of development. Why should Solar Logois working through stars (such as Sirius and

45. Chúng ta thường không nghĩ rằng hàng ngàn đại giai kỳ sinh hóa đã trôi qua kể từ khi Thái dương Thượng đế của chúng ta xấp xỉ giai đoạn phát triển nhân loại. Vì sao các Thái dương Thượng đế hoạt động qua các

Alioth, for instance) which are, at least, *somewhat* comparable to our Sun be so much greater or older than the Solar Logos Who works through our Sun?

ngôi sao (chẳng hạn như Sirius và Alioth) vốn ít nhất cũng *phần nào* tương đương với Mặt Trời của chúng ta lại lớn lao hay cổ xưa hơn nhiều đến thế so với Thái dương Thượng đế đang hoạt động qua Mặt Trời của chúng ta?

46. Of course, if we are speaking about the "One About Whom Naught May Be Said", Who may be working through *all* the Pleiades, then the comparison involving thousands of mahamanvantaras or occult centuries makes more sense.

46. Dĩ nhiên, nếu chúng ta đang nói về "Đấng Bất Khả Tư Nghị", Đấng có thể đang hoạt động qua *toàn bộ* Thất Tỷ Muội, thì sự so sánh liên quan đến hàng ngàn đại giai kỳ sinh hóa hay các thế kỷ huyền bí sẽ hợp lý hơn.

47. Presumably these many mahamanvantaras have all taken place within our *present* universe, for there is no reason to suspect that the specific B/beings found in the entirety of our universe would survive *in similar forms* from universe to universe.

47. Có lẽ tất cả những đại giai kỳ sinh hóa này đều đã diễn ra trong vũ trụ *hiện tại* của chúng ta, vì không có lý do gì để nghi ngờ rằng những Hữu thể/hữu thể đặc thù được tìm thấy trong toàn thể vũ trụ của chúng ta sẽ tồn tại *trong những hình thức tương tự* từ vũ trụ này sang vũ trụ khác.

48. Therefore, we are also being told something about the age of the universe. A mahamanvantara is an occult century or hundred years of Brahma—311,040,000,000,000 Earth years—so the ancient chronology informs us. If we add three more zeros (a minimal figure considering that the word “thousands”—a plural—was used) we get not 311 trillion (plus) but 311 quintillion (plus). And we are, relatively speaking, focusing on very minor Deities!

48. Do đó, chúng ta cũng đang được cho biết điều gì đó về tuổi của vũ trụ. Một đại giai kỳ sinh hóa là một thế kỷ huyền bí hay một trăm năm của Brahma—311,040,000,000,000 năm Trái Đất—niên đại cổ xưa cho chúng ta biết như vậy. Nếu chúng ta thêm ba số không nữa (một con số tối thiểu xét vì từ “hàng ngàn”—ở số nhiều—đã được dùng) thì chúng ta không có 311 ngàn tỉ (và hơn thế) mà là 311 triệu tỉ tỉ (và hơn thế). Và xét theo tương quan, chúng ta đang tập trung vào những Thượng đế rất nhỏ bé!

49. We can see that these durations suggest an immense age for our present universe—an age which dwarfs all present scientific estimates. Modern science considers the universe to be about fifteen billion years old. The estimates suggested here are, minimally, hundreds of millions times greater.

49. Chúng ta có thể thấy rằng những khoảng thời gian này gợi ra một tuổi đời mênh mông cho vũ trụ hiện tại của chúng ta—một tuổi đời làm lu mờ mọi ước tính khoa học hiện nay. Khoa học hiện đại cho rằng vũ trụ khoảng mười lăm tỉ năm tuổi. Những ước tính được gợi ra ở đây, tối thiểu, lớn hơn hàng trăm triệu lần.

50. DK is quite specific about the duration of which He is speaking. He does not simply speak of "manvantaras" (which appear to be variable periods) or "mahamanvantaras" (which could, from certain points of view, be considered smaller than occult centuries). No—He speaks of the cycle known as "a hundred years of Brahma", and the duration of that period is definitely specified in the Teaching.

50. Chân sư DK nói rất cụ thể về khoảng thời gian mà Ngài đang đề cập. Ngài không chỉ nói về "các manvantara" (dường như là những thời kỳ biến thiên) hay "các mahamanvantara" (mà từ một số góc nhìn có thể được xem là nhỏ hơn các thế kỷ huyền bí). Không—Ngài nói về chu kỳ được biết đến là "một trăm năm của Brahma", và thời lượng của thời kỳ đó được xác định rõ ràng trong Giáo Huấn.

51. Obviously, a tremendous adjustment of ideas about time-scale will soon become necessary.

51. Hiển nhiên, chẳng bao lâu nữa sẽ cần có một sự điều chỉnh rất lớn trong các ý niệm về thang thời gian.

They have achieved all that man can conceive of as the transcendence of will, of love and of intelligence,

Các Ngài đã đạt được tất cả những gì con người có thể hình dung là sự siêu việt của ý chí, của tình thương và của trí tuệ,

52. Given Their age and experience, this would be a foregone conclusion.

52. Với tuổi đời và kinh nghiệm của Các Ngài, đây hẳn là một kết luận tất yếu.

and in the synthesis of those three **have added qualities and vibrations for which we have no terms**, and which cannot be visioned by even our highest adepts.

và trong sự tổng hợp của ba điều ấy đã **thêm vào những phẩm tính và rung động mà chúng ta không có từ ngữ nào để diễn tả**, và ngay cả các chân sư cao nhất của chúng ta cũng không thể hình dung được.

53. Through synthesis, new qualities appear.

53. Qua sự tổng hợp, những phẩm tính mới xuất hiện.

54. There are possible qualities and vibrations which, to man, are literally

54. Có những phẩm tính và rung động khả hữu mà đối với con người, theo nghĩa đen, là

inconceivable. DK has noted this fact at several points in the Teaching.

không thể nghĩ bàn. Chân sư DK đã lưu ý sự kiện này tại nhiều điểm trong Giáo Huấn.

Their appearance in a solar system is very unusual, and is only recognised on the highest two planes.

Sự xuất hiện của Các Ngài trong một hệ mặt trời là rất khác thường, và chỉ được nhận biết trên hai cõi cao nhất.

55. Our two highest planes are the systemic logoic and monadic planes.

55. Hai cõi cao nhất của chúng ta là cõi logoic hệ thống và cõi chân thần.

56. DK is telling us that cosmic and solar avatars will not be recognized on the five planes of Brahma, which include the planes on which a Master functions.

56. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các avatar vũ trụ và thái dương sẽ không được nhận biết trên năm cõi của Brahma, bao gồm các cõi mà một Chân sư hoạt động.

Yet, owing to the material nature of our solar system, **Their advent is literally the appearance in a physical form** of a spiritual Being Who is fully conscious.

Tuy nhiên, do bản chất vật chất của hệ mặt trời chúng ta, **Sự giáng lâm của Các Ngài theo nghĩa đen là sự xuất hiện trong một hình tướng hồng trần** của một Hữu thể tinh thần hoàn toàn hữu thức.

57. On what levels will such physical forms be found, if these avatars are only recognized on our two highest systemic planes?

57. Những hình tướng hồng trần như thế sẽ được tìm thấy trên những cấp độ nào, nếu các avatar này chỉ được nhận biết trên hai cõi hệ thống cao nhất của chúng ta?

58. From one perspective, *any* appearance within our solar system (on any of the seven planes of that solar system) would be a *material* appearance.

58. Từ một góc nhìn, *bất kỳ* sự xuất hiện nào trong hệ mặt trời của chúng ta (trên bất kỳ cõi nào trong bảy cõi của hệ mặt trời ấy) cũng sẽ là một sự xuất hiện *vật chất*.

Such **entities** from Sirius appear at the occasion of the initiation of the solar Logos,

Những **thực thể** như thế từ Sirius xuất hiện vào dịp điểm đạocủa Thái dương Thượng đế,

59. It appears that more than one such entity is concerned.

59. Dường như có hơn một thực thể như thế có liên quan.

60. Of course, our Solar Logos has undergone and will undergo more than *one* initiation.

60. Dĩ nhiên, Thái dương Thượng đế của chúng ta đã trải qua và sẽ trải qua nhiều hơn *một* lần điểm đạo.

61. Yet, from what we read below, it is not certain that more than one of such Entities has ever visited our system.

61. Tuy nhiên, từ những gì chúng ta đọc ở dưới, không chắc rằng đã từng có hơn một Thực thể như thế viếng thăm hệ thống của chúng ta.

and They have a peculiar connection with the five Kumaras and through Them (using Them as focal points for force) with the Mahachohan's department in all the occult Hierarchies of the system.

và Các Ngài có một mối liên hệ đặc thù với năm Kumaras và qua Các Ngài (dùng Các Ngài như những tiêu điểm cho mãnh lực) với ban của Đức Mahachohan trong mọi Thánh đoàn huyền bí của hệ thống.

62. The "five Kumaras" here referenced would be Planetary Logoi. We are speaking now in terms of the *solar system* and not only in relation to our planet.

62. "Năm Kumaras" được nhắc đến ở đây sẽ là các Hành Tinh Thượng Đế. Giờ đây chúng ta đang nói theo thuật ngữ của *hệ mặt trời* chứ không chỉ liên hệ với hành tinh của chúng ta.

63. All occult Hierarchies within our solar system have a Mahachohan's apartment and all planets, apparently, have occult Hierarchies.

63. Mọi Thánh đoàn huyền bí trong hệ mặt trời của chúng ta đều có một ban của Đức Mahachohan và mọi hành tinh, dường như, đều có các Thánh đoàn huyền bí.

64. We see that the five Kumaras representing the four Rays of Attribute and their synthesis, the third Ray, are related to the Mahachohan's department in all occult Hierarchies. They are five Rays of Intelligence and the Mahachohan's department deals with the intelligence aspect of divinity.

64. Chúng ta thấy rằng năm Kumaras đại diện cho bốn Các Cung Thuộc Tính và sự tổng hợp của chúng, cung ba, có liên hệ với ban của Đức Mahachohan trong mọi Thánh đoàn huyền bí. Các Ngài là năm Cung của Trí Tuệ và ban của Đức Mahachohan xử lý phương diện trí tuệ của thiên tính.

Only once has such a Being visited our system,

Chỉ một lần một Hữu thể như thế đã viếng thăm hệ thống của chúng ta,

65. DK is speaking of *a* cosmic avatar.

65. Chân sư DK đang nói về *một* avatar vũ trụ.

66. If we are speaking of an Avatar from Sirius which appears at the initiation of the Solar Logos, is it being suggested that our Solar Logos has only had *one* cosmic initiation? If so, this would contradict the

66. Nếu chúng ta đang nói về một Avatar từ Sirius xuất hiện vào lúc điểm đạo của Thái dương Thượng đế, thì có phải đang hàm ý rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta chỉ mới có *một* lần điểm đạo vũ trụ? Nếu vậy,

information on TCF, 384, which tells us that our Solar Logos has the "third cosmic initiation" for His goal.

điều này sẽ mâu thuẫn với thông tin ở TCF, 384, cho biết rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta lấy "lần điểm đạo vũ trụ thứ ba" làm mục tiêu của Ngài.

in connection with the appearance in time and space of the five mind-born Sons of Brahma.

liên quan đến sự xuất hiện trong thời gian và không gian của năm Người Con do trí sinh của Brahma.

67. We are speaking of the appearance of Planetary Logoi—the five major Planetary Logoi Who are directly connected with the five Rays of Brahma.

67. Chúng ta đang nói về sự xuất hiện của các Hành Tinh Thượng Đế—năm Hành Tinh Thượng Đế lớn có liên hệ trực tiếp với năm Cung của Brahma.

The effect of such a visit as that of **the** Avatar from Sirius is seen [Page 724] as the sumtotal of civilisation and culture, viewing these from the standpoint of the entire system and in one flash of time.

Hiệu quả của một cuộc viếng thăm như cuộc viếng thăm của **Avatar** từ Sirius được thấy [Page 724] như tổng thể của văn minh và văn hóa, khi nhìn những điều này từ quan điểm của toàn bộ hệ thống và trong một tia chớp thời gian.

68. We note that DK does not speak of "an" Avatar from Sirius but of "the" Avatar from Sirius. Is there more than one? Or having mentioned one that visited at the time of the appearance in time and space of the five mind-born Sons of Brahma, is He simply calling that Avatar, "the" Avatar?

68. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói "một" Avatar từ Sirius mà là "Avatar" từ Sirius. Có hơn một vị chăng? Hay sau khi đã nhắc đến một vị đã viếng thăm vào thời điểm năm Người Con do trí sinh của Brahma xuất hiện trong thời gian và không gian, Ngài chỉ đơn giản gọi vị ấy là "Avatar"?

69. We know that the Mahachohan's department is responsible for the development of civilization and culture.

69. Chúng ta biết rằng ban của Đức Mahachohan chịu trách nhiệm cho sự phát triển của văn minh và văn hóa.

70. Of what stupendous nature was this stimulation that *all* civilization and culture in the entire solar system was 'bestowed' through the agency of that "visit"? We cannot simply say that civilization and culture was impulsed or impelled by the visit. Rather, its entirety (at least in seed) was conferred or given.

70. Sự kích thích này có tính chất kỳ vĩ đến mức nào mà *toàn bộ* văn minh và văn hóa trong toàn thể hệ mặt trời đã được 'ban cho' qua trung gian của cuộc "viếng thăm" ấy? Chúng ta không thể chỉ nói rằng văn minh và văn hóa đã được thúc đẩy hay thôi thúc bởi cuộc viếng thăm. Đúng hơn, toàn thể của nó (ít nhất ở dạng hạt giống) đã được chuyển giao hay ban xuống.

An avatar from the cosmic centre will appear as pralaya is nearing and will produce in the body of the Logos that which we call "Death."

Một avatar từ trung tâm vũ trụ sẽ xuất hiện khi Giai kỳ qui nguyên đang đến gần và sẽ tạo ra trong thân thể của Thượng đế điều mà chúng ta gọi là "Cái Chết."

71. Again, we do not know the nature of this “cosmic center”, but we may infer that it is one of three sources:

71. Một lần nữa, chúng ta không biết bản chất của “trung tâm vũ trụ” này, nhưng có thể suy ra rằng đó là một trong ba nguồn:

a. The Central Spiritual Sun or Alcyone

a. Mặt trời Tinh thần Trung Ương hay Alcyone

b. The Seven Pleiades considered as a group

b. Bảy ngôi sao Pleiades được xem như một nhóm

c. The entirety of all Pleiades

c. Toàn thể tất cả Pleiades

72. Since in listing the sources of Avatars two sources were given as stars, it may be that the source known as the “cosmic centre” is also a star—namely Alcyone.

72. Vì khi liệt kê các nguồn của các Avatar, hai nguồn đã được nêu là các ngôi sao, nên có thể nguồn được biết đến là “trung tâm vũ trụ” cũng là một ngôi sao—cụ thể là Alcyone.

73. If Alcyone carries a first ray function with respect to our Solar Logos, this would make sense. The Pleiades, however, seem to carry more third ray than first (and some second). Yet, if they are central to all that transpires in our solar system, then, by that very fact, they will have a first ray function.

73. Nếu Alcyone mang một chức năng cung một đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, điều này sẽ hợp lý. Tuy nhiên, Pleiades dường như mang nhiều cung ba hơn cung một (và một ít cung hai). Tuy vậy, nếu chúng là trung tâm của mọi điều diễn ra trong hệ mặt trời của chúng ta, thì chính vì sự kiện ấy, chúng sẽ có một chức năng cung một.

74. We see that Sirius (as a source) is being distinguished from the “cosmic centre”. From another perspective, Sirius could be sees as the cosmic center of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One". But we seem to be considering a larger picture.

74. Chúng ta thấy rằng Sirius (với tư cách một nguồn) đang được phân biệt với “trung tâm vũ trụ”. Từ một góc nhìn khác, Sirius có thể được xem là trung tâm vũ trụ của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một". Nhưng dường như chúng ta đang xét đến một bức tranh lớn hơn.

75. We have to suspect that the “cosmic center” (whatever it may be) has a head center function associated with the first ray.

75. Chúng ta phải nghi ngờ rằng “trung tâm vũ trụ” (dù đó là gì) có một chức năng trung tâm đầu liên kết với cung một.

76. We are probably looking for that center in relation to which the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" are as a chakra. Such a Being would be the "One About Whom Naught May Be Said", but would be represented by a constellation or aggregation of stars rather than by only one star.

76. Có lẽ chúng ta đang tìm kiếm trung tâm ấy trong tương quan với trung tâm mà “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một” giống như một luân xa. Một Đấng như thế sẽ là “Đấng Bất Khả Tư Nghị”, nhưng sẽ được biểu hiện bởi một chòm sao hay một tập hợp các sao hơn là chỉ bởi một ngôi sao duy nhất.

77. It must be noted, however, that there may be more than one "One About Whom Naught May Be Said", and the Logos of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" may also be called by this name.

77. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng có thể có hơn một “Đấng Bất Khả Tư Nghị”, và Logos của “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một” cũng có thể được gọi bằng danh xưng này.

78. It is only through the cosmic ‘authority’ of the "One About Whom Naught May Be Said" that the chakra expressed by the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" will be abstracted.’

78. Chỉ nhờ “thẩm quyền” vũ trụ của “Đấng Bất Khả Tư Nghị” mà luân xa được biểu lộ bởi “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một” mới sẽ được trừu xuất.’

79. Within the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" (if Sirius is *not* the first ray center of that constellation) another star will necessarily be so. Perhaps it is Vega, towards which our solar system is tending. If Vega (or some other star about which we do not know) represents the head center within the "Seven Solar Systems of Which Ours is One", then our solar system (as a heart center within the seven solar systems) would be abstracted towards that head center, just as in the case of a human being).

79. Trong “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một” (nếu Sirius *không* phải là trung tâm cung một của chòm sao ấy) thì nhất thiết sẽ có một ngôi sao khác là như vậy. Có lẽ đó là Vega, mà hệ mặt trời của chúng ta đang hướng tới. Nếu Vega (hay một ngôi sao nào khác mà chúng ta không biết) biểu hiện trung tâm đầu trong “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một”, thì hệ mặt trời của chúng ta (với tư cách là một trung tâm tim trong bảy hệ mặt trời) sẽ được trừu xuất về phía trung tâm đầu ấy, cũng như trong trường hợp của một con người).

80. In any case, “Death” comes to our solar system through the agency of a great Cosmic Avatar associated with our “cosmic centre”.

80. Trong mọi trường hợp, “Cái Chết” đến với hệ mặt trời của chúng ta qua tác nhân của một Đấng Hoá Thân Vũ Trụ vĩ đại liên kết với “trung tâm vũ trụ” của chúng ta.

He is the cosmic Reaper, and (to reduce the above to words of an understandable nature) He belongs to a group which represents the abstracting energy of the cosmos,

Ngài là Đấng Gặt Hái vũ trụ, và (để giản lược điều trên thành những lời có thể hiểu được) Ngài thuộc về một nhóm biểu hiện năng lượng trừu xuất của vũ trụ,

81. We are dealing with a first ray Avatar, Who one day will be instrumental in withdrawing the life of our Solar Logos from our present solar system.

81. Chúng ta đang đề cập đến một Đấng Hoá Thân cung một, Đấng mà một ngày kia sẽ là tác nhân rút sự sống của Thái dương Thượng đế của chúng ta ra khỏi hệ mặt trời hiện tại.

82. What is the scope of the word “cosmos” as here used? We do not know. We only know that this particular Avatar represents the great, first ray abstracting energy.

82. Phạm vi của từ “vũ trụ” được dùng ở đây là gì? Chúng ta không biết. Chúng ta chỉ biết rằng Đấng Hoá Thân đặc biệt này biểu hiện năng lượng trừu xuất vĩ đại của cung một.

83. Are we suggesting that the star or source from which this “Reaper” comes is a *first* ray star or source?

83. Có phải chúng ta đang gợi ý rằng ngôi sao hay nguồn mà “Đấng Gặt Hái” này xuất phát từ đó là một ngôi sao hay nguồn cung *một* chăng?

84. It is also clear that within that lower order "One About Whom Naught May Be Said" we call the Logos of our "Seven Solar Systems of Which Ours is One", our Sun, Sol or Helios, is *not* a *synthesizing Sun.* The “cosmic Reaper” which we are discussing may be just such a synthesizing Sun, just as when the time comes for the death of our planet, a planet within our solar system—a planet with a synthesizing function—will absorb it.

84. Cũng rõ ràng rằng trong “Đấng Bất Khả Tư Nghị” thuộc trật tự thấp hơn mà chúng ta gọi là Logos của “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một”, Mặt Trời của chúng ta, Sol hay Helios, *không* phải là một *Mặt Trời tổng hợp.* “Đấng Gặt Hái vũ trụ” mà chúng ta đang bàn đến có thể chính là một Mặt Trời tổng hợp như thế, cũng như khi đến lúc hành tinh của chúng ta chết đi, một hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta—một hành tinh có chức năng tổng hợp—sẽ hấp thu nó.

of which we find faint correspondences in the work of the "destroyer" aspect of the Logos, and in the forces which produce

mà chúng ta tìm thấy những tương ứng mờ nhạt trong công việc của phương diện “hủy diệt” của Logos, và trong các mãnh lực tạo ra

physical death, and the disintegration of the physical body of man.

cái chết hồng trần, cùng sự tan rã của thể xác con người.

85. Let us tabulate these energies and entities related to the power of abstraction:

85. Chúng ta hãy lập bảng các năng lượng và thực thể liên hệ với quyền năng trừu xuất này:

a. The abstracting energies of the cosmos

a. Các năng lượng trừu xuất của vũ trụ

b. A group representing those abstracting energies

b. Một nhóm biểu hiện các năng lượng trừu xuất ấy

c. The "Reaper"

c. "Đấng Gặt Hái"

d. The "destroyer" aspect of our Solar Logos

d. Phương diện "hủy diệt" của Thái dương Thượng đế của chúng ta

e. The forces which produce physical death

e. Các mãnh lực tạo ra cái chết hồng trần

86. There are important relationships between all of these and many interim beings and sources have necessarily been omitted.

86. Có những mối liên hệ quan trọng giữa tất cả các yếu tố này, và nhiều Đấng trung gian cùng nhiều nguồn trung gian tất yếu đã bị lược bỏ.

87. We are dealing with very large matters:

87. Chúng ta đang đề cập đến những vấn đề rất lớn:

a. The initiation of our Solar Logos and the appearance of five mind-born Sons of Brahma

a. Điểm đạo của Thái dương Thượng đế của chúng ta và sự xuất hiện của năm Con của Brahma sinh ra từ trí tuệ

b. The death of our Solar Logos

b. Cái chết của Thái dương Thượng đế của chúng ta

It is not possible to say more on these fundamentally esoteric matters, and the value of what is said lies largely in the bringing to the mind of the student the reality of our **cosmic interrelation**.

Không thể nói thêm gì về những vấn đề căn bản huyền bí này, và giá trị của điều được nói ra phần lớn nằm ở chỗ đưa vào trí tuệ của đạo sinh thực tại về **sự tương liên vũ trụ** của chúng ta.

88. DK always tries to present the "big picture" and to expand our consciousness so

88. Chân sư DK luôn cố gắng trình bày "bức tranh lớn" và mở rộng tâm thức của chúng ta

that we can appreciate many interrelations of which we would, otherwise, have no notion.

để chúng ta có thể trân trọng nhiều mối tương liên mà nếu không thì chúng ta sẽ không hề có khái niệm nào.

89. There is a vast "cosmic interrelation" and DK asserts that it is *real.*

89. Có một "sự tương liên vũ trụ" bao la và Chân sư DK khẳng định rằng nó là *có thật.*

2. *Solar Avatars:* These avatars are of three types though there are really many more.

2. *Các Đấng Hoá Thân Thái Dương:* Các Đấng Hoá Thân này có ba loại dù thật ra còn nhiều hơn nữa.

90. This is almost always the case. DK tells us that He has chosen the path of *brevity* in dealing with these subjects which we feel to be both enormous and complex.

90. Điều này hầu như luôn luôn là như vậy. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Ngài đã chọn con đường *ngắn gọn* khi đề cập đến những chủ đề mà chúng ta cảm thấy vừa bao la vừa phức tạp này.

They are also **extra-systemic visitors**,

Các Ngài cũng là những **khách viếng thăm ngoài-hệ-thống**,

91. The term "visitors" and the verb "visits" have now been used. When these avatars come to our solar system or our planet, they are, so to speak, "far from home".

91. Thuật ngữ "khách viếng thăm" và động từ "viếng thăm" nay đã được dùng. Khi các Đấng Hoá Thân này đến hệ mặt trời của chúng ta hay hành tinh của chúng ta, có thể nói rằng Các Ngài "ở rất xa quê nhà".

92. Even though these Avatars are called "solar", they still come from without the system.

92. Dù các Đấng Hoá Thân này được gọi là "thái dương", Các Ngài vẫn đến từ bên ngoài hệ thống.

and are mainly concerned with certain processes **in the system**, among others the administration of the law of cause and effect, or of karma.

và chủ yếu quan tâm đến một số tiến trình **trong hệ thống**, trong đó có việc quản trị định luật nhân quả, hay nghiệp quả.

93. The function of these Solar Avatars is intra-systemic even though They are extra-systemic in origin.

93. Chức năng của các Đấng Hoá Thân Thái Dương này là nội-hệ-thống mặc dù nguồn gốc của Các Ngài là ngoài-hệ-thống.

94. They seem to be especially related to the administration of the Law of Karma. We remember that the Law of Karma, as far as

94. Các Ngài dường như đặc biệt liên hệ với việc quản trị Định luật Nghiệp quả. Chúng ta nhớ rằng Định luật Nghiệp quả, xét theo

we are concerned, is especially directed from the star Sirius and its informing Logos.

phương diện của chúng ta, đặc biệt được chỉ đạo từ sao Sirius và Logos thấm nhuần ngôi sao ấy.

They embody the karma of the past kalpas as far as our Logos is concerned,

Các Ngài hiện thân cho nghiệp quả của các kalpa quá khứ xét theo phương diện Logos của chúng ta,

95. Are we here speaking of "mahakalpas" or of mahamanvantaras?

95. Ở đây chúng ta đang nói về các "mahakalpa" hay các Đại giai kỳ sinh hóa?

96. It may be that such Beings are now active as our Solar Logos seems to be facing karma related to the tendencies of the immediately previous solar system.

96. Có thể những Đấng như thế hiện đang hoạt động vì Thái dương Thượng đế của chúng ta dường như đang đối diện với nghiệp quả liên hệ đến các khuynh hướng của hệ mặt trời ngay trước đó.

and give the initiatory impulse to the processes of adjustment, of expiation and of recognition as it concerns the present system as a whole.

và ban xung lực điểm đạo cho các tiến trình điềuchỉnh, đền bù và nhận biết trong chừng mực chúng liên quan đến toàn bộ hệ thống hiện tại.

97. If we are dealing with the "present system" and its need for adjustment, expiation and recognition, we may indeed be suggesting that such Solar Avatars embody the karma of past *maha*manvantaras.

97. Nếu chúng ta đang đề cập đến "hệ thống hiện tại" và nhu cầu điều chỉnh, đền bù và nhận biết của nó, thì quả thật chúng ta có thể đang gợi ý rằng các Đấng Hoá Thân Thái Dương như thế hiện thân cho nghiệp quả của các Đại giai kỳ sinh hóa quá khứ.

98. We can think of these three terms as related to karmic processes:

98. Chúng ta có thể nghĩ về ba thuật ngữ này như liên hệ với các tiến trình nghiệp quả:

a. Adjustment

a. Điều chỉnh

b. Expiation

b. Đền bù

c. Recognition

c. Nhận biết

99. Perhaps there would be value of thinking of these three processes in the following order:

99. Có lẽ sẽ có giá trị nếu suy nghĩ về ba tiến trình này theo thứ tự sau đây:

a. Recognition

b. Adjustment

c. Expiation

One such Entity, the "Karmic Avatar" appeared upon the second logoic vibration, being swept in on the second Breath; He has stayed until now:

100. We remind ourselves that the “Karmic Avatar” is a *Solar* Avatar.

101. We are not given the source of this great Entity but Sirius is always associated with the karma of our solar system and is the source of the Intermediate Law of Karma.

The Intermediate Law of Karma.—There is also an intermediate law, which is the synthetic law of the system of Sirius. This law is called by the generic term, the Law of Karma, and really predicates the effect the Sirian system has on our solar system. Each of the two systems, as regards its internal economy, is independent in time and space, or (in other words), in manifestation. (TCF 569-570)

102. As to the nature of the “second logoic vibration” or “second Breath”, we cannot be sure, but it may be equivalent to the Second Outpouring—the coming forth of the Second Logos in the role of ‘Builder of Forms’.

He will remain with us until all the schemes have entered upon their fifth round, and are nearing their "Judgment Day."

a. Nhận biết

b. Điều chỉnh

c. Đền bù

Một Thực Thể như thế, “Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả”, đã xuất hiện trên rung động logoic thứ hai, được cuốn vào theo Hơi Thở thứ hai; Ngài đã lưu lại cho đến nay:

100. Chúng ta tự nhắc mình rằng “Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả” là một Đấng Hoá Thân *Thái Dương*.

101. Chúng ta không được cho biết nguồn gốc của Thực Thể vĩ đại này, nhưng Sirius luôn gắn liền với nghiệp quả của hệ mặt trời chúng ta và là nguồn của Định luật Nghiệp quả Trung gian.

Định luật Nghiệp quả Trung gian.—Cũng có một định luật trung gian, là định luật tổng hợp của hệ thống Sirius. Định luật này được gọi bằng thuật ngữ tổng quát là Định luật Nghiệp quả, và thật ra xác định hiệu quả mà hệ thống Sirius tác động lên hệ mặt trời của chúng ta. Mỗi một trong hai hệ thống, xét về phương diện cơ cấu nội tại của nó, đều độc lập trong thời gian và không gian, hay (nói cách khác), trong biểu hiện. (TCF 569-570)

102. Về bản chất của “rung động logoic thứ hai” hay “Hơi Thở thứ hai”, chúng ta không thể chắc chắn, nhưng nó có thể tương đương với Lần tuôn đổ thứ hai—sự xuất hiện của Logos thứ hai trong vai trò ‘Đấng Kiến Tạo các Hình Tướng’.

Ngài sẽ ở lại với chúng ta cho đến khi mọi hệ hành tinh đã bước vào cuộc tuần hoàn thứ

năm của chúng, và đang tiến gần đến "Ngày Phán Xét" của chúng.

103. It is important to note that *all* schemes have their own "Judgment Day". Sometimes, we become Earth-centered thinking that the peculiar conditions which prevail upon our planet are responsible for that decisive moment called the "Judgment Day".

103. Điều quan trọng cần lưu ý là *mọi* hệ hành tinh đều có "Ngày Phán Xét" riêng của mình. Đôi khi, chúng ta trở nên tập trung vào Trái Đất mà nghĩ rằng những điều kiện đặc thù đang thịnh hành trên hành tinh chúng ta là nguyên nhân của thời điểm quyết định được gọi là "Ngày Phán Xét".

104. It is for the sake of some of the larger planets which are not as advanced in their 'Round Process', that this "Karmic Avatar" must remain long after such planets as Venus, Mercury and the Earth have passed through their fifth round.

104. Chính vì một số hành tinh lớn hơn chưa tiến xa bằng trong 'Tiến Trình Cuộc Tuần Hoàn' của chúng mà "Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả" này phải lưu lại rất lâu sau khi những hành tinh như Sao Kim, Sao Thủy và Trái Đất đã đi qua cuộc tuần hoàn thứ năm của chúng.

105. Again, it should be noted that we are probably talking about *scheme rounds* and not chain rounds.

105. Một lần nữa, cần lưu ý rằng có lẽ chúng ta đang nói về các *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh* chứ không phải các cuộc tuần hoàn của dãy.

106. The Earth-chain is still far from its "Judgment Day" and, we remember, that the fifth chain within our scheme will also have its "Judgment Day" of a kind.

106. Dãy Địa Cầu vẫn còn rất xa "Ngày Phán Xét" của nó và, chúng ta nhớ rằng, dãy thứ năm trong hệ hành tinh của chúng ta cũng sẽ có "Ngày Phán Xét" của một loại nào đó.

Something similar again [a "Judgment Day" period] will take place on the fifth chain but as it concerns a centre in the planetary Logos of which we know but little, we need not here enlarge upon it (TCF 706)

Một điều tương tự nữa [một giai đoạn "Ngày Phán Xét"] sẽ diễn ra trên dãy thứ năm nhưng vì nó liên quan đến một trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế mà chúng ta biết rất ít, nên ở đây chúng ta không cần khai triển thêm (TCF 706)

107. As for the *fifth scheme round* of our Planetary Logos, one would expect it in the future as our Planetary Logos is probably in its *fourth* scheme round.

107. Còn về *cuộc tuần hoàn thứ năm của hệ hành tinh* của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, người ta sẽ mong đợi nó trong tương lai vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có lẽ đang ở cuộc tuần hoàn thứ *tư* của hệ hành tinh.

108. It is to be noted that the number *two* is closely related to the number *five*. Cycles on the second ray are characterized by the number five—5, 50, 500, 5000, etc.

108. Cần lưu ý rằng con số *hai* có liên hệ mật thiết với con số *năm*. Các chu kỳ trên cung hai được đặc trưng bởi con số năm—5, 50, 500, 5000, v.v.

At that time, He can withdraw, leaving the planetary Logoi concerned to fulfil the karmic purpose unwatched.

Vào lúc đó, Ngài có thể rút lui, để lại các Hành Tinh Thượng Đế liên hệ tự hoàn thành mục đích nghiệp quả mà không bị giám sát.

109. It is amazing to consider how supervision over the development of Planetary Logoi is exerted by still higher Beings.

109. Thật đáng kinh ngạc khi suy ngẫm về việc sự giám sát đối với sự phát triển của các Hành Tinh Thượng Đế được thực thi bởi những Đấng còn cao hơn nữa.

110. Supervision is a universal principle. The One Universal Logos is, from this perspective, the greatest Supervisor.

110. Sự giám sát là một nguyên khí phổ quát. Từ góc nhìn này, Đấng Thượng đế Vũ Trụ Duy Nhất là Đấng Giám Sát vĩ đại nhất.

111. The withdrawal of the Solar Angels at the time of the fourth initiation may bear an analogy. From that time forward, the human personality, per se, is no longer in need of karmic supervision.

111. Sự rút lui của các Thái dương Thiên Thần vào lúc lần điểm đạo thứ tư có thể mang một sự tương đồng. Kể từ lúc ấy trở đi, chính phàm ngã con người không còn cần sự giám sát nghiệp quả nữa.

The vibratory impulse will then be so strong and the realisation of the buddhic principle so consciously vivid that nothing can then arrest the onward march of affairs.

Khi đó xung lực rung động sẽ mạnh đến mức và sự chứng nghiệm về nguyên khí Bồ đề một cách hữu thức sống động đến thế rằng không gì khi ấy có thể ngăn cản bước tiến đi lên của các sự việc.

112. The emergence and stabilization of the buddhic principle is the main objective of this solar system. Every "Judgment Day" eliminates those in whom the buddhic principle has not be sufficiently established and offers less obstructed development for those who are not ejected.

112. Sự xuất hiện và ổn định của nguyên khí Bồ đề là mục tiêu chính của hệ mặt trời này. Mỗi "Ngày Phán Xét" loại bỏ những ai mà trong họ nguyên khí Bồ đề chưa được thiết lập đầy đủ và đem lại sự phát triển ít bị cản trở hơn cho những ai không bị loại ra.

Under Him work a number of cosmic entities who, as stated in the [Page 725] *Secret Doctrine,* [41: These are the Lipika

Dưới quyền Ngài hoạt động một số thực thể vũ trụ mà, như đã nói trong [Page 725] *Giáo Lý Bí Nhiệm,* [41: Đây là các Lipika Lords.

Lords. See SD, I, 157] have the privilege of "passing the ring-pass-not";

Xem SD, I, 157] có đặc quyền "vượt qua vòng-giới-hạn";

113. We note that these Solar Avatars are called "cosmic entities".

113. Chúng ta lưu ý rằng các Đấng Hoá Thân Thái Dương này được gọi là các thực thể "vũ trụ".

114. The great "Karmic Avatar" of which we are speaking is superior to the Lipika Lords, Who are, in Themselves, Beings of tremendous development.

114. "Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả" vĩ đại mà chúng ta đang bàn đến cao hơn các Lipika Lords, vốn tự thân là những Đấng có mức phát triển phi thường.

115. There are Lipika Lords on Sirius and those Who work within the boundaries of our solar system.

115. Có các Lipika Lords trên Sirius và có những Đấng hoạt động trong ranh giới của hệ mặt trời chúng ta.

116. The reference above seems to refer to Intra-Systemic Lipika Lords:

116. Đoạn trích dẫn trên dường như nói đến các Lipika Lords Nội-Hệ-Thống:

All these are governed by karma, and just as the true Man himself applies the law of karma to his vehicles, [we seem to be speaking of the Ego within the causal body as applying the law of karma to the personality vehicles] and in his tiny system is the correspondence to that fourth group of karmic entities whom we call the Lipika Lords; He applies the law to his threefold lower nature. The fourth group of extra-cosmic Entities Who have Their place **subsidiary to the three cosmic Logoi** Who are the threefold sumtotal of the logoic nature, **can pass the bounds of the solar ring-pass-not in Their stated cycles.** This is a profound mystery and its complexity is increased by the recollection that the fourth Creative Hierarchy of human Monads, and the Lipika Lords in Their three groups (the first [Page 112] group, the second, and the four Maharajahs, making the totality of the threefold karmic rulers who **stand between** the solar Logos and the seven planetary Logoi), are more closely allied than the other

Tất cả các Đấng này đều bị nghiệp quả chi phối, và cũng như con Người đích thực tự mình áp dụng định luật nghiệp quả lên các vận cụ của mình, [dường như chúng ta đang nói về chân ngã trong thể nguyên nhân như áp dụng định luật nghiệp quả lên các vận cụ phàm ngã] và trong hệ thống nhỏ bé của mình là sự tương ứng với nhóm thứ tư của các thực thể nghiệp quả mà chúng ta gọi là các Lipika Lords; y áp dụng định luật ấy lên bản chất thấp tam phân của mình. Nhóm thứ tư của các Thực Thể ngoài-vũ-trụ có vị trí **phụ thuộc vào ba Thượng đế vũ trụ** là ba tổng thể tam phân của bản chất logoic, **có thể vượt qua các giới hạn của vòng-giới-hạn mặt trời trong những chu kỳ đã định của Các Ngài.** Đây là một huyền nhiệm sâu xa và tính phức tạp của nó còn tăng thêm khi nhớ rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại, và các Lipika Lords trong ba nhóm của Các Ngài (nhóm thứ nhất, nhóm thứ hai, và bốn Maharajah, tạo thành toàn thể của ba vị cai quản nghiệp quả tam phân **đứng giữa** Thái dương Thượng đế và bảy Hành Tinh Thượng Đế), liên kết mật

Hierarchies, and their destinies are intimately interwoven. (TCF 111-112)

117. This passing-through (we see) is only done in "stated cycles".

118. The incorporated paragraph makes it evident that we are not speaking of Lipika Lords Who remain on or in the star Sirius.

these are, nevertheless, not avatars for They are **Themselves evolving through the administration of karma**. It is Their work, and opportunity to progress.

119. In stating that these "cosmic entities" (presumably Lipika Lords Who work within our solar system) are *not* avatars, we again have confirmed for us that an avatar descends to its sphere of service with no motive of progress for itself.

120. Here we learn that the Lipika Lords evolve and progress through the administration of karma—that this is their work. The descent of an avatar is for other purposes.

An avatar can learn nothing from the place of His appearance.

121. DK states it succinctly and it is the main point. The Lipika Lords within the boundaries of our solar system are still *learning* from what they do.

thiết với nhau hơn các Huyền Giai khác, và số phận của họ đan xen chặt chẽ với nhau. (TCF 111-112)

117. Như chúng ta thấy, việc vượt qua này chỉ được thực hiện trong "những chu kỳ đã định".

118. Đoạn văn được đưa vào làm rõ rằng chúng ta không nói về các Lipika Lords vẫn lưu lại trên hay trong sao Sirius.

Tuy nhiên, các Đấng này không phải là các Đấng Hoá Thân vì Các Ngài **tự mình đang tiến hoá thông qua việc quản trị nghiệp quả**. Đó là công việc của Các Ngài, và là cơ hội để tiến bộ.

119. Khi nói rằng các "thực thể vũ trụ" này (có lẽ là các Lipika Lords hoạt động trong hệ mặt trời chúng ta) *không* phải là các Đấng Hoá Thân, chúng ta lại được xác nhận rằng một Đấng Hoá Thân giáng lâm vào phạm vi phụng sự của mình mà không có động cơ tiến bộ nào cho chính mình.

120. Ở đây chúng ta biết rằng các Lipika Lords tiến hoá và tiến bộ thông qua việc quản trị nghiệp quả—rằng đó là công việc của các Ngài. Sự giáng lâm của một Đấng Hoá Thân là vì những mục đích khác.

Một Đấng Hoá Thân không thể học được gì từ nơi Ngài xuấthiện.

121. Chân sư DK nói điều đó một cách súc tích và đó là điểm chính. Các Lipika Lords trong ranh giới của hệ mặt trời chúng ta vẫn đang *học hỏi* từ những gì họ làm.

122. Chúng ta có thể nói rằng sự phụng sự hoàn toàn vị tha không chút nghĩ đến lợi ích

122. May we say that entirely altruistic service without any thought of gain is the seed of 'avatarship'?

cho bản thân là hạt giống của 'địa vị hoá thân' chăng?

His work is to apply the force of some type of electrical energy to substance in one of its many grades, and thus bring about anticipated results.

Công việc của Ngài là áp dụng mãnh lực của một loại năng lượng điện nào đó lên chất liệu ở một trong nhiều cấp độ của nó, và như thế tạo ra những kết quả đã được dự liệu.

123. Here we have a more technical description of the work of an avatar. It is, in a way, *electrical* work. Perhaps this is why so many on the Path of Absolute Sonship (leading to the possibility of becoming a Lipika Lord) are found upon the fifth ray—even fifth ray Monads. We know the relationship of the fifth ray to the study of electricity (probably through association with the electrical planet Uranus in which the fifth ray is strong).

123. Ở đây chúng ta có một mô tả mang tính kỹ thuật hơn về công việc của một Đấng Hoá Thân. Theo một nghĩa nào đó, đó là công việc *điện*. Có lẽ vì thế mà rất nhiều người trên Con Đường của Quyền Tử Tuyệt Đối (dẫn đến khả năng trở thành một Lipika Lord) được thấy ở trên cung năm—ngay cả các chân thần cung năm. Chúng ta biết mối liên hệ của cung năm với việc nghiên cứu điện học (có lẽ qua sự liên kết với hành tinh điện là Sao Thiên Vương, nơi cung năm rất mạnh).

124. We note that DK differentiates "electrical energy" from "substance" (though substance also has its electrical nature).

124. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK phân biệt "năng lượng điện" với "chất liệu" (dù chất liệu cũng có bản chất điện của nó).

125. Thus far, we have been discussing a "Karmic Avatar" as one kind of Solar Avatar.

125. Cho đến đây, chúng ta đã bàn về một "Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả" như một loại Đấng Hoá Thân Thái Dương.

126. Now we are prepared to discuss another.

126. Giờ đây chúng ta đã sẵn sàng bàn đến một loại khác.

Another type of solar avatar, Who can be seen appearing in the schemes, **has relation to the heart centre of a planetary Logos**, and appears on the higher planes (never on the lower) when the heart activity is making itself felt,

Một loại Đấng Hoá Thân Thái Dương khác, có thể được thấy xuất hiện trong các hệ hành tinh, **có liên hệ với trung tâm tim của một Hành Tinh Thượng Đế**, và xuất hiện trên các cõi cao hơn (không bao giờ trên các cõi thấp hơn) khi hoạt động của tim đang tự biểu lộ,

127. Chúng ta lưu ý rằng loại Đấng Hoá Thân Thái Dương này được nói đến như có

127. We note that this type of solar avatar is mentioned as related to a *Planetary* Logos—not a *Solar* Logos in this instance.

liên hệ với một Hành Tinh Thượng Đế—không phải một Thái dương Thượng đế trong trường hợp này.

128. We do not know the meaning of "higher planes", but may suppose that the cosmic ethers are indicated.

128. Chúng ta không biết ý nghĩa của "các cõi cao hơn", nhưng có thể giả định rằng các dĩ thái vũ trụ được chỉ ra.

129. From what we have been taught, the appearance of such a solar avatar seems related to the process of individualization, though other more advanced processes seem to be involved and are suggested below.

129. Từ những gì đã được dạy, sự xuất hiện của một Đấng Hoá Thân Thái Dương như thế dường như liên hệ với tiến trình biệt ngã hóa, dù những tiến trình khác cao hơn dường như cũng có liên can và được gợi ý ở dưới.

130. The heart center activity of a Planetary Logos may be seen as relating to both the individualization and initiation processes.

130. Hoạt động của trung tâm tim của một Hành Tinh Thượng Đế có thể được xem là liên hệ với cả các tiến trình biệt ngã hóa lẫn điểm đạo.

131. As regards the individualization process, when the heart center of our Planetary Logos was on the point of greater awakening, the Logos of Venus drew into closer relationship with our Planetary Logos, the Lords of the Flame appeared and individualization took place. Was such a solar avatar also involved in the process?

131. Xét về tiến trình biệt ngã hóa, khi trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta ở vào điểm sắp thức tỉnh lớn hơn, Logos của Sao Kim đã tiến vào mối liên hệ gần gũi hơn với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa đã xuất hiện và sự biệt ngã hóa đã diễn ra. Có phải một Đấng Hoá Thân Thái Dương như thế cũng đã tham dự vào tiến trình ấy chăng?

and when the energising process is seen to bring about three things:

và khi tiến trình tiếp năng lượng được thấy là mang lại ba điều:

132. The following processes are occurring when the work of this type of solar avatar is being applied to the planetary process:

132. Các tiến trình sau đây đang diễn ra khi công việc của loại Đấng Hoá Thân Thái Dương này được áp dụng vào tiến trình hành tinh:

a. An expansion of consciousness.

a. Một sự mở rộng tâm thức.

133. This, of course, goes along with heart development

b. An increase of spiritual light and brilliancy.

134. Movement into a second ray phase indicates the growth of the light. The Forces of Enlightenment are correlated with the second ray.

135. The Second Ray Lord is:

a. The Displayer of Glory'

b. The Radiance within the Form

c. Planetary radioactivity.

136. To become initiate is to become radioactive.

It is this planetary phenomenon which produces (in connection with the fourth kingdom in nature) **the throwing open of the door of initiation to man**.

137. We are speaking of developments within a Planetary Logos which correlate with the coming of a particular solar avatar:

138. Such developments are:

a. The emergence of heart center activity within the Planetary Logos

b. The expanding of planetary logoic consciousness

133. Điều này, dĩ nhiên, đi đôi với sự phát triển của tim

b. Một sự gia tăng ánh sáng tinh thần và sự rực rỡ.

134. Sự chuyển động vào một giai đoạn cung hai cho thấy sự tăng trưởng của ánh sáng. Các Mãnh Lực Soi Sáng có tương quan với cung hai.

135. Đấng Chúa Tể Cung hai là:

a. Đấng Biểu Lộ Vinh Quang'

b. Sự Rạng Ngời bên trong Hình Tướng

c. Tính phóng xạ hành tinh.

136. Trở thành điểm đạo đồ là trở thành có tính phóng xạ.

Chính hiện tượng hành tinh này tạo ra (liên hệ với giới thứ tư trong thiên nhiên) **sự mở tung cánh cửa điểm đạo cho con người**.

137. Chúng ta đang nói về những phát triển bên trong một Hành Tinh Thượng Đế tương ứng với sự đến của một Đấng Hoá Thân Thái Dương đặc biệt:

138. Những phát triển ấy là:

a. Sự xuất hiện của hoạt động trung tâm tim bên trong Hành Tinh Thượng Đế

b. Sự mở rộng tâm thức logoic hành tinh

c. An increase of light and brilliancy within the energy system of the Planetary Logos

c. Sự gia tăng ánh sáng và sự rực rỡ trong hệ thống năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế

d. The emergence of planetary radioactivity

d. Sự xuất hiện của tính phóng xạ hành tinh

139. When these things occur, the door of initiation is thrown open to man.

139. Khi những điều này xảy ra, cánh cửa điểm đạo được mở tung cho con người.

140. That door was thrown open, particularly, during the Atlantean Rootrace.

140. Cánh cửa ấy đã được mở tung, đặc biệt, trong Giống dân gốc Atlantis.

141. Heart center developments within the Planetary Logos also occurred, we realize, with the coming of the Lords of the Flame and the process we call individualization—a process which obviously preceded the throwing open to man of the door to initiation.

141. Chúng ta nhận ra rằng những phát triển của trung tâm tim bên trong Hành Tinh Thượng Đế cũng đã xảy ra cùng với sự đến của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa và tiến trình mà chúng ta gọi là biệt ngã hóa—một tiến trình rõ ràng đã đi trước việc mở tung cánh cửa điểm đạo cho con người.

142. The Lords of the Flame are active, of course, in the individualization process but *also* in assisting the personalities over which they have supervision to take initiation.

142. Các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa dĩ nhiên hoạt động trong tiến trình biệt ngã hóa nhưng *cũng* trong việc trợ giúp các phàm ngã mà các Ngài giám sát để tiếp nhận điểm đạo.

143. Both individualization and initiation are, in a sense, *heart* processes.

143. Theo một nghĩa nào đó, cả biệt ngã hóa lẫn điểm đạo đều là những tiến trình của *tim*.

Such avatars do not come in connection with any particular Hierarchy but only in relation to the total system.

Những Đấng Hoá Thân như thế không đến trong liên hệ với bất kỳ Huyền Giai nào đặc biệt mà chỉ trong liên hệ với toàn bộ hệ thống.

144. By the term “Hierarchy”, we mean, perhaps, Creative Hierarchy or the Spiritual Hierarchy of a planet.

144. Có lẽ với thuật ngữ “Huyền Giai”, chúng ta muốn nói đến Huyền Giai Sáng Tạo hay Thánh đoàn tinh thần của một hành tinh.

145. Dù các Đấng Hoá Thân này dường như hoạt động ở cấp độ hành tinh, sự đến của các

145. While these avatars seem active on a planetary level, apparently their arrival is a great *solar systemic event*.

Ngài rõ ràng là một *biến cố lớn của hệ mặt trời*.

They produce the blending of the colours, and the synthesis of the units in their groups.

Các Ngài tạo ra sự hòa trộn các màu sắc, và sự tổng hợp các đơn vị trong các nhóm của chúng.

146. The activities of these avatars, blending and synthesizing, suggest the second ray particularly. They are apparently a cohesive factor. We realize that the Path of Initiation is trodden by those who participate increasingly in group consciousness. Initiation produces cohesion.

146. Các hoạt động của những Đấng Hoá Thân này—hòa trộn và tổng hợp—gợi ý đặc biệt đến cung hai. Rõ ràng các Ngài là một nhân tố cố kết. Chúng ta nhận ra rằng Con Đường Điểm Đạo được bước đi bởi những ai ngày càng tham dự vào tâm thức nhóm. Điểm đạo tạo ra sự cố kết.

At the initiation of a planetary Logos, an avatar may appear in His scheme on the seventh globe from that **cosmic centre** or star which is ensouled by the particular Rishi Who (in the constellation of the Great Bear) is His cosmic prototype.

Vào lúc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế, một Đấng Hoá Thân có thể xuất hiện trong hệ hành tinh của Ngài trên bầu hành tinh thứ bảy từ **trung tâm vũ trụ** hay ngôi sao được phú linh bởi vị Rishi đặc biệt là Đấng (trong chòm Đại Hùng) nguyên mẫu vũ trụ của Ngài.

147. We now seem to be speaking of yet another kind of solar avatar.

147. Giờ đây dường như chúng ta đang nói đến một loại Đấng Hoá Thân Thái Dương khác nữa.

148. Thus far we have spoken of:

148. Cho đến nay chúng ta đã nói về:

a. A "Karmic Avatar" Who supervises the karmic processes of *all* Planetary Logoi

a. Một "Đấng Hoá Thân Nghiệp Quả" giám sát các tiến trình nghiệp quả của *mọi* Hành Tinh Thượng Đế

b. A solar avatar whose appearance coincides with the activation of the planetary heart in any particular planet

b. Một Đấng Hoá Thân Thái Dương mà sự xuất hiện của Ngài trùng hợp với sự hoạt hóa của tim hành tinh trong bất kỳ hành tinh đặc biệt nào

149. We are now told of the appearance of an apparently *solar* avatar at the initiation of a Planetary Logos.

149. Giờ đây chúng ta được cho biết về sự xuất hiện của một Đấng Hoá Thân rõ ràng là

thái dương vào lúc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế.

150. This avatar appears on the seventh globe, but this will depend upon the chain in which the Planetary Logos is taking initiation. It is ambiguous to speak of the seventh globe of a *scheme.*

150. Đấng Hoá Thân này xuất hiện trên bầu hành tinh thứ bảy, nhưng điều này sẽ tùy thuộc vào dãy mà trong đó Hành Tinh Thượng Đế đang tiếp nhận điểm đạo. Thật mơ hồ khi nói về bầu hành tinh thứ bảy của một *hệ hành tinh.*

151. For instance, because our Planetary Logos is taking initiation in His fourth chain, such an avatar would appear on the seventh globe of the fourth chain.

151. Chẳng hạn, vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang tiếp nhận điểm đạo trong dãy thứ tư của Ngài, nên một Đấng Hoá Thân như thế sẽ xuất hiện trên bầu hành tinh thứ bảy của dãy thứ tư.

152. This type of avatar comes from one of the Rishis of the Great Bear Who is the cosmic prototype of the Planetary Logos in question.

152. Loại Đấng Hoá Thân này đến từ một trong các vị Rishi của chòm Đại Hùng, Đấng là nguyên mẫu vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế đang được nói đến.

153. There are seven Rishis of the Great Bear and many more Planetary Logoi in our solar system. Our Planetary Logos is found upon the third, second and first rays respectively —considering, in sequence, the personality, soul and Monad.

153. Có bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh và còn nhiều Hành Tinh Thượng Đế hơn nữa trong hệ mặt trời của chúng ta. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta lần lượt được tìm thấy trên cung ba, cung hai và cung một— xét theo thứ tự là phàm ngã, linh hồn và chân thần.

154. Which Rishi of the Great Bear, then, is the cosmic prototype of *our* Planetary Logos. Is it ultimately the *first* Rishi because our Planetary Logos has a first ray Monad (which is, however, at this time, non-effective); or is it the Rishi of the second star Mizar, because our Planetary Logos is attempting now to express His second ray soul? Or is the Rishi the third ray Logos, Alioth, simply because still the most powerful ray upon our planet at this time is the third ray? These questions demand deep pondering and, even so, a definitely correct answer may not be available to such as we are.

154. Vậy thì, vị Rishi nào của Đại Hùng Tinh là nguyên mẫu vũ trụ của *Hành Tinh Thượng Đế* của chúng ta? Rốt cuộc có phải là vị Rishi *thứ nhất* vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có chân thần cung một (tuy nhiên hiện nay chưa hữu hiệu); hay là vị Rishi của ngôi sao thứ hai Mizar, vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hiện đang cố gắng biểu lộ linh hồn cung hai của Ngài? Hay vị Rishi ấy là Logos cung ba, Alioth, đơn giản vì hiện nay cung mạnh nhất trên hành tinh chúng ta vẫn là cung ba? Những câu hỏi này đòi hỏi sự suy ngẫm sâu xa, và dù vậy, một câu trả lời

xác định đúng đắn có lẽ cũng không sẵn có đối với những người như chúng ta.

This is, for the Entity concerned, the taking of a physical form, for **our higher planes** are but matter from Their standpoint.

Đối với Thực Thể được bàn đến, đây là sự mang lấy một hình tướng hồng trần, vì **các cõi cao của chúng ta** chỉ là vật chất theo quan điểm của Các Ngài.

155. We are still speaking of the coming of a third type of solar avatar who appears at the initiation of a Planetary Logos.

155. Chúng ta vẫn đang nói về sự xuất hiện của một loại solar Avatar thứ ba, xuất hiện vào lúc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế.

156. It is suggested that the seventh globe is composed of matter of "our higher planes".

156. Có gợi ý rằng bầu hành tinh thứ bảy được cấu thành từ vật chất của "các cõi cao của chúng ta".

157. We are seeing that these first two types of avatars (cosmic and solar) are of so high a nature that when they come to express themselves (even on the highest or higher levels of the cosmic physical plane) it is for them the "taking of a physical form". Perhaps our sense of scale needs adjusting. We are so preoccupied with the dense worlds.

157. Chúng ta thấy rằng hai loại Avatar đầu tiên này (vũ trụ và thái dương) có bản chất cao siêu đến mức khi Các Ngài đến để biểu lộ chính mình (ngay cả trên các cấp cao nhất hay cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ), thì đối với Các Ngài đó là "sự mang lấy một hình tướng hồng trần". Có lẽ ý thức về tỉ lệ của chúng ta cần được điều chỉnh. Chúng ta quá bận tâm với các thế giới đậm đặc.

This has been emphasised frequently, as its significance is not yet sufficiently grasped.

Điều này đã thường xuyên được nhấn mạnh, vì thâm nghĩa của nó vẫn chưa được nắm bắt đầy đủ.

158. Exactly the point. We hear words and then nod our heads. We do not know what those words really mean.

158. Chính xác là điểm đó. Chúng ta nghe các từ ngữ rồi gật đầu. Chúng ta không biết những từ ngữ ấy thực sự có nghĩa gì.

By means of the appearance of this Avatar on the seventh globe, the planetary Logos is [Page 726] enabled to preserve **continuity of cosmic consciousness** even when in physical incarnation;

Nhờ sự xuất hiện của Avatar này trên bầu hành tinh thứ bảy, Hành Tinh Thượng Đế [Page 726] được làm cho có khả năng duy trì **sự liên tục của tâm thức vũ trụ** ngay cả khi đang lâm phàm trong hình hài hồng trần;

159. This is quite an amazing thought. Perhaps we have not yet thought that, from

159. Đây quả là một tư tưởng đáng kinh ngạc. Có lẽ chúng ta chưa từng nghĩ rằng, từ

the cosmic perspective, a Planetary Logos may not have achieved continuity of consciousness with respect to His physical incarnation.

viễn cảnh vũ trụ, một Hành Tinh Thượng Đế có thể chưa đạt được sự liên tục của tâm thức đối với sự lâm phàm hồng trần của Ngài.

160. Continuity of cosmic consciousness would involve consciousness of that which was transpiring upon, for instance, the cosmic astral and cosmic mental planes, even while in incarnation upon the cosmic physical plane.

160. Sự liên tục của tâm thức vũ trụ sẽ bao hàm tâm thức về những gì đang diễn ra, chẳng hạn, trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ, ngay cả khi đang lâm phàm trên cõi hồng trần vũ trụ.

161. Can it be then that (paralleling the state of affairs existing in relation to man) a Planetary Logos Who does not have such continuity of consciousness does not realize, while in physical incarnation, just what may be happening in His astral body and mental body or on the cosmic planes on which those bodies are found?

161. Vậy thì có thể chăng rằng (song song với tình trạng tồn tại nơi con người) một Hành Tinh Thượng Đế không có sự liên tục tâm thức như thế sẽ không nhận ra, trong khi đang lâm phàm hồng trần, chính xác điều gì có thể đang xảy ra trong thể cảm dục và thể trí của Ngài hoặc trên các cõi vũ trụ nơi các thể ấy hiện hữu?

162. We have to understand the significance of the "seventh globe" and why the globe numbered *seven* should have particular relevance in this process. It is apparently a globe formed of cosmic ethers and it may be this fact which allows the link to the cosmic planes higher than the cosmic physical plane.

162. Chúng ta phải thấu hiểu thâm nghĩa của "bầu hành tinh thứ bảy" và vì sao bầu hành tinh được đánh số *bảy* lại có liên hệ đặc biệt trong tiến trình này. Hiển nhiên đó là một bầu hành tinh được tạo thành từ các dĩ thái vũ trụ, và có thể chính sự kiện này cho phép có sự nối kết với các cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

163. DK still speaks in terms of a Logos and a "globe". He does not speak in terms of a *chain* in which that seventh globe will be found, as would seem to be necessary. Why is this?

163. Chân sư DK vẫn nói theo thuật ngữ một Logos và một "bầu hành tinh". Ngài không nói theo thuật ngữ một *Dãy* trong đó bầu hành tinh thứ bảy ấy sẽ được tìm thấy, như dường như là điều cần thiết. Vì sao lại như vậy?

this solar avatar performs the same function for the planetary Logos as the Guru does for His disciple.

solar Avatar này thực hiện cùng một chức năng đối với Hành Tinh Thượng Đế như vị Guru làm đối với đệ tử của Ngài.

164. Here we have the microcosmic analogy. And what, then, is the seventh "globe" of

164. Ở đây chúng ta có phép loại suy tiểu thiên địa. Vậy thì "bầu hành tinh" thứ bảy

man? Is it his seventh chakra and, thus, his head center? Is it his seventh or atmic vehicle?

của con người là gì? Có phải đó là luân xa thứ bảy của y và như thế là trung tâm đầu? Có phải đó là vận cụ thứ bảy hay vận cụ atma của y không?

165. It becomes clear that we disciples need our gurus! At least this is so if certain occult processes are to be inaugurated and successfully sustained.

165. Rõ ràng là chúng ta, những đệ tử, cần các guru của mình! Ít nhất điều này là đúng nếu một số tiến trình huyền bí nào đó phải được khởi sự và được duy trì thành công.

166. A disciple's guru facilitates the disciple's awareness of that which transpires on planes higher than the systemic etheric-physical plane.

166. Guru của một đệ tử tạo điều kiện cho sự nhận biết của đệ tử về những gì diễn ra trên các cõi cao hơn cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống.

He makes certain events possible by means of the stimulation and protection of His aura, and He acts as a transmitter of electrical energy from the cosmic centre. We must be careful to hold this analogy very lightly, for the real work accomplished cannot be grasped by man.

Ngài làm cho một số biến cố trở nên khả hữu nhờ sự kích thích và che chở của hào quang của Ngài, và Ngài hành động như một tác nhân truyền dẫn năng lượng điện từ trung tâm vũ trụ. Chúng ta phải cẩn trọng khi nắm giữ phép loại suy này thật nhẹ nhàng, vì công việc thực sự được hoàn thành không thể được con người lĩnh hội.

167. The words "cosmic centre" have now been used a few times.

167. Các từ "trung tâm vũ trụ" nay đã được dùng vài lần.

a. When discussing cosmic avatars the words "our cosmic centre" was used and can reasonably be supposed to suggest the Pleiades.

a. Khi bàn về các Avatar vũ trụ, các từ "trung tâm vũ trụ của chúng ta" đã được dùng và có thể được giả định một cách hợp lý là ám chỉ Pleiades.

b. Here one of the Rishis of the Great Bear (the Rishi which is prototypical to any particular Planetary Logos) is called a "cosmic centre" and that which comes forth from it is a *solar* avatar and not a *cosmic* avatar. We remember that the third star in the Great Bear was given as the source of a *cosmic* avatar.

b. Ở đây, một trong các vị Rishi của Đại Hùng Tinh (vị Rishi là nguyên mẫu của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế cụ thể nào) được gọi là một "trung tâm vũ trụ", và điều xuất phát từ đó là một *solar* Avatar chứ không phải một *vũ trụ* Avatar. Chúng ta nhớ rằng ngôi sao thứ ba trong Đại Hùng Tinh đã được nêu là nguồn của một *vũ trụ* Avatar.

168. This type of solar avatar conveys "electrical energy" from the particular Rishi in question.

168. Loại solar Avatar này chuyển tải "năng lượng điện" từ vị Rishi đặc thù đang được nói đến.

169. Note the Tibetan's suggestion that we hold an analogy "lightly". This is very sound advice. There are loose analogies and tight ones. When we know very little of the higher member an analogical dyad, it is wise to hold the analogy lightly or loosely.

169. Hãy lưu ý gợi ý của Chân sư Tây Tạng rằng chúng ta nên nắm giữ một phép loại suy "một cách nhẹ nhàng". Đây là lời khuyên rất xác đáng. Có những phép loại suy lỏng và những phép loại suy chặt. Khi chúng ta biết rất ít về thành phần cao hơn của một cặp loại suy, thì khôn ngoan là nên nắm giữ phép loại suy ấy một cách nhẹ hay lỏng.

170. When a disciple's guru focuses upon or within a seventh point within the disciple's energy system, with what source or energy system is the guru allowing the disciple to be connected?

170. Khi guru của một đệ tử tập trung vào hay bên trong một điểm thứ bảy trong hệ thống năng lượng của đệ tử, thì guru đang cho phép đệ tử được nối kết với nguồn hay hệ thống năng lượng nào?

This avatar has naturally a direct effect upon the centres of the Heavenly Man and therefore upon the units or human Monads, but only indirectly and upon the Monad on its own plane.

Ảnh hưởng này tự nhiên có tác động trực tiếp lên các trung tâm của Đấng Thiên Nhân và do đó lên các đơn vị hay các chân thần nhân loại, nhưng chỉ gián tiếp và lên chân thần trên chính cõi của nó.

171. Here we speak of the effect of this type of avatar—

171. Ở đây chúng ta nói về tác động của loại Avatar này—

a. Upon the centres of a Heavenly Man

a. Lên các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân

b. Upon the units or human Monads who comprise such centers (including, we may presume, certain deva Monads who also go to the constitution of the centers of a Heavenly Man)

b. Lên các đơn vị hay các chân thần nhân loại cấu thành nên các trung tâm ấy (bao gồm, như chúng ta có thể giả định, một số chân thần thiên thần cũng góp phần vào cấu tạo các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân)

172. DK says something very interesting here. Usually He tells us that the centers of a Heavenly Man are found on the fourth ether. To suppose this is the case is not analogically

172. Chân sư DK nói điều gì đó rất thú vị ở đây. Thông thường Ngài cho chúng ta biết rằng các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân được tìm thấy trên dĩ thái thứ tư. Giả định như thế không thật nghiêm ngặt về

rigorous, because man has some of His centers on the third, second and first ethers.

173. Nevertheless, the Monad on its own plane is expressing though the second cosmic ether. DK seems to be telling us that this type of solar avatar does not have an effect upon the second cosmic ether where the Monads are focussed, but only on lower ethers (for instance the fourth) whereon the centers of the Heavenly Man may be found—according to the way DK usually describes their location).

174. We do know that human Monads (as the members of the Fourth Creative Hierarchy) tend to express themselves upon the fourth cosmic ether (as the Tabulation in Esoteric Astrology, 35, shows). Thus, these Monads are units within the centers of the Heavenly Man which express on the buddhic plane. There are also, however, higher centers upon the monadic plane, where man in his true monadic nature is focussed. What are these centers? Are we justified in calling them centers in a Planetary Logos? Or are they centers in a Solar Logos?

175. When we look at Chart VIII, TCF 823, and see that man has chakras on all four systemic ethers, are we justified in thinking that both Planetary Logoi and Solar Logoi have chakras on more cosmic ethers than only the fourth, or that only *Solar* Logoi have chakras on more than the fourth cosmic ether?

176. These are deep questions not easily resolved. We seek an answer which

mặt loại suy, vì con người có một số trung tâm của y trên dĩ thái thứ ba, thứ hai và thứ nhất.

173. Tuy nhiên, chân thần trên chính cõi của nó đang biểu lộ qua dĩ thái vũ trụ thứ hai. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng loại solar Avatar này không có tác động lên dĩ thái vũ trụ thứ hai nơi các chân thần được tập trung, mà chỉ lên các dĩ thái thấp hơn (chẳng hạn dĩ thái thứ tư), nơi các trung tâm của Đấng Thiên Nhân có thể được tìm thấy—theo cách Chân sư DK thường mô tả vị trí của chúng).

174. Chúng ta biết rằng các chân thần nhân loại (với tư cách là thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư) có khuynh hướng biểu lộ trên dĩ thái vũ trụ thứ tư (như Bảng trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, 35, cho thấy). Vì vậy, các chân thần này là những đơn vị bên trong các trung tâm của Đấng Thiên Nhân biểu lộ trên cõi Bồ đề. Tuy nhiên, cũng có những trung tâm cao hơn trên cõi chân thần, nơi con người trong bản chất chân thần đích thực của mình được tập trung. Những trung tâm này là gì? Chúng ta có chính đáng khi gọi chúng là các trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế không? Hay chúng là các trung tâm trong một Thái dương Thượng đế?

175. Khi chúng ta nhìn vào Biểu đồ VIII, TCF 823, và thấy rằng con người có các luân xa trên cả bốn dĩ thái của hệ thống, liệu chúng ta có chính đáng khi nghĩ rằng cả các Hành Tinh Thượng Đế lẫn các Thái dương Thượng đế đều có các luân xa trên nhiều dĩ thái vũ trụ hơn là chỉ dĩ thái thứ tư, hay chỉ có các *Thái dương* Thượng đế mới có các luân xa trên nhiều hơn dĩ thái vũ trụ thứ tư?

176. Đây là những câu hỏi sâu xa không dễ giải quyết. Chúng ta tìm kiếm một câu trả lời

preserves analogical symmetry. In some ways, it simply does not make sense that a Planetary Logos or Solar Logos would have chakras *only* on the *fourth* cosmic ether and not on at least some of the other cosmic ethers. Man has chakras on *all* the *systemic* ethers.

bảo toàn tính đối xứng loại suy. Theo một số phương diện, thật đơn giản là không hợp lý khi một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế lại có các luân xa *chỉ* trên dĩ thái vũ trụ *thứ tư* mà không có trên ít nhất một số dĩ thái vũ trụ khác. Con người có các luân xa trên *tất cả* các dĩ thái *của hệ thống*.

177. When, in other section of text, DK tells us that human and deva Monads go to the constitution of the centers of a Planetary Logos, He may not only be referencing those centers which are found on the monadic plane, but, rather, on lower planes such as the buddhic plane.

177. Khi, trong phần khác của văn bản, Chân sư DK nói với chúng ta rằng các chân thần người và thiên thần góp phần vào cấu tạo các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế, có thể Ngài không chỉ quy chiếu đến những trung tâm được tìm thấy trên cõi chân thần, mà đúng hơn là trên các cõi thấp hơn như cõi Bồ đề.

178. The human Monad has its extensions and it may also be these extensions which are said to go to the constitution of the centers of a Planetary Logos.

178. Chân thần nhân loại có những phần mở rộng của nó, và cũng có thể chính những phần mở rộng này được nói là góp phần vào cấu tạo các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế.

This influence meets with little response from the Monad until after the third Initiation when its conscious life becomes so strong that it grips afresh its egoic expression in one direction, and **awakens to planetary realisation** in another.

Ảnh hưởng này ít gặp được sự đáp ứng từ chân thần cho đến sau lần điểm đạo thứ ba, khi sự sống có ý thức của nó trở nên mạnh đến mức nó nắm lại biểu hiện chân ngã của mình theo một hướng, và **thức tỉnh đối với sự chứng nghiệm hành tinh** theo một hướng khác.

179. Now, are we talking about the Monad in expression on lower planes or about the Monad on its own plane? In this context, it would seem that we are speaking of the Monad on its own plane, the second, acting (through the spiritual triad and perhaps directly) in relation to its egoic expression on the higher mental plane. This means that at the third initiation of man, this type of solar avatar has a more direct effect upon the Monad on its own plane.

179. Vậy bây giờ, chúng ta đang nói về chân thần đang biểu lộ trên các cõi thấp hơn hay về chân thần trên chính cõi của nó? Trong ngữ cảnh này, dường như chúng ta đang nói về chân thần trên chính cõi của nó, cõi thứ hai, đang hành động (qua Tam Nguyên Tinh Thần và có lẽ trực tiếp) trong liên hệ với biểu hiện chân ngã của nó trên Cõi thượng trí. Điều này có nghĩa là vào lần điểm đạo thứ ba của con người, loại solar Avatar này có tác động trực tiếp hơn lên chân thần trên chính cõi của nó.

180. We note that the Monad has "conscious life" and that this conscious life can change, become stronger. This hardly fits with the thought that the Monad is a kind of 'passive essence'.

180. Chúng ta lưu ý rằng chân thần có "sự sống có ý thức" và sự sống có ý thức này có thể thay đổi, có thể trở nên mạnh hơn. Điều này hầu như không phù hợp với ý nghĩ rằng chân thần là một loại "tinh chất thụ động".

181. Something definitely happens to the Monad at the third initiation. In one respect, it simply becomes more conscious.

181. Chắc chắn có điều gì đó xảy ra với chân thần vào lần điểm đạo thứ ba. Ở một phương diện, nó đơn giản là trở nên có ý thức hơn.

182. It grips its egoic vehicle (which itself, has gripped the personality vehicles) and also reaches towards greater identification with the planetary life. It looks in two directions simultaneously. The Monad becomes, metaphorically, "Janus", the two-headed god.

182. Nó nắm lấy vận cụ chân ngã của nó (mà chính vận cụ này đã nắm lấy các vận cụ phàm ngã) và cũng vươn tới sự đồng hoá lớn hơn với sự sống hành tinh. Nó nhìn theo hai hướng cùng một lúc. Chân thần trở thành, theo nghĩa ẩn dụ, "Janus", vị thần hai đầu.

183. In any case, at the third initiation, this type of solar avatar has a stronger influence on the Monad (whether the Monad in expression on triadal planes or the Monad on its own plane).

183. Dù sao đi nữa, vào lần điểm đạo thứ ba, loại solar Avatar này có ảnh hưởng mạnh hơn lên chân thần (dù là chân thần đang biểu lộ trên các cõi tam nguyên tinh thần hay chân thần trên chính cõi của nó).

184. Reviewing—Monads express upon the fourth cosmic ether and focus "on their own plane" on the second cosmic ether.

184. Tóm lại—các chân thần biểu lộ trên dĩ thái vũ trụ thứ tư và tập trung "trên chính cõi của chúng" trên dĩ thái vũ trụ thứ hai.

This type of avatar appears only at the time of the initiation of a planetary Logos.

Loại Avatar này chỉ xuất hiện vào lúc điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế.

185. DK reaffirms the point.

185. Chân sư DK tái khẳng định điểm này.

The number of initiations taken by a planetary Logos in this system vary from two to four.

Số lần điểm đạo mà một Hành Tinh Thượng Đế thọ nhận trong hệ thống này biến thiên từ hai đến bốn.

186. This is a dynamite 'sleeper sentence' which holds the clue to a number of other mysteries.

186. Đây là một câu "ngủ yên" mang tính bùng nổ, chứa chìa khóa cho một số huyền nhiệm khác.

187. It does not mean that all Planetary Logoi have *at this point* taken from two to four initiations, but that, *during the duration of the solar system,* from two to four initiations will be taken by such Logoi.

187. Điều đó không có nghĩa là tất cả các Hành Tinh Thượng Đế *ở thời điểm này* đã thọ nhận từ hai đến bốn lần điểm đạo, mà là *trong suốt thời gian tồn tại của hệ mặt trời,* các Logos như thế sẽ thọ nhận từ hai đến bốn lần điểm đạo.

188. We co not know whether DK means *cosmic* initiations or initiations which are part of a series of seven (cf. TCF 384)

188. Chúng ta không biết liệu Chân sư DK muốn nói đến các điểm đạo *vũ trụ* hay các điểm đạo thuộc về một chuỗi bảy lần điểm đạo (x. TCF 384)

189. As discussed in earlier commentaries, our Planetary Logos has seven initiations for "objective" and the second cosmic initiation is His "goal".

189. Như đã bàn trong các phần bình luận trước, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có bảy lần điểm đạo làm "mục tiêu", và lần điểm đạo vũ trụ thứ hai là "đích đến" của Ngài.

190. Of our Solar Logos, it is said that He has nine initiations for "objective" and the third cosmic initiation for His "goal".

190. Về Thái dương Thượng đế của chúng ta, có nói rằng Ngài có chín lần điểm đạo làm "mục tiêu" và lần điểm đạo vũ trụ thứ ba là "đích đến" của Ngài.

191. We have suggested that the series of seven or nine are not "cosmic" but, rather, intra-planetary or intra-solar initiations taking place through planetary chains and 'solar chains' (another way of referring to planetary *schemes*).

191. Chúng ta đã gợi ý rằng chuỗi bảy hay chín lần điểm đạo ấy không phải là "vũ trụ" mà đúng hơn là các điểm đạo nội-hành tinh hay nội-thái dương diễn ra qua các dãy hành tinh và các 'dãy thái dương' (một cách khác để chỉ các *hệ hành tinh*).

192. We assume that DK is discussing objectives and goals for *this* solar system or this particular incarnation of our Planetary Logos and Solar Logos.

192. Chúng ta giả định rằng Chân sư DK đang bàn về các mục tiêu và đích đến cho *hệ mặt trời này* hay cho lần lâm phàm đặc thù này của Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế của chúng ta.

193. If the series designated as having seven or nine initiations extended into the next solar system we would have to interpret the matter entirely differently.

193. Nếu chuỗi được chỉ định là có bảy hay chín lần điểm đạo kéo dài sang hệ mặt trời kế tiếp, thì chúng ta sẽ phải diễn giải vấn đề theo một cách hoàn toàn khác.

194. We have to be very careful about how we interpret the thought that the number of initiations to be taken by a Planetary Logos in this system vary from two to four. This may mean:

a. Two to four *cosmic* initiations

b. Or between two and four of *any* of those initiations taken in a series of seven

c. Or the second, third or fourth cosmic initiations

d. Or only the second through fourth initiations in a series of seven

195. We will have to determine whether DK is speaking of:

a. Initiations designated by a certain number (i.e., the second initiation, the third initiation, the fourth initiation etc.)

b. A specific *number* of initiations—the taking of two initiation, the taking of three initiation, the taking of four initiation, etc.

196. The second option seems far more reasonable and likely.

197. Our Planetary Logos is taking His *fourth* in a series of seven lesser initiations and has the *second* cosmic initiation as His goal. Applying this important sentence to our Planetary Logos, the following diverse thoughts emerge:

194. Chúng ta phải hết sức cẩn trọng trong cách diễn giải ý tưởng rằng số lần điểm đạo mà một Hành Tinh Thượng Đế sẽ thọ nhận trong hệ thống này biến thiên từ hai đến bốn. Điều này có thể có nghĩa là:

a. Từ hai đến bốn lần điểm đạo *vũ trụ*

b. Hoặc từ hai đến bốn của *bất kỳ* những lần điểm đạo nào được thọ nhận trong một chuỗi bảy lần

c. Hoặc các lần điểm đạo vũ trụ thứ hai, thứ ba hay thứ tư

d. Hoặc chỉ các lần điểm đạo thứ hai đến thứ tư trong một chuỗi bảy lần

195. Chúng ta sẽ phải xác định xem Chân sư DK đang nói về:

a. Các lần điểm đạo được chỉ định bằng một số thứ tự nhất định (tức là lần điểm đạo thứ hai, lần điểm đạo thứ ba, lần điểm đạo thứ tư, v.v.)

b. Một *số lượng* cụ thể các lần điểm đạo—việc thọ nhận hai lần điểm đạo, ba lần điểm đạo, bốn lần điểm đạo, v.v.

196. Phương án thứ hai có vẻ hợp lý và khả dĩ hơn nhiều.

197. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang thọ nhận lần điểm đạo *thứ tư* của Ngài trong một chuỗi bảy lần điểm đạo nhỏ hơn và có lần điểm đạo vũ trụ *thứ hai* làm đích đến của Ngài. Khi áp dụng câu quan trọng này cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, những ý nghĩ đa dạng sau đây xuất hiện:

a. Our Planetary Logos is taking His fourth initiation in a series of seven and therefore will not take any more initiations in this series during this system. This would suggest that He had taken the first initiation in this series of seven in *this* solar system. This option (listed under point "a." is highly unlikely. It is reasonable that more initiations in the series of seven lie ahead.

a. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang thọ nhận lần điểm đạo thứ tư của Ngài trong một chuỗi bảy lần, và do đó sẽ không thọ nhận thêm lần điểm đạo nào nữa trong chuỗi này trong hệ thống này. Điều này gợi ý rằng Ngài đã thọ nhận lần điểm đạo thứ nhất trong chuỗi bảy lần này trong hệ mặt trời *này*. Phương án này (được liệt kê dưới điểm "a.") rất khó có khả năng đúng. Hợp lý hơn là vẫn còn những lần điểm đạo khác trong chuỗi bảy lần ở phía trước.

b. Our Planetary Logos may take from two to four initiations in the series of seven in this solar system. We do not know whether the fourth initiation He is on the verge of taking is the *first* one He is taking in this system (doubtful) but, in any case, He can only take from two to four initiations. (This is possible as long as the requisite number of *cosmic* initiations can be taken and we do not know what that requisite number is. We also do not know the formula relating the lesser initiations to the cosmic initiations, or whether these two types of initiations are taken in a simultaneous, interleaved or sequential manner:

b. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể thọ nhận từ hai đến bốn lần điểm đạo trong chuỗi bảy lần trong hệ mặt trời này. Chúng ta không biết liệu lần điểm đạo thứ tư mà Ngài sắp thọ nhận có phải là lần *đầu tiên* Ngài thọ nhận trong hệ thống này hay không (điều này đáng nghi), nhưng dù sao đi nữa, Ngài chỉ có thể thọ nhận từ hai đến bốn lần điểm đạo. (Điều này là có thể miễn là số lần điểm đạo *vũ trụ* cần thiết có thể được thọ nhận, và chúng ta không biết số cần thiết ấy là bao nhiêu. Chúng ta cũng không biết công thức liên hệ các lần điểm đạo nhỏ hơn với các lần điểm đạo vũ trụ, hay liệu hai loại điểm đạo này được thọ nhận theo cách đồng thời, xen kẽ hay tuần tự:

i. Simultaneous manner: for instance, the fifth lesser initiation and second cosmic initiation be taken simultaneously

i. Theo cách đồng thời: chẳng hạn, lần điểm đạo nhỏ thứ năm và lần điểm đạo vũ trụ thứ hai được thọ nhận đồng thời

ii. Interleaved manner: for instance, the fifth lesser initiation is taken either before or after the second cosmic initiation. Both the second cosmic and fifth cosmic initiations are impending.

ii. Theo cách xen kẽ: chẳng hạn, lần điểm đạo nhỏ thứ năm được thọ nhận hoặc trước hoặc sau lần điểm đạo vũ trụ thứ hai. Cả lần điểm đạo vũ trụ thứ hai lẫn lần điểm đạo vũ trụ thứ năm đều đang cận kề.

iii. Sequential manner: all seven lesser initiations be taken *before* the second cosmic initiation can be taken

iii. Theo cách tuần tự: cả bảy lần điểm đạo nhỏ đều được thọ nhận *trước khi* lần điểm đạo vũ trụ thứ hai có thể được thọ nhận

c. Our Planetary Logos has not yet taken His second cosmic initiation but it is possible for Him to take also the third and fourth cosmic initiation in this solar system, especially if His *first* cosmic initiation was also taken in this solar system.

c. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chưa thọ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai của Ngài, nhưng Ngài cũng có thể thọ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba và thứ tư trong hệ mặt trời này, đặc biệt nếu lần điểm đạo vũ trụ *thứ nhất* của Ngài cũng đã được thọ nhận trong hệ mặt trời này.

d. If our Planetary Logos' second cosmic initiation is the first cosmic initiation He will be taking in this solar system, then it is also possible that He could take His *fifth* cosmic initiation in *this* solar system. This would fit well if our Planetary Logos is to stand for the base of the spine center of our Solar Logos and our Solar Logos it to take *His* fifth cosmic initiation in this solar system (as is sometime suggested).

d. Nếu lần điểm đạo vũ trụ thứ hai của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là lần điểm đạo vũ trụ đầu tiên mà Ngài sẽ thọ nhận trong hệ mặt trời này, thì cũng có thể Ngài sẽ thọ nhận lần điểm đạo vũ trụ *thứ năm* của Ngài trong *hệ mặt trời* này. Điều này sẽ rất phù hợp nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tượng trưng cho trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế của chúng ta và nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ thọ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ năm của *Ngài* trong hệ mặt trời này (như đôi khi được gợi ý).

198. As we see, much depends on whether, when we read of two to four initiations we think:

198. Như chúng ta thấy, nhiều điều phụ thuộc vào việc khi đọc về từ hai đến bốn lần điểm đạo, chúng ta nghĩ rằng:

a. This number applies to the second, third and fourth initiations (far less likely)

a. Con số này áp dụng cho các lần điểm đạo thứ hai, thứ ba và thứ tư (ít có khả năng hơn nhiều)

b. This number simply tells *how **many** initiations* a Planetary Logos may take in a particular solar system (more likely)

b. Con số này đơn giản cho biết *một Hành Tinh Thượng Đế có thể thọ nhận **bao nhiêu** lần điểm đạo* trong một hệ mặt trời nhất định (có khả năng hơn)

199. If the second and more likely option is correct, it appears that a Planetary Logos, just as is the case for a man, may make more or less progress according to His efforts.

199. Nếu phương án thứ hai và có khả năng hơn là đúng, thì có vẻ như một Hành Tinh Thượng Đế, cũng như trường hợp của con người, có thể đạt nhiều hay ít tiến bộ hơn tùy theo nỗ lực của Ngài.

200. If a Planetary Logos made less progress, however, it would seem to limit the possible

200. Tuy nhiên, nếu một Hành Tinh Thượng Đế đạt ít tiến bộ hơn, thì điều đó dường như

progress of the Solar Logos. If our Solar Logos is actually to take His fifth *major* initiation (as is suggested on TCF 605)

sẽ giới hạn sự tiến bộ khả hữu của Thái dương Thượng đế. Nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta thực sự sẽ thọ nhận lần điểm đạo *lớn* thứ năm của Ngài (như được gợi ý ở TCF 605)

The 5th Mahamanvantara (or solar system)The solar Logos achieves His fifth major Initiation. (TCF 605)

Đại giai kỳ sinh hóa thứ 5 (hay hệ mặt trời)Thái dương Thượng đế đạt lần điểm đạo lớn thứ năm của Ngài. (TCF 605)

then our planetary scheme (which is often designated as the solar logoic base of the spine center) would have to have developed sufficiently to serve in that function. Conceivably, this would require the fifth *major* initiation of the planetary scheme, and would mean that the number of initiations (from two to four) would refer to *cosmic* initiations.

thì hệ hành tinh của chúng ta (thường được chỉ định là trung tâm đáy cột sống logoic thái dương) hẳn phải đã phát triển đủ để phụng sự trong chức năng đó. Có thể hình dung rằng điều này sẽ đòi hỏi lần điểm đạo *lớn* thứ năm của hệ hành tinh, và sẽ có nghĩa rằng số lần điểm đạo (từ hai đến bốn) sẽ quy chiếu đến các lần điểm đạo *vũ trụ*.

201. The matter under consideration is intricate. While we can be sure that the sentence in question has great interpretive value, we cannot be exactly sure how to apply it.

201. Vấn đề đang được xem xét là phức tạp. Dù chúng ta có thể chắc chắn rằng câu đang bàn có giá trị diễn giải lớn lao, chúng ta không thể hoàn toàn chắc chắn phải áp dụng nó như thế nào.

202. Since, for instance, our Planetary Logos has seven chains in His scheme, it is likely that *in this system* He will take an initiation on each of these chains. This probably accounts for the series of seven initiations which appear to be of a lesser kind.

202. Chẳng hạn, vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có bảy dãy trong hệ hành tinh của Ngài, nên có khả năng là *trong hệ thống này* Ngài sẽ thọ nhận một lần điểm đạo trên mỗi dãy ấy. Điều này có lẽ giải thích cho chuỗi bảy lần điểm đạo dường như thuộc loại nhỏ hơn.

203. We are deducing that the words "from two to four initiations" probably refer to *cosmic* initiations.

203. Chúng ta đang suy luận rằng các từ "từ hai đến bốn lần điểm đạo" có lẽ quy chiếu đến các lần điểm đạo *vũ trụ*.

204. Our Solar Logos is due to take cosmic initiations three and four, and perhaps, five. We note that DK did not tell us how many initiations our *Solar* Logos could take in this solar system. The number, apparently, is

204. Thái dương Thượng đế của chúng ta dự định sẽ thọ nhận các lần điểm đạo vũ trụ thứ ba và thứ tư, và có lẽ cả thứ năm. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không cho chúng ta biết Thái dương Thượng đế *của chúng ta* có

variable, as one reference suggests that the fourth initiation is His goal and the other the fifth.

thể thọ nhận bao nhiêu lần điểm đạo trong hệ mặt trời này. Con số ấy, hiển nhiên, là biến thiên, vì một tài liệu gợi ý rằng lần điểm đạo thứ tư là đích đến của Ngài, còn tài liệu kia là lần thứ năm.

Then, in a dual synthesis, they will pass on into the third system, that in which the Power aspect is developed, and the head centres will be complete. This achieved, our Logos has triumphed, and measured up to the sixth cosmic Initiation, **just as He should measure up in this system to the fourth.** (TCF 590)

Rồi, trong một sự tổng hợp kép, Các Ngài sẽ đi vào hệ thống thứ ba, hệ thống trong đó Phương diện Quyền năng được phát triển, và các trung tâm đầu sẽ hoàn tất. Khi điều này đạt được, Logos của chúng ta đã toàn thắng, và đạt đến lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu, **cũng như Ngài phải đạt đến lần thứ tư trong hệ thống này.** (TCF 590)

205. It may be that the schemes of a Solar Logos are numbered as *nine* with the tenth scheme related to the first. As for the series of nine initiations which are the "objective" of a Solar Logos, it is likely that they have something to do with initiations *through the schemes* of His solar system—at least through the better known schemes.

205. Có thể các hệ hành tinh của một Thái dương Thượng đế được đánh số là *chín*, với hệ hành tinh thứ mười liên hệ với hệ thứ nhất. Còn về chuỗi chín lần điểm đạo là "mục tiêu" của một Thái dương Thượng đế, có khả năng chúng có liên hệ nào đó với các lần điểm đạo *qua các hệ hành tinh* của hệ mặt trời của Ngài—ít nhất là qua các hệ hành tinh được biết đến nhiều hơn.

206. It may well be the case that the cosmic initiations which apply to a Planetary Logos are not the same kind of cosmic initiations which apply to a Solar Logos.

206. Rất có thể các điểm đạo vũ trụ áp dụng cho một Hành Tinh Thượng Đế không cùng loại với các điểm đạo vũ trụ áp dụng cho một Thái dương Thượng đế.

207. We can see how much questioning can arise from the simple sentence—

207. Chúng ta có thể thấy biết bao câu hỏi có thể phát sinh từ câu đơn giản này—

The number of initiations taken by a planetary Logos in this system vary from two to four.

Số lần điểm đạo mà một Hành Tinh Thượng Đế thọ nhận trong hệ thống này biến thiên từ hai đến bốn.

3. ***Interplanetary Avatars.*** A very interesting group of avatars is here to be found. They are mainly concerned with three things: **first with the superintendence of the transfer of force units or *egoic* groups from one**

3. ***Các Avatar Liên Hành Tinh.*** Có thể tìm thấy ở đây một nhóm Avatar rất thú vị. Các Ngài chủ yếu liên quan đến ba điều: **thứ nhất là giám sát sự chuyển dịch các đơn vị lực hay các nhóm *chân ngã* từ hệ hành tinh này**

scheme to another (not with individual units from chain to chain).

208. By their name, we infer that these avatars move *between* planets or promote processes which occur *between* planets.

209. DK begins to list their functions:

210. The first function is the "superintendence of the transfer of force units or *egoic* groups from one scheme to another". This is a *systemic* function and not an internal or *intra*-planetary process.

211. We note that individual units of life can be transferred from chain to chain but that *groups* of force units are transferred from scheme to scheme—unless, by the term "force units" DK means *individual* units.

212. We will list the functions as we proceed.

They **appear usually twice in the history of a scheme**, and though unable to take physical bodies of grosser material than those formed of atmic and the buddhic substance,

213. We recall that some of the higher avatars (for instance, cosmic avatars) could descend no lower than the logoic and monadic systemic planes.

214. As we are discussing avatars of lower calibre than cosmic or solar avatars (though still very great from our perspective), the

sang hệ hành tinh khác (không phải các đơn vị cá biệt từ dãy này sang dãy khác).

208. Từ tên gọi của các Ngài, chúng ta suy ra rằng các Avatar này di chuyển *giữa* các hành tinh hoặc thúc đẩy những tiến trình xảy ra *giữa* các hành tinh.

209. Chân sư DK bắt đầu liệt kê các chức năng của các Ngài:

210. Chức năng thứ nhất là "giám sát sự chuyển dịch các đơn vị lực hay các nhóm *chân ngã* từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác". Đây là một chức năng *của hệ thống* chứ không phải một tiến trình nội tại hay *nội*-hành tinh.

211. Chúng ta lưu ý rằng các đơn vị sự sống cá biệt có thể được chuyển dịch từ dãy này sang dãy khác, nhưng các *nhóm* đơn vị lực được chuyển dịch từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác—trừ phi, bởi thuật ngữ "đơn vị lực", Chân sư DK muốn nói đến các đơn vị *cá biệt*.

212. Chúng ta sẽ liệt kê các chức năng khi tiếp tục.

Các Ngài **thường xuất hiện hai lần trong lịch sử của một hệ hành tinh**, và dù không thể mang các thể hồng trần bằng chất liệu thô nặng hơn những thể được tạo thành từ chất liệu atma và Bồ đề,

213. Chúng ta nhớ rằng một số Avatar cao hơn (chẳng hạn các Avatar vũ trụ) không thể giáng xuống thấp hơn các cõi logoic và chân thần của hệ thống.

214. Vì chúng ta đang bàn về các Avatar có cấp độ thấp hơn các Avatar vũ trụ hay thái dương (dù từ góc nhìn của chúng ta các Ngài

planes on which they focus (and from which they form their base of the spine) are lower than the systemic logoic and monadic planes.

vẫn rất vĩ đại), nên các cõi mà các Ngài tập trung trên đó (và từ đó hình thành đáy cột sống của mình) thấp hơn các cõi logoic và chân thần của hệ thống.

they work with impulse in mental matter and thus effect these group transfers.

các Ngài hoạt động với xung lực trong chất liệu trí tuệ và nhờ đó thực hiện các sự chuyển dịch nhóm này.

215. These inter-planetary avatars, focussed atmically and buddhically, work in mental matter and thus with the egoic groups on mental levels.

215. Các Avatar liên hành tinh này, được tập trung trên atma và Bồ đề, hoạt động trong chất liệu trí tuệ và do đó với các nhóm chân ngã trên các cấp trí tuệ.

216. DK indicates again that the transfers under consideration are *group* transfers.

216. Chân sư DK lại chỉ ra rằng các sự chuyển dịch đang được xét đến là các sự chuyển dịch *nhóm*.

217. We know that it is possible for human units to move from planet to planet (though, as indicated above, movement from chain to chain seems more probable—at least initially)

217. Chúng ta biết rằng các đơn vị nhân loại có thể di chuyển từ hành tinh này sang hành tinh khác (mặc dù, như đã chỉ ra ở trên, sự di chuyển từ dãy này sang dãy khác dường như có khả năng hơn—ít nhất là lúc đầu)

218. Those egoic lotuses we call “Primary Lotuses” have apparently come from the Vulcan scheme. (cf. TCF 841-842)

218. Những Hoa Sen Chân Ngã mà chúng ta gọi là “Primary Lotuses” hiển nhiên đã đến từ hệ hành tinh Vulcan. (x. TCF 841-842)

219. Those lotuses we call “Lotuses of Brahman” have, many of them, come in from Venus and Jupiter (cf. TCF 841)

219. Những hoa sen mà chúng ta gọi là “Lotuses of Brahman”, nhiều trong số đó, đã đến từ Sao Kim và Sao Mộc (x. TCF 841)

220. Perhaps it is these kinds of inter-planetary avatars which are responsible this movement.

220. Có lẽ chính các loại Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này chịu trách nhiệm cho sự vận động này.

221. We see below that these inter-planetary avatars are divided into three groups.

221. Dưới đây chúng ta thấy rằng các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này được chia thành ba nhóm.

222. We remember that we are still discussing the *first* function of the inter-planetary avatars.

222. Chúng ta nhớ rằng chúng ta vẫn đang bàn đến *chức năng thứ nhất* của các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh.

They Themselves are subdivided into three groups:

Chính Các Ngài được phân chia thành ba nhóm:

a. Those effecting the transfer from the minor schemes or Ray manifestations on to the third Ray;

a. Những vị thực hiện sự chuyển dịch từ các hệ hành tinh nhỏ hoặc các biểu hiện của cung sang cung ba;

223. The third ray must absorb all the minor rays. The third ray synthesizing planet must etherically absorb all the lesser planets (except, apparently, for Venus and Mercury which are neither minor nor major schemes).

223. cung ba phải hấp thu tất cả các cung nhỏ. Hành tinh tổng hợp cung ba phải hấp thu về mặt dĩ thái tất cả các hành tinh nhỏ hơn (ngoại trừ, dường như, Sao Kim và Sao Thủy, vốn không phải là các hệ nhỏ cũng không phải là các hệ lớn).

They concern Themselves with the result of the merging of the polar opposites in the four [Page 727] lesser schemes until but one is left;

Các Ngài quan tâm đến kết quả của sự hợp nhất các cực đối nghịch trong bốn [Page 727] hệ nhỏ hơn cho đến khi chỉ còn lại một;

224. This we discussed in Commentaries dealing with the planetary schemes, chains and globes.

224. Điều này chúng ta đã bàn đến trong các phần Bình Luận liên quan đến các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh.

225. Four schemes become two and two become one.

225. Bốn hệ trở thành hai và hai trở thành một.

226. That one is absorbed into the synthesizing scheme, Saturn, the principal third ray planet.

226. Cái một ấy được hấp thu vào hệ tổng hợp, Sao Thổ, hành tinh cung ba chủ yếu.

and then with the **transference of the life and quality of this remaining one** on to the third Ray

và rồi với sự **chuyển dịch sự sống và phẩm tính của cái còn lại này** sang cung ba

227. What is it really that is transferred in this *merging* process? We are not speaking of

227. Thực sự điều gì được chuyển dịch trong tiến trình *hợp nhất* này? Chúng ta không nói

one *physical* planet being absorbed by anther physical planet.

228. Earlier, it was suggested that merging planets might be in an *etheric* condition. This is possible.

229. In this instance, however, we read of "life and quality" being transferred. The life aspect is Spirit. Presumably, there is a kind of merging in Spirit.

230. However, when *quality* merges, what merges? Is it *soul* quality, or is it quality as it may exist in the subtle bodies of the Planetary Logos involved?

231. We can presume a kind of 'merging in soul', but perhaps also the merging of lesser qualities.

232. When this merging occurs does one of the merging Logoi retain its outer form and the other give up its form? We cannot know this.

233. If this is the case, however, then the life and quality of the lesser merging Logos would be transferred into the greater, receiving Logos and this greater Logos would retain its form while the form of the lesser Logos would not be retained.

234. As for where quality 'resides' before it is transferred, this must depend upon the stage of evolution of the lesser merging Logos. It may be that physical incarnation is over for the lesser merging Logos and that all quality resides in that Logos' egoic lotus.

về việc một hành tinh *hồng trần* bị hấp thu bởi một hành tinh hồng trần khác.

228. Trước đó, đã có gợi ý rằng các hành tinh đang hợp nhất có thể ở trong một trạng thái *dĩ thái*. Điều này là có thể.

229. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng ta đọc thấy "sự sống và phẩm tính" được chuyển dịch. Phương diện sự sống là tinh thần. Có lẽ có một loại hợp nhất trong tinh thần.

230. Tuy nhiên, khi *phẩm tính* hợp nhất, thì cái gì hợp nhất? Đó là phẩm tính của *linh hồn*, hay là phẩm tính như nó có thể tồn tại trong các thể vi tế của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ?

231. Chúng ta có thể giả định một loại "hợp nhất trong linh hồn", nhưng có lẽ cũng có sự hợp nhất của các phẩm tính thấp hơn.

232. Khi sự hợp nhất này xảy ra, có phải một trong các Thượng đế đang hợp nhất giữ lại hình tướng bên ngoài của mình còn vị kia từ bỏ hình tướng của mình không? Chúng ta không thể biết điều này.

233. Tuy nhiên, nếu đúng như vậy, thì sự sống và phẩm tính của Thượng đế nhỏ hơn đang hợp nhất sẽ được chuyển vào Thượng đế lớn hơn, tiếp nhận, và Thượng đế lớn hơn này sẽ giữ lại hình tướng của mình trong khi hình tướng của Thượng đế nhỏ hơn sẽ không được giữ lại.

234. Còn về việc phẩm tính "ngự" ở đâu trước khi được chuyển dịch, điều này hẳn phải tùy thuộc vào giai đoạn tiến hoá của Thượng đế nhỏ hơn đang hợp nhất. Có thể việc lâm phàm hồng trần đã chấm dứt đối với Thượng đế nhỏ hơn đang hợp nhất và

mọi phẩm tính đều ngự trong hoa sen chân ngã của Thượng đế ấy.

235. We know that one great egoic lotus can contain many lesser egoic lotuses. This may be the way in which merging is accomplished accompanied by the preservation of the planetary integrity of the lesser or absorbed Planetary Logos.

235. Chúng ta biết rằng một hoa sen chân ngã lớn có thể chứa nhiều hoa sen chân ngã nhỏ hơn. Đây có thể là cách mà sự hợp nhất được hoàn thành, đồng thời vẫn bảo toàn tính toàn vẹn hành tinh của Hành Tinh Thượng Đế nhỏ hơn hay đã bị hấp thu.

236. Of course, some merging may occur between Planetary Logoi who have *destroyed by fire their egoic lotus* (as would be the case of the Logos of a planetary scheme had taken the fourth *scheme* initiation). If this is the case, it is triadal principles and vehicles which would merge in the greater and receiving Logos.

236. Dĩ nhiên, một số sự hợp nhất có thể xảy ra giữa các Hành Tinh Thượng Đế đã *dùng lửa hủy diệt hoa sen chân ngã của mình* (như trường hợp của Thượng đế của một hệ hành tinh nếu đã trải qua lần điểm đạo thứ tư của *hệ*). Nếu đúng như vậy, thì các nguyên khí và các vận cụ tam nguyên tinh thần sẽ hợp nhất trong Thượng đế lớn hơn và tiếp nhận.

237. At the end of this solar system will the Logos of the Venus scheme have destroyed its causal body? Will this be so for the Planetary Logos of the Earth-scheme? If the Planetary Logos of the Earth-scheme had to fulfill a base of the spine center function (which would only be likely once its monadic ray had become not only effective but potent) then it is possible that the Planetary Logos of the Earth-scheme would have to have destroyed its causal body. On this we cannot speculate further.

237. Vào cuối hệ mặt trời này, Thượng đế của hệ Sao Kim có hủy diệt thể nguyên nhân của Ngài không? Điều này có đúng với Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu không? Nếu Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu phải hoàn thành một chức năng của trung tâm đáy cột sống (điều này chỉ có thể xảy ra khi cung chân thần của Ngài không những đã hữu hiệu mà còn đầy uy lực), thì có thể Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu sẽ phải hủy diệt thể nguyên nhân của Ngài. Về điều này chúng ta không thể suy đoán thêm.

238. We have already discussed the necessity, somehow, to maintain the integrity of the lesser merging Logos if there is to be *re-incarnation* of that Logos in the succeeding solar system.

238. Chúng ta đã bàn đến sự cần thiết, bằng cách nào đó, phải duy trì tính toàn vẹn của Thượng đế nhỏ hơn đang hợp nhất nếu muốn có sự *tái nhập thể* của Thượng đế ấy trong hệ mặt trời kế tiếp.

239. These questions again force us to return to the matter of whether the seven initiations which are the "objective" of a Planetary Logos *all* occur in *this* solar system or whether some of them are to occur in the

239. Những câu hỏi này lại buộc chúng ta quay về vấn đề liệu bảy lần điểm đạo là "mục tiêu" của một Hành Tinh Thượng Đế có phải *tất cả* đều xảy ra trong hệ mặt trời *này* hay không, hay một số trong đó sẽ xảy ra trong hệ mặt trời kế tiếp cùng với sự tái nhập thể

next solar system with the reincarnation of the Planetary Logos in *that* solar system.

240. And such questions would return us to the issues of whether minor or chain initiations and cosmic initiations are:

a. Simultaneous

b. Interleaved

c. Sequential (necessitating that all minor initiations in the series of seven be taken before the next and impending cosmic initiation can be taken). This option is beginning to look less likely. If a Solar Logos can take the fourth or fifth *major* initiation in this solar system, why cannot a Planetary Logos take the fourth or fifth *major* initiation (of the type of major or cosmic initiations it takes)?

b. Those dealing with the transference and interaction of the life forces between the three major Rays.

241. The synthesizing planets absorb the lesser planets, but at the end of the process of absorption, only one synthesizing planet is to remain.

242. When dealing with this type of inter-planetary avatar, probably we are dealing with a Hierarchy. Those who work with the lesser planets must be higher in the Hierarchy than those who work with the synthesizing planets.

c. Those producing the final systemic transfer at the end of the age.

của Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời *đó*.

240. Và những câu hỏi như thế sẽ lại đưa chúng ta trở về các vấn đề liệu các điểm đạo nhỏ hay điểm đạo dãy và các điểm đạo vũ trụ là:

a. Đồng thời

b. Xen kẽ

c. Tuần tự (đòi hỏi rằng tất cả các điểm đạo nhỏ trong chuỗi bảy phải được trải qua trước khi điểm đạo vũ trụ kế tiếp và sắp đến có thể được trải qua). Khả năng này bắt đầu có vẻ ít có khả năng hơn. Nếu một Thái dương Thượng đế có thể trải qua lần điểm đạo *lớn* thứ tư hay thứ năm trong hệ mặt trời này, thì tại sao một Hành Tinh Thượng Đế lại không thể trải qua lần điểm đạo *lớn* thứ tư hay thứ năm (thuộc loại điểm đạo lớn hay vũ trụ mà Ngài trải qua)?

b. Những vị xử lý sự chuyển dịch và tương tác của các lực sự sống giữa ba cung lớn.

241. Các hành tinh tổng hợp hấp thu các hành tinh nhỏ hơn, nhưng vào cuối tiến trình hấp thu, chỉ còn lại một hành tinh tổng hợp.

242. Khi bàn đến loại Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này, có lẽ chúng ta đang bàn đến một Huyền Giai Tinh Thần. Những vị làm việc với các hành tinh nhỏ hơn phải ở cấp cao hơn trong Thánh Đoàn so với những vị làm việc với các hành tinh tổng hợp.

c. Những vị tạo ra sự chuyển dịch hệ thống cuối cùng vào cuối thời đại.

243. We may presume that the "final systemic transfer" has to do with the transfer of egoic groups from the last remaining synthesizing planet to the Sun. This would be effected by the highest type of these inter-planetary avatars.

243. Chúng ta có thể giả định rằng "sự chuyển dịch hệ thống cuối cùng" liên quan đến việc chuyển các nhóm chân ngã từ hành tinh tổng hợp cuối cùng còn lại vào Mặt Trời. Điều này sẽ được thực hiện bởi loại cao nhất của các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này.

Secondly, certain **avatars** from the **fourth Creative Hierarchy**, for esoteric and for us inexplicable reasons, leave Their Own Hierarchy, and appear in one or other of the deva Hierarchies.

Thứ hai, một số **Đấng Hoá Thân** từ **Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư**, vì những lý do huyền bí và đối với chúng ta là không thể giải thích, rời bỏ Huyền Giai của Chính Các Ngài, và xuất hiện trong một hay một Huyền Giai thiên thần khác.

244. Thus to appear would indicate that they had to be transferred, which seems to be one of the specialized functions of inter-planetary avatars.

244. Việc xuất hiện như thế cho thấy rằng các vị ấy phải được chuyển dịch, điều dường như là một trong những chức năng chuyên biệt của các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh.

245. We remember that the Fourth Creative Hierarchy is the Hierarchy of human Monads.

245. Chúng ta nhớ rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là Huyền Giai của các chân thần nhân loại.

246. Which are the comparable Hierarchies in which they could appear? We are not speaking of the Hierarchy of Solar Angels, nor of Hierarchies higher Fourth Creative Hierarchy. If these members of the Fourth Creative Hierarchy are to serve an avataric function, the transfer would have to be to a deva Hierarchy *lower* than the Fourth Creative Hierarchy.

246. Những Huyền Giai tương ứng mà trong đó các vị ấy có thể xuất hiện là những Huyền Giai nào? Chúng ta không nói đến Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần, cũng không nói đến các Huyền Giai cao hơn Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Nếu các thành viên này của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư phải phụng sự một chức năng avatar, thì sự chuyển dịch phải là sang một Huyền Giai thiên thần *thấp hơn* Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

This happens only once in the history of each scheme and occurs **at the time of its densest physical appearance**, and **has relation to the transference of deva impulse from one scheme to another**.

Điều này chỉ xảy ra một lần trong lịch sử của mỗi hệ và diễn ra **vào lúc sắc tướng hồng trần đậm đặc nhất của nó**, và **có liên hệ đến sự chuyển dịch xung lực thiên thần từ hệ này sang hệ khác**.

247. The first function of the inter-planetary avatars was to supervise transfer of egoic groups from scheme to scheme

247. Chức năng thứ nhất của các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh là giám sát việc chuyển các nhóm chân ngã từ hệ này sang hệ khác

248. Their second function *appears* to be to assist certain "avatars" from the Fourth Creative Hierarchy to appear in one or other of the deva Hierarchies—presumably a *lower* Creative Hierarchy.

248. Chức năng thứ hai của các Ngài *dường như* là trợ giúp một số "Đấng Hoá Thân" từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư xuất hiện trong một hay một Huyền Giai thiên thần khác—có lẽ là một Huyền Giai Sáng Tạo *thấp hơn*.

249. We do still seem to be speaking of a *superintending function* which these inter-planetary avatars express.

249. Dường như chúng ta vẫn đang nói đến một *chức năng giám quản* mà các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này biểu lộ.

250. It is unlikely that we are speaking of avatars of the Fourth Creative Hierarchy as being inter-planetary avatars, but it is possible. Such avatars from the Fourth Creative Hierarchy would be, so it seems, of too low a status to be inter-planetary avatars.

250. Khó có khả năng là chúng ta đang nói đến các Đấng Hoá Thân của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư như là các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh, nhưng điều đó vẫn có thể. Những Đấng Hoá Thân như thế từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư dường như có địa vị quá thấp để là các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh.

251. It appears, at least, that we are speaking of the transfer of "avatars" from the Fourth Creative Hierarchy and not about the transfer of egoic groups, as in the first instance.

251. Ít nhất, có vẻ như chúng ta đang nói đến sự chuyển dịch các "Đấng Hoá Thân" từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư chứ không phải về sự chuyển dịch các nhóm chân ngã như trong trường hợp thứ nhất.

252. The matter is obscure. We do not know whether this happens *during* the time that a planet has its densest physical appearance or exactly at the time that that densest physical appearance appears.

252. Vấn đề này mơ hồ. Chúng ta không biết liệu điều này xảy ra *trong suốt* thời gian một hành tinh có sắc tướng hồng trần đậm đặc nhất của nó hay chính xác vào lúc sắc tướng hồng trần đậm đặc nhất ấy xuất hiện.

253. We are, however, in such a time. The densest physical appearance of our planetary scheme is now in process and so such a process may be occurring at this time.

253. Tuy nhiên, chúng ta đang ở trong một thời kỳ như vậy. Sắc tướng hồng trần đậm đặc nhất của hệ hành tinh chúng ta hiện đang trong tiến trình biểu lộ, và vì thế một tiến trình như vậy có thể đang diễn ra vào lúc này.

They are connected in this way with the appearance of the self-conscious units, **being the primal embodiment of the latent self-consciousness of the atom of deva substance.** They set the type for the devas of any particular scheme.

Theo cách này, các Ngài có liên hệ với sự xuất hiện của các đơn vị ngã thức, **là hiện thân nguyên sơ của ngã thức tiềm ẩn trong nguyên tử của chất liệu thiên thần.** Các Ngài đặt ra kiểu mẫu cho các thiên thần của bất kỳ hệ nào.

254. Yes—extremely obscure.

254. Đúng vậy—cực kỳ mơ hồ.

255. What do these avatars do and with what are they concerned:

255. Những Đấng Hoá Thân này làm gì và quan tâm đến điều gì:

a. They are connected with the appearance of self-conscious units

a. Các Ngài có liên hệ với sự xuất hiện của các đơn vị ngã thức

b. They are the primal embodiment of the latent self-consciousness of the atom of deva substance

b. Các Ngài là hiện thân nguyên sơ của ngã thức tiềm ẩn trong nguyên tử của chất liệu thiên thần

c. They set the type for the devas of any particular scheme

c. Các Ngài đặt ra kiểu mẫu cho các thiên thần của bất kỳ hệ nào

256. It would seem that such avatars serve the deva Hierarchy to which they come. It is as if they make possible self-consciousness in the deva Hierarchy to which they go. The members of the Fourth Creative Hierarchy are already possessed of self-consciousness and because of this they can interact with the atom of deva substance in such a way that atom (whether sooner or later) is able to achieve self-consciousness.

256. Có vẻ như những Đấng Hoá Thân như thế phụng sự Huyền Giai thiên thần mà các Ngài đến. Dường như các Ngài làm cho ngã thức trở nên khả hữu trong Huyền Giai thiên thần mà các Ngài đi đến. Các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư vốn đã sở hữu ngã thức, và vì điều này họ có thể tương tác với nguyên tử của chất liệu thiên thần theo cách mà nguyên tử ấy (dù sớm hay muộn) có thể đạt được ngã thức.

257. Perhaps these members of the Fourth Creative Hierarchy are *inter-planetary* in that they are transferred to other schemes to assist in this process.

257. Có lẽ các thành viên này của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là *liên-hành-tinh* ở chỗ họ được chuyển sang các hệ khác để trợ giúp trong tiến trình này.

Once in the history of each scheme, an avatar from the constellation Capricorn appears on mental levels.

Một lần trong lịch sử của mỗi hệ, một Đấng Hoá Thân từ chòm Ma Kết xuất hiện trên các cấp độ trí tuệ.

258. Now we are speaking of a *third* type of inter-planetary avatar.

259. It may be that *each* planetary scheme has its own inter-planetary avatar from Capricorn. This would necessarily be the case if the Planetary Logoi of certain planets go through similar stages of development simultaneously as, for instance, Mars and the Earth appear to be doing—both of them in their fourth chain, fourth round. The *same* avatar from Capricorn could not handle *both* assignments.

260. Each Planetary Logos has His own "Judgment Day" and, so it appears, each Planetary Logos is assigned a particular avatar from the constellation Capricorn.

261. Let us check closely to see whether this avatar in the Avatar of Synthesis or distinct.

This level is the lowest one on which these interplanetary deities appear.

262. We notice that we have been descending through the planes. We began with avatars which could only be registered on the logoic and monadic planes.

263. Next we deals with a type of avatar which could descend to the atmic and buddhic planes.

264. Now we are speaking of an avatar which can appear on mental levels.

258. Giờ đây chúng ta đang nói đến một loại Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh *thứ ba*.

259. Có thể là *mỗi* hệ hành tinh đều có Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh riêng của mình từ Ma Kết. Điều này tất yếu phải như vậy nếu Hành Tinh Thượng Đế của một số hành tinh trải qua các giai đoạn phát triển tương tự đồng thời, như chẳng hạn Sao Hỏa và Trái Đất dường như đang làm—cả hai đều ở dãy thứ tư, cuộc tuần hoàn thứ tư. Cùng *một* Đấng Hoá Thân từ Ma Kết không thể đảm đương *cả hai* nhiệm vụ.

260. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế đều có "Ngày Phán Xét" riêng của Ngài và, dường như, mỗi Hành Tinh Thượng Đế được chỉ định một Đấng Hoá Thân đặc biệt từ chòm Ma Kết.

261. Chúng ta hãy kiểm tra kỹ xem liệu Đấng Hoá Thân này có phải là Đấng Hoá Thân Tổng Hợp hay là một vị riêng biệt.

Đây là cấp độ thấp nhất mà trên đó các thần linh liên-hành-tinh này xuất hiện.

262. Chúng ta nhận thấy rằng chúng ta đã đi xuống qua các cõi. Chúng ta bắt đầu với các Đấng Hoá Thân chỉ có thể được ghi nhận trên các cõi logoic và chân thần.

263. Tiếp theo chúng ta bàn đến một loại Đấng Hoá Thân có thể giáng xuống các cõi atma và Bồ đề.

264. Giờ đây chúng ta đang nói đến một Đấng Hoá Thân có thể xuất hiện trên các cấp độ trí tuệ.

Không thể truyền đạt thêm gì về vấn đề này. "Bí nhiệm của con dê" được ẩn giấu ở đây.

No more can be communicated on this matter. "The mystery of the goat" lies hidden here.

265. There are a number of ways in which “the mystery of the goat” can be approached. This mystery is related to the ‘Secret of the Soul’, via Capricorn.

Capricorn—Guards the secret of the soul itself and this it reveals to the initiate at the time of the third initiation. This is sometimes called the "secret of the hidden glory." (EA 165)

This avatar makes His appearance in the third round of the third chain, and disappears in the fifth round of the fourth chain.

266. We gather, then, that this avatar is still with us.

267. Individualization on the Moon-chain took place in the third round:

On the moon chain individualisation took place during the fifth race of the third round, (TCF 459)

268. We certainly have not reached the fifth round of the fourth chain. We presently work, therefore, very much under the influence of this avatar.

269. When thinking about the possible identity of the Avatar of Synthesis with this interplanetary avatar, their identity is unlikely, because the Avatar of Synthesis has only recently (1945) linked up with our Planetary Logos:

265. Có nhiều cách để tiếp cận “bí nhiệm của con dê”. Bí nhiệm này liên hệ với ‘Bí Mật của Linh Hồn’, qua Ma Kết.

Ma Kết—Giữ gìn bí mật của chính linh hồn và mặc khải điều này cho điểm đạo đồ vào lúc lần điểm đạo thứ ba. Điều này đôi khi được gọi là “bí mật của vinh quang ẩn tàng.” (EA 165)

Đấng Hoá Thân này xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ ba của dãy thứ ba, và biến mất trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư.

266. Như vậy, chúng ta suy ra rằng Đấng Hoá Thân này vẫn còn ở với chúng ta.

267. Sự biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng đã diễn ra trong cuộc tuần hoàn thứ ba:

Trên Dãy Mặt Trăng, sự biệt ngã hóa đã diễn ra trong nhân loại thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ ba, (TCF 459)

268. Chắc chắn chúng ta chưa đạt đến cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư. Vì vậy, hiện nay chúng ta vẫn đang hoạt động rất nhiều dưới ảnh hưởng của Đấng Hoá Thân này.

269. Khi suy nghĩ về khả năng đồng nhất giữa Đấng Hoá Thân Tổng Hợp với Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này, sự đồng nhất ấy khó có khả năng xảy ra, bởi vì Đấng Hoá Thân Tổng Hợp chỉ mới gần đây (1945) liên kết với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta:

These interplanetary avatars come in, as the products of **much earlier kalpas** when systemic conditions are refined enough to permit of Their appearance.

Các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này xuất hiện như là sản phẩm của **những kalpa sớm hơn rất nhiều** khi các điều kiện hệ thống đã đủ tinh luyện để cho phép sự xuất hiện của Các Ngài.

270. We are leaning something about their high stage of development.

270. Chúng ta đang học được điều gì đó về giai đoạn phát triển cao của các Ngài.

271. We cannot know whether *maha*-kalpas or shorter cycles are meant.

271. Chúng ta không thể biết liệu *maha*-kalpa hay các chu kỳ ngắn hơn được hàm ý.

They are the nirmanakayas of **an earlier solar cycle** Who now again take the opportunity to effect (in an active sense and through physical manifestation) certain uncompleted work.

Các Ngài là các nirmanakaya của **một chu kỳ mặt trời sớm hơn**, nay lại nắm lấy cơ hội để thực hiện (theo nghĩa chủ động và thông qua biểu hiện hồng trần) một số công việc chưa hoàn tất.

272. Nirmanakayas are linking agencies as are these particular Beings.

272. Các nirmanakaya là những tác nhân liên kết, cũng như các Đấng này.

273. When DK speaks of an earlier *solar cycle*, He means a kalpa, of course, but does He mean a "*maha*kalpa"? This remains to be seen.

273. Khi Chân sư DK nói về một *chu kỳ mặt trời* sớm hơn, dĩ nhiên Ngài muốn nói đến một kalpa, nhưng Ngài có muốn nói đến một "*maha*kalpa" không? Điều này còn phải chờ xem.

274. The previous solar system, for instance, was "an earlier solar cycle", but of course there are lesser solar cycles as well.

274. Chẳng hạn, hệ mặt trời trước là "một chu kỳ mặt trời sớm hơn", nhưng dĩ nhiên cũng có những chu kỳ mặt trời nhỏ hơn nữa.

275. If Solar Angels can come in from a previous mahamanvantara it does not seem to stretch the imagination too far to think that inter-planetary avatars can also do the same.

275. Nếu các Thái dương Thiên Thần có thể đến từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước, thì dường như cũng không quá sức tưởng tượng khi nghĩ rằng các Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh cũng có thể làm như vậy.

4. ***Planetary Avatars.*** These emanate from the central [Page 728] planetary Logos of a scheme and embody His will and purpose. They are of two different kinds.

4. ***Các Đấng Hoá Thân Hành Tinh.*** Những vị này xuất lộ từ Hành Tinh Thượng Đế [Page 728] trung tâm của một hệ và thể hiện ý chí

và mục đích của Ngài. Các Ngài có hai loại khác nhau.

276. We do not yet know from what aspect of a Planetary Logos these planetary avatars emanate.

276. Chúng ta chưa biết các Đấng Hoá Thân hành tinh này xuất lộ từ phương diện nào của một Hành Tinh Thượng Đế.

277. Let us note the word "central Planetary Logos of a scheme". The implication is that there may be *other* Planetary Logoi in a scheme Who are more peripheral. Such would be, in a sense, Chain-Lords, for instance.

277. Hãy lưu ý từ "Hành Tinh Thượng Đế trung tâm của một hệ". Hàm ý là có thể có những Hành Tinh Thượng Đế *khác* trong một hệ ở ngoại vi hơn. Theo một nghĩa nào đó, chẳng hạn, đó có thể là các Chúa Tể Dãy.

The first type is a manifestation on etheric physical levels of the planetary Logos Himself for a specific length of time.

Loại thứ nhất là một biểu hiện trên các cấp độ hồng trần dĩ thái của chính Hành Tinh Thượng Đế trong một khoảng thời gian xác định.

278. We begin to speak of Sanat Kumara as a planetary avatar.

278. Chúng ta bắt đầu nói về Đức Sanat Kumara như một Đấng Hoá Thân hành tinh.

279. We note that Sanat Kumara is in manifestation not only on the cosmic ethers but on the "etheric-physical levels", *systemically* considered.

279. Chúng ta lưu ý rằng Đức Sanat Kumara đang biểu hiện không chỉ trên các dĩ thái vũ trụ mà còn trên các "cấp độ hồng trần-dĩ thái", xét theo *hệ thống*.

280. This means that in some manner, Sanat Kumara has descended to a point very close to humanity.

280. Điều này có nghĩa là theo một cách nào đó, Đức Sanat Kumara đã giáng xuống đến một điểm rất gần với nhân loại.

281. We know much about the arrival of Sanat Kumara on our planet and have the sense that He will depart following the "Judgment Day". Perhaps the following gives an important hint:

281. Chúng ta biết nhiều về sự quang lâm của Đức Sanat Kumara trên hành tinh chúng ta và có cảm nhận rằng Ngài sẽ ra đi sau "Ngày Phán Xét". Có lẽ điều sau đây đưa ra một gợi ý quan trọng:

The Logos of our scheme, Sanat Kumara, will take a major initiation in the middle of the fifth round, but is preparing for a minor one at this time. (TCF 374)

Thượng đế của hệ chúng ta, Đức Sanat Kumara, sẽ trải qua một điểm đạo lớn vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, nhưng hiện nay đang chuẩn bị cho một điểm đạo nhỏ. (TCF 374)

It involves the definite taking of a physical body by one of the Kumaras.

Điều này bao hàm việc một trong các Kumara nhất định đảm nhận một thể xác.

282. We are probably speaking of the etheric aspect of a systemic physical body.

282. Có lẽ chúng ta đang nói đến phương diện dĩ thái của một thể hồng trần hệ thống.

283. We judge, then, that Sanat Kumara is that one of the four Kumaras Who, in particular, has taken a physical body. The physical body of a Planetary Logos includes the lower eighteen subplanes.

283. Như vậy, chúng ta kết luận rằng Đức Sanat Kumara là vị trong bốn Kumara, đặc biệt, đã đảm nhận một thể xác. Thể xác của một Hành Tinh Thượng Đế bao gồm mười tám cõi phụ thấp hơn.

284. Later in the text, it seems that the Buddhas of Activity have also taken physical bodies.

284. Về sau trong bản văn, dường như các Đức Phật Hoạt Động cũng đã đảm nhận các thể xác.

Such an avatar is to be seen in Sanat Kumara, Who, **with the three other Kumaras**, embodies the four planetary quaternic principles.

Một Đấng Hoá Thân như thế được thấy nơi Đức Sanat Kumara, Đấng, **cùng với ba Kumara khác**, thể hiện bốn nguyên khí tứ phân của hành tinh.

285. By "quaternic principles" we may be speaking of the principles of the lower quaternary, the personality of the Planetary Logos.

285. Bởi "các nguyên khí tứ phân", có lẽ chúng ta đang nói đến các nguyên khí của hạ tam phân?

The first or will energy is, as you know, focussed in Sanat Kumara, the Ancient of Days (as He is called in the Christian Bible), the Lord of Shamballa, Who is the embodiment of the Personality of the planetary Logos. (EXH 86)

Như bạn đã biết, năng lượng thứ nhất hay năng lượng ý chí được tập trung nơi Đức Sanat Kumara, Đấng Thái Cổ (như Ngài được gọi trong Kinh Thánh Cơ Đốc), Chúa Tể của Shamballa, Đấng là hiện thân của Phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế. (EXH 86)

As I have earlier said, Sanat Kumara is to the Planetary Logos what the personality, plus soul, is to the disciple. (R&I 205)

Như tôi đã nói trước đây, Đức Sanat Kumara đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng như phàm ngã, cộng với linh hồn, đối với đệ tử. (R&I 205)

They are in direct rapport with the Planetary Logos upon His own high plane, the cosmic mental plane; this great and Unknown Being uses Sanat Kumara as the soul uses a

Các Ngài ở trong sự giao cảm trực tiếp với Hành Tinh Thượng Đế trên cõi cao riêng của Ngài, cõi trí vũ trụ; Đấng vĩ đại và vô danh này sử dụng Đức Sanat Kumara như linh hồn

temporary personality when that personality is at an advanced stage of initiate consciousness. (R&I 206)

sử dụng một phàm ngã tạm thời khi phàm ngã ấy ở vào một giai đoạn cao của tâm thức điểm đạo đồ. (R&I 206)

286. And yet…

286. Tuy nhiên…

Ask me not how this can be; ponder on the relation of this dual and simultaneous appearance by attempting to grasp the nature of the manifested form of the planetary Logos in the Person of Sanat Kumara. **Sanat Kumara is not the personality of the planetary Logos, for personality as you understand it is not existent in His case.** It is not the soul of the planetary Logos, because that soul is the anima mundi and the soul of all forms in all kingdoms. Sanat Kumara, the Eternal Youth, can be seen by Those Who have the right, presiding, for instance, over the Council in Shamballa, yet at the same time He is present as the life and the informing intelligence upon and within our planet. (EXH 676)

Đừng hỏi tôi làm sao điều này có thể như vậy; hãy suy ngẫm về mối liên hệ của sự xuất hiện nhị nguyên và đồng thời này bằng cách cố gắng nắm bắt bản chất của hình tướng biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế trong Con Người của Đức Sanat Kumara. **Đức Sanat Kumara không phải là phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế, vì phàm ngã như bạn hiểu không hiện hữu trong trường hợp của Ngài.** Ngài cũng không phải là linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế, bởi vì linh hồn ấy là anima mundi và là linh hồn của mọi hình tướng trong mọi giới. Đức Sanat Kumara, Đấng Thanh Xuân Vĩnh Cửu, có thể được nhìn thấy bởi Những Đấng có quyền năng thích hợp, chẳng hạn đang chủ tọa Hội Đồng tại Shamballa, nhưng đồng thời Ngài hiện diện như sự sống và trí tuệ thấm nhuần trên và trong hành tinh chúng ta.(EXH 676)

In a very real sense, Sanat Kumara is **the incarnation of the Lord of the Ray Himself**; He is the Silent Watcher, the great Sacrifice for humanity. [42: S. D., I, 494; II, 112, 149, 333.]

Theo một ý nghĩa rất thực, Đức Sanat Kumara là **sự nhập thể của chính Chúa Tể của Cung**; Ngài là Đấng Quan Sát Thầm Lặng, là Đại Hi Sinh vì nhân loại. [42: S. D., I, 494; II, 112, 149, 333.]

287. We can judge the Lord of the Ray to be the Planetary Logos, Himself.

287. Chúng ta có thể xem Chúa Tể của Cung là chính Hành Tinh Thượng Đế.

288. This section is telling us that Sanat Kumara is really the incarnation of the Planetary Logos as that Logos descends into His etheric-physical body.

288. Phần này cho chúng ta biết rằng Đức Sanat Kumara thực sự là sự nhập thể của Hành Tinh Thượng Đế khi Thượng đế ấy giáng xuống vào thể hồng trần dĩ thái của Ngài.

289. This is a very important description of the true nature of Sanat Kumara though

289. Đây là một mô tả rất quan trọng về bản chất đích thực của Đức Sanat Kumara, dù

there are many other definitions of Him which do not seem to support each other.

còn có nhiều định nghĩa khác về Ngài dường như không hỗ trợ lẫn nhau.

290. The Planetary Logos has three major rays—the third, second and first. Along what ray does Sanat Kumara descend?

290. Hành Tinh Thượng Đế có ba cung lớn—cung ba, cung hai và cung một. Đức Sanat Kumara giáng xuống theo cung nào?

As noted in the above paragraph, there are secondly three Entities Who embody planetary principles.

Như đã lưu ý trong đoạn trên, thứ hai có ba Thực Thể thể hiện các nguyên khí hành tinh.

291. These principles, it would seem relate to the lower quaternary of the Planetary Logos.

291. Dường như các nguyên khí này liên hệ với hạ tứ phân của Hành Tinh Thượng Đế.

292. We seem to be speaking of the three Buddhas of Activity.

292. Dường như chúng ta đang nói đến ba Đức Phật Hoạt Động.

293. May we say that the Esoteric Kumaras relate to the three *higher* principles?

293. Chúng ta có thể nói rằng các Kumara Nội Môn liên hệ với ba nguyên khí *cao hơn* không?

294. We might do this, except it seems that the various Kumaras surrounding Sanat Kumara rotate. A Kumara who is, for instance, a Buddha of Activity can become an Esoteric Kumara and vice-versa.

294. Chúng ta có thể làm như vậy, ngoại trừ dường như các Kumara khác nhau bao quanh Đức Sanat Kumara có sự luân chuyển. Chẳng hạn, một Kumara là một Đức Phật Hoạt Động có thể trở thành một Kumara Nội Môn và ngược lại.

They are (speaking from the present standpoint) the dynamic energy which holds together the three lower kingdoms, viewing these kingdoms as units and not as differentiations.

Các Ngài là (nói theo quan điểm hiện tại) năng lượng năng động giữ cho ba giới thấp kết hợp với nhau, khi nhìn các giới này như những đơn vị chứ không phải như những sự biến phân.

295. DK seems to be speaking of the Buddhas of Activity Who are the three Kumaras surrounding Sanat Kumara.

295. Chân sư DK dường như đang nói đến các Đức Phật Hoạt Động, là ba Kumara bao quanh Đức Sanat Kumara.

296. He is relating the Buddhas of Activity to the three lower kingdoms of nature and

296. Ngài đang liên hệ các Đức Phật Hoạt Động với ba giới thấp của thiên nhiên và Đức

Sanat Kumara, apparently, more to humanity.

Sanat Kumara, dường như, liên hệ nhiều hơn với nhân loại.

297. If we are speaking only "from the present standpoint", the relationship of the Buddhas of Activity to the three lower kingdoms can and will change.

297. Nếu chúng ta chỉ nói "theo quan điểm hiện tại", thì mối liên hệ của các Đức Phật Hoạt Động với ba giới thấp có thể và sẽ thay đổi.

298. What does it mean to view a kingdom as a "unit"? Perhaps as an integral part of the lower quaternary of the Planetary Logos and not in itself.

298. Nhìn một giới như một "đơn vị" có nghĩa là gì? Có lẽ là như một phần toàn vẹn của hạ tứ phân của Hành Tinh Thượng Đế chứ không phải tự nó.

They are closely connected with the energy aspect of the three earlier chains,

Các Ngài có liên hệ mật thiết với phương diện năng lượng của ba dãy trước,

299. DK is telling us of the connections of the Buddhas of Activity to earlier chains in our planetary scheme.

299. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về các mối liên hệ của các Đức Phật Hoạt Động với các dãy trước trong hệ hành tinh của chúng ta.

300. Sanat Kumara, the "Fourth Kumara" is connected to the fourth chain.

300. Đức Sanat Kumara, "Kumara thứ Tư", có liên hệ với dãy thứ tư.

301. The Three Buddhas of Activity, however, are presently focussed within our chain, the fourth.

301. Tuy nhiên, ba Đức Phật Hoạt Động hiện đang tập trung trong dãy của chúng ta, dãy thứ tư.

and it only **needed the work of an interplanetary avatar** (at the **formation of the triangle** which resulted in the individualisation period in Lemurian days)

và chỉ **cần đến công việc của một Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh** (vào lúc **hình thành tam giác** dẫn đến thời kỳ biệt ngã hóa trong những ngày Lemuria)

302. Of this inter-planetary avatar, the text has already spoken. It appears to be an avatar associated with Capricorn, but, then, that inter-planetary avatar appeared in the third round of the third chain and not in Lemurian times. He was certainly *present*, however, at that time of individualization and can be understood to have been involved in the individualization process.

302. Về Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh này, bản văn đã nói đến rồi. Có vẻ đây là một Đấng Hoá Thân liên hệ với Capricorn, nhưng rồi, Đấng Hoá Thân liên-hành-tinh ấy đã xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ ba của dãy thứ ba chứ không phải vào thời Lemuria. Chắc chắn Ngài đã *hiện diện*, tuy nhiên, vào thời kỳ biệt ngã hóa ấy và có thể được hiểu là đã tham dự vào tiến trình biệt ngã hóa.

303. Several triangles associated with individualization on our planet have been discussed. One such triangle relating to the descent of the Fifth Principle related Sirius, two stars of the Pleiades and a minor constellation.

303. Một số tam giác liên hệ với sự biệt ngã hóa trên hành tinh chúng ta đã được bàn đến. Một tam giác như thế liên hệ với sự giáng hạ của Nguyên Khí thứ Năm đã nối Sirius, hai ngôi sao của Pleiades và một chòm sao nhỏ.

to enable Them to take etheric bodies and incarnate among men.

để cho phép Các Ngài nhận lấy các thể dĩ thái và nhập thể giữa những người nam và nữ.

304. It appears we are still speaking of the Buddhas of Activity and it is inferred that through etheric bodies, They have incarnated among men, just as has Sanat Kumara.

304. Có vẻ như chúng ta vẫn đang nói về các Đức Phật Hoạt Động và suy ra rằng qua các thể dĩ thái, Các Ngài đã nhập thể giữa những người nam và nữ, cũng như Đức Sanat Kumara đã làm.

305. It is sometimes questioned whether the etheric bodies taken are composed of systemic ether as well as of cosmic ether.

305. Đôi khi có câu hỏi rằng liệu các thể dĩ thái được nhận lấy có được cấu thành từ dĩ thái hệ thống cũng như từ dĩ thái vũ trụ hay không.

They act as focal points for the energy of the planetary Logos on His own plane.

Các Ngài hoạt động như những điểm hội tụ cho năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài.

306. These Kumaras are emanation of the Planetary Logos on His own plane. Sanat Kumara, too, is such an emanation. Therefore, He *is* the Planetary Logos and yet He is not the Planetary Logos "on His own plane". He is the Planetary Logos *in emanation,* and is so more than are the Buddhas of Activity.

306. Các Kumara này là phát xạ của Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài. Đức Sanat Kumara cũng là một phát xạ như vậy. Do đó, Ngài *là* Hành Tinh Thượng Đế mà đồng thời Ngài lại không phải là Hành Tinh Thượng Đế "trên cõi riêng của Ngài". Ngài là Hành Tinh Thượng Đế *trong sự phát xạ,* và điều này nơi Ngài còn hơn cả nơi các Đức Phật Hoạt Động.

The first Kumara is in a mysterious sense the energy which produces self-consciousness in the human family.

Kumara thứ nhất, theo một ý nghĩa huyền nhiệm, là năng lượng tạo ra ngã thức trong gia đình nhân loại.

307. In this instance, Sanat Kumara is called the "first Kumara". Sometimes He is called the "fourth Kumara".

307. Trong trường hợp này, Đức Sanat Kumara được gọi là "Kumara thứ nhất". Đôi khi Ngài được gọi là "Kumara thứ tư".

308. The function of Sanat Kumara is closely allied to that of the Solar Angels—producing self-consciousness in the human family.

308. Chức năng của Đức Sanat Kumara liên hệ rất mật thiết với chức năng của các Thái dương Thiên Thần—tạo ra ngã thức trong gia đình nhân loại.

309. We must gather that Sanat Kumara was necessarily involved in the individualization process upon our planet.

309. Chúng ta phải kết luận rằng Đức Sanat Kumara tất yếu đã tham dự vào tiến trình biệt ngã hóa trên hành tinh chúng ta.

The three other kumaras, or the three Buddhas of Activity, act as similar focal points for the energy which animates the three lower kingdoms, and which produces their differing grades of consciousness.

Ba kumara khác, hay ba Đức Phật Hoạt Động, hoạt động như những điểm hội tụ tương tự cho năng lượng làm sinh động ba giới thấp, và tạo ra các cấp độ tâm thức khác nhau của chúng.

310. The subject is presented with great clarity. Sanat Kumara relates mostly to human consciousness and the other three Buddhas of Activity to the respective consciousnesses of the three lower kingdoms.

310. Chủ đề này được trình bày rất rõ ràng. Đức Sanat Kumara liên hệ chủ yếu với tâm thức nhân loại, còn ba Đức Phật Hoạt Động kia thì liên hệ với các tâm thức tương ứng của ba giới thấp.

It is not possible to express this great mystery more clearly but if the student couples these few hints with those earlier given in the *Secret Doctrine,* the mystery of the "Holy Four" may be somewhat clarified from the standpoint of energy and evolution.

Không thể diễn tả huyền nhiệm lớn lao này rõ hơn nữa, nhưng nếu đạo sinh kết hợp vài gợi ý này với những điều đã được nêu trước đó trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* thì huyền nhiệm của "Bốn Đấng Thiêng Liêng" có thể phần nào được làm sáng tỏ từ quan điểm năng lượng và tiến hoá.

311. We wonder if the "Four Gates to Shamballa" can be related to these "Holy Four".

311. Chúng ta tự hỏi liệu "Bốn Cổng vào Shamballa" có thể liên hệ với "Bốn Đấng Thiêng Liêng" này hay không.

312. The true home of these "Holy Four" is upon the highest of the cosmic ethers, but it appears that They have established focal points of expression on the *systemic* ethers as well. This remains to be conclusively established.

312. Quê hương đích thực của "Bốn Đấng Thiêng Liêng" này ở trên cõi cao nhất của các dĩ thái vũ trụ, nhưng có vẻ như Các Ngài cũng đã thiết lập các điểm hội tụ biểu lộ trên các dĩ thái *hệ thống*. Điều này vẫn còn cần được xác lập một cách dứt khoát.

The times and seasons of their appearing vary according [Page 729] to the particular karma of the Lord of the Ray, and nothing in connection with these great cycles, and incarnation periods, can be revealed to the unpledged and the profane.

313. DK assumes that many of the "unpledged" will read this book; also many of those who stand outsider the gate of the Temple—the "profane".

314. Will DK reveal the nature of such cycles to *pledged disciples*? Or does He mean pledged *initiates*?

315. The "Lord of the Ray" is our Planetary Logos. The cyclic activities of Sanat Kumara and of the Three Kumaras are related to the karma of our Planetary Logos.

316. When it came time for the individualization of animal man, such that the human race was created, it must have been a time of karmic significance for our Planetary Logos and thus for Sanat Kumara. In addition at least one of the Buddhas of Activity was particularly involved.

317. About these "times and seasons" we will learn when we are in a position to be trusted, and when the knowledge will be necessary to us, which is now far from the case.

5. ***Human Avatars.*** These are fully dealt with by H.P.B. and there is nothing further to add to her information, for the time is not ripe. [43: S D, III, Section 41; III, 345.]

Thời điểm và mùa kỳ xuất hiện của Các Ngài thay đổi tùy theo [Page 729] nghiệp quả đặc thù của Chúa Tể của Cung, và không điều gì liên quan đến các chu kỳ lớn lao này, và các thời kỳ nhập thể, có thể được tiết lộ cho những người chưa tuyên thệ và kẻ phàm tục.

313. Chân sư DK giả định rằng nhiều người "chưa tuyên thệ" sẽ đọc quyển sách này; và cả nhiều người đứng bên ngoài cổng Đền thờ —những "kẻ phàm tục".

314. Liệu Chân sư DK có tiết lộ bản chất của các chu kỳ như thế cho *các đệ tử đã tuyên thệ* không? Hay Ngài muốn nói đến các *điểm đạo đồ* đã tuyên thệ?

315. "Chúa Tể của Cung" là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Các hoạt động chu kỳ của Đức Sanat Kumara và của Ba Kumara liên hệ với nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

316. Khi đến lúc biệt ngã hóa của người thú, sao cho nhân loại được tạo ra, hẳn đó phải là một thời điểm có ý nghĩa nghiệp quả đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và do đó đối với Đức Sanat Kumara. Ngoài ra, ít nhất một trong các Đức Phật Hoạt Động đã đặc biệt tham dự.

317. Về những "thời điểm và mùa kỳ" này, chúng ta sẽ học biết khi ở vào vị thế có thể được tín nhiệm, và khi tri thức ấy trở nên cần thiết cho chúng ta, điều mà hiện nay còn rất xa.

5. ***Các Đấng Hoá Thân Nhân Loại.*** Những vị này đã được H.P.B. bàn đến đầy đủ, và hiện không có gì thêm để bổ sung vào thông tin của bà, vì thời cơ chưa chín muồi. [43: S D, III, Section 41; III, 345.]

318. In the Reappearance of the Christ some of these avatars are mentioned—Beings like Krishna, the Buddha, Sankaracharya, the Christ. A rather full treatment of the subject is given.

318. Trong Sự Tái Lâm của Đức Christ, một số Đấng Hoá Thân này được nhắc đến—những Đấng như Krishna, Đức Phật, Sankaracharya, Đức Christ. Chủ đề này được trình bày khá đầy đủ.

All the above has its place here, as it concerns the mystery of force and consciousness, and **the fullest manifestation of a planetary Logos and of a solar Logos in a dense physical body is hidden in the appearance of these various avatars and in their effect**.

Tất cả những điều trên đều có chỗ đứng ở đây, vì chúng liên quan đến huyền nhiệm của mãnh lực và tâm thức, và **sự biểu hiện đầy đủ nhất của một Hành Tinh Thượng Đế và của một Thái dương Thượng đế trong một thể xác hồng trần đậm đặc được ẩn giấu trong sự xuất hiện của các Đấng Hoá Thân khác nhau này và trong hiệu quả của các Ngài**.

319. A Planetary Logos or a Solar Logos stream into full manifestation in a dense physical body via a "Ray" called an avatar. To study the Doctrine of the Avatars it is also necessary to study the Doctrine of Emanation.

319. Một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế tuôn vào sự biểu hiện đầy đủ trong một thể xác hồng trần đậm đặc qua một "cung" được gọi là một Đấng Hoá Thân. Để nghiên cứu Giáo lý về các Đấng Hoá Thân, cũng cần nghiên cứu Giáo lý về Sự phát xạ.

320. The idea of altruism runs through this doctrine for the avatar descends for no karmic reason nor to gain anything. He descends only to *give.*

320. Ý tưởng vị tha xuyên suốt giáo lý này, vì Đấng Hoá Thân giáng lâm không vì lý do nghiệp quả cũng không để đạt được điều gì. Ngài giáng lâm chỉ để *ban cho.*

(e.) Individualisation, a form of Initiation. There is but little more that can be said at this time anent individualisation. What has been said here and in the *Secret Doctrine* is but a manner of endeavouring to express profound and significant facts, concerning existence and manifestation, in terms of human thought, and through the limiting medium of language.

(e.) Biệt ngã hóa, một hình thức điểm đạo. Hiện nay chỉ có thể nói thêm rất ít về sự biệt ngã hóa. Điều đã được nói ở đây và trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* chỉ là một cách cố gắng diễn đạt những sự kiện sâu xa và có thâm nghĩa liên quan đến sự tồn tại và biểu hiện, bằng các thuật ngữ của tư tưởng con người và qua phương tiện ngôn ngữ vốn hạn chế.

321. DK seems to be telling us that the what has been said about individualization is only a very limited expression of the truth.

321. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng những gì đã được nói về sự biệt ngã hóa chỉ là một biểu đạt rất hạn chế của chân lý.

322. Yet what little has been given helps us to understand a stupendous moment in planetary history—the moment of the birth of humanity on this chain and globe.

322. Tuy vậy, chút ít đã được ban ra giúp chúng ta hiểu một khoảnh khắc vĩ đại trong lịch sử hành tinh—khoảnh khắc khai sinh nhân loại trên dãy và bầu hành tinh này.

From the most esoteric standpoint "Man is a deva;" he is Spirit and deva substance, united through the work of conscious deva energy. He unites within himself the three aspects of the Deity.

Từ quan điểm huyền bí nhất, "Con người là một thiên thần;" y là Tinh thần và chất liệu thiên thần, hợp nhất qua công việc của năng lượng thiên thần có ý thức. Y hợp nhất trong chính mình ba phương diện của Thượng đế.

323. In a certain respect, there are only Spirit and Deva. "Deva" is all through which Spirit expresses itself. "Deva" is objectivity.

323. Theo một phương diện nào đó, chỉ có Tinh thần và Thiên thần. "Thiên thần" là tất cả những gì qua đó Tinh thần biểu lộ chính mình. "Thiên thần" là tính khách quan.

324. This statement is another way of saying that 'man is a shining god'.

324. Phát biểu này là một cách khác để nói rằng 'con người là một vị thần rạng sáng'.

325. Man, like deva, is 'identity-in-energy'.

325. Con người, cũng như thiên thần, là 'bản sắc-trong-năng lượng'.

326. If the home of man's Monad is in the Sun, then, from a certain perspective, man can be considered a kind of Solar Angel.

326. Nếu quê hương của Chân thần con người ở trong Mặt Trời, thì từ một góc nhìn nào đó, con người có thể được xem là một loại Thái dương Thiên Thần.

He is, while in objectivity:

Y là, khi ở trong tính khách quan:

1. The Self, the Not-Self, and the intelligent link in a very vital sense.

1. Bản Ngã, Phi-Ngã, và mối liên kết thông tuệ theo một ý nghĩa rất sinh động.

327. This is man's fundamental triplicity.

327. Đây là bộ ba căn bản của con người.

328. He is the Thinker, the thought and the thinking.

328. Y là Kẻ Tư Tưởng, tư tưởng và sự tư tưởng.

329. He is the Seer, the seen and the seeing, etc.

329. Y là Nhà Thông Nhãn, cái được thấy và sự thấy, v.v.

2. He is Shiva, Vishnu, and Brahma, in synthetic manifestation.

2. Y là Shiva, Vishnu, và Brahma, trong biểu hiện tổng hợp.

330. The three can never be separated. Each is within the other.

330. Ba điều này không bao giờ có thể tách rời. Mỗi điều đều ở trong điều kia.

331. Of course the same must be said of every deva as well.

331. Dĩ nhiên điều tương tự cũng phải được nói về mọi thiên thần.

3. He is the medium whereby the Will of God, the Love of God, and the Mind of God become intelligible and apparent.

3. Y là trung gian nhờ đó Ý Chí của Thượng Đế, Tình thương của Thượng đế, và Trí của Thượng đế trở nên khả tri và hiển lộ.

332. Thus it shall be when man is complete.

332. Con người sẽ như thế khi y hoàn tất.

4. He is positive electrical force, plus negative electrical force, **plus the equilibrising medium**.

4. Y là mãnh lực điện dương, cộng với mãnh lực điện âm, **cộng với môi trường quân bình hóa**.

333. If we are speaking of force in all three cases, then this “equilibrising medium” is “equilibrising electricity”.

333. Nếu trong cả ba trường hợp chúng ta đang nói về mãnh lực, thì “môi trường quân bình hóa” này là “điện lực quân bình hóa”.

5. He is the Flame, the Fire, and the Spark in essential manifestation.

5. Y là Ngọn Lửa, Lửa, và Tia Lửa trong biểu hiện cốt yếu.

334. Of these three, it would seem that Flame is the most essential. The undetached Spark hangs from the Flame by the finest thread of Fohat. Fire represents the lower energies through which the Spark expresses.

334. Trong ba điều này, có vẻ như Ngọn Lửa là cốt yếu nhất. Tia Lửa chưa tách rời treo từ Ngọn Lửa bằng sợi dây Fohat mảnh nhất. Lửa tượng trưng cho các năng lượng thấp hơn qua đó Tia Lửa biểu lộ.

6. He is electric fire, solar fire and fire by friction.

6. Y là Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát.

335. This is the theme of the entire book *A Treatise on Cosmic Fire*

[Page 730]

But the point which it is necessary here to emphasise, is that man does not, in space and time and in the three worlds, demonstrate all these aspects simultaneously, **but only simultaneously towards the close of the process of evolution**.

336. The sequentiality of man's demonstration of his three aspects is emphasized.

337. When man reaches the point of relative synthesis, he expresses the three major aspects of divinity *simultaneously*. At that point he is simultaneously and self-consciously Monad, soul and personality.

338. Synthesis always appears at the closing phase of any evolutionary process. We see this in the activation of the synthesis petals of the egoic lotus only once the process of initiation has begun.

As in the Macrocosm, Brahma manifests activity first, then the second or middle aspect and finally the first or purposeful will makes itself seen, so with the microcosm.

339. The sequence of unfoldment is ever from the three to the two to the one; this sequence applies to man, the Planetary Logos, the Solar Logos and Cosmic Logoi and Super-Cosmic Logoi, etc.

335. Đây là chủ đề của toàn bộ quyển sách *Luận về Lửa Vũ Trụ*

[Page 730]

Nhưng điểm cần được nhấn mạnh ở đây là con người không biểu lộ tất cả các phương diện này đồng thời trong không gian và thời gian và trong ba cõi giới, mà chỉ **đồng thời vào gần cuối tiến trình tiến hoá**.

336. Tính tuần tự trong sự biểu lộ ba phương diện của con người được nhấn mạnh.

337. Khi con người đạt đến điểm tổng hợp tương đối, y biểu lộ ba phương diện chính của thiên tính *đồng thời*. Ở điểm đó y đồng thời và một cách tự giác là chân thần, linh hồn và phàm ngã.

338. Sự tổng hợp luôn xuất hiện ở giai đoạn kết thúc của bất kỳ tiến trình tiến hoá nào. Chúng ta thấy điều này trong sự hoạt hóa các cánh hoa tổng hợp của hoa sen chân ngã chỉ khi tiến trình điểm đạo đã bắt đầu.

Cũng như trong Đại thiên địa, Brahma biểu lộ hoạt động trước tiên, rồi đến phương diện thứ hai hay trung gian, và cuối cùng ý chí thứ nhất hay ý chí có mục đích tự làm cho mình được thấy, thì với tiểu thiên địa cũng vậy.

339. Trình tự khai mở luôn luôn là từ ba đến hai đến một; trình tự này áp dụng cho con người, Hành Tinh Thượng Đế, Thái dương Thượng đế và các Thượng đế Vũ trụ cùng các Thượng đế Siêu-vũ-trụ, v.v.

The Brahma aspect, that in which the Not-Self or material aspect is apparent and predominant. This covers the sub-human stages, and the first three cycles of the Personality Life:

a. First cycle.....savage state.

b. Second cycle.....average man.

c. Third cycle.....intellectual successful man.

340. The stages listed here are not the stages of man's full development but only the stages of his personality life.

341. From the perspective of the egoic lotus, this stage covers the unfoldment the brahmic petals—the first five petals.

342. The savage state covers petal one and part of petal two; average man covers the unfoldment of the second and part of the third petal; intellectual successful man covers the unfoldment of the third petal, the fourth and part of the fifth.

343. It is important to not the distinction between these three states of man's expression and that "average man" is not yet "intellectual successful man".

The Vishnu aspect, that in which the love-wisdom aspect gradually predominates and emerges through the medium of the Brahma aspect.

Phương diện Brahma, là phương diện trong đó Phi-Ngã hay phương diện vật chất hiển lộ và chiếm ưu thế. Điều này bao trùm các giai đoạn dưới nhân loại, và ba chu kỳ đầu của đời sống phàm ngã:

a. Chu kỳ thứ nhất.....trạng thái man dã.

b. Chu kỳ thứ hai.....con người trung bình.

c. Chu kỳ thứ ba.....con người trí tuệ thành đạt.

340. Các giai đoạn được liệt kê ở đây không phải là các giai đoạn phát triển trọn vẹn của con người mà chỉ là các giai đoạn của đời sống phàm ngã của y.

341. Từ góc nhìn của hoa sen chân ngã, giai đoạn này bao trùm sự khai mở các cánh hoa Brahma—năm cánh hoa đầu tiên.

342. Trạng thái man dã bao trùm cánh hoa thứ nhất và một phần cánh hoa thứ hai; con người trung bình bao trùm sự khai mở của cánh hoa thứ hai và một phần cánh hoa thứ ba; con người trí tuệ thành đạt bao trùm sự khai mở của cánh hoa thứ ba, cánh hoa thứ tư và một phần cánh hoa thứ năm.

343. Điều quan trọng là phải lưu ý sự phân biệt giữa ba trạng thái biểu lộ này của con người, và rằng "con người trung bình" chưa phải là "con người trí tuệ thành đạt".

Phương diện Vishnu, là phương diện trong đó phương diện bác ái – minh triết dần dần chiếm ưu thế và xuất hiện qua trung gian của phương diện Brahma.

344. Vishnu biểu lộ chính mình qua Brahma.

344. Vishnu expresses itself through Brahma.

It covers the final two stages of the human personality life, and that period of egoic growth which embraces the final two Initiations:

345. This is interesting. The Vishnu stage is *also* related to personality life.

a. First cycle.....The Path of Probation.

346. This is a high stage of personality life but personality life nonetheless.

b. Second cycle.....The Path of Initiation.

347. To tread the Path of Initiation in the early stages still involves personality life, but also the infusing life of the Fifth Creative Hierarchy making a man a probationary member of the Kingdom of Souls.

348. The Vishnu or Love aspect is growing throughout the cycle in which man is a probationary initiate.

(till the third Initiation)

c. Third cycle.....That covering the fourth and

fifth Initiations.

349. The Vishnu aspect comes into full flower. At the third degree man begins his buddhic education in earnest and by the time the fourth initiation is taken, he is focussed on the buddhic plane. From

Nó bao trùm hai giai đoạn cuối của đời sống phàm ngã con người, và giai đoạn tăng trưởng chân ngã bao gồm hai lần điểm đạo cuối cùng:

345. Điều này thật thú vị. Giai đoạn Vishnu *cũng* liên hệ với đời sống phàm ngã.

a. Chu kỳ thứ nhất.....Con Đường Dự Bị.

346. Đây là một giai đoạn cao của đời sống phàm ngã nhưng dù sao vẫn là đời sống phàm ngã.

b. Chu kỳ thứ hai.....Con Đường Điểm Đạo.

347. Bước đi trên Con Đường Điểm Đạo trong các giai đoạn đầu vẫn còn bao hàm đời sống phàm ngã, nhưng cũng có sự sống thấm nhuần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm khiến một người trở thành thành viên dự bị của Thiên Giới của các linh hồn.

348. Phương diện Vishnu hay phương diện Bác ái tăng trưởng suốt chu kỳ trong đó con người là một điểm đạo đồ dự bị.

(cho đến lần điểm đạo thứ ba)

c. Chu kỳ thứ ba.....Chu kỳ bao trùm lần điểm đạo thứ tư và

lần điểm đạo thứ năm.

349. Phương diện Vishnu nở rộ trọn vẹn. Ở cấp thứ ba, con người bắt đầu sự giáo dục Bồ đề của mình một cách nghiêm túc, và đến khi lần điểm đạo thứ tư được tiếp nhận, y được tập trung trên cõi Bồ đề. Từ một góc

another perspective, the fifth initiation is taken on the buddhic plane but is certainly related to the atmic. In any case, a Master is a Master of the Wisdom and buddhi is *wisdom.*

nhìn khác, lần điểm đạo thứ năm được tiếp nhận trên cõi Bồ đề nhưng chắc chắn có liên hệ với atma. Dù sao đi nữa, một Chân sư là một Chân sư của Minh triết và buddhi là *minh triết.*

At the final two initiations, which set a man free from the three worlds and **enable him to function in the logoic body of vitality** and to wield the force which animates that logoic [Page 697] vehicle, the initiate becomes the five-pointed star, and it descends upon him, merges in him, and he is *seen at its very centre.* This descent is brought about through the action of the Initiator, wielding the Rod of Power, and puts a man in touch with the centre in the Body of the planetary Logos of which he is a part; this is consciously effected. The two initiations, called the sixth and seventh, take place on the atmic plane; the five-pointed star "blazes forth from within itself" as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters into the Flame. (TCF 696-697)

Ở hai lần điểm đạo cuối cùng, vốn giải thoát con người khỏi ba cõi giới và **cho phép y hoạt động trong thể sinh lực của Thượng đế** và vận dụng mãnh lực làm sinh động vận cụ [Page 697] ấy của Thượng đế, điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, và nó giáng xuống trên y, hòa nhập vào y, và y *được thấy ngay tại trung tâm của nó.* Sự giáng xuống này được tạo ra nhờ hành động của Đấng Điểm đạo, vận dụng Thần Trượng Điểm đạo, và đặt con người vào tiếp xúc với trung tâm trong Thể của Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó; điều này được thực hiện một cách hữu thức. Hai lần điểm đạo, được gọi là thứ sáu và thứ bảy, diễn ra trên cõi atma; ngôi sao năm cánh "bừng cháy từ bên trong chính nó" như cụm từ thần bí đã nói, và trở thành ngôi sao bảy cánh; nó giáng xuống trên con người và y đi vào trong Ngọn Lửa. (TCF 696-697)

350. From the time there is concentration upon the second part of the fifth petal, the Vishnu aspect is emerging in consciousness.

350. Từ lúc có sự tập trung vào phần thứ hai của cánh hoa thứ năm, phương diện Vishnu đang xuất hiện trong tâm thức.

351. In this respect, we are told the following of the involvement of the Ego/ Solar Angel and the personality:

351. Về phương diện này, chúng ta được cho biết điều sau đây về sự tham dự của Chân ngã/Thái dương Thiên Thần và phàm ngã:

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open. (TCF 543)

Chân ngã không có sự quan tâm tích cực nào đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong dãy thứ hai bắt đầu mở ra. (TCF 543)

352. When the Solar Angel becomes a "downward gazing soul", the Vishnu aspect begins to emerge.

352. Khi Thái dương Thiên Thần trở thành một "linh hồn nhìn xuống", phương diện Vishnu bắt đầu xuất hiện.

This is the temporary consummation, but just as in the animal kingdom, the human mind was latent and instinctive, and just as **in the human kingdom the buddhic aspect is latent and instinctive**,

Đây là sự hoàn tất tạm thời, nhưng cũng như trong giới động vật, trí tuệ con người còn tiềm ẩn và bản năng, và cũng như **trong giới nhân loại phương diện Bồ đề còn tiềm ẩn và bản năng**,

353. This makes sense as the human kingdom is the *fourth* kingdom and the buddhic plane is the *fourth* systemic plane.

353. Điều này hợp lý vì giới nhân loại là giới *thứ tư* và cõi Bồ đề là cõi hệ thống *thứ tư*.

354. During the development of each kingdom, an aspect which is instinctive in that kingdom unfolds and becomes expressive.

354. Trong sự phát triển của mỗi giới, một phương diện vốn có tính bản năng trong giới đó sẽ khai mở và trở nên biểu lộ.

355. The Fourth Creative Hierarchy of Monads is expressive upon the buddhic plane and is intended to express the buddhic principle.

355. Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư của các Chân thần biểu lộ trên cõi Bồ đề và được dự định để biểu lộ nguyên khí Bồ đề.

356. The Solar Angels, themselves embodiments of the buddhic principle, promote the development of this type of expression in man.

356. Các Thái dương Thiên Thần, chính các vị là hiện thân của nguyên khí Bồ đề, thúc đẩy sự phát triển của loại biểu lộ này nơi con người.

so during the final cycle of human endeavour, **the Atma, or highest aspect of the Monad**, is also latent and instinctive. This must produce later stages of development.

thì trong chu kỳ cuối cùng của nỗ lực nhân loại, **Atma, hay phương diện cao nhất của Chân thần**, cũng còn tiềm ẩn và bản năng. Điều này tất phải tạo ra các giai đoạn phát triển về sau.

357. These later stages will be related to the final initiations. If the fifth initiation is still related largely to the buddhic aspect, then the first great initiation of the Monad (the sixth initiation) relates to the unfoldment of atma, and so for the following initiations.

357. Các giai đoạn về sau này sẽ liên hệ với các lần điểm đạo cuối cùng. Nếu lần điểm đạo thứ năm vẫn còn liên hệ phần lớn với phương diện Bồ đề, thì lần điểm đạo lớn đầu tiên của Chân thần (lần điểm đạo thứ sáu) liên hệ với sự khai mở của atma, và các lần điểm đạo tiếp theo cũng vậy.

358. It is interesting to hear the Atma called "the highest aspect of the Monad". Atma is usually associated with the spiritual triad

358. Thật thú vị khi nghe Atma được gọi là "phương diện cao nhất của Chân thần". Atma thường được liên hệ với Tam nguyên

and the factor of "Will" is listed as the highest aspect of the Monad (as that aspect is expressive upon the monadic plane). Yet, from another perspective, Atma and Will are virtually indistinguishable.

tinh thần và yếu tố "Ý chí" được liệt kê là phương diện cao nhất của Chân thần (vì phương diện ấy biểu lộ trên cõi chân thần). Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, Atma và Ý chí hầu như không thể phân biệt.

359. The closer we come to the *Atman* (which is pure Spirit), the more intense the expression of the Atma.

359. Chúng ta càng đến gần *Atman* (là Tinh thần thuần túy), sự biểu lộ của Atma càng mãnh liệt.

360. We could say that the Atma is instinctual in the Spiritual Kingdom just as Vishnu is instinctive in the human kingdom and Brahma/Manas in the animal kingdom.. Vishnu is *expressive* in the Kingdom of Souls or Spiritual Kingdom ; analogously, perhaps the Shiva aspect, the Atma, is expressive in the Kingdom of Planetary Lives.

360. Chúng ta có thể nói rằng Atma có tính bản năng trong giới tinh thần cũng như Vishnu có tính bản năng trong giới nhân loại và Brahma/Manas trong giới động vật. Vishnu *biểu lộ* trong Thiên Giới của các linh hồn hay giới tinh thần; theo phép tương đồng, có lẽ phương diện Shiva, Atma, biểu lộ trong Giới của các Sự Sống Hành tinh.

361. The "final cycle of human endeavour" involves entry into the Kingdom of Planetary Lives.

361. "Chu kỳ cuối cùng của nỗ lực nhân loại" bao hàm việc đi vào Giới của các Sự Sống Hành tinh.

There are **no gaps in evolution**, and no periods wherein there is total absence of any one aspect; all are ever present but they [Page 731] "show forth" in alternation.

Không có **khoảng trống nào trong tiến hoá**, và không có giai đoạn nào hoàn toàn vắng mặt bất kỳ phương diện nào; tất cả đều luôn hiện diện nhưng chúng [Page 731] "biểu lộ" luân phiên nhau.

362. This is an important idea: Brahma, Vishnu and Shiva are ever present but not equally strong in expression, and there is a natural developmental sequence in which Brahma is always the first to unfold and Shiva the last.

362. Đây là một ý tưởng quan trọng: Brahma, Vishnu và Shiva luôn hiện diện nhưng không biểu lộ mạnh ngang nhau, và có một trình tự phát triển tự nhiên trong đó Brahma luôn khai mở trước tiên còn Shiva là sau cùng.

Only when the fires of matter are blazing brightly, and become radiatory, does it become possible for the fire of mind to show forth, even though ever inherently present.

Chỉ khi các lửa của vật chất đang bừng cháy sáng rực, và trở nên phóng xạ, thì lửa của trí tuệ mới có thể biểu lộ, dù nó vốn luôn hiện diện một cách cố hữu.

363. Each aspect which is lower than a succeeding aspect must reach a certain,

363. Mỗi phương diện thấp hơn một phương diện kế tiếp phải đạt đến một điểm phát

foundational point of development before that succeeding aspect can emerge (using the preceding aspect as a vehicle).

triển nền tảng nhất định trước khi phương diện kế tiếp ấy có thể xuất hiện (dùng phương diện đi trước làm vận cụ).

364. While the fires of matter raged, the fires of mind were present though latent and unexpressed.

364. Trong khi các lửa của vật chất bùng cháy, các lửa của trí tuệ vẫn hiện diện nhưng tiềm ẩn và chưa biểu lộ.

Only when these two fires of matter and of mind have reached a stage of energetic heat and light,

Chỉ khi hai lửa này của vật chất và của trí tuệ đã đạt đến một giai đoạn nhiệt và ánh sáng đầy năng động,

365. Heat is related to the fires of matter and light to the fires of mind.

365. Nhiệt liên hệ với các lửa của vật chất và ánh sáng liên hệ với các lửa của trí tuệ.

366. There is a certain specified state of combination of matter and mind which will become invocative of the fires of Spirit.

366. Có một trạng thái kết hợp nhất định của vật chất và trí tuệ sẽ trở nên có tính khẩn cầu đối với các lửa của Tinh thần.

can the electric fire of Spirit show forth in its glory.

thì Lửa Điện của Tinh thần mới có thể biểu lộ trong vinh quang của nó.

367. The foundation must always be prepared. This takes *time.*

367. Nền tảng luôn luôn phải được chuẩn bị. Điều này cần *thời gian.*

Only again when these three are unitedly burning does the fire of matter die down for lack of that which it may consume,

Chỉ khi ba lửa này cùng bừng cháy hợp nhất thì lửa của vật chất mới lắng xuống vì thiếu cái để nó có thể tiêu thụ,

368. Fire by friction loses its fuel. There is little remaining within the lower nature to consume, as a great purification has occurred by the time the two fires of matter and mind are burning *simultaneously* with the electric fire of Spirit.

368. Lửa ma sát mất đi nhiên liệu của nó. Còn rất ít thứ trong bản chất thấp hơn để tiêu thụ, vì một sự thanh lọc lớn đã xảy ra vào lúc hai lửa của vật chất và trí tuệ đang bừng cháy *đồng thời* với Lửa Điện của Tinh thần.

369. Matter is transmuted into mind, heat into light.

369. Vật chất được chuyển hoá thành trí tuệ, nhiệt thành ánh sáng.

370. The man becomes ethereal and prepares to refocus upon the cosmic ethers.

370. Con người trở nên dĩ thái hơn và chuẩn bị để tái tập trung trên các dĩ thái vũ trụ.

and only when that occurs is it possible for the fires of mind (on mental levels) to burn up that which it has hitherto animated.

371. First comes the retraction of the fires of matter (once the Spirit aspect has merged with the fires of mind), and only then can the fires of mind flare to fullest intensity and die out having consumed that which it has previously *animated.* The soul is the *animating* factor sometimes conceived as the *anima.*

372. What we usually call consciousness is transmuted into Spirit.

When this is accomplished, the fire of pure Spirit (increased and intensified by the **gaseous essence of the fire of matter**, or "fire by friction," and coloured, and rendered radiatory by the fire of mind) blazes forth in perfected glory, so that naught is seen save one vibrant flame.

373. Man returns to the state of *flame.* He is, in essence the One Flame.

374. We are given a hint of the role to be played by the "gaseous essence of the fire of matter" in the intensification of Spirit Fire. It is significant to note that fire by friction *has* a "gaseous essence".

375. We have heard of the "Breath of Fire". Perhaps we are reading about a deeply occult application of this breath.

376. Two things happen to Spirit as a result of the consummation of the two supportive fires:

và chỉ khi điều đó xảy ra thì các lửa của trí tuệ (trên các cấp độ trí tuệ) mới có thể thiêu rụi điều mà trước đó nó đã làm sinh động.

371. Trước hết là sự rút lại của các lửa của vật chất (một khi phương diện Tinh thần đã hòa nhập với các lửa của trí tuệ), và chỉ khi ấy các lửa của trí tuệ mới có thể bùng lên đến cường độ trọn vẹn nhất và tắt đi sau khi đã tiêu thụ điều mà trước đây nó đã *làm sinh động.* Linh hồn là yếu tố *làm sinh động* đôi khi được quan niệm như *anima.*

372. Điều mà chúng ta thường gọi là tâm thức được chuyển hoá thành Tinh thần.

Khi điều này được hoàn tất, lửa của Tinh thần thuần túy (được tăng cường và mãnh liệt hóa bởi **tinh chất thể khí của lửa vật chất**, hay "lửa ma sát", và được tô màu, được làm cho có tính phóng xạ bởi lửa của trí tuệ) bừng cháy trong vinh quang hoàn hảo, đến nỗi không còn thấy gì ngoài một ngọn lửa rung động duy nhất.

373. Con người trở về trạng thái của *ngọn lửa.* Về bản chất, y là Ngọn Lửa Duy Nhất.

374. Chúng ta được cho một gợi ý về vai trò mà "tinh chất thể khí của lửa vật chất" sẽ đảm nhiệm trong việc tăng cường Lửa Tinh thần. Điều đáng lưu ý là lửa ma sát *có* một "tinh chất thể khí".

375. Chúng ta đã nghe nói đến "Hơi Thở của Lửa". Có lẽ ở đây chúng ta đang đọc về một ứng dụng huyền bí sâu xa của hơi thở này.

376. Hai điều xảy ra với Tinh thần như là kết quả của sự hoàn tất của hai lửa hỗ trợ:

a. It is intensified by the gaseous essence of the fire of matter

a. Nó được tăng cường bởi tinh chất thể khí của lửa vật chất

b. It is colored and rendered radiatory by the fire of mind. (Both the second ray and first ray can be seen as radiatory in different contexts.)

b. Nó được tô màu và được làm cho có tính phóng xạ bởi lửa của trí tuệ. (Cả cung hai và cung một đều có thể được xem là có tính phóng xạ trong những ngữ cảnh khác nhau.)

377. This "blazing forth in perfected glory" may be a description of the fourth initiation. Is "one vibrant flame" to be seen at the fourth initiation? It would seem characteristic of a later initiation, except that the really dramatic and all-consuming moment comes at the fourth degree.

377. Sự "bừng cháy trong vinh quang hoàn hảo" này có thể là một mô tả về lần điểm đạo thứ tư. Phải chăng "một ngọn lửa rung động duy nhất" được thấy ở lần điểm đạo thứ tư? Điều này dường như đặc trưng cho một lần điểm đạo muộn hơn, ngoại trừ việc khoảnh khắc thật sự kịch tính và tiêu thụ toàn diện lại đến ở cấp thứ tư.

378. The following reference to a flame which issues from the heart within the head center of the man who achieves liberation is complementary to the information here discussed:

378. Dẫn chiếu sau đây đến một ngọn lửa phát ra từ trái tim bên trong trung tâm đầu của con người đạt được giải thoát là phần bổ sung cho thông tin đang được bàn đến ở đây:

Above all, at the top of the head will be seen a fiery display that seems to put all the other centres into insignificance; from the heart of this many-petalled lotus issues a flame of fire with the basic hue of a man's ray. This flame [Page 171] **mounts upward and seems to attract downward a sheet of electric light, which is the downflow from the spirit on the highest plane.** This marks the blending of the fires and the deliverance of man from the trammels of matter. (TCF 170-171)

Trên hết, ở đỉnh đầu sẽ thấy một sự hiển lộ rực lửa dường như khiến mọi trung tâm khác trở nên không đáng kể; từ trái tim của hoa sen nhiều cánh này phát ra một ngọn lửa với sắc thái căn bản của cung của một người. Ngọn lửa này [Page 171] **bốc lên trên và dường như thu hút xuống một tấm màn ánh sáng điện, là dòng tuôn đổ xuống từ tinh thần trên cõi cao nhất.** Điều này đánh dấu sự hòa trộn của các lửa và sự giải thoát con người khỏi những trói buộc của vật chất. (TCF 170-171)

This idea can be extended away from Man to a Heavenly Man, and again to the Logos in His cosmic relationship.

Ý tưởng này có thể được mở rộng từ Con Người đến một Đấng Thiên Nhân, và rồi lại đến Thượng đế trong mối liên hệ vũ trụ của Ngài.

379. For both the Planetary Logos and Solar Logos the blazing forth of Spirit will come.

379. Đối với cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế, sự bừng cháy của

They are a long way from this possibility, though for the Solar Logos, there is a good chance it be consummated by the close of this second ray solar system. Will our Planetary Logos blaze forth in this way in *this* solar system? This is also possible.

Tinh thần sẽ đến. Các Ngài còn cách khả năng này rất xa, dù đối với Thái dương Thượng đế, có nhiều khả năng điều đó sẽ được hoàn tất vào lúc kết thúc hệ mặt trời cung hai này. Liệu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có bừng cháy theo cách này trong *hệ* mặt trời này không? Điều này cũng có thể.

380. We are now given three excellent descriptions of Individualization, Initiation, and Identification.

380. Giờ đây chúng ta được trao cho ba mô tả tuyệt vời về Biệt ngã hóa, Điểm đạo, và Đồng nhất hóa.

Individualisation marks one stage of the process in the intensification of "fire by friction." It has relation to the achievement of Brahma, and marks a point in the energising of substance. Certain forms are ready for self-consciousness. Two cosmic Rays of differing polarities are mutually attracted.

Biệt ngã hóa đánh dấu một giai đoạn của tiến trình trong sự tăng cường của "Lửa ma sát." Nó có liên hệ với thành tựu của Brahma, và đánh dấu một điểm trong sự tiếp sinh lực cho chất liệu. Một số hình tướng đã sẵn sàng cho ngã thức. Hai cung vũ trụ có cực tính khác nhau hút nhau lẫn nhau.

381. These cosmic Rays are the third and the first. The result is the creation of a vehicle especially for the expression of the second ray.

381. Hai cung vũ trụ này là cung ba và cung một. Kết quả là sự tạo ra một vận cụ đặc biệt dành cho sự biểu lộ của cung hai.

382. Fire by friction has intensified to the point that it has become invocative of the first aspect.

382. Lửa ma sát đã tăng cường đến mức trở nên có tính khẩn cầu đối với phương diện thứ nhất.

383. The attraction between the two opposing poles invokes the entry of Beings, Solar Angels, who embody the great second ray of Love-Wisdom and promote the development and expression of this aspect in man.

383. Sự hấp dẫn giữa hai cực đối nghịch khẩn cầu sự đi vào của các Thực Thể, các Thái dương Thiên Thần, là những Đấng hiện thân cho cung hai vĩ đại của Bác Ái – Minh Triết và thúc đẩy sự phát triển cùng biểu lộ của phương diện này trong con người.

Initiation marks a stage in the intensification of "solar Fire."

Điểm đạo đánh dấu một giai đoạn trong sự tăng cường của "Lửa Thái dương."

384. This fire has been growing since the Ego began to gaze downward at the partial opening of the fifth petal.

384. Lửa này đã tăng trưởng kể từ khi chân ngã bắt đầu hướng nhìn xuống vào lúc cánh hoa thứ năm hé mở một phần.

It has relation to the achievement of Vishnu, and marks a point in the evolution of consciousness, through self-consciousness to group consciousness, or universal consciousness.

Nó có liên hệ với thành tựu của Vishnu, và đánh dấu một điểm trong sự tiến hoá của tâm thức, từ ngã thức đến tâm thức nhóm, hay tâm thức phổ quát.

385. Individualization opened the door to *self*-consciousness.

385. Biệt ngã hóa đã mở cánh cửa dẫn vào *ngã* thức.

386. The energy of Vishnu promotes the evolution of self-consciousness until it becomes group consciousness and eventually universal consciousness. The higher initiations (the fourth and fifth) offer a glimmer of universal consciousness.

386. Năng lượng của Vishnu thúc đẩy sự tiến hoá của ngã thức cho đến khi nó trở thành tâm thức nhóm và cuối cùng là tâm thức phổ quát. Các lần điểm đạo cao hơn (lần thứ tư và thứ năm) mang lại một thoáng hé lộ về tâm thức phổ quát.

387. The entire process of initiation occurs under the influence of Vishnu.

387. Toàn bộ tiến trình điểm đạo diễn ra dưới ảnh hưởng của Vishnu.

Identification with the aggregate of all groups might be the term used to express the final stages of the evolutionary process;

Đồng hoá với tổng thể của mọi nhóm có thể là thuật ngữ được dùng để diễn tả các giai đoạn cuối cùng của tiến trình tiến hoá;

388. The final stage occurs under the Law of Synthesis. This stage must also be related to universal consciousness.

388. Giai đoạn cuối cùng diễn ra dưới Định luật Tổng Hợp. Giai đoạn này cũng phải được liên hệ với tâm thức phổ quát.

it marks a period towards the close of the mahamanvantara when all groups begin consciously to work out the eternal Will.

nó đánh dấu một thời kỳ vào gần cuối Đại giai kỳ sinh hóa khi mọi nhóm bắt đầu một cách có ý thức thực hiện Ý Chí vĩnh cửu.

389. We are speaking of Identification as it applies to a Solar Logos.

389. Chúng ta đang nói về sự Đồng hoá với như nó áp dụng cho một Thái dương Thượng đế.

390. At such a time, and for this great second ray Being, the mantram "Naught is but Me" applies.

390. Vào một thời điểm như thế, và đối với Thực Thể cung hai vĩ đại này, mantram "Không gì hiện hữu ngoài Ta" được áp dụng.

It involves a type of realisation, incredible to man now but which is conceivable [Page 732] (though not yet practicable) to the Chohans of the Hierarchy now on Earth.

Nó bao hàm một loại chứng nghiệm, hiện nay con người không thể tin nổi nhưng các Chohan của Thánh đoàn hiện đang ở trên Trái Đất có thể hình dung được [Page 732] (dù chưa thể thực hiện được).

391. It is quite amazing that Chohans can conceive of the state of Identification which will characterize the Solar Logos at the close of this present mahamanvantara. Perhaps They can do this through the perceptual power of the Monad, with which They are identified and which They have 're-become' in full consciousness.

391. Thật hết sức đáng kinh ngạc khi các Chohan có thể hình dung trạng thái Đồng hoá với sẽ đặc trưng cho Thái dương Thượng đế vào lúc kết thúc Đại giai kỳ sinh hóa hiện tại này. Có lẽ Các Ngài có thể làm được điều này nhờ năng lực tri giác của chân thần, với chân thần ấy Các Ngài được đồng hoá với và Các Ngài đã "trở thành lại" trong tâm thức trọn vẹn.

392. Yet, though the state is conceivable, there is nothing they can contribute to it—at the present time.

392. Tuy nhiên, dù trạng thái ấy có thể được hình dung, hiện tại họ không thể đóng góp gì cho nó.

They work consciously carrying out the Will of the planetary Logos in the planet, but even They are as yet far from appreciating fully the Will and purpose of the Logos as He works through the system.

Các Ngài làm việc một cách có ý thức để thực hiện Ý Chí của Hành Tinh Thượng Đế trong hành tinh, nhưng ngay cả Các Ngài cũng vẫn còn rất xa mới có thể thấu hiểu trọn vẹn Ý Chí và mục đích của Thượng đế khi Ngài hoạt động qua hệ thống.

393. Chohans understand what we call the "Divine Will" as it applies to the *Planetary* Logos.

393. Các Chohan hiểu điều mà chúng ta gọi là "Ý Chí thiêng liêng" khi nó áp dụng cho Hành Tinh Thượng Đế.

394. That which is the logoic Will is far beyond Their apprehension—at least in fulness.

394. Điều vốn là Ý Chí logoic thì vượt xa sự lĩnh hội của Các Ngài—ít nhất là trong tính viên mãn.

Glimpses They may get, and an idea of the general plan, but the details are as yet unrecognisable.

Các Ngài có thể thoáng thấy, và có được một ý niệm về kế hoạch tổng quát, nhưng các chi tiết thì hiện vẫn chưa thể nhận biết.

395. DK may well be speaking of His own glimpses. Although apparently not yet a Chohan, it can be imagined that He can apprehend at least something of the direction in which the Solar Logos is tending and the purpose which actuates the solar systemic process.

395. Chân sư DK hẳn đang nói về chính những thoáng thấy của Ngài. Dù dường như chưa phải là một Chohan, vẫn có thể hình dung rằng Ngài ít nhất cũng có thể lĩnh hội được phần nào phương hướng mà Thái dương Thượng đế đang hướng tới và mục đích đang thúc đẩy tiến trình của hệ mặt trời.